

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

WWW.VNTHUQUAN.NET, 2006



Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Về tác giả

Georgi Konstantinovich Zhukov

(1896-1974)

TRONG lịch sử chiến tranh thế giới, hiếm có vị tướng nào chưa bao giờ nếm mùi thất bại, chỉ biết có chiến thắng, hết trận này đến trận khác. Trong rất nhiều tướng lĩnh nổi danh trong Thế chiến thứ hai, G.K. Zhukov được xếp đầu bảng về số lượng trận thắng nhiều và quy mô lớn, chiếm bảng vàng về tài năng chỉ đạo chiến dịch, chiến lược. Những chiến tích sáng chói của ông trở thành tài sản vô giá trong kho tàng di sản văn hoá nhân loại. Nó không những có ảnh hưởng lớn về lý luận quân sự của Liên Xô mà cũng có ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển của lý luận quân sự thế giới.

Georgi Konstantinovich Zhukov (tiếng Nga: Георгий

Константинович Жуков) sinh ngày 1-12-1896 trong một gia đình nghèo tại làng Strenkovka, tỉnh Kluga, con ông Konstantin Zhukov và bà Uxtina Zhukova. Tuổi nhỏ sống rất cực khổ, nhưng học rất giỏi. Năm 12 tuổi, lên Moscow làm thợ học việc trong một cửa hàng đồ da. Năm 1915, ông nhập ngũ, phục vụ trong một đơn vị kỵ binh Sa hoàng, tham gia Thế chiến thứ nhất, và 2 lần được tặng Huân chương Thánh George vì lòng dũng cảm.

Sau Cách mạng tháng Mười Nga, Zhukov gia nhập Hồng quân và trở thành một sĩ quan kỵ binh ưu tú. Ông chỉ huy đơn vị nghiêm minh, quản lý đúng phương pháp, đơn vị ông phụ trách bao giờ cũng là đơn vị tiên tiến, lập nhiều công tích xuất sắc trong thời kỳ nội chiến Nga. Năm 27 tuổi, ông giữ chức trung đoàn trưởng; đến năm 42 tuổi, đã là phó Tư lệnh đại quân khu Bêlorusia.

Tháng 5-1939, quân Nhật khiêu khích vũ trang tại vùng Khangin Khon (Mông Cổ). Zhukov được cử giữ chức vụ Tư lệnh chiến trường. Trong chiến dịch này, Zhukov đã sử dụng lực lượng xe tăng, cơ giới, máy bay và hỏa pháo mạnh để phản kích quân Nhật một cách kiên quyết; mạnh dạn đánh chia cắt và bao vây tập đoàn trang bị nặng của Nhật, gây cho tổn thất nặng nề cho quân Nhật. Qua đó, lần đầu tiên Zhukov thể hiện được tài năng về mặt chỉ huy và hiệp đồng tác chiến, gây sự chú ý của vị thống

soái Stalin. Năm 1940, ông được phong hàm Đại tướng, giữ chức Tư lệnh đại quân khu Kiev. Đến đầu năm 1941, ông giữ chức Tổng tham mưu trưởng Hồng quân Liên Xô. Có thể nói Zhukov đã hội đủ mọi tố chất để trở thành một vị tướng tài ba: Giỏi quan sát và phán đoán địch tình; dự kiến tình huống phát triển một cách chính xác; biết xử trí linh hoạt, ứng phó hữu hiệu với sự thay đổi của tình hình; điều chỉnh bố trí binh lực một cách hợp lý, luôn giáng cho địch những đòn đích đáng. Ông bao giờ cũng chọn đúng điểm đột phá khẩu, biết sử dụng binh đoàn xe tăng, chia cắt và đánh vu hồi, nhanh chóng đập tan tập đoàn địch. Zhukov còn là một nhà chiến thuật tài năng, hiểu rõ tầm quan trọng của yếu tố địa hình và khí hậu. Trước khi nổ ra chiến dịch, bao giờ ông cũng tiến hành đo đạc địa hình, tính toán cân nhắc cẩn thận, so sánh lực lượng giữa hai bên, dựa vào sức mạnh của các quân binh chủng, nhằm bảo đảm về các mặt hàng không, pháo, công trình và thông tin. Ông không bao giờ chấp nhận một cuộc giao tranh không nắm chắc phần thắng. Với nhận xét tình huống, Zhukov đã nhận định rằng chiến tranh Xô-Đức là rất không thể tránh khỏi, nên về mặt xây dựng quân đội, ông đã đề xuất thành lập các đơn vị xe bọc thép độc lập để đáp ứng nhu cầu của chiến tranh. Tuy nhiên ý kiến đúng đắn của ông đã không được giới lãnh đạo Liên Xô coi trọng. Điều này chỉ được chứng thực vào tháng 6-1941, khi chiến tranh Xô-Đức

nổ ra, thực tế chiến trường đã xác minh hầu hết các luận điểm của ông.

Nhận ra được sai lầm của mình, Stalin thận trọng sử dụng Zhukov vào cương vị Phó Tổng tư lệnh Tối cao, sau đó tin cậy giao trách nhiệm cho Zhukov trên những mặt trận nóng bỏng nhất. Đến lúc này, tài năng của Zhukov được bộc lộ qua hàng loạt chiến dịch lớn. Bất cứ chiến trường nào đang gặp nguy hiểm, khi Zhukov đến chỉ huy, tình thế lập tức thay đổi. Báo chí phương Tây gọi ông với biệt danh “Fireman” – “lính cứu hỏa thiện nghệ”, nhân dân Liên Xô gọi ông với cái tên “vị Nguyên soái của Chiến thắng” (Zhukov được phong hàm Nguyên soái Liên Xô năm 1943, và là vị Nguyên soái Liên Xô đầu tiên được phong trong Thế chiến thứ hai). Hàng loạt chiến dịch lớn chấn động địa cầu trên mặt trận phía Đông như Leningrad, Moscow, Stalingrad, Kursk, Berlin... đều có dấu ấn của Zhukov. Hàng loạt danh tướng nước Đức như Von Leeb, Von Bock, Von Paulus, Von Kluge, Von Manstein, Von Keitel ... phải chấp nhận thất bại trước Zhukov. Có thể nói, Zhukov là khắc tinh của quân đội Đức, một đội quân hùng mạnh nhất thế giới thời bấy giờ. Chính Zhukov là thay mặt Hồng quân Liên Xô tiếp nhận sự đầu hàng của nước Đức.

Sau chiến tranh, uy tín của Zhukov được cả thế giới khẳng định. Chính Zhukov là người đại diện cho Stalin duyệt binh mừng

chiến thắng. Tuy nhiên, ông là một vị tướng của chiến trường, không phải là một nhà chính trị. Sau khi Stalin mất, ông được bổ nhiệm là Thứ trưởng Bộ quốc phòng, phụ trách nghiên cứu tác dụng của vũ khí hạt nhân trong chiến tranh hiện đại. Từ 1955-1957, ông giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Sau khi bị thất sủng, ông tập trung viết quyển hồi ký “Nhớ lại và suy nghĩ” (nguyên tác tiếng Nga: "Воспоминания и размышления", tiếng Anh: "*Memories and thoughts*") nổi tiếng. Quyển hồi ký này đã được xuất bản vào năm 1969. Ông qua đời năm 1974, thọ 78 tuổi.

Các danh hiệu của G.K. Zhukov

- 4 lần phong tặng Anh hùng Liên Xô (1939, 1944, 1945, 1956),
- 2 Huân chương Chiến thắng, (1944, 1945)
- 2 Huân chương Suvorov hạng I
- Huân chương Vẻ vang của Hoa Kỳ
- Huân chương Barna hạng I của Anh quốc.

và nhiều huân huy chương, danh hiệu khác...

Thái Nhi

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Thay lời tựa

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

G.K.ZHUKOV

*Nhóm dịch: Lê Tùng Ba - Hồng Lam - Nguyễn Hải Sa – Lê Bá
Phán - Trần Anh Tuấn.*

TÔI đã miệt mài với cuốn “Nhớ lại và suy nghĩ” này không phải chỉ trong vòng một năm. Từ những tài liệu của cuộc sống rộng lớn, từ rất nhiều các sự kiện và những cuộc tiếp xúc, tôi muốn lựa chọn ra cái gì là thực chất và quan trọng nhất có thể nói lên thật xứng đáng sự vĩ đại của những sự nghiệp và thành tựu của nhân ta.

Nhiều năm đã trôi qua sau khi đã xảy ra các sự kiện được diễn lại

trong cuốn sách này, nhưng chắc là ngay đến bây giờ cũng không thể nói một cách chính xác rằng cái gì trong những cái chúng ta đã từng trải qua và từng chứng kiến đó mang trong bản thân nó dấu vết của sự vĩnh cửu...

Mong rằng các bạn chiến đấu sẽ tha lỗi cho tôi nếu như tôi không thể đáp ứng được điều đó với tất cả các bạn. Hãy còn thời gian và hãy còn nhiều đồng chí khác sẽ viết và kể lại về những chuyện đó. Tôi sẽ rất cảm ơn các bạn nào gửi cho những ý kiến nhận xét, phê phán để có thể tiếp tục chỉnh lý cuốn sách này.

Nhiều đồng chí đã giúp đỡ tôi khi chuẩn bị lần xuất bản này. Tôi xin tỏ lòng biết ơn các tướng lĩnh và sĩ quan Viện khoa học quân sự Bộ Tổng tham mưu các lực lượng vũ trang Xô-viết và Viện Lịch sử quân sự, các đồng chí Vụ trưởng các vụ thuộc Bộ Quốc phòng: đại tá Ni-ki-ta Ê-phi-mô-vich Tê-rê-sen-cô và đại tá Pi-ốt Ya-cốp-lê-vich Đô-brô-vôn-xki, các đồng chí biên tập viên Nhà xuất bản Hãng Thông tấn Nô-vô-xi: An-na Đa-vư-đốp-na Miéc-ki-na, Vích-to A-lếch-xăn-đrô-vich Ê-rô-khin cùng tất cả những đồng chí đã chuẩn bị đưa in bản thảo của tôi.

Tôi đặc biệt cảm ơn sự giúp đỡ to lớn và sáng tạo mà đồng chí Va-đim Ghê-ra-xi-mô-vich Cô-mô-lốp đã dành cho tôi trong khi xây dựng cuốn sách này.

10 tháng 2 năm 1969

G. GIU-CÓP

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 1

THỜI THƠ ẤU VÀ THANH NIÊN

KHI đã luống tuổi, người ta khó mà nhớ hết những gì đã xảy ra trong đời mình. Năm tháng, sự kiện và công việc đã xoá mất khá nhiều trong trí nhớ tất cả những gì trong thời thơ ấu và thanh niên. Nhớ chẳng được chỉ là những điều không thể quên đi.

Tôi sinh ngày 19-11-1896 (lịch cũ) trong một ngôi nhà nằm ở giữa làng Xơ-ren-cốp-ca, tỉnh Ca-lu-ga. Ngôi nhà đó rất cũ kỹ, một góc đã bị lún. Trải qua thời gian, rêu và cỏ đã mọc kín tường và mái. Trong nhà chỉ có mỗi một phòng có hai cửa sổ.

Cha mẹ tôi cũng không biết ai đã cất ngôi nhà này từ bao giờ.

Theo các người đã sống lâu năm ở đây kể lại thì hồi xưa có một người đàn bà goá không có con, tên là An-nu-sca Giu-cô-va ở nhà này. Để đỡ cô quạnh, bà đã nhận ở trại mồ côi một đứa bé 2 tuổi về nuôi – đó là cha tôi. Không người nào rõ bố mẹ đẻ của đứa bé ấy là ai, vả lại cha tôi cũng không cố công tìm hiểu gốc tích của mình nữa. Chỉ biết rằng một người đàn bà nào đó đã bỏ

đưa bé mới 3 tháng ở trước cửa nhà nuôi trẻ mồ côi với một tấm giấy ghi: “Con tôi tên là Côn-stăn-tin”. Không ai biết được tại sao người đàn bà tội nghiệp ấy lại phải bỏ con mình trên thềm nhà nuôi trẻ mồ côi. Người đó đã dẫn tới hành động như thế vì thiếu tình thương con? Hay đúng hơn hết là vì lâm vào một hoàn cảnh khó khăn, không lối thoát?

Khi bà mẹ nuôi chết, cha tôi đã gần 18 tuổi. Cha tôi vào học nghề thợ giày ở làng U-gốt-xki Da-vốt. Sau này cha tôi kể lại rằng học nghề chủ yếu chỉ là làm công việc vặt trong nhà. Lại còn phải giữ con cho chủ và chăn nuôi gia súc. “Học” như vậy được chừng 3 năm thì cha tôi đi tìm chỗ khác. Cha tôi đi bộ đến Mát-xcơ-va và cuối cùng tìm được việc làm ở xưởng giày Vây-xơ. Xưởng Vây-xơ còn có cửa hàng giày mẫu nữa.

Tôi không biết chi tiết, nhưng theo cha tôi kể thì ông cũng nằm trong số nhiều công nhân bị đuổi và trục xuất khỏi Mát-xcơ-va sau sự kiện năm 1905 vì đã tham gia biểu tình. Từ đó cho đến khi chết, vào năm 1921, ông chỉ làm nghề thợ giày và làm ruộng, không đi ra khỏi làng nữa. Mẹ tôi là U-xti-na Ác-tê-mi-ép-na, sinh ra lớn lên trong một gia đình nghèo xác nghèo xơ ở làng Choóc-nai-a Gri-a-dơ bên cạnh.

Khi cưới nhau thì mẹ tôi đã 35 tuổi và cha tôi đã 50. Cả hai người đều tái hôn. Sau khi đã kết hôn lần đầu, hai người đều góa sớm.

Mẹ tôi rất khỏe. Bà có thể nhấc bổng bao lúa 5 pút[1] và vác đi được một chặng đường rất xa. Người ta nói là mẹ tôi vốn khỏe giống ông bố. Ông ngoại Ác-tem của tôi đã từng chui xuống bụng ngựa và nhấc bổng nó lên hoặc nắm đuôi, nhảy tót một cái ngời cưỡi lên lưng ngựa.

Cảnh túng bấn và nghề thợ giày của cha tôi chẳng kiếm chác được bao lăm buộc mẹ tôi phải làm thêm nghề vận chuyển. Mùa xuân, mùa hè và đầu mùa thu, mẹ tôi làm đồng. Cuối mùa thu, bà vào phố huyện Ma-lô-ya-rô-xla-vét lấy hàng thực phẩm phụ để chở thuê đến thành phố U-gôt-xki Da-vốt cho những người buôn. Mỗi chuyến đi bà kiếm được 1 rúp đến 1 rúp 20 cô-pếch. Nhưng nếu trừ tiền cỏ ngựa, ngủ trọ ở thành phố, ăn uống, sửa giày, v..v... thì chẳng còn được bao nhiêu. Tôi nghĩ trong từng đó thời gian, người ăn xin còn kiếm được nhiều hơn.

Nhưng còn việc gì mà làm nữa? Đó là số phận của những người nghèo hòi đó, và mẹ tôi cũng đành phải tảo tần, nhẩn nhục như vậy. Nhiều người đàn bà ở làng tôi cũng phải làm thế để khỏi chết đói. Họ chở hàng từ Mô-lô-ya-rô-xla-vét, Xéc-pu-khốp và những nơi khác, lặn lội đường trơn, gió rét, con mọn để cho các ông bà già yếu ở nhà trông coi.

Phần lớn nông dân làng tôi sống trong nghèo đói. Ruộng đất của họ đã ít lại xấu. Công việc đồng áng chủ yếu do đàn bà, người già và trẻ con làm. Đàn ông đi làm mướn thời vụ ở Mát-xcơ-va,

Pê-téc-bua và các thành phố khác. Họ kiếm không được bao nhiêu, ít người trở về làng có nặng túi tiền.

Tất nhiên trong làng cũng có bọn phú nông rất giàu. Chúng sống sung sướng, có nhà cao cửa rộng, sáng sủa, đầy đủ tiện nghi; trong chuồng nhiều trâu bò, gà lợn; trong kho sẵn thóc, sẵn bột.

Con cái chúng ăn ngon mặc đẹp, học trong các trường tốt.

Những bần nông ở làng chúng tôi đều làm việc cho chúng là chính, công sá ít ỏi; kẻ thì lấy được ít bánh mì, người thì đổi thóc giống, có người chỉ kiếm được vài bữa ăn.

Chúng tôi là con nhà bần nông, đã từng chứng kiến bao cảnh nước mắt mồ hôi, cay đắng đó của mẹ chúng tôi. Mừng rỡ biết bao khi mẹ chúng tôi ở Ma-lô-ya-rô-xla-vét đem về cho vài cái bánh bàng khô? Nhất là trước ngày lễ Nô-en hay lễ Phục sinh mà mẹ chúng tôi dành dụm được ít tiền mua cho vài chiếc bánh ngọt có nhân thì thật là vui mừng khôn xiết!

Khi tôi lên năm, chị tôi lên bảy, mẹ tôi lại đẻ thêm một em trai nữa tên là A-lếch-xây. Nó gầy quá, mọi người đều lo nó không sống nổi. Mẹ tôi thì thường khóc và nói:

- Lấy gì để bồi bổ cho con? Bánh mì và nước lã chẳng?

Sau khi đẻ được mấy tháng, mẹ tôi lại quyết định vào thành phố để làm thuê. Láng giềng gần lại, khuyên mẹ tôi nên ở nhà săn sóc thằng bé, nó còn yếu cần phải có sữa mẹ. Nhưng vì sợ cả nhà chết đói, mẹ tôi buộc lòng phải ra đi và để A-lếch-xây lại cho

chúng tôi săn sóc. Nhưng được non một năm thì nó chết. Người ta chôn nó vào mùa thu ở nghĩa địa U-gốt-xki Da-vốt. Tôi và chị tôi rất thương tiếc A-li-ô-sa[2] và thường đến thăm mộ nó luôn. Còn nỗi đau buồn của cha mẹ chúng tôi thì thật là khôn nguôi. Trong năm ấy, chúng tôi lại gặp một chuyện rủi ro khác nữa. Mái nhà sập vì đã quá cũ kỹ.

- Phải rời khỏi nơi này ngay! - Cha tôi nói - Không thì chúng ta sẽ chết bẹp. Bây giờ còn ấm, chúng ta hãy dọn xuống dưới nhà kho rồi sau hãy hay. May ra có ai cho ở nhờ vào nhà tắm hay nhà lẩm cũng được.

Tôi còn nhớ mẹ tôi đã khóc và nói với chúng tôi:

- Biết làm sao bây giờ, các con! Thôi hãy dọn đồ đạc xuống dưới kho.

Cha tôi đắp một cái lò con để nấu ăn, còn chúng tôi cố thu xếp chuyển hết đồ đạc trong nhà vào kho.

Dọn nhà xong, bạn của ba tôi đến và nói đùa:

- Sao, Cô-xchu-kha, nghe nói cậu bất hoà với thổ công nên ông ấy đuổi cậu đi à?

- Sao lại bất hoà? - Cha tôi nói - Nếu bất hoà thì ông ấy đã đè bẹp chúng tôi rồi!

- Bây giờ cậu định liệu thế nào? – Bác Na-da-rút, người bạn hàng xóm của cha tôi hỏi.

- Chưa biết nghĩ thế nào đây...

- Còn nghĩ gì nữa. - Mẹ tôi xen vào - Dắt con bò ra chợ ngay.
Bán bò để mua gỗ. Ngoảnh đi ngoảnh lại, mùa hè qua giờ đây,
mùa đông đến thì chữa nhà sao được.

- Chị U-xti-na nói đúng đấy! - Đám đàn ông tán thành.

- Đúng thì đúng rồi, nhưng một con bò thì không đủ, - cha tôi nói

- Mà ngoài con bò, chúng tôi chỉ còn con ngựa già.

Mọi người đều im lặng, nhưng ai cũng hiểu rằng: cái khó khăn
nhất đang ở trước mắt chúng tôi.

Sau đó chỉ một thời gian, không biết cha tôi mua ở đâu được một
ít gỗ giá phải chăng, lại trả làm nhiều lần. Láng giềng giúp chúng
tôi chở về và đến tháng 11 thì nhà làm xong. Mái lợp bằng rạ.

- Không sao, ta cứ ở đây, khi nào giàu ta sẽ làm nhà đẹp hơn, -
mẹ tôi nói.

Nhìn ngoài thì nhà chúng tôi xấu hơn các nhà khác, bậc thêm lát
bằng ván cũ, cửa sổ thì bằng những mảnh kính ghép lại. Nhưng
chúng tôi rất vui, vì mùa đông đến, dù sao cũng có một xó ấm để
nương thân, còn chật thì chật thật, nhưng như người ta nói “chịu
chật chứ không chịu nhục”.

Mùa đông năm 1902, tôi lên bảy. Mùa đông ấy gia đình chúng
tôi rất khổ. Đó là năm mất mùa, lúa chỉ đủ ăn đến nửa tháng
Chạp. Cha mẹ tôi kiếm được bao nhiêu tiền thì chỉ đủ mua bánh
mì, muối và trả nợ. May nhờ có hàng xóm khi thì cho chúng tôi
bát canh, khi thì bát cháo. Việc tương trợ như vậy ở nông thôn

không phải là một trường hợp đặc biệt, mà đó là một tập quán hữu ái, tương trợ lẫn nhau của người Nga trong cơn neo túng. Sang mùa xuân thì đỡ hơn vì trên sông Ô-gu-bli-an-ca và Rốt-va có khi câu cá rất dễ. Sông Ô-gu-bli-an-ca là một con sông nhỏ, cạn có nhiều chỗ bùn. Phía trên làng Cô-xchin-ca, gần xóm Bô-lốt-xki, nơi các con suối bắt đầu hợp lại thành ngọn sông, có chỗ rất sâu tập trung rất nhiều cá. Trên sông Ô-gu-bli-an-ca, đặc biệt là vùng làng tôi và làng Ô-gúp, có nhiều cá trôi, cá vược, cá mè, có khi câu được hàng giỏ. Những ngày câu được nhiều, tôi còn chia cá cho hàng xóm để trả ơn họ cho canh, cho cháo.

Bọn trẻ con chúng tôi rất thích đi câu cá trên sông Prốt-va ở khu núi Mi-khai-lép-xki. Đường đến chỗ đó phải đi qua khu rừng bồ đề rậm rạp và khu rừng bạch dương thần tiên, có nhiều cây dâu và hoa dại, và cuối mùa hè lại nhiều nấm. Đàn ông ở các làng lân cận thường đến cạy vỏ cây làm dép mà ở vùng chúng tôi người ta thường gọi là “dép rọ ngày lễ”.

Bây giờ không còn các khu rừng đó nữa. Bọn xâm lược Đức đã chặt trụi cả, và sau Chiến tranh giữ nước vĩ đại, nông trường đã cày làm đất trồng trọt.

Một bận, vào mùa hè, cha tôi nói:.

- Này, Ê-go, con đã lớn, tám tuổi rồi. Đến lúc phải đi làm việc rồi đấy! Hồi bằng tuổi con, bố đã làm việc không kém gì người lớn. Ngày mai, vác cào đi với chị mà cắt cỏ, phơi ra rồi chặt lại

thành đồng.

Tôi rất thích cắt cỏ và thường theo người lớn đi cắt cỏ. Nhưng giờ đây, tôi đi cắt cỏ với ý thức đi làm chứ không phải đi chơi như trước. Tôi rất hãnh diện vì tôi đã tham gia lao động và trở thành có ích cho gia đình. Tôi thấy các bạn cùng lứa tuổi với tôi cũng cầm cào ngồi trên các xe ngựa khác.

Tôi rất cố gắng làm việc, và được người lớn khen, tôi rất thích. Nhưng có lẽ tôi đã cố quá sức nên bàn tay phồng lên. Tôi rất xấu hổ không dám nói với ai cả và cố hết sức chịu đựng. Cuối cùng, những chỗ phồng vỡ ra và tôi không thể nào cào cỏ được nữa.

- Không can gì! - Cha tôi nói và lấy giẻ buộc tay cho tôi. Mất mấy ngày tôi không cầm được cào, mà chỉ giúp chị tôi chuyển cỏ đôn lại thành đồng. Bọn trẻ con cười tôi. Nhưng mấy ngày sau, tay tôi khỏi và lại làm việc không kém gì bọn chúng.

Đến mùa gặt lúa mì, mẹ tôi bảo:

- Con ạ! Đã đến lúc con tập gặt được rồi đấy. Mẹ đã mua cho con một cái liềm mới ở trên phố rồi. Sáng mai mẹ con ta đi gặt.

Tôi gặt không đến nổi tòi, nhưng không bao lâu tôi lại thất bại một lần nữa. Muốn cho thành tích của mình nổi bật, tôi hấp ta hấp tấp đưa liềm vào ngón tay út bên trái. Mẹ tôi lo quá. Tôi cũng vậy. Cô Pra-xcô-vi-a là người hàng xóm, cũng làm cạnh đấy, lấy cỏ nhỏ nôi đập lên tay tôi và lấy giẻ buộc chặt lại.

Đã bao nhiêu năm qua, vết sẹo ở ngón tay út bên trái vẫn còn

nhắc tôi nhớ lại thất bại đầu tiên của mình trên mặt trận nông nghiệp...

Mùa hè lao động trôi qua rất nhanh. Tôi đã làm quen công việc đồng áng và khoẻ thêm.

Mùa thu năm 1903 đã tới gần. Đối với tôi từ đây bắt đầu một thời kỳ quan trọng. Bọn trẻ con cùng tuổi với tôi chuẩn bị đi học. Tôi cũng chuẩn bị đi học. Tôi cố gắng học chữ in theo sách tập đánh vần của chị tôi. Mùa thu ấy trong làng có thêm năm đứa trẻ nữa bắt đầu đi học, trong số đó có bạn thân nhất của tôi là Li-ô-sca Cô-lô-tua-nui. “Cô-lô-tua-nui” là tên họ người ta đặt thêm cho nó, còn tên họ chính của nó cũng là Giu-cốp. Trong làng tôi có bảy hộ có họ là Giu-cốp. Để phân biệt người cùng họ, người ta thường gọi thêm tên mẹ. Chị em tôi thì gọi là U-xtin, con nhà khác là Áp-đô-tin, con nhà khác nữa thì gọi là Ta-ti-a-nin, v..v... Chúng tôi học ở trường dòng của làng Vê-lit-cô-vô, cách nhà tôi một ki-lô-mét rưỡi. Trẻ con bốn làng Lư-cô-vô, Vê-lit-cô-vô, Xơ-ren-cốp-ki và Ô-gu-bi cùng học ở đây.

Nhiều đứa được bố mẹ mua cho cặp da và chúng thường giơ cặp ra khoe. Tôi và Li-ô-sca, không có cặp da mà chỉ có một cái túi xách khâu bằng vải bạt. Tôi báo mẹ tôi là mang túi đi học như đeo bị đi ăn xin ấy, tôi không đeo túi nữa đâu.

- Khi nào bố mẹ có tiền, - mẹ tôi nói - nhất định mẹ sẽ mua cặp cho con. Bây giờ thì con hãy mang túi này đi học đã.

Chị Ma-sa dẫn tôi đến trường. Chị tôi đã học lớp hai. Lớp tôi có 15 đứa con trai và 13 đứa con gái.

Sau khi làm quen với lớp, thầy giúp xếp chúng tôi ngồi vào từng bàn. Bọn con gái ngồi bên trái, bọn con trai ngồi bên phải. Tôi rất muốn ngồi với Cô-lô-tua-nui nhưng thầy giáo bảo chúng tôi không ngồi chung với nhau được vì Li-ô-sca chưa biết qua một chữ nào, người lại bé. Nó ngồi ở bàn đầu, còn tôi ngồi ở bàn cuối. Li-ô-sca nói với tôi là nó sẽ cố gắng học nhanh cho thuộc hết chữ cái rồi nhất định chúng tôi sẽ được ngồi chung. Nhưng sự thật lại không xảy ra như vậy. Li-ô-sca luôn luôn ở trong số học sinh kém nhất. Vì nó không thuộc bài nên thường phải ở lại lớp sau khi tan học, nhưng nó lại hết sức chịu khó nên không bị các thầy quở mắng.

Thầy giáo chúng tôi là Xéc-gây Ni-cô-lai-ê-vich Rê-mi-dốp, một nhà giáo có kinh nghiệm và tốt. Thầy không phạt oan và không to tiếng với bọn trẻ bao giờ. Học sinh rất kính trọng và vâng lời thầy. Bố thầy Xéc-gây Ni-cô-lai-ê-vich là một ông giáo trầm tĩnh và tốt bụng, là một chức sắc và dạy “kinh thánh” ở trường chúng tôi.

Thầy Xéc-gây Ni-cô-lai-ê-vich và anh thầy, bác sĩ Ni-cô-lai Ni-cô-lai-ê-vich, đều là người vô thần. Họ đi nhà thờ chỉ vì lịch sự mà thôi, cả hai anh em thầy đều hát trong đội đồng ca của nhà thờ. Tôi và Li-ô-sca đều tốt giọng nên được cho vào đội đồng ca

nhà trường.

Tất cả trẻ con làng tôi đều được lên lớp hai với điểm tốt, chỉ có Li-ô-sca mặc dù tập thể chúng tôi đã giúp đỡ nhiều nhưng không được lên, vì nó bị 2 về môn “kinh thánh”.

Chị tôi học cũng kém, phải học lại lớp hai. Cha mẹ tôi quyết định bắt chị tôi thôi học về làm việc trong nhà. Chị Ma-sa khóc nức nở và phân trần là không phải tại chị ấy, chỉ vì phải bỏ mất nhiều bài quá để trông em bé A-li-ô-sa ở nhà khi mẹ đi vận chuyển. Tôi cũng bênh chị Ma-sa, tôi nói, cha mẹ người ta cũng làm việc, cũng đi vận chuyển, nhưng con người ta không phải bỏ học, bạn của chị Ma-sa vẫn đi học. Cuối cùng mẹ tôi đồng ý. Chị tôi mừng lắm và tôi cũng mừng thay cho chị.

Chúng tôi rất thương mẹ chúng tôi. Với trí khôn của trẻ con, chúng tôi cũng biết là mẹ chúng tôi rất vất vả. Hơn nữa, cha tôi ở Mát-xcơ-va lại ít gửi tiền về và mỗi lần gửi thì rất ít. Trước kia, hàng tháng cha tôi gửi 2 - 3 rúp về cho mẹ tôi, gần đây có khi gửi 1 rúp, có khi còn ít hơn. Hàng xóm nói rằng không chỉ một mình cha tôi, mà mọi người công nhân khác ở Mát-xcơ-va đều kiếm được ít tiền như vậy.

Tôi còn nhớ vào cuối năm 1904 cha tôi về làng. Chị; em tôi rất mừng. Chúng tôi vẫn hằng mong cha về cho quà Mát-xcơ-va. Nhưng cha tôi bảo chuyến này không mang được thứ gì về cả. Ông bị mổ ruột thừa mất 20 ngày, nằm bệnh viện ra, về thẳng

nhà, tiền xe cũng phải vay bè bạn.

Mọi người trong làng đều kính trọng cha tôi. Họ nghe lời ông. Thường trong các cuộc hội họp, ý kiến của ông là ý kiến cuối cùng được mọi người tán thưởng. Tôi rất yêu cha tôi và ông cũng hay chiều tôi. Nhưng cũng có lúc cha tôi nghiêm khắc phạt tôi, thậm chí còn đánh tôi bằng dây da, bắt tôi phải xin lỗi. Nhưng tôi rất bướng, đánh mấy thì đánh, tôi vẫn không xin lỗi.

Một lần cha tôi đánh tôi một trận dữ dội, đến nỗi tôi phải chạy trốn mất ba ngày trong bụi gai gần nhà hàng xóm. Ngoài chị tôi không ai biết tôi ở đâu cả. Tôi dặn chị tôi đừng nói với ai cả và đem thức ăn cho tôi. Người ta tìm tôi khắp nơi nhưng tôi trốn rất kín. Bất ngờ bà hàng xóm thấy tôi và đưa tôi về nhà. Cha tôi còn đánh thêm nữa, nhưng sau ông thương hại và tha cho tôi.

Tôi còn nhớ khi nào vui, cha tôi hay cho tôi đi theo vào quán uống trà. Quán ở làng Ô-gúp bên cạnh. Chủ quán là phú hộ Niki-pho Cu-la-ghin, ông ta buôn nhiều loại hàng thực phẩm. Đàn ông và thanh niên thường họp nhau ở quán. Họ khéo chuyện về các tin tức này nọ, chơi lô-tô, chơi bài với nhau hoặc uống rượu vì một lý do nào đó, đôi khi cũng chẳng có lý do gì, họ cũng uống.

Tôi thích uống trà trong quán cùng với người lớn. Họ nói chuyện thông thạo về Mát-xơ-va, Pê-téc-bua. Có lần tôi giao hẹn với cha tôi đi đâu cũng phải cho tôi đi để tôi được nghe người lớn

nói chuyện.

Người em bà mẹ đỡ đầu của tôi tên là Prô-kho làm đầy tớ trong quán này. Chân cậu có tật, mọi người gọi cậu là “Prô-sca thọt”. Tuy thọt nhưng cậu ấy là một người đi săn rất say mê. Mùa hè cậu ấy bắn vịt trời, mùa đông đi săn thỏ, hồi đó ở vùng chúng tôi rất nhiều thỏ, đặc biệt là thỏ đen.

Cậu Prô-kho thường dắt tôi theo. Đi săn làm cho tôi rất vui. Đặc biệt là khi nào cậu tôi bắn được con thỏ do tôi đuổi cho. Chúng tôi đi săn vịt trời ở Ô-gu-bli-an-ca hoặc ở các hồ. Thường cậu Prô-kho bắn ít khi trượt. Nhiệm vụ của tôi là phải lội xuống nước nhặt vịt.

Đến nay tôi còn rất mê đi săn. Có thể là do cậu Prô-kho đã tập cho tôi thích đi săn ngay từ hồi còn bé.

Không bao lâu cha tôi lại trở lên Mát-xơ-va. Trước khi đi cha tôi kể cho mẹ tôi nghe, ở Mát-xơ-va và Pi-tơ[3], công nhân thất nghiệp và bị bóc lột nặng nề, đình công luôn.

- Bố nó đừng dính dáng vào công việc của họ, không rồi sen đâm lại bắt đi đày xa đấy - mẹ tôi nói.

- Đó là công việc của công nhân chúng tôi. - Cha tôi đáp - Mọi người đi đâu thì mình đi đó với người ta chứ?

Sau khi cha tôi ra đi, lâu lắm chúng tôi không được tin tức gì; ở nhà rất lo.

Ít lâu sau chúng tôi được tin ở Pi-tơ ngày mùng 9 tháng Giêng,

bọn lính Sa hoàng đã bắn vào đám biểu tình hòa bình của công nhân đưa đơn đến Sa hoàng đòi cải thiện đời sống.

Cũng mùa xuân năm 1905 ở các làng thường xuất hiện những người lạ mặt, họ tuyên truyền gọi nhân dân đấu tranh chống bọn địa chủ và chế độ chuyên chế của Sa hoàng.

Ở làng tôi, nông dân chưa tích cực hoạt động, nhưng họ rất bất mãn. Họ đều biết tin về những cuộc bãi công chính trị, cuộc chiến đấu bên chiến lũy và cuộc nổi dậy vũ trang của những nhà cách mạng tháng Chạp ở Mát-xcơ-va. Người ta nói các cuộc nổi dậy ở Mát-xcơ-va và các thành phố khác trong nước Nga của công nhân đã bị chính phủ Sa hoàng đàn áp dã man và nhiều nhà cách mạng đứng đầu giai cấp công nhân tham gia khởi nghĩa đã bị giết hại, giam cầm trong ngục tối hoặc bị đày đi biệt xứ.

Người ta cũng nghe tin cả về Lê-nin, người đại diện cho quyền lợi của công nhân và nông dân, lãnh tụ Đảng Bôn-sê-vích, một đảng lấy tôn chỉ mục đích là giải phóng người lao động khỏi bàn tay địa chủ, tư bản và ách thống trị Sa hoàng. Những tin tức ấy do người làng tôi đi làm ở Mát-xcơ-va, Pi-tơ và những thành phố khác ở khắp nước Nga đưa về.

Năm 1906 cha tôi trở về làng. ông nói, ông sẽ không đi Mát-xcơ-va nữa vì cảnh sát cấm không cho ông cư trú ở thành phố, nên từ nay ông về quê làm ăn. Tôi rất mừng vì cha tôi sẽ ở nhà mãi mãi. Cũng năm ấy tôi học hết trường dòng. Ở lớp nào tôi cũng đều đạt

điểm “xuất sắc” và được cấp giấy khen. Cả nhà đều hài lòng vì tôi học giỏi và tôi cũng mừng. Để mừng tôi thi đỗ, mẹ tôi tặng tôi một chiếc áo mới, còn cha tôi tự tay khâu cho tôi một đôi giày.

- Bây giờ thì con biết chữ rồi. - Cha tôi nói - có thể gửi con đi Mát-xcơ-va học nghề được rồi đây.

- Thôi cho con nó ở nhà thêm một năm nữa rồi gửi ra tỉnh. - Mẹ tôi nói - Để cho nó lớn thêm một tí nữa đã.

Từ mùa thu năm ấy tôi lên 11 tuổi. Tôi biết đây là mùa thu cuối cùng được sống ở nhà mình. Mùa đông sẽ đến, rồi tôi sẽ phải đi ở. Tôi phải nai lưng ra làm việc cho nhà người ta. Mẹ tôi vẫn đi vào thành phố làm nghề vận chuyển, còn cha tôi thì khâu giày từ sáng sớm đến tối mịt. Tiền kiếm được chẳng là bao, vì người làng ai cũng túng thiếu, không trả đủ tiền công cho ông được.

Mẹ tôi thường kỳ kèo cha tôi vì ông lấy tiền công rẻ quá.

Hễ kiếm được tiền công kha khá là ông đi vào thành phố U-gốt-xki Da-vốt uống rượu. Lúc về chị em tôi ra đón ngoài đường, thế nào cũng được quà, khi cái bánh khô, khi thì ít kẹo.

Mùa đông, khi nào rỗi việc nhà, tôi thường đi câu cá, đi trượt băng ở Ô-gu-bli-an-ca hoặc trượt tuyết trên núi Mi-khai-lép-xki bằng những giày trượt tự chế.

Mùa hè đến, lòng tôi càng hồi hộp vì sắp đến ngày tôi phải xa gia đình, xa những người thân yêu, bạn bè để đi Mát-xcơ-va. Tôi

biết rằng tuổi nhỏ của tôi đã qua. Thực ra, đối với tôi chỉ những năm đã qua ấy mới có thể tạm cho là thời thơ ấu mà thôi, chứ tôi cũng không rõ bao giờ là thời thơ ấu tươi đẹp hơn nữa.

Tôi còn nhớ một buổi tối có mấy người hàng xóm đến tụ tập trong nhà tôi. Họ bàn chuyện gửi con cái đi Mát-xcơ-va. Người thì nói sẽ đưa con đi nay mai, kẻ thì lại bàn đợi thêm một vài năm nữa. Mẹ tôi bảo sau hội chợ thì cho tôi đi. Ở làng tôi sau ngày lễ Chúa độ một tuần thì có hội chợ. Li-ô-sca Cô-lô-tu-a-nui đã được gửi đi học nghề trong xưởng thợ mộc. Chủ xưởng là Ma-ra-skin, một nhà giàu trong làng.

Cha tôi hỏi tôi định học nghề gì. Tôi nói tôi muốn học nghề in. Ông nói không có người quen nào có thể đưa tôi vào nhà in. Còn mẹ tôi quyết định sẽ xin người anh ruột của bà là Mi-kha-in cho tôi vào làm trong xưởng thuộc da. Cha tôi đồng ý vì ông nghĩ làm nghề thuộc da kiếm được nhiều tiền. Tôi thì sẵn sàng làm nghề gì cũng được, miễn là có ích cho gia đình.

Tháng 6-1907, người anh mẹ tôi - Mi-kha-in Ác-tê-mi-ê-vích Pi-li-khin về làng Choóc-nai-a Gri-a-dơ bên cạnh. Kẻ cũng nên nói một chút về ông ta.

Ông Mi-kha-in Pi-li-khin cũng như mẹ tôi, lớn lên trong nghèo đói. Mười một tuổi ông được gửi vào làm trong một xưởng thuộc da. Sau bốn năm rưỡi, ông trở thành thợ cả. Ông Mi-kha-in rất tiết kiệm, sau mấy năm dành dụm, ông có một số tiền và mở

được một xưởng nhỏ. ông là một người thuộc da lông thú giỏi, được nhiều khách giàu đặt hàng, ông tha hồ mà “cắt cổ”.

Ông Mi-kha-in Pi-li-khin mở rộng dần xưởng, đưa số công nhân trong xưởng lên đến 8 người, ngoài ra thường xuyên còn có 4 thằng nhỏ học nghề nữa. Ông cũng bóc lột tàn tệ không kém những người chủ khác. Nhờ vậy ông tích lũy được một số vốn khoảng 50.000 rúp vàng.

Đó là ông bác mà mẹ tôi định gửi tôi đến học nghề. Mẹ tôi đến gặp ông ta đang nghỉ hè ở Choóc-nai-a Gri-a-dơ. Khi về, mẹ tôi nói bác ấy bảo đem tôi đến cho bác ấy xem. Cha tôi hỏi ông Pi-li-khin nêu những điều kiện gì.

- Ông biết rồi còn gì. - Mẹ tôi đáp, - sau bốn năm rưỡi làm nhỏ thì thành nghề.

- Thôi đành vậy, biết làm thế nào hơn. - Cha tôi nói - Cứ đưa thằng Ê-goóc-ca đến cho ông Mi-kha-in.

Hai ngày sau cha tôi dẫn tôi đến làng Choóc-nai-a Gri-a-dơ. Đến gần nhà ông Pi-li-khin, cha tôi dặn:

- Kia kia, người ngồi ở thềm là ông chủ tương lai của con đấy.

Khi đến gần thì cúi đầu chào và nói: “Chào ông Mi-kha-in Ác-tê-mi-ê-vích ạ!”.

- Không, con sẽ nói: “Cháu chào bác Mi-sa ạ!” - Tôi cãi lại.

- Con đừng có quên rằng: ông ấy là bác con nhưng là chủ tương lai của con, ông chủ giàu không ưa có bà con nghèo đâu. Con

hãy ghi sâu lấy điều đó vào lòng.

Bước đến thêm, chỗ bác Mi-sa ngồi trên ghế bành mây, cha tôi chào xong, đẩy tôi lên phía trước. Không chào đáp, cũng không bắt tay cha tôi, ông Pi-li-khin quay người nhìn tôi. Tôi cúi đầu chào và nói:

- Chào ông Mi-kha-in Ác-tê-mi-ê-vich!

- Chào cháu. Thằng bé khá lắm! Sao, muốn làm nghề thuộc da à? Tôi im lặng.

- Nghề thuộc da khá tốt, nhưng khó đấy?

- Cháu nó không sợ đâu, nó đã quen lao động từ bé rồi. - Cha tôi trả lời.

- Có biết chữ không?

Cha tôi đưa giấy khen của tôi ra cho ông ấy xem.

- Khá lắm! - Bác nói, rồi quay về phía cửa, gọi – Ê! Chúng bay đâu? Ra đây bảo.

Hai đứa trẻ béo mập, con bác ta là A-léch-xăn-đơ và Ni-cô-lai trong buồng chạy ra, ăn mặc tươm tất. Sau cùng bà chủ cũng bước ra theo.

- Xem đây này! Đồ mất xác! Học phải như thế này này! - Bác chỉ vào giấy khen của tôi và nói - Còn chúng mày thì suốt đời điếm ba.

Cuối cùng, bác quay lại nói với cha tôi:

- Thôi, tôi nhận con chú vào học nghề. Thằng bé khỏe và có vẻ

thông minh đấy. Tôi còn ở đây ít ngày rồi đi Mát-xcơ-va, nhưng tôi không đem nó theo được. Một tuần nữa, chú Xéc-gây, em nhà tôi đi Mát-xcơ-va sẽ dẫn nó tới chỗ tôi.

Đến đây chúng tôi từ biệt ra về. Tôi rất mừng vì còn sống ở nhà thêm một tuần nữa.

- Sao, anh tôi tiếp bố con ông như thế nào? - Mẹ tôi hỏi.

- Cũng như các ông chủ tiếp ông anh bà thôi.

- Anh ấy không mời uống nước à?

- Thậm chí đi đường xa đến mà anh ấy cũng không mời cha con tôi ngồi nữa là! Anh ấy ngồi, còn chúng tôi đứng như lính hầu. -

Và cha tôi nói thêm một cách giận dữ - Cần gì nước của họ. Bây giờ cha con tôi đi vào quán uống, tiền của tôi vậy!

Mẹ tôi gửi cho tôi một cái bánh khô và cha con tôi đi về phía quán trà.

Việc chuẩn bị đi Mát-xcơ-va thật chóng vánh. Mẹ tôi gói cho tôi hai bộ quần áo, một cái khăn bọc chân thay bít tất, một đôi khăn mặt và cho tôi năm quả trứng, một ổ bánh mì đi ăn đường.

Chúng tôi ngồi lặng một chút theo phong tục Nga trên chiếc ghế dài.

- Thôi Chúa phù hộ con! - Mẹ tôi nói, rồi không kìm được, mẹ nước nỡ khóc, siết chặt tôi vào lòng.

Tôi thấy mắt cha tôi cũng đỏ hoe, mấy giọt nước mắt lăn trên má. Tôi suýt bật lên tiếng khóc, nhưng kìm lại được.

Tôi và mẹ tôi đi bộ sang Choóc-nai-a Gri-a-dơ. Con đường này trước kia tôi thường đi học qua và đi vào rừng hái nấm và nhặt hạt dẻ.

- Mẹ! Mẹ có nhớ không? Mẹ và con đã gặt lúa ở chỗ gần ba cây sồi kia kìa, hôm con cắt phải tay ấy mà?

- Mẹ nhớ chứ! Các bà mẹ luôn luôn nhớ những gì đã xảy ra với con mình. Nhưng có nhiều đứa con hư, có khi quên cả mẹ.

- Mẹ ạ, con thì không bao giờ thế đâu! - Tôi nói cứng.

Khi tôi và chú Xéc-gây lên tàu xong thì trời mưa như trút nước.

Trong toa tối om. Một ngọn đèn dầu lơ mờ chiếu sáng lối đi chật hẹp trong toa hạng ba. Con tàu phóng nhanh. Bóng đen của rừng cây và ánh lửa ở các làng xa lướt nhanh ngoài cửa sổ.

Tôi chưa được đi xe lửa bao giờ, cũng chưa bao giờ thấy đường sắt. Cho nên chuyến đi này đã gây cho tôi một ấn tượng sâu sắc.

Qua ga Ba-la-ba-nô-vô, bỗng phía xa hiện ra những ngôi nhà nhiều tầng sáng rực.

- Bác ơi, thành phố gì thế kia? - Tôi hỏi một người đàn ông đứng tuổi đứng cạnh cửa sổ.

- Không phải thành phố đâu cháu ạ! Đây là nhà máy dệt Na-rô Phô-min-xơ của lão Xa-va Mô-rô-dốp. Bác đã làm ở đây 15 năm. - ông ta buồn bã đáp - Bây giờ bác không làm ở đây nữa.

- Tại sao? - Tôi hỏi.

- Chuyện dài lắm... Bác đã chôn vợ và con gái bác ở đó...

Tôi thấy mặt ông tái đi và ông nhắm mắt lại một lúc.

- Mỗi lần đi qua cái nhà máy đáng nguyên rủa này, bác không thể bình tĩnh được khi nhìn con quái vật đã nuốt mất những người thân yêu của mình...

Ông đột nhiên rời khỏi cửa sổ và ngồi vào một chỗ tối, bắt đầu hút thuốc, còn tôi tiếp tục ngắm “con quá quái vật đã “nuốt” người kia, không dám hỏi thêm xem nó đã nuốt người như thế nào.

Chúng tôi đến Mát-xcơ-va vừa tảng sáng. Nhà ga làm tôi sửng sốt. Mọi người hấp tấp ra cửa, mang nào sọt, giỏ, lẵng. Tôi ngờ ngác không hiểu sao mọi người vội vã như vậy.

Chú dẫn đường dặn tôi:

- Ra đây phải trông trước trông sau cho cẩn thận, đây không phải như nhà quê đâu, đừng có há hốc mồm ra nghe không.

Cuối cùng, chúng tôi đến quảng trường ga.

Mặc dù còn sớm, quanh một quán nhỏ, người ta đã xúm xít mua bán quà bánh. Ở đây khách qua đường có thể ăn lót dạ với giá không phải là đắt lắm. Đến nhà ông chủ còn quá sớm, nên chúng tôi vào quán nghỉ chân. Quanh quán trà có những vũng nước lầy và bẩn, trên hè phố có mấy người say rượu ăn mặc rách rưới nằm lăn ngay dưới đất. Trong quán, một điệu nhạc vang lên. Tôi nhận ra bài hát quen thuộc “Trận cháy Mát-xcơ-va âm vang”. Mấy người khách rượu đã ngà say đang đứng ngồi lổ nhổ.

Ra khỏi quán, chúng tôi đi đến phố Bôn-sai-a Đrô-gô-mi-lốp-xcai-a đợi xe ngựa. Hồi đó Mát-xcơ-va vừa mới có xe điện, đường phố này xe điện chưa chạy tới. Trong lúc nhón nháo, vội vã lên xe ngựa, một người đàn ông vô tình thúc gót giày vào mũi tôi. Máu mũi chảy ra.

- Tao đã bảo phải nhìn trước nhìn sau mà? - chú Xéc-gây quát tôi. Còn người kia thì đưa cho tôi một miếng giẻ rồi hỏi:

- Ở nông thôn ra à? Ở Mát-xcơ-va thì phải nhìn cao hơn lỗ mũi một chút, nghe không?

Quảng trường ga, phố xá ngoại ô không gây cho tôi một ấn tượng nào đặc biệt. Nhà ở đây bằng gỗ, nhỏ bé và trơ trụi. Phố Đrô-gô-mi-lốp-xcai-a bẩn thỉu, lầy lội, lòng đường có nhiều vết xe sâu hoắm. Lắm người say rượu, đa số ăn mặc tồi tàn.

Nhưng càng gần trung tâm, cảnh tượng thành phố càng thay đổi dần. Nhà cửa to lớn, phố xá nguy nga, ngựa xe tấp nập. Tôi như bàng hoàng, ngơ ngác. Chưa bao giờ tôi được thấy nhà cao hơn hai tầng, chưa thấy đường phố lát đá, chưa thấy những xe ngựa bánh hơi mà người ta gọi là “xe song mã” phóng nhanh trên đường phố như vậy. Tôi cũng chưa bao giờ thấy phố xá đông đúc như vậy. Tất cả làm tôi ngơ ngác. Tôi im lặng và lơ đãng đi theo chú dẫn đường. Chúng tôi vòng sang Bôn-sai-a Đi-mi-tơ-rốp-ca (bây giờ là phố Pu-skin) và xuống xe ở ngõ Ca-méc-ghec-xki (nay gọi là ngõ Nhà hát Nghệ thuật).

- Mày sẽ ở nhà này đây - Chú Xéc-gây bảo tôi - Trong sân kia là xưởng thợ. Mày sẽ làm việc ở đây. Cửa chính vào nhà quay ra ngõ Ca-méc-ghéc-xki, nhưng công nhân và đám nhỏ chỉ ra vào theo chiếc cổng đen ở phía sân.

- Nhớ cho kỹ. - Chú Xéc-gây nói tiếp - Kia, cầu Cu-dơ-nét-xki, các cửa hàng lớn nhất Mát-xcơ-va đều ở đây cả. Còn nhà hát Đimi-na thì kia, nhưng công nhân không đến đây xem hát được đâu. Đằng xa, ở bên phải là Ô-khết-nui Ri-át, ở đây người ta bán rau, thịt thú, thịt lợn, bò, cá. Ít nữa mày sẽ đi mua hàng cho bà chủ ở đây đây?

Đi qua một cái sân lớn, chúng tôi tới chỗ mấy người đang làm việc chào hỏi các ông thợ. Chú Xéc-gây xưng hô với họ một cách kính trọng.

- Tôi đem ở quê lên cho các bác một thằng bé học nghề đây! - Chú Xéc-gây nói.

- Rõ chán! - Một người nói - Phải để cho nó lớn thêm chút nữa có hơn không?

- Cháu mấy tuổi? - Bác già dáng hơi cao, hỏi - Thôi cũng được, nó thấp nhưng vai nó rộng.

- Không can gì, nó sẽ thành thợ thuộc da khá đấy? - Bác thợ già nói một cách dụi dàng.

Đó là bác Phê-do I-va-nô-vich Cô-li-ô-xốp mà về sau tôi được biết là một con người biết điều, giàu kinh nghiệm và có uy tín

nhất trong đám thợ ở đây. Chú Xéc-gây dẫn tôi ra ngoài và nói cho tôi biết tên từng người thợ và từng người học việc, và nói qua cho tôi nghe về họ.

Tôi nhớ rõ nhất anh em nhà Mi-sin.

- Người anh là thợ rất giỏi, nhưng uống rượu ghê lắm. – Chú

Xéc-gây nói - Còn người em kia kia, hà tiện từng đồng xu.

Người ta bảo là anh ta ăn tiêu cả ngày chỉ hết có 10 cô-pếch. Lúc nào cũng chỉ mơ đến chuyện làm giàu. Còn đây là Mi-khai-lô, anh chàng hay rượu. Sau khi lĩnh tiền vài ngày là uống nhẩn.

Anh ta có thể đổi chiếc áo cuối cùng để uống rượu, nhưng lại là tay thợ giỏi tuyệt Còn thằng bé cao cao kia là Cu-dơ-ma, thằng nhỏ lớn tuổi nhất, nó sẽ là chỉ huy trực tiếp của mày. Sang năm nó thành thợ rồi. Thằng tóc quăn kia là thằng Gri-gô-ri Mát-vây-ép ở làng Tơ-ru-bi-nô, nó còn là bà con xa với mày đấy!

Leo qua một chiếc cầu thang tối tăm và bẩn, chúng tôi lên tầng hai, vào xưởng thợ.

Bà chủ đi ra, chào chúng tôi và nói là ông chủ đi vắng có lẽ cũng sắp về.

- Ra đây, tao chỉ cho mày xem nhà cửa, rồi xuống bếp mà ăn cơm.

Bà chủ giao nhiệm vụ cho tôi một cách tỉ mỉ, nhiệm vụ của một thằng nhỏ bé nhất: quét nhà, lau giày cho chủ và con cái. Bà chỉ cho tôi những cây đèn dầu trên bàn thờ Chúa và cách đốt đèn,

V..V...

- Còn gì nữa, thằng Cu-dơ-ma, và bà Ma-tơ-ri-ô-sa sau sẽ chỉ cho mày.

Sau đó, thằng Cu-dơ-ma, thằng nhỏ học việc lớn tuổi nhất, gọi tôi xuống bếp ăn cơm. Bụng đói nên tôi ăn rất ngon lành. Cũng vì thế xảy ra một chuyện không may đối với tôi. Tôi chưa biết cái lệ ở đây là đầu tiên, từ trong bát thức ăn lớn, người ta chỉ được múc nước canh ra ăn, gần xong bữa ăn, khi nào bà thợ cả ăn thịt thì tất cả mới được múc thịt ăn. Mới đầu vào, tôi đã múc ngay hai miếng thịt chén một cách ngon lành và đang sắp múc miếng thứ ba thì bất ngờ bị một cái thìa đập mạnh vào trán nổi u lên.

Tôi rất bức vì trong thời gian nửa ngày ở Mát-xơ-va đã, hai lần bị đánh.

Thằng nhỏ Cu-dơ-ma tỏ ra là người tốt bụng, nói:

- Không can gì. Có bị đánh cũng chỉ bị một lần thôi.

Ngay hôm đó nó dẫn tôi tới quán mua thuốc lá và rượu cho các bác thợ. Bà Cu-khác-ca Ma-tơ-ri-ô-sa (bà cũng là thợ cả) bảo cho tôi cách rửa bát và đun nước.

Sáng ngày hôm sau, người ta bảo tôi ngồi vào một góc xưởng và học khâu da lông thú. Bà thợ cả đưa kim, chỉ, đồ bao tay và kỹ thuật khâu da cho tôi. Bà ta nói:

- Chỗ nào không khâu được, đến tao bảo cách cho mà làm.

Tôi hằng hái thực hiện bài học đầu tiên của mình. Thợ làm việc từ 7 giờ sáng cho đến tận 7 giờ tối, buổi trưa nghỉ 1 giờ để ăn cơm. Bình thường thời gian làm việc là 11 giờ, nhưng hôm nào nhiều việc, có khi kéo dài mãi đến 10 - 11 giờ đêm. Trong những hôm đó, công nhân phải làm đến 15 giờ một ngày, những giờ làm thêm họ được trả thêm tiền.

Trẻ con học việc hôm nào cũng phải dậy từ 6 giờ sáng. Chúng tôi rửa mặt qua loa rồi chuẩn bị nơi làm việc và tất cả mọi thứ cần thiết cho công nhân. Đến 11 giờ đêm, thu dọn và chuẩn bị đầy đủ cho ngày hôm sau xong mới được đi ngủ. Chúng tôi ngủ ngay dưới nền nhà của xưởng. Hôm nào rét quá thì ngủ cạnh lò sưởi ngay lối vào cổng sau.

Mấy hôm đầu tôi rất mệt. Tập quen thức khuya là cả một chuyện khó khăn. Ở nhà quê chúng tôi thường ngủ rất sớm. Nhưng dần dần rồi cũng chịu đựng được chế độ làm việc vất vả đó.

Thời gian đầu tôi rất nhớ nhà, nhớ quê. Tôi nhớ tới những đám rừng đẹp dễ thân thiết mà tôi thích để đi săn với cậu Prô-kho, và đi hái nấm, nhặt hạt dẻ, hái củi với chị tôi. Lòng tôi se lại và tôi chỉ muốn khóc. Tôi nghĩ rằng không bao giờ lại được gặp cha, mẹ, chị và bạn bè tôi nữa. Bốn năm nữa mới được về thăm nhà, và, tôi thấy hình như thời gian đó không bao giờ tới.

Thứ bảy nào Cu-dơ-ma cũng dẫn tôi đi lễ nhà thờ vào lúc chập tối, còn chủ nhật thì đi lễ lúc sáng sớm và lúc gần ăn cơm trưa.

Những ngày lễ lớn, ông chủ dẫn chúng tôi đi lễ sáng, trưa ở Crem-lanh và nhà thờ U-xpen-xki, và đôi khi ở nhà thờ Cri-xto cứu thế. Chúng tôi không thích đi nhà thờ và thường tìm cách thoái thác. Tuy vậy chúng tôi thích đi nhà thờ U-xpen-xki vì ở đó có đội đồng ca rất lớn. Ở nhà thờ Cri-xto cứu thế thì được nghe phó giám mục Rô-dốp giảng rất hay. Giọng ông như kèn đồng. Một năm trôi qua. Tôi đã nắm tương đối tốt phần đầu của nghề thuộc da, mặc dù không phải là không gian khổ. Vô ý một chút là người chủ đánh chúng tôi không tiếc tay. Tay hấn như hộ pháp. Công nhân đánh, thợ cả đánh, và cả vợ chủ cũng đánh chúng tôi nữa. Khi nào người chủ không vui thì tốt nhất là đừng có bèn mảng đến trước mặt hấn, hấn có thể bộp tai một cách vô cớ đến nỗi suốt cả ngày tai vẫn ừ.

Đôi khi chủ xưởng bắt hai thằng nhỏ có lỗi đánh nhau bằng roi đập da, rồi đứng ngoài thúc: “Đánh mạnh, mạnh nữa vào?”.

Chúng tôi đành cắn răng mà chịu.

Chúng tôi biết rằng: ở đâu chủ cũng đánh người học việc như thế cả. Đây là quy luật, là tục lệ. Những người chủ nghĩ rằng, họ được giao toàn quyền cai quản, hành hạ trẻ học việc, không có ai phản nản về việc đánh đập, đối xử vô nhân đạo với trẻ học việc cả. Thậm chí không ai để ý đến việc chúng tôi làm ra sao, ăn ở như thế nào? Người phán xét cao nhất của chúng tôi là người chủ. Cứ thế, kéo dài mãi cuộc đời khổ nhục của chúng tôi. Cuộc

đời mà không người lớn nào có thể chịu đựng nổi.

Thời gian trôi đi. Tôi đã 13 tuổi, đã hiểu biết hơn và học được nhiều điều trong xưởng thợ. Tuy bận rộn nhiều, nhưng tôi cũng tạo cơ hội để đọc sách. Tôi mãi mãi nhớ ơn thầy giáo Xéc-gây Ni-cô-lai-ê-vích Rê-mi-dốp của tôi đã tập cho tôi ham đọc sách. A-lếch-xăn-đrơ, con trai lớn chủ xưởng cũng giúp tôi học. Tôi với nó cùng tuổi và nó đối xử với tôi tốt hơn những người khác đối với tôi. Ban đầu nó giúp tôi đọc tiểu thuyết “Người nữ y tá”, một chuyện rất hay về Na-chi-a Pin-kéc-tôn-na, cuốn “Cuộc phiêu lưu của Sée-lốc Hôn-mét” của Cô-nan Đuyn và những chuyện phiêu lưu in trong các loại sách rẻ tiền. Đọc như vậy rất thích, nhưng không bổ ích gì cả. Tôi muốn học tập một cách nghiêm chỉnh. Nhưng làm thế nào học được? Tôi trao đổi với A-lếch-xăn-đrơ. Nó tán thành ý định của tôi và hứa sẽ giúp đỡ. Chúng tôi bắt đầu học thêm tiếng Nga, toán, địa lý và đọc sách khoa học phổ thông. Cả hai đứa thường học chung với nhau, nhất là khi người chủ đi vắng hoặc ngày chủ nhật. Chúng tôi cố giấu nhưng ông ta vẫn biết được việc học hành của chúng tôi. Tôi tưởng là ông ta sẽ đuổi tôi hoặc ít nhất cũng phạt tôi rất nặng. Nhưng thật không ngờ, ông lại khen chúng tôi đã làm đúng.

Sau hơn một năm tự học đạt được kết quả, tôi vào học lớp phổ thông buổi tối, theo chương trình các trường trung học thành

phố.

Mọi người trong xưởng thợ đều thích tôi, cả chủ xưởng cũng thế, mặc dù đôi khi ông vẫn cho tôi ăn đòn. Ban đầu chủ không muốn cho tôi đi học buổi tối, nhưng sau bọn con ông nói hộ nên ông đồng ý. Tôi rất mừng. Thật ra tôi phải chuẩn bị bài vào ban đêm, bên lò sưởi cạnh cầu tiêu, ở đây chỉ có một ngọn đèn con khoảng 20 oát.

Một tháng trước khi mãn khóa, vào một ngày chủ nhật, chủ xưởng đi thăm bạn bè, chúng tôi ngồi đánh bài. Tôi còn nhớ chúng tôi đánh bài 21 điểm. Khi chủ trở về, không ai biết. ông đi vào bếp. Tôi cầm cái và đang vận đỏ. Thành linh ai tát tôi một cái điếng người. Tôi quay lại - Hoảng quá? - Chủ xưởng? Tôi lạng người

không nói được một tiếng nào. Chúng nó bỏ chạy cả.

- Mà học để làm thế đấy hả? Để tính điểm à? Từ nay tao không cho mày đi đâu nữa hết, tao cấm không cho Xa-sa[4] học với mày!

Sau đó mấy hôm tôi lại đến lớp ở phố Tơ-vóc-xcaí-a và kể lại chuyện đã xảy ra. Tôi chỉ còn học tất cả hơn một tháng nữa thôi. Người ta cười tôi và cho phép tôi dự kỳ thi. Kỳ thi mãn khóa trường trung học thành phố, tôi đỗ.

Đến năm 1910, tôi đã làm việc ở xưởng 3 năm và được làm trưởng lớp học nghề. Lúc này tôi được cai quản 3 thằng nhỏ. Tôi

thuộc đường Mát-xơ-va nên thường hay phải mang hàng đặt đến cho khách ở các nơi trong thành phố. Tôi vẫn còn muốn tiếp tục học thêm, nhưng không có cách nào học được. Còn đọc thì tôi vẫn có mẹo giải quyết. Báo hàng ngày thì sau khi Cô-li-ô-xốp đọc rồi là đến lượt tôi. Cô-li-ô-xốp có hiểu biết chính trị hơn tất cả đám thợ. Tạp chí thì A-lếch-xăn-đơ cho tôi mượn. Còn sách, tôi tiết kiệm tiền “đi tàu” để mua. Đôi khi chủ sai tôi đem da cho khách hàng ở Ma-ri-na hoặc Da-mô-xơ-vô-rét-chi-ê, ông cho tôi tiền đi xe ngựa, nhưng tôi vác da lên vai cuốc bộ, còn tiền thì tôi để dành.

Sang năm học nghề thứ tư, tôi đã trở thành một chàng trai khỏe mạnh. Tôi được đi Ni-giơ-ni Nốp-gô-rôt (bây giờ là thành phố Goóc-ki) để dự hội chợ lớn. Ở đây người chủ xưởng thuê một cửa hàng để bán lẻ lông thú thuộc. Hồi đó ông càng giàu thêm, giao thiệp buôn bán rất rộng, và sống cũng càng kiết hơn.

Nhiệm vụ tôi ở hội chợ là đóng gói những hàng đã bán và gửi theo địa chỉ cho sẵn qua bến trên sông Vôn-ga, qua bến Xi-biéc-xơ trên sông Ô-ca hoặc theo đường sắt qua phòng chuyển hàng. Lần đầu tiên tôi được thấy sông Vôn-ga và tôi đã rất đỗi ngạc nhiên trước cảnh đẹp bao la của nó, trước đó tôi chưa hề thấy con sông nào rộng và lớn hơn sông Prôt-va và sông Mát-xơ-va. Đó là vào một buổi sáng sớm, sông Vôn-ga lấp lánh dưới ánh bình minh. Tôi say sưa ngắm cảnh sông nước huy hoàng đó

không chớp mắt, lòng thầm nghĩ: “Bây giờ mình mới hiểu tại sao có nhiều bài hát ca ngợi sông Von-ga và tại sao người ta đã gọi nó là người mẹ vĩ đại”.

Người mua và buôn bán khắp nước Nga kéo đến hội chợ Ni-giơ-ni Nốp-gô-rôt. Cả nhiều nước khác cũng đưa hàng đến hội chợ. Hội chợ nằm phía ngoài thành phố, giữa Ca-na-vin và Ni-giơ-ni Nốp-gô-rôt, trong một thung lũng thấp, thường hay bị ngập trong kỳ nước lũ mùa xuân.

Ngoài thương gia và người mua hàng, ở hội chợ Ni-giơ-m Nốp-gô-rôt còn có nhiều hạng người, kẻ đến làm ăn lương thiện, người đến vì mục đích đen tối. Bọn trộm cướp, lừa đảo, gái điếm và những bọn chạy áp-phe khác cũng bầu vào như đàn quạ.

Sau hội chợ Ni-giơ-ni Nốp-gô-rôt, trong năm ấy, tôi còn phải đi các hội chợ khác, hội chợ U-ri-u-pi-nô ở tỉnh Vôi-xcô đôn-xcôi-ê. Lão chủ không đi các hội chợ ấy, chỉ cử viên quản lý Va-xi-li Đa-ni-lốp đi thay. Hội chợ ở U-ri-u-pi-nô không có gì đáng nhớ sâu sắc như ở Ni-giơ-ni Nốp-gô-rôt và Vôn-ga. U-ri-u-pi-nô là một thành phố nhỏ và bẩn thỉu, quy mô hội chợ này cũng không lớn.

Quản lý Va-xi-li Đa-ni-lốp là người hung dữ và độc ác. Đến bây giờ tôi cũng không hiểu tại sao y thích hành hạ một đứa bé 14 tuổi vì những lý do không đâu như vậy. Có một lần tôi không nhìn được, đã dùng thanh gỗ để buộc da quật mạnh vào đầu y. Y

ngã xuống và ngất đi. Tôi sợ quá, tưởng là đã đánh y chết, nên tôi bỏ gian hàng trốn. Nhưng sau không có gì lỗi thôi cả. Khi về Mát-xcơ-va y mách với chủ. Không phân phải trái, chủ đánh tôi một trận nên thân.

Năm 1911, tôi được phép về thăm nhà 10 ngày. Lúc đó ở nhà quê đang bắt đầu mùa cắt cỏ, một loại công việc đồng áng thú vị nhất. Đàn ông, thanh niên ở thành phố trở về làng cắt cỏ giúp đàn bà để sớm có thức ăn cho súc vật trong mùa đông.

Khi ở làng ra đi, tôi chỉ là thằng bé. Đến khi về phép tôi đã là một thanh niên cao lớn. Tôi đã 15 tuổi và đã là thợ học việc năm thứ tư. Trong khi đó ở làng đã có bao nhiêu thay đổi, có người đã mất, có người đã đi học việc, có người đã đi làm xa. Tôi không nhận ra nhiều người, và nhiều người cũng không nhận ra tôi.

Người thì quá vất vả nên đã già trước tuổi, trong khi đó cũng có những đứa trẻ đã trở thành người lớn hẳn hoi.

Tôi lên chuyến tàu chở khách đi nghỉ đến Ma-lô-ya-rô-xla-vét để về quê. Suốt đường từ Mát-xcơ-va đến ga xép Prôt-va (cách Mát-xcơ-va 150 kilômét) tôi đứng cạnh cửa sổ. Bốn năm trước đây khi lên Mát-xcơ-va, tàu chạy ban đêm nên tôi không nhìn được phong cảnh dọc đường. Hôm nay, tôi say mê ngắm các công trình kiến trúc nhà ga và cảnh đẹp diệu kỳ của các khu rừng ngoại ô Mát-xcơ-va.

Khi ga qua Na-rô Phô-min-xcơ, tôi nghe một người khách nói

với người bên cạnh:

- Trước năm 1905 tôi thường đến đây... Anh thấy không, những ngôi nhà gạch đỏ kia là nhà máy của Xa-va Mô-rô-đốp.
 - Người ta nói ông ta là người Đảng dân chủ, - người thứ hai nói.
 - Dân chủ tư sản thôi, nhưng nghe nói ông ta đối với công nhân tốt lắm. Tuy vậy ban quản trị của ông ta là một lũ lang sói độc ác
 - Đều là một giuộc chúng nó thôi, - người bên cạnh bực tức nói.
- Thấy tôi lắng nghe chăm chú, (tôi nhớ lại câu chuyện trong toa tàu về nhà máy này mà tôi đã được nghe mấy năm trước đây), họ liền thôi không nói chuyện nữa.

Mẹ tôi đón tôi ở ga xép Prôt-va. Sau bốn năm, mẹ tôi thay đổi nhiều, già hẳn đi. Tôi ghen ngào cố nén để khỏi nắc lên.

Mẹ tôi khóc rất lâu, hai bàn tay sần sùi và chai sạn của mẹ xiết chặt tôi vào lòng nói:

- Con yêu của mẹ! Mẹ tưởng đến chết mẹ không được nhìn thấy mặt con.
- Mẹ nói sao! Mẹ thấy không? Con đã lớn rồi, bây giờ mẹ sẽ đỡ khổ hơn.
- Lạy chúa!

Về đến nhà, trời đã tối. Cha tôi và chị tôi đón chúng tôi trước cổng.

Chị tôi đã lớn và đàng hoàng như một cô dâu. Cha tôi già đi nhiều quá và lưng càng còng thêm. Ông đã 70. Ông đón tôi theo

cách riêng của ông. Ông hôn tôi. Nghĩ đến điều gì đó, cha tôi nói:

- Hay lắm! Bố sống đến hôm nay, bố đã thấy con lớn lên, rắn rỏi. Tôi muốn cho cha mẹ và chị tôi mừng, liền mở gói và trao quà cho từng người. Ngoài ra tôi còn đưa cho mẹ tôi ba rúp, hai cân đường, nửa cân chè và một cân kẹo[5].

- Cám ơn con! - Mẹ tôi mừng rỡ - Đã lâu lắm nhà ta không được uống chè chính cống với đường.

Tôi còn biếu cha tôi thêm một rúp để ra quán uống trà.

- Bố con thì hai chục cô-pêch cũng đủ - Mẹ tôi nói.

- Tôi đợi con tôi bốn năm nay, bà đừng nói đến tiền nong làm cho nó buồn.

Cách một ngày sau, tôi cùng với mẹ và chị tôi đi cắt cỏ. Tôi vui mừng được gặp lại bạn bè, đặc biệt là Li-ô-sca Cô-lô-tua-nui.

Chúng nó đều lớn cả. Ban đầu tôi cảm thấy cắt cỏ không quen.

Tôi mệt quá, mồ hôi tháo ra, có lẽ vì bốn năm không làm. Sau dần quen tay, tôi cắt không kém ai, nhưng miệng tôi khô đi và tôi cố cắt cho đến khi giải lao.

- Sao E-gô-ru-sca, công việc nhà nông vất vả lắm phải không? - Bác Na-da nắm vai tôi và hỏi.

- Công việc vất vả lắm, bác ạ! - Tôi đồng ý.

- Ở nước Anh người ta cắt cỏ bằng máy - Một người đàn ông trẻ đi đến chỗ chúng tôi, nói. Người này trước kia tôi không biết.

- Còn chúng ta thì quanh đi quẩn lại chỉ có cái cày với cái hái. Ê, phải không, chú bé? - Bác Na-da nói.

Tôi hỏi bọn trẻ, người nói đến máy đấy là ai.

- Anh Ni-cô-lai đấy. Con ông trưởng thôn. Anh ta bị đuổi khỏi Mát-xcơ-va vì tội tham gia biểu tình năm 1905. Anh ấy rất bạo miệng, dám chửi cả Sa hoàng đấy.

- Không sao. - Li-ô-sca nói - Chửi Sa hoàng cũng được. Chỉ cần không cho cảnh sát và mật thám nghe là được.

Giờ giải lao đã hết. Mặt trời lên cao. Người ta ngừng cắt cỏ và bắt đầu phơi cỏ. Đến trưa, tôi và chị tôi chất cỏ lên xe rồi đánh xe về nhà. Ở nhà có sẵn khoai tây rán và nước trà đường. Hôm ấy chúng tôi ăn sao mà ngon thế!

Tối đến, quên cả mệt mỏi, đám thanh niên tập trung cạnh kho thóc. Cuộc vui bắt đầu. Họ hát những bài hát trữ tình. Con gái hát giọng cao, trong trẻo. Bọn con trai cố cất giọng trầm còn non choẹt của mình. Rồi họ nhảy múa cho đến mệt lả. Mọi người chia tay nhau vào lúc gần sáng. Chúng tôi vừa mới chợp mắt một tí thì mẹ tôi đã gọi dậy và chúng tôi lại đi cắt cỏ. Tối đến lại diễn lại như thế. Khó mà biết được rằng chúng tôi ngủ lúc nào.

Có lẽ tuổi trẻ có thể làm được tất cả mọi việc! Lúc trẻ, người ta mới khỏe làm sao!

Những ngày nghỉ phép trôi qua rất nhanh. Đã đến ngày phải trở về Mát-xcơ-va. Đêm trước ngày tôi lên đường, làng Cô-xtin-ca

bên cạnh có đám cháy. Gió rất mạnh. Bắt đầu cháy từ giữa làng và lan nhanh sang những nhà ngang, kho lúa bên cạnh. Chúng tôi đang đi chơi, bỗng nhìn thấy cột khói lớn ở phía làng Cô-xtin-ca. Một người la lớn:

- Cháy!

Mọi người lao tới kho cứu hỏa, mỗi người vớ lấy một dụng cụ rồi xách chạy về phía làng Cô-xtin-ca. Chúng tôi đến cứu trước tiên, thậm chí đội chữa cháy Cô-xtin-ca còn đến sau chúng tôi. Cháy rất lớn, mặc dù các đội chữa cháy của các làng xung quanh đã cố hết sức dập lửa, nhưng cũng bị cháy mất nửa làng.

Trong khi xách thùng nước chạy ngang qua một ngôi nhà, tôi nghe tiếng kêu:

- Cứu, cứu chúng tôi với!

Tôi chạy tới chỗ có tiếng kêu và lôi được ra khỏi nhà một em bé tái đi vì sợ và một ông già đang ốm.

Cuối cùng, ngọn lửa bị dập tắt. Bên cạnh đống tro tàn, những người đàn bà kể lễ, trẻ con khóc. Nhiều người mất hết nhà cửa, tài sản, có kẻ không còn lấy một mẩu bánh mì.

Sáng ra tôi thấy chiếc áo vét mới người chủ cho tôi trước khi đi phép (đây là tục lệ) thùng hai lỗ bằng đồng xu.

- Ấy chết! Ông chủ sẽ mắng mày - Mẹ tôi nói.

- Mặc kệ. - Tôi trả lời - Cho ông ấy mắng, cái áo thùng nhưng cứu được đứa bé.

Tôi ra đi lòng nặng trĩu. Tôi càng cảm cảnh khi nhìn những đống tro nhà cháy, ở đây những người chủ bất hạnh đang mò mẫm, đào bới. Họ đang tìm xem may ra còn lại cái gì chưa cháy. Tôi thông cảm với nỗi khổ của họ vì bản thân tôi cũng đã hiểu như thế nào là cảnh vô gia cư.

Tôi đến Mát-xcơ-va vào lúc sáng sớm. Chào chủ xưởng xong, tôi kể về đám cháy trong làng và đưa chỗ áo cháy cho ông xem. Tôi ngạc nhiên vì ông không mắng tôi câu nào, và tôi thầm cảm ơn ông về điều đó.

Mãi sau mới biết là tôi gặp may. Hôm trước, chủ vừa bán được món hàng rất bở và kiếm được nhiều lời.

- Nếu không có cái đó - Phê-do I-va-nô-vich nói - thì mày đã bị đánh tuột da ra như dê tái ấy rồi!

Cuối năm 1911, thời gian học nghề của tôi đã hết. Tôi trở thành thợ trẻ. Chủ hỏi tôi đồng ý ở lại xưởng hay ra ở nhà riêng, ông nói:

- Nếu mày ở lại xưởng, ăn ở dưới bếp với bọn trẻ con như trước thì được lĩnh mỗi tháng 10 rúp, còn ra ở nhà riêng thì được lĩnh 18 rúp.

Kinh nghiệm sống còn ít, tôi nói là sẽ ở lại xưởng. Có lẽ như thế chủ thích hơn vì sau khi tan tầm, tôi luôn luôn phải làm những việc gấp, không công.

Một thời gian sau, tôi quyết định: “Như thế này không ổn. Mình

phải ra ở nhà riêng thôi. Buổi tối mình sẽ được đọc sách thoải mái hơn.

Đến lễ Giáng sinh tôi lại về thăm nhà. Bảy giờ tôi đã trở thành người tự lập rồi. Tôi đã 16 tuổi và điều quan trọng nhất là tôi đã thành nghề, mỗi tháng lĩnh được 10 rúp. Điều đó, lúc bấy giờ đâu phải ai cũng làm được.

Hình như chủ tin tôi, vì tôi thật thà. Ông thường sai tôi đến ngân hàng lấy séc hoặc nộp tiền. Ông cho tôi là người dễ bảo nên thường sai tôi đi đến các cửa hàng, ngoài việc thuộc da, còn giao cho tôi đóng gói và gửi hàng đi các nơi.

Tôi thích công việc này hơn làm ở trong xưởng, vì trong xưởng thì ngoài những câu chửi của công nhân, tôi không còn được nghe chuyện gì hơn. Ở cửa hàng thì khác. Ở đây được tiếp xúc với những người có am hiểu ít nhiều, được nghe những câu chuyện họ trao đổi về những biến cố đương thời.

Các bác công nhân ít đọc báo, ngoài Cô-li-ô-xốp, trong xưởng tôi không còn ai hiểu biết về chính trị. Tôi nghĩ ở các xưởng thuộc da khác cũng có tình trạng như vậy. Hồi đó chưa có công đoàn thuộc da, mỗi người hành động theo cách riêng của mình. Mãi sau này người ta mới tổ chức hội liên hiệp thợ da thu hút những người thợ da vào đó.

Trong thời kỳ này thợ thuộc da không tham gia chính trị. Họ sống riêng lẻ, mỗi người có một thế giới riêng. Nhiều người

không kể đúng, sai gì hết, cứ cặm cùi gom góp cho được một số vốn nhỏ và ước mơ mở xưởng riêng. Thợ thuộc da, thợ may và các thợ thủ công khác hẳn với công nhân ở các nhà máy xí nghiệp là những người vô sản thực sự vì vậy thợ thủ công chưa có ý thức giai cấp, thiếu tình đoàn kết chặt chẽ của những người vô sản.

Công nhân ở nhà máy không mong gì có xưởng riêng. Muốn lập nhà máy phải có hàng nghìn rúp. Họ được lĩnh từng hào, may ra chỉ đủ ăn. Điều kiện làm việc, nguy cơ thất nghiệp đã làm cho họ đoàn kết lại để đấu tranh chống bóc lột.

Công tác chính trị của Đảng Bôn-sê-vich hồi đó tập trung vào giới công nhân trong nhà máy. Bọn men-sê-vich, bọn xã hội cách mạng và các bọn giả danh cách mạng khác hoạt động trong đám công nhân thủ công. Vì vậy không phải ngẫu nhiên mà số thợ thủ công rất ít tham gia cách mạng 1905 và giai đoạn Cách mạng tháng Mười.

Năm 1910 - 1912 không khí cách mạng rất sôi nổi. Các cuộc đình công xảy ra luôn luôn ở Mát-xcơ-va, Pi-tơ và những vùng công nghiệp khác. Sinh viên cũng tham gia các cuộc xuống đường và đình công. Ở nông thôn, yêu cầu cách mạng lên đến cực độ vì nạn đói năm 1912 xảy ra rộng rãi khắp nơi.

Mặc dù sự hiểu biết trong giới công nhân thuộc da kém, nhưng chúng tôi cũng biết về cuộc bắn vào công nhân ở mỏ vàng Lên-

xơ và không khí bất mãn chính trị ngày càng tăng ở khắp nơi. Thỉnh thoảng Phê-do I-va-nô-vich Cô-li-ô-xốp mới có được những tờ báo của Đảng Bôn-sê-vich “Ngôi sao” và “Sự thật”. Các báo này giải thích một cách giản dị và rõ ràng, vì sao không thể điều hòa mâu thuẫn giữa công nhân và tư bản, giữa nông dân và địa chủ, phú nông và vạch rõ quyền lợi chung giữa công nhân và nông dân nghèo.

Hồi đó tôi hiểu biết về các vấn đề chính trị còn lơ mơ, nhưng tôi cũng biết là những tờ báo đó phản ánh quyền lợi của công nhân và nông dân, còn tờ báo “Tiếng nói nước Nga” và tờ “Công báo Mát-xcơ-va” phản ánh quyền lợi của bọn chủ ở nước Nga Sa hoàng và của bọn tư bản. Mỗi khi về làng, tôi cũng đã kể chuyện và giải thích được cho bạn bè và đám đàn ông trong làng về một số vấn đề.

Bắt đầu Thế chiến thứ nhất, tôi còn nhớ đã xảy ra cuộc đập phá các cửa hàng ngoại quốc ở Mát-xcơ-va. Nhân viên công an và mật vụ nấp dưới những khẩu hiệu yêu nước, đã tổ chức cuộc đập phá các hãng Đức và Áo. Việc đó đã thu hút được nhiều người muốn nhân dịp đục nước béo cò. Nhưng vì không hiểu tiếng nước ngoài, nhân dân đã đập phá luôn cả các hãng ngoại quốc khác của Anh, Pháp.

Do ảnh hưởng của tuyên truyền, nhiều thanh niên, đặc biệt trong số con những nhà giàu, được kích động lòng yêu nước, đã tự

nguyện ra mặt trận. A-lếch-xăn-đơ Pi-li-khin cũng quyết định ra mặt trận và luôn luôn khuyên tôi cùng đi.

Ban đầu tôi cũng thích những lời rủ rê đó, nhưng đầu sao tôi nghĩ cũng cần phải hỏi ý kiến bác Phê-do I-va-nô-vich là người có uy tín nhất đối với tôi. Khi nghe tôi nói xong, bác đáp:

- Tao hiểu nguyện vọng của A-lếch-xăn-đơ. Bố nó giàu vì thế nó phải chiến đấu. Còn mày chiến đấu vì cái gì? Thằng ngốc! Có phải mày chiến đấu vì cha mày bị đuổi khỏi Mát-xcơ-va, vì mẹ mày đói phát phù chằng? Đi về mà què chân, cụt tay thì ai còn cần đến mày nữa!...

Tôi nghe theo. Tôi nói với Xa-sa là tôi không ra trận đâu. Nó chửi tôi thậm tệ và tối hôm đó nó trốn nhà ra mặt trận. Hai tháng sau nó bị thương nặng, được đưa về Mát-xcơ-va.

Lúc đó tôi vẫn làm việc ở xưởng, nhưng tôi sống ở nhà riêng ở dãy phố Ô-khôt-nuri, trước mặt khách sạn “Mát-xcơ-va” hiện nay. Tôi thuê nhà bà quả phụ Ma-lư-sê-va mỗi tháng 3 rúp. Tôi yêu con gái bà tên là Ma-ri-a. Chúng tôi chuẩn bị cưới nhau.

Nhưng chiến tranh, xưa nay vẫn thế, đã phá hoại hy vọng và tính toán của chúng tôi.

Vì tổn thất lớn ở mặt trận nên tháng 5-1915, đã phải động viên các thanh niên chưa đến tuổi ra mặt trận. Tôi cũng đến lượt phải đi.

Tôi không phấn khởi lắm vì mỗi bước đi trên đường phố Mát-

xơ-va, tôi đều gặp những người tàn tật từ mặt trận trở về, trong khi đó vẫn thấy bọn con nhà giàu sống phong lưu, nhàn nhã như xưa. Chúng nó đi nghỉ trên những xe sang trọng đưa ngựa, trượt băng, uống rượu ở tiệm ăn “Ya-rơ”. Nhưng tôi lại nghĩ, nếu người ta lấy tôi vào quân đội, tôi sẽ trung thành chiến đấu cho nước Nga.

Tháng 6-1915 có lệnh động viên thanh niên cùng tuổi với tôi vào lính. Tôi xin phép chủ xưởng về làng từ biệt cha mẹ, đồng thời giúp gia đình thu hoạch lúa mì.

[1] Đơn vị đo trọng lượng Nga bằng 16,3 kg - ND.

[2] Tên gọi thân yêu hơn của A-lếch-xây.- ND

[3] Thành Pê-téc-bua gọi theo tiếng La-tinh. Sau này trở thành Lê-nin-grat - ND.

[4] Tức A-lếch-xăn-đrơ, con chủ xưởng - ND.

[5] Một cân Nga bằng 0,409 ki-lô-gam - ND.

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 2

ĐI LÍNH

TÔI được gọi lên huyện Ma-lô-ya-rô-xla-vét tỉnh Ca-lu-ga vào ngày 7-8-1915. Thế chiến thứ nhất lúc đó đang ở vào giai đoạn khốc liệt.

Người ta đưa tôi vào kỵ binh, tôi rất mừng. Tôi vẫn mê binh chủng đầy lãng mạn này. Các bạn của tôi phải vào bộ binh cả và nhiều cậu muốn được như tôi lắm.

Sau đấy mấy tuần, tất cả những người được gọi nhập ngũ đều phải có mặt tại địa điểm tập trung. Chúng tôi được chia về các đội, và tôi không được ở với các bạn đồng hương cùng tuổi.

Xung quanh đều là người lạ và trẻ như tôi cả.

Đến tối, người ta nêch chúng tôi vào các toa chở hàng và đưa đến chỗ đã định - Ca-lu-ga.

Lần đầu tiên tôi cảm thấy buồn bã và cô độc. Tuổi trẻ của tôi đã hết. Tôi tự hỏi, đã sẵn sàng bước vào cuộc đời gian khổ của người lính chưa, và, nếu cần, đã có thể chiến đấu được chưa?

Cuộc sống trước đây đã tôi luyện tôi, và tôi chắc rằng, sẽ hoàn thành một cách vẻ vang bốn phận một người lính.

Các toa chở hàng này mà mỗi toa phải nhét đến 40 người, cho nên suốt dọc đường chúng tôi phải đứng hoặc ngồi ngay trên sàn toa bần thiu. Có người hát, có người bói bài, người thì khóc và thổ lộ tâm sự với người bên cạnh. Có người ngồi cấn chặt răng, mắt chăm chăm nhìn vào một điểm cố định và ngẫm nghĩ về số phận người lính tương lai của mình.

Chúng tôi đến Ca-lu-ga vào lúc ban đêm. Chúng tôi xuống xe hỏa ở một đoạn đường cụt nào đó trên sân ga hàng hóa. Rồi chỉ huy hô “Tập hợp”, “Nhìn trước... thẳng”. Chúng tôi đi ngược lối về thành phố. Có cậu nào đó hỏi viên hạ sĩ rằng, họ đưa chúng tôi đi đâu. Viên hạ sĩ, có lẽ cũng là người tốt bụng, thân mật bảo chúng tôi:

- Đây các cậu, đừng bao giờ hỏi cấp chỉ huy như vậy. Lính là phải lắng lắng thi hành mệnh lệnh, còn đưa lính đi đâu thì chỉ có chỉ huy mới biết thôi.

Như để xác minh lời nói của anh ta, từ đầu hàng, tiếng đội trưởng vang lên:

- Đi trong hàng không được nói chuyện.

Cô-li-a Xíp-xốp - người bạn mới của tôi - lấy cùi tay thúc vào người tôi, thì thầm:

- Thấy không! Bắt đầu đòi lính đấy.

Đi được độ 3 giờ, tương đối mệt rồi thì chúng tôi được nghỉ một lúc. Trời đã gần sáng, mọi người buồn ngủ quá, vừa ngồi xuống đất, đã nghe tiếng ngáy khắp lượt.

Nhưng mệnh lệnh lại vang lên: “Tập hợp”. Lại lên đường và sau một giờ nữa, chúng tôi đến một trại lính. Chúng tôi được đưa vào một lán gỗ và nằm ngay trên sàn. Chỉ huy bảo có thể nghỉ đến 7 giờ sáng. Ở đây đã có trên 100 người đến trước. Gió thổi vào các khe hở và cửa sổ mở toang. Mặc dù “thông gió” như thế nhưng cũng không ăn thua gì, trong lán vẫn rất ngột ngạt.

Sau khi ăn sáng xong, người ta tập hợp chúng tôi và tuyên bố chúng tôi hiện thuộc tiểu đoàn bộ binh dự bị 189. Ở đây sẽ thành lập trung đoàn kỵ binh dự bị 5. Từ nay cho đến lúc phiên chế vào kỵ binh, sẽ học chiến thuật bộ binh.

Họ phát cho chúng tôi súng bộ binh để tập, tiểu đội trưởng, hạ sĩ quan Sác-vô-rô-xtốp, công bố nội quy và nhiệm vụ của chúng tôi. Anh ta nghiêm khắc cảnh cáo rằng, ngoài trường hợp cần thiết, không ai được đi đâu cả, nếu không muốn bị đưa về tiểu đoàn kỷ luật. Anh ta nói nhất gừng, the thé, nói câu nào cũng nắm tay khoa theo. Trong con mắt ti hí của anh, lộ ra một vẻ độc ác tưởng chừng như chúng tôi là những kẻ thù đáng nguyên rủa của anh ta.

- Vâng, - bọn lính trả lời - Chúng tôi không mong đợi điều đó.

Sau đó một thượng sĩ đi tới. Viên hạ sĩ hô “Nghiêm”.

- Tôi là trung đội trưởng Ma-li-áp-cô, - thượng sĩ nói - tôi mong các anh hiểu rõ những điều giải thích của tiểu đội trưởng, và như thế là các anh sẽ phục vụ trung thành Sa hoàng và Tổ quốc. Tôi sẽ không tha thứ những kẻ ương ngạnh đâu.

Ngày đầu tiên tập đội ngũ bắt đầu. Ai nấy đều cố gắng chấp hành đúng mệnh lệnh, làm đúng động tác đội ngũ và phương pháp sử dụng vũ khí. Nhưng làm hài lòng chỉ huy đã không phải là dễ, thì chuyện được khen lại càng khó. Nếu có ai trong số chúng tôi làm sai thì cả tiểu đội phải ở lại tập thêm. Chúng tôi về ăn cơm tối sau cùng, thức ăn đã nguội ngắt.

Cảm tưởng về ngày đầu thật khó chịu. Mong cho chóng vào ngã lưng xuống sàn và ngủ một giấc. Nhưng trái với ý muốn của chúng tôi, tiểu đội trưởng lại ra lệnh tập hợp và tuyên bố rằng, vì ngày mai phải điếm danh ban đêm, nên tối nay phải học thuộc bài quốc ca “Cầu Chúa phù hộ Sa hoàng”. Tập hát mãi đến khuya, 6 giờ sáng hôm sau đã bị dựng dậy để tập thể dục.

Ngày nào cũng như ngày nào, thật là đơn điệu. Đến ngày chủ nhật đầu tiên, tưởng đã được nghỉ ngơi, tắm rửa, nhưng người ta lại bắt chúng tôi đi dọn bãi tập và xung quanh trại. Dọn dẹp mãi đến lúc ăn trưa. Sau giờ nghỉ thì lau súng và viết thư cho gia đình. Hạ sĩ báo trước cho biết, trong thư không được phàn nàn gì cả, vì kiểm duyệt sẽ không bỏ qua cho đâu.

Kéo dài như thế này mãi thật là gay go. Nhưng được cái là trước

đây khi chưa vào lính, chúng tôi không được cuộc sống luôn luôn nuông chiều cho nên chỉ trong khoảng hai tuần lễ, phần lớn chúng tôi đã quen với kỷ luật nhà binh.

Vào cuối tuần lễ học tập thứ hai, đại úy đại đội trưởng Vô-lô-din tới kiểm tra trung đội tôi. Người ta nói rằng ông ta uống rượu rất dữ, khi nào ông ta say thì tốt nhất là đừng để ông ta nhìn thấy.

Trông bề ngoài, đại đội trưởng của chúng tôi thì không khác gì những sĩ quan khác, nhưng có điều dễ nhận thấy là ông ta kiểm tra rất qua loa việc huấn luyện chiến đấu của chúng tôi. Sau khi kiểm tra, ông dặn chúng tôi phải cố gắng hơn vì “thờ Chúa thì cầu kinh, thờ Sa hoàng thì phải cúc cung tận tụy”.

Trước khi chuyển đến trung đoàn kỵ binh dự bị 5, chúng tôi còn gặp đại đội trưởng mấy lần và hình như lần nào ông cũng ngà ngà hơi men. Còn tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn dự bị 189 như thế nào, suốt thời gian tập ở đây chúng tôi không hề gặp.

Tháng 9-1915, người ta chuyển chúng tôi về U-crai-na tới trung đoàn kỵ binh dự bị 5. Trung đoàn này đóng ở Ba-lắc-lê-ya, tỉnh Khác-cốp. Qua Ba-lắc-lê-ya, đơn vị chúng tôi đến ga Xa-vin-xa để chuẩn bị bổ sung cho sư đoàn kỵ binh 10. Các hạ sĩ quan và sĩ quan kỵ binh mặc quân phục mới toanh ra đón chúng tôi ở sân ga. Người thì mặc theo kiểu kỵ binh nhẹ, người thì mặc theo kiểu thương kỵ binh, người thì mặc theo kiểu long kỵ binh[1]. Sau khi được phân lẻ ra, chúng tôi - những người ở các tỉnh Ma-lô-ya-rô-

xla-vét, Mát-xơ-va và một số ở tỉnh Vô-rô-ne-giơ được đưa về đội long kỵ binh.

Chúng tôi bực mình vì không được vào kỵ binh nhẹ, không phải chỉ vì kỵ binh nhẹ ăn mặc đẹp hơn. Người ta còn nói với chúng tôi là ở đơn vị ấy tốt hơn và điều chủ yếu là ở đó có những sĩ quan có lòng nhân đạo hơn. Mà trong quân đội Sa hoàng, số phận người lính nằm trong tay các hạ sĩ quan.

Ngày hôm sau người ta phát quân phục kỵ binh cho chúng tôi và giao cho mỗi người một con ngựa. Tôi được giao một con ngựa cái rất bướng bỉnh có bộ lông màu xám và thuộc loại ngựa “Chasét-nai-a”.

Phục vụ trong kỵ binh có vẻ thú vị hơn bộ binh, nhưng lại khó hơn nhiều. Ngoài những môn học chung, còn phải tập cưỡi ngựa, sử dụng gươm giáo và chăm nom ngựa. Chúng tôi dậy không phải lúc 6 giờ như bộ binh, mà từ 5 giờ và đi ngủ muộn hơn một giờ.

Khó nhất là những khoa mục của lính kỵ mã nghĩa là phi ngựa, leo dây và tập gươm giáo. Trong thời gian đi ngựa có lúc sảy chân chảy máu nhưng không được kêu ca. Người ta chỉ nói với chúng tôi một điều: Hãy chịu đựng, anh chàng Cô-dắc ơi, anh sẽ trở thành quan đấy”. Và chúng tôi đã chịu đựng mãi cho đến khi ngồi vững trên yên ngựa.

Trung đội trưởng của chúng tôi là thượng sĩ Du-rắc-cốp[2]

nhưng ngược lại với tên đó, anh ta tỏ ra khá thông minh và tốt bụng. Anh rất nghiêm khắc, nhưng lính bao giờ cũng chịu nghe theo và không bao giờ giận anh. Trái lại, trung sĩ Bô-rô-đáp-cô thì hoàn toàn trái ngược, hay la lối, bông bột và rất hách dịch. Những người kỳ cựu ở đây nói rằng hắn ta đã nhiều lần đánh gãy răng lính.

Hắn ta đặc biệt tàn nhẫn khi chỉ huy cưỡi ngựa. Chúng tôi nhận rõ điều đó trong những lần trung đội trưởng nghỉ ngắn ngày. Bô-rô-đáp-cô, khi tạm thay trung đội trưởng được dịp dõ dủ trò. Hắn làm khổ, làm nhục anh em lính chúng tôi không biết bao nhiêu! Ban ngày thì hấn thúc tập cho đến khi ngã gục tại chỗ, đặc biệt hấn trù những người trước khi vào lính đã ở hoặc làm việc tại Mát-xcơ-va vì hấn cho đó là những người thông minh và hiểu biết hơn. Ban đêm thì hấn đi kiểm tra canh gác đến mấy lần, nếu gặp trực ban nào ngủ gật là hấn đánh ngay. Bọn lính chúng tôi căm ghét hấn đến cực độ.

Có một lần sau khi đã bàn với nhau, rình hấn đi vào một góc tối chúng tôi lấy vải bạt chụp lấy đầu và đá cho một trận bất tỉnh nhân sự. Cứ tưởng rằng tất cả chúng tôi phải ra toà án binh, nhưng cả trung đội không ai việc gì cả, trái lại Bô-đô-đáp-cô phải chuyển sang binh đoàn khác.

Đến mùa xuân năm 1916, về căn bản, chúng tôi đã trở thành những kỵ binh được huấn luyện. Người ta báo cho chúng tôi biết

sẽ tổ chức thành đại đội kỵ binh chuẩn bị ra trận, và trước khi đi, chúng tôi còn được huấn luyện dã chiến. Những người sinh năm 1897 mới được động viên sẽ thay chúng tôi, còn chúng tôi chuẩn bị chuyển đến một địa điểm khác - làng La-ghe-ri.

Người ta chọn 30 người trong số những người học khá đưa đi đào tạo hạ sĩ quan. Tôi cũng nằm trong số đó. Tôi không muốn vào học lớp này, nhưng trung đội trưởng là người tôi rất kính trọng về trí thông minh, tính kỷ luật và tình yêu đối với binh lính đã khuyên tôi nên đi học.

- Ra trận thì cậu còn chán cơ hội, - anh nói, - nhưng trước hết cậu phải học tập quân sự cho sâu đã, nó sẽ lợi cho cậu về sau. Tôi chắc cậu sẽ trở thành một hạ sĩ quan khá đấy.

Suy nghĩ một lát, anh nói tiếp:

- Tôi cũng chưa vội trở lại mặt trận. Một năm ở tiền tuyến tôi đã hiểu nó ra sao rồi. Tôi hiểu khá nhiều. Tiếc, tiếc quá... nhân dân ta đã hy sinh một cách đại dột và tôi tự hỏi: Hy sinh để làm gì?... Anh không nói gì nữa. Nhưng tôi cảm thấy rằng trong thâm tâm, anh đã nhìn thấy cái mâu thuẫn giữa nhiệm vụ của người lính và nhiệm vụ công dân không chịu nổi ách chuyên chế của Sa hoàng. Tôi cảm ơn anh đã khuyên tôi và đồng ý vào lớp đào tạo hạ sĩ quan. Lớp này đóng ở thành phố I-di-um, tỉnh Khác-cốp. Số anh em chúng tôi đến học có tất cả khoảng 240 người tập hợp từ nhiều đơn vị khác nhau.

Người ta bố trí tất cả chúng tôi vào những căn nhà riêng và lệnh chuẩn bị vào học tập ngay. Không may cho chúng tôi đã gặp phải một cấp chỉ huy rất tệ. Đại úy phụ trách chúng tôi có lẽ còn tệ hơn anh chàng Bô-rô-đáp-cô. Tôi không nhớ tên hắn, tôi chỉ nhớ rằng lính gọi hắn là lão “Bốn rưỡi”, vì ngón tay trở bên phải của hắn bị cụt mất một nửa. Nhưng ngón tay cụt không trở ngại gì khi hắn ta nắm tay lại đâm ngã lính. Hắn không thích gì tôi hơn những người khác, nhưng không hiểu vì sao hắn lại tránh không đánh tôi. Trái lại hắn xét nét tôi từng li từng tí, đôi khi chỉ vì một sơ suất nhỏ tôi cũng bị phạt rồi.

Không ai phải “mang đầy đủ trang bị chiến đấu đứng nghiêm” hoặc phải vác bao cát từ chuồng ngựa đến lán, cũng không ai phải trực nhật vào ngày lễ nhiều như tôi. Tôi cho rằng đó đều là sự độc ác của một tên ngốc và xấu bụng. Tuy nhiên tôi lại mừng vì hắn không thể kiếm chuyện với tôi trong việc học tập được. Biết không làm gì được tôi, hắn thay đổi chiến thuật. Có thể là hắn muốn cản trở việc học tập của tôi vì tôi luôn luôn là người khá hơn cả.

Một hôm, vào ngày chủ nhật, hắn gọi tôi vào phòng của hắn và nói:

- Nay tôi thấy anh là một thanh niên có bản lĩnh, hiểu biết và có khiếu về quân sự. Nhưng anh lại là người Mát-xơ-va, là công nhân, anh học làm gì cho tốn mồ hôi, mệt xác? Anh làm thư ký

nghiệp dư cho tôi đi. Anh sẽ thảo các nhật lệnh, làm thống kê báo cáo học tập và những việc khác tôi sẽ giao cho anh.

- Tôi đến đây để học chứ không phải để làm những việc linh tinh, - tôi đáp - Tôi muốn học quân sự một cách đầy đủ và trở thành hạ sĩ quan.

Hắn tức giận, dọa tôi:

- Được rồi xem! Tôi sẽ làm cho anh không bao giờ trở thành hạ sĩ quan!

Đến cuối tháng 6, khi lớp học của chúng tôi sắp hết thì bắt đầu phải thi. Theo thường lệ, những học sinh giỏi trong lớp, khi tốt nghiệp, sẽ được phong hạ sĩ, còn những người khác mang danh hiệu phó hạ sĩ, tức là chuẩn bị làm hạ sĩ quan. Bạn bè tôi ai cũng tưởng là tôi sẽ đỗ đầu, nhất định sẽ được phong hạ sĩ quan và sẽ được bổ sung làm tiểu đội trưởng, vì đây còn khuyết một.

Nào ngờ trước khi tốt nghiệp hai tuần, người ta tuyên bố trước đơn vị là tôi bị khai trừ ra khỏi lớp học vì vô kỷ luật và không phục tùng cấp chỉ huy trực tiếp. Mọi người đều biết đó là “Bốn rưỡi” trừ tôi Nhưng không còn làm gì được nữa.

Không ngờ lại có người giúp tôi. Nguyên ở trung đội tôi có một học viên tình nguyện là Scô-rin-nô, em của đại đội phó đại đội cũ của tôi.

Scô-rin-nô học rất kém và không thích quân sự, nhưng lại là người tốt và giao thiệp rộng. “Bốn rưỡi” cũng gồm anh ta. Scô-

rin-nô liền đến ngay cấp chỉ huy nhà trường báo cáo về trường hợp bắt công của tôi.

Hiệu trưởng nhà trường cho gọi tôi đến. Tôi rất lo lắng vì từ trước đến nay chưa hề nói chuyện với các sĩ quan của tiểu đoàn, Tôi nghĩ bụng: “Thôi thế là trượt rồi, chắc là phải sang tiểu đoàn kỷ luật thôi”.

Chúng tôi rất ít tiếp xúc với hiệu trưởng. Nghe nói ông ta được làm sĩ quan vì lòng dũng cảm và được thưởng nhiều huân chương Thánh Gioóc và huy chương khác. Trước chiến tranh, hình như ông phục vụ trong trung đoàn U-lan làm chức thượng sĩ kỵ binh chuyên nghiệp. Chúng tôi chỉ trông thấy ông trong các buổi điểm tên buổi tối; người ta nói rằng sau khi bị thương nặng, ông đau ốm luôn.

Tôi rất ngạc nhiên khi thấy ông ta có đôi mắt hiền từ, thậm chí có thể nói là cái nhìn của ông ấm áp và vẻ mặt của ông chân thật vô cùng.

- Sao, phục vụ trong quân đội không chịu nổi à? - ông hỏi và chỉ ghé cho tôi ngồi. Tôi vẫn đứng không dám ngồi - Ngồi xuống chứ, đừng sợ!... Hình như cậu là người Mát-xơ-va?

- Thưa ngài, vâng ạ. - Tôi trả lời, cố gắng nói to và rành rọt từng tiếng.

- Tôi cũng người Mát-xơ-va đây. Trước khi nhập ngũ, tôi làm thợ mộc ở Ma-ri-nai-a Rô-sa. Nhưng mắc kẹt trong quân ngũ,

nên bây giờ có lẽ phải hiến thân cho quân sự thôi - ông nói một cách êm dịu - Đây này, bản nhận xét về anh xấu lắm! Ghi là trong bốn tháng học tập anh đã bị phạt mười lần và, trước mặt đồng đội, anh gọi trung đội trưởng là “bộ da gấu” và những tiếng không tốt khác. Có đúng không?

- Thưa ngài, đúng ạ - Tôi đáp - Nhưng chỉ có một điều tôi có thể báo cáo với ngài được là: Ai ở địa vị tôi cũng phải làm như thế. Tôi thành thật kể lại cho ông nghe mọi việc đã xảy ra. Ông chăm chú nghe và cuối cùng nói:

- Thôi, anh về trung đội và chuẩn bị thi đi.

Tôi rất hài lòng vì mọi việc đã kết thúc một cách tốt đẹp. Nhưng khi tốt nghiệp tôi không được đậu đầu. Scô-ri-nô được phong hạ sĩ quan, còn tôi và những người khác được phong phó hạ sĩ quan. Bây giờ đánh giá lại các khoá huấn luyện quân sự của quân đội cũ, tôi có thể nói là nói chung người ta dạy rất kỹ, đặc biệt là huấn luyện về đội ngũ. Mỗi học sinh tốt nghiệp đều nắm vững động tác cưỡi ngựa, sử dụng vũ khí và phương pháp huấn luyện chiến sĩ. Không phải ngẫu nhiên mà nhiều hạ sĩ quan quân đội cũ sau Cách mạng tháng Mười đã trở thành những chỉ huy quân sự giỏi của Hồng quân.

Công tác giáo dục, về cơ bản là thô bạo. Những hạ sĩ quan tương lai đó không có thói quen đối xử nhân đạo với binh sĩ, không chú ý đến tâm tư tình cảm của binh sĩ. Người ta chỉ nhằm có một

mục đích là làm thế nào để biến các binh sĩ thành những người phục tùng mệnh lệnh một cách máy móc. Kỷ luật xây dựng trên cơ sở tàn bạo. Tuy quy định không được dùng nhục hình, nhưng thực tế đã được dùng khá rộng rãi.

Về quân đội Sa hoàng, người ta viết đã nhiều và thiết tưởng không cần phải nhắc thêm. Tôi chỉ kể lại một số trường hợp mà tôi thấy cần thiết.

Đặc điểm rõ nhất của quân đội Sa hoàng là gì? Trước hết là sự xa cách và không nhất trí giữa quân chúng binh sĩ và hàng ngũ sĩ quan cao cấp.

Trong chiến tranh, đặc biệt là năm 1916 và đầu năm 1917, vì tổn thất quá nhiều nên đội ngũ sĩ quan được bổ sung bằng nhiều đại biểu lao động trí óc, những công nhân, nông dân có học và cả những binh lính, hạ sĩ quan chiến đấu xuất sắc, vì vậy sự khác biệt đó (từ tiểu đoàn đến sư đoàn) mới phần nào giảm bớt.

Nhưng nó vẫn còn tồn tại trong các binh đoàn. Sĩ quan và tướng lĩnh không hề gần gũi đông đảo binh sĩ, không hiểu binh sĩ sống và nghĩ như thế nào. Họ hoàn toàn xa lạ đối với binh sĩ. Tình trạng đó và sự dốt nát khá phổ biến về chiến thuật - chiến lược của bọn tướng lĩnh và sĩ quan cao cấp đã dẫn đến chỗ là các chỉ huy - chỉ trừ một vài người cá biệt - không có uy tín đối với binh sĩ. Trái lại, trong hàng ngũ sĩ quan trung cấp, gần cuối chiến tranh, có nhiều người gần gũi với binh sĩ. Những người chỉ huy

như vậy đã được binh sĩ tin yêu và sẵn sàng làm theo trong mọi việc.

Chỗ dựa để quân đội cũ có thể đứng vững được là hàng ngũ hạ sĩ quan. Họ là những người đào tạo, huấn luyện, gắn liền đông đảo binh sĩ lại với nhau. Hạ sĩ quan được lựa chọn kỹ lưỡng. Những người được lựa chọn phải qua những khoá học đặc biệt, mà ở đó họ được đào tạo thành những lính chiến mẫu mực. Thêm vào đó, như tôi đã nói ở phần trên, nếu phạm một sai sót nhỏ nào là họ lập tức bị phạt, đánh đập và nhục mạ. Do đó, những hạ sĩ quan tương lai, sau khi ra trường, có kỹ thuật chiến đấu giỏi, đồng thời có “kinh nghiệm” bắt các cấp dưới phải tuân theo những đòi hỏi của quân đội Sa hoàng.

Phải nói rằng, sĩ quan phụ trách các phân đội hoàn toàn tin cậy giao phó việc huấn luyện và giáo dục binh sĩ cho các hạ sĩ quan. Sự tin cậy đó nhất định đã làm cho hạ sĩ quan phải đề cao tinh thần chủ động, sáng tạo và có ý thức trách nhiệm tự giác. Trong khi chiến đấu, hạ sĩ quan đặc biệt là hạ sĩ quan đào tạo chính quy, phần lớn là những người chỉ huy giỏi.

Qua nhiều năm thực tiễn tôi thấy rằng ở đâu mà các cán bộ cấp trên cứ bao biện, không tin vào các sĩ quan cấp dưới, thì ở đó không bao giờ có được những cán bộ cấp dưới xứng đáng, vì vậy không thể có những phân đội tốt được.

Vào đầu tháng 8, trung đoàn ra lệnh gửi các học viên kỵ binh

vừa mẫn khoá vào binh đoàn bổ sung đi chiến đấu. Mỗi tốp 15 người được đưa thẳng ra mặt trận, nhập vào sư đoàn kỵ binh 10. Trong danh sách 15 người, tôi đứng vào hàng thứ hai và tôi không ngạc nhiên mấy về điều đó vì tôi thừa hiểu do bàn tay ai xếp đặt rồi.

Khi người ta đọc danh sách trước đơn vị, “Bốn rưỡi” mỉm cười, tỏ ra rằng: số phận mỗi người chúng tôi phụ thuộc vào hãn ta. Sau đó chúng tôi được ăn một bữa theo tiêu chuẩn ngày lễ, rồi lệnh chuẩn bị lên đường. Mang ba-lô lên vai, chúng tôi đi đến nơi tập trung và sau mấy giờ, đoàn chúng tôi đã lên đường đi về phía Khác-cốp.

Đoàn chúng tôi đi rất lâu, có khi phải dừng lại hàng giờ ở ngã tư chờ cho sư đoàn bộ binh nào đó đi qua. Những người bị thương nặng đưa từ mặt trận về, đoàn tàu quân y cũng phải nhường đường cho các đoàn tàu ra mặt trận. Qua những người bị thương, chúng tôi biết nhiều chuyện, trước hết là chuyện quân đội ta trang bị rất tồi. Binh lính nói rất xấu về các sĩ quan cao cấp, họ đồn là ở bộ chỉ huy tối cao có người được bọn Đức mua chuộc làm phản. Binh lính ăn uống rất khổ. Những tin tức ấy từ mặt trận đưa về làm cho chúng tôi khó chịu. Chúng tôi im lặng, đi lại xung quanh đoàn tàu.

Sáng hôm sau, người ta đổ chúng tôi xuống vùng Ca-mê-nét Pô-đôn-xơ. Đồng thời đơn vị bổ sung cho trung đoàn 10 kỵ binh

nhẹ Tu-giéc-man-lan và 100 ngựa của trung đoàn 10 long kỵ binh Nốp-gô-rôt cũng được đổ xuống đây.

Vừa xuống tàu xong thì có báo động. Ai nấy vội vã chạy tìm lấy chỗ nấp. Một máy bay trinh sát của địch đảo trên đầu chúng tôi mấy vòng, ném mấy quả bom nhỏ rồi rút về phía tây. Một người lính chết và năm con ngựa bị thương.

Đây là trận đầu của chúng tôi. Từ nơi xuống tàu chúng tôi đi theo trật tự hành quân tiến về phía sông Đờ-ne-x-tơ-rơ. Lúc đó sư đoàn chúng tôi đang đóng tại đây làm lực lượng dự bị của Phương diện quân Tây - nam.

Khi đến đơn vị, chúng tôi được tin Ru-ma-ni đã tuyên chiến với Đức và sẽ chiến đấu bên cạnh người Nga chống lại người Đức. Có tin là sư đoàn chúng tôi sẽ ra tiền tuyến trong một ngày rất gần, nhưng chiến trường nào thì không ai biết.

Đầu tháng 9, sư đoàn chúng tôi hành quân tới vùng rừng núi Bur-x-tơ-rít-xki. Ở đây sư đoàn phải trực tiếp tham chiến nhưng phần nhiều phải chiến đấu như bộ binh vì điều kiện địa lý ở đây không dùng kỵ binh được.

Chúng tôi luôn luôn nhận được những tin tức đáng lo ngại. Quân ta bị thiệt hại nặng. Thực tế không còn tấn công nữa. Mặt trận đã ngừng tại chỗ. Phía quân đội Ru-ma-ni tình hình cũng không tốt đẹp hơn. Họ chưa được huấn luyện kỹ, thiếu vũ khí, nên ngay trong những trận chiến đấu đầu tiên với quân Đức và Áo, đã bị

thiệt hại nặng.

Trong binh lính, sự bất mãn ngày càng tăng, nhất là khi họ nhận được thư nhà báo tin về nạn đói và tình trạng rối loạn ở quê họ. Cảnh tượng đó, chúng tôi cũng nhìn thấy ngay trong các làng gần mặt trận ở U-crai-na, Bu-cô-vi-na và Môn-đa-vi. Nông dân ở đây cũng phải chịu những tai hoạ như vậy dưới ách Sa hoàng; cũng do sự liều lĩnh của Sa hoàng mà ba năm nay máu của nông dân và công nhân đã đổ? Binh lính đã hiểu rằng: họ sẽ trở thành những người tàn tật, sẽ chết không phải vì quyền lợi của họ, mà vì “những kẻ quyền thế trên đời này”, vì quyền lợi của những kẻ đang bóc lột họ đến xương tủy[3].

Tháng 10-1916, tôi gặp điều không may: trong khi cùng hai người bạn đi trinh sát ở đường vào Xai-rê-ghe-n, tại một đồn tiền tiêu của địch, chúng tôi đụng phải mìn. Hai người kia bị thương nặng, còn tôi bị sức ép hất tung xuống yên ngựa. Đến ngày hôm sau tôi mới tỉnh lại trong viện quân y. Vì bị chấn thương nặng, tôi được đưa về Khác-cốp và nằm điều trị ở đây cho đến cuối tháng Chạp.

Ra viện lâu rồi mà tôi vẫn chưa được bình phục, nhất là tai nghe không rõ. Hội đồng quân y gửi tôi tới đại đội bổ sung ở làng La-ghe-ri. Tới đây, tôi gặp lại các bạn cùng đại đội tân binh trước kia. Họ đến đóng ở đây từ mùa xuân. Lẽ tất nhiên, tôi rất mừng. Trước đây, từ đại đội vào lớp huấn luyện, tôi còn là một người

lính trẻ, giờ đây trở lại, tôi đã là một hạ sĩ quan có kinh nghiệm chiến đấu và được gắn hai huân chương Thánh Gioóc trên ngực vì đã có công bắt được sĩ quan Đức làm tù binh và vì bị thương nặng.

Khi chuyện trò với binh lính, tôi hiểu rằng họ không ham gì “ngủ thuốc súng”, không muốn chiến tranh. Họ có những suy nghĩ khác, không nghĩ tới lời thề với Sa hoàng, mà họ nghĩ về ruộng đất về hòa bình, về người thân của họ. Cuối năm 1916, trong binh lính càng xôn xao về những tin công nhân Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va và những thành phố khác đình công, biểu tình. Họ bàn tán về những người Bôn-sê-vich đang đấu tranh chống Sa hoàng để giành hòa bình, ruộng đất và tự do cho nhân dân lao động. Bây giờ, ngay chính binh lính cũng cương quyết đòi chấm dứt chiến tranh.

Mặc dù tôi là hạ sĩ quan, nhưng binh lính vẫn tin tôi và thường nói với tôi những chuyện quan trọng. Tất nhiên lúc đó tôi ít hiểu về chính trị, nhưng tôi cũng biết chỉ có những người Bôn-sê-vich mới đem lại hòa bình, ruộng đất và tự do cho nhân dân Nga.

Ngoài họ ra, không còn ai khác. Tôi đã cố hết sức gợi lên ý nghĩ đó trong binh lính và vì thế tôi đã được họ hoan nghênh.

Và sự việc đã diễn ra như dưới đây.

Sáng sớm ngày 27-2-1917, binh đoàn đang đóng ở làng La-ghe-ri, bỗng có báo động. Bộ đội tập hợp ngay gần chỗ ở của đại úy

đại đội trưởng kỵ binh, Nam tước Phôn-đéc Gôn-xờ. Tất nhiên là không ai hay biết gì cả. Sĩ quan trung đội tôi là trung úy Ki-ép-xki.

- Thưa ngài , người ta tập trung chúng ta đi đâu mà báo động thế vậy? - Tôi hỏi ông ta.

Ông đáp lại tôi bằng câu hỏi:

- Theo anh thì thế nào?

Tôi nói là binh lính cần biết họ sẽ phải đi đâu, đặc biệt khi thấy người ta phát đạn thật cho chúng tôi.

- Thế thì sao? Có thể cũng cần dùng đến đạn đấy!

Câu chuyện chấm dứt vì đại úy Nam tước Phôn-đéc Gôn-xờ đi tới.

Y là một đại úy phụ trách tác chiến. Y có gươm vàng, có huân chương Thánh Gioóc của quân đội và nhiều huân chương khác. Nhưng y lại là một người đáng ghét, nói năng thô bạo với binh lính nên họ không ưa mà chỉ sợ y thôi.

Sau khi hô “Nghiêm”, đại úy chào đại đội.

Nam tước Phôn-đéc Gôn-xờ ra lệnh cho chúng tôi xếp thành hàng ba và cho ngựa đi nước kiệu. Đại đội đi theo đường dẫn tới thành phố Ba-lắc-lê-ya. Bộ tham mưu trung đoàn dự bị 5 đóng ở đây. Khi đến trại trung đoàn, chúng tôi thấy đoàn long kỵ binh Ki-ép và kỵ binh nhẹ In-ghéc-man-lan đã tập hợp chỉnh tề. Đại đội của tôi cũng triển khai thành hàng ngang. Những bộ phận

khác cũng đã tới. Không ai biết việc gì đang xảy ra.

Một lúc sau mới rõ sự tình như sau. Ở một góc bên cạnh, thấy xuất hiện những người biểu tình mang cờ đỏ không biết từ đâu đến. Viên chỉ huy đại đội chúng tôi thúc ngựa phi về phía ban tham mưu trung đoàn. Những viên chỉ huy các đại đội khác đi theo hẩn ta. Trong lúc đó thì có một quân nhân và công nhân từ trong ban tham mưu đi ra.

Một quân nhân dáng cao cao nói chuyện với binh lính, giọng sang sảng. Anh ta nói: giai cấp công nhân, binh lính, nông dân nước ta từ nay không công nhận Sa hoàng Ni-cô-lai II nữa, cũng không thừa nhận bọn tư bản và địa chủ nữa. Nhân dân Nga không muốn tiếp tục cuộc chiến tranh để quốc đẫm máu này nữa. Họ cần hòa bình, ruộng đất và tự do. Anh ta kết thúc những lời nói ngắn gọn đó bằng các khẩu hiệu: “Đả đảo Sa hoàng! Đả đảo chiến tranh! Hòa bình giữa các dân tộc muôn năm! Xô-viết đại biểu Công Nông Binh muôn năm! Hoan hô!”.

Không ai ra lệnh cho binh lính nữa. Tự lòng mình, anh em hiểu phải làm gì. Từ trong hàng ngũ vang tiếng hô đáp lại: “Hoan hô! Hoan hô!...”. Binh lính hòa lẫn với đám biểu tình...

Sau đó chúng tôi mới biết đại úy Nam tước Phôn-déc Gôn-xơ và nhiều sĩ quan khác đã bị ủy ban binh sĩ bắt. Ủy ban này đã ra hoạt động công khai và bắt giữ những ai có thể ngăn cản công tác cách mạng.

Bộ đội được lệnh trở lại hàng ngũ và đợi lệnh của ủy ban binh sĩ. Đứng đầu ủy ban binh sĩ của trung đoàn là đảng viên Bôn-sê-vich Ya-cốp-lép (tôi tiếc rằng không nhớ tên và phụ danh của đồng chí ấy). Sáng hôm sau đồng chí phái tới đại đội tôi một sĩ quan. Sĩ quan đó ra lệnh tập hợp bộ đội để chọn đại biểu vào Xô-viết trung đoàn, đồng thời bầu ủy ban binh sĩ đại đội.

Trung úy Ki-ép-xki, tôi và một người lính nữa ở trung đội 1 (tiếc rằng không nhớ tên họ người lính này) được bầu làm đại biểu Xô-viết trung đoàn.

Vào đầu tháng 3, Hội nghị toàn Xô-viết đại biểu binh sĩ trung đoàn họp ở Ba-lắc-lê-ya. Đồng chí Ya-cốp-lép giải thích rất rõ về nhiệm vụ các Xô-viết, về sự cần thiết phải củng cố sự nhất trí giữa binh lính, công nhân và nông dân để tiếp tục cuộc đấu tranh cách mạng. Chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh lời phát biểu của đồng chí.

Sau đó một hạ sĩ phát biểu tiếp. Lúc đầu anh ta nói cũng hay, hầu như là ủng hộ cách mạng, nhưng gần cuối anh ta lại tán dương chính phủ lâm thời, tán dương việc động viên quân đội ra mặt trận. Những người lính tức giận phản đối nhau nhao. Đến khi bầu Xô-viết trung đoàn, người ta chỉ bầu những ai ủng hộ lập trường của người Bôn-sê-vich. Thế là Xô-viết trung đoàn chúng tôi đã trở thành Bôn-sê-vich.

Đến tháng 5, đồng chí Ya-cốp-lép phải đi công tác nơi khác. Sau

khi đồng chí ấy đi, Xô-viết làm việc kém hẳn đi, không bao lâu các đại biểu bị bọn xã hội cách mạng Men-sê-vich lái, Xô-viết trở lại ủng hộ chính phủ lâm thời. Cuối cùng, đến đầu mùa thu, một số đơn vị chuyển sang phía Pét-liu-ra.

Trong đại đội tôi phần lớn là người Mát-xcơ-va và Ca-lu-ga. Ủy ban binh sĩ đại đội cho phép ai nấy trở về nhà. Chúng tôi cấp cho binh sĩ giấy giải ngũ và khuyên họ đem theo súng và đạn. Sau đó chúng tôi được biết đội cảnh giới Gai-đa-mác[4] ở Khác-cốp đã tịch thu vũ khí của phần lớn các binh sĩ này. Tôi phải trốn ở Ba-lắc-lê-ya ở làng La-ghe-ri mất mấy tuần vì bọn sĩ quan chạy sang phục vụ cho bọn dân tộc chủ nghĩa U-crai-na lòng bất.

Ngày 30-11-1917, tôi về được đến Mát-xcơ-va. Ở đây chính quyền đã nắm vững vàng trong tay Đảng Bôn-sê-vich và đại biểu công nông binh từ tháng Mười.

Tháng Chạp năm 1917 và tháng Giêng năm 1918, tôi về làng với cha mẹ, và sau khi nghỉ ngơi, tôi quyết định tham gia đội Cận vệ đỏ. Nhưng đầu tháng Hai, tôi bị sốt phát ban nặng và tháng Tư tôi lại bị sốt trở lại. Mãi nửa năm sau, đến tháng 8-1918, tôi mới tình nguyện xin vào được trung đoàn kỵ binh 4 thuộc sư đoàn kỵ binh Mát-xcơ-va, từ đó mới thực hiện được nguyện vọng chiến đấu trong hàng ngũ Hồng quân của mình.

Lúc đó Đảng Cộng sản và Chính phủ Xô-viết bắt đầu giải quyết những nhiệm vụ khó khăn và quan trọng là giải thể quân đội cũ

và thành lập quân đội mới, quân đội của công nhân và nông dân. Đồng thời mở rộng việc dân chủ hóa quân đội. Chính quyền trong quân đội giao cho ủy ban binh sĩ và các Xô-viết, mọi người trong quân đội đều bình đẳng về quyền lợi, hàng ngũ chỉ huy từ trung đoàn trở xuống do hội nghị toàn thể binh sĩ bầu. Nhờ đó từ trong binh lính, thủy thủ và cả trong sĩ quan nữa đã xuất hiện nhiều cán bộ quân sự có tài đi theo chính quyền Xô-viết.

Trong một bản báo cáo của ủy ban quân sự thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng toàn Nga, đã viết : “Nếu lúc nào đó có thể nghiên cứu một cách khách quan về tình hình quân đội ta vào thời kỳ cách mạng, thì mọi người đều thấy rằng : chỉ có dân chủ hóa hoàn toàn quân đội, thừa nhận quyền hạn của các cơ quan quân đội do quần chúng rộng rãi binh lính bầu ra và chỉ có chính sách hòa bình mà Hội đồng các Ủy viên nhân dân đã thực hiện mới có thể giữ được quân đội trên các mặt trận cho đến giữa mùa đông năm 1918 và cứu nước nhà ra khỏi tình trạng quân đội tự tiện rút lui về hậu phương”.

Đại hội Xô-viết toàn Liên bang lần thứ III họp tháng Giêng năm 1918 nhất trí quyết định thành lập lực lượng vũ trang của nước ta. Tại Đại hội này đã thông qua “Tuyên ngôn về quyền của người lao động và nhân dân bị bóc lột” do V.I. Lê-nin thảo, trong đó có đoạn nói rõ : “Nhằm bảo đảm toàn vẹn chính quyền của quần chúng lao động và loại trừ khả năng phục hồi chính quyền

của giai cấp bóc lột nay ra sắc lệnh vũ trang cho nhân dân lao động, thành lập Hồng quân xã hội chủ nghĩa của công nông...”. Binh đoàn Hồng quân đầu tiên được thành lập cũng vào tháng Giêng năm 1918 ở Pê-tơ-rô-grát, lấy quân từ mấy trăm chiến sĩ Cận vệ đỏ[5] và binh lính các trung đoàn dự bị của thành Pê-tơ-rô-grát. Đó là quân đoàn 1 của Hồng quân công nông. Cùng lúc đó, một đội quân xã hội chủ nghĩa đầu tiên nữa cũng được phái từ Pê-tơ-rô-grát ra mặt trận phía tây, đội quân này gồm hàng ngàn chiến sĩ Cận vệ đỏ.

Trong buổi long trọng tiễn đưa đội quân này, Lê-nin đã phát biểu ý kiến. Người nói: “Qua các đồng chí, tôi chào mừng những người chiến sĩ tình nguyện anh hùng đầu tiên của quân đội xã hội chủ nghĩa, những người sẽ lập nên quân đội cách mạng hùng mạnh”.

Thủ tục nhận các chiến sĩ tình nguyện vào Hồng quân tiến hành như sau: Mỗi người tình nguyện phải có giấy giới thiệu của ủy ban quân sự, Đảng và các tổ chức quần chúng ủng hộ chính quyền xô-viết khác. Nếu gia nhập thành nhóm thì phải có sự bảo lãnh tập thể. Các chiến sĩ Hồng quân công nông được Chính phủ trợ cấp hoàn toàn, ngoài ra ban đầu mỗi người được lĩnh đến 50 rúp một tháng, sau đó, từ giữa năm 1918, người không có gia đình được lĩnh 150 rúp, người có gia đình - 250 rúp. Mùa xuân năm 1918, Hồng quân đã có đến 20 vạn chiến sĩ, sau đó số tình

nguyên gia nhập ngày càng giảm.

Tất nhiên, việc tuyển mộ bộ đội dựa trên cơ sở tình nguyện có những nhược điểm của nó. Không có lực lượng dự bị chiến đấu, không có hệ thống đào tạo quân bổ sung, quân số không đủ đảm bảo mở những chiến dịch lớn, công tác huấn luyện kém, kỷ luật lỏng lẻo.

Thấy vậy, Ban Chấp hành trung ương Đảng toàn Nga đã ra chỉ thị đặc biệt về việc huấn luyện quân sự cho toàn thể nhân dân lao động. Mỗi người lao động từ 18 đến 40 tuổi phải qua một kỳ huấn luyện quân sự 96 giờ, không thoát ly sản xuất, phải thi hành nghĩa vụ quân sự và gia nhập Hồng quân ngay khi có lệnh gọi của Chính phủ Xô-viết.

Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga chỉ thị cho các đảng viên phải tham gia học tập quân sự ngay. Việc bầu các cấp chỉ huy được bỏ, thay vào đó là chế độ bổ nhiệm cán bộ chỉ huy. Các cán bộ quân đội phải do các cơ quan quân sự quyết định và được chọn lọc từ những người đã qua huấn luyện quân sự hoặc những người xuất sắc trong chiến đấu. Đại hội Xô-viết toàn Nga lần thứ V đã ra nghị quyết “Về xây dựng Hồng quân” trong đó đã thông qua các biện pháp của Đảng và Chính phủ về xây dựng quân đội thường trực. Nghị quyết đã nhấn mạnh sự cần thiết phải tập trung lãnh đạo luân đội và đề cao ý nghĩa của một nền kỷ luật sắt, có tính cách nặng trong quân đội.

Đại hội củng cố về mặt pháp lý chế độ chính ủy. Chế độ này đã bắt đầu thi hành từ tháng Mười năm 1917, khi nhiều ủy viên của ủy ban quân sự cách mạng được phái tới nắm các đơn vị và cơ quan quân sự của quân đội cũ. Lúc này các chính ủy đã dựa vào các chi bộ Đảng để giáo dục binh lính, kiểm tra các hoạt động quân sự của các chuyên viên và đồng thời xây dựng trong quần chúng binh sĩ lòng tin tưởng vào các chuyên viên tốt và trung thành. Sau này ta còn có dịp nói đến các chính ủy, nhưng bây giờ tôi muốn nói ngay rằng đó là những người đảng viên cộng sản hoàn toàn tốt, trung thực và sẵn sàng hy sinh.

Đại hội yêu cầu xây dựng quân đội trên cơ sở một nền khoa học quân sự, sử dụng kinh nghiệm các quân đội cũ và đồng thời mở rộng việc đào tạo các cán bộ chỉ huy xuất thân từ công nông.

Nghị quyết của Đại hội Xô-viết lần thứ V và Ban Chấp hành trung ương toàn Nga đã được các tổ chức Đảng, công đoàn, các ủy ban dân nghèo và quần chúng công nông giác ngộ thực hiện. Do đó, khi tôi gia nhập Hồng quân thì trong quân đội đã có trên nửa triệu người. Trong những năm khó khăn đó, bằng nhiều nghị quyết và bằng công tác thực tiễn to lớn, Đảng đã đặt cơ sở cho các Lực lượng vũ trang Xô-viết, đã củng cố hạt nhân vô sản vững vàng về chính trị cho Hồng quân và Hải quân làm chỗ dựa cho việc xây dựng quân đội sau này.

- [1] Ba loại kỵ binh trong quân đội Sa hoàng - ND.
- [2] Tiếng Nga “du-rắc” là “thằng ngốc” – ND.
- [3] nguyên văn: “đến lượt da cuối cùng” - ND.
- [4] lính phản cách mạng trong thời kỳ nội chiến ở U crai-na - ND
- [5] Năm 1917, Cận vệ đỏ là tên của các đội công nhân vũ trang trung thành với cách mạng. Trước cuộc vũ trang khởi nghĩa tháng Mười, những người Bôn-sê-vích mở rộng việc huấn luyện quân sự cho Cận vệ đỏ. Ảnh hưởng của những người Bôn-sê-vích phát triển nhanh chóng ngoài mặt trận, trong các thành phố lớn ở hậu phương và cả ở hạm đội Ban-tích. Các hoạt động của Cận vệ đỏ, của quần chúng binh sĩ và thủy quân trong thời kỳ Cách mạng và ngay sau cách mạng đều do cơ quan quân sự của Trung ương Đảng Xã hội - dân chủ Nga (b) trực tiếp chỉ đạo và phối hợp lại.

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 3

THAM GIA NỘI CHIẾN

CHÍNH phủ Nga hoàng đưa nước nhà đến chỗ suy sụp hoàn toàn. Tình hình càng rắc rối thêm khi bọn ngoại quốc và bọn bạch vệ phiến loạn chiếm đóng một số vùng kinh tế quan trọng trong nước.

Trong vòng vây lửa đạn của bọn can thiệp và bạch vệ, nước Cộng hòa Xô-viết trẻ tuổi đã tiến hành một cuộc chiến đấu rất quyết liệt. Những ai đã sống, làm việc và chiến đấu cho lý tưởng Cách mạng tháng Mười trong thời đó hẳn còn nhớ những giờ phút nặng nề mà nhân dân Xô-viết đã phải trải qua như thế nào. Mùa xuân năm 1918, quân đội Đồng minh chiếm miền Bắc và Viễn Đông. Tháng 5, một quân đoàn Tiệp Khắc, phục vụ cho khối các nước Anh - Pháp, đã mở rộng các hoạt động chống chính quyền Xô-viết ở U-ran, Xi-bê-ri và Pô-vôn-giê. Quân đội Đức chiếm phần lớn đất U-crai-na và vùng Pri-ban-tích. Nửa cuối năm 1918, quân đội đế quốc và bạch vệ ở Nga có đến

gần 1 triệu tên lính và sĩ quan, huấn luyện và trang bị hiện đại. Phân tích cho nhân dân biết nguy cơ ấy, V.I. Lê-nin kêu gọi đảng và nhân dân lao động nỗ lực tăng cường khả năng phòng thủ đất nước. Tháng 9-1918, Ban Chấp hành trung ương Đảng toàn Nga ban hành nghị quyết biến nước Cộng hòa thành một trại quân đội thống nhất. Tháng 11, thành lập Hội đồng quốc phòng công nông do V.I. Lê-nin làm chủ tịch. Hội đồng quốc phòng thống nhất hoạt động của các cơ quan quân sự và cơ quan liên quan đến quốc phòng, của ủy ban cung cấp đặc biệt cho Hồng quân, nó giải quyết những vấn đề quan trọng nhất về tổ chức quân đội và bảo đảm những nhu cầu cần thiết cho quân đội, cụ thể là tìm mọi biện pháp phát hiện và thu thập vũ khí và đồ dùng quân sự do quân đội cũ bỏ lại, động viên sự nỗ lực của công nghiệp, nối liền hậu phương với tiền tuyến. Hội đồng quốc phòng và Hội đồng quân sự cách mạng toàn quốc áp dụng mọi biện pháp để thực hiện chương trình của Lê-nin về xây dựng một quân đội thường trực đông đảo.

Đầu năm 1919, Hồng quân có 42 sư đoàn bộ binh trang bị bằng súng trường và súng máy “Mắc-xim”, súng lục, thủ pháo. Kỵ binh có 4 vạn tay gươm; trong quân đội tác chiến có 1.700 khẩu pháo. Lực lượng thiết giáp được mở rộng, trong đó gồm đội xe hỏa bọc thép của quân đội Nga (nó chỉ có một đầu máy hơi nước bọc thép, 2 toa có mui và 2 - 3 toa trần bọc thép) và một đội ô-tô

thiết giáp có 150 xe bọc thép. Không quân chiến đấu có gần 450 máy bay. Trong Hải quân tác chiến có 2 tàu bọc thép, 2 tàu tuần dương, 24 tàu khu trục, 6 tàu ngầm, 8 tàu đặt mìn, 11 tàu vận tải và các tàu khác.

Ở Pê-tơ-rô-grát, bộ tham mưu phòng không được thành lập, tiểu đoàn cao xạ đầu tiên được hình thành, tổ chức hậu cần của quân đội được cải tiến, tổ chức quân y được điều chỉnh, mạng lưới các lớp đào tạo cán bộ chỉ huy được mở rộng.

Tất nhiên, đây mới chỉ là những lực lượng vũ trang nhỏ bé. Vậy thì làm sao mà Hồng quân đã chiến thắng được một kẻ địch thường được trang bị đầy đủ hơn nhiều? Chính là nhờ ở lòng yêu nước nồng nàn, chất lượng chính trị và tinh thần đặc biệt của một quân đội công nông chiến đấu để bảo vệ tự do và độc lập của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Mùa xuân năm 1919, bọn đế quốc tổ chức một cuộc hành quân hợp nhất chống chính quyền Xô-viết.

Lúc bấy giờ ở phía đông nước ta quân đội của Côn-chắc chiếm trận tuyến Péc-mơ - Oóc-xơ. Quân bạch vệ Cô- đắc đóng gần U-ran và chiếm Gu-ri-ép. Quân bạch vệ của Đê-ni-kin đã chuẩn bị sẵn sàng trên sông Tê-réc, chiếm Nô-vô-chéc-ca-xơ, Rô-xtốp trên sông Đông, Yu-dốp-ca và nhiều vị trí khác ở vùng Đôn-bát. Quân đội Đồng minh và chính phủ phản cách mạng U-crai-na (cái gọi là chính phủ Độc chính) sau khi chiếm U-crai-na, đóng

trên tuyến Héc-xôn - Ni-cô-lai-ép - Gi-tô-mia - Cô-rô-xten. Bọn bạch vệ La-tút ở vùng biên giới Sa-vli - Mi-ta-va, quân của Yu-đê-nít và bọn bạch vệ E-xtô-ni đóng trên tuyến Vôn-ma - Nác-va nhằm đánh vào Pê-tơ-rô-grát. Bọn Phần Lan trắng, bọn can thiệp và bọn bạch vệ chiếm vùng phía bắc nước ta, chuẩn bị đánh vào Pê-tơ-rô-grát, Vô-lốc-đe, cốt-la-xa. Bọn can thiệp còn làm chủ vùng Cra-xnô-vốt-xcơ, Ba-tum, Nô-vô-rô-xi-xcơ, Xê-vát-xtô-pôn, Ô-đét-xa.

Nhằm mục đích tiêu diệt chính quyền Xô-viết, các chính phủ đế quốc thỏa thuận với nhau phân chia nước Nga. Chúng âm mưu chia cắt U-crai-na, Bê-lô-ru-xi, Pri-ban-tích, Cáp-ca-dơ, phần đất ở phía bắc và những khu vực quan trọng khác trong nước.

Các nước Đồng minh đã công nhận Côn-chắc là “người cầm quyền tối cao”. Mùa xuân năm 1919, riêng quân đội của hắn đã có 30 vạn tên được trang bị đầy đủ, bao gồm bọn phú nông và bọn Cô-dắc phản cách mạng ở vùng Da-bai-can, Xi-bê-ri và cả bọn Cô-dắc trắng ở vùng Ô-ren-bua và U-ran.

Ngoài ra, ở hậu phương quân đội Côn-chắc, còn tập trung đến 15 vạn tên can thiệp Mỹ, Pháp, Anh, Nhật, ý, một quân đoàn Tiệp Khắc phản loạn và những đơn vị quân đội các nước khác.

Các chính phủ phương Tây cũng tăng cường cung cấp trang bị cho quân đội của Đê-ni-kin. Bản thân Đê-ni-kin được các nước Đồng minh liệt vào hàng “người cầm quyền thứ hai”. Hành động

đó chứng tỏ vai trò của bản thân Đê-ni-kin và quân đội của hắn có một tầm quan trọng nhất định.

Đến mùa xuân năm 1919, lực lượng Hồng quân phát triển rất mạnh. Quân số đã lên tới 180 vạn người, trong đó có gần 40 vạn được trang bị khá đóng ở ngay các mặt trận. Các đơn vị này đã được rèn luyện trong chiến đấu và có kinh nghiệm đấu tranh vũ trang. Các chiến sĩ Hồng quân hiểu rất rõ là họ chiến đấu chống bọn can thiệp và bạch vệ vì lý tưởng gì, và họ cũng biết kẻ thù của họ chiến đấu nhằm mục đích gì.

Tất nhiên quân đội của Côn-chắc, Đê-ni-kin và những bọn bạch vệ khác được trang bị tốt hơn Hồng quân. Chúng có quân trang và vũ khí tốt, chúng dựa vào hậu phương có dự trữ phong phú về lương thực, chúng được Đồng minh cung cấp đầy đủ đạn dược, quân dụng và các phương tiện vật chất khác.

Mặc dù tình hình đối nội của nước Cộng hòa xô-viết đã được củng cố, nhưng nói chung còn nhiều khó khăn gian khổ.

Bốn năm chiến tranh đế quốc đã tàn phá nước nông nghiệp có một nền công nghiệp kém phát triển này. Vì thiếu nhân công và nguyên liệu, nhiều nhà máy, xí nghiệp đã phải đóng cửa ngay dưới thời Sa hoàng. Phần lớn quặng sắt, than đá dầu lửa, bông, độ $\frac{3}{4}$ lúa mì nằm trong vùng do bọn đế quốc can thiệp và bọn bạch vệ chiếm đóng. Chỉ có sự nỗ lực thật dũng cảm của Đảng và nhân dân mới có thể tổ chức được việc cung cấp cho Hồng

quân. Phải luôn luôn động viên những nguồn dự trữ vật chất - kỹ thuật nghèo nàn đưa đến địa phương nào lúc đó đóng vai trò quyết định số phận của đất nước. Kim loại, nhiên liệu, áo quần, bánh mì thiếu một cách nghiêm trọng.

Tôi còn nhớ khi đổ trung đoàn chúng tôi xuống ga Éc-sốp, các chiến sĩ Hồng quân ăn đói từ Mát-xcơ-va đã đi thẳng vào chợ mua từng ổ bánh mì tròn và nhai ngấu nghiến ngay tại chỗ. Vì ăn như vậy nên nhiều người đã bị ốm. Ở Mát-xcơ-va họ chỉ được phát có 100 gam bánh mì xấu với canh thịt ngựa hoặc canh cá mương.

Biết được nhân dân lao động Mát-xcơ-va, Pê-tơ-rô-grát và những thành phố khác bị đói, các chiến sĩ Hồng quân bị thiếu ăn, chúng tôi càng căm thù bọn phú nông, bọn Cô-dắc phản cách mạng, bọn can thiệp. Tình hình đó giúp cho việc giáo dục các chiến sĩ Hồng quân căm thù giặc, chuẩn bị sống mái với chúng.

Cuộc hành quân hợp nhất của quân Đồng minh đầu tiên chống nước ta bắt đầu vào tháng 3-1919, mở đầu bằng cuộc tấn công của quân đội Côn-chắc vào Phương diện quân Đông. Ở đây chúng ta có trên 10 vạn bộ đội, lại rải ra trên một mặt trận rất rộng. Nhưng bộ đội của tập đoàn quân 2 và 3 đã chống cự rất kiên cường khiến tập đoàn quân Xi-bê-ri của Côn-chắc tiến quân rất khó khăn; chúng không hoàn thành nhiệm vụ đề ra, và trong vòng trên một tháng rưỡi, sau khi chiếm được Xa-ra-pun và Vốt-

kin-xơ chúng chỉ tiến được từ 80 đến 130 km.

Tập đoàn quân phía tây của Côn-chắc bắt đầu tấn công tiếp theo sau tập đoàn quân Xi-bê-ri. Chiến đấu nổ ra đặc biệt ác liệt ở hướng U-pha. Tại đây các sư đoàn 26, 27 bộ binh của tập đoàn quân 5 Phương diện quân Đông chiến đấu rất anh dũng. Tuy vậy, đến ngày 14-3, quân Côn-chắc vẫn chiếm được U-pha. Trong cuộc chiến đấu ác liệt trên đường vào thành phố, tập đoàn quân 5 của ta bị thiệt hại nặng, đến gần 50% bị giết, bị thương và mất tích. Lúc đó Gi.K. Bli-um-béc chỉ huy tập đoàn quân 5, và đến đầu tháng Tư thì M.N. Tu-kha-chép-xki đến thay thế.

Tình hình ở Phương diện quân Đông càng phức tạp vì có các cuộc nổi loạn của bọn phú nông do bọn xã hội cách mạng xúi bẩy. Bọn phiến loạn nổi lên ở Xa-ma-ra, Xu-dơ-ran, Xen-ghi-lép, Ta-vrô-pôn và Mê-lê-két. Ở Xa-ma-ra, trung đoàn 175 nổi loạn chiếm vũ khí và quân dụng. Bọn cầm đầu, sau khi nắm được trung đoàn, đã phối hợp hành động với bọn Côn-chắc. Các cuộc phiến loạn này bị dập tắt ngay, nhưng nó đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình, làm dao động nhiều binh lính của ta. Mặc dù bị thiệt hại nặng, tập đoàn quân 5 được sự chi viện của các đội vũ trang đường sắt và công nhân, vẫn tiếp tục kiềm chế quân địch. Trước ngày một tháng Tư, quân đoàn phía tây của Côn-chắc không thu được kết quả và bị thiệt hại nặng.

Đầu tháng Tư, tập đoàn quân Ô-ren-bua bạch vệ Cô-dắc của Đu-

tóp chiếm được Ác-tiu-bin-xơ sau khi cắt đứt đường sắt Ô-ren-bua - Ta-sơ-ken, do đó Tuốc-ke-xtan bị cắt rời khỏi nước Nga Xô-viết. Khi bọn bạch vệ tiến gần đến Ô-ren-bua thì bọn phú nông bắt đầu nổi loạn ở các làng Cô-dắc dọc sông U-ran.

Đến giữa tháng Tư, bọn bạch vệ đã ở cách Ca-dan và Xa-ma-ra 85 km, cách Xim-biéc-xơ 100 km. Nếu quân đội ta tiếp tục rút lui nữa về bên kia sông Vôn-ga thì quân của Côn-chắc sẽ bắt liên lạc được với quân của Đê-ni-kin. Trong trường hợp đó có thể tạo nên một thế trận liên hoàn để đột kích vào Mát-xcơ-va. Tình hình càng phức tạp thêm vì quân đội bạch vệ và bọn can thiệp cùng một lúc tích cực hoạt động trên mọi hướng chiến lược khác. Trong giờ phút nguy nan đó, Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga đứng đầu là V.I. Lê-nin đã kêu gọi Đảng, nhân dân Xô-viết dốc toàn lực lượng đánh tan quân thù và trước hết là tiêu diệt quân đội của Côn-chắc.

Đảng, giai cấp công nhân và những người tiến bộ nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi đó.

Ngày 11-4, Ban Tổ chức trung ương Đảng thông qua “Luận cương của Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga về tình hình mặt trận phía Đông” do Lê-nin viết. Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga họp ngày 13-4 và Hội nghị Bộ chính trị ngày 23 và 29 tháng Tư đã xét các vấn đề tổ chức chi viện cho Phương diện quân Đông. Đã thông qua nghị

quyết mở cuộc động viên mới và gửi ra mặt trận những cán bộ dũng cảm và đã được tôi luyện của Đảng. Ngày 13-5, V.I. Lê-nin báo cáo tại Hội nghị Hội đồng Quốc phòng về vấn đề đạn dược. Trước đó theo đề nghị của Người, 81.000 công nhân các nhà máy quốc phòng quan trọng được chuyển sang chế độ quân nhân, công nhân, các xí nghiệp quốc phòng được miễn gọi nhập ngũ. Nhờ có cao trào cách mạng của quần chúng và công tác tổ chức to lớn của Đảng, việc sản xuất quốc phòng dần dần ổn định. Việc động viên sức người và sức của của cả nước đã tạo ra khả năng tăng cường về cơ bản cho các tập đoàn quân đã bị kiệt quệ. Ở mặt trận phía đông, chỉ riêng đảng viên trong quân đội ở mặt trận đã lên đến 15.000 người, mà phần lớn đều là chiến sĩ đang trực tiếp chiến đấu. Đó là lực lượng chính trị có tác dụng quyết định, nó đoàn kết và cổ vũ bộ đội xông lên chiến đấu với quân thù.

Sau này, nghiên cứu những biện pháp và kế hoạch của Bộ Tổng tư lệnh Hồng quân và bộ tư lệnh Phương diện quân Đông, ta dễ thấy rằng, Bộ Tổng tư lệnh và bộ tư lệnh Phương diện quân Đông không biết rõ lực lượng của bọn bạch vệ, không phát hiện được âm mưu của chúng và không tổ chức được những cuộc đánh trả quyết liệt.

Khi M.V. Phơ-run-dê đến đó và trực tiếp chỉ huy các cụm quân phía nam của phương diện quân thì tình hình Phương diện quân

Đông mới được cải thiện. M.V. Phơ-run-dê đã xác định rất đúng rằng: trong tình hình khó khăn đó, phải giành lại thế chủ động chiến lược từ trong tay bọn bạch vệ càng nhanh càng tốt, phải làm cho quân địch mất tinh thần và củng cố lòng tin tất thắng của quân ta.

Với cái nhìn sáng suốt vốn có của một nhà cầm quân lớn, M.V. Phơ-run-dê hiểu rằng, ngay trong thắng lợi, địch vẫn bộc lộ những chỗ yếu, nếu ta biết lợi dụng thì những chỗ yếu đó có thể làm tiền đề diệt vong của bọn Côn-chắc.

Đồng chí chủ trương, trong khi kiểm chế quân đội của Côn-chắc ở phía trước mặt, phải dùng lực lượng của tập đoàn quân 1 và bộ phận tập đoàn quân 4 Tuốc-ke-xtan cấp tốc đánh mạnh vào cánh trái trái dài của chúng, rồi tiếp tục biến cuộc phản kích đó thành cuộc phản công mạnh mẽ của chúng ta trên toàn bộ mặt trận phía đông nhằm giải phóng U-ran và Xi-bê-ri.

M.V. Phơ-run-dê thấy rằng điểm yếu của quân đội Côn-chắc là ở bên cánh trái và Côn-chắc cũng không thể nhanh chóng cơ động quân chủ lực của chúng đang bị hút vào các trận chiến đấu ở trung tâm mặt trận, trên các hướng Ca-dan, Xim-biéc-xơ, Xa-ma-ra nhằm tiến ra sông Vôn-ga.

Đề nghị của M.V. Phơ-run-dê được V.I. Lê-nin tán thành. Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga và Hội đồng quân sự cách mạng đã thông qua kế hoạch này.

Khi nói đến vận mạng của Tổ quốc, M.V. Phơ-run-dê không sợ bất cứ trách nhiệm nào, khó khăn nào. Trong một thời gian ngắn, đồng chí đã bố trí lại, bổ sung trang bị và chuẩn bị mọi mặt cho cụm quân phía nam. Lúc bấy giờ, trong điều kiện bị phá hoại nặng nề và đường sắt hầu như không hoạt động được, thì làm được như vậy không phải là dễ dàng.

Kể cũng cần nhắc lại đoạn văn mà sau này M.V. Phơ-run-dê viết về tình hình Phương diện quân Đông như sau:

“Quân đội của Côn-chắc đã di chuyển đến sát sông Vôn-ga, chúng ta vất vả lắm mới giữ được Ô-ren-bua bị bao vây từ ba mặt, tập đoàn quân bảo vệ ở đây luôn luôn có ý định rút lui. Ở phía nam, từ Xa-ma-ra, bọn Cô-dắc U-ran đã chọc thủng mặt trận và đang tiến lên phía bắc, uy hiếp Xa-ma-ra và đường sắt Xa-ma-ra - Ô-ren-bua. Chúng ta đã rút lui ở hầu khắp mọi nơi, nhưng không thể nói rằng ta là bên yếu hơn. Tuy vậy vì quyền chủ động nằm trong tay bọn bạch vệ, khi thì chúng đánh ở hướng này, khi chúng đánh ở hướng kia nên đã làm cho ta nhụt chí. Đó là điều bất lợi nhất đối với ta. Không những cần phải có ý chí vững vàng mà còn phải tin chắc rằng chỉ có chuyển sang tấn công mới làm cho tình thế biến đổi, phải thực sự bắt đầu tấn công. Phải nhớ rằng lúc bấy giờ không chỉ mình quân đội có xu hướng rút lui, mà còn có áp lực từ trên Bộ Tổng tư lệnh hồi đó do đồng chí Va-xê-tít nắm. Đồng chí chủ trương cho tiếp tục rút

lui... Dù vậy chúng tôi vẫn chuyển sang tấn công và bắt đầu mở những chiến dịch lùng lấy đưa đến việc đánh tan hoàn toàn bọn Côn-chắc”.

Sau những thất bại của bọn bạch vệ ở Bu-gun-ma, Bê-lê-bây và của bọn Côn-chắc ở U-pha, số lính bạch vệ đào ngũ tăng lên dữ dội. Phong trào du kích cũng lên mạnh. Sau đây là một đoạn trong cuốn nhật ký của một tên cầm đầu bộ chiến tranh của Côn-chắc viết vào tháng 5-1919:

“Không nghi ngờ gì nữa, trên mặt trận của tập đoàn quân phía tây, chủ động đã lọt vào tay bọn Đỏ. Cuộc tấn công của chúng ta đã chấm dứt và tập đoàn quân đã chạy lùi về phía sau, không còn đủ sức bám giữ lấy một cái gì nữa cả... Khi rút lui, bọn lính bị động viên tại chỗ đã bỏ ngũ về làng, đem theo áo quần, trang bị và có khi cả vũ khí nữa... Bọn Đỏ có ưu thế to lớn ở chỗ chúng không ngại lấy lính cũ không cần phải tập luyện nữa để bổ sung, còn chúng ta sợ việc đó như sợ quỷ và đành phải gọi nhập ngũ toàn loại 18, 19 tuổi...”.

Và y viết tiếp:

“Mặt trận vỡ và lùi về phía sau, cần phải suy nghĩ xem ta còn có thể giữ được U-ran nữa chăng...”[1].

Trong khi cuộc phản công ở Phương diện quân Đông đang thắng lợi và quân đội Côn-chắc đang rút lui, thì tình hình ở gần U-ran-xơ trở nên gay go. Ở đây bọn bạch vệ Cô-dắc bao vây thành

phố, cắt rời thành phố khỏi cụm quân phía nam. Những người bị bao vây chống cự một cách kiên cường và không để cho địch chiếm U-ran-xơ, nhưng tình hình quân khu này rất nghiêm trọng. V.I. Lê-nin rất chú ý theo dõi mọi biến cố ở Phương diện quân Đông. Ngày 16-6, Người gửi cho M.V. Phơ-run-dê bức điện:

“Yêu cầu chuyển lời chào nhiệt liệt của tôi đến các đồng chí đã 50 ngày anh dũng bảo vệ U-ran-xơ bị bao vây. Mong các đồng chí giữ vững tinh thần, cố giữ thêm mấy tuần nữa. Sự nghiệp anh dũng bảo vệ U-ran-xơ sẽ hoàn toàn thắng lợi”.

M.V. Phơ-run-dê lập tức ra lệnh điều sư đoàn 25 của Cha-pa-ép vào vùng U-ran-xơ đang bị bao vây. Và sư đoàn vinh quang này dưới sự chỉ huy tài tình của Cha-pa-ép đã đến chi viện cho những người U-ran-xơ.

Sư đoàn kỵ binh 1 của Mát-xơ-va - lúc bấy giờ tôi ở trong sư đoàn này - thuộc quyền chỉ huy của M.V. Phơ-run-dê. Khi tiến đến vùng ga Si-pô-vô, chúng tôi được tin sư đoàn Cha-pa-ép đã đến U-ran-xơ. Các chiến sĩ chúng tôi liền phấn khởi hẳn lên.

Mọi người đều tin rằng bọn bạch vệ Cô-dắc sẽ bị đánh tan.

Cuộc chiến đấu đầu tiên với địch của trung đoàn chúng tôi xảy ra trên đường vào ga Si-pô-vô. Địch chống lại quyết liệt, bỏ vị trí này, chúng lại chiếm vị trí khác. Quân sê của địch đông hơn chúng tôi. Tôi còn nhớ rõ cuộc đâm chém dữ dội ở gần ga.

Một lực lượng khoảng 800 kỵ binh Cô-dắc tiến đánh chúng tôi. Khi chúng đến thật gần, một đại đội kỵ binh có súng đại bác nấp sẵn sau ụ đất liền xông ra đánh. Các chiến sĩ pháo binh, những thanh niên hiên ngang, nhảy lên, nổ súng đánh vào cạnh sườn bọn bạch vệ.

Hàng ngũ bọn Cô-dắc hoàn toàn rối loạn. Các đồng chí pháo binh, bằng hỏa lực chính xác, tiếp tục làm cho địch bị thiệt hại nặng. Cuối cùng bọn bạch vệ không chống nổi, phải rút lui về phía sau. Trận đánh thắng lợi đã nâng cao tinh thần chiến sĩ kỵ binh chúng tôi.

Những ngày đầu tháng 6 đã nổ ra nhiều trận chiến đấu ác liệt. Các đơn vị của sư đoàn tôi chiến đấu rất anh dũng nhưng tiến về phía U-ran-xơ rất chậm.

Lúc đó chúng tôi được tin mừng: quân của Cha-pa-ép đã đánh tan bọn bạch vệ, chiếm thành phố và gặp các đơn vị bộ đội U-ran-xơ anh hùng.

Trong khi chiến đấu giành U-ran-xơ, tôi may mắn được gặp Mi-kha-in Va-xi-li-ê-vích Phơ-run-dê. Lúc đó đồng chí trực tiếp chỉ huy toàn chiến dịch. M.V. Phơ-run-dê đi với V.V. Quy-bi-sép đến thăm sư đoàn 25 của Cha-pa-ép. Đồng chí dừng lại trên trận địa và nói chuyện với các chiến sĩ trung đoàn tôi. Đồng chí rất chú ý đến tinh thần, việc ăn uống và vũ khí của chúng tôi. Đồng chí hỏi gia đình ở nông thôn viết thư đến nói những gì? Các

chiến sĩ muốn gì? Tính giản dị, sức lôi cuốn, đáng người đẹp đẽ của đồng chí đã chinh phục được trái tim các chiến sĩ chúng tôi. Mi-kha-in Va-xi-li-ê-vích hết sức nồng nhiệt và thân mật kể cho chúng tôi nghe về V.I. Lê-nin, về sự chăm sóc của Người đối với tình hình ở khu vực U-ran-xơ.

- Bây giờ công việc của chúng ta đã khá rồi - M.V. Pho-run-dê nói - Bọn bạch vệ Cô-dắc ở U-ran-xơ đã bị đánh tan và nhất định một ngày gần đây chúng ta sẽ đánh tan các bọn phản cách mạng khác. Ta sẽ đánh tan Côn-chắc, giải phóng U-ran, Xi-bê-ri và những nơi khác khỏi bàn tay bọn can thiệp và bạch vệ. Lúc đó chúng ta sẽ khôi phục Tổ quốc.

Sau này chúng tôi thường nhắc tới cuộc gặp gỡ này...

Đến tháng 3-1919, tôi ở trong nhóm cảm tình chuẩn bị vào Đảng Cộng sản (b) Nga. Hồi đó chưa quy định thời hạn dự bị gia nhập Đảng. Đến nay tôi vẫn nhớ đồng chí bí thư đảng ủy trung đoàn Tơ-rô-phi-mốp và chính ủy Vôn-cốp và rất biết ơn các đồng chí (Tôi tiếc rằng không nhớ tên các đồng chí này[2]). Các đồng chí đó đã giúp tôi hiểu sâu sắc điều lệ và cương lĩnh Đảng Cộng sản và giúp tôi phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản (b) Nga. Nhóm cảm tình trong đại đội có 5 người, nhưng, dù số lượng ít, các đồng chí Tơ-rô-phi-mốp và Vôn-cốp mỗi tuần vẫn đến gặp chúng tôi ít nhất hai lần để nói chuyện về tình hình trong nước và thế giới về các biện pháp đấu tranh của Đảng trên các mặt trận.

Những cuộc nói chuyện như vậy kéo dài và rất thú vị, đặc biệt là khi nói chuyện về cuộc đấu tranh của những người Bôn-sê-vích dưới chế độ Sa hoàng và về cuộc chiến đấu nảy lửa trong những ngày tháng Mười ở Pê-tơ-rô-grát, Mát-xcơ-va và những thành phố công nghiệp khác trong nước.

Mãi lúc đó mới thành lập bộ máy “công tác Đảng và công tác chính trị” trong Hồng quân. Thực ra trong quân đội và hạm đội đã có trên 7.000 chính ủy hoạt động dựa vào các chi bộ Đảng gồm trên 50.000 đảng viên. Nhưng còn rất nhiều việc phải làm: xác định nhiệm vụ của các chính ủy, thống nhất hình thức tổ chức các cơ quan Đảng được giao trách nhiệm lãnh đạo công tác chính trị trong quân đội, tập trung về một mối những hoạt động đặc biệt cần thiết và có ích đó đối với quân đội. Vào cuối năm 1918, Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga thông qua nghị quyết đặc biệt “Về công tác Đảng trong quân đội” trong đó Đảng kêu gọi đảng viên giáo dục quân đội về kỷ luật sắt, tinh thần hy sinh và lòng dũng cảm trong chiến đấu chống quân thù. Theo nghị quyết này, các tổ chức Đảng không còn làm chức năng kiểm soát mọi mặt đời sống của quân đội như trong thời kỳ đầu xây dựng các lực lượng vũ trang nữa.

Đảng thực hiện chính sách của mình thông qua các chính ủy, các phòng chính trị thuộc các Hội đồng quân sự cách mạng của Hạm đội và Quân đội. Các phòng này vừa là bộ máy hành chính -

quân sự thuộc quyền các cấp chỉ huy quân sự vừa là cơ quan do Đảng lãnh đạo và liên kết tất cả đảng viên cộng sản trong quân đội.

Ngày 1-3-1919 tôi được gia nhập Đảng Cộng sản (b) Nga. Nhiều điều đến nay tôi đã quên đi, nhưng ngày tôi được kết nạp vào Đảng thì suốt đời tôi vẫn nhớ. Từ ấy mọi suy nghĩ, mong muốn, hoạt động của tôi đều nhằm hoàn thành nhiệm vụ người đảng viên, và khi kẻ thù xâm chiếm Tổ quốc, là người đảng viên, tôi đã ghi nhớ sâu sắc yêu cầu của Đảng là phải gương mẫu, phục vụ nhân dân hết lòng hết dạ.

Sau đó không lâu, nhiều đơn vị của sư đoàn chúng tôi từ vùng ga Si-pô-vô được phái đi tiêu diệt bọn bạch vệ ở gần thành phố Ni-cô-lai-ép-xơ. Và tháng Tám năm 1919, trung đoàn kỵ binh 4 của chúng tôi được chuyển đến ga Vla-di-mia-rốp-ca. Sư đoàn chưa được giao nhiệm vụ trực tiếp hoạt động quân sự và còn phải luyện tập chiến đấu.

Ở đây tôi được làm quen với chính ủy sư đoàn cùng họ với tôi là Giu-cốp Ghê-oóc-ghi Va-xi-li-ê-vích. Cuộc gặp gỡ diễn ra trong trường hợp sau đây. Một hôm, vào lúc sáng sớm, khi đi qua bãi quần ngựa, tôi thấy một người đang “tập cưỡi” ngựa. Đến gần, thì ra chính ủy sư đoàn. Biết không thạo động tác lên xuống ngựa, tôi dừng lại xem chính ủy làm như thế nào.

Không chú ý đến tôi, chính ủy mồ hôi tháo ra, đang thúc ngựa

phi nước đại từ chân trái. Nhưng ông cố làm thế nào, ngựa cũng không tuân theo và cứ sai chân phải ra. Không kìm được nữa, tôi kêu to:

- Thu ngắn dây cương bên trái lại!

Chính ủy không nói gì, cho ngựa đi trở lại bước một, tiến đến phía tôi và nhảy xuống, bảo tôi:

- Nào, cậu thử xem!

Tôi không phải làm gì nhiều, đạp tới bàn đạp là đã ngồi lên yên.

Đi vài vòng cho quen ngựa, rồi tôi thúc ngựa cho chạy nước đại từ chân trái. Tôi phi một vòng - tốt, một vòng nữa - cũng tốt.

Tôi lại bắt ngựa phi từ chân phải - cũng tốt. Lại bắt đổi chân trái - cũng tốt, ngựa tuân theo.

- Chân cần phải kìm ngựa chặt hơn nữa - Tôi nhấn mạnh.

Chính ủy cười:

- Cậu cưỡi ngựa mấy năm rồi?

- Thừa bốn năm, nhưng sao ạ?

- Cậu cười khá đấy?

Chúng tôi bắt chuyện với nhau. Chính ủy hỏi tôi vào bộ đội ở đâu? Đã chiến đấu ở đâu? Đến sư đoàn từ bao giờ? Vào Đảng bao lâu rồi? Chính ủy kể rằng ông gia nhập kỵ binh 10 năm. Vào Đảng từ năm 1917, ông đã đưa phần lớn trung đoàn kỵ binh quân đội cũ vào Hồng quân. Mọi việc chứng tỏ ông là một người chỉ huy chân chính.

Nhân đây tôi xin nói về một chức năng hàng đầu trong các chức năng của chính ủy mà cơ quan chính trị cụm quân phía nam, do M.V. Phơ-run-dê chỉ huy đã vạch ra. Chức năng đó được quy định như sau: Chính ủy quân đội là đại diện của chính phủ công nông, đem chính sách và tư tưởng của chính quyền Xô-viết vào thực hiện trong quân đội bảo vệ quyền lợi của quần chúng công nông chống mọi sự xâm phạm của những phần tử thù địch, phát triển kỷ luật cách mạng, giám sát việc thi hành đúng đắn các mệnh lệnh tác chiến.

Công tác của chính ủy không chỉ có việc tuyên truyền cổ động, mà trước hết là bản thân chính ủy phải gương mẫu trong chiến đấu công tác và đạo đức. Chính ủy phải biết mọi mệnh lệnh chiến đấu của cấp trên, tham gia nghiên cứu mệnh lệnh (người chỉ huy vẫn có ý kiến quyết định trong các vấn đề có tính chất khẩn cấp), nghiên cứu quân sự một cách kỹ lưỡng. Thường trước một trận đánh, chính ủy phải tập hợp cán bộ chính trị và đảng viên để giải thích nhiệm vụ do người chỉ huy vạch ra và đích thân các chính ủy phải xung phong đến những nơi nguy hiểm và quyết định nhất.

Tên tuổi và hình ảnh người chính ủy trong thời nội chiến quả thật đã xứng đáng được lưu truyền mãi mãi.

Sau này tôi còn gặp chính ủy Giu-cốp nhiều lần, chúng tôi đã nói về tình hình mặt trận và tình hình trong nước. Có một lần đồng

chỉ đề nghị tôi chuyển sang làm công tác chính trị. Tôi cảm ơn đồng chí và nói: tôi thích công tác quân sự hơn. Ông lại khuyên tôi nên đi dự lớp đào tạo sĩ quan Hồng quân. Tôi bằng lòng ngay, nhưng không thực hiện được.

Làng Da-láp-nôi-ê ở cạnh chúng tôi bị bọn bạch vệ vượt sông Vôn-ga ở đâu khoảng giữa Choóc-nui Ya-rơ và Xa-rít-xun tiến sang đánh chiếm bất ngờ.

Cuộc chiến đấu bắt đầu trước khi lớp học khai mạc.

Sau khi Côn-chắc bị đánh tan và bọn tàn quân của chúng rút lui về Xi-bê-ri, các nước Đồng minh vẫn tiếp tục chống lại nước Cộng hòa Xô-viết. Bấy giờ tất cả hy vọng của chúng đặt vào Đê-ni-kin. Những đoàn tiếp tế vũ khí, đạn dược, lương thực không ngừng chuyển từ phương Tây đến cho quân đội chúng.

Chính phủ Pháp và Anh đã tập hợp bọn sĩ quan bạch vệ đào ngũ và bọn tù binh Nga ở trong các trại Đức lại thành mấy đội quân. Chính quyền Đức không chịu để các quân nhân Nga trở về Tổ quốc, mà ép họ gia nhập những đội quân tình nguyện để chống lại Hồng quân.

Nhưng dự định đầy ảo tưởng ấy không đưa lại cho chúng kết quả nào đáng kể. Những lính “tình nguyện” ấy hễ có cơ hội thuận lợi là chạy sang phía ta ngay. Chỉ có những kẻ căm thù chính quyền Xô-viết và coi cuộc chiến đấu chống chính quyền Xô-viết là nợ máu của chúng thì mới đánh lại ta mà thôi. Những tên chống Xô-

viết vì thâm thù ấy không có là bao.

Mùa hè năm 1919, quân của Đê-ni-kin trở thành một lực lượng lớn và nguy hiểm. Nhiều đơn vị gồm toàn sĩ quan. Lấy Đê-ni-kin làm chỗ dựa chủ yếu, Đồng minh vẫn nuôi ảo vọng đối với quân đội của Côn-chắc, vẫn cố gắng hồi sức chúng lại, và khi có điều kiện thuận lợi sẽ đưa chúng ra chiến đấu chống Hồng quân từ phía đông.

Ở phía bắc, quân đội bạch vệ của Mi-le chuẩn bị cuộc hành quân mới. Bọn chúng cũng đã nhận được nhiều chuyến tàu tiếp tế quân sự của Đồng minh. Khi trở về, các chuyến tàu đó đã chở về nước chúng hàng tàu đầy da thú, cá, gỗ và những tài sản khác của miền Bắc nước ta.

Ở phía tây-bắc, bọn bạch vệ Phần Lan và quân của Yu-đê-nít cũng chuẩn bị tấn công vào Pê-tơ-rô-grát. Bọn Đồng minh hy vọng lôi kéo các nước tư bản nhỏ tiếp giáp với Cộng hòa Xô-viết vào cuộc tấn công mới chống chính quyền Xô-viết.

Qua các tổ chức chống cách mạng của bọn Men-sê-vích, bọn Xã hội cách mạng, bọn tư sản dân tộc và phú nông ở hậu phương, chúng tổ chức những cuộc nổi loạn, lật đổ, phá hoại ngầm.

Chúng làm lật đổ những đoàn xe hỏa chở quân đội ra mặt trận hoặc chuyển lương thực, vũ khí và những hàng thiết yếu khác cho tiền tuyến và hậu phương.

Chúng vu khống, lừa dối, cố làm cho nhân dân mất tin tưởng ở

Đảng và Chính phủ, ở Bộ Tư lệnh Hồng quân. Tiếc thay, lúc đầu đôi khi chúng cũng thu được một số kết quả. Đặc biệt là những nơi nào kinh tế bị phá hoại hoàn toàn và luật pháp Xô-viết bị vi phạm thô bạo, thì có một số nhân dân không vững đã nghiêng ngả.

Tôi muốn trình bày ở đây một bức thư của một người bạn thuở nhỏ của tôi là Pa-ven A-lếch-xăn-đrơ Giu-cốp. Tôi nhận được lá thư đó ở Xa-ri-xun và tôi vẫn giữ mãi đến nay.

“Bạn Ghê-oóc-ghi thân mến! Sau khi cậu gia nhập Hồng quân, hầu như tất cả bè bạn và người quen của chúng ta, cũng được gọi nhập ngũ. Tớ lại không may. Đáng lẽ vào bộ đội tác chiến thì người ta lại phái tớ đến tỉnh Vô-rô-ne-giơ cùng với đội đi thu lương, thu lúa mì của bọn phú nông. Tất nhiên việc này cũng cần, nhưng tớ là lính, biết chiến đấu và tớ nghĩ: những người chưa qua trường quân sự có thể thay tớ công tác ở đây được. Nhưng không phải tớ muốn viết cho cậu về vấn đề này.

Cậu có nhớ chúng ta đã tranh luận và bất đồng với nhau về bọn Xã hội cách mạng không? Hồi đó tớ cho chúng là bạn dân, chiến đấu chống Sa hoàng vì quyền lợi nhân dân, trong đó có quyền lợi của nông dân. Bây giờ thì tớ đồng ý với cậu. Chúng là đồ đê tiện! Chúng không phải là bạn dân mà là bạn của phú nông. Chúng là người tổ chức mọi hành động chống Xô-viết, chúng ăn cướp.

Mới đây, bọn phú nông địa phương, do bọn Xã hội cách mạng bí mật lãnh đạo, đã tấn công vào đội vệ binh của đội thu lương lúc chúng tớ đang đi áp tải đoàn ngựa chở lúa mì. Chúng đã hành hạ họ rất dã man. Chúng đã giết mất người bạn tốt nhất của tớ là Cô-lia Ga-vri-lốp. Cậu ấy là người ở gần Ma-lô-ya-rô-xla-vét. Còn một cậu bạn khác của tớ là Xê-mi-ôn I-va-nhi-sin thì bị chúng đâm lòi mắt, chặt cánh tay phải và vứt ra đường. Tình trạng cậu ta rất nguy ngập, bị bệnh hoại thư, chắc là sẽ chết thôi. Tội nghiệp cậu thanh niên đẹp trai và nhảy múa rất giỏi ấy. Chúng tớ quyết phải trả mối thù này và ghi nợ đó đến suốt đời. Bạn của cậu. Pa-ven”.

Sau bức thư này, một thời gian lâu lắm tôi không biết số phận của Pa-ven Giu-cốp ra sao. Mãi đến năm 1922 mới biết là cậu ấy bị bọn phú nông giết ở một nơi nào đó trong tỉnh Tam-bốp...

V.I Lê-nin, Trung ương Đảng và Chính phủ đã tính đến nguy cơ nghiêm trọng mới gây ra ở phía nam này và đã ra nhiều nghị quyết quan trọng.

Ngày 3 và 4 tháng Sáu năm 1919, Hội nghị toàn thể Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga họp. Hội nghị đã chú ý nhiều đến công cuộc bảo vệ Tổ quốc và tình hình ở mặt trận phía nam, coi mặt trận phía nam là mặt trận chính của nước Cộng hòa. Tại hội nghị liên tịch Ban Chấp hành trung ương Đảng toàn Nga, Hội đồng trung ương các công đoàn Liên Xô và Xô-viét Mát-xcơ-va, V.I.

Lê-nin đọc báo cáo về tình hình ở mặt trận và nhiệm vụ thanh toán cuộc tấn công của Đê-ni-kin. Lúc đó vẫn đề thu nhận các chuyên gia quân sự cũ vào Hồng quân và vấn đề đối xử thận trọng hơn đối với họ lại được đặt ra.

“Hàng trăm và hàng trăm chuyên gia quân sự đã phản bội và sẽ phản bội chúng ta... - Một bức thư của Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga viết - Nhưng hiện nay ta có hàng ngàn, hàng vạn chuyên gia quân sự đang công tác một cách đều đặn và lâu dài, thiếu họ thì không thể từ một tổ chức lộn xộn vô kỷ luật lớn mạnh lên thành một đội Hồng quân có thể và đã giành được những thắng lợi rực rỡ ở phía đông. Những người có kinh nghiệm trong Bộ chỉ huy quân sự của ta đã chỉ ra rất đúng rằng: ở đâu thực hiện nghiêm chỉnh chính sách của Đảng đối với chuyên gia quân sự và chủ trương trừ bỏ lề thói du kích, ở đâu có kỷ luật chặt chẽ, ở đâu công tác chính trị và công tác của chính ủy được thực hiện đầy đủ... thì ở đấy số chuyên gia quân sự có ý định làm phản ấy càng ít khả năng thi hành âm mưu của chúng, ở đấy không có hiện tượng vô kỷ luật, ở đấy tổ chức và tinh thần cũng cao hơn, ở đó càng có nhiều thắng lợi”.

Khi nhớ lại lúc làm việc chung với các sĩ quan quân đội cũ, tôi thấy rằng phần lớn họ là những người thật thà, tốt bụng và trung thành với Tổ quốc. Trong chiến đấu với quân thù, khi cần, họ đã không chút do dự, sẵn sàng hy sinh tính mạng một cách dũng

cảm, vẻ vang. Song họ có một thiếu sót là không gần gũi các chiến sĩ. Họ vẫn giữ nguyên một cái gì đặc biệt, không hòa mình được với quần chúng Hồng quân, chỉ có một số ít đã trở thành người chỉ huy, thủ trưởng và đồng thời là người bạn lớn tuổi của các chiến sĩ.

Tôi còn nhớ, trong tổ chức Đảng, nhiều lần chúng tôi đã nói về mối quan hệ với các sĩ quan cũ, và chúng tôi đã tìm mọi cách để có đủ lòng tin cậy vào các chuyên gia quân sự. Tất nhiên là trong số các đảng viên cũng có những người hay la lối, họ cho rằng những người đó là “bọn đối lập quân sự”, rằng những sĩ quan cũ chủ yếu là bạch vệ rằng họ không thể hòa hợp với chế độ xô-viết, còn kỷ luật và điều lệnh nội vụ chặt chẽ thì họ lại cho là trật tự của chế độ nông nô.

Nhưng như mọi người đã biết, quan điểm “bọn đối lập quân sự” đã bị Đại hội Đảng lần thứ VIII bác bỏ bằng đa số tuyệt đối.

Các chuyên gia quân sự đã chú ý theo dõi công việc Đại hội Đảng lần thứ VIII và họ đã hiểu rằng Đảng đã tin tưởng họ, đánh giá đúng họ và chăm sóc đến họ. Họ càng gần gũi quần chúng Hồng quân và các tổ chức Đảng hơn. Đội ngũ cán bộ chỉ huy là sĩ quan quân đội Sa hoàng đã trở nên tích cực và nghiêm khắc hơn đối với kỷ luật và công tác phục vụ trong quân đội. Điều đó được thể hiện rõ ràng ở tinh thần sẵn sàng và khả năng chiến đấu chung của họ.

Những mưu toan làm cho Đảng mất tin tưởng ở các sĩ quan cũ đã bị các chính ủy, cán bộ làm công tác Đảng và công tác chính trị, và thậm chí cả các chiến sĩ Hồng quân kiên quyết ngăn chặn.

Đại hội VIII của Đảng Cộng sản (b) Nga (tháng 3-1919) đã chú ý nhiều đến Hồng quân. Thực chất chính sách quân sự của Đảng là hoàn thành càng nhanh càng tốt việc chuyển quân đội từ chế độ tình nguyện và bán du kích thành một quân đội chính quy thường trực tinh nhuệ có kỷ luật sắt, có một hệ thống trang bị, tổ chức và chỉ huy thống nhất. Những quan điểm nền tảng ấy đã được trình bày trong báo cáo và các bài phát biểu của V.I. Lê-nin, trong Cương lĩnh mới của Đảng và nghị quyết về quân sự đã được Đại hội thông qua.

Cuộc sống đã chứng minh sự đúng đắn của các nghị quyết Đại hội VIII và những biện pháp sau này của Đảng về việc củng cố hàng ngũ Hồng quân. Những nghị quyết đó có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi vì kẻ thù đang cố gắng hết sức nhằm bóp chết nhà nước Xô-viết.

Sau khi quân đội của Đê-ni-kin chiếm Xa-ri-xun, Bô-ri-xô-glép-xơ, Ba-la-sốp, Cra-xnô-grát và những vị trí quan trọng khác, Đồng minh thúc Đê-ni-kin tiến về Mát-xcơ-va. Được các điệp viên của chúng báo cho biết về việc chuẩn bị phản công của Hồng quân, Đê-ni-kin vội vàng mở trước những cuộc tấn công tập trung để phá vỡ việc chuẩn bị của ta và giành thế chủ động

cho chúng.

Tháng 8-1919, quân đoàn kỵ binh của Ma-môn-tốp chọc thủng mặt trận của tập đoàn quân 8 ở vùng Nô-vô-khô-péc-xcơ và tiến vào hậu phương của Phương diện quân Nam tới Tam-bốp là nơi có những căn cứ lớn của ta. Lúc bấy giờ Đê-ni-kin tung quân đoàn của Cu-tê-pốp vào chỗ tiếp giáp của các tập đoàn quân 13 và 14, chúng bắt đầu đẩy các đơn vị của chúng ta về phía Cuốc-xcơ và Vô-rô-giơ-be.

Nhưng Đê-ni-kin không phá được cuộc phản công của ta.

Tháng 9, các trận đánh ác liệt lại diễn ra ở Xa-ri-xun.

Khi chiến đấu với các đơn vị của tập đoàn quân Cáp-ca-dơ của địch ở vùng Bác-ti-a-rốp-ca, Da-pláp-nôi-ê, chúng tôi nghe rất rõ tiếng đại bác ở vùng Xa-ri-xun và trên các đường từ phía Ca-mư-sin vào Xa-ri-xun. Trong trận chiến đấu giành Xa-ri-xun, tập đoàn quân Cáp-ca-dơ của địch bị thiệt hại nặng, nhưng cả quân ta cũng bị thương vong nhiều.

Trong nửa đầu tháng 9, cuộc chiến đấu lại càng quyết liệt nhưng lần này vận động mạnh mẽ hơn và làm thay đổi hẳn tình hình.

Trong tháng 10, gần Xa-ri-xun, nơi binh đoàn kỵ binh 4 chúng tôi đóng, cuộc chiến đấu diễn ra có tính chất cục bộ và chúng tôi chỉ biết những nét chung về các biến cố lớn xảy ra ở hướng Mát-xcơ-va.

Trong một trận đánh ở khoảng giữa Da-pláp-nôi-ê và Ác-tu-ba

trong khi đánh giáp lá cà với bọn bạch vệ Can-mút-xki, tôi bị thương vì thủ pháo. Các mảnh đạn xuyên sâu vào chân và sườn trái của tôi, tôi được đưa về trạm quân y lưu động. Ở trạm xá ra tôi rất yếu và được nghỉ một tháng cho lại sức.

Tôi về quê thăm cha mẹ . Nhân dân làng tôi đang ở trong tình trạng rất khó khăn, nhưng họ không hề phàn nàn. Bần nông được tổ chức vào ủy ban bần nông hoạt động rất tích cực góp phần vào việc thu lúa mì của bọn phú nông. Trung nông mặc dù tình hình mặt trận khó khăn, gian khổ, nhưng ngày họ càng ngả về phía chính quyền Xô-viết. Chỉ có một số ít phản ứng tiêu cực đối với các biện pháp của Đảng và Chính phủ. Số này chủ yếu là trung nông lớp trên, về mặt tài sản, họ đi gần với phú nông.

Thời gian nghỉ phép trôi qua rất nhanh, tôi đến ủy ban quân sự địa phương và yêu cầu gửi tôi về đơn vị chiến đấu. Nhưng vì thể lực còn yếu nên tôi được đưa về một tiểu đoàn hậu bị ở Tơ-ve và sau đó được cử đi học lớp cán bộ Hồng quân.

Lớp kỵ binh Ria-dan đầu tiên mà tôi đến công tác vào tháng Giêng năm 1920 đóng ở Xta-rô-giư-lốp tỉnh Ria-dan trên một khoảnh đất cũ của địa chủ.

Học sinh được tuyển lựa chủ yếu là kỵ binh có thành tích xuất sắc trong chiến đấu. Tôi được giao làm nhiệm vụ tiểu đội trưởng học viên ở đại đội 1. Việc này tôi đã quen thuộc từ khi ở trong quân đội cũ.

Đại đội trưởng đại đội học viên là V.Đ.Khơ-lam-xép giao cho tôi nhiệm vụ dạy các học viên về giáo, kiếm, đâm lê, thể dục và đội ngũ. V.Đ. Khơ-lam-xép là một sĩ quan cũ trong quân đội Sa hoàng, luôn luôn là người lôi cuốn và làm gương cho học viên. Chủ nhiệm huấn luyện đội ngũ là G.X. Đê-xnít-xki cũng xứng đáng với chức vụ của ông. Cán bộ chỉ huy đơn vị phần lớn là những sĩ quan - chuyên gia quân sự cũ. Họ công tác rất nhiệt tình, nhưng có phần hình thức “cứng nhắc”. Các tổ chức Đảng và cơ quan chính trị của lớp học làm nhiệm vụ giáo dục tư tưởng, còn giáo dục phổ thông thì do các nhà giáo quân sự hóa đảm nhiệm. Môn kinh tế chính trị học do các giáo viên mới được đào tạo gần đây giảng, nhưng họ cũng thường “bơi” trong vấn đề này, họ sai không kém gì chúng tôi.

Phần lớn học viên không được học đầy đủ chương trình giáo dục phổ thông. Vì họ được chọn từ trong công nhân, nông dân, những người trước cách mạng thường không biết chữ. Nhưng họ phải học bù lại, họ cố gắng học vì họ biết rằng thời gian học tập ngắn, lại phải học nhiều để trở thành người sĩ quan Hồng quân xứng đáng.

Giữa tháng 6 chúng tôi được gấp rút đưa lên tàu. Không ai biết chúng tôi sẽ đi đâu. Chỉ thấy là chúng tôi đi về phía Mát-xcơ-va. Đến Mát-xcơ-va cả lớp tập trung ở trại Lê-pho-tốp-xki, ở đây đã có các học viên Tơ-ve và Mát-xcơ-va đóng sẵn rồi. Chúng tôi

được phổ biến rằng các lớp sẽ được biên chế thành một lữ đoàn hỗn hợp và được gửi ra mặt trận để đánh Vran-ghen. Chúng tôi được phát mọi trang bị và vũ khí cần thiết. Trang phục cho người và ngựa hoàn toàn mới, trông bề ngoài rất đẹp.

Ở Mát-xcơ-va tôi có rất nhiều bạn và người quen. Trước khi ra mặt trận tôi muốn gặp họ một chút, đặc biệt là những người mà tôi vẫn hằng nhớ nhung, quyến luyến, nhưng rất tiếc là tôi không được đi thăm người nào cả. Các chỉ huy đại đội thường bận việc phải đi vắng và giao đại đội cho tôi. Tôi đành viết thư cho những người quen mà thôi, không thể đến thăm họ được. Tôi không hiểu có phải vì vậy hay vì lý do khác, giữa tôi và Ma-ri-a có sự bất hòa. Và sau đó tôi được tin là cô ta đã đi lấy chồng, từ đó đến nay tôi không gặp lại cô ta nữa.

Tháng 8, trung đoàn học viên hỗn hợp chúng tôi được phái đến Cra-xnô-đa để từ đó tấn công quân của Vran-ghen.

Đến mùa hè năm 1920 thì rõ ràng là bọn tư sản, địa chủ Ba Lan, tuy còn tạm thời thắng lợi, nhưng chắc gì chúng đã có thể tiếp tục chiến tranh với nước Nga Xô-viết. Lúc đó số lượng Hồng quân đã vượt xa con số 3 triệu người. Vì vậy các chính phủ Đồng minh thỏa thuận với nhau mở thêm một cuộc hành quân thứ ba chống Xô-viết nữa, ngoài lực lượng vũ trang của bọn tư sản Ba Lan, chúng còn dựa thêm vào lực lượng của Nam tước Vran-ghen tổ chức ở Crum.

Chúng hứa sẽ giúp đỡ không hạn chế cho Vran-ghen. Còn bản thân Vran-ghen hứa rằng Sa hoàng sau này sẽ trả tất cả số chi phí của đồng minh.

Tháng 5-1920, quân đội Vran-ghen đã có tới gần 13 vạn bộ binh và 4 ngàn rưỡi kỵ binh. Nhưng con số đó chưa đủ để triển khai hoạt động rộng rãi nhằm chống lại Nhà nước Xô-viết. Ở khu vực Crum, Vran-ghen không tìm được nguồn bổ sung nào và quyết định tấn công vào bắc Ta-vri-a. Nhưng ở đây Vran-ghen không thu được kết quả: hấn không thể tấn công lên Đôn-bát và sông Đông được.

“Nguồn bổ sung duy nhất - Vran-ghen viết trong bản hồi ký của mình - chỉ có thể là đất Cô-dắc... Khi các tập đoàn quân của tướng Đê-ni-kin bị đánh tan, hàng ngàn lính Cô-dắc đã giải tán về nhà đem theo cả ngựa, vũ khí và trang bị. Dự trữ chiến đấu to lớn còn nằm ở bắc Cáp-ca-dơ và ở vùng sông Đông... Các vùng này có nhiều tài nguyên địa phương... Điều đó buộc chúng ta phải chuyển cuộc chiến đấu sang vùng Cô-dắc”.

Vran-ghen tính rằng có thể phát động phong trào thổ phi bạch vệ ở Cu-ban và hấn hy vọng vào cái gọi là quân đội “phục hồi nước Nga” do tướng Phô-xti-cốp chỉ huy. Nhưng hấn đã đánh giá quá cao lực lượng này. Tưởng rằng điều mong muốn của chúng sẽ biến thành sự thật, nhưng Vran-ghen đã sai lầm vì hấn xem phong trào chống đối chính quyền Xô-viết ở Cu-ban của bọn phú

nông là phong trào nhân dân.

Lúc này phần lớn bọn Cô-dắc ở vùng Cu-ban nghĩ rằng bọn cầm đầu bạch vệ và “chính phủ tối cao” sẽ đem trợ cấp của Đồng minh đến cho chúng.

Các cán bộ chỉ huy, chính ủy và các chiến sĩ Hồng quân của ta làm mọi cách để giải thích cho những người Cu-ban hiểu rõ mục đích chiến đấu thực sự của ta và sự cần thiết phải nhanh chóng tiêu diệt bọn chống lại Xô-viết.

Đồng thời các gia đình Cô-dắc nghèo và gia đình Hồng quân được giúp đỡ nhiều về mọi mặt. Phần công tác dân vận này có tầm quan trọng đặc biệt, vì trước khi Hồng quân đến, bọn bạch vệ đã áp bức dân nghèo hết sức nặng nề, chúng đã cướp của họ đến miếng bánh mì cuối cùng và đã ngược đãi họ.

Tôi còn nhớ, một buổi tối, chính ủy sư đoàn đến đại đội tôi và đề nghị chúng tôi làm việc giúp các gia đình bần nông và gia đình Hồng quân ít hôm để sửa lại nhà cửa, vườn tược và nông cụ cho họ.

Tất cả chúng tôi đều nhiệt liệt tán thành.

Chính ủy của chúng tôi nhận thấy phần khó khăn nhất là dọn giếng công cộng, mà trước đây bọn bạch vệ đã bỏ xuống đây biết bao nhiêu thứ rác rưởi. Giếng khá sâu, khi ông ta lặn xuống đến đáy thì suýt bị ngạt. người ta kéo ông lên, ông chỉ còn thở thoi thóp nhưng nghỉ một chút, ông lại ra lệnh thả ông xuống. Được

một lúc ông lại phải trở lên và cứ thế tiếp tục cho đến khi giếng được dọn sạch. Tối đến, cả làng đều trầm trồ về tinh thần dũng cảm của chính ủy.

Sau khi công việc đã xong xuôi, những người Cô-dắc đã mời chúng tôi ăn một bữa cơm thân mật với họ. Trong bữa ăn đó, chúng tôi và nhân dân nói chuyện rất chân tình, họ cảm ơn chúng tôi đã giúp đỡ họ. Và không khỏi có chuyện buồn cười. Có một nhóm học viên được giao nhiệm vụ sửa nhà kho và bếp cho một người đàn bà góa Cô-dắc thì họ lại đi làm việc cho một nhà phú nông cùng họ. Chuyện đó làm mọi người phì cười, nhưng “những kẻ mắc sai lầm” lại rất buồn.

Tháng 8, trung đoàn học sinh hỗn hợp của chúng tôi được tung ra đánh lại cuộc đổ bộ của tướng U-la-gai trong quân đội Vran-ghen, sau đó chiến đấu chống bọn phiến loạn Phô-xti-cốp và Crư-gia-vlốp-xki. Bọn phiến loạn bị đánh tan một cách nhanh chóng. Tàn quân của chúng tôi được chính phủ Men-sê-vích Gru-di-a che chở cho chạy trốn.

Chúng tôi không phải tham gia chiến dịch cuối cùng đánh tan Vran-ghen ở Crum, vì học sinh giỏi được ra trường trước thời hạn và đưa đến bổ sung cho các đơn vị kỵ binh bị mất nhiều cán bộ chỉ huy trong các trận chiến đấu với Vran-ghen.

Lễ bế mạc được tổ chức ở thành phố Ác-ma-via, nơi có cơ quan tham mưu đã chiến của tập đoàn quân 9. Những học sinh còn lại

trong trung đoàn hỗn hợp được phái đi truy kích bọn phi chạy vào núi Cáp-ca-dơ. Sau đó ít lâu, chúng tôi được tin trung đoàn học sinh bị phục kích tại một nơi trong núi Cáp-ca-dơ và bị thiệt hại nặng. Nhiều cán bộ chỉ huy và chiến sĩ đã bị bọn phi hành hạ rất dã man. Đồng chí chính ủy mà tất thấy chúng tôi đều yêu mến cũng đã hy sinh. .

Phần lớn số học sinh tốt nghiệp được phái tới lữ đoàn kỵ binh độc lập 14 đóng ở làng Nô-vô-giê-rê-li-ép-cai-a và tiếp tục chiến dịch tiêu diệt bọn tàn quân của U-la-gai và bọn thổ phi ở đây.

Tôi được sung vào trung đoàn kỵ binh 1 do người sĩ quan Cô-dắc sông Đông cũ là An-đrây-ép chỉ huy. Ông ta là một người dũng cảm và là một tay kiếm giỏi. Một số bạn cùng lớp với tôi cũng được đưa về trung đoàn này là Gô-rê-lốp, Mi-khai-lốp và U-khát ô-gô-rô-vích (tiếc rằng tôi không nhớ tên).

Đến cơ quan tham mưu, xuất trình giấy tờ xong, chúng tôi được đồng chí trung đoàn trưởng tiếp. Nhìn vào những chiếc quần đỏ chúng tôi đang mặc, đồng chí nói một cách không hài lòng:

- Các chiến sĩ của tôi không ưa những người chỉ huy mặc quần đỏ.

Bây giờ làm thế nào? Chúng tôi chỉ có một loại quần. Các loại khác, học sinh chúng tôi không được phát. Không hiểu sao vẫn không tin chúng tôi, đồng chí nói tiếp:

- Chiến sĩ của chúng tôi là những người đã từng trải, họ không

thích những người chưa từng chiến đấu. .

Sau đó, đồng chí bắt đầu chất vấn - tôi xin nói thẳng - không lịch sự lắm: người nào sinh đẻ ở đâu? Đảng viên hay ngoài Đảng? Đã chiến đấu chưa? Bao giờ, ở đâu? v..v... Khi biết được chúng tôi không những là người đã từng chiến đấu mà có người đã tham gia Thế chiến thứ nhất, đồng chí mới yên lòng hơn.

Đến đại đội, chúng tôi gặp đại đội trưởng Vi-nép-xki. Thoạt nhìn, chúng tôi không thích anh lắm. Vi-nép-xki gây cho chúng tôi cảm tưởng anh là người không quan tâm đến công việc của đơn vị mình. Không rời khỏi cuốn sách đang đọc, không chú ý chúng tôi là người như thế nào, có khả năng gì. Anh cũng không nói gì về những người mà chúng tôi sẽ gặp và sắp tới có thể sẽ cùng với họ đi chiến đấu. Anh uể oải ra lệnh:

- Đồng chí Giu-cốp đi tiếp nhận trung đội 2 của đồng chí A-ga-pốp còn đồng chí U-khát ô-gô-rô-vích đến chỉ huy trung đội 4. Tìm được trung đội 2, tôi đến gặp A-ga-pốp, quyền chỉ huy trung đội. Anh là một người đứng tuổi, trước đã là một kỵ binh thường của quân đội cũ đã tham gia Thế chiến thứ nhất. Mới buổi đầu quen nhau, tôi đã có cảm tình với con người giản dị và tốt bụng này.

Rút bản danh sách trung đội từ trong túi ra đưa cho tôi, anh giới thiệu trung đội gồm có 30 người. A-ga-pốp nói:

- Trong trung đội đều là các chiến sĩ cũ, trừ ba, bốn người. Đều

là chiến sĩ xuất sắc cả, tất nhiên, họ cũng có phần ương bướng, cần phải biết lãnh đạo họ.

Và anh kể cho tôi nghe tỉ mỉ về từng người:

- Goóc-scốp, một chiến sĩ can đảm, hết sức tự do nhưng trong chiến đấu cũng nhất đay. Đối với anh ta không nên to tiếng, khi anh ta cáu, cần phải khen anh ta nhiều hơn và chỉ cho anh ta những cái sai một cách thân tình tay đôi. Ca-xi-a-nốp - bắn súng máy, người Vô-rô-ne-giơ, một chiến sĩ tốt. Trong chiến đấu không cần giao nhiệm vụ cụ thể, anh ta nhận thức rất rõ mục tiêu nào cần phải tiêu diệt trước hết. Ca-da-kê-vích, Cô-va-lép, Xa-prư-kin là ba người bạn không rời nhau, chiến đấu tốt, nhưng hay đi chơi. Có thể và cần phải quở trách trước đơn vị, dọa đưa lên chính ủy trung đoàn. Chính ủy trung đoàn rất nghiêm và không ưa những người nào không giữ danh dự chiến sĩ Hồng quân. Cứ như vậy A-ga-pốp kể cho tôi nghe hết từng chiến sĩ. Tôi rất cảm ơn anh về những điều anh đã kể cho tôi nghe.

Sau đó anh ra lệnh tập hợp toàn đơn vị (cả ngựa) để giới thiệu tôi.

Sau khi chào trung đội xong tôi nói:

- Các đồng chí, tôi được cử đến chỉ huy các đồng chí. Tôi là chỉ huy dù giỏi hay dở, các đồng chí là chiến sĩ tốt hay tồi, sau này chúng ta sẽ biết nhau. Bây giờ tôi muốn xem ngựa và trang bị của các đồng chí như thế nào và tôi sẽ làm quen với từng người.

Trong khi duyệt đơn vị, một số chiến sĩ chăm chú nhìn chiếc quần đỏ của tôi. Thấy thế, tôi nói:

- Đồng chí An-đây-ép, trung đoàn trưởng đã nói cho tôi biết các đồng chí không ưa quần đỏ. Các đồng chí biết không? Tôi không có quần nào khác. Chính quyền Xô-viết cho tôi sao, tôi mặc vậy. Màu đỏ là gì, như các đồng chí đã biết, nói chung đó là màu cách mạng, đó là biểu hiện của cuộc chiến đấu của nhân dân lao động giành tự do và độc lập...

Hôm sau, cả trung đội tập hợp trong trại, tôi đề nghị các chiến sĩ tự giới thiệu. Một lúc lâu, cuộc nói chuyện vẫn rời rạc. Chiến sĩ bắn súng máy Ca-xi-a-nốp nói:

- Kể gì bây giờ? Ai ở đâu? Chúng tôi là người như thế nào?

Trong danh sách của trung đội đã có hết.

Khi đó tôi kể tất cả những điều mà tôi đã biết về các cuộc chiến đấu chống bọn bạch vệ và Vran-ghe-n ở bắc Ta-vri-a. Các chiến sĩ chăm chú lắng nghe. Đặc biệt họ quan tâm đến việc quân đội Đồng minh có đổ bộ lên nước ta không? Tôi trả lời: các chính phủ Đồng minh muốn đổ quân lên nhưng nhân dân và quân đội các nước Đồng minh lại không muốn chiến đấu chống chúng tôi. Mấy hôm sau trong chiến dịch quét bọn tàn quân phi ra khỏi vùng Pri-moóc-xki tôi dẫn đầu đơn vị đi chiến đấu. Cuộc chiến đấu kết thúc thắng lợi. Bọn phi bị tiêu diệt, một số bị bắt làm tù binh và quan trọng nhất là trung đội tôi không có ai bị thương

vong cả.

Sau trận chiến đầu, không ai nói gì về chiếc quần đỏ của tôi nữa. Không bao lâu tôi được cử lên chỉ huy đại đội 2 trung đoàn kỵ binh 1 .

Cuối tháng Chạp năm 1920, cả lữ đoàn được phái đến tỉnh Vô-rô-ne-giơ để tiêu diệt bọn phú nông nổi loạn và bọn phi Cô-lét-nhi-cốp. Bọn phi này nhanh chóng bị đánh tan. Bọn tàn quân chạy sang tỉnh Tam-bốp và câu kết với bọn phi phú nông xã hội cách mạng An-tô-nốp.

Tôi xin kể một ít về tên An-tô-nốp, đầu sỏ cuộc nổi loạn của bọn phú nông xã hội cách mạng này.

An-tô-nốp đẻ trong một gia đình lai tạp ở thành phố Kiéc-xa-nốp, tỉnh Tam-bốp. Học ở trường chuyên nghiệp, nhưng vì tư cách xấu và hành động lưu manh nên bị đuổi. Hắn rời Kiéc-xa-nốp, nhập bọn với những tên tội phạm, làm nghề ăn cướp, nhiều lần giết người. Năm 1906, An-tô-nốp vào đảng xã hội cách mạng. Vì phạm tội nên bị đày đi xi-bê-ri. Hắn trở về Tam-bốp năm 1917 vào lúc Cách mạng tháng Hai. Sau đó hắn làm cảnh sát trưởng quận Kiéc-xa-nốp. An-tô-nốp sắp xếp tay chân của hắn vào khắp nơi. Bè lũ của hắn là mấy tên xã hội cách mạng nổi tiếng Ba-gie-nốp, Mác-nê-vích, Dô-ép và Lô-si-nin.

Tháng 8-1920, An-tô-nốp đã tụ tập được một đội phi lớn. Sau khi chiếm được một khu đông dân cư, bọn An-tô-nốp liền xây

dựng ngay những toán mới. Các toán phỉ của chúng dần dần tập hợp lại thành những trung đoàn quân số gần một ngàn người.

Lực lượng tấn công chủ yếu của An-tô-nốp là những trung đoàn kỵ binh với quân số từ 1.500 đến 5.000 người.

Cuối năm 1920, các đội phỉ của An-tô-nốp đã tập hợp lại thành một “tập đoàn quân”. Bộ tham mưu tập đoàn quân bao gồm những tên xã hội cách mạng cũ như Bô-gu-xláp-xki, Gu-xa-rốp, Tót-ma-cốp, còn An-tô-nốp là tham mưu trưởng. Không bao lâu chúng đã lập tập đoàn quân thứ hai. Mọi quyền hành quân sự vẫn nằm trong tay An-tô-nốp. Các đơn vị được trang bị bằng súng máy, súng trường, súng lục và kiếm.

Ban chấp hành trung ương đảng xã hội cách mạng cầm đầu tổ chức lãnh đạo cuộc nổi loạn của bọn phú nông xã hội cách mạng.

Nhiệm vụ chính của chúng là lật đổ chính quyền Xô-viết. Còn nhiệm vụ trước mắt của bọn An-tô-nốp là:

- Phá hoại việc thực hiện nghĩa vụ cung cấp lương thực và các nghĩa vụ khác do chính quyền Xô-viết đề ra;
- Tiêu diệt các người đại diện của Đảng Cộng sản (b) Nga và chính quyền Xô-viết;
- Tấn công vào những đơn vị nhỏ của Hồng quân để ướp vũ khí;
- Phá hoại đường sắt, kho tàng và các căn cứ Hồng quân.

Xuất phát từ những nhiệm vụ đó, bọn An-tô-nốp thi hành chiến thuật:

- 1- Tránh chiến đấu với các đơn vị lớn của Hồng quân;
- 2- Khi nào chắc thắng và nhất thiết có lực lượng trội hơn thì mới đánh;
- 3- Khi cần thiết chia thành đơn vị nhỏ để thoát khỏi tình trạng bất lợi, khó khăn và rút lui về nhiều hướng rồi tập trung lại một chỗ đã định trước.

Tháng Chạp năm 1920, Chính phủ Xô-viết thành lập Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Tam-bốp để tiêu diệt bọn phi. Đến ngày 1-3-1921, lực lượng của Bộ chỉ huy tỉnh Tam-bốp có 32.500 bộ binh, 7.948 kỵ binh, 463 súng máy và 63 cỗ pháo. Đến 1-5, lực lượng ấy tăng thêm 5.000 bộ binh và 2.000 kỵ binh nữa. Nhưng do Bộ chỉ huy tỉnh Tam-bốp thiếu khả năng tổ chức và không cương quyết nên không tiêu diệt được bọn phi An-tô-nốp.

An-tô-nốp đích thân lĩnh đội nhập nhiều lần vào các đồn trại của Hồng quân. Chẳng hạn như vào đầu tháng Tư năm 1921, một đội quân 5.000 người của An-tô-nốp đã phá tan một doanh trại và chiếm Ra-xca-dô-vô. Lần ấy, cả một tiểu đoàn của ta đã bị bắt làm tù binh.

Sau đó không bao lâu, đồng chí M.N. Tu-kha-chép-xki, trước là trung úy quân đội Sa hoàng, vào Đảng Cộng sản (b) Nga năm 1918, được cử đến chỉ huy các đơn vị làm nhiệm vụ chống bọn An-tô-nốp.

Chúng tôi được nghe người ta khen nhiều về Mi-kha-in Ni-cô-

lai-ê-vích Tu-kha-chép-xki, đặc biệt là về trình độ nắm vững các vấn đề chiến lược, chiến dịch và các chiến sĩ đều vui mừng vì sẽ có một vị tướng tài như vậy chỉ huy mình.

Tôi gặp M.N. Tu-kha-chép-xki lần đầu ở Gia-đép-ca ở Tam-bốp-sin, khi đồng chí đến thăm ban tham mưu lữ đoàn kỵ binh độc lập 14 của chúng tôi. Tôi cũng có mặt trong cuộc nói chuyện giữa đồng chí và lữ đoàn trưởng của chúng tôi. Qua những ý kiến nhận xét của M.N. Tu-kha-chép-xki, người ta cảm thấy đồng chí có những hiểu biết rộng và có những kinh nghiệm lãnh đạo các chiến dịch lớn của một vị tướng cầm quân có tài.

Sau khi thảo luận về những hoạt động trước mắt của lữ đoàn, Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích nói chuyện với các chiến sĩ và cán bộ chỉ huy. Đồng chí chú ý hỏi những ai đã chiến đấu ở đâu, tình hình các đơn vị và nhân dân thế nào, những việc làm có ích của chúng tôi đối với nhân dân địa phương ra sao.

Trước khi đi, đồng chí nói :

- Vla-đi-mia I-lích Lê-nin cho rằng, cần phải nhanh chóng tiêu diệt bọn phú nông nổi loạn và bọn phản vũ trang của chúng.

Chúng ta được giao một nhiệm vụ rất quan trọng. Cần phải làm tất cả để hoàn thành nhiệm vụ một cách nhanh chóng và tốt nhất.

Tôi có biết đâu, chỉ sau đó mấy năm thôi, tôi đã được gặp Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích ở Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng trong buổi thảo luận về cơ sở lý luận của nghệ thuật sử dụng chiến

thuật của Quân đội Xô-viết!

Sau khi M.N. Tu-kha-chép-xki và V.A. An-tô-nốp Ôp-xen-cô được cử đến chỉ huy thì cuộc chiến đấu chống bọn phi được tiến hành theo một kế hoạch rất đúng. Phụ tá của Tu-kha-chép-xki là đồng chí I.P. U-bô-rê-vích. I.P. U-bô-rê-vích đồng thời phụ trách chỉ huy một đơn vị kỵ binh hỗn hợp và bản thân đồng chí cũng trực tiếp tham gia các trận đánh bọn An-tô-nốp. Trong chiến đấu, đồng chí đã tỏ ra rất dũng cảm.

Những trận đánh tiêu diệt các đơn vị An-tô-nốp nổ ra đặc biệt mạnh mẽ vào cuối tháng 5-1921 trong vùng sông Vô-rô-na, ở các khu dân cư: Xê-mê-nốp-ca, Ni-côn-xcôi-ê, Pu-si-nô, Ni-côn-xcôi-ê Pê-rê-vô-dơ, Tơ-ríp-ki, Cli-út-ki, E-ca-tê-ri-nốp-ca, sông Khô-pe. Lữ đoàn kỵ binh của G.I. Cô-tốp-xki và lữ đoàn kỵ binh độc lập 14 chúng tôi hoạt động rất tốt ở vùng này. Nhưng lúc đó ta vẫn chưa hoàn toàn tiêu diệt được bọn phi.

Bọn An-tô-nốp bị thất bại chủ yếu ở vùng Xéc-đóp-xơ, Ba-cu-ra, E-lan là vùng do đồng chí I.P. U-bô-rê-vích chỉ huy chiến đấu. Tàn quân của toán phi bị đánh tan đã chạy tán loạn theo hướng chung tới Pen-da. Nhờ sự ủng hộ của nông dân rất căm ghét bọn phi, quân đội ta đã tiêu diệt gần hết bọn chúng ở tỉnh Xa-ra-tốp.

Suốt mùa hè năm 1921, các đơn vị dưới sự chỉ huy của đồng chí I.P. U-bô-rê-vích, được sự ủng hộ to lớn của nhân dân địa

phương, đã tiêu diệt hoàn toàn cả các toán phi của Va-xca Ca-ra-xi-ê và Bô-gu-xláp-xki gần Nô-vô-khô-péc-xki.

Quân ta đã phải chiến đấu với bọn An-tô-nốp nhiều trận gay go. Đặc biệt tôi còn nhớ một trận vào mùa xuân năm 1921 ở làng Via-dô-vai-a Pô-sta gần ga Giéc-đép-ca. Trung đoàn tôi cùng với lữ đoàn được báo động chiến đấu vào lúc sáng sớm. Theo báo cáo của trinh sát, có một toán độ 3.000 kỵ binh của An-tô-nốp tập trung ở cách làng 10 - 15 km. Trung đoàn kỵ binh 1 chúng tôi hành quân bên trái từ Vi-a-dô-vai-a Pô-sta tiến ra; bên phải, cách 4 - 5 km là trung đoàn 2 của lữ đoàn. Đại tôi của tôi có 4 súng máy và 1 cỗ pháo được lệnh đi đầu đơn vị.

Đi chưa quá 5 km thì đại đội gặp khoảng 250 kỵ binh của An-tô-nốp. Mặc dù địch có số lượng lớn hơn, chúng tôi vẫn nã súng máy và pháo rồi xông lên chiến đấu. Bọn An-tô-nốp bị thiệt hại nặng, chịu không nổi đòn đánh dữ dội này, phải rút lui.

Trong lúc đánh giáp lá cà, một tên của An-tô-nốp đã bắn chết ngựa của tôi. Ngựa ngã đè lên tôi. Nếu chính trị viên Nô-chép-ka không kịp đến cứu thì tôi đã bị chém chết. Bằng một đường kiếm rất mạnh, anh chém chết tên phi rồi nắm lấy dây cương ngựa của nó và giúp tôi leo lên ngựa.

Sau đó chúng tôi thấy một đoàn ngựa của địch vòng đánh thọc vào sườn đại đội. Chúng tôi liền dồn hết hỏa lực về phía chúng và phải liên lạc đi báo tin đó với trung đoàn trưởng. Sau 20-30

phút, trung đoàn chúng tôi tiến đến và bắt đầu một cuộc chiến đấu nảy lửa.

Trung đoàn 2 của lữ đoàn gặp địch quá đông buộc phải lùi lại. Thừa cơ hội đó bọn An-tô-nốp đánh vào sườn chúng tôi. Trung đoàn trưởng quyết định lui về Vi-a-dô-vai-a Pô-sta, dự định đến một địa thế bất lợi cho chúng. Đại đội tôi được lệnh bảo vệ cho đơn vị rút lui.

Nhận thấy chúng tôi cơ động, bọn An-tô-nốp tập trung toàn lực tấn công vào đại đội tôi lúc đó đã trở thành hậu vệ của trung đoàn.

Cuộc chiến đấu thật gay go đối với chúng tôi. Địch thấy chúng tôi quá ít nên tin rằng sẽ bóp chết được chúng tôi. Nhưng thực hiện điều đó không phải đơn giản. May thay, như đã nói ở trên, đại đội tôi có 4 súng máy với nhiều đạn dự trữ và một khẩu pháo 76 mm. Phát huy hỏa lực của súng máy và đại bác, đại đội đã bắn chết hầu hết những toán địch xông lên. Chúng tôi nhìn thấy trên chiến trường ngổn ngang xác giặc và dần dần từng bước, chúng tôi vừa đánh vừa rút lui về phía sau. Tôi đã nhìn thấy trung đội trưởng U-gát Ô-gô-rô-vích, bạn tôi, bị thương nặng từ trên ngựa ngã xuống. Đó là cán bộ chỉ huy có khả năng, một con người được giáo dục tốt. Cha anh, một đại tá quân đội cũ, ngay từ ngày đầu đã đi theo chính quyền Xô-viết, ông là một trong những giáo sư chính của lớp cán bộ ở Ri-a-dan của chúng tôi.

Khi đang mê đi, anh thì thào :

- Báo cho mẹ tôi biết... Đừng bỏ tôi cho bọn phi...

Tất cả thương binh và tử sĩ chúng tôi đều để trên xe súng máy và bộ pháo để chở về không cho bọn phi hành hạ anh em.

Cuộc phản công dự định của trung đoàn không thực hiện được vì lớp băng mùa xuân trên sông mà chúng tôi phải vượt qua sẽ không chịu đựng nổi, chúng tôi đành phải rút về tận Vi-a-dô-vai-a Pô-sta.

Đến ngay giữa làng, để cứu khẩu súng máy còn lại, tôi xông vào đánh một toán phi. Một phát đạn súng trường làm con ngựa thứ hai trong ngày của tôi chết. Với khẩu súng lục trong tay, tôi phải chống đỡ với bọn địch cưỡi ngựa định bắt sống tôi. Một lần nữa chính trị viên Nô-chép-ca cùng các chiến sĩ Brúc-xin, Góc-cốp và Cô-va-lép lại vội chạy lại cứu tôi.

Trong trận này đại đội tôi có 10 người chết và 15 người bị thương. Sáng hôm sau 3 người trong số bị thương chết, trong đó có cả U-khát Ô-gô-rô-vích.

Cuối mùa hè năm 1921 quân ta lùng diệt nốt các toán phi nhỏ chạy trốn rải rác trong vùng Tam-bốp-sin. Cần phải diệt sạch chúng cho thật nhanh. Đại đội tôi có nhiệm vụ tiêu diệt bọn phi của Dơ-vê-rép có đến 150 kỵ binh. Không bao lâu chúng tôi đã tìm thấy bọn chúng. Cuộc tấn công bắt đầu. Lực lượng bọn phi đã yếu đi phần nào. Đến cửa rừng thì chúng tôi đuổi kịp chúng

và bắt đầu tấn công.

Trong vòng một tiếng đồng hồ đã kết thúc trận đánh. Chỉ còn 5 tên phi do Dơ-vê-rép cầm đầu lợi dụng lúc trời sắp tối tháo chạy trốn trong rừng. Nhưng không có gì cứu nổi chúng nữa: trận diệt phi An-tô-nốp ở Tam-bốp-sin đã hoàn thành thắng lợi.

Nhớ lại chuyện đó, có một trường hợp xảy ra mà tôi không thể không kể ra đây được.

Khi đuổi theo bọn phi, bất ngờ chúng tôi gặp 2 xe bọc thép từ một làng bên cạnh xuất hiện. Chúng tôi biết rằng, bọn phi không có xe bọc thép, nên chúng tôi không bắn. Nhưng xe bọc thép lợi dụng địa thế, quật súng máy vào chúng tôi. Tại sao vậy? Phái liên lạc tới Thì ra đó là xe bọc thép của ta và ngồi trong chiếc xe trước chính là I.P U-bô-rê-vích. Biết bọn phi rút về phía rừng, đồng chí định chộp bọn chúng ở trên đường. May mà phát hiện được, nếu không thì có thể xảy ra chuyện không hay rồi.

Thế là tôi được làm quen đồng chí I.P. U-bô-rê-vích. Sau này, vào những năm 1932 - 1937, tôi được gặp đồng chí luôn. Hồi đó đồng chí là tư lệnh quân khu Bê-lô-ru-xi, ở đây tôi chỉ huy sư đoàn kỵ binh.

Năm tháng trôi qua. Quên đi rồi, những khó khăn của thời nội chiến mà nhân dân ta đã phải chịu đựng. Nhưng không khi nào xóa mờ được trong tâm trí mỗi người chúng ta lòng tin tưởng sắt đá vào lý tưởng chân chính mà Đảng của Lê-nin đã vạch ra trong

những ngày Cách mạng tháng Mười.

Tướng Nôc-xơ người Anh đã viết cho chính phủ của chúng hồi đó rằng, có thể đánh tan hàng triệu quân đội của bọn Bôn-sê-vich, nhưng khi 150 triệu người Nga đã ghét bọn trắng, lại yêu bọn đỏ, thì giúp bọn trắng cũng vô ích.

Vì hàng loạt nguyên nhân, hồi đó Hồng quân không thể sử dụng hết được kinh nghiệm của những cuộc chiến tranh đã qua trong đó có cả kinh nghiệm của Thế chiến thứ nhất.

Để chiến đấu chống những kẻ thù của Nhà nước xô-viết trẻ tuổi, cần phải xây dựng cho mình một tổ chức vũ trang có đầy đủ tính chất giai cấp, trang bị cho nó những quan điểm mới về thực chất và phương pháp của cuộc đấu tranh.

“Bất kỳ cuộc cách mạng nào cũng chỉ có giá trị khi nó có khả năng tự vệ” - V.I. Lê-nin nói. Đảng, Ban Chấp hành trung ương, bản thân V.I. Lê-nin đã đóng vai trò quyết định trong tổ chức công cuộc bảo vệ Tổ quốc, thống nhất tất cả các lực lượng của hậu phương và tiền tuyến, động viên quần chúng công nhân, chiến sĩ Hồng quân, nông dân đứng lên chiến đấu chống bọn can thiệp và phản cách mạng trong những năm nội chiến. Đã thực hiện hàng trăm hàng ngàn biện pháp để đảm bảo đánh thắng giặc.

Các nhà sử học đã ghi lại được rằng, từ ngày 1 tháng Chạp năm 1918 đến 27 tháng Hai năm 1920 đã có 101 cuộc họp của Hội

đồng quốc phòng thảo luận 2.300 vấn đề về tổ chức phòng thủ đất nước, về bảo đảm kỹ thuật chiến đấu, vũ khí, đạn dược, lương thực cho Hồng quân và Hải quân. Tất cả các cuộc họp, chỉ trừ hai cuộc, đều do V.I. Lê-nin chủ tọa.

Nghiên cứu các tài liệu của cuộc nội chiến, ta thấy rằng, các chỉ thị và nghị quyết của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, những lời dạy của V.I. Lê-nin là cơ sở để xây dựng mọi kế hoạch tác chiến cụ thể của Bộ Tổng tư lệnh Hồng quân, của Hội đồng quân sự cách mạng các phương diện quân. Mọi kế hoạch chiến lược của những chiến cục quan trọng nhất đều được thảo luận một cách toàn diện tại các cuộc Hội nghị toàn thể và các cuộc họp của Ban Chấp hành trung ương Đảng.

Bản thân V.I. Lê-nin rất gắn bó với Bộ Tổng tư lệnh, với các phương diện quân và các tập đoàn quân. Người biết rõ nhiều tướng lĩnh và cán bộ chính trị. Người đã trao đổi rất nhiều thư từ quân sự với họ. Trong những năm nội chiến, theo thống kê chưa đầy đủ, Lê-nin đã ký gần 600 thư và điện về các vấn đề phòng thủ đất nước Xô-viết.

Nhưng cũng trong thời gian đó, V.I. Lê-nin, Trung ương Đảng không làm thay Bộ Tổng tư lệnh và Hội đồng quân sự cách mạng trong công tác lãnh đạo cụ thể các phương diện quân, tập đoàn quân và các hoạt động tác chiến của quân đội.

Khi V.I. Lê-nin nhận được tin rằng có một số cán bộ quân sự

ngghi ngờ sự đúng đắn của những kế hoạch chiến đấu chống Đê-ni-kin do Tổng tư lệnh X.X. Ca-mê-nép vạch ra, người đã nhân danh Bộ Chính trị trung ương Đảng viết thư cho Tờ-rôt-xki: “Bộ chính trị hoàn toàn công nhận quyền hành thực tế của Bộ Tổng tư lệnh và đề nghị đồng chí giải thích đúng đắn cho tất cả các cán bộ có trách nhiệm”.

Tổng tư lệnh X.X. Ca-mê-nép có đề nghị với V.I. Lê-nin chỉ dẫn cho Bộ Tổng tư lệnh trước khi soạn những dự thảo chỉ thị về hành quân tác chiến. V.I. Lê-nin có viết lên bản báo cáo của X.X. Ca-mê-nép gửi cho các ủy viên Bộ Chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng như sau: “Theo tôi, cần tôn trọng và cho phép đề nghị, khiếu nại: hoặc triệu tập Tổng tư lệnh đến báo cáo hoặc cho Tổng tư lệnh kết luận ngay về những dự thảo chỉ thị”.

Hội đồng quân sự cách mạng các nước Cộng hòa, các Hội đồng quân sự các phương diện quân và các tập đoàn quân hoạt động hoàn toàn trên cơ sở các nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga. Việc cử các tư lệnh và chính ủy ở những nơi quan trọng, việc củng cố khả năng quốc phòng các nước Cộng hòa được thực hiện đúng theo chỉ thị của Ban Chấp hành trung ương. Trong nghị quyết của Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga “Về chính sách lãnh đạo quân sự” thông qua cuối năm 1918, theo đề nghị của V.I Lê-nin, có nhấn mạnh rằng: Đảng chịu trách nhiệm hoàn toàn về mọi việc lãnh đạo quân sự, ảnh

hường của Đảng phải được phát huy trên mọi mặt xây dựng và chiến đấu của các lực lượng vũ trang Xô-viết.

Các Đảng viên cộng sản là lực lượng rường cột của Hồng quân. Trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga nhiều lần tiến hành các cuộc động viên đảng viên, đưa đảng viên đến những nơi quyết định trên các mặt trận. Ba vạn rưỡi đảng viên đã nhập ngũ vào tháng 8-1918; sau một năm, số đảng viên trong quân đội đã lên đến 12 vạn, tháng 8-1920 lên đến 30 vạn, nghĩa là gồm phần nửa số đảng viên Đảng Cộng sản (b) Nga lúc đó. Sức mạnh hơn hẳn về chính trị và tinh thần của Hồng quân mà mọi người đều thừa nhận, đã đóng vai quyết định trong cuộc nội chiến. Góp phần tạo ra sức mạnh đó là những hành động yêu nước của các chiến sĩ cộng sản, của các chính ủy, của cơ quan chính trị và của các chi bộ.

Đánh giá vai trò của bộ máy công tác Đảng, công tác chính trị của quân đội trong những năm ấy, M.V. Phơ-run-dê viết:

“Ai đã đưa được trật tự và kỷ luật vào hàng ngũ các trung đoàn Hồng quân trẻ tuổi của chúng ta được xây dựng dưới làn sấm sét của đạn đại bác? Ai, trong những giờ không thắng lợi và thua trận, đã giữ được tinh thần và lòng dũng cảm của chiến sĩ, đã đưa lại sức mạnh mới cho những người đang lao động? Ai đã ổn định hậu phương của quân đội, vun trồng lên chính quyền Xô-viết ở đây và thiết lập trật tự Xô-viết, nhờ đó mà bảo đảm cho quân đội

tiến nhanh và thắng lợi? Ai đã kiên trì và tích cực hoạt động để làm tan rã hàng ngũ địch, phá hoại hậu phương của chúng và, nhờ đó, chuẩn bị cho những thắng lợi tương lai?

Đó là việc làm của các tổ chức công tác chính trị trong quân đội và phải nói là việc làm đó thật xuất sắc. Thành tích của họ trong quá khứ là bất tử”.

Tôi có thể ký tên tán thành hàng ngàn lần những lời nhận xét ấy và xác nhận thêm một lần nữa rằng những nhận xét đó là hoàn toàn đúng.

Trong những năm nội chiến, Đảng và nhân dân không những chiến thắng được quân thù mà, trong khi chiến đấu với chúng, còn đặt nền móng cho một quân đội thường trực đông đảo tuyển mộ trên cơ sở nghĩa vụ quân sự của nhân dân lao động. Đã xây dựng các bộ máy chỉ đạo quân sự ở trung ương và địa phương, đã soạn thảo những điều lệ và điều lệnh đầu tiên, đã đặt ra cách tổ chức thống nhất các đơn vị và binh đoàn. Cuối năm 1920 quân số của ta đã lên đến 5 triệu rưỡi người, mặc dù gần 80 vạn người đã chết, bị thương và mất tích ngoài mát trận, 140 vạn người bị chết vì ốm nặng, vì ăn đói, vì thiếu thuốc không được chạy chữa và thiếu những trang bị cần thiết.

Từ những kinh nghiệm chiến đấu phong phú và lý thuyết tổng hợp trong thời kỳ nội chiến là cơ sở của việc xây dựng các lực lượng vũ trang Xô-viết trong nhiều năm, tôi muốn phát biểu một

vài ý kiến như sau:

Thứ nhất là về sự thống nhất giữa quân đội và nhân dân. Nội chiến, với một sức mạnh kỳ diệu đã thể hiện sự thống nhất giữa tiền tuyến và hậu phương, thể hiện ưu thế quân sự to lớn của cả một nước đã biến thành một trại binh thống nhất. Sự thống nhất đó có cơ sở khách quan là chế độ xã hội và nhà nước Xô-viết, khối liên minh công nông và có cơ sở chủ quan là nhân dân và quân đội cùng chung một mục đích. Nhờ đó đã tạo nên một lực lượng làm tăng sức mạnh của vũ khí lên nhiều lần. Nguồn gốc đó, V.I. Lê-nin đã nhìn thấy ở chỗ, lần đầu tiên trên thế giới đã xây dựng được một quân đội hiểu rõ mình chiến đấu cho cái gì, và ở chỗ lần đầu tiên trên thế giới công nhân và nông dân đã chịu đựng nổi những khó khăn không lường được vì có ý thức rõ ràng rằng họ bảo vệ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết, chính quyền của công nhân và nông dân.

Thứ hai là vai trò lãnh đạo của Đảng riêng trong vấn đề quân sự và ảnh hưởng của Đảng đối với quân đội thông qua bộ máy công tác Đảng, công tác chính trị.

Về mặt quân sự, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, ngoài những ý nghĩa khác ra, còn có ý nghĩa vô cùng to lớn ở chỗ đó là Đảng cầm quyền trong một nước mà công cụ sản xuất là tài sản chung của xã hội. Nhờ đó mà đảm bảo tập trung một cách chưa từng thấy mọi sức lực và tài sản của nền kinh tế quốc dân vào những

hướng tác chiến quan trọng nhất; tạo nên một khả năng đặc biệt để cơ động nguồn dự trữ về người và của to lớn nhất, để tiến hành một chính sách quân sự thống nhất; có thể đề ra nghĩa vụ cho mọi người bất cứ ai cũng phải tuân theo các mệnh lệnh, chỉ thị quân sự.

Còn về công tác Đảng, công tác chính trị, thì nhờ có công tác đó mà các lực lượng tự giác và trung thành với cách mạng trong quân đội và hải quân đang cùng hướng vào một mục đích chung được nhân lên gấp bội và đang trở thành nguồn gốc của chủ nghĩa anh hùng của quần chúng rộng rãi.

“Chỉ nhờ có Đảng làm người lính bảo vệ trung thành, - V.I. Lênin nói - nhờ Đảng có kỷ luật nghiêm minh nhất, có uy tín lớn lao để thống nhất được các cơ quan và cấp lãnh đạo vào một mối và hễ Ban Chấp hành trung ương Đảng đưa ra một khẩu hiệu nào là hàng trăm, hàng nghìn người và cuối cùng là hàng triệu người tức khắc một lòng một dạ tuân theo, và chỉ nhờ chúng ta đã có những sự hy sinh chưa từng có - chỉ nhờ tất cả những cái đó thôi mới có thể và đã xảy ra những chuyện kỳ diệu. Và cũng nhờ thế mà các đế quốc Đồng minh và cả bọn đế quốc toàn thế giới đã hai lần, ba lần, bốn lần tấn công chúng ta nhưng chúng ta vẫn có đủ khả năng giành được thắng lợi”.

Thứ ba - tôi muốn nói thêm về một nguyên tắc xây dựng các lực lượng vũ trang của chúng ta là: tuyệt đối tập trung, một thủ

trường và kỷ luật sắt, nguyên tắc mà bọn chống đối đã không ngừng công kích.

Nếu thiếu chế độ một thủ trưởng trong quân đội, V.I. Lê-nin cho rằng “...không chống thì chầy sẽ đưa đến thảm họa, hỗn loạn, kinh hoàng, loạn quyền, thất bại”. Trong nhiều tài liệu cơ bản do các Đại hội Đảng và Hội nghị toàn Ban Chấp hành trung ương thông qua cũng như trong thực tế công tác, những người bên-sê-vích đã đấu tranh không ngừng chống lại âm mưu định đưa các hình thức du kích trong tổ chức (cái mà lúc đầu thường có thể có) ra để đối lập với các nguyên tắc xây dựng quân đội thường trực (cái này mới là cái chủ yếu) nghĩa là đối lập với nguyên tắc chỉ đạo tập trung và thống nhất trong các khâu của quân đội, đối lập với việc tuyệt đối phục tùng cấp trên và kỷ luật.

Tất nhiên, chế độ một thủ trưởng phải được ứng dụng cho thật phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể, phải xét đến tính giai cấp của đội ngũ cán bộ, trình độ chính trị, quân sự và phải chú ý giáo dục quần chúng về từng hình thức chỉ huy. Dĩ nhiên vì lý do đó mà trong những năm đầu của chính quyền Xô-viết chưa thể thực hiện chế độ một thủ trưởng được.

Nhưng dần dần nguyên tắc kiểu mẫu, cơ bản của Lê-nin về chế độ một thủ trưởng kết hợp chặt chẽ với việc đề cao vai trò của cơ quan chính trị và tổ chức Đảng đã trở thành nguyên tắc lãnh đạo chủ yếu trong quân đội xô-viết cùng với kỷ luật sắt dựa trên cơ

sở giác ngộ chính trị và tinh thần tự giác sâu sắc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của các chiến sĩ, chế độ một thủ trưởng đã trở thành cái nòng cốt để thống nhất mọi ý chí, mọi hiểu biết và mọi chí hướng của quân đội.

Mỗi một giai đoạn phát triển của nước ta đã đem lại những đặc điểm mới cho việc xây dựng lực lượng vũ trang Xô-viết, cho việc củng cố và rèn luyện quân đội để chống xâm lược. Những kinh nghiệm và nguyên tắc đấu tranh quân sự được thử thách trong khói lửa nội chiến với sự đóng góp trực tiếp của V.I. Lênin cùng những luận điểm mà tôi đã nói lẻ tẻ ở trên đã được tiếp tục phát triển đặc biệt trong những năm 30, 40 và đã trở thành một bộ phận cấu thành sức mạnh to lớn của quân đội, một quân đội đánh tan được chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh giữ nước vĩ đại.

[1] Nam tước Bút-béc A-lếch-xây: Nhật ký của một tên bạch vệ (anh hùng ca Côn-chắc) “Pri-bôi”, 1929.

[2] Thói quen người Nga thường gọi theo họ.

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 4

CHỈ HUY TRUNG ĐOÀN VÀ LỮ ĐOÀN

BƯỚC vào công cuộc những xây dựng hòa bình sau khi đã anh dũng chiến thắng trong nội chiến, nhân dân Xô-viết đã phải đương đầu với nhiều khó khăn lớn trong việc phục hồi nền kinh tế quốc dân bị tàn phá. Hầu như tất cả các ngành kinh tế đều suy sụp đến cùng cực. Tình trạng nguy ngập của công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải đòi hỏi phải tập trung toàn bộ lực lượng của đất nước vào mặt trận kinh tế. Cần điều động vài triệu công nhân và nông dân đã giải ngũ vào các công tác phục hồi, cần giảm chi tiêu cho quân đội. Và trong cùng lúc đó vẫn cần duy trì và củng cố quốc phòng. V.I. Lê-nin đã nói: “Bây giờ chúng ta đã đẩy được một loạt cường quốc ra ngoài vòng chiến tranh với chúng ta, nhưng chúng ta không thể quả quyết rằng tình thế này có giữ được lâu hay không”.

Ngay trong những năm 1920 và 1921 đã bắt đầu chuyển hoàn

toàn hay từng bộ phận nhiều tập đoàn quân không trực tiếp tham gia chiến đấu sang làm công tác lao động. Nhằm mục đích này đã thành lập một ủy ban trực thuộc ủy ban Lao động và Quốc phòng do M.I. Ka-li-nin và Ph. E. Giéc-gin-xki lãnh đạo. Những đội quân lao động đã làm việc nhiều để nâng cao sản lượng nhiên liệu và nguyên liệu, để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp.

Nói chung, do thực hiện việc phục viên, đến cuối năm 1924, quân số các lực lượng vũ trang đã giảm từ 5,5 triệu người xuống còn có 562.000 người.

Đương nhiên là việc phục viên đã đáp ứng với lợi ích của hàng triệu chiến sĩ. Họ muốn trở lại với cày bừa và máy móc, muốn trở về với gia đình, nhà cửa. Giữ các chiến sĩ đã được huấn luyện tác chiến chính quy lại trong quân đội là một việc rất khó vì đa số họ lại là nông dân. Nếu vượt qua giới hạn, phục viên có thể “làm xói mòn” hạt nhân của quân đội. Tháng 2-1921, theo quyết định của ban tổ chức thuộc Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga, việc đưa những đảng viên cộng sản ra khỏi quân đội đã đình chỉ. Trước đó ít lâu, Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga đã gửi cho tất cả các tổ chức Đảng thông tư “Về Hồng quân”, trong đó Ban Chấp hành trung ương kiên quyết nhắc nhở tất cả các tổ chức Đảng không được phép giảm

nhẹ quan tâm xây dựng Hồng quân. Nói chung trong quân đội về cơ bản còn lại những người đã căn cứ vào sở trường và khả năng của mình quyết định cống hiến đời mình cho sự nghiệp quân sự.

Trong các điều kiện xây dựng hòa bình hồi đó cần phải đề ra một học thuyết quân sự duy nhất, củng cố Hồng quân thường trực, giải quyết nhiều vấn đề phức tạp mới trong nhiệm vụ xây dựng tổ chức, chấn chỉnh việc đào tạo cán bộ quân sự và chính trị. Ngay lúc đó đã đặc biệt quan tâm đến yêu cầu củng cố các đơn vị kỹ thuật chuyên môn (những đơn vị súng máy, pháo binh, ô-tô, thiết giáp, máy bay và v.v...), cung cấp cho các đơn vị này mọi thứ cần thiết

Những vấn đề ấy đã được thảo luận cặn kẽ tại các đại hội X, XI, XII của Đảng Cộng sản (b) Nga. Không phải là không có những cuộc tranh luận gay gắt. Theo ủy nhiệm của Ban Chấp hành trung ương Đảng, M.V. Phơ-run-dê và X.I. Gu-xép đã chuẩn bị luận cương “Cải tổ Hồng quân”, trong đó hai đồng chí kiên quyết chủ trương duy trì quân đội chính quy và đề ra từng bước chuyển dần thành hệ thống tổ chức cảnh sát, các đồng chí cũng chủ trương phát triển khoa học quân sự Xô-viết. Nhiều đồng chí khác lại khẳng định rằng cần phải lập tức chuyển ngay sang hệ thống tổ chức cảnh sát. Đại hội X Đảng Cộng sản (b) Nga đã

chấp nhận đường lối lê-nin-nít trong xây dựng quân đội thời bình. Trong nghị quyết của Đại hội có ghi rõ: “Một số đồng chí tuyên truyền cho việc thủ tiêu trên thực tế Hồng quân hiện tại và chuyển ngay sang xây dựng cảnh sát Trong hoàn cảnh hiện nay, như vậy là không đúng và trên thực tế là nguy hiểm”.

Dù Đảng đã cố gắng nhiều để củng cố quân đội, vẫn cảm thấy cần phải có, và có càng sớm càng hay, những biện pháp triệt để nhất định.

Từ tháng 6-1922 đến hết tháng 3-1923, tôi làm đại đội trưởng trong trung đoàn kỵ binh 38, sau đó là trợ lý của đồng chí trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh 40 thuộc sư đoàn kỵ binh Xa-ma-ra 7. Đứng đầu các trung đoàn này là những cán bộ chỉ huy có kinh nghiệm và tôi đã học tập được nhiều ở các đồng chí. Đội ngũ cán bộ chỉ huy, tổ chức Đảng và bộ máy công tác chính trị của các trung đoàn là một tập thể tốt và rất có khả năng công tác.

Hồi đó phần lớn các binh đoàn của Hồng quân còn chưa có doanh trại với đầy đủ tiện nghi, chưa có nhà ở cho cán bộ phụ trách, chưa có nhà ăn, câu lạc bộ và những cơ sở khác cần thiết cho cuộc sống bình thường của quân nhân. Chúng tôi sống phân tán trong các thôn xóm, đóng quân trong các nhà lều của nông

dân, nấu ăn trong những bếp dã chiến, để ngựa ở ngoài sân. Tất cả chúng tôi đều coi những điều kiện sinh hoạt như vậy là bình thường vì rằng đất nước chúng ta đang trải qua nhiều khó khăn đặc biệt.

Đội ngũ cán bộ phụ trách của quân đội chủ yếu gồm những cán bộ trẻ tuổi, vững chắc về thể chất, có nhiều nghị lực và kiên trì. Thêm nữa, đa số chúng tôi còn son rỗi và không quan tâm cái gì khác ngoài nhiệm vụ công tác. Chúng tôi say sưa lao mình vào công tác, làm việc đến 15 - 16 tiếng đồng hồ trong một ngày đêm. Dù sao số thời gian ấy cũng vẫn không đủ để có mặt ở mọi nơi và làm kịp được mọi việc.

Mùa xuân năm 1923, có điện của phòng tham mưu sư đoàn gọi tôi lên gặp đồng chí tư lệnh sư đoàn. Tôi không hiểu nguyên nhân của việc này và xin thú thực rằng tôi có bối rối đôi phút: có phải là tôi đã làm điều gì xấu chăng?

Tư lệnh sư đoàn N.D. Ca-si-rin tiếp đón tôi rất chu đáo, mời tôi uống trà và hỏi han nhiều về công tác huấn luyện chiến đấu và chiến thuật trong trung đoàn tôi. Rồi đột nhiên hỏi:

- Đồng chí nghĩ thế nào, kỵ binh của chúng ta đã được huấn

luyện tính cách để đương đầu được với một cuộc chiến tranh trong tương lai hay chưa? Và bản thân đồng chí hình dung cuộc chiến tranh trong tương lai ra sao?

Đối với tôi câu hỏi này thật là phức tạp. Tôi đỏ mặt lên và không thể trả lời ngay. Đồng chí tư lệnh sư đoàn hẳn là đã nhận thấy sự lúng túng của tôi và đang kiên trì chờ cho tôi trấn tĩnh lại.

- Cán bộ chỉ huy chúng ta còn thiếu rất nhiều kiến thức và tập quán cần thiết để huấn luyện quân đội theo kiểu hiện đại. - tôi nói - Chúng ta dạy bảo cấp dưới như thể người ta dạy bảo chúng ta trong quân đội cũ. Để rèn luyện quân đội một cách xứng đáng, cần trang bị cho đội ngũ cán bộ chủ trì những kiến thức hiện đại về công tác quân sự.

- Đúng thế, - tư lệnh sư đoàn tỏ ý tán thành, - và chúng ta đang cố gắng sao cho các cán bộ của ta đều qua các lớp huấn luyện và các học viên quân chính. Nhưng đó là một quá trình lâu dài, hiện nay ở nước ta trường sở còn ít ỏi lắm. Trong thời gian đầu, phải tự học thôi.

Đồng chí đi đi lại lại trong phòng và bất thành lời tuyên bố rằng tôi được chỉ định làm trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh Bu-

du-lúc 39.

- Tôi không hiểu đồng chí rõ lắm, nhưng nhiều đồng chí nói với tôi đã đề cử đồng chí vào chức vụ này. Nếu đồng chí không có ý kiến phản đối thì xin mời đồng chí đến phòng tham mưu nhận mệnh lệnh. Quyết định bổ nhiệm đồng chí đã ký rồi.

Cáo từ tư lệnh sư đoàn, tôi rất xúc động. Chức vụ mới là một chức vụ rất vinh dự và nặng nề. Chỉ huy được ở cấp trung đoàn xưa nay vẫn được coi là tiến tới một bước quan trọng nhất về trình độ nắm vững nghệ thuật quân sự.

Trung đoàn là đơn vị chiến đấu cơ bản, ở đây, khi chiến đấu, có sự hợp đồng của tất cả các binh chủng thuộc lực quân và đôi khi, của các quân chủng khác nữa. Người chỉ huy trung đoàn cần hiểu rõ các phân đội của mình cùng những lực lượng tăng cường mà trung đoàn thường nhận được khi chiến đấu. Đòi hỏi người chỉ huy trung đoàn phải biết chọn hướng tấn công chính trong chiến đấu và biết tập trung những cố gắng cơ bản vào hướng này. Điều đó đặc biệt quan trọng trong điều kiện quân thù có ưu thế rõ ràng về quân số và vũ khí.

Người chỉ huy đơn vị nào nắm chắc được chế độ quản lý trung

đoàn và có khả năng bảo đảm cho trung đoàn thường xuyên sẵn sàng chiến đấu, người chỉ huy ấy bao giờ cũng sẽ là một cán bộ quân sự tiên tiến trong tất cả các khâu chỉ huy kế tiếp trong thời bình cũng như trong thời chiến.

Vào chính thời gian cuối cùng của nội chiến, trong quân đội có trên hai trăm lớp huấn luyện và trường đào tạo cán bộ cho tất cả các binh chủng. Trong năm 1920, các lớp huấn luyện chủ chốt đã đào tạo được 26.000 cán bộ chỉ huy Hồng quân. Dần dà thành lập được một mạng lưới rộng lớn các lớp huấn luyện, trường và học viện quân chính, đề ra được một chế độ thống nhất huấn luyện và giáo dục đội ngũ cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị của giai cấp vô sản. Đội ngũ cán bộ chỉ huy sơ cấp bước đầu được đào tạo ở các trường của trung đoàn trong vòng từ 7 đến 10 tháng, đội ngũ cán bộ chỉ huy trung cấp - ở các trường trung cấp quân sự - hải quân, còn đội ngũ cán bộ chỉ huy cao cấp - ở các học viện quân sự. Ở các nước Cộng hòa đều có mở các trường quân sự quốc gia. Kế đó là nhiệm vụ của các lớp bổ túc cán bộ. Tôi cũng đã học tập ở các lớp như thế. Về vấn đề này, tôi sẽ còn nói thêm nữa.

Bây giờ tôi xin nêu một nhận xét là việc rèn luyện và tự học trực tiếp trong các trại huấn luyện, hay, như người ta nói, học mà

không thoát ly sản xuất, có ý nghĩa không kém quan trọng trong việc đào tạo cán bộ chỉ huy, đặc biệt trong việc đào tạo cán bộ sơ cấp và trung cấp. Bằng cách học này, hàng chục, hàng trăm nghìn quân nhân đã bồi bổ được trình độ kiến thức, được rèn luyện thêm về động tác chiến đấu trong các buổi huấn luyện, lần tập trận và hành quân. Và những ai, vì lý do này hay vì lý do khác, không thể đi học được thì kiên trì tự bồi bổ ở ngay các đơn vị.

Đương nhiên là hồi đó, sau khi đã kết thúc thắng lợi cuộc nội chiến, cũng có những cán bộ tự cảm thấy mình đã điều luyện rồi, tự cho rằng chẳng có gì phải học nữa. Trong số này, sau đó, có một số đã thấy được sai lầm của mình và đã sửa chữa. Nhưng một số khác cứ bám vào vốn liếng cũ của mình và hiển nhiên là chẳng bao lâu sau, họ đã không còn phù hợp nữa với những đòi hỏi mới ngày càng cao và buộc phải chuyển về ngạch hậu bị.

Cuối tháng 4-1923, tôi nhận nhiệm vụ chỉ huy trung đoàn. Lúc đó, trung đoàn đang chuẩn bị đến trại huấn luyện. Từ sau nội chiến, đây là lần đầu tiên có một đơn vị kỵ binh đến trại huấn luyện và nhiều cán bộ chỉ huy đã không hình dung được rõ ràng về công tác trong những điều kiện mới. Khi tiếp nhận trung đoàn, tôi đã phát hiện được nhiều thiếu sót về trình độ sẵn sàng

chiến đấu của nó. Kỹ thuật bắn súng và chiến thuật đặc biệt tôi, cho nên các phân đội đều tập trung chú ý tổ chức cơ sở vật chất cho việc huấn luyện trong trại tập huấn.

Đến khoảng giữa tháng 5, trại đã được chuẩn bị xong về cơ bản. Trung đoàn được nhận một khu vực có nhiều trại lợp vải bố trí tốt, một nhà ăn mùa hè tuyệt diệu và một câu lạc bộ. Lều ngựa và nơi buộc ngựa cũng đã được xây dựng xong. Trường bắn để huấn luyện bắn súng và tất cả các loại súng là niềm tự hào của trung đoàn.

Từ ngày 1-6, đợt huấn luyện quân sự và chính trị căng thẳng bắt đầu. Toàn thể chúng tôi đều hài lòng nhận thấy lợi ích của những công sức và phương tiện của mình đã bỏ ra để xây dựng trại. Các cán bộ chỉ huy đại đội và cán bộ công tác chính trị đã làm việc một cách thân mật đoàn kết và chủ động sáng tạo. Năng lực sáng tạo và tính chủ động của những người cộng sản đã thể hiện trong mọi việc và trong mọi chủ trương.

Tôi muốn đặc biệt tưởng nhớ đến đồng chí chính ủy An-tôn Mit-rô-pha-nô-vích Ya-nhin của chúng tôi. Đồng chí là một đảng viên Bôn-sê-vich kiên cường, một con người tuyệt diệu, am hiểu tư tưởng, tình cảm của chiến sĩ và biết rõ cần phải đến với ai như

thế nào, cần phải đòi hỏi ở ai cái gì. Các cán bộ chỉ huy, cán bộ công tác chính trị và chiến sĩ Hồng quân đều mến yêu và tôn trọng đồng chí. Tiếc rằng người chính ủy xuất sắc ấy không còn sống đến ngày nay - đồng chí đã hy sinh anh dũng năm 1942 trong một trận chiến đấu với bọn phát-xít tại mặt trận Cáp-ca-dơ. Đồng chí hy sinh cùng với người con trai của mình mà đồng chí đã đào tạo thành một người lính dũng cảm bảo vệ Tổ quốc.

Giữa mùa hè, đồng chí G.Đ.Gai, anh hùng nội chiến, đến chỉ huy sư đoàn.

Tôi khoan khoái hồi tưởng lại những ngày cùng công tác với đồng chí tư lệnh sư đoàn G.Đ.Gai. Cuộc gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi diễn ra tại lều của đồng chí trong trại, ở đó cán bộ chỉ huy và chính ủy các trung đoàn đang họp. Sau khi đã chính thức giới thiệu với nhau xong, G.Đ.Gai mời tất cả ngồi quây quần xung quanh bàn làm việc. Tôi thấy ở đồng chí một con người đẹp, chững chạc theo kiểu nhà binh. Đôi mắt đồng chí ánh lên lòng chân thành, còn giọng nói đều đều và bình tĩnh nói lên tính điềm đạm và lòng tự tin. Tôi đã nghe nói nhiều về những sự tích anh hùng của G.Đ.Gai và tôi chăm chú ngắm nhìn đồng chí. Tôi muốn thâm nhập vào thế giới tâm hồn của đồng chí, muốn tìm hiểu con người bình thường và con người cán bộ chỉ huy của

đồng chí.

Cuộc nói chuyện kéo dài, nhưng không nặng nề. Lúc chúng tôi chia tay nhau, ai cũng giữ được một ấn tượng tốt đẹp về lần đầu tiên gặp gỡ đồng chí tư lệnh sư đoàn. Lúc tạm biệt, đồng chí nói rằng, trong vài ngày nữa đồng chí muốn kiểm tra công tác huấn luyện đội ngũ chiến thuật cho kỵ binh. Tôi rất cảm động nhận thấy đồng chí chú ý nhiều đến trung đoàn và thú nhận rằng chúng tôi còn có nhiều thiếu sót.

- Chúng ta sẽ cùng nhau khắc phục những thiếu sót đó, -
G.Đ.Gai vừa nói vừa mỉm cười, rồi nói thêm - Đồng chí có lòng tự trọng thế là tốt.

Sau đó ba ngày, theo kế hoạch của phòng tham mưu sư đoàn, toàn bộ trung đoàn lên đường đi kiểm tra. Đồng chí tư lệnh sư đoàn cưỡi ngựa ô tứ túc mai hoa đến vùng ngoại ô và chăm chú theo dõi trung đoàn diễn tập. Con ngựa của đồng chí rất hung hăng nhưng bằng tay cương dứt khoát và bằng cẳng chân vững chắc, người kỵ sĩ đó đã kiên quyết bắt nó tuân theo ý muốn của mình.

Cuộc diễn tập diễn ra lúc đầu theo khẩu lệnh, rồi theo hiệu còi

(gọi là “diễn tập câm”), và, cuối cùng, theo hiệu kèn. Toàn đơn vị đã thay đổi đội hình, tiến, lùi, đổi hướng, dừng lại và chấn chỉnh hàng ngũ một cách chính xác hơn tôi tưởng. Lúc kết thúc, trung đoàn được triển khai theo đội hình “kỵ binh bao vây” (cách tấn công cũ của người Cô-dắc) và tôi đặt các phân đội thuộc bộ phận giữa của đội hình chiến đấu hướng lên điểm cao, chỗ đồng chí tư lệnh sư đoàn đang đứng. Tập hợp trung đoàn theo đúng đội hình và chấn chỉnh hàng ngũ xong, tôi tiến nhanh tới trước đồng chí tư lệnh sư đoàn để báo cáo rằng cuộc diễn tập đã kết thúc. Không để cho tôi kịp báo cáo, đồng chí tư lệnh sư đoàn đã lên tiếng, hai tay giơ lên cao:

- Tôi xin chịu, chịu đây!

Sau đó đồng chí tiến lại phía tôi, nồng nhiệt nói:

- Cảm ơn các đồng chí, rất cảm ơn.

Tiến ngang đến giữa trung đoàn, đồng chí tư lệnh sư đoàn đứng thẳng lên bàn đạp của yên ngựa nói chuyện với các chiến sĩ:

- Tôi là một kỵ sĩ lâu năm, và tôi hiểu rõ công tác huấn luyện quân sự cho kỵ binh. Hôm nay các đồng chí đã chứng tỏ rằng các

đồng chí đang không tiếc sức mình, toàn tâm toàn ý làm nghĩa vụ người lính Hồng quân của mình đối với Tổ quốc. Phải như vậy, các đồng chí ạ. Được huấn luyện quân sự tốt, có giác ngộ cao về nghĩa vụ của mình trước nhân dân - đó là những cái bảo đảm cho Hồng quân anh hùng của chúng ta không thể bị đánh bại. Xin cảm ơn các đồng chí, hôm nay các đồng chí đã làm cho tôi vui lòng.

Quay về phía tôi, đồng chí tư lệnh sư đoàn bắt tay tôi, mỉm cười và nói:

- Phần hai của cuộc diễn tập, chúng ta để đến lần khác. Đồng chí cho trung đoàn nghỉ, còn chúng tôi sẽ đi thăm xem trại này được bố trí ra sao.

Đồng chí đã đi khắp nơi trong trại, trong hơn hai tiếng đồng hồ, tìm hiểu kỹ lưỡng mọi chi tiết, và sau đó đã ngồi nói chuyện lâu với các chiến sĩ. G.Đ. Gai đã kể lại nhiều giai đoạn chiến đấu trong cuộc nội chiến. Mỗi đến khi có hiệu kèn trực nhật nổi lên báo giờ ăn, đồng chí mới đứng dậy và từ giã chúng tôi.

Tiền đồng chí tư lệnh sư đoàn ra về rồi, tôi đã cùng đồng chí chính ủy A.M. Ya-nhin thảo luận ngay xem phải làm cái gì để

“không lóa mắt[1]” trước những thành tích và lời khen. Cần đánh giá đúng các cán bộ và chiến sĩ ta: lời khen của đồng chí tư lệnh sư đoàn đã cổ vũ mọi người, và điều này thể hiện rõ trong những kết quả đạt được của đợt học tập ở trại. Còn đối với chúng tôi, những người cán bộ chỉ huy, thì cách đồng chí tiếp xúc giản dị và theo tình đồng chí với các chiến sĩ Hồng quân thật là một tấm gương đáng noi theo. Tôi muốn nói trước rằng sau này G.Đ. Gai thường đến trung đoàn luôn, nói chuyện lâu với các chiến sĩ và cán bộ, và lúc nào cũng tỏ ra không phải chỉ là người chỉ huy mà còn là một người bạn lớn tuổi, một người cộng sản đáng quý.

Chúng tôi kết thúc đợt huấn luyện ở trại với những kết quả tốt, và cuối tháng 9, sư đoàn kỵ binh Xa-ma-ra 7 của chúng tôi hành quân đến vùng Oóc-sa để tham gia cuộc tập trận của quân khu. Cũng như đợt huấn luyện ở trại, đây là một cuộc tập trận lần đầu tiên được tổ chức từ sau nội chiến. Về quy mô, cuộc tập trận này không lớn, và như người ta thường nói, đây là cuộc tập trận kết hợp trên đường các đơn vị từ trại tập huấn rút về nơi đóng quân của mình. Tuy nhiên, sư đoàn chúng tôi đã được giao một nhiệm vụ khá nặng. Sư đoàn phải thực hiện nhiệm vụ cấp tốc hành quân chiến đấu vào vùng Oóc-sa. Trung đoàn tôi được sư đoàn trưởng chỉ định đi đầu chủ lực của sư đoàn. Điều đó có nghĩa là chúng tôi không những phải hành quân qua một chặng đường dài trong

một khoảng thời gian ngắn mà còn phải thực hiện nhiệm vụ cảnh giới, luôn luôn sẵn sàng nhanh chóng triển khai chiến đấu với “đối phương” và tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho chủ lực của sư đoàn bước vào cuộc chiến đấu.

Cuộc hành quân chiến đấu cấp tốc của sư đoàn đã được thực hiện xong sau 30 tiếng đồng hồ. Chúng tôi đã vượt qua gần 100 km, có nghỉ hai lần, mỗi lần 5 tiếng đồng hồ. Đây là một thử thách nghiêm trọng đối với đội ngũ ngựa chiến về sức chịu đựng. Còn kỵ sĩ trong lúc nghỉ còn phải cho ngựa ăn uống và kiểm tra lại đồ dùng và vũ khí của mình. Mệt thì có mệt, nhưng tinh thần mọi người đều lên cao vì được biết rằng tập trận xong, toàn bộ sư đoàn kỵ binh số 7 sẽ về đóng ở Min-xơ.

Lúc rạng đông, đội quân báo phái đi trước báo cáo về cho tôi biết rằng, ở phía bên kia đường sắt Mát-xơ-va - Oóc-sa có các đơn vị của “đối phương” đang hành quân về hướng ga Oóc-sa. Trên các ngã đường vào Oóc-sa đã có “chiến đấu” với các đơn vị bảo vệ các ngã đường tiến đến đầu mỗi tuyến đường xe lửa này.

Như thường có trong các cuộc tập trận, những người đạo diễn tay mang băng trắng đã từ khắp các phía tới tập đến trung đoàn. Đạo diễn là các cán bộ có trách nhiệm giúp người chỉ huy điều

khởi cuộc tập trận.

- Đồng chí biết gì về “đối phương”?

- Quyết định của đồng chí thế nào?

Nhiều câu hỏi dồn dập.

Tôi trả lời rằng, tôi sẽ lên ngay đội tiên tiêu, tự mình tiến hành điều tra địch tình và sẽ ra mặt trận. Tôi thúc ngựa chạy nhanh hơn và vài phút sau đã tới đội tiên tiêu do Chiu-pin, một đại đội trưởng rất cương nghị và có đầu óc sáng tạo chỉ huy.

Đồng chí báo cáo rằng, có đến hai trung đoàn bộ binh của “đối phương” đã được triển khai theo đội hình chuẩn bị chiến đấu và đang di chuyển bên kia đường sắt hướng chung về phía những điểm cao nằm ở phía trước mặt. ở đây, bộ binh của ta đang “chiến đấu” với họ. Rõ ràng là bộ binh của “đối phương” không biết các đơn vị của chúng tôi đang tiến về vùng này, vì chúng tôi hoàn toàn không gặp cả lực lượng cảnh giới lẫn quân báo của “đối phương”.

Đồng chí cán bộ chỉ huy đơn vị tiên tiêu chưa kịp kết thúc báo

cáo của mình thì xuất hiện một nhóm người cưỡi ngựa đang tiến gần về phía chúng tôi. Từ xa, thấy con ngựa ô tứ túc mai hoa, chúng tôi đã nhận ra đồng chí tư lệnh sư đoàn G.Đ. Gai. Sau khi đã vắn tắt thuật lại những tình huống đã biết, tôi báo cáo với tư lệnh rằng tình huống này là cực kỳ thuận lợi để bất ngờ tấn công “đối phương” và tôi đã quyết định triển khai ngay trung đoàn theo đội hình chiến đấu và đánh tạt sườn “đối phương”, hơn nữa những

đặc điểm của địa hình này rất thuận lợi cho cuộc tấn công ấy.

Quan sát bằng ống nhòm xong, sư đoàn trưởng nói:

- Trường hợp này hiếm có, hãy hành động mạnh dạn hơn. Hãy cho tất cả các cỡ pháo và liên thanh nổ súng chuẩn bị cho cuộc tấn công. Chủ lực của sư đoàn sẽ đến trong vòng 20 - 30 phút nữa. Chủ lực sẽ đánh thẳng vào hậu tuyến đoàn quân “đối phương” nhằm hoàn toàn đánh bại chúng.

Một tiếng đồng hồ sau, toàn bộ “chiến trường” tràn ngập khói bụi, các trung đoàn kỵ binh của sư đoàn 7 triển khai theo đội hình chiến đấu, lao vào “đối phương”, miêng hô vang “xung phong”. Cảnh tượng thật là ngoạn mục và hấp dẫn: các chiến sĩ

mặt đỏ gay, mắt nhìn thẳng về phía trước, tất cả như trong một trận đánh thật sự.

Nhưng “trận đánh” đã ngừng lại theo lệnh “dừng lại”. Đến đây, cuộc tập trận kết thúc. Không có kiểm điểm chung.

Người ta nói với chúng tôi rằng, M.N. Tu-kha-chép-xki đã quan sát diễn biến của “trận đánh” và đánh giá rất tốt các đơn vị chúng tôi. Đồng chí đã đặc biệt khen ngợi sư đoàn kỵ binh 7 về cuộc hành quân chiến đấu cấp tốc và về cuộc tấn công chớp nhoáng. Còn bộ binh thì được biểu dương là đã biết nhanh chóng triển khai sang phía sườn là nơi bị các đơn vị của sư đoàn kỵ binh 7 công kích.

Chúng tôi hài lòng được M.N. Tu-kha-chép-xki khen ngợi và cũng vui mừng vì “đối phương” của chúng tôi cũng được hoan nghênh vì cơ động giỏi.

Nghỉ ngơi xong, vài ngày sau, chúng tôi hành quân đến Min-xơ về địa điểm đóng quân thường xuyên của các đơn vị thuộc sư đoàn.

Hàng ngàn người dân Min-xơ đã đổ ra đường phố. Tiếng “hoan

hồ”, chào mừng vang khắp các phố chúng tôi đi qua. Nói chung, tôi nghĩ rằng không có quân đội nước nào tranh thủ được thiện cảm và lòng mến yêu của nhân dân như Quân đội Xô-viết chúng ta.

Và giờ đây tôi xúc động hồi tưởng lại, chúng tôi đã được các chiến sĩ cũ của sư đoàn, những người đã tham dự các cuộc hành binh và các trận đánh nổi tiếng ở vùng Xa-rít-xun, Ki-dơ-li-a-rơ, A-xtơ-ra-khan, Pu-ga-chép-xơ, Bu-du-lúc, và v.v... tiếp đón như thế nào. Đó chính là những đồng chí đã không tiếc sinh mệnh mình trong cuộc chiến đấu bảo vệ chính quyền Xô-viết chống lại các đơn vị của bọn bạch vệ và bọn phản cách mạng. Những lời nói thân ái, xuất phát từ trái tim của các đồng chí đó đã gây ra trong tâm trí chúng tôi một niềm hân hoan đến xúc động. Nhiều chiến sĩ trong sư đoàn kỵ binh Xa-ma-ra 7 chúng tôi cũng đã trải qua những thử thách hiểm nghèo trên các mặt trận của cuộc nội chiến, và người nào cũng thấu hiểu và cảm thấy rất gần gũi với những cuộc chiến đấu nhớ lại trong quá khứ.

Doanh trại dành cho trung đoàn vẫn do sư đoàn khinh binh 4 đóng vì chưa kịp chuyển quân sang vị trí mới.

Phải tạm thời trú quân trong nhà dân ở ngoại vi thành phố.

Chúng tôi bố trí cứ 3 - 4 người một vào các căn buồng ở của tư nhân trong những ngôi nhà thường là ít thuận tiện. Tình hình lại càng gay go hơn vì những trận mưa thu tầm tã đã bắt đầu, mà mưa thì đường lầy lội rất khó đi lại. Trong hoàn cảnh ấy, cần chữa lại doanh trại và nhà ở, phải bảo vệ đội ngũ ngựa chiến, xây dựng các tàu ngựa, đồng thời chuẩn bị cơ sở vật chất và dụng cụ học tập cho đợt huấn luyện mùa đông.

Các tổ chức Đảng họp trước, rồi toàn Trung đoàn họp sau để nghiên cứu tình hình.

Hồi tưởng lại những năm xa xưa nặng nề ấy, tôi thấy cần nêu lên một điểm là quân dân ta rất sẵn sàng hy sinh bản thân mình và chịu đựng mọi thiếu thốn để xây đắp một tương lai tốt đẹp hơn. Đương nhiên, trong hàng ngũ chúng ta, cá biệt vẫn có những người hay kêu ca phàn nàn, nhưng tập thể cán bộ và chiến sĩ trong Hồng quân đã giúp họ chấn chỉnh lại thái độ ngay lập tức. Tập thể lãnh mạnh của Hồng quân là sức mạnh to lớn biết chừng nào? Ở đâu có những người tích cực kiên trì hoạt động rộng rãi thì ở đó lúc nào cũng có một tập thể thực sự hữu nghị. Và đó là cái bảo đảm phát huy nhiệt tình, tính sáng tạo và góp phần làm cho bộ đội luôn sẵn sàng chiến đấu.

Cuối tháng 11, khi đã có tuyết rơi, chúng tôi được chuyển vào doanh trại, còn ngựa thì được đưa vào tàu. Tất nhiên còn phải làm nhiều việc để xây dựng một cuộc sống có tiện nghi, nhưng cái chính yếu thì đã được giải quyết xong xuôi rồi.

Nhiệm vụ được đặt ra trước mắt chúng tôi là tổ chức đúng đắn công tác huấn luyện quân sự và chính trị trong những điều kiện mới.

Bây giờ thì tất cả các chuyện đó đều có vẻ đơn giản. Nhưng hồi đó lúc 26 tuổi, khi chỉ huy một trung đoàn kỵ binh, tôi đã có được cái gì trong vốn sống của mình? Tôi đã tốt nghiệp khóa huấn luyện hạ sĩ quan trong quân đội Sa hoàng và lớp đào tạo cán bộ chỉ huy kỵ binh của Hồng quân. Tất cả chỉ có thế! Thật ra, chỉ sau khi kết thúc nội chiến, tôi mới có điều kiện nghiên cứu các sách quân sự đặc biệt là những sách về chiến thuật.

Hồi đó, tôi cảm thấy mình giỏi công tác thực tế hơn là về lý luận vì tôi đã được đào tạo không đến nỗi tồi ngay trong thời gian Thế chiến thứ nhất. Tôi hiểu rõ phương pháp huấn luyện quân sự và say mê với công việc này. Nhưng về mặt lý luận, tôi hiểu rằng mình đang lạc hậu so với những đòi hỏi mà chính cuộc sống đặt ra cho một trung đoàn trưởng như tôi. Suy đi nghĩ lại, tôi đi đến

kết luận: không được lãng phí thời gian, phải kiên trì học tập. Nhưng làm sao thu xếp được vẹn toàn mọi việc khi phải dành cho trung đoàn đến 12 tiếng đồng hồ trong một ngày đêm? Lối thoát chỉ có một: trong chương trình làm việc bình thường hàng ngày đề ra thêm từ 3 đến 4 giờ tự học nữa, còn ngủ nghỉ và nghỉ ngơi thì không cần nghĩ tới, chúng ta sẽ nghỉ, sau khi đã tích lũy được kiến thức.

Không phải một mình tôi nghỉ như vậy. Đa số cán bộ chỉ huy trưởng thành lên trong thời kỳ nội chiến từ chiến sĩ Hồng quân bình thường hay từ binh lính và sĩ quan sơ cấp của quân đội cũ đều nghỉ như vậy.

Đến khoảng thời gian này, hàng ngũ các cán bộ nòng cốt của quân đội đã được kiện toàn một cách đáng kể. Tuy nhiên tình trạng quân số thay đổi luôn vẫn còn chưa được khắc phục, việc cung cấp còn có thiếu sót nghiêm trọng, và trình độ sẵn sàng thực hiện động viên thời chiến của quân đội vẫn chưa được nâng cao đúng mức. Cơ quan lãnh đạo quân đội hồi đó do Tờ-rốt-xki cầm đầu có nhiều thiếu sót nghiêm trọng trong công tác. Mùa hè năm 1925, Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga quyết định giao cho một Hội đồng quân sự của Ban Chấp hành trung ương, do V.V. Quy-bi-sép rồi S.I Gu-xép

lãnh đạo, tiến hành kiểm tra hoạt động của ngành quân sự. Tham gia vào việc chuẩn bị các tài liệu về tình hình trong quân đội để đệ trình Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng có M.V. Phơ-run-dê, K.E. Vô-rô-si-lốp, A.S. Búp-nốp, G.K. Oóc-giô-ni-kít-dê, A.A. An-đrây-ép, I.S. Un-sơ-lích, N.M. Svéc-ních và nhiều đồng chí khác nữa. Những kết luận chung rút ra từ sự phân tích những tình hình đã thu lượm được đều là đáng buồn và bất ngờ. Đã thấy rõ ràng, nhiệm vụ củng cố lực lượng vũ trang của đất nước đòi hỏi phải có một cuộc cải cách quân sự căn bản. Những đề nghị của Hội đồng quân sự mà Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga đã thông qua là nền tảng của cuộc cải cách quân sự ấy.

Một trong những biện pháp quan trọng nhất của cuộc cải cách này là việc thực hiện nguyên tắc xây dựng quân đội địa phương kết hợp với quân đội chính quy.

Nguyên tắc theo địa phương được áp dụng đối với các sư đoàn bộ binh và kỵ binh. Thực chất của nguyên tắc này là nhằm huấn luyện quân sự theo chương trình cần thiết cho một số lượng nhiều nhất nhân dân lao động mà chỉ phải thoát ly lao động sản xuất trong một thời gian ít nhất. Trong các sư đoàn, khoảng 16 – 20% quân số theo biên chế là cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị và

chiến sĩ Hồng quân chính quy, quân số còn lại thì mang tính chất lâm thời, gồm những người hàng năm (trong vòng 5 năm) được triệu tập đi tập huấn trong một thời gian là 3 tháng trong năm đầu rồi một tháng trong các năm sau. Số thời gian còn lại, các chiến sĩ làm việc trong công nghiệp và nông nghiệp.

Chế độ này tạo ra khả năng nhanh chóng triển khai, khi cần thiết, một số quân chiến đấu đã được huấn luyện đầy đủ, lấy số cán bộ, chiến sĩ chính quy của các sư đoàn làm hạt nhân. Hơn nữa, số tiền chi tiêu cho việc huấn luyện một chiến sĩ trong đơn vị địa phương trong 5 năm ít hơn rất nhiều so với số chi cho việc huấn luyện một chiến sĩ trong đơn vị thường trực trong 2 năm. Đương nhiên nếu chỉ có quân đội chính quy thôi là tốt hơn cả, song trong hoàn cảnh lúc bấy giờ thì điều này trên thực tế không thể có được.

Những biện pháp cải cách quân sự được khẳng định trong luật nghĩa vụ quân sự mà Ủy ban chấp hành trung ương[2] và Hội đồng Ủy viên nhân dân Liên Xô đã thông qua trong tháng 9-1925. Đó là đạo luật đầu tiên chung cho toàn liên bang quy định nghĩa vụ quân dịch của toàn thể công dân nước ta đồng thời xác định cả cơ cấu tổ chức các lực lượng vũ trang.

Trong quá trình cải cách, bộ máy quản lý công tác quân sự ở trung ương và ở địa phương đều đã được tổ chức lại. Bộ Tham mưu mới của Hồng quân công nông do M.V. Phơ-run-dê đứng đầu (những người phụ tá là M.N. Tu-kha-chép-xki và B.M. Sa-pô-sni-cốp) đã thực sự trở thành đầu não của Hồng quân. Cơ quan lãnh đạo và chỉ huy được đơn giản hóa, tính linh hoạt và tinh thần trách nhiệm trong công tác được nâng cao. Đảng đã củng cố hệ thống tổ chức mới từ trên xuống dưới để lãnh đạo các lực lượng vũ trang. Tháng 1-1925, đảng viên Bôn-sê-vich và người cầm quân xuất sắc đồng chí Mi-kha-in Va-xi-li-ê-vich Phơ-run-dê, đã được cử làm Ủy viên nhân dân phụ trách quân đội và hạm đội, đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô.

Một hôm, người anh hùng ưu tú của cuộc nội chiến V.K. Bliu-khe đến thăm trung đoàn chúng tôi. Trước cách mạng, đồng chí là công nhân xí nghiệp đóng toa xe lửa Mư-ti-sin-xcơ, sau đó là sĩ quan trong quân đội Sa hoàng. V.K. Bliu-khe là đảng viên Đảng Bôn-sê-vich từ năm 1916. Tôi đã được nghe nói nhiều về đồng chí, nhưng đây là lần đầu tiên tôi gặp mặt. Cuộc gặp gỡ với V.K. Bliu-khe là một sự kiện lớn đối với toàn thể chiến sĩ và cán bộ chỉ huy của trung đoàn. Tư lệnh sư đoàn G.Đ. Gai mời đồng chí đến trung đoàn tôi kiểm tra công tác giáo dục, huấn luyện.

Đương nhiên, đối với trung đoàn đây là một vinh dự lớn.

Trước hết, V.K. Bliu-khe tìm hiểu căn kẽ việc tổ chức nuôi quân và đồng chí đã hài lòng về việc nấu ăn. Lúc ở nhà bếp đi ra, đồng chí đã nồng nhiệt bắt tay tất cả các chiến sĩ cấp dưỡng mà đồng chí muốn nhìn tận mắt. Sau đó, đồng chí đã đi thăm tất cả các nhà ở và các nơi hoạt động văn hóa - giáo dục của trung đoàn. Lúc kết thúc cuộc kiểm tra, đồng chí hỏi:

- Tình hình sẵn sàng chiến đấu ở đơn vị các đồng chí thế nào?
Bởi vì chúng ta đóng cách biên giới không bao xa.

Tôi trả lời rằng, cán bộ và chiến sĩ của trung đoàn hiểu rất rõ nhiệm vụ của mình và luôn luôn sẵn sàng hoàn thành nghĩa vụ quân sự đối với Tổ quốc.

- Như vậy thì thật đáng khen. Yêu cầu đồng chí phát tín hiệu “báo động” cho trung đoàn.

Thành thật mà nói, tôi không ngờ có chuyện này, song tôi không bối rối. Tôi hạ lệnh cho đồng chí trực ban trung đoàn:

- Phát tín hiệu “báo động chiến đấu”.

Một tiếng đồng hồ sau, trung đoàn đã tập hợp xong trong khu vực đóng quân. V.K. Bliu-khe rất chăm chú kiểm tra trang bị, vũ khí, đạn dược và khả năng sẵn sàng chiến đấu nói chung của kỵ sĩ. Đồng chí đặc biệt kiểm tra tỉ mỉ đại đội súng máy và phê bình một cách khá nghiêm khắc một khẩu đội súng máy đã không đổ nước vào súng như quy định khi có báo động và không có một chút nước dự trữ nào.

- Các đồng chí có biết trong chiến tranh sự sơ xuất này dẫn tới chuyện gì không? - V.K. Bliu-khe hỏi.

Các chiến sĩ lặng thinh và sau đó thẹn đỏ mặt lên.

- Hãy chú ý đến khuyết điểm này, các đồng chí ạ.

Kiểm tra tình hình sẵn sàng chiến đấu xong rồi, V.K. Bliu-khe nêu thêm một tình huống chiến thuật: “Đối phương” đang hành quân tới một giới tuyến chiến thuật rất quan trọng và muốn nhanh chóng chiếm được giới tuyến này. Khoảng cách từ chỗ “đối phương” đến cứ điểm là 12 ki-lô-mét, khoảng cách giữa trung đoàn và “đối phương” là gần 25 ki-lô-mét, tức là giới tuyến thuận lợi về mặt chiến thuật ở cách “đối phương” cũng như ở

cách trung đoàn một khoảng xa như nhau.

Để mất thời gian thông báo tình huống cho cán bộ và giải thích nhiệm vụ chiến đấu lúc này là không hợp lý “đối phương” sẽ tới được giới tuyến đó trước chúng ta. Tôi liền quyết định: đại đội cùng với bốn khẩu đại liên và một khẩu pháo cho ngựa phi nước kiệu theo tôi làm nhiệm vụ tiên đạo. Nhiệm vụ chiến đấu sẽ giao trên đường tiến quân. Chủ lực của trung đoàn, do đồng chí trung đoàn phó chỉ huy, tiến theo sau cách đội tiên đạo 3 ki-lô-mét, và sẵn sàng đánh gặp địch.

Tiến quân lúc theo nước kiệu, lúc theo nước đại, đội tiên đạo đã chiếm được giới tuyến có lợi về chiến thuật trước “đối phương” và bố trí hỏa lực để chặn đánh chúng.

Sau khi trung đoàn đã thu quân, V.K. Bliu-khe nói với trung đoàn:

- Các đồng chí chiến sĩ và cán bộ chỉ huy, cảm ơn các đồng chí đã trung thực làm tròn nhiệm vụ quân nhân. Tất cả những gì mà trung đoàn các đồng chí biểu diễn ngày hôm nay đều đáng khen ngợi. Các bạn, tôi kêu gọi các bạn trân trọng gìn giữ và làm phong phú thêm truyền thống chiến đấu của sư đoàn kỵ binh Xa-

ma-ra quang vinh, sư đoàn đã chiến đấu tuyệt giỏi với bọn bạch vệ và bọn can thiệp. Hãy luôn luôn sẵn sàng hoàn thành mệnh lệnh chiến đấu của Tổ quốc vĩ đại của chúng ta!

Tiếng “hoan hô” vang lên như sấm để hưởng ứng lời nói của đồng chí. Rõ ràng là những lời nói nồng nhiệt của V.K. Bliu-khe đã làm cho các chiến sĩ xúc động và phấn khởi.

Tính tình nồng hậu chân thành của một con người như thế đã làm cho tôi cảm phục. Là chiến sĩ vô cùng gan dạ trong cuộc chiến đấu với kẻ thù của nước Cộng hòa Xô-viết, anh hùng nổi tiếng và được nhiều người mến, V.K. Bliu-khe là lý tưởng của nhiều người. Tôi không giấu giếm rằng tôi luôn ao ước được giống như người Bôn-sê-vich ưu tú, người đồng chí tuyệt diệu và người tư lệnh tài ba ấy.

Cuối tháng 7-1924, đồng chí tư lệnh sư đoàn G.Đ. Gai triệu tập tôi đến chỗ đồng chí và hỏi tôi đang học tập nâng cao kiến thức của mình như thế nào. Tôi trả lời rằng tôi đọc nhiều và đề tâm nghiên cứu phân tích các chiến dịch trong Thế chiến thứ nhất. Tôi đã chuẩn bị nhiều tài liệu để nghiên cứu cùng với cán bộ của trung đoàn.

- Tất cả những việc đó đều tốt và đáng khen. - G.Đ. Gai nói -
Nhưng lúc này làm như cậu hãy còn là ít. Quân sự không dừng ở
tại chỗ. Trong việc nghiên cứu các vấn đề quân sự, cán bộ quân
sự chúng ta cần được học tập cơ bản hơn. Tôi nghĩ rằng mùa thu
này đồng chí cần đến học Trường Cao đẳng kỹ binh ở Lê-nin-
grát. Việc này sẽ rất có ích cho hoạt động tương lai của đồng chí.

Tôi cảm ơn đồng chí và nói rằng, tôi sẽ cố gắng hết sức học tập
để xứng đáng với sự tin nhiệm này.

Về tới trung đoàn, không để phí thời gian, tôi lại miệt mài với
các sách giáo khoa, các điều lệnh và điều lệ, bắt đầu chuẩn bị
cho kỳ thi vào trường. Kỳ thi này dễ thôi, nói đúng hơn là nó chỉ
có tính chất hình thức, và tôi được xếp vào nhóm thứ nhất. Hồi
đó K.K. Rô-cô-xốp-xki, I.Kh. Ba-gra-mi-an, A.I. Ê-rê-men-cô và
nhiều cán bộ trung đoàn khác cũng dự lớp huấn luyện này.

Đây là lần đầu tiên tôi cũng như đa số học viên khác đến Lê-nin-
grát. Chúng tôi rất chăm chú tìm hiểu các danh lam thắng cảnh,
đến thăm các nơi diễn ra những trận đánh lịch sử của tháng Mười
năm 1917. Lúc ấy làm sao tôi có thể nghĩ được rằng 17 năm sau,
tôi lại được chỉ huy Phương diện quân Lê-nin-grát bảo vệ thành
phố của Lê-nin chống lại quân đội phát-xít!

Lãnh đạo Trường Cao đẳng kỹ binh là V.M. Pri-ma-cốp, một cán bộ chỉ huy ưu tú của sư đoàn kỹ binh 8 quang vinh vùng Cô-dắc Chéc-vôn, sư đoàn đã từng gây khùng khiếp cho quân đội bạch vệ trong những năm nội chiến. Với dáng người mập mạp, tầm vóc trung bình, bộ tóc đẹp, đôi mắt thông minh và khuôn mặt duyên dáng, V.M. Pri-ma-cốp tranh thủ ngay được thiện cảm của học viên. Đó là một người học rộng. Khi trình bày ý kiến của mình, đồng chí nói ngắn gọn rõ ràng.

Một thời gian sau, V.M. Pri-ma-cốp được chỉ định làm quân đoàn trưởng quân đoàn Cô-dắc ở U-crai-na, còn M.A. Ba-toóc-xki, nhà lý luận nổi tiếng của binh chủng kỹ binh, được chỉ định đến thay thế cho Pri-ma-cốp. Tất cả chúng tôi đều mừng vui thấy V.M. Pri-ma-cốp được đề bạt và tin tưởng rằng với những khả năng của mình, đồng chí sẽ là một người cầm quân cỡ lớn.

Chẳng bao lâu sau, Trường Cao đẳng kỹ binh của chúng tôi được cải tổ lại thành các lớp bổ túc cho cán bộ chỉ huy kỹ binh, và thời gian học tập giảm từ 2 năm xuống còn một năm.

Chương trình học tập rất nặng. Sau khi nghe giảng phải tự nghiên cứu nhiều. Bây giờ, vào lúc tuổi đang mãn bóng xế tà, đôi

khi tôi cũng phải ngạc nhiên về sức chịu đựng dẻo dai, về tinh thần miệt mài, kiên trì nâng cao kiến thức quân sự hồi bấy giờ.

Tôi chợt nhớ lại lần được giao chuẩn bị trình bày tại Hội khoa học quân sự bản báo cáo về đề tài “Những yếu tố cơ bản có ảnh hưởng đến lý luận nghệ thuật quân sự”. Bấy giờ thì đề tài này có thể không có gì khó khăn cả, nhưng lúc đó thì tôi chẳng biết nên đề cập đến khía cạnh nào của vấn đề, nên bắt đầu từ đâu và nên kết luận ra sao. Các đồng chí trong tổ chức Đảng đã giúp đỡ tôi nhiều. Bản báo cáo thậm chí đã được đăng trên bản tin phát hành cho học viên các lớp bồi dưỡng cán bộ chỉ huy kỵ binh.

Tôi cũng nhớ rõ cả sự giúp đỡ thân tình to lớn giữa đảng bộ Lê-nin-grát và đảng bộ lớp học chúng tôi trong việc tổ chức cho quân và dân động viên lẫn nhau. Những người đã tham gia những sự kiện tháng Mười vĩ đại - những công nhân tại các xưởng và nhà máy Lê-nin-grát - thường đến thăm lớp học chúng tôi. Chúng tôi mê mải lắng nghe họ kể về những lần gặp gỡ Vla-đi-mia I-lích Lê-nin, về cuộc tấn công đánh chiếm Cung điện Mùa Đông. Đến lượt mình, chúng tôi tới các xí nghiệp kể lại về cuộc chiến đấu chống bọn can thiệp nước ngoài và bọn bạch vệ trên các mặt trận trong thời nội chiến. Vì nhiều người trong chúng tôi mấy năm về trước cũng là công nhân, nên chưa nói hết

lời, chúng tôi hiểu nhau ngay, và tình bạn của chúng tôi thật là bền chặt.

Chúng tôi thường tổ chức những cuộc đua ngựa thi và bao giờ cũng có nhiều người dân thành phố Lê-nin-grát đến xem. Cưỡi ngựa hóa trang, đua ngựa có dấu gươm giáo và những cuộc đua ngựa đường bằng và nhảy qua chướng ngại vật là những môn đặc biệt đại chúng trong mùa hè. Trong tất cả những cuộc đua này thế nào cũng có tôi cùng với K.K. Rô-cô-xốp-xki, M.I. Xa-vê-lép, I.Kh. Ba-gra-mi-an và những nhà thể thao khác của lớp bổ túc cán bộ chỉ huy kỵ binh tham gia.

Mùa thu và đông, chúng tôi chủ yếu học lý luận quân sự và học tập chính trị. Chúng tôi thường học lý thuyết trên bàn cát và làm bài tập trên kế hoạch và bản đồ. Chúng tôi cưỡi ngựa - lên ngựa và xuống ngựa, đó là những môn mà hồi đó các cán bộ chỉ huy trung đoàn phải biết thành thạo. Chúng tôi rất chú ý tập đấu kiếm thật và kiếm giả, nhưng đây chỉ là hoạt động ngoại khóa, trong thời gian rảnh rang của cá nhân..

Hè năm 1925, chúng tôi được huấn luyện chủ yếu về chiến thuật dã chiến dưới sự hướng dẫn trực tiếp của đồng chí phụ trách lớp học Mi-kha-in A-lếch-xan-đrô-vich Ba-toóc-xki. Đồng chí đã

truyền lại cho chúng tôi nhiều kiến thức và kinh nghiệm.

Việc học tập tại lớp bổ túc cán bộ chỉ huy kỵ binh kết thúc bằng một cuộc hành quân vượt sông Vôn-khốp. Ở đây chúng tôi học bơi cùng với ngựa và vượt sông.

Bơi qua sông cùng với ngựa là một việc khá phức tạp. Mặc cả áo quần đã ít người bơi giỏi, lại còn phải học điều khiển cả ngựa đang bơi nữa. Trong việc đào tạo kỵ binh, người ta chú ý nhiều đến việc rèn luyện cho thành thục những tập quán này. Tôi còn nhớ một trường hợp ngộ nghĩnh trong thời gian học tập trên sông Vôn-khốp. Sau khi kết thúc một buổi học, một học viên trong tiểu đội chúng tôi, Mi-sa Xa-vê-lép, vì muốn làm nổi bật tinh thần dũng mãnh của kỵ binh, đã đề nghị được biểu diễn kỹ thuật đứng trên yên ngựa vượt qua sông để giữ không cho áo quần và đạn dược bị ướt.

Ban phụ trách đồng ý, song ra lệnh cho bơi hai chiếc thuyền trên sông để đề phòng mọi trường hợp bất trắc. Vắt bàn đạp qua yên ngựa xong rồi, Mi-sa dũng cảm cho ngựa xuống sông. Ngựa tiến qua giải nước cạn và bắt đầu bơi, còn kỵ sĩ thì vững tâm đứng trên yên, tay cầm chắc dây cương. Thoạt đầu, mọi việc đều trôi chảy cả, nhưng khi đến khoảng giữa sông, ngựa có vẻ đã mệt và

bắt đầu luống cuống. Và dù cố lấy thăng bằng trên yên ngựa thế nào đi nữa, người cuồi vẫn cứ lộn nhào xuống sông và chìm ngấm dưới nước. Nếu không có hai con thuyền bảo hộ thì đã xảy ra tai nạn rồi. Ngựa một mình bơi đến bờ và sau đó con thuyền chở Xa-vê-lép ướt như chuột lột cũng cập bến. Đương nhiên là chúng tôi đón anh ta bằng một trận cười vang và những câu chế giễu, nhưng anh ta thì không còn cười vào đâu được nữa - vì vừa bị mắc cỡ về chuyện bơi qua sông, lại mất tong đôi giày dưới nước. Đôi giày này anh ta vất lòng thông qua cổ lúc vượt sông. Thế là phải đi tất không về trại...

Sau khi lớp học mãn khóa, tôi cùng với trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh 42 M.Xa-vê-lép, đại đội trưởng thuộc trung đoàn A-xơ-ra-khan 37 N. Rư-ban-kin, chúng tôi quyết định không đi xe lửa và đi ngựa về nơi công tác ở Min-xơ. Con đường phải vượt qua là 963 ki-lô-mét. Hành trình của chuyến đi ngựa này qua Vi-tép-xơ, Oóc-sa, Bô-ri-xốp.

Chúng tôi trình bày kế hoạch của mình với Ban giám đốc lớp bổ túc cán bộ chỉ huy kỵ binh và chúng tôi được phép làm như vậy, nhưng tiếc thay, người ta đã không thể tổ chức các trạm nghỉ và việc cấp dưỡng cho chúng tôi trên đường đi. Dù sao, chúng tôi cũng không từ bỏ quyết định của mình, tuy biết trước là phải

đương đầu với nhiều khó khăn, nhất là vì mùa thu lạnh và mưa đã bắt đầu rồi. Chúng tôi quyết định vượt qua chặng đường 963 ki-lô-mét trong 7 ngày đêm. Một cuộc thí nghiệm về thể thao như vậy là chưa từng có ở Liên bang Xô-viết chúng ta cũng như ở các nước khác. Nếu gặp thuận lợi, chúng tôi trù tính lập một kỷ lục thế giới về đi ngựa thành nhóm.

Mục đích cơ bản của cuộc thí nghiệm này là kiểm tra xem khi chuyển sang hành quân đường trường cần luyện tập cưỡi ngựa thế nào cho thích hợp.

Một buổi sáng đầu thu năm 1925, bạn bè chúng tôi và các đại diện Ban giám đốc lớp bổ túc cán bộ chỉ huy kỵ binh đã tập trung 73 đồn tiền tiêu của Lê-nin-grát về phía Mát-xcơ-va để chúc chúng tôi lên đường bình yên may mắn.

Sau khi khởi hành, chúng tôi quyết định cho ngựa chạy nước kiệu xen kẽ, tức là chạy nước kiệu nhưng thỉnh thoảng lại chạy nước đại. Trong ngày đầu, chúng tôi đi được ít hơn mức dự định là 10 ki-lô-mét vì cảm thấy rằng ngựa đã mệt, vả lại con Đi-ra của tôi lại bị đau chân. Con ngựa nòi này đã 12 tuổi mà tuổi này đối với loài ngựa đã là già rồi.

Chúng tôi thấy mệt, muốn mau đến chỗ nghỉ. Anh chị em nông dân đã ân cần tiếp đón chúng tôi, cho ngựa ăn và đãi cơm chúng tôi chu đáo.

Sáng hôm sau, tôi vẫn còn vất vả lắm - ngựa chưa khỏi đau chân. Sau khi đã đổ sáp vào chỗ thủng và băng móng ngựa lại, tôi quyết định cầm dây cương dắt Đi-ra đi. May sao chẳng bao lâu ngựa khỏi đau chân. Tôi lên yên. Không hề gì, ngựa hết đau chân rồi. Nó phi nước kiệu - thế là tốt rồi. Để giảm bớt gánh nặng cho cái chân phải đang đau, tôi quyết định chỉ cho ngựa đi thông thả bước một và chạy nước đại từ chân trái.

Các đồng chí của tôi ung dung hơn tôi nhiều vì có những con ngựa khỏe. Tôi phải xuống ngựa nhiều lần hơn, phải cầm cương dắt cho ngựa đi nhiều hơn và, đương nhiên, bản thân tôi mệt mỏi về thể xác nhiều hơn. Vì vậy, đến nơi tạm nghỉ, bạn bè đảm đương việc đi kiểm thức ăn và trông nom ngựa.

Đến ngày đường thứ bảy, lúc chúng tôi đã đi qua Bô-ri-xốp rất xa và tiến gần đến Min-xcơ, chúng tôi thấy nhiều người mang cờ đỏ và biểu ngữ tụ tập ở ngoài thành phố. Té ra là các đồng chí cùng trung đoàn và nhân dân địa phương đang chờ đón chúng tôi. Thúc cho ngựa chạy nước đại dã chiến, chúng tôi tiến tới gần

lễ đài và báo cáo với đồng chí chỉ huy bộ đội và đồng chí chủ tịch Xô-viết thành phố rằng cuộc hành trình đã được hoàn thành một cách thuận lợi. Mọi người nhiệt liệt hoan nghênh chúng tôi.

Hai hôm sau, tiến hành kiểm tra: cho ngựa chạy 2 ki-lô-mét có chướng ngại vật, khám, cân. Kết quả là khả quan và cuộc hành trình của chúng tôi được đánh giá tốt. Sau bảy ngày đêm đi đường, ngựa sụt mất từ 8 đến 12 ki-lô-gam, còn người cưỡi thì mất từ 5 đến 6 ki-lô-gam.

Sau khi nhận phần thưởng của Chính phủ và lời cảm ơn của bộ tư lệnh, chúng tôi lên đường đi nghỉ phép ít lâu. Tôi về quê thăm mẹ và chị.

Trong những năm tôi xa vắng, mẹ tôi đã già đi nhiều nhưng vẫn hay làm như trước. Chị tôi đã có hai con, chị cũng già đi đôi chút. Rõ ràng là những năm sau chiến tranh và nạn đói năm 1921-1922 đã ảnh hưởng nhiều đến mẹ và chị tôi.

Hai cháu nhỏ, con chị tôi, quen tôi ngay. Chúng lục soát va-li của tôi mà chẳng ngại ngần gì, và lôi ra tất cả những gì mà không thích.

Xóm làng còn nghèo, nhân dân ăn mặc chưa tốt, tổng số gia súc giảm bớt và sau vụ mất mùa năm 1921, nói chung nhiều gia đình không còn con nào nữa. Nhưng điều đáng cảm phục là trừ vài trường hợp rất cá biệt còn không ai kêu ca phàn nàn gì cả. Nhân dân đã hiểu đúng những khó khăn sau chiến tranh.

Bọn phú nông và bọn con buôn thì tỏ ra rất kín đáo. Rõ ràng là không còn hy vọng rằng thời đại cũ sẽ quay trở lại, nhất là sau khi tuyên bố chính sách kinh tế mới. Ở U-gôt-xki Da-vốt, trung tâm của địa phương, lại thấy mở những tiệm ăn và hiệu tạp hóa của tư nhân. Mạng lưới các cửa hàng hợp tác mới thành lập đang gắng cạnh tranh với những hiệu buôn này.

Trở lại sư đoàn, tôi được biết rằng sư đoàn đang được biên chế lại sẽ có 4 trung đoàn kỵ binh chứ không phải là 6 trung đoàn như trước. Trung đoàn kỵ binh Bu-du-lúc 39 do tôi phụ trách trước đây nay sáp nhập với trung đoàn 40, còn hai trung đoàn kỵ binh 41 và 42 thì được tổ chức lại thành một trung đoàn mới - trung đoàn kỵ binh Mê-lê-két-xcô Pu-ga-chép-xki 39.

Vấn đề này đụng chạm đến cá nhân chúng tôi - tôi và M.I. Xa-vê-lép trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh 42. Một trong hai chúng tôi sẽ được giao trách nhiệm phụ trách trung đoàn 39 mới

tổ chức này, còn người kia sẽ được điều động đến một binh đoàn khác. Chúng tôi ai cũng muốn ở lại sư đoàn mà mình đã quen thân như ruột thịt. Cấp trên chọn tôi ở lại, còn M.I. Xa-vê-lép thì đi công tác khác.

Tôi hiểu nỗi buồn của anh, nhưng chúng tôi chia tay nhau như những người bạn thân và sau này gặp nhau vẫn coi nhau như những người bạn cố tri.

Các trung đoàn kỵ binh trước đây của sư đoàn được biên chế 4 đại đội còn các trung đoàn mới theo biên chế đề ra trong cuộc cải cách quân sự, đều có 6 đại đội và cứ hai đại đội hợp thành một tiểu đoàn kỵ binh. Ngoài ra, trung đoàn còn có: đại đội súng máy 16 ly, một đại đội pháo, một trung đội thông tin liên lạc độc lập, một trung đội công binh độc lập, một trung đội hóa học độc lập, và trường đào tạo cán bộ sơ cấp của trung đoàn.

Đối với tôi và tập thể trung đoàn, một thời kỳ công tác sôi nổi đã đến.

Biện pháp quan trọng nhất của cuộc cải cách quân sự là thi hành chế độ một thủ trưởng trong các lực lượng vũ trang Xô-viết.

Chế độ này được thể hiện dưới hai dạng cơ bản. Trong các trường hợp mà người cán bộ chỉ huy là đảng viên cộng sản thì thường là người này đồng thời đảm nhiệm chức chính ủy một mình phụ trách cả việc huấn luyện quân sự, hoạt động quản lý - kinh tế lẫn toàn bộ công tác chính trị và công tác Đảng. Đồng chí này có một trợ lý công tác chính trị. Biện pháp quan trọng này để củng cố kỷ luật và nâng cao tính sẵn sàng chiến đấu trong quân đội đã có thể có đầy đủ cơ sở để thực hiện ngay từ những năm ấy, vì đội ngũ cán bộ chỉ huy đã tiến bộ nhiều.

Nếu như người chỉ huy không phải là người đảng viên thì anh ta chỉ chịu trách nhiệm về mặt huấn luyện quân sự và về các chức năng quản lý - kinh tế, còn công tác Đảng và công tác chính trị thì do chính ủy lãnh đạo, chính ủy cùng với người chỉ huy chịu trách nhiệm về tình hình tư tưởng và khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị.

Trong một mệnh lệnh của Hội đồng quân sự cách mạng thời ấy, về nhiệm vụ này có nói rằng: “Thường xuyên ghi nhớ rằng: nhiệm vụ của chính quyền Xô-viết trong lĩnh vực xây dựng quân sự và thực hiện quyền chỉ huy giao cho một người, người chính ủy, một mặt, phải bằng mọi cách giữ quan hệ chặt chẽ với người chỉ huy, làm cho người chỉ huy ngày càng giác ngộ về chủ nghĩa

cộng sản, và, mặt khác, tự mình phải chăm chú học tập quân sự để sau này đảm nhận được cả chức trách chỉ huy và quản lý”.

Tôi còn nhớ, mùa xuân năm 1925, chúng tôi đã nhận được chỉ thị của Ban chấp hành trung ương Đảng gửi toàn thể các tổ chức Đảng “Về chế độ một thủ trưởng trong Hồng quân”. Trong chỉ thị này có giải thích rằng toàn bộ công tác của Đảng và của các cơ quan quân sự trong mấy năm qua nhằm củng cố Hồng quân nói chung và đội ngũ cán bộ chỉ huy nói riêng đã tạo ra những điều kiện hoàn toàn thuận lợi cho việc thi hành nguyên tắc một thủ trưởng.

Một số đồng chí lúc đó nghĩ rằng, chế độ một thủ trưởng có thể dẫn tới chỗ hạ thấp ảnh hưởng của Đảng trong quân đội. Nhưng chính người đảng viên cộng sản đã làm người chỉ huy - một thủ trưởng, cho nên vai trò của Đảng không những không sút kém đi, mà ngược lại, còn được tăng cường. Trách nhiệm của người cán bộ trước Đảng về mọi mặt sinh hoạt trong quân đội rộng lớn hơn. Vì thế, kỷ luật được củng cố một cách đáng kể và khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang chúng ta được nâng cao thêm.

Qua công tác thực tế, quan hệ qua lại giữa người chỉ huy với

chính ủy và cán bộ làm công tác chính trị càng ngày càng chặt chẽ và được cải tiến. Tôi xin nói sớm trước là tôi còn nhớ rằng, trong năm 1928, theo chỉ thị của Ban Chấp hành trung ương Đảng, Hội đồng quân sự cách mạng đã có nghị định ban hành quy chế công tác chính ủy, chỉ huy - một thủ trưởng và trợ lý công tác chính trị. Bản quy chế này khẳng định giao cho các chính ủy quyền lãnh đạo công tác Đảng và công tác chính trị, chịu trách nhiệm về tình hình tư tưởng - chính trị của đơn vị (binh đoàn), người chính ủy được hoàn toàn miễn đảm nhiệm các chức năng kiểm tra.

Học xong lớp bổ túc, tôi làm việc dễ dàng hơn, có thể vững tâm giải quyết một cách độc lập các vấn đề huấn luyện quân sự, chính trị và quản lý trung đoàn.

Trong thời gian này, mọi việc ở trung đoàn tôi không đến nỗi tồi. Mùa đông năm 1926, tôi được triệu tập lên gặp đồng chí chính ủy quân đoàn kỵ binh 3 A.P. Crô-khơ-man và đồng chí tư lệnh quân đoàn X.K. Ti-mô-sen-cô vừa tới chỉ huy quân đoàn từ mùa xuân năm ấy.

Bước vào phòng làm việc, tôi thấy ở đây có cả đồng chí tư lệnh sư đoàn chúng tôi K.Đ. Xtép-nôi Xpi-gác-nui, đồng chí chính ủy

sư đoàn G.M. Stéc-nơ và đồng chí chủ nhiệm chính trị L.I. Bô-cha-rốp.

- Chúng tôi mời đồng chí tới đây để đề nghị đồng chí đảm nhận chức trách trung đoàn trưởng kiêm chính ủy trung đoàn, nghĩa là làm chỉ huy - một thủ trưởng, - X.K. Ti-mô-sen-cô nói. - Bộ tư lệnh sư đoàn và phòng chính trị xét thấy đồng chí đã được bồi dưỡng đầy đủ để đảm đương trách nhiệm ấy. Về vấn đề này, ý kiến đồng chí thế nào?

Lặng yên một lúc, có lẽ lâu hơn thời gian cần thiết một chút, tôi trả lời rằng, có sự giúp đỡ đích đáng của bộ tư lệnh và phòng chính trị sư đoàn, tôi hy vọng sẽ đảm đương được những chức trách mới giao cho tôi.

Vài ngày sau, tôi được chỉ định làm chỉ huy - một thủ trưởng. Trong sư đoàn kỵ binh 7, đây là một thí nghiệm đầu tiên có liên quan đến nhiều thứ. Trong công tác tổ chức và công tác tư tưởng, tôi được đồng chí bí thư ban chấp hành Đảng bộ và đồng chí trung đoàn phó phụ trách công tác chính trị giúp đỡ. Hai đồng chí này không ngần ngại gì mỗi khi cần phải theo tinh thần Đảng mà uốn nắn và khuyên bảo tôi. Hoàn toàn đương nhiên là trong thời gian đầu, vì không có kinh nghiệm trong công tác mới, tôi

đã phạm một số sai lầm, và những sự uốn nắn đó chỉ có lợi cho công việc mà thôi

Để lãnh đạo đúng đắn công tác giáo dục chính trị, các cán bộ cấp trên phải có trình độ hơn cán bộ cấp dưới mình trong lĩnh vực này nhiều. Trong những năm đó, chúng tôi, những người cán bộ chỉ huy, đã tiến bộ nhanh và mạnh về trình độ quân sự hơn về mặt nắm những quan điểm cơ bản của học thuyết Mác - Lê-nin. Sở dĩ thế là vì một mặt chúng tôi người nào cũng túi bụi vào công tác hành chính quản trị, công tác huấn luyện và học tập quân sự mặt khác, nhiều người còn chưa thấy hết sự cần thiết phải nghiên cứu sâu sắc học thuyết Mác - Lê-nin và công tác tổ chức của Đảng trong quân đội. Đương nhiên, trong lĩnh vực này, những cán bộ chính trị được bồi dưỡng tốt hơn các cán bộ chỉ huy như chúng tôi.

Ít lâu sau, đồng chí tư lệnh sư đoàn Đ.A. Smit từ U-crai-na đến phụ trách sư đoàn thay đồng chí tư lệnh sư đoàn K.Đ. Xtép-nôi Xpi-gác-nui. Đồng chí tư lệnh mới khác nhiều so với đồng chí K.Đ. Xtép-nôi Xpi-giác-nui về tính tình, kinh nghiệm và tác phong công tác.

Nếu K.Đ. Xtép-nôi Xpi-giác-nui hiểu động hay nói nhiều, thậm

chỉ có thể nói là ba hoa, thì Đ.A. Smit là một người thông minh, luôn luôn trình bày ý kiến của mình ngắn gọn, nhưng, tiếc thay, lại không ưa làm việc cần cù tỉ mỉ.

Mùa hè năm 1926, sư đoàn lại đến trại huấn luyện. Chúng tôi được ở một khu vực rất ngoạn mục trong vùng Giơ-da-nô-vi-chi-a, cách Min-xơ khoảng 20 ki-lô-mét. Hiện nay, chỗ này đã được đào thành một cái hồ lớn.

Đợt huấn luyện quân sự này rất khẩn trương, căng thẳng. Nội dung huấn luyện được đặc biệt chú ý là môn chiến thuật dã chiến cho các phân đội, cán bộ chỉ huy, cơ quan tham mưu và cho đơn vị nói chung. Phải nói rằng, trong tất cả các môn học quân sự, tôi thích nhất môn chiến thuật và bao giờ cũng hào hứng nghiên cứu môn này.

Như mọi người đều rõ, quân đội là công cụ để tiến hành chiến tranh, nó tồn tại là để đấu tranh vũ trang chống lại kẻ thù của Tổ quốc, và để tiến hành cuộc đấu tranh ấy, quân đội trước hết phải được huấn luyện về chiến thuật. Nếu không, nó sẽ phải học trong quá trình chiến đấu và như thế sẽ chịu nhiều tổn thất lớn lao.

Để trau dồi trình độ chiến thuật, trung đoàn chúng tôi tiến hành

những cuộc học thị phạm về khoa trình sát, tổ chức chiến đấu và hợp đồng với các phương tiện kỹ thuật chiến đấu.

Mọi người đều biết, khâu nút của toàn bộ đợt huấn luyện chiến thuật đối với các trung đoàn là những cuộc tập trận. Bắt đầu từ năm 1925, hàng năm, sau thời gian huấn luyện ở trại, quân khu Bê-lô-ru-xi đã tổ chức nhiều cuộc tập trận.

Sư đoàn kỵ binh 7 cũng đã tham dự những cuộc tập trận này và tôi nhớ, không lần nào sư đoàn bị điểm xấu về huấn luyện chiến thuật cả. Sở dĩ đạt được kết quả đó, trong một chừng mực đáng kể, là do các cán bộ chỉ huy chúng tôi coi trọng những buổi tập chiến thuật. Cần phải nói rằng, tất cả các cán bộ trung đoàn trong sư đoàn chúng tôi đều tương đối thông thạo về chiến thuật và đều say mê luyện tập chiến thuật.

Chỉ huy trung đoàn kỵ binh 37 hồi đó là đồng chí V.I. Vôn-xki, tháng 11-1942, chính đồng chí đã chỉ huy quân đoàn cơ giới của Phương diện quân Xta-lin-grát và cùng với các tập đoàn quân 51 và 64 đột kích ở hướng chung vào Ca-lát, và, chính ở đây đơn vị của đồng chí đã nối liên lạc được với các đơn vị của Phương diện quân Tây-nam. Đứng đầu trung đoàn kỵ binh 38 là V.A. Gai-đu-cốp. Trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại, Gai-đu-cốp

chỉ huy quân đoàn và nhiều binh đoàn khác. Các trung đoàn và đơn vị khác của sư đoàn cũng đều có những cán bộ chỉ huy có kinh nghiệm.

Việc huấn luyện thể dục thể thao cũng đã được chú ý nhiều. Toàn thể chúng tôi, những quân nhân đã được thử thách nhiều, hiểu rõ hơn ai hết rằng, chỉ có những chiến sĩ tráng kiện đã được tôi luyện mới có khả năng chịu đựng được những vất vả nặng nhọc của chiến tranh. Và thắng lợi của đơn vị nói chung tùy thuộc vào sự rèn luyện của mỗi chiến sĩ. Như mọi người đều biết, trong chiến tranh phải tiến hành những cuộc hành quân chiến đấu căng thẳng trong bất cứ thời tiết nào, cả ngày lẫn đêm, theo đường cái và không theo đường cái, phải triển khai trong hành tiến các đội hình chiến đấu để chớp nhoáng công kích kẻ thù và thường thường phải đuổi đánh để tiêu diệt chúng hoàn toàn. Trong trường hợp chiến đấu không thuận lợi thì điều quan trọng là phải rút quân và tổ chức lại thật nhanh. Chỉ đơn vị nào được rèn luyện tốt về thể lực thì mới đủ sức để làm được tất cả những việc đó. Nếu không, đơn vị sẽ nhanh chóng “mất sức”[3] và ở đâu cũng sẽ chậm chân, phải chịu nhiều tổn thất to lớn, và thậm chí có thể vì không được rèn luyện mà bị tiêu diệt[4].

Cần phải nói rằng, trong các môn thể thao cưỡi ngựa, trung đoàn

kỵ binh 39 là đầu thủ chủ yếu của các đơn vị kỵ binh giỏi nhất thuộc Quân khu Bê-lô-ru-xi. Chúng tôi đã xây dựng được trong trung đoàn một nhóm vận động viên thể thao tích cực, trong đó có nhiều cán bộ chỉ huy. Và chính bản thân tôi cũng đã thường xuyên luyện tập về mọi môn thể thao cưỡi ngựa.

Kỹ thuật bắn các loại súng có yếu hơn một chút. Các đội xạ thủ của trung đoàn kỵ binh 40 bao giờ cũng thắng chúng tôi. Nhưng ngược lại, về mặt thể thao cưỡi ngựa, bao giờ chúng tôi cũng vượt xa trung đoàn 40.

Rõ ràng là các đối thủ của chúng tôi rất ngán ngẩm về chuyện đó và họ muốn “vượt” chúng tôi bằng bất kỳ giá nào, thậm chí bằng những mảnh khoe và thủ đoạn không thỏa đáng.

Có lần trong một cuộc đua ngựa của quân khu, để làm nổi tài nghệ của mình và chứng tỏ sức chịu đựng đặc biệt của ngựa, một cán bộ của sư đoàn kỵ binh 6 đã giấu sẵn trong rừng, giữa chặng đường chạy đua, một con ngựa khác hình dáng giống y như con ngựa mà anh ta cưỡi lúc xuất phát. Sau khi đã vượt qua nửa đầu tiên của chặng đường chạy đua với một tốc độ cực kỳ nhanh, anh chàng tinh ma quỷ quái này liền giao chú ngựa đã gài mìn cho người của mình, còn anh ta lại chuyển sang cưỡi con ngựa đã

giấu sẵn từ trước và hăng hái vượt nốt nửa chặng đường còn lại. Trước sự hân hoan chung của khán giả, giải nhất quân khu đã được trao tặng cho anh ta, nhưng cái vui ngán chằng đầy gang. Chẳng bao lâu cái trò lấu cá này đã bị phát hiện và kẻ có tội đã nhận được cái đáng được hưởng.

Nhưng các đối thủ của chúng tôi ở sư đoàn kỵ binh 6 vẫn chưa chịu: khi thì trong lúc đang chạy đua, họ ghìm đối thủ chắc ăn vào “một chiếc hộp con”, khi thì trong lúc thi sức chém, họ đưa ra cho các vận động viên của mình một cảnh nho tươi mà lại đưa ra cho chúng tôi một cảnh khô để lưỡi mác của chúng tôi khó chém đứt, và v..v...

Tôi rất nhớ lần Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vich Bu-đi-ôn-nui đến thăm trung đoàn. Trước đó tôi chưa từng gặp Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vich. Nhưng tôi biết rõ những thành tích của đồng chí đối với Tổ quốc trong cuộc chiến đấu với bọn bạch vệ và bọn can thiệp, và tôi rất muốn được làm quen với người tư lệnh kỳ tài này của tập đoàn quân kỵ binh 1.

Sáng hôm đó (một buổi sáng mùa thu năm 1927), tiếng chuông điện thoại réo vang. Đồng chí tư lệnh sư đoàn Đmi-tơ-ri Ác-ca-đi-ê-vich Smit gọi điện thoại đến.

- Có thể là Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích Bu-đi-ôn-nui sẽ đến trung đoàn đồng chí, cần tổ chức lễ tiếp đón đấy.

- Đến vào lúc nào và cần tiếp đón ra sao? - Tôi hỏi.

- Cụ thể lúc nào thì tôi không biết rõ. Thoạt đầu, đồng chí ấy sẽ đến trung đoàn 37, rồi đến trung đoàn 38, và sau đó, đến trung đoàn đồng chí, trung đoàn 39. Còn tiếp đón thế nào thì đồng chí là người chỉ huy, hãy tự liệu lấy.

Tôi hiểu rằng đồng chí tư lệnh sư đoàn không muốn nói tới những nghi lễ đặc biệt long trọng nào cả mà chỉ cần tiếp đón X.M. Bu-đi-ôn-nui một cách bình thường, như đã quy định trong điều lệnh về việc đón tiếp cán bộ cấp trên đến đơn vị.

Đến trưa, V.A. Gai-đu-cốp, trung đoàn trưởng trung đoàn 38, gọi điện thoại cho tôi:

- Khách đã lên đường đến chỗ cậu đây, chuẩn bị đón đi.

Không còn thì giờ để bàn bạc nữa. Tôi tập trung những cán bộ giúp việc gần gũi nhất của mình lại: đồng chí trung đoàn phó phụ

trách công tác chính trị Phrôn-cốp, đồng chí bí thư ban chấp hành Đảng bộ trung đoàn A.V. Sê-la-cốp-xki, đồng chí tham mưu trưởng, đồng chí chủ nhiệm hậu cần trung đoàn A.G. Ma-lư-sép. Chúng tôi cùng nhau ra cổng trại đứng chờ. Khoảng 5 phút sau, hai chiếc ô-tô con đi vào. Từ trong chiếc thứ nhất, X.M. Bu-đi-ôn-nưi và X.K. Ti-mô-sen-cô bước ra. Như quy định trong điều lệnh, tôi báo cáo và giới thiệu các cán bộ giúp việc của mình, X.M. Bu-đi-ôn-nưi chào hỏi mọi người.

Tôi nói với X.M. Bu-đi-ôn-nưi:

- Xin đồng chí cho chỉ thị.

- Thế đồng chí đề nghị cái gì? - Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vich hỏi lại.

- Đề nghị đồng chí kiểm tra xem chiến sĩ và cán bộ chúng tôi sống và làm việc như thế nào.

- Đồng ý, nhưng trước hết tôi muốn kiểm tra công tác nuôi quân của các đồng chí.

Đến nhà ăn và nhà bếp, Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vich quan tâm tỉ

mỉ đến chất lượng, cách chế biến và nấu nướng các món ăn, ghi cảm tưởng vào sổ của nhà ăn, tỏ lời cảm ơn các đồng chí cấp dưỡng và đồng chí phụ trách cấp dưỡng trung đoàn. Sau đó, khi đã kiểm tra quá trình huấn luyện quân sự xong rồi, Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vich nói:

- Nào, bây giờ yêu cầu đồng chí cho xem ngựa của trung đoàn.

Tôi phát tín hiệu cho trung đoàn “ra ngựa”. Mười phút sau các đại đội đã đội ngũ tề chỉnh và ra ngựa xong. Ngựa của trung đoàn rất tốt, móng ngựa đóng rất chắc.

Xê mi-ôn Mi-khai-lô-vich, sau khi khen các chiến sĩ Hồng quân đã nuôi dưỡng ngựa rất chu đáo, lên đường đi sang sư đoàn Chôn-gác-xcai-a 6.

Đồng chí tư lệnh Quân khu Bê-lô-ru-xi A-lếch-xây I-lích Ê-gô-rốp cũng đã đến thăm trung đoàn chúng tôi. Theo các đồng chí đã cùng công tác với A-lếch-xây I-lích kể, tôi được biết rằng đồng chí xuất thân từ một gia đình nông dân, đã làm nghề thợ rèn. Đồng chí đã cố gắng tự học và sau khi bị động viên vào quân đội Sa hoàng, đồng chí vào học trường quân sự và được phong làm sĩ quan. Thời gian cuối cùng trong quân đội cũ, đồng

chỉ là trung tá. Tháng 7-1918, A.I. Ê-gô-rốp vào Đảng Bôn-sê-vich và cho đến phút cuối cùng đồng chí luôn luôn là một đảng viên trung thành và kiên cường của Đảng.

Trong những năm nội chiến, A.I. Ê-gô-rốp tỏ ra là một nhà cầm quân có tài, đồng chí chỉ huy Phương diện quân Nam cho đến lúc hoàn toàn đánh tan quân đội bạch vệ của Đê-ni-kin và, sau đó, đã chỉ huy Phương diện quân Tây-nam chiến đấu chống bọn Ba Lan trắng.

Sau khi nội chiến kết thúc thắng lợi, đồng chí A.I. Ê-gô-rốp, người cán bộ chỉ huy vinh quang, chiến sĩ kỵ binh đã từng được thưởng bốn huân chương Cờ Đỏ và Thanh kiếm cách mạng danh dự, đã chỉ huy nhiều quân khu và năm 1931 được cử làm Tổng tham mưu trưởng Hồng quân. Năm 1935, đồng chí được phong quân hàm nguyên soái Liên Xô.

Năm 1927, sau khi dự Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Bê-lô-ru-xi, A.I. Ê-gô-rốp đã bất ngờ đến trung đoàn chúng tôi.

Tôi đang điều khiển buổi tập chiến thuật thường lệ thì được tin đồng chí tư lệnh đến thăm trung đoàn.

A.I. Ê-gô-rốp muốn dự các buổi học về “trung đoàn kỵ binh bí mật tiếp cận sườn và sau lưng quân địch và tấn công chớp nhoáng chúng”.

Mọi việc đều diễn ra trôi chảy, cán bộ chỉ huy các phân đội đều có những quyết định mạnh dạn và chỉ động, sáng tạo. Đồng chí tư lệnh rất hồ hởi, vui đùa nhiều và điều đó làm cho mọi người có mặt cảm thấy thoải mái. Sau khi tôi kết thúc buổi học, A.I. Ê-gô-rốp đã nêu lên một loạt nhận xét và đề nghị. Một chỉ thị của đồng chí mà tôi đặc biệt ghi nhớ là nếu chỉ huấn luyện cho cán bộ về chiến thuật không thôi thì hãy còn là ít, nhất định phải huấn luyện cho họ nắm vững nghệ thuật chiến dịch nữa. Nếu như kẻ thù của Tổ quốc ta gây ra một cuộc chiến tranh thì cuộc chiến tranh đó đòi hỏi nhiều người trong chúng ta phải biết cả các vấn đề về nghệ thuật chiến dịch nữa.

Sau buổi tập, đồng chí tư lệnh hỏi:

- Thế còn việc xây dựng kế hoạch hoạt động của trung đoàn khi có động viên chiến tranh thì ra sao?
- Chúng tôi đã suy nghĩ nhiều về kế hoạch này, nhưng chúng tôi

thấy có một số vấn đề mà cấp trên còn chưa giải đáp được, - tôi trả lời.

- Nào, nếu vậy thì đồng chí hãy trình bày kế hoạch đó và các vấn đề cần giải quyết, chúng ta sẽ cùng nhau xem xét - A.I. Ê-gô-rốp nói.

Trong gần một tiếng đồng hồ, tôi và đồng chí tham mưu trưởng trung đoàn đã báo cáo về việc xây dựng kế hoạch hoạt động của trung đoàn và trả lời các câu hỏi của đồng chí tư lệnh. Sau đó đồng chí tư lệnh nói:

- Khá đầy, khá đầy. Các đồng chí chưa rõ điểm gì nào?

- Điều phức tạp trong tình hình của chúng tôi là ở chỗ trung đoàn đóng gần biên giới quốc gia. Lúc báo động, trung đoàn sẽ phải tham chiến với một biên chế rất không đầy đủ. Ngoài ra, trung đoàn còn phải tách một bộ phận khung thuộc quân số của mình để thành lập các thê đội thứ hai. Đánh trận đầu tiên với quân thù mà quân số trung đoàn lại sút giảm như vậy thì có thể ảnh hưởng đến tinh thần của bộ đội, - tôi kết luận.

- Đúng là như vậy, - A.I. Ê-gô-rốp nói - Nhưng chúng ta không

còn có cách nào nữa. Việc thành lập các thê đội thứ hai của các trung đoàn là rất cần. Không được đánh giá thấp kẻ thù. Cần phải nghiêm chỉnh chuẩn bị cho chiến tranh, phải sẵn sàng đánh một kẻ thù thông minh, có nghệ thuật và mạnh. Còn nếu như trên thực tế kẻ thù tỏ ra không mạnh và không thông minh, thì điều đó chỉ sẽ có lợi cho ta mà thôi.

A.I. Ê-gô-rốp quan tâm đến nhiều thứ: nào tình hình các kho dự trữ, nào nhà ở của quân nhân, cách ăn ở của cán bộ. Chúng tôi báo cáo rằng, nói chung, cán bộ sinh sống ở các khu nhà riêng, mỗi gia đình có một buồng theo quy định.

Tôi còn nhớ là hồi đó chúng tôi đã tự nguyện đem các vật quý của bản thân góp vào quỹ vàng của đất nước để góp phần xây dựng các nhà máy và xưởng. A.I. Ê-gô-rốp cũng quan tâm cả đến chuyện này nữa. Đồng chí hỏi:

- Thế bản thân đồng chí trung đoàn trưởng đã quyên góp cái gì?
- Bốn chiếc tàu thuốc lá bằng bạc được thưởng trong các cuộc thi đấu thể dục cưỡi ngựa, một chiếc nhẫn vàng và một đôi hoa tai của vợ tôi. Nói đúng ra thì mọi người đều hành động như vậy cả.

Đồng chí tư lệnh liếc nhìn chúng tôi và nói: “Rất tốt, các đồng chí ạ, không thể khác thế được! “

Công việc ở sư đoàn sôi nổi hẳn lên, khi Đa-ni-lô Xéc-đích, người Xéc-bi, một cán bộ vẻ vang của tập đoàn quân kỵ binh 1 đến thay Đ.A. Smit làm tư lệnh sư đoàn. Đ. Xéc-đích đã hoạt động tích cực ngay và gây được uy tín trong hàng ngũ cán bộ chỉ huy các đơn vị. Tôi đặc biệt thích đồng chí ở chỗ đồng chí rất nghiêm khắc và luôn tìm mọi cách thường xuyên cải tiến công tác huấn luyện quân sự và chính trị. Đ. Xéc-đích tích cực đi sâu vào tất cả các vấn đề sinh hoạt Đảng và là một người chỉ huy giỏi toàn diện. Trong đời sống cá nhân, đồng chí rất khiêm tốn.

Tất cả các buổi tập dã chiến và những lần diễn tập quân khu có Đ. Xéc-đích dự đều bổ ích và đều mang lại kết quả vẻ vang cho sư đoàn kỵ binh Xa-ma-ra 7. Tất cả chúng tôi cảm thấy mình trưởng thành lên về mặt chiến dịch - chiến thuật và đều hiểu rằng, trong đó có công sức lớn lao của cá nhân đồng chí tư lệnh sư đoàn chúng tôi. Nói tóm lại, đồng chí là một người cán bộ chỉ huy xứng đáng và một nhà giáo dục có tài.

Năm 1929, K.K. Rô-cô-xốp-xki được cử đến làm tư lệnh sư đoàn kỵ binh Xa-ma-ra 7, còn đồng chí tư lệnh sư đoàn Đ. Xéc-đích

được bổ nhiệm làm tư lệnh quân đoàn thay X.K. Ti-mô-sen-cô. Ít lâu sau, tháng 5-1930, tôi được chỉ định làm lữ đoàn trưởng lữ đoàn kỵ binh 2 thuộc sư đoàn kỵ binh Xa-ma-ra 7.

Như đã nói ở trên, tôi đã cùng học tập với K.K. Rô-cô-xốp-xki trong những năm 1924 - 1925 ở Lê-nin-grát tại lớp bồi dưỡng cán bộ kỵ binh và chúng tôi rất hiểu nhau. Đồng chí đối xử với tôi rất lịch thiệp. Về phần mình, tôi thấy rất rõ đồng chí có trình độ uyên bác về quân sự, kinh nghiệm phong phú về lãnh đạo huấn luyện quân sự và giáo dục chính trị cho cán bộ và chiến sĩ. Tôi hoan nghênh việc bổ nhiệm đồng chí và tin tưởng rằng K.K. Rô-cô-xốp-xki sẽ tiếp tục các truyền thống của Đ. Xéc-đích trong sư đoàn. Và sự thật đã là như vậy.

Tôi chỉ huy trung đoàn kỵ binh 39 gần 7 năm. Đó là một trường học tốt. Ngoài thực tế phong phú ra, trong thời gian ấy tôi còn được bồi dưỡng nhiều về lý luận quân sự nói chung và về nghệ thuật chiến dịch - chiến thuật nói riêng khi tham gia các cuộc tập trận của quân khu, các buổi học tập và diễn tập quân sự của sư đoàn và quân đoàn. Là người chỉ huy - một thủ trưởng, tôi đã hiểu sâu sắc hơn về vai trò lãnh đạo, tổ chức của Đảng ta trong công cuộc xây dựng và trong những hoạt động hàng ngày của các đơn vị Hồng quân.

Đương nhiên đạt được tất cả kết quả đó không phải là dễ dàng, trong công tác cũng mắc sai lầm. Không ai là người không phạm sai lầm? Trừ phi người đó chỉ công tác theo chỉ dẫn của cấp trên, không hề có tính chủ động sáng tạo. Nói chung, theo tôi, vấn đề chủ yếu không phải là ở chỗ có sai lầm mà là ở chỗ có thấy được và sửa chữa được sai lầm nhanh hay không.

Tôi thường bị trách là hay nghiêm khắc quá đáng mà nghiêm khắc thì tôi coi là một đức tính của người cán bộ chỉ huy Bôn-sê-vich. Nhìn lại bước đường đã qua, tôi nghĩ rằng, có lúc quả thực tôi đã đòi hỏi quá đáng và thường không giữ được bình tĩnh trước các khuyết điểm của những người dưới quyền. Nhưng trước thái độ thiếu ý thức trong công tác, trong tư cách của người quân nhân thì tôi không thể thờ ơ được. Một vài người không thấy điều đó, nhưng tôi thì rõ ràng là cũng chưa đủ độ lượng đối với các nhược điểm của con người.

Đương nhiên là bây giờ những khuyết điểm này thấy được rõ hơn, kinh nghiệm sống đã dạy bảo cho nhiều. Nhưng cả lúc này nữa tôi vẫn cho rằng không ai có quyền được hưởng một cuộc sống nhờ vào lao động của người khác. Và nhận thức cho ra điều đó là đặc biệt quan trọng đối với một quân nhân, người nhận

nhiệm vụ đi đầu trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trên chiến trường mà không luyến tiếc tính mệnh mình.

Lữ đoàn 2 mà tôi có nhiệm vụ chỉ huy gồm có 2 trung đoàn kỵ binh - trung đoàn 39 và trung đoàn 40. Tôi phải nghiên cứu cẩn thận tình hình công việc ở trung đoàn kỵ binh 40 mà lúc đó người chỉ huy là I-vlóp, một con người ít cởi mở, xuất thân từ hàng ngũ cựu sĩ quan của quân đội Sa hoàng. Anh này không chú ý đến kỹ thuật sử dụng và chăm nom ngựa. Nhưng am hiểu và chăm chỉ huấn luyện môn bắn súng. Về phương diện này, trung đoàn của anh luôn luôn đứng ở hàng đầu.

Có lẽ do đã quen thuộc trung đoàn 39 trong nhiều năm và do đã từng chan hòa như anh em ruột thịt với cán bộ và chiến sĩ của trung đoàn này mà tôi cho rằng trung đoàn 39 được huấn luyện quân sự tốt hơn và có tổ chức hơn. Nhưng tôi cũng hiểu rằng các cán bộ chỉ huy và cán bộ công tác chính trị của trung đoàn kỵ binh 40, những người cũng biết trọng danh dự của trung đoàn mình, có thể có phản ứng xấu nếu như tôi nêu trung đoàn kỵ binh 39 ra làm mẫu để so sánh.

Họ có cái gì là tốt hơn, dù nhỏ, tôi cũng đều cố gắng biểu dương, nêu ra làm gương cho các trung đoàn khác. Tôi thường tổ chức

những buổi tập mẫu của cả hai trung đoàn về các môn chiến thuật, bắn súng, cưỡi ngựa cũng như về các vấn đề huấn luyện và giáo dục chính trị. Và cách làm này chẳng bao lâu đã đưa lại những kết quả tốt. Lữ đoàn 2 đã trở thành lữ đoàn đầu tàu của sư đoàn kỵ binh Xa-ma-ra 7, điều này được nêu lên nhiều lần và làm cho tất cả chúng tôi vui mừng hân hoan.

Nói tóm lại toàn thể chúng tôi đều làm việc một cách hòa thuận, say mê. Trong công tác của mình, các cán bộ chỉ huy đều biết dựa vào các tổ chức Đảng, hướng tính tích cực và nghị lực của toàn thể cán bộ và chiến sĩ vào việc nâng cao khả năng thường xuyên sẵn sàng chiến đấu.

Có thể dẫn ra nhiều ví dụ, nhưng tôi nghĩ rằng không cần thiết phải làm như vậy. Tôi chỉ nói trong phạm vi các việc mà tôi nhớ rõ nhất.

Có lần đồng chí bí thư Ban chấp hành Đảng bộ trung đoàn 39 đến gặp tôi đề nghị mở rộng việc trao đổi kinh nghiệm công tác của các trung đoàn ra toàn lữ đoàn. Trong cuộc hội nghị liên tịch của các Ban chấp hành Đảng bộ hai trung đoàn, đã quyết định tổ chức một buổi họp với một nhóm chiến sĩ để bàn về phương pháp giải thích những vấn đề phức tạp nhất trong đường lối của

Đảng cho các chiến sĩ Hồng quân lạc hậu nhất.

Buổi sinh hoạt đầu tiên do Bô-rít A-pha-na-xi-ê-vích Giơ-mu-rốp, một đại đội phó của trung đoàn 39, điều khiển và phải nói rằng đồng chí đã điều khiển buổi sinh hoạt này một cách xuất sắc. Sau đó, theo sáng kiến của các cán bộ công tác chính trị trung đoàn 40, chúng tôi đã mở cuộc hội nghị nói thẳng với tất cả những chiến sĩ Hồng quân vô kỷ luật nhất để qua đó tìm ra nguyên nhân những sai lầm của họ. Té ra là phần lớn những vụ vi phạm kỷ luật không chỉ do lỗi lầm của chính các chiến sĩ Hồng quân gây ra mà còn là vì những cán bộ quân sự và chính trị đã không hiểu tính nết và những đặc điểm về cá tính của các chiến sĩ của mình, đã không thường xuyên đánh giá đúng hành động của họ, do đó đã mất uy tín. Và các chiến sĩ Hồng quân thường có thái độ thô bạo đối với những người phụ trách như vậy. Cần phải nói rằng những cuộc hội nghị nói thẳng như vậy rất có ích cả cho các chiến sĩ Hồng quân cũng như cho các cán bộ.

Cuối năm 1929, tôi được cử đến Mát-xcơ-va tham dự lớp bồi dưỡng cán bộ cao cấp. Tôi được bố trí ở khách sạn thuộc Câu lạc bộ trung ương của Hồng quân. Các buổi học được tiến hành ở phố Phơ-run-dê trong tòa nhà của Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng,

nơi có bố trí các lớp và các phòng làm việc. Việc học tập ở lớp bổ túc cán bộ cao cấp được tiến hành theo một chương trình rất cao. Người lãnh đạo tổ chúng tôi là người phó của nguyên soái V.K. Bliu-khe, tư lệnh sư đoàn Mi-kha-in Vla-di-mi-rô-vích Xan-gua-xki, một người có nhiều kiến thức. Tất cả những bài giảng và những báo cáo mà đồng chí đã đọc về các vấn đề khoa học quân sự đều được lý giải chu đáo bằng những ví dụ rút ra từ trong Thế chiến thứ nhất và nội chiến. Và những giáo viên khác của chúng tôi đều là những chuyên gia lớn về chiến thuật cũng như về nghệ thuật chiến dịch.

Tại các lớp bổ túc cán bộ cao cấp, toàn thể chúng tôi đều dần dần say mê học lý thuyết quân sự, tìm đọc từng cuốn sách mới, thu thập tất cả những gì có thể thu thập được trong các tài liệu quân sự để mang theo về đơn vị. Lúc đó nền khoa học quân sự Xô-viết cũng đã được xây dựng. Các tác phẩm của M.V. Phơ-run-dê đã chiếm vị trí hàng đầu trong khoa học này.

Trong toàn tập tác phẩm của đồng chí xuất bản năm 1929, đã trình bày những vấn đề về mối tương quan giữa con người và kỹ thuật trong cuộc chiến tranh tương lai và về tính chất của cuộc chiến tranh đó, về sự phát triển nhịp nhàng của tất cả các quân chủng, binh chủng trong lực lượng vũ trang, về vai trò của hậu

phương và tiền tuyến. M.V. Phơ-run-dê kiên quyết đòi phải xây dựng một học thuyết quân sự duy nhất. Học thuyết này xác định tính chất của việc xây dựng các lực lượng vũ trang, ấn định những phương thức huấn luyện quân sự cho quân đội, đề ra phương pháp chỉ huy quân đội dựa trên những quan điểm chính thống trong nước về tính chất và phương thức giải quyết những nhiệm vụ quân sự, M.V. Phơ-run-dê đã tổng hợp một cách sâu sắc kinh nghiệm nội chiến, đã phát triển những luận điểm sau này làm nền tảng cho hệ thống những điều lệnh và điều lệ mà một quân đội kiểu mới - Hồng quân Xô-viết - nhất định phải có.

Cuối những năm 20, một tác phẩm quan trọng của B.M. Sa-pô-sni-cốp, cuốn “Đầu não của quân đội” ra đời, trong đó đã phân tích nhiều tài liệu lịch sử, mô tả toàn diện vai trò của Bộ Tổng tham mưu, đề ra một số luận điểm quan trọng về chiến lược quân sự. Đồng chí cũng đã viết nhiều tác phẩm nổi tiếng, như “Kỵ binh”, “Trên sông Vi-xla”. A.I. Ê-gô-rốp có viết một số tác phẩm lịch sử quân sự quan trọng, trong đó có cuốn “Đánh tan Đê-m-kin”.

Đến khoảng thời gian này cũng bắt đầu xuất bản các tác phẩm của M.N. Tu-kha-chép-xki, một trong những nhà lý luận quân sự có tài nhất của chúng ta. Đồng chí có nhiều suy nghĩ sáng suốt về

tính chất của cuộc chiến tranh tương lai. M.N. Tu-kha-chép-xki đã đề ra nhiều luận điểm sâu sắc mới về lý thuyết, chiến thuật, chiến lược, nghệ thuật chiến dịch, đã vạch ra mối quan hệ khăng khít giữa các nguyên lý và thực tiễn xây dựng quân đội với chế độ xã hội và cơ sở sản xuất trong nước.

Gây cho chúng tôi những cuộc thảo luận sôi nổi là cuốn “Tính chất các hoạt động của những quân đội hiện đại” của đồng chí Tổng tham mưu phó Hồng quân công nông V.K. Tơ-ri-an-đa-phi-lốp, một cuốn sách rất nổi tiếng ngay sau khi ra đời. Trong sách này đã nêu lên nhiều quan điểm mạnh dạn và sâu sắc về tình trạng và triển vọng phát triển của các quân đội thời bấy giờ, đã mô tả những con đường cơ bản để trang bị kỹ thuật và tổ chức quân đội. Về vai trò của xe tăng trong cuộc chiến tranh tương lai, V.K. Tơ-ri-an-đa-phi-lốp đã viết:

“Bây giờ không ai hoài nghi ý nghĩa chiến thuật to lớn của xe tăng trong cuộc chiến tranh tương lai. Việc tăng thêm số vũ khí tự động trong lực quân, khuynh hướng tiếp tục phát triển về số lượng và cải tiến về chất lượng loại vũ khí đó, việc sử dụng rộng rãi những chương ngại vật nhân tạo trong phòng ngự và tình trạng lạc hậu của các phương tiện chế áp (pháo binh) so với các phương tiện phòng thủ - tình hình đó làm cho xe tăng nổi lên như

một trong những công cụ tấn công rất mạnh để tiến hành chiến tranh tương lai”.

Trong phần hai của cuốn sách, V.K. Tô-n-an-đa-phi-lốp đã nghiên cứu những vấn đề thuộc nghệ thuật chiến dịch, những dự kiến về khả năng tấn công và phòng thủ của sư đoàn, quân đoàn, tập đoàn quân, cụm tập đoàn quân, đã xem xét những vấn đề tiếp cận chiến trường, thời gian và chiều sâu của chiến dịch, bề rộng của chính diện tấn công, các chiến dịch phòng ngự, v.v... Đáng tiếc là V.K. Tô-ri-an-đa-phi-lốp đã hy sinh bi thảm năm 1931 trong một tai nạn máy bay và đã không thể làm nốt những công trình nghiên cứu của mình nói về cuộc chiến tranh tương lai và những luận điểm quan trọng nhất về chiến lược quân sự xô-viết và nghệ thuật chiến dịch.

Những tác phẩm của X.X Ca-mê-nép, A.I. Goóc-cơ, I.P. U-bô-rê-vich, I.E. Ya-kia và của nhiều thủ lĩnh quân sự và nhà lý luận lớn của chúng ta cũng đã chứa đựng nhiều điều có giá trị và thực sự có ích đối với mỗi quân nhân chuyên nghiệp. Nói tóm lại, chúng tôi có đầy đủ các món ăn tinh thần, chỉ có điều là không kịp nghiền ngẫm để nắm vững tất cả mà thôi...

Trong buổi học tại lớp bổ túc cán bộ cao cấp đã có một không

khí thật là sáng tạo, chúng tôi luôn tranh luận với nhau. Tôi nhớ rằng chúng tôi đã tranh luận với A-lếch-xăn-đrơ Va-xi-li-ê-vích Góc-ba-tốp nhiều hơn cả. Lúc này, đồng chí ấy chỉ huy một lữ đoàn trong quân đoàn kỵ binh số 2. A.V. Góóc-ba-tốp là một cán bộ chỉ huy được bồi dưỡng đầy đủ và có trình độ uyên bác, thảo luận với đồng chí ấy thật là thú vị.

Ở đây, tại lớp bồi túc cán bộ cao cấp, các học viên đã nghiên cứu sâu sắc hàng loạt đề tài quan trọng nhất về chiến dịch - chiến thuật và về các chuyên đề, đã tìm hiểu nhiều mẫu kỹ thuật và vũ khí mới vừa được cấp phát cho các đơn vị Hồng quân.

Lúc này, về mặt kỹ thuật, Hồng quân được trang bị như thế nào? Trong những năm 1920 - 1925, về cơ bản chúng tôi phải bằng lòng với những vũ khí mà quân đội Sa hoàng cũ, yếu và lạc hậu về mặt này, để lại. Nền công nghiệp còn chưa thể cung cấp cho Hồng quân kỹ thuật chiến đấu hiện đại. Nhưng đủ loại biện pháp đã được đề ra và thi hành nhằm cải tiến tình hình trang bị kỹ thuật của quân đội và hạm đội.

Tại Đại hội các Xô-viết toàn Liên bang lần III, đã thảo luận riêng vấn đề xây dựng cơ sở kinh tế vững chắc cho công cuộc phòng thủ Liên Xô và bảo đảm cho Hồng quân có được những thiết bị

quân sự mới. Lúc đó, theo chỉ thị của Đảng, đã bắt đầu xem xét lại số vũ khí của bộ binh, pháo binh và không quân để chọn lấy những loại tốt nhất và tìm cách cải tiến chúng. Kinh phí để trang bị kỹ thuật cho quân đội được tăng lên, các xí nghiệp công nghiệp luyện kim, trong đó có các xí nghiệp quốc phòng, đã được phục hồi lại.

Ngay từ đầu, Đảng đã biến việc xây dựng không quân và hạm đội nước ta thành sự nghiệp của toàn dân. Ngay trong năm 1921, Ủy ban Lao động và Quốc phòng đã thông qua một quyết định đặc biệt về việc soạn thảo một chương trình tối thiểu xây dựng không quân. Hàng chục triệu rúp vàng đã được chi cho việc phát triển không quân. Mùa xuân năm 1923 đã thành lập Hội những người bạn của không quân và trong hai năm Hội đã quyên được 6 triệu rúp vàng. Với số tiền ấy, đã đóng được trên 300 máy bay chiến đấu. Kết quả là ngay năm 1925 chúng ta đã ngừng mua máy bay của nước ngoài.

Từ năm 1922, đoàn Côm-xô-môn đã làm chủ Hải quân. Sau ba đợt tự nguyện tòng quân, đã có 8.000 đoàn viên Thanh niên Cộng sản vào hạm đội. Hải quân lúc đó gồm có Hạm đội Ban-tích, Hạm đội Hắc Hải, các đội tàu chiến trên biển Ba-rên-xép, biển Ca-xpien và Bạch Hải cùng một số đoàn tàu chạy trên hồ và

trên sông đang được khôi phục và củng cố về tổ chức. Hạm đội Ban-tích đã hiện đại hóa và đã đại tu chiếc thiết giáp hạm “Cách mạng tháng Mười” (trước đây tên là “Gan-gút”), bảy chiếc khu trục hạm, đã đóng xong chiếc tuần dương hạm “Prô-phin-téc”; ở Hắc Hải, tuần dương hạm “Chéc-vô-na U-crai-na”, gần 60 tàu chiến và tàu yểm trợ đã được tu sửa lại và đi vào hoạt động. Nói chung việc khôi phục và hiện đại hóa các tàu chiến của Hải quân đã hoàn thành về cơ bản trong năm 1928.

Để sáng chế ra những kỹ thuật chiến đấu của nước nhà và thiết kế những mẫu vũ khí mới, hiện đại, cần có một cao trào tìm tòi thiết kế sáng tạo. Năm 1924, Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô đã phê chuẩn quy chế về ủy ban sáng chế phát minh quân sự và trong thành phần của ủy ban này có X.X Ca-mê-nép, M.N. Tu-kha-chép-xki, I.X. Un-slich và nhiều đồng chí khác. Đã thành lập một loạt cơ quan nghiên cứu khoa học và đề án thiết kế. Nhiều nhà bác học nổi tiếng, như A.P Crư-lốp và X.A. Cha-plư-ghin đã góp ý kiến vào công tác của ủy ban thí nghiệm đặc biệt các loại pháo. Việc xây dựng thí nghiệm những hình mẫu máy bay, và động cơ máy bay mới của nước nhà đã được tổ chức tại điện khí thủy động lực học trung ương. ở đây, N.N. Pô-li-các-pốp, A.N. Tu-pô-lép và nhiều đồng chí khác đã thiết kế nhiều hình mẫu thí nghiệm máy bay khu trục và máy bay phóng pháo,

trong đó có máy bay TB-1 là loại máy bay vượt các máy bay cùng loại của nước ngoài về các chỉ tiêu kỹ thuật hàng không.

Bằng những công trình nghiên cứu xuất sắc trong lĩnh vực động cơ phản lực và những chuyến bay trong vũ trụ, K.E. Xi-ôn-cốp-xki và Ph.A. Xan-đe đã làm cho khoa học Xô-viết thêm phong phú; những nhà sáng chế tài ba N.N. Ti-khô-mi-rốp, Ph.V. Tô-ca-rép và nhiều người khác đã được giúp đỡ bằng mọi cách. Năm 1927, V.A. Đéc-ti-a-rép cùng với V.G. Phê-đô-rốp đã sáng chế ra súng tiểu liên loại mới, hơn hẳn những súng máy nhãn hiệu ngoại quốc về tính năng cấu tạo và chiến đấu. Ngay hồi đó chúng tôi đã nhận được pháo trung đoàn cỡ 76 mi-li-mét chế tạo trong nước, và sau đó là pháo cao xạ.

Tuy nhiên, nói chung, trang bị kỹ thuật của Hồng quân trong những năm 20 vẫn còn ở trình độ thấp. Tình hình kinh tế khó khăn của đất nước và sự phát triển - chưa đầy đủ của công nghiệp quân sự đã ảnh hưởng tới tình trạng ấy. Không có đủ đại liên và nhất là tiểu liên, còn chưa có súng trường tự động, và loại súng Nga cũ kỹ thì cần được hiện đại hóa. Pháo đã cũ về mặt thiết kế, lại mòn nhiều. Đến cuối những năm 20 chỉ có 7.000 cỗ pháo, chủ yếu là pháo nhẹ. Hoàn toàn không có pháo cao xạ, pháo chiến xa và pháo chống tăng. Đến năm 1928 chỉ có tất cả

1.000 máy bay quân sự, chủ yếu là máy bay kiểu cũ, 200 xe tăng và xe bọc thép. Lục quân được cơ giới hóa ở mức thấp. Đáng buồn cười là đến cuối năm 1928 trong quân đội chúng ta chỉ có 350 ô-tô tải và 700 ô-tô con, 67 máy kéo chạy bằng xích sắt? Nhưng nguyên nhân là do đến năm 1928 chúng ta vẫn chưa có cả công nghiệp ô-tô lẫn công nghiệp máy kéo.

Trong lúc đó thì các nước đế quốc lớn đã tăng cường lực lượng vũ trang của họ. Trong trường hợp có chiến tranh, nước Anh chẳng hạn có thể sản xuất được 2.500 xe tăng trong một tháng, còn Pháp thì sản xuất được 1.500 chiếc, không quân của họ có đến hàng chục ngàn máy bay, quân đội của họ được cơ giới hóa nhanh chóng. Nói tóm lại, kẻ thù trước đây (và bọn đang hình thành) của chúng ta đã tiến bộ nhiều trong lĩnh vực vũ trang so với thời kỳ Thế chiến thứ nhất.

So sánh đối chiếu những số liệu này, ta hãy cứ suy đi nghĩ lại mà xem: chúng ta đã bắt đầu cuộc thi đua với thế giới tư bản từ những điểm xuất phát không cân xứng như thế nào mà lịch sử đã khách quan định ra cho chúng ta! Tự nhiên ta sẽ cảm thấy tự hào vô cùng về cái chế độ xã hội mà nhờ nó trong một thời gian ngắn nhất chúng ta đã đuổi kịp và vượt các cường quốc thế giới phát triển nhất về mặt quân sự, và sau đó quân và dân ta đã có thể

đánh tan được kẻ thù đế quốc mạnh nhất.

Như vậy đã rõ ràng là chỉ có xây dựng được ở trong nước một nền công nghiệp phát triển mới có thể cung cấp được cho Hồng quân và hạm đội những loại vũ khí hiện đại. Chỉ có công nghiệp hóa mới bảo đảm được khả năng quốc phòng của Liên Xô. Kỹ thuật phải quyết định tất cả. Và các nhà lãnh đạo quân sự của chúng ta hồi ấy đã không nhầm trong vấn đề này, họ đã hình dung một cách đúng đắn tính chất và đặc điểm của cuộc chiến tranh tươn g lai.

Ngay trong năm 1925, khi báo cáo tổng kết về cuộc cải cách quân sự tại Hội nghị toàn thể tháng Giêng của Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga. M.V. Phơ-run-dê đã nói: “Nhiều đồng chí chúng ta, đặc biệt những đồng chí đã có mặt trên các chiến trường của cuộc nội chiến, chắc hẳn vẫn suy nghĩ như chúng ta đã suy nghĩ trong thời kỳ nội chiến. Tôi khẳng định rằng suy nghĩ như thế là rất nguy hại vì rằng cuộc chiến tranh sẽ xảy ra sau này không giống như cuộc nội chiến. Đương nhiên nó sẽ mang những tính chất giai cấp của một nội chiến, do đó chúng ta sẽ thấy có bọn bạch vệ trong hàng ngũ đối phương, và ngược lại chúng ta sẽ có các đồng minh trong phe thù địch của chúng ta. Nhưng về mặt kỹ thuật, về phương thức tiến hành chiến tranh thì

đó sẽ không phải là cuộc chiến tranh giống như cuộc nội chiến của chúng ta. Chúng ta sẽ phải tiếp chiến với một quân đội thiện chiến được vũ trang bằng tất cả những thiết bị kỹ thuật cải tiến hiện đại nhất, và, nếu như trong quân đội của mình, chúng ta không có được những cải tiến ấy thì triển vọng đối với chúng ta sẽ là hoàn toàn bất lợi, rất bất lợi. Chúng ta phải chú ý điều này khi giải quyết vấn đề chuẩn bị chung cho công cuộc quốc phòng”.

Mùa xuân năm 1930, sau khi kết thúc lớp bồi túc cán bộ cao cấp chúng tôi lại quay trở về đơn vị của mình.

Tôi đã chỉ huy lữ đoàn kỵ binh 2 trong hơn một năm và phải nói rằng, công tác này đã mang lại cho tôi nhiều cái mới và đã bồi bổ nhiều cho vốn lý luận và thực hành của tôi.

Cuối năm 1930, tôi được biết rằng, việc đề cử tôi vào chức vụ trợ lý thanh tra kỵ binh của Hồng quân công nông Nga đang được xét định. Hoạt động của cơ quan thanh tra hồi đó đã được đánh giá cao trong các đơn vị kỵ binh. Nhưng tôi phải thú nhận rằng, tin này không làm cho tôi vui mấy. Tôi rất quen với sự đoàn của mình và tự coi mình là thành viên tất yếu trong gia đình thuận hòa của những chiến sĩ Xa-ma-ra.

Nhưng vấn đề đã được quyết định và tôi phải đi Mát-xcơ-va.
Thành thật mà nói thì cũng cần phải thu xếp một chiếc áo bành tô và vài bộ quần áo. Toàn bộ gia tư chúng tôi hoàn toàn có thể xếp gọn trong một va-li. Hồi đó không ai trong chúng tôi còn có một tài sản gì khác và chúng tôi coi điều đó là một chuyện rất thường.

Một hôm, về chiều, K.K. Rô-cô-xốp-xki gọi điện thoại cho tôi và nói rằng đã nhận được từ Mát-xcơ-va lệnh bổ nhiệm tôi vào chức vụ mới.

- Đồng chí cần bao nhiêu lâu để thu xếp? - đồng chí ấy hỏi.

- Đề nghị xin 2 giờ, - tôi trả lời.

- Chúng tôi không đồng ý, - K.K. Rô-cô-xốp-xki nói, - vì đồng chí là chiến sĩ lâu năm của sư đoàn 7 cho nên anh em cán bộ quân sự và chính trị của sư đoàn 2 muốn tiễn đưa đồng chí một cách xứng đáng.

Tôi rất lấy làm cảm động.

Vài ngày sau đã mở một bữa tiệc liên hoan của toàn bộ cán bộ quân sự, chính trị của hai trung đoàn 39 - 40, có cả bộ tư lệnh sư đoàn tham dự. Tôi được nghe nhiều đồng chí nhiệt tình động viên khen ngợi tôi. Đó là những lời thốt ra từ đáy lòng và tôi nhớ đến suốt đời

Sáng hôm sau tôi đã sẵn sàng ra đi. Một lần nữa tôi lại sang các phân đội chia tay với cán chiến sĩ và cán bộ.

Trên đường qua nhà, tôi thăm lại thành phố Min-xơ yêu dấu. Tôi đã sống ở đây 8 năm, gần gũi hiểu biết rất rõ nhân dân Bê-lô-ru-xi hiền hậu, chăm chỉ làm ăn. Tôi đã được tận mắt nhìn thấy đất nước Bê-lô-ru-xi khắc phục thắng lợi hậu quả của 2 cuộc chiến tranh.

Chiều hôm đó, cùng với nhà tôi và cháu gái Ê-ra lên hai, chúng tôi về Mát-xcơ-va.

[1] Nguyên văn: không choáng váng đầu óc - ND

[2] Túc Xô-viết tối cao sau này - ND.

[3] Nguyên văn: “thở hắt ra” - ND

[4] Nguyên văn: có thể trở thành vật hy sinh của tình trạng không được rèn luyện - ND

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 5

TẠI BAN THANH TRA KỶ BINH HỒNG QUÂN CÔNG NÔNG NGÀ CHỈ HUY SƯ ĐOÀN KỶ BINH 4

BAN Thanh tra kỷ binh trong những năm này do Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích Bu-đi-ôn-nui phụ trách.

Sau khi đã đến nhiệm sở mới rồi, tôi liền đi trình diện với ban

lãnh đạo tương lai. Song, X.M. Bu-đi-ôn-nui không có mặt ở Ban Thanh tra. Người thư ký riêng của đồng chí, P.A. Bê-lốp (anh đã lừng danh trong Chiến tranh giữ nước vĩ đại), nói với tôi rằng hiện nay, thực ra Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích không làm công tác thanh tra mà đang nghiên cứu, học tập trong một nhóm đặc biệt của học viện. Toàn bộ công việc do người phó thứ nhất của đồng chí, tư lệnh quân đoàn I.Đ. Cô-xô-gốp, điều khiển. Tôi trình diện với I.Đ. Cô-xô-gốp và sau đó làm quen với những người giúp việc của đồng chí thanh tra kỵ binh là các đồng chí B.K. Véc-khốp-xki, Ph.R. Giê-mai-ti-xơ, P.P. Xa-bi-ôn-ni-cốp, I.V. Tiu-lê-nép, A.Ya. Tơ-rây-man. Đó là những cán bộ thông thạo công việc của mình.

Sau khi đã sơ bộ tìm hiểu tôi, I.Đ. Cô-xô-gốp nói rằng, tốt nhất là tôi nên theo dõi các vấn đề huấn luyện quân sự cho kỵ binh vì tôi có khá khá thực tế trong lĩnh vực này.

Khoảng gần một tháng sau, tôi đã hoàn toàn nắm được công tác mới.

Và ba tháng sau, mở hội nghị các đảng viên cộng sản trong các cơ quan thanh tra và các cục có liên quan đến công tác huấn luyện quân sự thuộc Bộ Ủy viên nhân dân phụ trách Quân đội và Hạm đội[1].

Trong hội nghị này, tôi được bầu làm bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ, còn I-van Vla-đi-rô-vích Tiu-lê-nép được bầu làm phó

bí thư.

Trong lúc phải dành khá nhiều công sức và số thời gian nhiều hơn mức quy định để làm tròn các nghĩa vụ theo chức năng của mình, những người đảng viên trong đảng bộ chúng tôi vẫn không sao lãng công tác xã hội. Chúng tôi thường hay đến nói chuyện tại các nhà máy và xí nghiệp cũng như tại các tổ chức và cơ quan dân sự. Công nhân và viên chức đã niềm nở tiếp đón những người cộng sản trong quân đội và rất hài lòng khi nghe nói chuyện, đặc biệt là khi được nghe về tình hình quốc tế và về những quyết định mới nhất của Đảng và của Chính phủ.

Cuối những năm 20 - đầu những năm 30, tình hình quốc tế trở nên căng thẳng. Người ta đã thấy hình thành rõ rệt một khối các nước đế quốc - trước hết là Đức, Nhật và Ý. Chính phủ các nước này, thực hiện ý chí của các giới độc quyền, ngày càng tích cực tìm lối thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế bằng cách chia lại thế giới một lần nữa. Năm 1931, quân đội Nhật, không hề tuyên chiến, đã tấn công Trung Quốc và chiếm đóng Mãn Châu.

Đương nhiên là khi thực hiện các kế hoạch đó, bọn xâm lược Nhật cũng muốn xây dựng được một bàn đạp để tấn công vào Liên bang Xô-viết.

Tháng Giêng năm 1933, ở Đức, bọn phát-xít lên nắm chính quyền, bọn này ngay từ đầu đã thi hành đường lối nhằm giành quyền bá chủ thế giới. Hẳn là nhân dân Anh, Mỹ, Pháp lúc đó đã

hoài nghi rằng, sao các lực lượng đế quốc chủ nghĩa nước họ phục vụ họ thì tồi tệ như thế mà chúng ta lại giúp Đức khôi phục nền công nghiệp nặng tích cực đến thế. Mỹ đã cung cấp 70% tổng số tín dụng dài hạn cho bọn độc quyền Đức. Sau khi Hít-le lên cầm quyền, nguồn tiền ngoại quốc đổ vào Đức lại tăng nhanh hơn.

Đức, Nhật, Ý đã chuyển nền kinh tế nước họ sang kinh tế chiến tranh. Ngân sách quân sự tăng lên đến cùng cực. Cuộc chạy đua đó đã lên đến mức làm cho sau này, trong nửa cuối những năm 30, các nước hiếu chiến ở châu Âu trên thực tế đã sẵn sàng tham gia vào một cuộc chiến tranh lớn. Lực lượng vũ trang Đức đã vượt quá con số 1 triệu người, ngoài ra còn có gần 2 triệu người trong các tổ chức phát-xít quân sự hóa. Trong trường hợp có chiến tranh, quân đội Đức có thể nhanh chóng tăng lên 5 - 6 lần. Ở Ý, trong thời bình, quân đội có 40 vạn người, nhưng trong thời chiến số này có thể dễ dàng tăng lên 5 lần nữa.

Đương nhiên là trong tình thế ấy, cần phải có những biện pháp kiên quyết để tăng cường lực lượng quốc phòng của đất nước ta. Tăng cường lực lượng không phải chỉ là về số lượng. Lực lượng vũ trang chúng ta phải vươn lên trình độ có một chất lượng mới. Nhiều biện pháp nhằm phát triển quân đội và hạm đội đã được thi hành. Khâu chủ yếu là kỹ thuật. Cấp dưỡng, trang bị đầy đủ kỹ thuật hiện đại cho các lực lượng vũ trang xô-viết - nhiệm vụ

trọng đại này chỉ có thể được giải quyết bằng con đường công nghiệp hóa.

Đường lối công nghiệp hóa - phát triển toàn diện công nghiệp nặng trên cơ sở điện khí hóa, đổi mới thiết bị kỹ thuật và xây dựng lại công nghiệp, vận tải, nông nghiệp - đã được Đảng quyết định trong Đại hội XIV cuối năm 1925. Hai năm sau, Đại hội Đảng lần thứ XV đã trực tiếp ghi vào các chỉ thị xây dựng kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

“Xét thấy các nước tư bản chủ nghĩa có thể vũ trang tấn công nhà nước vô sản, trong khi soạn thảo kế hoạch 5 năm, cần chú ý phát triển nhanh nhất những ngành nào trong nền kinh tế quốc dân nói chung và trong công nghiệp nói riêng sẽ giữ vai trò chủ yếu trong việc bảo đảm quốc phòng và ổn định nền kinh tế nước nhà trong thời gian chiến tranh”. Công việc diễn ra rất sôi nổi. Đến đây, tôi xin nói ra ngoài đề một chút. Nói chung nhân dân thế giới đã thừa nhận rằng châu Âu được cứu thoát khỏi bệnh dịch hạch của chủ nghĩa phát-xít trước hết là do các chiến sĩ Xô-viết, vũ khí Xô-viết và việc đánh tan nước Đức Hít-le là chiến công lịch sử vĩ đại nhất của nhân dân Liên Xô. Theo tôi, chiến công này, thắng lợi này đã bắt đầu có từ lúc nhân dân Liên Xô, theo lời kêu gọi của Đảng, bắt tay vào công nghiệp hóa nước nhà.

Tôi không có trong tay những số liệu cần thiết, vả lại đây không

phải là nhiệm vụ của tôi, để nêu ra toàn diện ý nghĩa của công cuộc công nghiệp hóa đối với việc phát triển nền kinh tế quốc dân, với việc nâng cao phúc lợi của nhân dân và củng cố chế độ nông trường, v..v... Còn nói về lực lượng vũ trang thì số phận của nó và kết quả của cuộc chiến đấu vì tự do và độc lập của chúng ta trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại đều trực tiếp tùy thuộc ở tốc độ công nghiệp hóa, ở chỗ có tích cực thực hiện công nghiệp hóa hay không.

Rất có thể là chúng ta hoãn lại năm bảy năm chưa phát triển thật mạnh công nghiệp nặng để công nghiệp nhẹ có thể cung cấp thật nhanh và thật nhiều hàng tiêu dùng cho nhân dân là những người rất xứng đáng được hưởng sự ưu đãi đó. Phải chăng đó không phải là một việc rất hấp dẫn? Nhưng giả sử chúng ta làm như thế, thì biết được lúc nào thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh, thời kỳ gay go nhất sẽ chấm dứt, và ở gần thành phố nào, trên các sông nào chúng ta sẽ chặn được quân phát-xít.

Đường lối của Đảng đã được lịch sử, người phán xét cuối cùng và tối cao, đánh giá là một đường lối khôn ngoan, sáng suốt cùng với phương hướng phát triển đúng đắn của đất nước và chủ nghĩa anh hùng trong lao động của nhân dân hồi bấy giờ đã đặt nền móng cho mọi thắng lợi của chúng ta trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại.

Các Đại hội XVI và XVII của Đảng, sau khi chỉ rõ nguy cơ ngày

càng tăng của một cuộc chiến tranh mới, đã kiên quyết đòi hỏi phải tập trung sự quan tâm của nhân dân vào việc tăng cường sức mạnh của Hồng quân và Hạm đội. Đảng đã trực tiếp chỉ thị đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp, đặc biệt là ngành luyện kim, tăng cường thêm các nguồn dự trữ của nhà nước, xây dựng lại ngành vận tải một cách cơ bản. Đảng đã đề ra nhiệm vụ mở rộng những khả năng có thể huy động của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, xây dựng và bố trí các cơ sở công nghiệp sao cho trong trường hợp bị tấn công có thể nhanh chóng chuyển nền công nghiệp vào con đường sản xuất thời chiến và bảo đảm nó triển khai nhanh chóng theo lệnh động viên.

Trong tổ chức Đảng của chúng tôi, ngoài những đảng viên của cơ quan thanh tra kỵ binh, còn có những người cộng sản thuộc các cơ quan thanh tra bộ binh và huấn luyện xạ kích, pháo binh, bộ đội thông tin và bộ đội công binh, cục huấn luyện quân sự Hồng quân công nông và các cơ quan khác của Bộ Ủy viên nhân dân.

Chúng tôi cố gắng động viên anh em của các cục và các ban thanh tra tích cực thực hiện những yêu cầu mà Đảng, Chính phủ và đồng chí Ủy viên nhân dân đã đề ra.

Bộ Ủy viên nhân dân phụ trách Quân đội và Hạm đội và hạt nhân lãnh đạo của Đảng trong cơ quan này đã đảm đương nhiệm vụ lớn. Dưới đây là một số vấn đề của thời ấy.

Cuộc cải cách quân sự trong Hồng quân và Hạm đội đã được hoàn thành, trong đời sống của các lực lượng vũ trang đã có nhiều thay đổi quan trọng. Toàn bộ quá trình huấn luyện và giáo dục quân đội đã được cải thiện, kỷ luật được tăng cường, việc chỉ huy quân đội từ trên xuống dưới đã được xây dựng theo nguyên tắc một thủ trưởng, các điều kiện để bổ túc cán bộ quân sự đã có đủ. Có thể và cần phải tiến xa hơn nữa.

Giữa năm 1929, Ban Chấp hành trung ương Đảng ra quyết định “Về tình hình phòng thủ đất nước” trong đó trình bày đường lối cải tổ căn bản về kỹ thuật của lục quân, không quân và hạm đội. Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô và Bộ Ủy viên nhân dân phụ trách Quân đội và Hạm đội được giao nhiệm vụ làm sao trong một thời gian ngắn nhất, đi đôi với việc cải tiến số vũ khí hiện có, phải có được những mẫu vũ khí đưa ra thí nghiệm và sau đó trang bị cho quân đội hàng loạt pháo hiện đại các cỡ, các phương tiện phòng hóa chất, xe tăng và xe thiết giáp hiện đại đủ các loại, sản xuất hàng loạt máy bay và động cơ kiểu mới. Quyết định này là nền tảng của kế hoạch 5 năm đầu tiên xây dựng quân sự. Kế hoạch này quy định nhiều việc làm trong đó có việc xây dựng những binh chủng kỹ thuật mới, việc cơ giới hóa và tổ chức lại các binh chủng cũ, việc đào tạo hàng loạt cán bộ kỹ thuật và nhiệm vụ huấn luyện cho toàn quân nắm vững kỹ thuật mới. Tháng Giêng năm 1931, Hội đồng quân sự cách mạng

Liên Xô quy định lịch xây dựng Hồng quân công nông trong những năm 1931 - 1933 và thế là đã hoàn thành quá trình soạn thảo một cách khoa học kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng quân đội[2].

Do phải giải quyết nhiều nhiệm vụ công tác mới nên đã có một số thay đổi trong bộ máy quân sự ở trung ương. Nói riêng thì việc định ra chức chủ nhiệm quân giới Hồng quân công nông để lãnh đạo toàn bộ vấn đề đổi mới trang bị kỹ thuật cho quân đội đã có một ý nghĩa to lớn. Đến năm 1931, chức vụ này do I.P. U-bô-rê-vích đảm nhiệm và sau I.P. U-bô-rê-vích là M.N. Tu-kha-chép-xki. Năm 1929, trong hệ thống Bộ Ủy viên nhân dân phụ trách Quân đội và Hạm đội, thành lập cục cơ giới hóa và cơ khí hóa Hồng quân công nông. Cục này trong nhiều năm nằm dưới quyền điều khiển của những người rất thành thạo và say mê công việc sáng chế xe tăng là I.A. Kha-lép-xki và K.B. Ca-li-nốp-xki. Những phòng xe tăng và xe bọc thép cũng đã được thiết lập ở các quân khu.

Trên thực tế, cho đến năm 1929, chúng ta còn chưa có công nghiệp xe tăng và chưa đủ cán bộ thiết kế và sáng chế xe tăng. Trong khi đó, Đảng và Chính phủ đã thấy vai trò của xe tăng trong cuộc chiến tranh tương lai. Những nhiệm vụ thích ứng đã được đề ra cho cơ quan quân sự. Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô đã có một quyết định riêng quy định chế tạo các loại xe

tăng sau đây: tăng loại nhỏ, loại vừa, loại lớn (tăng hạng nặng) và tăng lội nước; tính năng chiến đấu và kỹ thuật của các loại xe tăng này cũng đã được ấn định. Trong một thời gian ngắn nhất, các nhà thiết kế đã sáng chế ra nhiều mẫu xe tăng sản xuất trong nước. Trong thời gian 1931 - 1935 Hồng quân đã được trang bị xe tăng loại nhỏ T-27, xe tăng hạng nhẹ T-24 và T-26, xe tăng BT có bánh và xích sắt chạy nhanh, xe tăng loại vừa T-28 và rồi xe tăng hạng nặng T-35 và xe tăng lội nước T-38. Trong kế hoạch 5 năm đầu tiên, công nghiệp đã sản xuất được gần 10.000 xe tăng, xe tăng loại nhỏ và xe thiết giáp.

Cơ quan lãnh đạo quân sự Liên Xô đã tích cực chăm lo soạn thảo kế hoạch mới xây dựng không quân Hồng quân công nông. Đầu năm 1930, Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô đã phê chuẩn chương trình chế tạo nhiều loại máy bay của lục quân và hải quân, sản xuất khinh khí cầu, máy chụp ảnh từ trên máy bay và phụ tùng, trong đó sự quan tâm chủ yếu được dành cho máy bay ném bom và tiêm kích. Hai năm sau, những điều cơ bản về tổ chức không quân Hồng quân công nông bắt đầu được thực hiện, trong đó các vấn đề chiến lược và chiến dịch - chiến thuật đã được giải quyết xuất phát từ quan điểm bảo vệ đất nước trong trường hợp bị tấn công. Không quân ném bom tầm xa đã được tổ chức thành những binh đoàn có khả năng độc lập giải quyết các nhiệm vụ chiến dịch. Một năm sau nữa, các binh đoàn máy bay

ném bom hạng nặng đã được tổ chức lại thành những quân đoàn. Trong công tác, Ban Thanh tra kỵ binh Hồng quân công nông kết hợp chặt chẽ với cục huấn luyện quân sự Hồng quân. Ở đây lần đầu tiên tôi quen biết A-lếch-xăng-đơ Mi-khai-lô-vích Va-xi-lép-xki và trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại, chúng tôi đã gắn bó cùng nhau công tác tại các phương diện quân với tư cách là những đại diện của Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao. Từ hồi này, A-lếch-xăng-đơ Mi-khai-lô-vích đã hiểu biết rất thành thạo công việc của mình vì đã từng chỉ huy trung đoàn trong một thời gian dài và đã nghiên cứu sâu sắc đặc điểm của công tác huấn luyện quân sự. Trong cục này ai cũng rất quý trọng đồng chí. Mọi người đều biết các hoạt động có kết quả của các đồng chí lãnh đạo cục này là tư lệnh quân đoàn A.Ya. La-pin và sau đó, người kế tục đồng chí, tư lệnh tập đoàn quân hạng hai A.I. Xê-đi-a-kin.

Giữa năm 1931, Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Liên Xô đã thông qua quyết định “Về đội ngũ cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị của Hồng quân công nông”, trong đó nêu lên những thành tích và thiếu sót cơ bản trong công tác giáo dục chính trị và huấn luyện quân sự cho cán bộ quân đội. Trong quyết định này, đã đặc biệt chú ý tới việc mở rộng nội dung huấn luyện kỹ thuật, tăng cường số lượng cán bộ kỹ thuật công binh cao cấp, cải tiến công tác giáo dục chính trị trong quân đội. Đến

khoảng thời gian này, chế độ chung đào tạo cán bộ chỉ huy Hồng quân công nông đã hình thành về cơ bản.

Trong các trường quân sự thông thường thì hết sức chú ý đến các trường không quân, xe tăng, xe bọc thép, pháo binh và các trường kỹ thuật. So với năm 1924, số học viên sĩ quan sơ cấp (lúc đó là gần 25.000 người) đã tăng gấp đôi. Để mở rộng công tác đào tạo đội ngũ cán bộ cao cấp đã quyết định thành lập trên cơ sở các khoa của Học viện kỹ thuật quân sự các Học viện cơ khí và cơ giới, pháo binh, hóa học quân sự, kỹ thuật điện quân sự, công binh; đã xây dựng Học viện vận tải quân sự và mở rộng nhiều việc tuyển học viên vào Học viện quân sự M.V. Phơ-run-dê và Học viện quân chính. Như vậy là số lượng các trường quân sự cao cấp đã tăng lên gần gấp đôi, và số học viên đã tăng từ 3.200 người trong năm 1928 lên tới 16.000 người trong năm 1932.

Cục huấn luyện quân sự đã triển khai các hoạt động của mình, xuất phát từ các chỉ thị mới của Đảng và từ nhận thức cho rằng việc tăng cường khả năng chiến đấu của quân đội trước hết phụ thuộc vào trình độ nắm vững kỹ thuật và các hình thức phức tạp của chiến đấu hiện đại. Theo tinh thần đó, đã vạch ra và thực hiện hàng chục biện pháp có liên quan không những đến công tác đào tạo cán bộ tại các trường quân sự và tại các lớp bổ túc khác nhau mà liên quan cả đến việc huấn luyện quân sự trực tiếp

trong các đơn vị.

Đến khoảng thời gian này, gần 100% số cán bộ chỉ huy đã có trình độ quân sự chuyên ngành. Đã dành 42 tiếng đồng hồ trong một tháng, chứ không phải chỉ 6 - 8 tiếng như trong năm 1929, để cho cán bộ học tập; bên cạnh việc huấn luyện chiến thuật và xạ kích, việc huấn luyện kỹ thuật bắt đầu có một vị trí quan trọng. Huấn luyện kỹ thuật được tiến hành theo chương trình tối thiểu bắt buộc về kỹ thuật cho từng binh chủng và từng loại cán bộ chỉ huy. Trong các lớp tập huấn cán bộ chủ chốt của lực lượng hậu bị cũng cho nghiên cứu kỹ thuật và vũ khí mới.

Tập thể ban thanh tra pháo binh đứng đầu là thanh tra pháo binh N.M. Rô-gốp-xki đã tiến hành một khối lượng công tác rất to lớn. N.M. Rô-gốp-xki biết rất rõ binh chủng pháo binh và rất có uy tín trong binh chủng. Các tư lệnh quân khu, các chỉ huy binh đoàn, các kỹ sư phục vụ trong pháo binh đều quý trọng N.M. Rô-gốp-xki và sẵn sàng tiếp thu ý kiến của đồng chí.

Những ai đã phụ trách các vấn đề pháo binh trong thời gian này đều phải giải quyết nhiều nhiệm vụ khó khăn. Khí tài vật chất của pháo binh đã bị mòn nhiều, đã lạc hậu nhiều về mặt chiến thuật, kỹ thuật. Tất cả những thứ đó về cơ bản đều là những thứ mà chúng tôi thừa hưởng được của quân đội cũ.

Nhưng ngay giữa năm 1929, Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô đã vạch ra kế hoạch 5 năm trang bị lại pháo cho Hồng quân

công nông, tăng cường hỏa lực, sức bắn xa, bắn nhanh và bắn chính xác của vũ khí, thành lập những phòng thiết kế pháo binh lớn. Nhiều nhà máy sản xuất pháo đã được xây dựng, những nhà máy này sau đó đã cho phép tổ chức sản xuất nhiều loại pháo mới và cải tiến cùng là đạn được dùng cho các loại pháo đó; đã có những biện pháp đào tạo kỹ sư và kỹ thuật viên giỏi. Từ năm 1928 đến hết năm 1933, công suất của các nhà máy sản xuất pháo tăng hơn 6 lần, còn công suất của các nhà máy sản xuất súng cỡ nhỏ thì tăng những 35 lần.

Đến cuối thời gian công tác của tôi trong giai đoạn này, ở cơ quan Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng, chúng tôi đã bắt tay dự thảo kế hoạch 5 năm lần thứ hai xây dựng Hồng quân công nông cho những năm 1934 - 1938. Chỉ thị cơ bản của Đảng trong việc này là làm sao hoàn thành việc thiết bị lại kỹ thuật đang tiến hành và lấy kỹ thuật hiện đại để vũ trang cho quân đội. Muốn thế, phải cung cấp cho bộ đội thật nhiều phương tiện chiến đấu có giá trị quyết định như không quân, chiến xa, pháo binh, bảo đảm cho Hồng quân có khả năng đẩy lùi bọn xâm lược. Để thực hiện đường lối này, Ủy ban Lao động và Quốc phòng đã thông qua các nghị định “Về chương trình xây dựng quân đội và hạm đội trong những năm 1933 – 1938”, “Về hệ thống trang bị pháo cho Hồng quân công nông trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai”, đã phê chuẩn kế hoạch phát triển không quân trong những năm

1935 - 1937.

Nói về Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng hồi đầu những năm 30, tôi không thể không nêu lên hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan trung ương của Bộ. Đây là một cơ quan có uy tín rất lớn đã lãnh đạo các tổ chức Đảng chúng tôi một cách sáng tạo. Toàn thể các tổng cục của bộ và các ban thanh tra của Hồng quân đều công tác tích cực, sáng tạo, nội bộ hòa thuận như ruột thịt. Việc nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin, công tác giáo dục phổ thông và công tác văn hóa quần chúng được tiến hành rất tốt. Các cuộc họp Đảng rất sôi nổi và thấm nhuần tinh thần tự phê bình nghiêm túc.

Ban Thanh tra kị binh Hồng quân công nông hồi đó rất có uy tín trong các đơn vị kị binh, vì rằng ngoài các lần đi thanh tra, ban còn tổ chức các cuộc diễn tập cán bộ chỉ huy và cơ quan tham mưu rất bổ ích, các buổi huấn luyện dã chiến, các buổi tổng kết nghiên cứu những kinh nghiệm tiên tiến trong huấn luyện chiến đấu cho bộ đội.

Nói chung, hồi đó, các đơn vị kị binh của Hồng quân công nông đều đứng đầu về mặt huấn luyện quân sự và không phải là ngẫu nhiên mà những cán bộ ưu tú nhất trong đội ngũ cán bộ kị binh đã được điều động đến công tác trong các binh chủng mới xuất hiện, đặc biệt là binh chủng xe tăng và bộ đội cơ giới.

Theo trách nhiệm được phân công trong ban thanh tra, tôi đã

tham gia soạn thảo các điều lệnh và điều lệ của nhiều binh chủng và cơ quan phục vụ quân đội.

Tôi phải nói rằng, nội dung các điều lệnh trong Hồng quân công nông rất được coi trọng. Mỗi lần soạn thảo nó là một lần củng cố các thành tựu của khoa học quân sự. Các điều lệnh đều được xây dựng trên cơ sở một nền kỹ thuật hiện đại, đều tính đến những sự thay đổi trong tính chất các hoạt động quân sự. Loại điều lệnh đầu tiên tổng kết kinh nghiệm trong Thế chiến thứ nhất và nội chiến, cùng những sự cải tổ gắn liền với cuộc cải cách quân sự, đã được đưa ra áp dụng trong bộ đội vào những năm 1924 -

1925. Phần lớn đó là những điều lệnh tạm thời: điều lệnh nội vụ, cảnh vệ, kỷ luật và xạ kích, điều lệnh công tác trên tàu chiến, điều lệnh chiến đấu của kỵ binh, pháo binh, bộ đội thiết giáp của Hồng quân công nông.

Tinh thần xuyên suốt của các bản điều lệnh ấy được phản ánh đầy đủ nhất trong điều lệnh dã chiến tạm thời của Hồng quân công nông (năm 1929), phần II (sư đoàn, quân đoàn) là yêu cầu phải coi trận chiến đấu như là trận đánh binh chủng hợp thành mà thắng lợi của nó phải dựa vào sự hiệp đồng chiến đấu của tất cả các binh chủng. Điều lệnh cũng đã nói đến cách thức sử dụng xe tăng, tổ chức phòng, chống tăng, chống máy bay và chống hóa chất, cách thức sử dụng không quân, công binh.

Giờ đây đã thi hành một loạt điều lệnh và điều lệ mới thay thế và

bổ sung cho các điều lệnh của những năm 1924 - 1925. Đó là: điều lệ tạm thời về công tác nguy trang của Hồng quân công nông, điều lệnh chiến đấu của Hồng quân công nông, điều lệnh sử dụng điện thoại - điện tín, dùng thủy lôi và những điều lệnh và điều lệ khác, v.v...

Để không quay lại chủ đề này nữa, tôi nêu lên một nhận xét và nói chung, mọi người đều đánh giá cao bản điều lệnh đã chiến tạm thời năm 1936, trong đó đã đề cập đến và giải quyết đúng những vấn đề quan trọng nhất của việc chỉ huy một trận đánh hiện đại. Nói chung, ngay hồi giữa những năm 30, Hồng quân đã có được một nền lý luận quân sự tiên tiến và vững chắc, lý luận này được khẳng định trong hệ thống những bản điều lệnh và điều lệ có chất lượng cao.

Năm 1931, A.I. Ê-gô-rốp đến phụ trách Bộ Tham mưu Hồng quân công nông. Ban thanh tra kỵ binh, theo đặc điểm hoạt động của mình, ít có liên hệ với Bộ Tham mưu Hồng quân công nông, nhưng chúng tôi biết rất rõ ràng, đa số cán bộ đều hoan nghênh quyết định bổ nhiệm A.I. Ê-gô-rốp làm Tham mưu trưởng Hồng quân công nông.

Chúng tôi cho rằng, Phó Ủy viên nhân dân thứ nhất M.N. Tu-kha-chép-xki, Tham mưu trưởng Hồng quân công nông A.I. Ê-gô-rốp và nhà lý luận quân sự tài giỏi Tham mưu phó Hồng quân công nông V.K. Tơ-ri-an-đa-phi-lốp sẽ giúp đỡ đắc lực Ủy viên

nhân dân K.E Vô-rô-si-lốp.

Trong thời gian công tác tại Ban thanh tra kỵ binh, tôi may mắn được hiểu biết Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích Tu-kha-chép-xki hơn. Như đã nói, cá nhân tôi quen biết Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích ngay từ trong thời gian thanh toán cuộc nổi loạn của bọn phú nông ở An-tô-nốp năm 1921. Là một người có thân hình lực sĩ, đồng chí có một bề ngoài rất đáng yêu. Lúc đó chúng tôi đã nhận thấy rằng đồng chí không ở trong số những người nhát gan: với những phương tiện tự vệ rất ít ỏi, đồng chí đã đi khắp các khu vực có bọn thổ phỉ ẩn náu.

Bây giờ, trên cương vị là Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng thứ nhất, Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích Tu-kha-chép-xki đã tiến hành công tác một cách rất có tổ chức, sáng tạo và khoa học. Trong những lần tiếp xúc với đồng chí, tôi đều cảm phục nhận thấy đồng chí hiểu biết toàn diện các vấn đề khoa học quân sự. Là một quân nhân thông thạo nghề nghiệp, thông minh, học rộng, đồng chí giải đáp rất thấu đáo các vấn đề chiến thuật cũng như các vấn đề chiến lược. M.N. Tu-kha-chép-xki hiểu rõ vai trò các binh chủng của các lực lượng vũ trang chúng ta trong các cuộc chiến tranh hiện đại và rất sáng tạo khi đề cập tới bất kỳ vấn đề nào.

Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích đã xây dựng tất cả những kết luận có tính nguyên tắc của mình trong lĩnh vực chiến lược và chiến

thuật dựa vào sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật ở trong và ngoài nước ta, nhấn mạnh rằng tình hình đó sẽ có ảnh hưởng quyết định đến việc xây dựng các lực lượng vũ trang và đến các phương thức tiến hành cuộc chiến tranh tương lai.

Ngay trong những năm 30, M.N. Tu-kha-chép-xki đã báo trước kẻ thù số một của chúng ta là Đức, nước này đang ra sức chuẩn bị một cuộc chiến tranh lớn và chắc chắn là trước hết nhằm chống Liên Xô. Sau này, trong những tác phẩm đã được in ra của mình, đồng chí đã nhiều lần nhấn mạnh rằng, Đức đang chuẩn bị một lực lượng tấn công mạnh bao gồm những đơn vị không quân, quân đổ bộ và cơ động nhanh, mạnh, chủ yếu là những đơn vị cơ giới và xe tăng, xe bọc thép. Đồng chí chỉ rõ, tiềm lực công nghiệp chiến tranh của Đức đang tăng lên rõ rệt và Đức có khả năng sản xuất hàng loạt máy bay chiến đấu và xe tăng.

Mùa hè năm 1931, ở trại huấn luyện của quân đoàn kỵ binh 1, tôi đã soạn thảo các dự án điều lệnh chiến đấu của kỵ binh Hồng quân công nông (phần I và phần II) với sự tham gia của trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh Ni-cô-lai I-va-nô-vích Gu-xép và nhiều đồng chí khác trong sư đoàn kỵ binh 1. Mùa thu năm đó, sau khi đã được đem ra thảo luận tại ban thanh tra, các bản dự án điều lệnh này được báo cáo lên M.N. Tu-kha-chép-xki xét duyệt.

Cùng với đồng chí phó thanh tra tư lệnh quân đoàn I.Đ. Cô-xô-

góp tôi nhiều lần bảo vệ điều khoản này hay điều khoản khác trong bản điều lệnh dự thảo. Song, tôi phải thú nhận rằng chúng tôi thường bị cụt lý trước những ý kiến phản đối xác đáng và logic của M.N. Tu-kha-chép-xki và chúng tôi phải cảm ơn đồng chí vì đã đưa ra những luận điểm xuất sắc làm phong phú thêm các dự án điều lệnh của chúng tôi.

Sau khi được M.N. Tu-kha-chép-xki sửa chữa, các bản điều lệnh này đã được ban hành và các đơn vị kỵ binh đã có một tài liệu tốt để huấn luyện quân sự.

Tôi gặp Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích lần cuối cùng năm 1931 tại một cuộc họp những cá nhân tích cực của Đảng khi đồng chí đến báo cáo về tình hình quốc tế. M.N. Tu-kha-chép-xki, với một sức thuyết phục cao, đã báo cáo về sự hùng cường đang độ phát triển của nhà nước ta, về những triển vọng to lớn của nền kinh tế, khoa học, kỹ thuật xã hội chủ nghĩa của chúng ta và về sự hưng thịnh của nền văn hóa. Nói về vai trò của Đảng Bôn-sê-vích chúng ta trong sự nghiệp xây dựng nhà nước và quân đội kiểu mới, Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích đã nồng nhiệt nhắc nhở tới V.I. Lê-nin mà đồng chí đã được gặp nhiều lần và cùng công tác.

Trong cuộc họp này, Mi-kha-in Ni-cô-lai-ê-vích đã đưa ra những ý kiến trình bày trong tác phẩm chuyên khảo mà đồng chí đang viết lúc đó. Nội dung tác phẩm này là nghiên cứu những vấn đề mới về chiến tranh. Lúc ấy, tuy ít ham mê các vấn đề khoa học

quân sự nhưng chúng tôi đã say sưa lắng nghe đồng chí. Người ta cảm thấy rằng M.N. Tu-kha-chép-xki là nhà tư tưởng quân sự xuất chúng, một ngôi sao loại lớn nhất trong số những nhà quân sự xuất sắc của Tổ quốc ta.

Sau này, phát biểu ý kiến trong năm 1936 tại khóa họp thứ II của Ủy ban chấp hành Liên xô, M.N. Tu-kha-chép-xki lại lưu ý nguy cơ nghiêm trọng đang đe dọa từ phía nước Đức phát-xít. Đồng chí đã củng cố bài nói rõ ràng, đầy nhiệt tình yêu nước của mình bằng một sự phân tích sâu sắc và những số liệu về tình hình vũ trang và tham vọng xâm lược của Đức.

Ban thanh tra kỵ binh đã tiến hành nhiều công tác nhằm xem xét lại việc tổ chức các đơn vị và các binh đoàn kỵ binh, hệ thống trang bị và phương pháp tiến hành chiến đấu.

Các cuộc bàn cãi rất lâu trong nội bộ Ban Thanh tra và các cuộc thảo luận tỉ mỉ với tư lệnh các binh đoàn kỵ binh đã đi đến quyết định là mỗi sư đoàn phải có trong biên chế của mình 4 trung đoàn kỵ binh, một trung đoàn cơ giới và một trung đoàn pháo.

Các trung đoàn kỵ binh phải gồm 4 đại đội có vũ khí bạch binh (gươm, kiếm), một đại đội súng máy, một đại đội pháo trung đoàn, một trung đội cao xạ, một trung đội thông tin liên lạc độc lập, một trung đội công binh độc lập, một trung đội bộ đội hóa học độc lập và những cơ quan quản lý kinh tế thích ứng. Trung đoàn pháo cần có trong biên chế của mình một tiểu đoàn pháo

122 mm và một tiểu đoàn pháo 76 mm. Trung đoàn cơ giới phải được trang bị xe tăng BT-5.

Như vậy là kỵ binh của Hồng quân đã được vũ trang bằng những phương tiện kỹ thuật và hỏa lực khiến tính chất tổ chức và cách thức tiến hành chiến đấu của nó đã thay đổi rõ rệt. Lúc này, bằng phương tiện hỏa lực của bản thân và sức công kích của xe tăng, kỵ binh có thể mở đường tiến lên nhằm đánh tan kẻ địch trực diện với mình.

Những điều lệnh chiến đấu mới và hàng loạt chỉ lệnh do Ban thanh tra kỵ binh khởi thảo đều bắt nguồn từ những nguyên tắc cơ bản tiến hành một chiến dịch sâu rộng và một trận chiến đấu thọc sâu.

Xây dựng được lý luận chiến dịch tấn công sâu rộng là một thành tựu quan trọng của nghệ thuật quân sự chúng ta. Nói chung, chiến dịch có đặc điểm là xe tăng, máy bay, pháo và quân đồ bộ đường không được sử dụng ào ạt hàng loạt, vì đã trù tính đưa các tập đoàn quân hiện đại và đầy đủ trang bị kỹ thuật vào chiến đấu. Thực chất của chiến dịch sâu rộng là như sau: Nhiệm vụ đầu tiên là phải phá vỡ chính diện của đối phương bằng cách đồng thời đột kích trên toàn bộ chiều sâu chiến thuật của chính diện đó; nhiệm vụ thứ hai là tức thời đưa bộ đội cơ giới vào đánh phá, và hiệp đồng tác chiến với không quân, tấn công vào toàn bộ chiều sâu dải phòng ngự chiến dịch của địch cho đến khi đánh bại toàn

bộ cụm quân địch.

Trong vấn đề này đã trù tính rằng, nói chung, chiến tranh sẽ do những quân đội gồm hàng triệu người tiến hành trên những khoảng không gian rộng lớn, còn thắng lợi của chiến dịch đánh thọc sâu sở dĩ bảo đảm được là do việc dùng không quân và pháo binh tập kích tiêu diệt địch trên toàn bộ chiều sâu phòng ngự của chúng cộng với những hành động kiên quyết ở bên sườn và phía sau quân địch nhằm bao vây và tiêu diệt chúng.

Nền khoa học quân sự mà các cán bộ chỉ huy của Hồng quân luôn luôn dựa vào đã thay đổi cùng với sự xuất hiện của kỹ thuật mới, vũ khí mới và những khả năng mới của đất nước và đương nhiên, cùng với trình độ khả năng chiến đấu của kẻ địch sẽ gặp phải.

Trong khi vũ trang cho quân đội những phương tiện chiến đấu hiện đại, Ban Chấp hành trung ương Đảng đã giúp cho cơ quan lãnh đạo quân sự đào sâu suy nghĩ hơn nữa về những sự thay đổi trong lĩnh vực các ngành khoa học quân sự. Nhằm mục đích đó nhiều vấn đề lớn trong chiến lược quân sự, nghệ thuật chiến dịch và trong việc vũ trang lại cho quân đội và hạm đội về mặt kỹ thuật đã được mang ra thảo luận một cách có hệ thống tại Bộ Chính trị và Tổng Hội đồng quân sự. Các tư lệnh quân khu, hạm đội không quân, theo lệ thường, đã có mặt trong các cuộc họp này. Những kết luận và chỉ thị của Hội nghị đều được phổ biến

đến toàn thể cán bộ lãnh đạo của lục quân, hải quân và không quân.

Đối với chúng tôi, những người công tác tại Ban Thanh tra, việc vũ trang lại cho kỵ binh và việc làm cho các trung đoàn kỵ binh nắm vững tổ chức mới và các điều lệnh chiến đấu có một ý nghĩa đặc biệt, vì rằng lúc đó đa số các trung đoàn được bố trí trên những hướng chiến lược quan trọng nhất gần các biên giới quốc gia, tình hình đó đòi hỏi kỵ binh phải luôn luôn rất sẵn sàng chiến đấu.

Một hôm đồng chí phó thanh tra kỵ binh thứ nhất I.Đ. Cô-xô-gốp triệu tập tôi lên chỗ đồng chí và báo cho biết đề nghị bổ nhiệm tôi làm tư lệnh sư đoàn kỵ binh 4 đã được báo cáo lên K.E. Vô-rô-si-lốp xét định.

I.Đ. Cô-xô-gốp hỏi tôi có ý kiến gì đối với việc đề nghị bổ nhiệm này và công tác ở Quân khu Bê-lô-ru-xi có thích hợp với tôi không. Tôi trả lời rằng, tôi coi việc được cử làm nhiệm vụ chỉ huy một sư đoàn nổi tiếng như vậy là một vinh dự đặc biệt. Tôi hiểu rõ Quân khu Bê-lô-ru-xi vì đã công tác 10 năm trong quân khu này. Tôi quen biết đồng chí tư lệnh quân đoàn 6 Ê.I. Gô-ri-a-chép, đồng chí là một cán bộ kỵ binh rất có kinh nghiệm.

Đến đây cuộc nói chuyện với I.Đ. Cô-xô-gốp kết thúc. Lúc chia tay, đồng chí nói rằng X.M. Bu-đi-ôn-nui sẽ còn nói chuyện với tôi nữa.

Cuộc nói chuyện này đã diễn ra sau đó vài hôm, khi lệnh bỏ nhiệm tôi đã được đồng chí Ủy viên nhân dân ký rồi. Lúc chia tay, X M. Bu-đi-ôn-nui xúc động nói:

- Sư đoàn 4 đã luôn luôn là sư đoàn ưu tú nhất của kỵ binh và nó nhất định phải là ưu tú nhất!

Tôi lấy làm hài lòng mà nêu lên rằng, những mong muốn này của Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích đã thành hiện thực. Nhưng cho đến lúc sư đoàn lại vươn được lên hàng đầu thì toàn thể chúng tôi, đặc biệt là các cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị và các tổ chức Đảng, đã phải bỏ ra nhiều công sức.

Trong cuốn “Bước đường đã qua” của X.M. Bu-đi-ôn-nui, đã nói khá chi tiết về những thắng lợi rực rỡ của sư đoàn kỵ binh 4. Tôi chỉ muốn nói về một vài kỷ ức riêng có liên quan tới thời gian tôi chỉ huy sư đoàn vinh quang này.

Sư đoàn kỵ binh 4 mang tên K.E. Vô-rô-si-lốp là hạt nhân của tập đoàn quân kỵ binh 1 thần kỳ. Trong những trận đánh ác liệt thời nội chiến, sư đoàn đã thể hiện tinh thần dũng cảm tuyệt vời và chủ nghĩa anh hùng tập thể.

Cho đến năm 1931, sư đoàn thuộc biên chế Quân khu Lê-nin-grát và đóng quân ở những thành phố mà trước đây, dưới chính quyền Sa hoàng, các đơn vị kỵ binh bạch vệ đã đóng (Gát-chi-na, Pê-téc-gốp, Đét-xcô-i-ê Xê-lô). Cũng như trong những năm nội chiến, sư đoàn 4 vẫn là một trong những sư đoàn ưu tú của binh

chúng kỵ binh chúng ta. Đội ngũ cán bộ và chiến sĩ của sư đoàn 4 thận trọng gìn giữ các truyền thống chiến đấu vinh quang của sư đoàn, đã giáo dục có kết quả cho các chiến sĩ kỵ binh trẻ tinh thần trách nhiệm cao và nghĩa vụ quân nhân.

Năm 1932, sư đoàn được điều động cấp tốc sang Quân khu Bê-lô-ru-xi, đến thành phố Xlút-xcơ. Sau này tôi được biết sở dĩ chuyển quân như vậy là theo những dự kiến đặc biệt. Tuy vậy, lúc đó không hề có lý do gì cần phải vội vã điều động sư đoàn tới một căn cứ hoàn toàn không được chuẩn bị trước như vậy. Nhân mạnh điều này là quan trọng vì rằng, trong suốt một năm rưỡi, sư đoàn đã phải xây dựng lầy doanh trại, tàu ngựa, các nhà làm việc, nhà ở, kho tàng và toàn bộ cơ sở học tập. Kết quả là cái sư đoàn được huấn luyện rất khá này đã trở thành một đơn vị quân đội công tác tồi. Tình trạng thiếu vật liệu xây dựng, thời tiết mưa dầm và hoàn cảnh không thuận lợi khác đã không cho phép sư đoàn kịp thời chuẩn bị cho mùa đông và điều này đã tác động một cách cực kỳ nặng nề đến tình trạng chung và khả năng sẵn sàng chiến đấu của sư đoàn. Kỷ luật giảm sút, ngựa thường ốm đau luôn.

Bộ tư lệnh quân đoàn đã không thể giúp đỡ được gì cho sư đoàn vì các trung đoàn khác của quân đoàn Cô-dắc 6 cũng ở trong tình thế như vậy, cũng bị điều động vội vã đến quân khu và đến cùng một căn cứ đó.

Mùa xuân năm 1933, tư lệnh quân khu Bê-lô-ru-xi, tư lệnh tập đoàn quân hạng nhất I.P. U-bô-rê-vích, sau một thời gian ngắn đi thanh tra các đơn vị của quân đoàn, đã thấy rõ sư đoàn - lúc này đã đổi tên thành sư đoàn Cô-dắc 4 sông Đông - đang trong tình trạng cực kỳ sa sút. Cần phải vạch ra rằng, vào lúc cần thiết đồng chí tư lệnh tập đoàn quân đã không dành cho sư đoàn một sự giúp đỡ thích đáng trong các vấn đề xây dựng và không chú ý đến hoàn cảnh sinh hoạt của các trung đoàn. Bây giờ đồng chí lại vội vã khẳng định người có lỗi chủ yếu về tình trạng không hay của sư đoàn là tư lệnh sư đoàn G.P. Clét-xkin.

Đương nhiên, tư lệnh trong chế độ một thủ trưởng là người phải chịu trách nhiệm về sư đoàn. Nhưng một cấp trên theo chức trách của mình và với tư cách là người đồng chí cao cấp hơn bắt buộc phải có tinh thần khách quan. Do bản tính nóng nảy của mình, I.P. U-bô-rê-vích đã báo cáo lên đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng K.E. Vô-rô-si-lốp về tình hình sư đoàn 4 và yêu cầu cách chức ngay tư lệnh sư đoàn G.P. Clét-xkin. Đương nhiên trong sư đoàn có nhiều thiếu sót, nhưng I.P. U-bô-rê-vích dù sao đã tô đậm lên khi khẳng định rằng sư đoàn đã để mất dần toàn bộ những truyền thống tốt đẹp của mình và hiện đang không có khả năng chiến đấu.

Đối với K.E. Vô-rô-si-lốp, báo cáo của I.P. U-bô-rê-vích thật là điều cực kỳ không hay: sư đoàn mang tên đồng chí, đồng chí đã

gắn bó ruột thịt với sư đoàn này nhiều năm, đã nhiều phen chiến đấu trong hàng ngũ sư đoàn này. Sư đoàn đã đào tạo được hàng loạt cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị tài ba. Đối với đồng chí thanh tra kỵ binh X.M. Bu-đi-ôn-nui thì sư đoàn 4 cũng là đứa con thân yêu. Chính đồng chí đã tổ chức sư đoàn này và dìu dắt nó đi chiến đấu.

K.E. Vô-rô-si-lốp báo cho X.M. Bu-đi-ôn-nui biết về những điều mà I.P. U-bô-rê-vích đã báo cáo lên, và đề nghị tìm một sư đoàn trưởng mới cho sư đoàn.

Và thế là ngày lên đường đã đến. Tôi cùng vợ và con gái lại đáp xe hỏa về Bê-lô-ru-xi quen thuộc. Tôi biết và rất yêu mến đất nước và phong cảnh Bê-lô-ru-xi có nhiều rừng, hồ, sông kỳ thú; là người thích săn bắn và đi câu, tôi rất vui mừng lại được rơi vào những địa phương tươi đẹp này. Trong thời gian công tác ở Bê-lô-ru-xi, tôi đã nghiên cứu đặc điểm của địa phương từ biên giới phía bắc đến biên giới phía nam. Điều đó về sau có ích cho tôi biết chừng nào! Nhưng chủ yếu là trong Quân khu Bê-lô-ru-xi tôi có nhiều bạn, nhiều đồng chí, đặc biệt là trong các trung đoàn và binh đoàn kỵ binh.

Thật ra, tôi hiểu biết ít về sư đoàn 4. Tôi chỉ ở sư đoàn này có một lần trong năm 1931, và trong một thời gian rất ngắn. Tôi hầu như không hiểu những con người của sư đoàn, trừ đồng chí tư lệnh G.P. Clét-xkin, đồng chí tư lệnh phó phụ trách công tác

chính trị N.A. I-un-gơ, đồng chí tham mưu trưởng A.I. Véc-tô-grát-xki, đồng chí trung đoàn trưởng trung đoàn cơ giới V.V. Nô-vi-cốp và một số đồng chí cán bộ khác. Mà không hiểu biết con người, những mặt mạnh và yếu của họ, không hiểu biết những khả năng của các cán bộ phụ trách thì không thể lãnh đạo được các đơn vị, đặc biệt là không thể lãnh đạo được tập thể đông đảo các chiến sĩ.

Chúng tôi đến Xlút-xơ vào thời kỳ mưa xuân, đường khó đi. Ở ga, đường ngập bùn và cho đến khi về đến đơn vị, vợ tôi đã nhiều lần tuột giày trong bùn. Ngồi trên vai tôi, Ê-ra, con tôi hỏi:

- Tại sao ở đây lại không có vỉa hè như ở Xô-cô-ni-ki?

Tôi trả lời:

- Ở đây cũng sẽ có vỉa hè và quảng trường đẹp, nhưng sau này thôi...

Gia đình chúng tôi phải tạm thời sống chật chội trong một buồng 8 m² trong căn nhà của đồng chí chủ nhiệm hóa học sư đoàn V.M. Đơ-voóc-xốp. Đồng chí này mến khách đến mức là chuyển chính gia đình mình sang ở một buồng còn hẹp hơn nữa. Tất cả chúng tôi đều hiểu những khó khăn về nhà cửa và không ai đòi có chỗ ở tốt hơn, khi mà chỗ “tốt hơn” ấy chính chúng tôi chưa xây dựng được.

Nửa tiếng đồng hồ sau, tôi đã có mặt ở phòng tham mưu sư đoàn, phòng tham mưu cũng được bố trí ở ngay ngoài sân. Tư

lệnh sư đoàn G.P. Clét-xkin không có mặt tại phòng tham mưu: đồng chí cho biết là không được khỏe và không thể tiếp tôi được. Tất nhiên tôi hiểu tâm trạng đồng chí và không đòi được gặp ngay lập tức.

Chính ủy sư đoàn Ni-cô-lai An-béc-tô-vích I-un-gơ và tham mưu trưởng sư đoàn A-lếch-xăn-đơ I-va-nô-vích Véc-tô-grát-xki đã giới thiệu cặn kẽ với tôi về tình hình công việc trong sư đoàn.

Tôi cảm ơn các đồng chí đã biết trình bày toàn bộ tình hình một cách nhanh chóng và đầy đủ. Song, việc chủ yếu được đặt ra cho tôi là phải trực tiếp đi xuống các đơn vị, tự mình tìm hiểu tỉ mỉ tình hình, xác định những thiếu sót, tìm ra nguyên nhân những thiếu sót đó và cùng với các cán bộ chỉ huy chính trị vạch ra những phương sách khắc phục nó.

Cũng trong ngày hôm đó, tôi đã đến trung đoàn Cô-dắc Ma-nút-xki, trung đoàn đầu tàu, kỳ cựu nhất của sư đoàn, do Phê-đo Ya-cốp-lê-vích Cô-xten-cô, một trong những chiến sĩ Hồng quân đầu tiên, chỉ huy. Trước đây, tôi không quen biết đồng chí, nhưng đã được nghe nói nhiều về người cán bộ chỉ huy tận tụy này, một người rất say mê binh chủng kỵ binh, không hề vắng mặt trong các cuộc thi thể dục kỵ binh rất thịnh hành lúc bấy giờ trong binh chủng.

Khi chiến tranh giữ nước vĩ đại bắt đầu, Ph.Ya. Cô-xten-cô chỉ huy tập đoàn quân 26 chịu trách nhiệm bảo vệ biên giới quốc gia

của chúng ta ở U-crai-na. Dưới quyền chỉ huy của đồng chí, các trung đoàn và binh đoàn của tập đoàn quân này đã chiến đấu kiên cường đến mức là quân đội Đức phát-xít dù đã cam chịu nhiều tổn thất to lớn cũng không thể tiến sâu vào U-crai-na ngay trong những ngày đầu chiến tranh. Rất tiếc là Phê-đo Ya-cốp-lê-vích Cô-xten-cô không còn sống được đến ngày nay. Đồng chí đã hy sinh anh dũng trong một trận đánh ác liệt trên hướng Khác-cốp, khi làm phó tư lệnh Phương diện quân Tây-nam. Người con trai cả yêu quý của đồng chí, Pi-ôt cùng hy sinh với đồng chí trong trận đánh này. Pi-ôt rất đáng yêu. Mọi người còn nhớ rằng, ngay lúc còn là một chú bé, Pi-ôt đã nghiên cứu về quân sự, đặc biệt thích cưỡi ngựa và múa kiếm. Phê-đo Ya-cốp-lê-vích rất hài lòng về đứa con, hy vọng Pi-ôt sẽ trở thành một cán bộ, một kỵ sĩ xứng đáng, và đồng chí đã không lầm.

Sau trung đoàn Ma-nút-xki 19, tôi đã tìm hiểu căn cứ các trung đoàn Cô-dắc 20, 21 và 23, trung đoàn pháo kỵ binh 4, trung đoàn cơ giới 4 và sau đó là các đại đội độc lập của sư đoàn. Trung đoàn kỵ binh 20, đóng quân tại làng Cô-nhiu-khi cách thành phố Xlút-xcơ 20 km, đang ở trong tình trạng gay go nhất. Chỉ huy trung đoàn này là Vla-đi-mia Vích-tô-rô-vích Criu-cốp, sau này Criu-cốp trong chiến tranh giữ nước đã chỉ huy quân đoàn kỵ binh và nhiều lần được biểu dương trong các mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh tối cao. Trung đoàn đóng quân ở gần biên giới quốc

gia và coi như đơn vị tiền tiêu của sư đoàn.

Dù gặp nhiều hoàn cảnh khó khăn, toàn bộ cán bộ và chiến sĩ của trung đoàn vẫn giữ được tinh thần hồ hởi. Ngay cả các bà vợ sĩ quan, dù phải xa rời những căn nhà êm ấm ở Lê-nin-grát, cũng không tỏ ra buồn chán. Họ chỉ phàn nàn có một điều: không có chỗ cho con cái đi học, không có trường.

Trung đoàn Cô-dắc 21 do I-van Ni-cô-lai-ê-vích Mu-dư-chen-cô chỉ huy. Tôi biết đồng chí này từ khi ở lữ đoàn kỵ binh độc lập 14, tại đây trong thời gian nội chiến đồng chí làm phụ tá của chính ủy trung đoàn. Lúc chiến tranh giữ nước bắt đầu, đồng chí chỉ huy tập đoàn quân 6 ở U-crai-na, mà cơ quan tham mưu đóng ở Lvốp. Vì nhiều nguyên nhân I.N. Mu-dư-chen-cô gặp ngay chuyện bất hạnh trong hồi đầu chiến tranh. Trong khi buộc phải rút sâu vào nội địa U-crai-na, trước sức tấn công của những lực lượng địch đông, mạnh hơn mình nhiều, đồng chí đã bị thương nặng, bị bắt làm tù binh và trong suốt thời gian chiến tranh đã bị dày vò trong các trại tù binh ở Đức

Trung đoàn Cô-dắc 21 đã gây cho chúng tôi một ấn tượng tốt hơn đôi chút về tính tổ chức, tình hình các cơ quan và trật tự chung của nó. Cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị ở đây đã tỏ rõ là có khả năng tổ chức hơn.

Trung đoàn cơ giới 4 do Va-xi-li Va-xi-li-ê-vích Nô-vi-côp chỉ huy. Trong thời gian Chiến tranh giữ nước vĩ đại, V.V. Nô-vi-

cóp chỉ huy quân đoàn rồi tập đoàn quân cơ giới và nhiều lần được nêu tên trong các mệnh lệnh của Tổng tư lệnh tối cao. V.V. Nô-vi-cốp, cán bộ kỳ cựu của tập đoàn quân kỵ binh, trong một thời gian dài đã làm trưởng ban tác chiến của sư đoàn kỵ binh 4. Chính ủy trung đoàn là đảng viên Bôn-sê-vích xuất sắc Ác-tem Xéc-gây-ê-vích Din-chen-cô, chiến sĩ kỵ binh kỳ cựu đã từng chiến đấu dưới ngọn cờ của tập đoàn quân kỵ binh 1 ngay từ khi mới thành lập. Trong Chiến tranh giữ nước Ác-tem Xéc-gây-ê-vích đã làm chính ủy nhiều viện quân y lớn ở tiền phương. Nhiều cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị, hiện nay đang đảm nhiệm những chức vụ quan trọng trong Bộ Tổng tham mưu và các Tổng cục thuộc Bộ Quốc phòng và trong các quân chủng, đã được rèn luyện trong hàng ngũ trung đoàn cơ giới 4. Xưa kia là những thanh niên công nhân và nông dân, họ đã trở thành những chuyên gia quân sự giỏi, sĩ quan cao cấp và tướng lĩnh. Vì các đơn vị cơ giới, đặc biệt là các quân đoàn, đã giữ một vai trò xuất sắc trong những năm chiến tranh giữ nước vĩ đại và vì trong thời gian sát trước chiến tranh đã gặp những khó khăn đáng kể trong việc thành lập các quân đoàn cơ giới, nên tôi xin phép được nói vắn tắt về lịch sử xuất hiện các quân đoàn cơ giới, nhấn mạnh công đi đầu của tập đoàn quân chúng tôi trong vấn đề này.

Năm 1929, Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô (theo báo cáo

của V.K. Tơ-ri-an-đa-phi-lốp) thông qua một quyết định trong đó có nói: “Xét thấy binh chủng mới là các lực lượng thiết giáp còn chưa được nghiên cứu đầy đủ để sử dụng trong chiến thuật (độc lập tác chiến và phối hợp tác chiến với bộ binh và kỵ binh) và cũng chưa tìm ra được những hình thức tổ chức có lợi ích cho nó, cần phải tổ chức trong năm 1929 - 1930 một đơn vị cơ giới thường xuyên làm đơn vị thí điểm”.

Thực hiện quyết định này, ngay trong năm đó đã thành lập trung đoàn cơ giới thí điểm. Trung đoàn này, ngay trong năm 1929, đã tham gia vào các buổi huấn luyện của toàn quân ở Quân khu Bê-lô-ru-xi chúng tôi. K.E. Vô-rô-si-lốp, B.M. Sa-pô-sni-cốp và V.K. Tơ-ri-an-đa-phi-lốp đã lãnh đạo những cuộc học tập này. Năm 1930, trung đoàn đã mở rộng thành lữ đoàn cơ giới, lữ đoàn này liền được nghiên cứu sử dụng ngay trong các buổi diễn tập của quân khu. Năm 1932, trên cơ sở lữ đoàn này đã thành lập quân đoàn cơ giới đầu tiên trên thế giới, quân đoàn gồm có 2 lữ đoàn cơ giới, 1 lữ đoàn súng máy bộ binh và một tiểu đoàn pháo cao xạ độc lập. Trong quân đoàn có 500 xe tăng và 200 ô-tô. Đến đầu năm 1936, đã xây dựng được 4 quân đoàn cơ giới, 6 lữ đoàn cơ giới độc lập và chừng ấy trung đoàn xe tăng độc lập, 15 trung đoàn cơ giới của các sư đoàn kỵ binh, hơn 80 tiểu đoàn và đại đội xe tăng trong các sư đoàn bộ binh.

Việc xây dựng và thực tế kiểm nghiệm các binh đoàn cơ giới lần

đầu tiên của chúng ta đã là cơ sở tốt để phát triển hơn nữa lý luận về việc sử dụng rộng rãi binh chủng cơ giới.

Chúng tôi bắt đầu cuộc kiểm tra trung đoàn cơ giới 4 bằng một cuộc báo động chiến đấu. Tất nhiên các cấp chỉ huy không ngờ tới, vì trung đoàn vừa mới chuyển xong những đơn vị cuối cùng của mình từ Quân khu Lê-nin-grát sang. Buổi đầu làm quen với nhau, tôi đã phải nhấn mạnh với các cán bộ chỉ huy phân đội rằng, cái chủ yếu đối với trung đoàn cơ giới là biết nhanh chóng triển khai đơn vị, hiểu biết tường tận xe pháo, khí tài và nắm vững nghệ thuật bắn súng của xe tăng, xe bọc thép. Đương nhiên và đúng như đã dự kiến, cuộc báo động chiến đấu tiến hành trong một đêm mưa đã làm bộc lộ nhiều thiếu sót, đặc biệt trong việc lái xe trên địa hình không quen biết và trong môn xạ kích.

Trong khi nghiên cứu tình hình tại các trung đoàn, tôi cũng tìm hiểu cẩn thận về phòng tham mưu sư đoàn, các cán bộ chủ chốt và cán bộ chính trị.

Ở phòng tham mưu và phòng chính trị cũng có không ít khuyết điểm trong việc chỉ đạo các đơn vị trong sư đoàn. Nói riêng, việc kiểm tra quá trình huấn luyện quân sự chưa được tốt, không nghiêm khắc đối với việc thi hành mệnh lệnh. Đặc biệt chậm chạp là công tác nghiên cứu, tổng kết và phổ biến những kinh nghiệm tiên tiến về huấn luyện quân sự. Các đơn vị đều “đèn ai nấy rạng” và đã có những trường hợp là đơn vị này phải mất rất

nhieu công phu để “phát hiện ra” những phương pháp hoàn thiện hơn trong một mặt huấn luyện nào đó, trong khi đơn vị khác đã vận dụng những phương pháp ấy từ lâu rồi.

Như tôi đã nói ở trên, tham mưu trưởng sư đoàn là A-lếch-xăn-đơ I-va-nô-vích Véc-tô-grát-xki, một cựu sĩ quan quân đội Sa hoàng rất am hiểu về quân sự. Và chủ nhiệm phòng chính trị sư đoàn là N.A. I-un-gơ một cán bộ chính trị rất có khả năng. Ít lâu sau đồng chí này đã được đề bạt lên làm phó tư lệnh phụ trách công tác chính trị của quân đoàn kỵ binh 3 và đồng chí đã đi Min-xcơ.

Tổng kết và thảo luận về tình hình trên trong các đồng chí lãnh đạo của sư đoàn, chúng tôi đi đến quyết định là trước hết cần họp các cá nhân tích cực của Đảng và nói với các đảng viên cộng sản về tất cả các mặt tích cực và tiêu cực trong sinh hoạt của sư đoàn. Sau đó sẽ triệu tập một cuộc họp mở rộng của toàn thể cán bộ chủ chốt có mời các tư vụ trưởng đại đội[3] dự; các đồng chí tư vụ trưởng giữ vai trò đặc biệt lớn trong việc tổ chức toàn bộ công tác nội vụ.

Hội nghị các đồng chí tích cực của Đảng được tiến hành rất tốt. Phát biểu ý kiến tại cuộc họp này, nhiều đảng viên cộng sản đã nhấn mạnh rằng không thể tha thứ những thiếu sót hiện có, họ đã kiên quyết đấu tranh với những ai định lấy những nguyên nhân khách quan ra biện hộ cho tình trạng kỷ luật tồi và huấn luyện

yếu.

Sau hội nghị các đồng chí tích cực của Đảng, đã thấy rõ rằng, sở dĩ có sự sa sút toàn diện trong tình hình sư đoàn là vì công tác chính trị và công tác huấn luyện chiến đấu không được tiến hành đúng mức. Các buổi học tập hầu như bị hoàn toàn đình trệ, vì toàn bộ lực lượng đã bị chuyển sang làm công tác xây dựng. Do đó, cần phải nhanh chóng tổ chức việc huấn luyện quân sự theo kế hoạch, triển khai đầy đủ công tác Đảng và công tác chính trị, còn các công việc thuộc phạm vi xây dựng và sinh hoạt kinh tế thì giải quyết trong những ngày dành riêng theo kế hoạch. Ngoài ra chúng tôi cũng hy vọng bộ tư lệnh quân khu sẽ giúp đỡ nhiều hơn mức giúp đỡ từ trước đến nay.

Ý kiến của Hội nghị các đồng chí tích cực của Đảng và những đề nghị của bộ tư lệnh sư đoàn đã được toàn thể hội nghị cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị tiếp nhận và ủng hộ nhiệt liệt.

Trong lĩnh vực huấn luyện quân sự, chúng tôi trù tính tập trung cố gắng chủ yếu vào việc rèn luyện phương pháp huấn luyện cho cán bộ tất cả các cấp. Về mặt huấn luyện chiến thuật, chúng tôi trực tiếp điều khiển một loạt buổi huấn luyện mẫu. Những buổi tập mẫu về huấn luyện xạ kích được giao cho trung đoàn 21, về kỹ thuật dùng ngựa giao cho trung đoàn 19 và riêng cho Ph.Ya. Cô-xten-cô, người am hiểu thành thạo việc này. V.V. Criu-cốp đảm nhiệm các buổi tập về đội hình và thể dục thể thao. Trung

đoàn 23 được lệnh chuẩn bị và tiến hành những buổi bồi dưỡng về phương pháp đào tạo cán bộ sơ cấp, còn trung đoàn pháo kỵ binh và trung đoàn cơ giới 4 được giao phụ trách các buổi học tập về hiệp đồng của pháo và xe tăng, thiết giáp với kỵ binh trong những điều kiện chiến đấu tấn công.

Trước mắt phải giải quyết tốt nhiều vấn đề về tổ chức và phương pháp huấn luyện, vì rằng những kết quả tích cực chỉ có thể đạt được khi nào các buổi học tập được tiến hành ở một trình độ cao nhất và gây được hào hứng cho người học.

Chúng tôi đã tập trung những cố gắng chủ yếu trong huấn luyện chiến thuật vào việc huấn luyện cho từng cán bộ chỉ huy trung và cao cấp. Bằng kinh nghiệm và thực tế nhiều năm của mình, tôi tin tưởng rằng chỉ những cán bộ chỉ huy thành thạo về chiến thuật mới có thể đào luyện trong thời bình được một phân đội chiến đấu tốt, và trong thời chiến mới giành được thắng lợi với những tổn thất nhỏ nhất.

Tôi thấy cần nêu lên một lần nữa rằng, bản thân tôi thường rất ham thích việc huấn luyện chiến thuật, coi nó là lĩnh vực quan trọng nhất của toàn bộ công tác huấn luyện chiến đấu cho quân đội. Tôi đã nỗ lực nghiên cứu chiến thuật trong suốt 43 năm phục vụ quân đội từ khi là chiến sĩ cho đến lúc làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Trong phần lớn thời gian học tập, sư đoàn đều ở ngoài trời, có

chú ý tiến hành tỉ mỉ công tác tổ chức và thực hành chiến đấu trong các điều kiện phức tạp. Tất cả cán bộ đều thích những cuộc hành quân cấp tốc đến vị trí xuất phát tấn công, những phút gay go trong tình huống đã đặt ra. Chúng tôi kiên trì làm cho cán bộ quân sự và chính trị nắm vững nghệ thuật chỉ huy đơn vị một cách chính xác trong chiến đấu vì nếu không làm được như vậy thì không thể đánh tan được đối phương trong điều kiện các trận đánh hiện đại cơ động rất cao.

Hồi đó kỵ binh là binh chủng có sức cơ động ào ạt nhất của lực lượng. Nó được chỉ định làm nhiệm vụ nhanh chóng vu hồi, bao vây và tấn công vào các phía sườn và phía sau quân thù. Trong điều kiện đánh gặp địch, kỵ binh phải cấp tốc triển khai đội hình chiến đấu nhanh chóng nổ súng vào đối phương, dũng cảm đưa chủ lực vào khu vực xuất phát tấn công và không ngừng đuổi đánh kẻ thù khi chúng rút lui.

Việc tăng cường cho kỵ binh các phương tiện xe tăng, xe bọc thép, việc các trung đoàn pháo kỵ binh có lựu pháo đã cho phép nó không những bề gãy được sức đề kháng của đối phương mà còn giải quyết tốt nhiệm vụ chiến đấu tấn công và phòng ngự.

Đương nhiên, không phải việc nắm vững kỹ thuật mới, đặc biệt là sử dụng nó trong chiến đấu, lúc nào cũng đều trôi chảy. Cái trở ngại là trình độ kiến thức phổ thông của nhiều chiến sĩ và cán bộ chỉ huy còn tương đối thấp, dụng cụ, vũ khí thường khi có

chỗ hư hỏng, thiếu cán bộ kỹ thuật, mà mọi người thì không có trình độ kỹ thuật nên không hiểu làm thế nào để sửa chữa. Cần phải xây dựng lại các binh chủng cũ, xây dựng những binh đoàn của binh chủng mới, huấn luyện lại cán bộ bộ binh và kỵ binh thành cán bộ chỉ huy không quân và xe tăng, đồng thời phải duy trì khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội đề phòng trường hợp có xâm lược. Đi đôi với những việc đó vẫn phải chấn chỉnh quân đội về mặt tổ chức.

Mặt khác, kỹ thuật mới cũng có sức lôi cuốn quần chúng trong quân đội, đã hấp dẫn họ bằng những khả năng mới, đã kêu gọi lòng ham thích của họ. Những kiến thức kỹ thuật quân sự được tuyên truyền rộng rãi trên báo chí, qua đài và bằng phim ảnh.

Dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng các chiến sĩ Hồng quân và cán bộ chỉ huy say mê nghiên cứu trong rất nhiều nhóm kỹ thuật quân sự (trong quân khu chúng tôi năm 1932 gần 80% quân số theo học trong các nhóm ấy và tại các lớp huấn luyện, còn trong lục quân và hạm đội lúc đó có gần 5.000 nhóm kỹ thuật quân sự); họ nghe các bài giảng và báo cáo về các đề tài kỹ thuật quân sự, tham dự các buổi sát hạch và thi đua giành nhiều kiến thức tốt nhất về kỹ thuật và vũ khí.

Ở khắp các đơn vị đều có những bảng trưng bày và triển lãm tranh ảnh do thanh niên cộng sản tổ chức để phổ cập kiến thức kỹ thuật; nhiều cuộc hội nghị, mít tinh chớp nhoáng đã được tổ

chức để nói về nhiệm vụ bảo quản kỹ thuật; nhiều dạ hội giới thiệu sách kỹ thuật quân sự đã được tiến hành, những cuộc triển lãm và thao diễn kỹ thuật và cuộc vận động quần chúng dự thi giành danh hiệu xạ thủ ưu tú đã được tổ chức.

Được sự giúp đỡ của Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản và của nhiều Hội tình nguyện quốc phòng khác nhau, lớp thanh niên trong tuổi tòng quân đã tích cực tham gia học tập kỹ thuật mới. Chẳng hạn như trong những năm 1934 - 1935 đã có trên 1,5 triệu nam nữ thanh niên đạt tiêu chuẩn về trình độ hiểu biết máy nổ, 1 triệu nam nữ thanh niên đạt tiêu chuẩn về kỹ thuật phòng, chống máy bay và hóa chất của địch.

Nói tóm lại, lời kêu gọi của Đảng “nắm vững kỹ thuật” là nội dung chủ yếu trong các hoạt động của các tổ chức Đảng trong quân đội của công đoàn và tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản, của các cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị. Hơn nữa, chiến sĩ và cán bộ chỉ huy không những chỉ nắm vững được kỹ thuật mà còn tự mình cố gắng cải tiến kỹ thuật. Chỉ riêng trong quân khu chúng tôi, năm 1933 đã thu thập được trên 4.000 đề nghị cải tiến kỹ thuật. Dĩ nhiên là quá trình này đã được cổ vũ bằng mọi cách. Chúng tôi coi việc nắm vững nghệ thuật chỉ huy đơn vị trong các điều kiện chiến đấu gặp địch bất ngờ là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của công tác huấn luyện cán bộ và cơ quan tham mưu. Việc này đòi hỏi phải từ bỏ lối điều khiển quen thuộc bằng

những mệnh lệnh viết tay, điện thoại và bằng tất cả những gì có liên quan đến các đường dây điện thoại đặt sẵn. Cần phải kiên quyết chuyển sang lối điều khiển bằng vô tuyến điện, sang chế độ ra những mệnh lệnh tác chiến ngắn gọn “ngồi trên yên ngựa mà điều khiển” như các kỵ binh thích gọi hồi bấy giờ.

Trong việc huấn luyện chiến thuật cho tất cả các cấp cán bộ trong sư đoàn và các trung đoàn, chúng tôi đã cố gắng rèn luyện cho anh em biết giữ thật kín các hành động của bộ đội và của phân đội để bảo đảm công kích đối phương một cách bất ngờ. Cho đến bây giờ, tôi vẫn không quên một cuộc tập trận hai bên rất lý thú mà chúng tôi đã tiến hành trong năm 1933.

Trung đoàn Cô-dắc 21 được tăng cường, dưới quyền chỉ huy của I.N. Mu-dư-chen-cô, làm quân phòng ngự. Trung đoàn được điều đến trận địa hai ngày đêm trước bên tấn công là trung đoàn 20, và trong thời gian đó thực tế đã xây dựng được tuyến phòng ngự trên khắp chiều sâu chiến thuật. Trung đoàn kỵ binh 20 không hề biết tí gì về cuộc tập trận sắp tới và về việc trung đoàn kỵ binh 21 đang đóng ở đâu đó trên trận địa và đang tổ chức phòng ngự. Trung đoàn được lệnh báo động.

Trong khu vực tập kết đã có những lực lượng tăng cường đến phối thuộc với trung đoàn 20: một đại đội xe tăng và một tiểu đoàn lựu pháo kỵ binh. Cũng tại đây, cấp chỉ huy trung đoàn được biết rõ tình huống chiến thuật đòi hỏi phải xuất phát ngay

lập tức. Làm nhiệm vụ chi đội phái đi trước của sư đoàn, trung đoàn phải hành quân 46 km tới đánh chiếm một bàn đạp ở nơi trung đoàn kỵ binh 21 đang phòng ngự.

Đến xế chiều, các phân đội đi đầu của trung đoàn kỵ binh 20 đã tới sát đơn vị cạnh giới của trung đoàn kỵ binh 21. Trời đã tối, vì không kịp trình sát phòng ngự của “đối phương” lúc trời sáng, trung đoàn trưởng V.V. Criu-cốp quyết định ban đêm điều tra “đối

phương” rồi tấn công chúng vào lúc bình minh. Đương nhiên là không thể quyết định khác thế được.

Lịch sử chứng tỏ rằng, nói cho cùng, kết quả của một trận đánh tùy thuộc ở chỗ người chỉ huy và cơ quan tham mưu của anh ta chuẩn bị tấn công một cách có chủ định, có tổ chức và chăm chú như thế nào. Trong toàn bộ công tác phức tạp này, trinh sát có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Có nắm được cách bố trí, lực lượng và phương tiện chiến đấu của đối phương, cũng như có nắm vững được những đặc điểm của địa hình nơi đối phương chiếm đóng thì mới có thể xác định đúng đắn phương thức chúng hành động.

Xuất phát từ kinh nghiệm, tôi hiểu rằng tiến hành trinh sát chu đáo là quan trọng như thế nào. Việc này đặc biệt cần thiết khi thực hành tấn công tuyến phòng ngự của đối phương vào lúc bình minh vì rằng suốt đêm, trong màn tối, đối phương dễ có thể

thay đổi đội hình chiến đấu. Trinh sát như vậy lại càng cần thiết trong trường hợp phải đánh một kẻ thù có kinh nghiệm.

Đương nhiên là về mặt lý thuyết, trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh 20 V.V. Criu-cốp thừa hiểu điều đó, nhưng đồng chí đã biểu thị tính coi thường không được phép có và đã không trù tính rằng “đối phương” của mình cũng có nhiệm vụ chiến đấu là không để cho “đối phương” chọc thủng phòng tuyến của mình và phải đánh tan “đối phương” khi có điều kiện thuận lợi.

Quyết tâm của trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh 21 I.N. Mu-dư-chen-cô như sau:

1. Cho đến lúc tối trời, dùng hỏa lực ở tiền duyên, có pháo binh yểm trợ, đẩy lùi “đối phương” mưu toan chọc thủng tuyến phòng ngự và không để cho chúng lấn vào trận địa một.
2. Lợi dụng tiếng nổ âm ỉ của trận đánh, thực hiện đầy đủ biện pháp nghi binh, lúc tối đến, bắt đầu rút đội hình chiến đấu của trung đoàn về trận địa phòng ngự thứ hai đã định từ trước và đã được chuẩn bị một cách thích đáng.
3. Để cho “đối phương” không phán đoán được cuộc cơ động của mình, đứng trước bình minh, rút các đơn vị bố trí lại chiến hào một trên tuyến tiền duyên phòng ngự của trung đoàn về, chỉ để lại một lực lượng làm tiền tiêu để theo dõi “đối phương” mà thôi.

Lúc sẩm tối, trung đoàn trưởng trung đoàn 20 phái những tổ

trình sát tiền tiêu được tăng cường tới tiền duyên phòng ngự. Gặp hỏa lực địch, họ nằm lại trước hàng rào dây thép gai và bắt đầu tiến hành quan sát. Trong đêm, trung đoàn trưởng trung đoàn 20 được báo cáo đều đặn rằng “đối phương” vẫn ở chiến hào đầu tiên như cũ và thậm chí nó muốn bắt tù binh. V.V. Criu-cốp tin rằng “đối phương” của mình, đã chôn chân xuống đất, sẽ phòng ngự trên các vị trí mà họ đã chiếm giữ.

Lúc bình minh, sau khi pháo binh bắn chuẩn bị, chắc chắn là sẽ giành được thắng lợi, trung đoàn trưởng phát tín hiệu bắt đầu tấn công. Pháo binh tăng cường lưới lửa, cuộc tấn công quyết liệt bắt đầu. Xe tăng với một tốc độ lớn đã vượt qua chiến hào một, tiến nhanh đến chiến hào thứ hai. Chiến hào một đã bị chiếm! Nhưng thế này là thế nào? Tại sao xe tăng lại dừng lại?

- Báo cáo đồng chí tư lệnh sư đoàn, - trung đoàn trưởng trung đoàn 20 nói với người lãnh đạo cuộc tập trận, - cho phép tôi được tiến lên phía trước và tự mình xác định xem vì sao các đơn vị đang tiến công lại dừng lại.

- Được thôi, “mắt mình là kim cương”, hãy đi mà quan sát, hãy tìm hiểu tình hình.

Đến gần chiến hào thứ hai, V.V. Criu-cốp gặp đại đội trưởng đại đội 2 E.M. Bu-sơ.

- Có chuyện gì thế? Vì sao mà dừng lại?

- Báo cáo trung đoàn trưởng, chúng tôi đang hỏi ý kiến đại đội

trưởng đại đội xe tăng xem nên làm gì nữa.

- Làm gì nữa? Đánh tan “đối phương”!

- Đồng ý, nhưng ở đây không có chúng?!

- Sao lại không? Chúng biến đi đâu rồi? Suốt đêm, trinh sát đã báo cáo rằng “đối phương” đang phòng ngự cơ mà?

- Xin phép cho tôi được báo cáo! - Người đạo diễn, một cán bộ chỉ huy xe tăng, nói với trung đoàn trưởng. - Đây là mảnh giấy buộc lại trên một cái cọc trong chiến hào, có thể là nó cho biết cái gì chẳng?

Cầm lấy mảnh giấy, trung đoàn trưởng đọc to lên: “Xin chào các chàng bị thịt, hãy đi tìm chúng tôi như gió tìm trên đồng nội.

Chúng tôi khuyên lần sau phải cảnh giác hơn!”.

Tất nhiên là mọi người xung quanh đều ngơ ngác và lúng túng vì bị trung đoàn 21 đánh lừa đã bắn phí hết cả đạn vào một chỗ không người. Nhưng điều chủ yếu là: vậy thì “đối phương” đã rút đi đâu?

- Vla-di-mia Vích-tô-rô-vích ạ, chính I-van Ni-cô-lai-ê-vích đã thâm độc bày cho anh trò “nhào lộn - hài hước” này đó - người chỉ huy đạo diễn đi theo trung đoàn kỵ binh 20 Ph.Ya. Cô-xten-cô hóm hỉnh nhận xét.

- Có khi còn xấu hơn nữa ấy. - V.V. Criu-cốp trầm ngâm nói, lúc thì chăm chú nhìn vào bản đồ, lúc thì nhìn khắp khu vực trước mặt. Và dường như để xác nhận lời nói này, các đồng chí đạo

diễn đã cho gây ra những tiếng nổ báo hiệu rằng pháo binh trung đoàn 21 đang bắn vào đội hình chiến đấu đã dừng lại của trung đoàn 20.

Thật là hoàn toàn bị mắc cỡ!

Khi kiểm điểm buổi tập, các hành động của hai bên đều được xem xét rất tỉ mỉ và những sai lầm của trung đoàn kỵ binh 20 – tính tiêu cực không thể tha thứ được trong khi trình sát “đôi phương” - đã được đặc biệt đem ra phân tích. Còn các hành động của trung đoàn kỵ binh 21 thì được nêu lên làm mẫu mực cho việc huấn luyện động tác đánh lừa địch.

Cuộc tập trận này đã được những người tham dự ghi nhớ lâu dài và sau đây còn được làm lại dưới nhiều phương án khác nhau. Trong huấn luyện và giáo dục cho các đơn vị, việc trau dồi bản lĩnh xác định các mục tiêu và nhiệm vụ trong những điều kiện phức tạp đã được đặc biệt chú ý. Để làm việc đó, chúng tôi đã dùng biện pháp gì?

Thông thường, tôi giữ tuyệt mật ý đồ của cuộc tập trận. Trung đoàn tham gia huấn luyện nhận lệnh báo động và được báo cho biết khu vực tập kết. Ở khu vực này, cấp chỉ huy trung đoàn được phổ biến về tình huống chiến thuật và được giao mệnh lệnh chiến đấu đòi hỏi phải tiến hành một cuộc hành quân - cơ động qua những khu vực khó vượt, lầy lội hay rừng núi. Đường hành quân được chọn sao cho đơn vị phải làm nhiều việc để dọn và

đắp đường, lát những chỗ lầy lội và bắc cầu qua sông, qua suối bằng nguyên vật liệu có trong tay. Đã thế lại thường không được tăng cường công binh để rèn luyện cho chỉ huy các cấp biết cách tự lực vượt qua hoàn cảnh khó khăn bằng các phương tiện ở ngay tại chỗ.

Những cuộc tập luyện như vậy là rất mệt về thể lực. Đôi khi cán bộ chiến sĩ mệt nhoài ra vì thường mất ngủ và ăn uống thất thường trong vài ngày đêm liền. Nhưng chiến sĩ và sĩ quan hân hoan biết chừng nào khi đơn vị của họ hoàn thành được một nhiệm vụ khó khăn nhất, đạt được mục tiêu đã đề ra! Lần sau, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, họ sẽ không nghi ngờ gì về khả năng đạt được mục tiêu mà họ cần đạt. Cán bộ chỉ huy, các cơ quan tham mưu và toàn thể cán bộ và chiến sĩ sẽ có được thói quen thực tế là tích cực vượt qua bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào. Những buổi liên hoan thân mật do các cán bộ chính trị tổ chức sau các cuộc tập trận đã giúp rất nhiều cho việc giáo dục phẩm chất đạo đức trong chiến sĩ và sĩ quan. Những người tham gia “các trận đánh” cùng nhau trao đổi cảm tưởng, phê bình những thiếu sót, thân ái chế diễu những ai đã tiêu cực trước trở ngại hay do vô ý hoặc sơ suất của mình mà gây thêm khó khăn.

Nhờ những cố gắng của toàn thể cán bộ và chiến sĩ trong sư đoàn, trong năm 1935 công việc xây dựng đã hoàn thành: tất cả các trung đoàn đều đã có nơi ăn ở và cơ sở vật chất huấn luyện

tốt. Đội ngũ ngựa chiến của sư đoàn cũng được tăng cường và củng cố.

Đến khoảng thời gian này mọi mặt huấn luyện chính trị và quân sự đã đạt được những kết quả không đến nỗi tồi. Một số bộ đội và phân đội đã đạt được những tiêu chuẩn cao về kỷ luật, về công tác phục vụ và về trình độ tổ chức chung.

Năm 1935, ở sư đoàn chúng tôi đã có những sự kiện lớn rất đáng ghi nhớ. Một là, trong các buổi thao diễn kiểm tra, tất cả các trung đoàn thuộc sư đoàn đều đạt điểm cao, kể cả trong khoa mục khó khăn nhất trong huấn luyện kỵ binh là khoa mục huấn luyện xạ kích. Thứ hai là, do các thành tích trong huấn luyện, sư đoàn được tặng thưởng huân chương cao nhất của Chính phủ - Huân chương Lê-nin.

Nhiều sĩ quan, hạ sĩ quan và chiến sĩ cũng được tặng thưởng huân chương và huy chương. Cả tôi cũng được thưởng Huân chương Lê-nin. Tất cả những điều đó đã làm tôi cảm động sâu sắc. Đọc xong lệnh tặng thưởng huân chương, tôi đã suy nghĩ kỹ càng xem chúng tôi phải làm gì để nâng cao hơn nữa trình độ huấn luyện quân sự và tình hình chung của sư đoàn.

Đối với chúng tôi, những quân nhân, năm ấy còn đáng ghi nhớ vì Đảng đã có thêm một biện pháp nữa để nâng cao uy tín của các cán bộ chỉ huy - thực hiện chế độ phong quân hàm. V.K.Bliukhe, X.M. Bu-đi-ôn-nui, K.E. Vô-rô-si-lốp, A.I. Ê-gô-rốp, M.N.

Tu-kha-chép-xki đã trở thành những nguyên soái đầu tiên của Liên bang Xô-viết.

Việc Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích Bu-đi-ôn-nui đến sư đoàn là một sự kiện lớn. Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích đã kiểm tra tỉ mỉ công tác huấn luyện quân sự của sư đoàn, đặc biệt là tình hình huấn luyện ngựa chiến, xạ kích và chiến thuật. Tất cả các buổi diễn tập để kiểm tra đã diễn ra một cách xuất sắc và dường như một lần nữa xác nhận kết quả cao của công tác huấn luyện cán bộ và chiến sĩ. Để nhận Huân chương Lê-nin, sư đoàn đã tập trung theo đội hình kỵ binh tại một trong những bãi trống của thành phố. Toàn thể cán bộ và chiến sĩ đều phấn khởi, mỗi đơn vị đều tập hợp bên cạnh lá quân kỳ bay phấp phới mà cán bộ, chiến sĩ thuộc thế hệ trước đây đã giương cao trong các trận chiến đấu với bọn bạch vệ và Ba Lan trắng.

Trong sự yên lặng trang nghiêm, sau cuộc diễu binh danh dự và sau khi nhận báo cáo, X.M. Bu-đi-ôn-nui bước lên lễ đài. Theo hiệu lệnh của đồng chí, cùng với đội bảo vệ cò, tôi tiến lại gần lễ đài, tay cầm quân kỳ của sư đoàn. X.M. Bu-đi-ôn-nui gắn Huân chương Lê-nin vào quân kỳ và chúng tôi cầm cờ phi nước kiệu đã chiến trước hàng quân.

Hàng ngàn tiếng “hoan hô” và hàng loạt súng đại bác hùng dũng bắn chào đã nói lên lòng biết ơn chân thành nhất của toàn thể cán bộ và chiến sĩ của sư đoàn đối với Đảng và Chính phủ đã lấy

phần thưởng cao quý để biểu dương những cố gắng của chiến sĩ, hạ sĩ quan và sĩ quan trong diễn tập và huấn luyện chiến đấu thời bình

Sau khi đi duyệt đội hình xong, Xê-mi-ôn Bu-đi-ôn-nuri đã phát biểu đôi lời với sư đoàn. Đồng chí đã rất xúc động. Mà không xúc động sao được! Chính cái sư đoàn do đồng chí gây dựng đã được nhận phần thưởng cao quý nhất. Cần phải nói rằng các chiến sĩ kỵ binh, đặc biệt là những ai đã cùng đồng chí trải qua bước đường khó khăn của thời nội chiến, rất quý trọng X.M. Bu-đi-ôn-nuri.

Sau những lời nói tốt đẹp và nồng nhiệt của X.M. Bu-đi-ôn-nuri, tôi lên phát biểu ý kiến và thay mặt toàn thể quân nhân của sư đoàn, tôi yêu cầu Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích báo cáo lại với Ban Chấp hành trung ương Đảng và Chính phủ rằng, sư đoàn 4 sẽ trân trọng giữ vững và phát triển thêm truyền thống chiến đấu, luôn luôn sẵn sàng hoàn thành bất kỳ mệnh lệnh nào của Tổ quốc.

Kết thúc buổi lễ là cuộc diễu hành trọng thể của các đơn vị.

Duyệt binh xong, tư lệnh sư đoàn mở tiệc chiêu đãi, trong buổi chiêu đãi, Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích và các chiến sĩ Hồng quân cũ đã kể lại các chuyện thời nội chiến, các cuộc hành quân chiến đấu và nhắc tới các anh hùng không còn sống cho đến ngày nay. Và lần này người kể chuyện hay nhất là thành viên kỳ cựu của sư

đoàn, Va-xi-li Va-xi-hê-vích Nô-vi-cốp, trung đoàn trưởng trung đoàn cơ giới 4. Trí nhớ lạ lùng đã giúp cho đồng chí giữ được cả những chi tiết nhỏ nhất của đời sống chiến đấu.

Trong những năm sau, khi tôi còn chỉ huy sư đoàn, Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích đã đến thăm sư đoàn 3 lần nữa và lần đến thăm nào cũng đều làm cho cán bộ và chiến sĩ vô cùng thích thú. Cần nói rằng X.M. Bu-đi-ôn-nui biết chuyện trò với chiến sĩ và cán bộ. Đương nhiên là đồng chí không điều khiển các buổi học, các buổi tập trận hay các buổi diễn tập tham mưu của cán bộ và chiến sĩ. Nhưng không ai vì thế mà trách đồng chí cả.

Đồng chí tư lệnh Quân khu Bê-lô-ru-xi I.P. U-bô-rê-vích cũng đã đến thăm sư đoàn vài lần. Đồng chí là một chỉ huy quân sự Xô-viết chân chính, hoàn toàn nắm vững nghệ thuật chiến dịch - chiến thuật. Đồng chí đến các đơn vị lúc người ta ít chờ đợi nhất. Mỗi lần đồng chí đến thường mở đầu bằng lệnh báo động các trung đoàn và đều kết thúc bằng các buổi học chiến thuật hoặc bằng một buổi học tập chỉ huy.

Lần đầu tiên I.P. U-bô-rê-vích đến sư đoàn là trong năm 1934. Sau khi đã chào hỏi tôi xong, đồng chí nói rằng đồng chí đến để kiểm tra xem sư đoàn học tập ra sao. Tôi trả lời rằng tôi rất mừng, mặc dù, thành thật mà nói, tôi đang hồi hộp.

- Bây giờ cho đồng chí 4 tiếng đồng hồ, - I.P. U-bô-rê-vích nói. -
Hãy cho trung đoàn kỵ binh 21 ra dã ngoại và trình bày xem sư

đoàn đã đạt được kết quả gì. Khoa mục do đồng chí tùy ý lựa chọn. Tôi sẽ chờ người cán bộ giúp việc đồng chí tại phòng tham mưu sư đoàn bộ binh 4.

- Thời gian như vậy là ít, không đủ để tổ chức một cuộc tập chiến thuật, - tôi thử hỏi vặn lại - Thậm chí chúng tôi không kịp hướng dẫn cho các đạo diễn và chỉ định đơn vị làm “đối phương”.

- Đúng, thời gian không nhiều, - I.P. U-bô-rê-vích tán thành, - nhưng trong chiến đấu vẫn có thể xảy ra như thế.

Tôi hiểu rằng có phản đối nữa cũng là vô ích và cần phải hành động.

Sau khi dùng điện thoại chuyển đạt cho trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh 21 I.N. Mu-dư-chen-cô khẩu lệnh tập báo động và vị trí xuất phát, tôi dựa vào bản đồ đọc một mệnh lệnh chiến thuật ngắn. Trong khi mệnh lệnh đang được đánh máy, tham mưu trưởng sư đoàn và một trợ lý tham mưu đã nhanh chóng chuẩn bị các bản đồ nhiệm vụ và đích thân mang tới trung đoàn 21 để thông báo cho các cán bộ chỉ huy. Đúng thời gian quy định, tất cả đều đã sẵn sàng.

Đúng 4 tiếng đồng hồ sau, I.P. U-bô-rê-vích cùng với người cán bộ giúp việc của tôi phải đến đã đến thao trường tới vị trí xuất phát.

Chào hỏi trung đoàn trưởng trung đoàn 21 xong, đồng chí ra lệnh

báo cáo tình huống và quyết tâm.

I N. Mu-dur-chen-cô đã báo cáo được quyết tâm của mình với

I.P. U-bô-rê-vích. Nhìn thấy tư lệnh mỉm cười, tôi hiểu rằng bước đầu của buổi tập đã làm đồng chí ưng ý.

- Chúng ta cùng đi ngựa theo dõi trung đoàn hành động, - đồng chí cười, nói.

Cuộc tập trận diễn ra trong 5 tiếng đồng hồ. Trong thời gian đó, đồng chí tư lệnh đã kịp đi kiểm tra tất cả các tiểu đoàn của trung đoàn đang hoạt động với tư cách làm “đội tiền tiêu của sư đoàn”. Đồng chí đã cưỡi ngựa vượt trên 80 km và khi rõ ràng là đã mệt, đồng chí hạ lệnh ngừng tập.

Sau khi nhận xét buổi tập xong, I.P. U-bô-rê-vích cảm ơn mọi người dự tập và sau đó, lúc chia tay với các đồng chí lãnh đạo sư đoàn, đã nói:

- Hãy huấn luyện các trung đoàn theo kiểu hiện đại. Chúc các đồng chí thành công. Tôi không thể nán ná được, tôi vội đến biên giới quốc gia, nhưng tôi sẽ trở lại sư đoàn trước khi tập dã ngoại. Mọi người đều hài lòng vì các kết quả của buổi tập và thành thật mà nói, cả vì I.P. U-bô-rê-vích không có thời gian để lưu lại sư đoàn lâu hơn nữa.

Tôi đã tham dự nhiều cuộc tập trận của quân khu. Nhưng thu nhận được những kinh nghiệm đặc biệt quý giá về mặt chiến dịch - chiến thuật là khi tôi tham dự các cuộc tập trận lớn của

quân khu. Cần phải đánh giá đúng sự cống hiến của I.P. U-bô-rê-vích, của tham mưu trưởng quân khu B.I. Bô-brốp, trưởng ban huấn quân khu N.A. Su-mô-vích và của toàn thể các cơ quan quân khu bộ, các đồng chí đã biết tổ chức những buổi tập dã ngoại rất có ích, biết thành thạo phân định hành động của các bên diễn tập và nhận xét kết quả của buổi tập.

Đặc biệt in sâu vào trí nhớ tôi là cuộc tập trận năm 1936, và nói riêng cuộc vượt sông Bê-rê-đi-na. Chính trên con sông này, năm 1812, Na-pô-lê-ông đã chôn nốt tàn quân của mình trong lúc rút khỏi nước Nga.

Chúng tôi được tin đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng K.E. Vô-rô-si-lốp và nhiều cán bộ quân sự khác cũng đến tham dự cuộc tập trận. Đương nhiên là trung đoàn nào, binh đoàn nào cũng mong chờ K.E. Vô-rô-si-lốp đến thăm đơn vị mình. Còn chúng tôi, những cán bộ của sư đoàn Cô-dắc sông Đông mang tên của đồng chí, chúng tôi cho rằng lẽ tự nhiên là đồng chí Ủy viên nhân dân sẽ đến thăm sư đoàn mình. Nhưng lúc nào? Chúng tôi mong muốn rằng đồng chí sẽ đến trong một ngày đẹp trời, khi toàn thể chúng tôi có vẻ vui hơn, đẹp đẽ hơn. Tiếc thay, như thường xảy ra vào mùa thu, trời cứ mưa sục sùi, dai dẳng.

Sau khi đã tập trung các trung đoàn của sư đoàn ở vùng vượt sông và đã giấu quân chu đáo trong những khu rừng cách sông 4 - 5 km, chúng tôi triệu tập các đồng chí chỉ huy đến sở chỉ huy

để trực tiếp chỉ thị về nhiệm vụ hợp đồng chiến thuật với các đơn vị bên cạnh sau khi vượt sông. Chúng tôi chưa kịp mở bản đồ thì một đoàn ô-tô đã chạy gần tới sở chỉ huy. K.E. Vô-rô-si-lốp, A.I. Ê-gô-rốp và I.P. U-bô-rê-vích từ chiếc xe đầu tiên bước xuống. Tôi trình diện với đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng và báo cáo ngắn gọn về việc sư đoàn 4 đang chuẩn bị vượt sông và các trung đoàn trường đang có mặt tại đây để nhận những chỉ thị cuối cùng.

- Được, - đồng chí Ủy viên nhân dân nói, - chúng tôi sẽ nghe những chỉ thị của đồng chí.

K.E. Vô-rô-si-lốp chú ý rất tỉ mỉ đến kỹ thuật cho xe tăng chạy qua quãng sông sâu quá chiều cao của xe tăng BT-5 để vượt sông. Sau khi đồng chí trung đoàn trưởng trung đoàn cơ giới đã báo cáo tỉ mỉ, đồng chí Ủy viên nhân dân nói với các trung đoàn trưởng và chính ủy trung đoàn mà đồng chí quen biết từ thời ở tập đoàn quân kỵ binh:

- Kỵ binh của chúng ta đã thay đổi biết bao? - Đồng chí nói, - trong thời gian nội chiến, chúng tôi cùng với Bu-đi-ôn-nui chỉ có vài chiếc xe bọc thép cỡ nhỏ cho toàn tập đoàn quân kỵ binh, nhưng giờ đây mỗi sư đoàn kỵ binh đều có cả một trung đoàn xe tăng tuyệt diệu có khả năng lội qua những quãng sông, chương ngại phức tạp. Này anh bạn cố tri ơi, anh nghĩ thế nào về xe tăng, - đồng chí Ủy viên nhân dân nói với Phê-đo Ya-cốp-lê-vích Cô-

xten-cô - chúng có làm cho chúng ta lúng túng không? Có thể là ngựa lại đáng tin cậy hơn đây.

- Không phải thế, Kli-men Ê-phrê-mô-vích ạ - Ph.Ya. Cô-xten-cô trả lời - chúng ta không quên ngựa, gươm kiếm và giáo mác. Thiết nghĩ rằng chôn vùi kỵ binh lúc này là quá sớm, kỵ binh còn phục vụ được cho Tổ quốc. Nhưng chúng ta phải thực sự quan tâm đến xe tăng, đó là một binh chủng cơ động mới.

- Thế còn đồng chí chính ủy nghĩ thế nào? - đồng chí Ủy viên nhân dân hỏi A.X. Din-chen-cô mà đồng chí cũng quen biết từ hồi ở tập đoàn quân kỵ binh I.

- Tôi nghĩ rằng Phê-đo Ya-cốp-lê-vích đã báo cáo đúng với đồng chí, - A.X. Din-chen-cô trả lời và nói thêm, - tôi sẽ là một chính ủy tồi hay nói cho đúng hơn, một chính ủy vô tích sự của trung đoàn cơ giới nếu tôi hoài nghi về tương lai rộng lớn của kỹ thuật xe tăng, xe bọc thép. Theo tôi, thì cần phải mạnh dạn hơn nữa trong việc phát triển bộ đội cơ giới, đặc biệt là các binh đoàn xe tăng mà chúng ta hiện đang có ít.

- A-lếch-xăn-đrơ I-lích, - K.E. Vô-rô-si-lốp nói với đồng chí Tổng tham mưu trưởng, - chúng ta không quấy rầy bộ tư lệnh sư đoàn nữa. Tôi xin chúc toàn thể các đồng chí thành công, chúng ta sẽ còn gặp nhau và sẽ nói chuyện với nhau nữa.

Chúng tôi hiểu rằng, đồng chí Ủy viên nhân dân sẽ đích thân theo dõi cuộc vượt sông, vì cả đoàn xe đã chuyển bánh về khu

vực hoạt động sắp tới của sư đoàn chúng tôi. Sau khi pháo binh đã bắn chuẩn bị trong 30 phút, các đơn vị xung kích của các trung đoàn thuộc sư đoàn đã dàn hàng ngang tiến gần đến con sông. Một biên đội máy bay bay thấp dọc sông thả hỏa mù để che mắt “đội phương” không cho chúng thấy hoạt động của thế đội đổ bộ đầu tiên. Khi khói mù bắt đầu tan, các tiểu đoàn xung kích đã bám chắc được bờ sông bên kia. Đó đây vẳng lên tiếng hô “hu-ra”, tiếng súng máy và tiếng đại bác nổ giòn và khi khói mù đã tan hẳn, người ta thấy rõ 15 xe tăng của trung đoàn cơ giới đã rú máy ầm ầm nhô lên phía bờ của “đội phương”, rồi vừa chạy vừa bắn, nhanh chóng tiến gần tới các phân đội đang tấn công trên bàn đạp vừa chiếm được. Chẳng bao lâu sau, toàn bộ sư đoàn đã ở phía bờ bên kia và tiếp tục tiến quân thắng lợi sau khi đã quật đổ “đội phương”.

Trong buổi phân tích cuộc tập trận, đồng chí Ủy viên nhân dân đã đánh giá cao sư đoàn chúng tôi, khen ngợi sư đoàn đã tổ chức vượt sông tốt và khen ngợi tinh thần sáng tạo của các chiến sĩ xe tăng đã chạy vượt qua được một con sông sâu như sông Bê-rê-di-na.

Tại các cuộc họp trung đoàn, chúng tôi đã kể lại cho chiến sĩ, hạ sĩ quan và cán bộ chỉ huy biết những nhận xét đó. Sau khi họp xong, họ còn tiếp tục cùng nhau trao đổi cảm tưởng về cuộc tập trận vừa qua chứ không chịu chia tay nhau về doanh trại ngay.

Sáng hôm sau có cuộc duyệt binh lớn. Trời tuyệt đẹp, mặt trời dường như đặc biệt sưởi ấm trái tim chúng tôi. Các đơn vị tham gia tập trận của quân khu, sau khi đã chinh đồn hàng ngũ, đang chờ lệnh “Ng nghiêm” để đón tiếp đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng. Tôi thấy hình như các cán bộ chỉ huy các đơn vị thuộc sư đoàn kỵ binh 4 hồi hộp hơn ai hết. Nhưng không, bộ mặt của các chiến sĩ của các cán bộ chỉ huy đều phải bình thản, vững tin là mọi chuyện sẽ tốt đẹp cả. Những ý nghĩ này đã bị cắt ngang bởi khẩu lệnh “Ng nghiêm! “, “Bên phải, quay!”. Đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng đang tiến gần tới hàng quân.

Đồng chí tư lệnh quân khu I.P. U-bô-rê-vích báo cáo ngắn gọn và đồng chí Ủy viên nhân dân đi về phía các đơn vị. Việc thăm hỏi các đơn vị bộ binh đã kết thúc. Dàn nhạc sư đoàn dạo bài nhạc đón tiếp. Đồng chí Ủy viên nhân dân cười ngửa ô phi nước đại đã chiến đến sư đoàn chúng tôi. Thoạt tiên K.E. Vô-rô-si-lốp dừng lại bên trung đoàn kỵ binh Ma-nút-xki 19 mà đồng chí đã cùng với nó nhiều lần có mặt đi tiến công các trung đoàn bạch vệ và Ba Lan trắng.

- Chào mừng các đồng chí! - K.E. Vô-rô-si-lốp nói, giọng nồng nhiệt đặc biệt, mắt đưa nhìn khắp hàng quân.

Thăm sư đoàn 4 xong, đồng chí Ủy viên nhân dân cũng phi nước đại đã chiến tới thăm sư đoàn Cô-dắc Chôn-gác-xcai-a 4. Sư đoàn này cũng không kém phần nổi tiếng trong những năm nội

chiến. Cùng với sư đoàn chúng tôi, nó đã chiến đấu giỏi dưới ngọn cờ của tập đoàn quân kỵ binh 1.

Sau đó, K.E. Vô-rô-si-lốp lên lễ đài, đọc diễn văn, trong đó đồng chí nói tóm tắt về đường lối và các biện pháp của Đảng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, về tình hình quốc tế, về sự cần thiết củng cố lực lượng quốc phòng của nước ta và hoan nghênh các binh chủng đã hoàn thành thắng lợi cuộc tập trận mùa thu. Tiếp đó bộ binh diễu hành, rập bước theo tiếng quân nhạc hùng tráng. Sau bộ binh là kỵ binh.

Thông thường, khi diễu binh, kỵ binh đi nước kiệu nhưng lần này chúng tôi đã vận động được đồng chí tư lệnh cho phép phi nước đại trường đua. Nhưng chẳng hiểu sao mà khi diễu qua lễ đài nước đại trường đua lại trở thành nước đại dã chiến, và khi đoàn xe có lắp súng máy tiến tới gần thì nước đại thường lại tăng lên thành nước đại nhanh. Tư lệnh quân đoàn X.K. Ti-mô-en-cô bắt đầu hồi hộp, đưa mắt nhìn về phía tôi, nhưng tôi cũng chẳng có thể làm gì được. Đoàn xe chạy vun vút như các mũi tên vừa bật ra khỏi nỏ. Chúng tôi chỉ ngại có một điều: nhớ một chiếc xe nào đó long mất bánh, như đôi khi đã xảy ra trong các cuộc diễu binh, thậm chí trong các cuộc diễu binh ở Mát-xcơ-va thì thật là không may. Tôi nhìn lên đồng chí Ủy viên nhân dân và tôi yên lòng. Đồng chí Ủy viên nhân dân đang mỉm cười và vẫy tay chào mừng các chiến sĩ súng máy hiên ngang của sư đoàn.

Trong những năm sau, sư đoàn Cô-dắc sông Đông 4 vẫn dự đều các cuộc tập ngoài trời của quân khu. Sư đoàn đã lên đường đi tập là đều được chuẩn bị tốt và không lần nào sư đoàn không được bộ tư lệnh cấp trên hoan nghênh.

Tôi nhớ lại một trong những buổi tập trước khi đi tập ngoài trời. Buổi tập này diễn ra ở vùng thành phố Xlút-xơ dưới sự lãnh đạo của tư lệnh I.P. U-bô-rê-vích và của tư lệnh phó quân khu X.K. Ti-mô-sen-cô. Khoa mục tập là “Một trận đánh gấp địch của sư đoàn bộ binh với sư đoàn kỵ binh”.

Hồi đó sư đoàn bộ binh đã được trang bị tốt rồi. Nếu mười năm về trước một sư đoàn bộ binh với 12.000 người trong biên chế chỉ có 54 đại bác, 189 đại liên và 81 trung liên, còn hoàn toàn không có xe tăng và pháo cao xạ thì một sư đoàn bộ binh năm 1935 với một quân số gần như vậy đã có 67 xe tăng, hàng trăm đại bác, 180 đại liên, trên 350 trung liên và 18 súng máy cao xạ. Buổi tập bắt đầu trong một buổi sáng sớm tháng 9. Trời đẹp. Khí trời mát mẻ của mùa thu làm cho các chiến sĩ thêm sảng khoái, mọi người đều phấn khởi. Cán bộ và chiến sĩ đã được phổ biến về nhiệm vụ chiến thuật từ chiều hôm trước và trong đêm, các đơn vị thuộc sư đoàn đã chuẩn bị sẵn sàng cho buổi tập. Trong giai đoạn đầu, phải đánh chiếm và vượt qua một khe núi hẹp. Cuộc tập trận này có một ý nghĩa quan trọng, đặc biệt là đối với các đơn vị đi đầu, vì rằng bên kia vùng lầy lội là tuyến điểm cao

quan trọng về mặt chiến thuật, từ các điểm cao này có thể quan sát rõ địa hình cả vùng. Chính vùng này bảo đảm có thể phân tán cả sư đoàn ra trên một chính diện rộng, đó là một điều luôn luôn cần có trong điều kiện chiến đấu gặp địch. Chúng tôi quyết định giao nhiệm vụ làm chi đội phái đi trước của sư đoàn kỵ binh cho một bộ phận lực lượng gồm có xe tăng hạng nhẹ, xe bọc thép, bộ binh cơ giới và pháo của trung đoàn cơ giới 4. Dựa vào sức cơ động của mình, đội này phải nhanh chóng chiếm và vượt qua khe núi rồi tiếp tục tiến đến các tuyến quan trọng nhất. Ngoài ra, chúng tôi còn phải nhanh chóng tiếp xúc với “đôi phương” nữa. Ở hai biên, cách không xa đường tiến quân, trên những địa hình kín đáo, chúng tôi cho các đội trinh sát kỵ binh nhỏ, lẻ hành quân. Ngay sau khi nhận được tín hiệu vô tuyến của đội tiên tiêu báo rằng các phân đội đi đầu đã vượt qua khe núi và đang tiến đến tuyến thứ nhất, chúng tôi liền phát tín hiệu vô tuyến ra lệnh cho chủ lực sư đoàn lập tức bắt đầu hành tiến từng thê đội một qua khe núi, nhằm tiến đến các khu vực xuất phát để đánh chiếm phòng tuyến cơ bản.

Hai tiếng đồng hồ sau, toàn bộ chủ lực của sư đoàn đã vượt qua được quãng đồng lầy và tiến vào hướng hành quân của mình.

Lúc đó phòng tham mưu và bộ tư lệnh sư đoàn đang ở giữa các lực lượng chủ yếu. Các báo cáo của đội tiên quân chi đội phái đi trước và của các cơ quan trinh sát của nó cho biết rằng, trên

hướng cơ bản có một đoàn quân gồm hai trung đoàn cùng pháo binh đang tiến về phía sư đoàn chúng tôi. Ngoài ra có một đoàn quân độc lập nữa gồm một trung đoàn có pháo binh tăng cường cũng đang tiến theo hướng đoàn quân nói trên. Trinh sát của “đội phương” đi trước đội tiền quân độ 6 - 8 km. Nhưng thấy không có máy bay trinh sát của họ hoạt động, chúng tôi tin là “đội phương” vẫn chưa phát hiện thấy đơn vị chúng tôi trên đường tiến quân.

Một cách bất ngờ như mọi khi, đồng chí tư lệnh quân đoàn hạng nhất I.P. U-bô-rê-vích đã cùng X.K. Ti-mô-sen-cô đến phòng tham mưu.

- Đồng chí được biết những gì về “đội phương”? Các trung đoàn thuộc sư đoàn đồng chí ở đâu? - Đồng chí hỏi.

Tôi lấy bản đồ của mình ra và chỉ rõ nơi có các đơn vị của “đội phương” và báo cáo các đơn vị của sư đoàn tôi đang ở đâu, thuộc cánh quân nào và cả quyết tâm của tôi nữa. I.P. U-bô-rê-vích yêu cầu tôi chỉ và đánh dấu vào bản đồ của đồng chí khu vực mà tôi định tấn công “đội phương” và hướng tấn công của các trung đoàn.

- Đó là quyết tâm sơ bộ, nếu như tình hình không có những thay đổi quan trọng, - tôi nói.

Qua nét mặt của X.K. Ti-mô-sen-cô, tôi hiểu rằng mình đã xử lý đúng. Điều đó làm cho tôi thêm tin tưởng.

- Đồng chí sẽ truyền mệnh lệnh của mình đến các trung đoàn như thế nào và chính bản thân đồng chí sẽ ở đâu lúc tiếp cận và bắt đầu trận đánh? - I.P. U-bô-rê-vích hỏi.

Tôi trả lời:

- Đồng chí trưởng ban tác chiến Ác-khi-pốp sẽ đến cánh bên phải là trung đoàn kỵ binh 20, trung đoàn này có nhiệm vụ kiềm chế “đối phương”. Trung đoàn kỵ binh 19 được tăng cường thêm một tiểu đoàn pháo và một đại đội xe tăng sẽ đánh vào chính diện chủ lực của “đối phương”. Đồng chí tư lệnh phó sư đoàn, lữ đoàn trưởng Đrây-e sẽ truyền mệnh lệnh của tôi đến đó. Còn chủ lực của sư đoàn làm nhiệm vụ vòng qua phía sườn của “đối phương” và tấn công chúng từ phía sau, thì do chính tôi truyền lệnh. Tôi sẽ ở đó cho đến lúc kết thúc trận đánh. Bây giờ trong khi các phái viên của tôi đang đi đến các đơn vị, tôi sẽ truyền đạt những mệnh lệnh ngắn bằng vô tuyến điện thoại.

- Tôi chúc các đồng chí thành công - I.P. U-bô-rê-vích nói, rồi cùng với X.K. Ti-mô-sen-cô lên ô-tô đi về phía “đối phương”. Đúng như chúng tôi đã trù tính, các trung đoàn kỵ binh 19 và 20 đã từ phía chính diện bắt đầu giao chiến ác liệt với “đối phương” đang tiến lại gần họ, điều này đã làm cho chủ lực của chúng tôi dễ nắm được tình hình hơn.

Nhưng “đối phương” của chúng tôi mới vô ý làm sao? Chúng tôi đã vòng qua phía sườn của họ và chủ lực của chúng tôi đã triển

khai ở sau lưng họ rồi mà họ chẳng phát hiện ra chúng tôi gì cả. Dừng lại trên một trong các điểm cao, chúng tôi nhìn thấy một trung đoàn bộ binh của “đối phương” đã triển khai chính diện về phía tây và đang giao chiến với trung đoàn kỵ binh 19 của chúng tôi. Trung đoàn 19 đã chiếm được một tuyến hỏa lực rất tốt. Một trung đoàn khác đang tiến vòng qua ruộng, rõ ràng là nhằm mục đích đánh tạt sườn trung đoàn kỵ binh 19 mà “đối phương” cho là cánh quân chủ yếu của chúng tôi.

Lúc đó, xe tăng của chúng tôi đã triển khai thành đội hình chiến đấu từ phía sau rừng tiến ra, chủ lực của sư đoàn theo đội hình chuẩn bị chiến đấu tiến theo xe tăng. Xe tăng và pháo binh bắt đầu nổ súng xối xả như bão táp. Và sau đó vang lên hàng ngàn tiếng hô “xung phong”. Như thường xảy ra trong một trận đánh gặp địch, cái gì đã diễn ra tiếp theo thì khó mà biết được.

Vậy cái gì đã vẫn cứ xảy ra? Bên nào đã cơ động giỏi hơn, đã triển khai nhanh hơn và đã giáng cho đối phương những đòn thành công hơn? Chúng tôi chỉ biết được về những vấn đề này trong cuộc họp ngay trên thao trường để nhận xét về cuộc tập trận. Đồng chí tư lệnh I.P. U-bô-rê-vích đích thân điều khiển cuộc họp này.

Sau khi đã vạch ra một loạt thiếu sót nghiêm trọng trong hành động của sư đoàn bộ binh 4, I.P. U-bô-rê-vích nói rằng sư đoàn kỵ binh 4 đã gây cho đồng chí một ấn tượng tốt.

Những người kỵ binh chúng tôi khoan khoái nghe những lời khen ngợi của đồng chí tư lệnh nhưng đồng thời chúng tôi cũng không hoàn toàn vui trước sự thất lợi của sư đoàn bộ binh 4 vì chúng tôi ở trong cùng một quân khu và rất thân thiết với nhau. Trong các cuộc tập dã ngoại khác, bộ tư lệnh sư đoàn bộ binh 4 lại không gặp may. Cùng với các sư đoàn khác, sư đoàn này lại bị bao vây ở vùng Trô-xti-a-nét (cách Min-xơ không xa). Nhưng đó mới chỉ là nửa tai họa, cái chính là sư đoàn hoàn toàn không biết làm thế nào để thoát ra khỏi vòng vây. Và, lần này nữa, “đối phương” chủ yếu của sư đoàn, cũng như trong cuộc tập ở vùng Xlút-xơ, vẫn là sư đoàn kỵ binh 4 chúng tôi.

Thoát vây có lẽ là một cách đánh khó khăn và phức tạp nhất trong các hoạt động chiến đấu. Để nhanh chóng chọc thủng được trận tuyến của đối phương, người chỉ huy cần phải có nghệ thuật cao, có ý chí kiên quyết, có khả năng tổ chức và đặc biệt là có khả năng điều khiển quân chính xác.

Bí mật chuyển các đơn vị đến khu vực định phá vây, đột phá mạnh bằng hỏa lực và không quân, chớp nhoáng đánh vào đội hình chiến đấu của đối phương, tung hỏa mù làm cho pháo của đối phương không thể quan sát được, đó là những cái bảo đảm cho các đơn vị bị bao vây chọc thủng được vòng vây và thoát ra một cách thắng lợi. Tiếc thay, bộ tư lệnh sư đoàn đã không thể tổ chức được các hành động như vậy. Lần cuối I.P. U-bô-rê-vích

đến kiểm tra sư đoàn chúng tôi là trong năm 1936.

Nhờ có sự cố gắng của toàn thể cán bộ và chiến sĩ, tình hình sư đoàn đã rất tốt. Về công tác giáo dục chính trị, về kỷ luật, về tính tổ chức, về trình độ thường xuyên sẵn sàng chiến đấu, sư đoàn đã nhận được toàn là điểm “khá” và “giỏi”. Là người luôn luôn thận trọng trong việc khen thưởng, đồng chí tư lệnh đã nhiệt liệt hoan nghênh các cán bộ, chiến sĩ và đã trao những tặng phẩm rất quý cho nhiều người.

Năm 1937, I.P. Bê-lốp được cử làm tư lệnh Quân khu Bê-lô-ru-xi.

Nhìn về trước, tôi phải nói rằng tư lệnh tập đoàn quân hạng nhất I.P. U-bô-rê-vích là người tư lệnh quân khu ưu tú nhất. Trong số các tư lệnh không ai có nhiều cống hiến vào việc huấn luyện chiến dịch - chiến thuật cho cán bộ chỉ huy và cơ quan tham mưu binh đoàn bằng I.P. U-bô-rê-vích và phòng tham mưu quân khu dưới sự lãnh đạo của đồng chí.

Tôi làm tư lệnh sư đoàn hơn 4 năm và trong toàn bộ thời gian ấy tôi đã nuôi một ý nghĩ là làm cho sư đoàn mình trở thành sư đoàn ưu tú nhất trong hàng ngũ Hồng quân, sư đoàn tiên tiến nhất. Tôi đã dành nhiều công sức, nghị lực và lao động cho việc huấn luyện sư đoàn để kéo nó ra khỏi cảnh sa sút, huấn luyện cho các cán bộ chỉ huy và cơ quan tham mưu về nghệ thuật chiến thuật hiện đại, nghệ thuật tổ chức và những phương pháp chỉ huy

các phân đội, các trung đoàn và sư đoàn.

Tôi không ngần ngại khẳng định rằng hồi đó chúng tôi đã làm tất cả những cái cần làm. Về phía chúng tôi đã có những khuyết điểm, sai lầm và thiếu sót nhưng với một lương tâm tỉnh táo, tôi có thể nói rằng trong việc huấn luyện sư đoàn, các cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị hồi đó không thể làm được gì nhiều hơn nữa, vì tất cả những gì mà họ có thì họ đã đem ra công hiến hết rồi.

Nói chung sinh hoạt của quân đội trong những năm 1929 – 1936 gắn liền trước hết với công cuộc thực hiện chương trình Lê-nin-nít xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở phát triển kinh tế của đất nước, trên cơ sở những thắng lợi của khoa học và kỹ thuật, lục quân, không quân và hạm đội đã có đầy đủ vũ khí mới, cơ cấu tổ chức của các quân binh chủng đã được hoàn thiện, việc huấn luyện kỹ thuật cho cán bộ đã được mở rộng. Việc tăng cường tình đoàn kết nhất trí của nhân dân về mặt chính trị, xã hội và tư tưởng do có thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đưa lại, tình hữu nghị bền vững của các dân tộc Liên Xô, địa vị thống soái của thế giới quan duy vật những yếu tố đó đã ảnh hưởng tốt đến việc giáo dục tinh thần yêu nước cho quân đội.

Trong chương này và chương trên, không phải ngẫu nhiên mà tôi đã nói đến nhiều cuộc diễn tập và tập ngoài trời khác nhau.

Nguyên do vì nhiệm vụ chủ yếu trong những năm đó là thực hiện

đường lối làm cho quân đội thực sự nắm vững được kỹ thuật mới, nắm vững tất cả các cách đánh khá phức tạp trong nghệ thuật quân sự.

Hội đồng quân sự cách mạng Liên xô, các cơ quan ở trung ương và ở quân khu thuộc Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng, các cán bộ cao cấp, trung cấp và sơ cấp, các cơ quan chính trị, các tổ chức Đảng và Đoàn thanh niên Cộng sản, các chiến sĩ trong tất cả các quân chủng, binh chủng đều kiên trì và tôi có thể nói, đều say mê, nhiệt tình chấp hành những nhiệm vụ mà Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) toàn Liên bang và Hội đồng Ủy viên nhân dân đề ra trong phong trào nắm vững kỹ thuật mới và nắm vững chiến thuật đang cải tiến do có kỹ thuật mới. Nhiều chiến sĩ lái máy bay đã nắm vững rất xuất sắc nghiệp vụ của không quân, hàng ngàn người ưu tú trong học tập quân sự và chính trị đã xuất hiện trong các binh chủng lục quân.

Đương nhiên, không phải ở đâu công việc cũng trôi chảy tốt đẹp như nhau. Trong một loạt trường hợp, cán bộ và chiến sĩ đã tỏ ra về kỹ năng quân sự chưa đủ đáp ứng với những hoàn cảnh phức tạp công tác chỉ huy còn khập khiễng trong nhiều đơn vị, có nhiều

cơ quan tham mưu chưa thành thạo trong việc tổ chức nhanh chóng và chính xác sự hiệp đồng tác chiến của các binh chủng khác nhau. Nhưng, nói chung, do kiên trì làm công tác cán bộ

trong những năm cuối nên đã tạo được một bước ngoặt trong việc làm cho các cán bộ chỉ huy, các cơ quan tham mưu và các binh chủng nắm chắc được nghệ thuật quân sự.

Rất tiêu biểu về mặt này là cuộc tập ngoài trời mùa thu năm 1936 tổ chức trong Quân khu Bê-lô-ru-xi chúng tôi nhằm kiểm tra tình hình huấn luyện quân sự mùa hè của các binh chủng. Nhiều binh đoàn lớn, được trang bị đầy đủ kỹ thuật, đã tham gia cuộc tập trận này. Các cán bộ chỉ huy và các đơn vị nói chung đã tỏ ra có bản lĩnh tiến hành chiến đấu hiệp đồng của tất cả các binh chủng trong những điều kiện tình huống thay đổi mau lẹ. Những cuộc diễn tập và tập ngoài trời này cùng nhiều cuộc diễn tập và tập ngoài trời khác đã xác nhận sức mạnh đang lên của Hồng quân và xác nhận rằng Hồng quân đang trở thành một quân đội loại nhất.

Sau khi tôi đi nhận một chức vụ mới thì trung đoàn trưởng trung đoàn kỵ binh 21 I-van Ni-cô-lai-ê-vích Mu-dư-chen-cô lên phụ trách chỉ huy sư đoàn.

Từ đó đến nay trên 30 năm đã trôi qua, nhưng tôi vẫn còn giữ được nhiều ký ức tốt đẹp nhất về các cán bộ quân sự, chính trị và các chiến sĩ trong hàng ngũ sư đoàn Cô-dắc sông Đông 4.

[1] Ở dưới đây sẽ nói nhiều cấp khác nhau trong bộ máy lãnh đạo quân sự của Liên Xô, tôi xin nêu một số tình hình như sau: Sau khi Mi-kha-in Va-xi-li-ê-vích Phơ-run-dê mất năm 1925 (lúc đồng chí 40 tuổi), K.E. Vô-rô-si-lốp được cử làm Ủy viên nhân dân phụ trách Quân đội và Hạm đội đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô (Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô hoạt động như một tập thể phụ trách Bộ Ủy viên nhân dân).

Trong Hội đồng các Ủy viên nhân dân có Ủy ban quốc phòng thường trực do V. M. Mô-lô-tốp đứng đầu. Ủy ban này nghiên cứu trước và vạch ra những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc trong việc xây dựng các lực lượng vũ trang và trong công cuộc phát triển quốc phòng của Liên Xô, để rồi đưa những vấn đề này ra thảo luận và quyết định, theo nguyên tắc pháp lý, tại Ủy ban Lao động và Quốc phòng.

Kinh nghiệm chỉ rõ rằng, Ủy ban quốc phòng và Hội đồng Quân sự cách mạng Liên Xô làm trùng công việc của nhau, nên năm 1934, Hội đồng quân sự cách mạng giải thể, còn Bộ Ủy viên nhân dân phụ trách Quân đội và Hạm đội đổi tên thành Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng. Lúc đó một cơ quan tư vấn trực thuộc Bộ này đã được thành lập lấy tên là Hội đồng quân sự, những quyết định của Hội đồng này đều do Ủy viên nhân dân phê chuẩn và được thực hiện theo lệnh của Ủy viên nhân dân.

Năm 1937, Hội đồng các Ủy viên nhân dân giải thể Ủy ban Lao động và Quốc phòng và cải tổ Ủy ban quốc phòng trực thuộc Hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên Xô thành Hội đồng quốc phòng, Chủ tịch Hội đồng quốc phòng vẫn là V.M. Mô-lô-tốp, các ủy viên là I.V. Xta-lin, K.E. Vô-rô-si-lốp và nhiều đồng chí khác. Cùng trong thời gian này đã thành lập Bộ Ủy viên nhân dân Hải quân toàn Liên bang. P.A. Xmiéc-nốp được cử làm Ủy viên nhân dân phụ trách cơ quan này.

Năm 1938, thành lập Tổng Hội đồng quân sự của Hồng quân công nông trực thuộc Ủy viên nhân dân quốc phòng. Tham gia Tổng Hội đồng có K.E. Vô-rô-si-lốp (chủ tịch), V.K. Bliu-khe, X.M. Bu-đi-ôn-nui, G.I. Cu-lích, L.Đ. Mê-khơ-lit, I.V. Xta-lin, I.Ph. Phê-đơ-cô, B.M. Sa-pô-sni-cốp, E.A. Sa-đem-cô. Đồng thời thành lập Tổng Hội đồng quân sự Hải quân gồm P.A. Xmiéc-nốp (chủ tịch), L.M. Ga-le-rơ, A.A. Giơ-đa-nốp. I.X. Xa-cốp, N.G. Cu-dơ nét-xốp, G.I. Lép-chen-cô và nhiều đồng chí khác nữa. Các Tổng Hội đồng quân sự của hai cơ quan Dân ủy trên nghiên cứu những vấn đề cơ bản để củng cố khả năng quốc phòng của Liên Xô và để xây dựng quân đội và hạm đội.

Các Hội đồng quân sự cũng đã được thành lập ở các quân khu, các hạm đội và các tập đoàn quân. Các hội đồng này trực tiếp đặt dưới quyền điều khiển của Ủy viên nhân dân quốc phòng Liên Xô.- TG

[2] Việc hoàn thành kế hoạch này đã đem lại cho Quân đội và Hạm đội nhiều thứ. Nhưng vấn đề trang bị lại kỹ thuật một cách cơ bản vẫn còn đặt ra trước mắt. Để làm được việc này cần nhiều tài nguyên, vật chất và phải có khả năng sản xuất to lớn của cả nước. - TG

[3] Theo đúng nghĩa của từ này trong thuật ngữ quân sự trước đây - ND.

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 6

CHỈ HUY QUÂN ĐOÀN KỸ BINH 3 VÀ QUÂN ĐOÀN CÔ-ĐẮC 6

NĂM 1937. Hai mươi năm tồn tại chính quyền Xô-viết, 20 năm chiến đấu gian khổ và chiến thắng vẻ vang, sự phát triển kinh tế, văn hóa, những thành quả đạt được trong hết thảy mọi lĩnh vực xây dựng chủ nghĩa xã hội, tất cả những cái đó đã chứng minh cho sự vĩ đại của những từ Cách mạng tháng Mười.

Chúng ta đã làm được nhiều việc, nhiều việc chưa từng thấy trong một thời kỳ lịch sử ngắn như vậy. Trước lúc bắt đầu công nghiệp hóa, trình độ kỹ thuật của đất nước ta kém Anh 4 lần, Đức 5 lần và Mỹ 10 lần. Trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1929 - 1932) và kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1933 - 1937) đã sản sinh ra nhiều ngành công nghiệp mới; ngành luyện kim đen và màu, ngành hóa chất, khai thác năng lượng, chế tạo máy đã vượt xa lên phía trước. Tổng sản lượng công nghiệp của Liên Xô trong năm 1937 so với năm 1929 tăng gấp 4 lần, và nếu như so sánh với năm 1913, năm trước chiến tranh, thì tổng sản lượng

sản xuất của ngành chế tạo máy và luyện kim tăng 35 lần.

Trong các kế hoạch 5 năm trước chiến tranh đã xây dựng khoảng 9.000 xí nghiệp công nghiệp lớn, đã lập nên cơ sở công nghiệp mới vững mạnh ở phía đông đất nước rất có lợi cho chúng ta trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại. Về khối lượng sản xuất công nghiệp, về trang bị kỹ thuật cho những xí nghiệp mới được xây dựng, Liên Xô đã đứng hàng đầu ở châu Âu và đứng hàng thứ hai trên thế giới.

Ngày nay khi nói những chuyện tương tự với lớp người trẻ, ta thấy các con số và tài liệu này không làm cho họ xúc động mấy. Có lẽ trong một mức độ nào đấy, đó là một lẽ đương nhiên vì thời gian đã khác quy mô lại mới, những lo nghĩ và nhu cầu cũng đã khác xưa. Nhiều việc đã làm xong, nhiều việc nay đã sẵn sàng, những nấc thang ban đầu chúng ta đã bước đi nay không nhìn thấy nữa. Nhưng, với lớp người ngày nay ở lứa tuổi 50, và nhất là đối với chúng tôi, đã trải qua những năm trước cách mạng, thì những con số ấy chứa đựng nhiều ý nghĩa. Chúng tôi đã nghiên cứu, đã nhập tâm, đã tự hào về những con số ấy. Có lẽ, trước mắt là vì trong những con số đó chính có cuộc sống của chúng tôi, trong những con số đó bao hàm lao động của chúng tôi, lao động có khi quên mình và lúc nào cũng với một niềm tin sắt đá, nhiệt thành rằng, những cố gắng ấy sẽ đem lại lợi ích chung.

Tôi không có tham vọng nói về đạo đức, không muốn chê trách lớp trẻ ngày nay, mặc dầu cái đó hiện nay quá hợp thời. Tôi chỉ muốn nói một điều: thế hệ trẻ cần hiểu thời kỳ xa xưa trước đây, chỉ hiểu bằng lý trí chứ không phải bằng con tim như chúng tôi rằng, nhịp độ phát triển trước chiến tranh là một bằng chứng cực kỳ vĩ đại cho sự tiến bộ của chế độ ta, rằng các nhà viết sử, các nhà xã hội học, triết học, các nhà báo rồi sẽ còn trở lại nhiều lần với những thời kỳ đó để mô tả và nghiên cứu những bí ẩn, những chiếc lò-so gây ra sức bật lên phía trước mạnh như thế cho một chế độ xã hội mới.

Thế là cơ sở quốc phòng hùng mạnh của đất nước đã được xây dựng. Quân đội ta, sau cuộc cải cách kỹ thuật tiến hành trong những kế hoạch năm năm trước chiến tranh, ra sao?

Nói chung, quân đội ta từ một quân đội còn lạc hậu về kỹ thuật đã trở thành một quân đội tiên tiến, hiện đại. So sánh về mặt quân chủng, binh chủng, về cơ cấu tổ chức và trang bị kỹ thuật, quân đội ta đã đạt trình độ của quân đội các nước tư bản phát triển. hàng chục, hàng trăm xí nghiệp quốc phòng đã được xây dựng nên. Chúng tôi còn nhớ, sau cuộc nội chiến, đất nước không có những công xưởng chuyên sản xuất xe tăng, máy bay, động cơ máy bay, các cỡ pháo có uy lực mạnh, những phương tiện thông tin vô tuyến và các loại binh khí kỹ thuật hiện đại khác. Hầu như phải bắt đầu tất cả trên một bãi hoang. Do chỗ

tình hình quốc tế phức tạp, có nguy cơ bị các nước đế quốc xâm lược, nên trong thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và lần thứ hai, Đảng đã quy định nhịp độ phát triển công nghiệp quốc phòng phải cao hơn mọi ngành công nghiệp khác. Một nhiệm vụ đặt ra trước các nhà bác học, kỹ sư, những người sáng chế, phát minh là phải chế tạo ra những kiểu vũ khí và dụng cụ chiến tranh không thua kém nước ngoài, mà tính năng chiến đấu có thể còn ưu việt hơn của nước ngoài. Thực tế trong từng quân chủng, binh chủng đã lập nên những phòng kỹ thuật quân sự, phòng thí nghiệm và những viện nghiên cứu khoa học, sản sinh ra hàng chục tập thể những người chế tạo có tài năng, hăng hái bắt tay vào công việc.

Phương hướng cơ bản phát triển vũ khí của bộ binh là làm cho cơ cấu thì đơn giản, trọng lượng giảm bớt mà xạ tốc lại tăng hơn. Khẩu súng trường Nga nổi tiếng do đại úy Mô-xin trong quân đội Nga chế tạo đã được cải tiến. Đã sản xuất hàng loạt súng trường tự động của S.G. Xi-mô-nốp (kiểu năm 1936), carbin (kiểu năm 1932), trung liên của V.A. Déc-ti-a-rép và những súng máy đặt trên xe tăng, súng máy cao xạ, súng máy đặt trong máy bay chế tạo dựa trên cơ sở trung liên của Déc-ti-a-rép. Năm 1938, đã trang bị khẩu trọng liên đầu tiên của nước ta của Déc-ti-a-rép - Spa-ghin có tính năng chiến đấu rất ưu việt. Năm 1939, quân đội tiếp nhận đại liên kiểu mới của V.A. Déc-ti-a-rép.

Quân đội rất thích loại súng lục liên thanh bắn bằng đạn súng lục của V.A. Déc-ti-a-rép (P.P.D.) và đặc biệt là kiểu mẫu thiết kế thật mới của G.S. Spa-gin (P.P.S.). Từ năm 1930 - 1931 đến hết năm 1938, súng trường sản xuất tăng từ 174.000 lên tới 1.174.000 khẩu, súng máy - khoảng từ 41.000 lên tới 74.500 khẩu. Căn cứ vào số lượng trung liên và đại liên trang bị cho quân đội, và căn cứ cả vào số đạn sản xuất tính theo từng phút cho từng người chiến sĩ, thì đến cuối kế hoạch 5 năm lần thứ hai, Hồng quân đã vượt quân đội các nước tư bản trong thời kỳ đó. Sản xuất xe tăng cũng tăng nhanh. Trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ nhất sản xuất được 5.000 chiếc, đến cuối kế hoạch 5 năm lần thứ hai quân đội đã có 15.000 chiếc (trong đó có chừng 12.000 xe tăng các kiểu cơ bản). Tất cả những chiếc xe ấy có đặc điểm là hỏa lực mạnh, chạy nhanh. Thời gian đó, đối phương của chúng ta chưa có những loại xe tăng có tính năng chiến đấu tương tự. Thật ra thì xe tăng cũng vẫn còn kém cơ động, dễ bị pháo bắn. Tính năng kỹ thuật và tinh năng chiến đấu của xe tăng vẫn còn ở mức thấp, rất hay trục trặc; vì chạy bằng dầu xăng, nên dễ bị bốc cháy và vỏ thép chưa được bền vững. Sản xuất xe tăng hàng năm từ 740 chiếc trong những năm 1930 - 1931 đã lên tới 2.271 chiếc trong năm 1938. Sự say mê đối với xe tăng trong một chừng mực nào đã gây ra tâm trạng xem nhẹ pháo binh. Thậm chí có một vài nhà hoạt

động quân sự đã nghĩ là nên chuyển pháo nòng dài thành pháo vạn năng và bán vạn năng[1]. Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) toàn Liên bang đã chú ý tới khuynh hướng sai lầm ấy, vạch ra mối tương quan đúng đắn giữa pháo nòng dài và lựu pháo. Từ cuối năm 1937, một số nhà máy chế tạo máy chuyển sang sản xuất kỹ thuật pháo mới, công suất những máy ấy tăng rất nhiều. Trong những năm 1930 - 1931 sản xuất hàng năm được 2.000 khẩu, trong năm 1938 - hơn 12.500. Năm 1937 chế tạo được lựu pháo và pháo nòng dài 152 mm, cải tiến pháo nòng dài 122 mm, năm 1938 sản xuất ra lựu pháo 122 mm.

Tất cả những loại pháo ấy cũng đều là pháo tốt. Ví như, pháo chống tăng 45 mm kiểu năm 1937 có thể xuyên thủng vỏ thép các loại xe tăng trang bị trong thời gian đó của các nước tư bản. Đến đầu năm 1939, số lượng pháo trong quân đội từ 17.000 (năm 1934) tăng lên tới 56.000. Song, một số kiểu pháo cũ đã lỗi thời vẫn còn được sử dụng trong một thời gian khá lâu, vì lúc đó chưa thể giải quyết được nhiệm vụ trang bị pháo binh hàng loạt. Trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ hai, bộ binh nhận được súng cối cỡ 50 mm. Súng cối 82 mm và 120 mm của nhà sáng chế rất có tài năng B.I. Sa-vu-rin, đã được sản xuất ra từ lâu trước chiến tranh. Sau này, quân đội mới chính thức được trang bị súng cối.

Cải cách kỹ thuật đã làm thay đổi bộ mặt của không quân ta.

Ngành công nghiệp hàng không đã sản xuất hàng loạt các kiểu máy bay khác nhau của nước nhà. Các phi công quân đội nhận được những máy bay ném bom XB bay nhanh có hai động cơ, máy bay ném bom hạng nặng TB-3, những máy bay ném bom hoạt động tầm xa, máy bay tiêm kích I-15, và I-16 cơ động nhanh.

Ai mà chẳng nhớ đến những chuyến bay thần thoại của M. Grômốp, V. Chơ-ca-lốp, V. Cốc-ki-na-ki? Các chuyến bay đó đã được tiến hành bằng những máy bay của nước ta. Năm 1937, các phi công chúng ta đã giành được chừng 30 kỷ lục quốc tế về bay xa, bay cao và bay nhanh. Trong những năm ấy, trình độ kỹ thuật của ngành hàng không Liên Xô không thua kém nước ngoài.

Tiếc là lúc đó khả năng kinh tế chưa cho phép ta chuyển sang sản xuất hàng loạt những kiểu máy bay nổi tiếng ấy. Còn nói về số lượng, thì ngành công nghiệp hàng không đã đáp ứng được yêu cầu của thời đại, đã sản xuất ra trong năm 1938 được 5.500 máy bay, so với năm 1930 chỉ sản xuất được 860 chiếc.

Những thành tựu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa cho phép tăng nhanh trình độ kỹ thuật và khả năng chiến đấu của Hải quân. Từ năm 1929 đến năm 1937 đã đóng được 500 tàu chiến và tàu hỗ trợ các loại mới. Theo sáng kiến của Ban chấp hành trung ương Đảng, năm 1932 đã thành lập ra hạm đội Thái Bình Dương, năm 1933 - hải đoàn phía bắc; củng cố các giang đoàn

Ca-xpiên, A-mua, Đơ-nép. Mở rộng việc đóng những tàu lớn cho hạm đội hoạt động ở các đại dương, sản xuất hàng loạt tàu ngầm kiểu K, L, S, X, và các xuồng phóng lôi, khu trục hạm, tuần dương hạm hạng nhẹ kiểu “Ki-rốp”, “Cha-pa-ép”; thành lập các đại đội pháo bờ biển, củng cố không quân của hạm đội. Cuối năm 1937, thành lập Bộ Ủy viên nhân dân công nghiệp đóng tàu, đặt kế hoạch xây dựng một hạm đội lớn cho kế hoạch 5 năm sau.

Sau khi quân đội và hạm đội đã được trang bị kỹ thuật lại rồi, thì đương nhiên phải chuyển hệ thống quân chính quy và quân địa phương hỗn hợp sang nguyên tắc duy nhất là xây dựng những lực lượng vũ trang chính quy. Đó cũng là một điều hợp với logic. Kỹ thuật quân sự mới làm thay đổi về cơ bản những phương pháp tiến hành chiến tranh, đề ra những nhiệm vụ độc đáo và phức tạp trong việc sử dụng các quân chủng, binh chủng và tổ chức hiệp đồng trong các trận đánh. Những lớp tập huấn ngắn ngày không đủ; đòi hỏi phải huấn luyện lâu, liên tục và có hệ thống hơn. Khả năng kinh tế cũng cho phép thực hiện việc chuyển biến đó (vì tổ chức quân đội chính quy tốn kém nhiều hơn).

Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) toàn Liên bang và Chính phủ đã đồng ý và phê chuẩn những đề nghị của Hội đồng quân sự cách mạng Liên Xô về việc tăng nhanh số

lượng các sư đoàn chính quy và tăng cường những nhân tố chính quy trong các sư đoàn quân địa phương còn lại. Tiến trình ấy sẽ làm cho quân số Hồng quân tăng lên. Trong năm 1933, Hồng quân có 88,5 vạn người, nhưng đến năm 1937 đã có hơn 1,5 triệu. Số sư đoàn chính quy tăng gấp 10 lần, đến năm 1939 thì hoàn thành việc chuyển sang hệ thống tuyển mộ và tổ chức quân đội chính quy. Đến cuối năm 1938, những sư đoàn bộ binh của các quân khu biên giới hầu như hoàn toàn chuyển sang hệ thống chính quy.

Chúng ta cần phải thường xuyên sẵn sàng chiến đấu. Các nước đế quốc chính đang bắt đầu phát triển quân đội đông đảo, càng ngày càng tung nhiều tiền vào việc chuẩn bị một cuộc chiến tranh mới. Tỷ lệ chi phí cho chiến tranh trong ngân sách nước Nhật trong thời kỳ từ năm 1934 đến cuối năm 1938 tăng từ 34% lên tới 70%, nước Ý từ 20% lên tới 52%, nước Đức tăng hơn 3 lần, từ 21% tới 61%.

Trong năm 1935, phát-xít Ý đánh chiếm A-bi-xi-ni, năm 1936, Đức và Ý mở rộng can thiệp chống nước Cộng hòa Tây Ban Nha. Đã bắt đầu có những trận đánh lớn, nhỏ không chỉ ở mức những nước này chống lại nước kia, mà là ở trên một quy mô rộng lớn - những lực lượng phản động và phát-xít chống lại những lực lượng dân chủ và xã hội chủ nghĩa.

Những người ngày nay tuổi trên 50 hẳn còn nhớ rõ là, thực hiện

nghĩa vụ quốc tế của mình, chúng ta đã giúp đỡ cho chính phủ hợp pháp và nhân dân nước Cộng hòa Tây Ban Nha tất cả những gì có thể: vũ khí, lương thực, thuốc men. Các chiến sĩ phi công, xe tăng, pháo binh, những người lính bình thường và cả những chỉ huy quân sự lỗi lạc bừng sôi bầu nhiệt huyết và tinh thần lãng mạn cách mạng đã tình nguyện lên đường sang Tây Ban Nha. Nói chung, đặc điểm của thời kỳ ấy là một thời kỳ cao trào ở trong nước, kinh tế và văn hóa đang lên mạnh, đời sống được cải thiện rõ rệt, có hàng ngàn người lao động tích cực đã đạt được những kỷ lục lao động trong công nghiệp và nông nghiệp. Chúng tôi nhớ, tên tuổi của những người đó đã vang dội khắp đất nước. Một dân tộc vĩ đại, đông đúc, cần có những tư tưởng vĩ đại để mà tin tưởng và cần có những con người gương mẫu để mà noi theo.

Quân đội ham mê học tập, ước mong nắm chắc chuyên môn của mình. Chất lượng tinh thần và chính trị của bộ đội rất tốt. Tạo nên được không khí đó là nhờ có công tác to lớn của Đảng nhằm nâng cao trình độ văn hóa chung của quân chúng Hồng quân, nhờ có mạng lưới học tập hết sức rộng rãi, nhờ có sự biến chuyển của bản thân đội ngũ cán bộ quân đội.

Đến năm 1937, Hồng quân trở thành một quân đội tất thảy đều có văn hóa, hàng ngũ Hồng quân được bổ sung những thanh niên có nghề chuyên môn lái máy kéo, máy liên hợp, lái xe, v..v...

Một số tiền lớn - mỗi năm hơn 200 triệu rúp - đã được chi cho công tác văn hóa, giáo dục. Số lượng sách trong các thư viện quân đội có tới 25 triệu cuốn, bộ đội đặt mua hàng triệu ấn phẩm xuất bản trong từng định kỳ một. Số lượng các cung văn hóa của Hồng quân, các trung tâm phát thanh, các nhà chiếu bóng, các đội chiếu bóng lưu động, các câu lạc bộ tăng lên rất nhanh. Quân đội tích cực tham gia vào các sinh hoạt chính trị của đất nước. Số thanh niên học tập trong 75 trường quân sự đều có trình độ văn hóa trên lớp 7. Đoàn thanh niên Cộng sản lúc đó là tổ chức đỡ đầu cho lực lượng không quân đã cung cấp hàng ngàn thanh niên ưu tú cho hải quân và không quân. Trong số những thanh niên ấy, có những người đã trở thành phi công, cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị lỗi lạc. Các khóa huấn luyện luôn luôn được cải tiến, trong chương trình huấn luyện có đầy đủ các môn học lý thuyết và những bài tập thực hành dạy cách sử dụng kỹ thuật mới trong chiến đấu.

Viện đào tạo cán bộ cho các quân chủng, binh chủng đang phát triển nhanh được đặc biệt chú ý. Ban Chấp hành trung ương Đảng thường đề ra những nghị quyết riêng về vấn đề này.

Trường quân sự cao cấp được mở rộng. Đến cuối kế hoạch 5 năm đã có 13 học viện quân sự, 1 viện nghiên cứu quân sự và 5 hệ quân sự trong các trường đại học thường.

Thành phần giai cấp trong quân đội đã có những biến đổi có tác

dụng tốt. Số chuyên viên quân sự cũ chỉ còn lại những người đã được thử thách, trung thành với chính quyền Xô-viết, còn những chuyên viên, cán bộ mới thì xuất thân từ công nhân và nông dân, đã trải qua trường học của cuộc nội chiến, hoặc đã được học khoa học kỹ thuật và chính trị trong các trường quân sự. Đến năm 1937, công nhân và nông dân chiếm hơn 70% trong các tổ chức của Đảng và của Đoàn, hơn một nửa số cán bộ chỉ huy là đảng viên và đoàn viên thanh niên Cộng sản.

Tóm lại, công việc tiến triển tốt. Đó là trong lúc Liên Xô đang một mình xây dựng thế giới mới, đang bị các nước tư bản thù địch bao vây, trong lúc tình báo nước ngoài không tiếc người tiếm của đang âm mưu làm trở ngại cho nhân dân chúng ta. Nhưng đất nước ta và quân đội ta vẫn vững mạnh lên ngày một nhanh chóng; đường lối phát triển kinh tế, chính trị rõ ràng được mọi người tiếp nhận, tán thành; khí thế lao động sôi sục trong quần chúng nhân dân.

Vì vậy càng thấy rõ những vụ bắt giam xảy ra trong quân đội trong năm 1937 là không có căn cứ xác đáng, không hợp với quy luật phát triển, hoàn toàn không hợp với bản chất chế độ, không thích hợp với tình hình cụ thể trong nước trong năm ấy.

Bắt giữ những quân nhân nổi tiếng tất nhiên, không thể không có ảnh hưởng trong chừng mực nào tới sự phát triển của các lực lượng vũ trang chúng ta.

Năm 1937, theo mệnh lệnh của Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng, tôi được cử làm quân đoàn trưởng quân đoàn kỵ binh 3 và chỉ huy quân đoàn này chừng 7 tháng. Khi Ê.I. Gô-ri-a-chép, quân đoàn trưởng quân đoàn Cô-dắc 6 được bổ nhiệm làm phó tư lệnh Đặc khu Ki-ép, thì tôi được đề cử giữ chức quân đoàn trưởng quân đoàn ấy. Về trình độ huấn luyện và chung các mặt, quân đoàn 6 hơn quân đoàn 3, nhưng điều đáng chú ý là trong quân đoàn 6 có sư đoàn Cô-dắc sông Đông 4. Tôi đã có dịp chỉ huy sư đoàn này hơn 4 năm, lẽ tự nhiên là tôi rất gắn bó với sư đoàn.

I.T. Chê-rê-vi-chen-cô, một cán bộ chỉ huy kỵ binh lâu năm, giàu kinh nghiệm, thay thế tôi làm quân đoàn trưởng quân đoàn kỵ binh 3.

Ở quân đoàn 6, tôi phải làm nhiều công tác chỉ đạo cụ thể. Chúng tôi đã nghiên cứu nhiều nhất về vấn đề sử dụng kỵ binh nằm trong biên chế của tập đoàn quân kỵ binh cơ giới. Hồi đó, đây là một vấn đề rất lớn. Chúng tôi dự kiến nếu biên chế cho một tập đoàn quân kỵ binh cơ giới 3 - 4 sư đoàn kỵ binh, 2 - 3 lữ đoàn xe tăng, 1 sư đoàn bộ binh cơ giới, lại có sự hiệp đồng chặt chẽ với máy bay ném bom và tiêm kích và, nếu sau này hiệp đồng với cả các đơn vị đổ bộ đường không, thì nó sẽ có thể giải quyết được những nhiệm vụ chiến dịch rất lớn khi chiến đấu trong đội hình của phương diện quân, nó có thể góp phần thực

hiện thắng lợi những mục tiêu chiến lược.

Chúng tôi hiểu rằng, trong chiến tranh tương lai, xe tăng và các binh đoàn xe tăng sẽ có tác dụng quyết định một phần lớn, vì vậy phải nắm thật vững những vấn đề hiệp đồng với bộ đội xe tăng và việc tổ chức chống tăng trong chiến đấu cũng như trong chiến dịch.

Trong những lần tập bài và diễn tập ở ngoài trời trong quân đoàn 3 cũng như trong quân đoàn 6, tôi đã có dịp được công tác thực tế với lữ đoàn xe tăng độc lập 21 (lữ đoàn trưởng M.I. Pô-ta-pốp) hoặc với lữ đoàn xe tăng độc lập 3 (lữ đoàn trưởng V.V. Nô-vi-cốp). Cả hai đồng chí chỉ huy lữ đoàn ấy trước đây đều là đồng sự của tôi, nên “trong tình huống chiến đấu”, chúng tôi chưa nói hết lời đã hiểu nhau.

Về mặt sẵn sàng chiến đấu, quân đoàn Cô-dắc 6 tốt hơn nhiều đơn vị khác. Ngoài sư đoàn Cô-dắc sông Đông 4 ra, còn có sư đoàn Chôn-gác-xcai-a 6 là một sư đoàn cũng được huấn luyện tốt, nhất là trong lĩnh vực chiến thuật, kỹ thuật sử dụng kỵ binh và bắn súng. Cần phải đánh giá thích đáng công lao của đồng chí L.I. Vây-ne, nguyên sư đoàn trưởng sư đoàn Chôn-gác-xcai-a, người đã bỏ ra nhiều công sức để nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu của sư đoàn lên mức cao.

Sư đoàn kỵ binh 29 đóng quân trong thành phố Ô-xi-pô-vi-chi có yếu hơn đôi chút. Chỉ huy sư đoàn là lữ đoàn trưởng K.V. Páp-

lớp-xki, một người không có đức tính của một chàng kỵ binh. Thêm nữa, về mặt trình độ chung, cũng chưa bằng các đồng chí sư đoàn trưởng khác.

Trong thời kỳ này, chỉ huy bộ đội của quân khu là tư lệnh tập đoàn quân bậc một, I.P. Bê-lốp. Mùa thu năm 1937, đồng chí đã tiến hành rất giỏi những cuộc diễn tập trong quân khu, có các tướng lĩnh và sĩ quan bộ tổng tham mưu Đức tham quan. Ủy viên nhân dân quốc phòng K.E. Vô-rô-si-lốp và Tổng tham mưu trưởng B.M. Sa-pô-sni-cốp có đến xem những cuộc diễn tập ấy. Sau I.P. Bê-lốp, tư lệnh tập đoàn quân bậc 2 M.P. Cô-va-lép được bổ nhiệm làm tư lệnh quân khu.

Tôi biết Mi-kha-in Prô-cô-phi-ê-vích Cô-va-lép trong nội chiến. Đồng chí đang giữ chức phó tư lệnh quân khu thì được đề bạt làm tư lệnh quân khu. Đồng chí là một người rất chân thật, thông hiểu những vấn đề chiến dịch, chiến lược, nhưng sở trường của đồng chí là về chiến thuật. Đồng chí nắm rất vững chiến thuật cả trên lý luận và thực hành. So với Bê-lốp, đồng chí có yếu hơn đôi chút, vì I.P. Bê-lốp, như người ta thường nói, là một cán bộ sành sỏi về chiến dịch vì trong nhiều năm đồng chí đã chỉ huy các quân khu.

Nhiều cán bộ mới còn non về kinh nghiệm chỉ huy và trình độ kiến thức chung được bổ sung về quân khu. Các đồng chí ấy cần phải tự rèn luyện, nghiên cứu rất nhiều để trở thành người chỉ

huy xứng đáng, những người giáo dục bộ đội có tài năng.

Tôi không thể không nhớ đến I.X. Cu-ti-a-cốp, bạn cũ của tôi.

Tôi đã biết I-van Xtê-pa-nô-vích hơn 20 năm và luôn luôn cảm phục đồng chí là một cán bộ chỉ huy, một con người dũng mãnh và kiên nghị. I.X. Cu-ti-a-cốp là lính cũ trong quân đội Sa hoàng. Đồng chí có uy tín lớn trong trung đoàn của mình, và trong những ngày đầu cách mạng được anh em binh sĩ bầu làm trung đoàn trưởng. Đây là một niềm vinh dự lớn - được quân chúng binh sĩ đã ở tiền tuyến bầu ra. Muốn được thế phải có những phẩm chất tốt đẹp như thường xuyên gương mẫu trước các đồng chí của mình, tâm hồn trong sáng, lòng vị tha, hiểu biết và yêu mến mọi người, hiểu được tâm tư và nguyện vọng của họ.

Trong những năm nội chiến, I.X. Cu-ti-a-cốp đã chỉ huy lữ đoàn bộ binh thuộc sư đoàn Cha-pa-ép 25. Sau khi Va-xi-li I-va-nô-vích Cha-pa-ép hy sinh, I.X. Cu-ti-a-cốp được cử làm sư đoàn trưởng thay Cha-pa-ép. Vì đã lãnh đạo các đơn vị chiến đấu thắng lợi chống bọn bạch vệ, đồng chí được tặng thưởng 3 Huân chương Cờ Đỏ và Huân chương Cờ Đỏ của nước Cộng hòa Khô-rem-xki. Năm 1937, I.X. Cu-ti-a-cốp được đề bạt làm phó tư lệnh quân khu Pri-vôn-giê .

Trong thời kỳ chỉ huy quân đoàn 6, tôi đã ra sức nghiên cứu những vấn đề chiến dịch chiến lược, vì thấy hiểu biết của mình trong lĩnh vực này chưa được là bao. Tôi nhận thức thấy rõ rằng,

một quân đoàn trưởng hiện đại cần phải hiểu biết rất nhiều, nên đã kiên trì học tập để nắm vững các môn khoa học quân sự. Khi đọc các tài liệu lịch sử viết về những cuộc chiến tranh trước đây, các tác phẩm kinh điển nói về nghệ thuật quân sự và các cuốn hồi ký, tôi cố gắng rút ra những kết luận về đặc điểm của chiến tranh hiện đại, của những chiến dịch và các trận đánh hiện đại. Việc trực tiếp biên soạn những bài tập chiến dịch, chiến thuật để tiến hành các cuộc diễn tập chỉ huy của các sư đoàn, quân đoàn, các cuộc diễn tập cán bộ chỉ huy, cơ quan tham mưu và diễn tập có thực binh đã làm cho tôi học tập được rất nhiều. Sau mỗi lần diễn tập như vậy, tôi cảm thấy thu hoạch được thêm nhiều kiến thức, kinh nghiệm và cái đó hoàn toàn cần thiết không riêng cho sự trưởng thành của mình, mà cho cả những cán bộ trẻ do tôi phụ trách. Thật vui mừng biết bao khi thấy những cuộc tập bài hoặc diễn tập với các đơn vị, với cơ quan tham mưu hoặc với các tổ sĩ quan đã đem lại những lợi ích thiết thực cho những người tham dự. Tôi cho rằng, đó là phần thưởng to lớn nhất cho sự cố gắng của mình. Nếu trong một cuộc tập bài mà chẳng ai thu hoạch được gì mới và không khai thác được kiến thức gì trong vốn liếng hiểu biết của cán bộ cấp trên, thì nội dung cuộc tập bài ấy theo quan điểm của tôi, thật đáng chê trách đối với lương tâm người chỉ huy, và phải khẳng định rằng chất lượng buổi tập bài ấy chưa đạt yêu cầu. Mà việc gì phải giấu giếm

khuyết điểm là có nhiều đồng chí chỉ huy chúng ta về mặt kiến thức chưa hơn những đồng chí cấp dưới của mình.

Nếu trong những vấn đề quân sự tôi đã được may mắn nghiên cứu một cách cơ bản và liên tục, từng bước một, cả về lý thuyết cũng như thực hành, thì đối với học thuyết Mác - Lê-nin, tôi đã phải tìm hiểu trong từng giai đoạn, không thành hệ thống, và theo từng chuyên đề một.

Hồi ấy, không chỉ riêng tôi, mà nhiều đồng chí chỉ huy khác cũng thế. Song, Đảng đã làm tất cả những gì có thể để nâng cao trình độ tư tưởng của các cán bộ chỉ huy trong Hồng quân. Trong mọi trường cao đẳng đều đã có đầy đủ toàn bộ chương trình học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhưng có lẽ, đối với chúng ta, những người cán bộ chỉ huy, cần có nhiều cố gắng lớn lao hơn nữa theo phương hướng này. Trước đây, những đồng chí may mắn được theo học các khóa huấn luyện về chính trị tại Học viện chính trị Tôn-ma-chép chưa có là bao.

Trong thời gian chỉ huy quân đoàn, tôi nhận rõ sự cần thiết phải học tập nghiêm chỉnh những vấn đề về Đảng và chính trị, nên nhiều hôm tôi đã ngồi thâu đêm đọc các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Phải nói là, tiếp thu được những tác phẩm ấy không phải chuyện dễ dàng, nhất là bộ “Tư bản” của Các Mác và những tác phẩm triết học của V.I. Lê-nin. Song, tinh thần trách nhiệm đã buộc tôi phải lĩnh hội bằng được tài liệu đó.

Sau này, tôi lấy làm hài lòng thấy mình không lùi bước trước khó khăn, và như người ta thường nói, là đủ tinh thần học tập liên tục. Việc học tập ấy đã giúp tôi biết định ra phương hướng trong các vấn đề tổ chức lực lượng vũ trang, trong các chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng.

Trong khi tự học, tôi đã yêu cầu các đồng chí cấp dưới cũng phải thường xuyên học tập chiến lược và sách lược của Lê-nin, vì không học tập thì không thể lãnh đạo bộ đội có kết quả, không thể huấn luyện và giáo dục bộ đội để khi cần, biết chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc.

Cuối năm 1937, chúng tôi, tất cả những cán bộ chỉ huy các binh đoàn trong quân khu được triệu tập về họp để tổng kết và thảo luận nhiệm vụ huấn luyện cho bộ đội.

Tư lệnh quân khu M.P Cô-va-lép và ủy viên hội đồng quân sự I.O. Xu-xai-cốp đọc báo cáo. Báo cáo của M.P. Cô-va-lép được hoan nghênh. Bản báo cáo đó có chất lượng và bao quát được mọi việc, nhưng ai nấy đều thấy rõ đây là Cô-va-lép chứ không phải U-bô-rê-vích và thậm chí cũng không phải Bê-lốp. Rõ ràng là đồng chí cần phải cố gắng rất nhiều để trở thành một tư lệnh xứng đáng của một quân khu lớn như Quân khu Bê-lô-ru-xi hồi đó.

Hội nghị kết thúc bằng việc phổ biến những chỉ thị chung của Hội đồng quân sự. Hội nghị bề mặc hoàn toàn không giống như

hồi còn I.P. U-bô-rê-vích trước đây. Thời ấy sau hội nghị nào cũng đều giới thiệu những khí tài mới, tổ chức các buổi học tập mẫu của lục quân và không quân, hoặc những cuộc diễn tập và báo cáo về các chuyên đề lịch sử.

Năm 1938, công tác huấn luyện bộ đội về cơ bản tiến hành bình thường, và đến cuối năm, các đơn vị của quân đoàn Cô-dắc 6 đã đạt được những chỉ tiêu cao.

Cuối năm 1938, tôi được đề cử giữ chức vụ mới - phó tư lệnh Quân khu Bê-lô-ru-xi. Trong thời kỳ ấy, phó tư lệnh thứ nhất quân khu là quân đoàn trưởng Ph.I. Cu-dơ-nét-xốp (chính Cu-dơ-nét-xốp sau này đã chỉ huy Phương diện quân Tây-bắc trong thời kỳ đầu chiến tranh). Tôi được cử thay I.R. A-pa-xen-cô, đồng chí này chuyển sang làm phó tư lệnh Quân khu Ki-ép ở chỗ X.K. Ti-mô-sen-cô.

Thời bình tôi phụ trách việc lãnh đạo huấn luyện các đơn vị kỵ binh của quân khu và những lữ đoàn xe tăng độc lập dành để phối hợp hành động với kỵ binh theo kế hoạch động viên chiến đấu. Còn nếu xảy ra chiến tranh, tôi được phân công chỉ huy một cụm lực lượng kỵ binh cơ giới, thành phần có 4 - 5 sư đoàn kỵ binh, 3 - 4 lữ đoàn xe tăng độc lập và những đơn vị tăng cường khác.

Tôi không muốn rời khỏi quân đoàn mà tôi mới kịp quen biết. Nhưng triển vọng của những ngày công tác phụ trách một khối

lực lượng cỡ chiến dịch lớn cũng thật hấp dẫn, nên tôi đồng ý nhận sự bổ nhiệm mới.

Lữ đoàn trưởng A.I. Ê-rê-men-cô được cử làm quân đoàn trưởng quân đoàn 6 thay tôi.

Chia tay với các đồng chí chỉ huy và cán bộ chính trị của các sư đoàn và đơn vị trong quân đoàn, tôi lên đường tới Xmô-len-xcơ. Thời gian ấy bộ tham mưu của Quân khu Bê-lô-ru-xi đóng tại đây. Tư lệnh quân khu M.P. Cô-va-lép đón tiếp tôi rất nồng nhiệt.

Thời kỳ công tác tại các quân đoàn kỵ binh 3 và 6 đã cho tôi nhiều kinh nghiệm và kiến thức. Tôi biết ơn mãi mãi những đồng chí đã giúp tôi trong công tác, những đồng chí đã lao động trung thực vì sự nghiệp vĩ đại phòng thủ đất nước chúng ta.

[1] Quan điểm này đi đến coi nhẹ vai trò của lựu pháo - ND.

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 7

CUỘC CHIẾN TRANH KHÔNG TUYÊN BỐ Ở KHAN-KHIN GÔN

CUỐI tháng 5-1939, khi đang làm phó tư lệnh Quân khu Bê-lô-ru-xi, tôi cùng các đồng chí trợ lý chỉ đạo cuộc diễn tập cán bộ chỉ huy và cơ quan tham mưu ở ngoài trời trong vùng Min-xơ. Tham gia diễn tập có chỉ huy các binh đoàn kỵ binh và một số binh đoàn xe tăng trong quân khu, các đồng chí chỉ huy và cán bộ tác chiến của các cơ quan tham mưu.

Cuộc diễn tập tham mưu kết thúc và ngày 1-6 chúng tôi tiến hành tổng kết ở phòng tham mưu quân đoàn kỵ binh 3 ở Min-xơ. Bổng đồng chí chính ủy sư đoàn I.D. Xu-xai-cốp, ủy viên hội đồng quân sự quân khu báo cho tôi biết, đồng chí vừa nhận được điện từ Mát-xcơ-va lệnh cho tôi phải lên đường ngay để sáng mai gặp Ủy viên nhân dân quốc phòng.

Tôi đáp chuyến xe lửa chạy qua đầu tiên về Mát-xcơ-va, và sáng ngày 2-6 tôi đã có mặt tại phòng khách của K.E. Vô-rô-si-lốp

Đồng chí R.P. Khor-men-nít-xki, cán bộ phụ trách các nhiệm vụ đặc biệt ở Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng tiếp tôi và cho biết là K.E. Vô-rô-si-lốp đang đợi.

- Đồng chí tới gặp đi, còn tôi sẽ ra lệnh chuẩn bị ngay cho đồng chí hành lý để đi công tác xa.

- Công tác xa gì thế?

- Đồng chí cứ gặp Ủy viên nhân dân thì sẽ biết tất cả những điều cần biết.

Vào đến văn phòng của Ủy viên nhân dân, tôi báo cáo với đồng chí là tôi đã có mặt. K.E. Vô-rô-si-lốp thăm hỏi sức khỏe rồi nói:

- Quân Nhật đã bất ngờ xâm nhập vào biên giới nước Mông Cổ anh em của chúng ta, và theo hiệp ước ký kết ngày 12-3-1936, Chính phủ Liên Xô có trách nhiệm bảo vệ nước Mông Cổ chống bất kỳ mọi cuộc ngoại xâm nào. Bản đồ tình huống diễn biến ngày 30-5 đây.

Tôi bước lại chỗ bản đồ.

Ủy viên nhân dân chỉ cho tôi biết:

- Đây là chỗ đã diễn ra trong một thời gian dài những cuộc đột nhập khiêu khích vào những chiến sĩ biên phòng Mông Cổ, còn chỗ kia là nơi quân Nhật thuộc lực lượng đóng quân tại Khai-la đã xâm nhập lãnh thổ nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ và tấn công vào những đơn vị biên phòng Mông Cổ đang làm nhiệm vụ bảo vệ đoạn đất đai phía đông sông Khan-khin Gôn.

- Tôi nghĩ là, - Ủy viên nhân dân tiếp - một cuộc phiêu lưu quân sự nghiêm trọng đã mở đầu. Dù trong trường hợp nào, vấn đề chưa phải đã hết... Đồng chí có thể đi ngay tới đây được không, và nếu cần, có thể đảm nhiệm cả việc chỉ huy bộ đội được không?

- Tôi sẵn sàng đi ngay trong giờ phút này.

- Rất tốt, - Ủy viên nhân dân nói. - Máy bay dành cho đồng chí sẽ sẵn sàng tại sân bay trung ương lúc 16 giờ hôm nay. Đồng chí ghé qua chỗ I.V. Xmô-rô-đi-nốp để nhận những tài liệu cần thiết, và bàn thêm về việc liên lạc với Bộ Tổng tham mưu. Một tổ sĩ quan chuyên viên thuộc quyền đồng chí sẽ cùng đáp máy bay đi với đồng chí. Chúc đồng chí thành công, tạm biệt đồng chí!

Chia tay với Ủy viên nhân dân, tôi đi tới Bộ Tổng tham mưu gặp đồng chí I-van Va-xi-li-ê-vích Xmô-rô-đi-nốp, quyền Phó Tổng tham mưu trưởng mà trước đây tôi có quen biết. Trên mặt bàn làm việc của đồng chí ấy cũng đang trải rộng tám bản đồ giống như ở chỗ đồng chí Ủy viên nhân dân. I.V. Xmô-rô-đi-nốp nói rằng, đồng chí không nói gì thêm về tình hình mà Ủy viên nhân dân đã cho tôi biết, mà chỉ bàn về việc đặt liên lạc với tôi thôi.

- Tôi đề nghị, - I.V. Xmô-rô-đi-nốp nói, - khi đến nơi, đồng chí hãy nghiên cứu xem sự việc đang xảy ra ở đây thế nào và báo cáo về cho chúng tôi những ý kiến thẳng thắn của đồng chí.

Đến đây chúng tôi chia tay nhau.

Một lát sau, máy bay chúng tôi đã cất cánh và bay về hướng Mông Cổ. Chúng tôi nắm tình huống cuối cùng ở Chi-ta trước khi rời biên giới nước ta. Hội đồng quân sự quân khu mời chúng tôi đến để thông báo tình hình. Chúng tôi gặp tư lệnh quân khu V Ph. Ya-cốp-lép và ủy viên Hội đồng quân sự Đ.A. Ga-pa-nô-vích trong cuộc tham mưu quân khu. Các đồng chí cho biết những diễn biến mới nhất: điểm mới là máy bay Nhật đã bay sâu vào lãnh thổ nước cộng hòa nhân dân Mông Cổ và đuổi theo bắn phá các xe của chúng ta.

Sáng ngày 5-6, chúng tôi đến Tăm-xắc Bu-lắc, vào phòng tham mưu quân đoàn đặc biệt 57, ở đây chúng tôi gặp sư đoàn trưởng N.V. Phéc-len-cô, chính ủy sư đoàn M.X. Ni-ki-sép[1], tham mưu trưởng tư lệnh lữ đoàn A.M. Cu-sép và những đồng chí khác.

Khi báo cáo tình hình, A.M. Cu-sép nói đón trước ngay là tình hình chưa được nghiên cứu kỹ.

Căn cứ vào báo cáo, thấy rõ là, bộ tư lệnh quân đoàn không nắm được tình huống thực. Tôi hỏi N.V. Phéc-len-cô là đồng chí tính thế nào, ở cách chiến trường hàng 120 km thì có thể chỉ huy bộ đội được không?

- Chúng tôi ở đây, tất nhiên là nơi xa đấy, - đồng chí đáp lại, - nhưng ngoài ấy chưa được chuẩn bị về mặt tác chiến. Không có lấy một km đường dây điện thoại và điện báo, chưa chuẩn bị

xong sở chỉ huy và các bãi đỗ quân.

- Vậy cần phải làm như thế nào để có mọi thứ ấy?

- Tôi thấy cần phải người đi tìm gỗ lạt, vật liệu và bắt tay vào xây dựng sở chỉ huy.

Té ra là các đồng chí trong bộ tư lệnh quân đoàn, trừ đồng chí chính ủy M.X. Ni-ki-sép, chưa lần nào tới khu vực đang xảy ra các sự kiện nói trên. Tôi đề nghị quân đoàn trưởng phải lên ngay phía trước và nghiên cứu kỹ càng tình huống tại nơi đó. Viện có Mát-xơ-va có thể gọi điện thoại nói chuyện với đồng chí đó bất kể vào lúc nào, quân đoàn trưởng đề nghị chính ủy M.X. Ni-ki-sép sẽ đi cùng với tôi.

Trên đường đi, đồng chí chính ủy đã kể lại chi tiết về khả năng chiến đấu, cơ quan tham mưu, về từng đồng chí cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị trong quân đoàn. M.X. Ni-ki-sép đã để lại cho tôi một ấn tượng rất tốt. Đồng chí hiểu biết công việc của mình, hiểu biết mọi người, những mặt ưu điểm và khuyết điểm của họ. Do được nghiên cứu tỉ mỉ địa hình ở khu vực đang có những sự biến, được trao đổi ý kiến với các đồng chí chỉ huy và chính ủy các đơn vị bộ đội của ta và của quân đội Mông Cổ và với cả những cán bộ tham mưu, tôi đã có thể hiểu rõ đặc điểm, quy mô những sự kiện đã xảy ra và khả năng chiến đấu của quân Nhật. Đồng thời cũng nhận ra những thiếu sót trong các hoạt động của bộ đội ta và Mông Cổ. Một trong những thiếu sót chủ yếu là

không tổ chức trinh sát kỹ càng quân địch.

Tất cả đều nói lên rằng đây không phải chỉ là vụ xung đột ở biên giới, rằng quân Nhật chưa từ bỏ âm mưu xâm lược miền Viễn đông của Liên Xô và nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ, rằng chỉ trong thời gian rất ngắn nữa sẽ có những hành động với quy mô còn rộng lớn hơn.

Trong khi đánh giá tình huống chung, chúng tôi đã đi đến kết luận là, với những lực lượng hiện có trong biên chế của quân đoàn đặc biệt 57 đang đóng ở nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ, sẽ không thể chặn được cuộc phiêu lưu quân sự của Nhật, nhất là khi chúng tổ chức hoạt động đồng thời trên cả những vùng khác và từ những hướng khác nữa.

Trở về sở chỉ huy và hội ý với bộ tư lệnh quân đoàn, chúng tôi gửi báo cáo lên Ủy viên nhân dân quốc phòng. Trong báo cáo trình bày ngắn gọn kế hoạch hành động của bộ đội Xô - Mông là: bám chắc lấy căn cứ bàn đạp bên hữu ngạn sông Khan-khin Gôn, đồng thời chuẩn bị phản kích từ bên trong ra. Ngày hôm sau nhận được tin trả lời. Ủy viên nhân dân hoàn toàn đồng ý với việc đánh giá tình hình và kế hoạch hành động của chúng tôi. Ngay ngày hôm ấy chúng tôi cũng nhận được cả lệnh huyền chức quân đoàn trưởng quân đoàn đặc biệt 57 đối với N.V. Phéc-len-cô và cử tôi chỉ huy quân đoàn này.

Nhận thức rõ toàn bộ sự phức tạp của tình hình lúc đó, tôi đề nghị lên Ủy viên nhân dân quốc phòng tăng cường cho lực lượng không quân của chúng tôi và điều động tới vùng đang xảy ra chiến sự ít ra là 3 sư đoàn bộ binh, 1 lữ đoàn xe tăng và cho thêm pháo binh. Không có thể thì, theo ý kiến của tôi, không thể thu được thắng lợi.

Ngày hôm sau, nhận được thông báo của Bộ Tổng tham mưu cho biết là những đề nghị của chúng tôi đã được thông qua. Đang gửi máy bay bổ sung tới, và ngoài ra, trong số các phi công có 21 đồng chí lái là Anh hùng Liên Xô do đồng chí Ya.V. Xmu-skê-vích, một anh hùng nổi tiếng, dẫn đầu. Tôi biết rất rõ Xmu-skê-vích từ hồi còn ở Quân khu Bê-lô-ru-xi. Đồng thời, chúng tôi còn nhận được cả những máy bay cải tiến - máy bay I-16 và “Chai-ca”.

Các phi công Anh hùng Liên Xô đã tiến hành những công tác huấn luyện giáo dục sâu rộng trong quân đoàn chúng tôi và truyền đạt kinh nghiệm chiến đấu của mình cho các phi công trẻ mới bổ sung đến. Kết quả đã đạt được ngay trong một thời gian rất ngắn.

Ngày 22-6, 95 máy bay tiêm kích của ta đã mở một trận không chiến quyết liệt với 120 máy bay Nhật trên bầu trời nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ. Nhiều đồng chí Anh hùng Liên Xô đã tham gia trận đánh này và đã cho bọn phi công Nhật một bài học

đích đáng. Ngày 24-6, máy bay Nhật lại tới bắn phá, và lại bị đánh lui. Bị thất bại, bộ chỉ huy quân Nhật đã cho máy bay của chúng tháo lui vô cùng hỗn loạn.

Ngày 26-6, chừng 60 máy bay Nhật xuất hiện trên hồ Bu-ia Nua tại vùng Môn-gôn-rư-ba. Tại đây đã nổ ra trận không chiến gay go, ác liệt với các máy bay tiêm kích của ta. Có nhiều dấu hiệu chứng tỏ rằng lần này nhiều giặc lái Nhật có kinh nghiệm hơn tham gia, nhưng chúng vẫn không thể thu được thắng lợi. Sau này được biết là bộ chỉ huy quân Nhật đã tung vào đây những tên giỏi nhất trong hàng ngũ phi công lấy từ tất cả các đơn vị đã hoạt động ở Trung Quốc.

Tổng cộng trong những trận không chiến từ ngày 22 đến 26 tháng 6, quân địch mất 64 máy bay.

Những trận không chiến, tuy có bớt ác liệt hơn trước, nhưng vẫn tiếp tục gần như hàng ngày cho tới ngày 1-7. Trong những trận chiến đấu ấy, các phi công chúng ta được nâng cao thêm về tay lái và càng tôi luyện thêm về ý chí giành thắng lợi.

Với lòng biết ơn của một quân nhân, tôi thường nhớ đến những đồng chí phi công xuất sắc X.I. Grít-xép, G.P Gráp-chen-cô, V.M. Da-ba-lu-ép, X.P. Đê-ni-xốp, V.G Ra-khốp, V.Ph. Xcô-ba-ri-khin, L.A. Oóc-lốp, V.P. Cu-xtốp, N.X. Ghê-ra-xi-mốp và nhiều, nhiều đồng chí khác. Đội trưởng đội phi công là đồng chí Ya.V. Xmu-skê-vích, một người có tài tổ chức, rất thông thạo kỹ

thuật bay chiến đấu và nắm được hoàn toàn nghệ thuật bay.

Đồng chí là một con người cực kỳ khiêm tốn, một chỉ huy ưu tú và một đảng viên có nguyên tắc tính. Tất cả các phi công đều chân thành yêu mến đồng chí.

Việc không quân địch ngày một hoạt động tích cực hơn cũng không phải là ngẫu nhiên. Chúng tôi cho rằng, bọn chúng rõ ràng nhằm mục đích gây cho không quân ta những tổn thất nặng và làm bá chủ trên không để phục vụ cho chiến dịch tấn công lớn sắp tới của quân Nhật.

Thật vậy, như sau này được biết, trong suốt tháng 6, Nhật đã tập trung quân ở vùng Khan-khin Gôn và chuẩn bị mở chiến dịch lấy tên là “Thời kỳ thứ hai của biến cố Mông - Hán” nằm trong kế hoạch xâm lược bằng quân sự của chúng. Mục tiêu trước mắt của chiến dịch này của quân Nhật là:

- Hợp vây và tiêu diệt tất cả các cụm quân Liên Xô và Mông Cổ đóng tại phía đông sông Khan-khin Gôn.
- Vượt sông Khan-khin Gôn và tiến sang bờ phía tây sông đó nhằm đánh tan những lực lượng dự bị của ta.
- Đánh chiếm và mở rộng căn cứ bàn đạp phía tây sông Khan-khin Gôn để bảo đảm cho những hành động tiếp sau.

Để mở chiến dịch đó, địch điều động từ khu vực Khai-la những lực lượng dành để tác chiến trong biên chế của tập đoàn quân 6 đã triển khai xong.

Theo tính toán của bộ chỉ huy Nhật thì chiến dịch tấn công sắp tới phải hoàn thành trong nửa đầu tháng 7 để trước khi thu sang, chiến sự trong phạm vi biên giới nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ có thể chấm dứt được. Bộ chỉ huy Nhật chắc hẳn là chúng nhất định thắng đến nỗi đã mời một số phóng viên và tùy viên quân sự nước ngoài tới vùng xảy ra chiến sự để quan sát những thắng lợi của chúng. Trong số khách mời đến, có các phóng viên và tùy viên quân sự của nước Đức Hít-le và nước Ý phát-xít. Trước lúc tảng sáng ngày 3-7, đại tá I.M. A-phô-nin, cố vấn của Quân đội Mông Cổ, ra núi Ba-in Xa-gan kiểm tra trận địa phòng ngự của sư đoàn kỵ binh Mông Cổ 6. Hoàn toàn rất bất ngờ, đồng chí thấy ở đây đã có quân Nhật. Lợi dụng đêm tối chúng đã bí mật vượt sông Khan-khin Gôn, tấn công vào các phân đội của sư đoàn kỵ binh 6 của nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ. Dựa vào ưu thế lực lượng, trước lúc tảng sáng ngày 3-7, chúng đã đánh chiếm núi Ba-in Xa-gan và những đoạn địa hình tiếp giáp đó. Sư đoàn kỵ binh Mông Cổ 6 rút về phía tây bắc của núi Ba-in Xa-gan.

Nhận ra mối nguy cơ của tình thế mới, đại tá I.M. A-phô-nin liền tới ngay sở chỉ huy của đồng chí tư lệnh Quân đội Liên Xô (ít lâu sau, đến ngày 15-7, quân đoàn 57 đã triển khai thành cụm 1[2]), và báo cáo tình hình đã diễn ra tại núi Ba-in Xa-gan. Rõ ràng là ở khu vực này không đủ lực lượng để ngăn chặn được cụm quân

Nhật đang mở mũi đột kích vào sườn và sau lưng của chủ lực ta. Đứng trước tình huống đang phức tạp như vậy, tất cả những lực lượng dự bị của ta được báo động chiến đấu và nhận nhiệm vụ phải tiến quân ngay theo hướng chung đến núi Ba-in Xa-gan để tấn công quân địch. Lữ đoàn xe tăng 11 do lữ đoàn trưởng M.P. Ya-cốp-lép chỉ huy nhận lệnh đánh địch trong hành tiến. Trung đoàn bộ binh cơ giới 24 được tăng cường thêm một tiểu đoàn pháo binh do trung tá I.I. Phê-điu-nin-xki chỉ huy nhận lệnh hiệp đồng với lữ đoàn xe tăng 11 tấn công quân địch. Lữ đoàn cơ giới bọc thép 7 do đại tá A.L. Lê-xô-vui chỉ huy được giao nhiệm vụ từ phía nam đột kích vào quân địch. Tiểu đoàn xe bọc thép của sư đoàn kỵ binh Mông Cổ 8 cũng được điều động tới đây.

Sáng sớm ngày 3-7, bộ tư lệnh Liên Xô tới vùng núi Ba-in Xa-gan. Tiểu đoàn pháo binh hạng nặng thuộc trung đoàn pháo binh 185 được lệnh phải trình sát tới núi Ba-in Xa-gan và bắn vào quân Nhật. Đồng thời ra lệnh cho pháo binh đang bố trí ở phía sau sông Khan-khin Gôn (đang chi viện cho lữ đoàn cơ giới bọc thép 9) chuyển vào núi Ba-in Xa-gan. Tất cả máy bay của ta đã được lệnh báo động, cất cánh.

Lúc 7 giờ sáng, những tốp máy bay ném bom và tiêm kích đầu tiên của ta bay tới, bắt đầu ném bom và bắn phá núi Ba-in Xa-gan. Nhiệm vụ rất quan trọng lúc đó của chúng ta là phải dùng máy bay và pháo binh bắn phá làm tê liệt quân địch, ghìm chúng

lại, trước khi lực lượng dự bị của ta tới mở trận phản kích.

Máy bay và pháo binh được lệnh tăng cường và liên tục bắn phá vào những bến vượt sông Khan-khin Gôn để làm chậm trễ quá trình vượt sông và tập trung lực lượng của địch ở vùng núi.

Khoảng 9 giờ sáng, những phân đội pháo đi trước của tiểu đoàn tiền vệ thuộc lữ đoàn xe tăng 11 bắt đầu tiếp cận địch.

Tương quan lực lượng trực tiếp ở vùng Ba-in Xa-gan hình thành như sau:

Quân địch đã kịp tập trung tại núi Ba-in Xa-gan hơn 1 vạn lính bộ binh, bộ đội Liên Xô mới có khả năng tập trung hơn 1.000; quân Nhật có khoảng 100 đại bác và 60 pháo chống tăng, chúng ta mới có hơn 50 khẩu, kể cả số pháo từ bờ sông Khan-khin Gôn chi viện sang.

Tuy nhiên, trong hàng ngũ chúng ta lại có lữ đoàn xe tăng anh hùng 11 có tới 150 xe tăng, lữ đoàn cơ giới bọc thép 7 với 154 xe bọc thép và tiểu đoàn xe bọc thép Mông Cổ 8 được trang bị pháo 45 mm.

Như vậy, chủ bài của chúng ta là những binh đoàn xe tăng, xe bọc thép, và chúng tôi quyết định phải nhanh chóng lợi dụng những binh đoàn ấy để tiêu diệt trong hành tiến những đơn vị quân Nhật mới vượt sông, không cho chúng kịp ẩn nấp ở dưới đất và tổ chức phòng ngự chống tăng. Không thể trì hoãn việc tổ chức phản kích được nữa, vì, quân địch đã phát hiện ra những

đơn vị xe tăng ta đang tiến gần đến, chúng đang nhanh chóng áp dụng những biện pháp phòng ngự và bắt đầu cho ném bom vào những đội hình hàng dọc xe tăng của ta. Mà bọn chúng cũng không có nơi để ẩn nấp - xung quanh hàng trăm km là địa hình trống trải, thậm chí đến một bụi cây nhỏ cũng không có.

Lúc 9 giờ 15 phút, chúng tôi gặp lữ đoàn trưởng lữ đoàn xe tăng 11 M.P. Ya-cốp-lép. Đồng chí đi với lực lượng chủ yếu của tiểu đoàn tiền vệ và đang chỉ huy tiểu đoàn tác chiến. Sau khi thảo luận tình hình, chúng tôi quyết định cho toàn bộ không quân lên hoạt động, đẩy mạnh tốc độ tiến quân của xe tăng và pháo binh, và phải tấn công quân địch trước 10 giờ 45 phút. Lúc 10 giờ 45 phút, chủ lực của lữ đoàn xe tăng 11 đã triển khai xong và tấn công trong khi hành tiến vào quân Nhật.

Tên lính Nhật Na-ca-mu-ra đã ghi những sự kiện trong ngày 3-7 vào cuốn nhật ký như sau:

“Hàng mấy chục xe tăng bất ngờ tập kích vào các đơn vị ta.

Hàng ngũ quân ta hỗn loạn kinh khủng, ngựa hí vang trời, chạy toán loạn lộn theo những xe kéo pháo, ô-tô chạy khắp các ngã.

Trên trời, 2 máy bay ta bị bắn rơi. Toàn thể bộ đội mất tinh thần.

Trong những lời thốt ra từ mồm các lính Nhật, thường nghe thấy những tiếng “kinh khủng”, “đáng buồn”, “mất tinh thần”, “thật khủng khiếp”...”.

Chiến đấu tiếp diễn cả ngày và đêm mùng 4-7. Đến 3 giờ sáng

ngày 5-7, sức chống cự của quân địch hoàn toàn bị bẻ gãy, chúng vội vã rút về bên vượt. Nhưng bên vượt đã bị công binh của bọn chúng phá hủy vì sợ xe tăng ta đột phá vào. Bọn sĩ quan Nhật mang cả trang bị nhảy xuống nước tự tử, chìm ngấm ngay trước mắt các chiến sĩ xe tăng của ta.

Số tàn quân Nhật chiếm lĩnh ngọn núi Ba-in Xa-gan bị hoàn toàn tiêu diệt tại sườn núi phía đông, ở chỗ nước cạn của sông Khan-khin Gôn. Hàng ngàn xác chết, hàng đồng thây ngựa, vô số pháo các loại, súng cối, súng máy và ô-tô bị hư hỏng và phá hủy nằm ngổn ngang trên núi Ba-in Xa-gan. Có 45 máy bay Nhật, trong đó có 20 chiếc máy bay bổ nhào, bị bắn rơi trong những trận không chiến những ngày hôm ấy.

Tướng Ca-ma-su-ba-ra, tư lệnh tập đoàn quân 6 của Nhật (trước đây đã từng làm tùy viên quân sự ở Liên Xô), thấy cảnh tượng tiến triển như vậy nên ngay đêm rạng ngày 4-7 đã cùng với nhóm sĩ quan tác chiến của hắn rút lui về bên kia sông. Chuẩn úy Ô-ta-ni, làm việc trong cơ quan tham mưu của hắn đã mô tả cảnh ngài tư lệnh quân Nhật cùng các sĩ quan tùy tùng rời khỏi chiến trường trong cuốn nhật ký như sau:

“Xe của tướng Ca-ma-su-ba-ra lặng lẽ và thận trọng chuyển bánh. Trăng chiếu trên cánh đồng, sáng như ban ngày. Đêm im lặng và căng thẳng giống hệt như tâm trạng chúng tôi. Vùng Khan-khu[3] rực rỡ ánh trắng, ánh lên những ngọn lửa của bom

chiếu sáng do đối phương ném xuống. Cảnh tượng thật là khủng khiếp. Cuối cùng, chúng tôi cũng tìm ra cầu và bình an vượt sang sông trở về. Nghe nói, các đơn vị quân ta đang bị nhiều xe tăng đối phương bao vây và đang đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Phải đề phòng”.

Sáng ngày 5-7, trên núi Ba-in Xa-gan và bên bờ phía tây sông Khan-khin Gôn đã im tiếng súng. Trận đánh kết thúc bằng việc tiêu diệt lực lượng chủ yếu của quân Nhật. Đây là một chiến dịch phòng ngự tích cực cổ điển của Hồng quân. Sau chiến dịch, quân Nhật không còn dám liều lĩnh vượt sông sang bờ phía tây sông Khan-khin Gôn nữa.

Trong khi ấy bên bờ phía đông sông Khan-khin Gôn vẫn tiếp tục những trận đánh ác liệt như trước. Quân địch tuy bị đánh tan tại núi Ba-in Xa-gan, nhưng vẫn cố rút tàn quân sang bờ phía đông hòng chi viện cho cụm ở Ya-xu-ô-ca của chúng đang bị kiềm chế, cụm này đã tổn thất nặng mà không đạt được thắng lợi.

Việc tiêu diệt một lực lượng lớn quân Nhật tại núi Ba-in Xa-gan và giữ vững phòng ngự trên bờ phía đông sông Khan-khin Gôn là nguồn cổ vũ tinh thần đối với bộ đội ta và các đơn vị Mông Cổ. Chiến sĩ, sĩ quan và các đồng chí chỉ huy các đơn vị bạn và những người bạn chiến đấu của mình đã thu được thắng lợi.

Vai trò chủ yếu trong trận đánh tại núi Ba-in Xa-gan thuộc về lữ đoàn xe tăng 11, lữ đoàn cơ giới bọc thép 7, tiểu đoàn xe bọc thép Mông Cổ 8 và những đơn vị pháo binh, không quân cùng tham gia hiệp đồng. Kinh nghiệm chiến đấu ở vùng Ba-in Xa-gan chỉ ra rằng, biết sử dụng khôn khéo bộ đội xe tăng và cơ giới hiệp đồng ăn ý với không quân và pháo binh cơ động có nghĩa là chúng ta đã có trong tay phương tiện quyết định để tổ chức những chiến dịch tấn công nhanh với những mục tiêu kiên quyết. Lúc này, đối phương chỉ còn hạn chế trong những hành động trinh sát chiến đấu mà thôi. Tuy nhiên, ngày 12-8, một trung đoàn bộ binh Nhật được tăng cường pháo binh, xe bọc thép và một bộ phận xe tăng, có 22 máy bay ném bom chi viện, đã tấn công vào trung đoàn kỵ binh Mông Cổ 22 và đã chiếm lĩnh điểm cao Bôn-si-ê Pê-xki tại đoạn phía nam mặt trận. Quân địch tích cực xây dựng phòng ngự trên toàn bộ chính diện: chở các vật liệu bằng gỗ tời, đào đất, xây đắp hầm hào, tăng cường công trình phòng ngự. Không quân của chúng bị tổn thất

nặng (trong thời gian từ 23-7 đến 4-8 đã bị bắn rơi 115 máy bay) chỉ hạn chế hoạt động trong những vụ bay do thám và những vụ ném bom bắn phá nhỏ vào bên vượt chính giữa, các trận địa pháo binh và những đội dự bị.

Bộ tư lệnh quân đội Xô - Mông đang chuẩn bị kỹ lưỡng việc tổ chức một chiến dịch tổng tấn công trước ngày 20-8 nhằm tiêu diệt hoàn toàn quân địch đã xâm nhập vào biên cương nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ.

Để tổ chức chiến dịch đó, theo đề nghị của Hội đồng quân sự, cần điều động gấp từ Liên Xô đến cho cụm 1 những lực lượng, phương tiện mới, và cả những dự trữ vật chất, kỹ thuật, 2 sư đoàn bộ binh, 1 lữ đoàn xe tăng, 2 trung đoàn pháo binh và những đơn vị khác được bổ sung đến. Tăng cường cả máy bay ném bom và máy bay tiêm kích.

Để tiến hành chiến dịch rất phức tạp sắp tới, chúng ta phải chuyển vận qua những con đường đất từ trạm cung cấp đến sông Khan-khin Gôn trên một chặng đường dài 650 km những thứ sau đây:

- Đạn pháo: 18.000 tấn.
- Đạn cho không quân: 6.000 tấn
- Các loại chất đốt, xăng, dầu mỡ: 15.000 tấn
- Lương thực các loại: 4.000 tấn
- Nhiên liệu: 7.500 tấn

- Những vật dụng khác: 4.000 tấn

Để chuyển vận tất cả những thứ hàng trên đến trước lúc bắt đầu chiến dịch, yêu cầu phải có 3.500 xe chở hàng, và 1.400 xe chở dầu, mà lúc bấy giờ ở đây chỉ có 1.724 xe chở hàng và 912 xe chở dầu. Sau ngày 14-8, được bổ sung thêm 1.250 xe chở hàng và 375 xe chở dầu từ Liên Xô tới. Thế là còn thiếu mất 726 xe chở hàng và 113 xe chở xăng.

Việc vận chuyển chủ yếu dựa vào các phương tiện ô-tô vận tải của bộ đội và các loại xe có trong biên chế kể cả những xe kéo pháo. Chúng tôi quyết định phải áp dụng biện pháp hãn hữu này, vì một là, chúng tôi không còn đường giải quyết nào khác, và hai là, chúng tôi cho rằng phòng ngự của bộ đội ta đã vững.

Những dũng sĩ lái xe đã đảm đương trong thực tế những việc tưởng chừng không thể làm nổi. Trong điều kiện nóng nực như thiêu đất và gió hanh làm hao mòn sức lực con người, công tác vận chuyển kéo dài trong 5 ngày trên một chặng đường đi - về 1.200 - 1.300 km.

Quân khu Da-bai-can đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong việc xây dựng hậu phương và tổ chức vận chuyển. Không có sự giúp đỡ ấy chắc là chúng tôi không thể làm tròn nhiệm vụ xây dựng trong một thời gian rất ngắn những dự trữ vật chất, kỹ thuật cần cho chiến dịch.

Chúng tôi cho rằng, nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến

địch sắp tới là sự bất ngờ về chiến dịch và chiến thuật, nó sẽ đặt địch vào một tình thế không thể đối phó lại đòn đột kích quyết liệt của chúng ta và không thể tổ chức được cuộc kháng cự.

Chúng tôi đặc biệt có tính toán là bọn Nhật không có những binh đoàn xe tăng và cơ giới tốt nên không thể nhanh chóng điều động những đơn vị của những khu vực thứ yếu và trong tung thâm ra chống lại những tập đoàn đột kích của ta hoạt động ở hai bên sườn phòng ngự của địch nhằm hợp vây tập đoàn quân 6 của chúng.

Để đánh lừa địch và giữ gìn tuyệt mật những biện pháp của ta, Hội đồng quân sự trong khi xây dựng kế hoạch chiến dịch đã đồng thời vạch ra kế hoạch đánh lừa địch về mặt chiến dịch và chiến thuật bao gồm những nội dung sau đây:

- Bí mật tiến hành điều động và tập kết quân tăng cường từ Liên Xô đến.
- Bí mật điều chỉnh lực lượng và phương tiện đang phòng ngự bên kia sông Khan-khin Gôn.
- Tiến hành trinh sát thực địa những khu vực, những đoạn xuất phát và hướng tác chiến của bộ đội.
- Đặc biệt bí mật soạn thảo nhiệm vụ của mọi binh chủng tham gia trong chiến dịch.
- Dùng mọi binh chủng, quân chủng bí mật tiến hành trinh sát bổ sung.

- Hoang báo và đánh lừa địch làm chúng lầm lẫn ý định của ta. Chúng tôi đã dùng những biện pháp trên nhằm gây cho địch có ấn tượng phía ta không có dấu hiệu gì tỏ ra đang chuẩn bị tấn công, mà chỉ thấy ta đang triển khai rộng rãi việc cấu trúc phòng ngự, và chỉ có phòng ngự mà thôi. Vì vậy đã quyết định mọi việc chuyển quân, tập trung quân và điều chỉnh bộ đội chỉ tiến hành vào ban đêm là lúc hoạt động của máy bay trinh sát và đài quan sát mặt đất của địch bị hạn chế đến mức tối đa.

Kiên quyết cầm điều bộ đội trước ngày 17 - 18 tháng 8 ra khu vực dự định sẽ từ đó đột kích vào sườn và phía sau lực lượng bố trí của địch. Các cán bộ chỉ huy tiến hành trinh sát thực địa phải mặc binh phục chiến sĩ Hồng quân và nhất thiết phải đi bằng xe tải.

Chúng tôi nắm được quân địch đang tiến hành do thám bằng vô tuyến điện và rình nghe những câu chuyện nói bằng điện thoại, nên đã vạch ra một chương trình hoang báo trên hệ thống liên lạc vô tuyến và hữu tuyến. Các cuộc đàm thoại chỉ nói về việc xây dựng phòng ngự và chuẩn bị phòng ngự cho chiến cục thu đông thôi. Việc lừa địch bằng vô tuyến điện chủ yếu dựa vào những bộ mã dễ địch.

Cho phát thanh hàng ngàn truyền đơn và một số cuốn sách hướng dẫn chiến sĩ trong phòng ngự. Để những truyền đơn và sách đó lọt vào tay địch là nhằm cho chúng biết việc chuẩn bị về

mặt chính trị của bộ đội Xô - Mông đang đi theo phương hướng nào.

Việc tập trung bộ đội của những cụm đột kích hai bên sườn và động tác tiến ra những khu vực xuất phát tấn công được quy định tiến hành trong đêm 19 rạng ngày 20 tháng 8. Rạng sáng, tất cả phải che dấu trong các lùm cây dọc theo sông, trong các công sự đã được chuẩn bị riêng.

Dùng những mạng lưới ngụy trang làm bằng vật liệu kiếm được ở địa phương để giấu kín pháo, súng cối, xe kéo và những khí tài khác. Các đơn vị xe tăng sẽ thành từng tốp nhỏ từ nhiều hướng tiến ra khu vực xuất phát ngay trước lúc pháo binh và không quân bắn chuẩn bị. Tốc độ của xe tăng cho phép làm như vậy. Mọi việc chuyển quân ban đêm được ngụy trang bằng những tiếng động gây nên bởi động cơ máy bay đang bay, pháo, súng cối, súng máy, súng trường bắn ra do các đơn vị tiến hành chặt chẽ theo một kế hoạch ăn khớp với việc chuyển quân.

Để ngụy trang việc chuyển quân, chúng tôi đã sử dụng những máy phát ra những tiếng động giống hệt như tiếng bánh xe lăn, tiếng máy bay, tiếng xe tăng chạy, v.v... Chừng 12 - 15 ngày trước lúc bắt đầu chuyển quân của các cụm đột kích, chúng tôi đã tập cho địch nghe quen những tiếng động ấy. Thời gian đầu, quân Nhật nhận lầm, cho là bộ đội chuyển quân thật và cho bắn phá vào những vùng chúng nghe thấy những tiếng động ấy. Sau

này, hoặc là chúng đã quen, hoặc chúng nhận thấy chẳng đáng
quản ngại gì nên thường không chú ý tới những tiếng động ấy
nữa, cái đó rất có lợi cho chúng tôi trong thời gian chuyển quân
và tập trung thật.

Các đồng chí tư lệnh, ủy viên Hội đồng quân sự, chủ nhiệm
chính trị, tham mưu trưởng và trưởng phòng tác chiến chịu trách
nhiệm trực tiếp vạch ra kế hoạch tổng tấn công trong cơ quan
tham mưu để những tin tức về chiến dịch tấn công không lọt
sang bên quân địch. Các đồng chí tư lệnh và chủ nhiệm các binh
chủng, đồng chí chủ nhiệm hậu cần chỉ nghiên cứu những vấn đề
trên theo kế hoạch đã được tư lệnh phê chuẩn. Đánh máy kế
hoạch chiến dịch, mệnh lệnh, chỉ lệnh chiến đấu và các văn kiện
tác chiến khác giao riêng cho một nữ thư ký đánh máy phụ trách.
Gần đến ngày mở chiến dịch, cán bộ chỉ huy các cấp lần lượt
được giới thiệu kế hoạch chiến dịch. Bắt đầu giới thiệu trước 4
ngày, và kết thúc trước khi mở màn tác chiến một ngày đêm. Các
chiến sĩ và hạ sĩ quan nhận nhiệm vụ chiến đấu trước lúc tấn
công 3 tiếng đồng hồ.

Những sự kiện sau này và toàn bộ quá trình chiến dịch tấn công
của chúng ta chỉ ra rằng, những biện pháp đặc biệt nhằm hoang
báo và nghi binh lừa địch cùng những biện pháp khác nhằm
chuẩn bị một chiến dịch bất ngờ và giữ một vai trò tối quan
trọng, và quân địch thực sự đã bị bất ngờ.

Việc tổ chức trinh sát kỹ lưỡng quân địch đã được đặc biệt chú ý trong lúc chuẩn bị chiến dịch tháng 8. Nhiều cán bộ chỉ huy, tham mưu và các cơ quan trinh sát lúc bắt đầu tác chiến tỏ ra còn thiếu kinh nghiệm. Các đồng chí giao cho trinh sát rất nhiều nhiệm vụ mà thường là những nhiệm vụ không thực hiện nổi và không có ý nghĩa quan trọng lắm. Kết quả là những cố gắng của các cơ quan trinh sát bị phân tán, ảnh hưởng đến những mục tiêu trinh sát chủ yếu. Thường thường chính các trinh sát viên đã làm cho bộ chỉ huy đi tới những kết luận sơ bộ lầm lẫn, vì chỉ dựa vào một số những dấu hiệu và xét đoán nào đó thôi.

Tất nhiên, trong lịch sử những trận đánh và những chiến dịch cũng có những trường hợp có những kết luận sơ bộ tương tự mà vẫn chính xác, nhưng chúng ta không thể xây dựng một chiến dịch quan trọng lại dựa vào những tin tức còn đang nghi ngại. Trong chiến dịch hợp vây và tiêu diệt tập đoàn quân của địch sắp tới, điều chính mà chúng ta cần nắm chắc là vị trí bố trí chính xác và quân số của địch.

Việc khai thác tin tức địch càng gặp khó khăn thêm vì đây là vùng không có nhân dân sinh sống. Dựa được vào dân, ta có thể tìm ra tin tức. Hàng binh Nhật cũng không có. Còn những người Bắc-gút[4] chạy sang hàng ngũ ta thường lại không biết gì về vị trí và quân số của các đơn vị, binh đoàn quân Nhật. Chúng tôi, nhận được những tin tức tốt nhất là do trinh sát chiến đấu. Tuy

nhiên, những tin tức ấy mới chỉ là những tin về ngoài tiền duyên và những trận địa gần nhất của pháo binh và súng cối địch.

Máy bay trinh sát của ta cung cấp được nhiều bức ảnh tốt chụp được phòng ngự bên trong của địch, nhưng cũng phải chú ý là địch thường áp dụng rộng rãi những mô hình và hoạt động nghi binh, nên chúng ta phải rất thận trọng khi kết luận và phải kiểm tra đi lại nhiều lượt để xác định đâu thật, đâu giả.

Những toán trinh sát nhỏ của ta ít khi lọt được vào bên trong phòng ngự của địch, vì quân Nhật kiểm soát địa hình khu vực đóng quân của chúng khá chặt.

Tuy vậy, dầu có những hoàn cảnh không thuận lợi ấy, chúng ta vẫn tổ chức được trinh sát và thu được nhiều tin có giá trị.

Trinh sát của trung đoàn cơ giới 149 hoạt động giỏi; thiếu tá I.M. Rê-mi-đốp, trung đoàn trưởng, Anh hùng Liên Xô, đã trực tiếp đứng ra tổ chức việc trinh sát của trung đoàn. Đồng chí là người hiểu biết toàn diện đặc điểm của công tác trinh sát. Tôi đã trông thấy thiếu tá I.M. Rê-mi-đốp ngoài bãi huấn luyện. Đồng chí trình bày làm mẫu cho các trinh sát viên cách mai phục bắt tù binh thế nào cho tốt, và bằng cách nào lọt qua lưới canh gác của địch trong đêm tối. Thiếu tá là một người sành sỏi về cách phân biệt những tin tức trinh sát không đúng sự thật. Các chiến sĩ trinh sát rất vui lòng thấy người trung đoàn trưởng mà mình hằng yêu mến và kính trọng lại đích thân đứng ra huấn luyện cho họ.

Chúng tôi cho rằng chỗ yếu trong cụm quân Nhật là hai bên sườn phòng ngự và chúng không có những đội dự bị cơ động. Còn nói về địa hình thì chỗ nào cũng đều khó khăn cho bộ đội tấn công. Căn cứ vào những nhiệm vụ cụ thể, đã vạch ra cả kế hoạch công tác Đảng và công tác chính trị bảo đảm cho chiến dịch. Kế hoạch gồm hai giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn thực hành. Trong giai đoạn chuẩn bị, chủ yếu là đề ra công tác bảo đảm thực hiện những biện pháp của Hội đồng quân sự nhằm tập trung lực lượng và phương tiện cho chiến dịch, làm việc với các đơn vị mới điều trong nước ra, truyền thụ kinh nghiệm chiến đấu cho họ. Để hoàn thành nhiệm vụ rất quan trọng đó, đòi hỏi tất cả các đảng viên cộng sản, các cán bộ chính trị và các cán bộ chỉ huy phải hoạt động tích cực trực tiếp trong các tiểu đội, trung đội và đại đội. Phải chú ý đến nhiều các cơ quan hậu cần, vì việc bảo đảm vật chất - kỹ thuật kịp thời cho chiến dịch phụ thuộc phần lớn vào những cơ quan đó .

Bộ đội Liên xô nhận thức rằng, nghĩa vụ quốc tế vô sản của chúng ta là không bỏ nhân dân Mông Cổ anh em trong những giờ thử thách nặng nề.

Báo “Hong quân anh hùng” đã tích cực mở rộng công tác chính trị. Số nào cũng phổ biến gương chiến đấu của chiến sĩ, cán bộ, các đơn vị và truyền thống chiến đấu của Hồng quân. Cộng tác tích cực với báo này có các nhà văn V. Xtáp-xki, K. Xi-mô-nốp,

L. Xla-vin, B. La-pin, D. Kha-xrê-vin, V. Vi-snép-xki, E. Pê-tơ-rốp và những phóng viên nhiếp ảnh đã từng đi khắp mọi nơi - M. Béc-stanh và V. Tê-min. Tôi muốn đặc biệt nói về Vla-đi-mia Xtáp-xki. Đồng chí là nhà văn, một cán bộ tuyên huấn xuất sắc, đã cùng ăn ở và sinh hoạt chung với các chiến sĩ. Tôi cho rằng đồng chí đúng là một phóng viên mặt trận ưu tú. Rất tiếc là nhà văn phóng viên mặt trận chân chính ấy đã hy sinh, hy sinh như một chiến sĩ trong những trận đánh ở gần Mát-xcơ-va năm 1941. Chủ bút báo là D. Ốc-ten-béc, một cán bộ có khả năng và tháo vát. Đồng chí biết đoàn kết tập thể các cộng tác viên của tờ báo, lôi cuốn được nhiều chiến sĩ, cán bộ chỉ huy, cán bộ công tác Đảng và công tác chính trị tích cực tham gia viết báo. Lúc bắt đầu chiến dịch, ban biên tập báo chủ yếu phải cho in và phát hành thật nhanh chóng những truyền đơn để phổ biến cho các chiến sĩ và cán bộ .

Ngày 20-8-1939, bộ đội Liên Xô và Mông Cổ mở chiến dịch tổng tấn công nhằm hợp vây và tiêu diệt quân Nhật.

Hôm ấy vào ngày chủ nhật, tiết trời âm áp, thanh bình. Bộ chỉ huy quân Nhật, tin là bộ đội Xô - Mông chưa nghĩ đến tấn công và cũng chưa chuẩn bị cho tấn công, đã cho phép các tướng lĩnh và sĩ quan cao cấp nghỉ ngày chủ nhật. Nhiều tên hôm ấy đi rất xa: có tên đi Khai-la, Gan-dua, có tên đi Gin-gin-xu-mê . Chúng tôi đã tính đến tình hình không kém phần quan trọng đó và hạ

quyết tâm mở chiến dịch đúng vào ngày chủ nhật.

Lúc 5 giờ 45 phút, pháo binh ta bắn mạnh và bắt ngờ vào pháo cao xạ và súng máy cao xạ của địch. Có những khẩu pháo được tách riêng ra để bắn đạn khói vào các mục tiêu cho máy bay ném bom ta tới oanh tạc.

Ở vùng sông Khan-khin Gôn, tiếng động cơ máy bay đang bay tới ngày một mạnh thêm. 150 máy bay ném bom và chừng 100 máy bay tiêm kích đã cất cánh. Cuộc bắn phá của không quân rất mạnh, nâng cao thêm khí thế của chiến sĩ và cán bộ ta.

Lúc 8 giờ 15 phút, pháo binh, súng cối tất cả các cỡ bắt đầu nhả đạn vào những mục tiêu quân địch, bắn tới mức tối đa của khả năng kỹ thuật.

Lúc 8 giờ 30 phút, máy bay ta lại tới. Qua tất cả đường điện thoại và vô tuyến, truyền đi bằng mật mã mệnh lệnh: 15 phút nữa bắt đầu tổng tấn công.

Đúng 8 giờ 45 phút, khi máy bay ta công kích quân địch, ném bom vào pháo binh của chúng, thì những pháo hiệu đỏ bắn lên lệnh cho bộ đội bắt đầu vận động ra tấn công. Các đơn vị tấn công được pháo binh bắn yểm hộ đã vọt nhanh về phía trước.

Máy bay và pháo binh ta bắn phá mãnh liệt và rất có kết quả, chế áp được cả tinh thần, lực lượng của địch và trong suốt một tiếng rưỡi đồng hồ đầu, pháo của chúng không bắn trả được. Những đài quan sát, thông tin hên lác và các trận địa hỏa lực của pháo

binh Nhật bị phá vỡ.

Đợt tấn công diễn ra rất khớp với kế hoạch chiến dịch và các kế hoạch của trận đánh, chỉ riêng có lũ đoàn xe tăng 6 vì chưa vượt được hết sông Khan-khin Gôn nên chỉ có một bộ phận lực lượng tham gia chiến đấu ngày 20-8. Đến cuối ngày hôm ấy, lũ đoàn hoàn thành vượt sông và tập trung quân.

Ngày 21 và 22 tháng 8 xảy ra những trận đánh rất ngoan cường, nhất là ở vùng Bôn-si-ê Pe-xki, nơi quân địch chống cự lại mạnh hơn ta dự kiến. Để sửa chữa khuyết điểm ấy phải đưa lũ đoàn xe bọc thép 9 lấy trong đội dự bị vào chiến đấu và tăng cường thêm pháo binh.

Sau khi đánh tan các cụm quân địch đóng ở hai bên sườn, chiều ngày 26-8, các đơn vị xe tăng bọc thép và cơ giới đã hợp vây xong toàn bộ tập đoàn quân 6 của Nhật, và từ sau ngày hôm ấy bắt đầu cắt địch ra từng bộ phận và tiêu diệt chúng.

Chiến đấu gặp nhiều khó khăn vì có những bãi cát bùn nhùng, những thung lũng sâu và những đồi cát. Các đơn vị quân Nhật chiến đấu đến tận lính cuối cùng. Song dần dà binh lính chúng cũng nhận rõ thấy việc tuyên truyền lừa bịp về sự bất khả chiến thắng của quân đội Nhật hoàng, bởi vì quân đội chúng đã bị thiệt hại rất nặng, và trong 4 tháng chiến tranh không thắng được một trận nào.

Xem những dòng chữ ghi chép lại của binh lính và sĩ quan Nhật

nói lên cảm tưởng của bọn chúng trong thời gian ấy cũng cảm thấy thú vị.

Ví như cuốn nhật ký của Pha-cư-ta:

“20-8-1939.

Từ sáng, tiết trời êm đẹp. Có tới 50 chiếc máy bay tiêm kích và ném bom của đối phương bay thành từng tốp xuất hiện trên bầu trời. Lúc 6 giờ 30 phút, pháo binh đối phương bắt đầu bắn phá với toàn bộ sức mạnh hỏa lực. Đạn pháo gầm rít trên đầu. Hàng loạt đạn rơi gần chỗ chúng tôi. Thật là khủng khiếp. Đội quan sát dùng tất cả mọi cách để phát hiện ra pháo binh đối phương nhưng không có kết quả, vì những máy bay ném bom giội bom xuống, còn máy bay tiêm kích thì bắn quét vào bộ đội ta. Đối phương thắng lợi trên khắp mặt trận.

7 giờ 45 phút.

Thật khủng khiếp. Những tiếng rền và nổ gợi lên cảnh địa ngục. Tình huống rất là gay go nặng nề. Tình cảnh tồi tệ, chúng tôi bị vây rồi. Nếu đêm mà trời tối thì cứ phải nằm giữ đội hình trong các hào giao thông. Binh lính chán nản. Tình hình chúng tôi kém sút, rối ren, phức tạp

8 giờ 30 phút.

Pháo binh đối phương vẫn không ngừng bắn phá vào các đơn vị chúng tôi. Chui vào đâu cũng không có lối thoát, đạn nổ khắp nơi. Lối thoát của chúng tôi chỉ ở Bơ-đi-xát-va[5].

14 giờ 40 phút.

Trận đánh diễn ra ác liệt. Bao nhiêu người bị giết và bị thương, chúng tôi không biết... Bắn phá vẫn không ngớt.

21 tháng Tám.

Nhiều máy bay của không quân Xô - Mông oanh tạc các trận địa chúng tôi, pháo binh cũng làm chúng tôi suốt ngày lo lắng. Sau các trận ném bom và pháo bắn, bộ binh đối phương leo lên xung phong. Số bị giết ngày một tăng. Đêm tối, máy bay địch ném bom vào các đơn vị hậu cần.

22 tháng Tám - 9 giờ 30 phút.

Bộ binh đối phương bắt đầu xung phong, súng máy của họ bắn rất mạnh. Chúng tôi bị nguy ngập hẳn rồi, sợ quá. Khí sắc mọi người xấu hẳn. Khi tất cả các sĩ quan bị chết, tôi được cử làm đại đội trưởng. Việc này làm tôi lo lắng quá đỗi và suốt đêm không ngủ được.”

Cuộc đời và cuốn nhật ký của Pha-cu-ta đến đây cũng chấm dứt. Trong quân đội Nhật hồi đó có chú ý đặc biệt đến việc nhồi sọ tư tưởng cho bọn binh lính được phái đi đánh nhau với Hồng quân. Bọn chúng mô tả quân đội ta là quân đội còn lạc hậu về mặt kỹ thuật, chiến đấu giống như quân đội Sa hoàng ngày xưa trong thời đại chiến tranh Nga - Nhật năm 1904 - 1905. Vì vậy, những điều binh lính Nhật đã trông thấy trong các trận đánh tại sông Khan-khin Gôn khi xe tăng, pháo binh, không quân và bộ binh ta

hiệp đồng chặt chẽ tiến hành tấn công, đã làm chúng bị hoàn toàn bất ngờ.

Binh lính Nhật bị mê hoặc rằng, nếu bị bắt làm tù binh thì thế nào chúng cũng bị xử bắn, và trước hết sẽ bị hành hạ, tra tấn đến sống dở chết dở. Phải nói là, kiểu tác động tinh thần quân Nhật trong thời kỳ đó cũng đã đạt được mục đích nhất định.

Song, lời tuyên truyền, tác động ấy đã bị thực tế làm cho sụp đổ. Tôi còn nhớ, tảng sáng một ngày tháng 8, người của ta dẫn đến chỗ tôi ở đài quan sát một tù binh Nhật, mặt mũi bị muỗi đốt sần sùi. Tên này bị các trinh sát viên của trung đoàn I.I. Phê-điu-nin-xki bắt được trong bãi cỏi.

Tôi hỏi ai đã làm tội tình hắn như vậy, và hắn bị hãm ở đâu mà đến nỗi thế. Hắn trả lời là từ chiều hôm qua cấp trên bắt hắn cùng với những binh sĩ khác bí mật mai phục ngoài bãi cỏi để quan sát những hành động của quân Nga, nhưng lại không cấp cho bọn chúng màn chống muỗi. Đại đội trưởng của hắn ra lệnh không được động dậy để đối phương không phát hiện ra. Đêm đến, muỗi bay ra tập kích bọn chúng, nhưng chúng vẫn phải nhẫn nhục chịu muỗi đốt và ngồi cho đến sáng, không được động dậy để khỏi lộ.

- Đến khi người Nga kêu lên tiếng gì đó và giơ súng lên - tên tù binh thuật lại - tôi bèn giơ hai tay lên, vì không thể chịu cảnh khổ nhục này hơn nữa.

Chúng tôi cần lấy tin quân Nhật ở khu vực bắt được tên tù binh ấy. Muốn cho hắn cung khai, tôi lệnh rót cho hắn nửa cốc rượu vốt-ca. Tôi ngạc nhiên xiết bao, thấy hắn nhìn đến cốc rượu, nói rằng:

- Xin ngài hớp cho một ngụm, tôi sợ bị đầu độc. Cha tôi có mình tôi là người con trai độc nhất, ông ta lại có cả một cửa hàng bách hóa, nên tôi là người độc nhất được thừa kế gia sản của ông ta. Đồng chí phiên dịch của ta nhận xét là theo cảm nang cấp trên trao cho các binh sĩ Nhật, thì binh sĩ Nhật phải chết một cách can đảm, miệng hô “Ban-dai[6]”. Tên tù binh khẽ cười đáp :

- Cha tôi dặn là tôi phải cố sống mà trở về nhà.

Ngày 30-8-1939, chúng ta đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn quân 6 Nhật xâm nhập vào biên giới nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ. Đồng chí Kh. Chôi-ban-xan lúc đi thăm các đơn vị bộ đội ta đã chân thành cảm ơn các chiến sĩ, những người Xô-viết đã lấy máu mình để chứng minh lòng trung thành với nghĩa vụ quốc tế. Đòn đánh trả quyết liệt của bộ đội Xô - Mông, trận tiêu diệt chưa từng thấy những lực lượng tinh nhuệ của cả một tập đoàn quân Nhật đã buộc các giới cầm quyền Nhật lúc đó phải xem xét lại những quan điểm của chúng về sự hùng cường và khả năng chiến đấu của các lực lượng vũ trang Liên Xô, nhất là tinh thần kiên cường của các chiến sĩ Xô-viết.

Ủy viên nhân dân quốc phòng K.E. Vô-rô-si-lốp viết trong nhật

lệnh ngày 7-11-1939: “Về vang thay các chiến sĩ và cán bộ đã tham gia chiến đấu trong khu vực sông Khan-khin Gôn. Tinh thần dũng cảm và anh hùng, quyết tâm hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chiến đấu của các đồng chí tham gia chiến đấu ở khu vực sông Khan-khin Gôn rất xứng đáng được hoan nghênh”.

Đảng Cộng sản và đội ngũ đảng viên ở tiền tuyến (tổ chức Đảng của tập đoàn quân) là linh hồn của những hành động anh hùng của các chiến sĩ chúng ta. Các đảng viên cộng sản đã nêu những tấm gương dũng cảm, cổ vũ các chiến sĩ xông lên lập chiến công. Tôi muốn nói đến những cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị, bằng sức mạnh của tổ chức mình, bằng công tác chính trị và công tác Đảng, bằng cách chỉ huy khôn khéo, đã đẩy mạnh tốc độ tiêu diệt quân Nhật, làm rạn vỡ Hồng quân Liên Xô.

Tôi thành tâm nhớ đến đồng chí chính ủy sư đoàn M.X. Ni-ki-sép. Là một cán bộ lãnh đạo sáng suốt, một đảng viên có nguyên tắc tính rất cao, đồng chí đã khéo léo làm công tác Hội đồng quân sự khiến cho trong bất kỳ tình huống phức tạp và căng thẳng nào cũng không hề nảy sinh những hoài nghi và bất hòa trong hàng ngũ chúng tôi. Và tất cả chúng tôi, những người đã tham gia chiến đấu tại Khan-khin Gôn, đau buồn sâu sắc khi được tin đồng chí hy sinh trong thời kỳ đầu cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại ở U-crai-na, ở đây đồng chí giữ chức ủy viên Hội đồng quân sự của tập đoàn quân 5 thuộc Phương diện quân Tây-

nam.

Không thể quên những chiến công anh hùng của các phi công Xa.V. Xmu-skê-vích, X.I. Grít-xê-vét, V.M. Da-ba-lu-ép, G.P. Tráp-chen-cô, V.M. Xcô-ba-ri-khin, V.G. Ra-khốp và những đồng chí khác đã nêu những điển hình về lòng dũng cảm và trí can trường.

Một hôm trong khi truy kích tốp máy bay Nhật, đồng chí lái máy bay tiêm kích X.I. Grít-xê-vét, hai lần Anh hùng Liên Xô, phát hiện thấy trong đội thiếu máy bay của đồng chí Anh hùng Liên Xô V.M. Da-ba-lu-ép, người chỉ huy của mình. Sau khi bắn một loạt đạn vào máy bay quân địch đang rút chạy, đồng chí ngừng đuổi đánh chúng và bắt đầu tìm kiếm chiếc máy bay bị mất tích. Đồng chí lượn vòng quanh khu vực mới công kích và nhận ra chiếc máy bay đó trên bãi cỏ thuộc vùng đất đai quân Nhật.

Lúc bay là xuống thấp, X.I. Grít-xê-vét trông thấy V.M Da-ba-lu-ép bên cạnh chiếc máy bay. Có lẽ , xảy ra tai nạn nào đây.

Làm thế nào bây giờ? Mặc dù hạ cánh xuống vùng sau lưng địch là một việc tối nguy hiểm, X.I. Grít-xê-vét vẫn không ngần ngại hạ quyết tâm: dầu thế nào cũng phải cứu bằng được đồng chí chỉ huy của mình. Gương “cảm tử cứu bạn” đó chúng ta đã có từ thời Xu-vô-rốp.

Người phi công gan dạ và rất bình tĩnh đó đã khéo đổ máy bay xuống một bãi đầy hố bom. Anh lái máy bay tới ngay chỗ V.M.

Da-ba-lu-ép và đỡ đồng chí ấy vào trong buồng lái chiếc máy bay chỉ có một chỗ ngồi của mình. Xong, anh cho máy bay quành lại ngược gió và cất cánh bay cao, chở cả hai người bình an trở về sân bay của mình trước mắt bọn địch đang ngây người dõi theo.

Trong một trận trinh sát chiến đấu chống Nhật, chi đội của thiếu tá I.L. Ca-xpê-rô-vích bị hỏng một chiếc xe “Gát”. Chiến sĩ lái xe Ti-mô-khin không chịu rời xe, anh ở lại bãi chiến đấu cố sửa chỗ bị hỏng. Bọn Nhật nhận thấy những hành động can đảm đó của chiến sĩ ta, quyết định bắt sống đồng chí. Ti-mô-khin đã chiến đấu như một chiến sĩ xô-viết chân chính. Tuy bị thương nặng, đồng chí vẫn tiếp tục chiến đấu.

Thiếu tá I.L. Ca-xpê-rô-vích, chỉ huy chi đội, bất chấp mọi tình huống khó khăn lúc bấy giờ, đã có một quyết định rất táo bạo: phải cứu cho được người chiến sĩ của mình. Sau khi lệnh cho tập trung pháo bắn thẳng vào những hỏa điểm quân Nhật, đồng chí đã triển khai đại đội và dẫn đại đội tấn công quân địch. Đồng chí ngồi trên xe bọc sắt, lái thật nhanh tới chỗ xe của Ti-mô-khin và móc xe kéo về. Khi trở về nơi đóng quân, Ti-mô-khin cảm động ứa nước mắt, cảm ơn người chỉ huy và các đồng chí đã liều mình cứu anh

khỏi cái chết khó còn cách nào tránh khỏi.

- Tôi tin chắc là các bạn không quên tôi, không bỏ tôi trong lúc

hoạn nạn, - anh nói trước khi đi bệnh viện, - và điều trị xong, tôi sẽ trở về ngay với các bạn, các bạn thân mến ạ

Thượng úy phi công Anh hùng Liên Xô V.Ph. Xcô-ba-ri-khin trong một trận đánh không cân sức đã lao máy bay mình vào máy bay tiêm kích Nhật, cứu được thượng úy V.N. Bu-xơ, đồng đội của mình, và sau khi diệt chiếc máy bay tiêm kích ấy, lại tham chiến ngay với 2 máy bay khác. Các phi công Nhật nhận ra là chúng đang phải đương đầu với một địch thủ như thế nào, nên đã cho vòng máy bay, bay về hướng sân bay của chúng. Mặc dù máy bay của mình bị hỏng, V.I. Xcô-ba-ri-khin vẫn lái được về sân bay an toàn. Sau khi hạ cánh, người ta thấy trên máy bay của đồng chí còn dính những mảnh vỡ của máy bay tiêm kích Nhật. Đặc biệt nổi lên trong các trận không chiến là thượng úy Anh hùng Liên Xô V.G. Ra-khốp. Ngày 29-7, đồng chí đã mặt giáp mặt với một phi công đại tài và đầy kinh nghiệm của Nhật. V.G. Ra-khốp lượn vòng lao vào đánh địch. Trong quá trình trận đánh, phi công Nhật Ta-kê-ô đã thi thố hết cả nghệ thuật của hần, nhưng cuối cùng V.G. Ra-khốp vẫn bắn cháy được chiếc máy bay của Ta-kê-ô. Phi công Nhật nhảy dù ra khỏi máy bay và, khi nhận ra là dù của hần rơi xuống địa hạt Mông Cổ, hần định tự vẫn, nhưng đã bị bắt làm tù binh.

Được các cán bộ Hồng quân đối xử tốt, và sau khi hết những nỗi lo sợ, Ta-kê-ô xin được gặp đồng chí phi công của ta đã đánh

giỏi và bắn rơi chiếc máy bay của hắn. Lúc V.G. Ra-khốp bước đến, tên phi công Nhật cúi gập người xuống chào, chúc mừng người chiến thắng.

Với lòng biết ơn, tôi nhớ đến nhiều đồng chí cán bộ đã cộng tác với tôi trong thời gian ấy. Lúc đầu chiến sự ở khu vực sông Khan-khin Gôn, I.I. Phê-điu-nin-xki làm trợ lý của trung đoàn trưởng, phụ trách về mặt quản lý kinh tế. Khi cần một cán bộ chỉ huy trung đoàn bộ binh cơ giới 24, I.I. Phê-điu-nin-xki được đề cử trước tiên. Và chúng tôi đã không nhầm. Trong mọi trường hợp khó khăn, I.I. Phê-điu-nin-xki đã biết tìm ra cách giải quyết đúng đắn và đến khi bộ đội ta bắt đầu tổng tấn công, trung đoàn do đồng chí chỉ huy đã chiến đấu thắng lợi.

Lúc kết thúc chiến sự tại sông Khan-khin Gôn, I.I. Phê-điu-nin-xki được cử làm sư đoàn trưởng sư đoàn 82. Trong thời kỳ đầu cuộc Chiến tranh giữ nước, sư đoàn 82 đã chiến đấu rất ngoan cường trên hướng Mô-gia-ích, và nguyên sư đoàn trưởng I.I. Phê-điu-nin-xki đã chỉ huy quân đoàn bộ binh chiến đấu thắng lợi trên mặt trận tây-nam.

Lữ đoàn trưởng Mi-kha-in I-va-nô-vích Pô-ta-pốp là trợ lý của tôi. Đồng chí đảm nhiệm công tác lớn là phụ trách việc tổ chức hiệp đồng các binh đoàn và các binh chủng và, khi chúng ta bắt đầu tổng tấn công, Mi-kha-in I-va-nô-vích được ủy nhiệm lãnh đạo mũi đột kích chủ yếu bên cánh phải của mặt trận. Đặc điểm

của M.I. Pô-ta-pốp là tính tình điềm đạm. Không một việc gì làm đồng chí nổi nóng. Thậm chí ngay trong những lúc tình huống phức tạp, đáng lo ngại, đồng chí vẫn hết sức bình tĩnh và cái đó rất có lợi cho bộ đội. Trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, khi chỉ huy tập đoàn quân 5 của Phương diện quân Tây-nam, đồng chí vẫn giữ được tác phong ấy.

Công tác thông tin liên lạc trong chiến đấu và chiến dịch giữ một vai trò quyết định. Vì vậy tôi muốn dùng những lời tốt đẹp nói về đại tá A-lếch-xây I-va-nô-vích Lê-ô-nốp. Trong bất cứ điều kiện nào, đồng chí vẫn bảo đảm thông tin liên lạc không bị gián đoạn trong khi chỉ huy bộ đội.

Tôi đã đề cập tới việc tổ chức công tác Đảng và công tác chính trị trong các đơn vị chúng ta. Các tổ chức Đảng đã có những đóng góp to lớn vào việc giải quyết các nhiệm vụ chiến đấu.

Đứng hàng đầu là những đồng chí chủ nhiệm chính trị, chính ủy sư đoàn[7] Pi-ôt I-va-nô-vích Gô-rô-khốp, chính ủy trung đoàn Rô-man Páp-lô-vích của quân đoàn đặc biệt, A-lếch-xây Ba-bi-chúc, bí thư ủy ban đảng[8] Mi-khai-lô-vích Pô-mô-gai-lô, chính ủy I-van Va-xi-li-ê-vích Da-cô-vô-rôt-nui.

Đặc biệt nổi lên trong số cán bộ chính trị các binh đoàn là chính ủy trung đoàn Va-xi-li An-đrây-ê-vích Xư-chếp chính ủy lữ đoàn cơ giới bọc thép 9, trước kia là công nhân luyện kim ở U-ran.

Va-xi-li An-đrây-ê-vích giúp đồng chí lữ đoàn trưởng được

nhieu việc và trong những tình huống phức tạp, đã nhiều lần dẫn đầu các đơn vị, nêu gương dũng cảm lôi cuốn các đơn vị xông lên lập chiến công. Trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại, khi làm ủy viên Hội đồng quân sự tập đoàn quân, đồng chí đã thực hiện các nhiệm vụ trao cho với một ý chí vẫn can trường như vậy.

Các cán bộ quân y ngày đêm lao động khẩn trương trong những điều kiện dã ngoại phức tạp, đã chăm sóc sức khỏe và cứu sống các chiến sĩ và cán bộ chúng ta, mà cũng không phải chỉ cứu sống cán bộ và chiến sĩ chúng ta. Các đồng chí tỏ ra có lòng nhân đạo cao độ đối với các tù binh Nhật bị thương.

Tôi còn nhớ mãi buổi gặp gỡ giáo sư M.V. A-khu-tin. Một hôm các đồng chí báo cáo cho tôi là giáo sư M.V. A-khu-tin mệt nhiều nên đang bị mệt quá sức, gần như đứng không vững. Đồng chí lại đang ra lệnh lấy máu của mình tiếp cho một cán bộ bị thương. Tôi gọi điện thoại nói chuyện với đồng chí và khuyên nên lấy máu của một bác sĩ khác trẻ hơn. Giáo sư M.V. A-khu-tin đáp lại cụt lủn:

- Tôi không còn thời gian tìm loại máu thích hợp.

Và sau khi đề nghị dừng ngăn cản đồng chí, đồng chí liền tiếp ngay máu của mình cho người bị thương. Giáo sư M.V. A-khu-tin đã nghiên cứu tổ chức một mạng lưới điều trị thương binh chia thành giai đoạn rất tốt. Đồng chí đã góp phần giúp đỡ to lớn

cho các cán bộ quân y của quân đội Mông Cổ anh em. Làm việc 15 - 18 giờ trong một ngày đêm, đồng chí quan tâm nhiều đến việc đào tạo và bổ túc cho các bác sĩ phẫu thuật. Tôi nghĩ mình không nhầm, nếu nói rằng ai đã làm việc và học tập cạnh giáo sư M.V. A-khu-tin ắt là lĩnh hội được nhiều trong khoa phẫu thuật. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí, nhà phẫu thuật trẻ tuổi có tài năng A.A. Vít-snép-xki đã trưởng thành vượt bậc, nay là một viện sĩ công huân lớn ở trong nước và ở cả ngoài nước.

Bộ đội Mông Cổ hoạt động trong khu vực sông Khan-khin Gôn đã hiệp đồng chặt chẽ với bộ đội Xô-viết. Tôi được dịp thấy tận mắt tập thể các chiến sĩ dũng cảm và những cán bộ Mông Cổ. Cho phép tôi nhắc đến tên tuổi những đồng chí xuất sắc nhất. Đó là các đồng chí chiến sĩ Ôn-dơ-vôi, đồng chí lái xe bọc thép Khai-an-khiếc-va, các pháo thủ cao xạ Chun-tem, Găm-ba-xu-ren, kỵ sĩ Khéc-lô. Bộ tham mưu Quân đội nhân dân Cách mạng Mông Cổ đứng đầu là đồng chí chính ủy quân đoàn G L. Khơ-va-xu-ren, Phó Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Mông Cổ đã tiến hành một công tác sáng tạo lớn lao.

Đài kỷ niệm những anh hùng đã hy sinh tại Khan-khin Gôn có khắc những dòng chữ thật xứng đáng:

“Vinh quang đời đời thuộc về các chiến sĩ anh hùng Quân đội Liên Xô và những chiến sĩ dũng cảm của Quân đội nhân dân Cách mạng Mông Cổ đã hy sinh trong những trận đánh với quân

xâm lược Nhật tại khu vực sông Khan-khin Gôn cho tự do và độc lập của nhân dân yêu chuộng hòa bình Mông Cổ, cho hòa bình và an ninh của các dân tộc, chống sự xâm lược của bọn đế quốc”.

Để ghi nhớ công lao to lớn của các chiến sĩ Xô-viết, Chính phủ Liên Xô đã tặng thưởng cho 70 đồng chí danh hiệu Anh hùng Liên Xô. Các phi công X.I. Grit-xê-vét, Ya.V. Xmu-skê-vích, G.Ph. Tráp-chen-cô được tặng thưởng Huân chương sao vàng Anh hùng Liên Xô lần thứ hai.

Khi chấm dứt chiến sự tại khu vực sông Khan-khin Gôn, bộ tư lệnh và tham mưu cụm quân (cuối tháng 10-1939) trở về đóng tại U-lan Ba-to - thủ đô nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ. Trước kia tôi mới biết Mông Cổ qua sách báo, ngày nay được dịp tìm hiểu gần gũi đất nước này.

Thật vui mừng biết bao khi nhớ lại mối tình chân thành mộc mạc của nhân dân Mông Cổ, tình cảm nồng hậu và lòng tin sâu xa của họ đối với Liên Xô. Tôi đến bất cứ chỗ nào, trên các quảng trường hay trong nhà, trong các cơ quan hay đơn vị bộ đội, đâu đâu cũng thấy có treo chân dung Lê-nin ở một vị trí danh dự nhất và người dân Mông Cổ nào nói đến Lê-nin cũng tỏ lòng kính yêu sâu sắc.

Các chiến sĩ chúng ta thường đến thăm các bạn bè Mông Cổ và các đồng chí Mông Cổ đều có mặt cùng với chúng ta trong các

cuộc diễn tập, các buổi tập bài và thi đấu thể thao. Chúng tôi cố sức truyền đạt cho các đồng chí kinh nghiệm thu hoạch trong những trận chiến đấu trước đây.

Nhân dân Mông Cổ rất tôn kính và yêu mến Khoóc-lô-ghin Chôi-ban-xan. Tôi được làm thân với đồng chí hồi tháng 8, đồng chí đến sở chỉ huy của tôi đóng trên núi Kha-ma đa-ba. Kh. Chôi-ban-xan là một người xuất chúng, có tấm lòng rất nồng nhiệt, một người bạn trung thành của Liên Xô. Khoóc-lô-ghin Chôi-ban-xan là một chiến sĩ quốc tế chân chính, đã cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa phát-xít. Tôi được gặp đồng chí lần cuối trong thời gian Chiến tranh giữ nước vĩ đại, nhân dịp đồng chí mang quà của nhân dân Mông Cổ tặng các chiến sĩ Hồng quân ngoài tiền tuyến.

Chúng tôi thấy rõ, đồng chí Yum-gia-ghin Xê-đen-ban, Bí thư Ban Chấp hành trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Mông Cổ là người có uy tín rất lớn trong nhân dân. Đồng chí có học thức cao sâu và thông minh, đã làm việc nhiều năm bên cạnh Kh. Chôi-ban-xan và các đồng chí ủy viên khác trong Ban Chấp hành trung ương Đảng. Sau khi Kh. Chôi-ban-xan mất, Yu. Xê-đen-ban đã lãnh đạo Đảng và Nhà nước trong nhiều năm, thực hiện thắng lợi việc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nói trước lên một tí, tôi muốn nhấn mạnh sự giúp đỡ mà nhân

dân Mông Cổ đã đưa lại cho Liên Xô trong thời gian Chiến tranh giữ nước vĩ đại chống nước Đức phát-xít.

Riêng trong năm 1941, các chiến sĩ Xô-viết đã nhận của nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ 140 toa xe quà tặng các loại, tổng số trị giá 65 triệu tu-grích. Ngân hàng nước ngoài nhận được 2,5 triệu tu-grích, và 10 triệu đô-la Mỹ, 300 kg vàng. Với số tiền ấy đóng được 53 xe tăng, trong đó có 32 xe tăng T-34, ngoài thành xe có ghi những tên tuổi vẻ vang của Xu-khê Ba-to và những anh hùng khác của nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ. Nhiều xe trong số đó đã chiến đấu thắng lợi với quân Đức, các xe ấy thuộc biên chế của lữ đoàn xe tăng 112 thuộc tập đoàn quân xe tăng cận vệ đã tiến đến tận Béc-lanh.

Ngoài xe tăng ra, những lực lượng không quân Liên Xô còn được chuyển thuộc cả phi đội “A-rát Mông Cổ”[9]. Phi đội này gia nhập vào thành phần của trung đoàn không quân cận vệ Oóc-san 2. Phi đội “A-rát Mông Cổ” kết thúc chặng đường chiến đấu thắng lợi của mình tại vùng Cơ-ních-béc, khi đang ở trong biên chế của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 3.

Năm 1941 - 1942, Hồng quân còn nhận được quà tặng 35.000 ngựa và số ngựa ấy đã bổ sung ngay cho các đơn vị kỵ binh Liên Xô.

Trong suốt quá trình cuộc Chiến tranh giữ nước, Kh. Chôi-ban-xan, Yu. Xê-đen-ban và những người hoạt động nhà nước khác

thường dẫn đầu những người lao động nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ đến thăm các chiến sĩ vẻ vang của chúng ta. Mỗi lần đi thăm như vậy lại càng thắt chặt thêm tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc Liên Xô và Mông Cổ.

Đại sứ Liên Xô ở nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ I.A. I-va-nốp đã làm nhiều việc trong thời kỳ chiến sự xảy ra ở Khan-khin Gôn. Nhờ có sự quan tâm của đồng chí mà bộ đội ta không bao giờ gặp khó khăn về tiếp tế lương thực. I.A. I-va-nốp được nhân dân Mông Cổ, những người lãnh đạo Nhà nước và Đảng tôn trọng. Bản thân đồng chí cũng đã hết lòng giúp đỡ lại bằng cả lời nói và việc làm.

Mùa đông, bộ đội ta sau khi trở về doanh trại đã tiến hành tổng kết các cuộc chiến đấu vừa qua. Thật vui mừng nhận thấy các chiến sĩ và cán bộ đã trưởng thành lên biết bao. Những chiến sĩ và cán bộ chỉ huy ưu tú được phái tới những đơn vị chưa trực tiếp tham chiến để truyền đạt kinh nghiệm rút ra từ những trận đánh với quân đội Nhật. Công tác chính trị bảo đảm huấn luyện chiến đấu của bộ đội được cải tổ lại một cách kiên quyết.

Tất cả những công việc trên, nói chung, đã đem lại những kết quả thiết thực trong việc chuẩn bị và sẵn sàng chiến đấu của bộ đội Không phải ngẫu nhiên mà các binh đoàn ở trên đất Mông Cổ trong những năm 1939 - 1940, được điều động sang vùng Pốt-mô-xô vi-ê năm 1941, đã chiến đấu với quân Đức vượt quá

mọi sự khen ngợi.

Đầu tháng 5-1940, tôi nhận được lệnh của Mát-xcơ-va trở về Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng để đi nhận công tác khác.

Khi tôi đến Mát-xcơ-va thì đúng lúc công bố nghị quyết của Chính phủ phong quân hàm cấp tướng cho các cán bộ cao cấp của đồng quân. Tôi là một trong ba người được phong đại tướng. Một ngày sau, tôi được I.V. Xta-lin trực tiếp gặp và cử giữ chức tư lệnh Quân khu đặc biệt Ki-ép.

Trước kia, tôi chưa được gặp I.V. Xta-lin, nên lúc đến gặp và dự buổi tiếp đãi này, tôi bị xúc động mạnh.

Ngoài I.V. Xta-lin ra, trong phòng còn có M.I. Ca-li-nin, V.M. Mô-lô-tốp và những đồng chí ủy viên khác của Bộ Chính trị.

Chào hỏi xong, I.V. Xta-lin châm lửa vào tẩu thuốc, hỏi ngay:

- Đồng chí đánh giá quân Nhật như thế nào?

- Binh sĩ Nhật chiến đấu với chúng tôi tại Khan-khin Gôn được huấn luyện tốt, nhất là lối đánh giáp lá cà, - tôi đáp - Chúng có kỷ luật, linh hoạt và ngoan cường trong chiến đấu, đặc biệt là trong phòng ngự. Bọn chỉ huy sơ cấp được huấn luyện rất tốt và chiến đấu ngoan cố, mù quáng. Thông thường, bọn chỉ huy sơ cấp không chịu bắt làm tù binh, và không chịu dừng lại trước “Ha-ra-ki-ri[10]”. Số sĩ quan, nhất là sĩ quan cao cấp và trên nữa, được huấn luyện tồi, kém chủ động và có khuynh hướng hành động một cách máy móc.

Còn nói về tình trạng kỹ thuật của quân đội Nhật, tôi thấy nó còn lạc hậu. Những xe tăng Nhật, giống như kiểu MC-1 của chúng ta, đã quá lỗi thời. Trang bị của chúng kém và chạy không được xa.

Cũng phải nói là lúc bắt đầu chiến cuộc, không quân Nhật đã đánh được không quân của ta. Khi ta chưa tiếp nhận máy bay “Chai-ca” cải tiến và I-16 thì máy bay của chúng có hơn máy bay của ta. Song, đến khi tổ phi công Anh hùng Liên Xô dẫn đầu là I.V. Xmu-skê-vích bổ sung đến, thì quyền không chế trên không lại thuộc hẳn về ta.

Điều cần chú ý là chúng ta đã đụng độ với các đơn vị tinh nhuệ gọi là đơn vị thiên hoàng của quân đội Nhật.

I V Xta-lin rất chú ý nghe tất cả, sau đó hỏi:

- Bộ đội ta chiến đấu ra sao?
- Bộ đội chính quy của ta chiến đấu tốt. Đặc biệt là sư đoàn cơ giới 16 do Pê-tơ-rốp chỉ huy và sư đoàn bộ binh 57 do M.V. Gala-nin chỉ huy từ Da-bai-can đến chiến đấu rất giỏi. Sư đoàn bộ binh 82 ở U-ran đến, thời gian đầu, chiến đấu kém. Biên chế của sư đoàn có những chiến sĩ và cán bộ chỉ huy trình độ huấn luyện chưa tốt. Sư đoàn ấy được triển khai và bổ sung trước lúc lên đường sang Mông Cổ.

Các lữ đoàn xe tăng, đặc biệt là lữ đoàn xe tăng 11 do lữ đoàn trưởng Anh hùng Liên Xô M.P. Ya-cốp-lép chỉ huy, chiến đấu

rất giỏi, nhưng các xe tăng BT-5 và BT-7 rất dễ bị bốc cháy. Nếu như trong tay tôi không có 2 lữ đoàn xe tăng và 3 lữ đoàn cơ giới bọc thép, chắc là chúng tôi không thể hợp vây và tiêu diệt tập đoàn quân 6 của Nhật nhanh như vậy. Tôi thấy, chúng ta cần phát triển mạnh bộ đội xe tăng và cơ giới trong các lực lượng vũ trang.

Pháo binh của ta về mọi mặt đều hơn pháo binh Nhật, nhất là khi bắn. Nói chung, bộ đội ta chiến đấu giỏi hơn quân Nhật khá nhiều.

Bộ đội Mông Cổ sau khi tiếp thụ kinh nghiệm, được rèn luyện và được các đơn vị Hồng quân chi viện, đã chiến đấu tốt, nhất là tiểu đoàn xe bọc thép của Quân đội Mông Cổ chiến đấu trên núi Ba-in Xa-gan. Cần nói là kỵ binh Mông Cổ đã nhiều lần bị máy bay và pháo binh địch tập kích và bị thiệt hại nặng.

I.V. Xta-lin lại hỏi:

- Cu-lích, Páp-lốp và Vô-rô-nốp đã giúp đồng chí ra sao?
- Vô-rô-nốp giúp được nhiều trong việc đặt kế hoạch pháo bắn và tổ chức vận chuyển đạn dược lên phía trước. Còn nói về Cu-lích, tôi không thể nêu lên những mặt công tác nào và hữu ích của đồng chí ấy. Páp-lốp giúp các chiến sĩ xe tăng của ta, trao đổi với anh em những kinh nghiệm rút được ở Tây Ban Nha. Tôi chăm chú theo dõi I.V. Xta-lin, và thấy đồng chí quan tâm nghe. Tôi tiếp tục:

- Đối với tất cả bộ đội và cán bộ chỉ huy các binh đoàn, đơn vị chúng ta và riêng đối với tôi, cuộc chiến đấu ở Khan-khin Gôn là một trường học kinh nghiệm chiến đấu lớn. Tôi nghĩ là phía Nhật, chúng sẽ rút ra những kết luận đúng đắn hơn về sức mạnh và khả năng của Hồng quân.

- Đồng chí cho biết, bộ đội ta vấp phải những khó khăn gì ở Khan-khin Gôn - M.I. Ca-lin-nin tham gia ý kiến.

- Khó khăn chính, - tôi nói, - là vấn đề bảo đảm vật chất - kỹ thuật cho bộ đội. Chúng ta buộc phải chuyên chở mọi thứ cần thiết cho chiến đấu và cho đời sống của bộ đội trên chặng đường dài 650 - 700 km. Những trạm cung cấp gần nhất đặt trên đất đai thuộc Quân khu Da-bai-can. Ngay như củi đốt để nấu ăn cũng phải chở xa 600 km. Xe của ta phải chạy một vòng đi về 1.300 – 1.400 km nên tốn rất nhiều xăng, mà xăng thì phải chở từ Liên Xô đến.

Hội đồng quân sự Quân khu Da-bai-can và thượng tướng G.M. Séc cùng với các cơ quan đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong việc khắc phục những khó khăn đó. Muối cũng làm cho bộ đội ta bực mình mà ở Khan-khin Gôn có rất nhiều muối. Tối đến, chúng bay từng đàn đến thịt chúng ta. Bọn Nhật có những màn riêng che chở, còn chúng ta không có, và mãi sau này mới may được.

- Theo ý của đồng chí thì chính phủ Nhật khi gây xâm lược, theo

đuổi mục đích chủ yếu gì? - M.I. Ca-li-nin hỏi.

- Mục đích trước mắt là đánh chiếm vùng đất đai nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ ở phía bên kia sông Khan-khin Gôn, rồi sau đây cầu trúc phòng tuyến trên sông Khan-khin Gôn để yểm hộ con đường sắt thứ hai đang được dự kiến xây dựng, con đường này có tác dụng chiến lược và sẽ chạy tới biên giới miền Da-bai-can của ta ở phía tây con đường sắt cũ.

- Bây giờ đồng chí đã có kinh nghiệm chiến đấu, - I.V. Xta-lin nói, - đồng chí sẽ phụ trách quân khu Ki-ép, và sử dụng kinh nghiệm của mình vào việc huấn luyện bộ đội.

Thời gian ở nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ, tôi không có điều kiện theo dõi sát tiến trình những cuộc chiến đấu giữa nước Đức và khối Anh - Pháp. Tiện dịp tôi hỏi:

- Nên hiểu tính chất hết sức tiêu cực của cuộc chiến tranh ở phía tây như thế nào, và chiến sự dự kiến sẽ phát triển sau này ra sao?

I V Xta-lin khẽ cười, nói :

- Chính phủ Pháp do Đa-la-đi-ê cầm đầu và chính phủ Anh do Săm-béc-lanh cầm đầu không muốn nhảy vào chiến tranh thực sự với Hít-le. Chúng vẫn nuôi hy vọng đẩy Hít-le gây chiến với Liên Xô. Năm 1939, chúng từ chối không thành lập khối chống Hít-le với chúng ta, như vậy là chúng không muốn bó tay Hít-le trong việc xâm lược Liên Xô. Nhưng không có kết quả gì đâu. Chính bọn chúng rồi sẽ phải đền tội về đường lối thiên cận ấy.

Trở về khách sạn “Mát-xơ-va”, tôi mãi không ngủ được, trong lòng còn in sâu những cảm xúc về buổi nói chuyện với các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị.

Vẻ ngoài của I.V. Xta-lin, giọng nói trầm trầm của đồng chí, những nhận xét cụ thể và sâu sắc, việc am hiểu tường tận những vấn đề quân sự, sự quan tâm của đồng chí khi nghe báo cáo, đã để lại cho tôi một ấn tượng rất tốt.

[1] Các đồng chí này là cấp sư đoàn nhưng giữ chức vụ tư lệnh và chính ủy quân đoàn - ND.

[2] Nguyên văn: một cụm cỡ tập đoàn quân

[3] Khan-khur là tên gọi khu vực Bắc Mông từ giữa thế kỷ 16 đến những năm 20 của thế kỷ 20. Ngày nay là phần đất chủ yếu của nước Mông Cổ - ND.

[4] Dân địa phương Nội Mông ở phía tây dãy Đại-khin-gan gần biên giới Xô - Mông - ND.

[5] Thiên đường - ND.

[6] xung phong - ND.

[7] Tổ chức của Quân đội Liên Xô trong thời kỳ này có phân biệt giữa cấp và chức:

- Về cán bộ chỉ huy có những cấp: trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng, sư đoàn trưởng, quân đoàn trưởng, tư lệnh tập đoàn quân bậc 1 và bậc 2.

- Về cán bộ chính trị có những cấp: chính ủy trung đoàn, chính ủy lữ đoàn, chính ủy sư đoàn.

Ví dụ như: Cấp lữ đoàn trưởng nhưng có thể giữ những chức: lữ đoàn trưởng, sư đoàn trưởng và quân đoàn trưởng. Cấp chính ủy sư đoàn nhưng có thể giữ những chức: chủ nhiệm chính trị tập đoàn quân, ủy viên Hội đồng quân sự tập đoàn quân, ủy viên Hội đồng quân sự quân khu, ủy viên Hội đồng quân sự phương diện quân. Sau này, khi phong quân hàm sự phân biệt về cấp và chức dễ theo dõi hơn, cấp là cấp quân hàm, còn chức là chức vụ phụ trách - ND.

[8] Trong quân đội Liên Xô từ cấp sư đoàn trở lên có cơ quan gọi là ủy ban Đảng phụ trách công tác nội bộ của Đảng, không có cấp ủy Đảng - ND.

[9] A-rát là nông dân và những người lao động trong nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ - ND.

[10] Túc mỗ bụng tự sát – ND.

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 8

CHỈ HUY QUÂN KHU ĐẶC BIỆT KI-ÉP

TÔI coi việc được chỉ định làm tư lệnh một quân khu lớn nhất là một vinh dự đặc biệt và tôi đã làm tất cả để xứng đáng với lòng tin lớn lao của Ban Chấp hành trung ương Đảng và của Chính phủ đối với tôi.

Quân khu đặc biệt Ki-ép là một trong những quân khu tiên duyên. Lúc công tác ở quân khu Bê-lô-ru-xi trong thời gian 1922 - 1929, chúng tôi, “những người Bê-lô-ru-xi” đã rất quý trọng các đơn vị quân đội của quân khu Ki-ép, đã đánh giá cao công tác huấn luyện quân sự và sự trưởng thành về mặt chiến dịch - chiến thuật của đội ngũ cán bộ phụ trách các cơ quan tham mưu và các cơ quan chỉ huy ở đó.

Tôi còn vui mừng vì tại quân khu này tôi sẽ được công tác cùng với những cán bộ quân sự và những cán bộ chính trị có kinh nghiệm. Trong số này tôi đã quen riêng nhiều người, được nghe các sĩ quan và tướng lĩnh khác cho biết về nhiều người và đã

công tác cùng với một số trong nhiều năm.

Tham mưu trưởng Quân khu đặc biệt Ki-ép hồi đó là trung tướng M.A Puốc-ca-ép. Tôi đã cùng công tác với M.A Puốc-ca-ép tại quân khu Bê-lô-ru-xi lúc đồng chí làm tham mưu trưởng quân khu. Đó là một vị tướng có kinh nghiệm và thấu hiểu toàn diện công tác của mình, một người có trình độ văn hóa cao và một sĩ quan tham mưu cỡ lớn.

Tư lệnh pháo binh quân khu là tướng N.Đ. Ya-cốp-lép, một chuyên gia nổi tiếng về kỹ thuật và cách sử dụng pháo binh trong chiến đấu. Với tướng I.N. Mu-dư-chen-cô và tướng Ph.Ya. Cô-xten-cô, hai tư lệnh tập đoàn quân, tôi đã có dịp cùng công tác rất lâu ở sư đoàn Cô-dắc sông Đông 4. Trưởng phòng tác chiến bộ tham mưu quân khu là đại tá P.N. Rúp-xốp thì tôi đã được cơ quan trung ương của Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng giới thiệu rồi. Ít lâu sau, đại tá I-van Khri-xtô-phô-rô-vích Ba-gra-mi-an được điều động đến thay P.N. Rúp-xốp. Tôi biết I-van Khri-xtô-phô-rô-vích là một cán bộ rất chín chắn, bình tĩnh, cần mẫn và tác chiến giỏi. Chủ nhiệm hậu cần quân khu là V.E. Bê-lô-cô-xốp là bạn thân của tôi.

Tôi muốn dành những lời tốt đẹp để nói về đồng chí tư lệnh không quân quân khu, tướng E.X. Ptu-khin. Đó là một phi công và cán bộ chỉ huy xuất sắc, một người con trung thành của Đảng và một người đồng chí tốt.

Sau một thời gian ngắn, tôi đã gần gũi tìm hiểu được các đồng chí có cương vị phụ trách khác của quân khu. Đó là những cán bộ chỉ huy thạo việc và có kiến thức. Nhiệm vụ công tác nào họ cũng đều hoàn thành một cách thông thạo, cẩn thận và sáng tạo. Nắm được tình hình quân khu rồi, tôi tự thấy bốn phận của mình là phải đến gặp đồng chí bí thư Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản U-crai-na. Sau khi thuật lại hoạt động của quân ta trong cuộc chiến đấu đánh tan tập đoàn quân 6 của Nhật tại Khan-khin Gôn và trình bày những cảm nghĩ đầu tiên của mình về quân khu, tôi đã yêu cầu được giúp đỡ về mặt bảo đảm cung cấp những tư liệu sinh hoạt cho quân khu. Tôi được tiếp đón rất niềm nở và tôi vui mừng vì mọi việc đều được thu xếp tốt đẹp cả.

Trong tháng 6-1940 tôi đã đến thăm hầu hết các đơn vị và các binh đoàn. Sau đó cùng với bộ tham mưu quân khu đã tiến hành một cuộc diễn tập chỉ huy và tham mưu trong một cuộc hành quân dã chiến lớn với đủ các phương tiện giao thông liên lạc tới vùng Téc-nô-pôn, Lvốp, Vla-đi-mia Vô-lun-xơ, Đúp-nô là vùng mà một năm sau, năm 1941, quân Đức, theo kế hoạch “Bác-ba-rô-xa”, đã tiến qua để đánh đòn đột kích chủ yếu của chúng trên đất U-crai-na .

Cuộc diễn tập chứng tỏ rằng đứng đầu các tập đoàn quân, các binh đoàn và các cơ quan tham mưu là những sĩ quan và những

tướng lĩnh trẻ có khả năng. Tuy vậy họ còn cần được huấn luyện một cách nghiêm chỉnh thêm về mặt chiến dịch - chiến thuật vì rằng họ chỉ vừa mới được đề bạt từ những cương vị thấp lên trong thời gian gần đây. Các cán bộ lãnh đạo đã được lưu ý đến vấn đề này.

Mùa hè và mùa thu năm 1940, các đơn vị của Quân khu đặc biệt Ki-ép đã tiến hành một đợt huấn luyện chiến đấu khẩn trương. Đã tiếp thụ được những kinh nghiệm chiến thuật mà Hồng quân đã rút ra trong cuộc chiến tranh với Phần Lan và trong các trận chiến đấu với quân Nhật ở vùng sông Khan-khin Gôn. Ngoài ra, những kinh nghiệm chiến đấu của quân đội phát-xít Đức chống lại một loạt nước châu Âu cũng được nghiên cứu.

Đến khoảng thời gian này, Thế chiến thứ hai đang diễn ra sôi sục. Từ cuối năm 1936, Đức và Ý đã ký hiệp ước thành lập “trục Béc-lanh - Rôm” khét tiếng bỉ ổi, còn Đức và Nhật thì đã ký “công ước chống Quốc tế Cộng sản”, nói là để chống lại Quốc tế Cộng sản nhưng thực ra là để liên kết bọn xâm lược lại với nhau trong cuộc đấu tranh giành quyền bá chủ thế giới. Năm 1937, Ý đã tham gia công ước này. Cùng vào lúc ấy, Nhật đã mở lại cuộc chiến tranh nhằm thôn tính toàn bộ Trung Quốc. Năm 1938, quyền độc lập quốc gia Áo bị thủ tiêu. Đồng thời cuộc vũ trang tấn công vào Tiệp Khắc cũng đã chín muồi. Chính phủ Liên Xô kêu gọi các quốc gia yêu chuộng hòa bình: “Để đến ngày mai thì

có thể đã muộn rồi, nhưng hôm nay vẫn còn thời gian hành động tập thể nếu như tất cả các quốc gia, đặc biệt là các đại cường quốc, đều có một lập trường rõ ràng, kiên quyết đối với vấn đề chung sức cứu vãn hòa bình”.

Những đề nghị của Liên Xô đã không được chấp nhận.

Tại các hội nghị nổi tiếng một cách đáng buồn ở Mynich trong ngày 29 - 30 tháng 9-1938, Anh và Pháp đã thỏa thuận giao cho Đức vùng Xu-đét để “cứu vãn hòa bình vào phút cuối cùng”.

Phái đoàn Tiệp Khắc chờ đợi quyết định về số phận nước mình ở ngoài lề hội nghị, còn Liên Xô thì không được mời dự. Chúng ta đã chuẩn bị giúp đỡ Tiệp Khắc, bộ đội không quân và xe tăng của chúng ta đã ở tư thế sẵn sàng chiến đấu; gần 40 sư đoàn đã được tập trung trong các vùng kế cận biên giới phía tây. Nhưng các giới cầm quyền hồi đó của Tiệp Khắc đã khước từ sự giúp đỡ này vì họ đã lựa chọn con đường đầu hàng nhục nhã. Ngày 16-3-1939, Đức chiếm đóng Pra-ha. “Việc hòa giải” với Hít-le đã đưa tới hậu quả tự nhiên của nó.

Một sự chuyển biến như vậy của tình hình, mà Liên Xô đã nhiều lần vạch ra từ trước, đã đặt ra cho Anh và Pháp một câu hỏi là: nếu Hít-le, mà họ đang xúi bẩy tấn công sang phía đông, lại bất thành lĩnh quay về đánh phía tây thì sao? Thế là lại diễn ra vòng mới những cuộc thương lượng, những cuộc gặp gỡ và những cuộc hội họp nhằm làm cho Hít-le khiếp sợ trước khả năng có

một sự liên minh quân sự với Liên Xô. Trong lúc yêu cầu Liên Xô giúp đỡ trong trường hợp Đức xâm lược thì Đa-la-đi-ê và Săm-béc-lanh lại không chịu đảm nhận bất kỳ một nghĩa vụ nghiêm chỉnh nào.

Các cuộc thương lượng năm 1939, kể cả các cuộc thương lượng giữa các phái đoàn quân sự ba nước mà chúng tôi sẽ nói tới dưới đây, đều đã bế tắc.

Tóm lại, nếu nói đến châu Âu là phải nói đến áp lực của Hít-le và tính tiêu cực của Anh và Pháp. Nhiều biện pháp và đề nghị của Liên Xô nhằm xây dựng một hệ thống an ninh tập thể có hiệu lực đều đã không được các nhà lãnh đạo các nước tư bản chủ nghĩa ủng hộ. Và điều này cũng là tự nhiên thôi. Toàn bộ sự phức tạp, trái ngược và sự bi thảm của tình thế đã sản sinh ra từ chỗ các giới cầm quyền ở Anh và ở Pháp mong muốn đẩy cho Đức và Liên Xô chạm trán với nhau.

Khi mà bom còn chưa nổ trong nhà riêng của họ thì các lợi ích giai cấp của bọn đồng minh xưa kia trong cuộc đấu tranh chống lại Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên đã dẫn tới một thái độ: lùi bước trước Hít-le. Đa-la-đi-ê và Săm-béc-lanh ảo tưởng rằng họ sẽ thành công trong việc làm đảo lộn được tất cả kịp thời, chạy thoát được khỏi bức tường phát-xít màu nâu đã nghiêng ngả và sắp đổ sập, thậm chí họ còn tưởng rằng, đến phút cuối cùng sẽ xô được nó sang phía Liên Xô. Thậm chí, đến ngày 1-9, khi Đức đã

tấn công Ba Lan rồi mà Anh và Pháp, đồng minh của Ba Lan, trên thực tế, vẫn không hề nhúc nhích tí nào tuy họ có tuyên chiến với Đức.

I-ôt, tham mưu trưởng tác chiến thuộc bộ chỉ huy tối cao của Đức, đã công nhận trước tòa án Nu-rem-be rằng : “Nếu chúng tôi không bị đánh bại ngay trong năm 1939 thì chỉ là vì khoảng 110 sư đoàn của Anh và của Pháp, đóng đối diện với 23 sư đoàn Đức lúc chúng tôi đang đánh nhau với Ba Lan đã hoàn toàn án binh bất động ở phía tây”.

Chính phủ quý tộc Ba lan đã khước từ sự giúp đỡ của Liên Xô. Họ “cảnh giác” xây dựng những tuyến phòng thủ và chiến lũy ở phía đông để chuẩn bị chiến tranh với Liên Xô trong khi đó thì quân đội Hít-le lại từ phía tây, phía bắc và phía nam tiến vào và đã nhanh chóng chiếm đoạt được các kho vũ khí. Dù những người yêu nước Ba Lan đã chiến đấu rất anh hùng, quân Đức vẫn vây hãm được quân đội Ba Lan vào trong một cái “chảo” lớn. Thế chiến thứ hai tiếp diễn trên một quy mô ngày càng lớn. Trong thời gian đáng báo động này, Hồng quân chúng ta như thế nào?

Tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng (tháng 3-1939) đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng, nguyên soái Liên Xô K.E. Vô-rô-si-lốp đã báo cáo rằng, so với năm 1934 quân số của chúng ta đã tăng hơn gấp đôi và trình độ cơ giới hóa quân đội đã tăng 260%.

Đồng chí đã nêu ra những số liệu tổng quát về hỏa lực của các quân đoàn bộ binh, hỏa lực này không thua kém hỏa lực của các quân đoàn Đức hay Pháp. Kỵ binh tăng một lần rưỡi và được tăng cường đáng kể (bình quân là 35%) về đại bác, trung liên, đại liên và xe tăng. Tổng số xe tăng cũng tăng gần 2 lần và hỏa lực của nó tăng gần 4 lần. Pháo tầm xa, các hệ thống pháo bắn nhanh, đặc biệt là pháo chống tăng và pháo của chiến xa đều được tăng cường. Nếu trong năm 1934, toàn bộ lực lượng không quân của chúng ta có thể chở 2.000 tấn bom trong một chuyến bay thì bây giờ đã mang được một khối lượng bom 280% lớn hơn. Không phải chỉ máy bay khu trục mà cả máy bay phóng pháo đều có khả năng bay nhanh trên 500 km/h và bay cao tới 14.000 - 15.000m.

Trong báo cáo về công tác của Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Liên Xô đọc trước Đại hội lần thứ XVIII của Đảng, đánh giá nguy cơ của một cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa mới, I.V. Xta-lin đã nói rằng, tuy trước sau vẫn thực hành một đường lối chính trị nhằm giữ gìn hòa bình, nước ta đã đồng thời triển khai một công tác quan trọng nhất nhằm tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu của Hồng quân và Hạm đội của chúng ta. Và trên thực tế, đúng là như vậy.

Trong ngành nghiên cứu sử học của ta thường biến mất những tài liệu rất quan trọng liên quan đến người và thời gian phát biểu

hoặc in các tài liệu đó. Đôi khi một số ý nghĩ và lập luận về những năm trước chiến tranh rút ra từ những tài liệu gián tiếp và các công trình nghiên cứu phụ lại được xem như là những phát kiến mới, mặc dù những ý nghĩ, lập luận và ngay cả đến những việc thực ấy vốn đã sẵn có trong các sách rất dễ tìm thấy ở thư viện.

Nói riêng, những văn kiện của các Đại hội Đảng thời gian ấy có nhiều tư liệu lịch sử phong phú nhất phản ánh một công tác to lớn mà Đảng và nhân dân ta đã tiến hành trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Tiện đây xin nói là những văn kiện ấy không phải do những cá nhân mà là do hàng trăm, hàng ngàn chuyên gia thông thạo - những người đã tham khảo hàng núi tư liệu thực tiễn - nghiên cứu kỹ trước khi đưa một con số nào đó vào một bản báo cáo quan trọng.

Đương nhiên là phát biểu tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng, đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng đã không thể nêu ra những con số tuyệt đối thể hiện sự hùng cường của quân đội.

Nhưng tại những cuộc thương lượng của các phái đoàn quân sự ba nước Liên Xô, Anh và Pháp trong tháng 8-1939 - những cuộc thương lượng này tất nhiên là những cuộc thương lượng bí mật - thì những số liệu cụ thể đã được dẫn ra.

Những cuộc thương lượng này rất đáng được chú ý. Tại đây đã thể hiện rõ ràng là, Chính phủ Liên xô nghiêm túc và thực sự

muốn xây dựng cho được một hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu, đã thiết thực, sẵn sàng tiến tới rất nhiều trong vấn đề đó Chính phủ Liên Xô đã trực tiếp ủy nhiệm cho các đại biểu quân sự của mình “ký kết một công ước quân sự về các vấn đề tổ chức việc vũ trang phòng vệ của Anh, Pháp và Liên Xô chống xâm lược ở châu Âu”.

Nhưng có điều chúng ta phải nói thẳng ra là Anh và Pháp đã cử những nhân vật thứ yếu đến thương lượng, đã thế những người này đến thương lượng lại không phải với lòng thành thật quan tâm đến việc xây dựng cho được một sự hợp tác quân sự mà chỉ là để “bắt mạch”, “thăm dò”, mà thôi. Trong một chỉ thị mật gửi phái đoàn Anh, người ta đã không giấu giếm rằng, chính phủ Anh “không muốn nhận lấy cho mình những nghĩa vụ cụ thể nào” có thể “bó chân bó tay” mình. P phái đoàn được ủy nhiệm tiến hành thương lượng “rất chậm rãi”, “tiếp xúc một cách dè dặt” với người Nga, và, trong vấn đề hiệp ước quân sự thì “cố gắng giới hạn được bao nhiêu hay bấy nhiêu trong những điều khoản chung chung mà thôi”.

Xin trích dẫn một số đoạn trong các biên bản hội đó, những đoạn nói lên khả năng chiến đấu của lực lượng quân đội mà chúng ta sẵn sàng triển khai tại vùng biên giới phía tây đất nước mình.

BIÊN BẢN PHIÊN HỌP

CỦA CÁC PHÁI ĐOÀN QUÂN SỰ LIÊN XÔ, ANH VÀ PHÁP

Ngày 15 tháng 8 năm 1939

Phiên họp bắt đầu lúc 10 giờ 07 phút,

kết thúc lúc 13 giờ 20 phút.

Tư lệnh tập đoàn quân B.M. Sa-pô-sni-cốp: Tại phiên họp trước của các phái đoàn quân sự, chúng ta đã nghe trình bày kế hoạch triển khai quân đội Pháp ở phía tây. Theo đề nghị của các phái đoàn quân sự Anh, Pháp và được sự ủy nhiệm của phái đoàn quân sự Liên Xô, tôi xin trình bày kế hoạch triển khai các Lực lượng vũ trang của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết tại biên giới phía tây nước mình.

Để chống lại một cuộc xâm lược ở châu Âu, Hồng quân tại phần đất ở châu Âu của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết sẽ triển khai và huy động ra mặt trận:

120 sư đoàn bộ binh, 16 sư đoàn kỵ binh, 5.000 súng lớn (trong đó có cả pháo nòng dài và lựu pháo) từ 9.000 đến 10.000 xe tăng, từ 5.000 đến 5.500 máy bay chiến đấu (không kể máy bay trợ chiến), tức là những máy bay tiêm kích và máy bay ném bom. Trong số lượng này, không kể đến những đơn vị quân đội tại các khu vực đã được củng cố, những đơn vị phòng không, những đơn vị biên phòng, những đơn vị dự bị để chuẩn bị bổ sung và

những đơn vị hậu cần.

Không đi miên man vào các chi tiết về cách tổ chức Hồng quân, tôi xin nói ngắn gọn là: mỗi sư đoàn bộ binh của lục quân gồm 3 trung đoàn bộ binh và 2 trung đoàn pháo binh. Quân số của một sư đoàn thời chiến là 19.000 người.

Mỗi quân đoàn gồm 3 sư đoàn và có lực lượng pháo binh của mình là 2 trung đoàn (đô đốc Đắc-xơ hội ý với tướng Hây-vút rồi đề nghị cho một sĩ quan sẽ ghi lại nội dung thông báo của tư lệnh tập đoàn quân B.M. Sa-pô-sni-cốp và đề nghị này đã được chấp nhận).

Các tập đoàn quân gồm một số quân đoàn - từ 5 đến 8 quân đoàn, đều có lực lượng pháo binh, không quân và xe tăng riêng của mình.

Các đơn vị thuộc những khu vực đã được củng cố có thể sẵn sàng chiến đấu trong khoảng thời gian từ 4 đến 6 tiếng đồng hồ sau khi có báo động chiến đấu.

Liên Xô có những khu vực đã được củng cố khắp dọc toàn bộ biên giới phía tây của mình từ biển Lê-đô-vít đến Biển Đen.

Việc tập kết một tập đoàn quân được thực hiện xong trong vòng từ 8 đến 20 ngày. Mạng lưới đường sắt không những cho phép tập kết được một tập đoàn quân đến biên giới trong khoảng thời gian vừa nói mà còn cho phép thực hiện việc chuyển quân dọc theo mặt trận. Dọc biên giới phía tây chúng tôi có từ 3 đến 5

tuyến đường bộ với một chiều sâu là 300 km.

Hiện nay chúng tôi có một số lượng đầu máy xe lửa lớn và mạnh cùng những toa xe chở hàng nhiều gấp đôi trước đây. Các đoàn xe lửa của chúng tôi có sức trọng tải lớn hơn trước hai lần. Vận tốc của đoàn tàu cũng đã được nâng cao hơn.

Chúng tôi có một lực lượng đáng kể xe hơi vận tải và những tuyến đường bộ cho phép thực hiện việc tập trung vận tải bằng xe hơi dọc theo mặt trận...

Bây giờ tôi xin trình bày ba cách hành động chung có thể có của các lực lượng vũ trang Anh, Pháp và Liên Xô trong trường hợp có xâm lược ở châu Âu. Phái đoàn quân sự Liên Xô đã duyệt y ba cách hành động này.

Cách thứ nhất là trong trường hợp khối xâm lược tấn công nước Anh và nước Pháp.

Trong trường hợp này Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết sẽ huy động một lực lượng vũ trang bằng 70% tổng số lực lượng vũ trang mà Anh và Pháp sẽ trực tiếp đưa ra chống lại kẻ xâm lược chủ yếu là Đức. Tôi xin nói rõ điểm này. Ví dụ như nếu Pháp và Anh huy động 90 sư đoàn bộ binh ra trực tiếp chống Đức thì Liên Xô sẽ huy động 63 sư đoàn bộ binh, 6 sư đoàn kỵ binh với một số lượng pháo, xe tăng, máy bay tương ứng, cộng khoảng gần 2 triệu người tất cả...

Hạm đội miền Bắc Liên Xô sẽ tuần tiễu ở gần bờ biển của Phần

Lan và Na Uy, ngoài vùng biển thuộc các nước này, phối hợp với hạm đội của Anh - Pháp... Hạm đội Ban-tích của Liên Xô có thể triển khai tuần tiễu, mở rộng hoạt động của tàu ngầm và thủy lôi ven bờ biển Đông Phổ và Pô-mê-ra-ni. Những tàu ngầm thuộc Hạm đội Ban-tích của Liên Xô sẽ ngăn cản việc vận chuyển nguyên liệu công nghiệp từ Thụy Điển sang cho kẻ xâm lược chủ yếu.

(Tư lệnh tập đoàn quân B.M. Sa-pô-sni-cốp trình bày kế hoạch hoạt động đến đâu thì đô đốc Đrắc-xơ và tướng Hây-vút ghi lại tình huống đến đâu lên những tấm giấy vẽ dày mà họ có sẵn bên mình).

Cách thứ hai cần có hoạt động quân sự là khi Ba Lan và Ru-ma-ni bị xâm lược.

Liên Xô chỉ có thể tham gia chiến tranh khi Pháp và Anh đã thỏa thuận được với Ba Lan và nếu có thể cả với Lít-va cũng như với Ru-ma-ni về việc để cho quân đội của chúng tôi hoạt động qua hành lang Vi-len-xki, Ga-li-xi và Ru-ma-ni...

Trong trường hợp này, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết sẽ huy động một lực lượng quân sự bằng 100% tổng số lực lượng vũ trang mà Anh và Pháp sẽ huy động ra trực tiếp chống Đức. Chẳng hạn, nếu Pháp và Anh huy động 90 sư đoàn bộ binh ra chống Đức thì Liên Xô cũng huy động 90 sư đoàn bộ binh, 12 sư đoàn kỵ binh cùng một lực lượng pháo, máy bay và xe tăng

tương ứng.

Nhiệm vụ của hải quân Anh và Pháp vẫn là những nhiệm vụ như đã nói trong cách thứ nhất...

Ở phía nam, Hạm đội Biển Đen của Liên xô, sau khi đã ngăn chặn không cho các tàu ngầm của kẻ xâm lược và của những lực lượng hải quân khác đột nhập vào cửa sông Đa-nuýp, sẽ phong tỏa Bô-xpha không cho hạm đội tàu nổi và tàu ngầm của kẻ thù tiến vào Biển Đen.

Cách thứ ba: Cách này được dự kiến cho trường hợp khi kẻ thù chính sử dụng lãnh thổ của Phần Lan, E-xtô-ni-a và Lát-vi-a tiến hành xâm lược Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết.

Trong trường hợp này, nước Pháp và nước Anh phải tham gia ngay vào cuộc chiến tranh chống lại xâm lược hay khối xâm lược.

Gắn bó với Anh và Pháp bằng các hiệp ước, Ba Lan nhất thiết phải đứng lên chống Đức và để cho quân đội của chúng tôi tiến qua hành lang Vi-len-xki và Ga-li-xi theo như các chính phủ Anh và Pháp đã thỏa thuận với chính phủ Ba Lan.

Ở trên đã nói rằng, Liên Xô sẽ triển khai 120 sư đoàn bộ binh, 16 sư đoàn kỵ binh, 5.000 súng hạng nặng, từ 9.000 đến 10.000 xe tăng, từ 5.000 đến 5.500 máy bay. Trong trường hợp này Pháp và Anh phải huy động một lực lượng bằng 70% lực lượng vừa nói của Liên Xô và bắt đầu có ngay những hoạt động tích cực

chống lại kẻ xâm lược chủ yếu.

Hạm đội quân sự Anh - Pháp cũng phải tiến hành những hoạt động như đã nói trong cách thứ nhất.

BIÊN BẢN PHIÊN HỌP CỦA CÁC PHÁI ĐOÀN QUÂN SỰ LIÊN XÔ, ANH VÀ PHÁP

Ngày 17 tháng 8 năm 1939

Phiên họp bắt đầu từ 10 giờ 07 phút,

Kết thúc lúc 13 giờ 43 phút.

Nguyên soái K.E. Vô-rô-xi-lốp (chủ tọa phiên họp). Tôi xin tuyên bố: phiên họp của các phái đoàn quân sự bắt đầu.

Trong phiên họp ngày hôm nay, chúng ta sẽ nghe thông báo về các lực lượng không quân của Liên Xô. Nếu không có vấn đề gì khác tôi xin mời tư lệnh tập đoàn quân bậc 2, tư lệnh các lực lượng không quân của Hồng quân công nông Nga Lốc-ti-ô-nốp phát biểu ý kiến.

Tư lệnh tập đoàn quân A.D. Lốc-ti-ô-nốp: Tổng tham mưu trưởng Hồng quân, tư lệnh tập đoàn quân bậc 1 Sa-pô-sni-cốp trong báo cáo của mình tại đây đã nói rằng, trên chiến trường Tây Âu, Hồng quân sẽ triển khai từ 5.000 đến 5.500 máy bay chiến đấu. Số lượng này là lực lượng không quân tuyển một,

không kể lực lượng dự trữ.

Trong số máy bay này 80% là máy bay hiện đại có các tốc độ bay như nhau: máy bay tiêm kích - từ 465 đến 575 km/h và hơn nữa, máy bay ném bom - từ 465 đến 575 km/h. Sức bay xa của máy bay ném bom - từ 1.800 đến 4.000 km. Sức tải bom: từ 600 kg trên các máy bay kiểu cũ đến 2.500 kg...

Tỷ lệ giữa máy bay ném bom, máy bay tiêm kích và máy bay trực thuộc các đơn vị là như sau: máy bay ném bom - 55%, máy bay tiêm kích - 40% và máy bay trực thuộc các đơn vị - 5%.

Các xí nghiệp sản xuất máy bay của Liên Xô lúc này đang làm việc một ca, chỉ có một số làm việc hai ca, và cung cấp cho các nhu cầu cần thiết trung bình được 900 - 950 máy bay chiến đấu trong một tháng, không kể máy bay dân dụng và máy bay huấn luyện.

Do nạn xâm lược đang lan rộng ở châu Âu và ở phía đông, ngành công nghiệp máy bay của chúng tôi đã có những biện pháp cần thiết để mở rộng sản xuất đáp ứng thật đầy đủ những nhu cầu của chiến tranh...

Những binh đoàn cơ bản của không quân sẵn sàng chiến đấu trong vòng từ 1 đến 4 tiếng đồng hồ sau khi có lệnh báo động, còn các trung đoàn trực ban thì thường xuyên sẵn sàng chiến đấu.

Trong giai đoạn đầu của chiến tranh, lực lượng không quân sẽ

hoạt động đúng theo những kế hoạch đã được vạch ra của Bộ Tổng tham mưu. Nguyên tắc chung cho hoạt động của không quân sẽ được xác định theo nguyên tắc tập trung cố gắng của tất cả các phương tiện, trên mặt đất cũng như trên không, vào hướng đột kích chính. Do đó hoạt động của không quân sẽ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị mặt đất trên trận địa và trên chiều sâu của chiến dịch.

Những mục tiêu của máy bay ném bom và sinh lực địch và hàng loạt căn cứ quân sự quan trọng của chúng. Ngoài ra lực lượng đó sẽ nhận nhiệm vụ đánh vào cả những căn cứ quân sự ở sâu trong hậu phương địch. Không quân Xô-viết không đặt ra cho mình nhiệm vụ oanh tạc vào thường dân.

Bên cạnh việc hiệp đồng chặt chẽ với các phương tiện phòng không khác - pháo cao xạ và những phương tiện tương tự - để bảo vệ hàng loạt căn cứ quân sự, tuyến đường sắt và đường bộ quan trọng, các nơi tập kết lực lượng quân và không quân, bảo vệ các thành phố lớn, lực lượng máy bay tiêm kích còn có nhiệm vụ chiến đấu với không quân địch và bảo đảm cho các hoạt động chiến đấu của lực lượng máy bay ném bom và máy bay cường kích trên chiến trường trong sự hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng đó.

Nguyên soái K.E. Vô-rô-xi-lốp: Xin mời thống chế Béc-nét phát biểu ý kiến.

Thống chế Béc-nét: Nhân danh các phái đoàn của Pháp và của Anh tôi xin cảm ơn tướng Lốc-ti-ô-nốp đã trình bày bản thông báo của mình một cách chính xác. Nghị lực mà tính tổ chức mà Liên Xô dựa vào để đạt được những thành tựu xuất sắc như vậy trong việc xây dựng lực lượng không quân của mình đã gây ra cho tôi một ấn tượng mạnh mẽ....

Những người viết sử và những người viết hồi ký thích đặt câu hỏi: “Nếu,... thì sẽ thế nào?”. Quả thật là, nếu như các chính phủ Anh và Pháp ngay từ năm 1939 đã muốn liên kết lực lượng quân sự của mình với Liên Xô để chống lại kẻ xâm lược như chúng ta đã đề nghị thì số phận châu Âu sẽ khác...

Tháng 3-1940, Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Liên Xô họp hội nghị. Cuộc họp này có ý nghĩa to lớn đối với sự tiếp tục phát triển hơn nữa các lực lượng vũ trang chúng ta. Hội nghị đã tổng kết cuộc chiến tranh với Phần Lan. Cuộc thảo luận thật là sâu sắc, chế độ huấn luyện quân sự và giáo dục quân đội đã được đem ra phê phán nghiêm khắc, vấn đề nâng cao một cách đáng kể khả năng chiến đấu của bộ binh và hạm đội đã được đặt ra.

Giữa tháng 4, theo chỉ thị của Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương, Tổng Hội đồng quân sự đã họp hội nghị mở rộng. Những người tham gia cuộc chiến tranh với Phần Lan, những cán bộ

lãnh đạo bộ máy quân sự trung ương, các quân khu và các tập đoàn quân đã được mời dự cuộc họp này. Hội nghị đã đi đến kết quả là xác định được những nguyên tắc quan trọng nhất trong việc huấn luyện quân sự cho quân đội cho phù hợp với yêu cầu của tình thế. Theo quyết định của Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Liên Xô và của Chính phủ, một ủy ban đặc biệt đứng đầu là các đồng chí A.A. Giơ-đa-nốp và N.A. Vô-đơ-nê-xen-xki đã tiến hành kiểm tra công tác của Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng. Ủy ban đã yêu cầu cơ quan trung ương của ngành quân sự tăng cường một cách đáng kể toàn bộ công tác nhằm củng cố lực quân, không quân và hạm đội. Dựa vào chỉ thị của Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Liên Xô và dựa vào các ý kiến của Tổng Hội đồng quân sự, Bộ ủy viên nhân dân quốc phòng đã ban bố chỉ lệnh “Huấn luyện quân sự và chính trị cho quân đội trong mùa hè năm 1940”.

Thực chất những đòi hỏi mà giữa năm 1940 Đảng và Chính phủ đã đề ra cho các lực lượng vũ trang của chúng ta là gì?

Căn cứ vào những kết luận về cuộc chiến tranh Liên Xô - Phần Lan và nhất là vào tính chất các hoạt động quân sự của cuộc chiến tranh thế giới đã bắt đầu, nhiệm vụ đặt ra một cách nghiêm chỉnh và toàn diện là: hôm nay huấn luyện cái gì ngày mai cần thiết trong chiến tranh. Tất cả các quân chủng, binh chủng đều bắt đầu được cải tổ lại những biện pháp nghiêm túc nhằm củng

cổ chế độ một thủ trưởng, trật tự và kỷ luật trong quân đội đã được đề ra. Mệnh lệnh của Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng đòi hỏi các chỉ huy và phụ trách tất cả các cấp cũng như các cơ quan tham mưu phải sửa đổi chế độ huấn luyện và giáo dục quân đội theo quan điểm phù hợp với đòi hỏi của chiến tranh. Phải huấn luyện cho quân đội gần gũi với những điều kiện của thực tế chiến đấu, luyện tập cho cán bộ và chiến sĩ có sức khắc phục được những sự căng thẳng kéo dài về thể chất, tiến hành những buổi tập chiến thuật cả ban ngày lẫn ban đêm, trong mọi thời tiết, có nghĩa là phải tính đến yếu tố bất ngờ, tuân thủ nguyên tắc luôn luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu. Chỉ lệnh đòi hỏi các cán bộ chỉ huy binh chủng hợp thành phải nghiên cứu sâu sắc khả năng và đặc tính chiến đấu của các binh chủng khác để biết phối hợp với họ trong mọi hình thức chiến đấu hiện đại.

Cùng với đồng chí ủy viên Hội đồng quân sự quân khu Vla-di-mia Ni-cô-lai-ê-vích Bô-ri-xốp, các cán bộ phòng huấn luyện và phòng tác chiến, chúng tôi đã sinh hoạt ở dưới các đơn vị suốt cả mùa hè. Chúng tôi chú ý chủ yếu đến việc huấn luyện dã chiến cho các cán bộ, các cơ quan tham mưu và cho bộ đội tất cả các quân binh chủng.

Tháng 9-1940, đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô đã đến kiểm tra quân đội quân khu (X.K. Ti-mô-sen-cô được cử làm Ủy viên nhân dân quốc phòng ngày 8-5-1940).

Từ 22 đến hết 24 tháng 9, kiểm tra công tác huấn luyện chiến thuật của sư đoàn bộ binh số 41 tại vùng Ra-va Ru-xcai-a. Cuộc diễn tập dã chiến hai bên có cả không quân của quân khu tham gia. Pháo binh của sư đoàn bộ binh 41 học tập rất tốt.

Từ 25 đến hết 27 tháng 9, sư đoàn 99 diễn tập. Sư đoàn đã đạt kết quả loại giỏi và được tặng Huân chương Cờ Đỏ. Pháo binh của sư đoàn được tặng cờ đỏ luân lưu của pháo binh Hồng quân.

.

Từ 27 tháng 9 đến hết ngày 4 tháng 10, diễn tập dã chiến của các cơ quan tham mưu thuộc quân đoàn bộ binh 37, quân đoàn bộ binh 6, lữ đoàn xe tăng 36 và sư đoàn bộ binh 97. Các cơ quan tham mưu đều tỏ ra có năng lực tổ chức cao và có thái độ sáng tạo trong công tác, bảo đảm cho bộ tư lệnh có được mọi điều kiện để liên tục điều khiển được quân đội trong một tình huống phức tạp và biến đổi nhanh chóng.

Do đạt được kết quả huấn luyện hạng giỏi, cơ quan tham mưu của quân đoàn bộ binh 37 được tặng Cờ Đỏ luân lưu của Bộ Tổng tham mưu Hồng quân còn đồng chí tư lệnh quân đoàn X.M. Côn-đru-xép và đồng chí tham mưu trưởng Men-đrốp được thưởng đồng hồ vàng. Nhiều cán bộ chỉ huy đã nhận được những tặng phẩm quý giá.

Gần một năm sau những cuộc diễn tập này, quân đoàn bộ binh 37 cũng như các sư đoàn bộ binh 41, 99 và 97 đã chiến đấu với

những đội quân tinh nhuệ của bọn phát-xít. Chiến sĩ và cán bộ những binh đoàn này đã chiến đấu dũng cảm trong những ngày đầu khó khăn nhất của chiến tranh.

Phải nói rằng những cuộc kiểm tra diễn tập có các đồng chí lãnh đạo quân sự cao cấp tham dự đã có rất nhiều tác dụng giáo dục và động viên. Đồng chí X.K. Ti-mô-sen-cô am hiểu căn kẽ việc huấn luyện quân sự cho chiến sĩ và cho các đơn vị, đồng chí rất thích công việc này. Từ khi đồng chí được cử làm Ủy viên nhân dân quốc phòng, theo yêu cầu của Đảng, một phương hướng đúng đã được vạch ra để huấn luyện quân sự cho quân đội, đó là phương châm huấn luyện những gì cần thiết cho chiến tranh.

Chúng tôi bắt đầu chăm lo đặc biệt nhiều tới công tác quân báo và việc lợi dụng địa hình trong chiến đấu tiến công cũng như trong chiến đấu phòng ngự.

Chúng tôi không ngừng giáo dục cho chiến sĩ, hạ sĩ quan và sĩ quan rằng, phân đội và đơn vị chỉ trở thành một lực lượng gây khủng khiếp cho quân thù khi toàn thể cán bộ và chiến sĩ của chúng ta được huấn luyện chu đáo. Nhân vấn đề này, tôi trân trọng nhớ tới đồng chí cục trưởng cục tuyên truyền chính trị quân khu, chính ủy sư đoàn Ê-phim Ta-ra-xô-vích Pô-gi-đa-ép. Đồng chí đã làm được nhiều việc có ích trong lĩnh vực giáo dục huấn luyện quân đội.

Tôi chỉ nhắc tới một cuộc kiểm tra mà đồng chí Ủy viên nhân

dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô đã tiến hành trong quân khu. Những cuộc diễn tập kiểm tra như vậy, bộ tư lệnh quân khu đã tiến hành nhiều trong năm 1940 và vì vậy không phải ngẫu nhiên mà trong những ngày đầu tiên của chiến tranh, bộ đội Phương diện quân Tây-nam đã chiến đấu thành thạo và dũng cảm, giáng cho quân thù những đòn đáng kể.

Cuối tháng 9-1940, Bộ Tổng tham mưu thông báo cho biết là, theo chỉ thị của Ban Chấp hành trung ương Đảng, một hội nghị cán bộ cao cấp của quân đội sẽ được triệu tập họp ở Mát-xcơ-va trong tháng 12. Tôi được giao nhiệm vụ báo cáo về “Tính chất các chiến dịch tấn công hiện đại”. Ngoài ra còn trù tính tiến hành một cuộc diễn tập chiến dịch - chiến lược lớn và tôi được giao nhiệm vụ chỉ huy quân “xanh”. Đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng yêu cầu tôi phải đệ trình dự thảo báo cáo lên đồng chí ấy trước ngày 1-11.

Vấn đề phải trình bày thì phức tạp mà nơi trình bày lại là một hội nghị cao cấp, cho nên trong suốt một tháng ròng tôi phải dành nhiều thời gian ngày đêm chuẩn bị bản báo cáo ấy. Đồng chí I-van Khri-xtô-phô-rô-vích Ba-gra-mi-an, trưởng phòng tác chiến cục tham mưu quân khu đã giúp tôi nhiều trong công việc này. Dự thảo báo cáo của tôi đã được báo cáo lên đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng trước ngày đã định. Và hai tuần sau đồng chí Tổng Tham mưu trưởng K.A. Mê-rét-xcốp đã gọi điện thoại

cho biết dự thảo báo cáo của tôi đã được lãnh đạo thông qua và tôi cần chuẩn bị sẵn sàng để phát biểu.

Hội nghị đã họp cuối tháng 12-1940. Tham gia hội nghị này có các đồng chí tư lệnh các quân khu và các tập đoàn quân, các đồng chí ủy viên Hội đồng quân sự và tham mưu trưởng các quân khu và các tập đoàn quân, các đồng chí chỉ huy trưởng tất cả các học viện quân sự, các giáo sư và tiến sĩ khoa học quân sự, các đồng chí cục trưởng các cục ở trung ương, và các đồng chí cán bộ lãnh đạo trong Bộ Tổng tham mưu. Các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Liên Xô đã tham dự hội nghị trong suốt thời gian họp.

Nhiều bản báo cáo quan trọng đã được trình bày. Đại tướng I.V. Tiu-lê-nép đã chuẩn bị một báo cáo quy mô “Về tính chất của một chiến dịch phòng ngự hiện đại”. Bám sát vấn đề, đồng chí đã không vượt quá phạm vi chiến đấu phòng ngự của một tập đoàn quân và không nêu ra những đặc điểm của công tác phòng ngự chiến lược hiện đại.

Tư lệnh không quân của Hồng quân, trung tướng P.V. Rur-cha-gốp đặc biệt nổi tiếng ở Tây Ban Nha, đã trình bày báo cáo “Không quân trong tấn công và trong chiến đấu giành quyền làm chủ trên không”. Đây là một bản báo cáo có nội dung phong phú. Trung tướng A.K. Xmiéc-nốp báo cáo về vấn đề “sự đoàn bộ binh trong tấn công và phòng ngự”.

Tổng Tham mưu trưởng, đại tướng K.A. Mê-rét-xcốp báo cáo về các vấn đề tổng quát trong công tác chuẩn bị chiến đấu và chiến dịch của Hồng quân. Đồng chí đã đặc biệt nhấn mạnh tình trạng chưa được huấn luyện đầy đủ của các cán bộ chỉ huy cao cấp và của các cơ quan tham mưu mọi cấp. Lúc đó tình trạng này phần nào là hậu quả của việc đề bạt hàng loạt những cán bộ trẻ và chưa được huấn luyện đầy đủ về mặt chiến dịch - chiến thuật và công tác tham mưu lên những cương vị công tác cao hơn.

Bản báo cáo của tư lệnh Quân khu Bê-lô-ru-xi, thượng tướng Đ.G. Páp-lốp “Về vấn đề sử dụng các binh đoàn cơ giới trong chiến dịch tấn công hiện đại” đã được mọi người chú ý. Vấn đề này lúc đó là một vấn đề mới và lớn. Trong bản báo cáo rất có lý lẽ của mình, đồng chí Đ.G. Páp-lốp đã khéo léo chứng minh rằng, các quân đoàn xe tăng và cơ giới có khả năng cơ động và có sức mạnh thọc sâu lớn mà lại ít bị hỏa lực của pháo và của máy bay sát thương hơn các binh chủng khác.

Báo cáo của tôi “về tính chất các chiến dịch tấn công hiện đại” cũng đã được mọi người lắng nghe. Những đồng chí tham dự hội nghị đã đưa ra nhiều ý kiến bổ sung và nhận xét phê phán quý giá .

Tất cả các đồng chí đã tham gia thảo luận và cả đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng trong báo cáo tổng kết của mình đều nhất trí rằng, nếu phát-xít Đức gây ra chiến tranh chống lại Liên Xô

thì chúng ta sẽ phải đương đầu với một quân đội mạnh nhất của phương Tây. Hội nghị đã nhấn mạnh rằng quân đội này có binh chủng xe tăng, xe bọc thép, bộ đội cơ giới và không quân hùng mạnh và có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức và chỉ huy một cuộc chiến tranh hiện đại.

Tất cả các đồng chí đã phát biểu ý kiến đều cho là cần phải tiếp tục xây dựng các binh đoàn xe tăng và cơ giới cỡ sư đoàn, quân đoàn để có lực lượng tương đương với quân đội Đức. Hội nghị cũng đã nói nhiều đến việc cải tổ và vũ trang lại cho không quân, cho các đơn vị phòng không và chống tăng và cả việc cơ giới hóa sức kéo pháo để nâng cao tính cơ động của pháo binh, làm cho pháo có thể đi qua được những nơi không có đường.

Nói chung, Hội nghị đã chứng tỏ rằng tư tưởng - lý luận quân sự Xô-viết cơ bản đã xác định được đúng những phương hướng chủ yếu trong sự phát triển của nghệ thuật quân sự hiện đại. Cần phải đưa được lý luận đó càng nhanh càng tốt vào thực tiễn chiến đấu của quân đội. Dựa vào các kết luận của Hội nghị, ít lâu sau đã đề ra nhiều biện pháp tiếp tục nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu của quân đội các quân khu biên giới và hoàn thiện nghệ thuật công tác tham mưu. Các quân khu đã tổ chức đợt huấn luyện và diễn tập mới về chiến dịch - chiến lược, đã vạch kế hoạch bảo vệ biên giới quốc gia, đã củng cố thêm tính tổ chức trong quân đội. Sau hội nghị một ngày, lẽ ra có một cuộc tập trận lớn nhưng bất

thình lình chúng tôi được triệu tập đến gặp đồng chí I.V. Xta-lin.

I.V. Xta-hn đã tiếp đón chúng tôi một cách khá lạnh lùng, hơi khề gật đầu chào chúng tôi rồi mời ngồi vào bàn.

Đồng chí trách X.K. Ti-mô-sen-cô đã kết thúc hội nghị mà không hỏi ý kiến đồng chí về bản báo cáo tổng kết của Ủy viên nhân dân quốc phòng. X.K. Ti-mô-sen-cô đã trình bày lại rằng đồng chí đã gửi dự thảo báo cáo tổng kết của mình lên I.V. Xta-lin rồi và nghĩ là I.V. Xta-lin đã đọc bản dự thảo ấy rồi mà không có nhận xét gì.

- Lúc nào các đồng chí bắt đầu tập trận? - I.V. Xta-lin hỏi.

- Sớm mai, - X.K. Ti-mô-sen-cô trả lời.

- Thế thì tốt, các đồng chí cứ tập trận đi, sau đó đừng giải tán ngay các đồng chí tư lệnh. Ai đóng vai bên “xanh” ai đóng vai bên “đỏ”?

- Đại tướng Giu-cốp chỉ huy quân “xanh” (bên Tây) còn thượng tướng Páp-lốp chỉ huy quân “đỏ” (bên Đông).

Sớm hôm sau, cuộc tập trận lớn về chiến dịch - chiến lược bắt đầu Những sự kiện có thể xảy ra tại biên giới phía tây trong trường hợp Đức tấn công Liên Xô đã được lấy làm cơ sở cho tình huống chiến lược.

Lãnh đạo cuộc tập trận này là đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô và đồng chí Tổng Tham mưu trưởng K.A. Mê-rét-xcốp. Các đồng chí đó “đóng vai” tư lệnh hướng

chiến lược tây-nam. Ước định rằng bên “xanh” (Đức) là bên tấn công còn bên “đỏ” (Hong quân) là bên phòng ngự.

Mục đích cơ bản của cuộc tập trận về chiến lược quân sự là kiểm tra lại xem những điểm chủ yếu trong kế hoạch bố trí và hoạt động của quân đội trong thời kỳ đầu chiến tranh có thiết thực và hợp lý hay không?

Cần phải nêu công lao của Bộ Tổng tham mưu: những hoạt động chiến tranh mới nhất của quân đội phát-xít Đức ở châu Âu đã được phản ánh trên một mức độ đáng kể trong tất cả các tài liệu chuẩn bị cho cuộc tập trận này.

Trên hướng chiến lược phía tây, cuộc tập trận đã diễn ra trên một mặt trận từ Đông Phổ đến Pô-li-xi-ê. Lực lượng hai bên: bên Tây (bên “xanh”) có hơn 60 sư đoàn, bên Đông (bên “đỏ”) có trên 50 sư đoàn. Hoạt động của lực quân được những lực lượng mạnh của không quân yểm hộ.

Trong cuộc tập trận này đã để cho quân bên Đông nhiều lần sa vào những tình huống bi đát. Những tình huống ấy rất giống với tình huống xảy ra ngày 22-6-1941, khi Đức phát-xít tấn công Liên Xô...

Lúc kết thúc cuộc diễn tập, đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng đã lệnh cho tư lệnh các bên - cho Đ.G. Páp-lốp và tôi - tiến hành phân tích kiểm điểm riêng, nhận xét những thiếu sót và những nhân tố tích cực trong hoạt động của các bên dự tập.

I.V. Xta-lin đề nghị tiến hành cuộc kiểm điểm phân tích chung tại điện Crem-lanh và mời những cơ quan lãnh đạo Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng và Bộ Tổng tham mưu, các đồng chí tư lệnh và tham mưu trưởng các quân khu tới họp. Ngoài đồng chí I.V. Xta-lin ra, còn có các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị tham dự.

Tổng Tham mưu trưởng, đại tướng K.A. Mê-rét-xcốp báo cáo lại diễn biến của cuộc tập trận. Khi đồng chí nêu ra những số liệu về tương quan lực lượng hai bên và về ưu thế của bên “xanh” trong thời kỳ đầu cuộc diễn tập, đặc biệt là về xe tăng và không quân, I.V. Xta-lin đã khó chịu vì thất bại của bên “đỏ”, đồng chí ngắt lời K.A. Mê-rét-xcốp và nói:

- Không được quên rằng, trong chiến tranh không phải chỉ đa số số học là quan trọng mà cả nghệ thuật của cán bộ chỉ huy và của quân đội cũng là quan trọng.

Sau khi nêu ra một vài nhận xét nữa, I.V. Xta-lin hỏi:

- Đồng chí nào muốn phát biểu?

Đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô lên tiếng. Đồng chí đã báo cáo về sự trưởng thành của các tư lệnh và tham mưu trưởng quân khu về mặt chiến dịch - chiến thuật nêu lên lợi ích rõ ràng của hội nghị và của cuộc tập trận về mặt chiến lược vừa qua.

- Sang năm huấn luyện 1941, - X.K. Ti-mô-sen-cô nói, - quân

đội sẽ có thể được chuẩn bị một cách có chủ đích hơn, có tổ chức hơn, vì rằng đến lúc đó quân ta sẽ được bố trí xong tại những khu vực đóng quân mới.

Sau đó thượng tướng Đ.G. Páp-lốp phát biểu ý kiến. Đồng chí mở đầu bằng việc đánh giá cuộc hội nghị vừa qua.

- Nguyên nhân những hoạt động bất lợi của quân bên “đỏ” là ở đâu? - I.V. Xta-lin hỏi.

Đ G. Páp-lốp định đánh trống lảng bằng cách nói đùa rằng trong khi tập vẫn thường xảy ra như vậy. Rõ ràng là câu nói bông này không làm vừa lòng I.V. Xta-lin. Đồng chí liền nhận xét:

- Tư lệnh một quân khu phải nắm vững nghệ thuật chiến tranh, phải biết tìm ra những giải pháp đúng trong bất kỳ tình huống nào, nhưng trong cuộc tập trận vừa rồi ở đồng chí thiếu những cái đó. Còn ai có ý kiến nữa không?

Tôi xin nói.

Sau khi đã nêu lên giá trị to lớn của những cuộc tập trận như vậy đối với việc nâng cao trình độ chiến dịch - chiến lược của cơ quan chỉ huy cao cấp, tôi đề nghị nên tiến hành những cuộc tập trận này nhiều hơn nữa mặc dù tổ chức tập trận như vậy là rất phức tạp. Tôi nói :

- Để nâng cao trình độ quân sự của các tư lệnh và cán bộ tham mưu các quân khu và các tập đoàn quân, cần phải tổ chức những cuộc diễn tập lớn ở ngoài trời về công tác chỉ huy và tham mưu

với các phương tiện giao thông liên lạc dưới sự lãnh đạo của đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng và của Bộ Tổng tham mưu.

Sau đó tôi đã đề cập đến việc xây dựng những khu vực được củng cố ở miền Tây Bê-lô-ru-xi.

- Theo tôi, ở miền Tây Bê-lô-ru-xi các tuyến được củng cố nằm quá gần biên giới và như vậy là nằm ở thế chiến đấu cực kỳ bất lợi đặc biệt là ở vùng đất lồi Bê-lô-xtốc. Quân thù có thể từ Bre-xơ và Xu-van-ca đánh vào hậu phương toàn bộ cánh quân ta ở Bê-lô-xtốc. Ngoài ra do có chiều sâu không lớn lắm, những tuyến được củng cố này không thể cầm cự lâu dài được vì pháo địch có thể bắn vào khắp trận địa ta. Tôi cho rằng cần phải xây dựng các tuyến được củng cố này tại một nơi nào đó ở sâu hơn nữa.

- Thế ở U-crai-na xây dựng các tuyến được củng cố có đúng không? - Đ.G. Páp-lốp hỏi, rõ ràng là không bằng lòng vì tôi đã phê bình quân khu đồng chí ấy.

- Tôi chưa chọn tuyến để xây dựng các tuyến được củng cố ở U-crai-na, nhưng tôi nghĩ rằng, cả ở đây nữa cũng cần phải xây dựng các tuyến ấy ở xa biên giới.

- Các khu vực được củng cố đều xây dựng theo các kế hoạch đã được Tổng Hội đồng quân sự phê chuẩn, và đồng chí Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng, nguyên soái B.M. Sa-pô-sni-cốp đích

thân chỉ đạo công việc xây dựng cụ thể. - K.E. Vô-rô-si-lốp đột nhiên có ý kiến phản đối.

Vì cuộc tranh luận đã bắt đầu, tôi ngừng phát biểu và ngồi xuống ghế.

Sau đó một số tướng lĩnh có cương vị lãnh đạo đã phát biểu về một loạt những vấn đề cần thảo luận.

Đồng chí tư lệnh không quân của Hồng quân, tướng P.V. Rur-cha-gốp đã phát biểu rất xác đáng. Đồng chí ấy đã nhấn mạnh rằng, cần phải nhanh chóng phát triển lực lượng không quân của chúng ta trên cơ sở những máy bay hiện đại nhất và phải hoàn thiện công tác huấn luyện quân sự cho phi công.

Bài phát biểu của đồng chí Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng phụ trách vấn đề vũ trang, nguyên soái G.I. Cu-lích đã gây nên những ấn tượng kỳ lạ. Đồng chí đã đề nghị nâng quân số một sư đoàn bộ binh lên tới 16.000 – 18.000 người và bảo vệ chủ trương dùng ngựa kéo pháo. Xuất phát từ kinh nghiệm chiến đấu ở Tây Ban Nha, đồng chí kết luận rằng các đơn vị xe tăng phải lấy việc trực tiếp chi viện cho bộ binh làm hoạt động chủ yếu của mình và chỉ hoạt động từng đại đội và tiểu đoàn một mà thôi.

- Hiện nay, - G.I. Cu-lích nói, - chưa nên thành lập những quân đoàn xe tăng và những quân đoàn cơ giới.

Đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô phản đối:

- Các cán bộ lãnh đạo quân đội đều đã thấy cần phải cơ giới hóa quân đội một cách nhanh chóng nhất. Riêng mình đồng chí Cu-lích vẫn còn luẩn quẩn trong vấn đề đó.

I.V. Xta-lin cắt ngang cuộc tranh luận, phê phán quan điểm lạc hậu G.I. Cu-lích. Đồng chí nhận xét:

- Trong chiến tranh bên nào có nhiều xe tăng hơn và nhiều bộ đội cơ giới hơn, bên ấy sẽ chiến thắng.

Một ngày sau, khi đã họp phân tích xong về cuộc tập trận, tôi được triệu tập lên gặp đồng chí I.V. Xta-lin.

Sau khi đã chào hỏi xong, I.V. Xta-lin nói:

- Bộ Chính trị đã quyết định không để Mê-rét-xcốp làm Tổng Tham mưu trưởng nữa và cử đồng chí lên thay.

Tôi chờ đón mọi chuyện nhưng không hề ngờ đến một quyết định như vậy, và, không biết trả lời thế nào, tôi ngồi im. Cuối cùng tôi đã nói:

- Tôi chưa bao giờ làm công tác tham mưu cả. Tôi luôn ở đơn vị chiến đấu. Tôi không thể làm Tổng Tham mưu trưởng.

- Bộ Chính trị đã quyết định cử đồng chí rồi - I.V. Xta-lin nói, nhấn mạnh vào tiếng “đã quyết định”.

Biết rằng có không đồng ý nữa cũng chẳng ích gì, tôi cảm ơn sự tín nhiệm đó của Bộ Chính trị và nói:

- Nhưng nếu không làm được tốt công tác Tổng Tham mưu trưởng, tôi đề nghị xin được quay trở về đơn vị chiến đấu.

- Được chúng ta đồng ý với nhau là như vậy. Ngày mai sẽ có quyết định của Ban Chấp hành trung ương - I.V. Xta-lin nói. Mười lăm phút sau, tôi đến gặp đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng. Vừa mỉm cười, đồng chí vừa nói :

- Mình biết cậu đã khước từ nhiệm vụ Tổng Tham mưu trưởng như thế nào. I.V. Xta-lin vừa nói chuyện bằng điện thoại với mình. Giờ đây cậu trở về quân khu đi và mau trở lại Mát-xcơ-va. Thượng tướng M.P. Kiéc-pô-nô-xơ sẽ được cử làm tư lệnh quân khu thay cậu nhưng đừng chờ M.P. Kiéc-pô-nô-xơ đến, có thể đề tham mưu trưởng quân khu M.A Puốc-ca-ép tạm thời thay mặt tư lệnh phụ trách quân khu.

Tôi chưa từng công tác cùng với Mi-kha-in Pê-tơ-rô-vích Kiéc-pô-nô-xơ, nhưng theo những người đã cùng làm việc với đồng chí đó nhận xét, thì đây là một sĩ quan toàn năng rất có kinh nghiệm và đã từng phục vụ trong quân đội cũ. Trong thời gian Cách mạng tháng Hai năm 1917 đồng chí đã được bầu làm Chủ tịch Hội đồng binh sĩ trung đoàn. Đồng chí vào Đảng tháng 5-1918. Từ năm 1934 đến hết năm 1939 đồng chí đã làm giám đốc Trường quân chính bộ binh Ca-dan mang tên Xô-viết tối cao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết tự trị Ta-ta-rơ. Do có thành tích chỉ huy sư đoàn bộ binh 70 trong một tình huống chiến đấu, đồng chí đã được tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô. Tháng 6-1940, M.P. Kiéc-pô-nô-xơ được cử làm tư lệnh Quân

khu Lê-nin-grát.

Tôi vui mừng vì Quân khu đặc biệt Ki-ép được ủy thác cho một tư lệnh xứng đáng như vậy. Đương nhiên cũng như nhiều người khác đồng chí này cũng còn chưa có đủ những tri thức và kinh nghiệm cần thiết để lãnh đạo một quân khu biên giới lớn như vậy, nhưng kinh nghiệm sống, tính cần cù và bản chất miễn cưỡng đã bảo đảm rằng Mi-kha-in Pê-tơ-rô-vích sẽ trở thành một tư lệnh ưu tú của quân đội.

Ngay chiều hôm đó, tôi về Ki-ép để rồi lại từ đây đi Mát-xcơ-va. Thành thật mà nói, tôi đã đi với một tâm trạng nặng nề. U-crai-na có thành Ki-ép cổ kính và tươi đẹp bao giờ cũng làm cho tôi ưa thích. Nhân dân U-crai-na quý trọng và tín nhiệm tôi, đã bầu tôi làm đại biểu Xô-viết tối cao U-crai-na và đại biểu Xô-viết tối cao Liên Xô. Ban Chấp hành trung ương Đảng U-crai-na đã kiên quyết giúp đỡ quân đội quân khu trong việc tổ chức các lần học tập dã chiến và công tác giáo dục cũng như trong việc tổ chức đời sống.

Trong thời gian ngắn ngủi ở cương vị tư lệnh quân khu, tôi đã có thể đánh giá cao tinh thần cần mẫn và tính sáng tạo trong công việc của tập thể cơ quan quân khu, đặc biệt là của các đồng chí I Kh. Ba-gra-mi-an, E.X. Pơ-tu-khin, N.Đ. Ya-cốp-lép, của các tư lệnh các tập đoàn quân và các chỉ huy trưởng các binh đoàn của quân khu. Tôi tin tưởng sâu sắc vào các đồng chí này và cảm

thấy rằng sẽ hoàn toàn có thể trồng cây ở họ trong những thử thách của chiến tranh.

Từ Mát-xơ-va, đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng đã nhiều lần gọi điện thoại cho tôi, giục tôi bàn giao nhanh công việc ở quân khu.

Tôi lưu lại ở Ki-ép không lâu và ngày 31-1 tôi đã đến Mát-xơ-va. Hôm sau, tôi nhận bàn giao của K.A Mê-rét-xcốp và bắt đầu nhận trách nhiệm làm Tổng Tham mưu trưởng.

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 9

SÁT TRƯỚC CHIẾN TRANH GIỮ NƯỚC VĨ ĐẠI

SUỐT tháng 2, tôi bận nghiên cứu kỹ những công việc có liên quan trực tiếp tới sự hoạt động của Bộ Tổng tham mưu. Làm việc 15 - 16 giờ một ngày, tôi thường thường ngủ lại ở phòng làm việc. Tôi không thể nói rằng, ngay tức khắc tôi đã nắm được sự hoạt động nhiều mặt của Bộ Tổng tham mưu. Tất cả những điều đó không thể làm được ngay. N.Ph. Va-tu-tin, G.K. Ma-lan-đin, A.M. Va-xi-lép-xki, V.D. I-va-nốp, A.I. Xi-mô-na-ép, N.I. Chét-ve-ri-cốp và các đồng chí khác trong Bộ Tổng tham mưu đã giúp đỡ tôi rất nhiều.

Chúng ta đã có những gì khi chiến tranh bắt đầu, đất nước và các lực lượng vũ trang của ta đã chuẩn bị sẵn sàng để đánh trả quân địch một cách đích đáng chưa?

Trả lời đầy đủ cho câu hỏi quan trọng nhất này trong toàn bộ sự tổng hợp các mặt chính trị, kinh tế, xã hội và quân sự, tính đến tất cả những yếu tố chủ quan và khách quan, đòi hỏi phải có sự

nghiên cứu hết sức công phu. Tôi tin rằng các nhà bác học, nhà viết sử của chúng ta sẽ đảm đương được nhiệm vụ đó.

Về phía mình, tôi sẵn sàng nói lên ý kiến, trước hết về mặt quân sự của vấn đề, theo sức và khả năng của mình, dựng lại khung cảnh chung và nêu lên những sự kiện riêng biệt của những tháng và những ngày lo âu trong nửa đầu năm 1941.

Chúng ta hãy bắt đầu từ vấn đề chủ yếu nhất - sự phát triển kinh tế và công nghiệp, cơ sở của khả năng quốc phòng ở nước ta.

Kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1938-1942) là sự tiếp tục tất nhiên của các kế hoạch 5 năm lần thứ hai và lần thứ nhất. Mọi người đều biết rằng hai kế hoạch đó đã được thực hiện vượt mức.

Công nghiệp trong 4 năm của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất tăng hai lần, mức định tăng trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai là 2,1 lần, thực tế đã tăng lên 2,2 lần. Lúc này Đại hội XVIII của Đảng cộng sản liên bang (b) lại quy định mức tăng sản phẩm công nghiệp trong 5 năm là 1,9 lần. Liệu có cơ sở gì để cho rằng kế hoạch đó là không thực tế, không hoàn thành được không?

Không có. Mà ngược lại.

Đến tháng 6-1941, so với mức đề ra cho cuối năm 1942, tổng sản lượng công nghiệp đã đạt 86%, mức chuyên chở của giao thông đường sắt – 90%. 2.900 nhà máy, nhà máy điện, mỏ than, mỏ kim loại và các xí nghiệp công nghiệp mới khác đã bước vào sản xuất.

Nếu lấy vốn đầu tư tính bằng tiền, thì kế hoạch mới đã dành cho việc xây dựng các xí nghiệp mới và sửa sang các xí nghiệp cũ một khoản chi 182 tỷ rúp so với 103 tỷ rúp trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai và 39 tỷ rúp trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Từ đó ta thấy rằng, tính cả giá xây dựng có đắt hơn trong những năm gần đó, chúng ta đã huy động một nguồn lực sản xuất nhiều hơn so với nguồn lực huy động trong hai kế hoạch 5 năm trước cộng lại.

Tình hình công nghiệp nặng và đặc biệt là công nghiệp quốc phòng như thế nào? Trong bản báo cáo trước Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản liên bang (b) về kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân có nói rằng, trong quá trình thực hiện các kế hoạch trước, vì tình hình quốc tế thêm phức tạp, nên đã có những điều chỉnh quan trọng trong việc phát triển công nghiệp nặng, tăng một cách đáng kể nhịp độ đã dự tính về phát triển công nghiệp quốc phòng. Theo kế hoạch 5 năm lần thứ ba, công nghiệp nặng và công nghiệp quốc phòng, vẫn được phát triển đặc biệt nhanh chóng.

Thực vậy, sản lượng hàng năm của toàn bộ công nghiệp trung bình tăng lên 13%, còn công nghiệp quốc phòng tăng 39%. Một loạt các nhà máy chế tạo cơ khí và các nhà máy lớn khác đã được chuyển sang sản xuất kỹ thuật quốc phòng, việc xây dựng các nhà máy quốc phòng đặc biệt loại lớn được đẩy mạnh.

Ban chấp hành trung ương Đảng đã giúp đỡ các xí nghiệp mới sản xuất kỹ thuật chiến tranh trong việc cung cấp nguyên liệu hiếm và các thiết bị mới nhất. Để các nhà máy quốc phòng lớn có đủ mọi điều kiện đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, Ban chấp hành trung ương Đảng đã cử các cán bộ Đảng giàu kinh nghiệm, các chuyên gia lớn với tư cách là cán bộ tổ chức tới làm việc ở các nhà máy đó. Cần phải nói rằng I.V. Xta-lin đích thân làm việc nhiều với các xí nghiệp quốc phòng, biết rõ hàng chục giám đốc nhà máy, các cán bộ Đảng, các kỹ sư trưởng, thường xuyên gặp họ, và với tính kiên quyết vốn có của mình, I.V. Xta-lin thúc giục phải thực hiện bằng được những kế hoạch đã định.

Như vậy là, đứng về mặt kinh tế, thấy rõ nền công nghiệp quốc phòng được phát triển không ngừng và nhanh chóng, thậm chí tôi có thể nói là rất gấp.

Thêm nữa, không được quên rằng, một là sự phát triển to lớn đó trong mức độ đáng kể đã đạt được là nhờ ở tinh thần lao động vô cùng khấn trương của quần chúng, hai là nó diễn ra phần lớn nhờ vào sự phát triển công nghiệp nhẹ và các ngành khác trực tiếp cung cấp cho nhân dân thực phẩm và hàng hóa. Cũng cần phải hiểu thêm rằng sự phát triển của công nghiệp nặng và công nghiệp quốc phòng diễn ra trên cơ sở của nền kinh tế hòa bình, trong khuôn khổ một nước yêu chuộng hòa bình chứ không phải quân sự hóa.

Vì vậy nếu làm mạnh và nghiêng nhiều nữa về mặt này thì sẽ là thực tế chuyển sự phát triển hòa bình của đất nước sang con đường phát triển sản xuất hàng chiến tranh, sẽ dẫn đến sự thay đổi đảo lộn cả cơ cấu của nền kinh tế quốc dân, quân sự hóa nền kinh tế quốc dân, có hại trực tiếp tới lợi ích nhân dân lao động. Tất nhiên, đứng ở vị trí của những năm sau chiến tranh thì dễ nói rằng đối với loại vũ khí này lẽ ra phải chú trọng nhiều hơn, đối với loại kia - ít hơn. Nhưng thậm chí đứng ở vị trí đó, cũng không thể đòi phải có sự thay đổi căn bản toàn diện về kinh tế đến mức nào đó trong nền kinh tế trước chiến tranh. Tôi xin nói thêm: khi nhớ lại rằng chúng tôi, các cán bộ quân sự đã đòi hỏi ở công nghiệp như thế nào và đòi hỏi những gì trong những tháng hòa bình cuối cùng, tôi thấy là, có khi chúng tôi đã không tính hết đến tất cả những khả năng sản xuất thực tế của nền kinh tế nước ta. Mặc dù, có lẽ, đứng trên cương vị trách nhiệm của mình, chúng tôi vẫn đúng.

Ví dụ, nhiều điều kiện khách quan đã hạn chế những đề nghị của Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng về mở rộng sản xuất hàng loạt máy bay, xe tăng, xe kéo pháo, xe hơi vận tải, phương tiện liên lạc và kỹ thuật chiến tranh khác thuộc loại mới nhất.

Tất nhiên, trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng đã có nhiều thiếu sót, khó khăn mà chúng ta sẽ còn nói tới. Do quy mô xây dựng rộng lớn nên thiếu nhân lực lành nghề, chưa đủ kinh

nghiệm sản xuất vũ khí mới và tổ chức sản xuất hàng loạt vũ khí đó. Nhu cầu về phương tiện kỹ thuật chiến đấu và vũ khí ngày càng vùn vụt vượt lên.

Quy chế xét duyệt một loại vũ khí mới để sản xuất hàng loạt như sau:

Thoạt tiên các loại mẫu phải qua những cuộc thí nghiệm của nhà máy có đại diện quân đội tham dự, tiếp sau là các cuộc thí nghiệm trong quân đội, và chỉ sau đó Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng mới kết luận. Chính phủ, có sự tham gia của Ủy viên nhân dân quốc phòng, các Ủy viên nhân dân công nghiệp quốc phòng và các tổng công trình sư, xét đề nghị và thông qua quyết định cuối cùng.

Thực hiện theo quy thể đó mất khá nhiều thời gian. Có khi, trong lúc còn đang chế tạo và thí nghiệm kỹ thuật mới thì các công trình sư đã có loại mới hơn, hoàn thiện hơn, và hoàn toàn đúng theo quy luật là, trong trường hợp này, vấn đề xét duyệt vũ khí bị xếp lại cho đến khi thí nghiệm đầy đủ loại mới nhất.

Nói chung, các nguồn lực sản xuất to lớn được xây dựng trong hai kế hoạch 5 năm trước chiến tranh và đặc biệt trong 3 năm sát trước chiến tranh đã đủ làm cơ sở cho sức phòng thủ của đất nước.

Đứng về quan điểm quân sự, chủ trương của Đảng nhằm phát triển nhanh chóng công nghiệp ở các vùng phía đông, xây dựng

các nhà máy sản xuất thời bình nhưng có thể chuyển ngay sang sản xuất phục vụ thời chiến trong một loạt các ngành chế tạo cơ khí, sản xuất dầu hỏa và hoá học, đã có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Ở đây đã xây dựng $\frac{3}{4}$ tổng số các lò cao mới, cơ sở dầu lửa lớn thứ hai giữa Vôn-ga và U-ran, các nhà máy lớn luyện kim loại màu ở Trung Á, ngành công nghiệp nặng ở Viễn Đông, các nhà máy lắp ráp xe hơi, các nhà máy liên hợp sản xuất nhôm và các xí nghiệp sản xuất thép ống, thép dẹt, các nhà máy thủy điện.

Trong thời gian chiến tranh, kết hợp với các xí nghiệp được di chuyển tới, miền đông nước ta đã có một cơ sở công nghiệp mới đủ đảm bảo đánh lui và đánh tan quân thù.

Tôi muốn nói vắn tắt về tình hình dự trữ vật tư trước chiến tranh. Những lượng dự trữ này nhằm đảm bảo chuyển nền kinh tế sang kinh tế chiến tranh và nuôi quân đội trong thời gian mà nền kinh tế chưa cung ứng đầy đủ cho nhu cầu thời chiến. Từ năm 1940 đến tháng 6-1941, tổng giá trị các lượng dự trữ vật tư của Nhà nước đã được tăng từ 4 tỷ lên đến 7,6 tỷ rúp. Trong đó bao gồm lượng dự trữ các nguồn lực sản xuất, nhiên liệu, nguyên liệu, năng lượng, kim loại đen và màu, lương thực.

Những lượng dự trữ có sát trước chiến tranh này, mặc dù khá nhỏ bé, đã giúp cho nền kinh tế quốc dân trong năm 1941, là năm có nhiều khó khăn, nhanh chóng có được nhịp độ và quy mô

cần thiết để tiến hành chiến tranh.

Như vậy là, nhịp đập của công nghiệp nặng, của công nghiệp quốc phòng là nhanh, trong những năm và những tháng sát trước chiến tranh nó đã đạt tới mức căng thẳng và đầy đủ nhất. Cả đời sống của nhà nước nói chung cũng trở nên khắc khổ hơn, dường như phải thắt lưng buộc bụng lại.

Kỳ họp bất thường lần thứ IV của Xô-viết tối cao Liên Xô vào tháng 9-1939 đã thông qua “đạo luật toàn dân làm nghĩa vụ quân sự”. Theo đạo luật mới này những người 19 tuổi được gọi nhập ngũ, còn đối với những người đã tốt nghiệp trung học, tuổi nhập ngũ quy định là 18. Để nâng cao trình độ thành thạo về kỹ thuật quân sự, thời hạn tại ngũ được tăng lên: đối với các hạ sĩ quan lục quân và không quân từ 2 năm tăng lên 3 năm; đối với toàn bộ chiến sĩ không quân và chiến sĩ hạ sĩ quan bộ đội biên phòng - lên 4 năm, trên các chiến hạm và các đơn vị hải quân – lên 5 năm.

Việc thực hiện nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ ba nói chung và những nhiệm vụ trong ngành công nghiệp nặng và công nghiệp quốc phòng nói riêng, cũng như nguy cơ xảy ra một cuộc tấn công quân sự vào Liên Xô đòi hỏi phải tăng thêm số lượng thời gian làm việc dành cho nền kinh tế quốc dân. Do đó, Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao Liên Xô ngày 26-6-1940 ra sắc lệnh “về việc chuyển sang ngày làm việc 8 giờ, tuần lễ làm việc

7 ngày, và cấm công nhân viên chức tự ý thôi việc ở xí nghiệp, cơ quan”. Đã thực hiện một hệ thống mới đào tạo công nhân lành nghề trong các trường chuyên nghiệp dạy nghề và đường sắt, các trường kỹ thuật ở các nhà máy, những trường này đào tạo hàng năm trung bình từ 80 vạn đến một triệu người.

Cũng hồi đó, giữa năm 1940, Đoàn chủ tịch xô-viết tối cao Liên Xô đã ra sắc lệnh “về trách nhiệm của xí nghiệp công nghiệp đối với việc sản xuất sản phẩm xấu và đối với việc không tuân thủ các tiêu chuẩn bắt buộc”. Những biện pháp nghiêm ngặt nhằm cải tiến sự lãnh đạo các xí nghiệp được áp dụng; kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và nội quy được củng cố. Cơ quan nhà nước, bộ máy quản lý công nghiệp cũng có những thay đổi quan trọng, trở nên linh hoạt hơn, không còn công kênh, không tập trung ở trung ương quá mức cần thiết. Bộ Ủy viên nhân dân công nghiệp quốc phòng chia thành bốn bộ mới: Bộ công nghiệp hàng không, Bộ công nghiệp đóng tàu, Bộ đạn dược, Bộ vũ khí; Bộ Ủy viên nhân dân công nghiệp cơ khí chia thành các Bộ công nghiệp cơ khí nặng, trung và tổng hợp.

Các Bộ Ủy viên nhân dân mới (Bộ giao thông xe hơi, Bộ xây dựng, v.v...) được thành lập, có liên quan trực tiếp tới việc củng cố quốc phòng. Công tác của Hội đồng kinh tế thuộc Hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên xô được cải tiến. Trên cơ sở của Hội đồng này đã thành lập các ủy ban công nghiệp quốc phòng, luyện

kim, nhiên liệu, cơ khí, v.v... Các nhà hoạt động lớn của Nhà nước, các Phó chủ tịch Hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên Xô - N.Đ. Vô-dơ-ne-xen-xki, A.N. Cô-xư-ghin, V.A. Ma-lư-xép, v.v... được cử làm chủ nhiệm các ủy ban.

Tất cả những sự thay đổi đó là cần thiết để đáp ứng với khối lượng công việc ngày càng lớn, với những yêu cầu của việc chuẩn bị phòng thủ tích cực chống ngoại xâm, mà khả năng xảy mỗi tháng thêm tăng.

Để thích ứng với điều kiện lúc đó và do có “đạo luật toàn dân làm nghĩa vụ quân sự”, cơ quan quân sự trung ương, các cơ quan quân sự địa phương cũng được hoàn thiện. Tại các nước cộng hòa tự trị, các tỉnh và các biên khu, thành lập các ủy ban quân sự và áp dụng quy chế hoạt động mới của các ủy ban đó.

Những vấn đề có tính nguyên tắc và lớn trong Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng được đem ra xem xét tại Hội đồng quân sự trung ương Hồng quân. Chủ tịch Hội đồng quân sự trung ương là Ủy viên nhân dân quốc phòng, ủy viên của Hội đồng là các Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng và một ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản liên bang (b). Những vấn đề đặc biệt quan trọng thường được báo cáo và quyết định với sự có mặt của I V. Xta-lin và các ủy viên khác trong Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản liên bang (b).

Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng và Chính phủ

Liên Xô ngày 8-3-1941 quy định rõ việc phân công trách nhiệm trong Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng Liên Xô. Ủy viên nhân dân quốc phòng lãnh đạo Hồng quân thông qua Bộ Tổng tham mưu, các Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng và thông qua hệ thống các tổng cục và các tổng vụ. Tổng cục xe bọc thép, văn phòng Bộ, Tổng cục tài vụ, Tổng cục cán bộ và ủy ban phát minh sáng chế trực tiếp đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy viên nhân dân quốc phòng.

Trước chiến tranh, trách nhiệm trong Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng được phân công như sau:

- Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng, Tổng tham mưu trưởng, đại tướng G.K. Giu-cốp phụ trách Cục liên lạc, Cục cung cấp nhiên liệu, Tổng cục phòng không, Học viện Bộ Tổng tham mưu và Học viện M.V. Phơ-run-dê.
- Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng thứ nhất, nguyên soái Liên Xô X.M Bu-đi-on-nui phụ trách Tổng cục hậu cần, Cục quân y và Cục thú y của Hồng quân, ngành vật tư.
- Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng về pháo binh, nguyên soái Liên Xô G.I. Cu-lích phụ trách Tổng cục pháo binh, Cục chống vũ khí hóa học và Học viện pháo binh.
- Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng, nguyên soái Liên Xô B.M. Sa-pô-sni-cốp phụ trách Tổng cục công binh, Cục xây dựng công trình phòng thủ.

- Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng phụ trách huấn luyện quân sự, đại tướng K.A. Mê-rét-xcốp làm công tác thanh tra tất cả các quân chủng, phụ trách Cục nhà trường quân sự và Cục quân huấn Hồng quân.

- Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng, đại tướng P.V. Rư-cha-gốp, chủ nhiệm Tổng cục không quân của Hồng quân.

- Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng, chính ủy tập đoàn quân bậc một A.I. Da-pô-rô-giét, chủ nhiệm Tổng cục tuyên truyền chính trị Hồng quân, phụ trách các cơ quan xuất bản và văn hóa giáo dục Hồng quân, Học viện quân chính V.I. Lê-nin, Học viện quân pháp và các trường quân chính.

Tôi muốn nhắc lại rằng, người đứng đầu Bộ Tổng tham mưu Hồng quân, từ năm 1931 là nguyên soái Liên Xô A.I. Ê-gô-rốp, từ năm 1937 là nguyên soái Liên Xô B.M. Sa-pô-sni-cốp, từ tháng 8-1940 là đại tướng K.A. Mê-rét-xcốp.

Bây giờ chúng ta xem các lực lượng vũ trang của chúng ta ở thời gian sát trước chiến tranh như thế nào. Để tiện cho người đọc và dễ dễ rút ra kết luận, tốt hơn là trình bày tất cả những điều đó theo trình tự: những gì nhân dân, Đảng và Chính phủ đã làm được, những gì chúng ta định làm trong thời gian tới và những gì chưa kịp làm hoặc không làm được. Tất nhiên, chỉ sử dụng một số ít tư liệu để nêu lên những nét cơ bản.

Bộ binh. Tháng 4-1941 đã thực hiện quy chế thời chiến đối với

bộ binh. Sư đoàn bộ binh - binh đoàn bộ đội hợp thành cơ bản của Hồng quân - gồm ba trung đoàn bộ binh và hai trung đoàn pháo, một tiểu đoàn chống tăng và một tiểu đoàn pháo cao xạ, một tiểu đoàn công binh và một tiểu đoàn liên lạc, các đơn vị hậu cần và cơ quan. Theo quy chế thời chiến, một sư đoàn có gần 14.500 người, 78 pháo dã chiến, 54 đại bác chống tăng và đại bác 45 mm, 12 pháo cao xạ, 66 súng cối 82 - 120 mm, 16 xe tăng loại nhẹ, 13 xe bọc thép, hơn 3.000 ngựa. Các sư đoàn bộ binh được hoàn chỉnh như vậy có thể là đơn vị chiến đấu khá cơ động và mạnh.

Năm 1939 - 1940 và nửa đầu năm 1941, bộ binh đã có hơn 105.000 trung liên, thượng liên, đại liên và trọng liên, gần 85.000 tiểu liên. Đó là còn do việc sản xuất vũ khí bộ binh - pháo binh trong thời gian này có phần bị giảm xuống. Nguyên nhân là vì đã thôi không sản xuất các loại cũ mà sản xuất hàng loạt loại mới lại gặp khó khăn vì nó phức tạp và đòi hỏi kỹ thuật đặc biệt. Giữa tháng 3, X.K. Ti-mô-sen-cô và tôi đề nghị I.V. Xta-lin cho phép động viên thêm quân số hậu bị dành cho các sư đoàn bộ binh để có thể cấp tốc huấn luyện theo yêu cầu chiến đấu hiện đại. Lúc đầu đề nghị của chúng tôi không được chấp nhận; chúng tôi được giải thích lại là, việc động viên quân số dự bị với quy mô đó có thể là cái cớ cho bọn Đức khiêu khích chiến tranh. Song, cuối tháng 3 đã có quyết định động viên 50 vạn chiến sĩ và

hạ sĩ quan và đưa quân số đó đến bổ sung cho các quân khu vùng biên giới nhằm nâng quân số các sư đoàn bộ binh lên, dù chỉ là lên tới 8.000 người.

Để không trở lại vấn đề này nữa, tôi xin nói ngay rằng, ít ngày sau đã có quyết định động viên 30 vạn quân hậu bị để bổ sung các quân nhân chuyên nghiệp cho các khu phòng thủ vững chắc và các quân chủng, binh chủng khác, cho pháo binh dự bị của Bộ tổng tư lệnh, cho công binh, bộ đội liên lạc; bộ đội phòng không và hậu cần của không quân. Như vậy là sát trước chiến tranh, Hồng quân đã được bổ sung thêm gần 80 vạn người. Việc tuyển quân dự định sẽ tiến hành vào tháng 5 - tháng 10 năm 1941.

Tính đến sát trước chiến tranh, tại các quân khu vùng biên giới, trong tổng số không ít các đơn vị - 170 sư đoàn và 2 lữ đoàn - có 19 sư đoàn với quân số 5.000 - 6.000 người mỗi sư đoàn, 7 sư đoàn kỵ binh với quân số 6.000 người mỗi sư đoàn, 144 sư đoàn với quân số 8.000 – 9.000 người mỗi sư đoàn. Tại các quân khu phía trong, đa số các sư đoàn cũng có quân số theo biên chế giảm bớt, và nhiều sư đoàn bộ binh vừa mới được thành lập và đang bắt đầu huấn luyện.

Bộ đội xe tăng thiết giáp. Trên kia, khi nói về công nghiệp sản xuất xe tăng của Liên Xô, tôi đã nhấn mạnh đến nhịp độ phát triển cao của nó và trình độ khá hoàn thiện về cơ cấu của các xe của ta. Tới năm 1938, so với thời gian đầu những năm 30, mức

sản xuất xe tăng đã tăng hơn 3 lần. Để đáp ứng nhu cầu mới của công cuộc phòng thủ đất nước, Ban chấp hành trung ương Đảng và Chính phủ Liên Xô đã đề ra cho các công trình sư và những người sản xuất xe tăng nhiệm vụ chế tạo những xe tăng có lớp vỏ bảo vệ bằng thép khỏe hơn, súng mạnh hơn, có sức cơ động cao và sử dụng được bền hơn. Trong những năm 1939 - 1940, nhiệm vụ này được hoàn thành một cách rực rỡ.

Các nhóm công trình sư tài giỏi dưới sự lãnh đạo của G.Ya. Cô-tin đã chế tạo xe tăng hạng nặng KV, dưới sự lãnh đạo của M.I. Cô-skin, A.A. Mô-rô-dốp và N.A. Cu-che-ren-cô đã chế tạo xe tăng hạng vừa T-34 nổi tiếng. Những người sản xuất động cơ đã chế tạo

động cơ đi-ê-den cực mạnh V-2 cho xe tăng. Các xe tăng KV và T-34 là những xe loại tốt nhất được chế tạo sát trước chiến tranh. Và trong quá trình chiến tranh, các xe tăng này đã giữ vững ưu thế đối với những xe tăng loại tương đương của quân địch. Vấn đề là làm thế nào để nhanh chóng sản xuất nó ra hàng loạt.

Theo chỉ thị tháng 12-1940 của Ban chấp hành trung ương Đảng, sau khi nghiên cứu tình hình sản xuất các xe tăng loại mới, Hội đồng quốc phòng đã báo cáo với Ban chấp hành trung ương Đảng rằng, do một số nhà máy không hoàn thành kế hoạch và có những khó khăn lớn trong quá trình sản xuất nên việc trang bị xe tăng KV và T-34 cho quân đội hết sức chậm. Chính phủ đã đề ra

những biện pháp khắc phục. Cùng một lúc, Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng các Ủy viên nhân dân đã thông qua quyết định “tổ chức sản xuất hàng loạt các xe tăng ở Pô-vôn-gie và U-ran”. Quyết định này có ý nghĩa đặc biệt đối với công cuộc phòng thủ đất nước.

Từ tháng 1-1939 đến ngày 22-6-1941, Hồng quân đã được trang bị hơn 7.000 xe tăng, riêng năm 1941 nền công nghiệp đã cung cấp gần 5.500 chiếc tất cả các loại. Về xe tăng KV và T-34, tới đầu chiến tranh các nhà máy đã sản xuất được 1.861 chiếc. Tất nhiên, số lượng đó là ít. Thực tế là mãi đến 6 tháng cuối năm 1940, loại xe tăng này mới bắt đầu được đưa tới bộ đội các quân khu vùng biên giới.

Cùng với những khó khăn về số lượng lại có thêm những vấn đề về tổ chức. Có thể người đọc còn nhớ rằng quân đội ta đã là quân đội đi đầu trong việc thành lập các đơn vị cơ giới lớn – binh đoàn, lữ đoàn và quân đoàn. Song vì không coi trọng kinh nghiệm sử dụng các đơn vị cỡ đó trong điều kiện đặc biệt ở Tây Ban Nha, nên chúng ta đã giải tán các quân đoàn cơ giới. Tuy vậy, ngay từ trận đánh ở Khan-khin Gôn, nhờ tích cực sử dụng các đơn vị xe tăng cơ động, chúng ta đã giành được nhiều thắng lợi. Quân Đức đã sử dụng rộng rãi các xe tăng lớn trong khi đi xâm lược các nước châu Âu.

Cần thiết phải gấp rút lập lại các đơn vị xe tăng thiết giáp lớn.

Năm 1940, bắt đầu xây dựng các quân đoàn cơ giới, sư đoàn xe tăng và cơ giới mới. Chín quân đoàn cơ giới đã được thành lập. Tháng 2-1941, Bộ Tổng tham mưu đã đề ra kế hoạch thành lập nhiều đơn vị xe tăng thiết giáp và cơ giới hơn so với nghị quyết năm 1940 của Chính phủ.

Tính đến số lượng bộ đội xe tăng cơ giới trong quân đội Đức, Ủy viên nhân dân quốc phòng và chúng tôi đã đề nghị nên lấy các lữ đoàn xe tăng hiện có và thậm chí cả các binh đoàn kỵ binh là những đơn vị về mặt “tinh thần cơ động” gần hơn cả với bộ đội xe tăng để xây dựng các quân đoàn cơ giới.

I.V. Xta-lin chắc là chưa có ý kiến dứt khoát về vấn đề này nên do dự. Thế là thời gian trôi qua và mãi tháng 3-1941 mới có quyết định thành lập 20 quân đoàn cơ giới mà chúng tôi đề nghị. Song, chúng tôi đã không tính đúng khả năng khách quan của ngành công nghiệp xe tăng của ta. Để trang bị đầy đủ các quân đoàn cơ giới mới, chỉ riêng xe tăng loại mới đã cần có 16.600 chiếc, còn tổng số các loại xe tăng thì cần 32.000. Trong một năm, thực tế là trong bất kỳ điều kiện nào, cũng không thể lấy đâu ra được số lượng xe tăng như thế, cán bộ kỹ thuật, chỉ huy cũng không đủ.

Như vậy là, đến đầu chiến tranh chúng ta mới trang bị được non nửa số quân đoàn đã thành lập. Và chính những quân đoàn này đã đóng vai trò to lớn trong việc đánh lui những trận tấn công

đầu tiên của quân thù. Còn những quân đoàn cơ giới và xe tăng đang ở thời kỳ thành lập khi chiến tranh bắt đầu, thì đã được sử dụng để tổ chức lực lượng dự bị chiến lược và hoạt động của nó chủ yếu là ở giai đoạn thứ hai của chiến tranh.

Pháo binh. Theo tài liệu lưu trữ chính xác, từ ngày 1-1-1939 đến ngày 22-6-1941, Hồng quân đã nhận của ngành công nghiệp 29.637 pháo dã chiến, 52.407 súng cối, tổng số pháo và súng cối tính cả đại bác trên xe tăng là 92.578. Phần lớn số vũ khí này trang bị cho pháo binh trực thuộc, nằm trong biên chế các bộ đội và binh đoàn. Pháo binh trực thuộc ở các quân khu biên phòng, về cơ bản, được trang bị đủ pháo theo biên chế.

Sát trước chiến tranh, chúng ta có 60 trung đoàn lựu pháo và 14 trung đoàn pháo nòng dài. Pháo binh dự bị thuộc Bộ Tổng tham mưu chiếm khoảng 8% toàn bộ pháo binh. Số lượng đó thật hoàn toàn không đủ.

Mùa xuân năm 1941, chúng ta bắt đầu thành lập 10 lữ đoàn pháo chống tăng, nhưng cho đến tháng 6 chưa được trang bị đủ. Thêm nữa sức kéo của pháo binh còn yếu nên không cho phép cơ động ra ngoài các đường lớn, đặc biệt là vào tiết thu đông. Tuy vậy, các lữ đoàn pháo chống tăng đã đóng vai trò quan trọng trong việc tiêu diệt xe tăng địch. Trong một số trường hợp, đó là phương tiện duy nhất vững vàng để chặn những cuộc tiến công lớn bằng xe tăng của giặc.

Là người báo cáo chính về các vấn đề pháo binh, nguyên soái G.I. Cu-lích không phải bao giờ cũng trình bày đúng với I.V. Xta-lin về hiệu lực của loại này hay loại khác của vũ khí pháo binh và súng cối. Lúc đầu chiến tranh, Tổng cục pháo binh đã không thấy hết tính năng, tác dụng của vũ khí phản lực mạnh như BM-13 (Ca-chiu-sa), mà những loạt bắn đầu tiên của nó ở vùng Oóc-sa đã làm cho các đơn vị quân địch phải bỏ chạy. Hội đồng quốc phòng mãi đến tháng 7 mới ra quyết định sản xuất hàng loạt loại vũ khí này. Cần phải nêu lên tinh thần khẩn trương và lao động sáng tạo của những người sản xuất ra vũ khí của ta. Họ đã làm tất cả những gì có thể làm được để chỉ 10 - 15 ngày sau khi nổ ra chiến tranh, quân đội ta đã có những số vũ khí đầu tiên thuộc loại mạnh đó.

Lẽ ra cũng có thể làm ra được nhiều súng cối hơn nữa. Kế hoạch sản xuất đã được nêu ra trong nghị quyết của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng ngày 30-1-1940 “về việc tăng mức sản xuất súng cối và đạn súng cối”. Song, mãi đến sát trước chiến tranh, quân đội mới bắt đầu nhận được số lượng cần thiết súng cối 82 mm và 120 mm. Tháng 6-1941, về mặt số lượng và chất lượng, các súng cối của ta đã vượt khá xa các súng cối Đức. I.V. Xta-lin coi pháo binh là phương tiện quan trọng nhất của chiến tranh, chú trọng nhiều đến việc hoàn thiện nó. Ủy viên nhân dân Bộ vũ khí trong thời gian chiến tranh là Đ.Ph. U-xti-

nộp, Ủy viên nhân dân Bộ đạn dược trước chiến tranh và trong thời chiến tranh là B.L. Van-ni-cốp, các tổng công trình sư các loại pháo binh là tướng I.I. I-va-nốp và tướng V.G. Gra-bin. I.V. Xta-lin biết rõ tất cả các đồng chí này, thường xuyên gặp họ và hoàn toàn tin tưởng vào tài năng của họ.

Binh chủng thông tin, công binh, đường sắt và đường bộ. Từ giữa năm 1940, tiểu ban thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng Ủy viên nhân dân Liên Xô đã nhận xét đúng rằng, số lượng công binh trong thời bình không thể đảm bảo cho nó triển khai công tác ở mức bình thường trong thời chiến.

Vào thời kỳ sát trước chiến tranh, quân số các đơn vị thông tin và công binh chủ lực đã được tăng lên, nhiều đơn vị mới được thành lập, việc huấn luyện chung của công binh được cải tiến, cơ cấu và quân số chiến đấu của các đơn vị bộ đội thông tin được nâng cao; các đồng chí phụ trách thông tin binh đoàn đã chú ý nhiều hơn đến việc chuẩn bị hoạt động trong điều kiện thời chiến; công binh và bộ đội thông tin bắt đầu có trang bị kỹ thuật công binh và phương tiện liên lạc mới. Song đến trước khi chiến tranh bắt đầu, chúng ta cũng chưa kịp khắc phục hết những thiếu sót trong công binh và bộ đội thông tin..

Cuối tháng 2, cùng với Ủy viên nhân dân quốc phòng, chúng tôi đã xem kỹ lại công việc xây dựng các khu phòng thủ dọc theo biên giới, tình hình đường sắt, đường cái lớn, đường đất và tình

hình phương tiện thông tin liên lạc. Chúng tôi đã được nghe các tướng N.Ph. Va-tu-tin, G.K. Ma-lan-đin và A.M. Va-xi-lép-xki báo cáo rành rọt về các vấn đề đó. Về cơ bản có thể kết luận như sau:

Mạng lưới đường cái lớn ở tây Bê-lô-ru-xi và tây U-crai-na còn xấu. Nhiều cầu không chịu được xe tăng hạng vừa và pháo binh, còn các đường qua làng mạc thì cần sửa chữa lớn.

N.Ph. Va-tu-tin, Phó tổng tham mưu trưởng thứ nhất, đã báo cáo tỉ mỉ với Ủy viên nhân dân quốc phòng về tình hình đường sắt ở tất cả các quân khu vùng biên giới.

- Các đường sắt gần biên giới chưa thể phục vụ nhiều cho việc chuyên chở lớn của quân đội - N.Ph. Va-tu-tin báo cáo - Những con số sau đây chứng tỏ điều đó. Hệ thống đường sắt của Đức chạy đến biên giới Lít-va có khả năng thông 220 chuyến xe trong một ngày đêm, còn trên hệ thống Lít-va của ta chạy đến biên giới Đông Phổ chỉ có thể chạy được 84 chuyến. Tình hình ở tây Bê-lô-ru-xi và tây U-crai-na cũng không khá hơn. Ở đây các tuyến đường sắt của ta ít hơn gần hai lần so với của địch. Bộ đội đường sắt và các đội xây dựng trong năm 1941, rõ ràng là không thể hoàn thành được những công việc cần làm.

Nghe xong báo cáo, Ủy viên nhân dân quốc phòng cho biết, năm 1940 thi hành chỉ thị của Ban chấp hành trung ương Đảng, Bộ Ủy viên nhân dân giao thông đã lập kế hoạch 7 năm tu bổ kỹ

thuật trên các đường xe lửa phía tây. Tuy vậy lúc này vẫn chưa làm được gì, ngoài việc sửa lại các đường và những công việc cải tạo thông thường để có thể chuyên chở quân đội và bốc dỡ vũ khí với quy mô lớn hơn.

Chúng tôi được biết rằng tư lệnh Quân khu miền Tây, Đ.G. Páp-lốp ngày 18-2-1941 đã gửi báo cáo số 867 lên I.V. Xta-lin, và V.M Mô-lô-tốp và X.K. Ti-mô-sen-cô. Đ.G. Páp-lốp đề nghị dành một số khá lớn phương tiện để đắp các đường cái lớn và đường đất, và trong báo cáo có đoạn viết:

“Tôi cho rằng nhất thiết phải chuẩn bị đầy đủ chiến trường miền tây trong năm 1941, vì vậy theo ý kiến tôi, kéo dài việc xây dựng ra trong mấy năm là điều dứt khoát không thể được”.

Tư lệnh binh chủng thông tin Hồng quân, thiếu tướng N.I. Ga-ích, báo cáo với chúng tôi rằng, hiện nay không đủ phương tiện thông tin liên lạc hiện đại và thiếu lượng dự trữ phương tiện đó để sử dụng khi tổng động viên cũng như để phòng bị lâu dài.

Thực vậy, mới có 39% mạng lưới ra-đi-ô của Bộ Tổng tham mưu được trang bị đài vô tuyến loại RAT, 60% đài vô tuyến loại RAF và các đài thay thế nó là 11-AK, v..v..., 45% các máy nạp điện, v..v... Quân khu gần biên giới miền Tây chỉ có các đài vô tuyến ở mức 27% so với yêu cầu, Quân khu Ki-ép - 30%, Quân khu Pri-ban-tích – 52%. Các phương tiện liên lạc khác bằng ra-đi-ô và điện thoại cũng ở trong tình trạng tương tự.

Trước chiến tranh đã có quan niệm cho rằng, trong thời chiến, để lãnh đạo, chỉ huy các phương diện quân, các quân khu phía trong và bộ đội dự bị của Bộ tổng tư lệnh, chủ yếu sẽ dùng các phương tiện liên lạc của Bộ Ủy viên nhân dân bưu điện và của bộ đội thuộc Bộ Ủy viên nhân dân nội vụ. Các đầu mối liên lạc của Bộ tổng tư lệnh, Bộ Tổng tham mưu và các phương diện quân sẽ có đủ mọi phương tiện cần thiết do các cơ quan thuộc Bộ ủy viên nhân dân bưu điện ở các địa phương phục vụ. Nhưng về sau mới thấy là các cơ quan đó chưa được chuẩn bị đầy đủ để làm việc trong điều kiện chiến tranh.

Tôi được biết về tình hình bộ máy liên lạc thông tin địa phương bởi vì, trong một số lần hành quân và diễn tập cán bộ chỉ huy và cơ quan tham mưu, tôi đã sử dụng các phương tiện của họ. Ngay từ khi ấy chúng tôi đã không tin rằng, các cơ quan liên lạc thông tin địa phương có thể đảm bảo vững vàng việc liên lạc của lực lượng vũ trang trong thời chiến.

Tất cả tình hình trên là nguyên nhân đưa đến một thiếu sót trong công tác huấn luyện cán bộ chỉ huy, cơ quan tham mưu binh đoàn và tập đoàn quân: cán bộ ta không quen chỉ huy bộ đội trong những điều kiện tình hình phức tạp và thay đổi nhanh chóng của chiến tranh. Anh em đã tránh không muốn sử dụng đường liên lạc vô tuyến và ưa dùng liên lạc đường dây. Điều đó đã dẫn đến hậu quả như thế nào trong những ngày đầu chiến

tranh, mọi người đều đã rõ. Mạng liên lạc vô tuyến nội bộ trong các đơn vị máy bay chiến đấu, trong mạng lưới các sân bay, trong các đơn vị xe tăng là những nơi nói chung không dùng liên lạc đường dây, cũng không được đảm bảo thật tốt.

Cần phải có những biện pháp khẩn cấp để ổn định mạng lưới dây nói - điện tín, mạng lưới ra-đi-ô và ra-đi-ô chuyển tiếp. Mạng lưới đường dây ngầm cần thiết để phục vụ các cơ quan chiến dịch và chiến lược hoàn toàn không có.

Những lần bàn bạc về các vấn đề này với Bộ Ủy viên nhân dân bưu điện đều không có kết quả. Và không phải là vì có người cho đó là công việc thừa nên không làm, trái lại, vấn đề cải tiến tổ chức liên lạc đã rõ ràng là hoàn toàn cần thiết. Bộ Ủy viên nhân dân bưu điện đã không đủ sức thực hiện các yêu cầu của quân đội. Những việc làm được vào cuối năm 1940 - đầu năm 1941 để hoàn thiện sự liên lạc trong từng địa phương và của một số trung tâm với Mát-xcơ-va, không đủ để hoàn thành nhiệm vụ đã đặt ra. Sau khi nghe báo cáo của chúng tôi, X.K. Ti-mô-sen-cô nói:

- Tôi đồng ý với sự nhận định tình hình của các đồng chí. Nhưng tôi nghĩ rằng khó mà có thể làm được gì hơn, để ngay bây giờ loại trừ được tất cả những thiếu sót đó. Hôm qua tôi gặp I.V.

Xta-lin. I.V. Xta-lin đã nhận được điện của Đ.G. Páp-lốp và đã chỉ thị trả lời Đ.G. Páp-lốp rằng, những yêu cầu của đồng chí đó rất chính đáng, song hiện nay chúng ta không có khả năng đáp

ứng những yêu cầu đó.

Lực lượng không quân. Tôi đã có nói, Đảng và Chính phủ luôn luôn hết sức chú trọng đến việc phát triển không quân xô-viết.

Năm 1939, Hội đồng quốc phòng quyết định xây dựng 9 nhà máy mới sản xuất máy bay và 7 nhà máy mới sản xuất động cơ máy bay, và có thêm 7 nhà máy thuộc các ngành khác trong nền kinh tế quốc dân được chuyển sang chế tạo sản phẩm dùng cho máy bay. Cũng trong năm đó, các xí nghiệp đều được trang bị máy móc loại mới và đến cuối năm 1940, công nghiệp sản xuất máy bay so với năm 1939 đã tăng lên 70%.

Cùng một lúc với việc xây dựng các xí nghiệp mới để sản xuất động cơ máy bay, chúng ta đã xây dựng thêm những nhà máy sản xuất thiết bị máy bay trên cơ sở những xí nghiệp thuộc các ngành khác trong nền kinh tế quốc dân được chuyển cho công nghiệp sản xuất máy bay.

Theo số liệu lưu trữ chính xác, từ ngày 1-1-1939 đến ngày 22-6-1941, Hồng quân đã nhận được của ngành công nghiệp 17.745 máy bay chiến đấu, trong số đó có 3.719 chiếc thuộc các loại mới.

Giai đoạn phát triển mới của không quân bắt đầu. Thực tế là, Viện nghiên cứu hàng không khí động lực trung ương đã hoàn toàn được cải tổ các cơ quan thiết kế mới của không quân được thành lập. Các công trình sư có tài X.V. I-li-u-sin, A.I. Mi-côi-

an, X.A. La-vốt-kin, V.M. Pét-li-a-cốp, A.X. Ya-cốp-lép, cùng với các tập thể trẻ tuổi của mình, đã chế tạo cho không quân các máy bay tiêm kích Yak-1, Mig-3, LAGG-3, máy bay cường kích IL-2, máy bay phóng pháo PE-2 và nhiều loại khác - tất cả gần 20 loại. Cuối năm 1940 - đầu năm 1941, đã tích cực phân đấu để nhanh chóng sản xuất hàng loạt các loại máy bay tốt nhất. Ban chấp hành trung ương Đảng, I.V. Xta-lin dành nhiều thì giờ làm việc với các công trình sư máy bay. Có thể nói không quân đã được sự chú ý đến say mê của I.V. Xta-lin.

Song nền công nghiệp vẫn không theo kịp đòi hỏi của thời đại. Về số lượng, sát trước chiến tranh, các máy bay của không quân phần lớn là kiểu cũ. Khoảng 75 - 80% tổng số máy bay của ta kém hơn các máy bay cùng loại của phát-xít Đức về các chỉ tiêu kỹ thuật bay. Về không quân hiện đại, chúng ta chỉ có máy bay mới, nhưng thiết bị kỹ thuật hàng không hiện đại thì mới kịp trang bị cho 21% các đơn vị không quân.

Thực ra số lượng các binh đoàn không quân tăng lên rất nhanh - đến tháng 6-1941, tổng số các trung đoàn không quân đầy đủ biên chế tăng hơn nhiều so với năm 1939. Đơn vị kỹ thuật cao nhất của không quân tiêm kích, cường kích và ném bom là sư đoàn, chủ yếu là các sư đoàn hỗn hợp, gồm bốn - năm trung đoàn. Mỗi trung đoàn có bốn - năm đại đội.

Hệ thống tổ chức không quân đó đã cho phép đảm bảo hợp đồng

chiến đấu tốt hơn giữa các binh chủng không quân và giữa không quân với lực quân. Sát trước chiến tranh, tương quan giữa các binh chủng quan trọng nhất của lực lượng không quân như sau: các tnmg đoàn ném bom - 45%, các trung đoàn tiêm kích - 42%, các trung đoàn cường kích, trinh sát, v..v... - 13%.

Cuối năm 1940, Ủy viên nhân dân quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu cùng với tư lệnh và bộ tham mưu không quân đã nghiên cứu và báo cáo lên Ban chấp hành trung ương Đảng những đề nghị nhằm cải tổ và trang bị lại lực lượng không quân. Những đề nghị của chúng tôi được xét và chuẩn y ngay.

Quyết định “Về việc cải tổ lực lượng không quân của Hồng quân” đề ra việc thành lập các đơn vị mới (106 trung đoàn không quân), mở rộng và kiện toàn các trường không quân, trang bị lại các phi đoàn chiến đấu bằng các máy bay loại mới. Đến cuối tháng 5-1941, đã thành lập và trang bị gần hoàn chỉnh 19 trung đoàn.

Ít lâu sau, lực lượng không quân lại được kiện toàn thêm một bước... Ngày 10-4-1941, Ban chấp hành trung ương Đảng và hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên Xô ra quyết định cải tổ hệ thống hậu cần không quân. Hệ thống hậu cần mới của lực lượng không quân được tổ chức theo nguyên tắc khu vực đất đai: cơ quan hậu cần thuộc các phi đội và phi đoàn chiến đấu được giải thể, thay vào đó chúng ta thành lập các khu căn cứ không quân và các tiểu

đoàn phục vụ sân bay. Các khu căn cứ không quân trở thành cơ quan hậu cần của không quân trực thuộc các tập đoàn quân, quân khu, phương diện quân.

Trong thành phần các khu căn cứ, thì mỗi sư đoàn có một sân bay trong đó mỗi trung đoàn không quân có một tiểu đoàn phục vụ sân bay. Không quân trinh sát và không quân trực thuộc các binh chủng vẫn có cơ quan hậu cần riêng của mình. Việc chuyển sang hệ thống tổ chức hậu cần mới, cơ động hơn của không quân được dự định sẽ thực hiện xong vào tháng 7-1941. Nhưng thực tế là tất cả những việc đó được hoàn thành trong quá trình chiến tranh.

Căn cứ vào tính chất của việc chiến đấu sắp diễn ra, chúng tôi nhận thấy cần tăng thêm nhiều bộ đội đổ bộ đường không. Tháng 4-1941 bắt đầu thành lập 5 quân đoàn đổ bộ đường không. Đến ngày 1-6-1941 đã có đủ số quân, song phương tiện kỹ thuật chiến đấu thì còn thiếu. Vì vậy trong thời gian đầu chiến tranh, trong các quân đoàn mới chỉ có các lữ đoàn quân đổ bộ đường không cũ đảm đang được nhiệm vụ của bộ đội đổ bộ đường không, còn phần lớn các đơn vị mới khác được sử dụng như bộ binh.

Tháng 2-1941, Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên Xô phê chuẩn kế hoạch xây dựng thêm sân bay. Dự định sẽ xây dựng ở các khu miền Tây 190 sân bay

mới. Đến đầu chiến tranh, công việc xây dựng này được tiến hành rất khẩn trương, song phần lớn sân bay chưa làm xong. Nói chung, chiến tranh nổ ra vào lúc lực lượng không quân ta đang trong giai đoạn cải tổ lớn, giai đoạn chuyển sang trang bị vật chất mới và huấn luyện lại cho phi công và nhân viên kỹ thuật. Chỉ có một số phi đoàn được huấn luyện kịp để hoạt động trong những điều kiện thật phức tạp và mới có không quá 15% các đơn vị được huấn luyện để hoạt động ban đêm. Bộ tư lệnh không quân chú trọng nhiều tới việc huấn luyện lại phi công theo trang bị vật chất mới, song đã có phần coi nhẹ việc duy trì sự sẵn sàng chiến đấu theo trang bị vật chất cũ.

Chỉ vùn vện một năm đến một năm rưỡi sau, không quân ta đã hoàn toàn đổi mới, có sức chiến đấu rất mạnh mẽ.

Bộ đội phòng không. Mối uy hiếp của cuộc tiến công bằng không quân vào Liên Xô trong những năm trước chiến tranh đã tăng lên rõ rệt. Vì vậy Ban chấp hành trung ương Đảng đã nâng cao yêu cầu đối với việc bảo vệ bầu trời, đề ra những biện pháp cụ thể để tăng cường đáng kể công cuộc phòng không. Trước hết những cải tiến quan trọng về mặt tổ chức đã được tiến hành, vì hệ thống phòng không được áp dụng từ năm 1932 nay đã quá cũ. Các vùng phòng không được thành lập trong tất cả các quân khu cụ thể là có các vùng phòng không Bắc, Tây-bắc, Tây, Ki-ép, Nam, Bắc Cáp-ca-dơ, Da-cáp-ca-dơ, Trung Á, Da-bai-can, Viễn

Đông, Mát-xcơ-va, O-ri-ôn, Khác-cốp. Các vùng phòng không lại chia thành các khu vực phòng không gồm các trận địa phòng không. Trong một vùng phòng không, có các binh đoàn và đơn vị bảo vệ thành phố và bảo vệ mục tiêu.

Trách nhiệm của tư lệnh các quân khu đối với việc phòng không được nâng cao, tuy vậy các đơn vị máy bay của quân khu được tách ra làm nhiệm vụ phòng không vẫn thuộc dưới quyền chỉ huy của lực lượng không quân quân khu. Tất nhiên, tốt hơn cả là có sự thống nhất về lãnh đạo và tập trung về chỉ huy phòng không trên phạm vi toàn quốc. Điều này được thực hiện vào tháng 11-1941.

Lực lượng phòng không được vũ trang bằng gì và như thế nào? Đến tháng 6-1941, số đơn vị trung cao có đủ súng chiếm 85%, số đơn vị tiểu cao - 70%. Máy bay tiêm kích còn thiếu 40% (trước chiến tranh có 39 trung đoàn không quân được tách ra làm nhiệm vụ phòng không nhưng thực ra nó vẫn dưới quyền chỉ huy của các tư lệnh không quân quân khu và về sau được sử dụng vào các nhiệm vụ chiến đấu khác), trang bị súng máy, cao xạ mới được 70%, về khí cầu phòng không và đèn chiếu mới có độ một nửa.

Bộ đội phòng không thuộc các quân khu gần biên giới miền Tây cũng như Mát-xcơ-va và Lê-nin-grát được trang bị tốt hơn cả. Các quân khu miền Tây nhận được nhiều vật tư mới hơn các

quân khu khác. Về pháo cao xạ, họ được trang bị tới 90 – 95%, lại có các phương tiện mới để phát hiện và theo dõi quân địch trên không. Bộ đội bảo vệ Mát-xcơ-va, Lê-nin-grát và Ba-cu nắm trong tay 40% tổng số pháo trung cao xạ. Ở đó cũng có tới 30 trạm ra-đa RUX-2 hoạt động.

Căn cứ vào báo cáo của chúng tôi, Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên Xô đã ra quyết định thành lập các quân đoàn máy bay tiêm kích để tăng cường sức phòng không của thủ đô và Lê-nin-grát. Các quân đoàn này, như chúng ta đều biết, đã đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đánh lui những cuộc tiến công của không quân phát-xít vào Mát-xcơ-va và thành phố Lê-nin.

Tới khi nổ ra chiến tranh, hệ thống phòng không mới chưa được kiện toàn đầy đủ, việc trang bị kỹ thuật chiến đấu chỉ mới được bắt đầu, ranh giới “vùng bị uy hiếp” (phạm vi không quân ném bom của địch có thể tới được) quy định không chính xác. Vận tải không được hoàn bị.

Hải quân. Sau khi nhận chức vụ Tổng tham mưu trưởng, vì thời gian quá ngắn và vì quá bận các công việc liên quan trực tiếp tới Hồng quân, nên tôi không thể tìm hiểu đến nơi đến chốn tình hình hải quân. Song tôi được biết rằng đội ngũ hải quân được chuẩn bị tốt, các tư lệnh hạm đội, giang đội và các bộ tham mưu

các đơn vị đó đều sẵn sàng chiến đấu. Bộ tham mưu trung ương hải quân hồi đó do đô đốc I.X. I-xa-cốp đứng đầu. Đô đốc I-xa-cốp là người tài, có đầu óc sáng tạo và có nghị lực.

Nhịp độ trang bị của hải quân tăng nhanh. Chỉ trong 11 tháng của năm 1940 đã hạ thủy 100 tàu các loại bao gồm tàu khu trục, tàu ngầm, tàu quét mìn, tàu phóng ngư lôi, tất cả đều có tính năng chiến đấu cao. Gần 270 tàu các loại được đóng vào sát cuối năm 1940. Những căn cứ hải quân mới được xây dựng, các khu vực ở Biển Ban-tích, Biển Bắc và Biển Đen được củng cố thêm. Trên tất cả các hạm đội, các đơn vị đều được bổ sung nhiều tàu mới, các đơn vị tàu khu trục lớn và phóng ngư lôi mới được thành lập. Sát trước chiến tranh, hải quân đã có lực lượng tàu ngầm và tàu nhẹ trên biển được huấn luyện tốt, có khả năng thi hành đặc lực những nhiệm vụ chiến đấu.

Sát trước chiến tranh, trong biên chế chiến đấu của hải quân có gần 600 tàu chiến đấu, trong đó có 3 thiết giáp hạm, 7 tuần dương hạm, 49 tàu khu trục, 211 tàu ngầm, 279 tàu phóng ngư lôi, hơn 1.000 nòng pháo phòng thủ bờ biển, trên 2.500 máy bay. Hải quân hiện đại đòi hỏi chi phí rất tốn kém. Đặc biệt tốn là các tàu lớn, nhưng chính vì nó lớn nên lại là mục tiêu tốt cho không quân và tàu phóng ngư lôi tiến công. Năm 1939, Hội đồng quốc phòng thuộc Hội đồng các Ủy viên nhân dân Liên Xô đã thông qua một quyết định rất đúng: giảm bớt và sau đó đình chỉ hẳn

việc đóng các chiến hạm hạng nặng đòi hỏi chi những món tiền khổng lồ, tốn nhiều kim loại và thu hút một số lớn kỹ sư, cán bộ kỹ thuật và công nhân ngành công nghiệp đóng tàu.

Mặt khác, việc phòng thủ bờ biển và phòng không, việc vũ trang thủy lôi và ngư lôi không được chú ý đúng mức. Khuyết điểm nghiêm trọng nữa của Bộ Ủy viên nhân dân hải quân là không đánh giá đúng vai trò của hạm đội phía Bắc mà lẽ ra nó phải đóng vai trò cực lớn trong chiến tranh.

Nói chung, sát trước chiến tranh, hải quân Liên Xô được mọi người tin tưởng và đã đánh trả quân địch một cách đích đáng.

Trong cuốn sách “Sát trước chiến tranh” của mình, đô đốc N.G. Cu-dơ-nép-xốp có viết về việc tôi được cử làm Tổng tham mưu trưởng như sau: “Lúc đầu tôi nghĩ, chỉ có quan hệ giữa tôi và G.K. Giu-cốp không được ổn, còn người bạn đồng nghiệp của G.K. Giu-cốp là I.X. I-xa-cốp, Tham mưu trưởng Bộ tham mưu trung ương Hải quân sẽ tâm đồng ý hợp với G.K. Giu-cốp. Song, I-xa-cốp cũng không tâm đồng ý hợp gì”.

Bây giờ tôi không còn nhớ các đồng chí nói trên “không tâm đồng ý hợp” với tôi hay là tôi “không tâm đồng ý hợp” với các đồng chí đó, - điều này hoàn toàn không có nghĩa lý gì cả[1].

Nhưng để giữ tinh chính xác về mặt lịch sử, tôi phải nói rằng, nói chung, Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô cũng như Tổng tham mưu trưởng đều không được mời dự khi I.V.

Xta-lin bàn đến các vấn đề về hải quân.

Việc tăng quân số các lực lượng vũ trang của chúng ta cũng nói lên rõ ràng tầm lớn lao của những biện pháp mà Đảng và Chính phủ đã áp dụng nhằm củng cố quốc phòng trong các năm 1939-1941. Trong thời gian này quân số đã tăng lên 2,8 lần, thành lập 125 sư đoàn mới, và tới ngày 1-1-1941 trong lục quân, không quân, hải quân, bộ đội phòng không có hơn 4,2 triệu người.

Ở một chương đầu của cuốn này tôi đã nói qua về vai trò của việc huấn luyện quân sự toàn dân. Chúng ta vẫn coi việc huấn luyện cho người dân thường và trước hết cho toàn thể - thanh niên những điều cần thiết để sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, trước khi họ nhập ngũ, là một việc làm có tính chất truyền thống. Lúc bấy giờ, có Hội trợ lực quốc phòng và xây dựng hàng không – hóa chất để chuyên trách việc huấn luyện quần chúng về các môn cần thiết cho quốc phòng. Đến ngày 1-1-1941, trong hàng ngũ của Hội có hơn 13 triệu người và mỗi năm có hàng chục nghìn người mê nghề lái máy bay, thích môn nhảy dù, bắn súng, cơ khí máy bay đã được huấn luyện tại hơn 300 câu lạc bộ máy bay và ô-tô - mô-tô, các trường hàng không và các câu lạc bộ tàu lượn. Những kết quả luyện tập đó về sau đã rất có ích cho anh chị em dân quân và du kích.

Còn về mặt huấn luyện chuyên môn cho các cán bộ chỉ huy các cấp thì hàng trăm nghìn người chỉ huy đã được học theo chương

trình đầy đủ trong hơn 200 trường quân sự của Hồng quân và Hải quân, trong 19 học viện, hàng chục các khoa quân sự thuộc các trường đại học ngoài quân đội, 7 trường Hải quân cao cấp. Theo quyết định của Hội đồng quân sự trung ương và chỉ thị số 120 của Ủy viên nhân dân quốc phòng, hệ thống đào tạo trong các trường quân sự đã được cải tiến.

Tới thăm Học viện thuộc Bộ Tổng tham mưu mà tôi phụ trách, một lần nữa tôi lại có thể thấy được rõ ràng, sát trước chiến tranh, tại các khoa quân sự, trong giáo trình, trong chương trình giảng dạy và trong khi các học viên nghiên cứu học tập, đều quán triệt lý luận quân sự hiện đại, và kinh nghiệm của Thế chiến thứ hai đang diễn ra cũng được chú ý nghiên cứu.

Các học viên đều nghĩ rằng, các cuộc chiến tranh trong thời đại hiện nay là chiến tranh không tuyên bố, rằng bọn xâm lược mưu giành cho mình mọi ưu thế của cuộc tiến công bất ngờ. Điều được mọi người chú ý đúng là, ngay từ lúc thoát đầu, chủ lực của hai bên tham chiến sẽ đi vào cuộc chiến tranh với tất cả những đặc điểm về chiến lược và chiến dịch sinh ra từ các đặc điểm nói trên. Mọi người đều nhấn mạnh tính chất không thể dung hòa và ác liệt của đấu tranh vũ trang. Ai cũng biết chiến tranh sẽ lâu dài, cần phải động viên sự nỗ lực của toàn thể nhân dân, bảo đảm sự thống nhất giữa tiền phương và hậu phương trong chiến đấu. Chiến lược quân sự được xây dựng chủ yếu trên điều khẳng định

đúng đắn rằng, chỉ có thể đánh tan được quân xâm lược bằng hành động tiến công. Nhưng trong khi đó các hình thức chiến đấu khác, - tao ngộ chiến, rút lui bắt buộc, chiến đấu trong điều kiện bị bao vây (tất nhiên, không tính theo từng tài liệu riêng biệt, mà theo phương hướng chung giảng dạy các môn quân sự) - không được chú ý đầy đủ.

Sau khi bắt đầu trở lại làm việc ở cơ quan Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng, tôi liền chú ý ngay xem, trong khi xây dựng điều lệ và điều lệnh chúng ta đã quán triệt các quan điểm mới, tiên tiến về tính chất và các phương thức tác chiến như thế nào. Cục quân huấn Hồng quân cũng như các tổng cục phụ trách các quân chủng, binh chủng thuộc lực lượng vũ trang trong hai năm gần đó đã ban hành hàng chục điều lệnh và điều lệ quan trọng. Song, không phải tất cả những điều đó đã được đưa ra áp dụng trong các đơn vị, nhiều quy định vẫn còn là tạm thời.

Nói chung, có thể nói, lý luận quân sự được nêu lên trong các tác phẩm, bài giảng của những năm đó và được cô đúc lại trong các điều lệnh cơ bản đáp ứng với yêu cầu của thời đại. Song, việc làm vẫn chậm hơn lý thuyết ở mức nhất định.

Nghiên cứu những vấn đề chiến dịch và chiến lược, tôi đi tới kết luận là, trong công cuộc phòng thủ một nước lớn như nước ta, đã có nhiều thiếu sót quan trọng. Các cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong Bộ Tổng tham mưu cũng cùng ý kiến đó, các đồng chí ấy

còn cho tôi biết rằng, các đồng chí trước đây đảm đương chức vụ của tôi cũng đã nhiều lần nêu lên vấn đề này.

Việc quân đội Đức tập trung một số lượng lớn ở Đông Phổ, Ba Lan và vùng Ban-căng đã làm cho chúng tôi rất không yên tâm. Trong khi đó, các lực lượng vũ trang ta đóng ở các quân khu phía tây chưa hoàn toàn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, điều đó thật đáng lo ngại.

Sau khi suy nghĩ kỹ mọi mặt về tình hình, tôi cùng với N.Ph. Vatu-tin đã báo cáo tỉ mỉ với Ủy viên nhân dân quốc phòng về những thiếu sót trong công tác tổ chức và tình trạng sẵn sàng chiến đấu của quân đội ta, về tình hình các lượng dự trữ đã được động viên, đặc biệt là về trái phá và bom. Ngoài ra, chúng tôi cũng nêu lên tình hình nền công nghiệp không thực hiện kịp các đơn đặt hàng của chúng tôi về phương tiện kỹ thuật chiến đấu.

- Tất cả những điều đó, cấp trên đã biết rõ. Tôi cho rằng vào lúc này đất nước ta không thể cung cấp cho ta nhiều hơn nữa - X.K. Ti-mô-sen-cô nói

Một hôm, X.K. Ti-mô-sen-cô gọi tôi tới và nói:

- Hôm qua tôi gặp I.V. Xta-lin để bàn về vấn đề súng cối phản lực. I.V. Xta-lin có hỏi, anh đã nhận việc của K.A. Mê-rét-xcốp bàn giao chưa và trong công tác mới anh thấy thế nào? I.V. Xta-lin chỉ thị anh tới báo cáo.

- Cần phải chuẩn bị những vấn đề gì? - Tôi hỏi.

- Tất cả các vấn đề - Ủy viên nhân dân quốc phòng trả lời -
Nhưng anh cần biết là I.V. Xta-lin sẽ không nghe báo cáo dài dòng đâu. Những gì mà anh nói với tôi trong suốt mấy tiếng đồng hồ thì chỉ cần báo cáo với I.V. Xta-lin chừng mười phút.

- Trong mười phút thì tôi biết báo cáo những gì? Các vấn đề đều lớn, đòi hỏi phải được đặc biệt quan tâm. Bởi vì cần hiểu rõ tầm quan trọng của những vấn đề đó và phải quyết định về những biện pháp cần thiết của Nhà nước.

- Những điều mà anh dự định báo cáo, về căn bản I.V. Xta-lin đã biết, - Ủy viên nhân dân quốc phòng nói - Vì vậy, hãy cố gắng chỉ đề cập tới những vấn đề mấu chốt thôi.

Sau khi đã chuẩn bị một loạt vấn đề để báo cáo, tôi thứ bảy tôi tới nhà riêng của I.V. Xta-lin. Ở đây đã có mặt nguyên soái X.K. Ti-mô-sen-cô, nguyên soái G.I. Cu-lích. Một số các đồng chí ủy viên Bộ chính trị cũng có mặt.

Sau khi chào hỏi, I.V. Xta-lin hỏi tôi đã biết súng cối phản lực “Ca-chiu-sa” chưa.

- Tôi mới nghe nói, nhưng chưa nhìn thấy. - Tôi trả lời.

- Vậy thì đồng chí cùng với Ti-mô-sen-cô, Cu-lích và A-bô-ren-cốp trong những ngày tới, cần đến trường bắn để xem bắn thử. Còn bây giờ đồng chí cho chúng tôi biết về công việc của Bộ Tổng tham mưu.

Sau khi nhắc lại vấn đề tất những điều mà tôi đã báo cáo với Ủy

viên nhân dân quốc phòng, tôi nói rằng, do sự phức tạp của tình hình quân sự và chính trị, cần phải có những biện pháp cấp bách và kịp thời để khắc phục những thiếu sót hiện có trong việc bảo vệ biên giới phía tây và trong các lực lượng vũ trang.

V M. Mô-lô-tốp ngắt lời tôi:

- Sao, đồng chí cho rằng chúng ta sẽ phải đánh nhau với Đức à?

- Hãy khoan... - I.V. Xta-lin cản lời V.M. Mô-lô-tốp.

Sau khi nghe xong báo cáo, I.V. Xta-lin mời mọi người ăn cơm. Câu chuyện bị ngắt quãng lại tiếp tục. I.V. Xta-lin hỏi, tôi đánh giá không quân Đức như thế nào. Tôi nói điều mà tôi đã từng suy nghĩ:

- Không quân Đức không phải là kém, đội ngũ phi công Đức có thực tiễn chiến đấu khá tốt trong hợp đồng với bộ binh. Còn về mặt vật chất, các máy bay tiêm kích và ném bom của ta không hề kém máy bay Đức, có phần còn hơn. Chỉ tiếc rằng nó quá ít.

- Đặc biệt là ít máy bay tiêm kích - X.K. Ti-mô-sen-cô bổ sung.

Có ai đó đưa ra nhận xét:

- Xê-mi-on Kôn-xtan-ti-nô-vích Ti-mô-sen-cô chỉ nghĩ nhiều đến không quân phòng ngự.

Ủy viên nhân dân quốc phòng không đáp lại. Tôi cho rằng vì hơi nặng tai nên X.K. Ti-mô-sen-cô không nghe rõ hết.

Bữa ăn rất giản dị. Món thứ nhất: súp rau U-crai-na; món thứ hai: mì mạch đen nấu rất ngon và nhiều thịt nhừ; món thứ ba:

nước quả và quả tươi. I.V. Xta-lin vui vẻ, nói đùa nhiều, uống rượu vang nhẹ Gru-di-a “Khơ-văn-chor-ca-ra” và mời khách rượu vang đỏ, nhưng khách chọn rượu cô-nhắc.

Cuối cùng, I.V. Xta-lin nói rằng, cần phải suy nghĩ và nghiên cứu những vấn đề cấp thiết nhất và đưa ra Chính phủ quyết định. Nhưng trong khi đó cần xuất phát từ những khả năng thực tế của ta chứ đừng vẽ vời ra những thứ mà hiện nay chúng ta không thể bảo đảm được về mặt vật chất.

Đêm khuya, tôi trở về Bộ Tổng tham mưu, ghi lại tất cả những gì I.V. Xta-lin đã nói, và thảo ra những vấn đề cần được giải quyết trước tiên. Những đề nghị này đã được đưa trình Chính phủ.

Ngày 15 - 20 tháng 2-1941, Hội nghị toàn liên bang của Đảng Cộng sản liên bang (b) lần thứ XVIII họp. Tôi được dự Hội nghị này. Hội nghị đã đặc biệt lưu ý các tổ chức Đảng về những nhu cầu của công nghiệp và giao thông vận tải, đặc biệt là của các xí nghiệp quốc phòng. Những nhu cầu này được nâng cao hơn.

Trong các nghị quyết của Hội nghị có nêu lên rằng, các cán bộ lãnh đạo, các Bộ Ủy viên nhân dân công nghiệp hàng không, công nghiệp hóa chất, đạn dược, công nghiệp điện và nhiều ngành kinh tế quốc dân khác phục vụ quốc phòng cần phải rút ra những bài học qua những lời phê bình của Hội nghị để làm tốt hơn nữa công việc của mình. Vào trường hợp ngược lại, họ sẽ bị cách chức.

Kế hoạch kinh tế quốc dân thời bình cuối cùng cho năm 1941 do Hội nghị thông qua đã chủ trương phát triển mạnh hơn nữa ngành công nghiệp quốc phòng.

Tại Hội nghị, nhiều cán bộ quân sự được bầu làm ủy viên dự khuyết Ban chấp hành trung ương Đảng và vào Ban kiểm tra trung ương: I.V. Chiu-lê-nép, M.P. Kiéc-bô-nô-xơ, I.X. Yu-ma-xép, V.Ph. Tờ-ri-bút, Ph.X. Óc-chi-a-brơ-xki và các đồng chí khác. Tôi cũng được bầu làm ủy viên dự khuyết Ban chấp hành trung ương Đảng, đó là sự tin cậy cao quý của Đảng đối với tôi. Sát trước chiến tranh, trong Bộ Tổng tham mưu chúng tôi có một tập thể làm việc thân thiết, đoàn kết chặt chẽ, gồm các tướng lĩnh và sĩ quan có trình độ và có kinh nghiệm. Tôi chỉ xin nêu lên một số đồng chí.

Phó tổng tham mưu trưởng thứ nhất là trung tướng N.Ph. Va-tu-tin, một người được cả nước biết là một cán bộ hết sức cần cù và có tầm suy nghĩ rộng lớn về chiến lược. Phó tổng tham mưu trưởng chuyên trách về vấn đề tổ chức là trung tướng V.Đ. Xô-cô-lốp-xki, nguyên tham mưu trưởng Quân khu Mát-xcơ-va; đồng chí được cử làm Phó tổng tham mưu trưởng từ đầu mùa xuân năm 1941. Trong những năm chiến tranh, Va-xi-li Đa-ni-lô-vích Xô-cô-lốp-xki tỏ ra có năng khiếu của nhà chỉ huy quân sự lớn. Phụ trách Cục tác chiến là thiếu tướng G.K. Ma-lan-đin, một chuyên gia về tác chiến có kiến thức cao và có tài. Ở đây

còn có thiếu tướng A.M. Va-xi-lép-xki.

Trong thời gian chiến tranh A.M. Va-xi-lép-xki đã là một tướng lĩnh lỗi lạc của lực lượng vũ trang chúng ta. A.M. Va-xi-lép-xki đã lãnh đạo nhiều chiến dịch rất lớn và xuất sắc. Sát trước chiến tranh, tại Bộ Tổng tham mưu, A.M. Va-xi-lép-xki đã phụ trách kế hoạch tác chiến của hướng tây-bắc và hướng tây.

Ngoài các cán bộ quân sự nói trên, trong Bộ Tổng tham mưu còn có nhiều nhà chỉ huy quân sự khác có tài và có nghị lực, bằng tinh thần lao động sáng tạo của mình, họ đã góp phần làm cho tập thể Bộ Tổng tham mưu có được khả năng làm việc lớn. Bộ Tổng tham mưu phụ trách những việc lớn về tác chiến, về tổ chức và động viên, là bộ máy chủ yếu của Ủy viên nhân dân quốc phòng. Khi chiến tranh nổ ra, nó trở thành bộ máy của Đại bản doanh của Bộ tổng tư lệnh.

Song trong công tác của bản thân Bộ Tổng tham mưu cũng có những thiếu sót. Ví dụ, nếu nghiên cứu tình hình công tác trong mùa xuân năm 1941 thì thấy rằng, Bộ Tổng tham mưu cũng như Ủy viên nhân dân quốc phòng và tư lệnh các quân chủng, binh chủng đã không chuẩn bị các sở chỉ huy để khi xảy ra chiến tranh có thể từ đó chỉ huy các lực lượng vũ trang, nhanh chóng truyền các mệnh lệnh của Bộ tổng tư lệnh tới quân đội, nhận và nghiên cứu các báo cáo của các đơn vị.

Trong những năm trước chiến tranh, đã bỏ qua việc xây dựng các

sở chỉ huy. Đến khi chiến tranh nổ ra, Bộ tổng tư lệnh, Bộ Tổng tham mưu, tất cả các bộ tham mưu các quân chủng, tổng cục đều phải thực hiện sự lãnh đạo từ các phòng làm việc của mình trong thời bình, điều đó làm trở ngại nhiều cho công việc.

Đến đầu chiến tranh, chúng ta vẫn chưa giải quyết xong vấn đề cơ quan của Đại bản doanh và Bộ tổng tư lệnh, ví như: cơ cấu bộ máy, dự kiến bổ nhiệm cán bộ, trụ sở, cơ quan phục vụ và các phương tiện vật chất, kỹ thuật.

Trong 5 năm trước chiến tranh đã thay đổi 4 Tổng tham mưu trưởng. Việc thay đổi cán bộ lãnh đạo luôn như vậy gây nhiều trở ngại cho việc nắm vững hoàn toàn đầy đủ công cuộc phòng thủ đất nước và làm cho không thể suy tính sâu xa về tất cả mọi chi tiết của cuộc chiến tranh sắp nổ ra.

Những vấn đề cơ bản gì đã được chuẩn bị ở Bộ Tổng tham mưu trong những tháng đó?

Hiện nay, một số tác giả các hồi ký về chiến tranh nói rằng, trước chiến tranh chúng ta không có các kế hoạch động viên lực lượng vũ trang và các kế hoạch triển khai chiến lược. Tất nhiên và thực tế là tại Bộ Tổng tham mưu đã có các kế hoạch tác chiến và động viên lực lượng vũ trang. Việc nghiên cứu đề ra và điều chỉnh các kế hoạch đó được tiến hành liên tục. Sau khi thành hình, các kế hoạch đó được báo cáo ngay lên cơ quan lãnh đạo Nhà nước và khi được phê chuẩn, lập tức được đưa tới các quân khu. Sớm trước

chiến tranh, Cục tác chiến - các tướng G.K. Ma-lan-đin, A.M. Va-xi-lép-xki, A.Ph. A-ni-xốp và các đồng chí khác - đã dành nhiều thì giờ để làm các kế hoạch tác chiến và động viên. Trước khi tôi tới Bộ Tổng tham mưu, việc nghiên cứu đề ra các kế hoạch được tiến hành dưới sự lãnh đạo chung của nguyên soái Liên Xô B.M. Sa-pô-sni-cốp, sau đó là đại tướng K.A. Mê-rét-xốp và trung tướng N.Ph. Va-tu-tin.

Ngay từ mùa thu năm 1940, kế hoạch tiến hành chiến tranh xây dựng trước đây đã được đem ra nghiên cứu lại để làm cho nó có căn cứ hơn và cho nó sát với những nhiệm vụ phải giải quyết trong trường hợp bị tấn công. Nhưng trong kế hoạch, có những sai lầm về chiến lược do một nhận định không đúng gây ra.

Hướng nguy hiểm nhất về mặt chiến lược đã được coi là hướng tây-nam, tức là U-crai-na - chứ không phải hướng tây - tức là Bê-lô-ru-xi mà ở đó tháng 6-1941, bộ chỉ huy tối cao của Hít-le đã tập trung và tung vào những cụm bộ binh và không quân mạnh nhất của chúng.

Vì vậy ngay trong những ngày đầu chiến tranh đã phải điều tập đoàn quân 19, nhiều đơn vị và binh đoàn của tập đoàn quân 16, từ trước vẫn đóng ở U-crai-na hoặc mới chuyển về đó sang hướng tây[2] và các đơn vị này vừa đánh vừa chuyển thuộc Phương diện quân miền Tây. Tình hình đó tất nhiên đã có ảnh hưởng tới quá trình chiến đấu phòng ngự ở hướng tây.

Mùa xuân 1941, từ tháng 2 đến tháng 4, khi đề ra kế hoạch tác chiến, chúng tôi đã không triệt để sửa chữa điều dự tính sai đó. I.V. Xta-lin tin rằng trong cuộc chiến tranh với Liên Xô, bọn Đức trước nhất sẽ nhằm vào chiếm U-crai-na, vùng Đôn-ét, để làm cho nước ta bị mất những miền kinh tế hết sức quan trọng, còn chúng thì chiếm được vừa lúa mì U-crai-na, than Đôn-bát, rồi tiếp đó dầu lửa Cáp-ca-dơ. Mùa xuân 1941 khi xét kế hoạch tác chiến, I.V. Xta-lin đã nói: “Không có những nguồn sống hết sức quan trọng đó, bọn Đức phát-xít sẽ không thể tiến hành một cuộc chiến tranh lâu dài và lớn được.”

I.V. Xta-lin có uy tín hết sức lớn đối với tất cả chúng tôi, khi đó không ai nghĩ đến chuyện nghi ngờ những lập luận và nhận định tình hình của I.V. Xta-lin. Tuy rằng sự phán đoán đó của I.V. Xta-lin cũng có cơ sở của nó, nhưng nó đã không tính đến những kế hoạch của quân địch nhằm tiến hành cuộc chiến tranh chớp nhoáng chống Liên Xô.

Phương án cuối cùng về kế hoạch động viên các lực lượng vũ trang (các vấn đề về tổ chức và vật chất) đã được phê chuẩn hồi tháng 2-1941 và mang ký hiệu MP-41. Đến ngày 1-5-1941, kế hoạch này đã được phổ biến tới các quân khu kèm theo chỉ thị điều chỉnh các kế hoạch tác chiến cũ.

Năm 1940, đã có quyết định đưa ngay một phần quân đội các quân khu phía tây sang các vùng lãnh thổ miền tây mới thống

nhất vào Liên Xô. Mặc dù các vùng này chưa được chuẩn bị đúng mức cần thiết để phòng thủ, các đơn vị tuyến một của bộ đội các quân khu phía tây đã sang đóng ở đó.

Ở đây tôi muốn đề cập tới vấn đề những khu phòng thủ vững chắc mới và cũ. Việc xây dựng các khu phòng thủ mới ở biên giới phía tây được khởi công vào đầu năm 1940. Dự án xây dựng các khu đó được I.V. Xta-lin duyệt theo báo cáo của K.E. Vô-rô-si-lốp.

Đến đầu chiến tranh đã xây được gần 2.500 công sự bê-tông cốt sắt, trong số đó 1.000 công sự được trang bị pháo binh phòng ngự, còn 1.500 công sự có súng máy. Song việc xây dựng các khu phòng thủ chưa làm xong hoàn toàn.

Nếu nói về U-crai-na, thì trong tháng 6-1941, các khu được chuẩn bị chiến đấu tốt nhất là các khu Ra-va - Ru-xki và Pê-lê-mur-slo, trong những ngày đầu chiến tranh các khu này đã đóng vai trò rất tích cực mà tôi sẽ nói tới sau.

Bây giờ tôi muốn nói rõ vấn đề bố trí pháo binh ở các khu phòng thủ vững chắc cũ.

Từ tháng 2 đến tháng 3 năm 1941, Hội đồng quân sự trung ương của Hồng quân đã hai lần thảo luận việc nhanh chóng hoàn thành công cuộc xây dựng và trang bị các khu phòng thủ mới. Tôi còn nhớ kỹ những cuộc bàn luận gay gắt diễn ra trong Hội đồng.

Nhưng bàn luận gì thì bàn luận vẫn không tìm ra cách giải quyết

cụ thể để xúc tiến việc sản xuất pháo binh phòng ngự và đảm bảo những thiết bị cần thiết cho các khu phòng thủ. Vì vậy, Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng chuyên trách về vũ khí, nguyên soái G.I. Cu-lích và Phó Ủy viên nhân dân quốc phòng chuyên trách về khu phòng thủ, nguyên soái B.M. Sa-pô-sni-cốp, cũng như ủy viên Hội đồng quân sự trung ương A.A. Giơ-đa-nốp đã đề nghị lấy một phần pháo binh phòng ngự ở một số khu phòng thủ cũ để trang bị cho các khu mới đang được xây dựng. Ủy viên nhân dân quốc phòng, nguyên soái Ti-mô-sen-cô và tôi không tán thành đề nghị đó với lý do là các khu phòng thủ cũ còn có thể được dùng tới.

Vì không nhất trí trong Hội đồng quân sự trung ương nên vấn đề được báo cáo lên I.V. Xta-lin. I.V. Xta-lin đồng ý với ý kiến của G.I. Cu-lích, B.M. Sa-pô-sni-cốp, A.A. Giơ-đa-nốp và đã chỉ thị lấy một phần pháo ở các nơi thứ yếu đưa sang các hướng tây và tây-nam.

Các khu phòng thủ cũ được xây dựng trong các năm 1929-1935. Các lô-cốt chủ yếu đều có súng máy. Trong năm 1938-1939, nhiều lô-cốt được tăng cường hệ thống pháo binh. Theo quyết định của Hội đồng quân sự trung ương Hồng quân, ngày 15-11-1939, quân số các khu phòng thủ cũ đã giảm bớt hơn 1/3. Bây giờ ở một số nơi, lại lấy vũ khí đi.

Song, sau khi báo cáo lần thứ hai với I.V. Xta-lin, chúng tôi

được phép giữ lại một phần vũ khí ở những nơi bị lấy vũ khí đi. Về các khu phòng thủ được bắt đầu xây dựng trong các năm 1938-1939, ngày 8-4-1941, Bộ Tổng tham mưu đã ra các chỉ thị số UN/584814 và UN/584815 cho các tư lệnh Quân khu đặc biệt miền Tây và Quân khu Ki-ép với nội dung như sau:

“Cho đến khi có chỉ thị đặc biệt, các khu phòng thủ Xlút-xcơ, Xê-be-giơ, Xê-bê-tốp, I-di-a-xláp, Sta-rô-côn-xtan-ti-nốp, Ô-xtơ-rô-pôn-xcơ vẫn giữ nguyên trạng thái cũ.

Để sử dụng các khu phòng thủ nói trên khi chiến tranh nổ ra, cần phải chuẩn bị và tiến hành các biện pháp sau đây:

- Thành lập bộ máy chỉ huy các vùng phòng thủ vững chắc.
- Để củng cố hệ thống hỏa lực pháo và súng máy ở mỗi khâu phòng thủ và mỗi điểm tựa, cần có các công sự bằng đất và gỗ hoặc bằng bê-tông đá hộc, các công sự này cần được xây dựng trong 10 ngày đầu từ khi chiến tranh nổ ra bằng lực lượng của bộ đội dã chiến...
- Căn cứ theo các dự án và hướng dẫn kỹ thuật của Cục xây dựng các khu phòng thủ của Hồng quân, cần tính toán nhu cầu về vũ khí và thiết bị bên trong đơn giản nhất...
- Khi tính toán lực lượng, phương tiện và các kế hoạch xây dựng, cần chú ý đến các công sự bê-tông cốt sắt đã được xây dựng trong các năm 1938-1939 ở các vùng Lê-ti-chép, Mô-ghi-lép, Yam-pôn-xcơ, Nô-vô-grát, Vô-lun-xcơ, Min-xcơ, Pô-lốt-xcơ và

Mô-dura...

Cục trưởng Cục xây dựng khu phòng thủ có trách nhiệm đề ra và đến ngày 1-5-1941 gửi cho các quân khu những điểm hướng dẫn kỹ thuật để đặt vũ khí và thiết bị bên trong giản đơn nhất trong các công sự năm 1938-1939”.

Các khu phòng thủ tại biên giới cũ không bị hủy và vũ khí ở đó không bị lấy đi như trong một số hồi ký và tài liệu nghiên cứu lịch sử đã nói. Các khu đó vẫn được giữ lại ở tất cả những nơi và hướng trọng yếu, lại còn được dự định tăng cường thêm. Nhưng quá trình diễn biến chiến sự trong thời gian đầu chiến tranh đã không cho phép thực hiện đầy đủ những biện pháp dự định và không cho phép sử dụng các khu phòng thủ cũ theo đúng ý nghĩa của nó.

Còn về các khu phòng thủ mới, Ủy viên nhân dân quốc phòng và Bộ Tổng tham mưu đã nhiều lần ra chỉ thị cho các quân khu phải đẩy mạnh việc xây dựng. Hàng ngày có gần 14 vạn người làm việc để củng cố công trình quốc phòng trên các biên giới mới.

I.V.Xta-lin cũng thúc giục chúng tôi phải làm nhanh công việc này.

Tôi xin nêu ra một chỉ thị số UA/584838 ngày 14-4-1941 của Bộ Tổng tham mưu về vấn đề này:

“Mặc dù đã có nhiều chỉ thị của Bộ Tổng tham mưu Hồng quân, việc xây nắp hầm tránh bom đạn cho các công sự chiến đấu lâu

dài và chuẩn bị cho các công sự đó sẵn sàng chiến đấu được tiến hành hết sức chậm chạp.

Ủy viên nhân dân quốc phòng ra lệnh:

1. Toàn bộ vũ khí dành cho các vùng phòng thủ trong phạm vi quân khu cần được bố trí xong trong các công sự chiến đấu và chuẩn bị cho các công sự sẵn sàng chiến đấu.
 2. Nếu thiếu thiết bị đặc biệt thì tạm thời (che lấp giản đơn) đặt các thượng liên, đại liên vào các hầm có lỗ châu mai và nơi nào có thể, đặt cả các pháo vào ụ súng.
 3. Đưa các công sự vào tư thế sẵn sàng chiến đấu dù còn thiếu các thiết bị khác theo quy định, nhưng nhất thiết phải có các cửa bằng thép, bằng kim loại và có chấn song.
 4. Tổ chức việc trông nom và bảo vệ chu đáo các thiết bị trong công sự.
 5. Cục trưởng Cục xây dựng khu phòng thủ của Hồng Quân có trách nhiệm gửi ngay tới các quân khu những chỉ thị kỹ thuật về việc đặt các thiết bị tạm thời trong các công sự bê-tông cốt sắt.
- Đến ngày 25-4-1941 phải báo cáo lên Bộ tổng tham mưu Hồng quân về những biện pháp đã tiến hành.

Tổng tham mưu trưởng Hồng quân

Đại tướng GIU-CÓP đã ký

Sao nguyên bản: Cục trưởng Cục các khu phòng thủ

Bộ Tổng tham mưu Hồng quân

Thiếu tướng X. SI-RI-A-EP”

Tháng 3-1941, Bộ Tổng tham mưu hoàn thành việc nghiên cứu kế hoạch động viên đối với công nghiệp sản xuất sản phẩm quốc phòng trong trường hợp chiến tranh nổ ra. Tôi và Phó tổng tham mưu trưởng, tướng V.Đ. Xô-cô-lốp-xki báo cáo kế hoạch này với Chủ nhiệm ủy ban quốc phòng thuộc Hội đồng các ủy viên nhân dân.

Bộ Tổng tham mưu còn có một bản báo cáo đặc biệt nói về đạn dược gửi lên Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng các ủy viên nhân dân. Bản báo cáo này chuyên nói về việc bảo đảm đạn dược cho pháo binh. Chúng tôi nêu lên tình hình hết sức nghiêm trọng đối với đạn trái phá và đạn cối. Đạn lựu pháo, cao xạ và pháo chống tăng không đủ. Đặc biệt đạn cho các loại pháo tối tân rất thiếu.

I.V. Xta-lin ra chỉ thị phải nghiên cứu bản báo cáo của chúng tôi và cùng với Bộ Ủy viên nhân dân đạn dược và Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng báo cáo xem trên thực tế, những gì cần phải làm và có thể làm được.

N.A. Vô-dơ-nê-xen-xki và các đồng chí khác cho rằng những yêu cầu của chúng tôi quá cao và đã báo cáo với I.V. Xta-lin là yêu cầu về năm 1941 cần được giải quyết nhiều nhất là 20%. Đề nghị này được phê chuẩn.

Song, sau khi nghe báo cáo lần thứ hai, I.V. Xta-lin đã chỉ thị ra

chỉ lệnh đặc biệt, trong nửa sau năm 1941- đầu 1942 phải sản xuất đạn dược nhiều hơn nữa.

Trong suốt mùa xuân năm 1941, các cơ quan hậu cần trung ương thuộc Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng đã tích cực lo việc tăng thêm kho dự trữ lâu dài cho tất cả các quân khu gần biên giới phía tây. Số kho này lấy ở số dự trữ của nhà nước về nhiên liệu, lương thực và các vật dụng. Các kho đạn pháo binh quân khu nhận được thêm nhiều đạn dược do các kho của Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng cung cấp.

Ủy viên nhân dân quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu và cả tôi nữa đều cho rằng trong điều kiện chiến tranh đang nhích gần, cần phải đưa các phương tiện vật chất và kỹ thuật tới gần quân đội, gần người sử dụng. Đã tưởng như vậy là đúng, nhưng sau thì thấy rằng tất cả chúng tôi đã sai. Khi chiến tranh nổ ra, quân địch trong một thời hạn ngắn đã chiếm được những lượng dự trữ vật chất, kỹ thuật của các quân khu, điều đó đã gây khó khăn đối với việc cung cấp cho quân đội và đối với những biện pháp nhằm xây dựng lực lượng dự bị.

Mùa xuân năm 1941, trong khi nghiên cứu các kế hoạch tác chiến, chúng tôi chưa cân nhắc thật đầy đủ các phương thức mới để tiến hành chiến tranh trong giai đoạn đầu. Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng và Bộ Tổng tham mưu đã cho rằng, chiến tranh giữa các nước lớn như Đức và Liên Xô có thể bắt đầu ở cả hai

bên theo trình tự đã có từ trước: quân chủ lực sẽ bước vào chiến đấu mấy ngày sau những trận đánh ở biên giới. Về mặt thời hạn tập trung và điều quân, chúng tôi cho rằng, nước Đức phát-xít cũng ở trong những điều kiện giống như chúng ta. Trên thực tế thì lực lượng cũng như điều kiện rất khác nhau.

Khả năng kinh tế của Đức cho đến khi tiến công Liên Xô như thế nào?

Sau khi nắm được hầu hết các nguồn lực kinh tế và quân sự chiến lược của châu Âu, nước Đức, như chúng ta đều biết, đã trang bị cho lực lượng vũ trang của chúng đầy đủ vũ khí hiện đại, binh khí kỹ thuật và đủ số lượng phương tiện vật chất. Tình hình ở Tây Âu không có các hoạt động tích cực về mặt quân sự đã làm cho bọn Hít-le rảnh rang tập trung tất cả các lực lượng chủ lực của chúng để đánh Liên Xô.

Sát trước chiến tranh, nước Đức cùng với các nước bị Đức chiếm đóng sản xuất được 31,8 triệu tấn thép, một mình Đức khai thác được 257,4 triệu tấn than, và cùng với các nước chư hầu - 439 triệu tấn. Liên Xô thì sản xuất được 18,3 triệu tấn thép, 165,9 triệu tấn than. Chỗ yếu của Đức là khai thác dầu lửa, nhưng trong mức độ nào đó nó đã được bù đắp bằng việc nhập dầu lửa Ru-ma-ni, bằng số dự trữ đã có và nhiên liệu nhân tạo.

Sau khi trắng trợn hủy bỏ những điều hạn chế của hiệp ước Véc-xây, bọn cầm đầu nước Đức, nhằm đảm bảo các kế hoạch xâm

lược của chúng, đã hướng toàn bộ chính sách kinh tế vào việc phục vụ cuộc chiến tranh xâm lược mà chúng dự định tiến hành. Công nghiệp Đức đã chuyển toàn bộ sang kinh tế chiến tranh. Tất cả những việc khác đều lùi lại phía sau.

Nước Đức đã có một tiềm lực kinh tế chiến tranh lớn, trong thời gian tương đối ngắn đã xây dựng hơn 300 nhà máy lớn sản xuất hàng quân sự, mức sản xuất hàng chiến tranh ở Đức năm 1940 đã tăng lên 2/3 so với năm 1939 và 22 lần so với năm 1932. Năm 1941, công nghiệp Đức đã sản xuất hơn 11.000 máy bay, 5.200 xe tăng và xe bọc thép, 30 nghìn pháo các cỡ, gần 1,7 triệu carbin, súng trường và tiểu liên. Thêm vào đó cần tính thêm những lượng dự trữ lớn vũ khí cướp được và sức mạnh sản xuất của các nước chư hầu của Đức và của các nước bị Đức chiếm đóng.

Hỏi đó chúng ta đã biết những gì về lực lượng vũ trang mà Đức tập trung để đánh Liên Xô?

Theo các tài liệu của Cục tình báo Bộ Tổng tham mưu Hồng Quân do tướng Ph.I. Gô-li-cốp phụ trách, nước Đức bắt đầu đưa thêm quân tới Đông Phổ, Ba Lan và Ru-ma-ni từ cuối tháng 1-1941. Cục tình báo cho biết, trong tháng 2 và tháng 3, số lượng quân địch đã tăng lên 9 sư đoàn: đối diện với Quân khu Pri-ban-tích có thêm 3 sư đoàn bộ binh; đối diện với Quân khu miền tây có thêm 2 sư đoàn bộ binh và 1 sư đoàn xe tăng; đối diện với

Quân khu Ki-ép có thêm 2 sư đoàn bộ binh và 1 sư đoàn xe tăng; đối diện với Quân khu Ô-đét-xa có 1 sư đoàn bộ binh và 3 trung đoàn xe tăng.

Tin này do Cục trưởng Cục tình báo tướng Ph.I. Gô-li-cốp nêu ra, đã được chúng tôi báo cáo ngay lên I.V.Xta-lin. Tôi không biết tướng Ph.I. Gô-li-cốp còn báo cáo riêng với I.V.Xta-lin những tin tức tình báo gì nữa.

Đến ngày 4-4-1941, quân số tăng thêm của Đức từ biên Ban-tích đến Xlô-va-ki, theo tài liệu của tướng Ph.I. Gô-li-cốp, là 5 sư đoàn bộ binh và 6 sư đoàn xe tăng. Đối diện với Liên Xô, tất cả có 72-73 sư đoàn. Cộng với số lượng đó cần phải tính thêm số quân đội Đức đóng ở Ru-ma-ni và Hung-ga-ri tất cả là 9 sư đoàn bộ binh và 1 sư đoàn cơ giới.

Đến ngày 5-5-1941, theo báo cáo của tướng Ph.I. Gô-li-cốp, số lượng quân đội Đức chuẩn bị đánh Liên Xô đã lên tới 103-107 sư đoàn, kể cả 6 sư đoàn đóng ở vùng Đan-xích và Pô-dơ-nan, và 5 sư đoàn ở Phần Lan. Sự phân bố các sư đoàn đó ở các nơi như sau: ở Đông Phổ, 23-24 sư đoàn; ở Ba Lan đối diện Quân khu miền Tây, 29 sư đoàn; ở Ba Lan đối diện Quân khu Ki-ép, 31-34 sư đoàn; ở Pri-các-pát, 14-15 sư đoàn.

Quân địch ráo riết tiến hành công việc chuẩn bị chiến trường: lập đường sắt thứ hai tới Xlô-va-ki và Ru-ma-ni, mở rộng mạng lưới các sân bay và các bãi đỗ máy bay, tăng cường xây dựng các kho

quân dụng. Tại các thành phố và các công trình công nghiệp, chúng tổ chức huấn luyện phòng không, xây dựng các hầm trú ẩn và tiến hành các cuộc động viên thử.

Trong số quân đội Hung-ga-ri có tới 4 binh đoàn đóng ở vùng Ucraina-na - Pri-các-pát, một phần đáng kể quân đội Ru-ma-ni đóng ở miền Các-pát.

Ở Phần Lan, quân Đức đổ bộ lên cảng A-bô, ở đây từ ngày 10 đến ngày 29 tháng 4, chúng đã đổ bộ tới 22.000 quân, số quân này về sau đã chuyển đến vùng Rô-va-ni-ê-mi rồi đến Kiéc-ki-ne-xơ.

Tướng Ph.I. Gô-li-cốp cho rằng trong thời gian tới, quân đội Đức có thể sẽ còn được tăng thêm bằng lực lượng có thể rút ở Nam Tư.

Đến ngày 1-6-1941, theo tài liệu của Cục tình báo, để chuẩn bị đánh Liên Xô, Đức đã có tới 120 sư đoàn.

Mùa xuân 1941, bọn Hít-le đã yên tâm vì thấy đối phương phía tây không có những hành động đe dọa nghiêm trọng, và cùng thời gian đó lực lượng chủ lực của chúng đã được tập trung dọc suốt từ biển Ban-tích đến biển Đen.

Đến tháng 6-1941, Đức đã đưa tổng số quân đội của chúng lên tới 8,5 triệu người, tăng 3,55 triệu người so với năm 1940, tức là lên tới 208 sư đoàn. Đến tháng 6, các lực lượng vũ trang Liên Xô có gần 5 triệu người, tính cả các đợt nhập ngũ bổ sung.

Hít-le cho rằng thời cơ có lợi để tiến công Liên Xô đã đến. Hấn vội vã và không phải là không có cơ sở. ..

Bộ chỉ huy Đức bắt đầu ồ ạt chuyển quân sang phía Đông từ ngày 25-5-1941. Tới thời gian này đường sắt của đức hoạt động ở mức cao nhất. Riêng từ 25-5 đến giữa tháng 6, đã có 47 sư đoàn Đức, trong đó có 28 sư đoàn xe tăng và cơ giới, được đưa tới gần biên giới Liên Xô.

Còn ở phía chúng ta tình hình diễn ra như sau. Trong suốt tháng 3 và tháng 4 năm 1941, Bộ Tổng tham mưu khẩn trương làm việc để xác định kế hoạch bảo vệ biên giới phía tây và kế hoạch động viên khi chiến tranh nổ ra. Trong khi xác định kế hoạch bảo vệ, chúng tôi báo cáo với I.V.Xta-lin rằng, chúng tôi đã tính toán và thấy quân số hiện có của các Quân khu Pri-ban-tích, miền Tây, Ki-ép, Ô-đét-xa sẽ không đủ để chống lại sự tiến công của quân Đức. Cần phải cấp tốc lấy ngay quân của các đơn vị ở phía trong để thành lập một vài tập đoàn quân và để đề phòng mọi trường hợp bất trắc, đầu tháng 5, phải đưa các đơn vị đó đến Pri-ban-tích, Bê-lô-ru-xi và U-crai-na.

Bốn tập đoàn quân với quân số giảm bớt đã được điều về U-crai-na và Bê-lô-ru-xi - mỗi nơi hai tập đoàn quân dưới hình thức tập hành quân dã ngoại. Chúng tôi được căn dặn là phải hết sức thận trọng và phải có các biện pháp giữ bí mật về cuộc điều động này. Cùng khi đó, I.V.Xta-lin ra chỉ thị phải tăng cường bằng mọi

cách công việc xây dựng mạng lưới các sân bay cơ bản và đã chiến. Nhưng chỉ được phép lấy sức người sau khi hoàn thành công việc đồng áng vụ xuân.

Một lần, sau cuộc họp bàn công việc thường lệ, I.V.Xta-lin có hỏi về tình hình gọi thêm quân hậu bị vào quân thường trực. Ủy viên nhân dân quốc phòng trả lời rằng, việc tuyển quân được tiến hành bình thường, quân số tuyển thêm đến cuối tháng 4 sẽ có mặt ở các quân khu gần biên giới. Đầu tháng 5, các đơn vị sẽ bắt đầu huấn luyện số quân này.

Ngày 13-5, Bộ Tổng tham mưu ra chỉ thị điều quân từ các quân khu phía trong sang phía tây. Tập đoàn quân 22 từ U-ran chuyển đến khu Vê-li-ki Lu-ki; tập đoàn quân 21 từ Quân khu Pri-vông-ga đến Gô-men; tập đoàn quân 19 từ Quân khu Bắc Cáp-ca-dơ đến Be-lai-a Séc-cốp; quân đoàn khinh binh 25 từ Quân khu Khác-cốp đến giáp Tây Đờ-vi-na; tập đoàn quân 16 từ Da-bai-can đến Se-pê-tốp-ca thuộc U-crai-na.

Tổng cộng trong tháng 5, đã có 28 sư đoàn khinh binh và 4 cơ quan tư lệnh tập đoàn quân được chuyển từ các quân khu phía trong tới gần biên giới phía tây.

Cuối tháng 5, Bộ Tổng tham mưu chỉ thị cho các tư lệnh quân khu gần biên giới cấp tốc chuẩn bị các sở chỉ huy, và giữa tháng 6 đã chỉ thị đưa các cơ quan chỉ huy các phương diện quân tới các sở chỉ huy đó: Phương diện quân Tây-bắc - tới vùng Pa-nê-

vê-gi-xơ; Phương diện quân miền Tây tới vùng O-bu-dơ; Phương diện quân Tây-nam - tới vùng Téc-nô-pôn; Quân khu Ô-đét-xa với tính chất là cơ quan chỉ huy tập đoàn quân tới Ti-ra-xôn. Cơ quan chỉ huy đã chiến của các phương diện quân và các tập đoàn quân từ ngày 21 đến 25 tháng 6 phải đến các vùng đó.

Đóng gần với đối phương hơn cả có 47 đơn vị bộ binh và 6 đơn vị hải quân biên phòng, 9 đơn vị biên phòng độc lập, 11 trung đoàn quân tác chiến thuộc Bộ Ủy viên nhân dân nội vụ và các sư đoàn khinh binh tuyến I đóng sát biên giới nhưng chưa triển khai đội hình chiến đấu thuộc các tập đoàn quân bảo vệ biên giới.

Tổng cộng ở các quân khu và các hạm đội gần biên giới miền tây có 2,9 triệu người, hơn 1.500 máy bay các loại mới và khá nhiều máy bay các loại cũ, gần 35.000 pháo và súng cối (không có súng cối 50 mm), 1.800 xe tăng hạng nặng và hạng vừa (2/3 là xe tăng các loại mới) và một số đáng kể các xe tăng loại nhẹ hạn chế về sức mạnh.

Việc huấn luyện chiến đấu và tinh thần chiến đấu ở các quân khu gần biên giới không đều nhau và phụ thuộc vào nhiều yếu tố: truyền thống của cán bộ chỉ huy trong việc giáo dục bộ đội, tính sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, tính tổ chức và quyết tâm trong việc thực hiện những yêu cầu của điều lệnh chiến đấu. Bây giờ khó mà dựng lại một cách đầy đủ tất cả

những gì đã diễn ra ở các quân khu gần biên giới và thuật lại không khí của các nơi đó khi chiến tranh nổ ra. Tôi còn nhớ, trong thời gian đầu làm việc ở Bộ Tổng tham mưu, tôi vẫn nghĩ tới quân khu đặc biệt Ki-ép là nơi tôi mới rời khỏi. Tình hình ở đó ra sao?

Nhân đây tôi muốn trích dẫn vài đoạn trong hồi ký của nguyên soái Liên Xô I.Kh. Ba-gra-mi-an - hồi đó là đại tá trưởng phòng tác chiến Quân khu đặc biệt Ki-ép. Tôi nghĩ rằng những trang hồi ký này phản ánh đúng tình hình công việc trong quân đội với tất cả những khó khăn của những tháng sau cùng trước chiến tranh.

“Chúng tôi vừa mới tiến đồng chí tư lệnh của mình đi dự Hội nghị Đảng lần thứ XVIII - I.Kh. Ba-gra-mi-an viết - thì Bộ Tổng tham mưu có chỉ thị: tham mưu trưởng quân khu cùng với nhóm các tướng và sĩ quan tham gia vào việc xây dựng kế hoạch bảo vệ biên giới quốc gia phải về Mát-xcơ-va ngay. Cùng với M.A. Puốc-ca-ép lên đường đi Mát-xcơ-va còn có các tướng N.A. La-xkin - tham mưu trưởng không quân, I.I. Tơ-rút-cô - phó tham mưu trưởng quân khu phụ trách các vấn đề tác chiến - hậu cần, D.M. đô-bư-kin - chủ nhiệm thông tin quân khu, đại tá A.A. Coóc-xu-nốp - trưởng phòng giao thông quân sự quân khu, tôi và người phó của tôi - đại tá A.I. Đa-ni-lốp. Đến Mát-xcơ-va mới biết rõ mọi việc: tất cả chúng tôi phải tham gia việc nghiên cứu

những biện pháp tác chiến của quân khu.

Công việc của chúng tôi đang tiếp tục thì bỗng có lệnh cho chúng tôi phải trở về Ki-ép ngay để thi hành nhiệm vụ theo chức vụ ở đây, trước hết phải xem xét các kế hoạch bảo vệ biên giới của các tập đoàn quân do các bộ tham mưu các tập đoàn quân đề ra theo chỉ thị của bộ tư lệnh quân khu. Chúng tôi rất mừng là các kế hoạch của các tập đoàn quân không đòi hỏi phải chỉnh lý nhiều. Chỉ cần sửa đổi chút ít.

Song, ít lâu sau - ngay sau khi bọn phát xít bắt đầu chiếm đóng Nam Tư - Bộ Tổng tham mưu chỉ thị dựa vào kế hoạch bảo vệ biên giới nhiều điều bổ sung quan trọng. Bộ tư lệnh quân khu được lệnh phải tăng thêm quân số đảm đương nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ biên giới...

Tướng Kiéc-pô-nô-xơ phàn nàn rằng lực lượng dự bị ở đây đã giảm sút rõ rệt và lực lượng đưa vào “phòng thủ tiêu cực” là quá nhiều so với mức cần thiết. Nhưng mệnh lệnh là mệnh lệnh: ngày 18-4, chúng tôi đã chỉ thị cho các tập đoàn quân đưa vào kế hoạch những sự thay đổi đó. Do nguyên nhân này nên trong tháng 4 chúng tôi cũng vẫn chưa “chấm” xong các kế hoạch bảo vệ biên giới của các tập đoàn quân.

Tham mưu trưởng các tập đoàn quân cùng với các cán bộ tham gia xây dựng kế hoạch lại được triệu tập về Bộ tham mưu quân khu. Mọi việc lại được làm lại từ đầu. Khó khăn lớn kéo dài

công việc là ở chỗ các tướng và sĩ quan thảo kế hoạch phải tự tay viết tất cả từ trang thứ nhất đến trang cuối cùng...

Việc làm lại các kế hoạch cần phải kết thúc trước ngày 10-5.

May thay, đó là sự bổ sung quan trọng lần cuối cùng, chứ không thì các kế hoạch có thể không được dựng xong trước khi bọn phát-xít bắt đầu tiến công.

Trong nửa sau của tháng 4, cơ quan lãnh đạo Hồng quân bắt đầu tích cực thực hiện những biện pháp nhằm tăng cường sức mạnh cho các quân khu gần biên giới. Tôi còn nhớ, ngày 26-4, quân khu chúng tôi nhận được lệnh của Mát-xcơ-va: tới ngày 1-6 phải tổ chức xong 5 lữ đoàn pháo cơ động chống tăng và một quân đoàn đổ bộ đường không. Bốn sư đoàn khinh binh của chúng tôi được cải tổ thành các sư đoàn khinh binh chiến đấu ở rừng núi. Bộ tư lệnh quân khu được báo cho biết, đến ngày 25-5, quân khu được bổ sung thêm cơ quan chỉ huy quân đoàn bộ binh nhẹ thứ 31 từ Viễn Đông tới.

Tháng xuân cuối cùng không hề làm ấm thêm bầu không khí quan hệ quốc tế. Việc I.V. Xta-lin bỗng nhiên được cử làm Chủ tịch Hội đồng các Ủy viên nhân dân được mọi người trong quân khu coi là điều chứng tỏ tình hình quốc tế trở nên phức tạp. Lần đầu tiên trong những năm có chính quyền xô-viết, sự lãnh đạo tối cao của Đảng và Nhà nước tập trung vào một người. Ngoài ra còn những dấu hiệu khác về mối nguy cơ đang tăng nhanh.

Vào nửa sau của tháng 5, chúng tôi nhận được của Bộ tổng tham mưu lệnh tiếp nhận của Quân khu Bắc Cáp-ca-dơ và bố trí nơi đóng quân cho cơ quan chỉ huy quân đoàn bộ binh nhẹ 34 cùng với các đơn vị của nó - 4 sư đoàn khinh binh với quân số 12.000 người mỗi sư đoàn và một sư đoàn khinh binh chiến đấu ở rừng núi.

Một đoàn cán bộ thuộc Quân khu Bắc Cáp-ca-dơ do phó tư lệnh thứ nhất quân khu, trung tướng M.A. Rây-te đứng đầu, sẽ tới để chỉ huy các đơn vị này. Việc bố trí số quân mới tới cũng do Bộ tổng tham mưu quy định. Theo lệnh này thì các đơn vị của Quân khu Bắc Cáp-ca-dơ sẽ bắt đầu tới vào ngày 20-5. Mặc dù mệnh lệnh này không phải là bất ngờ đối với bộ tư lệnh, song vẫn là điều phải lo: trong một thời gian ngắn phải bố trí cho hầu như cả một tập đoàn quân. Do phải làm nhiệm vụ mới khẩn cấp nên chúng tôi đành phải hoãn lại cuộc diễn tập cán bộ chỉ huy và cơ quan tham mưu các tập đoàn quân đã được dự định tiến hành vào nửa thứ hai của tháng 5.

Cuối tháng 5, các đoàn quân cuộn cuộn tới quân khu. Phòng tác chiến trở thành tựa như trạm điều hành, ở đó tập trung toàn bộ tin tức hành quân và tình hình các đơn vị thuộc quân khu Bắc Cáp-ca-dơ tới. Tôi còn nhớ một việc điển hình. Các cán bộ chỉ huy được cử đến nắm các sư đoàn bổ sung cho quân khu, khi báo cáo về khả năng chiến đấu của các sư đoàn này đã nhấn mạnh

rằng, tất cả các đơn vị đều tổ chức theo quy chế thời bình do đó thiếu không những một số lớn quân số và cán bộ chỉ huy, mà thiếu cả trang bị kỹ thuật, trước hết là các phương tiện vận tải và phương tiện liên lạc, mà lẽ ra các sư đoàn được nhận khi có lệnh động viên.

Rõ ràng là cả trong vấn đề này, ý muốn nghiêm chỉnh tuân thủ những điều kiện của hiệp ước với Đức phát-xít cũng đã có tác dụng không nhỏ.

Tôi xin nói trước một chút, khi chiến tranh nổ ra, các sư đoàn này được cấp tốc điều đến hướng chiến lược phía tây và trong khi đang hành quân đã buộc phải đánh nhau.

Năm sư đoàn của Quân khu Bắc Cáp-ca-dơ chưa kịp hoàn thành việc tập trung ở phạm vi quân khu chúng tôi, thì đầu tháng 6, Bộ Tổng tham mưu đã báo tin, Ủy viên nhân dân quốc phòng ra lệnh thành lập bộ tư lệnh tập đoàn quân 19 và đến ngày 10-6, bộ tư lệnh này phải tới Chéc-ca-xơ. Tập đoàn quân 19 gồm 5 sư đoàn thuộc quân đoàn khinh binh 34 và 3 sư đoàn thuộc quân đoàn khinh binh 25, tất cả đều của Quân khu Bắc Cáp-ca-dơ. Thêm vào đó mệnh lệnh lại quy định rằng, tập đoàn quân mới trực thuộc Ủy viên nhân dân quốc phòng. Tư lệnh Quân khu Bắc Cáp-ca-dơ, trung tướng I.X. Cô-nép được cử chỉ huy tập đoàn quân này.

Ngày hôm sau, Bộ Tổng tham mưu báo cho bộ tư lệnh quân khu

chuẩn bị tiếp nhận và bố trí nơi đóng quân cho một tập đoàn quân nữa - tập đoàn quân 16 của trung tướng M.Ph. Lu-kin từ Da-bai-can tới. Kế hoạch dự tính tập trung đủ quân của tướng Lu-kin trên đất Quân khu đặc biệt Ki-ép trong thời gian từ 15-6 đến 10-7.

Như vậy là trong một thời gian rất ngắn, chúng tôi phải tiếp nhận và bố trí cho tập đoàn quân thứ hai nữa ở trong phạm vi quân khu. Điều đó làm mọi người phấn khởi. Không còn phải lo, khi chiến tranh nổ ra, ở phía sau chúng tôi không có quân đội. Bây giờ đã thấy hoàn toàn rõ ràng là Ủy viên nhân dân quốc phòng và Bộ tổng tham mưu đã quan tâm đến điều đó khi ra lệnh chuẩn bị đưa tất cả các lực lượng của quân khu tới trực tiếp gần biên giới”[3].

Có lẽ bây giờ đã đến lúc có thể nói về sai lầm chính của thời kỳ ấy và tất nhiên, từ đó sinh ra nhiều sai lầm khác, đó là việc tính sai thời gian quân đội phát-xít Đức có thể tiến công.

Trong kế hoạch tác chiến năm 1940 mà sau khi chỉnh lý đã được áp dụng trong năm 1941, có đề ra:

- trong trường hợp có nguy cơ chiến tranh, tất cả các lực lượng vũ trang phải ở trong tư thế hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu;
- lập tức tiến hành ở trong nước việc động viên nhập ngũ;
- phát triển các đơn vị đúng với biên chế thời chiến theo kế hoạch động viên;

- tập trung và triển khai tất cả lực lượng được động viên trên các vùng biên giới phía tây theo kế hoạch của các quân khu gần biên giới và của Bộ tổng tư lệnh.

Những biện pháp đề ra trong kế hoạch tác chiến và động viên nói trên chỉ được thi hành khi có quyết định đặc biệt của Chính phủ.

Quyết định đặc biệt đó mãi tới rạng sáng ngày 22-6-1941 mới có. Còn trong những tháng gần sát chiến tranh, các chỉ thị của cơ quan lãnh đạo không thấy đề ra những biện pháp cần tiến hành khẩn cấp trong thời kỳ chiến tranh đặc biệt uy hiếp.

Tất nhiên, nảy ra vấn đề: vì sao cơ quan lãnh đạo do I.V. Xta-lin đứng đầu không thực hiện những biện pháp của kế hoạch tác chiến thời chiến mà mình đã phê chuẩn?

Về những thiếu sót và sự tính sai này, người ta thường quy vào lỗi của I.V. Xta-lin. Tất nhiên, I.V.Xta-lin quả là có những thiếu sót nhưng không thể xem xét nguyên nhân các khuyết điểm đó tách rời những quá trình và hiện tượng lịch sử khách quan, tách rời toàn bộ khối tổng hợp các nhân tố kinh tế và chính trị. Không có gì giản đơn hơn việc trở lại từ đầu để đánh giá các sự kiện khi tất cả mọi hậu quả của nó đã rõ ràng. Và không có gì phức tạp bằng việc phân tích rõ được toàn bộ khối tổng hợp các vấn đề, toàn bộ sự đấu tranh giữa các lực lượng, đối chiếu rất nhiều các ý kiến, các tài liệu và các sự việc ngay trong thời kỳ lịch sử đó.

So sánh và phân tích tất cả những lời của I.V. Xta-lin nói với

những người gần gũi trong những lần tôi có mặt, tôi nhận thấy một điều chắc chắn: tất cả ý nghĩ và việc làm của I.V. Xta-lin đều quán triệt một mong muốn: tránh chiến tranh và tin tưởng rằng có thể đạt được điều đó.

I.V. Xta-lin hiểu rất rõ rằng, chiến tranh với một quân thù mạnh và có kinh nghiệm như Đức phát-xít có thể sẽ gây ra cho nhân dân Liên Xô những tai họa như thế nào, vì vậy I.V. Xta-lin cũng như toàn thể Đảng ta cố tìm cách ngăn chặn nó lại.

Bây giờ ngay trước mắt chúng ta, đặc biệt trong những tài liệu được công bố rộng rãi, về cơ bản có đủ những tài liệu báo trước về cuộc tiến công đã chuẩn bị đánh vào Liên Xô và về việc quân đội Đức đã tập trung ở biên giới nước ta, v.v... Nhưng, các tài liệu thu thập được sau khi phát-xít Đức bị đánh bại lại chứng minh rằng, hồi đó, nhiều tin tức, thông báo hoàn toàn thuộc loại khác đã được đưa tới bàn làm việc của Xta-lin. Đây là một ví dụ. Theo lệnh của Hít-le đưa ra trong cuộc họp ngày 3-2-1941, tổng tham mưu trưởng Đức, thống chế Cây-ten ngày 15-2-1941 đã ra “chỉ thị đặc biệt về việc đánh lạc hướng đối phương”. Để giữ kín việc chuẩn bị cho chiến dịch “Bác-ba-rô-xơ”, cục tình báo và phản gián bộ tổng tham mưu quân Đức đã đề ra và thực hiện rất nhiều biện pháp nhằm tung ra những lời đồn và tin tức giả. Việc điều quân sang phía đông được dựng lên như là “thủ đoạn đánh lạc hướng lớn nhất trong lịch sử để làm cho người ta không chú

ý đến những công việc chuẩn bị cuối cùng cho cuộc xâm nhập vào Anh”.

Những tài liệu về địa dư nước Anh được in ra rất nhiều. Nhân viên phiên dịch tiếng Anh được phái thêm đến các đơn vị quân đội. Việc “phong tỏa” một số vùng trên bờ eo biển Măng-sơ, Pa-đơ Ca-le và ở Na Uy được chuẩn bị. Tin về quân đoàn đổ bộ đường không tưởng tượng được tung ra. Những ụ tên lửa giả được bố trí trên bờ biển. Trong quân đội truyền bá tin về khả năng được đi nghỉ trước khi đánh Anh, và về khả năng quân Đức sẽ vượt qua lãnh thổ Liên Xô để đánh Ấn Độ. Để làm cho giả thuyết về việc đổ bộ sang Anh thêm phần đúng sự thật, Đức đề ra những kế hoạch đặc biệt mang mật hiệu “cá mập” và “đỉnh ba”. Bộ máy tuyên truyền hoàn toàn quay vào việc chống Anh và thôi không chống Liên Xô như thường lệ nữa. Các nhân viên ngoại giao cũng tham gia vào công việc này, v..v...

Những tài liệu về tin tức giả đó cộng với tình trạng thiếu sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang đã làm cho I.V. Xta-lin hết sức thận trọng khi đưa ra thực hiện những biện pháp cơ bản của kế hoạch tác chiến - động viên nhằm chuẩn bị chống lại cuộc xâm lược có thể xảy ra.

I.V. Xta-lin còn tính đến tình hình, do chuyển từ hệ thống địa phương sang hệ thống chính quy, các cán bộ chỉ huy và chính trị phụ trách các đơn vị còn chưa nắm được nghệ thuật chiến dịch -

chiến thuật theo cấp mình.

Thi hành nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XVIII và các chỉ thị sau đó của Ban chấp hành trung ương Đảng về việc lựa chọn, đào tạo và giáo dục các cán bộ lãnh đạo, cho đến mùa hè 1941, các cấp chỉ huy, các cơ quan công tác Đảng, công tác chính trị của quân đội đã tiến hành một khối lớn công tác huấn luyện, giáo dục để nâng cao trình độ lý luận chung và năng lực thực hành của cán bộ. Song vấn đề cán bộ chỉ huy lực lượng vũ trang trong các năm 1940 - 1941 vẫn còn gay go. Việc đề bạt hàng loạt cán bộ chỉ huy trẻ, chưa qua trận mạc lên giữ các chức vụ cao, trong một thời gian nào đó, đã làm giảm sức chiến đấu của quân đội. Sát trước chiến tranh trong khi tiến hành những biện pháp quan trọng và lớn lao về mặt tổ chức, đã cảm thấy thiếu đội ngũ cán bộ chỉ huy giỏi, không đủ chuyên gia, chiến sĩ lái xe tăng, chiến sĩ pháo binh, phi công và đội ngũ nhân viên kỹ thuật hàng không cũng mỏng. Qua đó càng thấy rõ quân số đã tăng lên nhiều. Mọi nhược điểm đó, dự tính đến cuối năm 1941 sẽ có thể khắc phục về căn bản.

Trong khi mong muốn giữ vững hòa bình, coi đó là điều kiện quyết định đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, I.V. Xta-lin thấy rằng, các chính phủ Anh và Mỹ đã làm mọi việc để đẩy Hít-le tới chỗ gây chiến tranh với Liên Xô, rằng, Anh và các nước phương Tây khác bị lâm vào tình trạng chiến tranh

nặng nề và muốn cứu mình khỏi tai họa nên hết sức trông chờ vào việc Đức tiến công Liên Xô. Chính vì thế mà I.V. Xta-lin nghi ngờ thông báo của các chính phủ phương Tây cho biết về việc Đức chuẩn bị tiến công Liên Xô.

Chúng ta chỉ cần nhắc đến một số sự việc, mà những tin tức về nó đã làm cho I.V. Xta-lin thêm hoài nghi các thông báo nói trên. Đó là việc đàm phán bí mật với Đức phát-xít ở Luân Đôn, cũng vào năm 1939, khi Liên Xô đang tiến hành các cuộc đàm phán quân sự với Anh và Pháp mà tôi đã kể.

Giới ngoại giao Anh muốn thỏa thuận với bọn Hít-le trong việc phân chia phạm vi ảnh hưởng của nhau trên thế giới. Bộ trưởng thương mại Hát-son trong cuộc đàm phán với Vôn-tát - cố vấn mật của chính phủ Đức, một người gần gũi của thống chế Gơ-rinh – đã tuyên bố rằng, đối với hai nước, có ba khu vực rộng lớn để hoạt động kinh tế: hệ thống các thuộc địa Anh, Trung Quốc và Nga.

Cuộc đàm phán này đã bàn tới các vấn đề chính trị và quân sự, các vấn đề tìm kiếm nguyên liệu cho Đức, v.v... Tham gia cuộc đàm phán còn có các nhân vật khác; đại sứ Đức ở Luân Đôn là Diéc-sen báo cáo về Béc-lanh rằng, y nhận thấy có “những chính sách có chiều hướng xây dựng trong giới cầm quyền ở đây”.

Nhân đây tôi thấy rất đúng chỗ để nhắc lại rằng, khi Hít-le định đề nghị với Liên Xô cùng nhau tính đến việc phân chia thế giới

ra các phạm vi ảnh hưởng, thì đã bị Liên Xô bác bỏ thẳng thừng và dứt khoát, thậm chí chúng ta phản đối ngay cả việc nói về vấn đề này. Những tài liệu và những người tham gia vào chuyến đi của V.M. Mô-lô-tốp sang Béc-lanh tháng 11-1940 đã chứng minh việc này.

Như mọi người đã biết, cuối tháng 4, U. Séc-sin gửi thông điệp cho I.V. Xta-lin. Bức thông điệp đó viết: “Tôi nhận được tin chắc chắn của một người đáng tin cho biết; sau khi cho là Nam Tư đã nằm trong rọ của chúng, tức là vào ngày 20-3, bọn Đức đã điều 3 sư đoàn xe tăng và xe bọc thép trong số 5 sư đoàn đóng ở Rumani sang miền Nam Ba Lan. Nhưng khi chúng được tin về cuộc cách mạng ở Séc-bi, việc điều quân này đã bị bãi bỏ. Ngài sẽ dễ dàng đánh giá được ý nghĩa của hành động này”. I.V. Xta-lin không tin vào bức thông điệp này. Năm 1940, có lúc báo chí thế giới đã truyền đi tin đồn về việc giới cầm quyền Anh và Pháp đích thân chuẩn bị tiến công vào Bắc Cáp-ca-dơ, ném bom Bacu, Grô-dơ-nui, Mai-cốp. Sau đó lại xuất hiện các tài liệu xác nhận điều đó. Nói tóm lại, không những chỉ có những việc làm và lời nói chống Liên Xô, chống chủ nghĩa cộng sản - điều đó U. Séc-sin không hề giấu giếm, mà còn có nhiều sự việc cụ thể khác của hoạt động ngoại giao thời đó đã làm cho I.V. Xta-lin phải thận trọng khi nghe thông báo của các giới đế quốc. Mùa xuân năm 1941, tại các nước phương tây lưu truyền nhiều

tin tức khiêu khích về sự chuẩn bị ồ ạt của Liên Xô nhằm gây chiến với Đức. Báo chí Đức tìm mọi cách thổi phồng những tin tức đó và ca thán rằng, những tin tức này gây ảnh hưởng xấu tới quan hệ Xô-Đức.

- Xem đây! - I.V. Xta-lin nói - họ đem người Đức ra dọa chúng ta, và lấy chúng ta để dọa Đức, họ xúc xiểm chúng ta và Đức. Còn đối với hiệp ước không tiến công lẫn nhau đã ký với Đức năm 1939, vào lúc nước ta có thể bị tiến công từ hai mặt - từ phía Đức và từ phía Nhật - thì không có cơ sở nào để nói rằng, I.V. Xta-lin hy vọng vào hiệp ước ấy. Ban chấp hành trung ương Đảng và Chính phủ Liên Xô khẳng định rằng, hiệp ước này không làm cho Liên Xô thoát khỏi nguy cơ một cuộc xâm lược phát-xít, nhưng nó mang lại khả năng tranh thủ thời gian để củng cố quốc phòng ở nước ta, làm cản trở sự thành lập mặt trận thống nhất chống Liên Xô. Dù sao tôi cũng không hề thấy ở I.V. Xta-lin có nhận định gì tỏ ra yên tâm đối với hiệp ước không tiến công lẫn nhau đã ký với Đức.

Ngày 5-5-1941, I.V. Xta-lin phát biểu trước các học viên Học viện của Hồng quân trong cuộc chiêu đãi nhân dịp họ tốt nghiệp. Sau khi chúc mừng những người đã tốt nghiệp các Học viện quân sự, I.V. Xta-lin đề cập tới những sự biến đổi trong quân đội ở thời gian gần đó.

- Các đồng chí, - I.V. Xta-lin nói - các đồng chí rời quân đội 3-4

năm nay, bây giờ trở lại hàng ngũ, các đồng chí sẽ không nhận ra quân đội nữa. Hồng quân nay đã không phải là Hồng quân của mấy năm trước đây. Chúng ta đã xây dựng được một quân đội mới, trang bị cho nó bằng kỹ thuật quân sự hiện đại. Xe tăng, không quân, pháo binh của chúng ta đã khác trước. Các đồng chí về quân đội sẽ thấy nhiều cái mới.

Tiếp đó, I.V. Xta-lin nói đến những sự biến đổi trong từng loại quân chủng và binh chủng.

- Các đồng chí từ thủ đô về các đơn vị - I.V. Xta-lin nói tiếp – các chiến sĩ và cán bộ chỉ huy Hồng quân sẽ hỏi: tình hình hiện nay đang diễn ra như thế nào? Tại sao Pháp bị bại? Tại sao Anh bị thua mà Đức thì thắng? Có thực quân đội Đức là vô địch không? Tư tưởng quân sự của quân đội Đức đang phát triển. Quân đội chúng được vũ trang bằng kỹ thuật tối tân, được huấn luyện về các phương thức mới tiến hành chiến tranh, có nhiều kinh nghiệm. Sự thật là Đức có quân đội mạnh về mặt kỹ thuật cũng như về mặt tổ chức, những người Đức quan niệm một cách vô ích rằng quân đội của họ là quân đội lý tưởng, vô địch. Không có những quân đội vô địch. Đức sẽ không thể có được thắng lợi dưới những khẩu hiệu “chiến tranh xâm lược”, “ăn cướp”, dưới những khẩu hiệu “chinh phục các nước khác”, “khuất phục các dân tộc và các nước khác”.

Đề cập tới những nguyên nhân thắng lợi về quân sự của Đức ở

châu Âu, I.V. Xta-lin nói rằng, quân đội ở một số nước không được quan tâm đúng mức, không được ủng hộ về mặt tinh thần. Đó là yếu tố mới làm tan rã quân đội. Quân nhân bắt đầu bị khinh rẻ. Quân đội cần được nhân dân và chính phủ đặc biệt quan tâm và yêu mến, đó là sức mạnh tinh thần hết sức to lớn của quân đội. Cần phải coi trọng quân đội.

Trường quân sự có trách nhiệm và có thể tiến hành huấn luyện các cán bộ chỉ huy trên cơ sở sử dụng kỹ thuật mới, sử dụng rộng rãi kinh nghiệm của chiến tranh hiện đại. Sau khi vắn tắt đề ra những nhiệm vụ cho pháo binh, bộ đội xe tăng, không quân, kỵ binh, bộ đội liên lạc, bộ binh trong chiến tranh, I.V. Xta-lin nhấn mạnh rằng cần phải cải tiến công tác tuyên truyền, thông tin, báo chí của chúng ta. Để chuẩn bị đối phó với chiến tranh không những cần phải có quân đội hiện đại, mà cần phải chuẩn bị về mặt chính trị.

Như vậy là, chúng ta có thể rút ra kết luận gì từ các tình hình trên đây? Cần đánh giá như thế nào đối với những gì đã làm được trước chiến tranh, những gì mà chúng ta định làm trong thời gian sắp tới và những gì chúng ta không kịp làm hoặc không làm được trong việc củng cố khả năng phòng thủ của Tổ quốc chúng ta? Ngày nay, sau khi tất cả mọi việc đã đi vào quá khứ, khi đánh giá tình hình, chúng ta phải suy xét một cách có phê phán về những điều đã qua, đồng thời phải đặt mình vào thời gian sát

trước cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại.

Tôi suy nghĩ nhiều về tất cả những điều đó và đi tới ý kiến như sau:

Tôi nghĩ rằng, công việc phòng thủ đất nước trên các điểm chủ yếu và phương hướng cơ bản, đã được tiến hành một cách đúng đắn. Suốt trong nhiều năm, về mặt kinh tế và xã hội, chúng ta đã làm tất cả hoặc gần như tất cả những gì có thể làm được. Còn đối với thời kỳ từ năm 1939 đến giữa năm 1941, thì trong thời gian này nhân dân ta và Đảng ta đã có những cố gắng đặc biệt, đã đưa tất cả sức lực và phương tiện ra để củng cố quốc phòng.

Công nghiệp phát triển, chế độ nông trang tập thể, toàn dân biết chữ, sự thống nhất giữa các dân tộc, sức mạnh của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần yêu nước rất cao của nhân dân, sự lãnh đạo của Đảng sẵn sàng kết hợp tiền tuyến với hậu phương - đó là cơ sở tuyệt diệu của khả năng phòng thủ đất nước vĩ đại của chúng ta, là nguyên nhân thứ nhất của thắng lợi lớn lao mà chúng ta đã giành được trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát-xít. Mặc dù có những khó khăn và thiệt hại to lớn trong 4 năm chiến tranh, nền công nghiệp của Liên Xô đã sản xuất một số lượng hết sức lớn các loại vũ khí - gần 49 vạn cỗ pháo và súng cối, hơn 10,2 vạn xe tăng và pháo tự hành, hơn 13,7 vạn máy bay chiến đấu, điều đó nói lên rằng, cơ sở của nền kinh tế, đứng về quan điểm quân sự, quốc phòng, đã được xây dựng một

cách đúng đắn và vững chắc.

Sau khi đã một lần nữa suy xét về quá trình xây dựng các lực lượng vũ trang của Liên Xô bắt đầu từ thời gian nội chiến, tôi cũng phải nói rằng, trong vấn đề này, về cơ bản chúng ta cũng đã đi con đường đúng. Nền lý luận quân sự xô-viết, những nguyên lý giáo dục và huấn luyện bộ đội, việc trang bị cho quân đội và hải quân, việc đào tạo cán bộ chỉ huy, cơ cấu và tổ chức của các lực lượng vũ trang đã không ngừng được hoàn thiện theo những phương hướng cần thiết. Đạo đức và tinh thần chiến đấu, ý thức giác ngộ và sự trưởng thành về chính trị của quân đội luôn luôn ở một trình độ rất cao.

Tất nhiên, nếu như có thể đi lại cả con đường đó, thì cũng có thể có gì đó cần phải bỏ, không làm. Nhưng bây giờ thì tôi không thể nêu lên được một phương hướng lớn có tính nguyên tắc nào trong việc xây dựng các lực lượng vũ trang của ta mà cần phải xóa đi, vứt bỏ, thay đổi. Còn thời kỳ từ năm 1939 đến giữa năm 1941 thì nói chung, được đánh dấu bằng những biến đổi mà lẽ ra sau đó hai ba năm đã có thể làm cho nhân dân Liên Xô có được một quân đội tuyệt vời

Đối với những nhân tố chủ yếu, cơ bản - và đó chính là những nhân tố cuối cùng quyết định vận mệnh của đất nước trong chiến tranh, những nhân tố quyết định thắng hay bại - thì Đảng và Nhà nước đã chuẩn bị đủ cho việc phòng thủ Tổ quốc.

Tôi nói lên điều này không phải là để rút phần trách nhiệm của mình đối với những sơ suất trong thời kỳ đó. Nhân đây cần nói là bất kỳ người nào biết suy nghĩ chín chắn cũng hiểu rằng, ngay ở vị trí chức vụ cao như Tổng tham mưu trưởng Hồng quân, cũng không thể làm được tất cả mọi việc trong vòng bốn tháng rưỡi. Về một số khuyết điểm của mình tôi đã nói tới, về những khuyết điểm khác tôi sẽ nói sau. Điều quan trọng đối với tôi là giúp cho việc miêu tả tình hình thật đúng với thực tế.

Lịch sử quả là dành cho chúng ta quá ít thời gian hòa bình để có thể xếp đặt mọi việc vào đúng vị trí của nó. Chúng ta bắt đầu làm đúng nhiều việc và chưa kịp làm xong nhiều việc. Chúng ta đã tính sai thời gian có thể nổ ra cuộc tiến công của Đức phát-xít, và đó là nguyên nhân đưa đến những sơ suất trong việc chuẩn bị chống lại những trận đánh đầu tiên.

Những nhân tố tích cực mà tôi đã nói tới, đã phát huy tác dụng liên tục, phát triển ngày càng rộng hơn và mạnh mẽ hơn, trong suốt cuộc chiến tranh từ ngày đầu tiên đến ngày cuối cùng, và đã tạo điều kiện cho thắng lợi. Nhân tố tiêu cực - tính sai thời gian - đã gây tác động, rồi dần dần giảm đi, nhưng đã hết sức làm tăng ưu thế khách quan của quân thù, bổ sung ưu thế tạm thời cho chúng và do đó đã gây nên tình hình nặng nề cho chúng ta trong thời gian đầu chiến tranh.

Năm 1940, Đảng và Chính phủ đã thông qua một loạt những

biện pháp bổ sung để tăng cường quốc phòng. Song, khả năng kinh tế đã không cho phép trong thời gian ngắn đến như thế có thể thực hiện được trọn bộ những biện pháp đã định về mặt tổ chức và các mặt khác đối với lực lượng vũ trang. Chiến tranh đã đến vào lúc đất nước đang trong giai đoạn cải tổ, vũ trang lại và huấn luyện lại các lực lượng vũ trang, đang xây dựng những lực lượng hậu bị cần được động viên và các lực lượng dự trữ của Nhà nước. Vì không định gây ra chiến tranh và mong cố tránh nó, nhân dân Liên Xô đã dành mọi sức lực vào việc thực hiện các kế hoạch kinh tế hòa bình.

Trong tình hình. nguy cơ chiến tranh đã chín muồi, chúng tôi, các cán bộ quân sự, có lẽ đã không làm tất cả những gì có thể làm, để I.V. Xta-lin thấy rõ là chiến tranh rất gần rồi và để chúng minh sự cần thiết phải thực hiện những biện pháp cấp bách mà các kế hoạch tác chiến và động viên đã đề ra.

Tất nhiên, những biện pháp đó có thể không đảm bảo được thắng lợi hoàn toàn trong việc chống lại cuộc tiến công của quân địch, bởi vì lực lượng đôi bên quá chênh lệch. Nhưng có thể là quân đội ta sẽ bước vào chiến đấu một cách có tổ chức hơn, và, do đó, gây cho địch những tổn thất lớn hơn nhiều nữa. Các trận phòng ngự có kết quả của các đơn vị ở các vùng Vla-di-mia - Vô-lun-xơ, Ra-va - Rút-xcai-a, Pê-rê-mur-sơ và trên các trận địa của Phương diện quân miền Nam đã chứng tỏ điều đó.

Hiện nay, có nhiều giả thiết về vấn đề chúng ta đã biết hay không biết chính xác ngày chiến tranh nổ ra và kế hoạch chiến tranh của Đức.

Tôi không thể nói một cách chính xác rằng I.V. Xta-lin có được báo cáo đúng không, có thực là I.V. Xta-lin đã được báo cáo về ngày nổ ra chiến tranh không. Những báo cáo quan trọng loại này, I.V. Xta-lin có thể đã nhận được riêng, và không cho tôi biết.

Thực ra có một hôm, I.V. Xta-lin nói với tôi:

- Có một người báo cáo với chúng ta những tin rất quan trọng về ý đồ của chính phủ Hít-le nhưng chúng ta có phản nghi hoặc... Có thể đây là R. Doóc-ghe, người mà sau chiến tranh tôi mới được biết.

Liệu cơ quan lãnh đạo quân sự có thể tự mình và kịp thời phát hiện ra việc quân địch tiến vào những vùng xuất phát tiến công của chúng và từ đó bắt đầu cuộc tiến công vào ngày 22-6 không? Trong những điều kiện hồi ấy, rất khó làm được việc đó.

Thêm nữa, qua các bản đồ và tài liệu sau này chiếm được của địch, chúng ta biết rằng bộ chỉ huy quân Đức mãi đến giờ phút cuối cùng mới tập trung quân ở biên giới, còn bộ đội xe tăng thiết giáp của chúng đóng ở khá xa, mãi đến rạng sáng ngày 22-6 mới được đưa vào các vùng xuất phát.

Tiếc là, ngay từ những tin đã có, không phải lúc nào cũng rút ra

được những kết luận đúng để có thể dứt khoát và rõ ràng giúp cho cơ quan lãnh đạo tối cao định phương hướng hành động. Dưới đây là một số tài liệu trong kho lưu trữ của quân đội, có liên quan tới điều đó

Ngày 20-3-1941, Cục trưởng Cục tình báo, tướng Ph.I. Gô-li-cốp đưa lên cơ quan lãnh đạo bản báo cáo về những tin đặc biệt quan trọng. Trong tài liệu này có nêu những phương án về các hướng tiến công có thể có của quân Đức phát-xít khi chúng đánh vào Liên Xô.

Về sau này tôi thấy rõ những phương án đó đã phản ánh đúng quá trình bọn Hít-le nghiên cứu kế hoạch “Bác-ba-rô-xơ”, và một trong những phương án đã phản ánh đúng thực chất của kế hoạch này. Trong bản báo cáo có nói: “trong số những hoạt động quân sự có thể diễn ra nhất nhằm chống Liên Xô, đáng chú ý những điều dưới đây:

Phương án số 3 theo tài liệu... tháng 2-1941: “... để tiến công Liên Xô, - trong báo cáo viết - đã thành lập ba cụm tập đoàn quân: cụm thứ nhất do chuẩn thống chế Bốc chỉ huy đánh vào hướng Pê-trô-grát; cụm thứ hai do chuẩn thống chế Run-stét chỉ huy đánh vào hướng Mát-xcơ-va và cụm thứ ba do chuẩn thống chế Lê-ép chỉ huy đánh vào hướng Ki-ép. Mở màn cuộc tiến công vào Liên Xô được phác định vào ngày 20-5.

Theo báo cáo ngày 14-3 của tùy viên quân sự của ta, - trong báo

cáo nói tiếp, - một thiếu tá Đức đã tuyên bố: chúng ta thay đổi hoàn toàn kế hoạch của chúng ta. Chúng ta tiến sang phía đông, vào Liên Xô. Chúng ta sẽ lấy của Liên Xô lúa mì, than, dầu lửa. Khi đó chúng ta sẽ là vô địch và có thể tiếp tục chiến tranh với Anh và Mỹ...”

Cuối cùng, trong tài liệu này, dựa vào tin của tùy viên quân sự ở Béc-lanh, có nói rằng: “Khởi đầu chiến sự chống Liên Xô sẽ vào khoảng từ ngày 15-5 đến ngày 15-5 năm 1941”.

Song những kết luận rút ra từ các tin đã nêu trong bản báo cáo, về thực chất, lại đã gạt bỏ toàn bộ ý nghĩa của những tin đó. Cuối bản báo cáo của mình, tướng Ph.I. Gô-li-cốp viết:

“1 - Trên cơ sở tất cả những điều và những phương án hành động có thể diễn ra mùa xuân năm nay đã trình bày ở trên, tôi cho rằng, thời gian bắt đầu hành động chống Liên Xô có khả năng chính xác nhất là sau khi đã thắng Anh hoặc đã ký với Anh một hòa ước vinh dự cho Đức.

2 - Tin đồn và những tài liệu nói về cuộc chiến tranh chống Liên Xô tất nhiên sẽ xảy ra vào mùa xuân năm nay cần được coi như là sự đưa tin đánh lừa, do cơ quan tình báo Anh và thậm chí, có thể, do cơ quan tình báo đức tung ra”.

Ngày 6-5-1941, Ủy viên nhân dân hải quân, đô đốc N.G. Cu-dơ-nét-xốp viết thư gửi I.V. Xta-lin: “Tùy viên hải quân ở Béc-lanh, đại tá hải quân Vô-rôn-xốp báo cáo: ... rằng, theo lời một sĩ quan

Đức ở trong tổng hành dinh của Hít-le, quân Đức chuẩn bị đến ngày 14-5 xâm nhập vào Liên Xô qua Phần Lan, Pri-ban-tích và Ru-ma-ni. Đồng thời chúng dự định tiến công mạnh bằng không quân vào Mát-xcơ-va và Lê-nin-grát và đổ quân nhảy dù xuống các trung tâm sát biên giới”

Những tin tức nói trong tài liệu này cũng có giá trị đặc biệt. Song những kết luận do đô đốc N.G. Cu-dơ-nét-xốp đề ra với cơ quan lãnh đạo đã không phù hợp với những sự việc do chính đô đốc nêu lên.

“Tôi cho rằng, - trong thư viết, - những tin tức này là những tin tức giả và đặc biệt là chúng tung ra để xem Liên Xô sẽ phản ứng đối với việc đó như thế nào”.

Tình hình căng thẳng đã tăng thêm. Và nguy cơ chiến tranh càng tới gần thì ban lãnh đạo Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng càng làm việc khẩn trương. Các cán bộ lãnh đạo Bộ ủy viên nhân dân quốc phòng và Bộ Tổng tham mưu, đặc biệt là nguyên soái X.K Ti-mô-sen-cô, trong thời gian này làm việc 18 - 19 tiếng đồng hồ một ngày. Thường thường đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng ở lại phòng làm việc của mình cho tới sáng.

Ngày 13-6, X.K. Ti-mô-sen-cô, với sự có mặt của tôi, đã gọi đây nói tới I.V. Xta-lin và đề nghị cho phép ra lệnh chuyển bộ đội các quân khu gần biên giới vào tư thế sẵn sàng chiến đấu và triển khai các đơn vị tuyển một theo kế hoạch bảo vệ.

- Chúng tôi sẽ suy nghĩ - I.V. Xta-lin trả lời.

Ngày hôm sau, chúng tôi lại tới I.V. Xta-lin để báo cáo về tình hình đáng lo ngại ở các quân khu và về sự cần thiết phải ra lệnh chuyển quân đội vào tư thế hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu.

- Các đồng chí đề nghị ra lệnh động viên ở trong nước, báo động quân đội ngay và điều quân đội tới biên giới phía tây? Như thế là chiến tranh rồi! Cả hai đồng chí có hiểu điều đó hay là không?

Tuy thế, sau đó I.V. Xta-lin vẫn hỏi:

- Chúng ta có bao nhiêu sư đoàn đóng ở các Quân khu Pri-ban-tích, miền Tây, Ki-ép và Ô-đét-xa?

Chúng tôi báo cáo rằng, tính đến ngày 1 tháng Sáu ở 4 quân khu gần biên giới phía tây có tất cả 149 sư đoàn và 1 lữ đoàn bộ binh độc lập. Trong số đó:

Quân khu Pri-ban-tích có 19 sư đoàn bộ binh, 4 sư đoàn xe tăng, 2 sư đoàn cơ giới, 1 lữ đoàn độc lập;

Quân khu miền Tây - 24 sư đoàn bộ binh, 12 sư đoàn xe tăng, 6 sư đoàn cơ giới, 2 sư đoàn kỵ binh;

Quân khu Ki-ép - 32 sư đoàn bộ binh, 16 sư đoàn xe tăng, 8 sư đoàn cơ giới, 2 sư đoàn kỵ binh;

Quân khu Ô-đét-xa - 13 sư đoàn bộ binh, 4 sư đoàn xe tăng, 2 sư đoàn cơ giới, 3 sư đoàn kỵ binh.

- Như vậy chẳng lẽ còn ít sao? Theo tài liệu của chúng ta, bọn Đức không có số quân đến như thế - I.V. Xta-lin nói.

Tôi báo cáo rằng, theo tin tình báo, các sư đoàn Đức được kiện toàn và vũ trang theo biên chế thời chiến. Quân số sư đoàn có từ 15.000 đến 16.000 người. Còn các sư đoàn của chúng ta thậm chí với quân số 8.000 người một sư đoàn, thực tế vẫn yếu hơn các sư đoàn Đức tới hai lần.

I.V. Xta-lin nói:

- Không thể tin ở tình báo trong tất cả mọi việc.

Trong khi I.V. Xta-lin đang nói chuyện với chúng tôi thì A.N. Pô-xcơ-rê-bu-sép, thư ký của I.V. Xta-lin bước vào phòng và báo cáo là N.X. Khor-rút-xốp từ Ki-ép gọi đây nói tới. I.V. Xta-lin cảm máy nói. Qua những câu trả lời, chúng tôi hiểu là cuộc nói chuyện về nông nghiệp.

- Tốt - I.V. Xta-lin nói.

Chắc là N.X. Khor-rút-xốp báo cáo, trong màu sắc rực rỡ, về triển vọng tốt của vụ mùa...

Chúng tôi từ Crem-lanh ra về trong lòng nặng trĩu.

Tôi muốn đi bộ một lúc. Lòng tôi không được vui. Trong vườn hoa A-lếch-xan-đơ cạnh Crem-lanh, trẻ em đang nhón nhơ chơi đùa. Tôi cũng nhớ đến các con gái tôi và tự dưng cảm thấy đặc biệt sâu sắc rằng, tất cả chúng ta đang gánh vác trách nhiệm lớn lao như thế nào đối với các trẻ em, đối với tương lai của chúng, đối với toàn thể đất nước...

Mỗi một thời hòa bình có những đặc điểm của nó, màu sắc của

nó, cái tuyệt vời của nó. Nhưng tôi muốn nói những điều tốt đẹp về thời gian trước chiến tranh. Nó nổi bật ở tinh thần phấn khởi, lạc quan có một không hai, rất đặc biệt, phấn chấn như thế nào đó và đồng thời sốt sắng, giản dị và chân thật trong cách đối xử với nhau. Chúng ta đã bắt đầu sống một cách tốt đẹp, rất tốt đẹp! Vài nhà kinh tế, nhà triết học hoặc nhà văn nào sẽ có thể miêu tả được một cách xác thực việc, nếu như chiến tranh không cắt quãng còn đường xây dựng, phát triển rộng lớn, hòa bình và mạnh mẽ của những năm đó thì ngày nay đất nước ta đã phồn vinh như thế nào, chúng ta đã vượt lên phía trước xa đến như thế nào...

Tôi đã nói về những biện pháp gì đã được áp dụng để không tạo nên cơ cho Đức gây ra xung đột quân sự. Ủy viên nhân dân quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu và các tư lệnh các quân khu gần biên giới đã được báo trước rằng họ phải chịu trách nhiệm riêng đối với những hậu quả có thể xảy ra do những hành động không thận trọng của quân đội chúng ta. Chúng tôi nhất thiết không được điều quân đội ra tiền duyên theo kế hoạch bảo vệ, nếu không được phép của I.V. Xta-lin.

Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô đã dặn các tư lệnh quân khu phải tiến hành các cuộc huấn luyện chiến thuật của các binh đoàn ở ngay cạnh biên giới quốc gia để có thể đưa quân tới gần các khu vực triển khai đội hình theo kế hoạch bảo

vệ. Lời dặn này của đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng đã được các quân khu thực hiện, song, có một điều cần lưu ý: một phần lớn pháo binh không tham gia vào hành quân.

Vấn đề là pháo binh thuộc các sư đoàn, quân đoàn và pháo cao xạ hồi đầu năm 1941 còn chưa qua các cuộc bắn tập và chưa được huấn luyện đầy đủ cho nên chưa chiến đấu được. Vì vậy, tư lệnh các quân khu đã quyết định đưa một phần pháo binh đi bắn tập ở các thao trường. Do đó, một số quân đoàn và sư đoàn bảo vệ biên giới, khi phát-xít Đức tiến công, đã ở trong tình trạng thiếu một phần đáng kể pháo binh của mình.

Tối 21-6 tham mưu trưởng quân khu Ki-ép – trung tướng M.A. Puốc-ca-ép gọi đây nói cho tôi và báo cáo rằng một lính Đức chạy sang gặp quân biên phòng của ta, tên này đã quả quyết rằng quân Đức đang tới các địa điểm xuất phát tiến công, cuộc tiến công sẽ bắt đầu vào sáng 22-6.

Tôi lập tức báo cáo với Ủy viên nhân dân quốc phòng và I.V. Xta-lin những điều mà M.A. Puốc-ca-ép báo cáo. I.V. Xta-lin nói:

- Mời đồng chí cùng với đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng tới Crem-lanh.

Mang theo bản dự thảo mệnh lệnh cho quân đội, tôi cùng với Ủy viên nhân dân quốc phòng và trung tướng N.Ph. Va-tu-tin đi vào Crem-lanh. Dọc đường chúng tôi nhất trí với nhau dù thế nào

cũng phải đề nghị bằng được quyết định ra lệnh cho quân đội sẵn sàng chiến đấu.

I.V. Xta-lin một mình đón chúng tôi. I.V. Xta-lin rất tự lự.

- Liệu có thể là bọn tướng Đức tung người chạy sang để khiêu khích gây ra xung đột không? - I.V. Xta-lin hỏi.

- Không. - X.K. Ti-mô-sen-cô trả lời - chúng tôi cho rằng người chạy sang đó nói đúng sự thật.

Lúc này các ủy viên Bộ chính trị bước vào phòng làm việc của

I.V. Xta-lin.

- Chúng ta sẽ làm gì? - I.V. Xta-lin hỏi.

Không có câu trả lời tiếp theo.

- Cần phải ngay tức khắc ra lệnh chuyển tất cả các đơn vị các quân khu gần biên giới vào tư thế triệt để sẵn sàng chiến đấu - Ủy viên nhân dân quốc phòng nói.

- Các đồng chí đọc xem! - I.V. Xta-lin trả lời.

Tôi đọc bản dự thảo mệnh lệnh. I.V. Xta-lin nói:

- Bây giờ ra mệnh lệnh đó còn sớm, vấn đề còn có thể giải quyết được bằng con đường hòa bình. Cần phải ra mệnh lệnh khẩn cấp, trong đó nói rằng, cuộc tiến công có thể nổ ra do hành động khiêu khích của các đơn vị quân Đức. Bộ đội các quân khu gần biên giới không được rơi vào bất kỳ sự khiêu khích nào để khỏi gây ra những rắc rối.

Không để mất thời gian, tôi và N.Ph. Va-tu-tin đi sang phòng

bên và nhanh chóng dự thảo chỉ thị của Ủy viên nhân dân quốc phòng.

Trở lại phòng làm việc, chúng tôi đề nghị được phép báo cáo.

I.V. Xta-lin, sau khi nghe bản dự thảo và tự mình đọc lại một lần nữa, sửa chữa một số điểm và chuyển bản chỉ thị đó cho Ủy viên nhân dân quốc phòng ký.

Do tầm quan trọng đặc biệt của nó tôi xin đưa ra đây toàn văn bản chỉ thị.

“Gửi các Hội đồng quân sự Quân khu Lê-nin-grát, Quân khu đặc biệt Pri-ban-tích, Quân khu đặc biệt miền Tây, Quân khu đặc biệt Ki-ép, Quân khu Ô-đét-xa.

Sao gửi: Ủy viên nhân dân hải quân.

1. Trong thời gian 22 - 23 tháng 6 năm 1941 có thể xảy ra cuộc tiến công bất ngờ của quân Đức tại các mặt trận thuộc các Quân khu Lê-nin-grát, Pri-ban-tích, miền Tây, Ki-ép, Ô-đét-xa. Cuộc tấn công có thể nổ ra do hành động khiêu khích.
2. Nhiệm vụ của quân ta: không được rơi vào bất kỳ sự khiêu khích nào có thể gây ra những sự rắc rối lớn. Đồng thời Quân đội các Quân khu Lê-nin-grát, Pri-ban-tích, miền Tây, Ki-ép và Ô-đét-xa phải hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng đối phó với sự tiến công bất ngờ có thể xảy ra của quân Đức hoặc quân các đồng minh của chúng.
3. Tôi ra lệnh:

- a) Trong đêm 21 rạng ngày 22 tháng 6 năm 1941, bí mật chiếm lĩnh các hỏa điểm các khu phòng thủ vững chắc ở biên giới quốc gia;
- b) Trước rạng ngày 22 tháng 6 năm 1941, phân tán toàn bộ không quân kể cả không quân trực thuộc ra các sân bay dã chiến, nguy trang chu đáo;
- c) Tất cả các đơn vị sẵn sàng chiến đấu. Bộ đội phải đóng phân tán và nguy trang;
- d) Bộ đội phòng không sẵn sàng chiến đấu, không cần huy động thêm quân số dự phòng. Chuẩn bị mọi biện pháp để nguy trang ánh sáng của các thành phố và các mục tiêu;
- e) Không có lệnh đặc biệt không được tiến hành bất kỳ biện pháp nào khác.

Ti-mô-sen-cô. Giu-cốp.

Ngày 21 tháng 6 năm 1941”.

N.Ph. Va-tu-tin mang chỉ thị này đi ngay về Bộ tổng tham mưu để lập tức truyền đi các quân khu. Việc truyền chỉ thị này tới các quân khu được làm xong vào lúc 0 giờ 30 phút ngày 22-6-1941.

Bản sao chỉ thị đã được chuyển tới Ủy viên nhân dân hải quân.

Với tâm trạng lạ lùng, bàng hoàng khó tả, tôi và X.K. Ti-mô-sen-cô từ chỗ I.V. Xta-lin ra về.

Một mặt, dường như đã làm tất cả những gì phụ thuộc vào chúng tôi để đối phó một cách có chuẩn bị tới mức tối đa với nguy cơ

chiến tranh đang đến gần: nhiều biện pháp lớn về mặt tổ chức theo kế hoạch tác chiến - động viên đã được tiến hành; các quân khu phía tây là những quân khu đầu tiên sẽ phải đánh nhau với quân thù, đã được củng cố theo mức có thể làm được; sau nữa, hôm nay đã được phép chỉ thị cho quân đội các quân khu gần biên giới sẵn sàng chiến đấu.

Nhưng, mặt khác, sáng ngày mai quân Đức có thể tiến công, mà nhiều biện pháp quan trọng của chúng ta vẫn chưa được hoàn thành. Và điều đó có thể làm cho cuộc chiến đấu với một quân thù có kinh nghiệm và mạnh sẽ phức tạp thêm nhiều. Chỉ thị, mà lúc này Bộ Tổng tham mưu truyền đi các quân khu, có thể bị chậm.

Trời tối đã lâu. Ngày 21 tháng 6 đang hết. Tôi và X.K. Ti-mô-sen-cô im lặng đi về tới cổng Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng, nhưng tôi cảm thấy rằng cũng những điều lo âu đó đang thu hút mọi suy nghĩ của Ủy viên nhân dân quốc phòng. Bước xuống xe hơi, chúng tôi thỏa thuận mười phút nữa sẽ gặp nhau tại phòng làm việc của đồng chí.

[1] Trong nhiều tài liệu, sách và các bài báo có tính chất hồi ký đã nêu lên những sự đánh giá khác nhau về công tác của tôi trong

những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại. Đối với những lời tốt đẹp, tôi xin chân thành cảm ơn các tác giả. Về những thiếu sót và sai lầm của mình, mà tôi mắc phải, cũng như mỗi người, tôi sẽ nói trong cuốn này. Còn về những lời phê phán, đặc biệt là có tính chất cảm tính chung chung, thì tôi đã định không tranh luận, nếu như những lời phê phán đó không liên quan đến những vấn đề chung, mà nhận định sai về những vấn đề đó có thể có hại cho chân lý.

[2] tức là Bê-lô-ru-xi - ND

[3] “Ghi chép của trưởng phòng tác chiến”. I.Kh. Ba-gra-mi-an

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 10

CHIẾN TRANH BẮT ĐẦU

ĐÊM 21 rạng 22 tháng 6 năm 1941, tất cả các cán bộ Bộ Tổng tham mưu và Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng được lệnh ở lại nơi làm việc. Cần cấp tốc truyền tới các quân khu chỉ thị chuyển bộ đội đóng gần biên giới sang tư thế sẵn sàng chiến đấu. Lúc này tôi và Ủy viên nhân dân quốc phòng liên tiếp nói chuyện với tư lệnh và tham mưu trưởng các quân khu, các đồng chí đó cho chúng tôi biết, có nhiều tiếng động mỗi lúc một tăng ở phía bên kia biên giới. Các tin này do các chiến sĩ biên phòng và các đơn vị bảo vệ tiền tiêu báo cáo về.

Khoảng 12 giờ đêm ngày 21-6, tư lệnh Quân khu Ki-ép M.P. Kiéc-pô-nô-xơ tại sở chỉ huy ở Téc-nô-pôn báo cáo, ngoài người lính Đức chạy sang mà tướng M.A. Puốc-ca-ép đã báo cáo, có thêm một lính Đức nữa thuộc trung đoàn bộ binh 222, sư đoàn bộ binh 74, chạy sang ta. Người này bơi qua một con sông nhỏ, tìm tới các chiến sĩ biên phòng và nói rằng, quân đội Đức sẽ tiến

công vào 4 giờ sáng. M.P. Kiéc-pô-nô-xơ được lệnh khẩn cấp đưa quân đội vào tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Mọi việc đều chứng tỏ rằng quân Đức đang tiến gần hơn đến biên giới. Chúng tôi báo cáo tình hình đó với I.V. Xta-lin vào lúc 0 giờ 30 phút đêm. I.V. Xta-lin hỏi, chỉ thị cho các quân khu đã truyền đi chưa. Tôi trả lời là đã.

Sau khi I.V. Xta-lin tạ thế, đã xuất hiện những giả thuyết rằng, trong đêm 21 rạng 22 tháng 6, một số tư lệnh cùng với bộ tham mưu của họ nằm ngủ ngon lành hoặc bình thản vui chơi coi như không có điều gì đáng lo ngại cả. Điều đó không đúng với sự thật Đêm hòa bình cuối cùng hoàn toàn khác hẳn. Như tôi đã nói, Ủy viên nhân dân quốc phòng và tôi, khi từ Crem-lanh trở về, đã nói chuyện nhiều lần với các tư lệnh quân khu - Ph.I. Cu-dơ-nét-xốp, Đ.G. Páp-lốp. M.P. Kiéc-pô-nô-xơ và các tham mưu trưởng các quân khu đó, các đồng chí này đều có mặt ở các sở chỉ huy của mình.

Lúc gần sáng 22-6, Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô, N.Ph. Va-tu-tin và tôi đều có mặt tại phòng làm việc của Ủy viên nhân dân quốc phòng.

Hồi 3 giờ 17 phút, tư lệnh Hạm đội Biển Đen, đô đốc Ph.X. Óc-chi-a-brơ-xki gọi dây nói cho tôi, báo: “Hệ thống cảnh giới của hạm đội báo cáo, ở phía bên kia biển có một số lớn máy bay không rõ của nước nào đang tiến tới gần, hạm đội hiện ở trong tư

thể hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu. Tôi chờ lệnh”.

Tôi hỏi đô đốc:

- Quyết tâm của đồng chí thế nào?
- Chỉ có một quyết tâm: đón các máy bay đó bằng hỏa lực phòng không của hạm đội.

Sau khi bàn với X.K. Ti-mô-sen-cô, tôi trả lời Ph.X. Óc-chi-a-brơ-xki:

- Đồng chí cứ xử trí đi và báo cáo với đồng chí Ủy viên nhân dân hải quân.

Lúc 3 giờ 30 phút, tham mưu trưởng Quân khu miền Tây, tướng V.E. Cli-mốp-xkích báo cáo, không quân Đức tấn công các thành phố thuộc Bê-lô-ru-xi. Ba phút sau, tham mưu trưởng Quân khu Ki-ép, tướng M.A. Puốc-ca-ép báo cáo, máy bay Đức tấn công các thành phố biên giới U-crai-na. Lúc 3 giờ 40 phút, tư lệnh Quân khu Pri-ban-tích, tướng Ph.I. Cu-dơ-nét-xốp gọi đây nói báo cáo, không quân địch tấn công Cau-na-xơ và các thành phố khác.

Ủy viên nhân dân quốc phòng chỉ thị cho tôi gọi đây nói tới I.V. Xta-lin. Tôi gọi. Không có ai trả lời. Tôi gọi liên tiếp. Cuối cùng tôi nghe thấy giọng ngái ngủ của tướng trực ban Cục bảo vệ. Tôi yêu cầu mời I.V. Xta-lin tới máy nói.

Ba phút sau I.V. Xta-lin tới máy.

Tôi báo cáo tình hình và đề nghị cho phép bắt đầu đánh trả. I.V.

Xta-lin im lặng. Tôi chỉ nghe thấy hơi thở của I.V. Xta-lin.

- Đồng chí hiểu tôi chứ ạ?

Lại im lặng.

Cuối cùng, I.V. Xta-lin hỏi:

- Ủy viên nhân dân quốc phòng đâu?

- Đồng chí Ủy viên nhân dân quốc phòng đang nói chuyện với Quân khu Ki-ép.

- Mời đồng chí cùng với Ti-mô-sen-cô tới Crem-lanh. Đồng chí báo Pô-xcơ-rê-bur-sép triệu tập tất cả các đồng chí ủy viên Bộ chính trị về họp.

Lúc 4 giờ, tôi lại nói chuyện với Ph.X. Óc-chi-a-brơ-xki. Ph.X.

Óc-chi-a-brơ-xki với giọng bình tĩnh, báo cáo:

- Cuộc tấn công của máy bay địch bị đánh lui. Âm mưu của địch đánh vào các tàu chiến ta bị đập tan. Nhưng trong thành phố có bị tàn phá.

Tôi muốn nêu lên rằng, Hạm đội Biển Đen do đô đốc Ph.X. Óc-chi-a-brơ-xki chỉ huy, là một trong số những đơn vị đầu tiên của ta đã đối phó một cách có tổ chức chống lại cuộc tấn công của địch.

Lúc 4 giờ 10 phút, các Quân khu miền Tây và Pri-ban-tích báo cáo, quân Đức bắt đầu đánh vào các khu vực đất liền thuộc quân khu.

Lúc 4 giờ 30 phút sáng, tất cả các ủy viên Bộ chính trị được triệu

tập đã tới đủ. Ủy viên nhân dân quốc phòng và tôi được mời vào phòng làm việc.

I.V. Xta-lin sắc mặt tái nhợt ngồi bên bàn, tay cầm tẩu thuốc lá nhét đầy thuốc. I.V. Xta-lin nói:

- Cần phải gọi ngay điện thoại tới đại sứ quán Đức.

Ở đại sứ quán trả lời rằng đại sứ Đức, bá tước Su-len-bua đề nghị được gặp để thông báo khẩn cấp.

V M. Mô-lô-tốp được giao trách nhiệm gặp đại sứ Đức.

Lúc này Phó Tổng tham mưu trưởng thứ nhất, tướng N.Ph Vatu-tin báo tin rằng, bộ binh Đức tại nhiều địa điểm trên các hướng tây-bắc và tây đã chuyển sang tấn công, sau khi cho pháo binh bắn mãnh liệt.

Một lúc sau V.M. Mô-lô-tốp bước nhanh vào phòng.

- Chính phủ Đức tuyên chiến với chúng ta.

I.V. Xta-lin ngồi xuống ghế và đắm chiêu suy nghĩ.

Im lặng kéo dài, nặng nề.

Tôi đánh bạo phá sự im lặng và đề nghị ngay tức khắc dùng tất cả các lực lượng hiện có ở các quân khu miền biên giới đánh lại các đơn vị quân địch đã xâm nhập và chặn bước tiến của chúng.

- Không phải là để chặn, mà là để tiêu diệt, - X.K. Ti-mô-sen-cô bổ sung.

- Các đồng khí thảo chỉ thị đi, - I.V. Xta-lin nói.

Lúc 7 giờ 15 phút ngày 22-6, chỉ thị số 2 của Ủy viên nhân dân

quốc phòng được truyền tới các quân khu. Nhưng theo tương quan lực lượng và tình hình đã diễn ra khi đó, rõ ràng là chỉ thị không sát với thực tế, và vì vậy đã không thực hiện được.

Một lúc sau chúng tôi được biết rằng, tảng sáng ngày 22-6, tại tất cả các quân khu gần biên giới phía tây, đường liên lạc dây với các đơn vị bị đứt nên các bộ tham mưu các quân khu và các tập đoàn quân đã không thể nhanh chóng truyền đi các mệnh lệnh của mình. Bọn gián điệp và các đội biệt kích phá hoại do Đức tung vào lãnh thổ ta, đã phá đường dây, giết các chiến sĩ liên lạc và định giết các cán bộ chỉ huy đi lại trong khi báo động. Như tôi đã nói, phần lớn các đơn vị quân đội các quân khu gần biên giới không có phương tiện liên lạc vô tuyến.

Các bộ tham mưu quân khu bắt đầu nhận được từ nhiều nguồn đủ các loại tin tức mâu thuẫn nhau, phần nhiều có tính chất khiêu khích.

Về phần mình, Bộ Tổng tham mưu không thể nhận được những tin tức chính xác của các bộ tham mưu quân khu và các đơn vị, và đương nhiên điều đó không thể không làm cho Bộ Tổng tư lệnh và Bộ Tổng tham mưu trong lúc nào đó gặp những khó khăn.

Đến 8 giờ ngày 22-6, Bộ Tổng tham mưu đã xác định được rằng:

- Máy bay ném bom địch đã đánh mạnh nhiều sân bay các Quân khu Bê-lô-ru-xi, Ki-ép và Pri-ban-tích, làm tổn hại nghiêm trọng,

trước nhất là bộ phận không quân chưa kịp cất cánh, phân tán về các sân bay dã chiến;

- Nhiều thành phố và các đoạn đường sắt ở Pri-ban-tích, Bê-lô-ru-xi, U-crai-na, các căn cứ hải quân ở Xê-va-xtô-pôn và Pri-ban-tích bị ném bom;

- Có nhiều trận đánh ác liệt với bộ binh Đức ở suốt dọc biên giới của ta ở phía tây. Tại nhiều nơi quân Đức đã đánh nhau với các đơn vị tiên tiêu của Hồng quân;

- Các đơn vị khinh binh thuộc tuyến một sau khi báo động, đã tham chiến trong hành tiến, không kịp chiếm các vị trí đã chuẩn bị;

- Các vùng thuộc Quân khu Lê-nin-grát hiện vẫn yên tĩnh, quân địch chưa hành động gì.

X.K. Ti-mô-sen-cô gọi đây nói tới I.V. Xta-lin đề nghị được phép tới Crem-lanh trình bày bản dự thảo sắc lệnh của Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao về việc động viên trong nước, đề án thành lập Bộ Tổng tư lệnh và nhiều vấn đề khác.

Đến 9 giờ, Ủy viên nhân dân quốc phòng và tôi tới Crem-lanh.

Nửa giờ sau, I.V. Xta-hn tiếp chúng tôi.

Sau khi nghe báo cáo tình hình, I V. Xta-lin nói:

- 12 giờ, V.M. Mô-lô-tốp sẽ phát biểu trên đài phát thanh.

Khi thông qua dự thảo sắc lệnh động viên, I.V. Xta-lin đã rút ngắn một số điều khoản do Bộ Tổng tham mưu đề nghị. Sau đó

dự thảo được giao cho A.N. Pô-xcơ-rê-bư-sép đưa lên Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao phê chuẩn. Sắc lệnh công bố lệnh, từ ngày 23-6 động viên nhập ngũ những người sinh các năm 1905 đến 1918 trên phạm vi 14 quân khu, tức là gần hết các quân khu chỉ trừ các quân khu Trung Á, Da-bai-can và Viễn Đông, đồng thời tuyên bố tình trạng chiến tranh ở phần châu Âu của đất nước. Tại đây tất cả các chức năng cơ quan chính quyền nhà nước về phòng thủ, bảo vệ trật tự xã hội và bảo đảm an ninh quốc gia đều được chuyển sang các cơ quan quân sự. Các cơ quan quân sự có quyền huy động nhân dân lao động, tất cả các phương tiện giao thông để phục vụ công việc phòng thủ và bảo vệ các mục tiêu quân sự và kinh tế quốc dân quan trọng nhất.

I.V. Xta-lin giữ lại bản dự án quyết định thành lập Bộ Tổng tư lệnh, nói rằng, để đưa ra Bộ chính trị thảo luận.

Ngày 23-6 được công bố thành phần Bộ Tổng tư lệnh, có sửa đổi ít nhiều so với đề nghị của chúng tôi. Ủy viên nhân dân quốc phòng không được thỏa thuận trước về những sửa đổi này, mà lẽ ra thì nên chấp nhận bản dự thảo của chúng tôi trong đó có đề nghị cử I.V. Xta-lin giữ chức Tổng tư lệnh.

Bởi vì theo thể thức hiện hành thì dù thế nào, nếu không có ý kiến của I.V. Xta-lin, Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô cũng không thể tự mình thông qua những quyết định quan trọng. Thành ra có hai vị Tổng tư lệnh: Ủy viên nhân dân X.K.

Ti-mô-sen-cô về pháp lý theo sắc lệnh, và I.V. Xta-lin - về thực tế. Điều đó khó cho công việc điều khiển quân đội và đương nhiên làm mất thêm thời gian trong khi ra các quyết định và mệnh lệnh. Chúng tôi cũng đề nghị trong thành phần Bộ Tổng tư lệnh có cả Phó Tổng tham mưu trưởng thứ nhất N. Ph. Va-tu-tin. I.V. Xta-lin không đồng ý.

Theo quyết định của Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng Ủy viên nhân dân Liên Xô, Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh được thành lập gồm có Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô (Chủ tịch), Tổng tham mưu trưởng, tướng G.K. Giu-cốp, I.V. Xta-lin, V M. Mô-lô-tốp, các nguyên soái K.E. Vô-rô-si-lốp và X.M. Bu-đi-on-nui, Ủy viên nhân dân hải quân, đô đốc N.G. Cu-dơ-nép-xốp.

Ngày 22-6, các Quân khu đặc biệt Pri-ban-tích, miền Tây và Ki-ép được tổ chức lại thành các Phương diện quân Tây-bắc, Tây và Tây-nam.

Khoảng 13 giờ ngày 22-6, I.V. Xta-lin gọi đây nói cho tôi và nói: - Các tư lệnh phương diện quân của chúng ta chưa có đủ kinh nghiệm lãnh đạo quân đội chiến đấu, do đó chắc là có phần lúng túng. Bộ Chính trị quyết định cử đồng chí tới Phương diện quân Tây-nam với tư cách là đại diện Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh. Chúng tôi sẽ cử nguyên soái Sa-pô-sni-cốp và nguyên soái Cu-lích tới Phương diện quân miền Tây. Tôi đã mời Sa-pô-sni-cốp

và Cu-lích tới gặp và đã ra chỉ thị. Đồng chí cần đi máy bay ngay tới Ki-ép rồi từ đó cùng với Khor-rút-xốp đến Bộ tư lệnh Phương diện quân ở Téc-nô-pôn.

Tôi hỏi:

- Vậy trong tình hình phức tạp hiện nay ai sẽ lãnh đạo Bộ Tổng tham mưu?

I.V. Xta-lin trả lời:

- Giao cho đồng chí Va-tu-tin thay.

Sau đó I.V. Xta-lin có phần hơi bức dọc, nói thêm:

- Đừng để mất thời gian, chúng tôi ở đây sẽ liệu thu xếp.

Tôi gọi dây nói về nhà bảo đừng chờ tôi, và khoảng 40 phút sau tôi đã ở trên không. Bây giờ tôi mới nhớ ra là chưa ăn gì từ hôm qua. Các phi công đã lo giúp tôi, mời tôi nước chè đặc và bánh mì có nhân.

Cuối ngày tôi mới tới Ki-ép, đến Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản U-crai-na, ở đây N.X. Khor-rút-xốp đã chờ tôi.

N.X. Khor-rút-xốp nói rằng, đi máy bay thêm nữa sẽ nguy hiểm.

Bọn phi công Đức sẵn các máy bay vận tải. Cần phải đi bằng ô-tô. Sau khi nhận được tin tức cuối cùng về tình hình do N.Ph.

Va-tu-tin thông báo, chúng tôi đi Téc-nô-pôn, tới sở chỉ huy của tư lệnh Phương diện quân Tây-nam, lúc đó là thượng tướng M.P. Kiéc-pô-nô-xơ.

Chúng tôi tới sở chỉ huy lúc đêm khuya, ngay lúc đó tôi nói

chuyện với N.Ph. Va-tu-tin theo đường liên lạc riêng.

Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vích Va-tu-tin cho tôi biết những việc như sau:

- Đến cuối ngày 22-6, mặc dù có những biện pháp tích cực Bộ Tổng tham mưu vẫn không thể nhận được từ các bộ tham mưu phương diện quân, tập đoàn quân và bộ đội phòng không tin tức chính xác về quân ta và quân địch, Những tin nói về chiều sâu xâm nhập của quân địch vào lãnh thổ nước ta khá trái ngược nhau. Không có những số liệu chính xác về những tổn thất trong không quân và quân trên bộ. Chỉ mới biết rằng không quân Quân khu miền Tây bị thiệt hại rất lớn. Bộ Tổng tham mưu và ủy viên nhân dân quốc phòng không thể liên lạc được với các tư lệnh phương diện quân, thượng tướng Ph.I. Cu-dơ-nét-xốp và đại tướng Đ.G. Páp-lốp, các đồng chí này xuống các đơn vị ở chỗ nào đó mà không báo cáo với Ủy viên nhân dân quốc phòng. Các bộ tham mưu phương diện quân không biết lúc này tư lệnh của họ ở đâu.

Theo tài liệu của cơ quan trinh sát không quân, các trận đánh đang diễn ra ở các khu phòng thủ vững chắc của ta và có nơi ở sâu 15 - 20 km trong lãnh thổ nước ta. Các bộ tham mưu phương diện quân cố bắt liên lạc trực tiếp với các đơn vị song không có kết quả bởi vì đa số các tập đoàn quân và các quân đoàn độc lập không có liên lạc đường dây cũng như không có liên lạc vô tuyến

với phương diện quân.

Tiếp đó, N.Ph. Va-tu-tin nói rằng, I.V Xta-lin đã thông qua dự thảo chỉ thị số 3 của Ủy viên nhân dân quốc phòng và bảo ghi chữ ký của tôi vào.

- Chỉ thị về việc gì vậy? - Tôi hỏi.

- Chỉ thị cho quân ta chuyển sang phản công với nhiệm vụ đánh tan quân địch tại các hướng chủ yếu nhất, thêm nữa, vượt sang lãnh thổ quân địch.

- Nhưng chúng ta còn chưa biết chính xác quân địch đánh ở đâu và dùng lực lượng như thế nào - tôi nói. - Tốt hơn là chờ đến sáng để xem xét rõ tình hình ở mặt trận ra sao rồi khi ấy sẽ có quyết định cần thiết.

- Tôi tán thành ý kiến của đồng chí, nhưng vấn đề đã được quyết định rồi.

- Được, - tôi nói, - đồng chí ghi chữ ký của tôi vào.

Gần 12 giờ đêm chỉ thị này được truyền tới tư lệnh Phương diện quân Tây-nam. Như tôi đã dự đoán, tham mưu trưởng phương diện quân M.A. Puốc-ca-ép tỏ vẻ rất không đồng ý với chỉ thị.

M.A. Puốc-ca-ép cho rằng phương diện quân không có lực lượng và phương tiện để thi hành chỉ thị này.

Tình hình được đem ra thảo luận tỉ mỉ tại Hội đồng quân sự phương diện quân. Tôi đề nghị với M.P. Kiéc-pô-nô-xơ, ngay tức khắc ra mệnh lệnh sơ bộ tập trung các quân đoàn cơ giới để

phản kích vào bộ phận chủ lực của cụm tập đoàn quân “Nam” đã lọt vào vùng Xô-can, điều toàn bộ không quân của phương diện quân và một phần không quân ném bom tầm xa thuộc Bộ Tổng tư lệnh vào tham gia phản kích. Bộ tư lệnh và bộ tham mưu phương diện quân, sau khi nhanh chóng thảo các chỉ lệnh chiến đấu sơ bộ, đã truyền những văn kiện này tới các tập đoàn quân và các quân đoàn.

Cần phải nêu lên tinh thần kỷ luật cao và tài tổ chức xuất sắc của tham mưu trưởng phương diện quân M.A Puốc-ca-ép và trưởng phòng tác chiến bộ tham mưu phương diện quân I.Kh. Ba-gra-mi-an đã thể hiện trong tình hình rất phức tạp này của ngày đầu chiến tranh.

Lúc 9 giờ sáng ngày 23-6, chúng tôi tới sở chỉ huy của tư lệnh quân đoàn cơ giới 8, trung tướng Đ.I. Ri-a-bư-sép. Tôi biết rõ trung tướng từ hồi làm việc ở Quân khu đặc biệt Ki-ép. Trông vẻ ngoài của tư lệnh quân đoàn và các cán bộ chỉ huy bộ tham mưu là đã đoán ra được ngay, họ đã qua một cuộc hành binh không dễ dàng gì. Họ đã đi rất nhanh từ khu Đrô-gơ-bút đến khu Brô-đa và tinh thần anh em vẫn phấn chấn. Nhìn Đ.I.Ri-a-bư-sép và các cán bộ chỉ huy bộ tham mưu, tôi nhớ lại lữ đoàn xe tăng 11, người chỉ huy của nó - lữ đoàn trưởng dũng cảm M.P. Ya-cốp-lép - và trận họ đã đánh tan quân địch năm 1939 gần núi Ba-in Xa-gan ở Khan-khin Gôn.

“Những người này sẽ chiến đấu không kém hơn, - tôi nghĩ. - Miễn là cuộc phản kích không bị chậm...”.

Đ.I. Ri-a-bư-sép chỉ vào bản đồ bố trí quân của quân đoàn, vẫn tắt báo cáo về tình hình các đơn vị.

- Quân đoàn cần một ngày đêm để tập trung đủ quân, ổn định phần vật chất và bổ sung lượng dự trữ, - Đ.I. Ri-a-bư-sép nói, - trong một ngày đêm này sẽ tiến hành trinh sát chiến đấu và tổ chức chỉ huy. Như vậy là quân đoàn có thể sẵn sàng chiến đấu với toàn bộ lực lượng của mình vào sáng ngày 24-6.

- Được, - tôi trả lời. - Tất nhiên tốt hơn là cùng phản kích với các quân đoàn cơ giới 9, 19 và 22, nhưng tiếc là các quân đoàn đó từ địa điểm xuất phát lên đường chậm. Tình hình không cho phép chúng ta chờ đến lúc tập trung đầy đủ các quân đoàn. Quân địch có thể dùng lực lượng mạnh xe tăng và pháo chống tăng để đánh lại cuộc phản kích của quân đoàn cơ giới 8. Do đó, cần phải điều tra tỉ mỉ địa hình và quân địch.

Đ.I. Ri-a-bư-sép vừa định nói gì đó với tôi thì có hiệu lệnh:

“Máy bay địch!”.

- Thế đấy, - Đơ-mi-tơ-ri I-va-nô-vích Ri-a-bư-sép thản nhiên nói, - chúng tôi chưa kịp đào hầm trú ẩn. Báo cáo đồng chí đại tướng, đồng chí với tôi đành phải tưởng tượng là chúng ta đang nấp trong hầm.

- Đơ-mi-tơ-n I-va-nô-vích, vừa rồi đồng chí định nói gì?

- Tôi định đề nghị, hay là, chúng ta ăn uống một tí.
- Ý kiến hay. Trên xe tôi có thức ăn đấy.

Tham mưu trưởng quân đoàn và các cán bộ chỉ huy khác của bộ tham mưu bước vào trong lều. Họ chưa kịp tự giới thiệu thì đã nghe thấy tiếng rú của máy bay ném bom Đức đang lao xuống và những tiếng bom nổ. Tôi nhìn Đ.I. Ri-a-bư-sép và các cán bộ chỉ huy. Trên nét mặt họ chỉ thấy có sự tập trung vào công việc. Thái độ của họ cũng tựa như trong các cuộc tập trận trước kia.

“Giỏi, - tôi nghĩ. - Có những con người như thế này, chúng ta không thể thua trong chiến tranh được...”.

Đến tối, sau khi bàn bạc với tư lệnh quân đoàn về các vấn đề quan trọng, chúng tôi trở về sở chỉ huy của phương diện quân ở Téc-nô-pôn.

Tham mưu trưởng phương diện quân, trung tướng M.A. Puốc-ca-ép và tư lệnh phương diện quân, thượng tướng M.P. Kiéc-pô-nô-xơ báo cáo:

- Trên tất cả các khu vực của phương diện quân đều có giáp chiến. Trận đánh chủ yếu ác liệt nhất diễn ra ở khu Brô-đa - Đúp-nô - Vla-đi-mia Vô-lun-xơ. Các quân đoàn cơ giới 9 và 19 ngày 25-6 đang tiến vào các khu rừng ở Rốp-nô. Chúng tôi đã quyết định, - tư lệnh phương diện quân nói, - ngày 24-6, không cần chờ tập trung đủ các quân đoàn, sẽ bắt đầu phản kích vào Clê-van và Đúp-nô. Tư lệnh tập đoàn quân 5, để lại quân đoàn

cơ giới 22 phải chỉ huy thống nhất các đơn vị còn lại là quân đoàn 9 và 19, giúp đỡ các quân đoàn đó mọi sự cần thiết.

Quyết định đó hợp lý, tôi đồng ý với tư lệnh phương diện quân, song tôi đề nghị, kiểm tra lại việc bảo đảm hợp đồng giữa các quân đoàn với không quân của phương diện quân.

Ngày 24-6, quân đoàn cơ giới 8 của Đ.I. Ri-a-bư-sép chuyển sang phản kích ở hướng vào Bê-rê-xtếch-cô. Chúng tôi đặt nhiều hy vọng vào quân đoàn này. Nó được kiện toàn tốt hơn các quân đoàn khác về kỹ thuật xe tăng mới và được huấn luyện khá.

Quân đoàn cơ giới 15 dưới sự chỉ huy của tướng I.I. Các-pê-dô tấn công ở phía đông Ra-đê-khốp. Ngay sau đó bọn Đức đã được ném đòn của các quân đoàn này, thậm chí đòn nhất đối với chúng là các cú đánh có hiệu quả của quân đoàn cơ giới 8. Điều đó xảy ra đặc biệt sau khi ta đã đánh tan sư đoàn bộ binh 57 bảo vệ sườn bên phải quân đoàn mô-tô 48 thuộc tập đoàn quân của Clây-xtơ. Ngày hôm đó quân đoàn mô-tô 48 của Đức bị lâm vào tình thế khá gay go, và bọn Hít-le đã buộc phải tung toàn bộ lực lượng không quân của chúng ra chống lại cuộc phản công của ta mới cứu chúng khỏi nguy cơ bị đánh tan. Quân địch buộc phải đưa thêm quân đoàn 44 và các đơn vị khác vào đối phó với các đơn vị Quân đội Xô-viết.

Dưới đây là những điều mà Tổng tham mưu trưởng lục quân Đức, thượng tướng Gan-đe đã ghi ở nhật ký công tác trong ngày

đó:

“Đối phương mỗi lúc càng đưa thêm nhiều lực lượng mới từ phía sau đến để chống lại mũi dao nhọn bằng xe tăng của ta ... Như đã dự đoán, họ dùng số lớn xe tăng chuyển sang tấn công vào sườn phía nam đạo quân xe tăng thứ nhất. Ở một số khu vực thấy có sự di chuyển”.

Như vậy là quân đội Phương diện quân Tây-nam đã thực hiện có kết quả một trong những trận phản kích đầu tiên vào quân địch. Sức mạnh của nó còn có thể lớn hơn nữa nếu như bộ tư lệnh phương diện quân có không quân mạnh để phối hợp với các quân đoàn cơ giới và có thêm lực lượng, dù chỉ 1 - 2 quân đoàn khinh binh.

Ở sở chỉ huy Phương diện quân Tây-nam, chúng tôi tập trung sự chú ý chính vào hướng Đúp-nô, nơi diễn ra những trận đánh chủ yếu ở U-crai-na.

Qua các cuộc nói chuyện bằng điện thoại với tư lệnh tập đoàn quân 6, tướng I.N. Mu-dư-chen-cô và tư lệnh tập đoàn quân 26, tướng Ph.Ya. Cốt-xten-cô, tôi được biết rằng tập đoàn quân 17 của địch đang tấn công, hướng chủ yếu đánh vào Lvốp. Tù binh Đức khai rằng, bộ chỉ huy của chúng định sẽ cho quân đoàn mô-tô 14 tham chiến để chiếm lấy Ra-va - Rút-xcai-a.

Khu chiến lũy Ra-va - Rút-xcai-a ngay từ những phút chiến tranh đầu tiên do các tiểu đoàn súng máy độc lập 35 và 140 và đội biên

phòng của thiếu tá Ya.Đ. Ma-lui bảo vệ. Ít lâu sau, sư đoàn khinh binh 41 của thiếu tướng G.N. Mi-cu-sép đã tiến về đây. Bộ chỉ huy tập đoàn quân 17 Đức tung vào trận địa này 5 sư đoàn bộ binh. Mặc dù có hỏa lực pháo binh mạnh, có không quân bắn phá và chúng mở những cuộc tấn công ác liệt bằng bộ binh, quân địch vẫn không chiếm được khu phòng thủ Ra-va - Rút-xcai-a và không bẻ gãy được sức chống cự của sư đoàn khinh binh 41. Chiều ngày 22-6, sư đoàn 41 vốn có hai trung đoàn pháo lại được bổ sung trung đoàn pháo 152 mm của quân đoàn 209. Hôm đó quân địch bị thiệt hại nặng mà không đạt được kết quả gì.

Khu chiến lũy Pê-rê-mư-sơ do các tiểu đoàn súng máy độc lập 52 và 150 và đội biên phòng 92 bảo vệ. Các đơn vị của khu phòng thủ chiếm lĩnh các công sự của mình vào lúc 6 giờ sáng 22-6. Cùng với các chiến sĩ biên phòng và các đội vũ trang của công nhân, viên chức, họ là những người đầu tiên chống lại hỏa lực và sự tấn công của địch.

Trong mấy tiếng đồng hồ, những người dũng cảm bảo vệ thành phố đã chặn được cuộc tiến công của quân địch có ưu thế về lực lượng. Sau đó theo lệnh của đội trưởng đội biên phòng 92, họ rút ra ngoài thành phố và ở đây họ tiếp tục chặn quân địch. Làm như thế, họ đã tạo điều kiện đưa được sư đoàn khinh binh 99 của đại tá N.I. Đê-men-chi-ép tới Pê-rê-mư-sơ. Ngày 23-6, cùng với các

tiểu đoàn biên phòng, sư đoàn này đã phản kích và đánh bật bọn phát-xít ra khỏi thành phố.

Ngày 23-6, quân Đức lại tấn công, đặc biệt chúng tấn công mạnh ở hướng Ra-va - Rút-xcai-a. Một số đơn vị địch thọc được vào tuyến phòng thủ của sư đoàn 41, nhưng nhờ có sự lãnh đạo vững vàng của tướng G.N. Mi-cu-sép, quân ta đã phản kích lại và đánh bật chúng về nơi xuất phát tấn công.

Song đến cuối ngày, quân Đức đã tìm ra chỗ yếu của ta: chúng đánh mạnh vào nơi tiếp giáp giữa Ra-va - Rút-xcai-a và Pê-rê-mur-sơ do các sư đoàn khinh binh 97 và 159 bảo vệ. Sư đoàn 159 đang ở trong giai đoạn triển khai, phần đông quân số lấy từ lực lượng hậu bị chưa được huấn luyện. Không chịu được sự tấn công của địch, sư đoàn bắt đầu rút, do đó gây nên tình hình khó khăn cho các đơn vị bên cạnh. Những biện pháp đối phó của tư lệnh tập đoàn quân 6, tướng I.N. Mu-dư-chen-cô, không làm thay đổi được tình thế, và đến cuối ngày 24-6, tuyến phòng thủ ở đây bị cắt một quãng dài tới 40 km.

Các khu chiến lũy Ra-va - Rút-xcai-a và Pê-rê-mur-sơ vẫn tiếp tục đánh trả có kết quả các trận tấn công của địch. Sư đoàn 99 gây cho địch những thiệt hại lớn và không để mất một thước trận địa nào. Sư đoàn 99 đã được tặng huân chương Cờ đỏ về trận đánh dũng cảm đó.

Sư đoàn khinh binh 41 cũng hoạt động có kết quả. Sau chỉ vì một

số lớn quân địch đột phá được vào trận địa sư đoàn 159 và có nguy cơ các khu phòng thủ vững chắc bị đánh vu hồi nên đêm ngày 27-6, bộ tư lệnh phương diện quân đã đưa sư đoàn 41 về tuyến hậu phương.

Còn sư đoàn khinh binh 99 vẫn giữ được Pê-rê-mur-slo trong các ngày 23 đến ngày 28-6 và mãi sáng ngày 29-6, theo lệnh của bộ tư lệnh mới rời khỏi thành phố.

Ngày 25 – 26 tháng 6, chiến sự tiếp diễn càng mạnh. Quân địch tung vào đây nhiều đơn vị không quân chiến đấu. Trên không và trên mặt đất diễn ra những trận ác liệt. Cả hai bên đều bị thiệt hại lớn. Nhiều lần, không quân Đức không chịu được những đòn dũng mãnh của các phi công ta, phải bỏ chạy về các sân bay của chúng.

Các đơn vị đi trước của địch đã tiến vào Đúp-nô, vì vậy tướng Đ.I. Ri-a-bư-sép được lệnh đưa quân đoàn 8 về phía đó. Quân đoàn cơ giới 15 thì được lệnh đưa chủ lực theo hướng chung về phía Bê-rê-xtêch-cô và xa hơn nữa, về phía Đúp-nô. Quân đoàn khinh binh 36 và quân đoàn cơ giới 19 đã tới gần đó cũng được điều về vùng Đúp-nô. Trận đánh ác liệt ở vùng Đúp-nô đã nổ ra vào ngày 27-6.

Bọn Đức đưa ngay quân đoàn 55 của chúng đến tăng cường, nhờ vậy đã cứu được đạo quân của chúng ở Đúp-nô khỏi bị đánh tan hoàn toàn. Bị thiệt hại nặng, địch buộc phải lấy quân ở các

hướng khác ném vào Đúp-nô.

Quân ta không đánh tan hoàn toàn được quân địch và không chặn được trận tấn công của chúng, nhưng đã hoàn thành điều chủ yếu: chặn được ở khu Brô-đa - Đúp-nô đạo quân xung kích địch tấn công về phía thủ đô U-crai-na và làm cho chúng bị kiệt sức.

Lúc 17 giờ ngày 24-6, tôi nói chuyện qua máy “Bô-đô” với tư lệnh tập đoàn quân 5, tướng M.I. Pô-ta-pốp.

Trước khi kể lại nội dung cuộc nói chuyện, tôi muốn nói rằng M.I. Pô-ta-pốp là một tướng giàu kinh nghiệm đã trải qua thực tế chiến đấu trong các trận trên sông Khan-khin Gôn. Đó là một tư lệnh tập đoàn quân dũng cảm và mưu lược, và không phải ngẫu nhiên bộ chỉ huy Đức biết rất rõ tập đoàn quân 5, mà chính là vì chúng đã bị tập đoàn quân này nhiều lần giáng cho những đòn thâm thía.

Tôi nêu lại vắn tắt cuộc nói chuyện của chúng tôi khá điển hình đối với những ngày đầu chiến tranh.

M.I. Pô-ta-pốp ở bên máy.

“Giu-cốp. Đồng chí báo cáo tình hình đi.

Pô-ta-pốp. Tại mặt trận Vla-đô-va - U-xti-lúc, địch có tới 5 sư đoàn bộ binh và hai nghìn xe tăng[1]. Chủ lực xe tăng địch nằm trên tuyến đu-ben-ca - Gô-rôt-lô. Từ U-xti-lúc đến Xô-can có tới 6 sư đoàn bộ binh và sư đoàn xe tăng thiết giáp 14. Hướng chủ

yếu của sư đoàn xe tăng thiết giáp này là Vla-di-mia Vô-lun-xơ - Lút-xơ. Ở nơi tiếp giáp giữa các tập đoàn quân 5 và 6 có các đơn vị cơ giới, lực lượng chưa rõ. Quân địch đột kích chủ yếu vào hướng Vla-di-mia Vô-lun-xơ - Lút-xơ, đòn phối hợp - từ Bre-xơ - Li-tốp-xơ vào Cô-ven.

Tôi báo cáo về tình hình các đơn vị quân ta đến 14 giờ 20 phút ngày 24-6-1941: Đồng chí Phê-đi-u-nin-xki giữ mặt trận Pư-lê-mét - Cu-xni-si - Vi-snép - Ni-ki-ti-chi. Sư đoàn khinh binh 87 của đồng chí đó có hai trung đoàn giữ các khu phòng thủ ở vùng U-xti-lúc và đang chiến đấu ở vùng lân cận; sư đoàn bị thiếu đạn. Từ chiều qua tôi không có tin về sư đoàn 124.

Sư đoàn xe tăng 41 ở vùng Ma-sê-i-úp - ga Cô-sa-rư sau trận đánh, đang chỉnh đốn về trang bị vật chất.

Từ 14 giờ, sư đoàn 135, có sư đoàn xe tăng 19 và một trung đoàn của sư đoàn khinh binh 87 phối hợp và có lữ đoàn chống tăng 1 và toàn bộ pháo binh của quân đoàn yểm hộ, đang tấn công ở hướng Vla-di-mia – Vô-lun-xơ

Lút-xơ có tuyến phòng thủ bao quanh, nhưng rất mỏng. Điều chính mà tôi lo là đòn đánh ở hướng Lút-xơ của các đơn vị xe tăng địch từ phía nam đánh lên, nó sẽ tạo ra cho ta nguy cơ phải đánh trên hai mặt.

Tôi hoàn toàn không có lực lượng gì để đánh lại quân địch ở hướng nam ...

Đề nghị tăng cường viện trợ bằng hoạt động của máy bay ném bom và giữ không cho các đơn vị xe tăng địch tới Đu-ben-ca - Gô-rôt-lô, chặn bước tiến của các đơn vị xe tăng địch từ phía Bre-xơ - Li-tốp-xơ và dùng không quân cường kích và tiêm kích yểm hộ trận tiêu diệt đạo quân địch ở Vla-đi-mia Vô-lun-xơ.

Tôi không có lực lượng dự bị. Quân đoàn cơ giới 9, với khoảng 200 xe tăng cũ, có thể tập trung ở khu Ô-lư-ca nhanh nhất là sau 2 ngày đêm nữa.

Đường liên lạc dây nói bị phá hủy ở khắp nơi, vừa nối lại xong thì quân địch lại dùng không quân phá.

Tôi có liên lạc chắc chắn bằng ra-đi-ô với các quân đoàn cơ giới...

Đề nghị cho mệnh lệnh về hành động sắp tới.

Giu-cốp. 1. Đơn vị bạn đang chiến đấu ở vùng Pru-gia-nư - Gô-rô-đét.

Các đơn vị địch từ Bre-xơ tiến được về Cô-ven là hậu quả của hành động không có tổ chức của đồng chí Cô-rốp-cốp.

Đồng chí phải giữ kín sườn ở phía Bre-xơ - Li-tốp-xơ và chặn đường vào Cô-ven.

2. Mu-dư-chen-cô đang chiến đấu có kết quả ở quá phía bắc Ca-mi-ô-ni, Xơ-ru-mi-lốp, Ra-va - Rút-xcai-a và tiếp đó tại biên giới. Quân địch tung vào một lực lượng xe tăng mạnh, đã cắt đứt

nơi tiếp giáp giữa các tập đoàn quân 5 và 6 đang mưu chiếm Brô-đư.

3. Các-pê-dô và Ri-a-bư-sép đang phản kích ở các hướng: Các-pê-dô xuyên qua Brô-đư lên phía tây-bắc, hiện nay các trận chính chắc là đang diễn ra ở phía tây-nam Brô-đư khoảng 15 km; Ri-a-bư-sép bên trái - trên hướng bắc. Những trận này sẽ hỗ trợ cho đồng chí.

Mục đích của đòn phản kích là đánh tan quân địch ở vùng Brô-đư - Cru-xtur-nô-pôn và tiếp đó tiến lên phía bắc, tạo khả năng cho đồng chí ổn định các đơn vị và tổ chức thế trận vững chắc ... các quân đoàn 19 và 9 cùng hai quân đoàn khinh binh sẽ được điều tới phía bắc và phía nam Lút-xơ để tăng cường cho đơn vị của đồng chí.

Đối với không quân sẽ có các biện pháp.

Qua máy vô tuyến của đồng chí, không nhận được và không dịch mã được gì hết.

Cần phải cho cán bộ chuyên môn đi máy bay đến để báo cáo những trắc trở về kỹ thuật trong việc sử dụng máy vô tuyến và mật mã.

Tôi nhắc lại: phải bịt kín các đường từ phía bắc vào Cô-ven, không được phản kích bằng các sư đoàn khinh binh nếu không có xe tăng phối hợp, bởi vì như vậy sẽ không có kết quả gì. Cần phải tiếp viện trái phá và đạn dược cho sư đoàn khinh binh 87.

Hãy tính xem, liệu có thể đưa sư đoàn đó ra khỏi vòng vây vào ban đêm không?

Các xe tăng KV và các xe tăng khác của đồng chí hoạt động ra sao? Có bắn thùng vỏ thép của xe tăng Đức không và địch đã mất khoảng bao nhiêu xe tăng trên mặt trận của đồng chí?

Pô-ta-pốp. Phối thuộc tôi có sư đoàn không quân 14, sư đoàn này tính đến sáng nay có 41 máy bay. Trong mệnh lệnh của phương diện quân có nói rằng các sư đoàn ném bom 62 và 18 yểm hộ chúng tôi. Các sư đoàn đó ở đâu, tôi không biết, tôi không có liên lạc với họ.

Các xe tăng lớn KV có 30 chiếc. Tất cả những xe này đều không có đạn cho pháo 152 mm.

Tôi có các xe tăng T-26 và BT, chủ yếu là các xe kiểu cũ, trong đó có cả những xe loại hai tháp.

Khoảng 100 xe tăng địch bị diệt.

Mệnh lệnh của đồng chí, tôi đã rõ. Tôi có điều lo ngại: liệu tôi có kịp khép chặt sườn bên phải của Phê-đi-u-nin-xki và bịt kín các đường từ phía bắc không. Bởi vì các xe tăng địch hiện nay đang ở vùng Rát-nô. Dù thế nào tôi cũng sẽ áp dụng ngay mọi biện pháp để thi hành mệnh lệnh.

Giu-cốp. Các pháo 152 mm của xe tăng KV bắn trái phá 09-30 g, vì vậy đồng chí ra lệnh phát ngay các đạn phá bê-tông 09-30 g và cho sử dụng những đạn đó. Phải đánh thật mạnh vào xe tăng

địch.

Về các mặt khác chúng tôi đang tổ chức giúp đỡ.

Tôi hết sức hy vọng vào đồng chí và đồng chí Ni-ki-sép.

Đêm nay hoặc mai tôi sẽ tới chỗ đồng chí.

Tạm biệt”.

Để tiếp tục cuộc tấn công ở hướng Ki-ép, bộ chỉ huy Đức đã phải lấy trong lực lượng dự trữ chiến lược của chúng một số lớn quân và hàng trăm xe tăng cùng với các đội lái để bổ sung cho các đơn vị của Clây-xơ.

Nếu như, trong các đơn vị lớn của Phương diện quân Tây-nam, công tác trình sát bộ binh và trên không được tổ chức tốt hơn, sự hợp đồng và chỉ huy chiến đấu được hoàn bị hơn, thì kết quả phản công còn có thể lớn hơn nữa.

Trong những trận đánh này, quân đoàn cơ giới 22 dưới quyền chỉ huy của thiếu tướng X.M. Côn-đru-xép, quân đoàn khinh binh 27 thuộc tập đoàn quân 5, quân đoàn cơ giới 8 của Đ.I. Ri-a-bư-sép đã chiến đấu xuất sắc.

Lẽ ra hoạt động của quân đoàn cơ giới 8 còn có thể có hiệu quả lớn hơn nữa, nếu như tư lệnh quân đoàn không chia quân đoàn thành hai cánh quân và thêm vào đó đã không giao quyền chỉ huy một trong hai cánh quân đó cho tướng N.K. Pô-pen, là người chưa được huấn luyện về chiến dịch - chiến thuật để lãnh đạo những trận đánh lớn hơn.

Quân đoàn cơ giới 15 của tướng I.I. Các-pê-dô đã hoàn thành được nhiệm vụ, song tiếc là, chưa hết mức so với khả năng lớn của mình hồi đó.

Sách báo, tài liệu lịch sử của chúng ta có phần nói lướt qua về trận chiến đầu vĩ đại này ở sát biên giới trong giai đoạn đầu chiến tranh với phát-xít Đức. Lẽ ra cần phải phân tích đầy đủ tác dụng về mặt chiến dịch của việc sử dụng ở đây, các quân đoàn cơ giới để tổ chức một trận phản kích vào đạo quân chủ lực giặc đã đột phá và cần phải nghiên cứu tỉ mỉ cả việc tổ chức cuộc phản kích đó. Bởi vì, chính nhờ có những hoạt động này của quân ta mà ngay từ đầu ở U-crai-na, kế hoạch tốc chiến của địch đánh vào Ki-ép đã bị phá vỡ. Quân địch đã chịu thiệt hại nặng và chúng đã thấy rõ tinh thần kiên cường của các chiến sĩ xô-viết sẵn sàng chiến đấu đến giọt máu cuối cùng.

Ý kiến đánh giá trận chiến đầu này trong hồi ký của tướng Gót, nguyên tư lệnh đạo quân xe tăng thứ 3 của Đức, không phải là không đáng chú ý:

“Cụm tập đoàn quân “Nam” bị thiệt hại nặng hơn tất cả. Đối phương phòng ngự chống lại các đơn vị lớn của cánh phía bắc đã bị đánh bật khỏi biên giới, nhưng sau cú đánh bất ngờ của ta, họ đã nhanh chóng hồi phục và đã dùng các cuộc phản kích của lực lượng dự bị và các đơn vị xe tăng nằm ở phía sau để chặn bước tiến của quân đội Đức. Đạo quân xe tăng thứ nhất, có thêm tập

đoàn quân 6, đến ngày 28-6 vẫn không thể vượt lên được. Những cuộc phản kích mạnh của đối phương là trở ngại lớn trên đường tiến quân của các đơn vị quân Đức”.

Qua cuộc nói chuyện trong những ngày này, theo đường liên lạc riêng với tướng N.Ph. Va-tu-tin, tôi được biết rằng tại các Phương diện quân Tây và Tây-bắc, các tư lệnh và các bộ tham mưu vẫn chưa có liên lạc chặt chẽ với các tư lệnh tập đoàn quân. Các sư đoàn và quân đoàn đánh nhau với địch một cách đơn độc, không có sự phối hợp với các đơn vị bạn và không quân, không có sự lãnh đạo cần thiết của cấp trên. Qua thông báo của Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vích Va-tu-tin, tôi thấy rõ là tại các Phương diện quân Tây và Tây-bắc tình hình hết sức khó khăn.

Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vích nói rằng I.V. Xta-lin bức bối và có ý buộc tất cả trách nhiệm vào bộ tư lệnh và bộ tham mưu Phương diện quân Tây, chê trách sự bất lực của nguyên soái G.I. Cu-lích. Qua thông báo của nguyên soái B.M. Sa-pô-sni-cốp lúc đó ở bộ tham mưu Phương diện quân Tây thì sáng ngày 23-6, G.I. Cu-lích ở bộ tham mưu tập đoàn quân 3, nhưng liên lạc với tập đoàn quân này bị đứt.

Song, sau một thời gian ngắn, nhờ có nhiều nguồn tin khác nhau, Bộ Tổng tham mưu đã xác định được rằng, các đạo quân lớn xe tăng và cơ giới của địch đã chọc thủng nhiều trận địa của hai phương diện quân này và đang tiến nhanh vào đất Bê-lô-ru-xi và

Pri-ban-tích.

Những thử thách gian khổ của nhân dân Liên Xô đã bắt đầu.

Trong những năm gần đây có người thường phê phán Bộ Tổng tư lệnh đã không ra lệnh đưa các lực lượng chủ lực của ta từ phía trong đất nước ra để chống lại và đánh lui trận đột kích của quân địch.

Tôi không dám khẳng định nếu như điều đó được thực hiện thì tình hình sẽ như thế nào: tốt hơn hay là xấu hơn. Hoàn toàn rất có thể là trong khi chưa có đủ các phương tiện phòng ngự chống tăng và chống máy bay, sức cơ động còn kém quân địch, quân ta sẽ không thể chống lại được những đòn mạnh mẽ đánh chia cắt của các lực lượng xe tăng, thiết giáp địch, do đó quân ta có thể lâm vào tình thế nặng nề như một số tập đoàn quân các quân khu miền biên giới đã gặp. Và còn chưa biết, nếu như vậy, thì về sau tình hình ở gần Mát-xcơ-va, Lê-nin-grát và ở miền nam đất nước sẽ diễn ra sao?

Sáng sớm ngày 26-6, tướng N.Ph. Va-tu-tin báo cho tôi khi tôi ở sở chỉ huy tại Téc-nô-pôn như sau:

- Tình hình ở Pri-ban-tích và Bê-lô-ru-xi hết sức bất lợi. Tập đoàn quân 8 Phương diện quân Tây-bắc đang rút về Ri-ga, tập đoàn quân 11 đang rút ở hướng Pô-lót-xcơ; quân đoàn cơ giới 21 của Quân khu Mát-xcơ-va được điều đi tăng cường cho phương diện quân này.

- I.V. Xta-lin ra lệnh thành lập Phương diện quân Dự bị và bố trí nó trên tuyến Xu-se-vô - Nô-ven - Vi-tép-xcơ - Mô-ghi-lép – Giơ-lô-bin - Gô-men - Chép-ni-gốp - sông Đe-xna - sông Đơ-nép. Phương diện quân Dự bị gồm các tập đoàn quân 19, 20, 21 và 22.

Về căn bản đó là tuyến mà Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô, tôi và một số cán bộ Bộ Tổng tham mưu đã tính đến vào tháng 5-1941.

Các bộ tư lệnh phương diện quân, Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh, Bộ Tổng tham mưu trong những ngày này vẫn chưa có đầy đủ tài liệu về các đơn vị quân đội địch được tung vào đánh giá phương diện quân của ta. Về xe tăng, không quân và các đơn vị cơ giới của địch, Bộ Tổng tham mưu nhận được của các phương diện quân những số liệu quá khuếch đại. Bây giờ, khi trong tay chúng ta có hầu hết các tài liệu về quân đội của đôi bên, để thấy đầy đủ khung cảnh trong những ngày đầu chiến tranh, cần phải xem sự bố trí của quân đội Liên Xô tại các quân khu biên giới, và tiếp đó của cả quân đội Đức xâm nhập vào nước ta hồi đó . Người ta đã viết nhiều bài báo và sách về vấn đề này, nhưng trong nhiều trường hợp nó có tính xu thời và người viết tỏ ra không hiểu biết gì cả.

Chúng ta biết rằng, 170 sư đoàn của ta sát trước chiến tranh được rải ra trên một vùng dài tới 4.500 km, từ Ba-ren-xép đến Biển

Đen, và sâu trên 400 km. Song ở đây cần chú ý rằng, khoảng cách từ Ba-ren-xép đến Biển Đen là 4.500 km đó, bao gồm không những các khu vực đất liền của năm phương diện quân miền biên giới mà cả phần bờ biển chỉ được bảo vệ bằng lực lượng phòng thủ bờ biển và hải quân. Trên bờ biển từ Ta-lin đến Lê-nin-grát, nói chung, không có bộ đội. Vì vậy, 170 sư đoàn của chúng ta thực tế đóng trên 3.375 km. Dọc biên giới đất liền, các đơn vị quân đội Liên Xô tập trung thành từng cụm rất không đều nhau.

Ví dụ, ở Phương diện quân Bắc (Quân khu Lê-nin-grát) dài 1.275 km, có 21 sư đoàn và 1 lữ đoàn khinh binh, tính trung bình gần 61 km có 1 sư đoàn.

Trên khoảng đất liền thuộc các Quân khu Pri-ban-tích, miền Tây, Ki-ép và Ô-đét-xa dài 2.100 km, có 149 sư đoàn và 1 lữ đoàn.

Trung bình 1 sư đoàn tại khu vực hết sức quan trọng này rải trên hơn 14 km.

Số lực lượng nói trên, sát trước chiến tranh, được phân bố như Quân khu Pri-ban-tích (tư lệnh - thượng tướng Ph.I. Cu-dơ-nét-xốp, ủy viên Hội đồng quân sự - chính ủy quân đoàn P.A. Đi-brô-va, tham mưu trưởng - thiếu tướng P.X. Clê-nốp) có 25 sư đoàn và 1 lữ đoàn khinh binh, trong số đó có 4 sư đoàn xe tăng, 2 sư đoàn mô-tô cơ giới.

Quân khu đặc biệt miền Tây (tư lệnh - đại tướng Đ.G. Páp-lốp,

ủy viên Hội đồng quân sự - chính ủy quân đoàn A.Ph.I. Phô-mi-núc, tham mưu trưởng - thiếu tướng V.E. Cli-mốp-xkích) có 24 sư đoàn khinh binh, 12 sư đoàn xe tăng, 6 sư đoàn mô-tô hóa, 2 sư đoàn kỵ binh.

Quân khu đặc biệt Ki-ép (tư lệnh - thượng tướng M.P. Kiếc-pô-nô-xơ, ủy viên Hội đồng quân sự - chính ủy lữ đoàn E.P. Rur-cốp; tham mưu trưởng - trung tướng M.A. Puốc-ca-ép) có 32 sư đoàn khinh binh, 16 sư đoàn xe tăng, 8 sư đoàn mô-tô cơ giới, 2 sư đoàn kỵ binh.

Quân khu Ô-đét-xa (tư lệnh - trung tướng Ya.T. Chê-rê-vi-chen-cô, ủy viên Hội đồng quân sự - chính ủy quân đoàn A.Ph. Cô-lô-bi-a-cốp; tham mưu trưởng - thiếu tướng M.V. Da-kha-rốp) có 13 sư đoàn khinh binh, 2 sư đoàn mô-tô cơ giới và 3 sư đoàn kỵ binh.

Như chúng ta thấy, bộ phận lực lượng mạnh nhất của quân ta đóng ở hướng tây-nam (Quân khu Ki-ép và Quân khu Ô-đét-xa). Nó gồm có 45 sư đoàn khinh binh, 20 sư đoàn xe tăng, 10 sư đoàn mô-tô hóa, 5 sư đoàn kỵ binh.

Trong số 149 sư đoàn và 1 lữ đoàn của 4 quân khu sát biên giới, có 48 sư đoàn thê đội 1 của các tập đoàn quân bảo vệ biên giới được bố trí cách biên giới quốc gia 10 - 50 km (các sư đoàn khinh binh ở gần hơn, các sư đoàn xe tăng ở xa hơn). Chủ lực các quân khu miền biên giới đóng cách biên giới quốc gia 80 -

300 km.

Sườn các quân khu sát biển do hải quân và lực lượng phòng thủ bờ biển (chủ yếu gồm pháo binh) bảo vệ .

Các đơn vị biên phòng thuộc Bộ Ủy viên nhân dân nội vụ đóng ngay trên biên giới.

Trên kia, tôi đã nói tới một số nhân tố là nguyên nhân của những thất bại trong thời gian đầu chiến tranh. Những sự việc khác thuộc loại đó sẽ được đề cập tới sau, nhưng bây giờ tôi muốn nói rằng, những sai lầm của cơ quan lãnh đạo không thể làm nhẹ trách nhiệm của người chỉ huy quân sự các cấp đối với những sơ suất và tính toán sai của mình.

Mỗi một cán bộ chỉ huy quân đội, khi có những hành động không đúng thì về mặt tinh thần, không có quyền trốn trách nhiệm mà đổ cho cấp trên. Theo điều lệnh, các đơn vị và các cán bộ chỉ huy đơn vị, trong bất kỳ tình huống nào, cũng phải luôn luôn sẵn sàng làm nhiệm vụ chiến đấu. Song, sát trước chiến tranh, thậm chí vào đêm 21 rạng 22 tháng 6, trong một số trường hợp, các cán bộ chỉ huy các binh đoàn và binh đoàn lớn thuộc tuyến bảo vệ biên giới, đến giờ phút cuối cùng vẫn chờ đợi lệnh của trên mà không chuyển đơn vị vào tư thế sẵn sàng chiến đấu ở mức cần thiết, mặc dù ở phía bên kia biên giới, đã nghe thấy tiếng ầm ì của các động cơ và tiếng rít của các bánh xích sắt. Bộ tổng chỉ huy quân Đức, ngay tức khắc đã huy động 153 sư

đoàn, trong số đó 29 sư đoàn đánh vào Quân khu Pri-ban-tích, 50 sư đoàn (có 15 sư đoàn xe tăng) đánh vào Quân khu đặc biệt miền Tây, 34 sư đoàn (có 9 sư đoàn xe tăng và mô-tô cơ giới) đánh vào Quân khu đặc biệt Ki-ép, 12 sư đoàn đánh vào Quân khu Ô-đét-xa và có tới 3 sư đoàn đóng ở Phần Lan. Chúng đã lập đội dự bị gồm 24 sư đoàn và đã điều nó đến các hướng chiến lược cơ bản.

Những số liệu này, chúng ta biết được trong quá trình giai đoạn đầu chiến tranh, chủ yếu là qua việc hỏi cung các tù binh và qua các tài liệu bắt được. Sát chiến tranh, I.V. Xta-lin, Ủy viên nhân dân quốc phòng và Bộ Tổng tham mưu, căn cứ vào những tin tức của cơ quan tình báo, đã cho rằng bộ chỉ huy Hít-le phải giữ lại ở phương Tây, Cận đông và ở các nước khác mà chúng chiếm đóng, không dưới 50% quân số và lực lượng không quân của chúng. Trên thực tế, tới lúc bắt đầu chiến tranh với Liên Xô, bộ chỉ huy Hít-le đã để lại ở các nơi ấy dưới 1/3 quân số, thêm nữa, chỉ là những sư đoàn thứ yếu, và chẳng bao lâu lại rút bớt số đó đi.

Quân địch đã dùng 3.712 xe tăng và các pháo tiến công để trang bị cho các cụm tập đoàn quân “Bắc”, “Trung tâm” và “Nam”.

Quân bộ có 4.950 máy bay yểm hộ. Các đơn vị địch xâm nhập vào lãnh thổ ta đã có ưu thế về pháo binh hơn ta gần 2 lần, sức kéo của pháo binh của chúng về cơ bản được cơ giới hóa.

Nhiều lần nghĩ lại những ngày đầu chiến tranh, tôi có suy xét và phân tích những sai lầm về chiến lược và chiến dịch của các đồng chí lãnh đạo quân sự (Ủy viên nhân dân quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu và các Bộ tư lệnh các quân khu) trong thời kỳ sát trước và thời kỳ đầu chiến tranh. Tôi đi tới những kết luận sau đây:

Chúng tôi không dự kiến trước được việc địch chuyển bất ngờ sang tấn công trên những quy mô như thế, hơn nữa, không thấy trước chúng có thể sử dụng ngay tức khắc tất cả các lực lượng sẵn có và được bố trí trước tại các hướng chiến lược quan trọng nhất, nghĩa là chưa thấy hết tinh chất của ngay đòn đột kích với toàn bộ tầm lượng của nó. Cả Ủy viên nhân dân quốc phòng, tôi, cả các đồng chí giữ chức vụ của tôi trước kia - B.M. Sa-pô-sni-cốp, K.A. Mê-rét-xcốp - và cơ quan lãnh đạo Bộ Tổng tham mưu đã không tính rằng quân địch sẽ tập trung một số lớn đến thế các đạo quân xe tăng thiết giáp và mô-tô cơ giới và sẽ dùng lực lượng đó ngay trong ngày đầu tiên, hình thành những quả đấm rắn chắc và mạnh mẽ trên tất cả các hướng chiến lược để đánh những đòn chia cắt mãnh liệt.

Sát trước chiến tranh, tập đoàn quân 10 và nhiều đơn vị khác của Quân khu miền Tây đã đóng ở Bê-lô-xtốc là vùng đất đột xuất nhô ra về phía địch. Đây là một trận địa bố trí bất lợi nhất. Hình thái bố trí tác chiến như thế gây ra nguy cơ bị đánh vòng đằng

sau và bị bao vây bằng các mũi đánh vào sườn từ phía Grôt-nô và Bre-xơ. Thêm nữa, sự bố trí quân của phương diện quân ở các hướng Grôt-nô, Xu-van-cốp và Bre-xơ không đủ sâu và đủ mạnh để chặn, không cho quân địch đột phá và hợp vây được cánh quân ta ở vùng đất nhô đó.

Sự bố trí quân sai lầm đó có từ năm 1940, cho đến trước chiến tranh đã không được khắc phục. Khi quân chủ lực địch áp đảo các sườn của bộ đội bảo vệ biên giới của ta và đột phá vào vùng Grôt-nô và Bre-xơ, lẽ ra ta phải cấp tốc đưa tập đoàn quân 10 và các cánh quân của các tập đoàn quân 3 và 4 tiếp giáp với nó thoát khỏi nguy cơ bị bao vây, chuyển nó về tuyến hậu phương - tới những nơi đang bị uy hiếp. Các đơn vị đó có thể tăng cường một cách đáng kể cho sức đề kháng của các đơn vị đang bị uy hiếp. Nhưng việc này đã không được thực hiện.

Các tập đoàn quân thuộc Phương diện quân Tây-nam cũng mắc sai lầm tương tự, cũng chậm rút ra, khi có nguy cơ bị bao vây.

Tất cả những điều đó xảy ra là do khi ấy chúng ta chưa có đủ kinh nghiệm lãnh đạo quân đội trong tình hình phức tạp của những trận đánh lớn, ác liệt diễn ra trên một vùng rộng.

Cần phải nói tới một sai lầm nữa của Bộ Tổng tư lệnh và Bộ Tổng tham mưu mà tôi đã nói qua ở trên. Đó là chủ trương phản công theo chỉ thị số 3 ngày 22-6-1941. Khi đề ra nhiệm vụ phản công, Bộ Tổng tư lệnh không biết tình hình thực tế diễn ra đến

cuối ngày 22-6. Các bộ tư lệnh phương diện quân cũng không biết được tình hình. Trong quyết định của mình, Bộ Tổng tư lệnh không xuất phát từ sự phân tích tình hình thực tế và những tính toán có căn cứ, mà xuất phát từ cảm tính và ý muốn tích cực hành động, không tính đến khả năng của quân đội, đó là điều không được làm ở bất kỳ trường hợp nào trong những giờ phút quan trọng của cuộc đấu tranh vũ trang.

Trong tình hình đã diễn ra cho đến cuối ngày 22-6, việc duy nhất đúng chỉ có thể là tổ chức các cuộc phản kích của các quân đoàn cơ giới, đánh vào các mũi tiến công của các đạo quân xe tăng cơ giới địch. Các cuộc phản kích đã được tiến hành thì trong nhiều trường hợp không được tổ chức chu đáo, và vì thế không đạt được mục đích.

Còn một vấn đề khác cũng có ảnh hưởng không thuận lợi tới quá trình các trận đánh trong những ngày đầu. Một số tư lệnh các tập đoàn quân lẽ ra phải từ các sở chỉ huy của mình mà tổ chức việc chỉ huy cho vững và giữ chặt liên lạc với các tập đoàn quân bạn và bộ tham mưu phương diện quân, thì lại bỏ xuống các đơn vị và ra những chỉ thị trong khi không biết tình hình ở các trận địa khác thuộc tập đoàn quân. Do đó, các cán bộ chỉ huy các đơn vị và các binh đoàn bị lâm vào tình huống khó khăn. Không có liên lạc vững với cấp trên, họ buộc phải hành động theo suy xét của mình, theo sự cần thiết của mình và thường rất dễ có hại cho các

đơn vị bạn.

Ví dụ: việc rút lui vô tổ chức của tập đoàn quân 3 ra khỏi vùng Grôt-nô và của tập đoàn quân 4 ra khỏi vùng Bre-xơ đã làm cho tình thế của tập đoàn quân 10 do thiếu tướng K.Đ. Gô-lu-bép chỉ huy trở nên hết sức gay go. Lúc đó tập đoàn quân 10, không bị địch uy hiếp mạnh, vẫn đang dựa vào khu phòng thủ Ô-xô-vét mà chiến đấu.

Phó tư lệnh Phương diện quân miền Tây, trung tướng I.V. Bôn-đin đã tới Ô-xô-vét. Trung tướng trực tiếp nắm một đoàn quân kỵ binh cơ giới gồm các quân đoàn cơ giới 6 và 11 và các đơn vị thuộc quân đoàn kỵ binh 6. Ngày 23-6, từ mỏm đất nhô ra ở Xu-van-cốp, I.V. Bôn-đin tổ chức cuộc phản kích vào sườn bên địch đã lọt vào trận địa ta. Cuộc phản kích không thành công. Nguyên nhân là vì không tập trung được tất cả các binh đoàn để tiến hành cuộc phản kích, đã sử dụng lực lượng phân tán và quyền chủ động bị quân địch khống chế.

Trong trận này chỉ có quân đoàn cơ giới 11 dưới sự chỉ huy của thiếu tướng Đ.K. Mô-xtô-ven-cô là hoạt động được thực sự tích cực. Quân đoàn cơ giới 6, dưới sự chỉ huy của thiếu tướng M.G. Khát-xki-lê-vích thì đang phòng ngự trong đội hình tập đoàn quân 10 trên sông Na-rép, cho nên không được tập trung kịp thời để phản kích. Khi rút được quân đoàn này ra khỏi trận chiến đấu và tập hợp nó được thì đã mất thời gian rồi. Các đơn vị của quân

đoàn kỵ binh 6, dưới sự chỉ huy của thiếu tướng I.X. Ni-ki-tin, thì bị không quân địch liên tục tập kích do đó hành quân chậm. Trong suốt ngày 24-6, một trận chiến đấu ác liệt đã diễn ra ở vùng Grôt-nô.

Mặc dù có ưu thế trên không, quân địch tại vùng Grôt-nô vẫn gặp khó khăn. Bộ tư lệnh cụm tập đoàn quân “Trung tâm” buộc phải đưa tới đây thêm hai quân đoàn nữa và phải điều trở lại một số đơn vị thuộc đạo quân xe tăng 3.

Ngày 25, những trận đánh đẫm máu vẫn tiếp diễn nhưng vì thiếu sự cung cấp cần thiết về phương tiện vật chất, kỹ thuật nên các đơn vị quân ta phản kích không thắng lợi. Trong quá trình chiến đấu, quân ta bị thiệt hại nặng và bắt đầu rút lui. Các chiến sĩ xe tăng không rút được toàn bộ xe ra ngoài vì lúc đó đã hết nhiên liệu.

Tư lệnh quân đoàn M.G. Khát-xki-lê-vích cũng không trở về sau trận đó. M.G. Khát-xki-lê-vích là một cán bộ chỉ huy tốt, một con người dung cảm. Tôi và đồng chí đó thân với nhau từ nhiều năm, ngay từ hồi công tác trong cơ quan thanh tra kỵ binh đầu những năm 30. Tướng I.X. Ni-ki-tin cũng không trở về. I.X. Ni-ki-tin xứng đáng là một cán bộ chỉ huy sáng suốt, có nghị lực và dũng cảm của quân đoàn kỵ binh.

Hướng đột kích của đạo quân mạnh nhất của các lực lượng bộ binh và không quân Đức trên hướng chiến lược phía tây đất nước

ta là nhằm vào Mát-xơ-va. Để đánh vào Phương diện quân miền Tây, quân địch sử dụng cụm tập đoàn quân “Trung tâm”, trong đó có hai tập đoàn quân bộ đội hợp thành (các tập đoàn quân 4 và 9) và hai đạo quân xe tăng (2 và 3). Phối hợp với cụm tập đoàn quân “Trung tâm” có tập đoàn không quân 2, trong thành phần của nó có cả một quân đoàn máy bay ném bom bổ nhào. Quân của cụm tập đoàn quân “Trung tâm” được trang bị đầy đủ bằng pháo binh của bộ tổng chỉ huy địch, bằng các đơn vị công binh mô-tô cơ giới và binh khí kỹ thuật hỗ trợ mạnh.

Ở đây trên tất cả các hướng đột kích chủ yếu của chúng, quân Đức đã tạo nên một ưu thế gấp 5-6 lần. Mọi hoạt động của quân chủ lực địch đều được các trận tập kích bằng không quân yểm hộ.

Tình hình ở vùng Bre-xơ cũng khá gay go. Tuy vậy quân địch không bẻ gãy được sức đề kháng của các chiến sĩ bảo vệ pháo đài Bre-xơ. Các chiến sĩ anh hùng bị bao vây đã đánh trả lại địch một cách đanh thép. Bản anh hùng ca Bre-xơ là điều hoàn toàn bất ngờ đối với bọn Đức. Các đơn vị xe tăng thiết giáp thuộc đạo quân của Gu-đê-ri-an và tập đoàn quân đã chiến 4 Đức đã bắt buộc phải đi vòng qua thành phố.

Tập đoàn quân 4 của ta (tư lệnh - thiếu tướng A.A. Cô-rốp-cốp) cũng bị đánh mạnh không kém tập đoàn quân 3 (tư lệnh - trung tướng V.I. Cu-dơ-nét-xốp) ở vùng Grôt-nô. Nhưng, có thành

Bre-xơ anh hùng và các đơn vị thuộc sư đoàn xe tăng 32, các sư đoàn kinh binh 6, 42, 49 và 75 đóng cách không xa, bộ tư lệnh tập đoàn quân 4 có thể tổ chức những trận phòng ngự tốt hơn nữa. Đáng tiếc là bộ tư lệnh tập đoàn quân 4 đã không làm được điều đó, ngay cả khi đã nhận quân đoàn cơ giới 14 chuyên thuộc mình.

Tình hình trong những ngày này ở phía xa các ngã đường vào Min-xơ như thế nào?

Vì không biết chính xác tình hình chiến sự ở các tập đoàn quân 3, 10 và 4, không hình dung được đầy đủ về các đạo quân xe tăng thiết giáp của địch đã vượt biên giới vào như thế nào, đại tướng Đ.G. Páp-lốp, tư lệnh phương diện quân, thường có những quyết định không phù hợp với tình hình.

Bị thiệt hại lớn trong trận đánh vùng biên giới, các đơn vị của tập đoàn quân 3, 10 và 4 vừa dừng cầm đánh lùi quân địch dồn tới, vừa rút về phía đông. Bốn sư đoàn thuộc tập đoàn quân 13 cũng chiến đấu anh dũng để kìm cuộc tiến công của địch: ngày 26 và 27 tháng 6, các sư đoàn này chiến đấu ở khu phòng thủ Min-xơ. Theo chỉ thị của Bộ Tổng tư lệnh, tướng Đ.G. Páp-lốp ra lệnh cho các tập đoàn quân 3 và 10 rút về phía đông và chiếm lĩnh trận địa phòng ngự tại tuyến Li-đa - Xlô-nim - Pin-xơ. Nhưng điều đó không sao thực hiện được, bởi vì các tập đoàn quân này đã gần như bị bao vây kiệt sức và rút ra ngoài một cách khó khăn

dưới những đòn đánh liên tiếp của không quân và các đơn vị xe tăng thiết giáp Đức.

Ngày 26-6, quân đoàn mô-tô cơ giới 39 của địch đến gần vùng phòng thủ Min-xơ, ở đây chúng đụng độ với các đơn vị đang đi tới thuộc quân đoàn khinh binh, do tướng V.Đ. Yút-kê-vích chỉ huy.

Để tăng cường phòng thủ Min-xơ trên hướng từ Mô-lô-đếch-nô vào cửa ngõ tây-bắc thành phố, quân đoàn khinh binh 2 dưới sự chỉ huy của thiếu tướng A.N. éc-ma-cốp đã được cấp tốc điều tới. Quân đoàn gồm các sư đoàn khinh binh 100 và 161.

Thiếu tướng I.N. Ru-xi-a-nốp chỉ huy sư đoàn 100, một sư đoàn đã được tặng Huân chương Lê-nin. Trước kia khi tôi là sư đoàn trưởng sư đoàn kỵ binh 4 ở thành phố Xlút-xơ, đồng chí đã là một trung đoàn trưởng xuất sắc của trung đoàn khinh binh thuộc sư đoàn khinh binh 4 mang tên Giai cấp vô sản Đức. Trong tất cả các lần huấn luyện và tập trận, trung đoàn của I.N. Ru-xi-a-nốp đã là mẫu mực về chiến thuật, kỷ luật và trật tự. Bây giờ các binh đoàn đó đang anh dũng chiến đấu trên các ngã đường đi vào Min-xơ, đánh lại các đơn vị của đạo quân xe tăng 3 của địch, gây cho chúng những thiệt hại nặng.

Song, khi quân đoàn cơ giới 47 thuộc đạo quân xe tăng của Gu-đê-ri-an tiến đến các ngã đường tây-nam vào Min-xơ, thì tình hình các đơn vị đang phòng ngự trở nên rất gay go.

Quân địch ném bom ác liệt Min-xơ. Thành phố bị ngọn lửa bao phủ. Hàng nghìn thường dân bị chết. Những người không có tội lỗi gì hết, trước khi chết đều nguyện rửa bọn giặc lái máy bay phát-xít dã man...

Tại các ngã đường vào Min-xơ đã diễn ra một cuộc chiến đấu khốc liệt. Các đơn vị thuộc các sư đoàn khinh binh 64, 100 và 161 đã chiến đấu đặc biệt xuất sắc. Họ tiêu diệt hơn trăm xe tăng địch và hàng nghìn tên phát-xít.

Ngày 26-6, I.V. Xta-lin gọi đây nói cho tôi tại sở chỉ huy Phương diện quân Tây-nam ở Téc-nô-pôn và nói:

- Tình hình tại Phương diện quân miền Tây trở nên khó khăn.

Quân địch tới gần Min-xơ. Không hiểu Páp-lốp thế nào. Không rõ nguyên soái Cu-lích ở đâu. Nguyên soái Sa-pô-sni-cốp bị ốm. Đồng chí có thể đáp máy bay ngay về Mát-xơ-va không?

- Tôi sẽ nói chuyện ngay bây giờ với các đồng chí Kiếc-pô-nô-xơ và Puốc-ca-ép về những công việc sẽ tiếp tục, - tôi nói, - và sẽ ra sân bay.

Tối khuya ngày 26-6, tôi đi máy bay về tới Mát-xơ-va và từ sân bay đi thẳng đến chỗ I.V. Xta-lin. Trong phòng làm việc của I.V. Xta-lin, Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô và người phó thứ nhất của tôi, trung tướng N.Ph. Va-tu-tin đang đứng nghiêm, thẳng người. Cả hai xanh gầy hằn đi, mắt đỏ lên vì không ngủ. I.V. Xta-lin trông cũng không khá gì hơn.

Gật đầu chào tôi, I.V. Xta-lin nói:

- Các đồng chí cùng nhau suy nghĩ và nói cho biết có thể làm gì trong tình hình hiện nay? - Sau đó I.V. Xta-lin buông tấm bản đồ Phương diện quân miền Tây xuống bàn.

- Chúng tôi cần chừng 40 phút để bàn bạc - Tôi nói.

- Được 40 phút nữa, các đồng chí báo cáo.

Chúng tôi sang phòng bên để thảo luận về tình hình chiến sự và những khả năng của ta tại Phương diện quân miền Tây.

Tình hình ở đó quả thực vô cùng nặng nề. Ở phía tây Min-xơ, số quân còn lại của các tập đoàn quân 3 và 10 đã tìm được một số lực lượng đáng kể của địch, nhưng bị bao vây và chiến đấu với lực lượng quá chênh lệch. Một số đơn vị của tập đoàn quân 4 rút vào rừng Pri-pi-át-ki. Sau khi bị thiệt hại nghiêm trọng trong các trận đánh, các binh đoàn đã bị xé lẻ ra để rút từ tuyến Đốc-si-na - Xmô-lê-vích - Xlút-xơ - Pin-xơ về sông Bê-rê-di-na. Các đạo quân mạnh của địch đang rượt theo họ.

Sau khi thảo luận tình hình, chúng tôi không có thể có đề nghị gì khác hơn là, đề nghị cấp tốc trụ lại phòng ngự ở tuyến Bắc Đơ-vi-na - Pô-lốt-xơ - Vi-tép-xơ - Oóc-sa - Mô-ghi-lép - Mô-dư-rơ và giao cho các tập đoàn quân 13, 19, 20, 21, 22 làm việc đó.

Ngoài ra cần phải nhanh chóng chuẩn bị phòng ngự ở tuyến hậu phương theo đường hồ Xê-ii-gia-rô-vơ - Xmô-len-xơ - Rốt-xláp - Gô-men bằng các lực lượng của các tập đoàn quân 24 và 28

thuộc quân dự bị của Bộ Tổng tư lệnh. Ngoài ra chúng tôi đề nghị cấp tốc tổ chức thêm 2-3 tập đoàn quân nữa lấy trong số các sư đoàn dân quân Mát-xcơ-va.

Tất cả những đề nghị này được I.V. Xta-lin chuẩn y và ngay tức khắc được biến thành các mệnh lệnh.

Trong những đề nghị của mình, chúng tôi xuất phát từ nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng phòng ngự có chiều sâu gồm nhiều tuyến trên các đường vào Mát-xcơ-va, đánh cho quân địch kiệt sức đi và, sau khi chặn được chúng tại một trong số những phòng tuyến phòng thủ, sẽ tập trung các lực lượng cần thiết bằng số quân lấy của Viễn Đông và các đơn vị mới để tổ chức phản công. Nơi nào quân địch sẽ bị chặn lại, lấy chỗ nào làm điểm xuất phát có lợi để phản công, những lực lượng như thế nào sẽ được tập trung để làm nhiệm vụ đó - khi này chúng tôi còn chưa biết. Hiện tại những điều đó mới chỉ là ý đồ.

Ngày 27-6, vào 10 giờ 05 phút, qua máy “Bô-đô” tôi truyền đạt mệnh lệnh của Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh cho tham mưu trưởng phương diện quân, tướng V.E. Cli-mốp-xkích, nội dung như sau:

“Giu-cốp. Mệnh lệnh của Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh.

Nhiệm vụ của các đồng chí:

1. Cấp tốc tìm ra tất cả các đơn vị, liên lạc với các cấp chỉ huy và nói rõ cho họ biết tình hình - tình hình địch và tình hình các đơn

vị của mình - nói thật cặn kẽ về những nơi mà các đơn vị cơ giới đi đầu của địch đã kéo tới. Báo cho các đơn vị của ta biết nơi có các kho nhiên liệu, đạn dược và lương thực để các đơn vị nhận lấy mọi thứ cần thiết cho chiến đấu.

Đề ra cho các đơn vị nhiệm vụ, hoặc chiến đấu hoặc tập trung lại tại các khu rừng. Khi giao nhiệm vụ tập trung phải chỉ rõ đi theo con đường nào và sát nhập vào đơn vị nào.

2. Tính xem các đơn vị nào cần phải dùng máy bay để đưa nhiên liệu và đạn dược tới, không để mất những kỹ thuật quý, đặc biệt là các xe tăng hạng nặng và pháo binh hạng nặng.

3. Đưa số quân còn lại ra theo ba hướng:

- qua Đốc-si-na và Pô-lốt-xơ rồi tập hợp lại sau các khu phòng thủ Lê-pen-xơ và Pô-lốt-xơ;
- hướng Min-xơ, tập hợp các đơn vị sau khu phòng thủ Min-xơ;
- hướng thứ ba: rừng Glu-xki và Bô-brui-xơ.

4. Chú ý rằng, các đơn vị cơ giới thê đội 1 của địch hiện nay đã vượt rất xa bộ binh, đó là chỗ yếu, cả đối với đạo quân địch đã vượt lên cũng như đối với đơn vị bộ binh của chúng đang tiến không có xe tăng đi cùng. Nếu các cán bộ chỉ huy dưới quyền các đồng chí nắm được đơn vị, đặc biệt là các đơn vị xe tăng, thì có thể đánh đòn tiêu diệt để đập tan cả thê đội 1 địch lẫn các đơn vị bộ binh chúng đang tiến không có xe tăng đi cùng. Nếu làm

được, thì thoát đầu hãy tổ chức đánh mạnh vào hậu phương thế đội 1 địch đang tiến về Min-xơ và Bô-brui-xơ, sau đó có thể quay lại đánh thẳng vào bộ binh chúng.

Hành động được dũng cảm như vậy sẽ làm vẻ vang cho Phương diện quân miền Tây. Sẽ đạt được kết quả đặc biệt to lớn, nếu các đồng chí tổ chức được trận tấn công ban đêm vào các đơn vị cơ giới địch.

5. Đưa kỵ binh vào rừng Min-xơ và dựa vào Min-xơ, Lu-ni-nốt, mở những trận tấn công thật mãnh liệt và lớn vào hậu phương và chính diện các đơn vị địch. Rải các nhóm nhỏ kỵ binh dưới sự chỉ huy của các cán bộ tận tụy và can đảm ra hoạt động trên tất cả các ngã đường.”

Lúc 2 giờ đêm ngày 28-6, tôi lại nói chuyện thêm theo đường liên lạc thẳng với V.E. Cli-mốp-xkích. Tôi trích nội dung cuộc nói chuyện đó:

“Giu-cốp. Đồng chí báo cáo cho biết về tình hình các tập đoàn quân 3, 10 và 4. Min-xơ ở trong tay ai, quân địch ở đâu?

Cli-mốp-xkích. Min-xơ vẫn thuộc ta. Chúng tôi nhận được tin quân địch đổ bộ xuống vùng Min-xơ và Xmô-lê-vi-chi. Bọn địch đổ bộ ở vùng Min-xơ đã bị quân đoàn khinh binh 44 tiêu diệt.

Gần suốt ngày, máy bay địch ném bom đường Bô-ri-xốp - Oóc-sa. Các ga và các quãng đường sắt có bị hư hại. Không có liên

lạc ra-đi-ô với tập đoàn quân 3.

Theo những báo cáo cuối cùng, quân địch đang ở trước khu phòng thủ .

Ba-ra-nô-vi-chi, Bô-brui-xơ, Pu-khô-vi-chi cho đến ngày hôm qua, thuộc quân ta.

Giu-cốp. Về các đồng chí Cu-lích, Bôn-đin, Cô-rốp-cốp ở đâu?

Quân đoàn cơ giới, quân đoàn kỵ binh ở đâu?

Cli-mốp-xkích. Về các đồng chí Cu-lích và Bôn-đin không có tin tức gì. Chúng tôi đã liên lạc với đồng chí Cô-rốp-cốp, đồng chí đó ở sở chỉ huy tại phía đông Bô-brui-xơ. Binh đoàn của Khát-xki-lê-vích tiến về Ba-ra-nô-vi-chi, binh đoàn của A-khơ-lút-tin tiến về Xtôn-bxư.

Giu-cốp. Các binh đoàn của Khát-xki-lê-vích và A-khơ-lút-tin tiến về các nơi đó khi nào?

Cli-mốp-xkích. Các binh đoàn đó bắt đầu tập trung ở đó cuối ngày 26. Hôm qua lúc gần 19 giờ, trợ lý của tư lệnh quân đoàn, đồng chí Xvét-li-sin, đã tới các binh đoàn đó. Ngày mai chúng tôi sẽ phái các chiến sĩ nhảy dù đi truyền đạt mệnh lệnh cho các đồng chí Cu-dơ-nét-xốp và Gô-lu-bép.

Giu-cốp. Quân đoàn khinh binh 21 vượt ra vùng Mô-tô-đếch-nô - Vi-lây-ca có thuận lợi hay không? Đồng chí có biết không?

Cli-mốp-xkích. Về quân đoàn khinh binh 21, chúng tôi được tin nó định rút về hướng Mô-lô-đếch-nô, nhưng tin này chưa được

xác định.

Giu-cốp. Pháo binh nặng ở đâu?

Cli-mốp-xkích. Phần lớn pháo binh nặng ở trong tay chúng tôi. Chúng tôi không nắm được các trung đoàn lựu pháo 375 và 120.

Giu-cốp. Kỵ binh, các quân đoàn cơ giới 13, 14 và 17 ở đâu?

Cli-mốp-xkích. Quân đoàn cơ giới 13 ở Xtôn-bxư. Quân đoàn cơ giới 14 còn lại một số xe tăng, số này đã nhập vào quân đoàn 17 đang ở Ba-ra-nô-vi-chi. Không có tin về nơi ở của kỵ binh.

Đồng chí Cô-rốp-cốp đã đưa số quân còn lại của các sư đoàn 42, 6, 75 ra. Có cơ sở để cho rằng sư đoàn khinh binh 49 ở trong rừng Be-lô-ve-giơ. Chúng tôi đã phái cán bộ đặc biệt nhảy dù đi thẩm tra việc này và đưa sư đoàn ra trước khi trời sáng. Chúng tôi cho rằng đồng chí Cu-dơ-nét-xốp rút ra theo dọc hai bên bờ Nê-man.

Giu-cốp. Hôm nay trận đánh với quân đoàn cơ giới địch trước khu phòng thủ Min-xơ ra sao và bọn địch hôm qua ở Xlút-xơ và trước khu phòng thủ Min-xơ hiện nay ở đâu?

Cli-mốp-xkích. Sư đoàn khinh binh 64 đánh nhau với quân đoàn cơ giới địch ở khu phòng thủ Min-xơ. Quân địch từ Xlút-xơ đang tiến đến Bô-brui-xơ nhưng đến chiều Bô-brui-xơ chưa bị chiếm.

Giu-cốp. Thế nào là “chưa bị chiếm”?

Cli-mốp-xkích. Chúng tôi dự đoán là quân địch định thọc vào

Bô-brui-xơ. Việc đó không xảy ra.

Giu-cốp. Cần thận, quân địch có thể từ phía bắc đi vòng qua khu phòng thủ Min-xơ của các đồng chí. Phải bịt kín hướng Lô-gôi-xơ - Dem-bin - Plê-sê-nít-sa, nếu không, quân địch vòng qua khu phòng thủ sẽ tới Bô-ri-xốp trước các đồng chí. Tôi nói xong. Tạm biệt”.

Mặc dù các chiến sĩ và các cán bộ chỉ huy đã chiến đấu với tinh thần của chủ nghĩa anh hùng tập thể, mặc dù các tướng lĩnh anh dũng xử trí, tình hình ở tất cả các trận địa của Phương diện quân miền Tây vẫn tiếp tục xấu đi. Tối ngày 28-6, quân ta rút khỏi Min-xơ.

Thọc được vào Min-xơ, quân địch bắt đầu tiêu diệt một cách dã man nhân dân thành phố, đất và phá các quý vật văn hóa và di tích lịch sử.

Đại bản doanh và Bộ Tổng tham mưu đau đớn nhận tin quân ta phải bỏ thủ đô Bê-lô-ru-xi. Tất cả chúng tôi đều hiểu rằng những người dân trong thành phố không kịp đi về phía đông, bị lâm vào tình thế nặng nề như thế nào.

Ngày 29-6, I.V. Xta-lin hai lần tới Bộ ủy viên nhân dân quốc phòng, tới Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh và cả hai lần I.V. Xta-lin đều vô cùng bức bối trước tình hình diễn ra ở hướng chiến lược phía tây

Lúc 6 giờ 45 phút ngày 30-6, theo lệnh của Ủy viên nhân dân

quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô, tôi nói chuyện theo máy “Bô-đô” với tư lệnh phương diện quân, đại tướng Đ.G. Páp-lốp. Qua cuộc nói chuyện thì thấy ngay tư lệnh phương diện quân cũng không biết rõ tình hình.

Dưới đây trích dẫn cuộc nói chuyện:

“Giu-cốp. Chúng tôi không thể có quyết định gì được trong khi không biết tình hình ở các vùng Min-xơ, Bô-brui-xơ, Xlút-xơ đã diễn ra như thế nào. Yêu cầu đồng chí cho biết thực chất của tình hình ra sao.

Páp-lốp. Ở vùng Min-xơ quân đoàn khinh binh 44 đang rút về phía nam đường Mô-ghi-lép; tuyến phòng ngự cần phải trụ lại được quy định là Xta-khốp - Chéc-ven.

Ở vùng Xlút-xơ ngày hôm qua, theo sự quan sát của không quân, sư đoàn bộ binh cơ giới 210 chiến đấu ở vùng Si-sét-sur.

Ở vùng Bô-brui-xơ hôm nay vào lúc 4 giờ, quân địch đã bắc cầu và bắt đầu cho 12 xe tăng vượt qua.

Giu-cốp. Quân Đức truyền qua ra-đi-ô rằng hai tập đoàn quân bị chúng bao vây ở phía đông Bê-lô-xtốc. Chắc có phần nào đúng sự thật. Tại sao bộ tham mưu của đồng chí không cử phái viên đi tìm các đơn vị? Các đồng chí Cu-lích, Bôn-đin, Cu-dơ-nét-xốp ở đâu? Quân đoàn kỵ binh ở đâu? Không lẽ, không quân lại không phát hiện ra kỵ binh?

Páp-lốp. Đúng, phần lớn là đúng sự thật. Chúng tôi được biết

rằng ngày 25 và ngày 26 tháng 6 có các đơn vị ta chiến đấu ở trên sông Sa-ra để giành giật đường qua sông với bọn địch chiếm giữ bờ phía đông. Tập đoàn quân 3 định rút theo hai bờ sông Sa-ra.

Quân đoàn khinh binh 21 ở vùng Li-đa. Trước đây có liên lạc vô tuyến với quân đoàn này, nhưng từ hôm qua đã mất liên lạc, quân đoàn đang rút ra khỏi vòng vây về hướng đã quy định.

Không quân không thể tìm thấy kỵ binh và các đơn vị cơ giới, vì tất cả đều ẩn kín để tránh không quân địch. Một nhóm cán bộ có mang theo đài vô tuyến đã được phái đi tìm đồng chí Cu-lích và các đơn vị của ta. Hiện nay chưa có trả lời của nhóm này. Các đồng chí Bôn-đin và Cu-dơ-nét-xốp cũng như đồng chí Gô-lu-bép cho đến ngày 26 tháng 6 đều ở dưới các đơn vị.

Giu-cốp. Nhiệm vụ chủ yếu của đồng chí là nhanh chóng tìm ra các đơn vị và đưa các đơn vị về bên này sông Bê-rê-di-na. Đồng chí hãy trực tiếp nắm lấy việc này và chọn những cán bộ bộ binh và không quân có khả năng để làm nhiệm vụ.

Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh yêu cầu đồng chí trong thời hạn ngắn nhất phải tập hợp toàn bộ số quân của phương diện quân và khôi phục lại trạng thái cần thiết.

Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được để cho các đơn vị địch thọc vào vùng Bô-brui-xơ và vùng Bô-ri-xốp. Dù thế nào đồng chí cũng không được để xảy ra sự gián đoạn của việc tập

trung các quân đoàn ở vùng Oóc-sa - Mô-ghi-lép - Giơ-lô-bin - Rô-ga-chép.

Để lãnh đạo các trận đánh và để đồng chí biết được tình hình diễn ra ở gần Bô-brui-xcơ, cần cử tới đó một nhóm cán bộ mang theo đài vô tuyến và do đồng chí phó của đồng chí chỉ huy. Cần cấp tốc di chuyển các kho tàng để tất cả những kho đó không rơi vào tay địch.

Khi tình hình rõ ràng, đồng chí báo cáo ngay về mọi việc.

Páp-lốp. Để giữ Bô-brui-xcơ và Bô-ri-xốp chúng tôi sẽ điều tất cả các đơn vị thậm chí cả trường huấn luyện”.

Song, tình hình phát triển không tốt hơn bao nhiêu. Ngày 30-6, I.V Xta-lin gọi đây nói tới Bộ Tổng tham mưu và ra lệnh triệu hồi tư lệnh Phương diện quân miền Tây, đại tướng Đ.G. Páp-lốp. Ngày hôm sau, tướng Đ.G. Páp-lốp về đến nơi. Tôi gần như không nhận ra đồng chí, trong 8 ngày chiến tranh, Đ.G. Páp-lốp đã thay đổi hẳn. Ngay trong ngày hôm đó Đ.G. Páp-lốp bị cách chức tư lệnh phương diện quân và ít lâu sau bị đưa ra tòa án: cùng với Đ.G. Páp-lốp, theo đề nghị của Hội đồng quân sự Phương diện quân miền Tây, tòa án xét xử tham mưu trưởng phương diện quân, tướng Cli-mốp-xkích; chủ nhiệm thông tin, tướng Gri-gô-ri-ép; tư lệnh pháo binh, tướng Cu-lích, và các tướng khác trong bộ tham mưu phương diện quân.

Ủy viên nhân dân quốc phòng X.K. Ti-mô-sen-cô được cử làm

tư lệnh Phương diện quân miền Tây, trung tướng A.I. Ê-rê-men-cô làm phó. Các tập đoàn quân của Phương diện quân Dự bị được chuyển sang tăng cường cho Phương diện quân miền Tây. Tại Phương diện quân Tây-bắc, tình hình tiếp tục xấu đi.

Các tập đoàn quân 8 và 11 đã thoát ra khỏi vòng vây, nhưng do bộ tư lệnh phương diện quân, tổ chức kém nên đã rút tản mát theo nhiều hướng khác nhau và bị thiệt hại lớn.

Đề bịt hướng Pơ-xcốp - Lê-nin-grát, Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh ra lệnh cho tư lệnh quân đoàn cơ giới 21, tướng Đ.Đ. Lê-liu-sen-cô từ vùng Ô-pốt-ca - I-dri-sa tiến đến vùng Đau-ga-pin-xơ để đánh chặn, không cho địch vượt qua sông Tây Đờ-vi-na.

Song, nhiệm vụ này hoàn toàn không thể thực hiện được và ngày 26-6, quân địch dùng lực lượng lớn đã vượt qua sông Tây Đờ-vi-na và chiếm Đau-ga-pin-xơ. Tuy vậy quân đoàn cơ giới 21, dừng cảm chuyển sang tấn công quân đoàn mô-tô cơ giới 56 của địch, đã chặn bước tiến của chúng.

Nhớ lại trận này, chuẩn thống chế, bá tước Man-xten, khi đó là tư lệnh quân đoàn mô-tô cơ giới 56 đã viết trong cuốn sách

“Những thắng lợi bị mất” của y:

“... chẳng bao lâu chúng tôi đã phải chuyển sang phòng ngự ở bờ bắc sông Đờ-vi-na chống lại các cuộc tấn công của một sư đoàn xe tăng đối phương. Tại một số trận địa tình hình trở thành nghiêm trọng”.

Song, dưới áp lực của các lực lượng địch nhiều hơn và của không quân địch, quân đoàn cơ giới 21 buộc phải rút về phòng ngự. Trên trận địa phòng ngự này, quân đoàn đã đánh lui các cuộc tấn công của địch, giữ vững vị trí đến tận ngày 2-7. Về sau quân đoàn cơ giới 21 được sát nhập vào tập đoàn quân 27 do thiếu tướng N.E. Béc-da-rin chỉ huy.

Tôi ân cần nhắc lại chiến công xuất sắc và tinh thần chiến đấu dũng cảm của một đơn vị thuộc quân đoàn cơ giới 21, sư đoàn xe tăng 46 do đại tá V.A. Cốp-xốp, anh hùng của Khan-khin Gôn chỉ huy, cũng như của tư lệnh tập đoàn quân 27, tướng N.E. Béc-da-rin. N.E. Béc-da-rin trong thời gian cuối chiến tranh, đã chỉ huy tập đoàn xung kích anh hùng 5 thuộc Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 dũng cảm đột phá Béc-lanh và trở thành tư lệnh quân quản đầu tiên của thành phố.

Cuối tháng, I.V. Xta-lin lại ra quyết định thay đổi cán bộ trong cơ quan lãnh đạo quân đội. Ngày 30-6, trung tướng N.Ph. Va-tu-tin được cử làm tham mưu trưởng Phương diện quân Tây-bắc.

Ngày 2-7, tập đoàn quân 27 bị lực lượng địch uy hiếp, bắt đầu rút lui. Suốt trong thời gian này, tập đoàn quân đã chiến đấu trên một trận tuyến rộng và không còn lực lượng cũng như phương tiện để tổ chức các tuyến phòng ngự ở phía sau.

Vì lực lượng dự bị ta chưa kịp đến sông Vê-li-cai-a, nên quân địch trong hành tiến đã chiếm thành phố Pơ-xcốp. Tập đoàn quân

8 của Phương diện quân Tây-bắc, sau khi bị mất liên lạc với các đơn vị khác đã rút lên phía bắc.

Như vậy là trong 18 ngày đầu chiến tranh, Phương diện quân Tây-bắc đã bị mất Lít-va, Lát-vi-a và một phần lãnh thổ Cộng hòa liên bang Nga, do đó có nguy cơ quân địch sẽ vượt qua Lu-ga tiến về phía Lê-nin-grát mà công sự và thiết bị trên các ngã đường đi vào thành phố này chưa được củng cố và lực lượng bảo vệ lại mỏng.

Trong suốt thời gian này, Bộ Tổng tham mưu không nhận được của bộ tham mưu Phương diện quân Tây-bắc những báo cáo rõ ràng và đầy đủ về tình hình quân ta, về các đạo quân của địch và vị trí của các đoàn quân xe tăng và mô-tô cơ giới của chúng. Đôi khi, đành phải xác định sự phát triển tình hình theo cảm tính, nhưng phương pháp đó, như chúng ta đều biết, không đảm bảo tránh khỏi sai lầm.

Tại Phương diện quân miền Tây - các hướng Vi-tép-xơ, Oóc-sa, Mô-ghi-lép, và Bô-brui-xơ - các trận đánh đầu tháng 7 đã diễn ra trong điều kiện quân địch có ưu thế tuyệt đối về lực lượng cơ giới thiết giáp và không quân. Quân ta mệt mỏi sau những trận chiến đấu liên tiếp, đã rút về phía đông, nhưng trong khi rút, lúc nào cũng cố gắng gây cho địch những thiệt hại lớn nhất và, theo sức mình, kìm lâu chúng tại các tuyến phòng ngự.

Trên triền sông Bê-rê-di-na, quân ta chiến đấu đặc biệt ngoan

cường ở vùng thành phố Bô-ri-xốp, ở đó có trường huấn luyện xe tăng Bô-ri-xốp, do chính ủy sư đoàn I.Đ. Xu-xai-cốp lãnh đạo. Vừa lúc đó sư đoàn bộ binh cơ giới Mát-xcơ-va 1 do thiếu tướng Ya.G. Crây-de chỉ huy được điều động tới. Sư đoàn được kiện toàn theo quy chế thời chiến, được huấn luyện tốt và có các xe tăng T-34. Tướng Ya.G. Crây-de đã chỉ huy sư đoàn và trường huấn luyện xe tăng Bô-ri-xốp đánh chặn được sư đoàn xe tăng tăng cường 18 của địch trong hơn 2 ngày đêm. Trong lúc này điều đó có ý nghĩa quan trọng. Tướng Ya.G. Crây-de chỉ huy các trận đánh rất xuất sắc.

Tại Phương diện quân Nam, quân Đức - Ru-ma-ni từ lãnh thổ Ru-ma-ni tấn công sang, đột kích chủ yếu vào hướng Mô-ghi-lép - Pô-đôn-xcơ - Giơ-mê-rin-ca, đe dọa tiến đánh sườn và hậu phương các tập đoàn quân 12, 26, 6 của Phương diện quân Tây-nam.

Trong 6 ngày đêm đầu tiên của các trận đánh ác liệt, quân địch chọc thủng được tuyến phòng ngự của Phương diện quân Nam và tiến được khoảng 60 km. Tình hình Phương diện quân Tây-nam cũng xấu đi nhiều, bởi vì lúc này quân Đức, sau mấy lần cố gắng, cuối cùng đã bẻ gãy được phòng ngự của ta ở vùng Rốp-nô - Đúp-nô - Crê-mê-nét và ùn ùn kéo vào cửa đột phá.

Ngày 4-7, quân Đức tiến gần đến khu phòng thủ Nô-vô-grát - Vô-lun-xcơ nhưng đến đây các cuộc tấn công của chúng bị đánh

lui và chúng bị thiệt hại lớn.

Các đơn vị cơ giới thiết giáp, xe tăng địch phải trụ lại ở đó gần 3 ngày đêm. Không đạt được kết quả, chúng tập trung lực lượng lại ở phía nam Nô-vô-grát - Vô-lun-xơ và sau đó, ngày 7-7, đánh chiếm Béc-đi-chép và ngày 9-7 chiếm Gi-tô-mia.

Việc quân Đức - Ru-ma-ni chiếm Béc-đi-chép, Gi-tô-mia và tiếp tục tấn công ở hướng Mô-ghi-lép - Pô-đôn-xơ làm cho các tập đoàn quân 12, 26 và 6 của Phương diện quân Tây-nam có nguy cơ bị hợp vây. Các tập đoàn quân này vừa chiến đấu chống lại quân địch đang ào tới, vừa từ từ lui về phía đông.

Ngày 9-7, bộ tư lệnh Phương diện quân Tây-nam đã tổ chức phản kích vào Béc-đi-chép để thủ tiêu nguy cơ thực tế bị hợp vây. Các quân đoàn cơ giới 15, 4 và 16 được điều tới tham gia phản kích. Tập đoàn quân 5 vẫn tiếp tục phản kích từ phía bắc vùng Gi-tô-mia.

Ngay lúc này Phương diện quân Tây-nam đã tiến hành cuộc tập kích mạnh từ khu phòng thủ Cô-rô-xten vào sườn đạo quân xe tăng 1 của địch.

Các trận đánh ở vùng Béc-đi-chép - Gi-tô-mia bắt đầu vào ngày 9-7 tiếp diễn đến ngày 16-7. Bị thiệt hại lớn và sợ ngọn đòn từ phía bắc đánh vào sườn tập đoàn quân chủ yếu của chúng, bộ tư lệnh cụm tập đoàn quân “Nam” của Đức phải tạm ngừng tấn công ở vùng Gi-tô-mia.

Tình hình đó cho phép bộ tư lệnh Phương diện quân Tây-nam cuối cùng đã đưa được chủ lực của các tập đoàn quân 6 và 12 ra khỏi nguy cơ bị hợp vây và củng cố thêm được sự phòng thủ Ki-ép.

Như vậy là, quân địch một lần nữa lại không bao vây được quân của Phương diện quân Tây-nam. Chúng buộc phải luôn luôn tiến hành những trận đánh vô mặt đẫm máu. Và như vậy là các quân đoàn xe tăng thiết giáp, mô-tô cơ giới thuộc tập đoàn quân của Clây-xơ không thể đột phá và tới được dải phòng ngự chiến dịch của ta.

Tại Phương diện quân Bắc, địch bắt đầu tấn công ngày 29-6 nhưng các trận đánh của chúng có tính chất địa phương và không có ảnh hưởng gì đặc biệt tới tình hình chiến lược chung.

Lực lượng hải quân ta trong hồi đầu chiến tranh không có những trận xung đột đặc biệt với lực lượng hải quân Đức mà chủ yếu là đánh lại các đợt tấn công của không quân địch. Tuy vậy Hạm đội Ban-tích cũng lâm vào tình thế khó khăn. Tình hình đặc biệt phức tạp đối với căn cứ hải quân chính, nơi tập trung tất cả các tàu chiến chủ lực và lực lượng dự trữ vật chất của Hạm đội Ban-tích. Và các trận chiến đấu của tập đoàn quân 8 thuộc Phương diện quân Tây-bắc không đạt kết quả nên lực lượng bảo vệ trên đất liền của căn cứ hải quân Ta-lin và thành phố Ta-lin trở nên rất yếu.

Toàn bộ lực lượng của Hạm đội Huân chương Cờ Đỏ Ban-tích, các đội vũ trang của công nhân thành phố được tung ra để bảo vệ thủ đô E-xtô-ni-a. Các tuyến phòng ngự được cấp tốc dựng lên tại các ngã đường đi vào Ta-lin, các vật chướng ngại được xây dựng, các mục tiêu trong thành phố được chuẩn bị để phòng thủ. Nhiều lần địch cố gắng đánh chiếm thành phố và căn cứ hải quân trong hành tiến, nhưng các cố gắng đó đã bị quân đoàn khinh binh 10 thuộc tập đoàn quân 8, các đơn vị lính thủy đánh bộ, pháo binh trên các tàu của hạm đội và các đội vũ trang của dân quân Ta-lin anh dũng đánh lui.

Cuối tháng 7 và gần suốt tháng 8, cuộc chiến đấu để bảo vệ Ta-lin và căn cứ hải quân chủ yếu của Hạm đội vẫn tiếp diễn. Cuối tháng 8, vì quân ta bị kiệt sức và quân địch được tăng cường, Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh quyết định đưa các tàu của hạm đội từ căn cứ ngoài biển về Crôn-xtát và bến Lê-nin-grát, bỏ Ta-lin lại.

Máy bay chiến đấu của hạm đội đã tham gia tích cực và trực tiếp vào việc bảo vệ bàn đạp Ta-lin, nhiều lần tập kích vào các binh đoàn tấn công của địch. Cũng cần phải đánh giá cho đúng chiến công của các chiến sĩ hải quân Ban-tích: ở trên bộ cũng như trên hạm tàu, họ đã chiến đấu như những người anh hùng chân chính. Trong thời kỳ này, Hạm đội Bắc phối hợp với Phương diện quân Bắc đã mở các chiến dịch dùng tàu ngầm đánh vào các tàu vận

tải địch chở quặng kền từ Pét-xa-mô về. Hạm đội Biển Đen chủ yếu đảm bảo việc chở người và vũ khí đạn dược cho các tập đoàn quân ở ven biển và hoạt động trên các đường giao thông của địch để ngăn cản việc chuyển chở của chúng vào các hải cảng Ru-ma-ni và Bun-ga-ri.

Một đội tàu chiến của Hạm đội Biển Đen cùng với không quân đã đánh vào căn cứ của hạm đội Ru-ma-ni ở Côn-xtan-xơ. Máy bay của Hạm đội Biển Đen đã ném bom có hệ thống xuống các vùng khai thác dầu lửa và các đầu mối đường sắt của Ru-ma-ni. Tôi chủ tâm không nói cặn kẽ về các hoạt động chiến đấu của hải quân vì nghĩ rằng các đô đốc và các sĩ quan hải quân sẽ làm việc đó đầy đủ và đặc sắc hơn tôi. Song cần phải nói rằng, kết quả phối hợp hành động của các Phương diện quân trên bộ và hải quân có thể có hiệu quả lớn hơn nữa, nếu như trong những năm trước chiến tranh các vấn đề về phòng thủ bờ biển và phòng thủ các căn cứ hải quân được giải quyết một cách chín chắn hơn. Tiếc rằng, bộ tư lệnh hải quân, Ủy viên nhân dân quốc phòng và Bộ tổng tham mưu nắm lấy những vấn đề này quá chậm. Đã gần 3 tuần lễ kể từ khi phát-xít Đức xé bỏ hiệp ước không tấn công, dùng lực lượng vũ trang xâm nhập vào lãnh thổ nước ta. Chỉ trong thời gian này thôi, quân đội Hít-le đã bị mất gần 10 vạn người, hơn 1.000 máy bay, 1.500 xe tăng (50% tổng số xe tăng mà chúng có trong thời kỳ đầu chiến tranh).

Lực lượng vũ trang Liên Xô, và đặc biệt là Phương diện quân miền Tây cũng bị những thiệt hại lớn, điều đó còn để lại dấu vết rõ rệt trong các sự kiện tiếp diễn về sau. Tương quan lực lượng trên chiến trường Xô - Đức càng biến đổi mạnh về phía có lợi cho quân thù. Địch giành được những thắng lợi quan trọng, đã tiến sâu vào trong nước ta 500 - 600 km, chiếm được những vùng kinh tế quan trọng và những mục tiêu chiến lược.

Tất cả những điều đó quả là rất bất ngờ đối với nhân dân và quân đội ta. Song, trong những ngày tháng nặng nề này, sự nhất trí về tư tưởng - chính trị của những người xô-viết đã xuất hiện với một sức mạnh đặc biệt.

Đảng và nhân dân ta không hề nao núng.

Ngay từ lúc đầu và mỗi ngày một tăng, công tác tổ chức và chính trị to lớn của Đảng được mở rộng toàn diện và đầy đủ nhằm một mục đích: động viên toàn bộ lực lượng nhân dân đứng lên chống quân thù.

Ngay trong ngày 23-6, ta đã thực hiện những kế hoạch động viên đề ra từ trước, trong đó có các kế hoạch sản xuất vũ khí đạn dược. Các Bộ Ủy viên nhân dân nhận được chỉ thị tăng mức sản xuất xe tăng, pháo, máy bay và các loại kỹ thuật chiến tranh khác. Một tuần lễ sau, chính phủ bãi bỏ kế hoạch đang thực hiện của quý ba năm 1941 và phê chuẩn kế hoạch động viên kinh tế quốc dân trong quý đó nhằm tăng mức sản xuất kỹ nghệ chiến

tranh lên hơn 1/4.

Song, các việc xảy ra chứng tỏ rằng, như vậy còn là ít. Vì vậy, một ủy ban do N.A. Vô-dơ-nê-xen-xki làm chủ tịch đã nghiên cứu đề ra cho quý ba năm 1941 kế hoạch kinh tế chiến tranh mới, khẩn trương hơn. Dựa vào các nguồn dự trữ kinh tế đã có cơ sở từ trước chiến tranh, chính phủ thông qua kế hoạch khẩn trương phát triển các vùng Pô-vôn-gie, U-ran, Tây Xi-bê-ri, Ca-dắc-xtan và Trung Á trong năm 1942. Các vùng này đã đóng vai trò lớn lao trong việc chuyển toàn bộ nền kinh tế quốc dân sang kinh tế chiến tranh. Các tỉnh đảng ủy đã làm được nhiều việc lớn để cải tổ và khôi phục kinh tế ở miền đông đất nước. Ví dụ như tỉnh ủy Chê-li-a-bin-xcơ hồi đó do N.X. Pa-tô-li-chép lãnh đạo, đã góp phần đáng kể vào công cuộc quốc phòng.

Chúng ta bắt đầu xây dựng lại công nghiệp và vận tải, phân bố lại các nguồn nhân lực và vật lực, động viên nông nghiệp phục vụ chiến tranh. Hàng nghìn nhà máy mới hôm qua còn sản xuất sản phẩm thời bình, nay đã chuyển sang sản xuất vũ khí đạn dược và kỹ thuật chiến tranh.

Các nhà máy cơ khí, các nhà máy sản xuất máy công cụ được cấp tốc chuyển sang sản xuất xe tăng và máy bay, các nhà máy luyện kim thực hiện các biện pháp để tổ chức việc sản xuất hàng loạt các tấm thiết giáp, vỏ và đầu trái phá, thép cao cấp. Các xí nghiệp công nghiệp ra-đi-ô và điện bây giờ sản xuất các động cơ

và máy phát điện cho xe tăng, máy dò mìn, máy bắt tiếng động, thiết bị ra-đa. É-t-xăng cho máy bay và nhiên liệu cho xe tăng và tàu chiến trở thành sản phẩm chủ yếu của các nhà máy chế biến dầu lửa. Kíp nổ cho các đạn trái phá được đặt lên dây chuyền sản xuất thay vào chỗ các máy móc đồng hồ. Các xe lửa bọc thép bị hỏng được đưa tới các nhà máy sửa chữa của đường sắt.

Quân địch chiếm những vùng kinh tế hết sức quan trọng, làm tê liệt công cuộc động viên ở nhiều quân khu cũ, hàng triệu người Xô-viết, nhiều kho tàng vật chất lớn bị nằm trong hậu phương địch. Trên vùng đất đai bị địch chiếm được trong 3 tuần lễ đầu, có 40% dân số, đó cũng là nơi sản xuất hơn 1/3 tổng sản lượng của cả nước. Mức sản xuất các vật liệu chiến lược, gang, thép, thép dẹt, điện lực, giảm rất nhiều. Nguy cơ đang uy hiếp các trung tâm công nghiệp mới.

Cần phải có những phương sách khác thường để bóc các nhà máy còn nguyên vẹn lên, đưa nó về phía đông, kết hợp nó với các xí nghiệp đang hoạt động ở đó, và dựa vào phần đất nước này để đánh địch, chặn nó lại, đánh gục nó.

Những công việc lớn lao chưa từng thấy trong lịch sử về quy mô và tính chất của nó được tiến hành khẩn trương. Ngày 24-6, Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng ủy viên nhân dân Liên Xô ra quyết định thành lập ủy ban di chuyển do N.M. Svéc-ních làm Chủ tịch, A.N. Cô-xư-ghin, M.G. Péc-vu-khin làm Phó chủ

tịch. Tại các bộ Ủy viên nhân dân có các phòng và các ban phụ trách công tác di chuyển. Hơn 1.500 xí nghiệp lớn, chủ yếu là các xí nghiệp lớn, các xí nghiệp quốc phòng đã được di chuyển trong thời hạn rất ngắn - từ tháng 6 đến tháng 11 năm 1941 - và nhanh chóng trở lại hoạt động. Trong khi đó, như dòng thác không ngừng cả ngày lẫn đêm, các đoàn tàu xe vẫn chở quân và vũ khí tiến về phía Tây và Tây-nam.

Toàn bộ sự giao lưu vĩ đại đó diễn ra với sự khẩn trương cao độ về sức lực gây ra nhiều sự rối loạn, xung đột, làm thần kinh căng thẳng, nhưng vẫn được tiến hành không phút đình trệ, ngày càng tăng, càng phục tùng chặt chẽ vai trò lãnh đạo và tổ chức của Đảng.

Tôi nghĩ rằng thời kỳ anh hùng đó trong đời sống của nhân dân Liên Xô, của Đảng ta không thể lãng quên được, và cho đến nay, tất cả những việc nói chung mà Đảng và nhân dân ta đã làm về phương diện kinh tế. trong những năm chiến tranh vẫn chưa được khai thác, miêu tả đầy đủ. Mà chính trong những thời kỳ gay gắt đó, dưới ánh sáng của những sự kiện hùng vĩ đó, đã hiện lên một cách rõ nhất những tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, của nền kinh tế quốc dân dựa trên cơ sở sở hữu xã hội.

Bản anh hùng ca lao động của nhân dân trong việc di chuyển và khôi phục các nguồn lực sản xuất trong những năm chiến tranh và công tác tổ chức cực kỳ lớn lao của Đảng trong việc này, về

mặt quy mô rộng lớn và ý nghĩa của nó đối với vận mệnh của Tổ quốc ta, cũng ngang với các chiến dịch vĩ đại nhất của Thế chiến thứ hai.

Nếu như tôi không nhớ sai, thì ngay trong những ngày đầu chiến tranh, theo quyết định của Bộ Chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng, đã có hơn 50 ủy viên và ủy viên dự khuyết Ban chấp hành trung ương Đảng, hơn 100 bí thư các đảng ủy biên khu, tỉnh ủy và các Ban chấp hành trung ương Đảng các nước Cộng hòa liên bang, các cán bộ nhà nước lỗi lạc và giàu kinh nghiệm đã được cử trực tiếp làm công tác quân sự. Đảng đã lập tức thi hành nhiều biện pháp thực tế để tăng cường sự lãnh đạo tập trung đối với mọi mặt của đời sống đất nước và cuộc chiến đấu của các lực lượng vũ trang. Cơ quan của Ban chấp hành trung ương Đảng được cải tổ, chức năng và nhiệm vụ giữa các ủy viên Trung ương Đảng trong việc lãnh đạo các mặt công tác quân sự, kinh tế và chính trị được quy định rõ .

Đảng ta có kinh nghiệm biến đất nước trở thành một doanh trại quân đội thống nhất. Tôi đã nói tới điều đó ở đầu cuốn sách. Kinh nghiệm này được áp dụng ngay từ những ngày đầu chiến tranh, có tính toán cả đến những điều kiện mới. Kinh nghiệm này do Lê-nin đề ra đầu tiên, những nguyên tắc Lê-nin chỉ đạo việc tiến hành mọi công việc khi đất nước gặp cơn nguy hiểm sống còn là cơ sở cho toàn bộ sự hoạt động của những người đảng

viên cộng sản ở tiền tuyến cũng như ở hậu phương. Nhân dân tin tưởng rằng Đảng sẽ tìm ra con đường thoát khỏi tình hình khó khăn đã xảy ra và sẽ biết cách tổ chức đánh tan quân phát-xít Đức. Chỉ cốt có thời gian.

Ngày 30-6-1941, Hội đồng quốc phòng Nhà nước do Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng, I.V. Xta-lin, đứng đầu được thành lập. Đó là cơ quan có đủ uy tín để lãnh đạo công cuộc phòng thủ đất nước, nó tập trung trong tay toàn bộ quyền lực. Các tổ chức nhân dân, Đảng, Nhà nước đều có trách nhiệm thi hành mọi quyết định và chỉ thị của Hội đồng quốc phòng Nhà nước.

Để kiểm tra sự thi hành các quyết định và chỉ thị đó, Hội đồng quốc phòng Nhà nước có các đại diện của mình tại các biên khu và các tỉnh, tại các Bộ Ủy viên nhân dân công nghiệp, quốc phòng, tại các xí nghiệp và công trình chủ yếu nhất.

Những vấn đề quan trọng nhất của thời đó được thảo luận và quyết định trong các phiên họp của Hội đồng quốc phòng Nhà nước được triệu tập vào bất kỳ lúc nào trong ngày đêm, thường là ở Crem-lanh hoặc ở nhà riêng của I.V. Xta-lin. Ý đồ của những chiến dịch lớn nhất được Hội đồng quốc phòng Nhà nước cùng với Ban chấp hành trung ương Đảng, các Ủy viên nhân dân mà quyền hạn được mở rộng nhiều, xem xét. Điều đó cho phép, khi có điều kiện, đảm bảo tập trung được các lực lượng vật chất

to lớn vào các hướng quan trọng nhất, cho phép thực hiện một đường lối thống nhất trong lĩnh vực lãnh đạo chiến lược và dựa chắc chắn vào một hậu phương có tổ chức, nó là điều kiện thuận lợi để gắn liền sự hoạt động chiến đấu của quân đội với sức cố gắng của cả nước.

Rất nhiều lần trong các phiên họp của Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã nổ ra những cuộc tranh luận gay go trong đó những ý kiến được nêu ra một cách khẳng định và gay gắt, và I.V. Xta-lin thường thường đi đi lại lại gần bàn, chăm chú nghe các đồng chí khác tranh luận. I.V. Xta-lin ít lời và không ưa người khác nhiều lời, thường ngăn những người nói bằng những tiếng “ngắn hơn”, “rõ hơn”. I.V. Xta-lin khi khai mạc các phiên họp, không có những lời nói mở đầu, I.V. Xta-lin nói khoan thai, tự nhiên, chỉ đi vào thực chất của vấn đề, nói gọn, diễn đạt rõ ràng các ý nghĩ. Nếu trong phiên họp của Hội đồng quốc phòng Nhà nước mà không đi tới ý kiến thống nhất, thì lập tức thành lập tiểu ban gồm đại diện các phía đối lập nhau và tiểu ban này có nhiệm vụ nêu ra những ý kiến đã nhất trí. Đây là vào những trường hợp khi I.V. Xta-lin chưa có ý kiến dứt khoát. Còn nếu I.V. Xta-lin tới họp đã có ý định sẵn thì hoặc các cuộc tranh luận không nổ ra hoặc các cuộc tranh luận nhanh chóng chấm dứt khi I.V. Xta-lin ngả về một trong các phía.

Trong toàn bộ thời gian chiến tranh, Hội đồng quốc phòng Nhà

nước đã thông qua gần một vạn quyết định và chỉ thị có tính chất quân sự và kinh tế. Thực hiện nghiêm chỉnh và tích cực các chỉ thị và nghị quyết đó chính là đảm bảo chấp hành đường lối thống nhất lãnh đạo đất nước của Đảng trong thời kỳ khó khăn gian khổ này.

I.V. Xta-lin là một người cương nghị và, như phương ngôn nói, không phải là người non gan. Chỉ có một lần tôi thấy I.V. Xta-lin hơi bàng hoàng, đó là vào buổi sớm ngày 22-6-1941: lòng tin tưởng của I.V. Xta-lin vào khả năng tránh được chiến tranh bị sụp đổ.

Sau ngày 22-6-1941, trong suốt cả cuộc chiến tranh, I.V. Xta-lin cùng với Ban chấp hành trung ương Đảng và Chính phủ Liên Xô đã vững vàng lãnh đạo đất nước, lãnh đạo cuộc đấu tranh vũ trang và sự thực hiện nhiệm vụ quốc tế của chúng ta.

Những thất bại và những thiệt hại nặng nề xảy ra trong thời gian đầu chiến tranh làm cho cuộc chiến đấu diễn biến phức tạp thêm. Quân đội vừa chiến đấu vừa rút về phía sâu trong đất nước. Hội đồng quốc phòng Nhà nước, Ban chấp hành trung ương Đảng và các tổ chức Đảng tại các địa phương đã dùng mọi biện pháp cần thiết để giải thích cho nhân dân rõ tình thế bắt buộc phải tạm thời rút lui.

Mặc dù tình hình rất phức tạp, các tổ chức Đảng và các cơ quan Nhà nước U-crai-na, Bê-lô-ru-xi và các nước Cộng hòa miền Pri-

ban-tích đã triển khai có kết quả công tác động viên nhân dân tích cực đấu tranh với quân thù. Để thực hiện mục đích này, tại các vùng tạm thời phải bỏ lại, đã thành lập nhiều tổ chức bí mật của Đảng và Đoàn thanh niên cộng sản, đã đào tạo đội ngũ cán bộ cốt cán của các đội du kích trong đó có các chiến sĩ Hồng quân, cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị của các đơn vị đã thoát khỏi vòng vây. Đặt chân lên đất nước ta, quân địch không những mau chóng thấy rõ lòng căm thù của người Xô-viết đối với bọn phát-xít Đức xâm lược mà ngay lập tức còn bị những người đã rút vào hoạt động bí mật đánh đau.

Trong những ngày đó, Bộ tư lệnh Liên Xô không có cách nào khác, ngoài việc phải chuyển sang phòng ngự về chiến lược. Lúc đó chưa có lực lượng cũng như phương tiện để tiến hành các chiến dịch tấn công, đặc biệt là những chiến dịch lớn. Cần phải thành lập các lực lượng dự bị chiến lược lớn, vũ trang đầy đủ cho số quân đó, để có sức mạnh lớn hơn địch để giành lại từ tay địch thế chủ động; sau đó chuyển sang tấn công, mở đầu việc đuổi các lực lượng địch ra khỏi Liên Xô.

Tất cả những điều đó đã được thực hiện, nhưng mãi về sau này. Quân ta chuyển sang phòng ngự chiến lược trong quá trình rút lui bị động. Chúng ta phải hành động trong tình thế không đủ lực lượng để bố trí đội hình chiến dịch - chiến thuật, thiếu lực lượng và phương tiện để tổ chức phòng ngự có chiều sâu và đặc biệt là

không xây dựng được xương sống của nó - việc phòng ngự chống xe tăng.

Không thể không nói tới sự yếu ớt của các phương tiện cao xạ phòng không của chúng ta và tình trạng không đủ tới mức cần thiết không quân để bảo vệ bầu trời. Trong thời kỳ đầu chiến tranh, quân địch đã làm chủ trên không, điều đó ảnh hưởng nhiều đến sức vững vàng của quân ta

Tuy vậy, mặc dù có nhiều thiếu sót và đôi khi tinh thần chống cự của chính các đơn vị cũng không đều nhau, công cuộc phòng ngự chiến lược về cơ bản vẫn được tổ chức xong.

Như chúng ta biết, trong các giai đoạn thứ hai và thứ ba của cuộc chiến tranh, khi bọn Hít-le thấm đau vì những thất bại trên khắp chiến trường Liên Xô, chúng đã không thể xây dựng nổi việc phòng ngự như thế

Mục đích chủ yếu nhất của phòng ngự chiến lược của ta lúc đó là:

- Kìm thật lâu quân phát-xít lại trên các tuyến phòng ngự để tranh thủ thời gian nhiều nhất đưa các lực lượng từ phía sau tới và thành lập các lực lượng dự bị mới, điều động và triển khai các lực lượng đó trên các hướng quan trọng nhất.
- Gây cho địch những thiệt hại lớn nhất, làm cho chúng mỗi mệt và hao hụt và do đó phần nào làm cân bằng so sánh lực lượng.
- Đảm bảo thực hiện các biện pháp của Đảng và Chính phủ trong

việc di nhân dân và các mục tiêu công nghiệp vào sâu trong nước, tranh thủ thời gian để chuyển công nghiệp sang phục vụ nhu cầu chiến tranh.

- Tích lũy tối đa các lực lượng và chuyển sang phản công để đập tan toàn bộ kế hoạch chiến tranh của bọn Hít-le.

Trong phòng ngự chiến lược, quân ta không những chống lại quân địch ở trên bộ, trên không và trên biển, mà quan trọng hơn cả là mở hàng loạt cuộc phản kích, ráo riết đánh vào quân thù. Ở bất cứ nơi nào có thể được, quân đội và du kích ta đã chiến đấu dũng cảm, gây thiệt hại hết sức to lớn cho bọn phát-xít xâm lược. Vào ngày thứ năm của cuộc chiến tranh, theo quyết định của Ban chấp hành trung ương Đảng, bắt đầu có cuộc động viên các đảng viên và đoàn viên thanh niên cộng sản ra tiền tuyến, trong đó có những người làm chiến sĩ chính trị. Họ sẽ trở thành chỗ dựa cho các tổ chức Đảng trong quân đội.

Sát trước chiến tranh, trong Hồng quân và Hải quân có hơn 65 vạn đảng viên và 1/3 ba tổng số quân là các đoàn viên thanh niên cộng sản. Chỉ riêng trong 6 tháng đầu chiến tranh đã có hơn 110 vạn đảng viên cộng sản ra tiền tuyến.

Trong sách báo nước ngoài cho đến nay vẫn thường định nghĩa các đảng viên cộng sản, các cán bộ Đảng như là một hạng “người đặc biệt” tầng lớp có đặc quyền ở xã hội ta. Với tư cách là một quân nhân, tôi mong cho bất kỳ nước nào cũng có được

“lớp người đặc biệt” đó, lớp người mà đại biểu của nó đã có thể hy sinh anh dũng và không chút do dự vì Tổ quốc mình.

Tôi đã nhiều lần chuyện trò với các chiến sĩ chính trị đang trên đường đi tới các đơn vị quân đội. Những con người này có lòng tin tưởng đặc biệt sắt đá vào thắng lợi của chúng ta. “Chúng tôi sẽ đứng vững?” - họ thường nói như vậy. Và tôi cảm thấy đó không chỉ là lời nói, đó là hình tượng của suy nghĩ, đó là chủ nghĩa yêu nước xô-viết chân chính. Bằng tinh thần lạc quan cao độ của mình các chiến sĩ chính trị đã mang lại tin tưởng cho những người bắt đầu mất tinh thần.

Ngày 3-7, trong bài diễn văn trên đài phát thanh, I.V. Xta-lin thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng, giải thích về tình hình đã diễn ra trên các mặt trận và kêu gọi nhân dân Liên Xô khẩn trương tổ chức lại đời sống và nền kinh tế củ.a đất nước cho phù hợp với yêu cầu của một cuộc chiến tranh chống một kẻ thù mạnh, xảo quyệt và độc ác. I.V. Xta-lin kêu gọi Đảng và nhân dân đứng lên tham gia vào cuộc chiến đấu thiêng liêng chống quân thù, chấm dứt thái độ vô tư và nâng cao tinh thần cảnh giác. Bài diễn văn đáng ghi nhớ này của I.V. Xta-lin dựa vào chỉ thị của Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng Ủy viên nhân dân Liên Xô gửi ngày 29-6-1941, cho tất cả các tổ chức Đảng và Nhà nước tại các tỉnh sát tiền tuyến. Lời kêu gọi này đề ra những nhiệm vụ cơ bản của nhân dân và các lực lượng vũ trang Liên Xô

trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại.

Hướng về nhân dân, diễn văn của I.V. Xta-lin, chỉ thị của Đảng và Chính phủ đã vang lên như hồi chuông báo động mạnh mẽ, trong đó vẳng lên âm thanh lời hiệu triệu nổi tiếng của Lê-nin: “Tổ quốc xã hội chủ nghĩa lâm nguy?”. Mọi người cảm thấy rằng, tiếng phẫn nộ và giục giã của hồi chuông đó chỉ sẽ ngừng vang khi nào tên phát-xít xâm lược cuối cùng phải rút khỏi đất đai của Tổ quốc ta.

Trong đời sống của bất kỳ nước nào, ở những thời kỳ khó khăn, khủng hoảng, khi bị kẻ thù bên trong hoặc quân thù bên ngoài tấn công, đều cần có một lời hiệu triệu, một khẩu hiệu nêu rõ và đầy đủ những cố gắng cần có của toàn thể nhân dân, có khả năng đoàn kết tất cả mọi người lại. Nhân dân ta đã tin cậy giao phó vận mệnh của mình cho Đảng, Đảng cần nêu rõ mục tiêu và chỉ rõ kẻ thù, phát động được tất cả các tầng lớp, các giai cấp đứng lên chiến đấu. Đảng ta đã hoàn toàn nắm được nghệ thuật đó, nghệ thuật mà chỉ có người lãnh đạo chân chính của nhân dân mới có.

Lúc này bằng khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng?”, Đảng đã hướng từng người Xô-viết nhìn thẳng vào mối nguy cơ. Những người có các quan điểm và thói quen khác nhau, các quân nhân và cán bộ dân sự, đàn ông và đàn bà, không phân biệt tuổi tác và thành phần đã đoàn kết lại xung quanh khẩu hiệu

đó.

Vì mục đích yêu nước cao cả - bảo vệ Tổ quốc mình - nhân dân Nga, tất cả các dân tộc trên đất nước ta, đã đứng thẳng lên, với tinh thần kiên cường thống nhất của mình, họ đã làm tăng sức mạnh vật chất và sức mạnh của vũ khí lên gấp bội.

Tháng 7, để tăng cường công tác Đảng, công tác chính trị và củng cố ảnh hưởng của Đảng trong các lực lượng vũ trang, theo quyết định của Ban chấp hành trung ương Đảng, đã tiến hành việc cải tổ các cơ quan tuyên truyền chính trị trong quân đội và áp dụng chế độ chính ủy.

Ngay từ những ngày đầu chiến tranh sự hoạt động của tất cả các tổ chức quần chúng đều phục tùng lợi ích của tiền tuyến. Theo ý kiến của Ban chấp hành trung ương Đảng, Hội đồng trung ương các công đoàn Liên Xô, Ban chấp hành trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Lê-nin đã đề ra nhiều biện pháp thiết thực để phục vụ tiền tuyến về mọi mặt, để củng cố kỷ luật lao động và nâng cao năng suất lao động ở hậu phương, tăng cường việc chăm sóc thương binh và các gia đình quân nhân, để chuẩn bị các lực lượng dự trữ cho chiến đấu, tổ chức nhân dân lao động tích cực tham gia vào công cuộc phòng không ở địa phương.

Tại tiền tuyến và ở hậu phương, các thanh niên gái, trai của chúng ta đã nêu cao gương chủ nghĩa yêu nước Xô-viết và luôn luôn sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc.

Tôi có nói chuyện với một số đoàn viên thanh niên cộng sản trước khi họ được đưa vào hậu địch làm nhiệm vụ trinh sát và phá hoại. Tiếc rằng tôi không ghi lại họ tên của những anh chị em đó, nhưng những lần gặp gỡ họ vẫn còn lại trong trí nhớ tôi. Tôi muốn kể lại một cuộc gặp gỡ.

Trong những ngày đầu tháng 7, khi Min-xơ đã bị địch chiếm và quân địch đang lao về phía sông Bê-rê-di-na, một tổ trinh sát phá hoại có nhiệm vụ nhảy dù xuống hậu địch ở vùng Min-xơ. Tổ có hai thanh niên gái và hai thanh niên trai, đều là đoàn viên thanh niên cộng sản, thạo tiếng Đức. Nếu như tôi không nhầm thì hai em gái trước có học ở trường đại học tiếng nước ngoài.

Trong khi nói chuyện, tôi được biết họ là người Mát-xơ-va. Tôi hỏi, bay vào hậu địch có sợ không, họ nhìn nhau và mỉm cười trả lời:

- Tất nhiên là hơi sờ sợ. Nếu chúng bắt được vào lúc đang xuống đất thì sẽ hỏng việc. Còn nếu không bắt được vào lúc ấy thì mọi việc sẽ đâu vào đó

Các thanh niên gái, trai này còn rất trẻ và đẹp nét. Tổ quốc kêu gọi họ, và họ đã đi vào làm những việc khó khăn nguy hiểm. Tôi không biết tình hình của họ sau đó ra sao. Nếu như người nào trong tổ này còn sống, có thể, người đó còn nhớ cuộc gặp gỡ này ở Mát-xơ-va, tại Bộ Tổng tham mưu, ở phố Phơ-run-dê, vào những ngày tháng 7 năm 1941...

Những thiệt hại đáng kể về quân số và phương tiện vật chất buộc phải tiến hành nhiều biện pháp tổ chức để kiện toàn bộ chỉ huy quân đội và củng cố sức chiến đấu của các bộ đội và binh đoàn. Hệ thống quân đoàn tạm thời giải tán, số cán bộ và phương tiện liên lạc dôi ra được dùng vào việc củng cố các tập đoàn quân và các sư đoàn. Trong tập đoàn quân trước đây có từ 9 - 12 sư đoàn, nay có 6 sư đoàn. Đơn vị chiến thuật cao nhất trước là quân đoàn nay là sư đoàn. Số máy bay ở các trung đoàn và sư đoàn không quân giảm bớt một nửa. Việc thành lập lực lượng dự bị của Bộ Tổng tư lệnh được tiến hành khẩn trương.

Hội đồng quốc phòng Nhà nước và Ban chấp hành trung ương Đảng đòi hỏi các cơ quan chỉ huy và cơ quan chính trị phải dùng mọi biện pháp để củng cố kỷ luật trong quân đội. Để thực hiện nhiệm vụ này, Tổng cục chính trị và Ủy viên nhân dân quốc phòng đã ra nhiều chỉ thị.

Tháng 7, tình hình ở tất cả các hướng lại trở nên phức tạp hơn nữa. Tuy một số lớn các đơn vị từ các quân khu phía trong tới đã bước vào chiến đấu, chúng ta vẫn chưa xây dựng được thế trận phòng ngự chiến lược vững chắc. Quân địch, trên các hướng quyết định, mặc dù bị thiệt hại lớn, vẫn có ưu thế gấp ba, bốn lần, chưa kể xe tăng.

Việc vận chuyển quân đội ta bằng đường sắt, vì nhiều nguyên nhân, không được thực hiện liên tục. Các đạo quân tới nơi

thường được sử dụng ngay khi chưa tập trung đầy đủ, do đó ảnh hưởng không tốt tới tình hình chính trị tư tưởng và sức chiến đấu bền bỉ của các đơn vị.

Chỗ yếu của ta trong phòng ngự về mặt chiến dịch - chiến thuật chủ yếu là ở chỗ, do thiếu lực lượng và phương tiện nên không lập được nhiều tuyến theo chiều sâu. Phòng ngự của các bộ đội và binh đoàn, về thực chất mang tính chất tuyến kéo dài. Vì thiếu sức kéo nhanh và sức kéo trên bất kỳ đường nào nên quân ta không thể cơ động rộng rãi pháo binh để khi cần thiết, yểm hộ các đơn vị đẩy lùi các cuộc tấn công bằng xe tăng của địch. Các phương diện quân và các tập đoàn quân còn lại rất ít đơn vị xe tăng. Trận đánh ác liệt giành Xmô-len-xơ đã diễn ra trong những điều kiện đó.

Phòng giữ hướng Xmô-len-xơ từ phía tây-bắc có tập đoàn quân 22 do trung tướng Ph.A. éc-sa-cốp chỉ huy, lùi về phía sau, bên sườn trái của nó là tập đoàn quân 19 do trung tướng I.X. cô-nép chỉ huy, tại trận địa từ Vi-tép-xơ đến Oóc-sa có tập đoàn quân 20 do trung tướng P.A. Cu-rốt-kin chỉ huy, quá phía nam theo bờ trái sông Đơ-nép đến Rô-ga-chép có tập đoàn quân 13 do trung tướng Ph.N. Rê-mê-dốp chỉ huy. Ở vùng Xmô-len-xơ, tập đoàn quân 16 do tướng M.Ph. Lu-kin chỉ huy - được tập trung thành lực lượng dự bị của phương diện quân. Tại cánh phía nam Phương diện quân miền Tây có tập đoàn quân 21 do trung tướng

V.Ph. Ghê-ra-xi-men-cô, và sau đó do thượng tướng Ph.I. Cu-dơ-nét-xốp chỉ huy, hoạt động.

Ý đồ của địch là dùng các đoàn xung kích rất mạnh để cắt Phương diện miền Tây của ta ra, bao vây các lực lượng cơ bản của ta ở vùng Xmô-len-xơ và mở đường tiến đánh Mát-xơ-va. Bên những bức tường của thành phố Nga cổ kính, trước kia đã từng làm chướng ngại ghê gớm trên đường quân đội Na-pô-lê-ông tiến vào Mát-xơ-va, nay lại nổ ra trận đánh ác liệt. Trận đánh này kéo dài 2 tháng.

Mở đầu cuộc tấn công vào Phương diện quân miền Tây, địch đã dùng đạo quân xe tăng 2 và 3 thuộc cụm tập đoàn quân “Trung tâm” làm thê đội 1. Đạo quân xe tăng 2 từ vùng Sơ-clốp dùng lực lượng đột kích chủ yếu đánh vu hồi Xmô-len-xơ ở phía tây-nam, còn quân đoàn cơ giới 24 của nó - từ vùng Bu-khốp đánh vào Cri-chép và En-nha. Đạo quân xe tăng 3 phối hợp với các quân đoàn 5 và 6 đánh vu hồi Xmô-len-xơ ở phía tây-bắc. Quân địch có lực lượng mạnh hơn ta nhiều.

Ngay từ đầu cuộc tấn công, địch đã đột phá sâu vào các vùng Pô-lốt-xơ, Vi-tép-xơ phía bắc và phía nam Mô-ghi-lép. Cánh phải Phương diện quân miền Tây buộc phải lui về Nê-ven. Các đạo quân xe tăng của Gu-đê-ri-an liền lao về phía Mô-ghi-lép.

Địch dùng bốn sư đoàn bộ binh, một sư đoàn xe tăng, trung đoàn “Đại Đức” và các đơn vị khác của chúng tấn công vào Mô-ghi-

lép.

Các binh đoàn của tập đoàn quân 13 của ta, ngoan cường bảo vệ thành phố, đã bị bao vây.

Quân đoàn 61 của tướng Ph.A. Ba-cu-nin phòng ngự ở vòng ngoài thành phố. Sư đoàn khinh binh 172 do thiếu tướng M.T. Rô-ma-nốp chỉ huy, đã chiến đấu đặc biệt xuất sắc trong các trận đánh bảo vệ Mô-ghi-lép. Gần 45.000 người dân Mô-ghi-lép đã tham gia xây dựng các công sự phòng ngự. Trong 23 ngày, các chiến sĩ dũng cảm bảo vệ thành phố đánh lui nhiều cuộc tấn công của giặc. Phối hợp với các sư đoàn sườn phải của tập đoàn quân 21 thường xuyên mở các cuộc phản kích từ phía nam lên hướng Mô-ghi-lép, họ đã giam chân một phần lực lượng các quân đoàn mô-tô cơ giới 46, 24 thuộc đạo quân xe tăng 2 của địch và đã gây cho chúng những thiệt hại đáng kể. Trong các trận đánh ở gần Mô-ghi-lép, Hít-le đã mất 3 vạn lính và sĩ quan.

Trong khi quân địch tấn công từ Đơ-nép về phía đông, các đơn vị của tập đoàn quân 21 (tư lệnh là tướng Ph.I. Cu-dơ-nét-xốp) đã vượt sông này ngày 13-7, giải phóng được Rô-ga-chép và Giơ-lô-bin và vừa đánh vừa tiến theo hướng tây-bắc về Bô-brui-xcơ.

Quân đoàn khinh binh 63, do L.G. Pê-tơ-rốp-xki chỉ huy, là đơn vị phụ trách mũi đột kích chủ yếu. Một ngày sau, L.G. Pê-tơ-rốp-xki đã anh dũng hy sinh. Tôi biết rõ L.G. Pê-tơ-rốp-xki, một

trong số các tướng lĩnh có tài và có kiến thức, nếu như đồng chí không bị hy sinh sớm, thì tôi tin rằng, đồng chí sẽ trở thành người cán bộ chỉ huy cao hơn. Bằng cuộc phản kích này, tập đoàn quân 21 đã giam chân 8 sư đoàn Đức. Lúc đó việc ấy có ý nghĩa rất lớn.

Cuộc chiến đấu phòng ngự ngoan cường của tập đoàn quân 13 ở vùng Mô-ghi-lép, những đợt tấn công của tập đoàn quân 21 ở gần Bô-brui-xcơ đã kìm chân rõ rệt bước tiến của địch ở hướng Rô-xláp. Bộ chỉ huy cụm tập đoàn quân “Trung tâm” Đức buộc phải đưa một số sư đoàn từ các trận địa khác đến vùng hoạt động của tập đoàn quân 21.

Tại khu vực giữa mặt trận, các trận đánh ác liệt với quân chủ lực địch đã đột phá về phía Xmô-len-xcơ vẫn tiếp diễn. Các đơn vị của tập đoàn quân 20 vừa liên tục tiến công địch, vừa phòng ngự trên chính diện rộng, nhưng vẫn không thể chặn được cuộc tấn công của tập đoàn quân 9 của địch. Các binh đoàn xe tăng địch đã vòng qua tập đoàn quân của ta và lọt vào Xmô-len-xcơ.

Hội đồng quốc phòng Nhà nước và đặc biệt là I.V. Xta-lin rất đau lòng khi nhận được tất cả những tin đó. I.V. Xta-lin không kìm được mình, đã nổi giận. Các cán bộ lãnh đạo quân sự chúng tôi đã chịu đựng toàn bộ sự nặng nề của cơn tức giận đó của Xta-lin. Song các trận đánh ở vùng Xmô-len-xcơ không những không giảm đi mà ngược lại càng thêm ác liệt. Đại bản doanh cấp tốc

thành lập mặt trận phòng ngự mới, bố trí nó ở hậu phương
Phương diện quân miền Tây.

Ngày 14-7, ngay trong khi các trận đánh còn đang diễn ra trên
các ngã đường vào Xmô-len-xcơ, đã có quyết định thành lập
phương diện quân mới của các đơn vị dự bị gồm các tập đoàn
quân 29, 30, 24, 28, 31 và do trung tướng I.A. Bóc-đa-nốp chỉ
huy, phần lớn các đơn vị của phương diện quân này về sau đã sát
nhập vào Phương diện quân miền Tây. Các tập đoàn quân này
được bố trí rải ra trên tuyến Xta-rai-a Ru-xa - Ô-xta-scốp - Be-
lui - En-nha - Bri-an-xcơ. Để bảo vệ các ngã đường phía xa vào
Mát-xcơ-va, lại có quyết định thành lập mặt trận mới trên tuyến
phòng ngự Mô-gia-ích và dự định bố trí ở đó các tập đoàn quân
32, 33, 34, mới được thành lập.

Để khắc phục tình hình cực kỳ nguy hiểm đã xảy ra, Đại bản
doanh quyết định giao cho tư lệnh Phương diện quân miền Tây,
nguyên soái X.K Ti-mô-sen-cô 20 sư đoàn khinh binh lấy từ các
tập đoàn quân của Phương diện quân Dự bị. Các sư đoàn này
nhập vào các tập đoàn quân do thiếu tướng K K. Rô-cô-xốp-xki,
thiếu tướng V.A. Khô-men-cô, trung tướng X.A. Ca-li-nin, trung
tướng V.Ya. Ca-cha-lốp, trung tướng I.I. Ma-xlen-ni-cốp chỉ
huy.

Theo chỉ thị của Đại bản doanh, nguyên soái X.K. Ti-mô-sen-cô
đã giao cho các tập đoàn quân này nhiệm vụ: mở các cuộc phản

kích từ các vùng Be-lưi - Yác-xê-vô - Rô-xláp theo hướng chung về Xmô-len-xcơ, tiêu diệt số quân địch đã đột nhập và bắt liên lạc với lực lượng cơ bản của phương diện quân đang chiến đấu ngoan cường trong vòng vây ở vùng Xmô-len-xcơ.

Trong nửa thứ hai của tháng 7, các trận đánh ở vùng Xmô-len-xcơ và phía đông Xmô-len-xcơ diễn ra ngày càng thêm ác liệt. Trên khắp mặt trận, quân địch đã gặp sự đánh trả tích cực của các đơn vị Hồng quân.

Ngày 23-7, một bộ phận thuộc tập đoàn quân 28 bắt đầu tấn công từ vùng Rô-xláp, còn ngày 24 và 25 thì các đơn vị của tập đoàn quân 30 và 24 tấn công từ vùng Bê-lưi - Yác-xê-vô. Các đơn vị của tập đoàn quân 16 và 20 cũng vòng qua phía bắc và phía nam Xmô-len-xcơ tiến ra. Quân địch lập tức đưa quân tăng viện đến vùng Xmô-len-xcơ với ý định đánh tan các đơn vị của tập đoàn quân 16 và 20 thuộc Phương diện quân miền Tây đang bị bao vây ở đây. Trận đánh vì vậy mang tính chất vô cùng ác liệt.

Được sự viện trợ của tập đoàn quân K.K. Rô-cô-xốp-xki có bộ đội xe tăng đi cùng, phần lớn các đơn vị của tập đoàn quân 16 và 20 đã chọc thủng vòng vây ở phía nam Yác-xê-vô, tiến ra bờ phía đông sông Đơ-nép, ở đây họ gặp chủ lực của phương diện quân và chuyển sang phòng ngự.

Quân địch tung một đạo quân gồm 9 sư đoàn ra chống lại tập đoàn quân của V.Ya. Ca-cha-lốp gồm 3 sư đoàn đang tiến từ

vùng Rô-xláp về Xmô-len-xơ. Trong đạo quân địch có một quân đoàn mô-tô hóa. Địch đã chiếm Rô-xláp trong hành tiến và bao vây đạo quân của V.Ya. Ca-cha-lốp.

Lực lượng ở đây quá chênh lệch. Đạo quân của V.Ya. Ca-cha-lốp lâm vào tình thế hết sức khó khăn. Một số ít rút ra được và nhập vào các đơn vị bạn. Trong các trận đánh này, tư lệnh tập đoàn quân, tướng V.Ya. Ca-cha-lốp đã anh dũng hy sinh.

Quân đoàn mô-tô hóa 46 của địch chiếm En-nha và định đánh vào Đô-rô-bô-gu-giơ, nhưng bị tập đoàn quân 24 của Phương diện quân Dự bị chặn lại.

Để bảo vệ hướng Gô-men, Đại bản doanh thành lập Phương diện quân Trung ương gồm các tập đoàn quân 4, 13 và 21 của Phương diện quân miền Tây đang chiến đấu tại tuyến Xe-sa - Prô-pôi-xơ và quá phía nam theo sông Đơ-nép.

Chiến trận Xmô-len-xơ giữ vai trò quan trọng trong giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh vĩ đại bảo vệ Tổ quốc. Mặc dù không đánh tan được quân địch như kế hoạch của Đại bản doanh đề ra, nhưng chúng ta đã đánh tiêu hao nặng các đạo quân xung kích của chúng.

Theo sự thừa nhận của tướng tá Đức, trong chiến trận Xmô-len-xơ, bọn Hít-le đã mất 25 vạn lính và sĩ quan. Ngày 30-7, bộ chỉ huy Đức ra lệnh cho cụm tập đoàn quân “Trung tâm” chuyển sang phòng thủ. Còn bộ đội Xô-viết thì đã trụ vững được trên

tuyển Vê-li ki-e Lu-ki - Yác-xê-vô - Cri-chép - Giơ-lô-bin. Trong quá trình diễn biến. của chiến trận Xmô-len-xcơ, Hồng quân, nhân dân thành phố và nhân dân các vùng xung quanh đã biểu lộ một tinh thần rất kiên cường. Họ đã chiến đấu quyết liệt để giành từng lô-cốt, từng đường phố, từng khu dân cư. Kìm được sự tấn công của địch ở hướng chủ yếu này là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược to lớn. Nhờ kết quả đó, chúng ta tranh thủ được thời gian chuẩn bị lực lượng dự bị và tiến hành các biện pháp phòng thủ ở hướng Mát-xcơ-va. Đơn vị cận vệ Xô-viết xuất hiện đầu tiên trong chiến trận Xmô-len-xcơ. Tại đây, ngày 14-7-1941 trong trận đánh gần Oóc-sa, đội pháo của đại úy I.A. Phơ-lê-rốp lần đầu tiên đã sử dụng các dàn pháo cối phản lực “Ca-chiu-sa” nổi tiếng.

Cần phải đánh giá đúng nguyên soái X.K. Ti-mô-sen-cô. Trong những tháng khó khăn đầu tiên của chiến tranh, nguyên soái đã làm được nhiều việc, vững vàng lãnh đạo quân đội, động viên tất cả các lực lượng nhằm đánh lui cuộc tiến công của quân địch và tổ chức công cuộc phòng ngự.

Giới lãnh đạo quân sự - chính trị, cơ quan chỉ huy của bọn Hít-le và bản thân quân đội của chúng đã thấy rõ tinh thần dũng mãnh và chủ nghĩa anh hùng tập thể của các chiến sĩ Xô-viết. Bây giờ chúng đã biết rằng chiến tranh càng vào sâu trong nước ta, thì càng trở nên khó đối với chúng.

Cuối tháng 7, A.N. Pô-xơ-rê-bư-sép gọi đây nói cho tôi và hỏi:

- Đồng chí Ti-mô-sen-cô hiện ở đâu?

- Nguyên soái Ti-mô-sen-cô ở Bộ Tổng tham mưu, chúng tôi đang thảo luận về tình hình ở mặt trận.

- Đồng chí Xta-lin mời đồng chí và đồng chí Ti-mô-sen-cô tới ngay nhà riêng gặp đồng chí đó - A.N. Pô-xơ-rê-bư-sép nói.

Chúng tôi nghĩ là I.V. Xta-lin muốn bàn với chúng tôi về những hoạt động sắp tới. Nhưng hóa ra lệnh gọi có mục đích khác. Khi chúng tôi bước vào phòng đã thấy hầu hết các ủy viên Bộ chính trị đang ngồi bên bàn. I.V. Xta-lin mặc chiếc áo cũ, đứng ở giữa phòng và tay cầm tẩu thuốc đã tắt - một biểu hiện chắc chắn khi không vui.

- Có việc này - I.V. Xta-lin nói, - Bộ chính trị đã thảo luận về công tác của đồng chí Ti-mô-sen-cô trên cương vị tư lệnh Phương diện quân miền Tây và đã quyết định đề đồng chí ấy thôi nhiệm vụ đó. Có ý kiến đề nghị cử đồng chí Giu-cốp đảm đương nhiệm vụ này. Các đồng chí thấy thế nào? - I.V. Xta-lin quay lại phía tôi và X K. Ti-mô-sen-cô, hỏi.

X K. Ti-mô-sen-cô im lặng.

- Đồng chí Xta-lin, - tôi nói, - việc thay đổi luôn các tư lệnh phương diện quân ảnh hưởng không tốt tới diễn biến các trận đánh. Các tư lệnh chưa kịp nắm tình hình công việc đã phải mở các trận đánh lớn. Nguyên soái Ti-mô-sen-cô chỉ huy phương

diện quân chưa đến 4 tuần lễ. Trong quá trình diễn biến chiến trận Xmô-len-xcơ, nguyên soái đã biết rõ quân đội, thấy được khả năng của họ như thế nào. Nguyên soái đã làm tất cả những gì có thể làm được trên cương vị của mình, và gần suốt một tháng đã kìm quân địch lại ở vùng Xmô-len-xcơ. Tôi nghĩ rằng không ai có thể làm được gì nhiều hơn nữa. Quân đội tin tưởng ở đồng chí Ti-mô-sen-cô và điều đó là chủ yếu. Theo tôi hiện nay để đồng chí Ti-mô-sen-cô thôi giữ chức tư lệnh phương diện quân là điều không đúng và không lợi.

M.I. Ca-li-nin chăm chú nghe xong, nói:

- Có lẽ đúng đấy?

I.V. Xta-lin chậm rãi rút tẩu thuốc, nhìn các ủy viên khác trong Bộ chính trị và nói:

- Hay là, chúng ta đồng ý với đồng chí Giu-cốp?

- Đồng chí Xta-lin, đồng chí nói đúng, - nhiều người nói. - Đồng chí Ti-mô-sen-cô có thể còn làm cho tình hình trở lại tốt được.

Chúng tôi ra về. X.K. Ti-mô-sen-cô nhận lệnh phải ra ngay mặt trận.

Rõ ràng là Xê-mi-on Kôn-xtan-ti-nô-vích Ti-mô-sen-cô rất bức mình về những nhận xét đã nêu ra. Nhưng trong chiến tranh, mọi việc đều có thể xảy ra, không phải lúc nào cũng có thể tính đến những tâm tư riêng của mỗi người trong khi giải quyết những vấn đề to lớn và phức tạp.

Trên hướng Tây, sau các trận giao tranh cực kỳ ác liệt ở vùng Xmô-len-xcơ, cuộc chiến tạm thời ngừng lại. Cả hai bên chỉnh đốn lại quân đội và chuẩn bị cho các sự kiện sắp nổ ra. Riêng ở vùng En-nha, trận đánh không chấm dứt. Mỏm En-nha mà quân Đức chiếm được, là bàn đạp rất có lợi để đánh vào Mát-xcơ-va. Vào bất kỳ tình thế nào quân Đức cũng cố giữ lấy nó.

Trên hướng Lê-nin-grát, địch tiếp tục tấn công. Nhưng, mặc dù có thắng lợi, chúng vẫn không chọc thủng được trận địa phòng ngự của quân đội Liên Xô và không tiến được tới những ngã đường gần vào Lê-nin-grát.

Trong thời gian diễn ra chiến trận Xmô-len-xcơ, cụm tập đoàn quân “Bắc” của Đức có âm mưu đánh qua Lu-ga để tiến gần đến Lê-nin-grát. Ngày 12-7, quân đoàn mô-tô cơ giới 41 địch tiến dọc theo đường Lê-nin-grát để tới Lu-ga, nhưng bị chặn lại.

Song, sau khi tìm ra được chỗ phòng ngự yếu ở vùng Kin-ghi-xép - I-va-nốp-xcơ, các đơn vị của đạo quân xe tăng 4 địch đã nhanh chóng chuyển từ vùng Lu-ga sang và định chọc vào phòng ngự của ta ở đó, nhưng đội dự bị của ta đến kịp và đã chặn chúng lại.

Một đạo quân khác của địch âm mưu tiến vào Nốp-gô-rôt và sau đó tới Chu-đô-vô đã gặp phải sự chống cự kịch liệt và ở đây chúng cũng không thành công. Quân đoàn mô-tô cơ giới Đức đang tiến đến khu vực Xôn-xư thì bị các đơn vị của tập đoàn

quân 11 tấn công. Cuộc phản kích này của tập đoàn quân 11 được tổ chức chu đáo, lại có không quân yểm hộ. Bị đánh bất ngờ, quân địch phải quay trở lại và bắt đầu vội vã rút lui. Các đơn vị của tập đoàn quân 11 đã truy kích quân địch và gây cho chúng những thiệt hại lớn. Nếu như không có tập đoàn quân 16 địch đến viện trợ kịp thì quân đoàn cơ giới 56 của Man-xten có thể đã bị tiêu diệt.

Khi giặc đưa quân bổ sung tới, thì các tập đoàn quân 11 và 27 của Phương diện quân Tây-bắc phải rút về tuyến Xta-rai-a Ru-xa - Khôn-mơ.

Mũi tấn công của cụm tập đoàn quân “Bắc” gồm hai tập đoàn quân và một đạo quân xe tăng đã gặp phải sự chống cự kịch liệt của quân ta ở khu phòng thủ Lu-ga, khu Đờ-nô, trên tuyến Xta-rai-a Ru-xa - Khôn-mơ cũng như ở vùng Kin-ghi-xép - Xi-véc-xki. Ở đây, địch bị thiệt hại nặng và vì thiếu lực lượng bổ sung, chúng không đủ sức tiến đánh Lê-nin-grát.

Kết quả của chiến trận Xmô-len-xơ, các hoạt động ngày càng tích cực và sức mạnh đánh trả ngày càng tăng của các Phương diện quân Bắc, Tây-bắc, của Hạm đội Ban-tích và của không quân làm cho kế hoạch “Bác-ba-rô-xơ” của địch bị vỡ một mảng lớn.

Trong thời gian này, tình hình ở U-crai-na, nơi bộ đội hướng tây-nam đang tiến hành những trận đánh phòng ngự ác liệt, diễn ra

như thế nào?

Chiếm U-crai-na có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với bọn Đức. Chúng cố gắng nhanh chóng chiếm lấy U-crai-na để làm cho Liên Xô mất một cơ sở công nghiệp và nông nghiệp lớn nhất, đồng thời để củng cố nền kinh tế của chúng bằng quặng miền Cri-vô-rô-giơ-xơ, than Đôn-bát, măng-gan Ni-cô-pôn-xơ và lúa mì U-crai-na.

Đứng về mặt chiến lược, chiếm được U-crai-na sẽ đảm bảo chi viện từ phía nam cho cụm tập đoàn quân “Trung tâm” là cụm vẫn được giao nhiệm vụ chủ yếu nhất là chiếm Mát-xcơ-va.

Ngay từ những ngày đầu chiến tranh, quá trình diễn biến của các sự kiện ở U-crai-na cũng phát triển không đúng như kế hoạch chiến tranh chớp nhoáng của bọn Hít-le dự tính. Trong khi rút lui trước các đòn đột kích của quân Đức, mặc dù bị thiệt hại rất nặng nề, Hồng quân vẫn dũng cảm chống cự lại.

Tập đoàn quân 5 do tướng M.I. Pô-ta-pốp chỉ huy, tập đoàn quân 26 do tướng Ph.Ya. Cô-xten-cô chỉ huy, và tập đoàn quân 6 do tướng I.N. Mu-dư-chen-cô chỉ huy đã chiến đấu vô cùng ngoan cường, tài giỏi và dũng mãnh.

Tôi đặc biệt phấn khởi nhắc đến các tư lệnh xuất sắc đó còn là bởi vì trước đây họ là các trung đoàn trưởng thuộc sư đoàn Cô-dắc sông Đông 4 và tôi đã có dịp cùng với họ, trong những năm 1932 - 1936, phục vụ dưới lá cờ của sư đoàn kỳ cựu nổi tiếng đó

của tập đoàn quân kỵ binh thứ nhất.

Gặp phải sức đánh trả quyết liệt của quân ta ở vùng phòng thủ vững chắc Ki-ép, quân Đức ngoặt hẳn về phía nam để thọc vào hậu phương các tập đoàn quân 6 và 12 của ta đang rút khỏi tuyến Béc-đi-chép - Xta-rô-côn-xtan-ti-nốp - Prô-xcu-rốp. Một bộ phận lực lượng quân địch đã tiến tới phía nam Ki-ép đến trận địa của tập đoàn quân 26. Nhưng cuộc tiến quân này không có ý nghĩa quan trọng bởi vì bộ phận chủ yếu của các tập đoàn quân “Nam” của địch đã đi xuống phía nam. Sắp diễn ra giao chiến ác liệt giữa các tập đoàn quân 6, 12, và 18 của ta với đạo quân địch thọc vào hậu phương của họ.

Tình hình thêm gay go còn là vì tập đoàn quân 11 Đức sau khi đột phá phòng ngự của Phương diện quân Nam đã đánh qua Mô-ghi-lép - Pô-đôn-xcơ, tiến tới sườn và hậu phương của ba tập đoàn quân này.

Bộ đội của Phương diện quân Tây-nam phối hợp với Phương diện quân Nam cố gắng dùng các trận phản kích để kìm bước tiến của địch. Quân ta đã gây cho địch những thiệt hại lớn, song không chặn được chúng. Sau khi bố trí lại lực lượng chút ít, quân Đức lại đánh vào các tập đoàn quân 6 và 12 của ta đang rút lui, lần này các tập đoàn của ta đã rơi vào một tình thế khó khăn. Vì cách xa và khó chỉ huy các tập đoàn quân này nên Phương diện quân Tây-nam đề nghị chuyển thuộc họ sang bộ tư lệnh

Phương diện quân Nam. Đại bản doanh đồng ý, và các tập đoàn quân 6 và 12 đã được chuyển sang Phương diện quân Nam do đại tướng I.V. Chiu-lê-nép chỉ huy.

Phần lớn các binh đoàn đang rút lui của hai tập đoàn quân này đã bị bao vây trong thời gian chuyển sang Phương diện quân Nam.

Do bị thương nặng, tư lệnh tập đoàn quân 6, tướng I.N. Mu-dư-chen-cô bị bắt làm tù binh. Tư lệnh tập đoàn quân 12, tướng P.G. Pô-nê-đê-hn cũng không tránh được số phận đó. Lúc đó Phương diện quân Nam đang trong hoàn cảnh rất khó khăn, nặng nề. Tập đoàn quân 9 vừa rút lui vừa chiến đấu trong tình thế nửa bị bao vây. Các đơn vị còn lại của nó rút về sông In-gu-lét.

Việc quân địch tiến đến Đờ-nép, chọc thủng về phía Da-pô-rô-giơ, Đne-prô-pê-tơ-rốp-xơ và Ô-đét-xa đã làm cho quân đội Xô-viết ở toàn bộ hướng tây-nam lâm vào tình thế phức tạp nghiêm trọng. Song quân Đức cũng phải trả giá rất đắt đối với thắng lợi này. Chúng bị tiêu hao trầm trọng và bị thiệt hại nặng.

Tất cả những sự kiện nói trên xảy ra từ sau khi tôi rời Phương diện quân Tây-nam về Mát-xcơ-va trở lại cương vị Tổng tham mưu trưởng và chính trên cương vị này mà tôi tham gia vào các sự kiện đó cùng gánh vác trách nhiệm với các ủy viên Đại bản doanh, cùng chia sẻ nỗi đau đớn của những thất bại và niềm vui sướng của những thắng lợi thừa thốt của quân ta. Ở đây tôi nghĩ rằng đúng chỗ để nói ít lời về công việc của Đại bản doanh và

của I.V. Xta-lin.

Tháng 7-1941, theo quyết định của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng, hệ thống cơ quan chỉ đạo chiến lược của các lực lượng vũ trang được cải tổ. Ngày 10-7, Hội đồng quốc phòng Nhà nước quyết định cải tổ Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh thành Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao. Thành phần Đại bản doanh gồm có I V. Xta-lin (Chủ tịch), V.M. Mô-lô-tốp, các nguyên soái X.K. Ti-mô-sen-cô, X.M. Bu-đi-on-nui, K.E. Vô-rô-si-lốp B.M. Sa-pô-sni-cốp, tướng G.K. Giu-cốp. Ngày 19-7, I.V. Xta-lin được cử làm Ủy viên nhân dân quốc phòng và ngày 8-8 được cử làm Tổng tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang Liên Xô. Từ ngày đó, cơ quan lãnh đạo chiến lược cao nhất được gọi là Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao.

Việc cử I.V. Xta-lin - người có uy tín lớn - làm Tổng tư lệnh tối cao được nhân dân và quân đội nhiệt liệt hoan nghênh.

Bộ Ủy viên nhân dân quốc phòng cũng được cải tổ, chức năng của từng Cục được xác định rõ, các cơ quan mới được thành lập. Cùng với việc thành lập Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao, để phối hợp tốt hơn nữa các hoạt động của các phương diện quân và các hạm đội và để thống nhất các cố gắng của các quân chủng tại các hướng chiến lược quan trọng nhất, đã thành lập ba Bộ tổng tư lệnh. Nhưng điều đó không làm trở ngại việc Đại bản doanh lãnh đạo các phương diện quân, các hạm đội và thậm chí

các tập đoàn quân. Bởi vì hồi ấy các lực lượng dự bị có hạn của bộ binh và không quân hoàn toàn ở trong tay Bộ Tổng tư lệnh tối cao. Việc này, tất nhiên, không thể không có ảnh hưởng đến mức nào đó tới sự chủ động của các Tổng tư lệnh các hướng.

Cùng hồi đó, theo chỉ thị của Ban chấp hành trung ương Đảng, đã thực hiện thêm một biện pháp nữa có ảnh hưởng tốt tới khả năng chiến đấu của quân đội, Đảng đã đánh giá đúng, xứng đáng ý nghĩa của các cơ quan hậu cần trong thời gian chiến tranh.

Chức vụ Chủ nhiệm Tổng cục hậu cần Hồng quân được đặt ra, một hệ thống mới các cơ quan hậu cần trong tất cả các lực lượng vũ trang được kiên quyết thành lập. Tại các phương diện quân và các hạm đội thành lập các cục hậu cần, trong các tập đoàn quân thành lập các phòng hậu cần, tại các quân đoàn và sư đoàn có chức phó tư lệnh phụ trách về vật chất kỹ thuật. Theo quyết định của Ban chấp hành trung ương Đảng, tại các phương diện quân và các tập đoàn quân thành lập các phòng chính trị hậu cần và định ra chức vụ ủy viên Hội đồng quân sự chuyên trách hậu cần. Các tổ chức hậu cần của ta đã tiến hành công việc to lớn trong việc chuẩn bị các chiến dịch và các trận lớn. Về điều đó chúng ta sẽ còn nói tới sau.

Đại bản doanh không có cơ quan điều khiển công việc nào khác ngoài Bộ Tổng tham mưu. Thông thường, các mệnh lệnh và chỉ thị của Bộ Tổng tư lệnh tối cao đều đi qua Bộ Tổng tham mưu.

Các mệnh lệnh và chỉ thị này được thảo ra và thường được thông qua trong điện Krem-lanh, tại phòng làm việc của I.V. Xta-lin. Đó là một căn phòng rộng, khá sáng sủa. Các tường lát bằng gỗ sồi màu sẫm, một chiếc bàn dài phủ nỉ xanh. Trên tường bên trái và phải, treo các chân dung Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin. Trong thời gian chiến tranh, có các chân dung Xu-vô-rốp và Cu-tu-dốp. Ghế cứng, không có đồ vật gì thừa. Một quả địa cầu lớn đặt ở phòng bên, cạnh quả địa cầu có chiếc ghế, trên tường là các tấm bản đồ thế giới.

Phía sâu trong phòng làm việc, bên tường là bàn làm việc của I.V. Xta-lin, lúc nào cũng đầy tài liệu, giấy tờ, bản đồ. Ở đây có máy điện thoại mạnh đường dài và máy điện thoại trong Krem-lanh, một lô các bút chì màu đã gọt nhọn. I.V. Xta-lin thường viết ý kiến của mình bằng bút chì xanh, viết nhanh, ngoáy, nhưng khá dễ xem.

Lối vào phòng làm việc đi qua phòng của A.N. Pô-xcơ-rê-bư-sép và một căn phòng nhỏ của đội trưởng bảo vệ riêng Tổng tư lệnh tối cao. Sau phòng làm việc là phòng nghỉ và phòng liên lạc, ở đây có các máy điện thoại và máy “Bô-đô”. Qua các máy này, A.N. Pô-xcơ-rê-bư-xép tổ chức các cuộc nói chuyện của I.V. Xta-lin với các tư lệnh phương diện quân và các đại diện của Đại bản doanh tại các phương diện quân.

Các cán bộ Bộ Tổng tham mưu và các đại diện Đại bản doanh

trải các bản đồ trên chiếc bàn lớn và theo các bản đồ đó báo cáo về tình hình ở các mặt trận, đứng báo cáo, đôi khi dùng sổ tay.

I.V. Xta-lin thường vừa nghe vừa đi đi lại lại trong phòng bằng những bước đi rộng, người hơi ngả, chốc chốc lại đi tới gần bàn lớn, cúi xuống chăm chú xem bản đồ trải rộng. Thỉnh thoảng quay lại bàn của mình, lấy gói thuốc sợi, tẽ rời thuốc và chậm rãi nhét vào tẩu.

Nhiệm vụ cơ bản của Đại bản doanh là nghiên cứu và đề ra nhiệm vụ chiến lược cho các đơn vị, phân bố các lực lượng và phương tiện giữa các phương diện quân và các hướng, đặt kế hoạch và quyết định sự hoạt động chiến đấu về toàn cục cho quân đội và hải quân. Trong việc này, các lực lượng dự bị của Đại bản doanh, luôn luôn được bổ sung và thành lập thêm, đóng vai trò to lớn. Các lực lượng này là công cụ mạnh mẽ trong tay Đại bản doanh để tăng cường một cách đáng kể cho các đơn vị quân ta ở các hướng quan trọng nhất và trong các chiến dịch có nhiệm vụ nặng nhất.

Các cuộc thảo luận trong Đại bản doanh về những quyết định chiến lược quan trọng thường có sự tham gia của các ủy viên Hội đồng quốc phòng Nhà nước. Các cán bộ lãnh đạo Bộ tổng tham mưu, các tư lệnh không quân, pháo binh, Chủ nhiệm Tổng cục xe tăng, xe bọc thép, Chủ nhiệm hậu cần Hồng quân, các cán bộ lãnh đạo các tổng cục khác của Bộ Ủy viên nhân dân quốc

phòng, thường được mời tới họp. Tư lệnh các phương diện quân được triệu tập về Đại bản doanh, khi xem xét các vấn đề liên quan tới phạm vi của họ, nhất là khi thảo luận về trận đánh sắp mở. Có khi các công trình sư máy bay, xe tăng, pháo binh cũng được mời tới dự.

Nếp làm việc của Đại bản doanh khẩn trương, không ồn ào, mọi người đều có thể nói lên ý kiến của mình. I.V. Xta-lin đối xử với mọi người như nhau, nghiêm nghị và khá chính quy. I.V. Xta-lin biết nghe, khi người báo cáo nắm chắc vấn đề .

Nhân đây cần nói rằng, như tôi đã được thấy rõ trong những năm chiến tranh, I.V. Xta-lin hoàn toàn không phải là người mà khi quan hệ với người đó, ta không thể đặt ra những vấn đề gay gắt, không thể tranh luận, mà thậm chí không thể giữ vững quan điểm của mình. Nếu như có ai khẳng định trái lại, tôi xin nói thẳng: điều khẳng định của họ không đúng.

Cơ quan làm việc của Đại bản doanh là Bộ Tổng tham mưu. Hồi đầu chiến tranh, tôi cùng các cán bộ lãnh đạo Bộ Tổng tham mưu thực tế là suốt ngày đêm phải cùng một lúc nhận những tin tức có khi trái ngược nhau từ tất cả các mặt trận gửi về, và nghiên cứu báo cáo lên Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao những đề nghị khẩn cấp. Chức năng của Bộ Tổng tham mưu ngay từ đó trở nên phức tạp. Khối lượng công việc tăng lên quá nhanh, nhiều cái trong việc tổ chức công việc ở thời bình là tốt, nay không còn

hợp nữa. Tuy đã nhanh chóng chỉnh đốn lại, song chúng tôi không làm ngay được mọi việc.

Khó mà có được những tài liệu tình báo chính xác và xác định được tính chất của sự bố trí của quân ta và của lực lượng địch vào mọi thời gian khác nhau trong ngày đêm; khó mà nhanh chóng đưa ra được những đề nghị có căn cứ về khả năng bảo đảm vũ khí, đạn dược cho mặt trận này hay mặt trận kia; khó mà viết được những chỉ thị quan trọng nhất của Bộ Tổng tư lệnh tối cao do Đại bản doanh giao cho trong vòng mấy tiếng đồng hồ và có khi trong vòng mấy phút.

Đi lên Đại bản doanh báo cáo với I.V. Xta-lin, mà mang theo các bản đồ còn có những “điểm trắng” nào đó, hoặc với những số liệu ước lượng, chứ đừng nói gì những số liệu quá sự thật, là điều không thể được. I.V. Xta-lin không chịu được lời trả lời mò mẫm, đòi hỏi phải hết sức đầy đủ và rõ ràng.

I.V. Xta-lin nhạy cảm đặc biệt đối với những chỗ yếu trong các báo cáo hoặc các tài liệu, phát hiện ra ngay những chỗ đó và nghiêm khắc khiển trách người có lỗi về báo cáo không rành rọt. Có được trí nhớ giỏi, I.V. Xta-lin nhớ kỹ những việc đã nói, phê bình khá gay gắt đối với những việc bị quên. Vì vậy, khi chuẩn bị các tài liệu tham mưu, chúng tôi làm hết sức kỹ càng, với mọi khả năng của mình trong những ngày đó.

Song, trong khi tình hình ở các mặt trận vô cùng nặng nề, trong

khi nhịp sống ở điều kiện chiến tranh chưa được hoàn toàn vào nền nếp, tôi cần phải nói tới nỗ lực của các cán bộ lãnh đạo Bộ Tổng tham mưu: về toàn cục, trong Bộ Tổng tham mưu đã xây dựng được ngay nếp làm việc khẩn trương và sáng tạo, mặc dù mức độ căng thẳng trong công tác hồi đó lên đến tột bậc.

Về sau trong suốt thời gian chiến tranh, tôi vẫn giữ được mối quan hệ riêng và liên hệ công tác với Bộ Tổng tham mưu, mối liên hệ này đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong điều kiện ở mặt trận, khi chuẩn bị và lúc tiến hành các chiến dịch lớn. Bộ Tổng tham mưu đã tiến hành có kết quả việc chuẩn bị các lực lượng vũ trang mới, có đủ khả năng và nhanh chóng nghiên cứu đề ra dự thảo các chỉ thị và mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh tối cao, theo dõi chặt chẽ việc thực hiện các chỉ thị của Hội đồng quốc phòng Nhà nước, lãnh đạo công tác của các bộ tham mưu trung ương các quân chủng và binh chủng, có tín nhiệm trong việc báo cáo các vấn đề lớn và quan trọng với Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao.

I.V. Xta-lin suy tính các vấn đề quan trọng phần nhiều căn cứ vào báo cáo của các đại diện Đại bản doanh được phái đến các nơi để xem xét tình hình ngay tại chỗ và hỏi ý kiến các bộ tư lệnh binh đoàn, hoặc căn cứ vào những kết luận của Bộ Tổng tham mưu, những ý kiến và các đề nghị của các bộ tư lệnh phương diện quân và các thông báo đặc biệt.

Tôi hiểu biết I.V. Xta-lin được sát từ sau năm 1940, khi tôi làm việc ở chức vụ Tổng tham mưu trưởng, và trong thời gian chiến tranh ở chức vụ Phó Tổng tư lệnh tối cao.

Về bề ngoài của I.V. Xta-lin, nhiều người đã diễn tả nhiều lần. Người không cao và trông ngoài không có gì đặc biệt. I.V. Xta-lin gây cho những người khác ấn tượng mạnh mẽ. Không có cử chỉ cách điệu hóa, I.V. Xta-lin hấp dẫn người nói chuyện với mình bằng cách đối xử giản dị. Phong thái tự nhiên khi nói chuyện, tài diễn đạt một cách rành rọt ý nghĩ, trí thông minh phân tích bẩm sinh, sự uyên bác và trí nhớ giỏi, thậm chí làm cho những người tài giỏi và rất hiểu biết cũng phải tập trung suy nghĩ và thận trọng trong khi nói chuyện với I.V. Xta-lin.

I.V. Xta-lin không thích ngồi, trong khi nói chuyện chậm rãi đi đi lại lại trong phòng, chốc chốc đứng lại, tới gần người nói chuyện và nhìn thẳng vào mắt người đó. I.V. Xta-lin có cái nhìn sáng sủa, sâu sắc. I.V. Xta-lin nói khoan thai, mạch lạc từng câu một, hầu như không có điệu bộ, trong tay thường cầm tẩu thuốc, cả lúc tẩu thuốc đã tắt, thích dùng cán tẩu rê râu mép.

I.V. Xta-lin nói giọng Gru-di-a, nhưng rất thạo tiếng Nga và thích dùng những hình tượng so sánh văn học, những ví dụ, những ẩn dụ. I.V. Xta-lin ít cười, và khi cười thì cười khẽ, tựa như cười thầm. Nhưng hiểu chuyện vui và biết đánh giá sự tinh tế và lời nói đùa.

I.V. Xta-lin có sức nhìn rất tốt, đọc vào bất kỳ lúc nào trong ngày, đêm cũng không cần kính. Thông thường I.V. Xta-lin tự tay mình viết. Đọc nhiều và là người hiểu biết rộng trong đủ mọi lĩnh vực. Sức làm việc rất lớn, tài nhanh chóng hiểu được tài liệu đã giúp cho trong một ngày I.V. Xta-lin xem và nắm được một số lượng tài liệu về đủ mọi vấn đề.

Bình thường I.V. Xta-lin bình tĩnh và từ tốn, nhưng có khi hay nổi nóng. Khi đó mất tính khách quan, con người thay đổi ngay, nét mặt càng tái, mắt nhìn trở nên nặng nề và khắc nghiệt. Tôi thấy có ít người can đảm chịu nổi cơn giận dữ của I.V. Xta-lin và dám chống lại.

Khó mà nói được đặc điểm gì lớn hơn cả ở I.V. Xta-lin. Một con người hiểu biết nhiều mặt và có tài, I.V. Xta-lin không phải là người thản nhiên. I.V. Xta-lin có nghị lực lớn, tính tình kín đáo và nóng.

I.V. Xta-lin hàng ngày làm việc có phần khác thường: làm việc chủ yếu là vào chiều tối và đêm. Không dậy trước 12 giờ trưa. Làm việc nhiều, tới 12 - 15 tiếng đồng hồ trong một ngày đêm. Để thích ứng với giờ làm việc của I.V. Xta-lin, Ban chấp hành trung ương Đảng, Hội đồng Ủy viên nhân dân, các Bộ Ủy viên nhân dân và các cơ quan Nhà nước và các cơ quan lập kế hoạch chủ chốt, cũng làm việc đến tận đêm khuya. Điều đó rất làm mệt mọi người.

Nhiều vấn đề chính trị, quân sự có tính chất quốc gia được thảo luận và giải quyết, không phải chỉ trong các cuộc họp chính thức của Bộ chính trị và trong Ban bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng, mà cả vào các buổi tối trong bữa ăn tại nhà ở hoặc tại nơi nghỉ mát của I.V. Xta-lin. Ở đây, thường có mặt các ủy viên Bộ chính trị gần gũi nhất của I.V. Xta-lin. Ngay trong bữa ăn thường hết sức giản dị, I.V. Xta-lin giao nhiệm vụ cho các ủy viên Bộ chính trị hoặc các Ủy viên nhân dân được mời đến để bàn về các vấn đề thuộc phạm vi của họ. Cùng với Ủy viên nhân dân quốc phòng, có khi Tổng tham mưu trưởng cũng được mời đến.

Trong thời kỳ trước chiến tranh, tôi khó đánh giá được độ sâu về hiểu biết và năng lực của I.V. Xta-lin trong lĩnh vực khoa học quân sự, trong các vấn đề nghệ thuật chiến dịch và chiến lược, bởi vì Bộ chính trị và riêng I.V. Xta-lin (ít ra thì cũng vào những khi tôi được có mặt) chủ yếu là xem xét và quyết định những vấn đề về tổ chức, động viên và vật chất, kỹ thuật.

Tôi chỉ có thể nói rằng I.V. Xta-lin luôn luôn chú ý nhiều đến các vấn đề vũ khí và kỹ thuật chiến đấu, I.V. Xta-lin thường mời các tổng công trình sư máy bay, pháo binh và xe tăng tới căn cứ hỏi họ về những chi tiết cơ cấu của những loại kỹ thuật chiến đấu đó ở nước ta và ở nước ngoài. Cần phải đánh giá cho đúng là I.V. Xta-lin hiểu biết khá đầy đủ những tính chất của các loại vũ khí cơ bản.

I.V. Xta-lin đòi hỏi các tổng công trình sư, các giám đốc các nhà máy quốc phòng, mà trong số này nhiều người I.V. Xta-lin quen biết riêng, phải sản xuất các loại mẫu máy bay, xe tăng, pháo và kỹ thuật quan trọng nhất khác trong thời hạn quy định, và về chất lượng không những phải bằng mà còn phải hơn những loại của nước ngoài.

Như tôi đã nói, nếu không được I.V. Xta-lin chuẩn y thì không một loại mẫu vũ khí nào hoặc kỹ thuật chiến đấu nào được sử dụng để trang bị cho quân đội hoặc bị gặt đi. Tất nhiên điều đó đụng chạm đến sự chủ động của Ủy viên nhân dân quốc phòng và các Phó ủy viên nhân dân quốc phòng phụ trách vấn đề trang bị của Hồng quân.

Trước cuộc chiến tranh giữ nước và đặc biệt sau chiến tranh, I.V. Xta-lin được coi là người đã giữ vai trò lỗi lạc trong việc xây dựng các lực lượng vũ trang, trong việc đề ra những nền tảng của khoa học quân sự Xô-viết, những nguyên tắc cơ bản trong lĩnh vực chiến lược và cả nghệ thuật chiến dịch.

I.V. Xta-lin có thực sự là nhà tư tưởng quân sự lỗi lạc trong lĩnh vực xây dựng các lực lượng vũ trang và là người tinh thông các vấn đề về chiến dịch và chiến lược không?

Là một cán bộ quân sự, tôi đã tìm hiểu kỹ I.V. Xta-hn, bởi vì đã cùng với I.V. Xta-lin trải qua suốt cả cuộc chiến tranh.

I.V. Xta-lin nắm được các vấn đề tổ chức các trận đánh của một

phương diện quân và các trận đánh của nhiều phương diện quân và đã lãnh đạo các trận đánh đó với sự hiểu biết đầy đủ công việc, hiểu biết đầy đủ các vấn đề chiến lược lớn. Nhưng khả năng đó của I.V. Xta-lin, với tư cách là vị Tổng tư lệnh, đặc biệt được thể hiện bắt đầu từ Xta-lin-grát.

Trong việc lãnh đạo cuộc đấu tranh vũ trang nói chung, trí tuệ sẵn có, trực giác lớn lao đã giúp I.V. Xta-lin. I.V. Xta-lin biết tìm ra khâu chủ yếu trong tình thế chiến lược và nắm lấy nó, đối phó trả lại quân giặc, tiến hành những trận tấn công lớn. Rõ ràng I.V. Xta-lin là vị Tổng tư lệnh tối cao xứng đáng.

Tất nhiên, I.V. Xta-lin không đi vào toàn bộ khối lượng các vấn đề mà các đơn vị quân đội và các cơ quan chỉ huy các cấp phải thực hiện tỉ mỉ để chuẩn bị tốt trận đánh của một hoặc của nhiều phương diện quân. Và điều đó I.V. Xta-lin không nhất thiết phải biết đến. Trong những trường hợp này, lẽ đương nhiên, I.V. Xta-lin bàn bạc với các ủy viên Đại bản doanh, Bộ Tổng tham mưu và các chuyên viên về các vấn đề pháo binh, xe tăng, thiết giáp, không quân và hải quân, về các vấn đề bảo đảm hậu phương và cung cấp. Riêng I.V. Xta-lin viết nhiều tài liệu quan trọng, trong số đó có tài liệu nói về phương thức tấn công của pháo binh, về việc giành quyền khống chế trên không, về phương thức bao vây địch, về việc cắt các đạo quân địch bị bao vây và tiêu diệt chúng từng phần một, v.. v...

Tất cả những vấn đề hết sức quan trọng đó của nghệ thuật quân sự là những kết quả đạt được trên thực tiễn, trong các trận đánh và chiến dịch chống quân thù, là những kết quả của sự suy nghĩ và tổng hợp sâu sắc kinh nghiệm của tập thể lớn các tướng lĩnh và của bản thân các quân chủng, binh chủng. Ở đây, công lao của I.V. Xta-lin là ở chỗ đã tiếp nhận một cách đúng đắn những ý kiến của các chuyên gia quân sự lớn của chúng ta, bổ sung và phát triển những ý kiến đó và đã tổng hợp lại trong các thông tư, chỉ thị và điều lệnh, nhanh chóng đưa xuống quân đội làm phương hướng lãnh đạo thực hiện. Hơn nữa, trong việc bảo đảm các trận đánh, xây dựng các lực lượng dự bị chiến lược, tổ chức sản xuất kỹ thuật chiến tranh và nói chung trong việc tạo ra mọi điều kiện cần thiết cho tiền tuyến, tôi xin nói thẳng là I.V. Xta-lin đã tỏ ra là một nhà tổ chức lỗi lạc. Nếu như chúng ta không đánh giá đúng điều đó thì sẽ thiếu sự công bằng.

Nhưng, tất nhiên, trước hết chúng ta cần phải rập mình cúi chào người Xô-viết chúng ta đã hy sinh cả những thứ cần thiết nhất, không ăn và không ngủ, làm tất cả những gì mình cần làm để làm tròn những nhiệm vụ mà Đảng cộng sản đề ra trước nhân dân nhằm tổ chức đánh thắng quân thù.

Tháng thứ hai của chiến tranh diễn ra, lời hứa hẹn được quảng cáo âm ỉ của Hít-le là trong thời hạn ngắn nhất sẽ tiêu diệt Hồng quân, chiếm Mát-xcơ-va và tiến tới sông Đông, đã bị tan vỡ. Ở

khắp nơi, quân Đức đều bị những thiệt hại hết sức lớn. Mặt trận chung của địch bị mở rộng ra. Mật độ chiến dịch của quân Đức bị giảm thấp rất nhiều, và bây giờ chúng không còn đủ số quân để tấn công cùng một lúc ở tất cả các hướng chiến lược.

Nhưng tuy vậy, các lực lượng xung kích chủ yếu của quân Đức - các đạo quân xe tăng thiết giáp và không quân - vẫn hoàn toàn có khả năng làm cho quân ta thiệt hại nghiêm trọng bằng những đòn đánh tập trung lớn.

Trước tình hình nặng nề tại các mặt trận, Đảng đã đặc biệt chú trọng tới tinh thần của quân đội. Theo chỉ thị của Ban chấp hành trung ương Đảng, Tổng cục chính trị Hồng quân, mà nói chung trong những năm chiến tranh đã tiến hành công tác sáng tạo to lớn trong quân đội, hồi giữa tháng 7 đã gửi hai chỉ thị quan trọng cho các đơn vị, trong đó nêu sự đánh giá về tình hình trong ba tuần lễ đầu chiến tranh đề ra yêu cầu nâng cao vai trò tiên phong của các đảng viên và đoàn viên thanh niên cộng sản ngay trong chiến đấu và trong việc thi hành các mệnh lệnh của người chỉ huy.

Các cơ quan chính trị, các tổ chức Đảng và Đoàn thanh niên cộng sản, gánh vác trách nhiệm đặc biệt về tình hình tư tưởng đơn vị và khả năng chiến đấu của nó, có nhiệm vụ làm cho các đảng viên và đoàn viên thanh niên cộng sản, đặc biệt là trong tình thế khó khăn và phức tạp, biết dẫn dắt các chiến sĩ theo

mình, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện hoang mang, vô tổ chức, biết phổ biến kinh nghiệm chiến đấu, nêu gương dũng cảm và ngoan cường, chủ động và nhanh trí, giúp đỡ lẫn nhau trong chiến đấu. Công tác chính trị trong quân đội ngày càng được tăng cường đã mang lại nhiều kết quả và đã có ý nghĩa to lớn.

Sau khi thảo luận về tình hình chung với Cục trưởng Cục tác chiến V.M. Giô-lô-bin, tướng A.M. Va-xi-lép-xki và các cán bộ tác chiến khác của Bộ Tổng tham mưu, chúng tôi đi đến kết luận rằng, trong thời gian gần nhất chắc là quân địch sẽ mưu toan đánh tan Phương diện quân Trung ương của ta để thọc vào sườn và hậu phương của Phương diện quân Tây-nam.

Còn về cuộc tấn công vào Mát-xcơ-va, thì cuộc tấn công này chắc là chỉ sẽ bắt đầu khi nào quân địch khắc phục được nguy cơ từ phía Phương diện quân Trung ương và từ phía các đơn vị thuộc hướng tây-nam của ta đối với sườn cụm tập đoàn quân trung ương của chúng. Ở hướng tây-bắc, quân địch sau khi tăng cường lực lượng, muốn nhanh chóng chiếm lấy Lê-nin-grát và liên kết với quân Phần Lan.

Một lần nữa sau khi cân nhắc và thẩm tra kỹ càng mọi việc, tin chắc rằng những phán đoán đó là đúng, tôi quyết định báo cáo ngay những điều này với Tổng tư lệnh tối cao để có những biện pháp đối phó cần thiết.

Ngày 29-7, tôi gọi đây nói tới I.V. Xta-lin đề nghị được gặp để báo cáo công việc khẩn cấp.

Mang theo bản đồ tình hình chiến lược, bản đồ đội hình quân Đức những tài liệu về tình hình quân ta và các lực lượng dự trữ vật chất kỹ thuật của các phương diện quân và của trung ương, tôi tới phòng tiếp khách gặp A.N. Pô-xcơ-rê-bư-sép. Tôi yêu cầu báo cáo là tôi đã có mặt. A.N. Pô-xcơ-rê-bư-sép trả lời:

- Mời đồng chí ngồi. Có lệnh chờ đồng chí Mê-khơ-lít.

Mười phút sau tôi được mời vào gặp I.V. Xta-lin.

- Thế nào, đồng chí có gì báo cáo đi - I.V. Xta-lin nói.

Trải các tấm bản đồ lên bàn, tôi báo cáo cặn kẽ về tình hình, bắt đầu từ hướng tây-bắc và kết thúc bằng hướng tây-nam. Tôi nêu lên những số liệu về những thiệt hại chủ yếu ở các mặt trận và quá trình xây dựng các lực lượng dự bị. Tôi nói tỉ mỉ về sự bố trí lực lượng của quân địch, kể về các cụm tập đoàn quân của chúng và trình bày tính chất của những hoạt động chiến lược của địch mà chúng tôi phán đoán. I.V. Xta-lin chăm chú nghe, hơi cúi xuống xem xét các bản đồ, tất cả những ghi chú nhỏ trên các bản đồ đó.

- Do đâu mà đồng chí biết được quân Đức sẽ hành động như thế?

- L.D. Mê-khơ-lít hỏi.

- Tôi không biết được các kế hoạch quân Đức sẽ hành động, - tôi đáp, - nhưng, qua phân tích tình hình tôi thấy chúng có thể hành

động đúng như vậy chứ không thể nào khác. Những điều phán đoán của chúng tôi dựa trên sự phân tích trạng thái và sự bố trí của quân đội Đức và trước hết của các đạo quân xe tăng thiết giáp và cơ giới là lực lượng chủ chốt trong các chiến dịch có ý nghĩa chiến lược của chúng.

- Đồng chí báo cáo tiếp đi. - I.V. Xta-lin nói.

Tôi tiếp tục:

- Ở hướng chiến lược Mát-xcơ-va, trong những ngày sắp tới quân Đức không thể mở trận tấn công, bởi vì chúng đã bị những thiệt hại quá lớn. Ở đây chúng không có các lực lượng dự bị chiến lược lớn để đảm bảo cánh phải và cánh trái của cụm tập đoàn quân “Trung tâm”; ở hướng Lê-nin-grát, nếu không có lực lượng tăng viện, quân Đức không thể mở trận đánh để chiếm Lê-nin-grát và hợp với quân Phần Lan; ở U-crai-na, các trận chính có thể nổ ra tại vùng Đơ-me-prô-pê-tơ-rốp-xcơ, Crê-men-chúc, nơi quân chủ lực của đạo quân xe tăng thiết giáp thuộc cụm tập đoàn quân “Nam” của địch đã kéo tới; Nơi yếu và nguy hiểm nhất trên các mặt trận của chúng ta là Phương diện quân Trung ương. Các tập đoàn quân bảo vệ hướng U-nê-cha, Gô-men quá ít quân và yếu về kỹ thuật. Quân Đức có thể lợi dụng chỗ yếu này đánh vào sườn và hậu phương của Phương diện quân Tây-nam.

- Đồng chí đề nghị như thế nào? - I.V. Xta-lin hỏi.

- Trước hết phải củng cố Phương diện quân Trung ương, giao

cho nó ít nhất ba tập đoàn quân được tăng cường bằng pháo binh. Một tập đoàn quân lấy của hướng tây, một tập đoàn quân lấy của Phương diện quân Tây-nam, tập đoàn quân thứ ba lấy ở lực lượng dự bị của Đại bản doanh. Cứ một tư lệnh có kinh nghiệm và kiên nghị để phụ trách mặt trận. Cụ thể tôi đề nghị cử N.Ph. Va-tu-tin.

- Sao, - I.V. Xta-lin hỏi, - đồng chí cho rằng có thể làm yếu hướng vào Mát-xcơ-va?

- Không, tôi không nghĩ vậy. Sau 12 - 15 ngày, chúng ta có thể đưa từ Viễn Đông về ít nhất 8 sư đoàn có khả năng chiến đấu đầy đủ trong đó có một sư đoàn xe tăng. Số quân này sẽ không làm yếu mà sẽ làm mạnh thêm hướng Mát-xcơ-va.

- Còn Viễn Đông, chúng ta sẽ giao cho bọn Nhật? - L.D. Mê-khơ-lít bức bối hỏi.

Tôi không trả lời và nói tiếp:

- Cần phải đưa toàn bộ Phương diện quân Tây-nam về đằng sau Đờ-nép. Phía sau nơi tiếp giáp giữa Phương diện quân Trung ương và Phương diện quân Tây-nam, cần tập trung lực lượng dự bị ít nhất là 5 sư đoàn được tăng cường.

- Còn Ki-ép thì sao? - I.V. Xta-lin hỏi.

Tôi hiểu hai chữ “bỏ Ki-ép” đối với tất cả những người Xô-viết và đối với I.V Xta-lin có nghĩa như thế nào. Nhưng tôi không thể đi theo tình cảm. Là cán bộ quân sự tôi bắt buộc phải đề nghị

một quyết định, theo quan điểm của tôi, duy nhất có thể thực hiện được trong tình hình đã diễn ra.

- Buộc phải bỏ Ki-ép, - tôi trả lời. - ở hướng tây cần phải khẩn cấp tổ chức cuộc phản kích để tiêu diệt địch ở mỏm En-nha.

Quân địch có thể dùng bàn đạp này để đánh vào Mát-xcơ-va.

- Phản kích nào nữa ở đây, sao lại có chuyện hồ đồ ấy? - I.V.

Xta-lin bực lên - Thế nào mà đồng chí lại có thể nghĩ đến việc bỏ Ki-ép cho quân thù?

Tôi không thể kìm được mình và trả lời:

- Nếu như đồng chí cho rằng Tổng tham mưu trưởng chỉ có thể làm được những chuyện hồ đồ, vậy thì Tổng tham mưu trưởng ở đây không có việc gì để làm nữa. Tôi đề nghị cho tôi thôi chức vụ Tổng tham mưu trưởng và cử tôi ra tiền tuyến. Chắc là ở ngoài đó có ích hơn đối với Tổ quốc.

- Đồng chí đừng nóng, - I.V. Xta-lin nói - Nếu đồng chí đặt vấn đề một cách như vậy, thì không có đồng chí chúng tôi cũng xong...

Tôi nói rằng, tôi có quan điểm riêng đối với tình hình và các phương thức tiến hành chiến tranh và đã báo cáo quan điểm đó như tôi và Bộ Tổng tham mưu suy nghĩ.

- Đồng chí hãy ra làm việc đi, chúng tôi bàn ngay với nhau một tí và sẽ gọi đồng chí sau.

Thu lấy các bản đồ, tôi bước ra ngoài phòng, trong lòng nặng

trở.

Chỉ 40 phút sau tôi được gọi vào gặp Tổng tư lệnh tối cao.

- Bây giờ thế này, - I.V. Xta-lin nói, - chúng tôi đã bàn bạc và quyết định đề đồng chí thôi trách nhiệm Tổng tham mưu trưởng. Chúng tôi sẽ cử B.M. Sa-pô-sni-cốp làm Tổng tham mưu trưởng. Thực ra sức khỏe của đồng chí ấy không được tốt lắm, nhưng không sao, chúng tôi sẽ giúp đỡ đồng chí ấy.

- Đồng chí ra lệnh cho tôi đi đâu?

- Vậy đồng chí muốn đi đâu?

- Tôi có thể làm bất kỳ công tác gì. Tôi có thể chỉ huy sư đoàn, quân đoàn, tập đoàn quân, phương diện quân.

- Đừng nóng, đừng nóng! Đồng chí vừa nói tới việc tổ chức cuộc phản kích ở En-nha. Vậy đồng chí đảm đương lấy việc đó.

Chúng tôi sẽ cử đồng chí làm tư lệnh Phương diện quân Dự bị.

Bao giờ đồng chí có thể đi?

- Một giờ sau.

- B.M. Sa-pô-sni-cốp sẽ tới Bộ Tổng tham mưu ngay, đồng chí bàn giao công việc rồi lên đường. Đồng chí cần biết rằng đồng chí vẫn là ủy viên Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao. - I.V. Xta-lin kết thúc.

- Đồng chí cho phép tôi đi?

- Đồng chí hãy ngồi lại đây uống nước chè với chúng tôi, - I.V.

Xta-lin nói, lúc này đã mỉm cười, - chúng ta còn có việc cần nói

chuyện.

Mọi người ngồi vào bàn và uống nước chè, nhưng chuyện thì không thành.

Tôi chuẩn bị rất chóng. Chẳng bao lâu B.M. Sa-pô-sni-cốp từ Phương diện quân miền Tây đã trở về, tại đây đồng chí là đại diện Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao. Tôi lên đường tới vùng Gơ-giát-xơ. Cơ quan chỉ huy của Phương diện quân Dự bị đóng ở đó.

[1] Tin về xe tăng nêu ra bị phóng đại - TG.

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 11

TỪ EN-NHA ĐẾN LÊ-NIN-GRÁT

TÔI dừng lại ở bộ tham mưu phương diện quân không lâu. Sau khi tìm hiểu những tình hình mới nhất trên các khu vực thuộc phạm vi phụ trách của phương diện quân, tôi cùng với đồng chí tư lệnh pháo binh, tướng L.A. Gô-vô-rốp, tới vùng En-nha, đến bộ tham mưu tập đoàn quân 24. Khuya chúng tôi mới tới nơi. Trên đường đi, chúng tôi thấy ánh lửa của những đám cháy lớn ở vào khoảng vùng Yác-xê-vô và En-nha. Chưa biết cái gì cháy, nhưng thấy có đám cháy lớn là lòng chúng tôi nặng trĩu. Lửa đã thiêu cháy của cải của nhân dân Xô-viết, kết quả lao động bao nhiêu năm của họ. Tôi tự hỏi: đối với bọn giặc gieo rắc tai họa trên bước đường đẫm máu của nó, thì nhân dân Xô-viết phải trả lời thế nào và bằng gì đây? Bằng gươm súng, chỉ bằng gươm súng, tiêu diệt không thương tiếc. Đó là cách trả lời duy nhất đối với kẻ thù độc ác đó ... Đón chúng tôi ở bộ tham mưu tập đoàn quân 24 có đồng chí tư

lệnh K.I. Ra-cu-tin và các đồng chí chỉ huy các binh chủng. K.I. Ra-cu-tin là người mà trước đây tôi chưa biết. Khi báo cáo về tình hình bố trí lực lượng, đồng chí đã gây cho tôi ấn tượng tốt. Nhưng trình độ chiến dịch - chiến thuật của đồng chí rõ ràng là còn yếu. Đó cũng là chỗ yếu chung của các đồng chí sĩ quan và tướng lĩnh trước đây công tác trong bộ đội biên phòng thuộc Bộ Ủy viên nhân dân nội vụ. Ở đó, anh em hầu như không được bồi dưỡng về nghệ thuật tác chiến.

Sáng sớm hôm sau chúng tôi cùng với đồng chí K.I. Ra-cu-tin đến En-nha để trực tiếp trinh sát thực địa. Lúc đó ta và địch đang bắn nhau. Sau khi bàn bạc về tình hình với các đồng chí chỉ huy các đơn vị chúng tôi thấy rằng, quân Đức ở đây đã tổ chức phòng ngự rất vững, rồi đây chắc chúng sẽ chống cự ác liệt. Ngoài tiền duyên và trong tung thâm phòng ngự địch đã đặt xe tăng, pháo và các loại súng tấn công chìm dưới đất và đã biến mũi En-nha thành một khu vực đặc biệt kiên cố.

Khi nghiên cứu tình hình, chúng tôi thấy ta chưa phát hiện được hết hệ thống hỏa lực của địch, vì vậy, các đơn vị của chúng ta khi bắn thường không phải nhằm vào những hỏa điểm thật mà phần nhiều là những mục tiêu phán đoán là có.

Tập đoàn quân 24 rõ ràng không đủ sức phản kích.

Sau khi tính toán kỹ càng mọi thứ cần thiết để tổ chức phản kích và trao đổi ý kiến với đồng chí tư lệnh tập đoàn quân và các

đồng chí chỉ huy binh chủng, chúng tôi kết luận: cần 10 đến 12 ngày để tập trung thêm 2 đến 3 sư đoàn bộ binh và đơn vị pháo binh, để nghiên cứu sâu hơn nữa toàn bộ hệ thống phòng ngự địch và vận chuyển những phương tiện vật chất, kỹ thuật tới. Như thế thì cuộc tấn công chỉ có thể tiến hành sớm nhất là trong nửa tháng 8 về sau. Trước thời gian đó quân ta phải tiếp tục tích cực đánh tiêu hao quân địch, nghiên cứu hệ thống phòng ngự của chúng và bố trí lại lực lượng và phương tiện, chuẩn bị cho những hoạt động kiên quyết sắp tới.

Đến giữa tháng 8, chúng tôi đã có tài liệu đầy đủ về quân địch, hệ thống hỏa lực và hầm hào của chúng.

Ngày 12-8, tôi có dịp hỏi cung tên tù binh Mít-téc-man bị bắt trong một trận phản công của quân Đức.

Tên Mít-téc-man 19 tuổi, bố hắn là đảng viên quốc xã, bản thân hắn cũng ở trong tổ chức “I-u-ghe-n-phôn-ke[1]”, hắn đã cùng với sư đoàn đi đánh ở Pháp, Bỉ, Hà Lan và Nam Tư.

Hắn khai như sau:

- Phần lớn lính trong sư đoàn đều từ 19 đến 20 tuổi. Từng người đều được chọn lọc theo thể thức đặc biệt. Sư đoàn SS này tới En-nha theo sau sư đoàn xe tăng 10.

Theo Mít-téc-man, vùng En-nha được coi là tuyến phía trước để từ đó tiếp tục tiến sâu vào trong nước. Hắn cho rằng, dừng lại 3 tuần lễ và chuyển sang phòng ngự ở vùng En-nha là một cách

tranh thủ thời gian để bộ tư lệnh Đức đưa thêm lực lượng dự bị và quân bổ sung tới.

Tên tư lệnh tập đoàn quân Đức, tướng Gu-đê-ri-an đã ra mệnh lệnh đặc biệt giải thích: “Chúng ta đã vượt xa rồi, bây giờ cần đưa lực lượng dự bị tới để tiếp tục tiến lên”.(Thật là một cách giải thích kỳ lạ cho binh lính về việc quân đội chúng phải dừng lại và chuyển sang phòng ngự. Cái đó người ta gọi là lừa bịp, nói trắng ra đen).

- Trung đoàn “Đốt-sơ-lan” của chúng tôi phòng ngự trong vùng En-nha, - Mít-téc-man khai tiếp - Trung đoàn này đã được rút ra cho nghỉ ngơi nhưng rồi lại bị đẩy lên trận địa phía trước vì các trung đoàn bị thiệt hại nhiều và các hành động phòng ngự bị thất bại. Trung đoàn bị thiệt hại nặng đến nỗi người ta phải tổng bổn lính ở cơ quan hậu cần bổ sung vào các phân đội bộ binh. Quân Đức thiệt hại nhiều nhất là vì pháo binh Xô-viết. Pháo binh của người Nga đánh rất ác, làm ảnh hưởng đến tinh thần lính Đức. Qua mệnh lệnh giải thích của bộ tư lệnh Đức về phong trào du kích ở vùng bị chiếm, Mít-téc-man được biết rằng trong rừng có nhiều đơn vị vũ trang xô-viết luôn luôn bắn vào quân Đức...

Mọi người đều biết là vào giữa tháng 7-1941, Ban chấp hành trung ương Đảng đã ra một nghị quyết riêng về “Tổ chức chiến đấu trong vùng sau lưng quân đội Đức”. Đảng đã có những biện pháp rất kiên quyết để tổ chức các tổ và đội du kích. Trong

những vùng có thể bị quân Đức chiếm đóng, đã tổ chức sẵn chi bộ Đảng và chi đoàn thanh niên cộng sản bí mật để lãnh đạo phong trào du kích. Năm 1941, ở các tỉnh Lê-nin-grát, Ca-li-nin, Xmô-len-xcơ, Ô-ri-ôn và Cuốc-xcơ, ở các nước cộng hòa U-crai-na, Bê-lô-ru-xi, Môn-đa-vi đã có đến 800 đảng ủy thành phố, khu phố hay huyện và trung tâm lãnh đạo các khu phố và huyện, trên 300 ban chấp hành thành phố, khu phố và huyện của Đoàn thanh niên cộng sản bắt đầu hoạt động chống giặc, phong trào du kích ở Lát-vi-a, Lít-va và E-xtô-ni-a cũng đã được phát động. Nhiều đội và tổ du kích hợp lại thành các binh đoàn lớn do những cán bộ Đảng và Nhà nước chỉ huy, các binh đoàn này đã gây cho địch những thiệt hại đáng kể.

Cuối lời khai, Mít-téc-man nói rằng, do những thiệt hại và thất bại nặng nề trong những tuần lễ gần đây ở En-nha, bộ tư lệnh sư đoàn SS và cả đến các chỉ huy trung đoàn đều bị cách chức.

Tất cả những tin tức đó cùng với những lời khai của nhiều tù binh khác đã giúp chúng tôi đặt kế hoạch chu đáo tỉ mỉ cho pháo binh bắn, cho máy bay ném bom và nêu nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị bộ đội và binh đoàn. Thiếu tướng L.A. Gô-vô-rốp rất giỏi về sử dụng pháo binh, đã có nhiều đóng góp về mặt này.

Vào những ngày 20 của tháng 8, tập đoàn quân 24 bắt đầu mở cuộc phản kích chính. Chiến đấu ở mọi khu vực đều rất ác liệt và nặng nề cho cả hai bên. Quân địch đã giăng một lá chắn hỏa lực

dày đặc bằng pháo và súng cối chống lại các sư đoàn tấn công. Chúng ta đã đưa vào chiến đấu tất cả số máy bay, xe tăng, pháo binh và súng cối phản lực có lúc đó. Cuộc chiến đấu diễn ra liên tục cả ngày và đêm. Dải đất lồi ra ở mạn En-nha bị các gọng kìm sắt của bộ đội chúng ta kẹp lại khiến ngày một thu hẹp dần.

Người ta có cảm giác là quân địch đã bị kiệt sức.

Các sư đoàn 19, 100, 107 của chúng ta chiến đấu đặc biệt dũng cảm. Từ đài quan sát của đồng chí P.V. Mi-rô-nốp, tư lệnh sư đoàn 107, tôi được tận mắt nhìn thấy cảnh chiến đấu quyết liệt không thể quên được của trung đoàn bộ binh do đồng chí I.N. Nê-cra-xốp chỉ huy.

Trung đoàn của đồng chí I.N. Nê-cra-xốp nhanh chóng chiếm được làng Vô-lô-xcô-vô, nhưng lại rơi vào tình trạng bị bao vây. Anh em đánh trong 3 ngày đêm. Được các đơn vị khác của sư đoàn 107 yểm hộ, có pháo binh và không quân chi viện, trung đoàn của I.N. Nê-cra-xốp không những đã chọc thủng được vòng vây mà còn quần nát quân địch và sau đó chiếm được nhà ga xe lửa - một điểm tựa quan trọng.

Biết bao tấm gương anh hùng, dũng cảm của đồng đảo quân chúng đã xuất hiện bên tôi và xung quanh tôi, ở khắp mọi nơi, cả ban ngày và ban đêm...

Lợi dụng đêm tối và dải đất chưa bị vây chặt, bọn địch còn sống sót đã rút chạy khỏi mũi En-nha, bỏ lại trên chiến trường rất

nhieu xác chết, vũ khí nặng và xe tăng. Ngày 6-9, quân ta tiến vào En-nha.

Bàn đạp nguy hiểm của địch đã bị thủ tiêu. Cố gắng giữ En-nha của giặc đã phải trả một giá đắt. Nhân đó tôi đã báo cáo vắn tắt kết quả của chiến dịch En-nha với I.V. xta-lin.

Trong các trận chiến đấu ở vùng En-nha, quân Đức đã bị tiêu diệt tất cả đến 5 sư đoàn, bị chết và bị thương khoảng 45.000 – 47.000 tên, một số lớn súng máy, súng cối và đại bác bị pháo binh và không quân ta phá hủy. Theo lời khai của tù binh thì một số trung đoàn địch đã không còn đến một khẩu súng cối và pháo nào. Trong thời gian cuối của trận đánh, chúng chỉ sử dụng xe tăng và pháo binh thành từng tổ lẻ tẻ, và chỉ để chống lại những cuộc tấn công của ta trên những khu vực quan trọng nhất. Rõ ràng là địch đã chuyển các phương tiện đó sang các hướng khác. Về phía ta, chúng ta đã không hoàn thành được nhiệm vụ bao vây và bắt sống đạo quân địch đóng ở En-nha, vì chưa đủ sức, nhất là chưa đủ xe tăng.

Pháo binh của chúng ta kể cả các sư đoàn mới thành lập đã đánh rất tốt. Đạn phản lực tỏ ra có sức phá hoại rất mạnh. Tôi đã xem những nơi bị đạn phản lực bắn thì thấy các công sự phòng ngự bị phá hủy hoàn toàn. U-sa-kô-vô, trung tâm phòng ngự chính của địch đã bị các loạt đạn phản lực phá sạch, còn các hầm trú ẩn thì bị sụp đổ, tan nát.

Các đơn vị chúng ta truy kích quân địch, đến ngày 7-9 tới sông Xơ-ri-a-na, chiếm lại con sông đó và từ sáng ngày 8-9, nhận nhiệm vụ phát triển tấn công, phối hợp với các đơn vị của tướng P.P. Xô-ben-ni-cốp.

Do kết quả của chiến dịch, tinh thần của quân ta lên cao, lòng tin tưởng vào thắng lợi được củng cố. Các đơn vị của ta đã vững tâm hơn để đánh bại các cuộc phản công của địch, dùng hỏa lực diệt chúng, và đồng loạt chuyển sang phản công.

Mặc dù những trận chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, và chiến dịch đã thu được thắng lợi, tôi vẫn không quên cuộc nói chuyện ở Đại bản doanh ngày 29-7. Những dự kiến về chiến lược của Bộ Tổng tham mưu chúng ta lúc đó có đúng không?

Hiện nay có nhiều cách nói khác nhau về thái độ của Đại bản doanh, Bộ Tổng tham mưu, bộ tư lệnh hướng tây-nam và Hội đồng quân sự Phương diện quân Tây-nam đối với công cuộc phòng thủ Ki-ép và việc Phương diện quân Tây-nam rút về sông Pờ-xen để tránh bị bao vây, vì vậy, tôi thấy cần trích ra ở đây cuộc nói chuyện của I.V. Xta-lin với bộ tư lệnh Phương diện quân Tây-nam ngày 8-8-1941.

“I.V. Xtallin ở máy nói. Chúng tôi được tin phương diện quân của đồng chí đã nông nổi quyết định bỏ Ki-ép cho quân giặc vì cho là thiếu những đơn vị có khả năng bảo vệ Ki-ép. Có đúng thế không?

Thượng tướng M.P. Kiéc-pô-nô-xơ. Chào đồng chí Xta-lin. Người ta báo cáo không đúng với đồng chí. Tôi và hội đồng quân sự phương diện quân đã dùng mọi biện pháp để dù sao cũng không bỏ Ki-ép cho địch. Quân địch ở mặt biên giới phía nam nước Cộng hòa U-crai-na, có lực lượng hơn ta đến 5 sư đoàn và được không quân chi viện, đã thọc sâu vào U-crai-na đến 4 km. Trong ngày hôm qua có đến 4.000 quân địch chết và bị thương. Trận đánh diễn ra rất ác liệt, nhiều vùng dân cư phải giành đi giết lại nhiều lần.

Để tăng cường cho các đơn vị ở U-crai-na, hôm qua và hôm nay, chúng tôi đã điều 2 lữ đoàn quân đổ bộ đường không với 30 xe tăng làm nhiệm vụ tiêu diệt các đơn vị địch đã lọt vào U-crai-na và khôi phục lại hình thái cũ. Tôi cho rằng những lực lượng và phương tiện mà chúng tôi hiện có, đủ bảo đảm làm tròn nhiệm vụ.

I.V. Xta-lin. Đồng chí có thể nói chắc chắn rằng, đồng chí đã dùng mọi biện pháp để bất cứ trong điều kiện nào cũng có thể khôi phục lại tình hình ở dải phía nam U-crai-na không? Đồng chí hãy lấy một số đơn vị từ các hướng khác về để tăng cường việc giữ Ki-ép. Tôi cho rằng, sau khi đồng chí Mu-dư-chen-cô rút khỏi vòng vây thì cuộc tấn công của chúng ta ở hướng mà đồng chí đã biết, sẽ không còn ý nghĩa ban đầu nữa. Như vậy, đồng chí có thể rút một số đơn vị ra khỏi hướng ấy và lấy lực

lượng đó tăng cường cho Ki-ép được không?

Hội đồng quốc phòng và Đại bản doanh tha thiết yêu cầu đồng chí dùng hết thảy mọi biện pháp có thể để bảo vệ Ki-ép. Chừng hai tuần nữa tình hình sẽ dễ chịu hơn. Lúc đó chúng tôi sẽ có thể chi viện cho các đồng chí những lực lượng mới, còn trong hai tuần trước mắt dầu như thế nào cũng phải giữ bằng được Ki-ép. M.P. Kiéc-pô-nô-xơ. Đồng chí Xta-lin, tất cả ý nghĩ và cố gắng của chúng tôi, của tôi cũng như của cả Hội đồng quân sự đều nhằm không cho quân địch chiếm được Ki-ép. Chúng tôi sẽ sử dụng tất cả mọi thứ có trong tay để giữ Ki-ép, làm tròn nhiệm vụ trên đã giao.

I.V. Xta-lin. Rất tốt. Bắt chặt tay đồng chí. Chúc đồng chí thắng lợi. Chào đồng chí.

M.P. Kiéc-pô-nô-xơ. Xin cảm ơn những lời chúc thắng lợi của đồng chí”.

Còn tôi thì vào nửa cuối tháng 8-1941, khi phân tích tình hình chiến lược chung và tính chất những hoạt động của quân địch, tôi lại tin chắc rằng, những ý kiến tôi đã báo cáo với I.V. Xta-lin ngày 29-7-1941 về khả năng hành động của quân địch trong thời gian tới là đúng. Vì vậy, với tư cách một thành viên của Đại bản doanh, tôi thấy có trách nhiệm phải báo cáo lại một lần nữa với Tổng tư lệnh tối cao những dự kiến về việc quân địch có thể tấn công vào sườn và phía sau các đơn vị thuộc Phương diện quân

Tây-nam.

Ngày 18-8 tôi gửi lên I.V. Xta-lin bức điện sau đây:

“Quân địch biết chắc là ta đã tập trung những lực lượng rất lớn trên các đường tiến vào Mát-xcơ-va, và thấy ở hai bên sườn của chúng lại có Phương diện quân Trung ương và bộ phận lực lượng ta đóng ở Vê-li-ki - Lu-ki, nên chúng đã tạm thời bỏ ý định tấn công Mát-xcơ-va và chuyển sang phòng ngự tích cực, chống lại Phương diện quân miền Tây và Phương diện quân Dự bị, mà tung tất cả các đơn vị cơ động và xe tăng xung kích tấn công vào các Phương diện quân Trung ương, Tây-nam và phía Nam.

Có thể là địch âm mưu tiêu diệt Phương diện quân Trung ương và sau khi tiến ra vùng Chéc-ni-gốp - Cô-nô-tốp - Pri-lu-ki, sẽ từ phía sau đánh tan các tập đoàn quân của Phương diện quân Tây-nam. Sau đó chúng sẽ vòng qua các khu rừng Bri-an-xcơ mà đánh mũi đột kích chủ yếu vào Mát-xcơ-va, đồng thời tiến đánh vùng Đôn-bát.

Muốn phá tan âm mưu nguy hiểm đó của địch, tôi thấy ta nên tập trung thật nhanh một số lớn lực lượng vào vùng Glu-khốp - Chéc-ni-gốp - Cô-nô-tốp và lấy lực lượng đó đánh vào sườn quân địch đang tấn công.

Thành phần cụm xung kích của ta nên có 11 đến 12 sư đoàn bộ binh, 2 đến 3 sư đoàn kỵ binh, ít ra 1.000 xe tăng và 400 - 500

máy bay. Có thể lấy những lực lượng ấy ở Phương diện quân Viễn Đông ở vùng phòng thủ và phòng không Mát-xcơ-va và ở các quân khu bên trong” .

Để đập tan thủ đoạn của địch , tôi đề nghị với Đại bản doanh tiến hành nhiều biện pháp kể cả việc tổ chức một cuộc phản công lớn từ vùng Bri-an-xcơ.

Ngày hôm sau, 19-8, tôi nhận được điện của Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao như sau:

“Chúng tôi cho rằng ý kiến của đồng chí về sự tiến lên của địch ở phía Chéc-ni-gốp - Cô-nô-tốp - Pri-lu-ki là đúng. Quân Đức tiến lên ... có nghĩa là địch sẽ vòng qua Ki-ép ở phía đông sông Đờ-nép, và thực hiện bao vây các tập đoàn quân 3 và 21 của chúng ta ... Do nhìn thấy trước tình hình phức tạp đó và để ngăn ngừa nó, nên đã thành lập Phương diện quân Bri-an-xcơ do Ê-rê-men-cô chỉ huy. Còn có nhiều biện pháp khác nữa, sẽ thông báo đặc biệt sau.. Chúng tôi hy vọng chặn được cuộc tiến công của địch. Xta-lin, Sa-pô-sni-cốp”.

Tôi rất lo lắng cho số phận của Phương diện quân Trung ương và Tây-nam, nên sau đó, không nhớ rõ một hay hai ngày sau, tôi quyết định gọi dây nói cho B.M. Sa-pô-sni-cốp, Tổng tham mưu trưởng. Tôi muốn biết Bộ tổng tư lệnh tối cao đã có những biện pháp cụ thể gì để tránh cho Phương diện quân Trung ương và Tây-nam khỏi rơi vào tình trạng khó khăn.

B.M. Sa-pô-sni-cốp thông báo cho tôi tình hình các khu vực nói trên và các biện pháp của Bộ tổng tư lệnh nhằm chống lại những thủ đoạn của tập đoàn quân Gu-đê-ri-an và của các đơn vị cánh phải cụm tập đoàn quân “Trung tâm” quân địch.

Đồng chí cho biết, Tổng tư lệnh tối cao cho phép rút một số đơn vị thuộc cánh phải Phương diện quân Tây-nam về bờ phía đông sông Đờ-nép. Các đơn vị đóng ở Ki-ép, vẫn ở tại chỗ, có nhiệm vụ bảo vệ các đường vào Ki-ép, và phải giữ vững Ki-ép cho tới những khả năng cuối cùng.

- Cá nhân tôi - B.M. Sa-pô-sni-cốp nói tiếp - tôi cho rằng, Phương diện quân Bri-an-xơ mới thành lập sẽ không thể chặn được mũi đột kích có thể có của cụm tập đoàn quân “Trung tâm” quân địch.

- Thế mà - đồng chí nói thêm - trung tướng Ê-rê-men-cô lúc nói chuyện với I.V. Xta-lin có hứa sẽ tiêu diệt các đơn vị địch tiến đánh Phương diện quân Trung ương, không cho chúng lọt vào sườn và phía sau phương diện quân Tây-nam.

Tôi biết các đơn vị của Phương diện quân Bri-an-xơ mới vội vã thành lập ra như vậy sẽ chiến đấu như thế nào, nên thấy hết sức cần thiết phải báo cáo lại một lần nữa bằng máy cao tần với Tổng tư lệnh tối cao, để kiên trì đề nghị phải rút thật nhanh tất cả các đơn vị thuộc cánh phải của Phương diện quân Tây-nam sang bên kia sông Đờ-nép.

Nhưng đề nghị của tôi không được chấp nhận.

I.V. Xta-lin nói rằng, đồng chí vừa trao đổi ý kiến một lần nữa với N.X. Khor-rút-xốp và M.P. Kiéc-pô-nô-xơ, và các đồng chí này vẫn đảm bảo rằng, hiện nay dầu tình hình như thế nào cũng không bỏ Ki-ép. Riêng I.V. Xta-lin cũng tin là, dù cho quân địch không bị Phương diện quân Bri-an-xơ đánh tan thì thế nào chúng cũng bị chặn lại ở đây.

Chúng ta biết là bộ đội của Phương diện quân Tây-nam sau đó đã bị thiệt hại nặng vì những quyết định không dựa trên sự phân tích tình hình một cách nghiêm chỉnh đó.

Ngày 8-9 tôi được gọi về gặp I.V. Xta-lin.

Tôi vào phòng tiếp khách thì đêm đã muộn. Các đồng chí cho biết I.V. Xta-lin đợi tôi ở nhà riêng trong điện Crem-lanh. Mấy phút sau tôi đã đến nhà đồng chí. I.V. Xta-lin đang ăn cơm tối. Cùng ăn với đồng chí có đồng chí A.X. Séc-ba-cốp, V.M. Mô-lô-tốp, G.M Ma-len-cốp, và các đồng chí ủy viên khác trong Bộ chính trị.

I.V. Xta-lin niềm nở tiếp đón tôi. .

- Mũi En-nha của đồng chí được đấy, - I.V. Xta-lin nói - Ý kiến đồng chí lúc đó là đúng (ý nói đến bản báo cáo của tôi ngày 29-7). Bây giờ đồng chí muốn đi đâu?

- Tôi xin trở lại mặt trận.

- Mặt trận nào?

- Đến mặt trận nào mà đồng chí thấy cần thiết.
 - Đồng chí hãy đến Lê-nin-grát. Lê-nin-grát đang trong tình trạng hết sức gay go. Nếu quân Đức chiếm được Lê-nin-grát và liên lạc được với quân đội Phần Lan thì chúng có thể sẽ từ hướng đông-bắc đánh vu hồi vào Mát-xcơ-va và lúc đó tình hình sẽ khó khăn hơn nữa.
 - Xin sẵn sàng đi ngay đến Lê-nin-grát. Tôi chỉ đề nghị cho hai, ba đồng chí cấp tướng cùng đi để nếu cần thì có người thay thế các đồng chí tư lệnh nào bị yếu mệt quá sức.
 - Tùy đồng chí muốn lấy ai cũng được - Sau đó ngừng một lát, I.V. Xta-lin đột nhiên nói - Ở hướng tây-nam tình hình không được tốt. Chúng tôi quyết định thay đổi người lãnh đạo ở đó. Theo đồng chí thì nên cử ai đến.
 - Trong thời gian gần đây nguyên soái Ti-mô-sen-cô có nhiều kinh nghiệm thực tế trong công tác tổ chức chiến đấu, và đồng chí đó lại rất quen thuộc U-crai-na, tôi đề nghị cử đồng chí Ti-mô-sen-cô - tôi trả lời.
 - Hay đấy, đồng chí nói đúng. Thế nên cử ai thay thế Ti-mô-sen-cô ở phương diện quân miền Tây?
- Tôi bèn đề nghị cử trung tướng I.X. Cô-nép, tư lệnh tập đoàn quân 19. I.V. Xta-lin đồng ý, và ngay lúc đó gọi dây nói, chỉ thị cho B.M. Sa-pô-sni-cốp triệu tập nguyên soái Ti-mô-sen-cô về và truyền lệnh cho I.X. Cô-nép lên làm tư lệnh Phương diện

quân miền Tây.

Tôi sắp cáo từ thì I.V. Xta-lin lại hỏi:

- Đồng chí đánh giá những kế hoạch và khả năng sau này của địch thế nào?

- Hiện nay - tôi trả lời, - ngoài Lê-nin-grát ra thì Phương diện quân Tây-nam là nơi đang gặp nguy hiểm nhất. Tôi cho rằng, trong những ngày sắp tới tình hình ở đây có thể sẽ gay go. Cụm tập đoàn quân “Trung tâm” của địch nếu tiến được ra khu vực Chéc-ni-gốp - Nốp-gô-rôt - Xê-véc-xki thì nó có thể đánh bại tập đoàn quân 21 của chúng ta và thọc vào phía sau Phương diện quân Tây-nam.

Tôi tin rằng cụm tập đoàn quân “Nam” của Đức, sau khi chiếm được căn cứ đầu cầu trong vùng Crê-men-chúc sẽ hiệp đồng chiến dịch với tập đoàn quân Gu-đê-ri-an. Phương diện quân Tây-nam bị đe dọa nghiêm trọng. Tôi lại đề nghị rút ngay các lực lượng của chúng ta ở Ki-ép sang bờ phía đông sông Đờ-nép và lấy nơi nào đó trong các đơn vị đó thành lập ra những lực lượng dự bị ở một vùng Cô-nô-tốp.

- Thế còn Ki-ép?

- Tuy đau xót, nhưng buộc phải bỏ Ki-ép. Chúng ta không còn cách giải quyết nào khác.

I.V. Xta-lin cầm lấy ống nói và gọi điện thoại cho B.M. Sa-pô-sni-cốp.

- Đối với bộ phận quân ta ở Ki-ép chúng ta sẽ xử trí thế nào? -

I.V. Xta-lin hỏi - Giu-cốp kiên trì đề nghị rút ngay.

Tôi không nghe Sa-pô-sni-cốp trả lời như thế nào, nhưng cuối cùng I.V. Xta-lin nói:

- Ngày mai Ti-mô-sen-cô sẽ đến đây. Đồng chí hãy cùng đồng chí đó suy nghĩ về các vấn đề, rồi buổi tối chúng ta sẽ nói chuyện với Hội đồng quân sự Phương diện quân Tây-nam.

Cuộc nói chuyện với Hội đồng quân sự Phương diện quân diễn ra ngày 11-9. Đây là nội dung của cuộc nói chuyện:

Đầu máy nói bên kia - các đồng chí: Kiéc-pô-nô-xơ, Buốc-mi-xten-cô, Tu-pi-cốp.

ở đây - các đồng chí: Xta-lin, Sa-pô-sni-cốp, Ti-mô-sen-cô.

I.V. Xta-lin. Tôi thấy đề nghị của các đồng chí về việc rút bộ đội tới tuyến sông đã nói là nguy hiểm.

Trong tình hình hiện nay ở bên bờ phía đông sông Đờ-nép, nếu cho rút các đơn vị theo như đề nghị của các đồng chí, thì có nghĩa là sẽ đưa bộ đội ta đến chỗ bị bao vây, bởi vì quân địch sẽ đánh các đồng chí không những từ phía Cô-nô-tốp, tức là từ phía bắc, mà còn từ phía nam, nghĩa là từ Cờ-rê-men-chúc và cả từ phía tây, vì khi quân ta rút khỏi sông Đờ-nép thì chỉ trong chốc lát quân địch sẽ chiếm bờ phía đông con sông đó và chúng sẽ bắt đầu ngay các cuộc tấn công. Nếu bộ phận quân địch ở Cô-nô-tốp bắt liên lạc được với bộ phận của chúng ở Crê-men-chúc thì các

đồng chí sẽ bị hợp vây.

Như các đồng chí đã thấy, đề nghị rút quân ngay của các đồng chí mà không có hai điều kiện: một là, chuẩn bị trước tuyến phòng ngự trên sông Pơ-xen; hai là, hiệp đồng với Phương diện quân Bri-an-xơ tấn công mãnh liệt vào bộ phận quân địch đóng ở Cô-nô-tóp - tôi nhắc lại, nếu không có hai điều kiện đó thì đề nghị rút quân của các đồng chí thật là nguy hiểm và có thể dẫn đến thảm họa. Làm thế nào để thoát khỏi tình trạng đó? Lối thoát có thể như sau:

Một là, sau khi đã tập trung 9/10 lực lượng không quân vào trong vùng này, phải điều động bố trí lại ngay các lực lượng, dù chỉ là những lực lượng bộ đội đang phòng thủ Ki-ép và những đơn vị khác, hiệp đồng với Ê-rê-men-cô tấn công vào bộ phận quân địch ở Cô-nô-tóp. Ê-rê-men-cô đã nhận được những chỉ thị liên quan. Ngày hôm nay chúng tôi đã ra lệnh riêng, chuyển cụm không quân của Pê-tơ-rốp sang Khác-cốp, thuộc quyền chỉ huy của Phương diện quân Tây-nam.

Hai là, phải tổ chức ngay tuyến phòng ngự trên sông Pơ-xen hay một nơi nào trên dải đó, bố trí một cụm pháo lớn của phương diện quân hướng bắn về phía bắc, phía tây và rút từ 5 đến 6 sư đoàn về tuyến phòng ngự đó.

Ba là, sau khi đã tạo ra thành quả đấm mạnh đánh bộ phận quân địch ở Cô-nô-tóp và thiết lập được tuyến phòng ngự trên sông

Pờ-xen, nói tóm lại, khi đã làm xong tất cả những việc đó thì bắt đầu cho rút khỏi Ki-ép; trước khi rút phải chuẩn bị chu đáo việc phá sập các cầu

Không được để lại một phương tiện qua sông nào trên sông Đờ-nép, mà phải phá hủy hết đi, và sau khi đã rút khỏi Ki-ép phải trụ lại bên bờ phía đông sông Đờ-nép, không để quân địch vượt sang đó.

Cuối cùng, ở đó phải tìm cách chống cự và chỉ có chống cự, không được tìm đường rút lui nữa.

Kiéc-pô-nô-xơ. Chúng tôi không hề có ý định rút quân trước khi nhận được chỉ thị nêu phương hướng rút bộ đội sang phía đông và định rõ các tuyến. chúng tôi chỉ đề nghị cấp trên tăng cường cho phương diện quân lực lượng dự bị vì chính diện đã kéo dài đến trên 800 km.

Theo chỉ thị của Đại bản doanh nhận được đêm ngày 10 rạng sáng 11 tháng 9, chúng tôi đang rút 2 sư đoàn bộ binh cùng với pháo binh của tập đoàn quân đồng chí Cô-xten-cô, chuyển nó theo đường sắt sang phía Cô-nô-tốp để làm nhiệm vụ cùng với các tập đoàn quân của đồng chí Pốp-lát và Cu-dơ-nét-xốp tiêu diệt đoàn quân mô-tô cơ giới địch đã lọt vào hướng Rôm-ma.

Theo ý kiến của chúng tôi thì không nên rút bớt lực lượng ở Ki-ép và U-crai-na đi nữa, vì đã lấy đi hơn 2 sư đoàn rưởi cho hướng Chéc-ni-gốp rồi. Chỉ có thể lấy ở đây một bộ phận pháo

thôi.

Những chỉ thị của Bộ tổng tư lệnh mà chúng tôi vừa nhận sẽ được thi hành ngay lập tức. Hết.

I.V. Xta-lin. Thứ nhất. Việc rút bộ đội của Phương diện quân Tây-nam là do đề nghị của đồng chí và đồng chí Bu-di-on-nui, tổng tư lệnh mặt trận hướng tây-nam. Đây là trích yếu báo cáo của đồng chí Bu-di-on-nui ngày 11:

“Đồng chí Sa-pô-sni-cốp cho biết, Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao thấy việc rút các đơn vị thuộc Phương diện quân Tây-nam sang phía đông lúc này còn sớm. Nếu như Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh không có khả năng tập trung một cụm quân mạnh vào lúc này thì việc rút lui đã hoàn toàn chín muồi đối với Phương diện quân Tây-nam”.

Như đồng chí đã thấy, đồng chí Sa-pô-sni-cốp chống lại việc rút quân còn đồng chí Bu-di-on-nui cũng như Phương diện quân Tây-nam thì lại chủ trương rút ngay.

Thứ hai. Về những biện pháp tổ chức lực lượng đánh bọn địch ở Cô-nô-tốp và việc chuẩn bị đài phòng ngự trên tuyến đã định, đồng chí thông báo thường xuyên cho chúng tôi biết.

Thứ ba. Không được bỏ Ki-ép và không được phá cầu nếu chưa được phép đặc biệt của Đại bản doanh. Chào các đồng chí.

Kiéc-pô-nô-xơ. Chỉ thị của đồng chí đã rõ. Xin chào đồng chí.

Lúc chia tay trước khi tôi sắp lên máy bay đi Lê-nin-grát, Tổng

tư lệnh tối cao nói:

- Có cái giấy này đồng chí chuyển cho Vô-rô-si-lốp, còn mệnh lệnh bổ nhiệm đồng chí sẽ được chuyển tới, khi nào đồng chí đến Lê-nin-grát.

Trong giấy gửi K.E. Vô-rô-si-lốp có nói: “Giao quyền chỉ huy phương diện quân cho Giu-cốp, còn đồng chí đáp máy bay về ngay Mát-xcơ-va”.

Trước khi lên máy bay đi Lê-nin-grát tôi qua gặp A.M. Va-xi-lép-xki lúc đó là Phó Tổng tham mưu trưởng thứ nhất. A.M. Va-xi-lép-xki phụ trách các vấn đề thuộc hướng tây-nam. Khi tôi hỏi nhận định của đồng chí về các khu vực ở hướng tây-nam, đồng chí Va-xi-lép-xki nói :

- Tôi nghĩ rằng, chúng ta đã quá chậm chạp trong việc rút các đơn vị sang sông Đờ-nép...

Đến đây tôi muốn tạm ngừng việc trình bày tương đối liên tục các sự kiện.

Đã qua một tháng rưỡi đầu tiên vô cùng gay go của cuộc chiến tranh. Những thiệt hại của chúng ta rất lớn. Riêng trong ngày đầu tiên của chiến tranh, không quân của các quân khu giáp biên giới đã mất gần 1.200 máy bay. Các binh đoàn xe tăng và cơ giới của địch, được những lực lượng không quân lớn yểm hộ, tiếp tục tiến về phía trước, đột phá vào những nơi tiếp giáp giữa các đơn vị quân ta, đánh vào sườn các cánh quân ta, phá hoại các đầu mối

và đường dây thông tin liên lạc. Hàng vạn chiến sĩ Xô-viết và dân lành hy sinh...

Nhưng cũng trong thời gian đó, ngay từ đầu, mọi việc đã xảy ra không theo đúng ý muốn của bộ tổng tư lệnh Đức. Các nhà viết sử còn phải nghiên cứu xem, mọi ý định của nhóm cầm đầu Hít-le, mặc dù có những thắng lợi gì đi nữa, cũng đã bị đập tan triệt để như thế nào. Tất cả điều đó đã có những hậu quả rất sâu xa mà chúng tôi sẽ còn có dịp nói đến vài lời.

Bước đầu tiên đặt chân lên đất nước ta, quân đội phát-xít đã vấp phải cái gì? Cái gì trước tiên đã ngăn cản làm cho chúng không thể tiến quân theo tốc độ quen thuộc của chúng? Đó chính là chủ nghĩa anh hùng tập thể, sự đánh trả quyết liệt của quân đội ta, ý chí kiên cường và lòng yêu nước vĩ đại của quân đội và nhân dân ta.

Trước kia và hiện nay không thiếu gì điển hình của những quân đội tuy có ưu thế về vũ khí nhưng lại nhanh chóng mất tinh thần chống cự, hay nói giản đơn hơn là phải chạy dài. Không ai có thể phân biệt rạch ròi ranh giới giữa vai trò của vũ khí, kỹ thuật nói riêng và ý nghĩa của yếu tố tinh thần quân đội. Tuy vậy không ai chối cãi được rằng, trong những điều kiện như nhau, quân đội nào có ý chí giành thắng lợi kiên cường hơn, có giác ngộ về mục tiêu chiến đấu sâu xa hơn, có quyết tâm vững chắc hơn và có lòng trung thành sắt đá hơn với lý tưởng mà họ chiến đấu, quân

đội đó nhất định sẽ chiến thắng trong những trận đánh lớn và cả cuộc chiến tranh.

Về điều này tôi thấy nên nhường lời cho kẻ địch mà chúng ta đã đối phó trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại. Phần lớn những nguồn tài liệu dẫn ra đây đều thuộc về những ngày đầu tiên ấy chứ không phải là thuộc về những năm sau, khi mà những lợi ích về chính trị, tuyên truyền và cá nhân đã có thể chi phối tác giả những tài liệu ấy. ở đây cần chú ý rằng, trước cuộc tấn công vào Liên Xô, trong nhiều năm, báo chí, đài phát thanh, tài liệu của bọn phát-xít, lẽ tất nhiên, đều rất một giọng đắc thắng. Và những bộ đội nhắc đến trong những nguồn tài liệu đó đã chiến đấu ở mặt trận nào, do ai chỉ huy, thì điều đó cũng không có gì là quan trọng. Quan trọng chính là cái xu hướng chung trong việc đánh giá tình hình và sự phát triển của sự kiện, đánh giá phẩm chất của chiến sĩ và cán bộ ta, ngay trong thời kỳ mà chúng ta có những thất bại, lúc mà chúng ta đang có những khó khăn cực kỳ to lớn. Lẽ cố nhiên, lúc bấy giờ trước mắt còn nhiều việc, còn phải chiến đấu hàng năm ròng vì bọn phát-xít Đức sẽ ngày càng ném thêm nhiều lực lượng mới đến mặt trận phía đông, khi lực lượng chúng chưa cạn hết sạch. Nhưng mong bạn đọc sẽ thấy, mặc dù địch đang có những thắng lợi trên mặt trận phía đông, cái giọng đắc thắng ngay từ các trận đánh đầu tiên đã bắt đầu tiêu tan, nhường chỗ cho sự kinh ngạc, thất vọng.

Mức độ địch hiểu biết về đất nước, về lực lượng vũ trang, về nền kinh tế của Liên Xô như thế nào cũng là một điều đáng chú ý.

Đúng là lúc đó chúng ta đang xây dựng cuộc sống hòa bình, không phải mọi người đã có đầy đủ ý thức cảnh giác, không phải không có sự dễ dãi và sự tự mãn. Nhưng dù trong hoàn cảnh như thế, đất nước chúng ta đã tỏ rõ là một “quả bom nổ chậm” như thế nào trước kẻ thù?

Tôi không chọn những dòng và chữ riêng lẻ trong các nguồn tài liệu nước ngoài đó. Bằng cách đó nói chung có thể chứng minh mọi điều có thể bác bỏ ngay cả bản thân mình, có thể lấy ngay kinh thánh để chống lại Đức Chúa. Vì vậy tôi sẽ phải trích cả từng đoạn một. Và hãy cứ giữ nguyên lời lẽ xa lạ với chúng ta, những cách nói làm chúng ta bức mình đôi chút. Như thế, đông đảo người đọc, đặc biệt là các bạn trẻ, sẽ càng thấy rõ hơn cái điểm, cái nét mà tôi muốn họ chú ý tới.

Những nguồn tài liệu đó đã được các giới quân sự biết rõ, tất cả đều đã được đưa ra công khai ở Liên Xô. Trong đó không có gì mới, nhưng ngay cả những trang sách đó cũng có thể giúp cho đông đảo các bạn đọc dễ dàng hình dung được bức tranh về những ngày đó, một bức tranh anh dũng hơn rất nhiều so với hình ảnh mà đôi khi chúng ta thường hay vẽ .

Dưới đây là vài đoạn trích trong cuốn sách của tướng Cuốc-to Ti-pen-xkiéc[2], khi sắp nổ ra Thế chiến thứ hai đã được Hít-le

cử làm cục trưởng cục tình báo thuộc bộ Tổng tham mưu quân đội Đức.

“Hầu như không thể xác định được sức mạnh quân sự của Liên Xô dù là ước chừng. Rất nhiều yếu tố nếu như trong những điều kiện thông thường khác có thể giúp ta phác họa được bản sơ đồ phức tạp về khả năng động viên lực lượng vũ trang và về những nguồn kinh tế của nó, nhưng ở đây lại được gìn giữ tuyệt đối bí mật... Kết quả mong muốn đạt được là: chúng ta đã đánh giá quá thấp khả năng của người Nga trong những lĩnh vực có ý nghĩa quyết định của nền kinh tế như giao thông và công nghiệp chiến tranh.

Trong các nước khác, hoạt động gián điệp được tiến hành dễ dàng dưới cái vỏ những hoạt động kinh tế tư nhân vô hại, thì ở Liên Xô, trong điều kiện nền kinh tế có sự lãnh đạo tập trung, hoạt động đó không có đất để làm ăn.

Dựa vào những tài liệu tình báo nhận được từ Liên Xô, mặc dù Liên Xô hoàn toàn cách biệt với ngoài, những tài liệu thu được bằng phương pháp thuần túy kinh nghiệm là phương pháp có thể dùng để đánh giá số lượng lực lượng vũ trang của bất cứ nước nào (ví dụ như có một tỷ lệ cố định giữa số dân và số lượng những binh đoàn có thể được thành lập), bộ Tổng tham mưu Đức đã có dự kiến đại khái về khả năng của Liên Xô khi chiến tranh xảy ra. Cuộc chiến tranh Nga - Phần Lan cũng cho ta những tài

liệu có giá trị, tuy vậy tài liệu này trong nhiều trường hợp đã đưa đến những kết luận không đúng sự thật.

Người Đức đã đánh giá khá đúng tổng số quân đội Nga.[3]

Dĩ nhiên số binh đoàn đó tất nhiên hoàn toàn chưa phải là toàn bộ dự trữ nhân lực của cái nước to lớn mỗi năm gọi khoảng 1,5 triệu người vào bộ đội mà vẫn có ít ra là 12 triệu thanh niên đủ điều kiện phục vụ quân dịch. Công nghiệp chiến tranh của nước Nga có khả năng trang bị cho khối người đó đến mức nào vẫn còn là một vấn đề chưa rõ. Vì vậy, việc tiêu diệt công nghiệp chiến tranh của nước Nga có một ý nghĩa quyết định.

Chúng ta được biết rằng, các sư đoàn bộ binh mà quân ta sẽ gặp trước nhất, được trang bị phù hợp với yêu cầu hiện đại; chúng ta cũng biết rằng các sư đoàn bộ binh Nga khác với các sư đoàn Đức ở chỗ trong biên chế của nó có các tiểu đoàn xe tăng...

Chiến tranh Nga - Phần Lan đã bộc lộ trình độ huấn luyện về chiến thuật của cán bộ trung, sơ cấp còn yếu so với yêu cầu.

Cũng được biết thêm rằng, Bộ trưởng quốc phòng Nga Ti-mô-sen-cô rút được bài học chiến tranh đó, đã quyết định cải tiến việc huấn luyện từng người cho các chiến sĩ, bồi dưỡng cho cán bộ chỉ huy có tính chủ động nhiều hơn, khắc phục tính máy móc và nâng cao năng lực hợp đồng binh chủng.

Có vẻ không thể tin được rằng, những thiếu sót ấy mà trong Thế chiến thứ nhất hãy còn bộc lộ và phần nào đã thành thuộc tính

của dân Nga lại có thể được thanh toán trong một thời gian ngắn. Cần phải dự kiến rằng, Bộ chỉ huy tối cao Nga với bản tính chín chắn và cần cù của mình đã nghiên cứu rất kỹ diễn biến của cuộc chiến tranh ở Ba Lan và ở Pháp và qua sự nghiên cứu đó đã rút ra những kết luận của mình...

Các giới chính trị ở Đức tràn ngập hy vọng rằng, sau những thất bại nặng nề về quân sự, Nhà nước Xô-viết sẽ sụp đổ.

Đứng về mặt quân sự và chính trị thì khó có thể tin rằng Liên Xô trong một tương lai gần đây sẽ tự gây xung đột quân sự với Đức; nhưng lại có đầy đủ căn cứ để lo ngại rằng, khi có những điều kiện thuận lợi hơn thì Liên Xô có thể trở thành người láng giềng hoàn toàn không dễ dãi gì, mà thậm chí còn nguy hiểm nữa.

Hiện nay thì Liên Xô chưa có lý do gì để từ bỏ cái chính sách cho đến nay đã bảo đảm cho họ đạt những thắng lợi tuyệt vời mà hầu như không dùng tới sức mạnh. Liên Xô đang lo hiện đại hóa xe tăng, máy bay cũ kỹ của họ và chuyển một bộ phận đáng kể công nghiệp chiến tranh đến vùng U-ran. Các chính khách thận trọng và khôn khéo của Crem-lanh chưa thể tính đến chuyện tấn công nước Đức, một nước chỉ để một phần nhỏ lực lượng trên các mặt trận khác, còn lực lượng không quân khổng lồ thì có thể được tập trung bất cứ lúc nào sang phía đông. Và chẳng năm 1941, người Nga cảm thấy họ yếu hơn người Đức.

Tất nhiên chúng ta không thể che giấu khỏi con mắt tình báo

Liên Xô trọng điểm sức mạnh quân sự của chúng ta ngày càng chuyển dần sang phía đông. Bộ tư lệnh Nga đã có những biện pháp đối phó. Ngày 10-4, Hội đồng quân sự tối cao dưới sự chủ tọa của Ti-mô-sen-cô đã quyết định chuyển tất cả các đơn vị bộ đội đóng quân ở phía tây vào tình trạng sẵn sàng chiến đấu. Ngày 1-5, đã tiến hành thêm nhiều công tác chuẩn bị gấp rút cho chiến tranh và áp dụng nhiều biện pháp để bảo vệ biên giới phía tây của Liên Xô...

Liên Xô đã chuẩn bị cho cuộc xung đột quân sự với tất cả khả năng có thể có. Bất ngờ về chiến lược là điều mà bộ tư lệnh Đức không hy vọng thực hiện. Kết quả cao nhất có thể đạt được là giữ bí mật được thời gian tiến công, giành lấy sự bất ngờ về chiến thuật để dễ dàng xâm nhập vào đất của đối phương”.

“Mục tiêu chính[4] là mở những chiến dịch táo bạo với những mũi nhọn thọc sâu bằng xe tăng để tiêu diệt những lực lượng chủ yếu của quân Nga đóng ở miền Tây nước Nga và ngăn chặn không cho các lực lượng còn sức chiến đấu của họ rút được về phía trong của nước Nga bao la rộng lớn. Sau đó, bằng một cuộc truy kích nhanh chóng, các đơn vị Đức phải chiếm giữ được tuyến chiến đấu mà từ đó không quân Nga không thể đến ném bom đất Đức được.

Mục tiêu cuối cùng của các chiến dịch là tiến đến tuyến Von-ga - Ác-khan-ghen-xơ, tạo điều kiện để khi cần thiết có thể dùng

không quân làm tê liệt khu vực công nghiệp chiến tranh còn lại cuối cùng của Nga ở vùng U-ran...

Phương hướng đó đầy vẻ lạc quan, niềm lạc quan gây ra từ những thắng lợi ở Pháp và Ba Lan. Vì vậy, nó cho rằng, đối thủ cũng đóng một vai trò bị động như những đối thủ mà nước Đức đã từng gặp trong hai cuộc chiến tranh trước. Một lần nữa người ta lại hy vọng rằng dùng chiến tranh chớp nhoáng để đánh đối phương thì có thể bỏ qua luận điểm của Môn-kê cho rằng “không một kế hoạch tác chiến nào có thể được giữ nguyên sau cuộc đụng độ đầu tiên với lực lượng chủ yếu của quân địch”.

Nếu sự đánh giá đối phương lần này cũng đúng thì bộ tư lệnh có đầy đủ căn cứ để dùng lại cái chiến thuật nói trên đã hai lần được xác nhận trong thực tế là đúng; trong trường hợp trái lại, sẽ không tránh khỏi những thất vọng và những sự rắc rối”.

“Hít-le không nghi ngờ một chút nào về khả năng chỉ một chiến cục cũng đủ tiêu diệt Liên Xô. ông ta tin chắc điều đó đến nỗi ngay từ trước ngày bắt đầu các hành động chiến tranh chống Liên Xô, ông ta đã ấn định thời gian cho những chiến dịch sẽ được mở vào mùa thu năm 1941 “sau chiến dịch “Bác-ba-rô-xơ” ...”.

“3 giờ 30 phút ngày 22-6, quân đội Đức bắt đầu cuộc tấn công có tính chất tai hại về phía đông trên khắp mặt trận từ Biển Đen đến Biển Ban-tích...

Tập đoàn quân 17 sau những thắng lợi bước đầu trên biên giới ở phía tây tuyến Lvốp - Ra-va Ru-xcai-a đã gặp một đối phương khá mạnh phòng ngự trên những trận địa kiên cố, nhưng đã lập tức chiếm được những trận địa đó. Tập đoàn quân 6 đã tiến qua sông Stur-rơ. Nhưng ở đây tập đoàn quân 6 cũng như đạo xe tăng 1 đã gặp lúc đầu ở phía nam, và sau đó ở phía bắc, những cuộc phản kích mạnh mẽ của người Nga có lực lượng xe tăng mới đưa tới tham gia.

Các cuộc chiến đấu ác liệt vẫn tiếp diễn trên khắp mặt trận đến ngày 3-7. Người Nga rút về phía đông rất chậm và thường thường họ chỉ rút sau những cuộc phản kích quyết liệt chống các đơn vị xe tăng Đức đã vượt lên phía trước”.

“Quân Đức đã tiến đến tuyến kéo dài từ sông Đơ-ne-xơ-rơ qua Slút-chor, Đờ-nép trong vùng Oóc-sa đến bờ phía nam của hồ Chút-xki. Đây là một dải công sự phòng ngự không liên tục lắm, nhưng cũng là một chuỗi những chốt dã chiến có hào chống tăng và hàng rào dây thép gai, đã bắt đầu xây dựng từ trước năm 1941 và được tiếp tục xây dựng rất gấp rút trong những tuần lễ gần đây.

Tướng lĩnh và bộ đội tỏ ra có bản lĩnh cao, đáp ứng với đòi hỏi của một chiến trường đặc biệt khó khăn hơn nhiều so với những chiến trường trước đây. Tính ngoan cường của đối phương thể hiện rất rõ ràng; số lượng xe tăng tham gia vào các cuộc phản

công thật đáng kinh ngạc.

Đây là một đối thủ có ý chí sắt đá, họ không tiếc gì trong việc tung quân vào chiến đấu nhưng không phải họ không có kiến thức về nghệ thuật tác chiến. Chưa có căn cứ gì để lo ngại nhiều, nhưng một điều đã rõ ràng là: ở đây không thể nói đến khả năng dùng những cú đánh nhanh chóng để “phá tan ngôi nhà làm bằng bìa”. Cuộc chiến đấu ở đây sẽ không diễn ra theo đúng kế hoạch như các cuộc chiến đấu trước kia”.

“Trong tháng 7 các cụm tập đoàn quân Đức còn tấn công có kết quả, và chiến đấu với một đối thủ ngoan cường, tuy có sự căng thẳng khác thường nhưng quân ta vẫn vững tin vào ưu thế của mình.

Hít-le không hài lòng lắm về những thắng lợi đã đạt được. Theo kinh nghiệm của cuộc chiến tranh ở châu Âu, người ta chờ đợi ở các mũi thọc sâu bằng xe tăng những kết quả lớn hơn nhiều.

Người Nga phòng ngự với lòng quyết tâm và chí ngoan cường không thể ngờ được, ngay cả khi họ bị đánh vu hồi và bị bao vây. Làm như vậy họ đã tranh thủ được thời gian và đưa được lên phía trước những lực lượng dự bị mới, mạnh hơn mức ta dự đoán để tiến hành những đòn phản kích.

Xuất phát từ tình hình đó, Hít-le cho rằng: chiến thuật dùng từ trước đến nay đòi hỏi quá nhiều lực lượng mà kết quả đạt được lại ít Các lòng chảo lớn do các binh đoàn xe tăng tiến ào ạt tạo

nên không khỏi có một hình thù rất dài, mà các lực lượng bao vây bị kéo dài ra thì rất yếu.

Trước khi các quân đoàn tiến quân, các binh đoàn cơ động có nhiệm vụ không những giữ vững vòng vây phía trong mà còn phải đánh lui tất cả những mưu đồ từ ngoài đánh tháo các đơn vị đang bị bao vây. Vì vậy, các trận địa bao vây không phải ở khắp nơi đều vững chắc như nhau, còn các binh đoàn cơ động thì, trong suốt mấy ngày, có khi suốt cả tuần, đã bắt buộc phải tác chiến rất ác liệt trên cả hai mặt, cái đó ảnh hưởng tai hại đến khả năng chiến đấu của họ”.

“Đối phương đã tỏ ra có khả năng kháng cự hoàn toàn ngoài sức tưởng tượng. Họ đã bị tổn thất rất nặng không chỉ trong mùa hè năm 1941 mà cả trong cuộc tấn công mùa đông là thời kỳ một số rất đông bộ đội tham gia. Nhưng tất cả những thiệt hại đó vẫn chưa hề bẻ được ý chí kiên cường của Hồng quân. Họ còn đủ cán bộ để tổ chức bộ máy chỉ huy cho các đơn vị mới và để bảo đảm việc huấn luyện chiến đấu cho các đơn vị đó”.

Thiếu tướng Phôn Bút-la-rơ “Chiến tranh ở Nga”.

“Tập đoàn quân 6 được giao nhiệm vụ chọc thủng các trận địa biên phòng của quân Nga trong vùng phía nam Cô-ven, tạo điều kiện cho đạo xe tăng 1 tiến vào dải chiến dịch...”

Sau một vài thắng lợi bước đầu, các đơn vị của cụm tập đoàn quân gặp ngay những lực lượng đáng kể của đối phương phòng

ngự trên những vị trí được chuẩn bị sẵn từ trước, mà ở một đôi chỗ có cả những điểm hỏa lực bằng bê-tông cốt sắt. Trong cuộc chiến đấu để giữ vững các vị trí đó, đôi phương sử dụng những lực lượng xe tăng rất lớn và đã mở hàng loạt trận phản kích vào các đơn vị Đức tiến công.

Sau những trận chiến đấu ác liệt kéo dài hàng mấy ngày, quân Đức đã chọc thủng được trận địa phòng ngự kiên cố ở phía tây tuyến Lvốp - Ra-va Ru-xcai-a và sau khi vượt sông Stur-rơ đã đẩy về phía đông những đơn vị đối phương chống cự kiên cường và luôn luôn tiến hành phản kích.

Sự kháng cự kiên cường của người Nga ngay từ những ngày đầu tiên đã làm cho quân Đức bị thiệt hại về người và vũ khí rõ ràng là lớn hơn những thiệt hại đã từng có ở Ba Lan và phương Tây. Người ta thấy rất rõ ràng là phương thức tác chiến và tinh thần chiến đấu của đôi phương cũng như những điều kiện địa lý của nước này hoàn toàn không giống với những nước mà trước đây người Đức đã gặp trong những cuộc “chiến tranh chớp nhoáng” đã đưa đến những thắng lợi làm cho cả thế giới phải kinh ngạc. Ngày nay nếu đánh giá nghiêm khắc những trận chiến đấu dọc theo biên giới ở nước Nga thì có thể đi tới kết luận rằng: chỉ có cụm tập đoàn quân “Trung tâm” là đã đạt được những thắng lợi to lớn cả về mặt chiến dịch”.

Gi. Ph.X Phu-le-rơ “Thế chiến tranh thứ II 1939-1945”

(Ngày ngày 29-6, trên báo “Phôn-ki-sơ Bê-ô-ba-khơ-te” đã có một bài viết như sau :

“Người lính Nga hơn hẳn những đối thủ của ta ở phương Tây ở chỗ họ coi khinh cái chết. Tinh thần chịu đựng và thuyết định mệnh làm cho họ kiên trì cho đến tận khi bị giết trong chiến hào hoặc bị chết trong trận đánh giáp lá cà”.

Ngày 6-7, một bài tương tự ở báo “Phơ-răng-phuốc-tơ Xây-tung” đã viết rằng: “ở phương Tây sau những đòn đột kích chớp nhoáng của quân Đức, người ta thấy có hiện tượng tê liệt về tinh thần, nhưng ở phương Đông thì không có hiện tượng này; trong nhiều trường hợp quân địch không những không mất khả năng chiến đấu mà có khi chính họ lại đánh vu hồi các gọng kìm của quân Đức”.

Đó là một điều tương đối mới về chiến thuật của chiến tranh, mà đối với người Đức thì đó là một điều kỳ lạ bất ngờ.

Đầu tháng 9, báo “Phôn-ki-sơ Bê-ô-ba-khơ-te” viết về vấn đề đó như sau:

“Trong thời gian quân Đức vượt sông Béc, các đợt tiến công đầu tiên có thể phát triển hết sức thuận lợi ở một vài nơi, nhưng sau đó thì hỏa lực bất ngờ và ác liệt bắn vào các đợt tấn công tiếp sau, còn bộ đội tấn công trong các đợt đầu thì bị bắn vào sau lưng. Không thể không khen ngợi tinh thần kỷ luật tuyệt vời của những người phòng ngự, chính tinh thần kỷ luật đó đã khiến họ

có thể giữ vững được một trận địa gần như đã mất.

Nói tóm lại, theo lời Ác-vít Phơ-rét-boóc-gơ, thì “lính Đức gặp một đối thủ có một sự ngoan cường như cuồng tín, kiên quyết giữ vững niềm tin chính trị của mình và chống lại cuộc tấn công chớp nhoáng của người Đức bằng một cuộc kháng cự tổng hợp”. Chẳng bao lâu, người ta đã thấy rõ là nước Nga không đưa hết lực lượng ra bố trí dọc biên giới như người Đức đã tưởng. Và cũng chẳng bao lâu người ta đã hiểu rằng chính người Đức đã phạm sai lầm rất lớn trong việc đánh giá lực lượng dự bị của Nga. Trước khi bắt đầu chiến tranh với Nga, cơ quan tình báo Đức vẫn đặt hy vọng vào “đoàn quân thứ 5”. Với nước Nga, tuy cũng có những người bất mãn, nhưng không có “đoàn quân thứ 5”. Những khó khăn ngày càng tăng lên nhanh chóng...”

Trích nhật ký công tác của Tổng tham mưu trưởng lục quân Đức, thượng tướng Ph. Gan-đe.

“23-6-1941 (ngày thứ 2 của cuộc chiến tranh).

Tình hình không được xác định đúng nhất trong báo cáo của bộ tham mưu tập đoàn quân 4: đối phương ở trong túi Bê-lô-xtóc chiến đấu không phải để sống mà để giành lấy thời gian.

Tuy vậy, tôi không tin rằng bộ tư lệnh địch đã thực sự lãnh đạo các đơn vị của họ một cách thống nhất và có kế hoạch. Chắc chắn hơn cả là mọi sự điều động tại chỗ của các đơn vị lục quân và không quân đều bị động do cuộc tiến quân của chúng ta gây

ra, chứ không phải là rút lui có tổ chức với những mục đích nhất định. Cho đến lúc này vẫn chưa thể nói có một cuộc rút lui có tổ chức như vậy.

Có lẽ tình hình ở vùng tiền quân của cụm tập đoàn quân “Bắc” là trường hợp ngoại lệ. ở đây cuộc rút lui qua sông Đờ-vi-na Tây rõ ràng đã được sắp đặt và chuẩn bị trước. Tại sao lại có được sự chuẩn bị như thế, hiện nay chưa thể xác định được...

24-6-1941 (ngày thứ 3 của cuộc chiến tranh).

... Trên gần suốt cả mặt trận các đơn vị thuộc cụm tập đoàn quân “Bắc” (trừ sư đoàn 291 bộ binh đang tấn công vào Li-ba-va) đã đánh lui những cuộc phản kích mãnh liệt bằng xe tăng của địch, những cuộc phản kích này, theo dự đoán là của quân đoàn cơ giới mô-tô 3 được một vài lữ đoàn bộ binh cơ giới chi viện (quân đoàn cơ giới mô-tô đóng quân ở đây từ thời bình). Tuy vậy, cánh phải được tăng cường của cụm tập đoàn quân vẫn tiến được đến Vin-cô-mia (Úc-méc-ghe). Trên đoạn này của mặt trận, người Nga cũng chiến đấu ngoan cường và quyết liệt.

24-6-1941 (ngày thứ 3 của cuộc chiến tranh).

Nói chung bây giờ đã rõ ràng là quân Nga không nghĩ đến việc rút lui, trái lại họ đã tung ra tất cả những gì có trong tay để đánh lại các đơn vị Đức đã thọc sâu ... Vì thiếu hẳn những lực lượng dự bị chiến dịch lớn cho nên đối phương không thể phòng ngự tích cực có hiệu quả. Tuy vậy, trên dải biên giới có nhiều lực

lượng dự trữ, điều đó chứng tỏ rằng ngay từ đầu người Nga đã có kế hoạch phòng ngự ngoan cường ở vùng biên giới và họ đã lập ở đây những căn cứ tiếp tế cho kế hoạch đó.

26-6-1941 (ngày thứ 5 của cuộc chiến tranh).

Tin tổng hợp tối về ngày 25-6 và tin sáng ngày 26-6 cho biết:

“Rất tiếc là cụm tập đoàn quân “Nam” tiến quân chậm và đã bị những tổn thất đáng kể. Về phía quân địch hoạt động đối phó với cụm tập đoàn quân “Nam”, người ta thấy có một sự lãnh đạo vững vàng và kiên quyết. Đối phương điều động liên tục những lực lượng mới và nguyên vẹn từ nội địa tới để đánh lại mũi dao nhọn bằng xe tăng của chúng ta. Địch không chỉ đưa lực lượng dự bị tới khu vực giữa của mặt trận như trước mà còn đưa cả tới sườn phía nam của cụm tập đoàn quân...

29-6-1941 (ngày thứ 8 của cuộc chiến tranh).

Tin tức từ mặt trận gửi về xác nhận rằng ở đâu người Nga cũng đánh đến người cuối cùng; số người ra hàng chỉ là lẻ tẻ ... Một điều đập vào mắt là trong phần lớn các đại đội pháo binh mà ta tóm được ta chỉ bắt được rất ít tù binh. Một số trong bọn họ đã chiến đấu đến chết, một số khác thay quần áo giả làm nông dân để tìm cách ra khỏi vòng vây.

29-6-1941 (ngày thứ 8 của cuộc chiến tranh).

Tướng Ôt, chỉ huy bộ binh, báo cáo những cảm tưởng của mình về trận đánh trong vùng Grôt-nô. Sự chống trả kiên quyết của

người Nga đã bắt chúng tôi phải chiến đấu theo tất cả các quy định của điều lệnh chiến đấu của ta. Ở Ba Lan và các nước phương Tây chúng tôi đã có thể tự cho phép mình tùy tiện và không theo những nguyên tắc điều lệnh một phần nào; bây giờ thì không thể làm như thế được. Tác động của không quân đối phương đối với bộ đội ta xem ra rất yếu...

Tình hình buổi tối: ... Trong vùng Lvốp đối phương rút chậm về phía đông, vừa rút vừa đánh quyết liệt, để giữ địa giới cuối cùng. ở đây người ta thấy lần đầu tiên đối thủ phá hàng loạt cầu ...

1-7-1941 (ngày thứ 10 của cuộc chiến tranh).

Trên mặt trận của cụm tập đoàn quân “Nam”, tập đoàn quân 17 tiến quân thuận lợi. Quân đoàn cơ giới 14 hoạt động bên sườn trái tập đoàn quân 17, đang tiến về phía đông. Sự rắc rối trong vùng Đúp-nô coi như đã hết. Quân đoàn cơ giới 8 của Nga đã bị bao vây. Có lẽ họ không đủ nhiên liệu. Đối phương đã chôn xe tăng xuống đất và cứ như thế họ đánh để giữ trận địa. Bên cánh phía bắc của cụm tập đoàn quân, sư đoàn xe tăng 11, như đã dự kiến, không thể tiến lên được.

Chỉ có sư đoàn xe tăng 13 là tiến được như cũ. Theo sau nó là sư đoàn xe tăng 14 và sư đoàn cơ giới 25. Việc điều thêm các sư đoàn bộ binh cần thiết cho cuộc tiến công trên chính diện cũng như để bảo vệ cạnh sườn phía bắc và phía đông trong trường hợp cụm tập đoàn quân quặt về phía nam, được tiến hành rất chậm.

Cần kiên quyết nhắc bộ tư lệnh cụm tập đoàn quân “Nam” là phải đẩy nhanh chóng việc điều động đó.

3-7-1941 (ngày thứ 12 của cuộc chiến tranh).

Đối phương rút lui trước chính diện của cụm tập đoàn quân “Nam” có lẽ xảy ra ngoài ý muốn của Bộ tư lệnh Nga ... Vì vậy sẽ không phải là quá đáng nếu tôi nói rằng chiến cục đánh nước Nga đã thắng trong vòng 14 ngày. Lẽ cố nhiên là nó chưa xong. Đất đai rộng lớn và sự kháng cự ngoan cường bằng mọi phương tiện của quân địch sẽ còn chôn chân lực lượng của chúng ta trong nhiều tuần nữa.

4-7-1941 (ngày thứ 13 của cuộc chiến tranh).

Trong quá trình tiến quân của các tập đoàn quân Đức, mọi mưu toan chống cự của đối phương rõ ràng là sẽ bị đập tan nhanh chóng. Lúc đó vấn đề đánh chiếm Lê-nin-grát và Mát-xcơ-va sẽ trở thành gài gử đối với chúng ta. Chúng ta hãy thử xem bài diễn văn của Xta-lin kêu gọi tất cả nhân dân lao động tham gia vào cuộc chiến tranh nhân dân chống chúng ta, có kết quả hay không. Điều đó sẽ quyết định ta phải dùng những biện pháp và phương tiện gì để san bằng những vùng công nghiệp rộng lớn mà chúng ta cần chiếm đoạt....

7-7-1941 (ngày thứ 16 của cuộc chiến tranh).

Cụm tập đoàn quân “Nam”. Thái độ lạc quan của bộ tư lệnh tập đoàn quân lại biến đi mất. Cuộc tấn công của tập đoàn quân 11

lại bị chặn đứng. Nguyên nhân chưa rõ. Tập đoàn quân 17 đang tiến thẳng lợi lên phía trước và đang tập trung các đơn vị tiên vệ để đánh về phía Prô-xcu-rốp.

8-7-1941 (ngày thứ 17 của cuộc chiến tranh).

Cụm tập đoàn quân “Trung tâm” dùng một bộ phận lực lượng để đánh lại quân địch phản kích và cho tập đoàn quân xe tăng 2 tiến về phía sông Bê-rê-di-a. Ở đây đối phương dùng bộ binh và xe tăng từ hướng Oóc-sa phản kích vào sườn phía bắc tập đoàn quân xe tăng 2. Tập đoàn quân xe tăng 3 đã dùng các đơn vị đi đầu để vượt qua sông Đờ-vi-na tây ở một vài chỗ và đang đánh lui cuộc phản kích của đối phương từ phía bắc để cố gắng thọc vào hướng Vi-tép-xcơ

Đối phương đã không thể lập mặt trận liên tục, thậm chí cả trên những hướng quan trọng nhất. Có thể hiện nay Bộ tư lệnh Hồng quân đề ra chủ trương dùng tất cả những lực lượng dự bị hiện có để tiến hành những cuộc phản kích làm tiêu hao thật nhiều quân Đức và chặn cuộc tiến công của quân Đức, có thể là, ở xa hơn nữa về phía tây....

Đối với đối phương việc lập những binh đoàn mới (tất nhiên là với quy mô lớn) chắc là không thể thực hiện được vì thiếu sĩ quan, chuyên viên và phương tiện kỹ thuật pháo binh.

12 giờ, báo cáo với quốc trưởng (ở tổng hành dinh). Đầu tiên tổng chỉ huy lực quân báo cáo về tình hình mới nhất của mặt

trận. Sau đó tôi báo cáo về tình hình đối phương và đánh giá tình hình bộ đội ta... .

Cuối cùng là thảo luận các vấn đề được nêu ra.

Kết quả :

1. Quốc trưởng cho rằng “quyết định lý tưởng” đáng mong muốn nhất là:

Cụm tập đoàn quân “Trung tâm” thực hiện vu hồi từ hai phía có nhiệm vụ hợp vây và tiêu diệt bộ phận đối phương hoạt động ở phía trước và như vậy là sau khi đập tan sự chống cự có tổ chức cuối cùng của đối phương trên một tuyến dài, sẽ mở cho mình đường tiến về Mát-xcơ-va. Sau khi cả 2 tập đoàn quân xe tăng tiến vào những vùng đã ấn định trong chỉ lệnh triển khai chiến lược, có thể hạ lệnh cho tập đoàn quân xe tăng của tướng Gôt tạm thời dừng lại (để dùng vào việc chi viện cho cụm tập đoàn quân “Bắc”, hoặc để tiếp tục tấn công về phía đông, nhưng không phải để đánh vỡ mặt mà để bao vây Mát-xcơ-va). Cụm xe tăng của tướng Gu-đê-ri-an sau khi tới vùng đã định cần chuyển về phía nam hoặc đông-nam ở phía đông sông Đờ-nép để yểm hộ cuộc tấn công của cụm tập đoàn quân “Nam”.

2. Quyết tâm không lay chuyển của quốc trưởng là san bằng Mát-xcơ-va và Lê-nin-grát để rửa sạch dân cư của hai thành phố đó, vì nếu không thì về sau đến mùa đông chúng ta lại buộc phải nuôi dưỡng chúng. Nhiệm vụ tiêu diệt các thành phố là của

không quân. Không nên dùng xe tăng vào việc đó.

11-7-1941 (ngày thứ 20 của cuộc chiến tranh).

Cụm tập đoàn quân “Bắc”. Đạo xe tăng của Ghép-ne đã đánh lui các cuộc tấn công của đối phương và tiếp tục chuẩn bị để sau này tiếp tục tấn công bằng cánh phải mạnh ở vùng đông-nam Lê-nin-grát...

Đại tá Ốc-xne báo cáo về chuyến đi kiểm tra các đạo xe tăng của Gu-đê-ri-an và Gôt. Đáng chú ý các điểm sau đây:

- a) Không quân Nga ném bom vào các bến vượt sông Đờ-vi-na Tây ở phía tây-nam Vi-tép-xơ;
- b) Bộ tư lệnh đối phương hành động khôn khéo. Đối phương chiến đấu ác liệt và cuồng tín;
- c) Các binh đoàn xe tăng đã bị thiệt hại lớn về người và vật chất. Bộ đội đã mệt mỏi...”.

Tháng 7-1941. Trên mặt trận Xô-Đức không hề, các trận đánh ngày càng trở nên to lớn, căng thẳng và ác liệt hơn...

Gan-đe bắt buộc phải thừa nhận rằng, sự chống cự mạnh mẽ không ai ngờ tới của quân đội Xô-viết đã không cho phép bộ tư lệnh phát-xít Đức đạt được mục tiêu cơ bản của kế hoạch Bác-ba-rô-xơ: hợp vây và tiêu diệt trong một chiến cục rất ngắn những lực lượng chủ yếu của Hồng quân ở phía tây tuyến sông Đờ-nép, không cho các lực lượng rút vào phía trong của đất nước.

Ngày 26-7, Gan-đe viết: “Báo cáo với quốc trưởng về các kế hoạch hoạt động của các cụm tập đoàn quân. Từ 18 giờ đến 20 giờ 15, thảo luận kéo dài, đôi lúc sôi nổi, về việc đã bỏ lỡ cơ hội bao vây quân địch”.

Ngày 30-7, Tổng tham mưu trưởng Đức ghi vào nhật ký của mình rằng, bộ tư lệnh tối cao đã ra chỉ lệnh mới số 34. Trong chỉ lệnh có nói:

“Tình hình phát triển trong những ngày gần đây, việc xuất hiện những lực lượng lớn của đối phương ở phía trước và hai bên sườn cụm tập đoàn quân “Trung tâm”, tình hình cung cấp và sự cần thiết phải để cho các đạo xe tăng 2 và 3 độ 10 ngày để khôi phục và bổ sung các binh đoàn đã bắt buộc chúng ta phải tạm thời hoãn việc thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ đề ra trong chỉ lệnh số 33 ngày 19-7 và chỉ lệnh bổ sung ngày 23-7”.

Ngay trong tháng đầu chiến tranh, trước sức chống cự kiên quyết của Quân đội Xô-viết, nhiều người lãnh đạo quân sự của nước Đức phát-xít đã có hiện tượng thiếu tin tưởng, phát khùng.

Ví như, đến ngày thứ 29 của cuộc chiến tranh, Gan-đe viết:

“Tính ác liệt trong các trận đánh của các binh đoàn cơ động tổ chức thành từng cụm độc lập của ta, tình trạng đến muộn của các sư đoàn bộ binh từ phía tây lại, sự chậm trễ nói chung trong việc chuyển quân trên các đường xấu, và ngoài ra, các đơn vị ngay từ đầu chiến tranh đã phải liên tục hành quân xa và đánh những trận

dai dẳng đẫm máu - tất cả đã gây ra trong các giới lãnh đạo một sự sa sút nhất định về tinh thần. Đặc biệt, tình trạng đó đã biểu lộ rõ rệt ở thái độ hoàn toàn chán ngán của ngài tổng tư lệnh lục quân”.

Đến cuối tháng 7, quân đội phát-xít Đức không thể giành được những thắng lợi quyết định. Ngay từ ngày 18-7-1941, Gan-đe viết:

“Chiến dịch của cụm tập đoàn quân “Nam” ngày càng mất thế trận của nó. Khu vực trận tuyến ở phía trước Cô-rốt-ten vẫn cần có những lực lượng lớn như trước đây mới có thể giữ vững được. Các lực lượng to lớn còn sung sức của đối phương chuyển từ phía Bắc đến khu vực Ki-ép bắt buộc chúng ta phải kéo về đây các sư đoàn bộ binh để đỡ đòn cho các binh đoàn xe tăng của quân đoàn cơ giới 3 và sau đó, thay phiên cho các binh đoàn đó để sử dụng vào hướng đột kích chủ yếu. Kết quả là: ở khu bắc chính diện của cụm tập đoàn quân đã phải chôn chân một bộ phận lực lượng lớn hơn rất nhiều so với ý muốn của chúng ta”. Thành tích của cụm tập đoàn quân “Bắc” còn làm cho Gan-đe ít hài lòng hơn nữa.

“Lại xuất hiện - Gan-đe viết ngày 22-7 - một điều lo ngại lớn ở cụm tập đoàn quân “Bắc” vì nó không có đơn vị xung kích và luôn luôn phạm sai lầm. Thật thế, trên trận tuyến của cụm tập đoàn quân “Bắc” không phải tất cả mọi việc đều ổn như các khu

vực khác của mặt trận phía đông”.

Trong giới lãnh đạo chớp bu của quân đội Đức đã có những sự bất đồng ý kiến về mục tiêu của những chiến dịch sau này và về những hướng đột kích chủ yếu. Có sự không nhất quán trong việc nêu các nhiệm vụ trước, sau cho các đơn vị.

Chẳng hạn, ngày 26-7 Gan-đe viết: “...Cụm của Phôn Bốc hể chuẩn bị xong là phải bắt đầu tiến quân từ từ về Mát-xcơ-va, vừa tiến vừa dồn ép quân địch từ phía chính diện”. Ba ngày sau, ngày 30-7, lại có mệnh lệnh mới: “Khu vực giữa của mặt trận cần chuyển sang phòng ngự”. Ngày 26-7, Hít-le đòi “Cụm của Phôn Co-luy-gơ mới được thành lập phải tấn công tiêu diệt lực lượng quân đối phương ở Gô-men”. Ngày 30-7, I-o-đen thông báo cho Gan-đe biết một quyết định khác của cấp trên: “Khu vực phía nam của mặt trận hiện thời đừng tấn công vào Gô-men nữa”. Tất cả những việc đó đều do sự chống cự kiên cường của Hồng quân mà ra.

Qua nhật ký của Gan-đe chúng ta thấy rõ quân Đức trên mặt trận Xô-Đức ngay từ những tuần lễ đầu đã chịu những tổn thất rất đau. Đây là một vài thí dụ.

17-7-1941. “Quân số các binh đoàn của chúng ta hoạt động trên mặt trận giảm đi rõ rệt”.

20-7-1941. “Tình hình quân số của các binh đoàn xe tăng: sư đoàn xe tăng 16 còn chưa đầy 40% quân số theo biên chế, sư

đoàn 11 còn gần 40%, tình hình sư đoàn xe tăng số 13 và 14 thì khá hơn chút ít”.

24-7-1941. “Vấn đề cho các binh đoàn nghỉ 10 ngày để bổ sung trước khi bắt đầu cuộc tấn công mới. Nếu cho nghỉ như vậy có thể làm cho quân số các binh đoàn xe tăng đạt được 60% - 70% quân số biên chế”.

Thực tế mà bộ tư lệnh phát-xít Đức vấp phải trên mặt trận Xô-Đức trong tháng đầu tiên là như thế. Phải, đây rõ ràng không phải là cái thực tại mà ban lãnh đạo của Hít-le mong chờ! Những đoạn trích dẫn nói trên thể hiện rõ tinh thần đó. Xin nêu thêm một số sự việc nữa.

Riêng trong hai tháng đầu của cuộc chiến tranh ở Liên Xô, lục quân Đức đã mất gần 40 vạn người. Nhân tiện tôi xin lưu ý rằng, từ tháng 6 đến tháng 12 năm 1941, trên các mặt trận ở các nước khác, lục quân xâm lược phát-xít mất tất cả có 9.000 tên (!).

Tính đến cuối chiến cục hè thu, trên mặt trận Xô-Đức, địch đã bị mất ít nhất 80 vạn tên thuộc các bộ đội và binh đoàn chọn lọc, tinh nhuệ nhất.

Và tất cả tình hình đó xảy ra trong hoàn cảnh chúng ta không có thuận lợi. Thật vậy: quân địch có kinh nghiệm chiến đấu, vì chúng đã tác chiến một thời gian dài; chúng chủ động vì chúng đã bội ước mà tấn công; số lượng, chất lượng bộ đội và binh khí kỹ thuật của chúng có nhiều loại hơn ta, vì chúng đã chuẩn bị từ

lâu, chúng đã xúc tiến việc hiện đại hóa và cơ giới hóa quân đội tấn công trong nhiều năm; chúng có một nền kinh tế và nguồn lực lượng để tấn công trong thời kỳ đầu mạnh hơn do chúng nắm trong tay toàn bộ tiềm lực quân sự của cả châu Âu.

Một điều cần tính nữa là: khi tung bộ máy chiến tranh ra, ban lãnh đạo của Hít-le vẫn chưa tiêu phí hết là bao, những gì mà chúng đã chuẩn bị cho cuộc xâm lược châu Âu. Nhiều lực lượng dự bị hùng mạnh đã được dư ra để ném vào Liên Xô.

Khi chúng ta đã nói đến sự phá sản của chiến tranh chớp nhoáng, thì không nên chỉ nói đến những số thiệt hại.

Lẽ tất nhiên - và trên kia chúng ta đã nói đến điều này - trước mắt chúng ta còn những năm đấu tranh lâu dài và gay go, và chúng ta còn phải gắng sức nhiều hơn nữa để đánh lui những đợt tấn công của quân giặc, để giành quyền chủ động, làm cho chúng mất những ưu thế tạm thời và khi đã hơn chúng về mọi mặt thì tổng cổ chúng ra khỏi đất đai của Tổ quốc ta, giúp đỡ nhân dân các nước châu Âu vất bỏ ách phát-xít.

Tuy vậy, trong sự nghiệp vĩ đại đó, thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh cũng có vai trò lịch sử của nó, trong thời kỳ này, chẳng những các kế hoạch và những sự tính toán về các hoạt động quân sự bị sụp đổ, mà cả nền kinh tế, hệ tư tưởng, hệ thống tuyên truyền và nền chính trị của chủ nghĩa phát-xít, cả toàn bộ chế độ xã hội kỳ quái của nó cũng đã bị một đòn hết sức nặng nề.

Ngày 9-9-1941, chúng tôi cùng với trung tướng M.X. Khô-din và thiếu tướng I.I. Phê-điu-nin-xki đáp máy bay tới thành phố Lê-nin-grát đang bị bao vây.

Thời gian ấy, nhân dân Lê-nin-grát đúng là đang trải qua những ngày cực kỳ khó khăn gian khổ. Hoàn cảnh của bộ đội và nhân dân gay go đến mức, nếu không phải là con người Xô-viết, có lẽ không ai có thể chịu đựng được.

Nghĩ đến đây, chúng tôi, những người còn sống, xin kính cẩn cúi đầu tưởng nhớ đến những người đã hiến dâng cái quý nhất của con người là sự sống cho Tổ quốc, cho tương lai của con cháu. Cuối tháng 8, đầu tháng 9 năm 1941, cụm tập đoàn quân “Bắc” sau khi chiếm Sli-xen-bua, đã bao vây Lê-nin-grát trên bộ theo sông Nê-va đến Côn-pin và xa hơn nữa đến Y-am - I-giô-ra, La-đô-ga, nhà ga Xu-xa-ni-nô, Pa-ri-xa, I-li-nô. Cụm chiến dịch bờ bắc của chúng ta đã phải rút lui và chốt lại trên tuyến Pê-téc-gốp - U-xtơ - Ru-đi-xa - ven bờ bắc, Lê-nin-grát chỉ có thể liên lạc với cụm chiến dịch đó bằng đường biển và đường không. ở eo đất Ca-rê-li, trên biên giới quốc gia cũ của chúng ta, thì có quân đội Phần Lan lăm le chờ thời cơ thuận lợi để từ phía bắc nhảy vào Lê-nin-grát. Lê-nin-grát chỉ có thể liên hệ với đất liền bằng đường qua hồ La-đô-ga và đường không.

Từ Mát-xcơ-va đến hồ La-đô-ga, chúng tôi đi máy bay trong điều kiện thời tiết “thuận lợi”: có mưa và mây thấp. Nói tóm lại

là máy bay địch không thích thời tiết này và chúng tôi có thể yên trí bay không cần bảo vệ .

Khi gần tới hồ La-đô-ga thì thời tiết tốt lên, vì vậy chúng tôi phải lấy lực lượng bảo vệ - một biên đội máy bay tiêm kích. Máy bay của chúng tôi bay là thấp trên hồ và bị hai chiếc “Mét-xéc-mít” theo dõi. Sau đó một lúc chúng tôi đã hạ cánh an toàn xuống sân bay thành phố. Tại sao biên đội bảo vệ chúng tôi lại không đuổi các máy bay tiêm kích địch, lúc đó không còn thời giờ để tìm hiểu nữa.

Chúng tôi vội vàng đi đến điện Xmôn-nui, tới bộ tư lệnh Phương diện quân Lê-nin-grát.

Khi vào điện Xmôn-nui, đơn vị bảo vệ giữ chúng tôi lại đòi xem giấy ra vào mà chúng tôi không có. Tôi tự xưng tên nhưng cũng không được vào. Phép nhà binh là phép nhà binh.

- Đề nghị đồng chí đợi một lát, - đồng chí sĩ quan bảo vệ trả lời.

Đại để, chúng tôi phải đứng ở cổng đợi trên 15 phút để chờ đồng chí đội trưởng cảnh vệ bộ tư lệnh cho phép vào Xmôn-nui.

Ở bộ tư lệnh, tôi được thông báo cho biết, Hội đồng quân sự phương diện quân đang họp, có mặt các đồng chí tư lệnh và chỉ huy các binh chủng thuộc phương diện quân, đồng chí tư lệnh hạm đội Ban-tích và cả giám đốc một số công trình nhà nước quan trọng nhất.

Ngay trong điện Xmôn-nui, tôi đã hỏi ra là hội nghị đang bàn về

những biện pháp cần dùng trong trường hợp không thể giữ vững Lê-nin-grát. Những biện pháp đó (tôi sẽ không kể ra đây) dự kiến phá hủy những mục tiêu quân sự quan trọng nhất. Đến nay, sau một phần tư thế kỷ, các kế hoạch đó có vẻ như không thể tin là có được Còn lúc đó thì sao? Lúc đó chiếc nôi của Cách mạng tháng Mười - thành phố Lê-nin-grát - đang nằm trong nguy cơ bị tiêu diệt; cuộc chiến đấu để bảo vệ Lê-nin-grát thật là một cuộc chiến tranh một mất một còn.

Sau khi thảo luận với K.E. Vô-rô-si-lốp, A.A. Giơ-đa-nốp, A.A. Cu-dơ-nét-xốp và các đồng chí ủy viên khác của Hội đồng quân sự phương diện quân, chúng tôi quyết định kết thúc hội nghị và ra chỉ thị lúc này không được tiến hành bất cứ một điểm nào trong các biện pháp dành cho trường hợp phải bỏ thành phố. Chúng ta sẽ bảo vệ Lê-nin-grát đến người cuối cùng.

Ngày 10-9, tôi nhận chức tư lệnh Phương diện quân Lê-nin-grát. Ngày 11-9, K.E. Vô-rô-si-lốp theo nhiệm vụ của I.V. Xta-lin giao cho, đáp máy bay đến tập đoàn quân 54 do tướng G.I. Cu-lích chỉ huy. Trung tướng M.X. Khô-din nhận lệnh giữ ngay chức vụ tham mưu trưởng phương diện quân thay đại tá N.V. Gô-rô-đét-xki, còn tướng I.I. Phê-điu-nin-xki ngay hôm đó được phái đi nghiên cứu tình hình phòng ngự của các đơn vị thuộc tập đoàn quân 42 ở U-rít-xơ và trên các điểm cao Pun-cốp-xki. Suốt đêm 10 rạng 11 tháng 9, tôi cùng bàn với các đồng chí A.A.

Gior-đa-nốp và A.A. Cu-dơ-nét-xốp, đô đốc hải quân I.X. I-xa-cốp, tham mưu trưởng tư lệnh các binh chủng và chủ nhiệm các ngành trong phương diện quân về những biện pháp bổ sung cho việc động viên lực lượng và phương tiện để phòng ngự Lê-nin-grát. Nguy cơ đe dọa chính là ở phía U-rít-xơ mà một phần đã bị quân Đức chiếm. Các điểm cao Pun-cốp-xki cũng bị đe dọa không kém phần nghiêm trọng.

Tập thể đã thảo luận tình hình và đi đến quyết định :

- Rút ngay trong lực lượng phòng không của thành phố một bộ phận súng cao xạ làm súng bắn thẳng để tăng cường cho việc phòng ngự chống xe tăng trên các khu vực phòng ngự hiểm yếu nhất của Lê-nin-grát;
- Tập trung hỏa lực của tất cả các pháo trên các hạm tàu để yểm hộ các đơn vị của tập đoàn quân 42 trên khu vực U-rít-xơ - điểm cao Pun-cốp-xki; bắt tay ngay vào việc gấp rút xây dựng hệ thống công sự phòng ngự có chiều sâu gồm nhiều tuyến, trên các hướng hiểm yếu đặt mìn và tổ chức bộ phận mìn điều khiển nổ bằng điện;
- Gấp rút bắt tay xây dựng hệ thống công sự có chiều sâu, nhiều tầng ở tất cả các hướng xung yếu, đặt mìn và một phần nào có bắt điện vào;
- Điều từ eo đất Ca-rê-li một bộ phận lực lượng của tập đoàn quân 23 đến bổ sung cho tập đoàn quân 42 để tăng cường phòng

ngự vùng U-rít-xơ;

- Lấy các chiến sĩ hải quân của hạm đội Ban-tích Cờ Đỏ, các học sinh quân sự ở Lê-nin-grát và các cơ quan thuộc Bộ Ủy viên nhân dân nội vụ để thành lập từ 5 đến 6 lữ đoàn bộ binh độc lập, thời hạn từ 6 đến 8 ngày phải tổ chức xong.

Các biện pháp đó được tiến hành ngay từ sáng hôm sau.

Hội đồng quân sự, trong đó ngoài A.A. Giơ-đa-nốp và A.A. Cu-dơ-nét-xốp ra, còn có T.Ph. Stur-cốp và N.V. Xô-lô-vi-ốp, làm việc rất nhất trí, sáng tạo, kiên quyết và không kể ngày đêm, không kể mệt nhọc. Hiện nay các đồng chí đó không còn nữa.

Phải nói rằng các đồng chí đó là những người hoạt động lỗi lạc của Đảng và Nhà nước. Các đồng chí đã làm tất cả những gì có thể để chiến đấu thắng lợi, bảo vệ thành phố của Lê-nin đang bị đe dọa nghiêm trọng.

Đảng bộ và nhân dân lao động thành phố Lê-nin-grát đã đóng góp cực kỳ nhiều công sức để biến Lê-nin-grát thành một pháo đài không ai xâm phạm được. Tuy đã kiệt sức, đói lả ở ngay nơi làm việc trên đường phố và trong các nhà ở không có lò sưởi, nhưng người Lê-nin-grát vẫn hoàn toàn không nghĩ gì đến mình! Họ chăm lo đến việc phòng thủ thành phố của mình, chăm lo việc tiếp tế súng ống, đạn dược và phương tiện kỹ thuật quân sự cho bộ đội đang chiến đấu. Họ làm tất cả những việc đó dưới làn đạn bắn, bom rơi liên tục của quân địch.

Hôm tôi đến, quân Đức đang tấn công hết sức ác liệt ở khu vực tập đoàn quân 42. Xe tăng địch đã chọc vào U-rít-xơ, quân Đức tấn công liên tiếp vào các điểm cao Pun-cốp-xki, trong khu Puskin và Côn-pin. Hành động của quân Đức được yểm hộ bằng những đợt công kích dữ dội của máy bay ném bom và pháo hạng nặng.

Trên eo đất Ca-rê-li tình hình yên tĩnh hơn. Quân Phần Lan thỉnh thoảng mới nổ súng. Các đơn vị thuộc tập đoàn quân 3 cũng bắn trả thưa thớt. Thái độ “hòa hoãn” đó của quân Phần Lan trong tháng 9-1941 đã cho phép bộ tư lệnh phương diện quân rút được toàn bộ đội dự bị của tập đoàn quân 23 và cả một phần các trung đoàn của một số sư đoàn bộ binh để tăng cường phòng ngự trong khu vực U-nt-xơ và các điểm cao Pun-cốp-xki.

Trên mặt trận của cụm chiến dịch Bờ biển, các lực lượng của cả chúng ta và địch đôi lúc có đẩy mạnh hoạt động, nhưng tất cả những hành động đó đều không đáng kể.

Trong khu Pê-téc-gốp chúng ta đã cho đội đổ bộ đường biển đột nhập sau lưng địch, phối hợp với cụm chiến dịch. Các chiến sĩ hải quân ta đã hành động vừa dũng cảm vừa hết sức táo bạo.

Bằng cách nào đấy, quân địch phát hiện thấy quân ta đổ bộ vào, chúng đã nổ súng khi anh em còn ở dưới nước. Hỏa lực địch không làm chùn bước các chiến sĩ hải quân ta. Họ nhảy lên bờ, và tất nhiên quân Đức bỏ chạy. Trước đó, quân địch đã biết rõ

thế nào là “cái chết đen”, - tên chúng gọi lính thủy đánh bộ.

Rất tiếc là tôi không nhớ họ và tên đồng chí hải quân dũng cảm chỉ huy đội đổ bộ đường biển ấy. Say sưa với thắng lợi đầu tiên, các chiến sĩ hải quân rượt đuổi theo bọn địch rút chạy, nhưng đến sáng thì họ bị mất liên lạc với biển và phần lớn các đồng chí không trở về nữa. Cả đồng chí chỉ huy cũng không trở về.

Những đội đổ bộ đường biển như thế được phái vào sau lưng địch nhiều lần. Ở khắp mọi nơi, các đồng chí đều tỏ rõ lòng dũng cảm tuyệt vời, nêu cao vinh quang và danh dự của Hải quân Xô-viết. Các lữ đoàn bộ binh do các chiến sĩ hải quân Hạm đội Bantích lập nên hồi tháng 9 cũng chiến đấu xuất sắc.

Phản Lê-ép, tư lệnh cụm tập đoàn quân “Bắc” của Đức, nôn nóng thúc giục bộ đội. Hắn đòi gấp rút đập tan sự chống cự của những người bảo vệ Lê-nin-grát để liên lạc với cụm quân Phần Lan ở Ca-rê-li. Bộ tổng tư lệnh Đức muốn, sau khi chiếm được Lê-nin-grát thì dốc toàn lực đánh vòng từ phía đông-bắc vào Mát-xcơ-va. Nhưng Lê-nin-grát vẫn đứng vững, rắn chắc, không chịu đầu hàng, dù quân địch tấn công điên cuồng, ác liệt đến đâu. Hít-le điên lên. Hắn hiểu rằng thời gian không ủng hộ nước Đức mà ủng hộ Liên Xô; Liên Xô vượt qua nhiều khó khăn to lớn, đang động viên lực lượng và sản xuất ra nhiều phương tiện chiến đấu mới. Mùa hè thắng lợi đã chấm dứt không bao giờ trở lại nữa. Mùa thu đã tới.

Thành phố Lê-nin-grát và các đơn vị bộ đội phòng ngự trong vùng ven thành phố đã chiến đấu dũng cảm tuyệt vời.

Chúng tôi cũng đã có những lúc hết sức gay go, đặc biệt là khi giặc chiếm được, các điểm cao Pun-cốp-xki và U-rít-xơ, và có máy tốp xe tăng độc lập của địch lại thọc đến tận nhà máy làm thịt hộp. Hình như chỉ một tí nữa thôi, cái điều mà mọi người lo ngại ngấm ngấm[5] sẽ đến. Nhưng cả trong những giờ phút khó khăn nhất đó, những chiến sĩ bảo vệ dũng cảm của thành phố đã có đủ sức mạnh để hết lượt này đến lượt khác hất bọn địch tiến công điên cuồng trở về những trận địa xuất phát tấn công của chúng.

Thời gian trôi qua. Quân địch đã đổ nhiều máu, nhưng tiêu diệt các đơn vị Hồng quân ở Lê-nin-grát thì chúng không thể nào làm được.

Tình hình cứ tiếp tục như thế cho đến gần cuối tháng 9.

Những ngày cuối tháng 9, chúng ta không chỉ phòng ngự mà đã chuyển sang hoạt động tích cực. Chúng ta đã tổ chức một loạt trận phản kích trong các khu Côn-pin, Pu-skin, điểm cao Pun-cốp-xki, và những hoạt động đó chắc đã làm cho quân địch cuối cùng phải tin rằng; công cuộc phòng ngự Lê-nin-grát còn mạnh, không thể phá vỡ nó với số lực lượng hiện có.

Quân Đức ngừng tấn công và chuyển sang phá hoại thành phố bằng đường không và bằng hỏa lực của pháo binh.

Các đơn vị Hồng quân, Hải quân và nhân dân thành phố đã chiến đấu 900 ngày để bảo vệ Lê-nin-grát thân yêu của mình. Chết chóc hàng loạt, đói, rét đều không thể phá hủy được tinh thần và lòng dũng cảm của những người bảo vệ thành phố Lê-nin-grát. Ban chấp hành trung ương Đảng theo dõi hàng ngày tình hình Lê-nin-grát, đã động viên mọi lực lượng và phương tiện có thể để chi viện cho Lê-nin-grát. Chiến công của Lê-nin-grát đã trở thành thần thoại.

Tôi muốn viết chi tiết hơn nữa về tất cả những điều đó nhưng thật ra không có đủ những chữ xứng đáng với những việc làm anh hùng của những người bảo vệ Lê-nin-grát.

Tôi cũng lấy làm tự hào rằng trong thời kỳ quân địch tiến gần đến sát thành phố và thành phố có nguy cơ bị xâm chiếm thì tôi được nhận nhiệm vụ chỉ huy các đơn vị bộ đội thuộc Phương diện quân Lê-nin-grát, các đơn vị bảo vệ Lê-nin-grát.

Tôi muốn đi lướt một chút để nói rằng: tháng Giêng năm 1943, Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã giao cho tôi cùng với K.E. Vô-rô-si-lốp tổ chức phối hợp hành động giữa Phương diện quân Lê-nin-grát và Phương diện quân Vôn-khốp trong kế hoạch phá vây. Tất cả những điều đó càng làm cho tôi gắn bó chặt chẽ thêm với nhân dân Lê-nin-grát mà tôi mãi mãi đã và đang vô cùng kính phục.

Người ta đã viết nhiều về công cuộc phòng thủ anh hùng của Lê-

nin-grát. Tuy vậy, về Lê-nin-grát trong những năm chiến tranh cũng như các thành phố anh hùng khác, tôi cảm thấy cần phải soạn riêng một loại sách - anh hùng ca, có nhiều tranh ảnh và in thật đẹp, dựa chủ yếu vào những việc thật và tư liệu, viết bằng lời văn chân thật, thực thà. Còn đủ mọi loại thành phố: thành phố kết nghĩa, thành phố vệ tinh và v.v... Thành phố anh hùng thì không nhiều lắm, nhưng có ở trên đất nước Xô-viết chúng ta. Tôi nghĩ rằng, mỗi người dân Lê-nin-grát, Mát-xcơ-va, Xê-va-xtô-pôn đều nên có ở trong nhà một cuốn sách tranh ảnh như thế, cuốn sách như thế con cháu chúng ta nên đọc, và có lẽ nên học ở nhà trường. Hãy làm cho thế hệ trẻ hiện nay nhìn vào hình ảnh các anh hùng mà hiểu rõ cha mẹ mình, nhìn vào các khu phố mới, các sân rộng mới, và các đường phố lớn mới mà thấy được các phố và ngõ hẻm đầm máu, thấy được các bức tường đổ vỡ, thấy được mảnh đất đã bật tung lên và quét sạch kẻ thù mạnh mẽ và tàn bạo.

Việc đó rất nên làm, khi những người được chứng kiến và tham gia vào các sự tích anh hùng đó còn sống, khi mọi điều kiện đang có đủ trong tay.

Nếu đúng là phải xóa khỏi mặt đất càng nhanh càng tốt dấu vết của chiến tranh và tàn phá, không để cho những dấu vết đó làm rầu cuộc sống của những người đang sống, thì cũng cần phải truyền lại cho các thế hệ mai sau hình ảnh và tinh thần của thời

đại anh hùng của chúng ta.

[1] Đội quân thanh niên - ND

[2] “Lịch sử Thế chiến thứ hai”. Cuộc-tơ Ti-pen-xkiéc

[3] Tiếp đó là kể tên các binh đoàn - TG.

[4] của kế hoạch “Bác-ba-rô-xơ” - TG

[5] địch chiếm Lê-nin-gtát - ND

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 12

CUỘC CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ MÁT-XCƠ-VA

NGÀY 5-10-1941, từ Đại bản doanh có điện gọi:

- Đồng chí Xta-lin muốn nói chuyện với tư lệnh phương diện quân.

Tôi đang ở trong phòng họp của bộ tham mưu Phương diện quân Lê-nin-grát liền cầm máy “Bô-đô” nói chuyện:

- Có Giu-cốp đây.

Điện trả lời:

- Đợi một tí.

Chưa hết 2 phút thì đồng chí phụ trách máy “Bô-đô” của Đại bản doanh đã nói:

-Có đồng chí Xta-lin đây.

I.V. Xta-lin:

- Chào đồng chí.

G.K. Giu-cốp:

- Chúc đồng chí khỏe.

I.V. Xta-lin:

- Tôi chỉ hỏi đồng chí một điều: đồng chí có thể đi máy bay về Mát-xcơ-va được

không? Tình hình khu Yu-khơ-nốp ở cánh trái Phương diện quân Dự bị trở nên phức tạp, Đại bản doanh muốn thảo luận với đồng chí về những biện pháp cần áp dụng. Hãy đề một đồng chí nào đó, có thể là đồng chí Khô-din thay đồng chí.

G.K. Giu-cốp:

- Đề nghị cho phép về vào sáng sớm ngày 6-10.

I.V. Xta-lin:

- Được. Ngày mai tôi đợi đồng chí ở Mát-xcơ-va.

Tuy vậy, vì phải giải quyết một số việc quan trọng ở khu vực tập đoàn quân 54, lúc đó do G.I. Cu-lích chỉ huy, cho nên sáng 6-10 tôi không thể đi được và Tổng tư lệnh tối cao đã đồng ý lui chuyển bay về Mát-xcơ-va của tôi sang ngày 7-10.

Chiều ngày 6-10, I.V. Xta-lin lại gọi dây nói đến Lê-nin-grát.

- Công việc của đồng chí thế nào? Quân địch có hành động gì mới không? - Đồng chí hỏi tôi.

- Cuộc tiến công của quân Đức đã yếu dần - Tôi báo cáo – Theo những tin do tù binh khai, thì trong những trận đánh tháng 9, quân địch đã bị thiệt hại nặng và xung quanh Lê-nin-grát chúng đang chuyển sang phòng ngự. Hiện nay chúng bắn pháo và dùng máy bay ném bom vào thành phố. Máy bay trinh sát của ta phát hiện thấy nhiều đoàn xe tăng và cơ giới địch đang chuyển vận từ Lê-nin-grát về phía nam. Chắc là địch điều lực lượng đó về hướng Mát-xcơ-va.

Sau khi đã nắm chắc được tình hình ở tập đoàn quân của G.I. Cu-lích, tôi hỏi Tổng tư lệnh tối cao xem có phải đáp máy bay về Mát-xcơ-va nữa không?

- Giao công việc cho tham mưu trưởng phương diện quân, tướng Khô-din, hay Phê-điu-nin-xki - I.V. Xta-lin nhắc lại - Còn đồng chí đáp máy bay về ngay Mát-

xơ-va .

Chia tay với các ủy viên Hội đồng quân sự Phương diện quân Lê-nin-grát A.A. Giơ-đa-nốp, A.A. Cu-dơ-nét-xốp, T.Ph. Xtur-cốp, Ya.Ph. Ca-pu-xtin và N.V. Xô-lô-vi-ốp - những người đã cùng làm việc rất tâm đồng ý hợp với tôi trong những ngày tháng hiểm nghèo ở Lê-nin-grát, tôi lên máy bay về Mát-xơ-va. Chỉ huy Phương diện quân Lê-nin-grát tạm thời giao cho tướng I.I. Phê-điu-nin-xki, vì tướng M.X. Khô-din có việc phải cấp tốc xuống tập đoàn quân của tướng G.I. Cu-lích.

Tôi đến Mát-xơ-va ngày 7-10. Đồng chí phụ trách bảo vệ Xta-lin ra đón và báo cho tôi biết, I.V. Xta-lin bị cúm, đang làm việc ở nhà riêng. Chúng tôi đi ngay đến đó.

Xta-lin gật đầu chào, gọi tôi đến chỗ bản đồ và nói:

- Xem đây này. Tình hình khu vực này rất gay go. Tôi không làm thế nào có được một báo cáo đầy đủ và chính xác của Phương diện quân miền Tây. Chúng tôi không thể hạ quyết tâm được, một khi không biết quân địch tiến công ở đâu, số lượng đơn vị chúng như thế nào và không biết tình hình quân ta ra sao. Đồng chí hãy đi ngay tới bộ tham mưu Phương diện quân miền Tây, tìm hiểu căn cứ tình hình và từ đó gọi đây nói báo cáo về vào bất cứ lúc nào, tôi sẽ đợi

Tôi đi thẳng đến chỗ làm việc của Tổng tham mưu trưởng B.M. Sa-pô-sni-cốp.

- Tổng tư lệnh tối cao vừa gọi đây nói ra lệnh chuẩn bị bản đồ mặt trận hướng tây[1] cho anh, - đồng chí Sa-pô-sni-cốp nói.- Bản đồ sẽ có ngay bây giờ. Bộ tư lệnh Phương diện quân miền Tây đóng ở vị trí bộ tham mưu phương diện quân Dự bị hồi tháng 8, khi anh tới đó chỉ huy chiến dịch tiêu diệt quân địch ở En-nha.

Trong khi chờ bản đồ, B.M. Sa-pô-sni-cốp mời tôi uống nước chè đậm. Đồng chí kêu trong người mệt lắm và tôi cũng thấy đồng chí có vẻ yếu thật. Rồi Bộ Tổng tham mưu, tôi lên ô-tô đi đến bộ tham mưu Phương diện quân miền Tây. Trên đường đi, tôi dùng chiếc đèn bấm bỏ túi soi bản đồ, nghiên cứu tình hình ngoài mặt trận và hành động của hai bên. Chúng tôi buồn ngủ quá nên thỉnh thoảng phải dừng lại, xuống xe, vận động, chạy đi chạy lại để khỏi ngủ gật.

Khuya hôm đó chúng tôi tới bộ tham mưu Phương diện quân miền Tây. Đồng chí trực nhật báo cáo: tất cả các đồng chí lãnh đạo đang họp ở buồng đồng chí tư lệnh.

Phòng đồng chí tư lệnh tranh tối tranh sáng, mấy cây nến bằng sáp cháy leo lét. Ngồi xung quanh bàn là I.X. Cô-nép, V.Đ. Xô-cô-lốp-xki, N.A. Bun-ga-nin và G.K. Ma-lan-đin, tất cả đều có vẻ mệt mỏi. Tôi nói, được lệnh của Tổng tư lệnh tối cao đến nghiên cứu tình hình và báo cáo về bằng dây nói.

Báo cáo của trung tướng G.K. Ma-lan-đin, trưởng phòng tác chiến bộ tham mưu phương diện quân, về những diễn biến mới nhất đã bổ sung và xác minh những tài liệu mà tôi đã nắm.

- Tình hình ngoài mặt trận hướng tây ra sao?
- Khi quân phát-xít Đức bắt đầu tiến công trên hướng Mát-xcơ-va thì trên những ngã đường phía xa vào Mát-xcơ-va có 3 phương diện quân bố trí phòng ngự: Phương diện quân miền Tây (tư lệnh - thượng tướng I.X. Cô-nép), Phương diện quân Dự bị (tư lệnh – nguyên soái Liên Xô Bu-di-on-nui)[2] và Phương diện quân Bri-an-xcơ (tư lệnh - trung tướng Ê-rê-men-cô). Tất cả 3 phương diện quân đó, tính đến cuối tháng 9, có 80 vạn chiến sĩ có thể chiến đấu được, 82 xe tăng,

6.808 đại bác và súng cối, 545 máy bay. Phương diện quân miền Tây có nhiều lực lượng và phương tiện hơn cả.

Quân địch dồn về hướng Mát-xcơ-va một lực lượng tính ra còn lớn hơn cả 3 phương diện quân của ta cộng lại. Về bộ binh, chúng hơn ta 1,2 lần, xe tăng - 2,2 lần, đại bác và súng cối - 2,1 lần, máy bay - 1,7 lần.

Mở đầu cuộc tiến công vào ngày 30-9, quân Đức đã dùng đạo xe tăng của Gu-đê-ri-an và tập đoàn quân 2 đột kích vào bộ phận của Phương diện quân Bri-an-xcơ đóng ở khu vực Giu-cốp-ca - Sốt-ca. Ngày 2-10, quân địch mở rộng những trận đánh lớn vào các Phương diện quân miền Tây và Dự bị. Tiếp theo đó là những trận giao chiến mãnh liệt trong các vùng bắc Đu-khốp-si-na và đông Rô-xláp.

Quân địch đã chọc thủng tuyến phòng ngự của quân ta. Các đơn vị xung kích của chúng tiến vượt lên phía trước và từ phía nam và phía bắc đánh vu hồi, bao vây tất cả các đơn vị thuộc các Phương diện quân miền Tây và Dự bị đóng trong vùng Vi-a-dơ-ma.

Tình hình phía nam Bri-an-xcơ trở nên hết sức gay go. Các tập đoàn quân 3 và 13 thuộc Phương diện quân Bri-an-xcơ đóng tại đây có nguy cơ bị bao vây.

Không vấp phải sự chống cự mạnh mẽ nào, bộ đội của Gu-đê-ri-an lao lên phía O-ri-ôn và ở đây ta cũng không có lực lượng để đánh bại cuộc tiến công của chúng. Ngày 3-10, quân Đức chiếm được O-ri-ôn. Phương diện quân Bri-an-xcơ bị chia cắt. Bộ đội thuộc Phương diện quân bị thiệt hại, vừa đánh vừa rút lui về phía đông.

Ở hướng Tu-la, tình hình cũng đáng lo ngại. Tư lệnh Phương diện quân miền Tây, thượng tướng Cô-nép, đã ra lệnh phản kích vào gọng kìm vu hồi phía bắc

của quân địch. Tiếc thay, trận phản kích không thắng lợi. Đến chiều 6-10, một bộ phận lớn các đơn vị bộ đội thuộc các Phương diện quân miền tây và Dự bị đã bị hợp vây ở phía tây Vi-a-dơ-ma.

Qua buổi thảo luận ở bộ tham mưu Phương diện quân miền Tây và sau khi phân tích tình hình, tôi nảy ra ý nghĩ là có thể tránh được thảm họa ở vùng Vi-a-dơ-ma. Dù cho quân địch có ưu thế về người và kỹ thuật quân ta vẫn có thể tránh khỏi bị bao vây. Muốn thế, phải kịp thời xác định thật đúng hướng đột kích chủ yếu của địch và tập trung những lực lượng và phương tiện chủ yếu lấy từ các khu vực khác, chưa quan trọng, đánh vào quân địch ở hướng chủ yếu đó. Trước đây đã không làm như thế, nên phòng ngự của các phương diện quân không đủ sức chịu những cú đánh tập trung của địch mà bằng những cú đánh như thế địch đã tạo nên những cửa mở mà chúng ta không thể bịt được, vì trong tay bộ tư lệnh không còn lực lượng dự bị nào nữa.

Lúc 2 giờ rưỡi đêm 8-10, tôi gọi đây nói đến I.V. Xta-lin.

I.V. Xta-lin vẫn đang làm việc. Sau khi báo cáo về tình hình Phương diện quân

miền Tây, tôi nói:

- Nguy cơ chính hiện nay là ở chỗ tuyến Mô-gia-ích còn yếu, vì vậy bộ đội xe tăng thiết giáp địch có thể bất ngờ tiến đến gần Mát-xơ va. Cần phải rút bộ đội từ các nơi khác thật nhanh hơn nữa về tuyến phòng ngự Mô-gia-ích.

I.V. Xta-lin hỏi:

- Các tập đoàn quân 19, 20 và bộ phận lực lượng của Bôn-đin thuộc Phương diện quân miền Tây hiện nay ở đâu? Cả các tập đoàn quân 24 và 32 của Phương diện quân Dự bị nữa cũng ở đâu rồi?

- Bị bao vây ở phía tây và tây-bắc Vi-a-dơ-ma. - Tôi trả lời.

- Bây giờ đồng chí định xử trí như thế nào?

- Tôi đến gặp Bu-di-on-nui ngay bây giờ.

- Đồng chí có biết chỗ bộ tham mưu của Bu-di-on-nui không?

- Tôi sẽ tìm ở một nơi nào đó trong vùng Ma-lô-ya-rô-xla-vét.

- Được đồng chí đi gặp Bu-di-on-nui đi và từ đó gọi dây nói ngay về cho tôi.

Trời mưa phùn lâm tẩm, sương mù dày trải trên mặt đất, làm cho người ta khó nhìn được xa. Sáng ngày 8-10 khi tới gần ga xép Ốp-nin-xcôi-ê (cách Mát-xơ va 105 km) chúng tôi nhìn thấy hai đồng chí thông tin lúi húi kéo dây điện từ phía cầu qua sông Prôt-va lại. Tôi hỏi:

- Các đồng chí kéo dây thông tin đi đâu đấy?

- Kéo đến nơi nào mà cấp trên ra lệnh, - đồng chí chiến sĩ vốc người to lớn thản nhiên trả lời.

Tôi đành phải xưng tên và cho các đồng chí biết, chúng tôi đang đi tìm bộ tham mưu Phương diện quân Dự bị và X.M. Bu-di-on-nui. Đồng chí chiến sĩ lúc này

liền nghiêm chỉnh lại, trả lời:

- Xin lỗi đồng chí Đại tướng, chúng tôi không biết đồng chí, vì vậy mới trả lời như thế. Đồng chí đã đi quá chỗ bộ tham mưu phương diện quân rồi. Khoảng 2 giờ trước đây bộ tham mưu phương diện quân mới chuyển về đây, ở chỗ có mấy cái nhà nhỏ trên núi kia kia. Đến đó các đồng chí bảo vệ sẽ chỉ cho các đồng chí đường vào.

Ô-tô quay ngược lại, chẳng bao lâu tôi đã tới buồng làm việc của đồng chí đại diện Đại bản doanh, chính ủy tập đoàn quân bậc một L.D. Me-khơ-lít; thiếu tướng A.Ph. A-ni-xốp tham mưu trưởng phương diện quân cũng có mặt ở đây. L.D. Me-khơ-lít đang nói điện thoại và khiển trách nặng đồng chí nào đấy.

Khi tôi hỏi đồng chí tư lệnh ở đâu, đồng chí tham mưu trưởng trả lời:

- Chúng tôi không biết. Trưa nay đồng chí ấy ở tập đoàn quân 43. Tôi sợ hay là X.M. Bu-di-on-nui lại gặp gì không may.

- Thế đồng chí đã cho đi tìm chưa?

- Có. Chúng tôi đã cử sĩ quan hên lặc đi nhưng họ chưa về.

Lúc này. L.D. Me-khơ-lít mới quay về phía tôi, hỏi:

- Đồng chí đến đây có việc gì?

- Được ủy nhiệm của Tổng tư lệnh tối cao với danh nghĩa ủy viên của Đại bản doanh, tôi đến để nắm tình hình ở đây - Tôi trả lời.

- Đây đồng chí xem chúng tôi đang trong tình trạng nào - L.D. Me-khơ-lít nói - Hiện nay chúng tôi đang tập hợp những người đã rút lui vô tổ chức. Chúng tôi sẽ trang bị lại và tổ chức thành các đơn vị mới tại những địa điểm đang tập trung đó.

Qua nói chuyện với L.D. Me-kho-lít và A.Ph. A-ni-xốp, tôi biết được rất ít về tình hình quân ta và quân địch ở đây. Tôi liền lên ô-tô và đi về phía Yu-kho-nốp, hy vọng có thể nắm tình hình ngay tại chỗ nhanh hơn.

Khi qua Prôt-va tôi nhớ lại mình hồi nhỏ. Địa hình vùng này rất quen thuộc đối với tôi, vì hồi trẻ tôi đã đi ngang đi dọc khắp nơi đây. Quê tôi, làng Xơ-ren-cốp-ca cách Ôp-nin-xcôi-ê, nơi đóng quân của bộ tham mưu Phương diện quân Dự bị 10 km. Lúc này ở đó còn mẹ tôi, bà chị với bốn cháu. Không biết gia đình tôi thế nào? Sẽ ra sao đây, nếu qua nhà một tí? Không, không thể được thời gian không cho phép. Còn nếu bọn phát-xít tới đó thì sẽ ra sao? Chúng sẽ đối xử với những người thân của tôi thế nào, nếu chúng biết đó là gia đình đại tướng Giu-cốp? Chắc chắn là chúng bắn thôi. Việc trước hết có thể làm là đón gia đình tôi đến Mát-xcơ-va ở với tôi.

Hai tuần sau, làng Xơ-ren-cốp-ca và cả khu U-gốt-xki - Da-vốt đều bị quân Đức chiếm. Nhưng người dân quê tôi không chịu ngồi bó tay. Trong khu đã tổ chức đội du kích rất lớn, chỉ huy là đoàn viên thanh niên cộng sản Vích-to Ca-ra-xép, một chiến sĩ dũng cảm bảo vệ Tổ quốc, một con người thông minh, có tài tổ chức, còn chính ủy là đồng chí A.lếch-xan-dơ Cuốc-ba-tốp, bí thư Khu ủy khu U-gốt-xki - Da-vốt. Trong đội du kích đó có cả Mi-kha-in A-lếch-xây-ê-vích Gu-ri-a-nốp, chủ tịch ủy ban hành chính khu, một chiến sĩ dũng cảm hết lòng vì nhân dân.

Đội du kích khu đã tổ chức những cuộc tập kích táo bạo vào các cơ quan tham mưu, hậu cần và những đơn vị lẻ của quân địch. Trong một trận tập kích ban đêm, đội đã diệt bộ phận tham mưu của cơ quan hậu cần một quân đoàn địch.

Tháng 11-1941, đảng viên cộng sản Mi-kha-in A-lếch-xây-ê-vích Gu-ri-a-nốp đã bị quân Đức bắt, đánh đập rất dã man và treo cổ. Dân làng tôi đến nay vẫn chăm nom chu đáo phần mộ của người anh hùng gan dạ đó.

Sau này, khi rút lui, giặc Đức đã đốt làng Xơ-ren-ni-cốp-ca và nhiều làng khác, nhà mẹ tôi cũng bị đốt. May là tôi đã đưa được mẹ tôi đi nơi khác. Sư đoàn bộ binh 17 do tướng Đ.M. Xê-le-dơ-nép chỉ huy và các binh đoàn khác thuộc tập đoàn quân 49 đã giải phóng khu U-gôt-xki - Da-vốt.

Sau chiến tranh, trên mảnh đất làng Pi-át-ki-nô (bị quân Đức đốt khi rút lui), nơi đóng quân của bộ tham mưu Phương diện quân Dự bị và sau đây của Phương diện quân miền Tây năm 1941, đã xây dựng thành phố Ốp-nin-xơ. Tên thành phố Ốp-nin-xơ đã vượt ra ngoài biên giới Liên Xô: nhà máy điện đầu tiên chạy bằng năng lượng nguyên tử đã được xây dựng ở đây. Hiện nay thành phố là một trung tâm khoa học lớn nhất.

Nhưng chúng ta hãy quay lại những sự kiện hồi đó.

Xe ô-tô đi đến giữa thành phố Ma-lô-ya-rô-xla-vét rồi mà tôi chưa gặp một người nào cả. Thành phố tựa như đã rời đi nơi khác.

Gần trụ sở ủy ban hành chính khu, tôi thấy hai chiếc xe con.

- Ô-tô này của ai? - Tôi đánh thức lái xe và hỏi.

- Báo cáo đồng chí Đại tướng, xe của Xê-mi-on Mi-khai-lô-vích Bu-di-on-nui.

- Đồng chí đó đâu?

- Trong trụ sở ủy ban hành chính khu.

- Các đồng chí ở đây lâu chưa?

- Chúng tôi đã ở đây 3 tiếng đồng hồ.

Bước vào ủy ban hành chính khu, tôi nhìn thấy X.M. Bu-di-on-nui đang nghiên cứu và suy nghĩ trên bản đồ.

Hai người chúng tôi gặp nhau tay bắt mặt mừng. Rõ ràng là đồng chí Bu-di-on-nui đã phải chịu đựng nhiều trong những ngày khó khăn này.

- Cậu từ đâu đến thế? - Bu-di-on-nui hỏi.

- Từ chỗ Cô-nép.

- Thế tình hình ở đó ra sao? Đã hơn hai ngày nay tôi không có liên lạc gì với Cô-nép. Hôm qua tôi ở bộ tham mưu tập đoàn quân 43, còn bộ tham mưu phương diện quân đã chuyển đi chỗ khác lúc vắng tôi và bây giờ không biết nó đã dừng lại ở đâu.

- Tôi đã tìm thấy nó ở cách Mát-xcơ-va 105 km trong khu rừng phía trái, bên kia chiếc cầu xe lửa qua sông Prót-va. Anh em đang đợi anh ở đó. Rất tiếc là bên Phương diện quân miền Tây, một phần đáng kể lực lượng ta đã bị bao vây.

- Ở đây tình hình cũng không hơn, - X.M. Bu-di-on-nui nói, - Các tập đoàn quân 29 và 32 bị chia cắt rồi. Chiều qua tí nữa tôi cũng rơi vào tay quân địch ở khoảng giữa Yu-khơ-nốp và Vi-a-dơ-ma. Hàng đoàn bộ đội xe tăng và cơ giới địch đi về phía Vi-a-dơ-ma, chắc là để đánh bao vây thành phố từ phía đông.

- Hiện nay Yu-khơ-nốp thuộc về ta hay địch?

- Bây giờ tôi không biết. Trên sông U-gơ-ra trước có đến 2 trung đoàn bộ binh nhưng không có pháo binh. Tôi cho rằng Yu-khơ-nốp đã bị địch chiếm.

- Thế ai giữ con đường từ Yu-khơ-nốp vào Ma-lô-ya-rô-xla-vét?

- Khi đi xe đến đây tôi không gặp ai ngoài 3 đồng chí cảnh sát ở Mê-đư-nhơ.

Chính quyền địa phương đã rút khỏi Mê-đư-nhơ.

- Anh nên về bộ tham mưu phương diện quân, - tôi nói với Bu-di-on-nui - để nắm chắc tình hình và báo cáo về Đại bản doanh, còn tôi sẽ đi đến khu Yu-khơ-nốp. Nhớ báo cáo với Tổng tư lệnh tối cao về cuộc gặp gỡ giữa chúng ta và nói là tôi đi về Ca-lu-ga. Tôi cần biết tình hình ở đằng ấy.

Khi tôi đến Mê-đư-nhơ thì thấy đúng là không có một ai. Chỉ có một bà già đang tìm kiếm vật gì trong đồng gạch ngói đổ nát của một ngôi nhà bị bom phá hủy.

- Bà cụ ơi, cụ tìm gì đấy? - Tôi hỏi.

Bà cụ ngẩng đầu lên. Bằng đôi mắt mở rộng, mơ màng, cụ như người không hồn, nhìn tôi.

- Cụ làm sao thế ?

Không trả lời gì cả, bà cụ lại moi xới. Từ một góc ngách nào đó của đồng nhà đổ nát, một bà khác xách túi đi tới, trong có đến lưng túi các vật gì đó.

- Không nên hỏi bà cụ. Cụ đã mất trí vì đau khổ. Hôm kia máy bay Đức đã bay đến đây. Chúng ném bom và bắn phá. Bà cụ sống với các cháu ở đây, trong căn nhà này. Khi máy bay địch bắn phá thì cụ đang lấy nước ở giếng và cụ đã trông tận mắt thấy rõ quả bom rơi trúng nhà. Các cháu bị chết. Nhà của chúng tôi cũng bị phá sập. Cần phải đi nhanh khỏi nơi này, vâng, nhưng tôi còn tìm xem trong đồng gạch vụn này còn có thể lấy được ít quần áo, giày dép nào không.

Trên gò má của bà, nước mắt ròn ròn chảy.

Tôi đi về phía Yu-khơ-nốp, lòng đau thắt lại. Thỉnh thoảng chúng tôi phải dừng xe quan sát kỹ càng xung quanh để khỏi nhảy vào chỗ giặc đóng.

Đi được khoảng 10 đến 12 km bỗng nhiên có một số chiến sĩ đeo súng, mặc quần áo và đội mũ lái xe tăng ở trong rừng ra ngăn chúng tôi lại. Một người trong số

đó tiến lại gần xe.

- Không thể đi nữa được đâu. - Người đó nói - Các đồng chí là ai?

Tôi xưng tên và sau chuyển sang hỏi lại bộ đội của các đồng chí đó ở đâu

- Ở trong rừng này, phòng tham mưu lữ đoàn xe tăng cách đây hơn 100 mét.

- Tốt lắm. Dẫn tôi vào phòng tham mưu lữ đoàn.

Tôi rất vui mừng được gặp lữ đoàn xe tăng tại đây.

Ra đón tôi là một chiến sĩ bộ đội xe tăng người tầm thước, tư thế nghiêm chỉnh trong bộ quần áo công tác màu xám. Tôi nhận ra ngay đó là một đồng chí mà tôi đã có lần gặp ở một nơi nào đó.

- Báo cáo: tôi là đại tá Tơ-rôt-xki, tư lệnh lữ đoàn xe tăng dự bị của Đại bản doanh.

- A! Đồng chí Tơ-rôt-xki. Tôi không ngờ gặp đồng chí ở đây.

I.I. Tơ-rôt-xki gợi cho tôi nhớ đến trận Khan-khin Gôn. Hồi đó, năm 1939, đồng chí Tơ-rôt-xki là tham mưu trưởng lữ đoàn xe tăng 11, một đơn vị đáng sợ đối với quân Nhật.

- Tôi cũng không nghĩ sẽ được gặp đồng chí ở đây, thưa đồng chí Đại tướng. - I.I Tơ-rôt-xki nói - Tôi được biết đồng chí chỉ huy Phương diện quân Lê-nin-grát, còn việc đồng chí lại về đây thì không nghe nói.

- Thế nào? Tình hình ra sao rồi. Báo cáo đi. Trước tiên cần biết quân địch ở đâu? Đại tá I.I Tơ-rôt-xki kể lại:

- Địch chiếm Yu-kho-nốp. Các đơn vị phải đi trước của chúng chiếm giữ cầu trên sông U-gơ-ra. Tôi đã cử trinh sát đến Ca-lu-ga. Trong thành phố đó hiện nay chưa có địch nhưng trong khu đó đang có những trận đánh ác liệt. Sư đoàn 5 bộ

binh và một số đơn vị của tập đoàn quân 43 rút về đang chiến đấu ở đó. Lữ đoàn do tôi phụ trách thuộc đội dự bị của Đại bản doanh. Chúng tôi ở đây đã hai ngày nhưng không nhận được chỉ thị nào cả.

- Đồng chí hãy cử sĩ quan liên lạc đến bộ tham mưu Phương diện quân Dự bị trong khu ga xếp ốp-nin-xcôi-ê bên kia sông Prôt-va, để báo cáo tình hình cho đồng chí X.M. Bu-di-on-nui. Đồng chí hãy triển khai một bộ phận của lữ đoàn và tổ chức đánh chặn không cho địch tiến về hướng Mê-đư-nhơ. Qua bộ tham mưu Phương diện quân Dự bị, báo cáo cho Bộ Tổng tham mưu biết mệnh lệnh đó của tôi và nói là tôi đến sư đoàn bộ binh 5 ở Ca-lu-ga.

Sau này tôi mới biết chiếc cầu qua sông Prôt-va đã bị đội du kích của thiếu tá I.G. Xta-rơ-trác phá, trước khi nó bị quân Đức chiếm. Thiếu tá Xta-rơ-trác trước đây phụ trách bộ đội nhảy dù của Phương diện quân Dự bị.

Đội du kích được thành lập do sáng kiến của đồng chí Xta-rơ-trác gồm 400 người, lấy trong số bộ đội biên phòng được chuẩn bị sẵn vào hoạt động trong vùng sau lưng địch. Sau đó lại có sự phối hợp của đội du kích gồm học viên các trường trung học quân sự ở Pô-đôn-xcơ do thượng úy L.A. Mam-trích và đại úy Ya.X. Rô-xi-cốp chỉ huy. Các đội du kích đó đã đẩy lui các cố gắng của địch định vượt sông U-gơ-ra tiến về Mê-đư-nhơ.

Sau 5 ngày chiến đấu quyết liệt, nhiều đồng chí đã hy sinh nhưng bằng khí phách anh hùng, tinh thần xả thân vì nước, các đồng chí đó đã phá tan kế hoạch chớp nhoáng chiếm Ma-lô-ya-rô-xla-vét của địch và như vậy, đã tạo điều kiện cho bộ đội ta có thời gian cần thiết để tổ chức phòng ngự trên các đường vào Mát-xcơ-va.

Hôm tôi đang ở Ca-lu-ga, có một sĩ quan liên lạc đem đến cho tôi bức điện của đồng chí Tổng tham mưu trưởng, trong đó đồng chí báo cho biết Tổng tư lệnh tối cao lệnh cho tôi đến bộ tham mưu Phương diện quân miền Tây vào ngày 10-10. Trong những ngày đó, một ủy ban của Hội đồng quốc phòng Nhà nước đang làm việc tại đây.

Bộ tham mưu Phương diện quân miền Tây đóng ở Cra-xnô-vi-đô-va. Vừa tới nơi tôi liền được gọi ngay đến máy để nói chuyện với I.V. Xta-lin.

- Đại bản doanh quyết định cử đồng chí làm tư lệnh Phương diện quân miền Tây. Cô-nép ở lại làm phó tư lệnh. Đồng chí có ý kiến gì khác không?

- Không, làm thế nào mà có ý kiến khác được? Tôi thấy nên giao cho Cô-nép đặc trách hướng Ca-li-nin. Hướng đó xa quá, cần có sự chỉ huy hỗ trợ của phương diện quân.

- Đồng ý, - I.V. Xta-lin trả lời. - Thuộc quyền đồng chí có các bộ đội còn lại của Phương diện quân Dự bị, các đơn vị hiện đóng trên tuyến Mô-gia-ích. Nên nhanh chóng nắm lấy tất cả lực lượng trong tay và hành động đi.

- Xin hứa thực hiện đầy đủ chỉ thị của đồng chí, nhưng tôi đề nghị, điều gấp những lực lượng dự bị lớn hơn nữa đến, vì thời gian tới thế nào bọn Hít-le cũng mở rộng cuộc tiến công vào Mát-xcơ-va.

Sau khi thảo luận tình hình với I.X. Cô-nép, chúng tôi đề ra mấy chủ trương đầu tiên: rời bộ tham mưu phương diện quân đến A-la-bi-nô; cử đồng chí Cô-nép đem theo những phương tiện chỉ huy cần thiết và một số cán bộ chỉ huy đi tổ chức hiệp đồng tác chiến giữa các đơn vị ở hướng Ca-li-nin; đề nghị Hội đồng quân sự phương diện quân đến Mô-gia-ích gặp đại tá X.I. Bốc-đa-nốp, chỉ huy

khu phòng thủ Mô-gia-ích để nắm tình hình tại chỗ trên hướng đó.

Bộ tham mưu phương diện quân được chuyển ngay đến A-la-bi-nô, còn tôi và ủy viên Hội đồng quân sự N.A. Bun-ga-nin khoảng 2 giờ sau đã đến Mô-gia-ích. Ở đây chúng tôi nghe thấy tiếng pháo và bom nổ rền. X.I. Bốc-da-nốp báo cáo, trên đường vào Bô-rô-đin, sư đoàn bộ binh 32 có xe tăng và pháo binh tăng cường đang đánh các đơn vị cơ giới và xe tăng đi đầu của địch. Đại tá Pô-lô-xu-khin sư đoàn trưởng là một người chỉ huy rất có kinh nghiệm. Có thể tin ở sư đoàn được. Ra xong những chỉ thị cần thiết cho X.I. Bốc-da-nốp, chúng tôi về bộ tham mưu phương diện quân.

Ở bộ tham mưu phương diện quân, sau khi tạm thu xếp việc ăn, ở trong những lều dã chiến, mọi người bắt tay ngay vào việc tổ chức chiến đấu vì khối lượng việc cần làm rất lớn.

Trước hết cần lập ngay trận địa phòng ngự vững chắc trên tuyến Vô-lô-cô-lam-xơ - Mô-gia-ích - Ma-lô-ya-rô-xla-vét - Ca-lu-ga; phải làm cho trận địa phòng ngự trở thành có chiều sâu, tổ chức thê đội 2 và đội dự bị của phương diện quân để có lực lượng cơ động tăng cường cho những nơi xung yếu. Phải tổ chức trinh sát mặt đất và trên không cho cẩn mật, bộ máy chỉ huy của phương diện quân cho vững vàng, việc cung cấp vật tư kỹ thuật cho hợp lý. Và một việc chủ yếu nữa là phải triển khai công tác Đảng, công tác chính trị, nâng cao tinh thần các chiến sĩ, củng cố lòng tin của họ vào sức mạnh của mình nhất định sẽ tiêu diệt được quân địch ngay ở cửa ngõ Mát-xcơ-va.

Bộ đội làm việc căng thẳng suốt ngày này sang đêm khác. Nhiều người vì mệt mỏi và thiếu ngủ tường chừng như có thể ngã gục xuống, nhưng nghĩ đến trách

nhiệm của mình trước vận mệnh của Mát-xcơ-va, của Tổ quốc, và được Đảng động viên dìu dắt, họ lại đứng dậy, hăng hái, tích cực làm cho đến hết khối lượng công việc khổng lồ nhằm thiết lập bằng được thế trận phòng ngự vững chắc cho các đơn vị của phương diện quân trên các đường vào Mát-xcơ-va.

Mùa hè và mùa thu năm 1941, Ban chấp hành trung ương Đảng, Hội đồng quốc phòng Nhà nước và Bộ tổng tư lệnh tối cao đã áp dụng nhiều biện pháp lớn nhằm tăng cường việc bảo vệ Mát-xcơ-va. Chúng ta đã thành lập một số khá lớn đội dự bị, bổ sung nhiều đơn vị, binh đoàn mới và binh khí kỹ thuật cho quân đội đang tác chiến. Nhưng lúc này, nhiều biện pháp lại được thi hành thêm nhằm chặn đứng quân địch.

Ngay trong đêm 6 rạng ngày 7 tháng 10 đã bắt đầu chuyển các đơn vị thuộc lực lượng dự bị của Đại bản doanh và của các phương diện quân khác đến tuyến phòng ngự Mô-gia-ích. Số quân này gồm 14 sư đoàn bộ binh, 16 lữ đoàn xe tăng, hơn 40 trung đoàn pháo binh và nhiều đơn vị khác nữa. Các tập đoàn quân 16, 5, 43 và 49 được thành lập lại. Đến giữa tháng 10, quân số các tập đoàn quân đó đã lên tới 9 vạn. Đương nhiên là số lực lượng đó chưa đủ để xây dựng một hệ thống phòng ngự dày đặc và chắc chắn. Nhưng lúc đó Đại bản doanh chưa có những khả năng lớn hơn, còn việc điều động bộ đội từ miền Viễn Đông và ở các vùng xa xôi khác về thì bị chậm trễ vì nhiều lý do. Vì vậy, chúng tôi quyết định trước hết hãy chiếm giữ những hướng chủ yếu nhất như: Vô-lô-cô-lam-xcơ - Mô-gia-ích - Ma-lô-ya-rô-xla-vét - Ca-lu-ga. Những phương tiện pháo binh và chống xe tăng chủ yếu cũng được tập trung ở ngay trên những hướng đó.

Chúng tôi quyết định cử bộ tham mưu và bộ tư lệnh tập đoàn quân 16 do các

đồng chí K.K. Rô-cô-xốp-xki, A.A. Lô-ba-chép và M.X. Ma-li-nin phụ trách đến hướng Vô-lô-cô-lam-xơ. Trong biên chế của tập đoàn quân 16 đã có các sư đoàn mới vì các sư đoàn cũ được chuyển thuộc tập đoàn quân 20 hiện còn đang bị bao vây ở phía tây Vi-a-dơ-ma. Tập đoàn quân 5 do thiếu tướng Đ.Đ. Lê-liu-sen-cô chỉ huy, khi Lê-hu-sen-cô bị thương thì tướng L.A. Gô-vô-rốp thay thế, được tập trung về hướng Mô-gia-ích, còn tập đoàn quân 43 của thiếu tướng K.Đ. Gô-lu-bép thì được đưa về hướng Ma-lô-ya-rô-xla-vét, và tập đoàn quân 49 do trung tướng I.G. Da-khác-kin chỉ huy đến hướng Ca-lu-ga.

Chúng tôi biết rõ các đồng chí đó là những người cầm quân giàu kinh nghiệm và hoàn toàn tin tưởng ở các đồng chí đó. Chúng tôi biết, với số lượng bộ đội giao cho, các đồng chí sẽ làm tất cả những gì có thể để không cho quân địch lọt đến Mát-xcơ-va.

Ở đây chúng tôi muốn nêu cao tính chính xác trong công tác của bộ tham mưu phương diện quân đứng đầu là trung tướng V.Đ. Xô-cô-lốp-xki và trưởng phòng tác chiến trung tướng G.K. Ma-lan-đin. Chúng tôi cũng muốn kể đến những cố gắng rất lớn của thiếu tướng N.Đ. Pơ-cuốc-xép chỉ huy các đơn vị thông tin đã giữ vững đường dây liên lạc thường xuyên giữa các đơn vị trong phương diện quân.

Ở phía sau các đơn vị thê đội 1 của Phương diện quân miền Tây đã xây dựng những công trình rất lớn nhằm phát triển chiều sâu phòng ngự và các khu chống tăng được thiết lập trên tất cả những hướng bị xe tăng uy hiếp. Lực lượng dự bị của phương diện quân được đưa đến những hướng chủ yếu.

Ít lâu sau bộ tham mưu phương diện quân đã chuyển đến Péc-khu-scô-vô. Từ đó

các đường dây điện tín, điện thoại được kéo đi để liên lạc với các đơn vị mặt đất và trên không. Đường dây liên lạc với Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao cũng được mắc riêng.

Vậy là trên thực tế đã lập lại Phương diện quân miền Tây để đảm đương nhiệm vụ lịch sử: giữ Mát-xcơ-va.

Dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành trung ương, Đảng ta đã giải thích sâu rộng trong nhân dân về tình thế khó khăn của đất nước và mối nguy cơ đang trực tiếp đe dọa Mát-xcơ-va. Trung ương Đảng kêu gọi toàn dân Liên Xô hoàn thành nhiệm vụ vinh quang trước Tổ quốc: không cho quân giặc tới Mát-xcơ-va.

Trong thời gian đó, ở vùng sau lưng địch tại khu vực phía tây Vi-a-dơ-ma, các đơn vị quân ta đang bị vây hãm vẫn chiến đấu anh dũng và cố gắng chọc thủng vòng vây để liên lạc với các đơn vị Hồng quân. Nhưng những cố gắng đó không đem lại kết quả. Để chi viện cho các đơn vị bị bao vây, bộ tư lệnh phương diện quân và Đại bản doanh cho máy bay ta ném bom vào đội hình quân Đức và thả dù lương thực, vũ khí, đạn dược xuống. Nhưng nhiều hơn nữa thì phương diện quân và Bộ tổng tư lệnh không làm được vì không đủ lực lượng và phương tiện. Tuy ở sau lưng địch, bộ đội ta không chịu bỏ súng mà vẫn tiếp tục chiến đấu dũng cảm để kìm chân những lực lượng chủ yếu của địch, không cho chúng phát triển tiến công vào Mát-xcơ-va.

Đã hai lần - vào ngày 10 và 12 tháng 10 - qua vô tuyến điện, chúng tôi chuyển đến các đơn vị bị vây mấy bức điện thông báo khẩn cấp tình hình địch, đề ra nhiệm vụ phá vây và giao cho tướng M.Ph. Lu-kin, tư lệnh tập đoàn quân 19 chỉ huy chung cuộc phá vây đó. Chúng tôi cũng đề nghị các đồng chí đó cho biết ngay kế

hoạch rút khỏi vòng vây và tập kết bộ đội, và những khu vực cần không quân của phương diện quân chi viện. Tuy vậy, cả hai bức điện của chúng tôi đều không được trả lời: các bức điện ấy quả là đã muộn rồi. Có lẽ đã mất sự chỉ huy chung và chỉ có những đơn vị lẻ tẻ thoát khỏi vòng vây thôi.

Đây là lời của An-đrây Tơ-rô-phi-mô-vích Xtusen-cô, nguyên tư lệnh sư đoàn kỵ binh 45 sau này kể lại với tôi:

“Trong cuộc chiến đấu phá vòng vây để bắt liên lạc với phương diện quân, chúng tôi, những bộ phận còn lại của các sư đoàn, đã tiêu diệt bất cứ tên địch nào mà chúng tôi gặp, số địch bị giết đó lên đến hàng nghìn. Giữa tháng 10, không có ngày nào là chúng tôi không đánh nhau ác liệt với quân địch. Nhiều chiến sĩ, cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị xuất sắc đã hy sinh trong các trận đó.”

An-đrây Tơ-rô-phi-mô-vích Xtusen-cô kể lại rất xúc động về cái chết anh hùng của chính ủy sư đoàn A.G. Pô-lê-khin khi đồng chí đó không nể nguy hiểm, đã tự mình dẫn đầu đội trinh sát.

Mặc dầu phần lớn cán bộ và chiến sĩ trong sư đoàn đã hy sinh, nhưng các đồng chí còn lại vẫn sống và chiến đấu với khát vọng duy nhất: bắt liên lạc thật nhanh với các đơn vị của phương diện quân để cùng nhau tiếp tục chiến đấu bảo vệ Mát-xcơ-va. Và ngày sung sướng nhất là ngày chúng tôi thoát được vòng vây của địch, trở lại hòa cùng đội ngũ các đơn vị của phương diện quân tiếp tục đánh lại quân thù đang liều lĩnh tiến công....

Do các đơn vị bị vây trong khu Vi-a-dơ-ma đã chiến đấu ngoan cường, nên chúng tôi đã có được thời gian rất quý báu để tổ chức phòng ngự trên tuyến Mô-gia-ích. Những hy sinh đổ máu của các đơn vị bị vây thật không phải là vô ích.

Chiến công của các chiến sĩ Xô-viết chiến đấu dũng cảm ở Vi-a-dơ-ma đã góp phần to lớn vào sự nghiệp bảo vệ Mát-xcơ-va. Những chiến công đó đang chờ đợi được viết thành văn.

Từ ngày 13-10, các trận chiến đấu ác liệt đã nổ ra ở các hướng quan trọng trên các ngã đường đi về Mát-xcơ-va.

Đó là những ngày bão táp. Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã quyết định đưa một số cơ quan trung ương và toàn bộ Đoàn ngoại giao sơ tán ra khỏi Mát-xcơ-va, về vùng Quy-bi-sép và chuyển vận những kho tàng đặc biệt quan trọng ra ngoài thủ đô.

Mát-xcơ-va ngày càng bị ném bom nhiều hơn. Hầu như đêm nào cũng có báo động máy bay. Tuy vậy, trong thời kỳ đó Đảng đã làm nhiều việc để củng cố việc phòng không ở địa phương. Thực hiện nghị quyết tháng Bảy của Chính phủ và Hội đồng quốc phòng, hàng triệu dân chúng đã được huấn luyện về phòng không. Đối với người Mát-xcơ-va, lửa đạn không đáng sợ nữa. Bộ tổng tư lệnh tối cao đã tập trung ở vùng Mát-xcơ-va những đơn vị máy bay cường kích, tiêm kích và ném bom mới xây dựng trong mùa thu.

Từ 20-10, Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã đặt Mát-xcơ-va và các vùng lân cận trong tình trạng giới nghiêm. Sinh hoạt của tất cả các đơn vị bảo vệ thủ đô được tổ chức hết sức nghiêm ngặt. Mỗi hành động vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đều được kiên quyết xử lý. Nhân dân Mát-xcơ-va tích cực chống lại những bọn phao tin đồn nhảm, coi đó là bọn tiếp tay cho địch.

Thủ đô Xô-viết đã tỏ rõ tinh thần dũng cảm trước nguy cơ đang tới gần. Ban chấp hành trung ương và thành ủy Mát-xcơ-va đã phát đi lời thiết tha kêu gọi bảo

vệ Thủ đô Xô-viết, tiêu diệt quân giặc. Lời kêu gọi đó đã được mỗi người dân Mát-xcơ-va, mỗi chiến sĩ Hồng quân cũng như mọi người Xô-viết hiểu rõ và nhiệt liệt hưởng ứng. Nhân dân Mát-xcơ-va đã biến Thủ đô và các vùng ven thành một pháo đài bất khả xâm phạm. Để đối phó với các đơn vị địch có thể lọt vào thành phố, nhân dân lao động đã thành lập và trang bị hàng trăm đội tự vệ chiến đấu và những tổ xung kích đánh xe tăng. Gần 10 vạn người đã vừa làm vừa học quân sự. Trong thời kỳ chiến đấu bảo vệ Thủ đô, họ đã gia nhập các đơn vị quân đội. Những hoạt động nhiều mặt của các đảng viên cộng sản Mát-xcơ-va để động viên nhân dân lao động đoàn kết đứng lên chống quân thù hung ác, bảo vệ Thủ đô, đã biến thành một bản trường ca anh hùng.

Theo sáng kiến của nhân dân Thủ đô, trong những tháng đầu chiến tranh, đã thành lập 12 sư đoàn dân quân. Các cơ quan quân sự và tổ chức Đảng tiếp tục nhận được hàng nghìn đơn của nhân dân xin ra mặt trận. Trong các sư đoàn dân quân tình nguyện có chuyên gia đủ các nghề: công nhân, kỹ sư, nhân viên kỹ thuật, bác học, văn nghệ sĩ. Tất nhiên những người đó chưa quen lắm với sinh hoạt và công tác quân sự. Việc phục vụ trong quân đội còn mới đối với họ và họ phải vừa đánh vừa học. Nhưng điều nổi bật của tất cả mọi người là: lòng yêu nước cao độ quyết tâm vững chắc và lòng tin vào thắng lợi. Và rõ ràng không phải ngẫu nhiên mà các tổ chức chiến đấu tình nguyện do các tổ chức Đảng lãnh đạo trong nhiều thành phố, sau một thời gian, có kinh nghiệm tác chiến, đã trở thành những binh đoàn chiến đấu nổi tiếng.

Anh chị em dân quân là nòng cốt của nhiều phân đội chuyên môn như trinh sát, trượt tuyết, họ tích cực hoạt động trong các đội du kích. Hàng chục vạn người

Mát-xơ-va ngày đêm làm việc để xây dựng những phòng tuyến bao quanh thành phố.

Đáp ứng lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản liên bang (b), hàng ngàn đảng viên cộng sản và đoàn viên thanh niên Mát-xơ-va cũng như các thành phố khác, đã ra mặt trận để làm các chiến sĩ chính trị. Họ đi đến đó, dùng hành động gương mẫu của mình nâng cao sức chiến đấu của bộ đội.

Hội đồng quân sự Phương diện quân miền Tây trong những ngày khó khăn gian khổ đã gửi thư kêu gọi, trong đó nói:

“Các đồng chí! Trong những giờ phút nước nhà lâm nguy này, cuộc sống của mỗi chiến sĩ đều thuộc về Tổ quốc. Tổ quốc đòi hỏi ở mỗi chúng ta sự cố gắng cao nhất, lòng dũng cảm, khí phách anh hùng và tinh thần bền bỉ. Chúng ta hãy xiết chặt hàng ngũ, đứng lên thành một bức tường thành không sức gì phá vỡ nổi để chặn không cho bầy phát-xít đến được Mát-xơ-va thân yêu. Bây giờ, hơn lúc nào hết, cần phải có tinh thần cảnh giác, kỷ luật sắt, tinh tổ chức, tinh kiên quyết trong hành động, cần có ý chí sắt đá giành thắng lợi và tinh thần sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc”.

Những sự kiện có ý nghĩa quyết định đang nhích gần lại.

Vì lực lượng phòng ngự trên tuyến Vô-lô-cô-lam-xơ - Mô-gia-ích - Ma-lô-ya-rô-xla-vét - Xéc-pu-khốp còn mỏng, và đôi chỗ đã bị địch lấn chiếm, cho nên Hội đồng quân sự phương diện quân đã chọn tuyến Nô-vô - Da-vi-dốp-xki - Clin - Hồ chứa nước I-xơ-ra - Cra-xnai-a Pa-khơ-ra - Xéc-pu-khốp - A-léch-xi-na làm tuyến phòng ngự chủ yếu có nhiệm vụ ngăn không cho địch đột phá vào Mát-xơ-va.

Do mặt trận kéo dài quá và việc chỉ huy các đơn vị thuộc khu vực Ca-li-nin gặp khó khăn, theo đề nghị của Hội đồng quân sự phương diện quân, ngày 17-10, Đại bản doanh đã ra lệnh tách các tập đoàn quân 22, 29, 30 và 31 khỏi biên chế của Phương diện quân miền Tây và thống nhất các tập đoàn quân đó vào Phương diện quân Ca-li-nin mới thành lập lại. Thượng tướng I.X. Cô-nép được cử làm tư lệnh Phương diện quân Ca-li-nin, Đ.X. Lê-ô-nốp, chính ủy quân đoàn - ủy viên Hội đồng quân sự, thiếu tướng I.I. I-va-nốp – tham mưu trưởng. Do việc thành lập phương diện quân này, dải phòng ngự của Phương diện quân miền Tây được rút ngắn lại và việc chỉ huy bộ đội cũng dễ dàng hơn.

Phương diện quân Bri-an-xơ do trung tướng A.I. Ê-rê-men-cô chỉ huy cũng đang gặp nhiều khó khăn rất lớn. Phần lớn các đơn vị của phương diện quân đã bị bao vây và đang vất vả phá vây để rút về phía đông. Bằng những cố gắng đầy khí phách anh hùng, ngày 23-10, các đơn vị đó đã vượt khỏi vòng vây. Rượt theo các đơn vị còn lại của Phương diện quân Bri-an-xơ, những đơn vị phải đi trước của tập đoàn quân Gu-đê-ri-an đã tới Tu-la vào ngày 29-10.

Trước ngày 10-11, thành phố Tu-la nằm trong dải phòng ngự của Phương diện quân Bri-an-xơ. Sau khi chiếm được O-ri-ôn, quân Đức tiến về Tu-la. Lúc đó ở đây chỉ có các cơ quan hậu cần đang được thành lập của tập đoàn quân 50, vì vậy không còn đơn vị nào có đủ sức giữ thành phố. Hạ tuần tháng 10, 3 sư đoàn bộ binh đã bị tổn thất nặng được rút về đóng ở khu Tu-la. Quân số các sư đoàn này có từ 500 đến 1.500 chiến sĩ, nhưng trung đoàn pháo binh thì chỉ còn tất cả 4 khẩu. Các đơn vị khi rút về đều hết sức mệt mỏi. Nhân dân thành phố Tu-la đã tận tình giúp đỡ quân đội, họ khăn trương vá quần áo, khâu giày dép và sửa vũ

khí cho anh em.

Dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng, mọi người lao động ngày đêm để nhanh chóng khôi phục sức chiến đấu của các đơn vị. Trong một thời gian ngắn, ủy ban bảo vệ thành phố, đứng đầu là đồng chí Va-xi-li Ga-vri-lô-vích Gia-vô-rôn-cốp bí thư Tỉnh ủy, đã thành lập và trang bị xong các đội ngũ công nhân. Cùng với các đơn vị của tập đoàn quân 50 thuộc Phương diện quân Bri-an-xơ, các đội ngũ đó đã chiến đấu dũng cảm trên các cửa ngõ sát Tu-la và đã không cho địch lọt vào thành phố.

Đặc biệt ngoan cường và dũng cảm trong chiến đấu là trung đoàn công nhân Tu-la do đại úy A.P. Goóc-scốp và chính ủy G.A. A-ghê-ép lãnh đạo và chỉ huy.

Trung đoàn cùng với các đơn vị rút lui từ các nơi khác đến chiếm giữ tuyến phòng ngự trong vùng Cô-xai-a Gô-ra. Tướng V.X. Pô-pốp, tư lệnh khu phòng thủ Tu-la đã dùng trung đoàn cao xạ để đánh lui xe tăng Đức tại các cửa ngõ sát thành phố. Bộ đội ở khu Tu-la chiến đấu rất dũng cảm.

Cuộc tiến công của tập đoàn quân Gu-đê-ri-an ngày 30-10 đã bị những người bảo vệ khu phòng thủ Tu-la đánh lui, và ở đây địch bị thiệt hại nặng. Gu-đê-ri-an dự định chiếm Tu-la trong hành tiến (như đã chiếm O-ri-ôn) và tiến quân vu hồi Mát-xcơ-va từ phía nam. Nhưng trong tháng 10 chúng đã không làm được.

Ngày 10-11, Đại bản doanh quyết định giao việc phòng ngự Tu-la cho Phương diện quân miền Tây phụ trách. Phương diện quân Bri-an-xơ bị giải thể. Dải phòng ngự của Phương diện quân miền Tây lại mở rộng ra khá nhiều.

Dù quân địch có cố gắng đến đâu cũng không thể lấy được Tu-la trong tháng 11.

Âm mưu của chúng chiếm Tu-la để mở đường từ phía nam tiến đánh Mát-xcơ-va

cuối cùng bị đánh bại. Thành phố đã đứng vững như một pháo đài bất khả xâm phạm. Tu-la đã bó chân bó tay tất cả các đơn vị cánh phải của quân Đức. Không vào được Tu-la, địch chủ trương vòng qua, nhưng, chính vì thế mà chúng phải kéo dài đội hình ra, làm cho tập đoàn quân Gu-đê-ri-an bị mất độ dày đặc về chiến dịch và chiến thuật.

Trong việc tiêu diệt quân Đức gần Mát-xcơ-va, nhân dân cả thành phố Tu-la đã góp phần xứng đáng.

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 13

VẪN CÒN THỬ THÁCH GAY GO

NĂM 1942, do nhiều nguyên nhân, nước ta lại gặp phải những thử thách gay go. Nhưng, cũng như hồi năm 1941, trong chiến dịch bảo vệ Mát-xcơ-va, nhân dân và các lực lượng vũ trang Liên Xô dưới sự lãnh đạo của Đảng Lê-nin, đã anh dũng vượt qua khó khăn, tiêu diệt cánh quân chiến lược hết sức lớn của Đức ở vùng giữa sông Đông và sông Von-ga, mở đầu giai đoạn đuổi quân phát-xít Đức ra khỏi bờ cõi Tổ quốc ta.

Để hiểu sâu hơn những sự kiện xảy ra ở miền Nam nước ta, cần biết sơ lược tình hình chính trị - quân sự hồi đầu mùa hè năm 1942.

Cuối mùa xuân 1942, tình hình trong nước và vị trí quốc tế của Liên Xô có khá hơn đôi chút. Mặt trận chống phát-xít tiếp tục mở rộng và củng cố. Tháng Giêng, 26 nước đã ký bản tuyên bố, cùng nhau thỏa thuận sử dụng mọi lực lượng và phương tiện chống lại các nước xâm lược và nguyện không ký kết hòa ước

riêng rẽ hay đình chiến với chúng. Với Mỹ và Anh, đã có sự thỏa thuận mở mặt trận thứ hai ở châu Âu năm 1942. Tất cả những điều ấy cùng với những tình hình khác, đặc biệt là việc tiêu diệt quân Đức ở Mát-xcơ-va, phá tan kế hoạch chiến tranh chớp nhoáng đánh Liên Xô của bọn Hít-le, đã cổ vũ mạnh mẽ các lực lượng chống phát-xít trong tất cả các nước.

Trên mặt trận Xô-Đức tạm yên tiếng súng. Cả hai bên đều chuyển sang phòng ngự. Ở các trận địa phòng ngự, bộ đội lo đào chiến hào, xây công sự, đặt mìn trên những cửa ngõ vào tiền duyên, mắc dây thép gai và làm các công việc khác về củng cố phòng ngự. Cán bộ chỉ huy và các cơ quan tham mưu của ta nghiên cứu bố trí hệ thống hỏa lực tổ chức hiệp đồng giữa các binh chủng và nhiều vấn đề khác. Đại bản doanh, Bộ Tổng tham mưu và các đơn vị đều lo tổng kết giai đoạn chiến tranh vừa qua, kiểm điểm ưu, khuyết điểm của bộ đội ta, tìm hiểu sâu thêm nghệ thuật quân sự của địch, các mặt mạnh, yếu của chúng. Phần khởi trước thắng lợi to lớn của Hồng quân ở vùng Mát-xcơ-va, thắng lợi có ý nghĩa mở đầu bước ngoặt cơ bản trong chiến tranh, nhân dân Liên Xô đã thực hiện có kết quả việc chuyển nền kinh tế quốc dân thời bình thành kinh tế thời chiến. Quân đội Liên Xô được trang bị ngày càng nhiều xe tăng, máy bay mới, pháo, vũ khí phản lực và đạn dược.

Ở hậu phương, lực lượng dự bị chiến lược mới gồm đủ các binh

chúng đã được xây dựng. Những thành tựu của công nghiệp xe tăng và pháo cho phép Bộ Tổng tư lệnh tối cao xây dựng các quân đoàn và tập đoàn quân xe tăng có khí tài mới nhất lúc bấy giờ.

Quân đội ta được trang bị pháo chống tăng cải tiến 45 mm, pháo 76 mm mới. Các lữ đoàn và sư đoàn chống tăng mới được thành lập để đánh các binh đoàn xe tăng lớn. Có nhiều biện pháp tổ chức phòng không trong bộ đội nói riêng và trong cả nước nói chung. Không quân của chúng ta đã có khả năng để bắt tay vào thành lập những tập đoàn quân. Tháng 6, chúng ta đã có 8 tập đoàn quân không quân. Các binh đoàn không quân tầm xa và các quân đoàn dự bị của Bộ Tổng tư lệnh được bổ sung thêm rất nhiều. Tổng quân số bộ đội tại ngũ tăng lên tới 5.534.500 người, xe tăng có 4.959 chiếc, pháo và cối có 40.798 khẩu, máy bay có 2.480 chiếc. Khắp các đơn vị đều triển khai huấn luyện chiến đấu, nghiên cứu nắm vững kinh nghiệm chiến tranh và khí tài mới.

Bộ chỉ huy phát-xít Đức cũng chuẩn bị chiến cục mùa hè; chúng vẫn coi mặt trận Liên Xô là chủ yếu. Bọn Hít-le ngày càng điều sang mặt trận phía đông nhiều lực lượng đồng minh của chúng. Phát-xít Đức và các đồng minh của chúng trên các mặt trận từ Ba-rên-xép đến Biển Đen có 217 sư đoàn và 20 lữ đoàn trong đó có 178 sư đoàn, 8 lữ đoàn và 4 phi đoàn không quân là Đức

thuần túy. Trên các mặt trận khác và trong các nước bị chiếm đóng, vì chưa mở mặt trận thứ hai, bọn Đức chỉ giữ ở đây không quá 20% số quân của chúng.

Đến tháng 5-1942, trên mặt trận Xô-Đức, kẻ thù đã có một đội quân hơn sáu triệu người (trong đó có 81 vạn quân thuộc các nước đồng minh của nó), 3.230 xe tăng và pháo tấn công, gần 57.000 khẩu pháo và cối, 3.400 máy bay chiến đấu. Về người, pháo và cối, quân Đức vẫn chiếm ưu thế như trước. Chúng ta có hơn một ít về số lượng máy bay và xe tăng, nhưng về chất lượng thì phần lớn xe tăng của ta hãy còn kém xe tăng Đức.

Nhìn chung, chiến lược quân sự và chính trị của Hít-le thời kỳ trước mắt năm 1942 là nhằm tiêu diệt quân ta ở phía nam, chiếm vùng Cáp-ca-dơ, tiến đến sông Von-ga, chiếm Xta-lin-grát (nay là Von-ga-grát), A-xơ-ra-khan và tạo điều kiện tiêu diệt Nhà nước Liên Xô.

Trong khi đặt kế hoạch tiến công mùa hè năm 1942, bộ chỉ huy Đức tuy vẫn có ưu thế về lực lượng và phương tiện so với các lực lượng vũ trang Liên xô, nhưng đã không còn khả năng cùng một lúc tiến công trên tất cả các hướng chiến lược như chúng đã làm năm 1941, theo kế hoạch “Bác-ba-rốt-xơ”.

Đến mùa xuân 1942, quân Đức đã bị căng ra từ Ba-rên-xép đến Biển Đen. Do đó mật độ chiến dịch của chúng giảm sút rõ rệt.

Nhờ thi hành một loạt chủ trương tổng hợp, bộ chỉ huy Đức đã

xây dựng được cụm tập đoàn quân “Nam” và tập trung vào đó những lực lượng trội hơn lực lượng ta ở hướng tây-nam.

Chỉ thị của Hít-le số 41 ngày 5-4-1942 dự kiến chiếm đoạt những vùng công nghiệp, nông nghiệp trù phú nhất của Liên Xô để có nguồn kinh tế bổ sung (trước hết là dầu hỏa ở Cáp-ca-dơ) và chiếm thế chiến lược áp đảo có lợi, nhằm đạt những mục tiêu quân sự - chính trị của chúng.

Hít-le và vây cánh hy vọng rằng, hễ quân Đức hoạt động có kết quả ở phía nam nước ta thì chúng có thể đánh ngay vào cả các hướng khác và lại tấn công Lê-nin-grát, Mát-xcơ-va. Trên hướng chiến lược Mát-xcơ-va, chúng dự tính chỉ mở các chiến dịch tiến công bộ phận để thanh toán số quân Liên Xô đã lấn sâu vào khu vực phòng ngự của Đức. Làm như thế nhằm hai mục đích: thứ nhất, cải thiện thế chiến dịch của quân đội chúng; thứ hai, làm cho bộ chỉ huy Liên Xô không chú ý đến hướng chiến lược phía nam, nơi chúng chuẩn bị đòn chủ yếu. Đặt kế hoạch chiếm Cáp-ca-dơ và Von-ga, bọn Hít-le âm mưu cắt đứt đường giao thông của Liên Xô với các đồng minh của mình thông qua Cáp-ca-dơ. Mùa xuân năm 1942, tôi thường có mặt ở Bộ Tổng tư lệnh, tham gia thảo luận ở chỗ Tổng tư lệnh tối cao về nhiều vấn đề chiến lược quyết định, vì vậy tôi biết rõ đồng chí Tổng tư lệnh đánh giá tình hình lúc bấy giờ như thế nào và triển vọng của chiến tranh trong năm 1942 ra sao.

Rõ ràng là Tổng tư lệnh không thật tin những cam kết của Sốc-sin và Ru-dơ-ven về việc mở mặt trận thứ hai ở châu Âu, nhưng vẫn hy vọng họ sẽ làm một cái gì với mức độ nào đó ở các vùng khác. I.V. Xta-lin tin Ru-dơ-ven nhiều hơn Sốc-sin.

Tổng tư lệnh phán đoán rằng mùa hè năm 1942, bọn Đức sẽ có đủ sức mở những chiến dịch tiến công lớn cùng một lúc trên hai hướng chiến lược, mà có khả năng nhiều nhất là hướng Mát-xcơ-va và hướng nam. Còn ở phía bắc và tây-bắc, Xta-lin nói, có thể chúng có những hoạt động không đáng kể. Có khả năng chúng cố cắt những chỗ lòi ra trên tuyến phòng ngự của ta và cải tiến việc bố trí quân của chúng.

Trong hai hướng mà theo ý Tổng tư lệnh, địch có thể triển khai những chiến dịch tiến công chiến lược, đồng chí lo nhất cho hướng Mát-xcơ-va, ở đây địch tập trung hơn 70 sư đoàn.

Về các kế hoạch mùa xuân và đầu mùa hè 1942 của ta, Xta-lin cho rằng, hiện nay chúng ta không đủ lực lượng và phương tiện mở những chiến dịch tiến công lớn. Trước mắt, đồng chí cho rằng, chỉ nên phòng ngự chiến lược tích cực, nhưng đồng thời mở một loạt chiến dịch tiến công bộ phận ở Crum, ở khu vực Khác-cốp, trên hướng Lơ-gốp - Cuốc-xcơ và Xmô-len-xcơ, và cả ở các khu vực Lê-nin-grát và Đê-mi-an-xcơ.

Tôi được biết, ý kiến của B.M Sa-pô-sni-cốp về nguyên tắc thì giống ý kiến của Xta-lin, nhưng về kế hoạch hành động của quân

ta thì đồng chí chủ trương đầu mùa hè chỉ nên phòng ngự chiến lược tích cực, tiêu hao và làm suy yếu kẻ địch, để sau đó, khi đã tích lũy lực lượng dự bị rồi thì chuyển sang phản công rộng rãi. Tôi ủng hộ Sa-pô-sni-cốp, nhưng cho rằng, ngay đầu mùa hè, ở hướng tây, nhất định cần tiêu diệt cánh quân Rơ-giép - Vi-a-dơ-ma, ở đây, quân Đức đang giữ một bàn đạp rộng lớn và có nhiều lực lượng.

Đại bản doanh và Bộ Tổng tham mưu cho rằng, hướng đặc biệt nguy hiểm là hướng O-ri-ôn - Tu-la và hướng Cuốc-xơ - Vô-rô-ne-giơ vì từ đây địch có thể đánh Mát-xcơ-va bằng cách vu hồi Thủ đô từ phía tây-nam. Với tướng định ấy, để bảo vệ Mát-xcơ-va từ hướng tây-nam, Đại bản doanh hạ quyết tâm đến cuối mùa xuân sẽ tập trung phần lớn lực lượng dự bị của Bộ ở khu vực thuộc Phương diện quân Bri-an-xơ.

Phương diện quân Bri-an-xơ được bổ sung nhiều lực lượng và phương tiện. Giữa tháng 5, nó có thêm 4 quân đoàn xe tăng, 7 sư đoàn bộ binh, 11 lữ đoàn bộ binh độc lập, 4 lữ đoàn xe tăng độc lập và một số lớn pháo binh. Ngoài ra, còn phối thuộc cho Phương diện quân Bri-an-xơ tập đoàn xe tăng 5, lực lượng dự bị của Bộ tổng tư lệnh, để phản kích mạnh mẽ quân địch khi chúng tiến công vào khu vực phương diện quân đó.

Về cơ bản, tôi đồng ý với dự kiến chiến dịch - chiến lược của Tổng tư lệnh, nhưng không thể đồng ý về số lượng các chiến

dịch bộ phận do phương diện quân tiến hành, vì nó sẽ ngốn mất lực lượng dự bị của ta, do đó gây khó khăn cho việc chuẩn bị tổng tiến công sau này.

Báo cáo ý kiến của mình, tôi đề nghị với Xta-lin và Bộ Tổng tham mưu, như đã nói trên, trước hết đánh thật mạnh vào hướng chiến lược phía tây để tiêu diệt cánh quân địch ở Vi-a-dơ-ma - Rơ-giép. Lực lượng sử dụng là các Phương diện quân miền Tây, Ca-li-nin và các phương diện quân gần đây, cùng là không quân của Bộ Tổng tư lệnh tối cao và lực lượng phòng không Mát-xcơ-va. Việc tiêu diệt quân địch ở hướng tây nhằm làm suy yếu nghiêm trọng quân Đức, buộc chúng bỏ các chiến dịch tiến công lớn, ít ra cũng trong thời gian trước mắt.

Tất nhiên, về sau này nhìn lại mà đánh giá tình hình, kết luận ấy chưa hẳn là điều không phải bàn cãi, nhưng lúc ấy, trong điều kiện chưa có thật đầy đủ số liệu về địch thì tôi tin chắc là tôi đúng.

Vì đây là vấn đề phức tạp, Xta-lin ra lệnh thảo luận về tình hình chung và các loại phương án hoạt động có thể của quân ta trong chiến cục mùa hè.

Cuộc hội nghị này họp vào cuối tháng 3 tại Hội đồng quốc phòng; tham dự có Vô-rô-si-lốp, Ti-mô-sen-cô, Sa-pô-sni-cốp, tôi và Ba-gra-mi-an.

Sa-pô-sni-cốp đọc bản báo cáo rất súc tích và căn bản phù hợp

với dự kiến của I.V. Xta-lin. Nhưng, xét thấy địch có ưu thế về quân số và chưa có mặt trận thứ hai ở châu Âu, Sa-pô-sni-cốp đề nghị là trước mắt chỉ nên tích cực phòng ngự. Các đội dự bị chiến lược cơ bản cứ đề nguyên, tập trung vào hướng giữa và một phần ở khu Vô-rô-ne-giơ là nơi mà Bộ Tổng tham mưu cho rằng mùa hè năm 1942, có thể xảy ra những sự kiện chủ yếu. Khi nghiên cứu kế hoạch chiến dịch tiến công do bộ chỉ huy hướng tây-nam trình bày (dùng lực lượng của các Phương diện quân Bri-an-xơ, Tây-nam và Nam), nguyên soái Sa-pô-sni-cốp cố nêu rõ những khó khăn trong việc tổ chức chiến dịch đó, nhưng Tổng tư lệnh tối cao ngắt lời và nói:

- Chúng ta không thể ngồi khoanh tay phòng ngự chờ bọn Đức đánh trước! Chính chúng ta cần đánh chúng những đòn phủ đầu trên chính diện rộng và thăm dò sự chuẩn bị của địch. Giu-cốp có ý kiến triển khai tiến công ở hướng tây, còn trên các mặt trận khác thì phòng ngự. Tôi nghĩ rằng đó là một biện pháp nửa vời. Đến lượt X.K Ti-mô-sen-cô nói. Trình bày xong tình hình ở hướng tây-nam, đồng chí nói tiếp:

- Quân ta ở hướng tây-nam hiện giờ có thể và nhất thiết cần đánh bọn Đức ở đó một đòn phủ đầu làm phá sản kế hoạch của chúng định tiến công vào các Phương diện quân Nam và Tây-nam, nếu không thì sẽ tái diễn cái cảnh hồi đầu chiến tranh. Còn việc chuyển sang tiến công ở hướng tây, tôi ủng hộ Giu-cốp. Như thế

sẽ giam chân lực lượng của địch.

K.E. Vô-rô-si-lốp ủng hộ ý kiến của X.K. Ti-mô-sen-cô.

Tôi lại báo cáo ý kiến của tôi không tán thành triển khai nhiều chiến dịch tiến công. Sa-pô-sni-cốp, theo tôi biết, cũng không tán thành mở các chiến dịch tiến công bộ phận, lần này, tiếc rằng lại im lặng. Kết thúc hội nghị, Tổng tư lệnh tối cao chỉ thị chuẩn bị và tiến hành ngay trước mắt những chiến dịch bộ phận ở Crum, trên hướng Khác-cốp và ở một số nơi khác. Sau hội nghị ở Đại bản doanh, chúng tôi ai nấy về vị trí của mình.

Tình hình tháng 5 và tháng 6 cho thấy Đại bản doanh đã tính sai. Lực lượng vũ trang của chúng ta ở phía nam lại gặp khó khăn nghiêm trọng. Cuối tháng 4, quân ta tiến công ở Crum không thành công. Bộ đội ở mặt trận Crum do trung tướng Đ.T. Cô-dơ-lốp chỉ huy không đạt được mục tiêu, bị tổn thất lớn. Đại bản doanh chỉ thị cho bộ tư lệnh phương diện quân chuyển sang phòng ngự quyết liệt.

Ngày 8-5, địch tập trung lực lượng xung kích đánh vào mặt trận Crum và huy động nhiều máy bay đến chọc thủng được trận địa phòng ngự. Bộ đội ta lâm vào tình thế rất gay go, phải bỏ Kéc-sơ.

Thất bại ở khu vực Kéc-sơ gây khó khăn cho Xê-va-xtôn-pôn; tại đây các chiến sĩ bảo vệ thành phố đã chiến đấu ác liệt từ tháng 10. Chiếm xong Kéc-sơ, bộ chỉ huy quân Đức tập trung tất cả lực

lượng đánh Xê-va-xtôn-pôn.

Sau 9 tháng bị vây hãm, sau những trận chiến đấu dài ngày và quyết liệt trong đó các chiến sĩ hải quân, lục quân ta đã phát huy truyền thống vinh quang bất diệt, ngày 4-7, quân ta phải bỏ Xê-vô xtôn-pôn.

Crum mất toàn bộ, điều đó làm cho tình hình chung của chúng ta gay go thêm rất nhiều và tất nhiên làm cho tình hình của địch thuận lợi lên vì nó đã có thể dành ra một trong những tập đoàn quân có sức chiến đấu và có rất nhiều phương diện tăng cường. Ngày 3-5, Phương diện quân Tây-bắc bắt đầu tấn công vào tập đoàn quân 16 của Đức ở Đê-mi-an-xơ. Cuộc chiến đấu kéo dài suốt cả tháng nhưng không kết quả. Dĩ nhiên kẻ địch cũng có bị thiệt hại nặng.

Một lần nào đó, nói chuyện qua điện thoại về tình hình mặt trận Crum và hướng Tây-nam, Tổng tư lệnh nói:

- Anh thấy đấy, phòng ngự đưa đến kết quả thế nào... Chúng ta phải khiển trách nặng Cô-dơ-lốp, Mê-khơ-lít và Cu-lích vì họ không thận trọng, để cho những người khác sau này đừng có cầu thả. Ti-mô-sen-cô sắp bắt đầu tiến công. Anh thế nào, không thay đổi ý kiến về phương thức hành động ở phía nam à?

- Thưa không! Tôi cho rằng ở phía nam cần dùng không quân và hỏa lực mạnh để đánh địch, hãy dùng phòng ngự kiên cường làm cho chúng bị thất bại, rồi sau đó chuyển sang tiến công.

Ngày 12-5, Phương diện quân Tây-nam chuyển sang tiến công ở hướng Khác-cốp bằng hai mũi: một mũi từ khu vực Vô-chan-xơ, một mũi từ khu đất nhô Bác-ven-cô-vô.

Phương diện quân Nam có trách nhiệm phục vụ cho chiến dịch trên khu vực Lô-dơ-vai-a - Bác-ven-cô-vô - Xla-vi-an-xơ.

Nhưng bộ chỉ huy hướng tây-nam không tính đến mối đe dọa từ phía Cra-ma-toóc-xơ. Ở đây Đức đã tập trung được một cánh quân lớn để tiến công.

Bộ đội phương diện quân Tây-nam, tiến công từ mũi nhô Bác-ven-cô-vô, đã chọc thủng trận địa phòng ngự của địch, và sau ba ngày đêm, ở tất cả các khu vực, đã tiến lên được 25 - 50 km.

Nhưng chiến dịch không tiếp tục phát triển được.

Sáng ngày 17-5, 11 sư đoàn thuộc đạo quân “Cơ-lây-xơ” bắt đầu tiến công từ vùng Xla-vi-an-xơ - Cra-ma-toóc-xơ, đánh vào các tập đoàn quân 9 và 57 của Phương diện quân Nam. Sau khi chọc thủng trận địa phòng ngự, trong hai ngày đêm, địch tiến được 50 km và thọc đến sườn của cánh trái Phương diện quân Tây-nam ở khu vực Pê-tơ-rốp-xơ.

Giữa tháng 5, tôi có mặt trong cuộc nói chuyện của Xta-lin với tư lệnh phương diện quân và nhớ rõ là Xta-lin tỏ ý rất băn khoăn về cánh quân địch ở Cra-ma-toóc-xơ.

Ngay tối hôm đó, Tổng tư lệnh lại nói chuyện về việc này với ủy viên Hội đồng quân sự phương diện N.X. Khor-rút-xốp; ý kiến

của Khor-rút-xốp cũng giống bộ tư lệnh Phương diện quân Tây-nam: nguy cơ từ phía cụm quân địch ở Cra-ma-toóc-xơ đã bị thổi phồng, và không có lý do gì để phải chấm dứt chiến dịch. Đến chập tối 18-5, tình hình thêm gay go làm cho quyền Tổng tham mưu trưởng Va-xi-lép-xki rất lo lắng, và đồng chí báo cáo ngay với Tổng tư lệnh là bộ đội ta cần chấm dứt tiến công và đưa lực lượng cơ bản của cánh quân Bác-ven-cô-vô quay trở lại đánh quân địch ở Cra-ma-toóc-xơ.

Tổng tư lệnh căn cứ vào ý kiến của Hội đồng quân sự Phương diện quân Tây-nam là cần tiếp tục tiến công nên đã bác ý kiến của Va-xi-lép-xki. Hiện nay có người nói rằng, Hội đồng quân sự các Phương diện quân Nam và Tây-nam đã bày tỏ với Tổng tư lệnh tối cao về những lo ngại của mình; nói như vậy là không đúng với thực tế. Tôi khẳng định điều này vì chính tôi đã có mặt trong các buổi trao đổi ý kiến của Tổng tư lệnh.

Ngày 19-5, Hội đồng quân sự phương diện quân Tây-nam đã hiểu là tình hình trở nên quá gay go và bắt đầu tìm cách đánh lui những đòn công kích của địch, nhưng muộn rồi.

Ngày 22-5, các tập đoàn quân 6, 57, một phần lực lượng của tập đoàn quân 9 và cụm chiến dịch của tướng L.V. Bốp-kin bị vây hoàn toàn. Nhiều đơn vị đã chọc thủng được vòng vây, nhưng một số khác không thoát nổi, họ đã không chịu đầu hàng mà chiến đấu đến giọt máu cuối cùng.

Trong những trận chiến đấu ấy, nhiều đồng chí đã hy sinh như phó tư lệnh phương diện quân, tướng Phê-đo Ya-cốp-lê-vích Cô-xten-cô - anh hùng trong nội chiến và Chiến tranh giữ nước, trước kia là trung đoàn trưởng trung đoàn 19 Ma-nút-xcô thuộc sư đoàn 4 Cô-dắc sông Đông, tướng K.P. Pốp-lát, tư lệnh tập đoàn quân 6 và tướng Bốp-kin, tư lệnh cụm chiến dịch; tôi đã cùng hai đồng chí này học ở lớp bổ túc cao cấp. Đây là những cán bộ chỉ huy rất giỏi và là những người con trung thành của Đảng và Tổ quốc ta.

Phân tích nguyên nhân không thành công của chiến dịch Khác-cốp thì ta dễ dàng nhận thấy rằng, nguyên nhân cơ bản làm cho bộ đội hướng tây-nam thất bại là không đánh giá đúng nguy cơ nghiêm trọng chứa đựng ngay tại hướng chiến lược tây-nam, vì ở đây không tập trung đầy đủ lực lượng dự bị cần thiết của Đại bản doanh.

Giả như tại các tuyến hậu phương chiến dịch của hướng tây-nam có một số tập đoàn quân dự bị của Đại bản doanh thì mùa hè năm 1942, bộ đội ta trên hướng tây-nam có thể không bị tổn thất to lớn như vậy.

Tháng 6 vẫn tiếp tục những trận đánh ác liệt trên toàn hướng tây-nam. Bị địch đánh, quân ta rút lui đến sông Ô-xcôn với những tổn thất lớn, và cố gắng bám lại ở các tuyến sau.

Ngày 28-6, địch bắt đầu tiến công rộng rãi hơn. Chúng đánh từ

Cuốc-xơ trên hướng Vô-rô-ne-giơ vào các tập đoàn quân 13 và 40 của Phương diện quân Bri-an-xơ Ngày 30-6, tập đoàn quân 6 của Đức sau khi chọc thủng trận địa phòng ngự của các tập đoàn quân 21 và 28, đã từ Von-chan-xơ chuyển sang tiến công vào hướng Ô-xơ-rô-gốt-xơ. Tình hình bộ đội ta trên hướng Vô-rô-ne-giơ xấu hẳn đi. Một phần lực lượng bị bao vây.

Trong hồi ký của mình, nguyên soái Liên Xô Va-xi-lép-xki đã viết:

“Đến cuối ngày 2-7, tình hình trên hướng Vô-rô-ne-giơ xấu hẳn đi. Trận địa phòng ngự chỗ tiếp giáp giữa hai Phương diện quân Bri-an-xơ và Tây-nam bị chọc thủng sâu đến 80 km. Lực lượng dự bị mà các phương diện quân này nắm ở hướng ấy đều được tung vào chiến đấu. Rõ ràng là có nguy cơ quân xung kích của địch sẽ chọc thẳng tới sông Đông và chiếm Vô-rô-ne-giơ.

Để ngăn địch vượt sông Đông và kìm hãm đà tiến của chúng, Bộ Tổng tư lệnh rút trong lực lượng dự bị của mình giao cho tư lệnh Phương diện quân Bri-an-xơ hai tập đoàn quân bộ đội hợp thành[1], ra lệnh triển khai ở hữu ngạn sông Đông trong khu vực Da-đôn-xơ - Páp-lốp-xơ. Đồng thời giao thêm cho phương diện quân ấy sử dụng tập đoàn quân xe tăng 5 để cùng các binh đoàn xe tăng của phương diện quân phản kích vào sườn và hậu phương quân phát-xít Đức đang tiến công vào Vô-rô-ne-giơ...

Nếu tập đoàn quân xe tăng 5 đánh quyết liệt và kịp thời .. Thì có

thể làm thay đổi hẳn tình hình có lợi cho ta.

Nhưng trong suốt ngày 3-7, tập đoàn quân xe tăng 5 không được bộ tư lệnh phương diện quân giao nhiệm vụ. Do đó, được Đại bản doanh phân công, tôi phải đến ngay vùng En-xa để thúc giục việc đưa tập đoàn quân xe tăng 5 vào chiến đấu, trước đó tôi đánh điện truyền đạt nhiệm vụ cho tư lệnh tập đoàn quân và tư lệnh phương diện quân tổ chức phản kích và yêu cầu lập tức chuẩn bị ngay.

Mặc dầu được Đại bản doanh và Bộ Tổng tham mưu ra sức chi viện, tình hình ở Phương diện quân Bri-an-xơ vẫn ngày càng trở nên gay go, và tình hình ngày càng xấu thêm, một phần rất lớn là do những thiếu sót trong việc chỉ huy bộ đội ở khâu phương diện quân và tập đoàn quân. Do đó, Đại bản doanh phải có biện pháp tổ chức, chia phương diện quân Bri-an-xơ ra làm hai. Tư lệnh phương diện quân mới, Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ là N.Ph.Va-tu-tin; tư lệnh Phương diện quân Bri-an-xơ là K.K. Rô-cô-xốp-xki thay cho Ph.I. Gô-li-cốp.”

Các tập đoàn quân bộ đội hợp thành 6, 60 và tập đoàn quân xe tăng 5 do Đại bản doanh điều đến đã tham gia chiến đấu ở Vô-rô-ne-giơ, khiến việc phòng ngự được vững chắc thêm phần nào, nhưng vẫn không thủ tiêu được nguy cơ nghiêm trọng là địch sẽ chọc thẳng qua sông Đông và đánh dọc sông đó về phía Xta-lin-grát.

Do ta mất Crum, do bộ đội ta bị thất bại ở Bác-ven-cô-vô, ở Đôn-bát và ở gần Vô-rô-ne-giơ, nên địch lại giành được chủ động chiến lược, và chúng đã điều thêm các đội dự bị mới mà tiến ào ạt đến sông Von-ga và vùng Cáp-ca-dơ. Giữa tháng 7, sau khi đẩy bật quân ta qua bên kia sông Đông từ Vô-rô-ne-giơ đến Clét-xcai-a và từ Xu-rô-vi-ki-nô đến Rô-xtốp, địch tiến đánh ở khúc ngoặt sông Đông hòng tiến về Xta-lin-grát.

Do bộ đội ta phải rút lui nên các vùng hết sức giàu có là vùng sông Đông và Đôn-bát rơi vào tay quân thù. Lúc này trực tiếp có nguy cơ là quân địch tiến đến sông Von-ga và đến bắc Cáp-ca-dơ, có thể mất cả Cu-ban và tất cả các đường giao thông nối liền với Cáp-ca-dơ, mất vùng kinh tế rất quan trọng cung cấp dầu hỏa cho quân đội và cho công nghiệp.

Tổng tư lệnh tối cao ra mệnh lệnh nổi tiếng số 227. Mệnh lệnh ấy quy định các biện pháp cứng rắn đối với những kẻ phao tin đồn nhảm và những người vi phạm kỷ luật, kiên quyết lên án tư tưởng “rút lui”. Trong mệnh lệnh, nói rõ rằng điều lệnh sắt đối với bộ đội đang chiến đấu phải là: “không lùi một bước!”. Công tác chính trị và công tác Đảng được đẩy mạnh để tăng thêm hiệu lực cho mệnh lệnh này.

Ban chấp hành trung ương Đảng, sau khi tổng kết công tác Đảng và công tác chính trị trong các phương diện quân và các hạm đội đã ra nhiều nghị quyết cải tiến công tác tổ chức Đảng và công tác

chính trị quân chúng trong bộ đội. A.X. Séc-ba-cốp, Bí thư Ban chấp hành trung ương, bí thư đảng bộ Mát-xcơ-va, được cử làm Chủ nhiệm Tổng cục chính trị thay L.Đ. Mê-khơ-lít. Ban chấp hành trung ương đã tổ chức nhiều đợt động viên đặc biệt các đảng viên và đoàn viên vào củng cố lực lượng vũ trang. Đến cuối năm 1941, trong quân đội và hải quân có 1,3 triệu đảng viên, gấp đôi thời kỳ đầu chiến tranh. Ban chấp hành trung ương yêu cầu Hội đồng quân sự các phương diện quân và tập đoàn quân cải tiến công tác vận động giáo dục chiến sĩ và cán bộ để đề cao kỷ luật một cách rõ rệt, nâng cao ý chí kiên cường và sức mạnh chiến đấu của bộ đội.

Tháng 6, Ban chấp hành trung ương Đảng kiểm điểm toàn bộ tình hình công tác chính trị trong Hồng quân và đề ra nhiều biện pháp cải tiến hơn nữa công tác này. Ban chấp hành trung ương yêu cầu các cơ quan chính trị triển khai rộng rãi hơn nữa công tác tư tưởng và công tác chính trị trong các đơn vị. Tất cả các cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị, kể cả cao cấp, đều phải đích thân tiến hành tuyên truyền, giáo dục bộ đội. Việc lãnh đạo toàn bộ công tác quan trọng và khó khăn này được tăng cường, nhiều cán bộ chính trị có năng lực biểu hiện tốt trong các đơn vị chiến đấu, được điều về công tác tại Tổng cục chính trị Hồng quân công nông; mở nhiều cuộc Hội nghị các ủy viên Hội đồng quân sự và chủ nhiệm các cơ quan chính trị toàn quân; nhiều đồng chí Bí

thư Ban chấp hành trung ương như M.I. Ca-li-nin, E.M. Ya-rô-xláp-xki, Đ.D. Ma-nu-in-xki và nhiều cán bộ quan trọng của Đảng và Nhà nước đã đến nói chuyện với các hội nghị đó, nhiều đồng chí cán bộ tuyên giáo cao cấp đã thường xuyên đến thăm và nói chuyện với các đơn vị đang chiến đấu ở nơi gay go nhất. Bộ đội Phương diện quân Tây-nam trong quá trình rút lui khỏi Khác-cốp đã bị tổn thất lớn và không đủ sức kìm hãm đà tiến của địch. Phương diện quân Nam cũng vì lý do ấy, không thể chặn đứng quân thù trên hướng Cáp-ca-dơ.

Lúc bấy giờ cần phải chặn đường bọn Đức tiến đến sông Von-ga. Bộ Tổng tư lệnh cho thành lập vào ngày 12-7 một phương diện quân mới là Phương diện quân Xta-lin-grát, gồm tập đoàn quân 62 do thiếu tướng V.Ya. Côn-pắc-si chỉ huy, tập đoàn quân 63 của trung tướng V.I. Cu-dơ-nét-xốp, tập đoàn quân 64 và cả tập đoàn quân 21 của Phương diện quân Tây-nam đã giải thể.

Toàn bộ Hội đồng quân sự Phương diện quân Tây-nam cũ tiếp nhận Phương diện quân Xta-lin-grát mới thành lập. Để tăng cường cho phương diện quân này, còn chuyển giao thêm hai tập đoàn quân xe tăng 1 và 4 mới thành lập và những đơn vị còn nguyên vẹn của các tập đoàn quân 28, 38, và 57. Đội tàu chiến sông Von-ga cũng được phối thuộc về chiến dịch cho bộ tư lệnh phương diện quân.

Trên các đoạn đường vào Xta-lin-grát đều triển khai các loại

công sự phòng thủ. Giống như khi phòng thủ Mát-xcơ-va, hàng vạn nhân dân đã đến xây dựng các công sự và lao động quên mình, chuẩn bị bảo vệ thành phố. Tỉnh ủy và thành ủy Xta-lin-grát ra sức xây dựng và huấn luyện dân quân và các đội tự vệ công nhân, tổ chức lại sản xuất để phục vụ tiền tuyến, sơ tán trẻ con, người già và của cải của Nhà nước ra khỏi thành phố.

Tới ngày 17-7, Phương diện quân Xta-lin-grát chiếm lĩnh tuyến phòng ngự sau đây: Páp-lốp-xcơ trên sông Đông, kéo dài theo tả ngạn sông Đông đến Xê-ra-phi-mô-vích, tiếp đó là Chét-xcai-a, Xu-rô-vi-ki-nô đến tận Véc-khơ-ne - Cuốc-mô-yác-xcai-a.

Trong khi rút lui, Phương diện quân Nam bị tổn thất đến mức không thể khôi phục được. Bốn tập đoàn quân của nó chỉ còn lại hơn 10 vạn người. Để củng cố cơ quan lãnh đạo bộ đội ở hướng bắc Cáp-ca-dơ, Đại bản doanh giải thể Phương diện quân Nam và toàn bộ số quân còn lại của nó chuyển giao cho Phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ, và cử nguyên soái Liên Xô Bu-di-on-nui làm tư lệnh.

Các tập đoàn quân 37 và 12 của Phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ có nhiệm vụ giữ hướng Xta-vrô-pôn, các tập đoàn quân 18, 56 và 47 giữ hướng Cra-xnô-da.

Cuối tháng 7, đầu tháng 8, tình hình trên hướng Bắc Cáp-ca-dơ rõ ràng không có lợi cho ta. Kẻ địch có ưu thế, đang tiến vững chắc. Chẳng bao lâu, quân Đức đã tiến đến sông Cu-ban.

Tháng 8, hai bên đánh nhau ác liệt ở hướng Mai-cốp.

Ngày 10-8, quân địch chiếm Mai-cốp, ngày 11-8, chiếm Cra-xnô-da.

Giữa tháng 8, sau khi chiếm được Mô-dơ-đoê, địch tiến đến sông Tê-réc. Đến ngày 9-9, sau khi đánh bật được tập đoàn quân 36 của ta, quân Đức chiếm hầu hết các đèo. Xu-khu-mi bị đe dọa nghiêm trọng.

Trong những ngày thử thách gay go và có nguy cơ sống còn ấy, nhân dân các dân tộc Cáp-ca-dơ không hề dao động, họ vững tin ở lực lượng và sức mạnh của gia đình các dân tộc Xô-viết.

Các đảng bộ Gru-di, Ác-mê-ni và A-giéc-bai-gian, thi hành chỉ thị của Hội đồng quốc phòng, đảm nhiệm việc cung cấp và phục vụ các đơn vị chiến đấu. Theo lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng Gru-di, A-giéc-bai-gian và Ác-mê-ni, các đội vũ trang được thành lập, nhiều người tình nguyện gia nhập Hồng quân. Các chủ trương ấy góp phần củng cố các phương diện quân đang tham chiến. Những tính toán của bọn Hít-le cho rằng, khi quân Đức đến thì nhân dân vùng Cáp-ca-dơ sẽ tách khỏi Liên Xô, đã bị phá sản thảm hại.

Các đội du kích người Cáp-ca-dơ am hiểu địa hình đã giúp đỡ rất nhiều cho bộ đội chủ lực. Những cuộc tập kích rất táo bạo của họ làm cho quân thù hoảng sợ, gây cho chúng những thiệt hại lớn.

Đến cuối tháng 7, Phương diện quân Xta-lin-grát bao gồm 38 sư

đoàn, trong đó chỉ nửa số sư đoàn có quân số từ 6.000 đến 8.000 người, số sư đoàn còn lại chỉ có 1.000 đến 3.000 người, tức là chỉ bằng 16 sư đoàn đúng biên chế. Số quân ít ỏi ấy phải triển khai trên chính diện 530 km.

Trong thời kỳ đó, phương diện quân này có cả thảy 18,7 vạn người, 360 xe tăng, 337 máy bay, 7.900 khẩu pháo và cối.

Để đánh với phương diện quân này, địch tập trung 25 vạn người, gần 740 xe tăng, 1.200 máy bay, 7.500 khẩu pháo và cối, như vậy so sánh lực lượng là địch hơn ta: về người 1,4:1, về pháo và cối 1:1; về xe tăng 2:1; về máy bay 3,5:1.

Về sau, do bộ đội ta chống cự ngoan cường trên các đường ở cửa ngõ Xta-lin-grát, địch buộc phải rút từ hướng Cáp-ca-dơ tập đoàn quân xe tăng 4 để đánh từ phía Ca-chi-ôn-ni-cốp sang và triển khai thêm một phần lực lượng của bọn chư hầu.

Theo chỉ thị số 45 ngày 23-7-1942 của bộ chỉ huy tối cao Đức, cụm tập đoàn quân “B”, được các đơn vị ở phía bắc dọc theo trung lưu sông Đông che chở (ở đây quân đội Hung, Ý, Ru-ma-ni triển khai kế tiếp nhau), có ý định cấp tốc đánh chiếm Xta-lin-grát, Át-xtra-khan và bóm chặt sông Von-ga, cắt đứt Cáp-ca-dơ với trung tâm Liên Xô. Lực lượng cơ bản của phi đoàn không quân 4 (1.200 máy bay chiến đấu) được dành riêng để bảo đảm nhiệm vụ ấy.

Ngày 26-7, bộ đội thiết giáp và cơ giới của Đức chọc thủng trận

địa phòng ngự của tập đoàn quân 62 và tiến về Ca-men-ski. Để đánh lui số quân thâm nhập này, Bộ Tổng tư lệnh ra lệnh cấp tốc đưa vào chiến đấu các tập đoàn quân xe tăng 1 và 4 đang xây dựng mà chỉ có 240 xe tăng, và hai sư đoàn bộ binh; số quân này không thể chặn đứng được quân địch, nhưng đã kìm hãm được phần nào bước tiến của chúng.

Tất nhiên, đưa những đơn vị đang trong thời kỳ hình thành ra chiến đấu là không đúng, nhưng lúc bấy giờ Bộ Tổng tư lệnh không có cách nào khác, vì lực lượng chặn địch tiến vào Xta-lin-grát còn yếu. Nhưng trận chiến đấu ác liệt cũng đã xảy ra ở khu vực tập đoàn quân 64, nhưng ở đây địch cũng không lọt được vào Xta-lin-grát. Suốt nửa đầu tháng 8, trên các đường dẫn vào thành phố luôn có chiến sự quyết liệt. Bộ đội ta dựa vào các tuyến công sự, anh dũng giữ từng tấc đất, phản kích, tiêu hao, làm suy yếu quân địch đang xông vào Xta-lin-grát.

Do bộ đội của Phương diện quân Xta-li-grát rải ra dài tới 700 km và đã nảy ra những khó khăn về chỉ huy, Đại bản doanh quyết định chia nó ra làm hai: Phương diện quân Xta-lin-grát và Phương diện quân Đông-nam. Công việc ấy tiến hành vào ngày 5-8.

Tư lệnh phương diện quân Xta-lin-grát vẫn là trung tướng V.N. Goóc-đốp, người vừa mới thay cho nguyên soái Liên Xô Ti-mô-sen-cô; tham mưu trưởng là thiếu tướng Đ.N. Ni-ki-sép. Phương

diện quân này gồm các tập đoàn quân 63, 21, 62 và tập đoàn quân xe tăng 4 với cả tập đoàn không quân 16 đang tổ chức do thiếu tướng X.I. Ru-đen-cô chỉ huy.

Phương diện quân Đông-nam gồm các tập đoàn quân 57, 51, 64, tập đoàn quân cận vệ 1 và tập đoàn không quân 8. Thượng tướng A.I. Ê-rê-men-cô được cử làm tư lệnh phương diện quân này.

Ngày 12-8, Hội đồng quốc phòng cử thượng tướng, Tổng tham mưu trưởng A.M. Va-xi-lép-xki đến tổ chức phối hợp hành động cho bộ đội ở Xta-lin-grát. Về mặt chiến dịch, Phương diện quân Xta-lin-grát thuộc quyền của tư lệnh Phương diện quân Đông-nam.

Sau một đợt chiến đấu ác liệt, ngày 23-8, quân đoàn xe tăng 14 của địch tiến vào khu vực Véc-chi-ác-si, cắt đôi trận địa phòng ngự Xta-lin-grát, tiến đến sông Von-ga ở khu vực La-tô-sin-ca - Ru-nốc. Tập đoàn quân 62 bị cắt rời khỏi lực lượng cơ bản của Phương diện quân Xta-lin-grát, vì vậy phải cho sát nhập vào Phương diện quân Đông-nam.

Máy bay ném bom của Đức đánh phá dã man Xta-lin-grát, biến thành phố thành đồng gạch ngói đổ nát. Thường dân bị chết, các xí nghiệp công nghiệp và các công trình văn hóa bị phá hủy.

Sáng 24-8, một phần lực lượng của quân đoàn xe tăng 14 chuyển sang tiến công vào hướng Nhà máy chế tạo máy kéo, nhưng không kết quả. Ở đây, công nhân vũ trang của các nhà máy Xta-

lin-grát đã tham gia chiến đấu quyết liệt.

Cùng lúc đó, bộ đội của Phương diện quân Xta-lin-grát rút lên phía tây-bắc, đã đánh địch từ bắc xuống nam, buộc địch phải triển khai số lực lượng rất lớn dự định dùng để chiếm Xta-lin-grát. Cuộc hành quân đó đã làm suy yếu khá nhiều đòn tiến công của địch vào thành phố; quân đoàn xe tăng 14 của chúng bị cắt rời hậu phương và suốt mấy ngày liền phải nhận tiếp tế bằng đường không.

Sau khi đưa hết chủ lực qua sông Đông, địch mở một cuộc tiến công mãnh liệt có không quân bắn phá rất mạnh để yểm hộ.

Đến 30-8, bộ đội Phương diện quân Đông-nam, bị lực lượng địch trội hơn áp đảo, phải lùi về vùng ven phía ngoài, rồi về vùng ven phía trong. Các tập đoàn quân 62 và 64 chiếm lĩnh trận địa phòng ngự trên tuyến Rư-nốc - Oóc-lốp-ca - Gum-rắc - Pét-san-ca - I-va-nốp-ca. Lúc ấy tập đoàn quân 62 do trung tướng A.I. Lô-pa-tin chỉ huy. Đồng chí đã làm tất cả mọi việc thuộc trách nhiệm của mình và thậm chí còn hơn thế nữa, vì như mọi người đều biết, quân địch ở đây dùng số lượng đông hơn đánh vào tập đoàn quân của đồng chí. Tuy vậy, đồng chí vẫn biết nhìn xa, bảo toàn được tập đoàn quân 62 để tránh địch trong điều kiện của thành phố, ở đây về sau chúng đã bị tiêu hao dần rồi bị tiêu diệt. Trong thời gian gay go đối với Xta-lin-grát ấy, Đại bản doanh đã ra lệnh mở ở hướng tây những chiến dịch tiến công bộ phận

nhằm giam chân các đội dự bị của địch, không cho chúng tung các lực lượng đó vào vùng Xta-lin-grát.

Tại phương diện quân miền Tây, lúc đó do tôi chỉ huy, tình hình diễn biến như sau:

Tại cánh trái của phương diện quân, vào đầu tháng 7, các tập đoàn quân 10, 16, và 61 mở cuộc tiến công từ tuyến Ki-rốp - Bôn-khốp về phía Bri-an-xơ. Trên cánh phải, ở khu vực Pô-gô-rê-lôi-ê Gô-rô-đi-sê; tháng 8, tập đoàn quân 20 có tăng cường đã hiệp đồng với cánh trái của phương diện quân Ca-li-nin, tiến hành một cuộc tiến công thắng lợi nhằm tiêu diệt quân địch ở vùng Xư-chép-ca - Rơ-giép.

Sau khi chọc thủng trận địa phòng ngự của Đức và tiến đến đường sắt Rơ-giép - Vi-a-dơ-ma, cuộc tiến công của Phương diện quân miền Tây bị chặn lại, và thành phố Rơ-giép vẫn trong tay quân địch.

Ở khu vực Pô-gô-rê-lôi-ê Gô-rô-đi-sê - Xư-chép-ca, quân địch bị thiệt hại nặng. Để chặn đòn tiến công của Phương diện quân miền Tây, bộ chỉ huy Đức phải vội vã tung vào đây nhiều sư đoàn mà chúng dành để phát triển tiến công trên hướng Xta-lin-grát và Cáp-ca-dơ.

Tướng Đức K. Ti-pên-xkiéc đã viết về việc này như sau: “Ba sư đoàn xe tăng và mấy sư đoàn bộ binh sửa soạn tung ra chống Phương diện quân Nam đã phải giữ lại, lúc đầu là để hạn chế chỗ

bị chọc thủng, mà tiếp đó là để phản kích nữa; chỉ bằng cách đó, ta mới chặn được việc địch chọc thủng phòng tuyến”[2].

Giả trong tay chúng tôi có một - hai tập đoàn quân thì đã có thể hiệp đồng với Phương diện quân Ca-li-nin do tướng I.X. Cô-nép chỉ huy, không những tiêu diệt cánh quân Rơ-giép, mà cả cụm quân Đức Rơ-giép - Vi-a-dơ-ma, và cải thiện khá nhiều tình hình chiến dịch trên toàn bộ hướng chiến lược phía tây. Tiếc rằng, khả năng hiện thực ấy, Tổng tư lệnh tối cao đã bỏ lỡ.

Nói chung, tôi phải nói rằng, Tổng tư lệnh tối cao đã nhận ra tình hình bất lợi hồi mùa hè 1942 là hậu quả của sai lầm bản thân đồng chí khi phê chuẩn kế hoạch hoạt động của quân ta trong chiến cục hè 1942. Và đồng chí không đổ lỗi cho bất cứ ai, trong số những người lãnh đạo của Đại bản doanh và Bộ Tổng tham mưu.

Ngày 27-8-1942, khi tôi đang ở Pô-gô-rê-lôi-ê Gô-rô-đi-sê, nơi chúng tôi đang mở chiến dịch tiến công, A.N. Pô-xcơ-rê-bur-sép gọi điện thoại cho tôi. Đồng chí cho biết hôm qua, 26-8, Hội đồng quốc phòng đã nghiên cứu tình hình phía nam và quyết định cử tôi làm Phó Tổng tư lệnh tối cao.

Đồng chí dặn tôi đúng 14 giờ có mặt ở sở chỉ huy đọi điện thoại của Xta-lin. Đồng chí hết sức ít nói, đối với tất cả các câu hỏi của tôi đồng chí đều trả lời: “Tôi không biết. Điểm này có lẽ bản thân đồng chí Tổng tư lệnh sẽ nói”. Nhưng qua những câu đó tôi

cũng hiểu rằng, Hội đồng quốc phòng hết sức lo lắng về kết quả chiến sự ở khu vực Xta-lin-grát.

Sau đó một lúc, Tổng tư lệnh gọi điện cho tôi qua máy cao tần.

Sau khi hỏi tình hình tại Phương diện quân miền Tây, đồng chí nói:

- Đồng chí cần về gấp Đại bản doanh. Để tham mưu trưởng làm việc này thay đồng chí - Đồng chí nói tiếp - Đồng chí nghĩ xem nên cử ai làm tư lệnh thay đồng chí.

Cuộc nói chuyện chỉ đến đây là thôi. I.V. Xta-lin không nói đến việc cử tôi làm Phó tổng tư lệnh. Có lẽ, đồng chí muốn tuyên bố việc ấy khi trực tiếp gặp tôi. Nói chung, Tổng tư lệnh chỉ nói qua điện thoại những điều cực kỳ cần thiết lúc ấy thôi. Đồng chí cũng căn dặn chúng tôi hết sức thận trọng khi nói điện thoại, đặc biệt ở vùng bộ đội đang chiến đấu, không có phương tiện cố định để giữ bí mật các cuộc nói chuyện.

Tôi đi thẳng về Mát-xcơ-va, không ghé lại bộ tư lệnh phương diện quân.

Tối khuya hôm ấy tôi đã có mặt ở điện Crem-lanh. Xta-lin đang làm việc trong phòng. Vài ủy viên Hội đồng quốc phòng cũng đang ở đây.

Tổng tư lệnh nói, tình hình của chúng ta ở phía nam đang gay go và có thể bọn Đức sẽ lấy được Xta-lin-grát. Tình hình ở Bắc Cáp-ca-dơ cũng không khá hơn. Hội đồng quốc phòng quyết

định bổ nhiệm Giu-cốp làm Phó Tổng tư lệnh tối cao và cử về khu vực Xta-lin-grát. Hiện giờ, ở Xta-lin-grát có Va-xi-lép-xki, Ma-len-cốp và Ma-lư-sép. Ma-len-cốp sẽ ở lại với Giu-cốp, còn Va-xi-lép-xki phải về Mát-xcơ-va ngay.

- Bao giờ đồng chí có thể lên đường được? - Tổng tư lệnh hỏi tôi.

Tôi đáp là tôi cần có một ngày đêm để nghiên cứu tình hình và ngày 29 có thể bay về Xta-lin-grát.

- Thế thì tốt lắm. Thế đồng chí có đói không? - Đột nhiên Xta-lin hỏi - Nên ăn uống chút ít.

Nước chè và mười miếng bánh mì kẹp giò được mang đến.

Trong khi uống nước, Xta-lin thông báo sơ lược tình hình lúc 20 giờ ngày 27-8. Sau khi kể lại vắn tắt những gì đã xảy ra ở Xta-lin-grát, Xta-lin nói, Đại bản doanh quyết định giao cho Phương diện quân Xta-lin-grát tập đoàn quân 24, tập đoàn quân cận vệ 1 và tập đoàn quân 66.

- Vì tình hình ở Xta-lin-grát rất nguy hiểm, - Tổng tư lệnh nói, - chúng tôi đã ra lệnh điều gấp tập đoàn quân cận vệ 1 do Mốt-ca-len-cô chỉ huy xuống vùng Lô-dơ-nôi để bắt đầu từ sáng ngày 2-9 nó sẽ cùng với các đơn vị khác của Phương diện quân Xta-lin-grát phản kích cánh quân địch đã thọc tới sông Von-ga, và liên lạc với tập đoàn quân 62. Đồng thời, sẽ điều thêm cho Phương diện quân Xta-lin-grát tập đoàn quân 66 của tướng Ma-li-nốp-xki

và tập đoàn quân 24 của tướng Cô-dơ-lốp.

Tổng tư lệnh quay sang nói với tôi:

- Đồng chí cần có biện pháp để ngày 2-9, tập đoàn quân cận vệ 1 của tướng Mốt-ca-len-cô có thể phản kích được, đồng thời yểm hộ cho các tập đoàn quân 24 và 66 tiến ra khu vực xuất phát.

Đưa ngay tức khắc hai tập đoàn quân ấy vào chiến đấu, nếu không chúng ta sẽ mất Xta-lin-grát.

Bây giờ rõ ràng là trận chiến đấu bảo vệ Xta-lin-grát có ý nghĩa quân sự và chính trị cực kỳ to lớn. Nếu Xta-lin-grát thất thủ, quân địch có khả năng cắt miền nam khỏi miền trung. Chúng ta có thể mất Von-ga - động mạch đường thủy tối hệ trọng để đưa hàng đồn dập từ Cáp-ca-dơ về .

Bộ Tổng tư lệnh tôi cao điều về Xta-lin-grát tất cả những gì có thể điều, trừ những lực lượng dự bị chiến lược đang hình thành dành cho việc tiếp tục chiến đấu về sau. Có nhiều chủ trương cấp bách nhằm tăng cường sản xuất máy bay, xe tăng, vũ khí, đạn dược và các phương tiện vật chất khác để kịp thời sử dụng mà tiêu diệt số quân địch đã đến khu vực Xta-lin-grát.

Ngày 29-8, chúng tôi lên đường từ sân bay Trung ương Mát-xcơ-va, và 4 giờ sau hạ cánh xuống sân bay dã ngoại ở khu vực Camur-sin trên sông Von-ga. A.M. Va-xi-lép-xki ra đón tôi và thông báo ngay tình hình mới nhất. Chuyện trò vài câu, chúng tôi đi ngay về cơ quan bộ của Phương diện quân Xta-lin-grát ở Ma-lai-

a I-va-nốp-ca.

Gần 12 giờ, chúng tôi đến bộ tham mưu phương diện quân.

Trung tướng Goóc-đốp đang ở trận địa tiền duyên. Tham mưu trưởng Ni-ki-sép và trưởng phòng tác chiến Ru-khơ-le báo cáo tình hình. Nghe báo cáo, tôi có cảm giác họ không thật tin là chúng ta có thể chặn đứng quân địch ở khu vực Xta-lin-grát.

Tôi gọi điện cho Goóc-đốp đang ở bộ tham mưu tập đoàn quân cận vệ 1, báo đồng chí ấy chờ ở cơ quan của tư lệnh tập đoàn quân Mốt-ca-len-cô, tôi và A.M. Va-xi-lép-xki sẽ đến đây.

Tại sở chỉ huy tập đoàn quân cận vệ 1, chúng tôi gặp tướng Goóc-đốp và Mốt-ca-len-cô. Báo cáo của hai đồng chí và bản thân các đồng chí gây phấn khởi cho chúng tôi. Chúng tôi cảm thấy các đồng chí đó biết rõ lực lượng địch và khả năng bộ đội của mình. Sau khi thảo luận về tình huống không và tình hình bộ đội ta, chúng tôi kết luận rằng không thể chuẩn bị kịp cho các tập đoàn quân đang tập trung ở đây phản kích trước ngày 6-9. Tôi báo cáo ngay về Đại bản doanh. Nghe xong, Tổng tư lệnh nói, đồng chí không có ý kiến gì khác.

Va-xi-lép-xki đã nhận được lệnh về ngay Mát-xcơ-va, nên nếu tôi không nhầm, đồng chí rời Xta-lin-grát ngày 1-9.

Tập đoàn quân cận vệ 1 không thể thực hiện quy định của Bộ Tổng tư lệnh tiến công vào ngày 2-9 vì các đơn vị thiếu chất đốt và đường sá xa xôi không kịp đến khu vực xuất phát trước sáng

ngày 2-9. Theo yêu cầu của tư lệnh tập đoàn quân Mốt-ca-len-cô, tôi hoãn việc bắt đầu công kích sang ngày hôm sau, và tôi báo cáo về Đại bản doanh. Trong báo cáo nói rằng:

“Ngày 2-9 tập đoàn quân cận vệ 1 chưa tiến công được vì các đơn vị của nó chưa ra kịp vị trí xuất phát, chưa chờ kịp đạn dược, chất đốt đến và chưa kịp tổ chức chiến đấu xong. Để tránh tình trạng đưa bộ đội vào chiến đấu một cách vô tổ chức và vì vậy bị tổn thất không cần thiết, sau khi đích thân kiểm tra tại chỗ, tôi đã hoãn tiến công đến 5 giờ ngày 3-9.

Tôi quy định cho các tập đoàn quân 24 và 66 tiến công vào ngày 5 – 6 tháng 9. Hiện giờ, các cán bộ đang nghiên cứu tỉ mỉ nhiệm vụ và chúng tôi đang áp dụng các biện pháp bảo đảm vật chất cho chiến dịch....”.

Sáng ngày 3-9, sau khi pháo bắn chuẩn bị, tập đoàn quân cận vệ 1 bắt đầu tiến công, nhưng chỉ tiến được mấy km ở hướng Xta-lin-grát, địch bị thiệt hại không đáng kể. Tập đoàn quân không tiến thêm được nữa vì không ngớt có những trận công kích của không quân địch và những trận phản kích của xe tăng và bộ binh địch có pháo từ Xta-lin-grát yểm hộ.

Ngày 3-9, tôi nhận được bức điện do Xta-lin ký như sau: “Tình hình Xta-lin-grát xấu đi rồi. Địch đã ở cách Xta-lin-grát có 3 véc-ta[3]. Chúng có thể chiếm Xta-lin-grát nay mai nếu cụm quân phía bắc của ta không chi viện ngay. Anh hãy yêu cầu các

tư lệnh bộ đội ở bắc và tây-bắc Xta-lin-grát đánh địch ngay và đến chi viện cho quân và dân Xta-lin-grát. Không được một chút chậm trễ. Lúc này chậm trễ là có tội. Dốc toàn bộ không quân ra ứng cứu Xta-lin-grát. Không quân ở Xta-lin-grát ít quá”.

Tôi liền gọi điện báo cáo ngay với Tổng tư lệnh rằng tôi có thể ra lệnh bắt đầu tiến công từ sáng mai, nhưng như thế thì cả ba tập đoàn quân đều phải chiến đấu trong tình trạng hầu như không có đạn, vì sớm nhất cũng tới ngày 4-9 mới có thể đưa đạn về tới các trận địa pháo. Ngoài ra, phải đến tối ngày 4 chúng tôi mới tổ chức xong hiệp đồng của các đơn vị với pháo, xe tăng và không quân mà thiếu hiệp đồng thì không thành công được.

- Anh nghĩ xem địch có chờ anh dừng đỉnh như thế không? Ê-rê-men-cô khẳng định rằng địch hễ dấn lên một tí là có thể chiếm Xta-lin-grát nếu anh không lập tức đánh chúng từ phía bắc.

Tôi trả lời rằng, tôi không nhất trí với quan điểm ấy và xin phép bắt đầu tiến công vào ngày 5 như đã dự định. Còn không quân, thì tôi ra lệnh dốc toàn lực oanh tạc địch ngay.

- Thế thì được, - Tổng tư lệnh đồng ý, - Nếu địch bắt đầu tiến công đồng loạt vào thành phố thì đánh chúng ngay, không phải đợi bộ đội chuẩn bị đâu vào đấy rồi mới đánh. Nhiệm vụ chủ yếu của anh là kéo lực lượng quân Đức ra khỏi Xta-lin-grát và, nếu có thể được thì thủ tiêu hành lang của bọn Đức đang chia cắt Phương diện quân Xta-lin-grát với Phương diện quân Đông-nam.

Đúng như chúng tôi phán đoán, đến sáng ngày 5-9, chưa xảy ra sự kiện gì đặc biệt ở Xta-lin-grát. Ba giờ sáng, Tổng tư lệnh gọi Ma-len-cốp hỏi tình hình chuẩn bị tiến công của bộ đội Phương diện quân Xta-lin-grát. Biết rằng mệnh lệnh của đồng chí đang được thi hành, Tổng tư lệnh không gọi tôi nói điện thoại nữa.

Rạng sáng ngày 5-9, trên toàn bộ chính diện của các tập đoàn quân 24, tập đoàn quân cận vệ 1 và tập đoàn quân 66 đều bắt đầu hỏa lực chuẩn bị bằng pháo cối và không quân. Mật độ pháo hỏa ngay trên những hướng tiến công chủ yếu của các tập đoàn quân cũng không lớn, do đó không đạt được kết quả cần thiết.

Sau loạt “Ca-chiu-sa”, bộ đội bắt đầu công kích. Tôi đứng tại sở chỉ huy tư lệnh tập đoàn quân cận vệ 1 theo dõi hoạt động này.

Qua hỏa lực mạnh mẽ của địch bắn vào quân ta đang tiến công, có thể thấy rằng pháo hỏa chuẩn bị không đạt kết quả mong muốn, và không thể trông mong các đơn vị tiến công của ta tiến xa được.

Độ vài giờ sau, qua báo cáo của các tư lệnh, chúng tôi biết rằng trên nhiều khu vực, địch dùng hỏa lực chặn đứng đà tiến của quân ta và cho bộ binh, xe tăng ra phản kích. Trinh sát đường không cho biết rằng, nhiều cụm lớn quân địch gồm xe tăng, pháo và bộ binh cơ giới đang từ vùng Gum-rắc - Oóc-lốp-ca - Bôn-sai-a Rốt-xốt-xca tiến về phía bắc. Không quân địch bắt đầu bắn phá vào đội hình chiến đấu của quân ta.

Buổi chiều, một số đơn vị mới của địch bước vào chiến đấu và trên một số khu vực, các đơn vị chúng ta bị dồn trở về tuyến xuất phát.

Trận đấu hỏa lực căng thẳng suốt một ngày, đến tối thì hầu như ngừng bắn. Chúng tôi xem lại kết quả. Trong một ngày chiến đấu, bộ đội ta chỉ tiến được vùn vùn 2 - 4 km; tập đoàn quân 24 hầu như vẫn dừng lại ở vị trí xuất phát.

Đến tối, bộ đội được bổ sung đạn pháo, mìn, v.v... Cân nhắc thêm tình hình địch nắm được sau một ngày chiến đấu, chúng tôi quyết định, đêm hôm đó chuẩn bị cuộc tiến công mới, sau khi đã bố trí lại đội hình trong phạm vi có thể.

Đến khuya, Tổng tư lệnh gọi tôi:

- Tình hình ở gần Xta-lin-grát ra sao?

Tôi báo cáo rằng suốt ngày nay chiến đấu rất ác liệt. Ở phía bắc Xta-lin-grát địch đã tung vào chiến đấu đơn vị mới điều từ Gum-rắc đến.

- Thế là được rồi. Thế là chi viện lớn cho Xta-lin-grát đấy!

Tôi tiếp tục:

- Bộ đội ta không tiến được bao nhiêu, một số trường hợp dừng lại ở tuyến xuất phát.

- Vì sao vậy?

- Vì thiếu thời gian, bộ đội ta không kịp chuẩn bị đầy đủ để tiến công, để tiến hành trinh sát pháo binh và phát hiện hệ thống hỏa

lực của địch, vì vậy, tất nhiên không chế áp được nó. Khi quân ta tiến công, địch dùng hỏa lực và phản kích chặn lại. Ngoài ra, không quân địch suốt ngày không chế bầu trời và suốt ngày ném bom vào bộ đội ta.

- Tiếp tục công kích! - Xta-lin ra lệnh. - Nhiệm vụ chủ yếu của đồng chí là kéo lực lượng địch ra khỏi Xta-lin-grát càng nhiều càng tốt.

Hôm sau, chiến sự diễn ra ác liệt hơn. Không quân ta ném bom chúng suốt đêm đến rạng ngày 6-9. Ngoài không quân của Phương diện quân, không quân tầm xa dưới quyền chỉ huy của trung tướng không quân A.E. Gô-lô-va-nốp đã ném bom suốt đêm; tướng Gô-lô-va-nốp lúc này đang cùng với tôi ở sở chỉ huy của tư lệnh tập đoàn quân cận vệ 1.

Trong ngày 6-9, địch điều từ khu vực Xta-lin-grát đến nhiều đơn vị mới. Trên các điểm cao không chế, địch chôn xe tăng và pháo xuống đất và tổ chức rất vững các điểm tựa; phải có hỏa lực thật mạnh mới có thể đập nát các điểm tựa này. Nhưng lúc bấy giờ pháo ta rất ít.

Ngày thứ ba và thứ tư, chiến sự diễn biến chủ yếu là thi nhau sử dụng phương tiện hỏa lực và chiến đấu trên không.

Ngày 10-9, sau khi đi kiểm tra một lần nữa khắp các đơn vị, tôi đi đến kết luận là: với lực lượng và cách bố trí hiện nay, không thể chọc thủng đội hình chiến đấu của địch và thủ tiêu hành lang

của chúng. Ý kiến của các tướng Goóc-đốp, Mốt-ca-len-cô, Ma-li-nốp-xki, Cô-dơ-lốp cũng giống như thế.

Ngay hôm đó, tôi báo cáo với Xta-lin như sau:

- Với lực lượng của Phương diện quân Xta-lin-grát hiện có, chúng ta không thể chọc thủng được hành lang và liên lạc với Phương diện quân Đông-nam trong thành phố. Chính diện phòng ngự của quân Đức đã được tăng cường thêm nhiều, nhờ các đơn vị mới kéo từ Xta-lin-grát đến. Tiếp tục công kích bằng lực lượng và cách bố trí hiện nay sẽ là vô ích, và bộ đội không tránh khỏi bị tổn thất lớn. Cần có quân bổ sung và có thời gian bố trí lại để đánh tập trung hơn bằng cả phương diện quân. Những đòn công kích bằng các tập đoàn quân không đủ sức đánh bật được kẻ địch.

Tổng tư lệnh trả lời là nếu tôi đáp máy bay về Mát-xcơ-va trực tiếp báo cáo những vấn đề này thì hay hơn.

Trưa ngày 12-9, tôi bay đi Mát-xcơ-va và 4 giờ sau, có mặt ở điện Krem-lanh; Tổng tham mưu trưởng A.M. Va-xi-lép-xki cũng được gọi đến đây.

Va-xi-lép-xki báo cáo về việc địch đưa những đơn vị mới từ Ca-chi-ôn-ni-cốp đến khu vực Xta-lin-grát, về diễn biến chiến đấu trong khu vực Nô-vô-rôt-xi-xcơ, về chiến sự ở hướng Grô-dơ-nen-xcơ.

Tổng tư lệnh chú ý nghe Va-xi-lép-xki báo cáo xong, kết luận:

- Thế là chúng lao vào dầu hỏa ở Grô-dơ-nên-xơ bằng bất cứ giá nào. Và bây giờ chúng ta nghe Giu-cốp về tình hình Xta-lin-grát.

Tôi nhắc lại những điều đã báo cáo bằng điện thoại và nói thêm rằng, các tập đoàn quân 24, tập đoàn quân cận vệ 1 và tập đoàn quân 66 tham gia cuộc tiến công từ 5 đến 11 tháng 9 đã tỏ ra là những binh đoàn có bản lĩnh chiến đấu. Cái yếu cơ bản của các binh đoàn này là thiếu phương tiện tăng cường, ít lựu pháo và thiếu các đơn vị xe tăng cần thiết để yểm hộ trực tiếp cho bộ binh.

Địa hình ở khu vực thuộc phương diện quân Xta-lin-grát thì lại hết sức bất lợi cho bộ đội ta tiến công: trống trải, có nhiều khe sâu chia cắt, địch có thể nấp ở đáy tránh hỏa lực của ta. Địch chiếm được nhiều điểm cao khống chế, pháo của chúng có thể ngắm xa và có thể cơ động hỏa lực khắp các hướng. Ngoài ra, địch cũng có thể bắn pháo tầm xa cả từ khu vực Cu-dơ-mi-chi - A-ca-tốp-ca - nông trường “Cánh đồng thí nghiệm”. Trong những điều kiện như thế, các tập đoàn quân 24, 66 và cận vệ 1 không thể chọc thủng mặt trận phòng ngự của địch.

- Phương diện quân Xta-lin-grát cần những gì để thủ tiêu hành lang của địch và hên lặc với Phương diện quân Đông-nam? - Xta-lin hỏi.

- Ít nhất là thêm một tập đoàn quân bộ đội hợp thành thật sung

sức, một quân đoàn và ba lữ đoàn xe tăng và 400 khẩu lựu pháo trở lên. Ngoài ra, trong thời gian chiến dịch, cần tập trung thêm ít nhất một tập đoàn quân không quân.

A.M. Va-xi-lép-xki hoàn toàn ủng hộ ý kiến của tôi.

Tổng tư lệnh lấy bản đồ riêng có ghi vị trí các đội dự bị của Bộ Tổng tư lệnh ra xem hồi lâu rất chăm chú. Tôi và Va-xi-lép-xki lui dần ra xa bàn và nói với nhau rất khẽ rằng, có lẽ phải tìm một quyết tâm nào khác chăng.

- Quyết tâm “khác” như thế nào nhỉ? - Đột nhiên Xta-lin ngắt đầu, hỏi.

Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng Xta-lin thính tai đến thế. Chúng tôi đến gần bàn.

- Thôi được, - Xta-lin nói tiếp, - các anh về bên Bộ tổng tham mưu và suy nghĩ thật kỹ xem cần làm gì ở vùng Xta-lin-grát. Có thể lấy ở đâu và đơn vị nào để điều đến tăng cường cho quân ta ở Xta-lin-grát, nhân thể suy nghĩ cả về Phương diện quân Cáp-ca-dơ. Mai, 9 giờ tối chúng ta lại gặp nhau ở đây.

Suốt ngày hôm sau, tôi và Va-xi-lép-xki làm việc ở Bộ Tổng tham mưu.

Tôi và Va-xi-lép-xki tập trung chú ý vào những khả năng mở chiến dịch quy mô lớn để không hao tổn các đội dự bị đang chuẩn bị và đã sẵn sàng mở những chiến dịch bộ phận. Tháng 10, ta đã kết thúc việc hình thành và tập hợp những đội dự bị

chiến lược. Cùng lúc ấy, nền công nghiệp của chúng ta đã tăng thêm nhiều sản lượng máy bay kiểu mới nhất và đạn dược cho pháo binh.

Sau khi cân nhắc tất cả các phương án có thể, chúng tôi quyết định đề nghị với Xta-lin kế hoạch hành động sau đây: thứ nhất, phòng ngự tích cực để tiếp tục tiêu hao địch; thứ hai, bắt tay chuẩn bị phản công để đánh địch ở khu vực Xta-lin-grát một đòn có thể làm thay đổi hẳn tình huống chiến lược ở phía nam có lợi cho ta. Còn kế hoạch phản công cụ thể thì ai nấy trong một ngày chúng tôi không thể tính toán chi tiết được, nhưng chúng tôi thấy rõ rằng, cần đánh những đòn cơ bản vào hai bên sườn của cụm quân địch ở Xta-lin-grát do quân đội Ru-ma-ni phụ trách.

Theo tính toán sơ bộ, chúng tôi thấy trước ngày 15-11, không thể chuẩn bị xong lực lượng và phương tiện cần thiết để phản công. Khi đánh giá kẻ địch, chúng tôi xuất phát từ chỗ phát-xít Đức không đủ sức thực hiện kế hoạch chiến lược của nó năm 1942. Lực lượng và phương tiện Đức đã sử dụng đầu mùa thu 1942 không đủ để thực hiện các nhiệm vụ ở Bắc Cáp-ca-dơ cũng như ở vùng sông Đông và sông Von-ga. Tất cả những gì mà bộ chỉ huy Đức có thể sử dụng ở Cáp-ca-dơ và ở khu vực Xta-lin-grát đều đã bị tiêu hao và suy yếu nhiều rồi. Bọn Hít-le rõ ràng là không thể điều đến miền Nam một lực lượng đáng kể hơn nữa và

tất nhiên, cũng giống như sau khi bị tiêu diệt ở Mát-xcơ-va, chúng sẽ buộc phải chuyển sang phòng ngự trên tất cả các hướng.

Chúng tôi biết rằng, những đơn vị có sức chiến đấu cao nhất trong quân đội Đức là tập đoàn quân 6 của Pao-lyút và tập đoàn quân xe tăng 4 của Gôt đã qua những cuộc chiến đấu đẫm máu và bị tổn thất lớn trong khu vực Xta-lin-grát, cho nên không đủ sức hoàn thành chiến dịch chiếm thành phố và đã bị sa lầy ở đấy. Quân đội Liên Xô trong những trận chiến đấu sống mái với quân thù trên các đường dẫn về Xta-lin-grát và tiếp đó ngay trong thành phố, đã bị thiệt hại nặng. Vì vậy, với lực lượng hiện có, không đủ sức tiêu diệt quân địch. Nhưng chúng ta đã huấn luyện xong các đội dự bị chiến lược lớn được trang bị vũ khí và khí tài tối tân. Đến đầu tháng 11, Bộ Tổng tư lệnh ắt sẽ có những binh đoàn cơ giới và những binh đoàn xe tăng được trang bị loại xe tăng T-34 mà cả thế giới đều biết. Điều đó cho phép chúng ta đề ra cho bộ đội những nhiệm vụ lớn lao hơn.

Hơn nữa, cán bộ chỉ huy cao cấp của chúng ta, qua thời kỳ đầu của chiến tranh đã học thêm được nhiều, đã nghiên ngẫm được nhiều điều, và trải qua trường học chiến đấu gay go chống kẻ địch mạnh, đã thành những người có bản lĩnh cao về nghệ thuật tác chiến. Cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị các cấp khác và các chiến sĩ Hồng quân với kinh nghiệm qua nhiều trận chiến đấu ác

liệt với quân thù, đã nắm vững đầy đủ các phương thức và phương pháp tác chiến trong bất kỳ tình huống nào.

Bộ Tổng tham mưu, trên cơ sở tài liệu của các mặt trận, đã nghiên cứu các mặt mạnh, yếu của quân Đức, Hung-ga-ri, Ý, Rumania. So với quân Đức thì quân chư hầu kém hơn về trang bị, về kinh nghiệm, về sức chiến đấu, ngay cả trong phòng ngự. Và cái chủ yếu nhất là, lính của chúng, thậm chí cả nhiều sĩ quan, đều không muốn chết vì quyền lợi xa lạ với họ trên những cánh đồng xa xôi của nước Nga mà Hít-le, Mút-xô-h-ni, An-tô-ne-xcu, Hoóc-ti và các tên trùm phát-xít khác đã điều họ đến.

Tình hình quân địch gay go thêm còn là vì ở khu vực sông Đông và sông Von-ga, lực lượng dự bị chiến dịch của chúng còn rất ít, không quá 6 sư đoàn, mà những sư đoàn này cũng bị rải ra trên một chính diện rộng. Địch không thể nào tập trung những lực lượng đó thành một quả đấm trong một thời gian ngắn. Hình thế chiến dịch của toàn bộ mặt trận địch cũng thuận lợi cho ta: quân ta chiếm lĩnh vị trí bao quát và có thể cải thiện tương đối dễ các bàn đạp ở các khu vực Xê-ra-phi-mô-vích và Clét-xcai-a.

Sau khi phân tích tất cả những tình hình đó, chúng tôi sẵn sàng đến gặp Xta-lin.

Đến tối, Va-xi-lép-xki gọi điện thoại báo cáo với Tổng tư lệnh rằng chúng tôi sẵn sàng, như chỉ thị của Tổng tư lệnh, sẽ có mặt lúc 21 giờ. Xta-lin nói là đồng chí bận độ vài giờ và sẽ tiếp

chúng tôi lúc 22 giờ.

Đến 22 giờ, chúng tôi đã có mặt ở phòng làm việc của Tổng tư lệnh.

Chào nhau xong, Tổng tư lệnh bực dọc nói:

- Hàng chục, hàng trăm nghìn nhân dân Liên Xô đang hy sinh trong cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa phát-xít, thế mà Séc-sin chỉ lo kỳ kèo mặc cả về vài chục chiếc máy bay “Ha-ri-kên”.

“Ha-ri-kên” của họ là những thứ tồi, phi công của ta không thích loại ấy...

Và tiếp liền đó, với giọng hoàn toàn ôn tồn, đồng chí nói tiếp:

- Nào các đồng chí đã nghĩ được gì. Ai sẽ báo cáo?

- Tùy đồng chí ra lệnh - Va-xi-lép-xki trả lời - Chúng tôi đã nhất trí ý kiến.

Tổng tư lệnh đến cạnh bản đồ của chúng tôi.

- Các anh có cái gì đây?

- Đây là dự thảo sơ bộ kế hoạch phản công ở khu vực Xta-lin-grát, - Va-xi-lép-xki nói.

- Những cụm quân nào đây trong khu vực Xê-ra-phi-mô-vích?

- Đây là một phương diện quân mới. Cần thành lập thêm để đánh thật mạnh vào hậu phương chiến dịch của số quân địch đang tác chiến ở khu vực Xta-lin-grát.

- Hiện nay chúng ta có đủ lực lượng để mở chiến dịch lớn như thế không?

Tôi báo cáo rằng, theo chúng tôi ước tính, sau 45 ngày, có thể đủ lực lượng và phương tiện cần thiết bảo đảm chiến dịch và có thể chuẩn bị tốt được.

- Nếu chỉ đánh từ bắc xuống nam và từ nam đến bắc dọc sông Đông có tốt hơn không? - Xta-lin hỏi.

Tôi nói, như vậy thì bọn Đức có thể nhanh chóng điều các sư đoàn thiết giáp của chúng từ Xta-lin-grát đến và ngăn chặn các đòn công kích của ta. Cú đấm của chúng ta ở phía tây sông Đông sẽ không cho phép địch vận động nhanh vì có sông ngăn cản và không cho phép chúng đưa các đội dự bị ra chặn các cánh quân ta lại.

- Thế các cánh quân xung kích của ta như vậy có phải là vươn ra xa quá không?

Tôi và Va-xi-lép-xki giải thích là chiến dịch chia làm hai giai đoạn cơ bản: 1 - chọc thủng trận địa phòng ngự, bao vây cụm quân Đức ở Xta-lin-grát và tạo nên một vành đai vững chắc ở bên ngoài để cô lập cụm quân này với lực lượng bên ngoài; 2 - tiêu diệt bọn địch bị vây và phá âm mưu của địch hòng mở vây.

- Phải suy nghĩ thêm về kế hoạch và tính toán những nguồn lực lượng của chúng ta, - Tổng tư lệnh nói, - Còn bây giờ thì nhiệm vụ chủ yếu là giữ vững Xta-lin-grát và không cho địch tiến về phía Ca-mư-sin.

A.N. Pô-xcơ-rê-bư-sép bước vào báo có điện thoại của A.I. Ê-rê-

men-cô.

Nói điện xong, Tổng tư lệnh nói:

- Ê-rê-men-cô báo cáo rằng địch điều thêm mấy đơn vị xe tăng về thành phố. Chắc ngày mai chúng lại đánh. Đồng chí hãy ra lệnh ngay, cho điều cấp tốc sư đoàn cận vệ 13 của Rô-đim-xép qua sông Von-ga và xem còn có thể điều thêm những gì tới đây nữa trong ngày mai - đồng chí nói với Va-xi-lép-xki như vậy.

Quay lại tôi, Tổng tư lệnh ra lệnh:

- Gọi điện thoại bảo Goóc-đốp và Gô-lô-va-nốp cho không quân hoạt động ngay tức khắc. Ngay từ sáng sớm, Goóc-đốp phải cho đánh ngay để làm tê liệt quân địch. Bản thân anh hãy bay trở về phương diện quân Xta-lin-grát và nghiên cứu tình hình ở khu vực Clét-xcai-a và Xê-ra-phi-mô-vích. Vài hôm nữa Va-xi-lép-xki phải đến Phương diện quân Đông-nam để nghiên cứu tình hình ở cánh trái của nó. Kế hoạch này chúng ta sẽ tiếp tục bàn sau. Những điều chúng ta đã bàn ở đây, ngoài ba chúng ta ra, hiện nay chưa nên cho ai biết nữa.

Một giờ sau, tôi lên máy bay về bộ tư lệnh Phương diện quân Xta-lin-grát.

Các ngày 13, 14, 15 tháng 9 đối với quân và dân Xta-lin-grát là những ngày nguy kịch, rất nguy kịch. Kẻ địch bất chấp tất cả, từng bước chọc xuyên qua gạch ngói ngồn ngang của thành phố, ngày càng tiến sát đến sông Von-ga. Xem chừng như quân ta

không thể đứng vững được nữa. Nhưng hễ quân thù tiến lên là các chiến sĩ vinh quang của chúng ta thuộc tập đoàn quân 62 và 64 lại kiên trì bắn vào chúng. Nhà cửa đổ nát của thành phố trở thành chiến lũy. Nhưng lực lượng của ta từng giờ từng phút vơi đi dần.

Trong những giờ phút nguy kịch, có lúc tưởng chừng như là giờ phút cuối cùng ấy, sư đoàn cận vệ 13 của A.I. Rô-đim-xép (rút từ lực lượng dự bị của Bộ tổng tư lệnh) đã tạo nên bước ngoặt. Sau khi vượt sông sang Xta-lin-grát, sư đoàn phản kích ngay. Đòn tiến công ấy làm kẻ địch hoàn toàn bị bất ngờ. Ngày 16-9, sư đoàn của A.I. Rô-đim-xép đánh lui quân địch trên đồi Ma-mai-ép.

Chi viện cho quân và dân Xta-lin-grát còn có những đơn vị tiến công của không quân do A.E. Gô-lô-va-nốp và X.I. Ru-đen-cô chỉ huy, và những trận tiến công, pháo kích từ phía bắc của Phương diện quân Xta-lin-grát vào các đơn vị thuộc quân đoàn 8 của Đức.

Chúng ta phải thấy hết công lao của các chiến sĩ tập đoàn quân 24, tập đoàn quân cận vệ 1 và tập đoàn quân 66 thuộc Phương diện quân Xta-lin-grát, của các phi công tập đoàn không quân 16 và không quân tầm xa, đã không nề hy sinh, chi viện rất đắc lực cho các tập đoàn quân 62 và 64 của Phương diện quân Đông-nam trong việc giữ vững Xta-lin-grát.

Với tất cả ý thức trách nhiệm, tôi xin nói rằng, nếu không có những đòn phản kích bên bờ của bộ đội Phương diện quân Xta-lin-giát, nếu không có những đòn tiến công có hệ thống của không quân thì tình hình Xta-lin-grát eo lẽ còn nguy hơn nữa. Cũng đáng chú ý lời một tên sĩ quan Đức hồi đó ở trong tập đoàn quân của Pao-luyt viết về việc này: “Lúc ấy, các đơn vị của quân đoàn chúng tôi bị thiệt hại hết sức nặng nề trong khi đánh trả trong tháng 9 những đợt tiến công mãnh liệt của đối phương từ phía bắc chọc vào các trận địa chia cắt của chúng ta. Các sư đoàn nằm trong khu vực này bị suy yếu hẳn; mỗi đại đội thường chỉ còn 30-40 lính”[4].

Lúc tạm yên tiếng súng, được phép của Tổng tư lệnh, A.I. Ê-rê-men-cô và N.X. Khor-rút-xốp đến sở chỉ huy của tập đoàn quân cận vệ 1. Ở đây đã có mặt tư lệnh không quân tầm xa Gô-lô-va-nốp và tôi. Ê-rê-men-cô tỏ ý muốn tìm hiểu và bàn bạc về tình hình ở Xta-lin-grát. Goóc-đốp và Mốt-ca-len-cô giới thiệu cho Ê-rê-men-cô mọi chi tiết của tình huống và những nhận định của mình.

Tổng tư lệnh đã dặn tôi phải giữ tuyệt đối bí mật dự kiến kế hoạch phản công lớn, nên câu chuyện chủ yếu xoay quanh việc tăng cường bộ đội các Phương diện quân Đông-nam và Xta-lin-grát. Ê-rê-men-cô có hỏi về kế hoạch phản kích mạnh hơn, tôi không thể không trả lời, tôi nói rằng tương lai, Bộ Tổng tư lệnh

sẽ tiến hành phản kích với lực lượng lớn hơn nhiều, nhưng hiện nay thì không có lực lượng mà cũng không có phương tiện cho một kế hoạch như vậy.

Cuối tháng 9, Xta-lin lại gọi tôi về Mát-xcơ-va để bàn kế hoạch phản công. Trước đây, Va-xi-lép-xki cũng đã trở về Mát-xcơ-va sau khi nghiên cứu xong các điều kiện để phản công của các tập đoàn quân ở cánh trái Phương diện quân Đông-nam.

Trước khi đến Đại bản doanh, tôi và Va-xi-lép-xki đã gặp nhau để bàn kết quả nghiên cứu các điều kiện thực hành phản công. Trong khi bàn tình hình ở khu vực của Phương diện quân Xta-lin-grát, Tổng tư lệnh hỏi tôi về tướng Goóc-đốp. Tôi báo cáo rằng V.N. Goóc-đốp về mặt tác chiến là tướng giỏi, nhưng có chừng nào không hòa mình được với cơ quan bộ tư lệnh và với anh em cán bộ chỉ huy.

Xta-lin nói, thế thì cần cử tư lệnh khác cho phương diện quân đó. Trung tướng Rô-cô-xốp-xki được đề nghị vào cương vị ấy. Va-xi-lép-xki ủng hộ tôi. Thế là quyết định ngay: Phương diện quân Xta-lin-grát đổi tên là Phương diện quân sông Đông, còn phương diện quân sông Đông-nam đổi thành Phương diện quân Xta-lin-grát. Cử K.K. Rô-cô-xốp-xki làm tư lệnh Phương diện quân sông Đông, tham mưu trưởng là M.X. Ma-li-nin. Trung tướng N.Ph.Va-tu-tin được dự kiến cử làm tư lệnh Phương diện quân Tây-nam đang xây dựng. Cơ quan tư lệnh của tập đoàn quân cận

vệ 1 được quyết định làm nòng cốt cơ bản để phát triển thành bộ tư lệnh Phương diện quân Tây-nam. Mốt-ca-len-cô, tư lệnh tập đoàn quân ấy được chuyển sang tập đoàn quân 40.

Sau khi bàn bạc tỉ mỉ kế hoạch của chiến dịch phản công, Tổng tư lệnh nói với tôi:

- Đồng chí hãy bay trở lại mặt trận. áp dụng mọi biện pháp để tiêu hao và làm suy yếu đối phương nhiều hơn nữa. Xem lại một lần nữa các khu vực dự kiến trong kế hoạch để tập trung những đội dự bị và các khu vực xuất phát cho Phương diện quân Tây-nam và cánh phải của Phương diện quân Xta-lin-grát, đặc biệt ở khu vực Xê-ra-phi-mô-vích và Clét-xcai-a. Cũng với mục đích ấy, đồng chí Va-xi-lép-xki nên đi một lần nữa đến cánh trái của Phương diện quân Đông-nam và nghiên cứu tất cả các vấn đề đã định trong kế hoạch cho vùng ấy.

Nghiên cứu xong tỉ mỉ tại chỗ tất cả các điều kiện để chuẩn bị phản công, tôi và Va-xi-lép-xki trở về Bộ tổng tư lệnh, bàn lại một lần nữa những điều cơ bản của kế hoạch phản công; sau đó kế hoạch được duyệt y.

Ký tên dưới bản đồ kế hoạch phản công là G.K. Giu-cốp và A.M. Va-xi-lép-xki. Tổng tư lệnh phê “Duyệt y”.

Xta-lin nói với Va-xi-lép-xki:

- Cần hỏi ý kiến các tư lệnh phương diện quân về ý định hành động của họ sau này, nhưng đừng để lộ ý đồ kế hoạch của chúng

ta.

Tôi được lệnh trực tiếp góp ý kiến với Hội đồng quân sự phương diện quân sông Đông về tính chất hoạt động của bộ đội nhằm ra sức chi viện cho Xta-lin-grát. Tôi còn nhớ rõ buổi nói chuyện ngày 29-9 trong hang, trong khe núi ở phía bắc Xta-lin-grát, nơi đóng sở chỉ huy của tư lệnh tập đoàn quân Mốt-ca-len-cô.

Khi tôi nêu ý kiến là cần tiếp tục hoạt động tích cực để địch không thể rút bớt lực lượng và phương tiện từ khu vực của Phương diện quân sông Đông về đánh Xta-lin-grát, thì Rô-cô-xốp-xki nói rằng, lực lượng và phương tiện của phương diện quân ít quá nên ở đây không thể làm được chuyện gì đáng kể. Tất nhiên Rô-cô-xốp-xki nói đúng. Tôi cũng nghĩ như thế, nhưng nếu không tích cực chi viện cho Phương diện quân Đông-nam (bây giờ là Phương diện quân Xta-lin-grát) thì không thể nào giữ được thành phố.

Ngày 1-10, tôi trở về Mát-xcơ-va tiếp tục xây dựng nốt kế hoạch phản công. Từ Xta-lin-grát đến Mát-xcơ-va tôi đi bằng máy bay của A.E. Gô-lô-va-nốp, do đồng chí ấy trực tiếp lái. Tôi vui vẻ ngồi vào ca-bin, cạnh người phi công xuất sắc này.

Sắp đến Mát-xcơ-va, tôi thấy hình như máy bay bắt thành linh rẽ ngoặt và hạ dần. Tôi đoán chắc là chúng tôi bay chệch đường rồi. Nhưng vài phút sau, A.E. Gô-lô-va-nốp đã cho máy bay đổ xuống một nơi tôi chưa hề biết. Chúng tôi đã hạ cánh an toàn.

Tôi hỏi A.E. Gô-lô-va-nốp:

- Sao anh cho máy bay đổ xuống đây?
- May quá, đây là cạnh sân bay, nếu xuống sân bay thì bị vỡ tan mất.
- Sao thế? - Tôi ngạc nhiên.
- Sân bay đóng băng.

Chúng tôi đang nói chuyện thì chiếc máy bay của tôi bay theo sau cũng hạ xuống và tôi đi về sân bay Trung tâm Mát-xcơ-va. Dĩ nhiên các chuyến bay trong điều kiện phức tạp, cất cánh vội vã thì không thể lúc nào cũng thuận lợi. Tôi còn nhớ kỹ một câu chuyện “máy bay” suýt làm chúng tôi thiệt mạng. Nó cũng xảy ra trên đường Xta-lin-grát về Mát-xcơ-va. Thời tiết hôm ấy không bay được, trời mưa, Mát-xcơ-va thông báo rằng trên thành phố có mù, tầm nhìn xa bị hạn chế. Nhưng vẫn phải bay vì Tổng tư lệnh gọi.

Trên đường thì dễ bay nhưng tới gần Mát-xcơ-va, tầm nhìn xa không quá 100 m. Phòng điều độ của không quân điện cho phi công bảo xuống sân bay dự bị. Nhưng như thế thì chắc chắn chúng tôi sẽ đến điện Crem-lanh chậm, Tổng tư lệnh đang mong. Nhận hết trách nhiệm về mình, tôi ra lệnh cho phi công cứ hạ cánh xuống sân bay Trung ương và ngồi lại trong ca-bin với đồng chí. Khi bay trên Mát-xcơ-va, thỉnh thoảng chúng tôi thấy cách cánh trái máy bay chừng 10 - 15 m có một đầu ống khói

nhà máy. Tôi liếc nhìn phi công; anh ta, mắt không chớp, nâng máy bay lên một chút, và 2-3 phút sau, cho nó hạ cánh.

Hạ cánh xong, tôi nói:

- Có lẽ chúng mình đã may mắn thoát khỏi tình thế mà người ta có thể nói là “nguy to”.

Đồng chí mỉm cười, trả lời:

- Trên trời có thể xảy ra đủ các thứ, nếu người lái coi thường thời tiết.

- Tại tôi cả! - Tôi trả lời và siết chặt tay đồng chí.

Rất tiếc là vì lâu quá tôi quên tên đồng chí phi công ấy. Nếu tôi không nhầm thì hình như là Bê-li-a-ép - một con người rất tốt và một phi công rất dày dặn kinh nghiệm. Tôi đã cùng bay với đồng chí hơn 130 giờ. Không may đồng chí đã hy sinh trong một tai nạn máy bay.

Tháng 10, Đại bản doanh đã quyết định cho hơn 6 sư đoàn bổ sung đầy đủ vượt sông Von-ga tiến vào Xta-lin-grát vì tập đoàn quân 66 thực chất không còn gì ngoài các cơ quan hậu cần và tham mưu. Phương diện quân sông Đông cũng được tăng cường một ít. Đại bản doanh và Bộ Tổng tham mưu đặc biệt quan tâm việc lấy quân và công tác tổ chức cho Phương diện quân Tây-nam mới thành lập.

Trong tháng 10, vẫn tiếp tục các trận chiến đấu ác liệt ngay trong thành phố và các vùng ven.

Hít-le đã đòi bộ chỉ huy cụm tập đoàn quân “B” và Pao-luyt, tư lệnh tập đoàn quân 6 phải đánh chiếm ngay Xta-lin-grát.

Như trên đã nói, để chuẩn bị một trận công kích quyết định, bộ chỉ huy Đức ngay từ tháng 9, đã rút quân Đức đang phòng ngự ở các cạnh sườn và lấy quân Ru-ma-ni thay vào đây, vì thế sức phòng ngự của chúng ở khu vực Xê-ra-phi-mô-vích và nam Xta-lin-grát bị yếu hẳn đi.

Giữa tháng 10, địch mở đợt tiến công mới, với hy vọng chuyển này sẽ kết liễu hẳn xta-lin-gtát. Nhưng, cũng như trước kia, chúng lại vấp phải sự chống giữ kiên cường của quân đội Xô-viết. Chiến đấu đặc biệt ác liệt và mưu trí ở đây là sư đoàn cận vệ 13 của A.I. Rô-đim-xép, sư đoàn 95 của V.A. Gô-ri-sơ-nui, sư đoàn 37 của V.G. Giô-lu-đép, sư đoàn 112 của V.A. Éc-môn-kin, cụm quân của X.Ph. Gô-rô-khốp, sư đoàn 138 của I.I. Li-út-ni-cốp, lữ đoàn xe tăng 84 của Đ.N. Bê-lui.

Chiến sự tiếp diễn mấy ngày đêm liền trên các đường phố, trong từng căn nhà, từng nhà máy, trên bờ sông Von-ga - khắp mọi nơi. Các đơn vị của ta bị tổn thất nặng trụ lại trên những “cù lao” nhỏ ở Xta-lin-grát.

Để chi viện cho quân và dân Xta-lin-grát, ngày 19-10, Phương diện quân sông Đông bắt đầu tiến công. Cũng như những lần trước, bọn Đức lần này buộc phải rút bớt lực lượng công kích thành phố, đưa phần lớn không quân, pháo binh và xe tăng quay

sang đánh Phương diện quân sông Đông.

Cùng lúc ấy, tập đoàn quân 64 tổ chức phản kích từ phía nam trong khu vực Cu-pô-rô-xnôi-ê - Giê-li-ô-nai-a Pô-li-a-na vào sườn các đơn vị địch đang tiến công. Phương diện quân sông Đông tiến công và tập đoàn quân 64 phản kích làm dịu bớt tình hình gay go của tập đoàn quân 62 và đã đánh bại những cố gắng của địch nhằm làm chủ thành phố. Nếu không có Phương diện quân sông Đông và tập đoàn quân 64 chi viện, thì tập đoàn quân 62 không thể đứng vững được, và Xta-lin-grát có thể bị địch chiếm.

Đầu tháng 11, địch mấy lần thử tiến hành trong thành phố những hoạt động nhằm thanh toán các ổ tác chiến phòng ngự, rồi ngày 11-11, khi quân ta kết thúc công việc to tát chuẩn bị phản công, một lần nữa địch lại cố tiến công, nhưng không kết quả.

Đến lúc ấy quân thù đã bị suy yếu đến cực độ. Qua việc hỏi cung tù binh, ta xác định được rằng quân số các bộ đội và binh đoàn địch rất thấp, tinh thần không chỉ của lính mà cả của sĩ quan cũng sa sút trông thấy, ít tên tin rằng mình có thể sống sót mà thoát khỏi cái địa ngục trần gian của những trận chiến đấu bao nhiêu tháng ròng.

Từ tháng 7 đến tháng 11, trong các trận chiến đấu của sông Đông, sông Von-ga và ở Xta-lin-grát, địch bị thiệt hại hơn 60 vạn người, hơn 1.000 xe tăng, hơn 2.000 pháo và cối, ngót 1.400

máy bay. Hình thế chiến dịch chung của quân Đức ở khu vực sông Von-ga cũng trở nên gay go. Các đội dự bị cỡ quân đoàn và sư đoàn không còn nữa, hai bên sườn của cụm tập đoàn quân “B” chỉ còn những đội quân người Ru-ma-m, Ý, Hung-ga-ri với sức chiến đấu kém và bắt đầu thấy mình đang bị nguy khốn, không có lối thoát.

Quân đội Xô-viết trên sông Đông đã chiếm lĩnh những trận địa có lợi đảm bảo vị trí xuất phát phản công cho các Phương diện quân Tây-nam và sông Đông. Ở phía nam Xta-lin-grát, tập đoàn quân 51 phản kích bộ phận, đuổi địch ra khỏi các dải hồ ao và giữ vững tuyến có lợi Xác-pa - Xa-xa - Bác-man-sắc. Chính khu vực này đã được Va-xi-lép-xki đề nghị chọn làm khu vực xuất phát cho cuộc phản công vào tháng 11 của cánh trái Phương diện quân Xta-lin-grát.

Những cuộc chiến đấu quyết liệt bảo vệ Xta-lin-grát đã kéo dài hơn 3 tháng.

Nhân dân toàn thể thế giới nín thở theo dõi trận chiến đấu vô cùng vĩ đại ở khu vực sông Đông, sông Von-ga và Xta-lin-grát. Những thắng lợi của Quân đội Xô-viết, sự đấu tranh dũng cảm chống kẻ thù của họ đã cổ vũ cả loài người tiến bộ, và tạo nên sự tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng đánh bại chủ nghĩa phát-xít. Trận Xta-lin-grát là một trường học thắng lợi hết sức lớn đối với quân đội ta. Bộ chỉ huy và các cơ quan tham mưu đã có nhiều

thực tiễn về tổ chức hiệp đồng bộ binh, xe tăng, pháo binh, không quân. Bộ đội đã biết cách phòng ngự kiên cường trong thành phố, kết hợp phòng ngự kiên cường với cơ động ở các sườn. Tinh thần quân ta lên rất cao, và tất cả các điều ấy tổng hợp lại đã chuẩn bị điều kiện thuận lợi cho Quân đội Xô-viết chuyển sang phản công.

Giữa tháng 11-1942, những trận chiến đấu phòng ngự khu vực Xta-lin-grát và bắc Cáp-ca-dơ đã kết thúc thời kỳ đầu cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại, một thời kỳ giữ vị trí đặc biệt trong cuộc sống nhân dân Liên Xô. Đây là thời kỳ vô cùng gian khổ đối với quân và dân Liên Xô, đặc biệt khi quân đội Hít-le vừa giết hại, tàn phá, vừa tiến đến Lê-nin-grát, Mát-xcơ-va và chiếm U-crai-na. Đến đầu tháng 11-1942, quân địch đã chiếm một vùng đất đai bao la của nước ta gồm 1,8 triệu km vuông; trước chiến tranh, gần 80 triệu người sống trên diện tích đó. Hàng triệu người Liên Xô vì chiến tranh phải rời bỏ quê hương, nhà cửa, đi về phía đông để khỏi sống dưới ách chiếm đóng của quân thù. Quân đội Liên Xô do tình hình chiến sự lúc bấy giờ buộc phải rút sâu vào lòng đất nước, bị tổn thất khá nhiều về người và của cải vật chất. Thế nhưng, ngay trong thời kỳ gay go ấy, quân và dân Liên Xô vẫn tin tưởng vào khả năng tiêu diệt quân thù. Trước nguy cơ sống còn, nhân dân ta càng đoàn kết chặt chẽ chung quanh Đảng cộng sản; và mặc dầu có nhiều khó khăn, cuối cùng đã chặn

đứng được kẻ thù ở tất cả các hướng.

Trải qua 16 tháng chiến đấu, quân địch trên mặt trận Xô-Đức đã vấp phải cuộc kháng chiến kiên cường của Quân đội Xô-viết và của nhân dân trong các vùng bị chiếm đóng và chúng đã bị tổn thất hết sức nặng nề. Đến đầu tháng 11-1942, chúng đã có 2 triệu người bị giết, bị thương và mất tích. Đây là những cốt cán ưu tú của quân Đức mà cuối thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh, bọn chỉ huy phát-xít không còn gì để thay thế được nữa.

Thế thì chiến tranh đã bắt đầu như thế nào?

Bất thành lính quân địch cho một số lớn không quân và bộ đội thiết giáp đánh những đòn bất ngờ vào quân ta trên tất cả các hướng chiến lược. Ngay những ngày đầu, bộ chỉ huy Đức cho ra quân một lúc 190 sư đoàn được trang bị tốt, 3.712 xe tăng, 47.260 khẩu pháo và cối; 4.950 máy bay. Quân số địch huy động sang đánh Liên Xô lúc bấy giờ là 5,5 triệu người. Chúng ta dễ hiểu rằng cần có những lực lượng, phương tiện như thế nào và sức chiến đấu của bộ đội phải ra sao mới có thể đánh lùi được những đòn tiến công như thế của quân thù.

Những đơn vị đóng ở các quân khu phía tây của chúng ta và những đơn vị, theo quyết định của Chính phủ, được điều từ các quân khu nội địa về các quân khu phía tây mùa xuân năm 1941, về số lượng và chất lượng chiến đấu, đều kém quân địch ở những hướng chúng đánh những đòn chủ yếu. Ở đây, ưu thế về số

lượng của địch rất lớn: 5-6 lần trở lên, nhất là về xe tăng, pháo binh và không quân.

Nếu bộ đội các quân khu biên giới được lệnh sẵn sàng chiến đấu hoàn toàn từ trước thì có thể gây cho địch tổn thất lớn hơn nữa ngay trong những ngày đầu chiến tranh, có thể kìm hãm chúng lâu hơn trên các tuyến phòng ngự phía tây. Nếu làm được như thế thì việc ra quân của các đơn vị từ các quân khu nội địa đến sẽ có tổ chức hơn.

Tuy nhiên, ngay cái kết quả tốt hơn ấy cũng không thể giúp chúng ta hoàn toàn đánh bại các đòn tiến công và sự đột nhập của địch vào biên giới nước ta trong thời kỳ đầu chiến tranh.

Tháng 9, 10 năm 1941, và mùa hè năm 1942, các Phương diện quân miền Tây, Dự bị, Bri-an-xơ và các phương diện quân của hướng tây-nam đã phòng ngự có tổ chức từ trước nhưng chúng ta vẫn không thể đánh lui hoàn toàn các đòn tiến công mạnh mẽ của địch.

Tình hình đã khác hẳn đi khi Quân đội Xô-viết, nhờ sự nỗ lực vô cùng lớn lao của Đảng và nhân dân, được trang bị một số lượng dồi dào xe tăng, máy bay, khí tài chiến đấu và hỗ trợ hiện đại.

Năm 1942, nước ta sản xuất được hơn 21.000 máy bay, hơn 24.000 xe tăng và từ cuối năm, theo quyết định của Hội đồng quốc phòng, đã triển khai sản xuất hàng loạt pháo tự hành. Tinh thần hăng hái của bộ đội được củng cố thêm với vũ khí đáng tin

cây và họ đã chiến đấu có hiệu quả hơn, kết quả lớn hơn.

Viện trợ kinh tế - quân sự của các đồng minh chúng ta đã có tác dụng như thế nào trong những năm 1941-1942? Vấn đề này, sách báo phương Tây phóng đại rất nhiều.

Viện trợ được đồng minh ra sức quảng cáo đã đến với chúng ta theo kiểu cho thuê mượn với quy mô khác xa lời hứa của họ.

Không cần phải nói, viện trợ thuốc đạn, xăng chất lượng cao, một số loại thép, phương tiện vận tải đường bộ và lương thực, tất nhiên là có vai trò tích cực của nó. Nhưng tỉ trọng của nó không đáng kể so với tổng số yêu cầu của nước ta về khối lượng giao hàng được thỏa thuận. Còn xe tăng và máy bay mà chính phủ Anh và Mỹ giao cho chúng ta thì phải nói thẳng rằng, chiến sĩ xe tăng và lái máy bay của ta không thích sử dụng, nhất là xe tăng chạy bằng xăng, thường bốc cháy như bó đuốc.

Thời kỳ đầu chiến tranh là một trường học nghiêm túc về đấu tranh vũ trang chống một kẻ thù mạnh và có kinh nghiệm. Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô, Bộ Tổng tham mưu, bộ chỉ huy và cơ quan tham mưu các đơn vị đã thu được nhiều kinh nghiệm tốt về tổ chức và tiến hành những trận chiến đấu phòng ngự tích cực và những chiến dịch phản công.

Trong những trận chiến đấu ác liệt của thời kỳ đầu chiến tranh, đã biểu hiện đặc biệt mạnh mẽ chủ nghĩa anh hùng rất phổ biến của các chiến sĩ Xô-viết và sự dũng cảm của các cán bộ chỉ huy

được Đảng Lê-nin giáo dục. Tinh thần gương mẫu của đảng viên, đoàn viên, những người khi cần thiết, sẵn sàng hy sinh thân mình để chiến thắng quân thù, đã có tác dụng đặc biệt tích cực. Cuộc chiến đấu anh hùng của các chiến sĩ bảo vệ pháo đài Brest, Lê-nin-grát, Mát-xcơ-va, Ô-đét-xa, Xê-va-xtô-pôn, Xta-lin-grát, Li-ê-pai, Ki-ép và Cáp-ca-dơ, đã ghi vào lịch sử những trang ngời sáng.

Trong thời kỳ đầu chiến tranh, đã ra đời những đội quân cận vệ Liên Xô. Vì toàn đơn vị biểu thị chủ nghĩa anh hùng tập thể, và đã lập nhiều thành tích trong chiến đấu, nhiều đơn vị đã được nhận danh hiệu đó: 4 quân đoàn kỵ binh, 36 sư đoàn bộ binh, 27 lữ đoàn xe tăng, 32 trung đoàn không quân và nhiều đơn vị khác. Trong Hải quân, danh hiệu cận vệ được trao tặng cho hai tàu tuần dương, bốn tàu ngầm, một tàu khu trục và một tàu rải thủy lôi. Trong số những đơn vị được tặng danh hiệu cận vệ đầu tiên có sư đoàn bộ binh cơ giới Mát-xcơ-va 1 của đại tá A.I. Li-diu-cốp, quân đoàn kỵ binh 2 của tướng P.A. Bê-lốp, quân đoàn kỵ binh 3 của tướng L.M. Đô-va-to, lữ đoàn xe tăng 4 của tướng M.E. Ca-tu-cốp, trung đoàn không quân tiêm kích 26 của thiếu tá A.P. Yu-đa-nốp, trung đoàn không quân oanh tạc đêm 31 của trung tá P.I. Đô-nút, trung đoàn không quân cường kích 215 của trung tá L.Đ. Rây-nô, trung đoàn pháo binh 440 của thiếu tá A.I. Briu-kha-nốp, v.v...

Cuộc chiến đấu vũ trang gay go đến cực độ chống quân phát-xít Đức đã tiêu tốn rất nhiều vũ khí, khí tài và của cải vật chất. Mặc dầu bị mất một phần đáng kể những khu vực kinh tế rất quan trọng và nhiều xí nghiệp, nhà máy, nhân dân ta đã lao động quên mình, ra sức cung cấp cho quân đội các phương tiện cần thiết để tiến hành chiến tranh. Đến cuối thời kỳ đầu chiến tranh, cả nước đã biến thành một mặt trận quân sự. Nhân dân Liên Xô thấy mình có nghĩa vụ phải làm tất cả những gì có thể làm để chiến thắng quân thù.

Nhân viên các cơ quan hậu cần của Hồng quân đã lao động rất anh hùng. Trong một năm rưỡi chiến tranh, tổng khối lượng hàng quân sự chở bằng đường sắt gồm 635 vạn toa xe. Đã mang đến cho bộ đội hơn 11,3 vạn toa đạn dược, gần 6 vạn toa vũ khí và khí tài, hơn 21 vạn toa xăng dầu. Các đơn vị vận tải ô-tô chỉ trong năm 1942, đã chở 2,7 triệu người, 12,3 triệu tấn hàng, 1.923 xe tăng và 3.674 khẩu pháo. Ngành vận tải hàng không quân sự đã chuyên chở 532.000 người, trong đó có 158.000 thương binh.

Việc cải tổ các cơ quan hậu cần của Hồng quân vào hồi đầu chiến tranh đã được chứng tỏ là hoàn toàn đúng. Việc lựa chọn đích đáng những cán bộ lãnh đạo, cán bộ chính trị và cán bộ chủ trì các cơ quan Đảng của hậu cần đã bảo đảm sự liên hệ công tác rất chặt chẽ với nền kinh tế quốc dân trong nước và sử dụng

đúng dẫn tất cả các khoản của cải cực kỳ to lớn cung cấp cho bộ đội.

Còn kẻ thù mà quân đội Xô-viết phải đánh trong thời kỳ đầu thì thế nào?

Cần giải đáp vấn đề này vì một lẽ để cho thế hệ trẻ của chúng ta biết rõ nhân dân Liên Xô đã phải trải qua cuộc chiến đấu gay go như thế nào để bảo vệ Tổ quốc. Đọc vài bản hồi ký, vài tác phẩm nghệ thuật, không phải lúc nào cũng có thể hiểu đúng kẻ thù mà các chiến sĩ Xô-viết phải đối phó là kẻ thù có mưu tính sâu xa, có kinh nghiệm và mạnh đến mức nào.

Trước hết hãy nói đến đám đông chủ yếu của quân Đức – binh lính, hạ sĩ quan và sĩ quan.

Quân Đức thọc vào biên giới Tổ quốc ta là những kẻ đang say sưa với những thắng lợi dễ dàng đè bẹp quân đội các nước Tây Âu, chúng đã bị bộ máy tuyên truyền của bọn Gơ-ben đầu độc, tin chắc có thể dễ dàng đánh thắng Hồng quân, và tin chắc mình hơn hẳn tất cả các dân tộc khác. Đặc biệt hiếu chiến là bọn binh lính và sĩ quan trẻ, đám quân các đơn vị thiết giáp và không quân. Trong những tháng đầu chiến tranh, tôi có nhiều dịp lấy khẩu cung tù binh Đức và phải nói rằng rõ ràng là chúng nó tin tất cả những lời hứa phiêu lưu của Hít-le.

Về sức chiến đấu của binh lính và sĩ quan Đức, về mặt huấn luyện chuyên môn và rèn luyện chiến đấu, thì chắc chắn là tất cả

các binh chủng, đặc biệt trong bộ đội thiết giáp và không quân, chúng đều có trình độ cao.

Trong chiến đấu và trong mọi công việc ở chiến trường, lính Đức thành thạo nghiệp vụ, kiên trì, tự tin và có kỷ luật.

Cho nên các chiến sĩ Xô-viết đã phải đánh nhau với một kẻ thù dày dạn kinh nghiệm và mạnh, thắng được nó không phải là đơn giản. Các cơ quan tham mưu các cấp từ bộ đội, binh đoàn đến tập đoàn quân của Đức đều được huấn luyện về các phương thức tổ chức trận chiến đấu, đợt chiến đấu và chiến dịch hiện đại.

Việc chỉ huy bộ đội trong quá trình tác chiến được thực hiện chủ yếu bằng phương tiện vô tuyến điện, mà cán bộ chỉ huy và cơ quan các cấp của quân đội Đức đều được trang bị đầy đủ. Trong tiến trình chiến đấu, chúng kiên quyết đốc thúc bộ đội phải hoàn thành nhiệm vụ. Chúng còn biết tổ chức tốt hiệp đồng với máy bay chiến đấu, bọn này thường ném bom dọn đường cho lục quân.

Đối với các cơ quan tư lệnh cấp cao của quân Đức thì trong thời kỳ đầu chiến tranh tôi đã có nhận định đánh giá khả năng khá cao.

Chúng ta đã thấy chúng làm kế hoạch và tổ chức rất kỹ lưỡng những đòn tiến công đầu tiên trên tất cả các hướng chiến lược, chọn được những người chỉ huy binh đoàn và những tư lệnh tập đoàn quân dày kinh nghiệm, trong nhiều trường hợp, đã xác định

đúng phương hướng, lực lượng và thành phần bộ đội cho các đòn tiến công, nhằm vào đúng những đoạn yếu trong trận địa phòng ngự của ta. Mặc dù vậy, chiến lược chính trị - quân sự của chủ nghĩa phát-xít Đức tỏ ra rất sai lầm và thiếu cặn. Trong những chủ trương chính trị và chiến lược, chúng đã có những sơ suất và sai lầm rất nghiêm trọng. Lực lượng mà bọn Đức nắm trong tay (thậm chí kể cả những đội dự bị của bọn chư hầu) không đủ để đồng thời mở những chiến dịch có ý nghĩa chiến lược trên ba hướng chủ yếu nhất.

Quân địch trong những điều kiện ấy buộc phải chấm dứt tiến công vào Mát-xcơ-va và chúng chuyển sang lâm thời phòng ngự, rút phần lớn lực lượng của cụm tập đoàn quân “Trung tâm” ra chi viện cho cụm tập đoàn quân “Nam” để đối phó với các Phương diện quân Trung ương và Tây-nam của chúng ta.

Không đạt được mục tiêu cuối cùng ở Lê-nin-grát, bộ tổng chỉ huy Đức buộc phải rút không quân và bộ đội thiết giáp ra khỏi Lê-nin-grát và điều động chúng về hướng Mát-xcơ-va để tăng cường cho cụm tập đoàn quân “Trung tâm”. Tháng 10, 11, quân Đức chỉ có thể tiến công trên một hướng: hướng Mát-xcơ-va, nhưng ngay ở đây do sự đánh trả của Quân đội Liên xô trên các cửa ngõ Mát-xcơ-va ngày càng mạnh, chúng cũng không đủ lực lượng để hoàn thành nốt chiến dịch “Bão táp”.

Chúng lại mắc lại cái sai lầm chiến lược nghiêm trọng như thế

khi làm kế hoạch chiến cục hè 1942.

Cơ sở của tất cả những sai lầm ấy là sự đánh giá quá thấp sức mạnh và sự hùng cường của đất nước xã hội chủ nghĩa chúng ta và của nhân dân Liên Xô, đánh giá quá cao lực lượng và khả năng của chúng.

Chủ trương xâm chiếm Liên Xô, Hít-le và bè lũ tính rằng sẽ dốc toàn bộ lực lượng và phương tiện của chúng đánh Liên Xô. Đây chỉ là ý muốn của một tay cờ bạc đang cay cú. Mặc dầu chính phủ Pê-tanh phản bội, nhân dân lao động Pháp không chịu cúi đầu trước bọn chiếm đóng phát-xít. Và nhân dân các dân tộc yêu chuộng tự do Nam Tư, Ba Lan, Tiệp Khắc, v..v... cũng không chịu cúi đầu. Bọn Hít-le phải đối phó với một phong trào kháng chiến của đông đảo nhân dân. Nước Anh cũng không chấm dứt cuộc chiến đấu mặc dầu họ không dốc toàn lực vào cuộc chiến. Bọn Hít-le không tính được rằng nhân dân Liên Xô đoàn kết chung quanh Đảng, lại có sức kiên cường đến như thế, và trong một thời gian ngắn lại cải tổ được nền kinh tế, nhanh chóng tổ chức sản xuất hàng loạt xe tăng, máy bay, đại bác, đạn dược và tất cả mọi thứ cần cho Hồng quân để tạo nên ưu thế so với quân phát-xít Đức và tiêu diệt chúng.

Trong những điều kiện gay go, bộ đội ta đã được tôi luyện, trở nên kiên cường, tích lũy kinh nghiệm chiến đấu, và khi đã có trong tay những phương tiện cần thiết, thì từ chỗ là bên rút lui,

phòng ngự, chuyển thành bên tiến công.

Công tác tổ chức và động viên vô cùng lớn lao của Đảng Lê-nin chúng ta đã đạt những kết quả rực rỡ cả trong lĩnh vực xây dựng quân đội cũng như động viên nhân dân Liên Xô xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật bảo đảm cho cuộc đấu tranh vũ trang của Hồng quân với quân phát-xít Đức.

Thế là, giai đoạn đầu chiến tranh giữ nước vĩ đại kết thúc bằng sự thất bại của tất cả các kế hoạch chiến lược của bộ chỉ huy Hít-le và bằng việc làm tiêu hao rất nhiều lực lượng và phương tiện của nước Đức. Kết quả chủ yếu ấy của cuộc chiến đấu chống quân phát-xít Đức đã góp phần rất lớn quyết định trước bước phát triển về sau của cả Thế chiến thứ hai.

[1] tập đoàn quân 6 và 60 – TG.

[2] K. Ti-pên-xkiéc: Lịch sử Thế chiến thứ hai.

[3] Véc-ta là một đơn vị đo lường của Nga bằng 1,06 km -ND.

[4] L. Vi-de: Tai họa trên sông Von-ga.

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 14

TIÊU DIỆT QUÂN PHÁT-XÍT ĐỨC Ở KHU VỰC XTA-LIN-GRÁT

THÁNG 10-1942, rõ ràng bộ chỉ huy Đức đã buộc phải chuyển sang phòng ngự chiến lược trên toàn mặt trận phía đông. Quân của Hít-le đã bị thiệt hại vô cùng nặng nề, và đến lúc này mất hẳn khả năng tiến công. Kể từ khi bắt đầu cuộc chiến tranh, đây là lần phá sản thứ hai của tất cả các kế hoạch chiến tranh chống Liên Xô.

Bộ máy tuyên truyền của bọn phát-xít đã mở chiến dịch kêu gào “chuẩn bị cẩn thận hơn để kịp thời đón mùa đông thứ hai của Nga”. Bộ chỉ huy Đức chỉ thị cho bộ đội chúng chuẩn bị phòng ngự tích cực, vững chắc để tạo cho năm 1943 những điều kiện kết thúc chiến tranh một cách thắng lợi.

Cái gì đã làm cho bộ tổng chỉ huy quân Đức gặp tình hình phức tạp lúc bấy giờ? Một mặt, giống hết năm 1941, các mục tiêu chiến lược của chúng đều không đạt được, quân của chúng bị căng ra từ Biển Đen qua Bắc Cáp-ca-dơ, Xta-lin-grát, sông Đông, đến tận biên Ba-ren-xép; thiếu hẳn những đội dự bị chiến lược rảnh rang để có thể tự do sử dụng cả ở tiền tuyến và hậu phương; tinh thần bộ đội và nhân dân đều sa sút. Mặt khác, sức mạnh của Nhà nước Liên Xô ngày càng tăng rõ rệt, và Liên Xô đã khắc phục thắng lợi mọi khó khăn về kinh tế và quân sự.

Đầu tháng 11-1942, bọn Đức có trên mặt trận Xô-viết cả thảy 266 sư đoàn, tức gần 6,2 triệu người với hơn 70.000 khẩu pháo và cối, 6.600 xe tăng và pháo tiến công, 3.500 máy bay chiến đấu, 194 tàu chiến.

Cũng ở thời điểm ấy, bộ đội tác chiến của Liên Xô có 6,1 triệu người với 72.500 pháo và cối, 6.014 xe tăng và pháo tự hành, 3.088 máy bay chiến đấu. Trong đội dự bị chiến lược của Đại bản doanh có 25 sư đoàn bộ binh, 13 quân đoàn xe tăng và cơ giới, 7 lữ đoàn bộ binh độc lập và xe tăng.

Như thế là đến những ngày kết thúc thời kỳ đầu của chiến tranh, lực lượng so sánh đã bắt đầu thay đổi có lợi cho Liên Xô.

Điểm hơn hẳn của chúng ta còn thể hiện ở chỗ các lực lượng vũ trang Liên Xô đã biết giữ tuyệt mật ý định hành động của mình, biết tung tin nghi binh trên quy mô lớn buộc đối phương phải nhầm lẫn. Việc điều chỉnh đội hình và tập trung quân đều rất bí mật nên có thể giáng cho địch những đòn bất ngờ.

Bọn Hít-le cho rằng, sau những đợt chiến đấu vô cùng gay go ở Xta-lin-grát và ở Bắc Cáp-ca-dơ thuộc miền nam nước ta, Quân đội Liên Xô không đủ sức mở những trận tiến công lớn ở các vùng này nữa.

Trong mệnh lệnh tác chiến số 1 của bộ tổng chỉ huy lực lượng quân Đức đề ngày 14-10-1942 có nói:

“Bản thân quân Nga qua những trận chiến đấu gần đây đã bị suy yếu nghiêm trọng, và trong mùa đông 1942-1943 không thể có những lực lượng lớn như họ đã có trong mùa đông vừa qua”.

Nhưng điều ấy là xa sự thật nhiều.

Theo chủ trương của Đại bản doanh, các hoạt động tích cực của bộ đội ta trong

mùa hè và mùa thu 1942 ở hướng tây đánh vào cụm “Trung tâm” quân Đức là nhằm làm cho địch bị chệch phương hướng, gây ra cho chúng ấn tượng rằng chính đây là nơi chúng ta đang chuẩn bị chiến dịch mùa đông. Vì vậy, tháng 10, bộ chỉ huy Đức đã tập trung khá nhiều quân đánh vào các phương diện quân phía tây. Chúng điều một số sư đoàn xe tăng, cơ giới và bộ binh từ Lê-nin-grát đến khu vực Vê-li-ki-e Lu-ki. Chúng rút từ Pháp và Đức 8 sư đoàn đưa đến vùng Vi-tép-xơ và Xmô-len-xơ. Chúng lấy ở Vô-rô-ne-giơ và Gi-dơ-đra 2 sư đoàn xe tăng đưa về Yác-xê-vô và Rô-xláp. Kết quả là đầu tháng 11, chúng đã điều về tăng cường cho cụm “Trung tâm” 12 sư đoàn, không kể các phương tiện tăng cường khác.

Sở dĩ bọn Đức tính toán sai về chiến dịch như thế là do công tác trinh sát tồi. Chúng không thể phát hiện được sự chuẩn bị cho một cuộc phản công lớn của chúng ta ở khu vực Xta-lin-grát mà lực lượng tham gia là 11 tập đoàn quân cùng nhiều quân đoàn, lữ đoàn xe tăng, cơ giới, kỵ binh và nhiều đơn vị độc lập với 13.500 pháo và cối hơn 1.000 pháo phòng không, 115 tiểu đoàn pháo phản lực, gần 900 xe tăng, 1.115 máy bay (không tính loại PO-2).

Sau chiến tranh, I-ôt, cựu tham mưu trưởng chỉ đạo tác chiến của quân đội phát-xít Đức, đã thừa nhận rằng chúng không tài nào phát hiện được việc quân đội Liên Xô tập trung đánh vào sườn trái của tập đoàn quân Pao-luyt.

“Chúng tôi tuyệt nhiên không tưởng tượng được sức mạnh của quân Nga trong khu vực này. Trước đó, ở đây không có gì hết, thế mà bất thành lình chúng tôi bị nện một đòn mạnh có ý nghĩa quyết định”.

Khi quân ta bắt đầu phản công, kẻ thù ở miền nam nước ta chiếm lĩnh vị trí chiến

dịch và chiến lược sau đây:

Ở vùng trung lưu sông Đông, Xta-lin-grát và phía nam hồ Sác-pa, lực lượng cơ bản của cụm “B” đang hoạt động gồm tập đoàn quân 8 người Ý, tập đoàn quân 3 và 4 người Ru-ma-ni, tập đoàn quân 6 và tập đoàn quân xe tăng 4 người Đức.

Trung bình mỗi sư đoàn phụ trách 15-20 km.

Cánh quân ấy gồm hơn 1 triệu người, 675 xe tăng và pháo tiến công, hơn 10.000 pháo và cối. Về số lượng thì lực lượng hai bên xấp xỉ nhau, bên ta có trội hơn một phần về xe tăng.

Phi đoàn không quân 4 và quân đoàn không quân 8 yểm hộ cho cụm “B”.

Chủ trương tiêu diệt cụm tập đoàn quân “B”, Bộ tổng tư lệnh Liên Xô xuất phát từ chỗ cho rằng tiêu diệt được quân địch ở khu vực Xta-lin-grát thì bọn ở Bắc Cáp-ca-dơ sẽ lâm nguy, chúng sẽ hoặc là phải vội vã rút lui, hoặc là phải đánh nhau trong điều kiện bị vây hãm.

Sau khi I.V. Xta-lin mất, có xuất hiện thắc mắc muốn biết rằng ai là tác giả của kế hoạch phản công quy mô lớn, có hiệu suất và thắng lợi to lớn ấy? Mặc dầu câu hỏi ấy giờ đây có thể là không có ý nghĩa gì đặc biệt và ở các phần trên tôi đã trình bày những chi tiết về chủ trương này, tôi vẫn xin bổ sung đôi điểm.

Có ý kiến cho rằng dự thảo đầu tiên của chiến dịch tiến công đã được Bộ Tổng tư lệnh vạch ra từ tháng 8-1942, song phương án ban đầu có tính chất hạn chế.

Thực ra đấy không phải là dự thảo của chiến dịch phản công tương lai mà chỉ là kế hoạch phản kích nhằm ngăn chặn quân địch trên các đường dẫn về Xta-lin-grát. Trong Bộ Tổng tư lệnh lúc đó, không ai nghĩ đến phương án lớn, vì chưa có lực lượng và phương tiện để hoạt động lớn.

Cũng có ý kiến là ngày 6-10, Hội đồng quân sự Phương diện quân Xta-lin-grát gửi lên Bộ Tổng tư lệnh bản đề nghị về tổ chức và tiến hành phản công theo sáng kiến riêng của mình.

Về vấn đề này A.M. Va-xi-lép-xki trả lời như sau:

“Rạng sáng ngày 6-10, tôi với N.N. Vô-rô-nốp và V.Đ. I-va-nốp... đến đài quan sát của tập đoàn quân 51. Ở đây chúng tôi nghe báo cáo của tư lệnh tập đoàn quân N.I. Tơ-ru-pha-nốp. Tối hôm ấy, đến sở chỉ huy phương diện quân gặp tư lệnh và ủy viên Hội đồng quân sự, chúng tôi lại thảo luận kế hoạch phản công sắp tới do Bộ Tổng tư lệnh đề xuất, và trong bộ tư lệnh không có ý kiến gì trái ngược về nguyên tắc đối với kế hoạch, nên đến đêm 6 rạng ngày 7 tháng 10, chúng tôi làm báo cáo gửi về Tổng tư lệnh.

Ngày 7-10, tôi thay mặt Bộ Tổng tư lệnh chỉ thị cho tư lệnh Phương diện quân sông Đông về việc chuẩn bị những dự kiến tương tự cho phương diện quân của mình”.

Tôi nghĩ rằng không cần nói thêm gì vào những điều Va-xi-lép-xki đã viết. Những lời đó đã xác minh rằng vai trò chủ yếu trong chủ trương phản công thuộc về Bộ Tổng tư lệnh và Bộ Tổng tham mưu.

Trong những bài nghiên cứu lịch sử có ghi rằng sau đó một thời gian tư lệnh Phương diện quân Tây-nam N.Ph. Va-tu-tin cũng gửi lên một kế hoạch phản công. Nảy ra những câu hỏi: sau đó là lúc nào, kế hoạch gì, kế hoạch của phương diện quân hay kế hoạch phản công chung.

Như mọi người đều biết, Phương diện quân Tây-nam mới được thành lập vào cuối tháng 10 mà lúc đó thì việc tập trung lực lượng và phương tiện theo kế hoạch

phản công đã xong và kế hoạch chung của Bộ Tổng tư lệnh cũng được giải quyết rồi.

Điều cần nói ở đây là mỗi tư lệnh phương diện quân đều phải căn cứ vào thực tiễn và mọi quy định hiện hành mà vạch ra kế hoạch hành động cho phương diện quân của mình, đệ trình lên Bộ Tổng tư lệnh ở Mát-xcơ-va hay cho đại diện của Bộ ngay tại chỗ duyệt và tất nhiên trong đó trình bày cả dự kiến của mình về hiệp đồng với các đơn vị bạn và những yêu cầu đối với Bộ Tổng tư lệnh.

Để có thể nêu ý kiến về một chiến dịch có tính chất chiến lược hết sức lớn của ba phương diện quân như chiến dịch ở khu vực Xta-lin-grát, không phải chỉ cần căn cứ vào những kết luận về mặt tác chiến mà còn cần căn cứ vào những tính toán nhất định về vật chất kỹ thuật.

Ai ở đây có thể tính toán cụ thể lực lượng và phương tiện cho chiến dịch quy mô như vậy? Dĩ nhiên chỉ có cơ quan nào nắm trong tay số lượng và phương tiện vật chất ấy. Trong trường hợp này chỉ có thể là Đại bản doanh và Bộ Tổng tham mưu. Cần nhớ rằng Bộ Tổng tham mưu trong suốt cuộc chiến tranh đã là bộ máy làm việc có sáng tạo của Đại bản doanh, thiếu công tác tổ chức đầy sáng tạo của nó, không thể tiến hành được một chiến dịch nào có quy mô chiến lược cả.

Rất rõ ràng Đại bản doanh và Bộ Tổng tham mưu trong quá trình chiến đấu đã nghiên cứu chu đáo những tin tình báo về địch do các phương diện quân và do bộ đội cung cấp, đã phân tích và kết luận về tính chất hành động của kẻ địch và của quân ta. Nó nghiên cứu ý kiến đề đạt của các cơ quan tham mưu, các tư lệnh phương diện quân, các binh chủng, quân chủng, phân tích tất cả các tài liệu ấy để hạ quyết tâm.

Do đó, một kế hoạch tiến hành chiến dịch với quy mô chiến lược chỉ có thể hình thành đầy đủ nếu có sự nỗ lực sáng tạo lâu dài của toàn quân, của tất cả các cơ quan tham mưu và các cán bộ chỉ huy.

Xin nhắc lại một lần nữa: vai trò cơ bản và quyết định trong việc chủ trương và bảo đảm toàn diện cuộc phản công ở Xta-lin-grát dứt khoát thuộc về Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao và Bộ Tổng tham mưu.

Và công đầu trực tiếp tiêu diệt quân thù cũng dứt khoát thuộc về những người đánh mạnh, đánh trúng, dũng cảm, gan dạ, tinh thông kỹ thuật, sống mái với quân thù. Ở đây tôi muốn nói tới những chiến sĩ những người chỉ huy, những vị tướng lĩnh vinh quang của chúng ta đã vượt qua thử thách gay go của thời kỳ đầu chiến tranh và trong những ngày chuẩn bị phản công, họ đã hoàn toàn nắm quyền chủ động chiến đấu trong tay và đã đánh địch một đòn trời giáng.

Công tích của Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao và Bộ Tổng tham mưu là ở chỗ hai cơ quan đó đã phân tích rất chính xác tất cả các nhân tố của chiến dịch rất quy mô này, thấy trước bước phát triển và sự kết thúc của nó. Do đó không nên nêu vấn đề tìm xem nhân vật nào là “tác giả” của ý đồ phản công.

Phương diện quân Tây-nam lúc bấy giờ do trung ương N.Ph. Va-tu-tin làm tư lệnh đã hoàn thành vai trò chủ yếu trong giai đoạn đầu của cuộc phản công.

Ở đây tôi thấy không phải trình bày chi tiết toàn bộ kế hoạch phản công và tiến trình chiến dịch, vì trong sử sách của chúng ta đã viết nhiều và căn bản là đúng.

Tuy nhiên tôi cho rằng nên đi sâu vào một số điểm. .

Phương diện quân Tây-nam đánh rất mãnh liệt, rất sâu từ các bàn đạp ở hữu ngạn sông Đông trong vùng Xê-ra-phi-mô-vích và Clét-xcai-a. Phương diện quân Xta-

lin-grát tiến công từ khu vực hồ Sác-pa. Lực lượng xung kích của cả hai phương diện quân phải hợp điểm ở khu vực Ca-lát - dải đất nhượng Xô-viết, thực hành bao vây chặt lực lượng cơ bản của địch ở Xta-lin-grát.

Phương diện quân Tây-nam triển khai lực lượng chủ yếu của mình gồm tập đoàn quân 21 và tập đoàn quân xe tăng 5, một phần lực lượng của tập đoàn quân cận vệ 1 cùng nhiều phương diện đột phá mạnh trên các bàn đạp phía tây nam Xê-ra-phi-mô-vích và trong khu vực Clét-xcai-a. Từ các bàn đạp trên, nó phải tiến công đột phá trận địa phòng ngự của tập đoàn quân 3 Ru-ma-ni, và dùng những binh đoàn cơ động ra sức phát triển chiến đấu về phía đông nam nhằm tiến đến sông Đông ở khu vực Bôn-se-na-ba-tốp-xcai-a - Ca-lát. Sau khi đột phá thắng lợi, bộ đội của phương diện quân phải tiến đến phía sau cụm quân địch ở Xta-lin-grát và cắt đứt tất cả các đường rút lui của chúng về phía tây.

Nhiệm vụ bảo đảm mặt tây nam và tây cho các đơn vị xung kích của phương diện quân và tạo vành đai bao vây trên hướng ấy đã giao cho tập đoàn quân sườn phải của Phương diện quân Tây-nam, tập đoàn quân cận vệ 1 do trung tướng Đ.Đ. Lê-liu-sen-cô chỉ huy, sau đó giao thêm cho lực lượng cơ bản của tập đoàn quân xe tăng 5 do trung tướng P.L. Rô-ma-nen-cô chỉ huy. Hướng phát triển tiến công của các đơn vị này là về phía tây, tây nam, nam và đến ngày thứ ba của chiến dịch phải đến tuyến Vê-sen-xcai-a - Bô-cốp-xki và dọc sông Chia đến Ô-blíp-xcai-a.

Các tập đoàn quân không quân 2 và 17 do các thiếu tướng không quân K.N.

Xmiéc-nốp, X.A. Crát-xốp-xki chỉ huy có nhiệm vụ yểm trợ cho hoạt động của bộ đội mặt đất Phương diện quân Tây-nam.

Phương diện quân sông Đông có nhiệm vụ đánh hai đòn bổ trợ. Đòn thứ nhất

bằng lực lượng tập đoàn quân 65 đánh đồng thời với Phương diện quân Tây-nam từ phía đông Clét-xcai-a sang đông nam nhằm cuốn bót trận địa phòng ngự của địch ở hữu ngạn sông Đông. Đòn thứ hai, với lực lượng của tập đoàn quân 24 tiến công từ Ca-cha-lin-xcai-a dọc tả ngạn sông Đông xuống phía nam theo hướng chung đến Véc-chi-a-si, nhằm chia cắt số quân địch đang hoạt động ở đoạn vòng bé của sông Đông ra khỏi đại quân của nó ở Xta-lin-grát.

Tập đoàn quân 66 cần đẩy mạnh hoạt động ở phía bắc Xta-lin-grát làm tê liệt hẳn quân địch ở đây và loại bỏ khả năng cơ động các đội dự bị của chúng. Tập đoàn quân không quân 16 do thiếu tướng không quân X.I. Ru-đen-cô chỉ huy có nhiệm vụ yểm hộ cho bộ đội mặt đất Phương diện quân sông Đông hoạt động.

Phương diện quân Xta-lin-grát với lực lượng xung kích gồm các tập đoàn quân 51, 57 và 64 tiến công trên chính diện từ I-va-nốp-ca đến mũi phía bắc hồ Bác-man-xác. Cánh xung kích này có nhiệm vụ chọc thủng trận địa phòng ngự của địch, tiếp tục đánh theo hướng tây bắc tiến đến khu vực Ca-lát - dải đất nhượng Xô-viết, ở đây hợp điểm với bộ đội Phương diện quân Tây-nam, hoàn thành hợp vây quân địch ở Xta-lin-grát.

Tập đoàn quân 51 dưới quyền chỉ huy của thiếu tướng N.I. Tư-ru-pha-nốp tiến công từ những bàn đạp trên các eo đất giữa các hồ Sác pa, Sa-sa, Bác-man-xác có nhiệm vụ chọc thủng phòng ngự quân địch và dùng lực lượng cơ bản phát triển tiến công lên tây nam theo hướng chung đến Áp-ga-nê-rô-vô.

Tập đoàn quân 57 của tướng Ph.I. Tôn-bu-khin và tập đoàn quân 64 của tướng M.X. Su-mi-lốp tiến công từ khu vực I-va-nốp-ca theo hướng tây và tây bắc nhằm khóa chặt cánh quân địch ở phía nam.

Tập đoàn quân 62 của tướng V.I. Chui-cốp có nhiệm vụ phòng ngự tích cực làm tê liệt bọn địch đang hoạt động ngay trong thành phố; sẵn sàng chuyển sang tiến công.

Nhiệm vụ bảo đảm mặt tây nam các đơn vị xung kích thuộc Phương diện quân Xta-lin-grát và tạo vòng vây bên ngoài trên hướng này là của tập đoàn quân 51 (trong đó có quân đoàn kỵ binh 4 của tướng T.T. Sáp-kin). Tập đoàn quân này phải tiến công vào phía tây nam theo hướng chung đến Áp-ga-nê-rô-vô, Cô-chi-ôn-ni-cô-vô. Bộ đội của Phương diện quân Xta-lin-grát được tập đoàn quân không quân 8 của thiếu tướng không quân T.T. Khri-u-kin yểm hộ.

Trong việc chuẩn bị phản công, cần vận chuyển một khối lượng hết sức lớn bộ đội và phương tiện vật chất, kỹ thuật cho tất cả các phương diện quân, đặc biệt cho Phương diện quân Tây-nam vừa được thành lập lại. Chúng ta cần thấy hết thành tích của Bộ Tổng tham mưu và bộ tham mưu hậu cần Hồng quân. Họ đã hoàn thành một cách rực rỡ việc tập trung phương tiện và lực lượng cho chiến dịch. Hơn 27.000 ô-tô được huy động để chuyên chở bộ đội. Hàng ngày đường sắt phải kéo đi 1.300 toa hàng. Bộ đội và hàng hóa cho Phương diện quân Xta-lin-grát phải chuyên chở trong điều kiện đặc biệt phức tạp là có băng mùa thu trôi trên sông Vôn-ga. Từ 1 đến 19 tháng 11 đã đưa qua sông Vôn-ga 160.000 chiến sĩ, 16.000 ngựa, 430 xe tăng, 600 khẩu đại pháo, 14.000 ô-tô, gần 7.000 tấn đạn. Cuối tháng 10 đầu tháng 11, tôi và Va-xi-lép-xki cùng mấy đồng chí đại diện của Đại bản doanh đã xuống các đơn vị giúp cán bộ chỉ huy, các cơ quan tham mưu và các đơn vị nắm vững kế hoạch và phương thức thực hành phản công.

Các hội nghị tổng kết ở các bộ tham mưu phương diện quân đã xác định rằng

công tác phức tạp và khó khăn ấy được cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị tiến hành với ý thức trách nhiệm cao và tinh thần chủ động, sáng tạo.

Từ 1 đến 4 tháng 11, chúng tôi kiểm tra và sửa chữa kế hoạch của Phương diện quân Tây-nam, sau đó kiểm tra chi tiết và phối hợp các kế hoạch hành động của tập đoàn quân 21 và tập đoàn quân xe tăng 5.

Khi nghiên cứu kế hoạch hoạt động, tại bộ tham mưu Phương diện quân Tây-nam, ngoài tôi ra còn có các đại diện của Đại bản doanh: về các vấn đề pháo binh có tướng N.N. Vô-rô-nốp, về không quân có các tướng A.A. Nô-vi-cốp và A.N. Gô-lô-va-nốp, về bộ đội thiết giáp có tướng Ya.N. Phê-đô-ren-cô. Các đồng chí đó giúp chúng tôi đi sâu vào vấn đề sử dụng và hiệp đồng các binh chủng quan trọng nhất.

Ngày 4-11, tại bộ tham mưu tập đoàn quân 21 đã tổ chức kiểm tra công việc chuẩn bị tiến công của tập đoàn quân 21 và 65. Trong cuộc họp ấy còn mời cả bộ tư lệnh Phương diện quân sông Đông và tập đoàn quân 65. Lúc này A.M. Va-xi-lép-xki đang ở Phương diện quân Xta-lin-grát kiểm tra việc chuẩn bị của tập đoàn quân 51 và 64. Tôi hẹn với Va-xi-lép-xki là tôi cũng đến đó.

Trong khi làm việc tại các đơn vị, chúng tôi nghiên cứu tỉ mỉ tin tức về địch, tính chất phòng ngự, cách bố trí lực lượng cơ bản và hệ thống hỏa lực tổng hợp, số lượng và nơi bố trí phương tiện chống tăng và các điểm tựa chống tăng của chúng. Chúng tôi đã xác định phương thức và kế hoạch chuẩn bị của pháo binh, mật độ của nó, xác suất tiêu diệt và chế áp trận địa phòng ngự địch, phương thức pháo đi cùng đội hình chiến đấu khi tiến công. Chúng tôi thông qua kế hoạch hiệp đồng của không quân và pháo binh, phân định mục tiêu cho hai loại này, vạch kế hoạch

và phương thức hiệp đồng với bộ đội xe tăng khi đột phá và sau khi đưa nó vào đột phá. Chúng tôi đã xác định việc hiệp đồng với các đơn vị ở hai bên sườn, đặc biệt trong lúc đưa bộ đội cơ động vào đột phá và chiến đấu trong chiều sâu của trận địa phòng ngự địch.

Chúng tôi còn chỉ cho các đơn vị: cần tìm hiểu thêm những gì về địch, cần chú trọng những gì nữa, cần làm thêm những gì trực tiếp trên trận địa, và làm gì để động viên bộ đội.

Tất cả cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị đều nhất trí là phải hết sức nhanh chóng chọc thủng trận địa phòng ngự chiến thuật của địch, đánh mạnh làm cho chúng bị bất ngờ và nhanh chóng đưa thế đội hai vào chiến đấu để phát triển đột phá chiến thuật thành đột phá chiến dịch.

Khi nghiên cứu nhiệm vụ tại các quân đoàn, các sư đoàn, trung đoàn, chúng tôi yêu cầu cán bộ chỉ huy suy nghĩ kỹ để quán triệt nhiệm vụ được giao và phương thức hiệp đồng với phương tiện tăng cường, với các đơn vị bạn, đặc biệt trong chiều sâu trận địa phòng ngự địch.

Đối với cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị tất cả các cấp, công việc ấy rõ ràng là khó và đòi hỏi phải mang hết tâm sức, tài năng ra làm việc khẩn trương, nhưng nó sẽ dần dần sáng tỏ thêm trong quá trình chiến đấu.

Các cơ quan chính trị, các tổ chức Đảng và Đoàn đã ra sức triển khai công tác chính trị và công tác Đảng trong các đơn vị. Công tác quan trọng ấy được sự chỉ đạo tài giỏi của Hội đồng quân sự phương diện quân và cục chính trị do tướng V.M. Ru-đa-cốp phụ trách.

Để hoàn thành việc đặt kế hoạch tiến công cho Phương diện quân Xta-lin-grát,

như đã thống nhất với Va-xi-lép-xki, tôi đến sở chỉ huy tập đoàn quân 57 ở Ta-chi-a-nốp-ca sáng ngày 10-11. Lúc ấy, ngoài Hội đồng quân sự còn có M.M. Pô-pốp, M.X. Su-mi-lốp, Ph.I. Tôn-bu-khin, N.I. Tơ-ru-pha-nốp, các quân đoàn trưởng V.T. Vôn-xki, T.T. Sáp-kin và nhiều vị tướng khác của phương diện quân. Trước khi khai mạc hội nghị, tôi cùng Va-xi-lép-xki, các tư lệnh tập đoàn quân 51, 57 N.I. Tơ-ru-pha-nốp và Ph.I. Tôn-bu-khin, M.M. Pô-pốp và các tướng khác đã ra trận địa của các tập đoàn quân ấy để xem kỹ nơi chủ lực phương diện quân sẽ triển khai tiến công.

Sau khi kiểm tra, chúng tôi xem xét vấn đề hiệp đồng của phương diện quân này với Phương diện quân Tây-nam, thống nhất kỹ thuật hợp kích của các đơn vị phải đi trước ở khu vực Ca-lát, kế hoạch hiệp đồng của các đơn vị sau khi đã bao vây địch và những vấn đề khác của chiến dịch.

Sau đó chúng tôi kiểm tra kế hoạch của các tập đoàn quân do các tư lệnh tập đoàn quân và các quân đoàn trưởng báo cáo.

Tối 11-11, tôi báo cáo với Tổng tư lệnh theo đường điện thoại:

“Tôi đã làm việc hai ngày liền ở chỗ đồng chí Ê-rê-men-cô. Đã trực tiếp đến quan sát trận địa địch ở phía trước tập đoàn quân 51 và 57. Đã làm việc tỉ mỉ với các sư đoàn trưởng, quân đoàn trưởng, tư lệnh tập đoàn quân về những nhiệm vụ theo kế hoạch “U-ran”. Công việc chuẩn cho “U-ran” ở chỗ Tôn-bu-khin được tiến hành tốt hơn cả...”

Tôi đã ra lệnh đi trình sát chiến đấu và trên cơ sở tin tức thu được đã xác định thêm kế hoạch chiến đấu và quyết tâm của tư lệnh tập đoàn quân.

Đồng chí Pô-pốp làm việc khá, thành thạo trong nhiệm vụ.

Hai sư đoàn bộ binh do Đại bản doanh chuyển cho Ê-rê-men-cô (87 và 315) chưa lên đường vì cho đến nay chưa nhận được phương tiện vận tải và ngựa.

Trong số các lữ đoàn cơ giới, mới đến có một.

Việc cung cấp và chuyên chở đạn dược còn kém. Đạn cho “U-ran” rất thiếu.

Không thể chuẩn bị kịp theo thời hạn quy định của chiến dịch. Tôi đã ra lệnh phải sẵn sàng hành động trong ngày 15-11-1942.

Cần gấp rút gọi cho Ê-rê-men-cô 100 tấn nhiên liệu dùng cho mùa đông vì thiếu nó thì các đơn vị cơ giới không hoạt động được; cho các sư đoàn bộ binh 87 và 315 tới ngay; gấp rút mang quần áo cho các tập đoàn quân 51 và 57; quần áo và đạn dược cần có cho bộ đội trước ngày 14-11-1942.

Côn-xtan-ti-nốp[1]

Số 4657

11.11.1942”

Cần nói rằng Tổng tư lệnh thường rất coi trọng vấn đề không quân bảo đảm chiến dịch. Nhận được báo cáo của tôi qua đó biết rằng việc chuẩn bị không quân bảo đảm cho trận phản công không đạt yêu cầu Tổng tư lệnh gọi cho tôi bức điện sau đây:

“Đồng chí Côn-xtan-ti-nốp.

Nếu ở chỗ Ê-rê-men-cô và Va-tu-tin việc chuẩn bị không quân cho chiến dịch không đạt yêu cầu thì chiến dịch sẽ thất bại. Kinh nghiệm đánh nhau với bọn Đức cho thấy, chỉ thắng lợi khi chúng ta có ưu thế trên không. Trong trường hợp này không quân chúng ta phải thi hành ba nhiệm vụ:

Thứ nhất, tập trung hoạt động vào khu vực các đơn vị xung kích của ta đang tiến

công để chế áp không quân Đức và bảo vệ vững chắc bộ đội ta.

Thứ hai, mở đường cho các đơn vị tiến công bằng cách ném bom có hệ thống làm cho hàng ngũ chúng rối loạn, không cho chúng bám vào các tuyến phòng ngự gần nhất.

Thứ ba, truy kích quân địch rút lui bằng cách ném bom, bắn phá có hệ thống làm cho hàng ngũ chúng hoàn toàn bị rối loạn, không cho chúng bám vào các tuyến phòng ngự gần nhất.

Nếu Nô-vi-cốp cho rằng không quân ta hiện giờ không đủ sức hoàn thành các nhiệm vụ đó thì tốt nhất là hoãn chiến dịch lại một ít thời gian và ra sức tăng thêm lực lượng không quân.

Đồng chí trao đổi và giải thích cho Nô-vi-cốp và Vô-rô-giây-kin về việc này và báo cho tôi biết ý kiến chung của đồng chí.

Va-li-xi-ép[2]

12.11.1942 - 4 giờ

Số 170686”

Làm xong kế hoạch cho bộ đội Phương diện quân Xta-lin-grát, tôi và Va-xi-lép-xki gọi đây nói báo cáo với Xta-lin rằng, chúng tôi cần trực tiếp báo cáo một số ý kiến liên quan tới chiến dịch.

Ngày 13-11, chúng tôi đến chỗ Xta-lin. Người có vẻ thoải mái, hỏi tỉ mỉ về tình hình công việc ở Xta-lin-grát trong quá trình chuẩn bị phản công.

Tình hình cơ bản mà chúng tôi báo cáo đại thể như sau.

Về so sánh lực lượng cả về chất lượng và số lượng chúng tôi nêu rõ là ở khu vực sẽ mở các mũi tiến công chủ yếu của ta (các Phương diện quân Tây-nam và Xta-

lin-grát), cơ bản vẫn do quân Ru-ma-ni phòng ngự. Theo lời khai của bọn tù binh thì sức chiến đấu của chúng không cao. Về số lượng trên hướng ấy chúng ta sẽ có ưu thế đáng kể, nên lúc quân ta tiến công, bọn Đức không điều các đội dự bị của chúng tới; hiện nay trinh sát của ta không phát hiện thấy một sự điều động nào. Tập đoàn quân 6 của Pao-luyt và chủ lực của tập đoàn quân xe tăng 4 đang ở khu vực Xta-lin-grát và đang bị Phương diện quân sông Đông và Phương diện quân Xta-lin-grát kiềm chế.

Các đơn vị chúng ta, theo đúng kế hoạch, đang tập trung ở những khu vực quy định; nhìn chung, trinh sát của địch không phát hiện được sự điều động này. Chúng ta đã áp dụng mọi biện pháp để giữ bí mật hơn nữa việc cơ động lực lượng và phương tiện.

Nhiệm vụ của phương diện quân, các tập đoàn quân và các binh đoàn đã quy định xong. Sự hiệp đồng của tất cả các loại vũ khí đã được bàn và giao ngay tại thực địa. Kế hoạch hợp điểm theo dự án của các mũi xung kích của Phương diện quân Tây-nam và Phương diện quân Xta-lin-grát đã được bàn định kỹ với các tư lệnh, các cơ quan tham mưu phương diện quân, tập đoàn quân và cả với các đơn vị nào sẽ tiến đến khu vực Dải đất nhượng Xô-viết - Ca-lát. Trong các tập đoàn quân không quân, việc chuẩn bị có thể sẽ hoàn thành vào ngày 15-11.

Chúng tôi có thể nói là đã làm xong các phương án lập vòng trong để vây quân địch ở Xta-lin-grát và vòng ngoài để bảo đảm cho việc thanh toán bọn bị vây.

Việc tiếp tế đạn, chất đốt và quần áo mùa đông bị chậm đôi chút, nhưng ta có đủ cơ sở để cho rằng cuối ngày 16, 17 tháng 11 bộ đội sẽ nhận được.

Ngày 19-11, Phương diện quân sông Đông và Tây-nam có thể mở màn chiến dịch

phản công, Phương diện quân Xta-lin-grát thì sau đó một ngày đêm.

Sở dĩ có thời hạn khác nhau là vì nhiệm vụ của Phương diện quân Tây-nam phức tạp hơn. Nó ở khá xa khu vực Ca-lát-dải đất nhượng Xô-viết, và còn phải vượt sông Đông.

Tổng tư lệnh chăm chú lắng nghe chúng tôi. Đồng chí thông thả đưa tẩu lên hút, vuốt nhẹ bộ ria và không lần nào cắt ngang báo cáo của chúng tôi. Qua các cử chỉ đó, chúng tôi thấy đồng chí có vẻ hài lòng. Chiến dịch Xta-lin-grát là dấu hiệu chứng tỏ quyền chủ động đã vào tay quân đội Xô-viết. Tất cả chúng tôi tin tưởng vào thắng lợi của cuộc phản công sắp tới, mà thành quả của nó có thể có nhiều ý nghĩa đối với tổ quốc chúng ta.

Trong khi chúng tôi báo cáo thì các ủy viên Hội đồng quốc phòng và vài ủy viên Bộ chính trị tới để chuẩn bị họp. Chúng tôi phải nói lại những vấn đề cơ bản đã báo cáo với một số đồng chí đến muộn.

Sau khi bàn thêm đôi chút, Tổng tư lệnh phê chuẩn toàn bộ kế hoạch phản công. Tôi và Va-xi-lép-xki báo cáo với Tổng tư lệnh rằng, khi tình hình ở Xta-lin-grát và Bắc Cáp-ca-dơ trở nên nguy kịch, bọn Đức có thể buộc phải điều một phần bộ đội ở các khu vực khác, đặc biệt ở khu vực Vi-a-dơ-ma về ứng cứu cánh quân phía nam.

Muốn cho việc này không xảy ra, cần gấp rút chuẩn bị và mở chiến dịch tiến công vào khu vực bắc Vi-a-dơ-ma và trước hết phải tiêu diệt quân Đức ở khu vực mỏm đất nhô Rơ-giép. Chúng tôi đề nghị sử dụng vào chiến dịch này bộ đội thuộc hai Phương diện quân miền Tây và Ca-li-nin.

- Việc đó tốt đấy - Xta-lin nói - nhưng trong hai đồng chí ai đảm nhiệm việc này.

Tôi và Va-xi-lép-xki đã thống nhất trước với nhau về đề nghị này nên tôi nói:

- Chiến dịch Xta-lin-grát về tất cả các mặt đã chuẩn bị xong. Va-xi-lép-xki có thể đảm nhiệm việc phối hợp hành động của bộ đội ở Xta-lin-grát, tôi có thể lãnh trách nhiệm chuẩn bị phản công của hai Phương diện quân miền Tây và Ca-li-nin. Tổng tư lệnh đồng ý với đề nghị của chúng tôi và nói:

- Sáng mai đồng chí bay về ngay Xta-lin-grát kiểm tra một lần nữa việc chuẩn bị mở màn chiến dịch của bộ đội và cán bộ chỉ huy.

Ngày 14-11, tôi lại có mặt ở các đơn vị của N.Ph. Va-tu-tin. Va-xi-lép-xki thì đến chỗ A.I. Ê-rê-men-cô. Hôm sau tôi nhận được bức điện sau đây của Xta-lin:

“Gửi đồng chí Côn-xtan-ti-nốp.

Ngày sơ tán của Phê-đô-rốp và I-va-nốp[3] có thể do đồng chí xem và quy định, sau đó báo cáo với tôi khi về Mát-xcơ-va. Nếu đồng chí thấy ai trong số hai người đó cần sơ tán sớm hơn hay muộn hơn một hai ngày, tôi ủy quyền đồng chí quyết định và vấn đề đó do đồng chí định liệu.

Va-xi-li-ép

13 giờ 10

15. 11. 1942”

Sau khi trao đổi với Va-xi-lép-xki, tôi quy định Phương diện quân Tây-nam và tập đoàn quân 65 của Phương diện quân sông Đông bắt đầu tiến công vào ngày 19-11, còn Phương diện quân Xta-lin-grát vào ngày 20-11. Tổng tư lệnh duyệt y quyết định của chúng tôi.

Ngày 17-11, tôi được gọi về Đại bản doanh để chuẩn bị chiến dịch của các Phương diện quân miền tây và Ca-li-nin.

Ngày 19-11, lúc 7 giờ 30, bộ đội Phương diện quân Tây-nam tiến công mãnh liệt chọc thủng trận địa phòng ngự của tập đoàn quân 3 Ru-ma-ni cùng một lúc trên hai khu vực: tập đoàn quân xe tăng 5 dưới sự chỉ huy của trung tướng P.L. Rô-ma-nen-cô từ bàn đạp ở Tây-nam Xê-ra-phi-mô-vích và tập đoàn quân 21 của tướng I.M. Chi-xti-a-cốp từ bàn đạp ở Clét-xcai-a.

Địch không chống đỡ nổi đòn tiến công này, đã hoảng hốt rút lui hoặc đầu hàng cả. Các đơn vị Đức ở sau lưng quân Ru-ma-ni đã phản kích rất mạnh hòng chặn bước tiến quân ta nhưng bị hai quân đoàn xe tăng 1 và 26 ra quân đánh cho tan tác. Đột phá chiến thuật ở khu vực của Phương diện quân Tây-nam thế là hoàn thành.

Trước thế nào, thì nay P.L. Rô-ma-nen-cô, tư lệnh tập đoàn quân vẫn thế. Cần nói rằng đó là một con người dũng cảm, một cán bộ chỉ huy rất giỏi. Xét về cá tính, đồng chí ấy rất thích hợp với những hành động mãnh liệt như vậy.

Để chống lại tập đoàn quân 21 của tướng I.M. Chi-xti-a-cốp, địch tung đội dự bị ra gồm sư đoàn 1 Ru-ma-ni, 2 sư đoàn xe tăng 14, 22 Đức và sư đoàn kỵ binh 7 vì chúng cho rằng chính ở đây là mũi tiến công chủ yếu của ta. Nhưng sau đó sư đoàn xe tăng 22 Đức và sư đoàn xe tăng 1 Ru-ma-ni lại phải triển khai để đối phó với quân đoàn xe tăng 1 của tập đoàn quân xe tăng 5, do thiếu tướng V.V. Bút-cốp chỉ huy.

Quân đoàn xe tăng 26 do thiếu tướng A.G. Rô-đin chỉ huy đã đánh quy sư đoàn xe tăng 1 và tiêu diệt bộ tham mưu quân đoàn 5 Ru-ma-ni. Một phần quân lính của chúng hoảng hốt tháo chạy, còn phần lớn đầu hàng.

Vừa mở màn chiến dịch, quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn và thực tế xóa bỏ phiên

hiệu của các lực lượng cơ bản của quân đoàn 3 Ru-ma-ni phòng ngự đối diện với Phương diện quân Tây-nam. Những đội dự bị của Đức được điều đến ứng cứu chúng cũng bị tiêu diệt.

Quân đoàn xe tăng 26 của A.G. Rô-đin và quân đoàn xe tăng 4 của A.G. Cráp-chen-cô liên tiến rất nhanh về khu vực Ca-lát để hợp điểm với quân đoàn cơ giới 4 của Phương diện quân Xta-lin-grát.

Bên trái của tập đoàn quân 21, có tập đoàn quân 65 của Phương diện quân sông Đông đang tiến công dưới quyền chỉ huy của trung tướng P.I. Ba-tốp.

Trong đêm rạng ngày 23-11, chi đội phái đi trước của quân đoàn xe tăng 26 do trung tá G.N. Phi-líp-pốp lãnh đạo đã đột kích táo bạo, chiếm được chiếc cầu bắc qua sông Đông.

Đội gác cầu của Đức không một chút nghi ngờ, yên tâm chờ phiên gác sau.

Nhưng chính đội phái đi trước của G.N. Phi-líp-pốp đã đến đổi gác. Bọn lính của Hít-le tiếp nhận đội này, yên trí đây là đơn vị huấn luyện của chúng được trang bị xe tăng và chiến lợi phẩm của Nga. Một trận giao chiến ngắn ngủi xảy ra và chiếc cầu nằm gọn trong tay quân ta. Kẻ địch đôi lần định đẩy lùi quân của G.N. Phi-líp-pốp ra khỏi cầu, nhưng chúng không làm được.

Trong khi giữ cầu, G.N. Phi-líp-pốp quyết định cử một toán xe tăng do trung tá N.M. Phi-líp-pen-cô chỉ huy đánh chiếm Ca-lát. Từ đó đến Ca-lát còn 2 km.

Trung tá N.M. Phi-líp-pen-cô, mặc dầu với số quân ít, đã hạ quyết tâm công kích thành phố trong hành tiến. Trận chiến đấu chiếm Ca-lát kéo dài suốt đêm. Bọn Đức ngoan cố chống cự, nhưng không bao lâu, các đơn vị đi trước của chủ lực quân đoàn đã đến, và thành phố trở về tay quân ta.

Ngày 24-11, các tập đoàn quân 21 và 5 của Phương diện quân Tây-nam đã tiêu diệt cánh quân Ru-ma-ni bị vây hãm, bắt hơn 3 vạn lính, sĩ quan, tướng và thu rất nhiều khí tài chiến đấu.

Dưới đây là những điều ghi chép trong nhật ký của tên sĩ quan Ru-ma-ni, chủ nhiệm khí tượng của lữ đoàn pháo binh thuộc sư đoàn 6, nói lên tình hình những ngày ấy.

“Ngày 9-11.

Người Nga khai hỏa như vũ bão vào sườn trái của sư đoàn 5. Tôi chưa hề thấy hỏa lực mạnh như thế... đạn pháo nổ làm rung chuyển đất đập tan những cửa kính... Trên điểm cao 163 xuất hiện xe tăng đối phương đi về phía Pa-xpô-pin-xcai-a. Không mấy chốc được tin báo, các xe tăng đó đang chạy hết tốc lực qua các trận địa và vào đến làng. Pháo ta không gây cho đối phương thiệt hại nào... Những chiếc xe tăng nặng 52 tấn ấy đang chạy với tốc độ tối đa, có vỏ thép rất dày mà đạn ta không xuyên qua được.

Ngày 20-11

Từ sáng sớm trên khu vực sư đoàn 13 “Prút”, đối phương bắt đầu pháo hỏa chuẩn bị mãnh liệt... Sư đoàn 13 bị tiêu diệt hoàn toàn. Xe tăng chạy tới Grôm-ki, đến làng Ép-xtơ-ra-tốp-xcai-a và thọc sâu vào lưng của ta ở Pê-rê-la-đốp-xki. Bộ chỉ huy quân đoàn 5 lúc ấy đang ở Pê-rê-la-đốp-xki. Mất hẳn liên lạc với bộ chỉ huy cấp trên. Sư đoàn 6 nhận được chỉ thị xa lạ làm sao: “Bằng bất cứ giá nào cũng phải giữ đến người lính cuối cùng”. Hiện giờ chúng tôi đang bị địch bao vây chặt. Sư 5, sư 6, sư 15 và số còn lại của sư 13 đang nằm trong cái túi.

Ngày 21-11

Từ sáng, tình hình chúng ta vẫn nguy kịch. Chúng tôi bị vây... Ở Gô-lốp-xki tình hình cũng tồi lắm. Bây giờ là 11 giờ 05.

Chúng tôi không biết phải làm gì. Ở đây đang tập hợp sĩ quan của sư 13 và 15 mà đơn vị của họ đã bị diệt.

Ôi là tình thế!

Bi thảm, nhưng đó là cái dĩ nhiên.

Đồng đội của tôi mang ảnh vợ con ra xem. Tôi cũng đau lòng nhớ lại mẹ, em và bà con thân thuộc. Chúng tôi mặc tất cả quần áo tốt nhất hiện có, mặc cả hai bộ một lúc và nghĩ rằng trận đánh sẽ kết thúc rất đau đớn... Trao đổi và tranh cãi với nhau khá nhiều về tình hình lúc này... Nhưng dù sao cũng vẫn còn hy vọng... chúng tôi cho rằng quân Đức sẽ đến ứng cứu chúng tôi.

Bây giờ là 13 giờ 30. Tướng Ma-da-ri-ni, sư trưởng sư 5 nhận trách nhiệm chỉ huy tất cả các sư đoàn. Vòng vây quanh các đơn vị chúng tôi bắt đầu siết lại. Hôm nay là ngày lễ tôn giáo lớn. Chúng tôi hay cha ông chúng tôi đã phạm tội gì với Chúa? Tại sao chúng tôi phải chịu cảnh đau khổ này? Chúng tôi, ba sĩ quan, đang bàn về tình hình và kết luận, không có cách nào tránh khỏi tai họa. Tin không lành từ Ô-xi-nốp-ki bắt đầu được xác định là đúng. Tổ sĩ quan của trung đoàn hạng nặng số 5 bỏ trốn cũng vừa đến đây.

Khuya đó các sư trưởng và trung đoàn trưởng lại tập hợp để hạ quyết tâm cuối cùng. Họ thảo luận hai phương án:

- 1) Chọc thủng vòng vây.
- 2) Đầu hàng.

Sau khi thảo luận khá lâu, mọi người chấp nhận phương án thứ hai - đầu hàng.

Có tin: phía Nga cho người đến kêu gọi đầu hàng...”

Phần ghi chép gián đoạn ở đây. Nhưng không cần đọc thêm chúng ta cũng biết rằng toàn bộ số quân Ru-ma-ni đã đầu hàng.

Tổng tư lệnh rất băn khoăn về hoạt động của cánh phải Phương diện quân sông Đông. Cuối ngày 23-11, người đã gửi chỉ thị dưới đây cho tư lệnh Phương diện quân sông Đông, K.K. Rô-cô-xốp-xki.

“Đồng chí Rô-cô-xốp-xki, đồng gửi đồng chí Va-xi-lép-xki

Theo báo cáo của Va-xi-lép-xki, sư đoàn mô-tô hóa 3 và sư đoàn xe tăng 16 của bọn Đức đã rút toàn bộ hoặc bộ phận ra khỏi khu vực thuộc phương diện quân của đồng chí và đang đánh vào chính diện tập đoàn quân 21. Tình hình ấy rất thuận lợi để tất cả các tập đoàn quân của phương diện quân đồng chí chuyển sang các hành động tích cực. Ga-la-nin hành động chậm mất rồi. Chỉ thị cho đồng chí ấy chiếm Véc-chi-a-si trước ngày 25-11. Chỉ thị cho cả Gia-đốp tích cực hoạt động thu hút địch về phía mình. Giải thích thật đầy đủ cho Ba-tốp rằng trong tình hình này có thể hoạt động khẩn trương hơn.

I. Xta-lin

23. 11. 1942

19 giờ 40”

Nhờ tập đoàn quân 21 do thiếu tướng I.M. Chi-xti-a-cốp chỉ huy tiến công thắng lợi và nhờ kết quả của những chủ trương mà Phương diện quân sông Đông đã thi hành, tình hình của tập đoàn quân 65 được chấn chỉnh lại. Nó đã tiến mạnh hơn. Ba ngày sau tập đoàn quân 24 của Phương diện quân sông Đông mới tiến công theo dọc tả ngạn sông Đông. Nhưng nó không giành được thắng lợi vì yếu quá.

Các tập đoàn quân 51, 57, 64 của Phương diện quân Xta-lin-grát bắt đầu hoạt động ngày 20-11, chậm một ngày đêm so với Phương diện quân Tây-nam và sông Đông.

Tập đoàn quân 51 do thiếu tướng N.I. Tơ-ru-pha-nốp chỉ huy đã tiến công theo hướng chung đến Plô-đô-vi-tôi-ê và tiến đến Áp-ga-nê-rô-vô.

Tập đoàn quân 57 do thiếu tướng Ph.I. Tôn-bu-khin chỉ huy tiến công theo hướng chung đến Ca-lát.

Tập đoàn quân 64 dưới sự chỉ huy của trung tướng M.X. Su-mi-lốp đã xuất phát từ khu vực I-va-nốp-ca, dùng cánh quân trái của mình đánh mạnh theo hướng chung đến Ga-vri-lốp-ca, Vác-va-rốp-ca, hiệp đồng với cánh phải của tập đoàn quân 57.

Sau khi đột phá thắng lợi trận địa phòng ngự của địch và tiêu diệt các sư đoàn Ru-ma-ni 1, 2, 10, 20 cùng sư đoàn mô-tô hóa của Đức tại khu vực của tập đoàn quân 51, quân đoàn cơ giới số 4 của tướng V.T. Vôn-xki đã bước vào chiến đấu và đột phá được vào Plô-đô-vi-tôi-ê. Trong dải hoạt động của tập đoàn quân 57 có quân đoàn xe tăng của thiếu tướng T.I. Ta-na-xchi-sin cũng bước vào chiến đấu. Quân đoàn kỵ binh 4 của tướng T.T. Sáp-kin bắt đầu hoạt động và ngay trong ngày ấy chiếm được nhà ga Áp-ga-nê-rô-vô.

Quân địch âm mưu ngăn chặn bước tiến của tập đoàn quân 57 về Ca-lát nên đã rút bớt ở Xta-lin-grát hai sư đoàn xe tăng 16 và 24 đưa về đây. Nhưng chậm mất rồi, vả lại chúng cũng không đủ sức chịu đựng những đòn tiến công mãnh liệt của bộ

đội hai Phương diện quân Tây-nam và Xta-lin-grát. Các đơn vị xe tăng của hai phương diện quân này lúc 16 giờ ngày 23-11, đã đến khu vực dải đất nhượng Xô-viết, ở đây lữ đoàn xe tăng 45 của quân đoàn xe tăng 4 dưới sự chỉ huy của trung tá P.K. Gít-cốp là đơn vị đầu tiên bắt liên lạc được với lữ đoàn cơ giới 30 của trung tá M.I. Rô-đi-ô-nốp, thuộc quân đoàn cơ giới 4.

Vượt sông Đông xong, quân đoàn xe tăng 4 của Phương diện quân Tây-nam dưới quyền chỉ huy của tướng A.G. Cráp-chen-cô và quân đoàn cơ giới 4 thuộc Phương diện quân Xta-lin-grát của tướng V.T. Vôn-xki đã gặp nhau ở khu vực dải đất nhượng Xô-viết, do đó vây chặt được cụm quân địch ở Xta-lin-grát trên cồn đất giữa sông Đông và sông Vôn-ga.

Sau đó các tập đoàn quân 64, 57, 21, 65, 24, 66 lại tiếp tục phát triển tiến công theo hướng chung đến Xta-lin-grát, khép chặt vòng vây địch ở bên trong bằng hai gọng kìm.

Tập đoàn quân cận vệ 4, tập đoàn quân xe tăng 5 của Phương diện quân Tây-nam và tập đoàn quân 51 của Phương diện quân Xta-lin-grát, được tăng cường thêm một số binh đoàn xe tăng, đã truy kích bọn địch rút lui, đánh bật các đơn vị đã tan tác của chúng về phía tây, đẩy chúng cách xa hơn nữa cụm quân đang bị vây ở Xta-lin-grát và tạo một vòng vây vững chắc bên ngoài, bảo đảm nhất định tiêu diệt được bọn địch đang bị vây.

Giai đoạn đầu của cuộc phản công đến đây kết thúc.

Đến những ngày đầu của tháng 12, vòng vây càng siết chặt thêm, và quân ta bước vào giai đoạn tiếp theo với nhiệm vụ thanh toán quân địch đang bị vây.

Suốt thời gian này, tôi được A.M. Va-xi-lép-xki và Bộ Tổng tham mưu thông báo

đầy đủ về tiến trình phản công. Sau khi đã vây chặt tập đoàn quân 6 và các binh đoàn của tập đoàn quân xe tăng Đức, thì nhiệm vụ nặng nề nhất lúc này là không để quân địch chạy thoát khỏi vòng vây.

Ngày 28-11, tôi có mặt ở sở chỉ huy Phương diện quân Ca-li-nin để cùng bộ tư lệnh thảo luận về chiến dịch tiến công sắp mở.

Khuya đó, Tổng tư lệnh gọi điện thoại hỏi tôi đã nắm được tình hình mới nhất ở khu vực Xta-lin-grát chưa. Tôi trả lời có. Tổng tư lệnh bảo tôi suy nghĩ và báo cho Người những ý kiến của mình về trận thanh toán quân Đức đang bị vây ở Xta-lin-grát.

Sáng 29-11, tôi gửi lên Tổng tư lệnh bức điện như sau:

“Trong tình hình hiện nay, nếu Đức không đánh một đòn bổ trợ từ khu vực Ni-giơ-ne Chiếc-xcai-a - Cô-chi-ôn-ni-cô-vô, thì số quân chúng bị vây không dám liều mạng đột phá để thoát khỏi vòng vây.

Xem ra, bọn chỉ huy Đức đang cố gắng giữ chặt các trận địa ở khu vực Xta-lin-grát - Véc-chi-a-xi - Ma-ri-nốp-ca - Các-pốp-ca - nông trường Goóc-nai-a - Pô-li-a-na và gấp rút tập trung ở Ni-giơ-ne Chiếc-xcai-a - Cô-chi-ôn-ni-cô-vô một cụm quân xung kích để đột phá chính diện quân ta theo hướng chung đến Các-pốp-ca nhằm chia cắt chính diện các đơn vị quân ta, tạo một đường hành lang tiếp tế cho số quân bị vây và để sau đó rút số quân bị vây theo đường hành lang này.

Nếu gặp thuận lợi thì địch có thể tạo được hành lang ở khu vực Ma-ri-nốp-ca - Li-a-pi-sép - Véc-khơ-ne Chiếc-xcai-a, chính diện hướng về phía bắc.

Mặt thứ hai của hành lang ấy hướng về đông nam, theo tuyến Se-ben-cô-đê-tư - Gni-lốp-xcai-a - Sa-ba-lin.

Để các cánh quân địch ở Ni-giơ-ne Chiếc-xcai-a và Cô-chi-ôn-ni-cô-vô không thể liên lạc được với cánh quân ở Xta-lin-grát mà lập hành lang, cần:

- Hết sức nhanh chóng đánh lui ngay cánh quân địch ở Ni-giơ-ne Chiếc-xcai-a - Cô-chi-ôn-ni-cô-vô và tạo một đội hình chiến đấu dày đặc trên tuyến Ô-blip-xcai-a - Toóc-mô-xin - Cô-chi-ôn-ni-cô-vô. Giữ ở khu vực Ni-giơ-ne Chiếc-xcai-a - Cô-chi-ôn-ni-cô-vô 2 cụm xe tăng, mỗi cụm không dưới 100 xe để làm đội dự bị.
- Cắt số quân địch bị vây ở Xta-lin-grát ra làm hai. Muốn thế... phải đánh một đòn bô đôi ở hướng Bôn Rốt-xốt-xca. Cũng hướng về phía ấy, cho một mũi đánh vào Đu-bi-nin-xki, điểm cao 135. Trên các khu vực khác thì phòng ngự và chỉ cho những bộ phận nhỏ, lẻ hoạt động để tiêu hao và làm suy yếu quân địch.

Sau khi chia cắt số quân địch bị vây ra làm hai, cần... trước tiên tiêu diệt cụm quân địch yếu nhất, rồi dùng toàn lực đánh vào số quân địch ở khu vực Xta-lin-grát.

Giu-cốp

Số 02

29.11.1942”

Sau khi báo cáo với Tổng tư lệnh, tôi nói chuyện theo đường dây riêng với A.M. Va-xi-lép-xki, đồng chí tán thành dự kiến của tôi. Đồng thời tôi cũng trao đổi ý kiến về hoạt động sắp tới của bộ đội Phương diện quân Tây-nam. Va-xi-lép-xki đồng ý tạm thời hoãn chiến dịch “Sao thổ lớn” lại và cho Phương diện quân Tây-nam đánh vào sườn quân địch ở Toóc-mô-xin. Bộ Tổng tham mưu cũng có ý kiến như vậy.

Phương diện quân Tây - nam nhận nhiệm vụ “Sao thổ nhỏ” như sau: dùng các tập

đoàn quân cận vệ 1 và 3, tập đoàn quân xe tăng 5, đánh mạnh theo hướng chung đến Mô-rô-dốp-xcơ, tiêu diệt quân địch trong khu vực đó. Mũi này của Phương diện quân Tây-nam được tập đoàn quân 6 của Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ hỗ trợ, tập đoàn quân này đang tiến công trong hướng chung đến Can-tê-mi-rốp-ca. Bộ chỉ huy quân Đức lúc ấy rất cần lực lượng dự bị để cứu vãn tình thế nguy kịch của quân đội chúng ở Xta-lin-grát và Cáp-ca-dơ.

Không cho địch rút bớt quân của cụm “Trung tâm” như tôi đã nói, Bộ Tổng tư lệnh quyết định: song song với cuộc phản công ở Xta-lin-grát, tổ chức cho hai Phương diện quân miền Tây và Ca-li-nin tiến công địch nhằm chiếm vùng đất nhô Rơ-giép. Từ 20-11 đến 8-12 là thời gian phải lập kế hoạch và chuẩn bị tiến công xong.

Ngày 8-12-1942, các phương diện quân nhận được chỉ thị sau đây:

“ Các Phương diện quân miền Tây và Ca-li-nin có nhiệm vụ phối hợp tác chiến nhằm đến ngày 1-1-1943 phải tiêu diệt số quân địch ở khu vực Rơ-giép - Xư-chép-ca - Ô-lê-ni-nô Bê-lưi và trụ lại trên tuyến Ya-rư-ghi-nô - Xư-chép-ca - An-đrây-ép-xcôi-ê - Lê-ni-nô - A-giê-vô mới - Đên-chê-lê-vô - Xvi-tư.

Phương diện quân miền Tây khi tiến hành chiến dịch cần nắm vững các điều sau đây:

a) Trong những ngày 10, 11 tháng 12, đột phá trận địa phòng ngự của địch ở khu vực Crô-pô-tô-vô lớn - Ya-rư-ghi-nô và chiếm Xư-chép-xca đúng vào ngày 15-12; ngày 20-12, đưa đến khu vực An-đrây-ép-xcôi-ê đúng hai sư đoàn bộ binh để cùng với tập đoàn quân 41 của Phương diện quân Ca-li-nin vây chặt quân địch ở đó.

b) Sau khi chọc thủng trận địa phòng ngự địch và chủ lực đã ra đến tuyến đường sắt thì đưa lực lượng cơ động của phương diện quân và đúng 4 sư đoàn bộ binh quay trở lại phía bắc đánh vào sau lưng số quân địch đóng ở Rơ-giép - Chéc-tô-li-nô.

Tập đoàn quân 30 đột phá trận địa phòng ngự ở khu vực Cô-ski-nô, giao điểm các con đường phía đông bắc Buốc-gô-vô, và đúng 15-12 tiến lên đường sắt ở khu vực Chéc-tô-li-nô; khi tiến ra đường sắt thì hiệp đồng chiến đấu với lực lượng cơ động của phương diện quân và đánh dọc đường sắt đến Rơ-giép để đúng 23-12 chiếm Rơ-giép.

Phương diện quân Ca-li-nin khi thi hành nhiệm vụ cần nắm vững các việc sau đây:

a) Tập đoàn quân 39 và 22 tiếp tục tiến công theo hướng chung đến Ô-lê-ni-nô với nhiệm vụ đúng ngày 16-12 tiêu diệt xong cụm quân địch ở đó.

Một phần lực lượng tập đoàn quân 22 mở đòn tiến công hỗ trợ theo hướng Ê-gô-ra cho tập đoàn quân 41 tiêu diệt quân địch ở Bê-lưi.

b) Tập đoàn quân 41 đến ngày 10-12 phải tiêu diệt cánh quân địch đã đột phá ở khu vực Xư-xư-nô và khôi phục lại trận địa đã mất ở khu vực Ô-cô-lít-xe.

Đúng 20-12, cho một phần lực lượng tiến đến khu vực Môn-nha - Vla-đi-mia-xcôi - Ê-lê-ni-nô với nhiệm vụ cùng các đơn vị của Phương diện quân miền Tây khóa chặt từ phía nam cánh quân địch bị vây.

Đúng ngày 20-12 chiếm thành phố Bê-lưi.

Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao

I. Xta-lin

G. Giu-cốp

Số 170700”.

Chiến dịch này do lực lượng của hai phương diện quân tiến hành. Nó có ý nghĩa quan trọng góp phần tiêu diệt quân địch ở khu đất nhô Rơ-giép vì vậy cần nói một đôi lời về nó.

Bộ tư lệnh Phương diện quân Ca-li-nin, đứng đầu là trung tướng M.A. Puốc-ca-ép đã làm tròn nhiệm vụ của mình. Một mũi của phương diện quân này tiến công phía nam thành phố Bê-lưi đã đột phá chính diện thắng lợi, tiến thẳng về hướng Xư-chép-ca. Một mũi của Phương diện quân miền Tây đáng lẽ phải đột phá trận địa phòng ngự của địch và tiến lên hợp điểm với quân của phương diện quân Ca-li-nin để khép kín vòng vây chung quanh quân Đức ở Rơ-giép, nhưng đã không đột phá được.

Tổng tư lệnh liền bảo tôi gấp rút đến gặp L.X. Cô-nép.

Sau khi làm việc ở sở chỉ huy Phương diện quân miền Tây, tôi cho rằng mở lại chiến dịch là vô ích. Quân địch đã đoán được ý định của ta và điều khá nhiều lực lượng từ các nơi khác về vùng có chiến sự này.

Trong lúc đó tình hình Phương diện quân Ca-li-nin ở khu vực quân ta đột phá đã trở nên gay go. Quân địch đánh mạnh vào hai bên sườn, đã chia cắt và bao vây quân đoàn cơ giới của ta do thiếu tướng M.D. Xô-lô-ma-tin chỉ huy.

Thế là buộc phải điều trong lực lượng dự bị của Bộ Tổng tư lệnh một quân đoàn bộ binh đến ứng cứu để giải vây cho quân của M.D. Xô-lô-ma-tin đã chiến đấu trong những điều kiện cực kỳ gay go trong hơn ba ngày đêm.

Trong đêm rạng ngày thứ tư, những chiến sĩ người Xi-bê-ri đã kịp thời chọc thủng

chính diện quân địch, giải vây cho quân đoàn của M.D. Xô-lô-ma-tin. Quân đoàn đã kiệt sức, được đưa về hậu phương nghỉ ngơi.

Mặc dầu quân ta ở đây không đạt được mục tiêu do Bộ Tổng tư lệnh đề ra là thanh toán quân địch ở Rơ-giép, nhưng do những hoạt động tích cực của ta, bọn chỉ huy Đức không thể nào rút nhiều lực lượng ở đây về tăng viện cho khu vực Xta-lin-grát được.

Hơn nữa, để giữ vững bàn đạp Rơ-giép - Vi-a-dơ-ma, bộ chỉ huy Đức buộc phải điều về khu vực Vi-a-dơ-ma - Rơ-giép 4 sư đoàn xe tăng và 1 sư đoàn cơ giới.

Nghiên cứu những nguyên nhân tiến công không đạt kết quả của Phương diện quân miền Tây, chúng tôi đi đến kết luận rằng, nguyên nhân cơ bản là đã đánh giá thấp những khó khăn về địa hình ở nơi mà bộ chỉ huy phương diện quân chọn làm mũi tiến công chủ yếu.

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 15

TIÊU DIỆT QUÂN ĐỘI PHÁT-XÍT Ở CUỐC-XCƠ, Ô-RI-ÔN, KHÁC-CÓP

THẾ là Phương diện quân Vôn-khốp và Lê-nin-grát chọc thủng vòng vây Lê-nin-grát đã trở thành sự kiện lớn nhất trong chiến cục mùa đông 1942-1943, một sự kiện có ý nghĩa quốc tế to tát. Phương diện quân Tây-bắc, sau khi đánh tan quân giặc ở Đê-mi-an-xcơ, đã tiến tới sông Lô-vát. Phương diện quân miền Tây đã đuổi địch khỏi khu Rơ-giép - Vi-a-dơ-ma, chiếm lại tuyến Đu-khốp-si-na - Đê-men-xcơ.

Đến giữa tháng 3-1943, tình hình trên tất cả các mặt trận đều chuyển biến có lợi về phía Liên Xô. Sau khi các đơn vị quân Đức, Ru-ma-ni, Ý và Hung-ga-ri trong khu sông Vôn-ga, sông Đông, Tây Cáp-ca-dơ bị tiêu diệt thì sự thiệt hại của địch đã lên đến mức rất cao, vì vậy vào khoảng giữa tháng 3, chúng phải rút về tuyến Xép-xcơ - Rưn-xcơ - Xu-mư - A-khơ-tư-ca - Cra-xnô-grát - Xla-vi-an-xcơ - Li-xư-chan-xcơ - Ta-gan-rốc.

Từ khi chuyển sang phản công ở Xta-lin-grát (tháng 11-1942 đến

tháng 3-1943), Quân đội Xô-viết đã tiêu diệt tổng cộng trên 100 sư đoàn giặc. Tất nhiên đối với các chiến sĩ và nhân dân Xô-viết, đạt được những thắng lợi to lớn đó không phải dễ dàng gì, chúng ta cũng tổn thất nhiều.

Trên các mặt trận đã tạm yên tiếng súng, riêng ở các khu vực thuộc Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, Tây-nam, Nam và ở Cuban thì vẫn có những trận chiến đấu ác liệt.

Để không cho tình hình ở cánh phía nam của chúng tiếp tục xấu thêm, bộ tổng tư lệnh Đức đã thu nhập lực lượng bổ sung để phản công lại Phương diện quân Tây-nam. Mục tiêu là đẩy các đơn vị của ta sang bên kia sông Bắc Đô-nét và sau khi tổ chức phòng ngự dọc con sông để làm chỗ dựa, chúng sẽ tiến công các đơn vị quân ta thuộc Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, đánh chiếm Khác-cốp và Ben-gô-rôt.

Về sau qua các tài liệu thu được, chúng ta biết bọn chỉ huy Đức dự định, khi có điều kiện thuận lợi, sẽ mở rộng các hoạt động của quân đội chúng nhằm thủ tiêu khoảng trận địa phòng ngự nhô ra của chúng ta ở Cuộc-xơ.

Đầu tháng 3, quân địch từ khu Liu-bô-tin đã phản kích mạnh vào cánh trái Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ; bị thiệt hại, quân ta rút lui. Ngày 16-3, địch lại chiếm Khác-cốp và bắt đầu phát triển tiến công về phía Ben-gô-rôt.

Lúc đó, tôi đang ở Phương diện quân Tây-bắc do nguyên soái

Liên Xô Ti-mô-sen-cô chỉ huy. Các đơn vị thuộc Phương diện quân này đã tới sông Lô-vát và chuẩn bị vượt sông.

Sau khi thông báo lên Tổng tư lệnh tối cao về tình hình trên sông Lô-vát, tôi báo cáo rằng, việc tan băng sớm chưa từng có đã gây khó khăn cho việc vượt sông, vì vậy Phương diện quân Tây-bắc đành phải tạm thời đình chỉ cuộc tiến công ở đây.

Tổng tư lệnh đồng ý như vậy. Sau khi hỏi tôi đôi câu về khả năng phát triển của tình hình ở Phương diện quân Tây-bắc, khi kết thúc cuộc nói chuyện, I.V. Xta-lin cho biết định giao việc chỉ huy Phương diện quân Tây-bắc cho V.Đ. Xô-cô-lốp-xki.

Tôi đề nghị cử I.X. Cô-nép, đang làm tư lệnh Phương diện quân miền Tây đến chỉ huy Phương diện quân Tây-bắc và cử X.K. Ti-mô-sen-cô xuống phía nam làm đại diện Đại bản doanh giúp đỡ các Phương diện quân Nam và Tây-nam. Đồng chí Ti-mô-sen-cô là người am hiểu địa phương và gần đây, tình hình các nơi đó đã phát triển không thuận lợi cho chúng ta.

- Được rồi - I.V. Xta-lin nói - tôi sẽ nói với Pô-xcrê-bur-sép báo cho Cô-nép gọi điện tới đồng chí để có điều gì cần thì dặn dò, còn đồng chí thì sáng mai phải về Đại bản doanh. Cần bàn về tình hình các Phương diện quân Tây-nam và Vô-rô-ne-giơ.

- Có thể, - Xta-lin nói thêm, - cần đồng chí đi Khác-cốp đấy.

Một lát sau, I.X. Cô-nép gọi đây nói đến tôi.

- Có gì thế, I-van Xtê-pa-nô-vích.

- Hội đồng quốc phòng đã cho tôi thôi chức chỉ huy Phương diện quân miền Tây. V.Đ. Xô-cô-lốp-xki được cử thay.

- Tổng tư lệnh tối cao đã cử đồng chí làm tư lệnh Phương diện quân Tây-bắc thay X.K. Ti-mô-sen-cô. X.K. Ti-mô-sen-cô được phái đến các mặt trận phía nam.

I.X. Cô-nép tỏ lời cảm ơn và nói rằng, sáng mai sẽ đến nhận nhiệm vụ mới. Sáng hôm sau, tôi về Đại bản doanh.

Khuya hôm đó, tôi tới Mát-xcơ-va. Đi đường rất mệt vì phải dùng loại xe đi trên mọi địa hình mới có thể vượt qua những con đường đã bị băm nát.

A.N. Pô-xcrê-bur-sép báo cho tôi biết, I.V. Xta-lin đã triệu tập rất nhiều người đến để bàn cách giải quyết nhiên liệu cho ngành luyện kim, điện lực, các nhà máy chế tạo máy bay và xe tăng. Tôi được lệnh đến hội nghị ngay. Vừa đi vừa ăn qua loa, tôi tới viện Crem-lanh.

Trong phòng làm việc của Tổng tư lệnh tối cao, ngoài các ủy viên Bộ chính trị, có cả cán bộ lãnh đạo các cơ quan Nhà nước, các công trình sư và giám đốc nhiều nhà máy lớn. Qua các báo cáo, mọi người thấy rõ đang có tình hình căng thẳng trong công nghiệp, kể cả ở các nhà máy quan trọng nhất như nhà máy sản xuất máy bay và đại bác. Sự viện trợ theo lời thuê mượn, hứa hẹn từ nước Mỹ thì được thực hiện một cách tồi tệ.

Lúc cuộc họp với đồng chí Tổng tư lệnh tối cao kết thúc thì đã

hơn 3 giờ đêm. Ở hội nghị ra, người thì về trụ sở Ban chấp hành Trung ương, người thì về các cơ quan Bộ ủy viên nhân dân, người thì về ủy ban kế hoạch Nhà nước để tìm các nguồn lực lượng và để nhanh chóng thực hiện các biện pháp cải thiện sản xuất công nghiệp.

Sau hội nghị, I.V. Xta-lin lại gần tôi, hỏi:

- Đồng chí đã ăn sáng chưa?
- Thưa chưa.
- Thế thì đến nhà tôi và luôn tiện chúng ta nói chuyện về tình hình vùng Khác-cốp.

Trong khi ăn, Bộ Tổng tham mưu đưa bản đồ tình huống các Phương diện quân Tây-nam và Vô-rô-ne-giơ tới. Đồng chí thuyết minh bản đồ, khi nói về tình hình Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, báo cáo rằng, ở đây trong ngày 16 tình thế đã trở nên hết sức xấu.

Sau khi bộ đội thiết giáp và cơ giới địch tiến công từ vùng Cra-ma-toóc-xơ đã đẩy Phương diện quân Tây-nam sang bên này sông Đô-nét, tình hình phía tây nam Khác-cốp cũng trở nên nghiêm trọng.

Quân địch từ Pôn-ta-va và từ Cra-xnô-grát đều chuyển cùng một lúc sang tiến công. N.Ph. Va-tu-tin đã kịp kéo các đơn vị vượt lên phía trước của tập đoàn quân xe tăng 3 và tập đoàn quân 69 đã tổ chức được đội hình chiến đấu nghiêm mật ở phía tây và tây

nam Khác-cốp. Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ đã không làm được như thế.

- Tại sao Bộ Tổng tham mưu không nhắc việc đó? - Tổng tư lệnh tối cao hỏi.

- Chúng tôi đã nêu ý kiến đó với họ. - đồng chí sĩ quan trả lời.

- Bộ Tổng tham mưu cần đi sâu, can thiệp vào công tác lãnh đạo của phương diện quân. - I.V. Xta-lin đề ra ý kiến một cách kiên quyết. Và sau đó, suy nghĩ một lát nói với tôi - Sáng mai đồng chí cần ra mặt trận.

Ngay lúc đó, Tổng tư lệnh tối cao gọi đây nói cho ủy viên Hội đồng quân sự Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, N.X. Khor-rút-xốp và khiển trách Khor-rút-xốp vì Hội đồng quân sự đã không có biện pháp đánh lại các đòn phản công của địch.

Sau khi làm việc xong với người thuyết minh bản đồ, Tổng tư lệnh nói:

- Dù thế nào cũng phải ăn cho xong đã.

Lúc này đã là 5 giờ sáng.

Sau bữa ăn trưa, thật ra đã thành bữa ăn sáng, tôi xin phép đến Bộ ủy viên nhân dân quốc phòng để chuẩn bị ra mặt trận Vô-rô-ne-giơ. Lúc 7 giờ sáng tôi đã có mặt tại sân bay Trung ương để đáp máy bay tới Bộ tham mưu Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ. Ngồi lên máy bay, tôi ngủ thiếp đi và chỉ tỉnh giấc khi máy bay hạ cánh, chạm mạnh vào mặt đất.

Ngay hôm đó, từ Bộ tham mưu Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, tôi gọi điện về tả lại tình hình với I.V. Xta-lin. Tình hình đã xấu hơn so với lúc người cán bộ thuyết minh bản đồ báo cáo buổi sáng. Sau khi chiếm được Khác-cốp, không gặp sự chống cự đặc biệt nào, quân địch đã thọc vào hướng Ben-gô-rôt và chiếm được Ca-da-chi-a Lô-pan.

Tôi báo cáo với Tổng tư lệnh: “Cần đưa ngay đến vùng này tất cả lực lượng có thể có của Bộ hoặc có thể rút từ các Phương diện quân bên cạnh; trong trường hợp trái lại bọn Đức sẽ chiếm được Ben-gô-rôt và mở rộng cuộc tiến công về phía Cuốc-xơ”.

Một giờ sau, qua cuộc nói chuyện với A.M. Va-xi-lép-xki, tôi được biết Tổng tư lệnh tối cao đã ra lệnh đưa đến vùng Ben-gô-rôt tập đoàn quân 21, tập đoàn quân xe tăng 1 và tập đoàn quân 64. Tập đoàn quân xe tăng được dùng làm lực lượng dự bị của tôi.

Ngày 18-3, Ben-gô-rôt bị quân đoàn xe tăng SS chiếm. Nhưng địch không thể tiến thêm được lên phía bắc.

Qua báo cáo của tư lệnh sư đoàn cận vệ, tướng Ne-xto Đmi-tơ-ri-ê-vích Cô-din, tôi được biết tình hình sau đây:

Theo lệnh của tướng I.M. Chi-xti-a-cốp, tư lệnh tập đoàn quân 21, chi đội phái đi trước do trung tá G.G. Pan-tiu-khốp, trung đoàn trưởng trung đoàn cận vệ 155, chỉ huy đã tới Ben-gô-rôt để tiếp xúc với địch và bắt tù binh.

Trên đường tới Ben-gô-rôt, khi phát hiện thấy địch, chi đội đã phục kích trong vùng Sa-pi-nô (phía bắc Ben-gô-rôt) và bắt được tù binh thuộc sư đoàn xe tăng “đầu lâu”. Qua hỏi cung chúng ta được biết, quân địch tiến về Ô-bôi-an.

Chiều ngày 18-3, chủ lực của sư đoàn 52 vào chiếm lĩnh trận địa phòng ngự ở phía bắc Ben-gô-rôt và đưa các đội tiên tiêu lên phía trước. Từ đó về sau, quân địch nhiều lần cố sức đánh bật các chiến sĩ cận vệ nhưng đều không đạt kết quả. Bên phải sư đoàn 52 có sư đoàn bộ binh cận vệ 67 phòng ngự và bên trái có sư đoàn bộ binh 375.

Theo báo cáo của sư trưởng sư đoàn 52, nổi nhất trong các trận chiến đấu ở phía bắc Ben-gô-rôt là trung đoàn trưởng trung đoàn 153, trung tá P.X. Ba-bích, chủ nhiệm chính trị sư đoàn trung tá I.X. Vô-rô-nốp, trung đoàn trưởng trung đoàn bộ binh 151, trung tá I.Ph. Yu-đích. Ngày 20-3, tôi đã tặng thưởng huy chương, huân chương chiến đấu cho nhiều chiến sĩ.

Ngày 20, 21-3, lực lượng cơ bản của tập đoàn quân 21 đã tổ chức phòng ngự khá vững chắc ở phía bắc Ben-gô-rôt, còn tập đoàn quân xe tăng 1 tập kết ở phía bắc Ô-bôi-an.

Cuối tháng 3, bọn Đức phát xít đã nhiều lần định đột phá phòng ngự của tập đoàn quân 64 ở Ben-gô-rôt và bắc Đô-nét, nhưng mọi âm mưu đó đều không thực hiện được. Bị đánh thiệt hại nặng, địch phải trụ lại trên tuyến đã chiếm.

Từ lúc đó, tình hình trong vùng cánh cung Cuốc-xơ đã tạm ổn. Cả hai bên đang chuẩn bị cho một cuộc giáp chiến quyết định. Đề kiện toàn cơ quan lãnh đạo của Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, Tổng tư lệnh tối cao cử thượng tướng N.Ph. Va-tu-tin làm tư lệnh. Sau khi nhận chức, với lòng kiên nghị sẵn có, N.Ph. Va-tu-tin bắt tay ngay vào việc củng cố bộ đội và xây dựng thế trận phòng ngự có chiều sâu và nhiều tầng.

Cuối tháng 3 và đầu tháng 4, chúng tôi đã nhiều lần cùng với N.Ph. Va-tu-tin đến thăm tất cả các khu vực của phương diện quân. Chúng tôi đã cùng cán bộ chỉ huy các bộ đội và binh đoàn đánh giá tình hình, xác định nhiệm vụ và các biện pháp cần áp dụng nếu quân địch chuyển sang tiến công. Tôi đặc biệt lo ngại về đoạn phòng ngự của sư đoàn khinh binh cận vệ 52 mà tôi đã hai lần tới quan sát. Đồng chí tư lệnh phương diện quân và tập đoàn quân đều cùng ý kiến và chúng tôi quyết định tìm mọi cách lấy pháo binh để tăng cường và củng cố khu vực có trách nhiệm nặng nề đó.

Đã đến lúc chuẩn bị những dự kiến bước đầu về kế hoạch trận chiến đấu lớn ở Cuốc-xơ.

Theo sự thỏa thuận với Tổng tham mưu trưởng A.M. Va-xi-lép-xki và tư lệnh các phương diện quân, chúng tôi đã dùng nhiều cách tổ chức trinh sát tỉ mỉ tình hình địch trên các khu vực của các Phương diện quân Trung ương, Vô-rô-ne-giơ và Tây-nam.

A.M. Va-xi-lép xki đã giao cho cục quân báo, bộ tham mưu trung ương quân du kích nhiệm vụ xác định số lượng và nơi đóng quân của các đội dự bị địch, tiến trình điều động và tập trung các đơn vị địch rút từ Pháp, Đức và các nước khác tới. Hoạt động của lực lượng du kích từ bên trong vùng địch chiếm, do các tổ chức bí mật của Đảng ở địa phương chỉ đạo thường xuyên và không mệt mỏi, đã làm tăng sức mạnh nói chung của các đòn đánh vào quân địch. Sự hiệp đồng giữa quân du kích và bộ đội chủ lực đã chặt chẽ hơn, du kích đã cung cấp tin địch cho chủ lực, phá hoại các lực lượng dự bị địch, cắt đứt giao thông, làm gián đoạn việc điều động quân đội và vũ khí của chúng. Ngay từ năm 1942, Hít-le đã phải dùng 10 % lực lượng lực quân có trên mặt trận Xô - Đức để đối phó với quân du kích. Năm 1943, để làm nhiệm vụ đó, địch đã dùng đến các binh đoàn cảnh sát SS và SD, nửa triệu lính thuộc các đơn vị bổ trợ, khoảng 25 sư đoàn quân chính quy.

Đảng Cộng sản đã khéo lãnh đạo cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân chống lại bọn xâm lược nước ngoài và bằng cách đó, đã giúp đỡ tích cực bộ đội đang tác chiến. Những người đảng viên du kích không những cầm súng chiến đấu mà còn làm công tác tuyên truyền giải thích rất rộng trong nhân dân, phân phát các truyền đơn lời kêu gọi, bản tin của phòng thông tin Xô-viết, đập tan các luận điệu tuyên truyền lừa bịp của giặc. Quân du kích

cũng tác động rất lớn đến tinh thần quân địch.

Các đơn vị ở mặt trận trong phạm vi hoạt động của mình bắt đầu xúc tiến công việc trinh sát đường không và trên mặt đất. Kết quả là đến đầu tháng 4, chúng tôi đã có khá đầy đủ tin tức về tình hình quân địch trong vùng Ô-ri-ôn, Xu-mư, Ben-gô-rôt và Khác-cốp. Sau khi tìm hiểu các tin trinh sát, nghiên cứu các nguồn tư liệu lấy từ nhiều địa bàn hoạt động quân sự trên phạm vi rộng hơn và sau khi thảo luận với tư lệnh các Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Trung ương, sau đó cả với Tổng tham mưu trưởng A.M. Va-xi-lép-xki, tôi gửi lên Tổng tư lệnh bản báo cáo dưới đây:

“Gửi đồng chí Va-xi-li-ép,

5 giờ 30 ngày 8-4-1943,

Tôi xin báo cáo ý kiến của tôi về khả năng hoạt động của quân địch trong xuân hè 1943 và những dự kiến về nhiệm vụ chiến đấu phòng ngự của chúng ta trong thời gian sắp tới:

1. Bị thiệt hại lớn trong chiến cục mùa đông 1942 - 1943, quân địch chắc chắn sẽ không thể xây dựng được lực lượng dự bị lớn trong mùa xuân để mở lại cuộc tiến công đánh chiếm Cáp-ca-dơ và tiến tới sông Vôn-ga, thực hiện mục đích đánh vu hồi sâu vào Mát-xcơ-va.

Bị hạn chế về lực lượng dự bị, trong mùa xuân và nửa đầu mùa hè, muốn đạt được mục tiêu cơ bản: chiếm Mát-xcơ-va, quân

địch bắt buộc sẽ phải mở những cuộc tiến công trên bề mặt hẹp và giải quyết nhiệm vụ từng bước một.

Hiện nay địch đã tập trung nhiều lực lượng ở phía trước các Phương diện quân Trung ương, Vô-rô-ne-giơ, Tây-nam, vì vậy tôi cho rằng chúng sẽ mở các chiến dịch tiến công chủ yếu vào ba phương diện quân nói trên với ý định đập tan lực lượng ta trên các hướng đó để mở rộng đường vận động đánh vu hồi Mát-xcơ-va theo hướng gần nhất.

2. Bước thứ nhất, địch sẽ tập trung một số lực lượng lớn nhất, trong đó có 13 - 15 sư đoàn xe tăng, và điều một số lớn máy bay làm lực lượng yểm hộ để đánh vu hồi Cuốc-xcơ từ hai phía: một, từ phía đông bắc, bằng những lực lượng định tập trung ở Ô-ri-ôn - Crô-mư; một, từ phía đông nam bằng số lượng địch ở Ben-gô-rốt - Khác-cốp. Để chia cắt mặt trận của ta, chúng có thể mở một mũi đột kích hỗ trợ nữa ở phía tây, từ vùng Vô-rô-giơ-bư, tức là giữa hai con sông Xê-im và Pơ-xen theo hướng tây nam đánh vào Cuốc-xcơ. Trong cuộc tiến công này địch sẽ cố gắng đánh tan và bao vây các tập đoàn quân 13, 70, 65, 38, 40 và 21. Mục tiêu cuối cùng của bước này có thể là tiến đến tuyến sông Cô-rô-cha - Cô-rô-cha - Tim – sông Tim - Đrô-xcô-vô.

3. Bước thứ hai, địch sẽ tìm cách tiến đến sườn và phía sau Phương diện quân Tây-nam theo hướng chung qua Va-lui-ki - U-ra-dô-vô.

Để hợp kích với mũi tiến công này, địch có thể mở một mũi từ vùng Li-xi-chan-xơ hướng về phía bắc tới Xva-tô-vô - U-ra-dô-vô.

Trên các khu vực còn lại, địch sẽ cố tiến tới tuyến Líp-nư - Ca-xtoóc nô-i-ê - Ô-xcôn mới và cũ.

4. Trong bước ba, sau khi đã tổ chức lại đội hình thích hợp, có thể địch sẽ âm mưu tiến tới tuyến Li-xki - Vô-rô-ne-giơ - Ê-lét và sau khi đã có lá chắn che chở ở phía đông nam, chúng có thể tổ chức đòn vu hồi Mát-xơ-va từ đông nam qua Ra-nen-buốc - Ria-giơ-xơ - Ri-a-dan.

5. Có thể dự kiến, trong các cuộc tiến công, địch sẽ dựa chủ yếu vào các sư đoàn xe tăng và không quân, bởi vì khả năng tiến công của bộ binh chúng năm nay không bằng năm ngoái.

Giờ đây phía trước các Phương diện quân Trung ương và Vô-rô-ne-giơ, địch có đến 12 sư đoàn xe tăng và, sau khi kéo thêm 3 hoặc 4 sư đoàn xe tăng từ các khu vực khác đến, chúng có thể tung ra 15 16 sư đoàn xe tăng với 2.500 chiếc để đánh vào bộ phận quân ta ở Cuốc-xơ

6. Để đập nát quân địch trước trận địa của ta, ngoài việc tăng cường tổ chức đánh xe tăng ở Phương diện quân Trung ương và Vô-rô-ne-giơ, chúng ta cần nhanh chóng lấy từ các khu vực chưa tác chiến để chuyển 30 trung đoàn pháo cơ động chống tăng về làm dự bị của Bộ Tổng tư lệnh trên các hướng bị uy hiếp; cần tập

trung tất cả các trung đoàn pháo tự hành vào khu vực Líp-nư - Ca-xtoóc-nôi-ê - Ô-xcôn cũ. Cần tăng cường ngay cho Rô-cô-xốp-xki và Va-tu-tin một số trung đoàn và tập trung máy bay càng nhiều càng tốt vào đội dự bị của Bộ để có thể mở những trận tập kích mãnh liệt bằng không quân hiệp đồng với các binh đoàn xe tăng và bộ binh mà đập nát các đạo quân xung kích địch, phá kế hoạch tiến công của chúng.

Tôi không rõ tình hình bố trí gần đây của các đội dự bị chiến dịch, nhưng tôi muốn đề nghị đặt các đơn vị đó trong vùng Ê-phơ-rê-mốp - Líp-nư - Ca-xtoóc-nôi-ê - Ô-xcôn cũ - Va-lui-ki - Rốt-xốt - Li-xki - Vô-rô-ne-giơ - Ê-lét. Bộ phận chính của lực lượng dự bị nên đặt trong vùng Ê-lét - Vô-rô-ne-giơ. Các đơn vị dự bị dùng để thọc sâu nên đặt trong vùng Ri-a-giơ-xơ, Ra-nen-buốc, Mi-chu-rin-xơ, Tam-bốp.

Trong vùng Tu-la - Xta-li-nô-goóc-xơ cần có một tập đoàn quân.

Trong những ngày gần đây, không nên chuyển sang tiến công nhằm mục đích cảnh cáo quân địch. Tốt hơn cả là chúng ta hãy đánh tiêu hao quân địch trước trận địa phòng ngự của ta, tiêu diệt các xe tăng của chúng và sau đó, khi đưa được các lực lượng dự bị nguyên vẹn tới, chúng ta sẽ chuyển sang tổng tiến công để tiêu diệt hoàn toàn khối lực lượng cơ bản của địch.

Côn-xtan-ti-nốp

Số 256”.

Ngày 9 hoặc 10 tháng 4 - tôi không nhớ rõ - A.M. Va-xi-lép-xki đến bộ tham mưu Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ. Cùng với đồng chí, tôi lại nêu từng chi tiết ra thảo luận về bản báo cáo của tôi về tình hình, dự kiến phân bố lực lượng dự bị chiến lược, chiến dịch và tính chất những hoạt động quân sự sắp tới. Giữa tôi và A.M. Va-xi-lép-xki có sự nhất trí trên tất cả các vấn đề.

Chúng tôi làm bản dự thảo chỉ thị phân bố lực lượng dự bị của Đại bản doanh và đề án thành lập Phương diện quân Xtép, ký tên vào và gửi lên Tổng tư lệnh tối cao phê chuẩn.

Trong văn kiện này, có dự kiến địa điểm bố trí các tập đoàn quân và nơi để các phương tiện tăng cường của các phương diện quân. Chúng tôi đề nghị triển khai cơ quan tư lệnh Phương diện quân Xtép ở Ô-xcôn mới, sở chỉ huy ở Cô-rô-cha và sở chỉ huy dự bị ở Vê-li-ki Buốc-lúc. Giống như mọi lần chuẩn bị các chiến dịch lớn trước đây chúng tôi yêu cầu các Bộ tư lệnh và Bộ tham mưu phương diện quân gửi về Bộ Tổng tham mưu những dự kiến và đề nghị về biện pháp tác chiến của mình.

Vì có những ý kiến sai lầm đối với công việc tổ chức phòng ngự và tiến công năm 1943 ở vùng Cuốc-xơ, tôi cần đưa ra đây những tài liệu, văn kiện đã được gửi tới Đại bản doanh và Bộ Tổng tham mưu có liên quan đến việc đó. Ở đây tôi muốn nhấn mạnh rằng, Đại bản doanh không nhận được tài liệu nào khác,

ngoài các văn kiện đó.

Đây là báo cáo ngày 10-4 của trung tướng M.X. Ma-li-nin, tham mưu trưởng Phương diện quân Trung ương, gửi theo yêu cầu của Bộ Tổng tham mưu.

“Phương diện quân Trung ương ngày 10-4-1943

Gửi Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu Hồng quân, thượng tướng An-tô-nốp.

Số 11990.

...[1]

4. Trong xuân hè 1943, mục tiêu và hướng tiến công chủ yếu có khả năng nhất của địch là:

a) Căn cứ vào lực lượng, phương tiện và điều chủ yếu là căn cứ vào kết quả các chiến dịch tiến công năm 1941-1942, có thể dự kiến rằng, trong mùa hè năm 1943 quân địch chỉ có thể tiến công trên hướng chiến dịch Cuốc-xơ, Vô-rô-ne-giơ.

Trên các hướng khác địch chưa chắc đã có sức để tiến công.

Do thể chiến lược chung đã hình thành như trên, hiện nay, quân địch sẽ cố bám chắc Crum, Đôn-bát và U-crai-na. Để bảo đảm việc chiếm giữ đó, địch phải đưa ranh giới mặt trận lên tuyến Stê-rốp-ca - Xta-rô-ben-xơ - Rô-ven-ki - Li-xki - Vô-rô-ne-giơ - Líp-nur - Nô-vô-xin. Để thực hiện nhiệm vụ đó, địch phải có ít nhất 60 sư đoàn được tăng cường đầy đủ về máy bay, xe tăng và pháo binh.

Địch có đủ khả năng tập trung số lượng quân và phương tiện trên hướng đó.

Vì vậy hướng chiến dịch Cuộc-xơ và Vô-rô-ne-giơ là hướng quan trọng bậc nhất.

b) Xuất phát từ những phán đoán trên, cần chuẩn bị đối phó với hướng đánh của chủ lực địch cùng một lúc ở vòng trong và ngoài:

- Trên vòng trong, địch sẽ đánh từ Ô-ri-ôn qua Crô-mur vào Cuộc-xơ và từ Ben-gô-rôt qua Ô-bôi-an vào Cuộc-xơ.
- Trên vòng ngoài-từ Ô-ri-ôn qua Líp-nur vào Ca-xtoóc-nôi-ê và từ Ben-gô-rôt qua Ô-xcôn cũ vào Ca-xtoóc-nôi-ê.

c) Nếu chúng ta không có biện pháp chống âm mưu nói trên, thì các hoạt động của chúng theo các hướng đó có thể làm cho các đơn vị thuộc Phương diện quân Trung ương và Vô-rô-ne-giơ bị đánh tan tác địch sẽ chiếm được trục đường xe lửa Ô-ri-ôn - Cuộc-xơ - Khác-cốp và tiến tới tuyến có lợi, bảo đảm chiếm đóng lâu dài Crum, Đôn-bát và U-crai-na.

d) Quân địch sẽ bắt tay vào điều chỉnh và tập trung quân trên các hướng dự định tiến công, lập các dự trữ cần thiết, khi thời kỳ đường xấu và mùa nước lũ xuân chấm dứt.

Vì vậy vào khoảng nửa sau tháng 5-1943, địch có thể chuyển sang mở trận tiến công lớn có ý nghĩa quyết định.

5. Trong tình huống đó nên thực hiện các biện pháp sau:

a) Dùng lực lượng hợp nhất của các Phương diện quân miền Tây, Bri-an-xơ, Trung ương tiêu diệt đạo quân địch ở Ô-ri-ôn, không cho chúng tiến công từ Ô-ri-ôn qua Líp-nư đến Ca-xtoóc-nôi-ê hòng chiếm trục đường sắt Mơ-xen-xơ - Ô-ri-ôn - Cuốc-xơ và không cho địch sử dụng mỗi đường sắt và đường bộ ở Bri-an-xơ.

b) Muốn phá các cuộc tiến công của địch cần tăng cường cho Phương diện quân Trung ương và Bri-an-xơ không quân, chủ yếu là không quân tiêm kích và bổ sung cho mỗi phương diện quân ít nhất 10 trung đoàn pháo chống tăng.

c) Để đạt mục đích đó, cũng nên có sẵn lực lượng dự bị mạnh của Bộ trong vùng Líp-nư - Ca-xtoóc-nôi-ê - Líp-xki - Vô-rô-ne-giơ - Ê-lét.

Tham mưu trưởng

Phương diện quân Trung ương

Trung tướng Ma-li-nin.

Số 420”.

Bộ tư lệnh Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ cũng gửi dự kiến của mình về.

“Gửi Bộ Tổng tham mưu Hồng quân

Số 11990

12.4.1943.

Trước mặt Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ hiện nay phát hiện

thấy:

1. Bộ binh địch có 9 sư đoàn thuộc tuyến một (các sư đoàn 26, 68, 323, 75, 255, 57, 332, 167 và một sư đoàn chưa rõ số hiệu). Chính diện của chúng là Cra-xnô Ốc-chi-a-bơ-xcôi-ê - Chéc-nét-mi-na lớn - Cra-xnô Pô-le - Ca-dát-xcôi-ê. Một sư đoàn chưa rõ số hiệu, theo lời khai của tù binh, đang tới vùng Xon-đát-xcôi-ê để thay phiên sư đoàn bộ binh 332.

Tin trên đang được kiểm tra lại. Theo những tin tức chưa được xác minh, thê đội 2 của địch có 6 sư đoàn bộ binh. Địa điểm trú quân của các sư đoàn đó chưa rõ và cũng đang cho kiểm tra các tin này.

Trong vùng Khác-cốp, tình báo điện đài phát hiện thấy có cơ quan tham mưu của sư đoàn Hung-ga-ri, sư đoàn này có thể được dùng ở hướng thứ yếu.

2. Xe tăng, hiện nay địch có 6 sư đoàn (“Đại Đức”, “A-đôn-phơ Hít-le”, “Đầu lâu”, “Ra-ích”, 6 và 11), trong đó có 3 sư đoàn (“Đại Đức”, 6 và 11) ở tuyến 2. Qua trinh sát điện đài, thấy cơ quan tham mưu của sư đoàn xe tăng 17 di chuyển từ A-léch-xây-ép-xcôi-ê về Ta-sa-gốp-ca, có nghĩa là nó đã tiến về phía bắc. Với lực lượng có trong tay, địch có thể đưa thêm khoảng 3 sư đoàn xe tăng từ khu vực Phương diện quân Tây-nam đến vùng Bê-gô-rôt.

a. Như thế, có thể phán đoán rằng, ở phía Phương diện quân Vô-

rô-ne-giơ địch có khả năng lập một lực lượng xung kích gồm đến 10 sư đoàn xe tăng và ít nhất 6 sư đoàn bộ binh, tất cả có chừng 1.500 xe tăng. Lực lượng này có thể được tập trung trong vùng Bô-ri-xốp-ca - Ben-gô-rôt - Mu-rôm - Ca-da-chi-a Lô-pan. Nó có thể được một lượng không quân mạnh gồm khoảng 500 máy bay ném bom và ít nhất 300 máy bay tiêm kích ủng hộ.

Âm mưu của địch là dùng nhiều mũi khép lại từ Ben-gô-rôt đánh vào phía đông bắc và từ Ô-ri-ôn đánh vào phía tây nam để bao vây các đơn vị quân ta ở phía tây giới tuyến Ben-gô-rôt - Cuộc-xcơ.

Tiếp sau, ở hướng đông nam, địch có thể đánh vào sườn và phía sau Phương diện quân Tây-nam để sau này chúng dễ bề hoạt động trên phía bắc.

Tuy vậy không loại trừ khả năng trong năm nay địch sẽ không tiến công về phía đông nam mà sẽ thực hiện một kế hoạch khác, ví dụ như, sau khi đánh các đòn khép lại từ Ben-gô-rôt và Ô-ri-ôn, địch sẽ tiến công về hướng đông bắc để đánh vu hồi vào Mát-xcơ-va.

Cần tính đến khả năng đó và chuẩn bị lực lượng dự bị cần thiết. Như vậy, ở trước mặt Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ điều có thể xảy ra hơn cả là trên hướng chính, địch sẽ dùng lực lượng chủ yếu từ vùng Bô-ri-xốp-ca - Ben-gô-rôt đánh về phía Ô-xcôn cũ và dùng một bộ phận lực lượng đánh Ô-bôi-an và Cuộc-xcơ.

Các mũi phụ có thể là Vôn-chan-xơ - Ô-xcôn cũ - Xút-gia - Ô-bôi-an - Cuốc-xơ.

Hiện nay, địch chưa sẵn sàng đánh lớn. Cuộc tiến công của chúng không thể mở màn trước ngày 20-4 năm nay mà chắc chắn hơn cả là nó sẽ bắt đầu vào những ngày đầu tháng 5.

Tuy vậy các trận đánh lẻ tẻ có thể xảy ra bất kì lúc nào. Vì vậy đòi hỏi bộ đội ta phải luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao.

Phê-đô-rốp, Ni-ki-tin, Phê-đô-tốp[2].

Số 55/k”.

Như vậy, cho đến trước ngày 8 đến 12 tháng 4, các phương thức hành động của quân ta trong mùa hè năm 1943 ở vùng cánh cung Cuốc-xơ vẫn chưa được xác định.

Lúc đó, chưa ai nghĩ đến một cuộc tiến công từ vùng Cuốc-xơ. Đúng vậy, không thể khác thế được, vì các lực lượng dự bị chiến lược của ta đang được xây dựng mà Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Trung ương thì, sau khi tổn thất trong các trận trước, cần được bổ sung quân số, kỹ thuật và phương tiện vật chất.

Chính là để đáp ứng với tình hình đó mà Đại bản doanh mới ra lệnh cho các Bộ tư lệnh phương diện quân chuyển bộ đội sang phòng ngự.

Tôi được Bộ Tổng tư lệnh giao nhiệm vụ trực tiếp lãnh đạo và kiểm tra sự thực hiện các chỉ thị của Đại bản doanh ở Phương

diện quân Trung ương và Vô-rô-ne-giơ.

Ngày 10-4, Tổng tư lệnh tối cao gọi đây nói tới Bô-rư-sê-vô ra lệnh cho tôi về Mát-xcơ-va ngày 11-4 để bàn kế hoạch chiến cục mùa hè 1943 và bàn riêng về cánh cung Cuốc-xcơ.

Khuya ngày 11-4, tôi tới Mát-xcơ-va. A. M Va-xi-lép-xki cho tôi biết, I.V. Xta-lin đã chỉ thị đến chiều 12 phải chuẩn bị xong bản đồ tình huống, phải tính toán xong các việc cần thiết và dựng được các phương án.

Cả ngày 12-4, tôi cùng với A. M Va-xi-lép-xki và đồng chí Tổng tham mưu phó A.I. An-tô-nốp chuẩn bị các tài liệu cần thiết để báo cáo với Tổng tư lệnh tối cao. Từ sáng sớm, cả ba chúng tôi đã ngồi vào bàn làm việc nhưng do hoàn toàn hiểu biết nhau, đến chiều, mọi nhiệm vụ đã hoàn thành. A.I. An-tô-tốp, ngoài những ưu điểm khác ra, còn nắm rất vững kỹ thuật làm văn kiện. Trong khi tôi cùng với A.M. Va-xi-lép-xki đang dự thảo bản báo cáo lên I.V. Xta-lin, thì đồng chí đã chuẩn bị xong bản đồ tình huống và bản đồ kế hoạch hành động của các phương diện quân trong vùng cánh cung Cuốc-xcơ.

Tất cả chúng tôi cho rằng, xuất phát từ những phán đoán tình hình chính trị, kinh tế và chiến lược quân sự, bọn Hít-le sẽ cố gắng bằng mọi giá trụ lại trên tuyến mặt trận từ Vịnh Phần Lan đến bể A-dốp. Chúng có thể trang bị đầy đủ cho các đơn vị của chúng trên một trong các hướng chiến lược và chuẩn bị một

chiến dịch tiến công rất lớn trong vùng đất nhô ở Cuốc-xơ với ý định tiêu diệt ở đó quân của các Phương diện quân Trung ương và Vô-rô-ne-giơ. Nếu thực hiện được ý định đó thì thế chiến lược chung có thể sẽ biến đổi có lợi cho chúng, đó là còn chưa nói rằng, trong điều kiện đó, chính diện mặt trận chung sẽ thu hẹp lại và độ dày đặc về chiến dịch trong phòng ngự của quân Đức sẽ tăng lên.

Trong vùng này, tình hình cho phép địch dùng hai đòn hợp kích để đánh vào Cuốc-xơ: một từ vùng phía nam Ô-ri-ôn, một từ Ben-gô-rôt. Chúng tôi phán đoán rằng, trên các khu vực khác, bộ chỉ huy Đức sẽ phòng ngự, bởi vì ở đó theo sự tính toán của ta, chúng không đủ lực lượng.

Chiều tối ngày 12-4, tôi cùng với A.M. Va-xi-lép-xki và A.I. An-tô-nốp đi xe đến Đại bản doanh.

Cũng như mọi lần, Tổng tư lệnh tối cao chăm chú nghe các báo cáo dự kiến của chúng tôi. Tổng tư lệnh tối cao đồng ý là nên tập trung những cố gắng chính vào vùng Cuốc-xơ, nhưng vẫn lo cho hướng chiến lược Mát-xơ-va.

Cuộc thảo luận ở Đại bản doanh hôm đó về kế hoạch tác chiến của quân ta đi đến kết luận là phải xây dựng phòng ngự vững chắc, có chiều sâu và nhiều tầng trên tất cả các hướng chính và trước nhất là trong vùng cánh cung Cuốc-xơ. Các tư lệnh phương diện quân đã nhận được những chỉ thị cần thiết cho việc

đó. Bộ đội bắt đầu làm công sự sâu xuống dưới đất, các lực lượng dự bị chiến lược đang xây dựng và huấn luyện, Đại bản doanh lúc này có quyết định chưa đem ra sử dụng mà được lệnh tập trung gần những vùng bị uy hiếp nhất.

Như vậy là ngay từ giữa tháng 4, Đại bản doanh đã có quyết định sơ bộ về trận phòng ngự có chuẩn bị sẵn. Đúng thế, chúng tôi đã nhiều lần bàn tới vấn đề này, còn quyết định cuối cùng thì do Bộ Tổng tư lệnh thông qua vào cuối tháng 5 đầu tháng 6 năm 1943. Trong thời gian đó thực tế là chúng tôi đã biết tất cả các chi tiết của âm mưu địch. Chúng định huy động những đạo quân xe tăng cần thiết và sử dụng các loại xe tăng “cọc” mới, các pháo tự hành “Phéc-đi-năng” để mở một trận tiến công rất lớn vào các Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Trung ương.

Đại bản doanh coi các Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, Trung ương, Tây-nam và Bri-an-xơ là lực lượng tác chiến chủ yếu trong giai đoạn đầu của chiến cục hè. Theo sự tính toán của chúng tôi, đây là nơi diễn ra các sự kiện chính. Chúng tôi muốn đánh lại cuộc tiến công của quân Đức bằng những phương tiện phòng ngự rất mạnh, giết thật nhiều địch và sau đó chuyển sang phản công, tiêu diệt chúng hoàn toàn. Vì vậy cùng với kế hoạch phòng ngự có chuẩn bị trước, đã quyết định lập kế hoạch tiến công quân địch, và nếu chúng lùi thời điểm tiến công lại, thì chúng ta tiến công trước.

Như vậy, phòng ngự của quân ta, không còn bàn cãi gì nữa, không phải là bị động, mà rõ ràng là có chuẩn bị trước, còn thời cơ chuyển sang tiến công thì Đại bản doanh cho rằng nó phụ thuộc vào tình hình cụ thể. Biết rằng, không nên hấp tấp nhưng cũng không được dè dặt.

Lúc đó các khu vực tập trung lực lượng dự bị cơ bản cũng đã được ổn định. Chúng tôi chủ trương triển khai nó ở vùng Líp-nư - Ô-xcôn cũ - Cô-rô-cha để chuẩn bị tuyến phòng ngự trong trường hợp quân địch lọt được vào vùng cánh cung Cuốc-xơ. Lực lượng dự bị còn lại được quyết định đặt ở bên sườn phải Phương diện quân Bri-an-xơ trong vùng Ca-lu-ga - Tu-la - Ê-phơ-rê-mốp. Nơi tiếp giáp giữa các Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Tây-nam trong vùng Li-xca được chuẩn bị làm địa điểm cho quân đoàn xe tăng cận vệ 5 và các binh đoàn dự bị khác của Bộ bước vào chiến đấu.

A.M. Va-xi-lép-xki và A.I. An-tô-nốp nhận lệnh bắt tay vào làm các văn kiện theo kế hoạch đã thông qua để đến đầu tháng 5 thảo luận lại một lần nữa.

Ngày 18-4, tôi được cử đáp máy bay đến Phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ. Các đơn vị thuộc phương diện quân đang chiến đấu ác liệt nhằm tiêu diệt đạo quân địch ở Ta-man. Ở đây địch có tập đoàn quân 17 được trang bị mạnh làm lực lượng nòng cốt.

Đối với Bộ tư lệnh Xô-viết, việc thủ tiêu quân địch ở bán đảo

Ta-man có ý nghĩa đặc biệt. Chúng ta không những đập tan được một đạo quân địch rất lớn - trong vùng này chúng có 14 - 16 sư đoàn với quân số khoảng 18 - 20 vạn tên - mà còn giải phóng được Nô-vô-rôt-xi-xcơ. Bán đảo là một địa bàn không rộng lắm. Từ nửa đầu tháng Giêng, các chiến sĩ tập đoàn quân 18 và hải quân thuộc Hạm đội Biển Đen đã chiến đấu với địch ở đây. Cùng với ủy viên nhân dân Hải quân N.G. Cu-dơ-nét-xốp, tư lệnh không quân A.A. Nô-vi-cốp và nhân viên Bộ Tổng tham mưu, tướng X.M. Stê-men-cô, chúng tôi đến tập đoàn quân 18 của tướng K.N. Lê-xê-lít-dê.

Sau khi tìm hiểu tình hình, lực lượng và phương tiện của tập đoàn quân và Hạm đội biển Đen, tất cả chúng tôi đều đi đến kết luận, trong lúc này không có cách gì mở rộng địa bàn Nô-vô-rôt-xi-xcơ mà lúc đó đã được các đơn vị gọi là “Quả đất nhỏ”.

Thật ra, địa bàn này chỉ có diện tích tất cả là 30 km vuông. Điều làm cho tất cả chúng tôi lo lắng lúc đó là, liệu các chiến sĩ Xô-viết bảo vệ địa bàn có thể chịu đựng được hay không những thử thách của một cuộc chiến đấu chênh lệch về lực lượng, trong đó ngày đêm họ bị máy bay và pháo binh địch bắn phá.

Chúng tôi muốn hỏi ý kiến đồng chí chủ nhiệm chính trị tập đoàn quân 18 L.I. Brê-giơ-nép về điều đó, nhưng chính đồng chí lại đang ở trên quả đất nhỏ, nơi đang diễn ra các trận chiến đấu ác liệt

Qua lời kể lại của tư lệnh tập đoàn quân K.N. Lê-xê-lít-dê, chúng tôi thấy rõ các chiến sĩ ta có đầy đủ quyết tâm chiến đấu đến cùng để tiêu diệt địch, không cho chúng hất mình xuống biển. Sau khi báo cáo ý kiến đó lên I.V. Xta-lin, chúng tôi cùng với X.M. Stê-men-cô đến tập đoàn quân 56 thuộc Phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ. Lúc đó tướng An-đrây An-tô-nô-vích Grét-scô chỉ huy tập đoàn quân này.

Bây giờ kế hoạch của cuộc tiến công đã đặt xong, nhưng bộ tư lệnh tập đoàn quân cho rằng, nó chưa được chuẩn bị đủ.

Chúng tôi liền quyết định hoãn trận đánh lại, đưa thêm đạn và pháo binh từ các khu ít hoạt động của phương diện quân tới, huy động tất cả lực lượng không quân có thể có, tìm cách sử dụng tốt hơn nữa sư đoàn của Bộ ủy viên nhân dân nội vụ thuộc lực lượng dự bị của Đại bản doanh.

Cùng lúc đó, chúng tôi cũng đến làm việc với tập đoàn quân 18.

Chúng tôi thấy để yểm hộ đội đổ bộ của tập đoàn quân ở Mút-xa-cô, nhất thiết cần cho hải quân và máy bay bắn phá bọn địch đang phòng ngự ở phía trước các chiến sĩ đổ bộ anh hùng đó.

Tập đoàn quân 56 đã chiến đấu rất xuất sắc để giải phóng Cu-ban. Lúc này nó lại nhận nhiệm vụ đập tan phòng ngự của quân địch thuộc tập đoàn quân 17 trong vùng làng Crum, tiến vào sau lưng bọn địch ở Nô-vô-rôt-xi-xcơ. Tiếp theo đó toàn bộ lực lượng của phương diện quân sẽ tập trung lại để thủ tiêu địa bàn

quân địch ở Ta-man.

Nhiệm vụ tiêu diệt địch trên các ngã đường vào làng Crum và chiếm làng đó được giao cho một mình tập đoàn quân 56. Quân số của tập đoàn quân bị hạn chế nhiều mà cả Đại bản doanh và phương diện quân đều không có khả năng bổ sung.

Trận địa phòng ngự của địch, mà tập đoàn quân có nhiệm vụ vượt qua trên các ngã đường vào làng rất là kiên cố. Kế hoạch và công tác chuẩn bị chiến dịch được tiến hành dưới sự chỉ huy của A. Grét-scô, một tư lệnh nắm công việc rất chắc và biết nhìn xa. Cuộc tiến công của tập đoàn quân 56 vào làng Crum bắt đầu ngày 29-4. Tuy lực lượng có hạn, đặc biệt về không quân, xe tăng và pháo binh, nhưng bộ tư lệnh tập đoàn quân đã khéo tổ chức và chỉ huy do đó đã đập tan được sức chống cự ngoan cố của bọn giặc phòng ngự. Các đơn vị thuộc tập đoàn quân 56 đã chiếm làng, đầu mối đường sắt, hất quân địch ra ngoài Crum. Tất cả các sự kiện đó đã được tả lại đầy đủ trong cuốn sách “Trận chiến đấu bảo vệ Cáp-ca-dơ” của nguyên soái Liên Xô A.A. Grét-scô.

Cuộc tiến công tiếp sau của tập đoàn quân 56 phải tạm ngừng vì không còn khả năng. Và Bộ Tổng tư lệnh bắt buộc phải hoãn toàn bộ cuộc tiến công của bộ đội Phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ trong vùng này đến một thời cơ thuận lợi hơn.

Mùa xuân năm 1943, để chuẩn bị cho Quân đội Xô-viết bước

vào chiến cục mùa hè, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Hội đồng quốc phòng, Đại bản doanh và Bộ Tổng tham mưu đã triển khai một khối lượng việc rất đồ sộ. Đảng đã động viên đất nước ta quyết tâm đứng lên tiêu diệt quân xâm lược.

Những hoạt động tích cực đều khắp ngoài chiến trường đòi hỏi phải tiến hành hàng loạt biện pháp cải tiến tổ chức bộ đội và trang bị kỹ thuật mới. Trên Bộ Tổng tham mưu đã làm một số việc để đổi mới cơ cấu Hồng quân, đã nghiên cứu lại và kiện toàn hình thức tổ chức các phương diện quân và tập đoàn quân, tăng cường cho nó bộ đội pháo binh, cơ động chống tăng và súng cối. Quân đội thêm phương tiện liên lạc. Các sư đoàn bộ binh được trang bị súng máy tốt hơn, có thêm vũ khí chống tăng và được tổ chức ghép lại thành các quân đoàn nhằm cải tiến việc chỉ huy và làm cho các tập đoàn quân bộ đội hợp thành mạnh thêm. Các sư đoàn mới pháo binh, súng cối và pháo phản lực được thành lập, với chất lượng trang bị tốt. Đã xây dựng các lữ đoàn, sư đoàn và quân đoàn pháo binh dự bị của Đại bản doanh để có lực lượng tạo nên những lưới lửa dày đặc trên các hướng chính mỗi khi cần hoàn thành những nhiệm vụ chủ yếu nhất. Từng sư đoàn cao xạ đã bắt đầu được giao cho các phương diện quân và các lực lượng phòng không. Sức mạnh của công cuộc phòng thủ đối không đã tăng lên nhiều.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Hội đồng quốc phòng tập

trung sự chú ý đặc biệt vào công việc sản xuất xe tăng và pháo tự hành.

Đến mùa hè năm 1943, ngoài những quân đoàn xe tăng và cơ giới độc lập chúng ta đã lập và trang bị đầy đủ cho 5 tập đoàn quân xe tăng theo tổ chức mới, mỗi đoàn, theo quy định, có 2 sư đoàn xe tăng và 1 sư đoàn cơ giới. Ngoài ra, để bảo đảm chọc thủng phòng ngự của địch và có lực lượng tăng cường cho các tập đoàn quân, đã xây dựng 18 trung đoàn xe tăng hạng nặng.

Không quân cũng được tổ chức lại một cách tích cực, được trang bị các máy bay loại hoàn thiện như LA-5, YAK-9, PE-2, TU-2, IL-4 và v.v... Mùa hè, hầu hết không quân đã được trang bị lại bằng vật tư kỹ thuật mới; một loạt bộ đội không quân bổ sung, các phi đoàn dự bị của Đại bản doanh đã được thành lập, trong đó có 8 quân đoàn không quân hoạt động tầm xa.

Về số lượng, không quân ta đã hơn bọn Đức. Mỗi phương diện quân đều có tập đoàn quân không quân riêng gồm từ 700 đến 800 máy bay.

Phần lớn pháo được chuyển sang kéo bằng máy. Bộ đội công binh và thông tin liên lạc được trang bị ô-tô sản xuất trong nước và ô-tô “Xtu-đi-bây-co”. Hậu cần của các phương diện quân quan trọng nhất đã nhận được số lượng đáng kể ô-tô. Dưới quyền chỉ huy của Tổng cục hậu cần Hồng quân, có đến hàng chục tiểu đoàn và trung đoàn ô-tô mới, các đơn vị này đã nâng cao rõ rệt

sức cơ động và khả năng của toàn bộ ngành hậu cần.

Chúng ta hết sức chú ý chuẩn bị nguồn dự trữ về người. Năm 1943, trong các trung tâm huấn luyện khác nhau, đã huấn luyện và bổ túc hàng chục vạn chiến sĩ, đã hình thành và kiện toàn những lực lượng dự bị chiến lược rất lớn. Đến ngày 1-7, trong lực lượng dự bị của Bộ Tổng tư lệnh đã có một. tập đoàn quân bộ đội hợp thành, 2 tập đoàn quân xe tăng và 1 tập đoàn quân không quân.

Vào mùa hè năm 1943, quân đội thường trực của ta có đến 6,4 triệu người, gần 9,9 vạn pháo và cối, khoảng 2.200 dàn pháo phản lực dã chiến, trên 9.500 xe tăng và pháo tự hành, gần 8.300 máy bay chiến đấu.

Khối công tác lớn lao mà Hội đồng quốc phòng và Đảng ta tiến hành để tăng cường và huấn luyện bổ sung cho các đơn vị Quân đội Xô-viết trên cơ sở các kinh nghiệm ở mặt trận đã nâng cao rõ rệt khả năng chiến đấu của bộ đội thuộc các phương diện quân đang chiến đấu.

Đảng Cộng sản rất chú ý nâng cao trình độ công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội. Quân đội được bổ sung hàng ngàn đảng viên cộng sản mới. Bằng sự hoạt động tích cực của mình, các đồng chí đảng viên sẽ còn nâng cao hơn nữa tinh thần chiến đấu của các chiến sĩ Quân đội Xô-viết anh hùng.

Năm 1943, trong các lực lượng vũ trang tính ra có 2,7 triệu đảng

viên cộng sản và một số lượng tương tự chiến sĩ – đoàn viên thanh niên cộng sản.

Các cơ quan chính trị, các tổ chức Đảng và Đoàn đã hết sức cố gắng nâng cao phẩm chất đạo đức và trình độ giác ngộ chính trị của bộ đội. Để góp phần vào việc đó, chúng ta đã tổ chức lại các tổ chức Đảng trong quân đội theo nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 24-5-1943 “Về việc chỉnh đốn tổ chức Đảng và Đoàn trong Hồng quân và tăng cường vai trò của các báo của phương diện quân, tập đoàn quân và sư đoàn”.

Theo nghị quyết đó, các tổ chức Đảng được xây dựng không phải ở trung đoàn mà ở tiểu đoàn. Cơ cấu tổ chức Đảng như thế sẽ làm cho việc lãnh đạo của các đảng viên ở đơn vị dưới cụ thể hơn. Công tác Đảng, công tác chính trị do các cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị, các tổ chức Đảng và Đoàn tiến hành trên cơ sở nghị quyết Trung ương tháng Năm là một trong những điều kiện quan trọng nhất để tăng thêm sức chiến đấu của lực lượng vũ trang, trước khi bước vào thời kỳ sẽ diễn ra những trận chiến đấu lớn và ác liệt của chiến cục hè thu năm 1943.

Nói chung vào mùa hè năm 1943, trước cuộc chiến đấu ở Cuộc-cơ lực lượng vũ trang Xô-viết, về số lượng và chất lượng, đều hơn quân phát-xít Đức.

Bộ Tổng tư lệnh tối cao Xô-viết bây giờ đã có tất cả mọi phương tiện cần thiết có thể kiên quyết giữ vững quyền chủ động về

chiến lược trên tất cả các hướng quan trọng nhất, có thể bắt quân giặc làm theo ý mình.

Quân giặc đã chuẩn bị một cuộc rửa hận cho trận thất bại ở Xta-lin-grát.

Các nhà lãnh đạo quân sự, chính trị của nước Đức Hít-le rút kinh nghiệm thấy rằng, lực lượng vũ trang của chúng đã mất ưu thế vốn có của chúng đối với Hồng quân, cho nên chúng đã dùng những biện pháp “tổng hợp” để đưa đến mặt trận Xô - Đức tất cả lực lượng có thể có.

Từ phía tây, chúng đã ném về đây một số lớn đơn vị bộ đội có khả năng chiến đấu nhất. Nền kỹ nghệ chiến tranh làm việc suốt 24 giờ trong một ngày, vội vã sản xuất các xe tăng “cọp” và “báo” mới và các pháo tự hành cỡ lớn “Phéc-đi-năng”. Không quân của chúng nhận được các loại máy bay mới “Phô-kê Vun-phơ-190A” và “Khên-kên-129”. Quân đội Đức đã được bổ sung một số lớn quân số và vật tư kỹ thuật.

Trên mặt trận Xô - Đức, địch có 232 sư đoàn Đức và đồng minh, gần 5,2 triệu người, trên 54.000 khẩu pháo và cối, 5.850 xe tăng và đại bác tiến công, khoảng 3.000 máy bay chiến đấu. Cơ quan tham mưu các cấp của chúng tích cực đặt kế hoạch cho các trận tiến công sắp tới.

Để mở chiến dịch đã dự định vào mỏm đất nhô Cuốc-xơ, Bộ tư lệnh Đức tập trung 50 sư đoàn mạnh nhất, trong đó có 16 sư

đoàn xe tăng và mô-tô hóa, đến 10.000 khẩu pháo và cối, 2.700 xe tăng và trên 2.000 máy bay (gần 60% tổng số máy bay chiến đấu ở phía đông). Chúng chuẩn bị ném 90 vạn quân vào cuộc chiến...

Bộ tư lệnh Đức tin là sẽ thắng. Bộ máy tuyên truyền phát-xít dùng đủ mọi cách để nâng cao tinh thần quân lính, hứa rằng trong chiến đấu tới, thắng lợi không còn phải bàn cãi gì nữa... Bộ Tổng tư lệnh tối cao đứng trước một câu hỏi: tiến công hay phòng ngự?

Đầu tháng 5, tôi từ Phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ trở về Bộ. Lúc đó Bộ Tổng tham mưu về cơ bản đã thảo xong kế hoạch chiến cục mùa hè. Đại bản doanh đã tổ chức chu đáo việc trinh sát mặt đất và máy bay. Trinh sát đã xác định chắc chắn là các đơn vị và xe vận tải địch chủ yếu đổ về vùng Ô-ri-ôn, Crô-mur, Bri-an-xơ, Khác-cốp, Cra-xnô-glát và Pôn-ta-va. Điều đó xác minh những phán đoán của chúng tôi trong tháng 4. Cả Đại bản doanh và Bộ Tổng tham mưu đều tin chắc rằng, quân đội Đức có thể chuyển sang tiến công trong những ngày gần đây.

Tổng tư lệnh tối cao ra lệnh báo trước cho các Phương diện quân Trung ương, Bri-an-xơ, Vô-rô-ne-giơ và Tây-nam để cho các đơn vị sẵn sàng đánh trả cuộc tiến công đó. Dựa theo ý kiến của Tổng tư lệnh, đã thảo chỉ thị số 30123 của Bộ, trong đó phán đoán về khả năng tiến công của địch. Để phá cuộc tiến công đó,

đã chuẩn bị một đòn phản chuẩn bị bằng máy bay và xe tăng. Sau khi nhận được thông báo của Đại bản doanh, bộ tư lệnh các phương diện quân đã đề ra một loạt biện pháp nhằm tăng cường hệ thống hỏa lực phòng ngự, chống tăng và chướng ngại vật công binh.

Đây là một trong những báo cáo của Phương diện quân Trung ương về vấn đề đó:

“Gửi đồng chí Xta-lin I.V.

Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh.

Tôi xin báo cáo về việc thực hiện chỉ thị số 30123 của Bộ tháng 5 năm nay:

1. Khi nhận được chỉ thị của Đại bản doanh, chúng tôi đã ra lệnh cho các tập đoàn quân và các quân đoàn độc lập thuộc Phương diện quân Trung ương chuyển vào tình trạng sẵn sàng chiến đấu từ sáng ngày 10-5.

2. Trong ngày 9 và 10 đã làm các việc sau:

- a) Phổ biến cho bộ đội biết về khả năng địch mở trận tiến công trong những ngày gần nhất;
- b) Bộ đội tuyển 1 và tuyển 2 chuyển sang hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu. Bộ tư lệnh và cơ quan tham mưu kiểm tra tại chỗ tình hình sẵn sàng của bộ đội;
- c) Trong dải phụ trách của các tập đoàn quân, đặc biệt trên hướng Ô-ri-ôn, tăng cường cho bộ đội hoạt động trinh sát và

dùng hỏa lực để đánh địch. Các binh đoàn thuộc tuyến 1 tiến hành kiểm nghiệm hiệu lực của hiệp đồng hỏa lực. Bộ đội thuộc tuyến 2 và các đội dự bị đi trinh sát thực địa thêm trên các hướng có thể xảy ra tác chiến và xác định kế hoạch hiệp đồng với bộ đội tuyến 1. Bổ sung lượng dự trữ đạn dược cho các trận địa hỏa lực. Làm thêm vật chướng ngại, đặc biệt trên các hướng bị xe tăng uy hiếp. Đặt mìn trong trung tâm dải phòng ngự. Kiểm tra liên lạc kỹ thuật để có thể làm việc liên tục được.

3. Tập đoàn quân không quân 16 đã tích cực trinh sát đường không và theo dõi sát quân địch trong vùng Gla-du-nốp-ca - Ô-ri-ôn - Crô-mur - Cô-ma-ri-ki, các binh đoàn và bộ đội máy bay thuộc tập đoàn quân đã sẵn sàng đánh lui các đợt tập kích của máy bay địch và phá các cuộc tiến công địch có thể mở.

4. Để phá cuộc tiến công mà địch có thể mở trên hướng Ô-ri-ôn - Cuốc-xơ, đã chuẩn bị trận đánh phản chuẩn bị bằng toàn bộ lực lượng pháo binh thuộc tập đoàn quân 13 và máy bay của tập đoàn quân không 16.

Rô-cô-xốp-xki, Tê-lê-ghin, Ma-li-nin”.

Những báo cáo do các mặt trận khác gửi về cũng tương tự.

Đại tướng N.Ph. Va-tu-tin nhìn tình hình có hơi khác một chút.

Không phủ định các biện pháp phòng ngự, N.Ph. Va-tu-tin đề nghị Tổng tư lệnh tối cao mở trận tiến công phủ đầu vào cụm quân địch ở Ben-gô-rôt và Khác-cốp. N.X. Khor-rút-xốp, ủy viên

Hội đồng quân sự, ủng hộ hoàn toàn đề nghị đó.

Tổng tham mưu trưởng A.M. Va-xi-lép-xki, A.I. An-tôn-nốp và các cán bộ khác của Bộ Tổng tham mưu không đồng ý với đề nghị đó của Hội đồng quân sự Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ. Tôi hoàn toàn tán thành ý kiến của Bộ Tổng tham mưu, và đã báo cáo ý kiến đó với I.V. Xta-lin.

Tuy vậy Tổng tư lệnh tối cao cũng vẫn do dự: trước cuộc tiến công của địch, nên phòng ngự hay tiến công phủ đầu. I.V. Xta-lin lo quân ta không giữ vững được phòng ngự trước sức đột kích của địch, như đã xảy ra nhiều lần năm 1942 và 1943. Đồng thời cũng chưa tin bộ đội ta đủ sức tiêu diệt địch trong tiến công.

Sau nhiều lần thảo luận, cuối cùng vào khoảng giữa tháng 5-1943, I.V. Xta-lin đã hạ quyết tâm chống lại cuộc tiến công của bọn Đức bằng tất cả các loại hỏa lực của một thế trận phòng ngự sâu, có nhiều tầng, bằng những đòn mãnh liệt của máy bay và các đòn phản kích của lực lượng dự bị chiến dịch và chiến lược. Sau đó, khi quân địch đã bị mệt mỏi và chết nhiều, chúng ta sẽ tiêu diệt chúng bằng một trận phản công mạnh trên hướng Ben-gô-rôt - Khắc-cốp và Ô-ri-ôn, kế theo là mở các chiến dịch phản công sâu ở tất cả các hướng quan trọng nhất.

Đại bản doanh dự kiến sau khi quân Đức bị đánh bại trong vùng cánh cung Cuốc-xơ sẽ đề ra nhiệm vụ giải phóng Đôn-bát, cả vùng tả ngạn U-crai-na, thủ tiêu bàn đạp của địch trên bán đảo

Ta-man, giải phóng miền Đông Bê-lô-ru-xi, tạo điều kiện tiến lên quét sạch địch ra khỏi bờ cõi nước ta.

Việc tiêu diệt lực lượng cơ bản của địch, Đại bản doanh định thực hiện theo phương thức dưới đây. Tranh thủ thời cơ, khi địch vừa tập trung xong chủ lực trên các khu xuất phát tiến công, dùng hỏa lực mãnh liệt của tất cả các loại pháo và cối, những trận tập kích của toàn bộ lực lượng không quân đập lên đầu chúng một đòn hỏa lực mãnh liệt. Tiếp tục cho không quân bắn phá trong suốt cuộc chiến đấu phòng ngự, lấy cả lực lượng máy bay của các phương diện quân bên cạnh và không quân tầm xa của Đại bản doanh.

Khi quân địch chuyển sang tiến công, Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Trung ương phải ngoan cường giữ từng vị trí, từng tuyến chiến đấu bằng hỏa lực và các đòn phản kích từ phía sau ra. Để làm việc đó đã dự kiến đưa lực lượng dự bị từ hậu phương chiến dịch đến các khu vực bị uy hiếp, trong số lực lượng đó có cả các quân đoàn và tập đoàn quân xe tăng. Khi quân địch đã suy yếu và bị chặn lại thì ngay lập tức chuyển sang tiến công bằng lực lượng của các Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, Trung ương, Xtép, Bri-an-xơ, cánh trái Phương diện quân miền Tây và cánh phải Phương diện quân Tây-nam.

Dựa theo quyết tâm đã thông qua, chỉ thị của Đại bản doanh đề ra các nhiệm vụ dưới đây:

Phương diện quân Trung ương phòng ngự ở phía bắc mỏm đất nhô Cuốc-xơ, có nhiệm vụ tiêu hao và tiêu diệt thật nhiều địch, sau đó chuyển sang phản công hiệp đồng với Phương diện quân Bri-an-xơ và Phương diện quân miền Tây, tiêu diệt cụm quân địch ở vùng Ô-ri-ôn.

Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ giữ phía nam mỏm đất nhô Cuốc-xơ cũng có nhiệm vụ tiêu hao và tiêu diệt địch, sau đó, phối hợp với Phương diện quân Xtép và cánh phải Phương diện quân Tây-nam chuyển sang phản công và hoàn thành việc tiêu diệt cụm quân Đức trong vùng Ben-gô-rôt, Khác-cốp. Cố gắng chủ yếu của Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ tập trung ở cánh trái, trong khu vực các tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 và 7.

Phương diện quân Xtép nằm ở sau lưng Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Trung ương trên tuyến Ít-man-cô-vô - Líp-nư - sông Cơ-sen - Be-lưi Cô-lô-đe-dơ, có nhiệm vụ chuẩn bị phòng ngự trên tuyến nói trên và bảo đảm chống lại quân địch khi chúng thọc qua Phương diện quân Trung ương và Vô-rô-ne-giơ lọt vào, đồng thời sẵn sàng chuyển sang tiến công.

Bộ đội phương diện quân Bri-an-xơ và cánh trái Phương diện quân miền Tây có trách nhiệm cùng với Phương diện quân Trung ương phá cuộc tiến công của địch và cũng sẵn sàng chuyển sang tiến công trên hướng Ô-ri-ôn.

Bộ tham mưu trung ương phong trào du kích được giao nhiệm vụ

tổ chức ở sau lưng giặc các vụ phá hoại trên tất cả các đường giao thông quan trọng của địch trong các tỉnh Ô-ri-ôn, Bri-an-xơ, Khắc-cốp v.v..., tổ chức việc thu lượm và báo cáo về Đại bản doanh các tin tức địch quan trọng nhất.

Để kìm giữ quân địch, không cho chúng cơ động lực lượng dự bị, đã dự kiến mở các chiến dịch bộ phận trên một loạt khu vực ở phía nam và tây bắc.

Thời gian chuẩn bị cho các trận đánh nói trên của các đơn vị Quân đội Xô-viết trong vùng Cuốc-xơ là tháng 5 và tháng 6. Trong 2 tháng đó, tôi được phân công ở lại Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Trung ương để tìm hiểu tình hình và theo dõi quá trình bộ đội chuẩn bị cho các hoạt động sắp tới.

Đây là một trong những báo cáo điển hình trong thời gian đó về Đại bản doanh:

“22.5.1943, 4 giờ 48

Gửi đồng chí I-va-nốp[3].

Báo cáo tình hình ngày 21-5-1943 ở Phương diện quân Trung ương:

1. Ngày 21-5, các nguồn trinh sát xác định: trên tuyến phòng ngự 1 của địch, đối diện với Phương diện quân Trung ương, địch có 15 sư đoàn bộ binh; ở tuyến 2 và đội dự bị, chúng có 13 sư đoàn, trong đó có 3 sư đoàn xe tăng.

Ngoài ra có tin quân địch tập trung ở phía nam Ô-ri-ôn 2 sư đoàn

xe tăng và sư đoàn cơ giới 36. Tin này còn phải kiểm tra lại.

Sư đoàn xe tăng 4 địch trước nằm ở phía tây Xép-xơ đã chuyển đến một nơi khác. Ngoài ra, trong vùng Bri-an-xơ và Ca-ra-chép có 3 sư đoàn, trong đó có 2 sư đoàn xe tăng.

Như vậy, đến ngày 21-5, đối diện với Phương diện quân Trung ương, địch có 30 sư đoàn, trong đó có 6 sư đoàn xe tăng.

Trình sát bằng khí tài và mắt của Phương diện quân phát hiện thấy 800 khẩu pháo, phần lớn cỡ 105 và 155 mm.

Khối lượng pháo chủ yếu, địch tập trung ở phía trước tập đoàn quân 13, cánh trái tập đoàn quân 48 và cánh phải tập đoàn quân 70, tức là trên đoạn Tơ-rô-xnô - Pô-dơ-ê-ê-vô I. Phía sau cụm pháo binh đó, trên tuyến Dơ-mê-ép-ca - Rừng Đỏ có 600 - 700 xe tăng. Khối lượng chính xe tăng tập trung ở phía đông sông Ô-ca.

Trong vùng Ô-ri-ôn, Bri-an-xơ, Xmô-len-xơ địch tập trung 600 - 650 máy bay. Bộ phận máy bay chủ lực, địch để ở vùng Ô-ri-ôn.

Trong những ngày gần đây, trên mặt đất cũng như trên trời, địch giữ thái độ thụ động, chỉ hạn chế trong việc trinh sát nhỏ trên không và những cuộc pháo kích thừa thốt.

Trên tiền duyên và trong tung thâm khu phòng ngự chiến thuật, địch làm công sự, đặc biệt chúng phát triển thêm trận địa phòng ngự phía trước tập đoàn quân 13 ở đoạn Cra-xnai-a Xlô-bô-da -

Xen-cô-vô, ở đây đã xuất hiện tuyến phòng ngự thứ hai của địch nằm ở bên kia sông Ne-rút. Kết quả quan sát cho biết địch đang lập trên hướng đó tuyến phòng ngự thứ 3 ở phía bắc sông Ne-rút 3-4 km.

Tù binh khai, bộ chỉ huy Đức biết có quân ta tập trung ở nam Ô-ri-ôn, cũng biết ta đang chuẩn bị tiến công. Chúng đã thông báo về tình hình đó cho các đơn vị. Bọn giặc lái bị bắt thì cho biết, bộ tư lệnh Đức cũng đang chuẩn bị tiến công và chính vì thế mà không quân được điều đến.

Tôi đã đích thân tới tiền duyên tập đoàn quân 13 quan sát trận địa phòng ngự địch từ nhiều điểm, theo dõi các hành động của chúng, trao đổi ý kiến với các tư lệnh sư đoàn thuộc các tập đoàn quân 70 và 13, và các đồng chí Ga-la-nin, Pu-khốp và Rô-ma-nen-cô, tôi đi đến kết luận: trên tiền duyên không có dấu hiệu địch chuẩn bị trực tiếp cho cuộc tiến công.

Có thể là tôi sai, có thể là quân địch đã khéo ngụy trang mọi sự chuẩn bị tiến công, nhưng căn cứ vào tình hình bố trí các bộ đội xe tăng địch, số lượng các binh đoàn bộ binh chúng còn chưa đủ, tình trạng thiếu các cụm lớn pháo binh và cả sự phân tán của lực lượng dự bị địch, tôi cho rằng, đến cuối tháng 5 chúng chưa chuyển sang tiến công được.

2. Phòng ngự của các tập đoàn quân 13 và 70 của ta được tổ chức đúng đắn, có chiều sâu và chiều tầng. Phòng ngự của tập

đoàn quân 48 còn lỏng lẻo, chưa đủ pháo binh, nếu địch đánh tập đoàn quân Rô-ma-nen-cô và có ý định vòng qua phía đông Ma-lô Ác-khan-ghen- cơ để đánh vu hồi quân chủ lực của Cô-xtin[4], thì Rô-ma-nen-cô sẽ không thể đứng vững được. Lực lượng dự bị của phương diện quân cũng nằm sau Pu-khốp và Ga-la-nin. Vì vậy không thể kịp viện trợ cho Rô-ma-nen-cô[5].

Tôi cho rằng, Rô-ma-nen-cô cần được tăng cường 2 sư đoàn bộ binh lấy từ lực lượng dự bị của Bộ, 3 trung đoàn xe tăng T-34, 2 trung đoàn pháo cơ động chống tăng và 2 trung đoàn súng cối hoặc pháo dự bị của Bộ. Nếu có được lực lượng đó cho Rô-ma-nen-cô, thì ở đó có thể tổ chức phòng ngự tốt và nếu cần chuyển sang tiến công, cũng là một mũi mạnh.

Trong bố phòng của Pu-khốp và Ga-la-nin và các tập đoàn quân khác thiếu sót chủ yếu là không có các trung đoàn pháo cơ động chống tăng. Tới ngày hôm nay phương diện quân có tới tất cả 4 trung đoàn loại đó, trong đó có hai trung đoàn phải nằm ở hậu phương vì không có xe kéo.

Vì các tiểu đoàn và trung đoàn không được trang bị đủ đại bác 45 ly, việc bố trí chống tăng trên các tuyến 1 và ở tiền duyên còn yếu.

Tôi cho rằng cần cho Cô-xtin càng nhanh càng tốt 4 trung đoàn pháo cơ động chống tăng (cộng với của Rô-ma-nen-cô nữa là 6), 3 trung đoàn pháo tự hành 152 ly.

3. Cô-xtin chưa làm xong công tác chuẩn bị tiến công. Nghiên cứu vấn đề đó trên địa hình với Cô-xtin và Pu-khốp, chúng tôi đi đến kết luận, cần xê dịch khu cửa mở quá phía tây 2 - 3 km so với chỗ dự định của Cô-xtin, nghĩa là đến tận Ác-khan-ghen-xơ và bố trí thêm một quân đoàn tăng cường và một quân đoàn xe tăng cho thê đội 1 ở phía tây đường sắt.

Nếu chỉ có một cụm nhỏ pháo binh, Cô-xtin không thể đột phá theo kế hoạch đã định, bởi vì trên hướng đó, địch đã được tăng cường nhiều và đã xây dựng được nhiều tầng phòng ngự.

Muốn đột phá, thực ra, cần cho Cô-xtin một quân đoàn pháo binh nữa.

Phương diện quân có trung bình một cơ sở rươi đạn dược.

Yêu cầu Ya-cốp-lép, trong thời gian 2 tuần lễ, cấp cho phương diện quân ba cơ sở đạn các loại pháo cơ bản.

4. Pu-khốp hiện nay có 12 sư đoàn trong đó 6 sư đoàn nằm trong biên chế của 2 quân đoàn, còn 6 quân đoàn do Pu-khốp chỉ huy trực tiếp. Để thuận lợi cho công việc chỉ huy, yêu cầu ra lệnh nhanh chóng lập và giao cho Pu-khốp 2 cơ quan chỉ huy quân đoàn, cũng cần cho Ga-la-nin một cơ quan chỉ huy quân đoàn, vì hiện nay ở đó ngoài một quân đoàn bộ binh còn có 5 sư đoàn độc lập.

Đề nghị đồng chí cho biết ý kiến.

Yu-rép[6].

Số 2069”.

Theo thể thức như trên, chúng tôi nghiên cứu tình hình các đơn vị thuộc Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và cũng thông báo ngay lập tức về Đại bản doanh. Về phần mình, bộ tư lệnh và bộ tham mưu các phương diện quân, theo sát mỗi bước đi của quân địch, cũng tổng hợp tình hình và báo cáo nhanh chóng về Bộ Tổng tham mưu và Đại bản doanh.

Theo dõi công tác tham mưu của các đơn vị, các phương diện quân và trên Bộ, tôi phải nói rằng sự hoạt động không mệt mỏi đó đã giữ một vai trò quan trọng nhất trong các trận chiến đầu mùa hè. Nhân viên tham mưu đã bao nhiêu ngày đêm cần cù tập hợp và nghiên cứu tỉ mỉ các tin tức về quân địch, các khả năng và âm mưu của chúng. Các tài liệu tổng hợp lại, được báo cáo với các bộ tư lệnh để hạ quyết tâm.

Để phác ra kế hoạch hoạt động của quân ta trong khu vực mỏm đất nhô ở Cuốc-xơ. Đại bản doanh và Bộ Tổng tham mưu đã tổ chức chu đáo công tác trinh sát để lấy tin tức về đội hình địch, về tình hình phân bố các binh đoàn thiết giáp, pháo binh của chúng, về các lực lượng không quân ném bom và tiêm kích của chúng và chủ yếu là làm thế nào lấy được tài liệu về ý đồ của bộ tư lệnh địch.

Phải biết rõ khối lượng công việc và phương pháp chuẩn bị một chiến dịch, mới có thể đánh giá được sự phức tạp và tính nhiều

về của công tác tham mưu và chỉ huy trong thời gian chuẩn bị cuộc chiến đấu ở Cuốc-xơ.

Trong khi nghiên cứu các tin tức đã nhận được, Bộ Tổng tham mưu phải phân tích sâu sắc nó và phải rút ra được những kết luận thích đáng từ các thông báo, báo cáo, nhiều vô kể trong đó có cả những tin tức, báo cáo giả dối và sai lầm. Bởi vì công tác có nhiều vẻ đó như mọi người đều biết, là công tác của hàng ngàn người trong các cơ quan tình báo và trinh sát bộ đội, của quân du kích và những người có thiện cảm với cuộc đấu tranh của chúng ta.

Quân địch, trong quá trình chuẩn bị tác chiến, đã tiến hành một hệ thống các biện pháp đặc biệt để giấu các ý đồ của chúng: điều động quân giả và các hành động lừa bịp khác. Ở đây các cơ quan tham mưu cao nhất phải tháo vát và biết phân biệt giữa thật và giả

Công tác loại đó chỉ có thể được tổ chức trên các quy mô lớn khi có sự tập trung về chỉ đạo, có sự thống nhất về hành động chứ không phải trên cơ sở những ý kiến hoặc đề nghị riêng lẻ của người này hoặc của người khác.

Tất nhiên, cả trong một hệ thống chặt chẽ như thế, vẫn có thể có sai lầm.

Ví như, Đại bản doanh và Bộ Tổng tham mưu cho rằng, quân địch đã tập trung lực lượng mạnh nhất ở Ô-ri-ôn để đánh vào

Phương diện quân Trung ương. Nhưng trên thực tế, khối địch mạnh nhất lại ở phía trước Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, ở đó có 9 sư đoàn xe tăng (1.500 chiếc). Phía trước Phương diện quân Trung ương, địch chỉ có 6 sư đoàn xe tăng (1.200 chiếc). Điều đó giải thích được một phần tại sao Phương diện quân Trung ương đánh lui địch dễ hơn Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ.

Các lực lượng cơ bản từ đầu cuộc chiến đấu được bố trí như thế nào?

Các tuyến phòng ngự bị uy hiếp nhất trong vùng Ben-gô-rốt là do tập đoàn quân cận vệ 6, dưới sự chỉ huy của tướng I.M. Chixti-a-cốp và tập đoàn quân cận vệ 7, dưới sự chỉ huy của tướng M.X. Su-mi-lốp, đóng giữ. Kế tiếp phía sau tập đoàn quân 6, trên tuyến phòng ngự của thê đội 2, có tập đoàn quân xe tăng 1. Phía sau nơi tiếp giáp của tập đoàn quân 6 và 7, bảo vệ hướng đi đến Cô-rô-cha và Prô-khô-rốp-ca, có tập đoàn quân 69 bố trí. Về lực lượng dự bị thì có quân đoàn bộ binh 35 và quân đoàn xe tăng 2 nằm trong vùng Cô-rô-cha, còn quân đoàn xe tăng 5 - phía nam Ô-bôi-an.

Tất cả các đơn vị thuộc tập đoàn quân xe tăng 1 đều chuẩn bị trận địa phòng ngự và công sự chắc chắn để khi cần thiết có thể đánh địch ngay tại chỗ bằng hỏa lực của xe tăng và tất cả các loại súng.

Những việc làm có tính sáng tạo của các đơn vị đã đưa đến kết

quả là, chúng ta đã có kế hoạch tỉ mỉ hiệp đồng về hỏa lực với các đơn vị bạn ở hai bên cũng như trong chiều sâu và cả với không quân nữa.

Phòng ngự ở khu vực hiểm yếu nhất của Phương diện quân Trung ương, trong vùng Pô-nư-ri có tập đoàn quân 13, do tướng M.P. Pu-khốp chỉ huy. Phía sau nơi tiếp giáp giữa tập đoàn quân 13 và tập đoàn quân 70 của tướng I.V. Ga-la-nin, trong tung thâm chiến dịch là tập đoàn quân xe tăng 2, do tướng A.G. Rô-đin chỉ huy.

Lực lượng dự bị của phương diện quân gồm các quân đoàn xe tăng 9, 19 và mấy đơn vị pháo cơ động chống tăng. Trên vùng trời, phương diện quân được tập đoàn quân không quân 16 của tướng Ru-đen-cô bảo vệ.

Tôi cũng muốn nói về lực lượng dự bị của ta. Trong khi chuẩn bị cho chiến dịch Cuốc-xơ, Đại bản doanh đã rất cố gắng nắm trong tay những lực lượng dự bị rất lớn.

Trên tuyến Líp-nư - Ô-ri-ôn cũ, đã tập trung các đơn vị thuộc Phương diện quân Xtép, vừa làm lực lượng đối phó với những bất trắc, vừa làm quả đấm mạnh cỡ phương diện quân khi chuyển sang tổng tiến công. Trong biên chế Phương diện quân Xtép có tập đoàn quân cận vệ bộ đội hợp thành 5 của tướng A.X. Gia-đốp, các tập đoàn quân bộ đội hợp thành 27, 53, 47, tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5, quân đoàn cơ giới cận vệ 1, quân đoàn xe

tăng cận vệ 4, quân đoàn xe tăng 10 và các quân đoàn kỵ binh 3, 5, 7. Trên không, Phương diện quân Xtép được sự yểm hộ của tập đoàn quân không quân 5, Tư lệnh phương diện quân là thượng tướng I.X. Cô-nép, ủy viên hội đồng quân sự - trung tướng I.D. Xu-xai-cốp, tham mưu trưởng - trung tướng M.V. Đa-kha-rốp.

Nhiệm vụ Phương diện quân Xtép rất quan trọng. Nó phải chặn không cho quân địch tiến công đột phá sâu và khi ta chuyển sang phản công, nó có nhiệm vụ từ phía sau bước vào chiến đấu để phát triển sức tiến công của quân ta. Bộ đội của phương diện quân đóng cách quân địch khá xa vì vậy có thể cơ động dễ dàng. Về nhiệm vụ, Phương diện quân Xtép khác hẳn Phương diện quân dự bị thành lập hồi mùa thu năm 1941 ở vùng nam Mát-xcơ-va. Phương diện quân Xtép thật ra là thê đội 2 của chiến dịch, chủ lực của nó nằm trên tuyến hậu phương của Phương diện quân miền Tây.

Cuối tháng 6, tình hình trở nên hoàn toàn sáng tỏ và chúng tôi đã biết rõ, chính ở đây, trong vùng Cuốc-xcơ, chứ không phải chỗ nào khác, trong thời gian sắp tới, địch sẽ chuyển sang tiến công. Ngày 30-6, I.V. Xta-lin gọi đây nói ra lệnh cho tôi ở lại hướng Ô-ri-ôn để tổ chức hiệp đồng giữa các Phương diện quân Trung ương, Bri-an-xcơ và miền Tây.

- Va-xi-lép-xki đã được cử tới phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, -

Tổng tư lệnh tối cao nói.

Trong những ngày ở Phương diện quân Trung ương, tôi đã cùng K.K. Rô-cô-xốp-xki xuống công tác dưới các đơn vị thuộc tập đoàn quân 13, tập đoàn quân xe tăng 2 và các quân đoàn dự bị. Trên khu vực tập đoàn quân 13 là nơi chuẩn bị đối phó với mũi đột kích chính của địch, chúng tôi đã tạo nên mật độ pháo binh hết sức dày đặc. Trong vùng Pô-nư-ri đã triển khai quân đoàn pháo binh dự bị của Đại bản doanh với 700 khẩu pháo và cối trong biên chế. Ở đây cũng bố trí tất cả lực lượng pháo binh cơ bản của Phương diện quân và các đơn vị dự bị của Bộ. Mật độ lên đến 92 khẩu pháo và cối trên một km chính diện mặt trận. Để đánh lại mũi tấn công của số lớn xe tăng địch, cả hai phương diện quân đã xây dựng hệ thống phòng, chống tăng trong suốt chiều sâu phòng ngự và trang bị cho nó pháo binh, xe tăng và mìn công binh.

Ở Phương diện quân Trung ương, hệ thống chống tăng mạnh nhất được chuẩn bị trên dải phòng ngự của tập đoàn quân 13 và ở sườn các đơn vị tiếp giáp với nó, thuộc các tập đoàn quân 28 và 70. Mật độ pháo chống tăng trong dải phòng ngự này lên tới trên 30 khẩu pháo một km chính diện.

Ở Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, trong dải phòng ngự của các tập đoàn quân cận vệ 6 và 7, mật độ pháo chống tăng là 15,6 khẩu trên một km chính diện, nhưng nếu tính cả các phương tiện

nằm ở thế đội 2 thì lại là 30 khẩu. Ngoài ra, ở đây còn có thêm 2 trung đoàn xe tăng và một lữ đoàn xe tăng làm nhiệm vụ phòng, chống tăng.

Trên các hướng bị xe tăng uy hiếp, trận địa phòng ngự gồm các cứ điểm chống tăng và khu chống tăng. Ngoài pháo binh và xe tăng ra, còn sử dụng nhiều mìn, đào nhiều hố chống tăng, các ụ đất và các vật chướng ngại công binh khác. Chúng ta cũng tổ chức các đội lưu động đặt chướng ngại vật chống tăng và các đội dự phòng chống tăng.

Tất cả các biện pháp nói trên đều có hiệu lực - đó là do có kinh nghiệm của nhiều trận chiến đấu ác liệt. Tiêu diệt được xe tăng địch góp phần rất lớn vào việc đánh tan quân địch nói chung.

Qua các tài liệu thu được của địch và theo tin tức trinh sát, chúng ta xác định được rằng, để đánh vào Phương diện quân Trung ương và Vô-rô-ne-giơ, địch có lực lượng không quân gồm các quân đoàn 1, 4 và 8 với gần 2.000 máy bay chiến đấu dưới sự chỉ huy chung của thống chế Rich-gô-phen.

Bắt đầu từ tháng 3, không quân địch dần dần tăng số lần bắn phá các đầu mối và trục đường sắt, các thành phố và mục tiêu ở hậu phương và từ tháng 6, chúng luôn luôn oanh tạc các đơn vị bộ đội và căn cứ hậu cần.

Bảo vệ trên không cho bộ đội và toàn bộ mỏm đất nhô ở Cuốc-xơ là do các tập đoàn quân không quân 2, 5 và 16 và hai sư

đoàn máy bay tiêm kích của lực lượng phòng không quốc gia đảm nhiệm. Căn cứ vào tính chất cuộc tiến công sắp tới của địch, các phương diện quân đã được tăng cường phương tiện cao xạ đủ để tổ chức bảo vệ một số lớn mục tiêu bằng hai, ba, bốn và có khi đến năm tầng hỏa lực.

Chiến đấu của cao xạ được phối hợp với không quân tiêm kích và tất cả các đơn vị bảo đảm của trinh sát, thông tin và dẫn hướng.

Công tác phòng không chu đáo, có tổ chức của các phương diện quân và cả mồm đất nhô Cuộc-xơ đã đưa đến kết quả là che chở kín đáo các đơn vị bộ đội đồng thời gây cho không quân giặc những thiệt hại nặng nề.

Chiều sâu cấu trúc công sự các phương diện quân đạt tới 150 km và nếu tính cả Phương diện quân Xtép thì lên tới 250 – 300 km.

Các mặt trận đã xây rất nhiều công sự bảo đảm cho bộ đội vừa không bị hỏa lực địch sát thương, vừa tiêu diệt được quân địch tiến công.

Các cơ quan hậu cần các phương diện quân đã làm một khối lượng công việc thật khổng lồ. Tiếc thay, chúng ta còn ít viết về hậu cần, về những nhân viên hậu cần, những người đã đem sức lao động, trí thông minh sáng tạo ra giúp đỡ các đơn vị và cán bộ chỉ huy các cấp chiến đấu với quân địch, tiêu diệt chúng và kết thúc chiến tranh bằng những chiến thắng có ý nghĩa lịch sử thế

giới.

Nói chung, không có công tác hậu cần có tổ chức và chính xác, không thể đạt thắng lợi trong các cuộc chiến đấu hiện đại. Thiếu sự bảo đảm về kỹ thuật vật chất cần thiết, trong quá trình chiến đấu bộ đội không tránh khỏi những thất bại.

“Không có công tác tổ chức hậu cần tỉ mỉ, dựa trên sự tính toán chính xác, không cung cấp đầy đủ tất cả những thứ cần thiết cho trận chiến đấu của bộ đội, không có công tác vận tải chuẩn xác để bảo đảm việc cung cấp, không tổ chức việc thu dọn chiến trường, thì không thể nghĩ đến bất cứ một sự chỉ huy đúng đắn và khôn khéo nào đối với các chiến dịch lớn”. M.V. Phơ-run-de đã nói như thế.

Đứng đầu cơ quan hậu cần Phương diện quân Trung ương là tướng N.A. An-ti-pen-cô. Trước đây trong cuộc chiến đấu ở Mát-xcơ-va, đồng chí là chủ nhiệm hậu cần tập đoàn quân 49 thuộc Phương diện quân miền Tây. Ngay từ hồi đó, đồng chí đã tỏ ra là một người tổ chức xuất sắc công tác hậu cần. Tôi muốn nói trước về tướng N.P. A-ni-xi-mốp chủ nhiệm hậu cần Phương diện quân U-crai-na 1. Tôi đặc biệt nhớ đến chiến dịch Prô-xcu-rốp - Téc-nô-pôn - Chéc-nô-vít-xcai-a, trong đó đồng chí đã rất tháo vát tổ chức công tác hậu cần của Phương diện quân, mặc dầu lúc đó là mùa xuân đường sá đi lại rất khó khăn.

Để bảo đảm thực hiện kế hoạch tác chiến do Đại bản doanh đề

ra, cần phải tiến hành một khối lượng công tác bảo đảm vật chất kỹ thuật lớn nhất cho các chiến dịch dự định sẽ mở, trong đó số người tham gia là 1,33 triệu, với 3.600 xe tăng và pháo tự hành, 2 vạn khẩu pháo và cối, 3.130 máy bay (kể cả không quân tầm xa).

Mặc dù có khó khăn do điều kiện thời tiết và quy mô lớn của công tác vận tải gây ra, mặc cho quân địch tìm mọi cách dùng không quân phá hoại sự chuyển vận các thứ cần thiết cho các chiến dịch sắp tới, cơ quan hậu cần các phương diện quân đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao. Cơ quan hậu cần bảo đảm không những cho thời kỳ phòng ngự mà cả cho thời kỳ chuyển nhanh sang phản công.

Khó mà nói rằng, hậu cần của phương diện quân nào chuẩn bị tốt hơn cả, nhưng vì Phương diện quân Trung ương đã dùng ít thời gian nhất để bảo đảm vật chất cho việc chuyển sang phản công, tôi cho rằng ở đây, trước khi mở chiến dịch cũng như trong quá trình chiến dịch, cơ quan hậu cần làm việc linh hoạt hơn cả. Tất nhiên trong vấn đề này sự thay đổi hình thái mặt trận trong quá trình diễn biến của chiến dịch cũng có ảnh hưởng không nhỏ.

Cần nói rằng, các Hội đồng quân sự phương diện quân đã chăm nom nhiều đến công tác hậu cần, vì vậy đó cũng là một điều kiện quan trọng để làm tốt công tác bảo đảm vật chất kỹ thuật ngay từ khi mở đầu chiến dịch.

Nhân dân địa phương vùng cánh cung Cuốc-xơ đã giúp đỡ nhiều cơ quan hậu cần và trực tiếp giúp các đơn vị. Các xí nghiệp công nghiệp gần mặt trận đã sửa chữa xe tăng, máy bay, xe ô-tô, phương tiện kỹ thuật pháo và các kỹ thuật khác. Nhân dân đã may vá số lớn quần phục và quần áo cho bệnh viện, tham gia đông đảo các việc xây dựng công sự phòng ngự, làm và sửa chữa đường sá.

Có thể nói, ở đây hậu phương và tiền tuyến thực sự là một. Mọi người đã làm hết sức mình để giành thắng lợi. Ở đây đã biểu hiện rõ sự nhất trí về mục tiêu giữa nhân dân và các lực lượng vũ trang ta trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Bản thân tướng N.Ph. Va-tu-tin và K.K. Rô-cô-xốp-xki cũng chăm nom nhiều đến công tác hậu cần và đó cũng là một nguyên nhân làm cho việc bảo đảm vật chất kỹ thuật ngay từ đầu trận đánh được tốt.

Nguyên soái Liên Xô A.M. Va-xi-lép-xki, trong bài báo “Cuộc chiến đấu lịch sử” đăng trên tờ Sự thật số ra ngày 4-7-1968 nhân dịp kỷ niệm lần thứ 25 trận tiêu diệt quân phát-xít Đức ở Cuốc-xơ, đã nói đầy đủ về những cố gắng trong các ngày căng thẳng đó.

A.M. Va-xi-lép-xki viết: “Khó mà kể hết được tất cả các biện pháp lớn do Hội đồng quốc phòng, Đại bản doanh và Bộ Tổng tham mưu tiến hành nhằm chuẩn bị cho cuộc chiến đấu quyết

định ở Cuốc-xơ. Đó là một công việc đồ sộ, đúng ra là khổng lồ.

Trong số các biện pháp, phải kể từ công cuộc xây dựng một hệ thống phòng ngự nhiều tầng ở hướng Cuốc-xơ trên một chiều sâu 250 - 300 km, đến việc đưa đến phía đông Cuốc-xơ một lực lượng dự bị chiến lược rất mạnh của Đại bản doanh là toàn bộ Phương diện quân Xtép, việc tập trung ở Cuốc-xơ một số lượng phương tiện vật chất và bộ đội lớn chưa từng thấy trong cuộc chiến tranh, việc tổ chức những chiến dịch đặc biệt bằng không quân để phá hoại giao thông vận tải địch và làm chủ bầu trời, việc tăng cường hoạt động của quân du kích nhằm mục đích tổ chức sự phá hoại rộng khắp trong vùng sau lưng địch và thu lượm những tin tức tình báo quan trọng nhất và việc tiến hành rất nhiều biện pháp để bảo đảm về chính trị tư tưởng cho các hoạt động sắp tới của Quân đội Xô-viết”.

Và như thế là tất cả các đơn vị trên mặt đất và trên trời, trong tháng 5 và tháng 6, đã tiến hành công cuộc chuẩn bị chiến đấu căng thẳng, mỗi cán bộ và chiến sĩ đã chuẩn bị để quyết chiến với quân giặc.

Cuộc tiếp chiến đó chẳng bao lâu đã đến.

Bằng tất cả mọi cách trinh sát, Đại bản doanh và các phương diện quân đã xác định được đúng thời gian địch chuyển sang tiến công. Ngày 2-7, Đại bản doanh báo trước cho tư lệnh các

phương diện quân: quân địch có thể chuyển sang tiến công từ mùng 3 đến mùng 6 tháng 7.

Lúc này, đánh đòn phản chuẩn bị mãnh liệt bằng pháo binh và không quân Xô-viết trở thành nhiệm vụ trước mắt của chúng ta. Chiều tối ngày 4-7, tôi ở bộ tham mưu của K.K. Rô-cô-xốp-xki. Sau khi nói chuyện điện thoại với A.M. Va-xi-lép-xki lúc đó đang ở bộ tham mưu của N.Ph. Va-tu-tin, tôi liền hướng vào theo dõi kết quả trận đánh của quân ta với các chi đội phái đi trước của địch trong vùng Ben-gô-rôt. Chúng tôi được biết rằng, tin về quân địch sẽ chuyển sang tiến công vào sáng ngày 5-7 do tên tù binh thuộc sư đoàn bộ binh 168 bị bắt trong ngày đó khai, đã được xác nhận là đúng và Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ sẽ tiến hành đòn phản chuẩn bị bằng pháo và máy bay theo đúng kế hoạch đã dự kiến của Đại bản doanh .

Về những điều đó, tôi thông báo ngay với K.K. Rô-cô-xốp-xki và M.X. Ma-li-nin.

Lúc hơn 2 giờ sáng, tướng N.Ph. Pu-khốp, tư lệnh tập đoàn quân 13, gọi dây nói báo cáo với K.K. Rô-cô-xốp-xki rằng, tên tù binh lính công binh thuộc sư đoàn bộ binh 6 đã cho biết, quân Đức đã sẵn sàng chuyển sang tiến công và thời gian tiến công là vào khoảng 3 giờ sáng ngày 5-7.

K.K. Rô-cô-xốp-xki hỏi tôi:

- Chúng ta sẽ làm gì? Báo cáo lên Đại bản doanh hay ra lệnh tiến

hành đòn phản chuẩn bị?

- Không nên phí thời gian, Kôn-xtan-tin Kôn-xtan-ti-nô-vích ạ. Anh cứ ra lệnh theo như phương án kế hoạch của phương diện quân và Đại bản doanh, còn tôi sẽ gọi đây nói báo cáo với Tổng tư lệnh ngay về tình hình và quyết tâm của chúng ta.

Liên ngay đó tôi đã liên lạc được với Tổng tư lệnh. Tổng tư lệnh ở Đại bản doanh và vừa nói chuyện xong với A.M. Va-xi-lép-xki. Tôi báo cáo về những tin tức đã nhận được và trình bày quyết tâm tiến hành đòn phản chuẩn bị. I.V. Xta-lin chuẩn y quyết tâm và ra lệnh thông báo tin tức thường xuyên về.

- Tôi sẽ ở Đại bản doanh để theo dõi diễn biến của các sự kiện - Xta-lin nói.

Tôi cảm thấy Tổng tư lệnh đang ở trạng thái căng thẳng. Ngay cả chúng tôi, tuy đã thiết lập được phòng ngự sâu, nhiều tầng và có trong tay những phương tiện rất mạnh để đánh quân Đức, chúng tôi vẫn rất hồi hộp và bị xúc động đến cùng kiệt. Đêm đã khuya, nhưng giấc ngủ như bị một bàn tay nhắc đi mất.

Thông thường trong những trường hợp như thế này, tôi và K.K. Rô-cô-xốp-xki, chúng tôi hay ở lại chỗ tham mưu trưởng phương diện quân M.X. Ma-li-nin. Tôi được biết Ma-li-nin từ trận chiến đấu ở Mát-xcơ-va, khi đồng chí làm tham mưu trưởng tập đoàn quân 16.

Đó là một người chỉ huy được huấn luyện toàn diện, một cán bộ

tham mưu loại cao cấp. Cùng với tập thể đoàn kết keo sơn của mình, đồng chí Ma-li-nin đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ giao cho cơ quan tham mưu. Trưởng phòng tác chiến, tướng I.I. Bôi-cốp đã giúp đỡ đồng chí nhiều. Khiêm tốn, cần cù, sáng tạo, đồng chí Bôi-cốp là cánh tay phải của tham mưu trưởng phương diện quân trong mọi việc. Và lúc này, giữa tiếng chuông điện thoại đổ liên hồi, trước những câu hỏi và yêu cầu như không bao giờ hết, đồng chí Bôi-cốp vẫn bình tĩnh như thường.

Ở đây cũng có mặt tham mưu trưởng pháo binh phương diện quân, đại tá G.X. Na-đư-xếp. Đồng chí cũng tới để nói chuyện với chỉ huy các sư đoàn pháo binh dự bị của Bộ và với tư lệnh pháo binh phương diện quân, tướng V.I. Ca-da-cốp, hiện giờ đang ở quân đoàn pháo binh 4.

Cần phải nói rằng, cơ quan tham mưu pháo binh và tư lệnh pháo binh các phương diện quân, các tập đoàn quân và binh đoàn đã tổ chức tốt và sáng tạo lưới pháo binh phòng ngự và phản chuẩn bị. Lúc 2 giờ 20, tôi ra lệnh bắt đầu đánh phản chuẩn bị. Tất cả xung quanh chuyển động, quay cuồng, một tiếng nổ kinh khủng dội lên - cuộc chiến đấu vĩ đại nhất ở cánh cung Cuốc-xơ đã mở màn.

Trong bản “giao hưởng” ồn ào khó chịu đó, tiếng nổ của pháo binh hạng nặng, của bom, của các viên đạn phản lực M.31, của đạn Ca-chiu-sa và tiếng gầm rú liên tục của máy bay đã hòa

thành một khối.

Theo đường thẳng, quân địch cách xa sở chỉ huy này không quá 20 km. Chúng tôi nghe và cảm thấy rõ cơn bão lửa và tự nhiên trong trí tưởng tượng của chúng tôi hiện lên một bức tranh khủng khiếp của đòn bão lửa phản chuẩn bị bất ngờ chụp lên bàn đạp xuất phát tiến công của quân địch. Bọn lính và sĩ quan giặc bị đánh bất ngờ, chắc chỉ có việc chúi mũi xuống đất, xuống hố nào gần nhất, xuống rãnh, hào giao thông và bất cứ hầm nào để cố tránh sức mạnh khủng khiếp của các quả bom, trái phá và đạn cối nổ.

Lúc 2 giờ 30, lúc tất cả mọi nơi đều đã mở đòn phản chuẩn bị, Tổng tư lệnh gọi dây nói:

- Thế nào rồi? Đã bắt đầu chưa?

- Bắt đầu rồi.

- Quân địch đối phó ra sao?

Tôi báo cáo, quân địch cố đánh trả lại đòn phản chuẩn bị của ta bằng từng đại đội pháo lẻ, nhưng đã phải câm họng ngay.

- Tốt lắm, tôi sẽ còn gọi dây nói để tiếp tục nắm tình hình.

Lúc đó không biết và không xác định ngay được kết quả của đòn phản chuẩn bị, nhưng cuộc tiến công của địch bắt đầu lúc 5 giờ 30 tổ chức không chặt chẽ và không đồng loạt đã nói lên những thiệt hại nghiêm trọng do cuộc phản chuẩn bị của ta gây ra.

Các tù binh bắt được trong quá trình chiến đấu nói rằng, đòn

đánh của ta hoàn toàn bất ngờ đối với chúng, làm cho pháo binh chúng bị thiệt hại nặng và hầu hết ở mọi nơi, thông tin bị cắt, hệ thống quan sát và chỉ huy bị phá hủy.

Thật ra, cho tới khi địch bắt đầu tiến công, mọi chi tiết của kế hoạch phản chuẩn bị vẫn chưa được dựng xong. Chúng ta vẫn chưa nắm được chính xác các nơi tập trung quân địch ở khu xuất phát tiến công và vị trí cụ thể của các mục tiêu trong đêm 4 rạng ngày 5 tháng 7. Dù sử dụng hết các loại phương tiện trinh sát có trong tay, cũng khó mà xác định đúng vị trí các mục tiêu, tuy vậy vẫn có thể làm được nhiều hơn nữa so với những việc mà các đơn vị và cán bộ chỉ huy đã làm.

Kết quả là trong đòn phản chuẩn bị, trong nhiều trường hợp, đã không bắn trúng điểm mà phải bắn diện tích. Điều đó làm cho địch đã thoát, không bị tiêu diệt từng khối lớn. Vì vậy, sau đó 2 giờ đến 2 giờ rưỡi, địch vẫn có thể chuyển sang tiến công và trong ngày đầu tiên, chúng đã tiến được từ 3 đến 6 km. Điều đó có thể không xảy ra, nếu chúng ta tổ chức trận phản chuẩn bị tốt hơn nữa, diệt được nhiều địch hơn nữa.

Cũng cần tính rằng, trong điều kiện đòn phản chuẩn bị tiến hành ban đêm, sự tham gia của không quân là không đáng kể và nói thẳng ra, ít có hiệu quả; các trận đột kích lúc sáng sớm đánh vào các sân bay địch hoàn toàn không đem lại kết quả, vì lúc đó địch đã cho máy bay cất cánh để hiệp đồng với quân trên mặt đất.

Hoạt động có hiệu lực hơn cả là các máy bay đánh vào đội hình chiến thuật của địch và vào các đơn vị địch di chuyển trong quá trình trận đánh.

Phải nói rằng, đòn phản chuẩn bị bằng pháo binh đã làm cho địch bị thiệt hại lớn và gây rối loạn trong sự chỉ huy tiến công của chúng, tuy vậy, chúng ta vẫn có thể đạt kết quả lớn hơn.

Theo dõi trận đánh và hỏi cung tù binh, tôi đi đến kết luận rằng, Phương diện quân Trung ương cũng như Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ bắt đầu bắn sớm quá: lính Đức còn đang ngủ trong hố cá nhân và hầm hào, còn các đơn vị xe tăng vẫn nấp trong khu chờ đợi. Tốt hơn là nên bắt đầu đánh phản chuẩn bị muộn hơn một ít, khoảng nửa giờ đến 1 giờ trước khi quân địch chuyển sang tiến công.

Từ 4 giờ 30 đến 5 giờ sáng ngày 5-7, trên trời xuất hiện máy bay địch. Cùng lúc đó địch bắt đầu bắn pháo vào trận địa phòng ngự của Phương diện quân Trung ương, đặc biệt địch bắn rất mạnh vào các đơn vị thuộc tập đoàn quân 13. Nửa giờ sau, quân Đức bắt đầu tiến công.

Trong thê đội 1 của lực lượng tiến công, địch dùng 3 sư đoàn xe tăng và 5 sư đoàn bộ binh. Hướng đột kích nhằm vào tập đoàn quân 13 và sườn các tập đoàn quân 48 và 70 tiếp giáp vào đó. Cuộc tiến công của chúng đã gặp sự đánh trả bằng hỏa lực rất mạnh của toàn bộ hệ thống phòng ngự của ta và sau khi bị đánh

đau, địch phải rút lui.

Suốt cả ngày 5-7, địch đã mở 7 đợt tiến công quyết liệt với ý muốn chọc thủng phòng ngự quân ta, nhưng đã không đạt được kết quả đáng kể nào. Trên hầu hết các khu vực của phương diện quân, bộ đội ta đã vững vàng giữ tuyến chiến đấu, tựa như không có sức mạnh nào có thể bắt họ rời khỏi vị trí. Chỉ đến cuối ngày, trong vùng Ôn-khô-vát-ca và một vài chỗ khác, địch mới đột phá sâu được từ 3 đến 6 km.

Đặc biệt chiến đấu dũng cảm là các chiến sĩ của tập đoàn quân 13, trong đó có sư đoàn 81 của tướng A.B. Ba-ri-nốp, sư đoàn 15 của đại tá V.N. Đgian-giơ-ga-va, sư đoàn 307 của tướng M.A. En-sin và lữ đoàn pháo cơ động chống tăng của đại tá V.N. Ru-cô-xu-ép. Chịu đựng đòn tiến công mãnh liệt của địch, đại đội pháo binh của đại úy G.I. I-gghi-sép trong một ngày đã diệt 19 xe tăng địch. Tất cả các chiến sĩ đều hy sinh trong chiến đấu nhưng đã không cho địch lọt vào.

Chiến đấu giỏi là tập đoàn quân 70 của tướng I.V. Ga-la-nin, một tập đoàn quân gồm các chiến sĩ biên phòng Viễn đông, Da-bai-can và Trung Á.

Chiều tối, có quyết định sáng hôm sau, tức là ngày 6-7, đưa sư đoàn 2 và quân đoàn xe tăng 19 vào chiến đấu với nhiệm vụ hiệp đồng cùng các đơn vị thuộc tập đoàn quân 13 tiến hành phản công, đánh bật quân địch trở về vị trí xuất phát tiến công, khôi

phục hệ thống phòng ngự trên khu vực tập đoàn quân 13. Đặc biệt dũng cảm trong chiến đấu là các đơn vị của quân đoàn bộ binh cận vệ 17. Trung đoàn bộ binh 203 dưới sự chỉ huy của thiếu tá V.O. Cô-nô-va-len-cô, trong ngày 6-7 đã đánh lui 16 đợt tiến công của địch và gây cho chúng những thiệt hại nặng nề. Tuy vậy, mặc dù phòng ngự của ta rất có tổ chức, quân ta lại chiến đấu hết sức dũng cảm với khí phách anh hùng tập thể, trong ngày 5 và 6 tháng 7, quân địch trên một số khu vực lẻ tẻ vẫn tiến sâu được khoảng 10 km. Trong hai ngày đó không kể gì đến thiệt hại rất nặng, không quân địch cũng hoành hành rất dữ dội. Tuy vậy tuyến phòng ngự chiến thuật của ta vẫn không hề bị chọc thủng.

Sau khi tập trung các lực lượng xe tăng xung kích lại, từ sáng ngày 7-7, địch lao vào cuộc tiến công ác liệt về phía Pô-nư-ri. Phòng ngự ở đây có sư đoàn 307 dưới sự chỉ huy của thiếu tướng M.A. En-sin, được tăng cường sư đoàn pháo binh 5, lữ đoàn pháo chống tăng 13, lữ đoàn súng cối 11 và 12.

Cả ngày, trong vùng Pô-nư-ri, không lúc nào ngớt tiếng nổ rền của các trận chiến đấu dưới đất và trên trời. Quân giặc đưa hết lực lượng xe tăng mới này đến đơn vị xe tăng mới khác, nhưng ở đây, địch cũng đụng phải tinh thần chiến đấu ngoan cường của các chiến sĩ Xô-viết. Đặc biệt nổi bật là các chiến sĩ thuộc lữ đoàn pháo binh cơ động chống tăng của đại tá V.N. Ru-cô-xu-ép.

Lữ đoàn đã phải chiến đấu chênh lệch về sức với 300 xe tăng địch.

Các âm mưu tiếp theo của địch nhằm đột phá phòng ngự ta cũng đều bị bộ đội Xô-viết đánh bại.

Như thế là đến tận ngày 10-7, vì bị mất một phần lớn xe tăng, chủ bài của Hít-le, quân Đức không tiến lên được.

Ngay trong khi các trận đánh nói trên đang tiếp diễn, sáng ngày 9-7, I.V. Xta-lin đã gọi đây nói về sở chỉ huy Phương diện quân Trung ương. Sau khi nghe báo cáo về tình hình, Xta-lin nói:

- Đã đến lúc sử dụng Phương diện quân Bri-an-xơ và cánh trái Phương diện quân miền Tây theo như kế hoạch đã dự kiến chưa?
- Tại đây, trên khu vực Phương diện quân Trung ương, quân địch không còn sức chọc thủng phòng ngự của quân ta. Để chúng không có thời giờ tổ chức phòng ngự, mà chúng nhất định sẽ phải chuyển sang, cần lấy tất cả lực lượng Phương diện quân Bri-an-xơ và cánh trái Phương diện quân miền Tây tranh thủ tiến công ngay lập tức nếu không, một mình Phương diện quân Trung ương không thể thực hiện thắng lợi cuộc phản công đã định.
- Đồng ý. Đồng chí đi đến chỗ Pô-pốp và làm việc với Phương diện quân Bri-an-xơ... Lúc nào cuộc tiến công của Phương diện quân Bri-an-xơ có thể bắt đầu?
- Ngày 12.

- Đồng ý.

Tôi không hỏi Tổng tư lệnh về tình hình trên các khu vực phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, bởi vì tôi luôn có liên hệ với A. M Va-xi-lép-xki với Bộ Tổng tham mưu và biết rằng, ở đó cũng như ở Phương diện quân Trung ương, quân ta đang chiến đấu quyết liệt.

Tôi tự cho phép trích ngắn ra đây tình hình ngày thứ nhất của trận chiến đấu ở Cuộc-xơ trên khu vực Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, mà chúng tôi được biết qua báo cáo của Bộ tư lệnh Phương diện quân gửi về Đại bản doanh.

Lúc 16 giờ 10 ngày 4-7, quân địch bắt đầu cho các chi đội phái đi trước tiến công. Các hành động đó có tính chất thăm dò.

Ngày 5-7, từ vùng Xtô-rê-lét-xki - Ta-ma-rốp-ca - Dư-bi-nô - Tơ-rê-phi-lốp-ca, sau khi cho pháo bắn cấp tập và máy bay tập kích, giặc chuyển sang tiến công, sử dụng ít nhất 450 xe tăng. Đợt tiến công đầu tiên bị đánh lui.

Buổi chiều, sau khi trong các xe tăng hạng nặng “cọc” ra, quân địch lại xông vào tiến công. Lần này, chúng đẩy lùi được sức kháng cự của sư đoàn bộ binh cận vệ 52 do đại tá I.M. Nê-cra-xốp chỉ huy và chiếm được một loạt các khu dân cư, trong đó có Bê-rê-dốp, Grê-mu-chi, Bu-cư-vô, Cô-dơ-ma, Đê-mi-a-nốp-ca, Vô-dơ-nê-xen-xki. Sư đoàn bộ binh cận vệ 67 ở bên cạnh, do đại tá A.I. Bắc-xốp chỉ huy bị đánh mạnh, cũng phải bỏ Chéc-ca-

xcôi-ê và rút về tuyến Cra-xnui Pô-chi-nốc.

Qua một ngày chiến đấu, quân phát xít Đức đã bị những thiệt hại rất lớn nhưng Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ cũng mất đến 60 xe tăng, 78 máy bay và một bộ phận quân số đáng kể.

Phân tích các hành động của quân địch, chúng tôi nhận thấy bọn chỉ huy địch trong vùng Ben-gô-rôt tỏ ra có tinh thần chủ động và có kinh nghiệm hơn. Sự thật đúng là như thế. Cầm đầu bọn địch ở đây là thống chế Man-sten.

Tình hình ở Phương diện quân Bri-an-xcơ đã diễn ra như thế nào?

Chiều tối ngày 9-7, theo chỉ định của Tổng tư lệnh, tôi tới bộ tham mưu phương diện quân để làm việc với tư lệnh M.M. Pô-pốp, ủy viên Hội đồng quân sự L.D. Mê-khơ-lít và tham mưu trưởng L.M. Xan-đa-lốp. Các đồng chí ở đây đã nhận được chỉ thị của Đại bản doanh chuyển sang tiến công rồi.

Tôi thấy cần nêu lên trình độ hiểu biết đặc biệt nhạy bén và tài khéo léo làm các kế hoạch tiến công, tổ chức hệ thống chỉ huy bộ đội của tướng L.M. Xan-đa-lốp, tham mưu trưởng phương diện quân.

Tôi biết đồng chí từ hồi chiến đấu ở Mát-xcơ-va, khi đồng chí làm tham mưu trưởng tập đoàn quân 20. Đó là một trong những tham mưu trưởng có tài năng nhất. Đồng chí hiểu sâu các vấn đề chiến dịch, chiến lược.

Kế hoạch tiến công đã được nghiên cứu và chuẩn bị trước trong các tập đoàn quân. Chỉ huy các tập đoàn quân là các tướng có tài năng và kinh nghiệm. Tư lệnh tập đoàn quân 3 là tướng A.V.

Goóc-ba-tốp, tập đoàn quân 61 là tướng P.A. Bê-lốp và tập đoàn quân 63 là tướng V.Ya. Côn-pắc-chi. Tập đoàn quân cận vệ 11 của Phương diện quân miền Tây, chuẩn bị tiến công đồng thời với Phương diện quân Bri-an-xơ thì do tướng I.Kh. Ba-gra-mi-an lãnh đạo.

Tôi đã tới tất cả các tập đoàn quân đó của Phương diện quân Bri-an-xơ và miền Tây và, trong mức độ có thể, đã góp ý kiến với các đồng chí tư lệnh.

Làm việc đặc biệt chi tiết là với tập đoàn quân của I.Kh. Ba-gra-mi-an, mà từ lâu tôi đã có quan hệ công tác và quan hệ đồng chí tốt.

Cùng lúc đó ở tập đoàn quân I.Kh. Ba-gra-mi-an có cả tư lệnh Phương diện quân miền Tây V.Đ. Xô-cô-lốp-xki và đại diện của Đại bản doanh, tướng N.N. Vô-rô-nốp xuống nghiên cứu vấn đề pháo binh.

Trong khi thảo luận bản báo cáo về phương pháp bắn pháo của tướng P.X. Xê-mê-nốp, tư lệnh pháo binh tập đoàn quân cận vệ 11, trong chúng tôi đã nảy ra ý kiến là nên tìm một phương pháp tiến công mới chưa từng dùng.

Sau các buổi thảo luận kéo dài, chúng tôi đã quyết định: không

xung phong sau khi pháo bắn chuẩn bị như từ trước vẫn làm nữa, vì như thế, địch có thể xác định được thời gian bắt đầu xung phong, mà xung phong ngay trong quá trình pháo bắn chuẩn bị, đúng vào lúc bắn nhanh và mãnh liệt nhất. Phương pháp đó đã được chứng minh là tốt.

Ngày 12-7, Phương diện quân Bri-an-xơ và tập đoàn quân cận vệ 11 tăng cường của Phương diện quân miền Tây chuyển sang tiến công và, mặc dù phòng ngự của địch có chiều sâu, nhiều tầng, và chúng ngoan cố chống lại, quân ta vẫn chọc thủng tuyến chiến đấu của địch và bắt đầu tiến quân theo hướng chung về Ô-ri-ôn.

Đúng theo dự kiến của ta, quân địch bị bối rối ở vùng Ô-ri-ôn phải rút lực lượng của cụm quân đang tác chiến với Phương diện quân Trung ương về chống đỡ với Phương diện quân Bri-an-xơ và tập đoàn quân cận vệ 11 của Phương diện quân miền Tây, Phương diện quân Trung ương tranh thủ thời cơ đó, đã chuyển sang phản công vào ngày 15-7.

Như vậy, trong vùng Ô-ri-ôn này, cuộc tiến công do bọn Hít-le chuẩn bị từ lâu đã hoàn toàn bị phá sản. Quân đội Đức đã chịu một đòn thất bại đau đớn ê chề, chúng đã thấy được sức mạnh của lực lượng vũ trang Xô-viết, của những cán bộ và chiến sĩ được nhân dân nuôi nấng rèn luyện có đủ sức mạnh đánh tan bọn giặc hùng mạnh, có kinh nghiệm và đáng căm thù.

Trong vùng Ben-gô-rôt, quân địch còn mở những trận tiến công mạnh và tập trung hơn.

Ngày 6-7 trên hướng Ô-bôi-an đã diễn ra một cuộc chiến đấu đẫm máu. Cùng một lúc cả hai bên đưa hàng trăm máy bay, xe tăng và pháo tự hành ra tham chiến. Nhưng quân giặc đã không thể đánh đổ bức tường phòng ngự rắn như thép của quân ta.

Các chiến sĩ xe tăng, pháo binh và các bộ đội rút lui từ tiền duyên về đã dũng cảm đánh lui nhiều đợt tiến công của địch.

Riêng trong ngày 6-7 ở đây, chúng đã bị tiêu diệt trên 200 xe tăng, hàng vạn lính và gần 100 máy bay chiến đấu.

Sau khi đã lấy thêm lực lượng dự bị và chấn chỉnh các đơn vị, sáng ngày 7-7 quân địch lại đưa một đơn vị xe tăng mới vào hoạt động. Phần lớn xe tăng, địch dùng để đánh vào tập đoàn quân cận vệ 6 và tập đoàn quân xe tăng 1 ở hướng Ô-bôi-an - Prô-khô-rốp-ca, còn trên 200 chiếc nữa, chúng đưa vào hướng đánh tập đoàn quân cận vệ 7 của M.X. Su-mi-lốp ở phía Cô-rô-cha.

Ngay đêm 6-7, lực lượng dự bị của phương diện quân đã kịp thời đến tăng cường cho các tập đoàn quân cận vệ 6 và tập đoàn quân xe tăng 1.

Từ sáng ngày 7-7, quân giặc lại bắt đầu tiến công quyết liệt. Trên bầu trời và trên mặt đất, không lúc nào ngớt tiếng rền của trận chiến đấu, tiếng nghiền của xích xe tăng và tiếng nổ ầm ầm của máy.

Các đơn vị Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ được sự yểm hộ mạnh mẽ của không quân đã không để cho địch chọc thủng dải phòng ngự thứ 2, tuy vậy ở một đôi chỗ, chúng đã lọt qua.

Lúc đó bộ tư lệnh phương diện quân liền cho các quân đoàn xe tăng 2 và 5, cả một vài sư đoàn bộ binh và đơn vị pháo binh rút từ các hướng khác bước vào chiến đấu trong những khu vực bị uy hiếp đó.

Trong 2 ngày, địch đã mất ít nhất 200 xe tăng và nhiều kỹ thuật khác. Các đơn vị bộ binh địch cũng chỉ còn dưới một nửa quân số so với lúc đầu trận đánh. Ngày 10-7, sau khi tập trung các lực lượng cơ bản của chúng lại trên một khu vực hẹp hơn, quân địch liền tung lực lượng đó vào hướng Prô-khô-rốp-ca với ý định đè bẹp các đơn vị đã mất sức của ta ở đây. Ngày 11-7, trên hướng Prô-khô-rốp-ca cuộc chiến đấu ác liệt tiếp tục.

Đến chiều ngày 11-7 ở khu vực Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, cuộc chiến đấu đã bước vào giây phút hiểm nghèo.

Theo kế hoạch sắp đặt từ trước, Đại bản doanh lấy trong lực lượng dự bị của mình và chuyển tới vùng Prô-khô-rốp-ca tập đoàn quân bộ đội hợp thành cận vệ 5 và tập đoàn quân xe tăng 5 để đến sáng ngày 12-7 đưa vào chiến đấu. Tập đoàn quân xe tăng có đến 800 chiếc T-34 và pháo tự hành. Về tổng số xe tăng, trên hướng Ô-bôi-an và Prô-khô-rốp-ca, địch không kém ta, nhưng tinh thần chiến đấu của chúng thì đã rã rời sau các trận đánh

trước đây với các đơn vị của tập đoàn quân cận vệ 6, tập đoàn quân xe tăng 1 và tập đoàn quân cận vệ 7 của ta.

Suốt ngày 12-7, trên mặt trận Vô-rô-ne-giơ đã diễn ra một trận đánh lớn nhất của xe tăng, pháo binh, bộ binh và không quân, mà đặc biệt ác liệt là trên hướng Prô-khô-rốp-ca.

Ngày hôm đó, Tổng tư lệnh gọi điện đến sở chỉ huy Phương diện quân Bri-an-xơ ra lệnh cho tôi đáp máy bay về Prô-khô-rốp-ca để tổ chức việc hiệp đồng giữa Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Phương diện quân Xtép.

Ngày 13-7, tôi đến sở chỉ huy Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, ở đó đã có cả tướng I.X. Cô-nép, tư lệnh Phương diện quân Xtép. Chiều tối hôm đó, tôi cũng gặp A.M. Va-xi-lép-xki ở sở chỉ huy tập đoàn quân 69.

Dựa vào tình hình hoạt động của địch và ta, tôi thấy hoàn toàn tán thành những biện pháp và quyết định của A.M. Va-xi-lép-xki.

A.M. Va-xi-lép-xki được ủy nhiệm của Tổng tư lệnh đến Phương diện quân Tây-nam để tổ chức trận tiến công dự định sẽ mở khi Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Xtép chuyển sang phản công. Để tạo những điều kiện tốt nhất cho cuộc phản công của các phương diện quân, tất cả chúng tôi hạ quyết tâm: tiếp tục cuộc phản kích đang tiến hành một cách kiên quyết hơn nữa, bám sát bọn địch rút lui, đánh chiếm các tuyến do chúng giữ trước đây

trong vùng Ben-gô-rôt. Sau đó sẽ tiến hành công tác chuẩn bị gấp rút để chuyển toàn bộ lực lượng của hai phương diện quân sang phản công quyết liệt

Trong thời gian đó trên tất cả các mặt trận đều diễn ra các trận đánh ác liệt, đẫm máu, số xe tăng và pháo tự hành bị tiêu hủy tính ra có hàng trăm. Khói bụi mịt mù trên chiến trường. Đó là trận chiến đầu trên hướng Ben-gô-rôt đi vào bước ngoặt. Bị giết nhiều và mất tin tưởng vào thắng lợi, bộ đội Hít-le đã dần dần chuyển sang phòng ngự. Ngày 16-7, địch đã hoàn toàn chấm dứt tiến công và bắt đầu rút các cơ quan hậu cần về Ben-gô-rôt.

Ngày 17-7 địch tiếp tục rút lui, tuy vậy bọn địch đang giáp chiến với quân ta vẫn ngoan cố kháng cự...

Ngày 18-7, tôi và A.M. Va-xi-lép-xki tới các đơn vị thuộc các tập đoàn quân của V.Đ. Criu-chen-kin, A. X. Gia-đốp và P. A. Rôt-mi-xơ-rốp[7].

Chúng tôi đã có dịp tận mắt theo dõi các trận chiến đấu ác liệt trong vùng Nông trường quốc doanh “Thanh niên cộng sản” và các trại I-va-nốp là nơi có quân đoàn xe tăng 29 và 18 tác chiến. Ở đây quân địch đã dùng hỏa lực mạnh và cả phản kích để chống cự lại.

Trong ngày 18-7, các tập đoàn quân của P. A. Rôt-mi-xơ-rốp và A. X. Gia-đốp chỉ đánh lui quân địch được 3 - 5 km, còn tập đoàn quân cận vệ 6 của I.M. Chi-xti-a-cốp chỉ chiếm được điểm

cao trong vùng Véc-khô-pe-nhe. Các đơn vị thuộc tập đoàn quân Chi-xti-a-cốp đã cảm thấy mệt mỏi nhiều. Kể từ ngày 4-7, anh em ở đây đã không nghỉ, không ngủ. Muốn đánh cho giặc không thể rút lui theo kế hoạch, bây giờ cần có lực lượng bổ sung, có nghĩa là cần đưa các quân đoàn xe tăng của B.X. Ba-kha-rốp và I.Ph. Ki-ri-chen-cô[8] và một bộ phận lực lượng tập đoàn quân 53 của I.M. Ma-na-ga-rốp vào tham chiến.

Theo ý tôi thì thật là không đúng, nếu khẳng định rằng, bộ tư lệnh Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, khác với bộ tư lệnh Phương diện quân trung ương, đã không xác định đúng hướng đột kích chủ yếu của quân địch, do đó không tập trung được sức cố gắng vào hướng đó, trái lại đã phân tán lực lượng trên một chính diện dài đến 164 km. Tôi cũng không tán thành ý kiến cho rằng tập đoàn quân cận vệ 6, khi đánh lại đòn đột kích của chủ lực quân địch tiến công từ phía nam và Cuốc-xơ, đã bố trí trên một bề mặt rộng đến 64 km, nghĩa là rộng quá so với các tập đoàn quân bên cạnh chỉ có dải phòng ngự rộng khoảng 50 km. Và mật độ trung bình của pháo binh và xe tăng chỉ là 25,4 và 2,4 trên một km chính diện, trong khi đó trên toàn mặt trận là 35,6 và 6,9[9].

Đại bản doanh, Bộ Tổng tham mưu và bộ tư lệnh Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, khi phân tích tình hình, đều cho rằng đòn đột kích chủ yếu của quân địch sẽ không phải chỉ đánh vào riêng tập

đoàn quân cận vệ 6 mà cả vào tập đoàn quân cận vệ 7. Về bề rộng của các dải phòng ngự thì chính diện phòng ngự của các tập đoàn quân cận vệ 6 và 7, là nơi chuẩn bị chống lại mũi đột kích chính của địch, rộng 114 km, còn ở hai tập đoàn quân khác, chính diện đó là 130 km. Mật độ trung bình pháo binh và xe tăng đã tính không đúng và không đầy đủ. Thực ra trên đoạn phòng ngự của tập đoàn quân 38 và 40, mật độ pháo binh không đáng kể, còn mật độ xe tăng ở đó chỉ là 1.

Trong lúc đó, ở dải phòng ngự của các tập đoàn quân cận vệ 6 và 7 đã tập trung hầu hết bộ đội và binh đoàn pháo binh dự bị của Đại bản doanh, tất cả các bộ đội và binh đoàn xe tăng và toàn bộ lực lượng dự bị của phương diện quân. Thêm nữa, kể sau nơi phòng ngự của tập đoàn quân 6, có tập đoàn quân xe tăng 1 với tuyến phòng ngự đã được chuẩn bị chu đáo, còn giữa tập đoàn quân cận vệ 6 và 7 lùi về phía sau, lại có tập đoàn quân 69 cũng với trận địa phòng ngự đã xây dựng sẵn. Ngoài ra trong khoảng phòng ngự chiến dịch, đằng sau hai tập đoàn quân đó lại có đội dự bị của phương diện quân - quân đoàn bộ binh cận vệ 35, các quân đoàn xe tăng cận vệ 2 và 5.

Như vậy là các điều chỉ trích bộ tư lệnh Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ đã dựa vào một số tính toán sai lạc mật độ quân số và phương tiện do không nắm được điều kiện cụ thể về mặt chiến dịch và chiến lược. Về pháo binh, mới tính đến phương tiện của

các tập đoàn quân, mà chưa kể pháo binh dự bị của Bộ Tổng tư lệnh nằm trong dải phòng ngự của tập đoàn quân cận vệ 6. Còn về mật độ xe tăng thì đúng ra là phải tính đến tập đoàn quân xe tăng 1, các quân đoàn xe tăng cận vệ 2 và 5 vì đó là chỗ dựa chủ yếu của bộ tư lệnh phương diện quân.

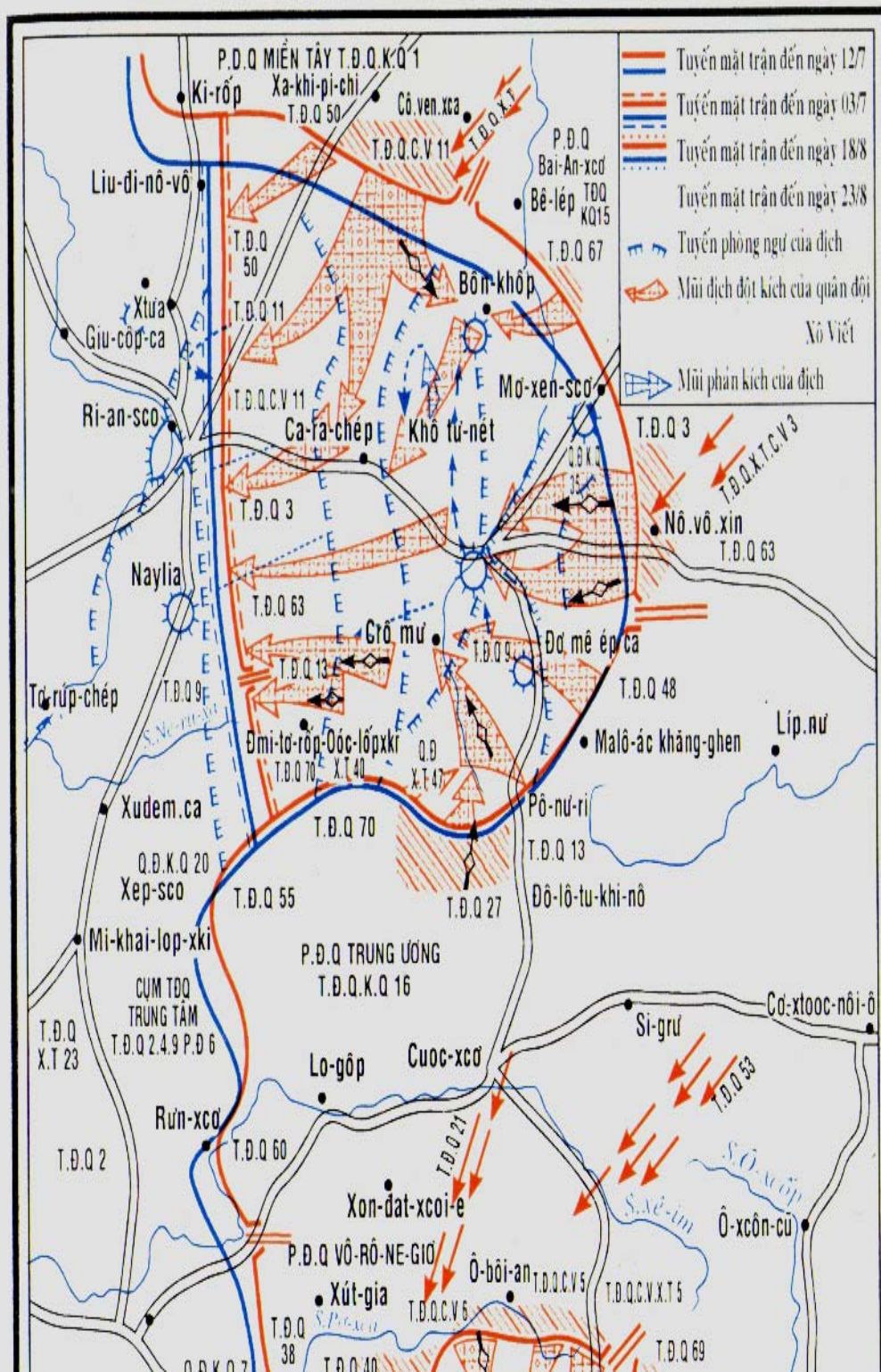
Muốn đánh giá đúng sức mạnh phòng ngự trong các trận đánh thật lớn, phải tính quân số và phương tiện ở khu phòng ngự chiến thuật và chiều sâu chiến dịch, có làm được như thế mới không mắc sai lầm.

Nói đến kết quả các trận đánh phòng ngự của các phương diện quân, thì không nên quên rằng, ngay từ ngày đầu, địch đã dùng 5 quân đoàn (quân đoàn xe tăng SS, quân đoàn xe tăng 3, quân đoàn xe tăng 48, quân đoàn 52 và một bộ phận của quân đoàn “Ra-út”) đột kích vào các tập đoàn quân cận vệ 6 và 7 thuộc Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ trong khi đó Phương diện quân Trung ương chỉ phải chống chọi với 3 quân đoàn địch. Thật là dễ hiểu sự khác nhau về lực lượng giữa các mũi tiến công của chúng từ hướng Ô-ri-ôn và từ khu vực Ben-gô-rôt.

Về năng lực chỉ đạo chiến dịch, chiến lược của tư lệnh Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ N.Ph. Va-tu-tin, tôi có thể tuyên bố một cách hoàn toàn khách quan: đó là một nhà chỉ huy quân sự có kiến thức cao và can đảm.

TRẬN PHẢN CÔNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ XÔ-VIẾT Ở CUỐC-XCƠ

(ngày 12 tháng 07 đến ngày 23 tháng 08 năm 1943)



Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 16

NHỮNG TRẬN ĐÁNH NHẪM GIẢI PHÓNG U-CRAI-NA

HÒI tháng 8-1943, lúc bấy giờ tôi chưa trở về Mát-xcơ-va, trong khi các Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Xtép đang phản công, quyền Tổng tham mưu trưởng A-lếch-xây In-nô-ken-ti-ê-vích An-tô-nốp đã hai lần đáp máy bay đến công tác ở chỗ chúng tôi. Đồng chí đã truyền đạt những điểm sửa đổi của Tổng tư lệnh tối cao trong kế hoạch thực hiện các chiến dịch năm 1943, và dự kiến của Bộ Tổng tham mưu về chiến cục thu đông.

A-lếch-xây In-nô-ken-ti-ê-vích là một nhà quân sự học nhiều, hiểu rộng và có sức cảm hóa rất lớn. Đồng chí trình bày dự kiến chiến dịch - chiến lược của Bộ Tổng tham mưu nghe rất thú vị. Đồng chí đã phân tích tình hình của quân Đức sau khi bị đánh bại ở vòng cung Cuốc-xơ một cách rành mạch và thuyết phục. Theo ý kiến của Bộ Tổng tham mưu thì bộ chỉ huy của quân Đức đã thêm một lực lượng nữa để tiếp tục chiến tranh với Liên Xô, trong khi đó Anh và Mỹ, theo như các tài liệu và tin tức thì vẫn

chưa định mở những trận tiến công rộng lớn ở châu Âu. Tuy quân đội của họ đổ bộ lên miền nam nước Ý (lên đảo Xi-xi-ơ) nhưng điều đó không làm cho bọn Hít-le phải thay đổi cách bố trí lực lượng ở các hướng chiến lược, mặc dù, tất nhiên là chúng cũng có tỏ ra lo lắng.

Bộ Tổng tham mưu và cả Tổng tư lệnh tối cao đã nhất trí là Đức không đủ khả năng mở một cuộc tiến công lớn nào ở mặt trận phía đông nữa. Song quân địch có đủ lực lượng và phương tiện vật chất để phòng ngự tích cực. Kinh nghiệm đã cho thấy rằng, trong các trận đánh ở vùng Bô-gô-đu-khốp, A-khơ-tua-ca và Pôn-ta-va quân Đức đã phản kích lại chúng ta khá mạnh và đã đạt được những kết quả tạm thời.

Tôi hoàn toàn tán thành những kết luận của A.I. An-tô-nốp và cũng cho rằng bộ tổng chỉ huy Đức sẽ bắt buộc quân đội chúng phải phòng ngự quyết liệt để giữ cho được Đôn-bát và Tả ngạn U-crai-na.

Theo các dự án chỉ thị mà Bộ Tổng tham mưu đưa ra và đã có gửi từng phần tới các phương diện quân, thì quân ta sẽ triển khai tiến công trên tất cả các mặt trận hướng tây và tây nam để tiến ra các ranh giới phía đông Bê-lô-ru-xi và tới sông Đơ-nép, ở đây ta sẽ chiếm lấy các bàn đạp để bảo đảm các chiến dịch nhằm giải phóng Hữu ngạn U-crai-na.

Qua báo cáo của A.I. An-tô-nốp, tôi hiểu rằng Tổng tư lệnh tối

cao kiên quyết đòi hỏi cấp tốc triển khai tiến công để không cho quân địch kịp tổ chức phòng ngự trên các ngã đường đến Đơ-nép.

Tôi tán thành chỉ thị đó, song không đồng ý về cách thức tiến hành các chiến dịch tiến công của ta là, trong các chiến dịch này, các phương diện quân từ Vê-li-ki-ê Lu-ki cho đến Biển Đen đều chỉ triển khai các đòn đánh vỗ mặt mà thôi.

Bởi lẽ ta có khả năng (sau khi bố trí lại một phần nào lực lượng) mở những chiến dịch chia cắt và bao vây một số lớn quân địch, như thế làm cho việc chiến đấu sau này sẽ được dễ dàng hơn. Cụ thể, tôi muốn nói là ta có thể đánh thật mạnh từ vùng Khác-cốp - I-đi-um theo một hướng chung về phía Đơ-ne-prô-pê-tơ-rốp-xcơ và Da-pô-rô-giê để chia cắt cụm quân địch ở phía nam Đôn-bát.

A.I. An-tô-nốp bảo tôi là cá nhân đồng chí tán thành ý kiến đó, nhưng Tổng tư lệnh tối cao bắt phải nhanh chóng quét hết quân địch bằng những trận tiến công vào chính diện.

Trước khi A.I. An-tô-nốp lên máy bay về Mát-xcơ-va, tôi nhắc đồng chí thêm một lần nữa báo cáo ý kiến của tôi lên Tổng tư lệnh tối cao và chuyển đề nghị của các phương diện quân xin bổ sung xe tăng và người đã được huấn luyện cho các đơn vị xe tăng, bởi vì sau những trận đánh ác liệt, quân số các đơn vị này bị thiếu hụt nhiều.

Mấy ngày sau, I.V. Xta-lin gọi điện thoại cho tôi nói rằng, Người

đã ra lệnh bổ sung xe tăng và quân số cho N.Ph. Va-tu-tin và I.X. Cô-nép. Sau đó Người nói không tán thành quan điểm cho Phương diện quân Tây nam đánh từ I-đi-um-ra-đa-pô-rô-giê, bởi vì như thế đòi hỏi khá nhiều thời gian.

Tôi không tranh luận ngay, vì tôi biết rằng nói chung là lúc đó, do nhiều nguyên nhân, Tổng tư lệnh tối cao chưa tin vào lợi ích của việc mở những chiến dịch bao vây quân địch.

Cuối cùng Tổng tư lệnh tối cao yêu cầu các phương diện quân phải nhanh chóng tiến về Đơ-nép.

Thế là, ngày 25-8 như tôi đã nói, tôi trở về Đại bản doanh. Tổng tư lệnh tối cao vừa họp xong với các ủy viên Hội đồng quốc phòng để nghe báo cáo về kế hoạch sản xuất máy bay và xe tăng trong 6 tháng cuối năm 1943.

Vào thời gian này, nhờ có những cố gắng to lớn của Đảng và nhân dân, nền kinh tế của chúng ta, một nền kinh tế chiến tranh, đã có thể cung cấp cho tiền tuyến đủ mọi thứ cần thiết. Việc phát triển nhanh chóng “Ba-cu thứ hai”, chủ nghĩa anh hùng trong lao động của công nhân luyện kim ở các nhà máy liên hợp Cu-dơ-nét, Ma-nhi-tô-goóc-xơ, việc xây dựng cấp tốc các lò cao, các nhà máy điện, các hầm mỏ trong các vùng giải phóng, việc phát triển ngành luyện kim màu và đen ở U-ran, Xi-bê-ri, Ca-dắc-xtan, việc áp dụng phương pháp dây chuyền trong các nhà máy quốc phòng, sự lao động sáng tạo to lớn trong việc cải tiến kỹ

thuật thời chiến và quy trình sản xuất - tất cả những cái đó đã tạo nên những khả năng mới để đánh bại quân thù.

Năm 1943, đã sản xuất được 35.000 máy bay chiến đấu loại tốt, 24.000 xe tăng và pháo tự hành. Đó chính là điểm chúng ta đã vượt hẳn Đức về mặt số lượng cũng như chất lượng. Bộ chỉ huy của Hít-le đã đặc biệt căn dặn quân đội của chúng phải tránh những trận đánh gặp địch với xe tăng hạng nặng của chúng ta... Sau khi hỏi về tình hình các Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Xtép, Tổng tư lệnh tối cao hỏi tôi đã nhận được chỉ thị tiếp tục tiến công về Đơ-nép chưa, và các phương diện quân nhận định khả năng của mình như thế nào. Tôi báo cáo là lực lượng của các phương diện quân bị tổn thất nặng, cần phải tăng cường quân số và kỹ thuật chiến đấu, đặc biệt là xe tăng.

- Được, - I.V. Xta-lin nói, - vấn đề đó chúng ta sẽ bàn sau, bây giờ chúng ta hãy nghe đồng chí An-tô-nốp báo cáo về tình hình tiến công của các hướng khác.

A-lếch-xây In-nô-ken-ti-ê-vích đặt lên bàn những bản đồ các hướng chiến lược phía tây và tây nam, đó vẫn là những bản đồ do cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu lập rất chính xác. Phải nói là bản đồ vẽ rất rõ ràng, nó giúp cho việc nhận ra tình hình và hạ quyết tâm rất tốt.

A-lếch-xây In-nô-ken-ti-ê-vích báo cáo tình hình địch. Rõ ràng là quân địch đang tìm mọi cách để chặn cuộc tiến công đã khởi

đầu của các phương diện quân Ca-li-nin, miền Tây, Bri-an-xơ và Tây-nam. Theo các tài liệu thì quân địch đã bố phòng trên tuyến sông Nác-va - Pơ-xcốp - Vi-tép-xơ - Oóc-sa - sông Xô-giơ - sông Đơ-nép - sông Mô-lốt-nai-a. Bọn Hít-le ra sức tuyên truyền cho tuyến phòng thủ này, gọi nó là “bức tranh phía đông”, và “Hong quân sẽ bị đập vào đó mà tan vỡ”.

Báo cáo về diễn biến của chiến dịch tiến công được gọi là chiến dịch Xmô-len-xơ của Phương diện quân miền Tây và cánh trái của Phương diện quân Ca-li-nin, A-lếch-xây In-nô-ken-ti-ê-vích cho biết quân ta ở đây gặp những khó khăn rất lớn. Một mặt, địa thế rừng và đầm lầy rất hiểm hóc, mặt khác quân địch có thêm những đơn vị tiếp viện rút từ vùng Bri-an-xơ đến chống cự rất kịch liệt.

- Các đội du kích làm nhiệm vụ gì? I.V. Xta-lin hỏi.

A.I. An-tô-nốp báo cáo:

- Chủ yếu là phá đường xe lửa ở các đoạn Pô-lốt-xơ-đvin-xơ, Mô-ghi-lép - Giơ-lô-bin, Mô-ghi-lép - Cri-chép.

- Tình hình Phương diện quân Tây-nam như thế nào?

- Bộ đội của Phương diện quân Tây-nam đã mở cuộc tiến công ở giữa mặt trận nhưng không có kết quả. Tình hình ở các vùng thuộc cánh trái phương diện quân có khá hơn, ở đây có tập đoàn quân cận vệ 3 của tướng Đ.Đ. Lê-liu-sen-cô.

Giờ đây tôi không còn nhớ hết các chi tiết của cuộc họp đó,

nhưng chủ yếu là Tổng tư lệnh tối cao ra lệnh phải dùng mọi biện pháp để ngay lập tức chiếm lấy Đơ-nép và sông Mô-lôt-naia, làm cho quân địch không kịp biến Đôn-bát và Tả ngạn U-crai-na thành một khu vực trắng.

Đó là một yêu cầu rất đúng, bởi vì trong khi rút lui, bọn Hít-le đã đốt phá dã man những gì quý giá. Chúng đã phá sập những nhà máy, biến các thành phố và làng mạc thành những đồng gạch vụn hoang tàn, tiêu hủy các nhà máy điện, các lò cao và lò mactanh, đốt phá các trường học, bệnh viện. Hàng nghìn trẻ em, đàn bà, cụ già đã bị giết hại.

Sau khi chỉ thị những điều cần thiết cho A.I. An-tônốp, I.V. Xta-lin giao cho tôi cùng với Ya.N. Phê-đô-ren-cô và N.D. Yacốp-lép nghiên cứu xem có thể phân phối những gì cho các Phương diện quân Vô-rô-ne-giô và Xtép. Nhận thức được tầm quan trọng của những nhiệm vụ giao cho các phương diện quân, liền tối hôm đó tôi báo lên Tổng tư lệnh tối cao về số người, xe tăng, pháo và đạn cần phải chuyển ngay ra mặt trận.

Tổng tư lệnh tối cao duyệt rất kĩ bản thống kê lực lượng của mình và những đề nghị của tôi cho mặt trận. Sau đó như thường lệ, Người cầm bút chì xanh, rút bớt các thứ xuống khoảng 30 – 40 %. Người bảo:

- Số còn lại, Đại bản doanh sẽ cấp khi các Phương diện quân này tiến tới Đơ-nép.

Ngay trong ngày hôm đó, tôi đã bay đến khu vực chiến sự của các phương diện quân. Ở đây, đúng như chỉ thị của Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh, tất hân quân ta tiếp tục hoạt động tích cực.

Sau đó ít hôm, ngày mùng 6-9 thì nhận được chỉ thị của Đại bản doanh. Các phương diện quân thuộc quyền chỉ huy của tôi nhận nhiệm vụ tiếp tục tiến công thọc ra phía trung lưu sông Đơ-nép và chiếm các bàn đạp ở đó. Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ do N.Ph. Va-tu-tin chỉ huy có nhiệm vụ đánh vào Rôm-nư - Pri-lu-ki - Ki-ép. Phương diện quân Xtép do I.X. Cô-nép chỉ huy tiến công vào hướng Pôn-ta-va - Crê-men-chúc.

Chúng tôi không có khả năng để chuẩn bị thật tỉ mỉ cho cuộc tiến công về Đơ-nép. Bộ đội của cả hai phương diện quân cảm thấy khá mệt mỏi vì những trận chiến đấu liên tục. Việc cung cấp vật chất kỹ thuật không được đều đặn. Nhưng tất cả mọi người, từ chiến sĩ đến nguyên soái, đều nóng lòng muốn nhanh chóng quét sạch quân thù ra khỏi đất nước mình, giải phóng cho nhân dân U-crai-na đã bị đau khổ nhiều dưới ách áp bức nặng nề của giặc. Bị thua đau ở chiến trường, chúng đang điên cuồng trả thù nhân dân không có gì tự vệ.

Chúng tôi không còn nhiều thời gian để đặt kế hoạch tác chiến nữa, bởi vì lúc bấy giờ bộ đội ta đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, khiến cho chúng tôi có thể phân tích tình hình, hạ quyết

tâm và đưa ra những mệnh lệnh ngắn gọn và rõ ràng.

Còn nói về các bộ tư lệnh và các bộ tham mưu các phương diện quân thì họ đã thành thạo về tổ chức và chỉ huy các chiến dịch.

Làm việc với các đồng chí đó dễ lắm. Chúng tôi, đúng như ta thường nói, chưa nói hết lời đã hiểu ý nhau.

Tôi vẫn giữ liên lạc với A.M. Va-xi-lép-xki lúc bấy giờ phụ trách chỉ huy hiệp đồng giữa các Phương diện quân Tây-nam và Nam.

Chúng ta đã biết, quân địch tập trung ở đây một lực lượng rất mạnh để chống lại quân ta. Tuy bộ đội của ta có đông hơn một phần nào, nhưng điều đó không thể loại trừ được những khó khăn lớn tất nhiên sẽ gặp phải trong khi ta tiến công, và lại, về số lượng xe tăng và không quân thì bên ta hầu như không chiếm được ưu thế.

Cuộc tiến công của các phương diện quân do tôi phụ trách tuy đã mở màn nhưng tiến triển rất chậm.

Bọn địch chống cự rất ác liệt, nhất là ở vùng Pôn-ta-va. Nhưng vào thượng tuần tháng 9, bị thua đau, chúng bắt đầu rút quân khỏi Đôn-bát và vùng Pôn-ta-va. Tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 của P.X. Prư-ban-cô thuộc lực lượng dự bị của Đại bản doanh được điều đến tham chiến tại trận địa của Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, đã đem lại một bước ngoặt quyết định.

Ngoài tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3, Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ còn được tăng thêm các tập đoàn quân 61 và 52. Phương

diện quân Xtép có thêm các tập đoàn quân 37 và 46, và ngoài ra lại còn thêm cả tập đoàn quân cận vệ 5 của tướng A.X. Gia-đốp từ phương diện quân Vô-rô-ne-giơ chuyển sang.

Không chịu đựng nổi áp lực đã được tăng cường của bộ đội ta, quân Đức bắt đầu rút về phía Đơ-nép. Các phương diện quân của ta tìm đủ mọi cách để thừa lúc quân địch rút chạy, chiếm lấy những bàn đạp trên sông Đơ-nép và bắt đầu củng cố ngay lập tức chương ngại vật - con sông khổng lồ này.

Để uy hiếp tinh thần quân địch, bao nhiêu không quân của các phương diện quân đều được đưa ra hoạt động hết. Bắt đầu truy kích địch, các binh đoàn đã thành lập những đội biệt động có nhiệm vụ thọc nhanh vào các đường hậu địch để chiếm và giữ các tuyến mà bọn địch có thể chiếm lấy để phòng ngự. Để nâng cao hơn nữa tinh thần bộ đội trong khi chiếm giữ các tuyến sông lớn, ngày mừng 9-9-1943, Đại bản doanh đã chỉ thị kê danh sách những người dẫn đầu vượt sông Đe-xna để tặng thưởng huân chương Xu-vô-rốp, còn những người dẫn đầu vượt sông Đơ-nép thì được tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô.

Các Hội đồng quân sự, các cơ quan chính trị, các cơ quan chỉ huy mở rộng công tác giáo dục chính trị, giải thích rõ ý nghĩa phải nhanh chóng chiếm lấy bờ phía tây sông Đơ-nép và Đe-xna. Mỗi người mà chúng tôi có dịp chuyện trò về nhiệm vụ sắp tới cùng những biện pháp thực hiện nó, đều hiểu rõ tầm quan trọng

cần phải chiếm lấy và nhanh chóng vượt qua con sông lớn và đặc biệt là phải giải phóng Ki-ép-thủ đô U-crai-na.

Sau khi chiếm được Pôn-ta-va, ngày 23-9, Phương diện quân Xtép đã cử những đơn vị tiên phong của cánh quân trái tiến về Đơ-nép.

Các đơn vị cơ giới của tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 và một bộ phận lực lượng của các tập đoàn quân 40 và 47 đã chiếm được một bàn đạp trên sông Đơ-nép ở vùng Vê-li-ki Bu-crin. Những đơn vị đó phải nhanh chóng mở rộng bàn đạp để đảm bảo cho chủ lực của Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ từ phía nam và tây-nam vòng qua Ki-ép tiến vào.

Bộ chỉ huy quân Đức cấp tốc ném ra một cụm quân lớn gồm các quân đoàn xe tăng 24 và 48 và gần 5 sư đoàn bộ binh để chống với quân chiếm giữ bàn đạp của ta. Chúng phản kích vào các đơn vị quân ta đã vượt sông, cố bám lấy bàn đạp Bu-crin.

Quá lên phía bắc Ki-ép, ở vùng Liu-te-giơ, những đơn vị thuộc tập đoàn quân của tướng N.E. Chi-bi-xốp đã vượt sông Đơ-nép trong hành tiến; các phân đội của trung đoàn bộ binh 842 thuộc sư đoàn bộ binh 240 đã vượt được sang bờ bên kia. Đặc biệt nổi bật nhất là tổ của trung sĩ P.P. Nê-phê-đốp. Vì anh dũng và gan dạ trong khi chiếm giữ bàn đạp, P.P. Nê-phê-đốp được tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô còn những chiến sĩ khác trong tổ đều được thưởng huân chương.

Bộ đội ta vượt sông Đơ-nép đã tỏ ra cực kì ngoan cường, gan dạ và anh dũng.

Như đã thành một qui luật, quân ta vừa đến sông là vượt qua ngay, không chờ cầu phao và các phương tiện nặng, không đợi bắc cầu các đơn vị đã vượt sông Đơ-nép bằng bất cứ gì có thể được - bằng ván, bè, thuyền đánh cá, ca-nô. Vớ được bất cứ cái gì dùng được là dùng. Ở bên kia sông cũng rất gay go, những trận đánh giành bàn đạp nổi ra rất ác liệt. Vừa sang sông chưa kịp củng cố lại hàng ngũ, quân ta đã phải chiến đấu ngay với một kẻ địch đang cố sông cố chết đánh bật quân ta xuống sông...

Trên chiến trường của Phương diện quân Xtép, trong khi vượt sông Đơ-nép ở các vùng Đơ-ne-prô-vô-ca-men-ki và Đô-môt-ca-ni, các trận đánh đã diễn ra rất ác liệt và thắng lợi lớn. Tại đây đặc biệt xuất sắc nhất là các đơn vị thuộc quân đoàn bộ binh 25 của tướng G.B. Xa-phi-u-lin. Sau khi đập tan nhiều đợt tiến công của địch, các đơn vị này đã yểm hộ cho tập đoàn quân cận vệ 7 vượt sông Đơ-nép.

Các đơn vị thuộc sư đoàn cận vệ 62 của đại tá I.N. Mô-sli-ắc là những đơn vị đầu tiên trong tập đoàn quân 37 của tướng M.N. Sa-rô-khin đã vượt qua sông Đơ-nép ở quá phía đông nam Crê-men-chúc.

Phối hợp với cuộc tiến công mãnh liệt của bộ binh, có không quân thuộc các phương diện quân và không quân hoạt động tầm

xa thuộc lực lượng dự bị của Đại bản doanh. Các đơn vị không quân này tập kích mạnh vào các sân bay, cộng sự phòng ngự và các đội dự bị của địch, đảm bảo vững vàng ưu thế trên không của quân ta.

Đến cuối tháng 9, sau khi đập tan trận địa phòng ngự địch, quân ta đã vượt qua sông Đơ-nép trên khoảng rộng 750 km từ Lô-ép đến Da-pô-rô-giê và đã chiếm được hàng loạt các bàn đạp quan trọng nhất, để từ các bàn đạp đó triển khai tiếp cuộc tiến công sang hướng tây.

Vì đã vượt sông Đơ-nép thắng lợi và trong chiến đấu đã tỏ ra anh hùng, gan dạ, tài tình, vì đã đập tan tổ chức phòng ngự của địch trên sông Đơ-nép, 2.500 chiến sĩ, hạ sĩ quan, sĩ quan và tướng lĩnh đã được tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô.

Trong thời gian từ 12-10 đến 23-12, Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ (từ ngày 20-10, Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ đổi tên thành Phương diện quân U-crai-na 1, Phương diện quân Xtép đổi tên thành Phương diện quân U-crai-na 2) đã mở chiến dịch có ý nghĩa chiến lược ở Ki-ép.

Thoạt đầu định mở mũi tiến công chính từ bàn đạp Bu-crin để đánh tan tập đoàn quân Ki-ép của địch và chiếm lấy Ki-ép. Về sau phải thay đổi kế hoạch bởi vì quân địch trước chỉ coi hướng này là hỗ trợ, nay chúng lại tập trung chủ lực của cụm quân ở Ki-ép tại đây. Mũi chủ yếu của ta phải chuyển lên quá phía bắc Ki-

ép và xuất phát từ bàn đạp Liu-te-giơ, là nơi quân phát xít Đức đã rút bớt một phần lực lượng.

Một kế hoạch mới nhằm giải phóng Ki-ép và mở rộng cuộc tiến công ra hướng Cô-rốt-xten - Gi-tô-mia - Pha-xtốp được trình qua Bộ Tổng tham mưu lên Tổng tư lệnh tối cao duyệt. Sau khi được Bộ Tổng tham mưu nghiên cứu và trao đổi ý kiến với Phương diện quân Trung ương, kế hoạch này đã được Đại bản doanh phê chuẩn.

Ngày 25-10, tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 từ bàn đạp Bu-crin bắt đầu chuyển quân, tập đoàn quân này phải hành quân gần 200 km dọc theo Đơ-nép và như thế tức là hành quân dọc theo trận tuyến của địch. May mắn là thời tiết xấu nên không quân trinh sát của địch hầu như không hoạt động được trong thời gian ta hành quân.

Quân đoàn pháo binh 7 dùng để đột phá cũng rời khỏi vùng Vê-li-ki Bu-crin.

Quân ta dùng mọi biện pháp để ngụy trang và dùng vô tuyến điện để lừa địch. Một phần chuyển quân đến bàn đạp Liu-te-giơ được tiến hành vào ban đêm. Để thu hút sự chú ý của địch vào bàn đạp Bu-crin, ở đây quân ta vẫn hoạt động mạnh và dùng các biện pháp để đánh lạc hướng địch. Quân địch không phát hiện ra được việc chuyển quân của tập đoàn quân xe tăng và của quân đoàn pháo binh, chúng vẫn chờ đợi đòn đột kích chủ yếu của

quân ta ở ngay vùng này.

Đến ngày 1-11, tập đoàn quân 38, tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3, quân đoàn xe tăng 5 của tướng A.G. Cráp-chen-cô, quân đoàn pháo binh 7, và một số lực lượng lớn các đơn vị pháo binh và các binh chủng khác của ta đã tập trung ở bàn đạp Liu-te-giơ.

Tổng số pháo chuẩn bị cho chiến dịch này gồm gần 2.000 đại bác và súng cối, 500 “Ca-chiu-sa”. Khi sắp mở các hoạt động có tính chất quyết định thì tại hướng Ki-ép, lực lượng quân ta đã hơn hẳn quân địch.

Sáng ngày 3-11, cuộc tiến công vào Ki-ép có tập đoàn quân không quân 2 phối hợp, đã nổ ra một cách bất ngờ đối với bọn phát-xít.

Nhưng vẫn cần kìm quân địch ở lại vùng bàn đạp Bu-crin, do đó ngày 1-11, các tập đoàn quân 27 và 40 của phương diện quân đã chuyển sang tiến công. Bộ chỉ huy quân Đức tưởng đòn đánh này là đòn chính nên đã cấp tốc điều lực lượng bổ sung tới đây, trong số đó có sư đoàn xe tăng SS “Ra-ích” thuộc quân dự bị của thống chế Man-sten. Bên ta cũng chỉ cốt để chúng làm như thế. Song các ngày 3 và 4-11, cuộc tiến công của tập đoàn quân 38 vào Ki-ép tiến triển quá chậm. Để thúc đẩy thật mạnh quá trình chiến dịch, tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 được lệnh bước vào chiến đấu. Đến sáng ngày 5-11, tập đoàn quân xe tăng cận vệ đã cắt đường Ki-ép - Gi-tô-mia, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc

tiến công vào Ki-ép của bộ đội ta..

Chiều tối ngày 5-11, tập đoàn quân 38 của tướng K.X. Mô-xca-len-cô đã tiến vào ngoại ô Ki-ép, và đến 4 giờ sáng ngày 6-11 thì cùng với quân đoàn xe tăng của tướng A.G. Cráp-chen-cô, chiếm lại Ki-ép.

Ngay khi đó quân ta gửi điện lên Tổng tư lệnh tối cao. Trong bức điện viết: “Chúng tôi vô cùng sung sướng báo cáo rằng bộ đội Phương diện quân U-crai-na 1 đã hoàn thành nhiệm vụ đánh chiếm thành phố Ki-ép tuyệt vời, thủ đô U-crai-na của chúng ta. Thành phố Ki-ép đã được quét sạch hết bọn phát-xít xâm lược. Bộ đội của Phương diện quân U-crai-na 1 đang tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ được giao”.

Hội đồng quân sự tập đoàn quân 38 (tư lệnh là đại tướng K.X. Mô-xca-len-cô, ủy viên Hội đồng quân sự là thiếu tướng A.A. Ê-pi-sép) đã đóng góp phần to lớn và quan trọng trong việc lập kế hoạch và tổ chức chiến dịch giải phóng Ki-ép và đánh tan cụm quân Ki-ép của địch.

Phó tư lệnh phương diện quân là thượng tướng A.A. Grét-scô và tư lệnh tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 là tướng P.X. Prur-ban-cô đã trực tiếp lãnh đạo trận đánh chiếm và mở rộng bàn đạp Ki-ép. Tư lệnh Phương diện quân là đại tướng N.Ph. Va-tu-tin và ủy viên Hội đồng quân sự là thượng tướng K.V. Crai-nhiu-cốp có công lao lớn trong việc thực hiện chiến dịch này.

Lữ đoàn Tiệp Khắc do đại tá Li-út-vích Xvô-bô-đa chỉ huy đã đóng vai trò tích cực trong các trận đánh chiếm Ki-ép. Đã có 138 chiến sĩ và sĩ quan thuộc lữ đoàn dũng cảm này được tặng thưởng các huân chương của Liên Xô, trong đó có cả đồng chí tư lệnh lữ đoàn. Trung úy An-tô-nin Xô-kho và thiếu úy Ri-khác-đơ Tê-xác-gích được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Liên Xô. Nhân dân Liên Xô với lòng biết ơn sâu sắc, sẽ mãi mãi ghi nhớ công lao các chiến sĩ Tiệp Khắc đã tham gia vào sự nghiệp đánh tan quân phát-xít Đức trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại. Lúc 9 giờ sáng, cùng với Hội đồng quân sự Phương diện quân, chúng tôi vào Ki-ép. Nhân dân thành phố lánh nạn ra vùng ngoại ô để tránh khủng bố dã man của bọn phát-xít cũng đã lũ lượt kéo về. Xe của quân ta từ khắp các phía tiến vào. Đa số nhân dân trông ốm yếu gầy còm. Nhưng mắt họ sáng lên khi thấy không phải trong giấc mơ mà chính thực là những chiến sĩ giải phóng mình, những con em của mình, những chiến sĩ Xô-viết? Nhiều người khóc vì sung sướng, ai cũng muốn kể lại những nỗi thống khổ, ê chề bấy nay...

Khi đi qua đường Crê-sa-tích mà tôi đã từng quen thuộc, một đường phố đẹp nhất thành phố trước kia, tôi không thể nhận ra được gì hết: chung quanh toàn là những đồng gạch ngói đổ nát. Đó là quang cảnh của thành phố Ki-ép cổ kính của chúng ta sau khi bọn Hít-le rút lui.

Sau khi giải phóng Ki-ép, quân ta đánh lui địch sang phía tây, chiếm Pha-xtốp, Gi-tô-mia và nhiều thành phố khác.

Bộ chỉ huy quân Đức, lo sợ trước sự tiến triển như vũ bão của tình hình, vội vã tập trung ở vùng Gi-tô-mia bộ phận lực lượng phản kích gồm 15 sư đoàn (trong đó có 8 sư đoàn xe tăng cơ giới).

Ngày 13-12, quân địch mở trận đánh lớn vào các đơn vị của Phương diện quân U-crai-na, chúng chiếm lại được Gi-tô-mia và tiến được 39 - 40 km. Song, khi lực lượng dự bị của ta tới thì tình hình lại được khôi phục như cũ. Lúc này chiến tuyến phòng thủ của quân ta từ Ki-ép đã kéo dài 150 km về phía tây và 50 km về phía nam.

Nhưng chúng ta hãy quay trở lại trước đây một chút để ôn lại thời gian này ở Phương diện quân U-crai-na 2 (trước là Phương diện quân Xtép) nơi tôi không tới được thường xuyên vì tình hình chiến đấu đòi hỏi tôi phải có mặt ở hướng Ki-ép nhiều hơn.

Ngày 30-9, quân của Phương diện quân U-crai-na 2, sau khi vượt sông Đơ-nép đã chiếm được một bàn đạp trên bờ phía tây dài gần 30 km dọc theo trận địa và sâu gần 15 km. Vị trí đó hoàn toàn bảo đảm cho việc triển khai hoạt động của quân chủ lực.

Trong trận vượt Đơ-nép tôi có dịp tới trận địa của tập đoàn quân 53 của tướng I.M. Ma-na-ga-rốp. Cũng như trong cuộc tiến công ở Ben-gô-rôt, đồng chí điều khiển tập đoàn quân rất vững vàng.

Bây giờ đồng chí hành động còn kiên quyết hơn là hồi phản công ở vòng cung Cuốc-xơ. Đa số các cán bộ chỉ huy các đơn vị thuộc tập đoàn quân cũng hành động với tinh thần đó. Ở tất cả các cơ quan tham mưu, tính tổ chức được nâng cao, công tác lãnh đạo và việc tổ chức tình báo được cải tiến, và chủ yếu nhất là cán bộ tham mưu và các cán bộ chỉ huy đã thành thạo trong việc phân tích tình hình một cách nhanh chóng và sâu sắc.

Vừa nói chuyện với tư lệnh tập đoàn quân I.M. Ma-na-ga-rốp, tôi vừa để ý nhìn I.X. Cô-nép. Trước đây I.X. Cô-nép thường hay có nhiều ý kiến sửa chữa hoặc bổ sung cho các báo cáo của các cán bộ chỉ huy dưới quyền, nhưng lần này, nghe bản báo cáo mạch lạc của I.M. Ma-na-ga-rốp, đồng chí ngồi im và mỉm cười. Thật vậy, tài thao lược của I.M. Ma-na-ga-rốp và phòng tham mưu của đồng chí đã làm cho cho I.X. Cô-nép hài lòng. Lúc chia tay với I.M. Ma-na-ga-rốp, tôi nói đùa:

- Mọi việc đều tốt cả chỉ thiếu mỗi một thứ là không có một chiếc đàn bai-an.
- Báo cáo đồng chí nguyên soái, có bai-an, - I.M. Ma-na-ga-rốp cười nói, - chúng tôi để nó ở thê đội 2, có điều là từ lần đồng chí tới chúng tôi để chuẩn bị phản công ở Ben-gô-rôt cho đến nay, tôi chưa chơi lần nào.

Giải phóng Ki-ép, chiếm và mở rộng các bàn đạp của quân ta trên sông Đơ-nép tại các khu Ki-ép, Chée-ca-xư, Crê-men-chúc,

Đơ-ne-prô-pê-tơ-rốp-xơ và Da-pô-rô-giê đã làm cho tình thế quân Đức ở U-crai-na càng thêm nguy khốn. Trước đây Đơ-nép đã tạo cho quân địch khả năng tổ chức một tuyến phòng ngự khó vượt qua, và bọn Hít-le đã hy vọng là chúng sẽ có thể chặn được quân ta ở nơi chướng ngại thiên nhiên này.

Qua các tin tức tình báo, Đại bản doanh được biết rằng, trước khi chiến dịch bắt đầu, Hít-le đã tới bộ chỉ huy cụm tập đoàn quân “Nam” của chúng. Hít-le ra lệnh dứt khoát cho quân đội phát-xít phải dùng đến người cuối cùng để đánh chiếm Đơ-nép và phải giữ Đơ-nép bằng bất cứ giá nào.

Bọn Hít-le hiểu rằng nếu chúng bị mất U-crai-na thì mặt trận của chúng ở miền nam nước ta sẽ bị tan vỡ hoàn toàn, sẽ bị mất Crum, và Quân đội Liên Xô trong một thời hạn ngắn sẽ có thể tiến đến biên giới nước chúng. Khi đó tình hình chung trong phe phát-xít sẽ càng thêm phức tạp.

Nhưng, mặc dù Hít-le và thống chế Man-sten ra lệnh nghiêm ngặt, chiến trận giữ Đơ-nép của chúng đã bị thất bại. Chúng chỉ còn mỗi một mưu toan là khôi phục lại tuyến phòng ngự ở khu vực Crê-men-chuc, Đơ-ne-prô-pê-tơ-rốp-xơ và Da-pô-rô-giê nhưng cũng không có kết quả gì. Cho đến ngày 23-10, bộ phận xung kích của Phương diện quân U-crai-na 2, trong đó có tập đoàn quân xe tăng 5 thuộc lực lượng dự bị của Đại bản doanh bổ sung, đã tiến đến các ngã đường vào Cri-vôi Róc và Ki-rô-vô-

grát. Bộ chỉ huy Đức tập trung một lực lượng mạnh, tung ra chống lại các đơn vị của Phương diện quân U-crai-na 2 hòng thanh toán cơn hiểm họa đang treo trên đầu bọn chúng.

Lúc các trận đánh diễn ra ác liệt nhất, tôi tới sở chỉ huy của I.X. Cô-nép cách chiến trường 4 km. Qua ống viễn kính, có thể quan sát được một phần diễn biến của trận đánh.

I-van Xtê-pa-nô-vích đang lo nghĩ nhiều. Quân ta bị tổn thất và quá mệt mỏi trong các trận trước nên có thể không chống nổi sức đánh mạnh của quân địch. Đồng chí đã phải đưa toàn bộ không quân và điều pháo binh ở các trận địa khác của phương diện quân đến tăng cường để đánh lại địch. Về phía bộ chỉ huy Đức, chúng cũng dùng không quân ném bom đánh vào quân ta, không quân của chúng liên tiếp đợt này đến đợt khác tới chiến trường và tập kích khá mạnh vào quân ta.

Tới cuối ngày 24-12, ở nhiều trận địa, quân ta đã buộc phải rút tới 10 km, sau đó lại không đứng vững được phải rút thêm khoảng 25 km, và mãi tới sông In-gu-lét mới trụ lại được. Quân địch ra sức đánh bật quân ta khỏi sông In-gu-lét, nhưng không nổi. Bị thiệt hại nặng, địch buộc phải chấm dứt các đợt tiến công và chuyển sang phòng ngự.

Không đủ lực lượng để tiếp tục tiến công ở hướng Cri-vôi Rốc, quân của Phương diện quân U-crai-na 2 cũng chuyển sang phòng ngự.

Bên cánh trái của phương diện quân, chiến sự vẫn tiếp tục diễn rất gay gắt. Ở đây, tập đoàn quân 52 của tướng K.A. Cô-rô-tê-ép phối hợp chặt chẽ với các đội du kích, đã vượt qua sông Đơ-nép và ngày 14-12, chiếm được bàn đạp và thành phố Chéc-ca-xư.

Trong quá trình chiến đấu ác liệt, quân của Phương diện quân U-crai-na 3 đã thủ tiêu bàn đạp Da-pô-rô-giê của địch. Quân ta giải phóng cả Đơ-ne-prô-pê-tơ-rốp-xcơ.

Đến cuối tháng 12, trên trận địa của các Phương diện quân U-crai-na 2 và 3, quân ta đã xây dựng được một bàn đạp có ý nghĩa chiến lược dài 400 km và sâu 100 km, cho phép triển khai tiếp các chiến dịch tiến công trong thời gian tới.

Trong khi chịu trách nhiệm phối hợp hành động của các Phương diện quân U-crai-na 1 và 2, tôi không thể đi sâu vào chi tiết quá trình diễn biến các chiến dịch của quân ta tại các Phương diện quân U-crai-na 3 và 4. Qua các cuộc nói chuyện điện thoại với Tổng tư lệnh tối cao, bộ Tổng tham mưu và A.M. Va-xi-lép-xki, tôi được biết rằng Phương diện quân U-crai-na 4, sau khi đánh tan quân địch trên sông Mô-lôt-nai-a, đã tiến và chiếm được bàn đạp ở Pê-rê-cốp-xki, khóa quân Đức lại ở Crum.

Để nghiên cứu kỹ càng hơn tình hình trên các mặt trận, xem xét và xác định kế hoạch các chiến dịch tiến công tiếp tục, giữa tháng 12, tôi được triệu tập về Đại bản doanh. A.M. Va-xi-lép-xki cũng về, chúng tôi gặp nhau ở Bộ Tổng tham mưu và lập tức

cùng nhau trao đổi ý kiến về tình hình năm 1943 và triển vọng trong thời kỳ tới.

A-lếch-xăng-đơ Mi-khai-lô-vích trông dáng mệt mỏi. Đồng chí cũng như tôi, từ tháng 4 đến nay hầu như lúc nào cũng ở trên đường đi, lúc thì bằng máy bay, lúc thì bằng xe hơi trên các ngã đường tới các mặt trận. Tình hình hồi đó khá phức tạp, căng thẳng và đầy những diễn biến hết sức đột ngột, khi thì có những thắng lợi to lớn, khi thì gặp những thất bại nặng nề. Tất cả những cái đó gộp lại, cộng thêm tình trạng thường xuyên thiếu ngủ, sự căng thẳng về vật chất và tinh thần, đã đặc biệt có tác động, khi chúng tôi trở về cảnh yên tĩnh của các phòng làm việc, nơi không nghe tiếng máy bay rú, tiếng đại bác nổ, không nghe thấy những tin báo báo đầy lo âu từ các trận địa nguy hiểm của các phương diện quân đưa về

Đa số các ủy viên Hội đồng quốc phòng đều có mặt tại hội nghị tháng Chạp ở Đại bản doanh. Nói đúng hơn, đây là phiên họp mở rộng của Hội đồng quốc phòng có thêm một số ủy viên Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tham dự.

Hội nghị họp khá dài. Trong cuộc thảo luận để đánh giá thắng lợi và tổng kết kinh nghiệm chiến đấu trên các mặt trận, đồng thời nhận định tình hình và triển vọng của cuộc chiến tranh, có cả A.M. Va-xi-lép-xki và A.I. An-tô-nốp tham gia. N.A. Vô-dơ-nê-xen-xki báo cáo về các vấn đề kinh tế và công nghiệp quốc

phòng. I.V. Xta-lin nói về các vấn đề quốc tế và khả năng mở mặt trận thứ hai của quân đồng minh.

Căn cứ theo tài liệu của Bộ Tổng tham mưu, đến cuối năm 1943, quân đội Xô-viết đã giải phóng quá nửa lãnh thổ bị quân Đức chiếm trong những năm 1941-1942. Bắt đầu từ cuộc phản công ở Xta-lin-grát, quân đội Xô-viết đã tiêu diệt hoàn toàn hoặc bắt làm tù binh 56 sư đoàn địch, đánh thiệt hại nặng 162 sư đoàn. Quân địch đã buộc phải bỏ sung lớn hoặc tổ chức lại các đơn vị đó. Trong thời gian này quân ta đã tiêu diệt hơn 7.000 xe tăng, hơn 14.000 máy bay, gần 40.000 pháo và súng cối. Quân Đức đã bị mất những tướng, tá, sĩ quan, hạ sĩ quan và binh lính có nhiều kinh nghiệm nhất.

Đến cuối năm 1943, mặc dù gặp những khó khăn của giai đoạn đầu chiến tranh, Đảng ta, Chính phủ ta đã giải quyết được một cách thắng lợi vấn đề đào tạo đội ngũ sĩ quan có trình độ cao. Do đó không những chỉ giải quyết được nhu cầu của tiền tuyến mà còn xây dựng được một lực lượng dự bị lớn. Ngay cả trong thời gian mở các chiến dịch tiến công lớn năm 1943 chúng ta cũng có một lực lượng dự bị hơn 93.000 sĩ quan, một nửa trong số này có kinh nghiệm chiến đấu và được huấn luyện đầy đủ về mặt kỹ thuật quân sự. Trong năm này đội ngũ các cán bộ cấp tướng đã tăng lên gấp đôi. Năm 1944, tất cả các trường quân sự trong nước đã đào tạo gần 815.000 sĩ quan.

Nước Đức ở mặt trận phía đông, trong giai đoạn hai của cuộc chiến tranh đã bị kiệt quệ đến mức không thể mở những hoạt động tiến công quan trọng nữa. Song, nó vẫn còn đủ khả năng để tiến hành cuộc chiến tranh phòng ngự tích cực. Nhằm củng cố mặt trận của chung đã bị tổn hại nặng, đến cuối năm 1943 bộ tổng chỉ huy quân Đức đã phải điều từ phía tây sang thêm 75 sư đoàn và một số lớn kỹ thuật chiến tranh, vũ khí và các phương tiện vật chất kỹ thuật.

Sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang ta tiếp tục được tăng thêm. Trong năm 1943 đã thành lập 78 sư đoàn mới. Đến cuối năm lại có thêm 5 tập đoàn quân xe tăng, 37 quân đoàn xe tăng và cơ giới, 80 lữ đoàn xe tăng độc lập, 149 trung đoàn xe tăng và pháo tự hành, 6 quân đoàn pháo, 26 sư đoàn pháo, 7 sư đoàn cận vệ súng cối phản lực và hàng chục đơn vị pháo binh khác được thành lập.

Quân đội đồng minh đổ bộ lên đất Ý. Ý rút khỏi chiến tranh, phong trào đấu tranh và nổi dậy kháng chiến mạnh mẽ ở tất cả các nước, đó là một bước ngoặt lớn có lợi cho Liên Xô, nó làm cho tình hình của các nước chư hầu của phát-xít Đức cũng trở nên phức tạp.

Sự phản nộ chính đáng của nhân dân đối với chủ nghĩa phát-xít và lòng mong muốn nhanh chóng chấm dứt chiến tranh ngày càng tăng. Phong trào giải phóng dân tộc chống xâm lược ngày

càng dâng lên thành làn sóng mạnh ghê gớm ở Ba Lan, Nam Tư, Tiệp Khắc, Hy Lạp, Pháp và các nước khác ở châu Âu.

Ngay ở nước Đức, trước thất bại nặng nề trên mặt trận Xô - Đức, trước những khó khăn về kinh tế, trước việc quá thiếu người để bổ sung cho số thương vong, người ta càng thấy mất tin tưởng vào sức mạnh của quân đội Đức.

Lòng thiếu tin tưởng đó bao trùm đa số các tầng lớp nhân dân lao động khiến các lực lượng chống phát-xít ngày càng hoạt động mạnh trong các tầng lớp này. Về phía chúng ta, những thắng lợi đạt được đã củng cố trong nhân dân ta lòng tin tưởng vững chắc rằng, chúng ta sẽ kết thúc chiến tranh một cách thắng lợi! Kẻ sao cho xiết nỗi đau khổ mất con, mất bố, mất mẹ, mất anh, mất em..., nhưng nhân dân ta vẫn vững lòng trung thành với Tổ quốc, đã anh dũng chịu đựng tất cả.

Đến cuối năm 1943, các cán bộ chỉ huy Xô-viết đã có thêm nhiều kinh nghiệm mới về chỉ đạo chiến lược, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật. Việc tổ chức các chiến dịch lớn của từng Phương diện quân và nhiều Phương diện quân, tình hình tiến hành thắng lợi các chiến dịch đó đã tạo nên khả năng cho Đại bản doanh, Bộ Tổng tham mưu và bản thân các phương diện quân hiểu và có thể suy tính sâu sắc hơn về những phương thức có hiệu quả nhất nhằm đánh tan các cụm lớn quân địch, đồng thời phía ta thì tiết kiệm được đến mức cao nhất sức người, sức

của.

Ở Bộ Tổng tham mưu, một tập thể lớn các cán bộ tác chiến, tổ chức và cán bộ tình báo giàu kinh nghiệm đã hình thành và lớn mạnh. Bản thân Bộ Tổng tư lệnh tối cao vươn lên một trình độ cao hơn: bây giờ đã nắm được một cách hoàn hảo hơn nhiều các phương thức và biện pháp tiến hành chiến tranh hiện đại. Tất cả chúng tôi làm việc dễ dàng hơn và rất hiểu nhau. Điều đó trước chưa có, vì vậy mà trước đây có khi ảnh hưởng không tốt tới công việc chung.

Quân đội Xô-viết có được những hoạt động chiến đấu thắng lợi trong một mức độ lớn là nhờ ở chất lượng của công tác Đảng và công tác chính trị trong quân đội ngày càng được nâng cao. Các Hội đồng quân sự các tập đoàn quân thành thạo hơn trong việc tổng kết các chiến dịch: đã có biểu dương những tấm gương rực rỡ, tinh thần chiến đấu dũng cảm và chủ nghĩa anh hùng của các chiến sĩ, hạ sĩ quan và tướng lĩnh, đã phổ biến được những phương thức tốt nhất trong việc thi hành những nhiệm vụ chiến đấu quan trọng và to lớn.

Cần phải nói rằng, nói chung nhờ các Hội đồng quân sự các phương diện quân, các tập đoàn quân và các hạm đội mà Đảng đã thực hiện được sự kết hợp rất linh hoạt và có hiệu quả sự lãnh đạo quân đội về mặt quân sự và chính trị.

Trong các Hội đồng quân sự có các đồng chí ủy viên trung ương

và ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các đồng chí bí thư các Ban Chấp hành Trung ương Đảng các nước Cộng hòa liên bang, các đồng chí bí thư các khu ủy, tỉnh ủy, các đồng chí luôn luôn có liên hệ chặt chẽ với Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Hội đồng quốc phòng. Các Hội đồng quân sự là các cơ quan có uy tín cao trong quân đội, chịu trách nhiệm tổ chức và hoàn thiện đội ngũ cán bộ và chiến sĩ, trang bị vũ khí và phương tiện vật chất kỹ thuật, chuẩn bị toàn diện về mặt chiến đấu và chính trị cho các đơn vị. Các Hội đồng quân sự đã tham gia tích cực, đúng đắn và đầy sáng tạo vào việc đề ra và thực hiện các kế hoạch của các chiến dịch phòng ngự và tiến công quan trọng nhất.

Các tướng lĩnh và sĩ quan xuống các đơn vị và các phân đội, thường xuyên gặp gỡ trò chuyện với các chiến sĩ và hạ sĩ quan. Các đồng chí thủ trưởng các cơ quan chính trị và kiểm tra cũng cải tiến việc lãnh đạo công tác Đảng và công tác chính trị.

Về phương diện này, tôi muốn đặc biệt nêu lên cục chính trị Phương diện quân U-crai-na 1 do tướng X.X. Sa-ti-lốp đứng đầu và cục chính trị Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 do tướng X.Ph. Ga-lát-giép đứng đầu. Các cán bộ lãnh đạo của Đảng và các cán bộ chính quyền Xô-viết ở U-crai-na và Bê-lô-ru-xi đã giúp đỡ quân đội rất nhiều.

Theo tài liệu của Bộ tham mưu trung ương phong trào du kích,

năm 1943 lực lượng du kích đã tăng gấp đôi. Nhiều đội du kích đã thống nhất thành các binh đoàn, các đơn vị lớn có khả năng mở những chiến dịch quan trọng ở hậu địch làm cho quân Đức phải dùng nhiều lực lượng để đối phó. Có thể nói rằng ta đã có một mặt trận hùng mạnh của những người báo thù cho nhân dân, căm thù sâu sắc bọn xâm lược hoạt động mạnh mẽ trong hậu phương quân địch.

Đặc biệt ở Bê-lô-ru-xi và U-crai-na có những binh đoàn du kích hùng mạnh. Ở đây có các đoàn du kích của V.E. Xa-mu-tin, Ph.Ph. Ta-ra-nen-cô, V.I. Cô-dơ-lốp, T.L. Bu-ma-giơ-cốp, A.Ph. Phê-đô-rốp, A.N. Xa-bu-rốp, D.A. Bô-ga-tura, P.M. Na-u-mốp, I.E. A-ni-xl-men-cô, Ya.M. Men-ních, Đ.T. Bua-chen-cô và Ph.Ph. Ca-pu-xta.

Trong các kế hoạch và hoạt động của mình, các bộ tư lệnh Quân đội Xô-viết đã quan tâm đúng mức đến sức mạnh thực tế và vai trò ngày càng tăng của các đội du kích, đó còn là vì về mặt chiến thuật, nghệ thuật đánh du kích đã được nâng lên trình độ cao.

Hoạt động của các đội và các binh đoàn du kích bây giờ về cơ bản đã được phối hợp và liên hệ chặt chẽ với nhau do các Hội đồng quân sự các phương diện quân và Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản U-crai-na và Bê-lô-ru-xi lãnh đạo. Các tổ chức bí mật của Đoàn thanh niên Côm-xô-môn do các bí thư Trung ương Đoàn ở Bê-lô-ru-xi K.T. Ma-du-rốp và Ph.A. Xua-

ga-nóp lãnh đạo hoạt động thường trực tại vùng địch tạm chiếm, đã giúp đỡ Đảng rất nhiều trong việc thành lập các đội du kích. Trong năm 1943, các chiến sĩ du kích đã phá 11.000 đoàn xe lửa, làm hỏng và hủy 6.000 đầu máy, gần 40.000 toa xe, tiêu hủy hơn 22.000 xe cơ giới và hơn 900 cầu xe lửa. Người tổ chức các hoạt động này là các tổ chức bí mật của Đảng ở các địa phương. Hoạt động của toàn bộ hậu phương Liên Xô đã có sự chuyển biến căn bản. Năm 1943, mức sản xuất vũ khí đạn dược đã tăng vọt.

Tháng 8-1943, Đảng đã thông qua hàng loạt nghị quyết quan trọng về khôi phục nền kinh tế quốc dân ở các vùng giải phóng. Trong quý IV năm 1943, đã khai thác được 6,5 triệu tấn than, 15.000 tấn dầu lửa, sản xuất 172 triệu kW giờ điện.

Hậu cần của các lực lượng vũ trang Liên Xô đã cung cấp tốt hơn và đứng nhu cầu hơn cho quân đội mọi thứ cần thiết để chiến đấu thắng lợi.

Đất nước ta phát huy toàn bộ sức mạnh hùng hậu của mình.

Quan hệ của chúng ta với các nước đồng minh trong năm 1943 có khá hơn. Chúng ta nhận được sự giúp đỡ về vật chất kỹ thuật của Mỹ nhiều hơn chút ít so với năm 1942, nhưng vẫn như trước, còn xa với lời hứa hẹn, và đến cuối năm lại có phần giảm đi.

Chính phủ Mỹ vẫn như trước, viện cớ là vì phải dùng cho nhu cầu của Mỹ trong việc sắp mở mặt trận thứ hai và vì nghĩa vụ đối

với Anh...

Đến cuối năm 1943, chúng ta đã hoàn toàn vượt qua được tình thế khó khăn và có lực lượng và phương tiện chiến đấu hùng mạnh, đã nắm chắc trong tay quyền chủ động chiến lược và thực tình mà nói, không còn cần lắm đến việc mở mặt trận thứ hai ở châu Âu như trong 2 năm trước đây. Song, để nhanh chóng đánh tan bọn Đức phát-xít và kết thúc chiến tranh, tất cả chúng ta muốn mặt trận thứ hai sẽ được mở trong thời gian gần nhất. Tất nhiên chúng ta vui mừng trước những thắng lợi ở Ý, ở En A-la-mây, ở vùng Tu-ni-xơ và các nơi khác. Nhưng tất cả những cái đó vẫn chưa phải như chúng ta hằng mong đợi lâu nay ở các nước đồng minh và chưa đủ để cảm thấy họ có sự đóng góp xứng đáng vào cuộc chiến tranh.

Khi ở Hội nghị Tê-hê-răng trở về, I.V. Xta-lin nói:

- Ru-dơ-ven hứa dứt khoát sẽ mở rộng sự hoạt động ở Pháp trong năm 1944. Tôi nghĩ là ông ta sẽ giữ lời hứa. Còn nếu ông ta không giữ lời hứa thì chúng ta cũng đủ sức để đánh tan nước Đức Hít-le.

Cho đến bây giờ tôi chưa nói gì đến tình hình ở các hướng tây và tây bắc của chúng ta, và tất nhiên, không phải là vì quên mất, mà là vì suốt cả năm 1943 tôi phải lo đến các chiến dịch ở vòng cung Cuốc-xơ, trên các ngã đường tiến về Đơ-nép, các trận đánh chiếm Đơ-nép và Hữu ngạn U-crai-na. Còn về các hướng

tây và tây nam trong năm 1943 thì đích thân Tổng tư lệnh tối cao và Bộ Tổng tham mưu chỉ đạo, chúng tôi chỉ thỉnh thoảng mới phát biểu ý kiến và đưa ra đề nghị của mình khi Tổng tư lệnh tối cao hỏi.

Đến cuối năm 1943 ở các hướng này đã giành được những thắng lợi quan trọng. Quân đội Xô-viết đã quét sạch địch khỏi tỉnh Ca-li-nin, giải phóng tỉnh Xmô-len-xơ và phần lớn miền đông Bê-lô-ru-xi. Đến cuối năm, do việc quân ta đã tiến quân thắng lợi, chiến tuyến ở các hướng tây bắc và tây đã chạy qua hồ In-men, Vê-li-ki-ê Lu-ki, Vi-tép-xơ, Mô-dư-a.

Trong thời gian này ở các hướng tây nam và nam, chiến tuyến đã chạy từ Pô-lê-xi-ô qua Gi-tô-mia, Pha-xtốp, Ki-rô-vô-grát, Da-pô-rô-giê, Héc-xon. Crum còn ở trong tay quân Đức. Ở vùng Lê-nin-grát và phía bắc, tình hình đã khá hơn nhiều. Nhân dân Lê-nin-grát bây giờ sống dễ chịu hơn.

Các ủy viên Hội đồng quốc phòng và chúng tôi, các ủy viên Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao, nhận định rằng, mặc dù trong cuộc đấu tranh với quân địch, chúng ta đã giành được những thắng lợi to lớn và quân địch đã bị suy yếu nghiêm trọng, song chúng vẫn còn khá mạnh và vì không có mặt trận thứ hai ở châu Âu, nên quân địch có khả năng tiến hành chiến tranh phòng ngự quyết liệt.

Đến đầu năm 1944, kể cả quân của các nước chư hầu, Đức có ở

mặt trận Xô - Đức gần 5 triệu quân, 54.500 pháo và súng cối, 54.000 xe tăng và pháo tiến công và hơn 3.000 máy bay.

Các lực lượng vũ trang Liên Xô vượt quân địch 1,3 lần về quân số, 1,7 lần về pháo binh, 2,7 lần về máy bay. ưu thế về số lượng đó lại được tăng thêm về mặt chất lượng vũ khí và điều đặc biệt quan trọng là tinh thần chiến đấu của quân đội, nghệ thuật chỉ huy chiến dịch, chiến thuật và chiến lược ngày càng cao của các cấp chỉ huy.

Sau khi phân tích sâu sắc và toàn diện tình hình, Đại bản doanh đã quyết định triển khai tiến công từ Lê-nin-grát đến tận Crum trong chiến cục mùa đông 1944.

Theo kế hoạch này, sẽ mở những chiến dịch tiến công chủ yếu đánh vào chiến trường tây nam, để trước hết giải phóng Hữu ngạn U-crai-na và Crum. Phải hoàn toàn giải vây cho Lê-nin-grát, và đánh bật địch ra khỏi địa giới khu Lê-nin-grát. Quân của các phương diện quân Pri-ban-tích có nhiệm vụ phối hợp với Phương diện quân Lê-nin-grát để giải phóng khu Nốp-gô-rôt và tiến đến các nước biên giới cộng hòa ven biển Ban-tích. Hướng phía tây có nhiệm vụ giải phóng lãnh thổ Bê-lô-ru-xi càng nhiều hơn nữa càng tốt.

Trong khi vạch kế hoạch hoạt động của Quân đội Xô-viết trong mùa đông 1944, chúng ta nhằm tập trung phương tiện và lực lượng chủ yếu cho các Phương diện quân U-crai-na 1, 2, 3 và 4

để tạo nên ưu thế lớn hơn nữa của quân ta ở đây và trong thời hạn ngắn, đánh tan các cụm tập đoàn quân “Nam” và “A” của địch.

Còn đối với các phương diện quân khác ở các hướng bắc, tây bắc và tây Đại bản doanh quyết định đưa tới những nơi đó số lực lượng hạn chế hơn để vừa không phân tán lực lượng ở đó vừa không phải rút bớt ở những nơi sẽ nổ ra những trận chủ yếu.

Sau hội nghị ở Đại bản doanh, A.M. Va-xi-lép-xki và tôi còn làm việc với Bộ Tổng tham mưu khoảng 5 ngày để xác định nhiệm vụ cho các phương diện quân. Tổng tư lệnh tối cao mấy lần mời chúng tôi tới ăn cơm ở phòng riêng trong Crem-lanh.

Như chúng ta đã biết, I.V. Xta-lin sống rất giản dị. ăn uống không cầu kỳ, dùng các món ăn Nga, đôi khi các món ăn Gru-di-a. Trong lối sống, ăn mặc và sinh hoạt của I.V. Xta-lin không có chút gì xa hoa.

Một hôm tại nhà Tổng tư lệnh tối cao, một lần nữa tôi lại nêu vấn đề mở những chiến dịch bao vây, I.V.Xta-lin nói:

- Bây giờ chúng ta đã mạnh hơn, quân ta đã có kinh nghiệm hơn. Không những chúng ta có thể mà còn cần phải mở những chiến dịch bao vây quân Đức.

Một lần khác, trong bữa ăn mà tôi được dự, có mặt A.A. Giơ-đa-nốp, A.X. Séc-ba-cốp và các ủy viên khác trong Bộ Chính trị, A.A. Giơ-đa-nốp kể lại những gương anh hùng và tinh thần dũng

cảm cao độ của công nhân Lê-nin-grát bắt chấp nguy hiểm, ăn đói vẫn đứng máy ở các công xưởng 14-15 tiếng trong một ngày và tìm mọi cách viện trợ cho quân đội ngoài mặt trận. A.A. Giơ-đa-nốp đề nghị tăng số lượng lương thực cho nhân dân Lê-nin-grát. Tổng tư lệnh tối cao ngay lúc đó chỉ thị thỏa mãn đề nghị của A.A. Giơ-đa-nốp. Người nói:

- Chúng ta hãy nâng cốc chúc sức khỏe nhân dân Lê-nin-grát. Đó là những anh hùng chân chính của nhân dân ta.

Sau khi đã xác định rõ những nhiệm vụ của các Phương diện quân, A-lếch-xan-đơ Mi-khai-lô-vích Va-xi-lép-xki và tôi lên đường tới các mặt trận mình phụ trách để tiếp tục tổ chức hiệp đồng giữa các đơn vị. Tôi chịu trách nhiệm phối hợp hành động giữa các phương diện quân của N.Ph. Va-tu-tin và I.X. Cô-nép, A.M. Va-xi-lép-xki - các Phương diện quân của R.Ya. Ma-li-nốp-xki và Ph.I. Tôn-bu-khin.

Thoạt tiên tôi tới Phương diện quân U-crai-na 1 để truyền đạt quyết định của Đại bản doanh và giúp vào việc lập kế hoạch hành động sắp tới.

N.Ph. Va-tu-tin như tôi đã nói, là một cán bộ tham mưu có tài, thêm vào đó lại viết chữ đẹp, phát biểu ý kiến ngắn gọn và rõ ràng. Phần lớn các mệnh lệnh, chỉ thị quan trọng và các báo cáo lên Bộ Tổng tư lệnh tối cao đều do đồng chí tự tay viết lấy. Tôi đến vừa đúng lúc đồng chí đang ngồi thảo chỉ thị cho đội quân

chủ lực của phương diện quân chuyển sang tiến công vào hướng Vi-nít-xa.

N.Ph. Va-tu-tin làm việc trong gian nhà có đốt lửa sưởi, khoác trên người chiếc áo ấm. Nhìn đồng chí, tôi hiểu là đồng chí không được khỏe.

Sau khi vấn tắt truyền đạt cho N.Ph. Va-tu-tin quyết định của Đại bản doanh về thời kì sắp tới và nghe đồng chí nói về những quyết định mới nhất của đồng chí trong kế hoạch hành động của Phương diện quân, tôi khuyên N.Ph. Va-tu-tin dùng thuốc và đi nằm ngay để có sức làm việc khi bắt đầu cuộc tiến công. N.Ph. Va-tu-tin nghe tôi.

Sau khi uống cốc nước chè đặc với quả phúc bồn tử khô và vài viên át-pi-rin, Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vích vào phòng nghỉ. Tôi và A.N. Bô-gô-liu-bốp đến phòng tác chiến của bộ tham mưu để một lần nữa tìm hiểu thêm tình hình và kiểm tra việc chuẩn bị chiến đấu của các đơn vị.

Chưa đầy 10 phút sau thì có chuông điện thoại. A.N. Bô-gô-liu-bốp cầm ống nghe, N.Ph. Va-tu-tin mời A.N. Bô-gô-liu-bốp đến. Tôi cùng đi với A.N. Bô-gô-liu-bốp và chúng tôi lại thấy N.Ph. Va-tu-tin bên tấm bản đồ kế hoạch tiến công sắp tới.

- Đồng chí đã đồng ý đi nghỉ, sao lại làm việc rồi?

- Tôi muốn viết báo cáo lên Đại bản doanh về quá trình chuẩn bị cuộc tiến công, - N.Ph. Va-tu-tin trả lời.

Tôi phải ép Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vích ra khỏi phòng làm việc và đề nghị giao mọi việc cần thiết cho tham mưu trưởng.

N.Ph. Va-tu-tin là người hăng hái, có tinh thần trách nhiệm rất cao.

Bụng đói dữ, tôi đến N.X. Khơ-rút-sốp, biết rằng ở đó bao giờ cũng có thể được ăn uống khá. Ở phòng N.X. Khơ-rút-sốp có ủy viên Hội đồng quân sự Phương diện quân phụ trách hậu cần, tướng N.T. Can-chen-cô, và M.X. Grê-chúc đại diện cơ quan Trung ương Đảng U-crai-na. Các đồng chí yêu cầu tôi kể tin tức Mát-xcơ-va.

Tôi truyền đạt căn kế quyết định của Đại bản doanh về chủ trương đuổi quân địch ra khỏi Hữu ngạn U-crai-na và những nhiệm vụ cụ thể của Phương diện quân U-crai-na 1. M.X. Grê-chúc nói về những tội ác dã man do bọn phát-xít gây ra trong thời gian gần đây, nhất là trước khi quân đội của chúng rút lui. Đồng chí nói: “Đó là tôi chưa nêu lên được một phần mười những nợ máu mà bọn phát-xít giết người đã gây ra trên đất U-crai-na...”

Đương đầu với Phương diện quân U-crai-na 1 khi này có một cụm lớn quân địch gồm 30 sư đoàn, trong đó có 8 sư đoàn xe tăng và một sư đoàn cơ giới. Chỉ huy chúng là tên tướng bộ đội xe tăng E. Rao-xơ[1].

Bộ chỉ huy địch vẫn còn mơ ước chiếm bàn đạp lớn quá phía tây

Đơ-nép và Ki-ép để hòng tiêu diệt Quân đội Xô-viết.

Hạ tuần tháng 11, như tôi đã có nói, quân địch chiếm Gi-tô-mia và nhiều lần định đánh bật các binh đoàn của Phương diện quân U-crai-na 1 và thọc vào Ki-ép. Nhưng âm mưu đó không thành. Hơn nữa, do hoạt động mùa quáng, quân Đức đã bị thiệt hại rất lớn, một số sư đoàn bị mất tới 60 - 70 % quân số và trang bị. Bị kiệt sức và thiếu phương tiện, bộ chỉ huy Đức chấm dứt cuộc tiến công, nhưng vẫn chưa từ bỏ hy vọng chiếm lại Ki-ép và tiến ra Đơ-nép...

Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao chỉ thị cho Phương diện quân U-crai-na 1 chuẩn bị và mở chiến dịch Gi-tô-mia-béc-đi-chép để đánh bại tập đoàn quân xe tăng 4 của địch ở đó và đuổi nó về phía Búc-nam. Đại bản doanh đã điều tập đoàn quân 18, tập đoàn quân xe tăng 1, quân đoàn xe tăng cận vệ 4 và quân đoàn xe tăng 25 về tăng cường cho Phương diện quân U-crai-na 1.

Tính đến trước lúc mở các chiến dịch có ý nghĩa quyết định, Phương diện quân U-crai-na 1 có tập đoàn quân cận vệ 1, các tập đoàn quân bộ đội hợp thành 13, 18, 27, 38, 40, 60, các tập đoàn quân xe tăng cận vệ 1 và 3. Tất cả gồm 63 sư đoàn bộ binh, 6 sư đoàn xe tăng, 2 quân đoàn cơ giới, 3 sư đoàn kỵ binh.

Ý đồ chiến dịch tiến công của Phương diện quân như sau:

Đánh tan quân địch ở vùng Bru-xi-lốp và tiến tới tuyến Liu-ba-rơ

- Vi-nít-xa - Li-pô-vai-a.

Tập đoàn quân 60 của tướng I.Đ. Chéc-ni-a-khốp-xki được tăng cường thêm quân đoàn xe tăng cận vệ 4, có nhiệm vụ tiến công từ Ma-lin, tiến ra sông Xlu-chơ ở đoạn Rô-ga-chép - Liu-ba-rơ. Tập đoàn quân 13 của tướng N.P. Pu-khốp nhận nhiệm vụ tiến công ở hướng Cô-rô-xten - Nô-vô-grát-vô-lun-xki. Các tập đoàn quân 40 và 27 đánh vào Be-lai-a Séc-cốp và tiếp đó vào Khơ-ri-xti-rốp-ca, rồi sẽ hợp với quân của Phương diện quân U-crai-na 2 ở đây.

Phương diện quân được tập đoàn quân không quân của tướng X A. Cra-xốp-xki yểm hộ.

Sáng ngày 29-12, sau 50 phút pháo bắn và không quân hoạt động, các đơn vị chủ lực của Phương diện quân chuyển sang tiến công. Địch phòng ngự không chịu nổi sức tiến công của quân ta, chúng bắt đầu rút lui. Vì đã có điều kiện thuận lợi, chiều hôm đó các tập đoàn quân xe tăng cận vệ 1 và 3 bước vào chiến đấu. Đến chiều tối ngày 29-12, khu vực đột phá đã mở rộng 300 km và sâu tới hơn 100 km. Ta đã chiếm lại Cô-rô-xten, Bru-xi-lốp Ca-da-tin, Xơ-via và nhiều thành phố và khu dân cư khác.

Quân ta tiến đánh các ngã đường vào Gi-tô-mia, Béc-đi-chép, Be-lai-a Séc-cốp. Bộ chỉ huy Đức buộc phải có biện pháp khẩn cấp để lấp nơi bị chọc thủng bằng cách điều đến đây 12 sư đoàn thuộc các cụm tập đoàn quân khác (“Bắc”, “Trung tâm” và “A”).

Ngày 31-12, Gi-tô-mia lại được giải phóng. Những trận đánh để giành Béc-đi-chép, một đầu mối lớn các đường xe lửa và đường bộ đã diễn ra ác liệt. Tại đây có tập đoàn quân xe tăng 1 của tướng M.E. Ca-tu-cốp và tập đoàn quân của tướng K.N. Lê-xê-lít-dê hoạt động. Vì tổ chức chỉ huy kém nên tập đoàn quân xe tăng 1 bị thiệt hại, không giành được thắng lợi và mãi đến ngày 5-1, khi N.Ph. Va-tu-tin đến chỉ huy, quân ta mới chiếm được Béc-đi-chép.

Trong các trận đánh chiếm Be-lai-na Séc-cốp có lữ đoàn Tiệp Khắc 1 do tướng L. Xvô-bô-đa chỉ huy, tham gia. L. Xvô-bô-đa, một con người có những đức tính tốt đẹp và quả cảm với tính trầm tĩnh và sự suy xét rộng đã làm cho tất cả chúng tôi kính trọng và hoàn toàn tin tưởng. Và chúng tôi đã không làm. Cho đến khi chiến tranh kết thúc, L. Xvô-bô-đa đã chỉ huy vững vàng các đơn vị Quân đội Tiệp Khắc và bằng những chiến công dũng cảm, đã góp phần xứng đáng vào việc đánh tan bọn giặc mà cả đồng chí cùng những người Xô-viết chúng ta đều căm thù.

Các trận đánh của Phương diện quân U-crai-na 1 đã buộc địch phải chạy về phía tây. Tình hình đó buộc bộ chỉ huy Đức phải tập hợp quân của chúng ở những vùng Vi-nít-xa và U-ma-nhor để phản kích lại các tập đoàn quân 38, 40 và tập đoàn quân xe tăng 1[2]. Một trận đánh lớn mới đã bắt đầu.

Quân ta chuyển sang phòng ngự, dùng pháo và không quân đánh

địch, song, không chịu nổi sức ép của địch, ta phải lui về phía sau khoảng 30 km và trụ lại ở đó.

Kết quả của chiến dịch Gi-tô-mia - Béc-đi-chép là quân của Phương diện quân U-crai-na 1 đã tiến sâu được 200 km, giải phóng hoàn toàn các tỉnh Ki-ép, Gi-tô-mia và nhiều vùng của các tỉnh Vi-nít-xa và Rô-ven. Cánh trái của Phương diện quân đã hợp vây toàn bộ bọn địch đang giữ bàn đạp lớn ở vùng Ca-nép và Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki. Như vậy là đã tạo nên điều kiện thuận lợi cho chiến dịch Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki. Đến giữa-1, Phương diện quân U-crai-na 1 đã trụ vững trên tuyến Xác-nur - Xla-vu-ta - Ca-da-tin - I-lin-xư. Tiếp đó trận tuyến chạy vòng sang Đơ-nép tới vùng Rơ-gi-sép và Ca-nép, ở đây một đạo quân lớn của địch vẫn tiếp tục phòng ngự. Rõ ràng là bộ chỉ huy Đức mơ tưởng chiếm lại Ki-ép đã không nghĩ ra rằng chúng ta đã tự tạo cho chúng một cái cạm bẫy ở đây mà chúng ta sẽ nói tới sau.

Còn bây giờ hãy xem xét tình hình ở Phương diện quân U-crai-na 2.

Phương diện quân U-crai-na 2, do các tướng I.X. Cô-nép, M.V. Da-kha-rốp và I.D. Xu-xai-cốp chỉ huy, cho đến cuối-12, cũng như Phương diện quân của N.Ph. Va-tu-tin, đã được tăng cường nhiều xe tăng và pháo tự hành. Phương diện quân được bổ sung quân đoàn kỵ binh 5 và một số đơn vị pháo binh. Số bổ sung đó

đã tăng cường lực lượng cho phương diện quân, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu. Đặc biệt là các binh đoàn bộ đội hợp thành vẫn còn ít mà như chúng ta đã biết, nếu không có nó thì không đạt được và không củng cố được thắng lợi của các chiến dịch.

Phương diện quân U-crai-na 2 có nhiệm vụ chuẩn bị và mở chiến dịch, hướng đột kích chủ yếu nhằm vào Péc-vô-mai-xơ qua Ki-rô-vô-grát. Phương diện quân cũng phải cho một bộ phận lực lượng tiến công theo hướng chung vào Khơ-ri-xti-rốp-ca, ở đó, phối hợp với Phương diện quân U-crai-na 1, có nhiệm vụ đánh tan quân địch ở vùng Dơ-vê-ni-gô-rôt-ca - Ca-nép.

Cho đến trước ngày 7-1, tôi không đến được Phương diện quân U-crai-na 2, vì bận làm việc với các đơn vị của N.Ph. Va-tu-tin là nơi tình hình có nhiều chuyển biến phức tạp và nguy hiểm.

Ngày 7-1, tôi đi máy bay tới bộ tham mưu Phương diện quân U-crai-na 2.

Lúc đó I.X. Cô-nép đang ở đài quan sát chỉ huy tại vùng Ki-rô-vô-grát.

Tới bộ tham mưu Phương diện quân, tôi gặp tham mưu trưởng phương diện quân M.V. Da-kha-rốp, đồng chí đã cho tôi biết tình hình trên các khu vực thuộc phương diện quân.

Tôi quen Mát-vây Va-xi-li-ê-vích Da-kha-rốp từ khi ở quân khu Bê-lô-ru-xi, hồi đó đồng chí là trưởng phòng tác chiến bộ tham mưu quân khu và khi đứng đầu quân khu lúc đó là quân đoàn trưởng bậc 1 I.P. U-bô-rê-vích, người mà tất cả chúng tôi học tập được nhiều. Cần phải nói rằng phòng tác chiến bộ tham mưu quân khu do M.V. Da-kha-rốp phụ trách là một đơn vị xuất sắc trong số đông các quân khu gần biên giới về khả năng tổ chức, chuẩn bị chiến đấu và trình độ nghiệp vụ nói chung. ít lâu sau M.V. Da-kha-rốp đã có thành tích trong việc chỉ huy trung đoàn bộ binh ở Bô-brui-xơ. Khi làm tham mưu trưởng Phương diện quân U-crai-na 2, Mát-vây Va-xi-li-ê-vích là một cán bộ giúp việc đặc lực cho tư lệnh phương diện quân I.X. Cô-nép.

Sau khi tìm hiểu tình hình ở bộ tham mưu phương diện quân, tôi gọi đây nói cho I.X. Cô-nép và đi tới chỗ đồng chí.

Trên đường đi tới đài chỉ huy của I.X. Cô-nép, cứ nghe tiếng súng đại bác, tiếng bom nổ, tiếng rú của nhiều máy bay, cũng có thể khẳng định rằng: trên mặt đất và trên không đang diễn ra những trận đánh ác liệt với quân địch.

Sau lời chào hỏi, tôi hỏi I-van Xtê-pa-nô-vích về tình hình chiến dịch.

- Chúng tôi đánh chúng chí tử, nhưng cho đến giờ chúng vẫn không bỏ Ki-rô-vô-grát, - I.X. Cô-nép trả lời.

Nghiên cứu bản đồ của I.X. Cô-nép và nghe báo cáo cận kề của

đồng chí, tôi hiểu rằng quân địch sẽ không thể nào đứng vững được ở Ki-rô-vô-grát. Đến cuối ngày 7-1, địch không những ở vào giữa vòng vây của quân ta mà chúng còn vất vả lắm mới có thủ được ở ngoại ô phía nam thành phố, là nơi có quân đoàn xe tăng 29, các sư đoàn khinh binh 29 và 50 của ta tiến công.

Đặc biệt các tập đoàn quân của tướng A.X. Gia-đốp và của tướng M.X. Su-mi-lốp có nhiều thành tích chiến đấu. Tôi rất quen biết cả hai đồng chí tư lệnh tập đoàn quân này. A.X. Gia-đốp và M.X. Su-mi-lốp đã trải qua con đường chiến đấu vẻ vang và gian khổ ngay từ đầu chiến tranh. Hai đồng chí đã vững vàng vượt qua những trận đánh ác liệt với quân thù, tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm trong những chiến dịch thắng lợi và đã tới vùng Ki-rô-vô-grát này với cương vị là những người chỉ huy tập đoàn quân giàu kinh nghiệm.

Đến sáng ngày 8-1, quân ta chiếm được Ki-rô-vô-grát. Quân địch rút chạy về hướng tây, bị quân ta rượt theo.

Ở cánh phải phương diện quân, cuộc tiến công của tập đoàn quân 53 và tập đoàn quân xung kích 4 không giành được kết quả.

Trước những trận phản kích mạnh của quân địch, cuộc tiến công này phải dừng lại trên tuyến Xme-la-kê-ni-giơ.

Sau khi ngừng tiến công và chuyển sang phòng ngự ở vùng phía tây Ki-rô-vô-grát, bộ tư lệnh phương diện quân điều tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 do tướng P.A. Rốt-mi-xơ-rốp chỉ huy

sang cánh phải. Nhưng tập đoàn quân này cũng không tạo được sự chuyển biến có lợi cho ta.

Vì cần phải chuẩn bị một cách căn bản hơn cho các chiến dịch sắp tới nên bộ đội của Phương diện quân U-crai-na 2 tạm ngừng tiến công ở tất cả các hướng, còn tôi thì trở lại Phương diện quân U-crai-na 1 để cùng với bộ tư lệnh phương diện quân bắt tay vào việc chuẩn bị chiến dịch Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki.

Sau khi thảo luận mục đích và nhiệm vụ của chiến dịch, N.Ph. Va-tu-tin quyết định thành lập một bộ phận xung kích gồm tập đoàn quân 40 của Ph.Ph. Giơ-ma-chen-cô, tập đoàn quân 27 của X.G. Tơ-rô-phi-men-cô và tập đoàn quân xe tăng 6 của tướng chỉ huy xe tăng A.G. Cráp-chen-cô, nổi tiếng trong chiến dịch giải phóng Ki-ép.

Theo tài liệu bản đồ đoạt được của Đức, trong ngày 24-1-1944, ở vùng mỏm Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki và đỉnh kéo dài tới tận Đơ-nép có 9 sư đoàn bộ binh, 1 sư đoàn xe tăng và 1 sư đoàn cơ giới thuộc tập đoàn quân xe tăng 1 của địch. Đạo quân khá mạnh này của địch đã làm trở ngại cho các Phương diện quân U-crai-na 1 và 2 trong việc tiếp tục tiến hành các chiến dịch tiếp sau về phía tây, vì nó đóng ở sườn của cả hai phương diện quân.

Ngày 11-1, tôi báo cáo ý kiến của chúng tôi lên Tổng tư lệnh tối cao về kế hoạch chia cắt, bao vây và đánh tan toàn bộ đạo quân địch ở Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki. Tổng tư lệnh tối cao chuẩn

y đề nghị này và ngày 12-1, Đại bản doanh đã ra chỉ thị về việc đó.

Đại bản doanh chỉ thị cho hai phương diện quân cùng đánh vào chân mồm Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki bằng hai mũi khép lại, gặp nhau ở vùng Dơ-vê-ni-gô-rôt-ca. Trước khi chiến dịch bắt đầu, theo đề nghị của tôi, Đại bản doanh tăng cường tập đoàn quân xe tăng 2 cho Phương diện quân U-crai-na 1.

I.X. Cô-nép quyết định dùng lực lượng tập đoàn quân cận vệ 4, tập đoàn quân 53 và tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 từ vùng Véc-bốp-ca và Cra-xnô-xin-cơ tiến công quân địch. Để thành lập các mũi xung kích, các phương diện quân cần bố trí lại lực lượng và phương tiện. Nhiệm vụ yểm hộ từ trên không cho các mũi xung kích được giao cho các tập đoàn quân không quân 2 và 5.

Tổng số quân ta tham gia vào trận đánh cụm quân địch ở Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki là 27 sư đoàn, 4 quân đoàn xe tăng và 1 quân đoàn cơ giới với 370 xe tăng và pháo tự hành. Về số lượng, quân ta ở đây hơn quân địch về bộ binh 1,7 lần, về pháo và súng cối - 2,4 lần, về xe tăng và pháo tự hành - 2,6 lần.

Tất nhiên, lực lượng như vậy đủ để bao vây và đánh tan quân địch, nhưng thời tiết trở nên rất xấu không đúng lúc, tuyết ướn, đường lầy lội. Thời tiết xấu đã làm cho hoạt động của không quân rất bị hạn chế. Kết quả là quân ta không thể chuẩn bị được thật đầy đủ dự trữ vật chất. Song, không thể trì hoãn lâu việc mở

chiến dịch.

Chiến dịch Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki khởi đầu ngày 24-1 bằng trận đánh của Phương diện quân U-crai-na 2 ở hướng chung vào Dơ-vê-ni-gô-rôt-ca. Phương diện quân U-crai-na 1 bắt đầu tiến công muộn hơn một ngày đêm. Quân địch dùng hỏa lực và các đợt phản kích chống lại rất kịch liệt nhưng vẫn không phá được các đòn tiến công của các phương diện quân.

Ngày 27-1, thực hiện âm mưu lấp chỗ bị chọc thủng, quân địch mở cuộc phản kích chống các đơn vị của Phương diện quân U-crai-na 2 cốt để lấp cửa mở và cắt đứt các quân đoàn xe tăng 20 và 29 đi đầu của tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5. Chúng đã đạt được một phần mục đích.

Song quân đoàn xe tăng 20 do trung tướng xe tăng I.G. La-da-rép chỉ huy đã bất chấp việc quân địch tạm thời chiếm lại các đường ở phía sau mình, vẫn ồ ạt tiến lên và ngay đêm hôm đó đã chiếm được thành phố Spô-la.

Tôi biết I.G. La-da-rép từ khi ở quân khu Bê-lô-ru-xi và đã nhiều lần gặp nhau trong các cuộc thao diễn và các cuộc tập trận lớn của quân khu. Dưới sự lãnh đạo của I.P. U-bô-rê-vích, đồng chí đã được huấn luyện chu đáo trong diễn tập dã chiến.

Biết ưu điểm của I.G. La-da-rép, tôi tin tưởng trong giờ phút phức tạp đó đồng chí sẽ vững vàng chỉ huy quân đoàn đạt tới đích đã định. Ngày 28-1, quân đoàn của I.G. La-da-rép vượt tới

vùng Dơ-vê-ni-gô-rôt-ca, trong lúc này quân địch sau khi lập được chỗ bị chọc thủng đang cố đánh lùi các đợt tiến công của Phương diện quân U-crai-na 2.

Các đơn vị xung kích của Phương diện quân U-crai-na 1 chuyển sang tiến công đã phá vỡ tuyến phòng ngự địch, nhưng vấp phải sự chống cự kịch liệt trong tung thâm.

Tư lệnh Phương diện quân N.Ph. Va-tu-tin thấy quân địch lập được cửa mở, đã điều đến vùng Dơ-vê-ni-gô-rôt-ca chi đội phái đi trước rất mạnh của Phương diện quân do tướng M.I. Xa-vê-lép dũng cảm và có tài chỉ huy gồm lữ đoàn xe tăng 233, trung đoàn pháo tự hành 1228, tiểu đoàn bộ binh cơ giới và các đại đội pháo binh cơ động chống xe tăng để tăng cường cho các quân đoàn xe tăng 20 và 2. Đội quân của M.I. Xa-vê-lép khéo léo hành quân, táo bạo thọc qua các đơn vị quân Đức ở vùng Li-xi-an-ca và ngày 28-1 đã liên kết được với quân đoàn xe tăng 20 ở thành phố Dơ-vê-ni-gô-rôt-ca, sau khi cắt đứt những đường hậu phương chủ yếu của đạo quân địch ở Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki.

Quân phòng ngự của địch ở khu vực của Phương diện quân U-crai-na 1 đã ngoan cố chống cự. Tập đoàn quân 40 của tướng Ph.Ph. Giơ-ma-chen-cô trong ngày đầu chỉ đạt được thắng lợi không đáng kể. Các đơn vị thuộc tập đoàn quân 27 của tướng X.G. Tơ-rô-phi-men-cô, đặc biệt là sư đoàn bộ binh 337 của tướng G.O. Li-a-xkin và sư đoàn bộ binh của tướng X.P. Méc-

cu-lốp hoạt động có kết quả hơn. Chúng tôi nắm lấy cơ hội này để đưa tập đoàn quân xe tăng 6 vào các đường hậu phương địch và do đó đã ảnh hưởng có lợi cho chiến sự.

Đến ngày 30-1, vì có thêm các lực lượng bổ sung vào tham chiến, trong số đó có thể đội hai của tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5, quân đoàn xe tăng 18 và quân đoàn cận vệ của tướng A.G. Xê-li-va-nốp, quân của I.X. Cô-nép đã đánh lui được quân địch và lại chọc thủng được một lỗ thủng trên tuyến phòng ngự của chúng. Vừa tiến, bộ đội của hai phương diện quân vừa cắt cụm quân địch ở Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki và bắt đầu dồn chúng vào giữa vòng vây. Đồng thời hai phương diện quân lập một tuyến bao vây ở phía ngoài để không cho đạo quân địch bị bao vây từ phía U-ma-nhơ phá vây ra.

Để ghi nhớ chiến công đột phá trận tuyến của địch và cuộc gặp gỡ của bộ đội hai phương diện quân U-crai-na 1 và 2, sau này tại trung tâm thành phố Dơ-vê-ni-gô-rôt-ca đã dựng đài kỷ niệm, trên đó có đặt một chiếc xe tăng T-34. Ở đài kỷ niệm có ghi:

“Tại đây, ngày 28-1-1944, vòng vây bọn xâm lược Hít-le ở vùng Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki đã khép kín. Ở đây, tổ xe tăng của lữ đoàn xe tăng Dơ-vê-ni-gô-rôt-ca 155 huân chương Cờ đỏ thuộc Phương diện quân U-crai-na 2, gồm trung úy Khô-khơ-lốp Ép-ghê-ni A-lếch-xan-đrô-vích, thợ máy lái xe An-đrây-ép A-na-tô-li A-lếch-xây-ê-vích, chỉ huy tháp xe Dai-sép Ya-cốp Xéc-

gây-ê-vích do trung tá Prô-sin I-van I-van-ô-vích chỉ huy, đã bắt tay các chiến sĩ xe tăng thuộc Phương diện quân U-crai-na 1.

Vinh quang thay các anh hùng của Tổ quốc!”.

Tốt quá, chiến công của các anh hùng không bị lãng quên! Chỉ tiếc là ở đó không nêu tên các chiến sĩ xe tăng thuộc Phương diện quân U-crai-na 1. Cần phải bổ sung điều đó sau khi xác định được tên tuổi những chiến sĩ xe tăng anh hùng thuộc Phương diện quân U-crai-na 1 đã dũng mãnh tiến vào Dơ-vê-ni-gô-rôt-ca...

Bọn Đức bị bao vây đã bám chặt từng trận địa, từng khu dân cư, chúng ẩn nấp trong những khu rừng để chống cự lại một cách kịch liệt.

Để đánh bật quân địch ra khỏi các vị trí, cần phải có hỏa lực mạnh của pháo binh, nhưng chúng tôi không thể làm được điều đó vì không có đường kéo pháo. Để có lượng dự trữ tối thiểu cần thiết về đạn pháo, đạn cối và nhiên liệu cho xe tăng, chúng ta đã buộc phải tổ chức vận chuyển bằng bò thồ, người vác, khiêng gánh - nghĩa là bằng bất cứ cách gì có thể vận chuyển được.

Nhân dân các làng ở U-crai-na đã giúp đỡ nhiều trong việc này.

Nhằm cứu số quân nằm trong lòng chảo đang lâm vào nguy cơ sẽ bị tiêu diệt, bộ chỉ huy Đức bắt đầu đưa lực lượng đến để đánh vào vòng vây phía ngoài của ta. Ngày 27-1, các sư đoàn 3, 11 và 4 và hai ngày sau, sư đoàn xe tăng 13 của địch tiến gần tới vùng

Nô-vô-mia-gô-rôt. Tiếp đó sư đoàn 16 và 17 của chúng bắt đầu tập trung ở vùng Ri-di-nô.

Tất cả chúng tôi, những người phụ trách chiến dịch bao vây các đơn vị thuộc các tập đoàn quân 1 và 8 của địch đều hiểu rõ rằng, bộ chỉ huy Đức thế nào cũng phải tổ chức đánh từ ngoài vào để cứu bọn nằm trong vòng vây.

Để lập tuyến bao vây phía ngoài nhằm đảm bảo cho việc tiêu diệt số quân địch bị vây hãm, chúng tôi sử dụng tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 thuộc Phương diện quân U-crai-na 2 có quân đoàn khinh binh 49 và lữ đoàn công binh 5 tăng cường. Hai bên sườn của tuyến ngoài này có tập đoàn quân 40 và tập đoàn quân 53 án ngữ.

Khác với hành động của bọn địch bị bao vây ở Xta-lin-grát trước đây chỉ phòng ngự để chờ cứu nguy, hy vọng vào đội quân xung kích của Man-sten sẽ chọc thủng vòng vây, bọn quân địch bị bao vây lần này ở Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki tự đánh thốc ra, tìm cách đón gặp các đơn vị xung kích của chúng đánh từ ngoài vào. Trong những ngày đầu tháng 2-1944, quân địch dùng một phần lực lượng bộ đội xe tăng mưu phá vỡ vòng vây ở vùng Nô-vô-mia-gô-rôt thuộc phạm vi Phương diện quân U-crai-na 2. Nhưng chúng bị đánh lui. Trước tình hình đó chúng chuyển lực lượng xung kích sang trận địa của phương diện quân U-crai-na 1, ngày 1 và 5 tháng 2, chúng mở hai trận đánh lớn ở vùng Tôn-ma-chơ-

i-xren-nôi-ê. Ở đây, chúng còn điều thêm ba sư đoàn xe tăng đến tham chiến.

Ở vùng Ri-di-nô, quân địch thọc được vào phòng ngự của ta. Bộ chỉ huy địch tin tưởng rằng lần này sẽ phá thủng được phòng tuyến. Tướng Hu-be, tư lệnh tập đoàn quân xe tăng 1 của địch huênh hoang hứa hẹn. Ta bắt được bức điện vô tuyến của y gửi cho đồng bọn: “Tôi sẽ cứu nguy cho các bạn. Hu-be”.

Đặt hy vọng vào đạo quân xe tăng mạnh của tướng Hu-be, trong những bức điện gửi cho tướng Stem-méc-man, tư lệnh quân Đức đang bị bao vây, Hít-le viết: “Các ông có thể trông cậy ở tôi như trông cậy vào bức tường đá. Các ông sẽ được giải phóng khỏi lòng chảo. Còn bây giờ hãy cứ cố thủ”.

Về phía ta, để chặn không cho địch phá vòng vây, chúng tôi tức tốc điều tới trận địa nguy hiểm này tập đoàn quân xe tăng 2 của tướng X.I. Bốc-đa-nốp gồm hai quân đoàn xe tăng lấy trong lực lượng dự bị của phương diện quân. Tập đoàn quân xe tăng 2 sau khi triển khai, đã mở cuộc phản kích. Quân địch liền bị chặn lại và một phần bị đánh bật về điểm xuất phát.

Song, quân địch vẫn chưa chịu từ bỏ ý đồ chọc thủng trận tuyến phía ngoài của quân ta. Chúng kéo thêm một sư đoàn xe tăng, một tiểu đoàn xe tăng hạng nặng, hai tiểu đoàn pháo tiến công đến và sau khi tập trung được một số lớn các sư đoàn xe tăng trong vùng Éc-cốp chúng bắt đầu tiến công ác liệt.

Ngày 9-2, tôi gửi bức điện lên Tổng tư lệnh tối cao, trong đó có viết:

“Theo lời khai của tù binh thì trong các trận đánh ở vòng vây, địch bị thiệt hại nặng. Hiện nay binh lính và sĩ quan địch hoang mang, một số nơi đã có tình trạng hoảng loạn.

Theo tài liệu tình báo, bọn địch bị bao vây đang tập trung chủ lực ở vùng Xtê-blép - Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki. Chắc là chúng chuẩn bị cho một cố gắng cuối cùng để thọc ra đón gập đoàn quân xe tăng đang tiến công vào M. Bôi-ác-ca. Để đảm bảo hướng này, sáng ngày 9-2 chúng tôi đưa một lữ đoàn xe tăng của Rốt-mi-xơ-rốp tới vùng Li-xi-an-ca và sư đoàn bộ binh 340 của Giơ-ma-chen-cô tới vùng Cra-xnô-gô-rôt-ca - Mô-ta-ép-ca. Các tập đoàn quân của Cô-rô-tê-ép, Rư-giốp và Tơ-rô-phi-men-cô ngày 9-2 đang tiếp tục tiến công.

Ngày 8-2 vào lúc 15 giờ 50, các đại diện quân ta thông qua đại tá Phúc-ke, chỉ huy bọn địch ở Xtê-blép, đã trao tối hậu thư cho quân địch bị vây hãm.

Các đại diện trở về báo tin rằng bộ chỉ huy quân Đức sẽ trả lời vào 11 giờ ngày 9-2.

Giu-cốp”.

Lúc 12 giờ ngày 9-2, bộ tham mưu của tướng Stem-méc-man báo tin, từ chối tối hậu thư của ta.

Ngay tức khắc ở tuyến bao vây phía trong và từ tuyến bao vây

ngoài, quân Đức bắt đầu tiến công ác liệt. Các trận đánh diễn ra đặc biệt gay go trong ngày 11-2. Quân ta chiến đấu cực kỳ ngoan cường. Các sư đoàn xe tăng địch sau những tổn thất lớn đã tiến được tới Li-xi-an-ca, nhưng, không đủ sức tiến xa hơn nữa, chúng chuyển sang phòng ngự.

Đêm ngày 12-2, đạo quân địch bị bao vây tập trung lực lượng lại trên một phạm vi hẹp, mưu chọc thủng vòng vây qua Xtê-lép tới Li-xi-an-ca để bắt liên lạc với các sư đoàn xe tăng, nhưng không nổi. Chúng bị chặn lại. Khoảng cách giữa đạo quân địch bị bao vây và đoàn quân địch phá vây đã rút xuống còn 12 km, nhưng để hợp lại với nhau, chúng không đủ lực lượng.

Đêm ngày 12-2-1944, tôi gửi báo cáo về Đại bản doanh:

“Ở tập đoàn quân của Cráp-chen-cô:

Quân địch dùng lực lượng tới 160 xe tăng cùng bộ binh cơ giới từ trận tuyến Ri-di-nô - Chê-mê-ri-xcôi-ê - Ta-ra-xốp-ca mở cuộc tiến công trên một hướng chung tới Li-xi-an-ca và, sau khi chọc thủng thê đội 1 của quân đoàn bộ binh 47, đã tiến sâu vào phòng ngự của ta tới 10 km.

Bước tiến tiếp theo của quân địch bị các đơn vị sư đoàn bộ binh 340 và quân đoàn cơ giới 5 ở thê đội hai và các trung đoàn dự bị pháo tự hành 85 chặn lại ở sông Gni-lôi Tki-chor.

Vì thiếu liên lạc với tư lệnh quân đoàn bộ binh 47 nên tình hình sườn trái tập đoàn quân ở hướng Gia-bin-ca - Ri-di-nô - Du-

bróp-ca còn đang được kiểm tra lại.

Lực lượng và phương tiện của Cráp-chen-cô đủ để đánh lui các cuộc tiến công của địch, nhưng sau khi thê đội một phòng ngự của ta bị thủng, Cráp-chen-cô đã không nắm được các đơn vị tập đoàn quân.

Tôi đã chỉ thị cho Ni-cô-lai-ép[3] cấp tốc đưa bộ tư lệnh tập đoàn quân 27 chuyển về Đgiua-gien-xư chịu sự chỉ huy về mặt tác chiến của Cráp-chen-cô.

Tập đoàn quân của Bốc-đa-nốp tới sáng ngày 12-2 tập trung chủ lực ở vùng Li-xi-an-ca - Đa-su-cốp-ca - Che-xnốp-ca. Sư đoàn bộ binh 202 triển khai trên tuyến Khi-gin-xư-Đgiua-gien-xư, toàn bộ lữ đoàn đủ trang bị của Ca-tu-cốp cũng được đưa tới đây. Tôi đã chỉ thị cho Xtê-pin[4] đến sáng sớm đã phải đưa hai lữ đoàn lấy của Rốt-mi-xơ-rốp về Li-xi-an-ca và, dọc sông Gni-lôi Tôi-chơ ở khúc Li-xi-an-ca - Mua-din-sur, phải tổ chức phòng ngự, trước nhất là phòng ngự chống xe tăng.

Ở phương diện quân của Xtê-pin:

Tập đoàn quân của Rốt-mi-xơ-rốp hôm nay đã đánh lui trên hướng Dơ-vê-ni-gô-rốt-ca các cuộc tiến công của 60 xe tăng địch từ Éc-ki. Tình báo xác định được rằng, 40 xe tăng địch đang tiến từ Ca-pu-xtin tới Éc-ki. Có thể là quân địch đưa xe tăng từ hướng Lê-bê-đin sang hướng Dơ-vê-ni-gô-rốt-ca.

Đến sáng ngày 12-2, Xtê-pin đưa quân đoàn xe tăng 18 tiến về

Mi-khai-lốp-ca (quá phía đông Dơ-vê-ni-gô-rôt-ca) và quân đoàn xe tăng 29 về vùng Cơ-nha-giê-lô-dô-vát-ca.

Tập đoàn quân của Xmiéc-nốp đã mở các trận đánh chiếm Mi-rô-pô-le, Cô-sác, Glu-ski.

Để thuận tiện cho việc chỉ huy, từ 12 giờ sáng 12-2, sư đoàn bộ binh 180 của Tơ-rô-phi-men-cô được chuyển thuộc Phương diện quân U-crai-na 2.

Tôi đã chỉ thị cho Xtê-pin ngày 12-2-1944 dùng chủ lực của các tập đoàn quân Cô-rô-tê-ép và Xmiéc-nốp từ phía đông đánh vào Xtê-blép và vào hậu phương bộ phận chủ lực của cụm quân địch bị bao vây đang chuẩn bị thoát ra hòng bắt liên lạc với đội quân xe tăng địch đang tiến công.

Toàn bộ không quân chuyển sang hoạt động đêm của hai phương diện quân đều sử dụng ở vùng Xtê-blép.

Giu-cốp”.

Sáng ngày 12-2 tôi bị cúm, sốt cao, phải đi nằm. Được ủ ấm, tôi ngủ say. Không biết ngủ được bao lâu, thì tôi thấy tướng tùy tùng của tôi, Lê-ô-nít Phê-đô-rô-vích Mi-ni-úc, dùng hết sức lay tôi dậy. Tôi hỏi:

- Có việc gì vậy?

- I.X. Xta-lin gọi đây nói. - L.Ph. Mi-ni-úc trả lời.

Tôi chồm dậy khỏi giường, cầm lấy ống nghe. Tổng tư lệnh tối cao nói:

- Tôi vừa được báo cáo, ở chỗ của Va-tu-tin đêm qua quân địch đã từ vùng San-đe-rốp-ca thọc ra Khin-ki và Nô-vai-a Bu-đa.

Đồng chí đã biết chưa?

- Báo cáo, tôi chưa biết.

- Đồng chí hãy kiểm tra và báo cáo.

Tôi gọi ngay đây nói cho N.Ph. Va-tu-tin và được cho biết rằng quả thực quân địch lợi dụng lúc có bão tuyết đã mưu toan thọc ra khỏi vòng vây và đã kịp tiến được hai ba km, chiếm được Khin-ki, nhưng chúng đã bị chặn lại.

Sau khi bàn với N.Ph. Va-tu-tin về biện pháp bổ sung, tôi gọi đây nói lên Tổng tư lệnh tối cao và báo cáo tình hình tôi đã được N.Ph. Va-tu-tin cho biết.

I.V. Xta-lin nói:

- Cô-nép đề nghị giao cho đồng chí ấy lãnh đạo các đơn vị có nhiệm vụ tiêu diệt bọn địch ở Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki, còn việc lãnh đạo các đơn vị ở tuyến bao vây phía ngoài thì giao cả cho Va-tu-tin.

- Tiêu diệt hoàn toàn quân địch đang nằm trong lòng chảo, - tôi trả lời, - là công việc trong ba bốn ngày nữa thôi. Nếu có sự thay đổi trong việc chỉ huy tập đoàn quân 27 của Phương diện quân U-crai-na 1, thì có thể kéo dài chiến dịch ra.

- Hãy để một mình Va-tu-tin chỉ huy các tập đoàn quân 13 và 60 ở vùng Rốp-nô - Lút-xơ - Đúp-nô, còn đồng chí đảm nhiệm

việc chặn không cho quân xung kích địch đột phá vào vùng Li-xi-an-ca trên tuyến bao vây phía ngoài. Hết.

Mấy giờ sau chúng tôi nhận được chỉ thị:

“Gửi Tư lệnh Phương diện quân U-crai-na 1,

Tư lệnh Phương diện quân U-crai-na 2,

Đồng chí Yu-rép[5].

Vì trong việc tiêu diệt cụm quân địch ở Coóc-xun cần có sự hiệp đồng chặt chẽ của tất cả các đơn vị làm nhiệm vụ đó, và vì đại bộ phận các đơn vị đó thuộc Phương diện quân U-crai-na 2, Đại bản doanh Tổng tư lệnh tối cao ra lệnh:

1. Giao việc lãnh đạo tất cả các đơn vị tác chiến với cụm quân địch ở Coóc-xun cho tư lệnh phương diện quân U-crai-na 2 với nhiệm vụ tiêu diệt cụm quân địch trong thời hạn ngắn nhất.

Do đó, tập đoàn quân 27 gồm các sư đoàn bộ binh 180, 337, 202, các khu phòng thủ 54, 159 và tất cả các đơn vị được tăng cường từ 24 giờ ngày 12-2-1944 được chuyển thuộc quyền chỉ huy tác chiến của tư lệnh Phương diện quân U-crai-na 2. Việc cung cấp mọi thứ cho tập đoàn quân 27 vẫn do Phương diện quân U-crai-na 1 phụ trách.

Cho tới khi có liên lạc trực tiếp, tư lệnh Phương diện quân U-crai-na 2 phải giữ liên lạc với bộ tư lệnh tập đoàn quân 27 qua bộ tham mưu của Phương diện quân U-crai-na 1.

2. Đồng chí Yu-rép thôi trách nhiệm quan sát việc tiêu diệt cụm

quân địch ở Coóc-xun và nhận nhiệm vụ chỉ huy hiệp đồng tác chiến giữa Phương diện quân U-crai-na 1 và Phương diện quân U-crai-na 2 nhằm không cho địch đột phá từ phía Li-xi-an-ca và Dơ-vê-ni-gô-rốt-ca vào liên lạc với cụm quân địch ở Coóc-xun. Yêu cầu báo cáo tình hình chấp hành.

Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao.

I. Xta-lin

A. An-tô-nốp

12-2-1944

Số 220022”

N.Ph. Va-tu-tin là người rất dễ xúc cảm. Sau khi nhận được chỉ thị, đồng chí gọi đây nói cho tôi và, vì cho tôi là người đề ra ý kiến thay đổi này, đồng chí đã nói một cách bức tức:

- Đồng chí nguyên soái, ai chứ, đồng chí thì biết rõ rằng, liên mấy ngày đêm tôi không hề chợp mắt và đem hết sức lực ra để thực hiện chiến dịch Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki. Tại sao bây giờ lại bỏ mà không cho tôi tiến hành chiến dịch này đến cùng? Tôi cũng là một người yêu nước trong phương diện quân của tôi và muốn rằng Mát-xcơ-va, thủ đô của Tổ quốc ta, sẽ bắn pháo hoa chào mừng các chiến sĩ Phương diện quân U-crai-na 1.
- Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vích, đó là lệnh của Tổng tư lệnh tối cao, chúng ta là những quân nhân, hãy thi hành mệnh lệnh vô điều kiện.

N.Ph. Va-tu-tin đáp:

- Báo cáo rõ, mệnh lệnh sẽ được thi hành.

Sau ngày 12-2, quân địch ra sức tìm cách từ vùng San-đe-rốp-ca đột phá vào Li-xi-an-ca, nhưng không có kết quả.

Ngày 14-2, bộ đội của tập đoàn quân 52 thuộc Phương diện quân U-crai-na 2 chiếm thành phố Coóc-xun - Sép-chen-cốp-xki.

Vòng vây tiếp tục siết chặt lại. Binh lính, sĩ quan và những tên tướng Đức đã hiểu rõ rằng, sự viện trợ hứa hẹn sẽ không đến với chúng, chỉ còn trông cậy vào bản thân. Theo lời kể của các tù binh, quân Đức hoàn toàn tuyệt vọng, nhất là khi chúng biết tin một số tư lệnh sư đoàn và sĩ quan tham mưu đã dùng máy bay chạy trốn.

Đêm 16-2 có bão tuyết. Tầm nhìn xa chỉ còn độ 10-20 mét. Quân Đức lại nảy ra hy vọng luồn ra Li-xi-an-ca để bắt liên lạc với đoàn quân của Hu-be. Âm mưu chọc thủng vòng vây đó của chúng bị tập đoàn quân 27 của X.G. Tô-rô-phi-men-cô và tập đoàn quân cận vệ 4 của Phương diện quân U-crai-na 2 đánh lui. Các học viên tiểu đoàn huấn luyện thuộc sư đoàn bộ binh cận vệ 41 của thiếu tướng K.N. Svét-cốp chiến đấu đặc biệt anh dũng. Suốt buổi sáng ngày 17-2, anh em đã chiến đấu ác liệt để tiêu diệt những toán quân Đức đã lọt ra, bọn này về căn bản đã bị tiêu diệt và bị bắt. Chỉ có một số xe tăng và xe bọc thép chở những tên tướng, sĩ quan và bọn SS thoát khỏi vòng vây.

Như chúng ta đã dự tính, ngày 17-2, chiến dịch đánh cụm quân địch bị bao vây kết thúc. Theo tài liệu của Phương diện quân U-crai-na 2, 18.000 tên địch bị bắt làm tù binh và quân ta thu toàn bộ vũ khí, kỹ thuật chiến đấu của cụm này.

Thủ đô Tổ quốc ta ngày 18-2 bắn súng chào mừng bộ đội Phương diện quân U-crai-na 2. Còn về bộ đội của Phương diện quân U-crai-na 1 thì không hề được nói tới. Tôi nghĩ rằng đó là một sai lầm của Đại bản doanh.

Như chúng ta biết, thắng lợi bao vây và tiêu diệt cụm quân địch đều do có sự hoạt động của cả tuyến phía trong và tuyến phía ngoài.

Cả hai Phương diện quân do N.Ph. Va-tu-tin và Cô-nép chỉ huy đều chiến đấu giỏi.

Do kết quả chiến đấu thắng lợi của bộ đội hai Phương diện quân U-crai-na, đến cuối tháng 2-1944, tình hình đã thuận lợi cho việc đánh đuổi hoàn toàn quân địch ra khỏi lãnh thổ Hữu ngạn U-crai-na. Cánh phải của Phương diện quân U-crai-na 1 sau khi chiếm vùng Lút-xơ - Sum-xcôi-ê - Sê-pê-tốp-ca, đã vươn tới sườn cụm quân địch ở Prô-xcu-rốp - Vi-nít-xa. Phương diện quân U-crai-na 2 đã chiếm được khu xuất phát để tiến đánh địch qua U-ma-nhơ theo hướng Mô-ghi-lép - Pô-đôn-xơ. Phương diện quân U-crai-na 3 đã tiến đến tuyến Cri-vôi Rốc - Si-rô-côi-ê - Cô-chơ-ca-rốp-ca và sẵn sàng đánh vào hướng Ti-ra-xpôn - Ô-

đét-xa.

Từ ngày 18 đến ngày 20 tháng 2, tôi ở Đại bản doanh để báo cáo với Tổng tư lệnh tối cao những suy nghĩ của tôi về kế hoạch mở các chiến dịch tiếp theo. Tổng tư lệnh tối cao chỉ thị cho tôi lại đi làm nhiệm vụ tổ chức hiệp đồng giữa các Phương diện quân U-crai-na 1 và 2 và phải mở cuộc tiến công ngay, không được chậm trễ.

Ngày 21-2, tôi tới bộ tham mưu Phương diện quân U-crai-na 1 và việc đầu tiên là truyền đạt cho N.Ph. Va-tu-tin và các ủy viên hội đồng quân sự phương diện quân những chỉ thị mới của Đại bản doanh.

Sau khi xác định rõ tình hình và nhiệm vụ do Đại bản doanh đề ra, các phương diện quân bắt đầu khẩn trương chuẩn bị ác chiến dịch tiến công mới và tiến hành công tác đảm bảo vật chất kỹ thuật cho các chiến dịch đó. Mùa xuân, tuyết tan ở U-crai-na gây ra những khó khăn rất lớn. Đặc biệt gay go nhất là vấn đề tập trung trái phá, đạn súng cối, bom, nhiên liệu và lương thực trực tiếp cho các đơn vị.

Bộ chỉ huy Đức cho rằng, Quân đội Liên Xô không thể tiến công được trong điều kiện như thế, và chúng sẽ có đủ thời gian bố trí lại lực lượng và củng cố phòng ngự. Chính là lợi dụng sự tính toán sai đó của địch mà chúng tôi quyết định giáng cho chúng hàng loạt đòn chí tử để tiêu diệt chúng.

Nói tóm lại, chúng tôi lại quyết định dùng chiến thuật tiến công bất ngờ mà bây giờ đã trở thành điều thông thạo trong nghệ thuật chiến dịch, chiến lược của Quân đội Xô-viết.

Căn cứ vào các kế hoạch của Đại bản doanh, Phương diện quân U-crai-na 1 chuẩn bị mũi đột kích chính từ vùng Đúp-nô - Sê-pê-tốp-ca - Liu-ba-rơ theo hướng chung vào Chéc-nô-vi-sur nhằm đánh tan cụm quân địch ở Prô-xcu-rốp - Vi-nít-xa - Ca-mê-nét - Pô-đôn-xcơ. Khi tiến tới vùng núi đầu của dãy Các-pát, quân ta sẽ cắt đứt trận tuyến chiến lược của địch, làm cho chúng không thể di chuyển bằng các đường ngắn nhất. Nếu chiến dịch này phát triển thuận lợi cho ta, toàn bộ cụm quân địch phía nam sẽ buộc phải sử dụng đường giao thông duy nhất qua cửa Phốc-san, Ru-ma-ni và Hung-ga-ri, và như vậy là chúng phải di chuyển theo những đường rất xa.

Phương diện quân U-crai-na 2 có nhiệm vụ tiến công trên hướng chung vào Ben-sur-a-xư. Một phần lực lượng sẽ tiến công vào Khô-tin, phối hợp hành động với cánh trái của Phương diện quân U-crai-na 1. Phương diện quân U-crai-na 3 chuẩn bị đánh vào Ô-đét-xa - Ti-ra-xpôn để giải phóng các vùng ven biển, tiến đến Đơ-ne-xtơ-rơ, chiếm lấy bàn đạp ở đó.

Trưa ngày 28-2, ở bộ tham mưu phương diện quân, tôi sang gặp N.Ph. Va-tu-tin để một lần nữa thảo luận với đồng chí những vấn đề về chiến dịch sắp tới. Sau hai tiếng đồng hồ cùng làm việc,

N.Ph. Va-tu-tin nói với tôi:

- Tôi muốn đến các tập đoàn quân 60 và 13 để kiểm tra xem các vấn đề hiệp đồng tác chiến với không quân đã được giải quyết như thế nào và xem lại tình hình chuẩn bị vật chất kỹ thuật cho việc mở chiến dịch.

Tôi khuyên N.Ph. Va-tu-tin nên cử các đồng chí phó tư lệnh đi, còn đồng chí cần xem lại các quyết định của tất cả các tư lệnh tập đoàn quân, một lần nữa kiểm tra kế hoạch hiệp đồng với không quân và tổ chức hậu cần của phương diện quân. Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vích vẫn tỏ ý muốn đi. Đồng chí ủy viên Hội đồng quân sự ủng hộ N.Ph. Va-tu-tin, nêu lý do rằng các đồng chí đã lâu không tới tập đoàn quân 60 và tập đoàn quân 13. Cuối cùng tôi đồng ý là trong thời gian này, tôi sẽ làm việc với bộ tham mưu phương diện quân, cục hậu cần và các tư lệnh binh chủng. Tiếc thay là đã xảy ra điều không hay. Ngày 29-2, sân bay dã chiến gọi dây nói cho tôi báo cáo rằng tư lệnh phương diện quân N.Ph. Va-tu-tin bị thương nặng đã được đưa về đó và đang thu xếp máy bay để đưa đồng chí về quân y viện Ki-ép.

Sau khi ra chỉ thị cần thiết cho trưởng phòng quân y phương diện quân, tôi nhận lấy trách nhiệm chỉ huy phương diện quân và gọi dây nói báo cáo ngay với I.V. Xta-lin về việc N.Ph. Va-tu-tin bị thương, phải đưa đi bệnh viện. Tổng tư lệnh tối cao phê chuẩn quyết định của tôi đảm nhiệm chỉ huy phương diện quân trong

thời gian tiến hành chiến dịch quan trọng và phức tạp sắp tới.
Về sau chúng tôi biết là N.Ph. Va-tu-tin đi thăm các đơn vị tập đoàn quân 60. Xe tăng bảo vệ đi trước. N.Ph. Va-tu-tin ngồi ở xe thứ hai cùng với sĩ quan tùy tùng và một xạ thủ, cách sau một ít là hai xe của N.X. Khơ-rút-xốp.

Rẽ vào một làng, đoàn xe bị một đội biệt kích của bọn Ban-đê-rốp bắn. N.Ph. Va-tu-tin nhảy ra khỏi xe, cùng với các xạ thủ bắn yểm hộ cho các xe khác rút. Trong lúc bắn nhau Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vích bị thương vào đùi.

Các bác sĩ có tài được triệu tập tới Ki-ép, trong đó có nhà phẫu thuật nổi tiếng N.N. Buốc-đen-cô, nhưng không cứu được N.Ph. Va-tu-tin. N.Ph. Va-tu-tin mất ngày 15-4. Ngày 17-4, lễ an táng N.Ph. Va-tu-tin được cử hành ở Ki-ép. Mát-xcơ-va bắn 20 phát đại bác vĩnh biệt người con trung thành của tổ quốc, một vị tướng lĩnh có tài, N.Ph. Va-tu-tin.

Cho đến trước khi mở chiến dịch, chúng tôi trong một thời hạn ngắn phải bố trí, di chuyển nhiều đơn vị từ sườn bên trái của phương diện quân tới gần sườn bên phải. Tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 từ vùng Béc-đi-chép chuyển sang vùng Sum-xcôi-ê (gần 200 km), tập đoàn quân xe tăng 4 phải hành quân 350 km. Một số lớn các đơn vị pháo binh, công binh và cơ quan hậu cần cũng phải vượt qua khoảng đường dài tương tự, trong điều kiện mùa xuân tuyết tan, không còn đường sá.

Mặc dù có nhiều khó khăn, kế hoạch bố trí lại quân đã được thực hiện đúng hạn định. Điều quan trọng nhất là tình báo của địch không phát hiện ra việc chuyển quân đó, vì chủ yếu nó được tiến hành vào đêm tối, còn ban ngày thì vào lúc thời tiết xấu, máy bay không bay được.

Ngày 1-3, có quyết định của Đại bản doanh cử tôi làm tư lệnh Phương diện quân U-crai-na 1. Từ ngày đó tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về thắng lợi của chiến dịch sắp tới của phương diện quân. Còn Phương diện quân U-crai-na 2, do Đại bản doanh trực tiếp nắm.

Ngày 4-3-1944, quân của Phương diện quân U-crai-na 1 bắt đầu tiến công. Trận tuyến phòng ngự của địch ở vùng Sum-xcôi-ê - Liu-ba-rơ bị chọc thủng, tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 và tập đoàn quân xe tăng 4 liền bước vào chiến đấu ở cửa đột phá này. Tới ngày 7-3, cả hai tập đoàn quân đã bẻ gãy sức chống cự của địch và sau khi cắt đứt đường xe lửa quan trọng Lơ-vốp - Ô-đét-xa đã tiến đến tuyến Tée-nô-pôn - Prô-xcu-rốp.

Bộ chỉ huy Đức, cảm thấy nguy cơ tập đoàn quân của chúng ở Prô-xcu-rốp - Vi-nít-sa - Ca-mê-nét - Pô-dôn-xơ bị bao vây, đã tập trung 15 sư đoàn để chống lại Phương diện quân U-crai-na 1. Ở đây ngày 7-3 đã diễn ra trận đánh ác liệt nhất chưa từng thấy từ chiến dịch ở vòng cung Cuốc-xơ đến nay.

Tám ngày đêm, quân địch mưu đánh bật quân ta trở về nơi xuất

phát. Sau khi đánh tan tác và làm kiệt sức các đơn vị phản kích của địch, ngày 21-3, quân ta ở mũi tiến công chính, được các lực lượng dự bị của phương diện quân tăng viện, trong đó có tập đoàn quân xe tăng 1, đã bẻ gãy sức chống cự của địch, bắt đầu tiến nhanh về phía nam. Đặc biệt các binh đoàn thuộc tập đoàn quân xe tăng 1 tiến như vũ bão, đồng thời các tập đoàn quân khác của phương diện quân tiến công từ phía đông, đông bắc và bắc cũng tiến quân thắng lợi.

Tập đoàn quân xe tăng 1, đánh tan tác các đơn vị quân địch, và ngày 24-3 chiếm thành phố Chéc-tơ-cốp, còn quân đoàn cận vệ 8 của tập đoàn quân của tướng I.Ph. Đrê-mốp ngay sáng hôm đó đã tiến tới gần Đơ-ne-xtơ-rơ.

Lữ đoàn bộ binh cơ giới 20 của đại tá A.Kh. Ba-bát-gia-nhan tiến đến vùng Da-lê-sích và tới gần Đơ-ne-xtơ-rơ. Các đơn vị của quân đoàn xe tăng cận vệ 11 của tướng A.L. Ghét-man cũng tiến đến gần Đơ-ne-xtơ-rơ.

Đêm sáng ngày 25-3, lữ đoàn xe tăng 64 của đại tá I.N. Bôi-cô chiếm ga Mô-sa (trên đường vào Chéc-nô-vi-sur), ở đó có đoàn tàu hỏa của địch đang bốc dỡ xe tăng và đạn dược, những thứ này đã bị các chiến sĩ xe tăng của ta chiếm. Ngày 28-3, xe tăng của ta thọc vào sân bay Chéc-nô-vi-sur, ở đây, có hàng chục máy bay địch đang chuẩn bị nhưng không kịp cất cánh.

Ngày 29-3, các đơn vị thuộc quân đoàn xe tăng cận vệ 11 của

tướng A.L. Ghét-man và sư đoàn bộ binh 24 đã hoàn toàn giải phóng thành phố Chéc-nô-vi-sư khỏi bọn xâm lược Hít-le. Nhân dân thành phố mừng rỡ đón các chiến sĩ Xô-viết.

Theo đề nghị của nhân dân thành phố, Hội đồng quân sự tập đoàn quân xe tăng 1 đã quyết định đặt trên đài kỷ niệm chiếc xe tăng của trung úy P.Ph. Ni-ki-tin. Trên bia kỷ niệm viết: “Xe tăng do tổ của trung úy P.Ph. Ni-ki-tin phụ trách là chiếc xe tăng đầu tiên tiến vào thành phố trong trận chiến đấu ngày 25-3-1944 nhằm giải phóng thành phố khỏi bọn phát-xít xâm lược Đức”.

Tên của P.Ph. Ni-ki-tin đã được đặt cho một phố của thành phố. Đến cuối tháng 3, cụm quân địch gồm 21 sư đoàn, trong đó có 10 sư đoàn xe tăng, một sư đoàn cơ giới, một sư đoàn pháo về căn bản đã bị bao vây.

Để tiêu diệt cụm quân địch bị bao vây, các tập đoàn quân 18 và 38 được điều từ phía đông về. Một số binh đoàn của tập đoàn quân cận vệ 1, các tập đoàn quân xe tăng 4 và 1 (trừ quân đoàn cơ giới 8) sau khi cắt đứt các đường phía nam của địch, đã vượt sang bên kia sông Đơ-ne-xơ-rơ. Các đơn vị ta hoạt động trên tuyến bao vây phía trong khi gần tới lúc quyết định của trận đánh thì bị mất sức, không còn đủ số lượng pháo và đạn được cần thiết vì những thứ này bị tụt lại sau do đường sá hoàn toàn không đi được. Tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 còn lại ít xe tăng, theo lệnh của Tổng tư lệnh tối cao, được đưa về làm lực lượng dự bị

để bổ sung. Tới cuối tháng 3, tập đoàn quân xe tăng 4 ở vùng Ca-mê-nét - Pô-đôn-xki cũng đã quá yếu.

Tất cả những cái đó cộng lại không đảm bảo cho quân ta hoạt động tích cực nhằm làm tan rã và tiêu diệt cụm quân địch bị bao vây. Bây giờ, phân tích toàn bộ chiến dịch này, tôi nghĩ rằng, lẽ ra phải đưa tập đoàn quân xe tăng 1 từ vùng Chéc-cô-va - Tôn-xtôi-ê quay sang phía đông để đánh vào cụm quân địch bị bao vây. Nhưng khi đó chúng tôi có tài liệu chắc chắn của nhiều nguồn tin về việc quân địch định phá vây ra phía nam, qua Đơ-ne-xtơ-rơ ở vùng Da-lê-sích. Ý đồ đó của địch hoàn toàn là điều có thể và hợp lý. Trong trường hợp đó, quân địch, sau khi vượt qua Đơ-ne-xtơ-rơ, có thể chiếm bờ phía nam và tổ chức phòng ngự ở đây. Điều đó có thể xảy ra còn là vì tập đoàn quân 40 ở cánh phải phương diện quân U-crai-na 2 ngày 30-3, vẫn chưa tiến đến Khô-tin.

Chúng tôi cho rằng, trong điều kiện như vậy, cần phải cho tập đoàn quân xe tăng 1 vu hồi sâu hơn, đưa chủ lực của tập đoàn quân này qua Đơ-ne-xtơ-rơ và chiếm Da-lê-sích - Chéc-nô-vi-sur - Cô-lô-mư-va. Nhưng khi biết quân đội Xô-viết đã chiếm các đường rút của chúng ở phía nam, thì bộ chỉ huy cụm tập đoàn quân “Nam” liền ra lệnh cho đạo quân bị vây hãm phá vây, không phải là về phía nam, mà là về phía tây qua Bu-chác và Pốt-gai-sur.

Về sau, qua các tài liệu đoạt được của địch mới biết rằng, bộ chỉ huy cụm tập đoàn quân “Nam” của địch đã tập trung một đạo quân lớn trong đó có các sư đoàn xe tăng SS 9 và 10 và ngày 4-4 đã từ vùng Pốt-gai-sư đánh mạnh vào trận tuyến phía ngoài của ta. Sau khi làm rối loạn phòng ngự của quân đoàn 18 thuộc tập đoàn quân cận vệ 1, đoàn quân xe tăng địch đã tiến đến vùng Buchác đón gặp những đơn vị địch thoát ở vòng vây ra.

Tôi cũng như bộ tham mưu phương diện quân không thể xác định được rõ bao nhiêu tên địch đã thoát vây. Có nhiều số liệu khác nhau. Chắc là không phải hàng chục xe tăng địch với bộ binh đi theo đã thoát ra được như quân ta báo cáo khi đó, mà là nhiều hơn nữa.

Trong quá trình các trận đánh ác liệt, tập đoàn quân xe tăng 1 của địch bị bao vây đã mất quá nửa số quân, toàn bộ pháo, một phần lớn các xe tăng và pháo tiến công. Một số binh đoàn chỉ còn lại có mỗi mình bộ tham mưu.

Ngày 12-4 bắt đầu trận tiêu diệt quân địch bị bao vây ở Téc-nô-pôn. Hai ngày sau quân địch ở đó bị tiêu diệt. Ngày 17-4, các quân đoàn khinh binh 15, 94 và quân đoàn xe tăng cận vệ 4 chiếm thành phố Téc-nô-pôn.

Sau khi kết thúc chiến dịch, bộ đội của phương diện quân chuyển sang phòng ngự trên tuyến Toóc-chin - Bê-rê-xtéch-cô - Cô-lô-mur-ya - Cu ta.

Kết quả của trận bao vây quân địch ở Prô-xcu-rốp - Ca-mê-nét có kém hơn. Trong quá trình chiến dịch này chúng tôi không thực hiện được việc bố trí lại quân theo mức cần thiết.

Trong thời gian chiến dịch, bộ đội phương diện quân đã tiến được 350 km. Trận tuyến phòng ngự của địch bị phá vỡ tận gốc. Từ thành phố Téc-nô-pôn đến Chéc-nô-vi-sur là một khoảng trống lớn. Để lấp lỗ thủng này, bộ chỉ huy Đức đã phải vội vã lôi một số lớn lực lượng từ các trận tuyến khác, từ Nam Tư, Pháp, Đan Mạch và từ Đức tới. Tập đoàn quân Hung-ga-ri 1 cũng được điều tới đây.

Bộ đội phương diện quân U-crai-na 1 đã giải phóng 57 thành phố, 11 đầu mối đường xe lửa, hàng trăm vùng dân cư, các tỉnh lỵ Vi-nít-xa, Prô-xcu-rốp, Ca-mê-nét, Pô-đôn-xcơ, Téc-nô-pôn, Chéc-nô-vi-sur và tiến đến chân dãy núi Các-pát, cắt toàn bộ trận tuyến chiến lược của cụm quân địch phía nam ra làm đôi. Tới cụm quân này, địch không còn đường giao thông nào khác ngoài con đường qua Ru-ma-ni.

Quân đội Xô-viết một lần nữa lại tỏ ra có nghệ thuật chiến đấu cao và giành được những thắng lợi to lớn. Đạt được những thắng lợi to lớn đó không những là nhờ ở nghệ thuật tác chiến và ưu thế về tổ chức và trang bị kỹ thuật, mà còn ở tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng tập thể. Hàng nghìn chiến sĩ, hạ sĩ quan và tướng lĩnh đã được Nhà nước tặng những phần thưởng cao quý

vì có công lao đặc biệt xuất sắc đối với Tổ quốc. Tôi được thưởng Huân chương Chiến thắng hạng nhất.

Theo tài liệu của Bộ Tổng tham mưu, tôi được biết rằng, đến cuối tháng 4 và đầu tháng 5, bộ đội của các phương diện quân U-crai-na 2 và 3, sau khi đánh tan quân địch đương đầu với mình đã tiến đến tuyến Xu-cha-va - Ya-xư - Đu-bô-xa-rư - Ti-ra-xpôn - A-kéc-man- Biển Đen. Các cuộc tiến công của phương diện quân U-crai-na 4, tập đoàn quân độc lập Pri-moóc-xcai-a và Hạm đội Biển Đen đã đánh tan hoàn toàn đạo quân Đức ở Crum.

Ngày 9-5, quân ta giải phóng thành phố anh hùng Xê-vát-xtô-pôn, và ngày 12-5, chiến dịch giải phóng Crum đã hoàn toàn kết thúc.

Ngày 22-4, tôi được triệu tập về Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao ở Mát-xcơ-va để thảo luận về chiến cục hè thu năm 1944. Mặc dù trong chiến cục đông xuân quân ta đã giành được những thắng lợi to lớn, tôi vẫn cho rằng quân Đức dù sao cũng còn đủ sức cần thiết để chiến đấu phòng ngự quyết liệt trên mặt trận Xô - Đức.

Còn về nghệ thuật chỉ đạo chiến lược của bộ chỉ huy tối cao địch và các bộ chỉ huy các cụm tập đoàn quân của chúng, thì nó đã bị giảm sút hẳn từ sau trận thất bại ở vùng Xta-lin-grát, đặc biệt là sau chiến dịch ở Cuốc-xcơ.

Khác với giai đoạn đầu chiến tranh, bộ chỉ huy Đức đã trở nên

chậm chạp, thiếu sáng tạo, nhất là trong tình thế phức tạp. Trong những quyết định của chúng cảm thấy thiếu sự đánh giá đúng đắn những khả năng của quân mình và đối phương. Để rút các cụm quân của chúng thoát khỏi nguy cơ bị đánh thọc sườn và bị bao vây, bộ chỉ huy Đức thường chậm trễ, do đó đẩy quân chúng vào tình thế không lối thoát.

Đọc những hồi ký chiến tranh do bọn tướng lĩnh Đức viết, thật không thể hiểu được sự giải thích của chúng về những nguyên nhân thất bại, sai lầm, tính sai và không lường trước được trong việc chỉ huy quân đội của chúng.

Đa số các tác giả đó đổ mọi lỗi cho Hít-le với lý do rằng Hít-le năm 1941 tự đưa mình lên cầm đầu các lực lượng vũ trang Đức và là người không thông thạo các vấn đề chiến dịch, chiến lược, hấn đã lãnh đạo về quân sự một cách độc đoán, không nghe ý kiến của các tướng lĩnh. Tôi nghĩ rằng điều đó có đúng một phần và thậm chí có thể là một phần không nhỏ, song, tất nhiên, những nguyên nhân chủ yếu của sự thất bại trong việc chỉ đạo chiến tranh của Đức không phải là những nhân tố chủ quan.

Bọn tướng lĩnh cao cấp nhất của quân Đức, sau thất bại ở Xta-lin-grát, đặc biệt là sau thất bại ở vòng cung Cuốc-xơ, do đã mất thế chủ động, nên buộc phải tùy cơ giải quyết việc lãnh đạo chiến lược theo những nhân tố và phương thức mới mà chúng chưa được chuẩn bị. Gặp khó khăn trong những lần rút lui bất

buộc và trong việc tiến hành phòng ngự chiến lược, bộ chỉ huy quân Đức đã không chuyển theo kịp tình hình.

Bộ chỉ huy Đức cũng không tính được đúng rằng, Hồng quân, Không quân và Hải quân Liên Xô nói chung về mặt số lượng và đặc biệt về mặt chất lượng, đã trưởng thành vượt bậc, còn quân đội và các cán bộ chỉ huy ở khâu chiến dịch, chiến lược, trong nghệ thuật chỉ huy của mình, đã tiến bộ nhiều, đã được tôi luyện trong điều kiện ác liệt của đấu tranh vũ trang.

Trên máy bay về Mát-xcơ-va nghiên cứu những tài liệu mới nhất của các mặt trận, một lần nữa tôi thấy rõ sự đúng đắn của quyết định của Đại bản doanh ngày 12-4-1944. Theo quyết định này một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong mùa hè 1944 là phải đánh tan cụm quân Đức ở Bê-lô-ru-xi. Để chuẩn bị cần phải mở những trận lớn ở các hướng khác để thu hút, bắt chúng rời khỏi Bê-lô-ru-xi.

Thắng lợi trên là một điều chắc chắn. Vì một là, đội hình chiến dịch của các đơn vị thuộc cụm tập đoàn quân “Trung tâm” quân địch nhô về phía ta, tạo điều kiện thuận lợi cho ta mở những đòn đánh vu hồi rất sâu vào những chỗ nhô ra; hai là, bây giờ trên hướng các mũi đột kích chính, chúng ta đã có khả năng tạo nên ưu thế tuyệt đối so với quân địch.

Tôi rất quen thuộc Bê-lô-ru-xi, nhất là những vùng đóng quân của cụm tập đoàn quân “Trung tâm” quân địch, ngay từ khi tôi

công tác ở quân khu Bê-lô-ru-xi mà tôi đã vắn tắt kể lại ở những chương đầu cuốn sách này.

Tới Mát-xcơ-va, trước hết tôi đến gặp A-lếch-xây In-nô-ken-ti-ê-vích An-tô-nốp ở Bộ Tổng tham mưu. Đồng chí đang chuẩn bị bản đồ chiến sự để đưa trình Tổng tư lệnh tối cao. A-lếch-xây In-nô-ken-ti-ê-vích nói cho tôi biết những tin tức về quá trình tiêu diệt quân địch ở Crum và về việc thành lập các lực lượng dự bị mới và dự trữ vật chất chuẩn bị cho chiến cục mùa hè. Nhưng đồng chí yêu cầu tôi không để cho Tổng tư lệnh tối cao biết là đồng chí đã nói với tôi về số dự trữ hiện có: I.V. Xta-lin cấm không cho bất cứ ai biết những điều đó để chúng tôi không xin Đại bản doanh những thứ đó quá sớm.

Cần phải nói rằng trong thời gian gần đây, Tổng tư lệnh tối cao phân phối một cách tiết kiệm hơn các lực lượng và phương tiện trực thuộc Đại bản doanh.

Bây giờ I.V. Xta-lin chỉ phân phối ưu tiên các thứ đó cho những mặt trận nào thực sự tiến hành các chiến dịch có tính chất quyết định. Các mặt trận khác được phân phối lực lượng và phương tiện trong mức độ hạn chế, hợp lý.

Nhân việc này, một trong số các tư lệnh phương diện quân trước đây viết cho “Tập chí lịch sử quân sự”, khi đưa ra ý kiến về công việc của các đại diện Đại bản doanh, có nêu rằng: “...ở phương diện quân nào có các đại diện Đại bản doanh đến chỉ huy hiệp

đồng thì những lực lượng và phương tiện được đưa tới đó, làm cho các phương diện quân khác bị thiệt thòi”...

Nhưng làm thế nào có thể khác được. Nơi nào có các đại diện Đại bản doanh chỉ huy hiệp đồng thì chính là ở đó chứ không phải ở chỗ nào khác, có các chiến dịch quan trọng nhất và là những chiến dịch cần được ưu tiên đảm bảo về cung cấp vật chất. Thực tế đó đã tự thanh minh tất cả.

Ở phòng làm việc của A.I. An-tô-nốp tôi gọi dây nói tới Tổng tư lệnh tối cao. A.N. Pô-xfcrê-bur-sép trả lời, đề nghị tôi hãy nghĩ một lát.

- Khi nào đồng chí Xta-lin có thì giờ, tôi sẽ gọi dây nói tới, -
A.N. Pô-xfcrê-bur-sép nói.

Đề nghị đó có ích và đồng thời đúng lúc, vì tôi thường phải ngủ ngắt quãng tính gộp cả lại không quá 4 - 5 tiếng đồng hồ trong ngày đêm...

I.V. Xta-lin cho mời tôi tới gặp vào lúc 17 giờ.

Gọi dây nói cho A.I. An-tô-nốp, tôi cũng biết là đồng chí cũng được triệu tập tới gặp Tổng tư lệnh tối cao. I.V.Xta-lin muốn xem xét tình hình gần đây và nghe ý kiến của Bộ Tổng tham mưu.

Khi tôi bước vào phòng làm việc của Tổng tư lệnh tối cao thì ở đó đã có A.I. An-tô-nốp, tư lệnh bộ đội xe tăng thiết giáp, nguyên soái Ya.N. Phê-đô-ren-cô và tư lệnh không quân, thượng

tướng A.A. Nô-vi-cốp và có cả Phó Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng V.A. Ma-lư-sép.

Chào hỏi xong, Tổng tư lệnh tối cao hỏi tôi có đến gặp Ni-cô-lai Mi-khai-lô-vích Svéc-ních không.

Tôi trả lời không.

- Đồng chí cần đến để nhận huân chương Chiến thắng.

Tôi cảm ơn Tổng tư lệnh tối cao về phần thưởng cao quý đó.

- Nào ta bắt đầu từ việc gì? - I.V. Xta-lin hỏi A.I. An-tô-nốp.

- Tôi xin phép vấn tắt báo cáo tình hình các mặt trận cho đến 12 giờ ngày hôm nay.

Sau khi nói vấn tắt về tình hình tất cả các hướng chiến lược, A.I. An-tô-nốp trình bày ý kiến của Bộ Tổng tham mưu về những hoạt động của quân Đức có thể tiến hành trong mùa hè năm 1944.

Còn đối với những đề nghị về tính chất các hoạt động của quân ta trong thời gian đó thì A.I. An-tô-nốp không nêu ra ý kiến gì của mình. Tôi hiểu rằng A-lếch-xây In-nô-ken-ti-ê-vích định trình bày những ý kiến đó khi nào Tổng tư lệnh tối cao hỏi.

Quay sang phía tư lệnh không quân A.A. Nô-vi-cốp, I.V. Xta-lin hỏi tình hình lực lượng không quân, hỏi số máy bay nhận được của công nghiệp có đủ để kiện toàn các tập đoàn quân không quân của các phương diện quân, và không quân hoạt động tầm xa không. Sau khi nghe trả lời rất lạc quan của A.A. Nô-vi-cốp,

Tổng tư lệnh tối cao yêu cầu Ya.N. Phê-đô-ren-cô báo cáo tình hình bộ đội xe tăng thiết giáp và khả năng kiện toàn lực lượng đó cho đến trước khi chiến cục hè bắt đầu.

Tôi cảm thấy I.V.Xta-lin đã biết trước những số liệu, nhưng rõ ràng là I.V. Xta-lin muốn để những người có trách nhiệm trực tiếp về các vấn đề này đích thân báo cáo cho những người có mặt nghe, trước khi chúng tôi phát biểu ý kiến. Chúng tôi đã quen với cách làm việc độc đáo này trong khi thảo luận các vấn đề với Tổng tư lệnh tối cao.

Tiếp đó I.V.Xta-lin chậm rãi nhét thuốc vào tẩu, xòe diêm châm lửa rồi chậm rãi hút, mãi sau mới thở một hơi khói ra.

- Còn bây giờ chúng ta nghe đồng chí Giu-cốp, - I.V.Xta-lin nói và đi tới gần bản đồ mà A.I. An-tô-nốp đã căn cứ vào đó báo cáo.

Tôi cũng chậm rãi trải tấm bản đồ của tôi, khuôn khổ của nó nhỏ hơn bản đồ của Bộ Tổng tham mưu chút ít, nhưng trình bày kỹ càng không kém. Tổng tư lệnh tối cao lại gần bản đồ của tôi và chăm chú xem xét.

Tôi bắt đầu báo cáo từ chỗ là tôi đồng ý với những ý kiến chính của A.I. An-tô-nốp về dự đoán hành động của quân Đức và về những khó khăn chúng sẽ gặp phải trong năm 1944 tại mặt trận Xô - Đức.

I.V Xta-lin ngắt lời tôi và nói:

- Và không phải chỉ có thế. Tháng 6, Đồng minh định dù sao cũng đưa lực lượng lớn đổ bộ vào Pháp. Bọn Đức bây giờ sẽ phải đánh ở hai mặt trận. Điều đó càng làm cho tình thế của chúng xấu đi hơn nữa mà chúng sẽ không đủ sức đối phó.

Trong khi trình bày ý kiến của mình về kế hoạch chiến cục hè 1944, tôi đặc biệt đề nghị Tổng tư lệnh tối cao chú ý đến cụm quân địch ở Bê-lô-ru-xi, nếu cụm quân này bị đánh tan thì phòng ngự của địch sẽ bị đổ sụp trên toàn bộ hướng chiến lược phía tây của chúng.

- Bộ Tổng tham mưu thấy thế nào? - I.V. Xta-lin quay sang phía A.I.An-tô-nốp.

- Tôi đồng ý, - A.I.An-tô-nốp trả lời.

Tôi không để ý lúc Tổng tư lệnh tối cao ấn nút chuông gọi A.N. Pô-xcrê-bur-sép. A.N. Pô-xcrê-bur-sép bước vào và đứng đợi.

- Đồng chí cho nói chuyện với đồng chí Va-xi-lép-xki, - I.V. Xta-lin nói.

Mấy phút sau A.N. Pô-xcrê-bur-sép báo cáo là A.M. Va-xi-lép-xki đã chờ bên máy.

- Chào đồng chí, - I.V.Xta-lin nói - Các đồng chí Giu-cốp và An-tô-nốp đang ở chỗ tôi. Đồng chí có thể đáp máy bay về đây để bàn kế hoạch mùa hè không?... Ở Xê-va-xtô-pôn thế nào?... Thôi được đồng chí ở lại, vậy thì gửi riêng cho tôi đề nghị của đồng chí về giai đoạn hè.

Đặt ống máy xuống, Tổng tư lệnh tối cao nói:

- Đồng chí Va-xi-lép-xki hứa 8 - 10 ngày nữa sẽ thanh toán xong cụm quân địch ở Crum, - Sau đó nói thêm: - Hay là ta cho Phương diện quân U-crai-na 1 mở đầu các chiến dịch để có thể đánh vu hồi sâu hơn nữa cụm quân địch ở Bê-lô-ru-xi và thu hút lực lượng dự bị của địch từ hướng “Trung tâm” về đó?

A.I.An-tô-nốp nói rằng, nếu như vậy quân địch có thể dễ thực hiện việc di chuyển quân giữa các mặt trận lân cận. Tốt hơn cả là bắt đầu từ phía Bắc, rồi tiếp đó mở chiến dịch đánh cụm tập đoàn quân “Trung tâm” của địch để giải phóng Bê-lô-ru-xi.

- Để xem đồng chí Va-xi-lép-xki đề nghị như thế nào, - Tổng tư lệnh tối cao nói: - Đồng chí hãy gọi đây nói cho các tư lệnh phương diện quân yêu cầu các đồng chí đó báo cáo ý kiến về hoạt động của các phương diện quân trong thời gian tới... - Và, quay sang phía tôi,

Tổng tư lệnh tối cao nói tiếp: - Đồng chí cùng với đồng chí An-tô-nốp hãy phác thảo cho giai đoạn hè. Khi nào xong chúng ta sẽ thảo luận một lần nữa.

Hai ba ngày sau, Tổng tư lệnh tối cao lại triệu tập tôi và A.I. An-tô-nốp tới họp. Sau khi thảo luận kế hoạch, các việc được quyết định như sau: tháng 6 mở chiến dịch tiến công đầu tiên ở eo đất Ca-lê-ri và ở hướng Pê-tơ-rô-da-vốt, tiếp đó ở hướng chiến lược Bê-lô-ru-xi.

Sau khi làm việc thêm với Bộ Tổng tham mưu, ngày 28-4 tôi trở lại Phương diện quân U-crai-na 1. Đầu tháng 5, khi chiến dịch giải phóng Crum kết thúc, tôi đề nghị với Tổng tư lệnh tối cao chuyển giao việc chỉ huy Phương diện quân U-crai-na 1 cho I.X. Cô-nép để tôi có thể trở về ngay Đại bản doanh và bắt đầu công việc chuẩn bị cho chiến dịch giải phóng Bê-lô-ru-xi.

Tổng tư lệnh tối cao đồng ý, nhưng dặn trước rằng Phương diện quân U-crai-na 1 vẫn do tôi phụ trách theo dõi và nắm. Tiếp sau chiến dịch Bê-lô-ru-xi, ta sẽ mở chiến dịch tại khu vực của Phương diện quân U-crai-na 1.

Để khỏi chậm trễ, tôi không chờ I.X.Cô-nép tới Phương diện quân. Sau khi giao cho tham mưu trưởng Phương diện quân V.Đ. Xô-cô-lốp xki chuyển cho I-van Xtê-pa-nô-vích lời chúc mừng và ý kiến của tôi về hoạt động sắp tới của phương diện quân, tôi lên đường về Mát-xcơ-va.

Trong thời gian chỉ huy Phương diện quân U-crai-na 1 tôi đã hiểu sâu thêm các cán bộ lãnh đạo của phương diện quân. Tôi muốn đặc biệt biểu dương các sĩ quan và các vị tướng ở bộ tham mưu phương diện quân, những người có khả năng làm việc cao, đã giúp đỡ nhiều cho bộ tư lệnh trong việc tổ chức các chiến dịch tiến công. Cơ quan hậu cần của phương diện quân do tướng N.P. A-ni-xi-mốp phụ trách. Trong bất kì điều kiện nào, thậm chí trong những điều kiện khó khăn nhất, cơ quan hậu cần phương

diện quân U-crai-na 1 vẫn đảm đương được nhiệm vụ, và quân đội rất cảm ơn những cán bộ cần mẫn của cơ quan hậu cần về sự chăm sóc theo tình cha con của họ.

Về đến Đại bản doanh, tôi gặp A.M. Va-xi-lép-xki. Đồng chí chuẩn bị nhận trách nhiệm tổ chức hiệp đồng giữa các Phương diện quân Pri-ban-tích 1 và Bê-lô-ru-xi 3. Lẽ đương nhiên, như ta vẫn phương nói, chúng tôi lại ngồi vào cùng một chiếc bàn.

[1] Bản đồ đoạt được của Đức. Tài liệu về thành phần quân phát-xít, t.4, tr. 14-20.

[2] Bản đồ đoạt được của Đức, trong các ngày 10 - 14 tháng 1 năm 1944.

[3] Tên mật của N.Ph. Va-tu-tin.

[4] Tên mật của I.V. Cô-nép.

[5] Tên mật của G.K. Giu-cốp.

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 17

TIÊU DIỆT QUÂN PHÁT-XÍT Ở BÊ-LÔ-RU-XI VÀ QUÉT SẠCH CHÚNG RA KHỎI U-CRAI-NA

NHÂN dân Bê-lô-ru-xi chịu đau khổ dưới ách chiếm đóng của quân địch ròng rã 3 năm trời. Bọn Hít-le cướp bóc và phá hủy mọi thứ của cải xã hội của nhân dân Bê-lô-ru-xi, tàn phá những thành phố, thiêu cháy 1,2 triệu công trình trong các làng mạc, làm tan nát 7.000 trường học; bọn phát-xít đã tàn sát hơn 2,2 triệu thường dân và cán bộ, chiến sĩ ta bị chúng bắt. Hầu như không một gia đình nào lại không bị đau khổ vì chiến tranh. Nhưng, dù đau khổ đến chừng nào đi nữa, Bê-lô-ru-xi vẫn không chịu khuất phục trước quân thù, nhân dân vẫn kiên cường, không chịu lùi bước đầu tranh chống quân xâm lược.

Được tin Hồng quân đã đánh tan quân Đức ở U-crai-na, hất chúng lùi xa mãi sang phía tây, các lực lượng du kích Bê-lô-ru-xi liền chuẩn bị mở những chiến dịch quyết định.

Đến mùa hè năm 1944 ở Bê-lô-ru-xi đã có 374.000 du kích được trang bị tốt lập thành những đội, đơn vị và binh đoàn lớn. Chỉ đạo chung phong trào du kích là những tổ chức bí mật của Đảng Cộng sản nước Cộng hòa Xô-viết Bê-lô-ru-xi dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, đứng đầu là đồng chí bí thư thứ nhất

P.K. Pô-nô-ma-ren-cô. P.K. Pô-nô-ma-ren-cô đồng thời là thủ trưởng Bộ tham mưu Trung ương phong trào du kích toàn Liên Xô cho đến tận tháng Giêng năm 1945, khi có quyết định của Hội đồng quốc phòng giải tán nó sau khi Liên Xô đã giải phóng được phần lớn những vùng đất đai bị chiếm đóng.

Mấy hôm trước khi Hồng quân mở đợt hoạt động giải phóng Bê-lô-ru-xi, các đội du kích do các đảng bộ thuộc các nước cộng hòa và các tỉnh lãnh đạo đã tiến hành nhiều chiến dịch lớn phá đường sắt đường cái chính, phá cầu, làm tê liệt hậu phương địch vào đúng lúc cần thiết nhất.

Trong chương trước tôi có nói qua cuộc hội nghị thu hẹp tháng 4 ở Đại bản doanh, trong đó Bộ tổng tư lệnh đã có những quyết nghị có tính nguyên tắc về kế hoạch mở những chiến dịch trong mùa hè. Ở đây, tôi muốn kể chi tiết hơn về việc xây dựng kế hoạch chiến dịch Bê-lô-ru-xi.

Sau hội nghị ở Đại bản doanh ít lâu, A.M. Va-xi-lép-xki gửi lên Tổng tư lệnh tôi cao những ý kiến của mình, đánh giá tóm tắt tình huống chung và đưa ra những đề nghị chính về mùa hè năm 1944.

Chúng ta đã đi đến chiến cục mùa hè năm 1944 với những kết luận như thế nào? Trong khi chiến đấu dai dẳng một chọi một chống những lực lượng chủ yếu của nước Đức phát-xít và những nước chư hầu của chúng, Hồng quân đã làm cho quân đội phát-xít Đức bị thất bại nặng trong mùa đông năm 1944. Có 30 sư đoàn và 6 lữ đoàn Đức đã bị tiêu diệt hoàn toàn, 142 sư đoàn và một lữ đoàn bị mất từ một nửa đến hai phần ba quân số. Để chi viện cho những mặt trận của chúng, bộ chỉ huy Đức buộc phải điều 40 sư đoàn và 4 lữ đoàn lấy ở Đức và những nước Tây Âu khác sang mặt trận Xô - Đức. Hồng quân đã giải phóng một vùng đất đai rộng gần

330.000 km vuông, có tới 19 triệu dân đã sống ở đây hồi trước chiến tranh...

Song, quân đội phát-xít Đức vẫn còn một lực lượng lớn.

Tháng 7-1944 công nghiệp Đức phát triển đạt đến đỉnh cao nhất trong những năm chiến tranh. Trong nửa năm đầu, các công xưởng đã sản xuất hơn 17.000 máy bay, gần 9.000 xe tăng hạng nặng và hạng vừa. Sản xuất thép hơn Liên Xô ba lần.

Trong khi điên cuồng trì hoãn sự thất bại không thể nào tránh khỏi, bọn Hít-le đã động viên hết đợt này đến đợt khác, dốc hết sức người sức của của nhân dân và đất nước, gây ra những tổn thất lớn cho dân tộc Đức.

Quân đội Đức có trong biên chế 344 sư đoàn và 5 lữ đoàn. Bộ phận chủ yếu những binh đoàn tinh nhuệ nhất vẫn nằm trên mặt trận Xô - Đức như trước kia.

Ở đây chúng ta phải chọi với 179 sư đoàn và 5 lữ đoàn Đức, với cả 49 sư đoàn và 18 lữ đoàn các nước chư hầu. Quân đội của chúng có tới 4 triệu người, 49.000 khẩu pháo và súng cối, 5.250 xe tăng và pháo tiến công, gần 2.800 máy bay chiến đấu.

Trong hàng ngũ Hồng quân đang tác chiến có gần 6,1 triệu chiến sĩ và sĩ quan, các phương diện quân có 92.500 khẩu pháo và súng cối, 7.700 xe tăng, 13.400 máy bay.

Trong lịch sử chưa hề thấy nước nào vào phải tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng thật to lớn, lại vừa khôi phục nền kinh tế bị tàn phá với tốc độ và quy mô cao đến thế. Mùa đông và mùa xuân năm 1944, Liên Xô đã tăng không ngừng lực lượng kinh tế của mình. Trong nửa năm đầu, đã sản xuất được 15.000 máy bay, gần 14.000 xe tăng hạng nặng, hạng vừa và pháo tự hành, trên 90 triệu đạn đại bác, bom, mìn. Những cố gắng của nhân dân đoàn kết xung quanh Đảng đã đảm bảo được mọi thứ cần thiết để tiêu diệt quân địch.

Cuối tháng 4, Bộ Tổng tư lệnh đã hạ quyết tâm dứt khoát mở chiến dịch mùa hè, trong đó có chiến dịch Bê-lô-ru-xi. A.I. An-tô-nốp đã ra chỉ thị lập những kế hoạch chiến dịch của các phương diện quân, bắt đầu tập trung bộ đội và những dự trữ vật chất cho các phương diện quân.

Phương diện quân Pri-ban-tích 1 được phối thuộc tập đoàn quân xe tăng 1, Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 3 được phối thuộc tập đoàn quân cận vệ 11 và quân đoàn xe tăng cận vệ 2. Tập đoàn quân 28, quân đoàn xe tăng cận vệ 9, 1, quân đoàn cơ giới 1 và quân đoàn kỵ binh cận vệ 4 tập trung bên cánh phải Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1; tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 (đội dự bị của Đại bản doanh) tập trung trong dải của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 3.

Giữa tháng 5, A.M. Va-xi-lép-xki trở về Mát-xcơ-va. Thời gian này Bộ Tổng tham mưu đã xây dựng xong dự thảo tất cả những văn kiện chuẩn bị cho kế hoạch chiến dịch “Ba-gra-ti-on”[1] và bảo đảm về vật chất kỹ thuật cho chiến dịch.

Ngày 20-5, Tổng tư lệnh tối cao triệu tập A.M. Va-xi-lép-xki, tôi và A.I. An-tô-nốp về Đại bản doanh để xác định một lần cuối quyết tâm của Bộ Tổng tư lệnh tối cao về kế hoạch chiến cục mùa hè. Như tôi đã nói đến ở trên, kế hoạch có quy định lúc ban đầu sẽ triển khai bộ đội của Phương diện quân Lê-nin-grát và Hạm đội Ban-tích Cờ đỏ tiến công trong những khu vực thuộc eo đất Ca-rê-li, rồi sau đó - vào hạ tuần-6 - sẽ mở chiến dịch ở Bê-lô-ru-xi.

Sau khi xem xét kế hoạch “Ba-gra-ti-on” trong Đại bản doanh, Tổng tư lệnh tối cao lệnh triệu tập các đồng chí tư lệnh phương diện quân I.Kh. Ba-gra-mi-an, I.Đ.

Chéc-ni-a-nốp-xki và K.K. Rô-cô-xốp-xki về họp để nghe ý kiến của họ và ra chỉ thị cuối cùng xây dựng kế hoạch của các phương diện quân.

Ngày 22-5, Tổng tư lệnh tối cao tiếp A.M. Va-xi-lép-xki, A.I. An-tô-nốp, K.K. Rô-cô-xốp-xki có cả tôi cùng tham dự và ngày 23-5, tiếp I.Kh. Ba-gra-mi-an và I.Đ. Chéc-ni-a-nốp-xki. Các đồng chí tư lệnh phương diện quân được Bộ Tổng tham mưu thông báo trước về những chiến dịch sắp tới, nên khi về Đại bản doanh đều mang theo dự án kế hoạch hành động của bộ đội mình.

Do việc xây dựng những kế hoạch trong Bộ Tổng tham mưu và trong bộ tham mưu các phương diện quân tiến hành song song (khi chuẩn bị cho những chiến dịch lớn thường làm như vậy), và bộ tư lệnh các phương diện quân, Bộ Tổng tham mưu và phó Tổng tư lệnh tối cao lại thường tiếp xúc rất chặt chẽ với nhau, nên dự án những kế hoạch của các phương diện quân hoàn toàn phù hợp với ý định của Đại bản doanh do đó nó được Tổng tư lệnh tối cao phê chuẩn ngay.

Sau đó A.M. Va-xi-lép-xki và tôi được lệnh phối hợp hành động của bộ đội các phương diện quân sau: A.M. Va-xi-lép-xki được ủy nhiệm phối hợp hành động của Phương diện quân Bri-ban-tích 1 và Bê-lô-ru-xi 3, tôi phối hợp hành động của các Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 và 2. Đại bản doanh cử tướng Stê-men-cô, cục trưởng cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu cùng với một tổ sĩ quan Bộ Tổng tham mưu xuống Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 giúp đỡ tôi.

Ngày 4-6, A.M. Va-xi-lép-xki đi xuống bộ đội để chuẩn bị tại chỗ cho chiến dịch “Ba-gra-ti-on, còn tôi sáng ngày hôm sau, ngày 5-6, lúc 8 giờ thì đến sở chỉ huy của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1.

Ở một vài giới quân sự có lời đồn đại về “hai mũi đột kích chủ yếu” trên hướng Bê-lô-ru-xi bằng lực lượng của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1, và tựa như K.K. Rô-cô-xốp-xki đã giữ quan điểm này khi làm việc với Tổng tư lệnh tối cao. Điều đó là

không có căn cứ.

Cả hai mũi đột kích do phương diện quân đề ra đã được I.V.Xta-lin sơ bộ phê chuẩn từ ngày 20-5 theo dự án của Bộ Tổng tham mưu, tức là trước ngày tư lệnh Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 đến Đại bản doanh.

Phát biểu ở đây cũng không thừa rằng, trong lý luận quân đội Xô-viết không khi nào qui định một phương diện quân được mở hai mũi đột kích chủ yếu và nếu như cả hai mũi đột kích tương đương với nhau cả về lực lượng và ý nghĩa, thì thường gọi là “những mũi đột kích mạnh” hoặc “những cụm đột kích”. Tôi nhấn mạnh chỗ này để khỏi có sự lầm lẫn trong thuật ngữ chiến dịch - chiến lược.

Dựa vào kế hoạch chiến dịch - chiến lược của chiến dịch “Ba-gra-ti-on” đã được phê chuẩn và yêu cầu của các phương diện quân, Bộ Tổng tham mưu có sự tham gia của những đồng chí A.A. Nô-vi-cốp, N.N. Vô-rô-nốp, N.Đ. Ya-cốp-lép, A.V. Khru-lép, I.T. Pê-rê-xúp-kin, Ya.N. Phê-đô-ren-cô và những đồng chí chỉ huy, chuyên gia lỗi lạc khác đã xây dựng kế hoạch bảo đảm vật chất kỹ thuật cho bộ đội tham gia chiến dịch. Ngày 31-5, tư lệnh các phương diện quân nhận được mệnh lệnh của Đại bản doanh, và chấp hành mệnh lệnh đó, đã bắt tay vào chuẩn bị cụ thể cho bộ đội hành động trong chiến dịch sắp tới.

Trong kế hoạch của Đại bản doanh quy định mở ba mũi đột kích mạnh.

Phương diện quân Pri-ban-tích 1 và Bê-lô-ru-xi 3 đột kích và hướng chung tới Vi-ni-út.

Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 - tới Ba-ra-nô-vi-chi.

Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 hiệp đồng với cánh quân trái của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 3 và cánh phải của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1, đột kích theo

hướng chung tới Min-xơ...

Nhiệm vụ trước mắt của Phương diện quân Pri-ban-tích 1 và Bê-lô-ru-xi 3 là tiêu diệt cụm địch ở Vi-tép-xơ, đưa bộ đội xe tăng và cơ giới vào đột phá và phát triển mũi đột kích chủ yếu sang phía tây dùng cụm quân sườn bên trái của mình đánh vu hồi vào cụm Bô-ri-xốp - Min-xơ của quân Đức.

Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 có nhiệm vụ tiêu diệt cụm quân địch đóng ở Giơ-lô-bin - Bô-brui-xơ và cho bộ đội cơ động tiến vào chiến đấu, phát triển mũi đột kích chủ yếu tới Xlút-xơ - Ba-ra-nô-vi-chi, từ phía nam và tây nam đánh vu hồi vào cụm địch đóng ở Min-xơ.

Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 đột kích vào hướng Mô-ghi-lép - Min-xơ.

Khi ta bắt đầu tiến công thì tiền duyên phòng ngự của cụm tập đoàn quân “Trung tâm” quân Đức chạy từ Pô-lốt-xơ tới Vi-tép-xơ và kéo dài theo tuyến Oóc-sa - Giơ-lô-bin - Ca-pát-kê-vi-chi - Gít-cô-vi-chi và men theo con sông Pri-pi-át. Các thành phố Pô-lốt-xơ, Vi-tép-xơ, Oóc-sa, Mô-ghi-lép còn nằm trong tay giặc.

Những thành phố lớn này cộng với những con sông Đơ-nép, Đrút, Bê-rê-di-na, Xvi-xlốt và một loạt những sông con, suối ngập bùn tạo nên cho địch một cơ sở tốt để bố trí phòng ngự sâu thành nhiều tuyến, yểm hộ cho hướng chiến lược phía tây Vác-xô-vi - Béc-lanh vô cùng quan trọng của chúng. Mặc dầu Đại bản doanh đã tập trung khá nhiều lực lượng để tiêu diệt cụm tập đoàn quân “Trung tâm” của địch, song chúng tôi vẫn cho rằng muốn cho chiến dịch thắng lợi, cần phải chuẩn bị thật tỉ mỉ cho bộ đội tham gia chiến dịch “Ba-gra-ti-on”.

Trước lúc ra mặt trận, tôi và A.M. Va-xi-lép-xki có gặp nhau, và cùng đặc biệt quan tâm tới những mặt mạnh, mặt yếu trong phòng ngự của địch, trao đổi với nhau

cả những biện pháp cần phải tiến hành trong các cơ quan tham mưu và bộ đội. Chúng tôi đã thỏa thuận với A.I. An-tô-nốp - lúc này tạm thời quyền Tổng tham mưu trưởng - là phải kiểm tra việc tập trung bộ đội, những dự trữ vật chất và những đội dự bị của Đại bản doanh, và cả những vấn đề thông tin liên lạc; thông báo cho chúng tôi biết về những biện pháp của Đại bản doanh trên những hướng khác. Phải chuyển giao cho các phương diện quân trong một thời gian ngắn nhất một khối lượng phương tiện vật chất kỹ thuật hết sức to lớn.

Theo tính toán sơ bộ của Bộ Tổng tham mưu, để bảo đảm cho chiến dịch “ Ba-gra-ti-on” phải giao cho bộ đội chừng 40 vạn tấn đạn dược, 30 vạn tấn nhiên liệu, 50 vạn tấn lương thực và cỏ khô. Phải tập trung tại những khu vực đã định 5 tập đoàn quân bộ đội hợp thành, 2 tập đoàn quân xe tăng và 1 tập đoàn quân không quân và cả tập đoàn quân 1 Bộ đội Ba Lan. Ngoài ra, Đại bản doanh còn lấy trong đội dự bị của mình chuyển thuộc cho các phương diện quân 5 quân đoàn xe tăng độc lập, 2 quân đoàn cơ giới và 4 quân đoàn kỵ binh, hàng chục trung đoàn và lữ đoàn độc lập của mọi binh chủng và bố trí lại căn cứ của 11 quân đoàn không quân.

Mọi công việc chuyên chở trên phải làm hết sức cẩn thận để khỏi lộ việc chuẩn bị tiến công của các phương diện quân. Việc này rất quan trọng để đánh thắng trong chiến dịch tới, vì theo những tin tức của trinh sát ta, bộ tổng chỉ huy quân Đức đang chờ mũi đột kích đầu tiên trong thời gian mùa hè của chúng ta ở U-crai-na, chứ không phải ở Bê-lô-ru-xi. Bọn chúng chắc hẳn đã căn cứ vào chỗ địa hình ở đây có rừng và đầm lầy, chúng ta không thể điều quân tới Bê-lô-ru-xi và không thể sử dụng được một cách thích đáng 4 tập đoàn quân xe tăng đang nằm ở U-crai-na. Song, quân địch đã tính nhầm.

Theo kế hoạch của Đại bản doanh, bộ đội của Phương diện quân U-crai-na 1, trong giai đoạn 2 của chiến dịch Bê-lô-ru-xi sẽ bước vào chiến đấu, khi nào bộ đội cánh phải của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 đánh tan cụm địch đóng ở Bô-brui-xơ - Min-xơ - Lút-xơ và tiến tới tuyến Vôn-cô-vư-xơ - Pru-gia-nư.

Đại bản doanh cho rằng mũi đột kích này của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 có một ý nghĩa lớn, nên sẽ gửi tới đây những lực lượng và phương tiện chủ yếu.

Vì nhiệm vụ của tôi là phối hợp hành động của bộ đội Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 và 2, và sang đến giai đoạn 2 mới phối hợp cả bộ đội của Phương diện quân U-crai-na 1, nên ở đây chủ yếu tôi sẽ nói tới những hành động của hai phương diện quân trên.

Sáng sớm ngày 5-6, được sự ủy nhiệm của Tổng tư lệnh tối cao, tôi đến sở chỉ huy lâm thời của phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 ở Đu-rê-vi-chi, gặp K.K. Rô-cô-xốp-xki, ủy viên Hội đồng quân sự N.A. Bun-ga-nin và tham mưu trưởng M.X. Ma-li-nin.

Sau khi đã trao đổi sơ bộ với nhau về những vấn đề có liên quan đến kế hoạch chiến dịch, cùng với K.K. Rô-cô-xốp-xki và các tư lệnh tập đoàn quân, tư lệnh tập đoàn quân không quân, tướng X.I. Ri-đen-cô, tư lệnh pháo binh phương diện quân, tướng V.I. Ca-da-cốp, tư lệnh bộ đội xe tăng và cơ giới, tướng G.N. Oóc-lôm, chúng tôi đã thảo luận tỉ mỉ về tình hình bên cánh phải phương diện quân và đã thống nhất với nhau đặt kế hoạch và đề ra những biện pháp thực hiện có liên quan tới việc chuẩn bị chiến dịch sắp đến.

Ở đây chúng tôi đã đặc biệt chú ý nghiên cứu tỉ mỉ địa hình trong khu vực tác chiến, trình sát hệ thống phòng ngự địch trên tất cả chiều sâu chiến thuật của nó và

xem xét cả công việc chuẩn bị của bộ đội, của các cơ quan tham mưu và công tác hậu cần bảo đảm cho việc mở đầu chiến dịch.

Hai ngày tiếp sau, ngày 6 và 7 tháng 6, chúng tôi cùng với tư lệnh phương diện quân K.K. Rô-cô-xốp-xki, đại diện của Đại bản doanh N.Đ. Ya-cốp-lép và tướng V.I. Ca-da-cốp đã nghiên cứu kỹ tình huống ở khu vực Rô-ga-chép - Giơ-lô-bin tại những khu vực của tập đoàn quân 3 và 48. Ở đây, trong đài quan sát của tư lệnh tập đoàn quân A.V. Goóc-ba-tốp, chúng tôi đã nghe báo cáo của tướng V.G. Giô-lu-đép, quân đoàn trưởng quân đoàn bộ binh 35 và của tướng V.K. Ua-ba-nô-vích, quân đoàn trưởng quân đoàn bộ binh 41.

Ngày 7-6, chúng tôi vẫn làm việc như vậy ở khu vực của tập đoàn quân 65, nghiên cứu thật chi tiết địa hình và trận địa phòng ngự của quân địch tại khu vực của quân đoàn bộ binh 18, của các sư đoàn bộ binh cận vệ 69 và 44, là những nơi dự kiến mở mũi đột kích chủ yếu.

Chiếu theo kế hoạch của Đại bản doanh, đại tướng K.K. Rô-cô-xốp-xki, tư lệnh phương diện quân, sau khi trình sát tỉ mỉ toàn bộ tình hình, đã hạ quyết tâm tổ chức thành hai cụm để đột phá phòng ngự địch: một ở phía bắc Rô-ga-chép và một ở phía nam Pa-ri-chi. Nhiệm vụ trước mắt của hai cụm này là tiêu diệt quân địch đang chống cự ở phía trước, và bằng những mũi đột kích khép lại của cả hai cụm, sẽ bao vây, tiêu diệt cụm địch đóng ở Giơ-lô-bin - Bô-brui-xcơ.

Sau khi giải phóng thành phố Bô-brui-xcơ, bộ phận chủ yếu của phương diện quân phải tiến công theo hướng chung tới Ba-ra-nô-vi-chi qua Xlút-xcơ. Một phần lực lượng sẽ phát triển tiến công qua Ô-xi-pô-vi-chi, Pu-khô-vi-chi tới Min-xcơ, hiệp đồng ở đây với Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2. Theo tính toán sơ bộ của chúng

tôi, bộ đội và phương tiện thuộc biên chế của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 đủ sức hoàn thành những nhiệm vụ trên.

Cụm lực lượng tiến công vào hướng Rô-ga-chép gồm tập đoàn quân 3 của trung tướng A.V. Goóc-ba-tốp, tập đoàn quân 48 của trung tướng P.L. Rô-ma-nen-cô và quân đoàn xe tăng 9 của thiếu tướng bộ đội xe tăng B.X. Ba-kha-rốp.

Cụm lực lượng tiến công vào hướng Pa-ri-chi gồm tập đoàn quân 65 của trung tướng P.I. Ba-tốp, tập đoàn quân 28 của trung tướng A.A. Lu-chin-xki. Tập đoàn quân kỵ binh cơ giới của trung tướng I.A. Pli-ép và quân đoàn xe tăng cận vệ 1 của thiếu tướng K.M. Pa-nốp có nhiệm vụ tiến vào đột phá cụm địch đóng ở phía nam Pa-ri-chi.

Tập đoàn quân không quân 16 do thượng tướng không quân S.T. Ru-đen-cô làm tư lệnh yểm hộ cho hai cụm trên hoạt động.

Giang đội Đơ-nép do đại tá hải quân V.V. Gri-gô-ri-ép chỉ huy, chuyển thuộc phương diện quân về mặt chiến dịch.

Bộ đội của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1, nhất là bộ đội của cụm tiến công vào phía nam Pa-n-chi, vấp phải khó khăn chủ yếu là phải hoạt động trong điều kiện địa hình rừng, đầm lầy, rất khó vượt qua...

Tôi biết rõ các địa phương này, vì đã công tác ở đây hơn 6 năm, và thời gian đó, tôi đã từng đi lại khắp vùng nhiều lần. Tôi đã có dịp đi săn vịt trong các đầm hồ ở khu vực Pa-ri-chi, vịt ở đây rất sẵn, và cả lợn rừng cũng vô số...

Như chúng ta đã phỏng đoán, bộ chỉ huy quân Đức ít chờ đợi những mũi đột kích của bộ đội ta ở khu vực này nhất. Vì vậy, phòng ngự của chúng ở đây thực ra chỉ có từng cứ điểm một, không bố trí thành tuyến phòng ngự liên tục.

Còn ở Rô-ga-chép thì khác hẳn. Phòng ngự của chúng mạnh hơn, và những đường tiến quân tiếp cận tới đó đều nằm trong phạm vi kiểm soát của hệ thống hỏa lực địch.

Như tôi đã nói ở trên, Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 lúc này do thượng tướng G.Ph. Da-kha-rốp làm tư lệnh (ủy viên Hội đồng quân sự là L.Đ. Mê-khơ-lít, tham mưu trưởng là trung tướng A.N. Bô-gô-liu-bốp) có nhiệm vụ mở mũi đột kích thứ yếu vào hướng Mô-ghi-lép - Min-xơ. Ở đây không có những phương tiện đột phá mạnh để cho tất cả những tập đoàn quân thê đội 1 có thể tiến công cùng một lúc. Thật vậy, nếu như những quả đấm đột kích của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 và Bê-lô-ru-xi 2 chưa tiến được sâu vào đội hình bố trí của cụm tập đoàn quân “Trung tâm” của địch, thì việc hất địch ra khỏi khu vực phía đông Mô-ghi-lép cũng không có ý nghĩa.

Theo quyết tâm của tướng G.Ph. Da-kha-rốp, tập đoàn quân 49 được tăng cường do tướng L.T. Gri-sin làm tư lệnh sẽ mở mũi đột kích vào hướng Mô-ghi-lép. Những tập đoàn quân còn lại (33 và 50) tiến hành những hoạt động kiềm chế và chuyển sang tiến công muộn hơn, khi sức chống cự của quân địch phòng ngự trên những hướng khác đã bị bẻ gãy.

Ngày 8 và 9 tháng 6, chúng tôi cùng với các tướng N.Đ. Ya-cốp-lép, X.M. Stê-men-cô và bộ tư lệnh phương diện quân đã tiến hành chuẩn bị tỉ mỉ cho chiến dịch của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2. Tướng X.M. Stê-men-cô đã giúp đỡ đặc lực cho tướng G.Ph. Da-kha-rốp là người mới được bổ nhiệm làm tư lệnh phương diện quân.

Lúc chúng tôi đến chỗ tướng G.Ph. Da-kha-rốp, đồng chí đã trình bày thật rõ ràng

và có căn cứ quyết tâm tiến hành chiến dịch của mình. Đồng thời chúng tôi đã nghe ý kiến và quyết tâm của tư lệnh tập đoàn quân không quân K.A. Véc-si-nin và của các đồng chí tư lệnh, chủ nhiệm các binh chủng trong phương diện quân.

Tôi nhớ, chúng tôi không có nhận xét đặc biệt gì bổ sung thêm vào mục tiêu, nhiệm vụ và tổ chức lực lượng trong kế hoạch của chiến dịch.

Chúng tôi quyết định sáng ngày 9-6 cùng với tư lệnh Phương diện quân G.Ph. Đa-kha-rốp, N.Đ. Ya-cốp-lép, X.M. Stê-men-cô đến tập đoàn quân 49 của I.T. Gri-sin để đích thân nghiên cứu tiền duyên và chiều sâu phòng ngự của địch. Trước hết, chúng tôi đến đài quan sát của quân đoàn trưởng quân đoàn bộ binh 70, tướng V.G. Tê-ren-ti-ép. Đồng chí đã báo cáo tỉ mỉ những ý kiến nhận xét của mình về tình huống.

Đến cuối ngày, chúng tôi đã có thể ấn định xong những nhiệm vụ trước mắt của công tác trinh sát hệ thống hỏa lực, xác định được kế hoạch bắn cho pháo binh, kế hoạch hoạt động của không quân và kết luận được về việc bố trí đội hình chiến dịch chiến thuật để tiến công.

Tôi thấy có thể giao cho tướng X.M. Stê-men-cô, đại diện của Bộ Tổng tham mưu phụ trách việc chuẩn bị chiến dịch cho Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2. Còn tôi thì trước tiên phải lo chuẩn bị cho Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1, là phương diện quân đảm đương nhiệm vụ chủ yếu.

Chúng tôi đã gặp lại tư lệnh phương diện quân cùng với những cán bộ gần gũi của đồng chí khi tôi trở về tập đoàn quân 3 của tướng A.V. Goóc-ba-tốp. Tôi gọi đây nói báo cáo với Tổng tư lệnh tối cao về tiến trình chuẩn bị cho những hành động sắp đến của các phương diện quân. Nhận thấy kế hoạch chuyển vận bộ đội và dụng

cụ chiến tranh cho các phương diện quân không được thực hiện đúng hạn, tôi đề nghị với Tổng tư lệnh tối cao chỉ thị cho Bộ ủy viên nhân dân giao thông, và A.V. Khru-lép phải quan tâm tới vấn đề này. Tôi nói, nếu không được như vậy, thời hạn bắt đầu chiến dịch sẽ phải lui lại.

Tôi còn đề nghị với Tổng tư lệnh tối cao cho sử dụng toàn bộ không quân hoạt động tầm xa vào chiến dịch Bê-lô-ru-xi và hoãn việc bắn phá những mục tiêu trên lãnh thổ Đức vào thời gian sau.

Tổng tư lệnh tối cao đồng ý, và ra lệnh cử ngay nguyên soái không quân A.A. Nô-vi-cốp và nguyên soái, tư lệnh không quân hoạt động tầm xa A.E. Gô-lô-va-nốp đến chỗ tôi. Bản thân tôi đã có nhiều dịp công tác với các đồng chí này trong tất cả những chiến dịch rất quan trọng trước đây, các đồng chí là những người chỉ huy thông thạo giúp đỡ giải quyết tốt nhiều vấn đề của các phương diện quân.

Cùng với các đồng chí A.A. Nô-vi-cốp, A.E. Gô-lô-va-nốp, X.I. Ru-đen-cô và K.A. Vée-si-nin, chúng tôi đã thảo luận tỉ mỉ về tình hình, mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch sử dụng hiệp đồng những tập đoàn quân không quân với không quân hoạt động tầm xa để mở những trận đột kích vào các cơ quan tham mưu, trung tâm thông tin của các đơn vị cỡ chiến dịch, những đội dự bị và những mục tiêu tối quan trọng khác. Ngoài ra còn xét tới những vấn đề cơ động của không quân các phương diện quân để phục vụ mục đích chung. Theo chỉ thị của A.M. Va-xi-lép-xki, đã tách ra chừng 350 máy bay hạng nặng để chi viện cho Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 3 hoạt động.

Ngày 14 và 15 tháng 6, tư lệnh Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 đã tiến hành tập bài huấn luyện chuẩn bị cho chiến dịch sắp tới trong hai tập đoàn quân 65 và 28.

Chúng tôi cùng với một nhóm các tướng lĩnh của Đại bản doanh cũng có mặt ở đây.

Tham gia tập bài có các đồng chí quân đoàn trưởng, sư đoàn trưởng, tư lệnh pháo binh và chủ nhiệm binh chủng trong các tập đoàn quân. Trong quá trình tập bài đã nghiên cứu tỉ mỉ nhiệm vụ của các binh đoàn bộ binh và xe tăng, kế hoạch pháo kích và hiệp đồng với không quân. Chú ý chủ yếu tập trung vào việc nghiên cứu thật căn kẽ đặc điểm địa hình trong dải hoạt động của bộ đội, tổ chức phòng ngự của địch và những phương pháp vận động thật nhanh ra đường cái Xlút-xcơ - Bô-brui-xcơ. Từ đây, nếu tiến được ra và chiếm được Bô-brui-xcơ sẽ có khả năng cắt đường rút quân của cụm địch đóng ở Giơ-lô-bin, Bô-brui-xcơ.

Ba ngày tiếp sau, những bài tập huấn luyện như vậy lại được tổ chức trong các tập đoàn quân 3, 48, 49. Chúng tôi được dịp làm quen với những đồng chí cán bộ sẽ chỉ huy tác chiến để tiêu diệt một số lớn quân địch thuộc cụm tập đoàn quân “Trung tâm” trên hướng chiến lược quan trọng nhất này. Trọng trách của các đồng chí này rất nặng, vì có tiêu diệt cụm tập đoàn quân “Trung tâm” thì mới giải quyết được nhiệm vụ quét sạch địch ra khỏi đất đai Bê-lô-ru-xi và miền Đông Ba Lan.

Cũng trong thời kỳ này, đã tiến hành huấn luyện quân sự và chính trị cho tất cả các đơn vị và phân đội của hai phương diện quân. Trong khi học tập, đã nghiên cứu các nhiệm vụ hỏa lực, chiến thuật, kỹ thuật xung phong và tiến công có hiệp đồng với xe tăng, pháo binh và không quân, đã làm cho bộ đội quán triệt tình hình và nhiệm vụ. Trước một chiến dịch lớn hồi ấy, nhất thiết phải tiến hành huấn luyện như vậy và đó là hoàn toàn đúng đắn. Bộ đội chiến đấu hiệp đồng tốt hơn, có kết quả nhiều hơn và thiệt hại cũng ít hơn.

Cơ quan tham mưu của đơn vị, binh đoàn và tập đoàn quân nghiên cứu tỉ mỉ những vấn đề chỉ huy và thông tin liên lạc. Các sở chỉ huy và đài quan sát được chuyển lên phía trước, cấu trúc ngầm xuống đất và được thiết bị một hệ thống quan sát và thông tin liên lạc; thứ tự di chuyển các sở chỉ huy, đài quan sát và động tác chỉ huy bộ đội trong quá trình đuổi đánh địch cũng được xác định.

Cơ quan trinh sát của các phương diện quân, tập đoàn quân và bộ đội đã tìm hiểu tỉ mỉ thêm hệ thống hỏa lực phòng ngự của địch, các dự trữ kỹ thuật và đội dự bị của chúng, lập các bản đồ tình huống và cung cấp những bản đồ ấy cho các đơn vị.

Hậu cần của phương diện quân cũng đã tiến hành một khối lượng công tác cực lớn nhằm bảo đảm chuyển vận thật nhanh chóng và bí mật cho bộ đội những khí tài, đạn dược, nhiên liệu và lương thực. Mặc dầu có rất nhiều khó khăn, nhưng mọi việc vẫn hoàn thành đúng hạn. Tuy địa hình rất phức tạp, nhưng bộ đội của cả hai phương diện quân khi chuyển sang tiến công vẫn được bảo đảm kịp thời về mọi thứ cần thiết cho chiến đấu.

Ngày 22-6, cả hai phương diện quân đã tiến hành trinh sát chiến đấu. Kết quả là đã xác định được tình hình bố trí của hệ thống hỏa lực địch ở sát ngay tiền duyên của chúng và vị trí của mấy đội pháo binh trước kia chưa phát hiện được.

Chiến dịch Bê-lô-ru-xi nhằm mục đích chiếm bằng được một vùng đất đai rộng lớn: hơn 1.000 km theo chính diện từ tây Đvi-na đến Pri-pi-át, chừng 600 km theo chiều sâu từ Đơ-nép đến Vi-xla và Na-rép. Dự kiến sẽ phải đụng độ trong những trận giao chiến khốc liệt với 80 vạn binh lính và sĩ quan địch, được trang bị 9.500 khẩu pháo và súng cối, 900 xe tăng và pháo tiến công, 1.300 máy bay chiến đấu, sẽ phải tiến sâu vào phòng ngự có chuẩn bị sẵn của chúng khoảng 250 - 270 km.

Cuộc tiến công của bộ đội Liên Xô ở Bê-lô-ru-xi trùng vào dịp kỷ niệm năm thứ ba của cuộc chiến tranh. Trong ba năm đó đã xảy ra nhiều biến cố lịch sử. Sau khi tiêu diệt quân đội phát-xít trong hàng loạt trận tổng công kích nối tiếp nhau, Hồng quân Liên Xô đang hoàn thành công cuộc giải phóng Tổ quốc khỏi bọn giặc hung ác nhất. Nay, bước vào chiến dịch lịch sử mới, các chiến sĩ chúng ta lòng đầy tin tưởng nhất định sẽ tiêu diệt được cụm tập đoàn quân “Trung tâm” của Đức.

Ngày 6-6, quân đội Đồng minh đã đổ bộ vào Noóc-măng-đi và mở mặt trận thứ hai ở châu Âu. Tất nhiên điều đó đã khích lệ bộ đội ta. Mặc dầu vận mệnh của nước Đức phát-xít thực ra đã được quyết định từ trước rồi, song các chiến sĩ Xô-viết vẫn hân hoan chào mừng việc mở mặt trận thứ hai, vì họ hiểu rằng, như vậy càng chóng tiêu diệt chủ nghĩa phát-xít và càng sớm chấm dứt chiến tranh.

Ngày 23-6, Phương diện quân Pri-ban-tích 1 (tư lệnh, thượng tướng I.Kh. Ba-gra-mi-an; ủy viên Hội đồng quân sự, tướng Đ.X Lê-ô-nốp; tham mưu trưởng, tướng V.V. Cu-ra-xốp), Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 3 (tư lệnh, thượng tướng Chéc-ni-a-khốp-xki; ủy viên Hội đồng quân sự, tướng V.E. Ma-ca-rốp; tham mưu trưởng, tướng A.P. Pô-crốp-xki) và Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 do thượng tướng G.Ph. Da-kha-rốp làm tư lệnh, bắt đầu tổng tiến công. Hôm sau, Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 do tướng K.K. Rô-cô-xốp-xki chỉ huy cũng chuyển sang tiến công.

Trong vùng sau lưng quân địch, các đơn vị, binh đoàn và đội du kích bắt đầu hoạt động tích cực theo kế hoạch phối hợp trước với các phương diện quân. Trong bộ tham mưu các phương diện quân đã lập các phòng dân quân để chỉ đạo phong trào du kích với nhiệm vụ giữ vững liên lạc, bảo đảm vật chất kỹ thuật và phối hợp hành động với các đơn vị du kích. Phải nói rằng, trong chiến dịch Bê-lô-ru-xi, các đơn vị

và đội du kích đã triển khai những hoạt động tích cực vô cùng lớn lao. Đặc điểm địa hình rừng rú đã góp phần thuận lợi đáng kể cho các đơn vị du kích hoạt động. Khi bộ đội ta rút lui năm 1941, các chiến sĩ và sĩ quan bộ đội ta ở lại những vùng này nhiều hơn các vùng khác.

Ngay trong những ngày tiên công đầu tiên ở Bê-lô-ru-xi, trên khắp mọi hướng, đều diễn ra những trận giao tranh quyết liệt trên mặt đất và cả ở trên không, mặc dầu điều kiện khí tượng có hạn chế phần nào hoạt động của không quân cho cả hai bên. Qua Bộ Tổng tham mưu, tôi được biết là ở chỗ A.M. Va-xi-lép-xki, việc đột phá phòng ngự địch đang tiến triển tốt. Điều đó làm chúng tôi rất vui mừng.

Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 cũng đã thu được những kết quả tốt ở đây, tập đoàn quân 49 của tướng I.T. Gri-sin đột phá thắng lợi phòng ngự địch trên hướng Mô-ghi-lép, chiếm được căn cứ bàn đạp ở Đơ-nép trong hành tiến.

Mũi đột kích của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 vào Pa-ri-chi cũng phát triển đúng theo kế hoạch. Quân đoàn xe tăng 1 của tướng N.Ph. Pa-nốp tiến vào đột phá, ngay trong ngày đầu đã thọc sâu vào phía Bô-brui-xơ được 20 km, do đó tạo điều kiện cho sáng ngày hôm sau cụm kỵ binh cơ giới của tướng I.A. Pli-ép có thể bước vào chiến đấu.

Ngày 25-6, cụm kỵ binh cơ giới của I.A. Pli-ép và quân đoàn xe tăng 1 của M.Ph. Pa-nốp tiêu diệt được một bộ phận quân địch đang rút lui, đã nhanh chóng tiến lên phía trước. Mũi đột kích của tập đoàn quân 26 và 65 phát triển vững vàng. Các đơn vị xe tăng và pháo binh băng qua đoạn đường xuyên rừng trên hướng Pa-ri-chi đã quần nát cả những vùng đầm lầy làm cho xe kéo sau này rất khó vượt qua.

Các đơn vị công trình và chiến sĩ các binh chủng phần khởi trước thắng lợi của trận

đánh chọc thủng phòng ngự địch, đang cố gắng hoàn thành thật nhanh một con đường lát gỗ. Chẳng bao lâu, con đường ấy đã làm xong, giúp cho công tác hậu cần trở nên dễ dàng nhiều.

Trong cuốn “Cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của Liên Xô năm 1941 - 1945. Sơ lược lịch sử”, khi viết về chiến dịch Bê-lô-ru-xi[2], việc trình bày diễn biến những sự kiện ở Rô-ga-chép chưa được hoàn toàn đúng. Cuốn sách giải thích rằng bước ngoặt của những sự kiện ở khu vực Rô-ga-chép là do trận chiến đấu thắng lợi của các đơn vị tác chiến ở Pa-ri-chi. Thật ra, mọi việc diễn ra có hơi khác.

Lúc chuẩn bị chiến dịch, vì chưa trinh sát đầy đủ phòng ngự địch trên hướng Rô-ga-chép - Bô-brui-xơ, nên chúng tôi đã đánh giá thấp sức kháng cự của chúng, vì vậy đã giao cho tập đoàn quân 5 và 48 những đoạn đột phá quá rộng. Thêm nữa, những tập đoàn quân ấy lại không có đủ những phương tiện đột phá. Lúc ấy, là đại diện của Đại bản doanh, tôi cũng không kịp thời giúp cho bộ tư lệnh phương diện quân sửa chữa thiếu sót này.

Cần phải nói thêm một nguyên nhân làm cho bộ đội ta hành động chậm trễ trong khu vực này. Khi hạ quyết tâm đột phá phòng ngự địch, tư lệnh tập đoàn quân 3, trung tướng A.V. Goóc-ba-tốp đề nghị cho quân đoàn xe tăng của B.X. Ba-kha-rốp mở mũi đột kích hơi chệch sang phía bắc có nghĩa là từ khu vực rừng rú lấy lợi mà ở đó theo ý kiến của đồng chí, phòng ngự quân địch rất yếu. Ý kiến đó của A.V. Goóc-ba-tốp không được chấp nhận và đồng chí được lệnh chuẩn bị đột phá trong đoạn mà bộ tư lệnh phương diện quân đã chỉ thị, vì rằng, nếu hành động khác đi sẽ buộc cả mũi đột kích chủ yếu của tập đoàn quân 48 cũng phải chuyển dịch lên phía bắc.

Chiến dịch bắt đầu, tốc độ đột phá tuyến phòng ngự địch phát triển chậm. Thấy tình hình như vậy, A.V. Goóc-ba-tốp đề nghị cho phép thực hiện kế hoạch mà đồng chí đã đề ra lúc ban đầu, có nghĩa là cho quân đoàn xe tăng đột kích vào đoạn trận địa quá lên phía bắc. Tôi ủng hộ đề nghị của A.V. Goóc-ba-tốp. Chiến dịch thành công. Quân địch bị tan vỡ và các chiến sĩ xe tăng của B.X. Ba-kha-rốp đánh thắng ở bên sườn, đã tiến nhanh về phía Bô-brui-xơ cắt con đường rút lui độc nhất của địch qua sông Bê-rê-di-na.

Sau khi bộ đội ta cơ động giành được thắng lợi đó, quân Đức bắt đầu rút khỏi tuyến Giơ-lô-bin - Rô-ga-chép, nhưng đã muộn. Ngày 26-6, chiếc cầu độc nhất ở Bô-brui-xơ đã nằm trong tay các chiến sĩ xe tăng của B.X. Ba-kha-rốp.

Quân đoàn xe tăng của M.Ph. Pa-nốp tiến vào khu vực tây bắc Bô-brui-xơ cắt mọi đường rút của bọn địch đóng trong thành phố.

Như vậy là, ngày 27-6 ở khu vực Bô-brui-xơ đã tạo nên hai chiếc lòng chảo hãm quân đoàn bộ binh 35 và quân đoàn xe tăng 41 của Đức tổng số tới 4 vạn người.. Tôi không được quan sát cảnh quân địch bị tiêu diệt ở Bô-brui-xơ nhưng cũng được thấy chúng bị đánh tan ở đông nam Bô-brui-xơ. Hàng trăm máy bay ném bom của tập đoàn quân 16 của X.I. Ru-đen-cô hiệp đồng với tập đoàn quân 48 đột kích liên tục vào quân địch. Trên bãi chiến trường bốc lên nhiều đám cháy: hàng trăm xe vận tải, xe tăng và nhiên liệu của địch bị thiêu hủy. Khắp chiến trường đỏ rực ngọn lửa báo trước đêm chẳng lành. Từng đoàn máy bay ném bom của ta nối tiếp nhau thẳng hướng tới ngọn lửa chẳng lành ấy ném đủ các loại bom. Hỏa lực pháo binh của tập đoàn quân 48 phụ họa thêm vào bản “hợp xướng” rùng rợn này. Binh sĩ Đức như những kẻ mất trí bỏ chạy tán loạn. Những tên không chịu đầu

hàng bị diệt tại trận. Hàng trăm, hàng nghìn binh sĩ Đức bị Hít-le lừa bịp, hứa hẹn rằng sẽ chiến thắng Liên Xô chỉ trong chớp nhoáng, đã bỏ mạng. Trong số những tên đầu hàng làm tù binh có tướng Li-út-xốp, quân đoàn trưởng bộ binh.

Tập đoàn quân 48 của P.L. Rô-ma-nen-cô và quân đoàn bộ binh 105 của tập đoàn quân 65 đã tiêu diệt đến cùng quân địch ở khu vực Bô-brui-xcơ. Còn các tập đoàn quân 3, 65, quân đoàn bộ binh 9, quân đoàn xe tăng cận vệ 1 được lệnh không dừng lại ở khu vực Bô-brui-xcơ mà phải mở nhanh cuộc tiến công theo hướng chung tới Ô-xi-pô-vi-chi. Ngày 28-6 quân ta chiếm được thành phố này. Và ngày 29-6, cả thành phố Bô-brui-xcơ cũng hết địch.

Tập đoàn quân 28 của tướng A.A. Lu-chin-xki và cụm kỵ binh cơ giới của tướng I.A. Pli-ép đang tiến công mạnh về phía Xlút-xcơ. Sau khi tiêu diệt quân địch ở khu vực Vi-tép-xcơ và Bô-brui-xcơ, những đơn vị ở hai bên sườn bộ đội ta đã tiến sâu lên phía trước, làm cho toàn bộ cụm Bê-lô-ru-xi của các tập đoàn quân “Trung tâm” địch lâm vào nguy cơ trực tiếp bị hợp vây.

Hồi ấy, trong khi quan sát và phân tích những hành động của quân Đức và bộ tổng chỉ huy của chúng trong chiến dịch đó, chúng tôi có phần nào ngạc nhiên thấy rằng, chính những cuộc cơ động quân rất sai lầm của chúng đã đẩy chúng tới kết cục khốn quẫn như vậy. Đáng lẽ phải nhanh chóng cho rút quân về những tuyến phía sau và điều động những lực lượng mạnh tới hai bên sườn đang bị những cụm xung kích của bộ đội Liên Xô uy hiếp, thì quân Đức lại lao vào những trận đánh kéo dài trên chính diện ở phía đông và đông bắc Min-xcơ.

Ngày 28-6, Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao, sau khi trao đổi ý kiến với A.M. Va-xi-lép-xki, tôi và tư lệnh các phương diện quân đã xác định những nhiệm

vụ tiếp sau của bộ đội.

Phương diện quân Pri-ban-tích 1 được lệnh giải phóng Pô-lôt-xơ và tiến công vào Glu-bô-côi-ê. Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 3 và 2 sẽ giải phóng Min-xơ, thủ đô của Bê-lô-ru-xi. Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 sẽ dùng những lực lượng chủ yếu tiến công vào hướng Lút-xơ Ba-ra-nô-vi-chi, và một phần lực lượng sẽ phát triển đột kích tới Min-xơ, từ phía nam và tây nam vu hồi vào Min-xơ. Ý định cụ thể đó của Đại bản doanh xuất phát từ kế hoạch chung của chiến dịch nhằm hợp vây toàn bộ các đơn vị của cụm tập đoàn quân “Trung tâm” và tiêu diệt chúng hoàn toàn. Lực lượng và đội hình bố trí các đơn vị ta hoàn toàn phù hợp với những nhiệm vụ đã giao.

Các chiến dịch thực hành thắng lợi đã xác nhận tầm nhìn xa trông rộng, sự trưởng thành ngày một lớn mạnh của nghệ thuật chiến dịch - chiến lược của Bộ tư lệnh Liên Xô.

Đáng tiếc là lúc này tôi không có điều kiện liên lạc trực tiếp với A.M. Va-xi-lép-xki để thống nhất với đồng chí về việc hiệp đồng sau này của tập đoàn quân 3 của tướng A.V. Goóc-ba-tốp với các Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 và 3. Các đơn vị trên đang thẳng hướng tiến đánh chiếm Min-xơ và phong tỏa những đường rút của một bộ phận địch rất lớn. Bộ đội của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 thì đang ép chặt bọn địch đó không cho chúng thoát khỏi đội hình của chúng. Trong điều kiện song song đuổi đánh địch, thì tình hình đó là rất tốt.

Đã đến lúc cần phải hoàn toàn bao vây tập đoàn quân 4 của Đức. Bộ tổng chỉ huy quân Đức sẽ áp dụng những biện pháp gì trong thời gian quyết định này? Đó là điều mà Đại bản doanh, Bộ Tổng tham mưu và tất cả chúng tôi trực tiếp tiến hành

chiến dịch quan trọng lúc bấy giờ đang hằng quan tâm đến.

Cũng như ở các trường hợp tương tự phải làm, lúc bấy giờ chỉ huy các cấp đã tập trung những nỗ lực chủ yếu vào việc trinh sát để xác định cho được ý đồ của địch và các biện pháp tiến hành của chúng. Nhưng mặc dầu chúng tôi đã ra sức phanh phui, cố tìm ra một điểm quan trọng nào đó trong khâu lãnh đạo chiến lược của bộ chỉ huy Đức, song cũng không khám phá ra được điều gì ngoài việc thấy chúng có tăng cường nỗ lực đôi chút trên những hướng đặc biệt nguy hiểm đối với chúng. Dựa vào nguồn tin của các đội du kích Bê-lô-ru-xi đang hoạt động trong khu vực Min-xơ chúng tôi được biết là ở các ngôi nhà của Chính phủ, trụ sở của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Bê-lô-ru-xi và nhà câu lạc bộ hình tròn của các sĩ quan, địch đang vội vã đặt mìn và chuẩn bị cho nổ. Để cứu thoát những ngôi nhà to lớn ấy, các đơn vị xe tăng có những đội gỡ mìn cùng đi theo, nhận được lệnh phải vận động nhanh tới Min-xơ. Mục tiêu là: không được tham đánh địch trên đường tiếp cận đến thủ đô mà phải đột nhập thành phố, chiếm cho được những ngôi nhà nói trên của Chính phủ.

Nhiệm vụ được hoàn thành xuất sắc. Những ngôi nhà ấy được gỡ sạch mìn và được bảo toàn.

Tảng sáng ngày 3-7, quân đoàn xe tăng cận vệ 2 của A.X. Bua-đây-nui từ phía đông đột nhập vào Min-xơ. Đồng thời quân đoàn xe tăng 1 của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 do tướng M.Ph. Pa-nốp chỉ huy từ phía đông nam đánh vào đã chiếm được ngoại ô thành phố. Các đơn vị của tập đoàn quân xe tăng 5 đã vượt qua phía bắc Min-xơ. Tập đoàn quân xe tăng 3 của tướng A.V. Goóc-ba-tốp tiến theo sau quân đoàn xe tăng của M.Ph. Pa-nốp cũng tới vùng ngoại thành Min-xơ. Cùng

thời gian đó bộ đội ta đã đánh bật về phía tây các đội dự bị của địch vừa được điều đến và tiến ra phía tây nam và tây bắc Min-xơ.

Đến chiều ngày 3-7, phần lớn các binh đoàn của tập đoàn quân 4 Đức đã mất đường rút và bị xiết chặt trong vòng vây ở phía đông Min-xơ. Các quân đoàn bộ binh 12, 27, 35 và quân đoàn xe tăng 39 và 41 với tổng số hơn 10 vạn người đã bị vây hãm.

Hết ngày 3-7 địch bị quét sạch khỏi Min-xơ.

Không tài nào còn nhận ra thủ đô của Bê-lô-ru-xi nữa. Tôi đã chỉ huy trung đoàn ở Min-xơ 7 năm, tôi biết rất rõ từng đường phố, mọi công trình quan trọng nhất, từ các cầu, công viên đến sân vận động và nhà hát. Giờ đây tất cả đều trong cảnh đổ nát, các khu dân cư ở bị tan hoang, ngổn ngang gạch vụn tro tàn. Ấn tượng sâu sắc nhất là những con người, nhân dân thủ đô Min-xơ. Đại bộ phận nhân dân trông thật tiều tụy gầy còm. Nhiều người nước mắt chảy ròng ròng hai bên má...

Ngày 8-7, số quân Đức bị bao vây tuy ngoan cố chống cự nhưng đã bị đánh tan, bị bắt làm tù binh hoặc bị tiêu diệt. Trong số 5,7 vạn tù binh có 12 tướng lĩnh, trong đó có 3 quân đoàn trưởng và 9 sư đoàn trưởng. Còn phải mất mấy ngày nữa để vây bắt những toán binh lính và sĩ quan địch âm mưu trốn về các đơn vị của chúng.

Nhưng vì quân Đức rút chạy quá nhanh, nên bọn này không tài nào đuổi kịp. Nhân dân địa phương và du kích, những người chủ thực sự của vùng rừng Bê-lô-ru-xi, đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong việc lùng quét địch ra khỏi lãnh thổ Bê-lô-ru-xi.

Cân nhắc thấy ngoài mặt trận hướng tây đã có một chỗ trống, và quân địch ở đó chỉ chiếm giữ trên những hướng chính, ngày 4-7, Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao hạ lệnh tiếp tục tiến công:

Phương diện quân Pri-ban-tích 1 tiến công vào hướng chung tới Sa-u-lai, cánh phải của phương diện quân tiến ra Đau-ga-pin-xơ, cánh trái - tới Cau-na-xơ;

Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 3 tiến công vào Vi-ni-út, một bộ phận lực lượng - tới Li-đa;

Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 tiến công vào Nô-vô-gru-đốc, Grôt-nô, Be-lô-xtốc;

Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 tiến công vào Ba-ra-nô-vi-chi, Bre-xơ, và chiếm bàn đạp trên sông Tây Béc.

Ngày 7-7, khi đã thanh toán xong cụm địch bị hợp vây ở phía đông và nam Min-xơ, những thê đội đi đầu của các phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1, Bê-lô-ru-xi 3 và Pri-ban-tích đã từ kinh tuyến Min-xơ tiến xa mãi sang phía tây và đã bước vào chiến đấu ở khu vực Vi-ni-út - Ba-ra-nô-vi-chi - Pin-xơ, thì I.V. Xta-lin gọi điện triệu tập tôi về Đại bản doanh.

Sáng sớm ngày 8-7, tôi đã đến Mát-xcơ-va và thu xếp công việc xong, tôi đến Bộ ủy viên nhân dân quốc phòng. Trước lúc gặp Tổng tư lệnh tối cao, tôi muốn tìm hiểu sâu hơn tình huống những ngày gần đây.

A.I. An-tô-nốp, vẫn như xưa nay, đã báo cáo, phân tích rất tập trung và chính xác tình huống, và nêu ra ý kiến của Bộ Tổng tham mưu về những sự kiện phát triển trong thời gian gần đây. Nghe đồng chí báo cáo lòng tôi sung sướng vô vàn: trình độ nghiệp vụ chỉ đạo chiến dịch - chiến lược của Bộ Tổng tham mưu và những cán bộ lãnh đạo của Bộ Tổng tham mưu đã được nâng cao biết bao!

Khoảng 13 giờ, Tổng tư lệnh tối cao gọi điện tới chỗ A.I. An-tô-nốp và hỏi tôi ở đâu. Sau khi giải quyết một loạt vấn đề, đồng chí ra lệnh cho A.I. An-tô-nốp và tôi một tiếng đồng hồ sau sẽ đến nơi ở của đồng chí. Đúng 14 giờ, chúng tôi có mặt.

I.V.Xta-lin rất vui vẻ, cười đùa.

Trong lúc chúng tôi đang trao đổi, thì A.M. Va-xi-lép-xki gọi điện thoại báo cáo với Tổng tư lệnh tối cao về những sự kiện mới nhất trên các khu vực của Phương diện quân Pri-ban-tích 1 và Bê-lô-ru-xi 3. Báo cáo của A.M. Va-xi-lép-xki chắc hẳn nói nhiều đến thuận lợi, nên Tổng tư lệnh tối cao lại vui vẻ thêm.

- Tôi chưa ăn sáng, - đồng chí nói - chúng ta cùng ăn và nói chuyện với nhau.

Tôi và A.I. An-tô-nốp đã ăn sáng rồi, song không thể từ chối.

Trong lúc ăn sáng, chúng tôi trao đổi ý kiến về khả năng của nước Đức tiến hành chiến tranh trên hai mặt trận: chống Liên Xô và đánh với quân viễn chinh của Đồng minh đã đổ bộ vào Noóc-măng-đi, và bàn cả về vai trò và nhiệm vụ của bộ đội Liên Xô trong giai đoạn kết thúc cuộc chiến tranh.

Trong khi trò chuyện, I.V.Xta-lin nói ngắn gọn và rành mạch, đủ ý điều đó chứng tỏ Người đã suy nghĩ rất sâu về những vấn đề đó.

Mặc dù Tổng tư lệnh tối cao cho rằng chúng ta có đủ lực lượng để một mình đánh tan nước Đức phát-xít, song đồng chí vẫn chân thành chào mừng việc mở mặt trận thứ hai ở châu Âu. Vì như vậy chiến tranh càng kết thúc sớm hơn, và nhân dân Liên Xô cần như thế

Không một ai còn nghi ngờ rằng, cuối cùng nước Đức sẽ bị thất bại trong chiến tranh. Vấn đề ấy đã được giải quyết trên chiến trường Xô - Đức từ năm 1943 và đầu năm 1944. Ngày nay, vấn đề chỉ còn ở chỗ, chiến tranh sẽ kết thúc nhanh chóng ra sao, và đem lại những kết quả quân sự, chính trị như thế nào.

V.M. Mô-lô-tốp và những đồng chí ủy viên Hội đồng quốc phòng đến.

Thảo luận về những khả năng của Đức tiếp tục cuộc đấu tranh vũ trang, tất cả

chúng tôi đã đi đến nhất trí rằng, nước Đức đã kiệt quệ về nguồn nhân lực và vật lực, trong lúc đó thì Liên Xô, sau khi giải phóng U-crai-na, Bê-lô-ru-xi, Lít-va và những khu vực khác càng được bổ sung thêm về người lấy trong các đội du kích và trong số người ở lại các vùng trước đây bị tạm chiếm.

Cuối cùng, việc mở mặt trận thứ hai cũng sẽ buộc nước Đức phải tăng cường thêm lực lượng của chúng ở phía tây.

Này ra vấn đề: trong hoàn cảnh hiện nay bọn Hít-le cầm đầu có thể trông đợi vào gì nữa?

Tổng tư lệnh tối cao trả lời vấn đề này như sau:

- Chúng đang trông đợi như con bạc khát nước khi ném đồng tiền cuối cùng xuống lá bài.

V.M. Mô-lô-tốp bổ sung:

- Hít-le chắc hẳn đang mưu toan đi đến ký kết bằng bất kỳ giá nào một hiệp định riêng lẻ với các nhóm cầm quyền Mỹ và Anh.

I.V. Xta-lin nói:

- Đúng thế, nhưng Ru-dơ-ven và Séc-sin chưa thể đi đến chỗ thông đồng với Hít-le. Họ đang có tham vọng bảo đảm những quyền lợi chính trị của họ ở nước Đức, không phải bằng con đường đồng lõa với bọn Hít-le đã mất lòng tin của nhân dân, mà đang tìm kiếm những khả năng thành lập một chính phủ ngoan ngoãn theo họ ở nước Đức....

Rồi Tổng tư lệnh tối cao hỏi tôi:

- Bộ đội ta liệu có thể bắt đầu giải phóng Ba Lan và liên tục tiến công đến Vi-xla được không? Tập đoàn quân 1 Bộ đội Ba Lan có đủ khả năng chiến đấu rồi, nay có

thể tham chiến trên khu vực nào?

Tôi trả lời:

- Bộ đội ta không những có thể tiến đến Vi-xla, mà còn phải chiếm được những bàn đạp tốt ở Vi-xla để bảo đảm cho những chiến dịch tiến công sau này trên hướng chiến lược Béc-lanh. Còn về phân tập đoàn quân 1 Bộ đội Ba Lan, thì nên tiến công vào Vác-xô-vi.

A.I. An-tô-nốp ủng hộ tôi hoàn toàn. Đồng chí báo cáo với Tổng tư lệnh tối cao rằng, bộ chỉ huy Đức đã tung một số bộ đội rất lớn, có cả những binh đoàn xe tăng và xe tăng bọc sắt ra bịt lỗ thủng do những phương diện quân của ta đang tiến công ở mặt trận phía tây phá ra. Vì vậy, chúng đã làm suy yếu nhiều lực lượng của chúng đang đóng trong khu vực hoạt động của Phương diện quân U-crai-na 1.

Sau đó, A-lếch-xây In-nô-ken-ti-ê-vích báo cáo về tiến trình tập trung những dự trữ vật chất, tình hình bổ sung tại Phương diện quân U-crai-na 1 và ở bên cánh trái Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 theo như kế hoạch chuẩn bị chuyển sang tiến công đã được thông qua trước đây.

Tổng tư lệnh tối cao nói với tôi:

- Bây giờ đồng chí phải lãnh trách nhiệm phối hợp cả những hoạt động của Phương diện quân U-crai-na 1. Cần lưu ý chính đến cánh trái của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 và Phương diện quân U-crai-na 1. Đồng chí đã biết kế hoạch chung và nhiệm vụ của Phương diện quân U-crai-na 1 rồi. Kế hoạch của Đại bản doanh không thay đổi, còn kế hoạch của phương diện quân, đồng chí tìm hiểu ở Bộ Tổng tham mưu.

Sau đó, bắt đầu thảo luận đến những khả năng của bộ đội do A.M. Va-xi-lép-xki

đảm nhiệm phối hợp hành động.

Tôi nói với Tổng tư lệnh tối cao rằng, tốt hơn là nên tăng cường thêm nhiều nữa cho các phương diện quân của A.M. Va-xi-lép-xki và Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 và giao cho A.M. Va-xi-lép-xki nhiệm vụ chia cắt cụm tập đoàn quân “Bắc” của bọn Đức và chiếm lấy Đông Phổ.

Tổng tư lệnh tối cao hỏi:

- Đồng chí đã bàn với A.M. Va-xi-lép-xki chưa? A.M. Va-xi-lép-xki cũng đề nghị tăng cường thêm cho đồng chí ấy.
- Chúng tôi chưa bàn với nhau. Nhưng đồng chí ấy đề nghị như vậy là rất đúng.
- Bọn Đức sẽ chiến đấu đến tận lính cuối cùng để giành giật lại Đông Phổ. Chúng ta có thể bị mắc kẹt ở đây. Trước hết, nên giải phóng khu vực Lvốp và miền Đông Ba Lan. Ngày mai tại chỗ tôi, đồng chí sẽ gặp các đồng chí Bê-rút, Ô-xúp-cô Mô-ráp-xki và Rô-lya Gi-méc-xki. Các đồng chí ấy thay mặt cho ủy ban giải phóng dân tộc Ba Lan. Ngày 20 tháng này, các đồng chí dự định sẽ đọc bản tuyên ngôn gửi nhân dân Ba Lan. Chúng ta sẽ cử Bun-ga-nin làm đại biểu đến với nhân dân Ba Lan, và cử Tê-lê-ghin làm ủy viên hội đồng quân sự bên cạnh Rô-cô-xốp-xki. Ngày 9-7, Tổng tư lệnh tối cao duyệt lại một lần nữa kế hoạch chiến dịch tiến công ở Cô-ven của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1. Tôi có mặt trong buổi xét duyệt này. Đồng chí quy định:

- Tiêu diệt tập đoàn Cô-ven - Liu-blin.
- Hiệp đồng với bộ đội cánh phải của Phương diện quân chiếm Bre-xto.
- Tiến ra Vi-xla trên một chính diện rộng, chiếm lấy bàn đạp bên bờ phía tây sông

Vi-xla.

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 18

TRÊN HƯỚNG BÉC-LANH

CUỐI tháng 9-1944, tôi từ Bun-ga-ri trở về Đại bản doanh. Vài ngày sau, Tổng tư lệnh tối cao cử tôi đến khu vực Vác-xô-vi vùng hoạt động của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 và 2.

Trước hết, tôi muốn tìm hiểu tình hình ở ngay Vác-xô-vi, nơi bộ chỉ huy quân Đức đang đàn áp vô cùng tàn bạo những người khởi nghĩa trong thành phố. Bọn Đức khủng bố nhân dân thật dã man. Thành phố bị phá tan hoang. Hàng nghìn dân lành bị chết trong cảnh đổ nát ấy.

Chúng tôi được biết rằng, bộ tư lệnh phương diện quân, bộ tư lệnh tập đoàn quân 1 Bộ đội Ba Lan đều không được Bua Cô-ma-rốp-xki báo cho biết trước về cuộc khởi nghĩa đang chuẩn bị. Về phía mình, Bua Cô-ma-rốp-xki cũng không muốn phối hợp cuộc khởi nghĩa của nhân dân Vác-xô-vi với hoạt động của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1. Khi cuộc khởi nghĩa đã nổ ra rồi mới có một người địa phương vượt qua sông Vi-xla tới báo cho Bộ tư lệnh Quân đội Xô-viết biết. Ngay cả Đại bản doanh cũng không biết trước. Hai sĩ quan bộ đội nhảy dù được Tổng tư lệnh tối cao cử đến gặp Bua Cô-ma-rốp-xki để liên lạc và phối hợp hành động, nhưng Bua Cô-ma-rốp-xki

không chịu tiếp.

Để chi viện cho nhân dân Vác-xô-vi đang khởi nghĩa, Quân đội Liên Xô và Ba Lan, thi hành chỉ thị của bộ tư lệnh Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 đã vượt qua sông Vi-xla và đánh chiếm khu bờ sông ở Vác-xô-vi. Song, phía Bua Cô-ma-rốp-xki cũng vẫn không có những hành động hiệp đồng với chúng tôi. Cách độ một ngày sau, bọn Đức điều động một lực lượng lớn đến khu bờ sông và dồn các đơn vị của ta lại. Tình hình trở nên gay go, nặng nề. Chúng ta bị tổn thất lớn. Sau khi thảo luận tình hình đã xảy ra và thấy không có khả năng đánh chiếm Vác-xô-vi, bộ tư lệnh phương diện quân quyết định rút bộ đội khỏi khu bờ sông và trở về bên bờ của mình.

Tôi xác nhận rằng, bộ đội ta đã làm tất cả những gì có thể làm để chi viện cho những người khởi nghĩa, mặc dầu, tôi xin nhắc lại, cuộc khởi nghĩa đã không phối hợp với Bộ tư lệnh Liên Xô ở một mức độ nào hết.

Trước và sau khi buộc phải rút quân ra khỏi Vác-xô-vi, Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 vẫn tiếp tục giúp đỡ những người khởi nghĩa, dùng máy bay thả lương thực, thuốc men, đạn dược xuống.

Về vấn đề này, tôi còn nhớ báo chí phương Tây đã tung ra nhiều luận điệu xảo trá hòng đánh lạc hướng dư luận xã hội.

Những ngày đầu tháng 10, tôi có đến tập đoàn quân 47 của tướng Ph.I. Péc-khô-rô-vích đang tiến công giữa Mốt-lin và Vác-xô-vi.

Vì tiến công trên địa hình bằng phẳng, tập đoàn quân 47 bị tổn thất lớn, đã lâm vào tình trạng hết sức mệt mỏi và suy yếu. Tình hình tập đoàn quân 70 bên cạnh, giao chiến với địch trong khu vực Xê-rôt-xơ - Pun-tu-xơ cũng

không hơn gì.

Tôi không có nhiệm vụ tổ chức và cũng không rõ mục tiêu của cuộc tiến công này, một cuộc tiến công đang làm tiêu hao năng bộ đội ta. K.K. Rô-cô-xốp-xki đồng ý với tôi và theo đồng chí nói thì Đại bản doanh đã giao cho tập đoàn quân 47 nhiệm vụ tiến ra Vi-xla đến đoạn Môt-lin - Vác-xô-vi và mở rộng những căn cứ bàn đạp trên sông Na-rép.

Tôi gọi điện báo cáo tình hình với Tổng tư lệnh tối cao, đề nghị đồng chí cho ngừng tiến công trên khu vực của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1, vì cuộc tiến công ấy không có triển vọng, và đề nghị ra lệnh chuyển bộ đội cánh phải của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 và cánh trái của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 sang phòng ngự để có điều kiện được nghỉ ngơi và tiến hành bổ sung.

Tổng tư lệnh tối cao trả lời:

- Ngày mai, đồng chí cùng với Rô-cô-xốp-xki về Đại bản doanh trực tiếp trao đổi ý kiến. Chào đồng chí.

Chiều ngày hôm sau, tôi và K.K. Rô-cô-xốp-xki đã có mặt ở Đại bản doanh.

Ngoài Tổng tư lệnh tối cao ra, còn có A I. An~tô-nốp và V.M. Mô-lô-nốp.

Chào hỏi xong, I.V. Xta-hn nói:

- Yêu cầu các đồng chí báo cáo đi.

Tôi mở bản đồ và bắt đầu báo cáo. Tôi thấy I.V.Xta-hn có vẻ đang tức giận.

Lúc Người tới gần bản đồ, lúc đi ra xa, xong lại tới gần; khi thì nhìn chăm chăm vào tôi, khi nhìn vào bản đồ, rồi vào K.K. Rô-cô-xốp-xki. Đồng chí bỏ cả ống píp ra, một biểu hiện thường có mỗi khi đồng chí thiếu bình tĩnh

hoặc không hài lòng về một điều gì.

- Đồng chí Giu-cốp, - V.M. Mô-lô-nốp ngắt lời tôi - đồng chí đề nghị ngừng tiến công vào lúc quân địch đang bị đánh tan, chúng đang không chịu nổi sức ép của quân ta. Đề nghị ấy liệu có hợp lý không?

- Địch đã kịp xây dựng phòng ngự và điều động lên phía trước những đội dự bị cần thiết. - Tôi có ý kiến - Chúng hiện đang đánh lui những đợt tiến công của bộ đội ta. Còn chúng ta thì đang bị những thiệt hại thật không cần thiết.

- Đồng chí ủng hộ ý kiến của Giu-cốp à? - I.V. Xta-lin hỏi K.K. Rô-cô-xốp-xki.

- Vâng, tôi cho rằng, sau một thời gian căng thẳng kéo dài, nên cho bộ đội tạm ngưng tiến công và chấn chỉnh lại đội ngũ.

- Tôi nghĩ rằng, địch cũng biết lợi dụng thời gian tạm ngưng này không kém hơn đồng chí, - Tổng tư lệnh tối cao nói. - Thế nhưng nếu không có quân chi viện và tăng cường xe tăng và pháo binh cho tập đoàn quân 47, thì tập đoàn quân đó có thể tiến ra Vi-xla, tới giữa Mốt-lin và Vác-xô-vi được không?

- Thừa đồng chí Xta-lin, thật là khó nói, - K.K. Rô-cô-xốp-xki trả lời, - Địch cũng có thể tăng cường cho hướng này chứ ạ.

- Thế còn đồng chí, đồng chí nghĩ sao? - Tổng tư lệnh nhìn và hỏi tôi.

- Tôi cho rằng, cuộc tiến công này không đem lại cho ta ngoài sự thiệt hại, - Tôi nhắc lại. - Đúng về ý nghĩa chiến dịch, chúng ta chưa thật cần khu vực tây bắc Vác-xô-vi. Theo tôi, nên đánh vu hồi Vác-xô-vi ở phía tây nam, đồng thời giáng một đòn đột kích mạnh thọc sâu, chia cắt chúng trên hướng

chung tới Lót-dơ - Pô-dơ-nan. Hiện nay phương diện quân không có lực lượng để làm việc đó, nhưng sẽ phải tập trung lực lượng lại. Đồng thời cần chuẩn bị cẩn thận cho cả những phương diện quân bên cạnh để họ sẽ cùng hành động trên hướng Béc-lanh.

- Các đồng chí tạm về và suy nghĩ thêm một lần nữa, chúng tôi ở đây hội ý với nhau một chút - I.V. Xta-lin ngắt lời tôi, nói.

Tôi và K.K. Rô-cô-xốp-xki về phòng nghỉ và lại trải bản đồ ra nghiên cứu. Chừng 20 phút sau, chúng tôi trở lại phòng làm việc của Tổng tư lệnh tối cao để nghe cách giải quyết của đồng chí.

Tổng tư lệnh tối cao nói:

- Chúng tôi hội ý với nhau ở đây và đã đồng ý quyết định cho bộ đội ta chuyển sang phòng ngự. Còn về phần những kế hoạch sau này, chúng ta sẽ thảo luận sau. Các đồng chí có thể ra về được.

Tôi và K.K. Rô-cô-xốp-xki lặng lẽ chia tay nhau, mỗi người có một suy nghĩ riêng. Tôi đến Bộ ủy viên nhân dân quốc phòng, còn K.K. Rô-cô-xốp-xki chuẩn bị lên đường về phương diện quân.

Ngày hôm sau Tổng tư lệnh tối cao gọi điện cho tôi:

- Đồng chí thấy thế nào, nếu như việc lãnh đạo tất cả các phương diện quân sau này do Đại bản doanh nắm?

Tôi hiểu rằng, đồng chí muốn nói đến việc giải thể chế độ đại diện của Đại bản doanh trước đây được tổ chức ra để chỉ huy hiệp đồng giữa các phương diện quân. Tôi cũng cảm thấy, ý định ấy không phải mới nảy sinh sau cuộc tranh luận hôm qua.

Tôi trả lời:

- Vâng. Số lượng các phương diện quân đã ít đi, chính diện chung cũng co lại, lãnh đạo các phương diện quân có thuận tiện hơn. Đại bản doanh hoàn toàn có thể chỉ đạo trực tiếp các phương diện quân.

- Đồng chí không phật ý mà nói như vậy chứ?

- Phật ý về việc gì kia ạ? Tôi nghĩ rằng, tôi và A.M. Va-xi-lép-xki sẽ không bị thất nghiệp.

Ngay tối hôm đó, Tổng tư lệnh tối cao gọi tôi tới nhà riêng và nói:

- Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 ở trên hướng Béc-lanh. Chúng tôi định cử đồng chí tới hướng ấy.

Tôi trả lời, sẵn sàng chỉ huy bất kì phương diện quân nào.

I.V. Xta-lin nói:

- Đồng chí vẫn là Phó Tổng tư lệnh tối cao đấy. Bây giờ tôi nói chuyện với K.K. Rô-cô-xốp-xki.

Sau khi báo cho K.K. Rô-cô-xốp-xki biết quyết định của mình, I.V. Xta-lin đề nghị đồng chí chuyển sang chỉ huy Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2.

Cuối tháng 10-1944, Đại bản doanh cùng một số ủy viên Hội đồng quốc phòng và Tổng tham mưu trưởng đã nghiên cứu về các chiến dịch kết thúc cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại.

Vẫn như trước, Đảng Cộng sản tiếp tục đoàn kết mọi người và thống nhất mọi nỗ lực của nhân dân xung quanh mục tiêu chính là đánh thắng quân thù trong thời gian ngắn nhất, đồng thời ngày càng chú ý tạo những điều kiện thuận lợi để khôi phục một cách toàn diện nền kinh tế sau khi kết thúc chiến

tranh và nhanh chóng chuyển sang công cuộc xây dựng thời bình.

Vấn đề nhiên liệu và năng lượng đã được giải quyết có kết quả. Sản xuất gang, thép dẹt, máy cái, máy kéo phát triển với những quy mô lớn, nhiều lò cao, lò đúc thép, và những máy dẹt thép đã đi vào sản xuất.

Nhân dân ở hậu phương, phấn khởi trước những thắng lợi ngoài tiền tuyến, đã làm việc gấp hai, gấp ba. Họ say sưa dựng lại các công xưởng và nhà máy bị tàn phá, khôi phục giao thông vận tải và những hầm mỏ bị sập, gieo hạt trên những mảnh đất còn nóng bỏng lửa chiến đấu, đầm máu và mồ hôi của các chiến sĩ.

Hồng quân ngày càng dựa vững chắc vào nền kinh tế quốc dân đang lớn mạnh. Quy mô tác chiến lớn thêm, tốc độ tiến công dồn dập hơn, yêu cầu đối với công nghiệp chiến tranh cao hơn nhưng tất cả vẫn được thỏa mãn đầy đủ.

Năm 1944, xe tăng và pháo tự hành sản xuất được 29.000 cỗ, máy bay - hơn 40.000 chiếc. Số xe tăng hạng nặng IC-2 có trang bị đại bác 122 ly, xe tăng hạng trung cải tiến T-34, máy bay tiêm kích Yak-3, máy bay cường kích IL-10, máy bay ném bom tốc độ nhanh TU-A gửi ra tiền tuyến tăng gấp 2 - 3 lần.

Tất cả những việc đó cho thấy rằng, trang bị kỹ thuật quân sự ưu việt do những nhà chế tạo có tài năng làm ra, đã được sản xuất hàng loạt. Về tính năng chiến thuật, kỹ thuật, các khí tài của ta không những hơn Đức, mà còn hơn cả khí tài của nhiều nước khác nữa.

Những thành quả của nền kinh tế Liên Xô cho phép bảo đảm mọi thứ cần

thiết không riêng cho Lực lượng vũ trang Liên Xô, mà còn có thể chi viện cho các dân tộc ở Trung Âu và ở Đông Nam châu Âu trong cuộc đấu tranh giải phóng nước họ. Ví như, trong thời gian đó và ít lâu sau, Liên Xô đã giao cho quân đội Ba Lan 3.500 khẩu pháo, 1.200 máy bay, 1.000 xe tăng, khoảng 700.000 súng trường và tiểu liên, 18.000 xe tăng. Quân đội Nam Tư nhận được 4.429 khẩu pháo và súng cối, khoảng 500 máy bay, 1.329 điện đài và nhiều dụng cụ chiến tranh khác[1].

Vào thời gian này bộ đội Liên Xô đã đuổi hết quân phát-xít Đức ra khỏi lãnh thổ của mình, khôi phục được biên giới nhà nước, trừ vùng Cua-li-an-di, và đã chuyển một phần những hoạt động chiến sự sang lãnh thổ nước Đức phát-xít và các nước Đông Âu.

Các Phương diện quân Pri-ban-tích 1 và 2 chiếm lĩnh tuyến Tu-cum-xơ - Mê-men - sông Nê-man đến Yu-buốc. Các Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 3 và 2 chiếm lĩnh tuyến Yu-buốc - sông đào tháng Tám - Lôm-gia - Xê-rốt-xơ với hai căn cứ bàn đạp trên sông Na-rép. Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 và U-crai-na 1 chiếm lĩnh phòng ngự theo tuyến ven Vác-xô-vi - Pra-ha - sông Vi-xla - Ya-xlô. Hai phương diện quân này có ba căn cứ bàn đạp ở khu vực Mác-nu-xép - Pu-la-va - Xan-đô -mia.

Tuyến mặt trận của bộ đội Liên Xô còn ăn xa nữa tới Lê-vít-xe - E-xtéc-gôm - hồ Ba-la-tôn - Pét. Sau đây là đến nơi bố trí của các đơn vị Quân đội Bun-ga-ri.

Quân đội nhân dân giải phóng Nam Tư, đứng đầu là nguyên soái I.B. Ti-tô đã tiến tới tuyến Bu-cô-va - Cha-chác - Xplít đến tận biển A-đri-a-tích.

Bộ đội của Mỹ, Anh và Pháp, sau khi giải phóng nước Pháp, Bỉ và một phần đất Hà Lan, đã tiến ra cửa sông Ma-át ở Hà Lan, và xa nữa đến biên giới nước Đức, Thụy Sĩ mãi tới sát phòng tuyến Xi-ét-phri-ét.

Nước Đức đã bước vào thời kì gay go. Đến cuối năm 1944 sản xuất vũ khí ở đó đã tụt hẳn xuống. Nó bị dồn ép từ bốn phía: đông, đông nam, nam và tây. Có thể nói rằng đến cuối năm 1944, nước Đức bị hãm vào một vòng vây chiến lược, khó lòng thoát ra nổi.

Trong thời gian ấy, hỏi cung bất kỳ một tù binh Đức nào, chúng tôi đều không lấy một tên nào còn tỏ ra tin tưởng vào khả năng thắng lợi của nước Đức. Tất cả bọn chúng đều tuyên bố “Nước Đức sẽ thất bại”, “Hít-le sẽ thất bại”. Tuy vậy, Hít-le vẫn ra sức tiến hành hết biện pháp tổng hợp này đến biện pháp tổng hợp khác. Vây cánh của hắn đã đàn áp tàn nhẫn bất kỳ người nào không tin vào chế độ của hắn hoặc eo một tí ý nghĩ nào khác với hắn. Sau vụ mưu sát Hít-le ngày 20-7-1944, bọn Giét-ta-pô đã trả thù hết sức dã man.

Ngày 18-10, chúng đem ra thi hành sắc lệnh tổ chức Phôn-cơ-stua[2] của chính phủ. Theo sắc lệnh ấy, những người Đức lứa tuổi từ 18 đến 60 bị động viên nhập ngũ. Đội dân vệ ấy do Him-le lãnh đạo và được sử dụng làm đội quân dự bị.

Chúng tôi biết rõ rằng, lực lượng dân vệ Phôn-cơ-stua không thể chịu nổi những đòn tiến công của quân đội chính quy đầy kinh nghiệm và được trang bị tốt của chúng ta. Bọn Hít-le thậm chí còn thành lập ra cả quân đoàn phụ nữ. Tất cả những biện pháp trên là những hoạt động tuyệt vọng, qua đó

chúng ta thấy rõ: nước Đức đang dốc hết những sức lực cuối cùng, mưu toan kéo dài sự thất bại không thể nào tránh khỏi.

Tuy vậy đến cuối năm 1944, nước Đức vẫn còn sức đánh phòng ngự và tích cự chống cự lại. Lực lượng vũ trang của chúng vẫn còn khoảng 7,5 triệu người, trong đó quân đội đang tác chiến chiếm 5,3 triệu. Vẫn như trước kia, ngay trong giai đoạn cuối cùng, bộ chỉ huy Đức giữ lại ở mặt trận phía đông phần lớn lực lượng của chúng: 3,1 triệu người, 28.500 khẩu pháo và súng cối, khoảng 4.000 xe tăng và pháo tiến công, chừng 2.000 máy bay chiến đấu.

Ở đây cần chú ý là chính diện trên mặt trận Xô - Đức đã co hẹp lại gần một nửa, vì vậy mật độ phòng ngự quân địch tăng lên.

Bộ đội Liên Xô trong thời gian này có ưu thế hơn quân địch về mọi chỉ số. Đến cuối năm 1944, quân đội đang tác chiến của ta có khoảng 6 triệu người, hơn 91.400 khẩu pháo và súng cối, chừng 11.000 xe tăng và pháo tự hành, hơn 14.500 máy bay.

Chính là nhờ vào tính ưu việt của nền kinh tế quốc dân, tinh thần lao động quên mình và ba năm dốc sức lớn lao của hàng chục triệu người, nhờ có đường lối chính trị biết nhìn xa thấy rộng và sự lãnh đạo vững chắc của Đảng nên một quân đội đông đảo như thế mới có thể đứng vững trên bờ cõi của Liên Xô cho đến tận ngày kết thúc chiến tranh. Không phải dễ dàng mà nhân dân ta đã xây dựng được những lực lượng vũ trang có ưu thế đáng kinh ngạc như thế so với quân thù.

Quân đội Ba Lan, Tiệp Khắc, Ru-ma-ni và Bun-ga-ri tham gia chiến đấu

diệt trừ quân phát-xít, càng tăng thêm sức mạnh của chúng ta. Đến đầu năm 1945, tổng quân số các nước trên lên tới trên 32 vạn người.

Những phi công người Pháp trong trung đoàn không quân “Noóc-măng-đi Nê-man” thuộc biên chế Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 3 chiến đấu rất dũng cảm.

Ngoài mặt trận phía tây, quân đội Mỹ, Anh, Pháp có 87 sư đoàn biên chế đầy đủ và trang bị rất tốt với 6.500 xe tăng và hơn 10.000 máy bay. Chống lại những lực lượng đó, bộ chỉ huy Đức chỉ có tất cả 74 sư đoàn quân số ít ỏi với 1.600 xe tăng và pháo tiến công, chừng 1.750 máy bay chiến đấu.

Do đó, các nước Đồng Minh chẳng bao lâu sau khi mở mặt trận thứ hai đã hơn địch 2 lần về số người, 4 lần về xe tăng, 6 lần về máy bay.

Ở Ý,, bọn Đức có 31 sư đoàn trang bị yếu chống với 21 sư đoàn và 9 lữ đoàn quân đội Đồng minh.

Sau khi phân tích toàn diện tình hình và khả năng tất cả những nước tham chiến, Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao quyết định chuẩn bị và tiến hành vào đầu năm 1945 trên tất cả các hướng chiến lược những chiến dịch tiến công mạnh với những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Đánh tan quân địch ở Đông Phổ, và chiếm miền Đông Phổ.
- Tiêu diệt bọn địch ở Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung-ga-ri, Áo.
- Tiến ra tuyến cửa sông Vi-xla - Brôm-béc (Bút-gốt) - Pô-đơ-nan - Blét-lau (Vrót-xláp) - Mô-ráp-xca - ô-xơ-ra-va - Viên.

Những cố gắng chủ yếu của chiến cục kết thúc được quyết định tập trung trên hướng Vác-xô-vi - Béc-lanh, là hướng mà Phương diện quân Bê-lô-ru-

xi 1 sẽ tiến công. Việc tiêu diệt bộ phận địch ở Cua-li-an-di (tập đoàn quân 16 và 18) được giao cho các Phương diện quân Pri-ban-tích 2 và 1 và Hạm đội Ban-tích. Đồng thời các đơn vị này làm cả nhiệm vụ kìm không cho địch điều động những lực lượng của chúng đang bị giam hãm ở vùng biển Ban-tích sang các mặt trận khác.

Thời gian này, Đại bản doanh tiếp xúc đều đặn với Bộ tổng tư lệnh quân đội viễn chinh các nước Đồng minh Phương Tây. Chúng ta được biết là bộ tư lệnh Mỹ, Anh, Pháp đang chuẩn bị một chiến dịch tiến công nhằm tiêu diệt quân Đức trong các vùng Rúa, Xa-rơ và tiến vào trung tâm nước Đức. Còn những mũi đột kích thứ yếu thì họ dự định mở trên những hướng chiến lược phía nam và đông nam.

Ở đây cần chú ý đến một chi tiết quan trọng. Lúc này Béc-lanh ở cách tuyến mặt trận của Liên Xô và tuyến mặt trận của các nước Đồng minh một khoảng cách như nhau. Và không phải ngẫu nhiên, trong những hồi kí của mình, Sốc-sin đã nhiều lần nhắc tới Béc-lanh, coi đó là mục tiêu mà quân đội các nước Đồng minh muốn đánh chiếm, mặc dầu, theo hiệp nghị đã thỏa thuận giữa những người đứng đầu các chính phủ, đó là trách nhiệm của bộ đội Liên Xô.

Việc phối hợp hoạt động của bộ đội các nước Đồng minh và Liên Xô trong thời kì này chủ yếu là bằng con đường trao đổi tin tức giữa bộ tư lệnh tối cao các bên.

Tôi cần nói là thời gian này I.V. Xta-lin tin vào các thông báo của Đ. Ai-xen-hao. Các tin tức tài liệu về kế hoạch và hành động của bộ đội ta được

Bộ Tổng tham mưu trao qua các phái đoàn quân sự Mỹ và Anh. Ngoài ra, những người đứng đầu chính phủ có định kỳ trao đổi với nhau các thông điệp nói đến những vấn đề về nguyên tắc hoạt động của hai bên.

Trong những thư từ trao đổi với tổng thống Ru-dơ-ven có thể thấy rằng, trong thời kì này, việc thực hiện hiệp nghị giữa Liên Xô và Mỹ trên vấn đề trao đổi viện trợ và cả trên những vấn đề chiến lược đều rõ ràng, minh bạch. Còn đối với Séc-sin thì không thể nói như vậy được. Thư từ của ông ta không được cởi mở, qua đó thấy rõ lòng thèm khát ngấm ngấm muốn chiếm những vùng trung tâm nước Đức. Điều đó, tất nhiên, đã buộc chính phủ Liên Xô phải cảnh giác hơn.

Tôi thấy không cần trích dẫn ra đây những thư từ trao đổi giữa U. Séc sin, Ph. Ru-dơ-ven và I. Xta-lin, vì nó đã được công bố cả.

Nếu như ngày nay chú ý lật lại những thư từ trên, ta càng thấy rõ hơn nữa là Séc-sin nuôi dưỡng ý định thiết lập sau chiến tranh ở giữa châu Âu những quốc gia mà đứng đầu là những chính phủ bị lệ thuộc vào các nước đế quốc phương Tây.

Cuối tháng 10, đầu tháng 11 năm 1944, do Tổng tư lệnh tối cao phân công, tôi có nhiệm vụ nghiên cứu kĩ những vấn đề trong chiến cục kết thúc chiến tranh, trước hết là kế hoạch các chiến dịch trên hướng Béc-lanh.

Tôi lấy làm hài lòng nhận xét rằng, Bộ Tổng tham mưu trong thời kì này đã đạt tới một trình độ nghệ thuật rất cao trong việc đặt kế hoạch các chiến dịch tiến công lớn có ý nghĩa chiến lược.

Phân tích tình hình, Bộ Tổng tham mưu đã xác định đúng rằng, hướng Béc-

lạnh là nơi địch sẽ kháng cự quyết liệt nhất. Kết quả rất hạn chế của các cuộc tiến công của quân ta trong tháng 10 (các Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 3, 2 và 1) và việc các phương diện quân trên buộc phải chuyển sang phòng ngự trong những ngày đầu tháng 11 trên toàn mặt trận hướng Tây đã xác minh những tính toán trên là đúng.

Tôi hoàn toàn đồng ý với Bộ Tổng tham mưu, với những cán bộ chủ chốt của Bộ Tổng tham mưu như A.I. An-tô-nốp, X.M. Stê-men-cô, A.A. Grudơ-lốp và N.A. Lô-mốp - những đồng chí trong công tác chỉ đạo tác chiến đã luôn luôn tỏ ra là những người rất giỏi xây dựng kế hoạch chiến dịch, chiến lược.

Theo ý kiến của Bộ Tổng tham mưu, trước hết, những phương diện quân ở phía nam của ta phải mở cuộc tiến công vào hướng Viên. Làm như vậy, chắc chắn sẽ buộc bộ chỉ huy Đức phải điều những đơn vị lớn của chúng đang đóng ở trước mặt các phương diện quân của ta ở phía tây sang để củng cố hướng chiến lược đông nam, là hướng quyết định vận mệnh ở miền Nam và Đông Nam nước Đức.

Trong khi đặt kế hoạch tiến công của các phương diện quân trên hướng Tây, đã phát hiện thấy một vấn đề hắc búa ở Đông Phổ. Số là, ở đây địch có một cụm quân rất lớn với hệ thống phòng ngự phát triển mạnh, đưa vào những công trình xây đắp lâu bền, địa hình phức tạp khó vượt qua và những ngôi nhà xây dựng bằng đá vững chắc trong các vùng dân cư và thành phố.

Thật đáng buồn khi phải nhắc đến một thiếu sót của Đại bản doanh là đã không tiếp thu ý kiến nêu ra từ mùa hè về sự cần thiết tăng cường lực lượng

cho các phương diện quân đang hoạt động trên hướng Đông Phổ. Nếu có lực lượng tăng cường thì ở đây có thể bề gãy được phòng ngự địch trong hành tiến khi chiến dịch Bê-lô-ru-xi phát triển thắng lợi. Nhưng bây giờ thì cụm quân địch ở Đông Phổ đã có thể uy hiếp mạnh cuộc tiến công của bộ đội ta trên hướng Béc-lanh rồi.

Ngày 1 hoặc 2 tháng 11, tôi không nhớ chính xác, Tổng tư lệnh tối cao triệu tập tôi và A.I. An-tô-nốp đến để nghiên cứu kế hoạch mở những chiến dịch mùa đông. Sau khi đã thống nhất ý kiến trước với tôi, A.I. An-tô-nốp báo cáo đề án kế hoạch. Lần này Tổng tư lệnh tối cao cũng vẫn thấy không cần làm theo đề nghị chung của chúng tôi là tăng cường thêm một tập đoàn quân nữa cho Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 để tiêu diệt cụm quân địch ở Đông Phổ. Tập đoàn quân này chúng tôi đề nghị lấy trong thành phần của các phương diện quân vùng Ban-tích, mà ở đó theo chúng tôi, quân ta nên chuyển sang phòng ngự sau khi đã vây hãm tập đoàn quân 16 và 18 của địch ở Cua-li-an-di.

Sau những ngày lễ tháng 10, chúng tôi cùng với Bộ Tổng tham mưu bắt tay vào xây dựng mọi chi tiết của kế hoạch tiến công của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1.

Thời gian này, bộ tư lệnh và bộ tham mưu phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 cũng đã gửi về Bộ Tổng tham mưu những dự kiến chính của mình về việc tiến hành chiến dịch, những dự kiến ấy về cơ bản đáp ứng với tình hình. Chúng tôi đã thảo luận nhiều lần với K.K. Rô-cô-xốp-xki và M.X. Ma-li-nin về những dự kiến ấy.

Như đã nói đến ở phần trên, tôi không đồng ý đánh vào Vác-xô-vi qua sông Vi-xla, ý kiến đó tôi đã báo cáo lên và được Tổng tư lệnh tối cao chấp nhận. Ngày 15-11, tôi đến Liu-blin. Hôm sau thì nhận được lệnh chỉ định tôi làm tư lệnh Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 (ủy viên Hội đồng quân sự phương diện quân là tướng K.Ph. Tê-lê-ghin), còn K.K. Rô-cô-xốp-xki cũng được chỉ định ngay trong bản mệnh lệnh ấy làm tư lệnh Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2.

Lưu lại 2 ngày ở Liu-blin gặp gỡ với đồng chí B. Bê-rút, các đồng chí của Đảng Công nhân và ủy ban dân tộc giải phóng Ba Lan, ngày 18-11, tôi về cơ quan bộ tư lệnh phương diện quân.

Trước cuối tháng 11, bộ tham mưu phương diện quân đứng đầu là đồng chí M.X. Ma-li-nin đã nghiên cứu xong kế hoạch tiến công và chuẩn bị để gửi lên Đại bản doanh Bộ Tổng tham mưu những đề nghị bổ sung quân số và phương tiện vật chất. Bộ tham mưu, cơ quan tham mưu hậu cần của phương diện quân và các đồng chí tư lệnh các binh chủng đã làm một khối lớn công tác tính toán dự trữ lực lượng và phương tiện cho chiến dịch sắp tới. Đồng chí Phó tư lệnh phương diện quân phụ trách hậu cần trung tướng N.A. An-ti-pen-cô và đồng chí tham mưu trưởng hậu cần, tướng M.K. Sli-ác-ten-cô đã đảm đương khối lượng công tác rất phức tạp này.

Đến cuối tháng 11, kế hoạch được phê chuẩn. Tổng tư lệnh tối cao chưa xác định dứt khoát thời hạn bắt đầu chiến dịch, nhưng có đề ra hướng phải chuẩn bị xong trong những ngày 15 – 20-1.

Nhiệm vụ và thời hạn đề ra trên đây đòi hỏi ở bộ đội, các cơ quan tham

muru, hậu cần và chỉ huy phải tiến hành nhiều công tác lớn và phức tạp.

Công tác chuẩn bị chiến dịch Vi-xla - Ô-đê khác hẳn công tác chuẩn bị các chiến dịch trước đây có quy mô tương tự ở nước ta.

Trước kia, chúng ta có được những nguồn tin tức trinh sát tốt là các đội du kích của ta hoạt động ở phía sau lưng quân địch. Còn ở đây không có những nguồn tin đó.

Bây giờ khai thác tin tức địch chủ yếu dựa vào tình báo, trinh sát bằng máy bay và trinh sát của bộ đội hoạt động trên mặt đất.

Bộ tư lệnh và cơ quan tham mưu các cấp phải đặc biệt chú ý tới mặt công tác quan trọng đó.

Những đường sắt và đường cái chuyên chở của hậu cần chúng ta lúc này nằm trên đất đai Ba Lan, ở đây, ngoài những người bạn chân chính và nhân dân trung thực với chúng ta ra, còn có cả bọn tình báo địch. Những điều kiện mới đó yêu cầu chúng ta phải đặc biệt cảnh giác, hết sức giữ bí mật về mọi cuộc tập trung, điều động bộ đội và những dự trữ vật chất.

Hồi đó các tổ chức Đảng trong quân đội theo chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương đã giải thích sâu rộng yêu cầu về tư cách của bộ đội ta khi hoạt động ở nước ngoài là nơi chúng ta đến không phải để xâm lược mà để giải phóng khỏi ách chiếm đóng của quân giặc. Trong tất cả các đơn vị bộ đội thuộc phương diện quân, còn triển khai rộng hơn nữa công tác giáo dục trên nhằm làm cho các cán bộ và chiến sĩ ta khi đến đất Ba Lan sẽ không có một hành động vô ý thức nào.

Chúng ta đã đặt mối quan hệ bình thường với các cơ quan chính quyền địa

phương và các đoàn thể xã hội Ba Lan và đã được các cơ quan, đoàn thể đó hết sức giúp đỡ. Về phía mình, bộ đội chúng ta cũng đã chia sẻ với nhân dân Ba Lan tất cả những gì chúng ta có. Như vậy là ngay từ bước đầu, từ những buổi gặp gỡ ban đầu đã xây đắp được nền móng của tình hữu nghị anh em giữa nhân dân Liên Xô và Ba Lan, những người đã từng cùng chịu ách chiếm đóng của quân giặc.

Để chuẩn bị chiến dịch một cách thiết thực hơn, Hội đồng quân sự phương diện quân quyết định tổ chức cuộc diễn tập với nội dung, tình huống giống như chiến dịch sắp tới. Tham gia diễn tập có tất cả tư lệnh các tập đoàn quân, các ủy viên Hội đồng quân sự, tham mưu trưởng, tư lệnh các quân đoàn độc lập, phó tư lệnh hậu cần phương diện quân, tư lệnh và chủ nhiệm các binh chủng. Bộ tham mưu phương diện quân đã chuẩn bị rất đầy đủ và cuộc diễn tập đã diễn ra thật hào hứng và bổ ích. Ngay trong diễn tập, cơ quan lãnh đạo ngành hậu cần của phương diện quân đã báo cáo, sau đó đưa ra thảo luận kĩ về các vấn đề bảo đảm vật chất kỹ thuật.

Các đồng chí tư lệnh tập đoàn quân sau đó lại tổ chức diễn tập trong phạm vi đơn vị mình. Tất cả những công việc chuẩn bị trên, nhất là các cuộc thảo luận về các vấn đề có liên quan đến các chiến dịch sắp tới đã giúp cho toàn thể các cán bộ lãnh đạo hiểu sâu hơn vị trí của mỗi người, đồng thời nắm được đầy đủ kế hoạch hiệp đồng với các đơn vị bên cạnh, không quân, bộ đội cơ động, pháo binh và công binh.

Vì hai bàn đạp để triển khai chiến dịch thì tương đối nhỏ, mà số quân tập trung thì rất lớn, nên công tác tổ chức hậu cần cho bộ đội vô cùng phức tạp.

Vấn đề đó lại càng phức tạp thêm nữa vì trong quá trình phát triển của chiến dịch, có một thời gian chúng ta phải cung cấp cho bộ đội mọi thứ cần thiết cho chiến đấu và sinh hoạt bằng một số rất ít đường sá trên hai bàn đạp đó. Để đặt mối quan hệ hiệp đồng giữa hai bàn đạp trên được chặt chẽ hơn nữa, ngày 4-1, cơ quan tham mưu tập đoàn quân 59 của tướng V.Ya. Côn-pắc-chi đã tổ chức cuộc diễn tập với tất cả các tư lệnh binh đoàn trong tập đoàn quân. Tôi có mời các đồng chí V.I. Chui-cốp, tư lệnh tập đoàn quân 8, N.E. Béc-da-rin, tư lệnh tập đoàn quân xung kích 5, và các đồng chí tư lệnh các tập đoàn quân xe tăng cận vệ 1 và 2 là M.E. Ca-tu-cốp và X.I. Bốc-đa-nốp cùng với các tham mưu trưởng tập đoàn quân đó tham dự cuộc diễn tập này. Đến cuối tháng 12, tôi lại đáp máy bay về Đại bản doanh để thảo luận với Tổng tư lệnh tối cao về một loạt vấn đề có liên quan đến việc phê chuẩn lần cuối cùng kế hoạch chung của những chiến dịch kết thúc chiến tranh. Ý định của Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao về những chiến dịch kết thúc cuộc chiến tranh trên hướng chiến lược phía tây hình thành xong vào tháng 11-1944. Việc xác định sớm kế hoạch chiến lược tạo điều kiện cho các phương diện quân có thể nghiên cứu tỉ mỉ mọi vấn đề của chiến dịch, chiến lược, các vấn đề bảo đảm về chính trị và vật chất. Trước khi mở mũi đột kích trực tiếp vào Béc-lanh, có quy định mở trên hướng chiến lược phía tây hai chiến dịch tiến công lớn: một ở Đông Phổ bằng lực lượng của các Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 và 3, một trên hướng Vác-xô-vi-béc-lanh bằng lực lượng của các Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 và U-crai-na 1.

Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 có nhiệm vụ đột kích vào hướng chung tới Pô-dơ-nan. Phương diện quân U-crai-na 1 có nhiệm vụ tiến ra Ô-đê (Ô-đra) đến tây bắc Glô-gan (Glô-gúp), Brét-xlau (Vuốt-lốp) Ra-ti-bo (Rát-xi-bút). Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 đánh thẳng vào cụm địch đóng ở Đông Phổ. Các đơn vị chủ lực của phương diện quân làm nhiệm vụ chia cắt cụm quân địch này tiếp tục chiến đấu ở Đông Phổ mãi tới đầu tháng 2. Các tập đoàn quân cánh trái của phương diện quân, khi tiến tới hạ lưu sông Vi-xla, quá phía bắc Brôm-béc (Bút-gốt) sẽ chuyển sang phòng ngự.

Mục tiêu trước mắt của chiến dịch mà Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 phải đạt được là đột phá phòng ngự quân địch cùng một lúc trên hai hướng, và sau khi đánh tan cụm địch ở Vác-xô-vi - Ra-đôm, sẽ tiến tới đường kinh tuyến Lôt-dơ. Sau đó có nhiệm vụ tiến công theo hướng chung đến Pô-dơ-nan tới tuyến Brôm-béc (Bút-gốt) - Pô-dơ-nan và quá phía nam, ở đây sẽ liên lạc để phối hợp về chiến thuật với bộ đội của Phương diện quân U-crai-na 1.

Kế hoạch tiến quân tiếp sau chưa đặt ra, vì Đại bản doanh chưa thể biết trước là khi bộ đội của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 tiến ra tuyến Brôm-béc (Bút-gốt) - Pô-dơ-nan, tình huống sẽ diễn biến ra sao. Có thể là cuộc tiến công của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 sẽ chậm trễ, và nếu như vậy, thì nhiệm vụ đánh vu hồi và cô lập cụm địch ở Đông Phổ do Bộ Tổng tư lệnh tối cao đặt ra không thể hoàn thành được. Đến lúc ấy, Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 có thể phải tung một phần lớn lực lượng của mình sang phía bắc để chi viện cho Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2.

Còn về phần đơn vị bạn bên trái, chúng tôi tin tưởng là anh em sẽ không tụt lại. Phương diện quân U-crai-na 1 có lực lượng gần bằng phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1, thêm nữa, cả hai phương diện quân thực ra lại tiến công kè bên nhau. Căn cứ vào đó, chúng tôi cho rằng, sẽ không phải triển khai lực lượng của mình ở hướng nam. Đại bản doanh cũng thấy không cần dự kiến cho các đơn vị của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 quay xuống hướng tây nam và nam.

Ngoài ra cũng không thể sớm đề ra nhiệm vụ tiếp sau được vì trong điều kiện một chiến dịch tiến công sâu hàng mấy trăm km, bộ chỉ huy quân địch có đầy đủ khả năng để cơ động các lực lượng dự bị của chúng. Ví dụ như, chúng có thể điều động các đơn vị bổ sung lấy ở mặt trận phía tây nam, rút những lực lượng của cụm quân đang bị vây hãm ở Cua-li-an-di về, và cuối cùng, có thể cơ động dọc theo chính diện mà tập trung những lực lượng cần thiết trên một trong các đoạn phòng ngự để tích cực chống lại ta.

Vì vậy Đại bản doanh thấy nên tùy theo diễn biến của tình hình mà sau này hãy quy định nhiệm vụ tiếp sau của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1.

Chiến dịch do Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 mở, thoát đầu gọi là chiến dịch Vác-xô-vi - Pô-dơ-nan, về sau, khi tiến đến Ô-đe, tới vùng Kiu-xơ-rin, đổi thành chiến dịch Vi-xla - Ô-đe.

Chiến dịch xây dựng theo kế hoạch như sau. Mũi đột kích chủ yếu sẽ mở từ căn cứ bàn đạp Mác-nu-sép bằng lực lượng của các tập đoàn quân xung kích 5, 61 và tập đoàn quân cận vệ 8, các tập đoàn quân xe tăng cận vệ 1 và 2. Ngoài ra từ đằng sau cánh phải của tập đoàn quân 61, sau khi vượt qua

sông Pi-lít-xa, sẽ cho các binh đoàn của tập đoàn quân 1 Bộ đội Ba Lan của tướng Pô-pláp-xki bước vào chiến đấu để từ phía nam tiến công thẳng vào Vác-xô-vi.

Tập đoàn quân 61 của tướng P.A. Bê-lốp, sau khi vượt qua sông Pi-lít-xa sẽ tiến công vòng qua Vác-xô-vi theo hướng chung tới Xô-kha-chép, đồng thời dùng một phần lực lượng đột kích vào phía tây Vác-xô-vi. Tập đoàn quân xung kích 5 của tướng N.E. Béc-da-rin, sau khi chọc thủng phòng ngự địch sẽ tiến công theo hướng chung tới Ô-doóc-cúp và tiếp sau tới Gơ-nét-nô. Tập đoàn quân cận vệ 8 của tướng V.I. Chui-cốp, sau khi đột phá được sẽ tiến công bên trái tập đoàn quân 5 theo hướng chung tới Lốt-dơ và xa nữa tới Pô-dơ-nan.

Tập đoàn quân không quân 16 của tướng X.I. Ru-đen-cô sẽ yểm hộ cho các hoạt động của bộ đội trên mặt đất. Quân đoàn kỵ binh cận vệ 2 của tướng V.V. Criu-cốp tiến theo sau tập đoàn quân cận vệ 2, có nhiệm vụ tiến công dọc theo sông Vi-xla vào hướng chung tới Brôm-béc (Bút-gốt). Tập đoàn quân xung kích 3 làm thê đội 2 của phương diện quân.

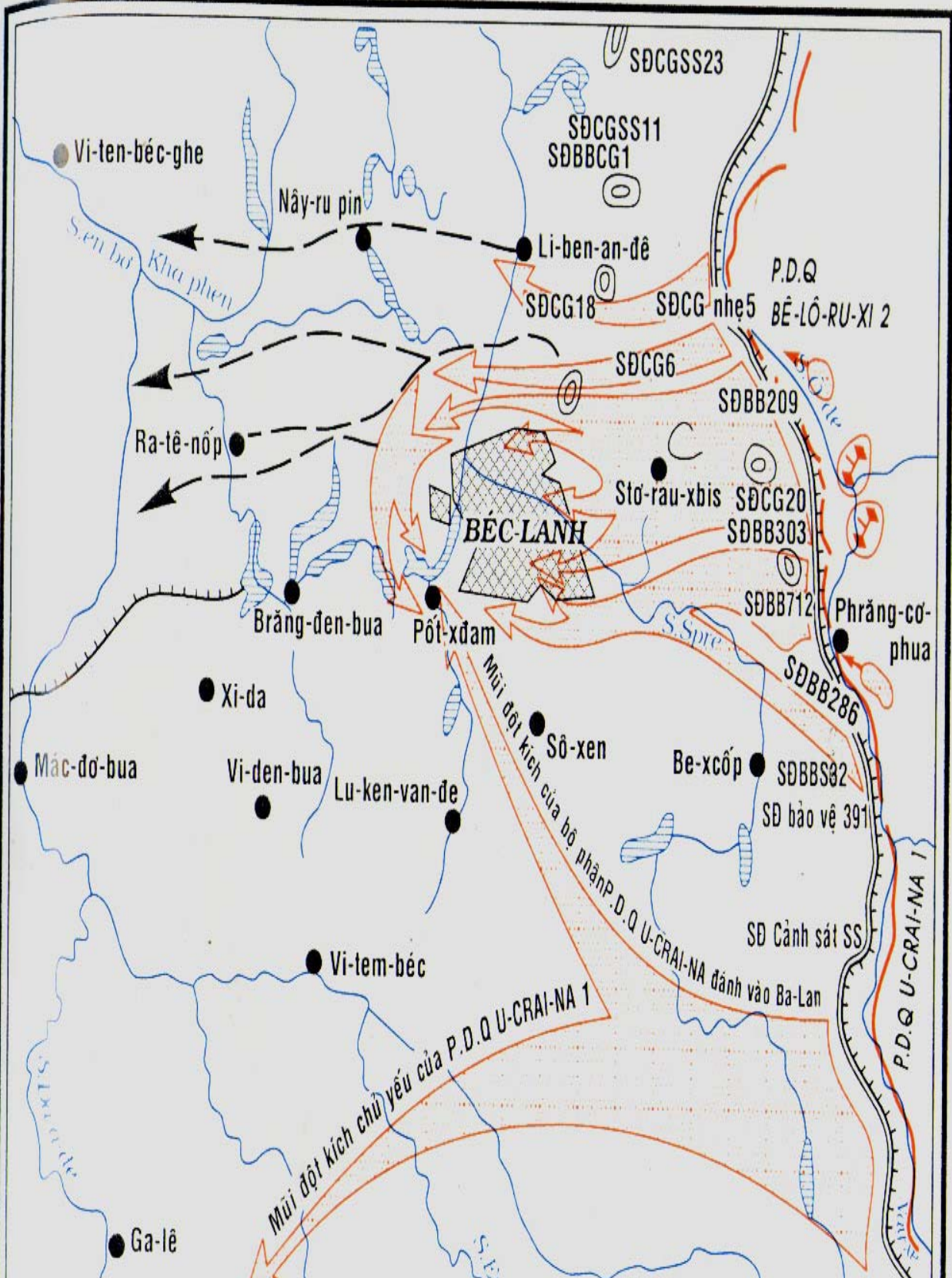
Từ bàn đạp Pu-la-va, các tập đoàn quân 59 và 33, được tăng cường hai quân đoàn xe tăng 11 và 9, sẽ mở mũi đột kích thứ yếu đánh theo hướng chung tới Ra-đôm và xa nữa tới Lốt-dơ. Sau khi đột phá, sẽ dùng bộ phận lực lượng sườn trái tập đoàn quân 33 và quân đoàn xe tăng 9 đột kích vào Xcác-gi-xơ - Ca-me-na nhằm hợp vây và tiêu diệt bọn địch đóng ở Ken-xe - Ra-đôm. Đội dự bị của phương diện quân - quân đoàn kỵ binh 7 của tướng M.P. Côn-xtan-ti-nốp - tiến quân trong thê đội 2 của phương diện quân.

Một ngày đêm sau, tập đoàn quân 47 của tướng Ph.I. Péc-khô-rô-vích sẽ tiến công vào tây bắc Vác-xô-vi. Sư đoàn 2, tập đoàn quân 1 Bộ đội Ba Lan cũng tiến công vào hướng đó.

Nhiệm vụ trước mắt của phương diện quân đặt ra có chi tiết hơn: tiêu diệt cụm quân địch đóng ở Vác-xô-vi - Ra-đôm - Lốt-dơ và chiếm Vác-xô-vi.

Nhiệm vụ tiếp sau thì chỉ vạch ra trên những nét chung và sẽ được xác định cụ thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trước mắt (khi đặt kế hoạch chiến dịch ở cấp phương diện quân có thể làm như vậy).

KẾ HOẠCH CHUNG CỦA CHIẾN DỊCH BÉC LANH



Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 19

CHIẾN DỊCH BÉC-LANH

LÀ chiến dịch kết thúc Thế chiến thứ hai ở châu Âu, chiến dịch Béc-lanh giữ một vị trí đặc biệt. Chiếm được Béc-lanh là giải quyết xong những vấn đề quân sự, chính trị quan trọng nhất, có ảnh hưởng rất lớn đến việc xây dựng nước Đức sau chiến tranh và vị trí chính trị của nước Đức ở châu Âu.

Lực lượng vũ trang Xô-viết chuẩn bị cho trận đánh cuối cùng với quân phát-xít đã nghiêm chỉnh theo đúng đường lối đã được thỏa thuận với các nước Đồng minh là buộc nước Đức phải đầu hàng không điều kiện cả về mặt quân sự, kinh tế lẫn chính trị. Mục tiêu chính trong giai đoạn chiến tranh này là thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa phát-xít trong chế độ xã hội và nhà nước Đức, bắt bọn tội phạm quốc xã phải đền tội thích đáng nhất về những vụ giết người hàng loạt, về sự tàn phá và xúc phạm mà chúng đã gây ra đối với các dân tộc trong những nước bị chúng chiếm đóng, nhất là đối với nước chúng ta đã chịu biết bao đau khổ. Ý đồ của chiến dịch Béc-lanh về cơ bản đã được xác định trong Đại bản doanh vào tháng 11-1944. Trong quá trình các chiến dịch Vi-xla - Ô-đe, Đông Phổ và Pô-mê-ra-ni, ý đồ đó lại được xác định rõ thêm.

Khi xây dựng kế hoạch chiến dịch Béc-lanh, có tính đến cả những hoạt động của quân đội

viễn chinh các nước Đồng minh.

Cuối tháng 3, đầu tháng 4 năm 1945, quân đội viễn chinh các nước Đồng minh đã triển khai trên một chính diện rộng, tiến ra sông Ranh, và bắt đầu vượt sông để phát triển tiến công chung vào các vùng trung tâm nước Đức.

Bộ tổng chỉ huy quân Đồng minh đề ra nhiệm vụ trước mắt là tiêu diệt cụm quân địch ở Rua và chiếm lấy vùng công nghiệp đó. Kế đó, họ sẽ cho quân đội Mỹ và Anh tiến đến sông En-bơ trên hướng Béc-lanh. Cùng lúc đó, họ mở các chiến dịch của quân Mỹ và Pháp ở hướng nam nhằm đánh chiếm các vùng Stút-ga, Mui-ních và tiến vào những vùng trung tâm nước Áo và Tiệp Khắc.

Như chúng tôi đã nói, mặc dầu quyết định của hội nghị Yan-ta đã quy định vùng chiếm đóng của Quân đội Liên Xô xa mãi sang phía tây Béc-lanh và lúc này bộ đội Liên Xô đã có mặt ở sông Ô-đe và Nây-xe (cách Béc-lanh 60 - 100 km) và đã sẵn sàng mở chiến dịch Béc-lanh, nhưng người Anh vẫn tiếp tục ôm ấp mộng chiếm Béc-lanh sớm, trước khi Hồng quân tới.

Tuy giữa các giới quân sự, chính trị Mỹ và Anh chưa nhất trí với nhau về những mục tiêu chiến lược trong giai đoạn kết thúc chiến tranh, nhưng bản thân bộ tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh các nước Đồng minh thì vẫn không từ bỏ ý định chiếm Béc-lanh nếu tình hình thuận lợi.

Vì vậy ngày 7-4-1945, khi thông báo cho Bộ tham mưu hợp nhất các nước Đồng minh về quyết định đối với các chiến dịch cuối cùng, tướng Đ. Ai-xen-hao tuyên bố:

- Sau khi chiếm được Lép-dích, nếu có khả năng tiến quân về Béc-lanh mà không bị tổn thất lớn thì tôi cũng muốn làm việc ấy- Và tiếp sau, lại nói - tôi là người đầu tiên tán thành tiến hành chiến tranh để đạt những mục tiêu chính trị, và nếu bộ tham mưu hợp nhất quyết

định chiếm Béc-lanh là cần hơn các hoạt động có tính chất thuần túy quân sự tại chiến trường này, thì tôi vui lòng thay đổi các kế hoạch và suy nghĩ của mình để mở bằng được chiến dịch đó[1].

Cuối tháng 3, qua phái đoàn Mỹ, I.V. Xta-lin được Ai-xen-hao thông báo cho biết, ông ta đã có kế hoạch tiến quân tới ranh giới đã thỏa thuận trên hướng Béc-lanh. Theo thông báo đó thì các đơn vị Anh và Mỹ sẽ mở cuộc tiến công tiếp sau trên hướng đông bắc để tiến vào vùng Liu-béc và đến hướng đông nam nhằm tiêu diệt bọn địch ở phía nam nước Đức. I.V. Xta-lin đã biết rằng, gần đây bọn Hít-le đang tích cực tìm cách ký kết những hiệp nghị riêng rẽ với các chính phủ Anh và Mỹ. Trước tình thế tuyệt vọng của quân đội Đức, rất có thể là bọn Hít-le sẽ không chống cự ở phía tây và sẽ mở đường cho quân đội Mỹ - Anh vào Béc-lanh, không để Béc-lanh rơi vào tay Hồng quân.

Diễn biến cuộc tiến công của các đơn vị Mỹ - Anh trên vùng sông Ranh ra sao?

Đúng là ở đây bọn Hít-le để lại một lực lượng bảo vệ rất yếu. Trước đây sau khi rút qua sông Ranh, quân Đức có thể tổ chức chống cự quyết liệt được. Song, chúng đã không làm như vậy. Trước hết là vì những lực lượng chủ yếu của chúng đã sang phía đông để chống lại bộ đội Liên Xô. Ngay trong lúc cụm quân của chúng ở hạt Rua lâm vào tình thế hiểm nghèo, bộ chỉ huy Đức vẫn rút quân ở phía tây về tăng cường cho mặt trận phía đông chống lại bộ đội Liên Xô.

Lúc đầu khi quân Mỹ - Anh mở chiến cục, bọn Đức ở mặt trận phía tây có 60 sư đoàn đã kiệt sức, hiệu lực chiến đấu của chúng chỉ ngang với 26 sư đoàn đủ biên chế. Quân Đồng minh có ở đây 80 sư đoàn biên chế trang bị đầy đủ, trong đó có 23 sư đoàn xe tăng. Quân Đồng minh lại chiếm ưu thế đặc biệt trên không. Những đòn tập kích bằng máy bay của quân Đồng minh thực tế có thể chế áp hoàn toàn mọi sự chống cự trên mặt đất cũng như

trên không ở bất cứ vùng nào.

Vì vậy quân Mỹ - Anh vượt qua sông Ranh trong những điều kiện dễ dàng và họ chiếm được sông Ranh thật ra không gặp sức kháng cự nào của quân Đức.

Không đợi phải tiêu diệt xong cụm quân Đức đóng ở Rua, bộ tổng chỉ huy quân Đồng minh đã vội vã tung những lực lượng chủ yếu của họ về hướng Béc-lanh, nhằm tiến ra sông En-bơ.

Sau chiến tranh, qua nhiều lần nói chuyện với các tướng Mỹ và Anh như Ai-xen-hao, Mông-gô-mê-ri, Đờ-lát Đờ Tát-xi-nhi, Clây, Rô-béc-son, Smít và nhiều tướng lĩnh khác, chúng tôi được biết rõ thêm là, mãi đến khi pháo binh, súng cối, máy bay quân ta oanh tạc mãnh liệt, và cuộc tiến công hiệp đồng nhịp nhàng giữa xe tăng và bộ binh Liên Xô tại Ô-đê và Nây-xe đã làm rung chuyển đến tận gốc hệ thống phòng ngự quân Đức thì quân đội những nước Đồng minh mới dứt khoát chịu từ bỏ ý định đánh chiếm Béc-lanh.

Khi ở Đại bản doanh nhận được thông báo của tướng Ai-xen-hao quyết định mở hai đòn đột kích - về phía đông bắc và phía nam nước Đức - và quân đội Mỹ sẽ dừng lại ở ranh giới đã thỏa thuận trên hướng Béc-lanh, thì I.V. Xta-lin đã coi Ai-xen-hao như là người trung thành với lời hứa nhận trách nhiệm của mình. Ý kiến ấy tỏ ra là hơi vội.

Ngày 29-3 theo lệnh của Đại bản doanh, tôi lại về Mát-xcơ-va, mang theo kế hoạch chiến dịch Béc-lanh của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1. Kế hoạch ấy do bộ tham mưu và bộ tư lệnh phương diện quân nghiên cứu trong suốt tháng 3, mọi vấn đề có tính chất nguyên tắc đều thống nhất về cơ bản với Bộ Tổng tham mưu và Đại bản doanh. Vì vậy chúng tôi có thể đệ trình một kế hoạch chi tiết lên Tổng tư lệnh tối cao thông qua.

Khuya hôm đó, I.V. Xta-lin gọi tôi đến phòng làm việc trong điện Crem-lanh. Có một mình I.V. Xta-lin trong phòng. Hội nghị với các ủy viên Hội đồng quốc phòng vừa kết

thúc.

Cũng như mỗi lần, đồng chí lặng lẽ chìa tay ra, tựa như vẫn đang tiếp tục câu chuyện mới bị ngắt quãng và nói:

- Mặt trận của Đức ở phía tây đứt khoát bị tan vỡ, và có lẽ bọn Hít-le không muốn áp dụng những biện pháp nhằm chặn cuộc tiến quân của quân đội Đồng minh lại. Trong khi đó chúng lại tăng cường lực lượng trên tất cả những hướng quan trọng nhất chống lại chúng ta. Đồng chí nhìn xem tấm bản đồ tình hình gần đây nhất của quân đội Đức.

Mặc cho tàu thuốc cháy, Tổng tư lệnh tối cao nói tiếp:

- Tôi cho rằng, chiến đấu sẽ gay go, ác liệt...

Xong, đồng chí hỏi, tôi đánh giá quân địch trên hướng Béc-lanh như thế nào.

Tôi rút tám bản đồ trinh sát của phương diện quân đặt lên trước mặt Tổng tư lệnh tối cao.

Người chăm chú xem toàn bộ sự bố trí chiến dịch, chiến lược của địch trên hướng chiến lược Béc-lanh.

Theo tài liệu của chúng tôi, bọn Đức có ở đây 4 tập đoàn quân gồm trên 90 sư đoàn, trong đó có 14 sư đoàn xe tăng và mô-tô hóa, 37 trung đoàn độc lập và 98 tiểu đoàn độc lập.

Sau này mới phát hiện rõ là ở hướng Béc-lanh chúng có hơn 1 triệu người, 10.000 đại bác và súng cối, 1.500 xe tăng và pháo tiến công, 3.300 máy bay chiến đấu, và ở ngay trong thành phố Béc-lanh chúng đã lập được một đội quân phòng vệ 20 vạn người.

- Bao giờ bộ đội ta có thể bắt đầu tiến công? - I.V. Xta-lin hỏi.

Tôi báo cáo:

- Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 không quá 2 tuần lễ nữa có thể bắt đầu tiến công.

Phương diện quân U-crai-na 1 chắc là vào dịp đó cũng đã chuẩn bị xong. Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2, theo tất cả những tin tức nhận được, còn mắc tiêu diệt nốt quân địch

trong vùng Đan-xích và Gơ-đư-nha đến tận giữa tháng 4, và sẽ không thể bắt đầu tiến công cùng một lúc từ Ô-đê với Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 và U-crai-na 1.

- Thôi, đành phải mở chiến dịch mà không chờ Rô-cô-xốp-xki, - I.V. Xta-lin nói. - Nếu Rô-cô-xốp-xki có chậm vài ngày cũng không đáng ngại.

Sau đó, I.V. Xta-lin đến bàn làm việc, lật mấy trang giấy ra, lấy một bức thư:

- Đây đồng chí đọc xem.

Thư do một người hảo tâm nước ngoài gửi tới. Trong thư cho biết về những cuộc đàm phán ở hậu trường giữa bọn mật vụ Đức với đại diện chính thức các nước Đồng minh. Bọn Đức đề nghị các nước Đồng minh chấm dứt chiến tranh với chúng, nếu họ đồng ý ký hòa ước riêng rẽ.

Trong thư còn nói, hình như các nước Đồng minh khước từ âm mưu của bọn Đức. Nhưng tuy vậy vẫn chưa loại trừ khả năng bọn Hít-le sẽ mở cửa cho quân Đồng minh vào Béc-lanh.

- Thế nào, đồng chí có ý kiến gì về vấn đề đó? - I.V. Xta-lin hỏi. Rồi không đợi trả lời, đồng chí nhận xét ngay - tôi nghĩ rằng Ru-dơ-ven sẽ không phá hiệp ước Yan-ta, nhưng còn Séc-sin, thì hẳn ta có thể làm tắt.

I.V. Xta-lin lại đến cạnh bàn làm việc, cầm máy nói, gọi A.I. An-tô-nốp tới làm việc ngay.

15 phút sau, A.I. An-tô-nốp đã có mặt ở căn phòng Tổng tư lệnh tối cao.

- Công việc ở chỗ Rô-cô-xốp-xki ra sao?

A.I. An-tô-nốp báo cáo tình hình và diễn biến chiến đấu ở vùng Đan-xích và Gơ-đư-nha, sau đó Tổng tư lệnh tối cao hỏi về tình hình của Va-xi-lép-xki ở vùng Cních-xbéc.

A-lếch-xây I-nô-ken-ti-ê-vích báo cáo tình hình của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 3.

I.V. Xta-lin lặng lẽ đưa cho đồng chí đọc lá thư tôi vừa xem.

A.I. An-tô-nốp nói:

- Đây là một dẫn chứng về thói lèo lái ở hậu trường giữa các nhóm cầm quyền Hít-le và Anh.

Quay về phía A.I. An-tô-nốp, Tổng tư lệnh tối cao nói:

- Đồng chí gọi đây nói ra lệnh cho Cô-nép về Đại bản doanh ngày 1-4, đem theo kế hoạch chiến dịch của Phương diện quân U-crai-na 1, và trong hai ngày tới, đồng chí hãy làm việc với Giu-cốp.

Hôm sau, A.I. An-tô-nốp giới thiệu cho tôi dự án kế hoạch chiến lược của chiến dịch Béc-lanh, trong đó có đầy đủ kế hoạch tiến công của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1. Sau khi chú ý tìm hiểu kế hoạch chiến dịch Béc-lanh do Đại bản doanh xây dựng, tôi cho rằng kế hoạch được chuẩn bị tốt, hoàn toàn đáp ứng tình huống chiến dịch, chiến lược trong thời kỳ đó.

Ngày 31-3, tư lệnh Phương diện quân U-crai-na 1, nguyên soái I.X. Cô-nép tới Bộ Tổng tham mưu. Ở đây, đồng chí bắt tay vào nghiên cứu kế hoạch chung của chiến dịch Béc-lanh và sau đó báo cáo về dự thảo kế hoạch tiến công của bộ đội Phương diện quân U-crai-na 1.

Nếu trí nhớ của tôi không thay đổi thì tất cả chúng tôi lúc đó đã đều nhất trí trong tất cả các vấn đề có tính nguyên tắc.

Ngày 1-4, ở Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao, chúng tôi nghe A.I. An-tô-nốp báo cáo về kế hoạch chung của chiến dịch Béc-lanh, sau đó tôi báo cáo về kế hoạch tiến công của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 và I.X. Cô-nép về kế hoạch tiến công của Phương diện quân U-crai-na 1.

Tổng tư lệnh tối cao không đồng ý với tuyên phân giới giữa Phương diện quân Bê-lô-ru-xi

1 và U-crai-na 1 vẽ trên bản đồ của Bộ Tổng tham mưu. Đồng chí xóa ranh giới từ Nây-xe đến Pốt-đam và kẻ đường chỉ đỏ đến Liu-ben (cách Béc-lanh 60 km về phía đông nam).

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 20

PHÁT-XÍT ĐỨC ĐẦU HÀNG KHÔNG ĐIỀU KIỆN

LÚC 3 giờ 50 ngày 1-5, tổng tham mưu trưởng lục quân Đức, tướng bộ binh Crếp được đưa đến sở chỉ huy tập đoàn quân cận vệ 8. Hấn nói rằng, hấn được ủy quyền tiếp xúc với Bộ Tổng tư lệnh Hồng quân để thương lượng ngừng bắn.

Lúc 4 giờ, V.I. Chui-cốp báo cáo bằng điện thoại với tôi rằng tướng Crếp cho biết, Hít-le đã tự tử hồi 15 giờ 50 ngày 30-4.

Tiếp đó V.I. Chui-cốp đọc cho tôi nghe nội dung bức thư của Gơ-ben gửi Bộ Tổng tư lệnh Liên Xô. Thư viết rằng:

“Căn cứ vào di chúc của phuy-re[1] vừa tự nguyện từ giã cõi đời, chúng tôi ủy quyền cho tướng Crếp làm việc này. Chúng tôi thông báo cho vị đứng đầu nhân dân Liên Xô rằng, hôm nay lúc 15 giờ 50, phuy-re đã tự sát. Trên cơ sở quyền hợp pháp, phuy-re trong di chúc đã giao lại toàn bộ chính quyền cho Đì-ô-nít, tôi và Boóc-man. Tôi ủy quyền cho Boóc-man đặt quan hệ với vị đứng đầu nhân dân Liên Xô. Mọi quan hệ ấy đang cần thiết để đàm

phán hòa bình giữa các cường quốc chịu những tổn thất lớn lao nhất. Gơ-ben”.

Kèm theo bức thư của Gơ-ben là bản di chúc của Hít-le cùng với danh sách chính phủ để chính mới. Hít-le và những người làm chứng cùng kí vào di chúc (đề rõ: lúc 4 giờ ngày 29-4-1945). Thấy thông báo ấy quan trọng, tôi lập tức cử đồng chí phó của tôi, đại tướng V.Đ. Xô-cô-lốp-xki, đến sở chỉ huy của V.I. Chui-cốp để nói chuyện với tên tướng Đức này. V.Đ. Xô-cô-lốp-xki có nhiệm vụ buộc Crếp phải nhận phát-xít Đức đầu hàng không điều kiện.

Liên lạc được với Mát-xcơ-va, gọi điện thoại nói chuyện với I.V. Xta-lin. Người đang ở nhà nghỉ. Vị tướng thường trực nghe điện thoại nói:

- Xta-lin vừa chớp mắt.
- Yêu cầu đánh thức hộ. Việc gấp lắm không thể đợi đến sáng được.

Thoáng một cái I.V. Xta-lin đã đến máy điện thoại. Tôi báo cáo về tin Hít-le tự tử và Crếp đến, cùng việc cử tướng V.Đ. Xô-cô-lốp-xki đến nói chuyện với hắn. Tôi yêu cầu Người cho chỉ thị. I.V. Xta-lin nói:

- Hồng rồi! Thằng đều. Tiếc là không bắt sống được nó. Xác Hít-

le ở đâu?

- Tướng Crép báo rằng xác Hít-le bị thiêu hủy rồi.

- Nói với V.Đ. Xô-cô-lốp-xki rằng - Tổng tư lệnh tối cao nói - không có đàm phán gì hết ngoài việc đầu hàng không điều kiện, không đàm phán với Crép, cũng không đàm phán với một tên nào của Hít-le. Nếu không có chuyện gì thật đặc biệt thì từ bây giờ đến sáng đừng gọi điện thoại, tôi muốn nghỉ một chút. Mai chúng ta có điều binh 1-5.

Điều binh 1-5... Điều hành 1-5... Sao những cái đó gần gũi và quý báu đối với người Xô-viết đến thế, đặc biệt đối với người ở xa Tổ quốc! Tôi hình dung rất rõ, mai đây trên Hồng trường sẽ rầm rập bước chân của các đơn vị thành Mát-xcơ-va. Từ sáng sớm, tất cả họ đều tề chỉnh ở vị trí của mình. Sau bài phát biểu của người duyệt binh, các đơn vị trang nghiêm đi qua trước lăng V.I. Lê-nin, trước các vị lãnh đạo Đảng và Chính phủ, dọc bức tường cổ kính điện Crem-lanh, chân đều bước mà lòng đầy tự hào về sức mạnh chiến thắng của Lực lượng vũ trang Xô-viết đã giải phóng châu Âu khỏi tai họa của chủ nghĩa phát-xít.

Gần 5 giờ sáng, tướng V.Đ. Xô-cô-lốp-xki gọi điện thoại báo cáo với tôi về cuộc nói chuyện đầu tiên với tướng Crép.

- Chúng nó láu cá lắm, - V.Đ. Xô-cô-lốp-xki nói. - Crép tuyên bố rằng hắn không được ủy quyền quyết định vấn đề đầu hàng không điều kiện. Vấn đề ấy, theo hắn, chỉ có chính phủ mới của

Đức do Đì-ô-nít cầm đầu mới có quyền quyết định. Crếp muốn ngừng bắn hình như cốt để tập hợp được chính phủ Đì-ô-nít ở Béc-lanh. Tôi thấy chúng ta phải cho chúng châu Diêm vương[2] nếu chúng không nhận đầu hàng không điều kiện.

- Đúng đây, Va-xi-li đa-ni-lô-vích ạ, - tôi trả lời, - cậu bảo cho nó biết đến 10 giờ mà Gơ-ben và Boóc-man không đầu hàng không điều kiện thì chúng ta sẽ nện một đòn đủ mạnh để vĩnh viễn đập nát ý muốn đề kháng của chúng. Bọn tay chân Hít-le hãy suy nghĩ về những sự hy sinh vô nghĩa của nhân dân Đức và trách nhiệm riêng của chúng về sự liều lĩnh này.

Đúng giờ qui định vẫn không thấy Gơ-ben và Boóc-man trả lời. Lúc 10 giờ 40, quân ta bắn như vũ bão vào những điểm còn lại của khu vực phòng ngự đặc biệt ở trung tâm thành phố. Lúc 18 giờ V.Đ Xô-cô-lốp-xki báo cáo rằng bọn trùm của Đức đã cử người của nó đến. Nó báo rằng Gơ-ben và Boóc-man từ chối đầu hàng không điều kiện.

Để trả lời chúng, 18 giờ 30, quân ta dùng lực lượng rất mạnh mở đợt tiến công cuối cùng vào trung tâm thành phố, nơi có văn phòng đề chính và sào huyệt của bè lũ cận thần của Hít-le.

Tôi không nhớ rõ là mấy giờ, nhưng lúc trời vừa tối, tư lệnh tập đoàn quân xung kích 3, tướng V.I. Cu-dơ-nét-xốp gọi điện thoại hỏi hỏi báo cáo:

- Một đoàn xe tăng Đức khoảng 20 chiếc vừa chọc thủng khu

vực của sư đoàn cận vệ 53, mở hết tốc lực chạy về phía tây bắc ven ngoài thành phố.

Rõ ràng là tên nào đó đang định lủi khỏi Béc-lanh.

Nảy ra những phán đoán rất không lành. Có người nói, có thể, toán xe tăng đã chạy thoát ấy có mang theo Hít-le, Gơ-ben và Boóc-man.

Lập tức, bộ đội được báo động chiến đấu, quyết giữ không cho một tên nào chuồn khỏi Béc-lanh. Tư lệnh tập đoàn quân 47 Ph.I. Péc-khơ-rô-vích, tư lệnh tập đoàn quân 61 P.A. Bê-lốp, tư lệnh tập đoàn quân 1 Bộ đội Ba Lan S.G. Pô-pláp-xki nhận được chỉ thị bịt kín tất cả đường sá, ngõ ngách ra phía tây và tây bắc. Tư lệnh tập đoàn quân xe tăng cận vệ 2, tướng X.I. Bốc-đa-nốp, và tư lệnh tập đoàn quân xung kích 3, tướng V.I. Cu-dơ-nét-xốp, nhận được lệnh lập tức tổ chức truy kích trên tất cả các hướng, tìm và diệt toán xe tăng này.

Rạng ngày 2-5, các chiến sĩ xe tăng của ta phát hiện được toán xe tăng này ở tây bắc Béc-lanh 15 km, và đã tiêu diệt chúng. Một số xe bị cháy, một số bị bắn tan, Trong những tên chết không thấy bọn tay chân thân cận của Hít-le. Qua các xe tăng bị cháy không thể hiểu chúng thuộc đơn vị nào.

Lúc 1 giờ 50 đêm 2-5, đài phát thanh của bộ tham mưu phòng thủ Béc-lanh phát đi liên mấy lần bằng tiếng Đức và tiếng Nga mấy câu:

“Chúng tôi cử đại diện đến chiếc cầu trên đường Bít-mác. Chúng tôi chấm dứt các hành động quân sự”.

Lúc 6 giờ 30 sáng ngày 2-5 có báo cáo: trong khu vực của sư đoàn cận vệ 47, có tướng Vây-linh quân đoàn trưởng quân đoàn xe tăng 56 đầu hàng. Các sĩ quan của quân đoàn bộ cũng đầu hàng nốt. Trong lần lấy cung sơ bộ, Vây-linh khai rằng trước đây mấy hôm hắn được đích thân Hít-le cử làm tư lệnh phòng thủ Béc-lanh.

Vây-linh đồng ý ngay là hắn sẽ ra lệnh cho quân của hắn chấm dứt kháng cự. Đây là toàn văn lời hắn kêu gọi và ký tên, do đài phát thanh truyền đi sáng ngày 2-5:

“Ngày 30-4, phuy-re đã tự sát, như vậy là đã để chúng ta, những người thề trung thành với phuy-re, ở lại một mình. Theo lệnh của phuy-re, quân đội Đức chúng ta phải tiếp tục chiến đấu bảo vệ Béc-lanh mặc dù đạn dược đã cạn và trong tình hình chung này, sự tiếp tục kháng cự của chúng ta là vô nghĩa.

Tôi ra lệnh: chấm dứt ngay kháng cự.

Ký tên: Vây-linh (tướng pháo binh, nguyên tư lệnh phòng thủ Béc-lanh)”.

Cùng ngày ấy, khoảng 14 giờ tôi được báo rằng thứ trưởng bộ tuyên truyền, bác sĩ Phri-se vừa mới đầu hàng đề nghị cho phát biểu trên đài kêu gọi quân Đức chấm dứt kháng cự. Để nhanh chóng kết thúc chiến đấu, chúng tôi đồng ý.

Phát biểu xong, Phri-se được đưa đến chỗ tôi. Trong khi lấy cung, hắn nhắc lại những điểm chính mà chúng tôi đã nắm được qua cuộc nói chuyện với Crép. Ta cũng biết Phri-se là một trong những người thân cận nhất của Hít-le, Gơ-ben và Boóc-man. Hắn cho biết, 29-4, Hít-le triệu tập cuộc họp những thân cận của hắn lúc đó có mặt Boóc-man, Gơ-ben, Ác-xman và Crép và nhiều người chủ trì khác trong bộ máy cầm quyền phát-xít. Bản thân Phri-se không tới họp nhưng sau đó được Gơ-ben thông báo lại tỉ mỉ.

Theo Phri-se, gần đây, đặc biệt từ 20-4, khi quân đội Liên Xô bắn vào Béc-lanh, Hít-le hầu như bị quẫn, nhiều lần lên cơn thần kinh. Chốc chốc hắn lại lập luận một cách rời rạc về thắng lợi sắp đến(!).

Về những kế hoạch cuối cùng của Hít-le, Phri-se nói rằng hắn không biết chính xác, nhưng có nghe rằng, khi quân Nga tiến công Ô-đê thì có người trong giới cầm quyền đi về Béc-tét-ga-đen và nam Ti-ron. Người ta gửi tiếp cho người ấy nhiều kiện hàng. Bộ tổng tư lệnh do Hít-le cầm đầu đáng lẽ cũng bay đến đó. Đến phút cuối cùng, khi quân Liên Xô đến gần Béc-lanh, người ta tính chuyển sơ tán về Slét-vích Gôn-stên. Máy bay trực sẵn ở khu vực văn phòng để chính nhưng thành linh bị không quân Liên Xô đánh tan.

Phri-se không cho biết gì thêm. Hôm sau, ông ta được đưa về

Mát-xco-va để lấy cung tỉ mỉ.

Xin có vài lời về trận chiến đấu cuối cùng, kết thúc ở Béc-lanh.

Ngày 1-5, sư đoàn 248 (sư đoàn trưởng, tướng N.D. Ga-lai) và sư đoàn 230 (sư đoàn trưởng, đại tá Đ.K. Sít-cốp) thuộc tập đoàn quân của N.E. Béc-da-rin đánh chiếm nhà bưu điện quốc gia và tiến công bộ tài chính đối diện với văn phòng đế chính. Cùng ngày, sư đoàn 301 (sư đoàn trưởng, đại tá V.X. An-tô-nốp) hiệp đồng với bộ binh 248 đánh chiếm sở Giét-ta-pô và bộ hàng không.

Tối 1-5, hai sư đoàn bộ binh 301 và 248 thuộc tập đoàn quân xung kích 5 ra quân lần cuối đánh chiếm văn phòng đế chính. Chiến sự trên các đường vào và ở bên trong diễn ra rất ác liệt Trợ lý phòng chính trị quân đoàn bộ binh 9, nữ thiếu tá An-na Vla-đi-mi-rốp-na Ni-cu-li-na chiến đấu vô cùng táo bạo trong một mũi đột kích của trung đoàn bộ binh 1050. Cùng với các sĩ quan I. Da-vư-đốp và Ph. Sa-pô-va-lốp, nữ đồng chí đã cắm lá cờ đỏ lên nóc văn phòng đế chính.

Sau khi chiếm được văn phòng, đại tá V.E. Sép-xốp, sư phó sư đoàn bộ binh 301, được cử làm tư lệnh quân quản văn phòng đế chính.

Số phận kẻ thù kết liễu lúc 15 giờ ngày 2-5. Bọn sống sót của binh đoàn phòng thủ Béc-lanh đều đầu hàng, tất cả hơn 7 vạn người, không kể số bị thương. Trong những ngày cuối cùng

nhieu người trong số những người cầm súng đánh nhau với ta hình như đã chạy tán loạn và trốn mất.

Ngày 2-5-1945 là ngày thắng lợi vĩ đại của nhân dân Liên Xô, của các Lực lượng vũ trang Liên Xô, của những Đồng minh của chúng ta trong cuộc chiến tranh này, và của nhân dân toàn thế giới.

Ngày ấy, trong mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh có nói: “Các binh đoàn của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 hiệp đồng cùng các binh đoàn của Phương diện quân U-crai-na, sau những trận chiến đấu ngoan cường trên đường phố đã hoàn toàn tiêu diệt đạo quân Đức phòng thủ Béc-lanh, và hôm nay, 1-5, đã chiếm đóng hoàn toàn thủ đô nước Đức, thành phố Béc-lanh trung tâm của chủ nghĩa đế quốc Đức, sào huyệt của bọn xâm lược Đức

Sau khi chiếm được văn phòng đế chính, tôi đã đến đây cùng với thượng tướng N.E. Béc-đa-rin, ủy viên hội đồng quân sự tập đoàn quân, trung tướng Ph.E. Bô-cốp và nhiều đồng chí tham gia đánh chiếm nơi này để xác định việc tự sát của Hít-le, Gơ-ben cùng bè lũ.

Đến nơi, chúng tôi gặp ngay một khó khăn. Theo báo cáo thì tất cả các xác chết đều được bọn Đức đem chôn cả; nhưng ở đâu và ai chôn - tuyệt nhiên không ai biết. Có nhiều lập luận khác nhau về vấn đề này.

Những tù binh, chủ yếu là trong số bị thương, không cho biết

điều gì về Hít-le và phe lũ. Họ đều nói không thấy và không biết ai, ngoài đại đội trưởng của họ. Số tù binh bắt được ở văn phòng thì ít, tất cả chỉ vài chục người. Có lẽ, lúc cuối cùng, bọn SS, số sĩ quan và bọn cầm quyền còn lại đều lần tránh trong thành phố theo các lối bí mật.

Chúng tôi tìm những đồng lửa có thể là nơi đã thiêu xác Hít-le và Gơ-ben, nhưng không thấy. Thật ra chúng tôi đã thấy dấu vết các đồng lửa nhưng kích thước của nó bé. Và lính Đức đã nấu nước ngay tại đây rồi.

Chúng tôi kết thúc việc xem xét văn phòng khi được báo cáo đã phát hiện ở dưới hầm sáu đứa con của Gơ-ben. Thú thật là lúc đó tôi không đủ can đảm xuống nhìn những đứa trẻ bị bố mẹ giết. Cạnh hầm trú ẩn có xác hai vợ chồng Gơ-ben. Để nhận dạng, chúng tôi lôi bác sĩ Phri-se đến. Phri-se xác nhận đúng là chúng nó.

Những tình tiết nói trên làm tôi hoài nghi ý kiến về Hít-le tự sát; hơn nữa chúng tôi cũng không phát hiện được cả Boóc-man.

Lúc đó tôi cho rằng: đến phút cuối cùng không có hy vọng bên ngoài ứng cứu, Hít-le chẳng lẽ lại không bí mật chuồn đi sao? Tôi đã phát biểu điều đó ở Béc-lanh trong cuộc họp báo với các phóng viên Liên Xô và nước ngoài.

Sau đó ít lâu, nhờ nghiên cứu điều tra, lấy cung của nhân viên y tế riêng của Hít-le, v.v... chúng tôi lại có thêm tin tức bổ sung,

chính xác hơn rằng Hít-le đã tự sát. Tôi cho rằng, nghi ngờ về vụ tự sát của Hít-le là không có cơ sở.

Phần lớn bọn đầu sỏ phát-xít, trong đó có Gơ-rinh, Him-le, Cây-ten và I-ốt đều đã tranh thủ thời gian chuẩn khởi Béc-lanh, mỗi đứa một nơi.

Trước phút cuối cùng, chúng nó và Hít-le, như con bạc liều, vẫn hy vọng vào “con bài cầu may” có thể cứu phát-xít Đức và bản thân chúng. Ngày 30-4 và cả ngày 1-5 bọn tay chân Hít-le vẫn còn tính chuyện kéo dài thời gian thất bại hoàn toàn, cố điều đình để đưa chính phủ mới thành lập của Đì-ô-nít vào Béc-lanh nhằm giải quyết việc đầu hàng của Đức.

Tướng Crếp, nhà ngoại giao quân sự có kinh nghiệm, tìm hết cách lôi kéo cho được tướng V.I. Chui-cốp vào cuộc đàm phán dài ngày, nhưng cái trò ấy đã không đạt. Tôi đã nói rằng, V.Đ. Xô-cô-lốp-xki được ủy quyền đàm phán đã tuyên bố dứt khoát với Crếp: chỉ chấm dứt các hành động quân sự trong điều kiện quân phát-xít Đức đầu hàng Đồng minh hoàn toàn và không điều kiện. Tới đây, cuộc nói chuyện bị gián đoạn. Vì tay chân bọn Hít-le lúc đó không chấp nhận đầu hàng không điều kiện, quân ta đã nhận được lệnh: diệt hết quân địch ngay tức khắc.

Sáng ngày 3-5 tôi cùng với tư lệnh quân quản thành phố Béc-lanh N.E. Béc-da-rin, ủy viên hội đồng quân sự tập đoàn quân Ph.E. Bô-cốp, ủy viên hội đồng quân sự Phương diện quân K.Ph.

Tê-lê-ghin cùng nhiều đồng chí đến xem xét nhà quốc hội Đức và những nơi giao chiến trong khu vực này. Đi cùng với chúng tôi để giải thích là con trai của Vin-hem Pích: Ác-tua Pích, người đã chiến đấu trong hàng ngũ Quân đội Liên Xô. Ác-tua Pích biết rõ Béc-lanh, nhờ thế chúng tôi dễ nghiên cứu các điều kiện trong đó quân ta phải chiến đấu.

Mỗi bước đi, mỗi hòn đất, mỗi viên đá ở đây nói lên rõ ràng hơn bất cứ lời văn nào rằng, trên những nẻo đường dẫn đến văn phòng để chính và nhà quốc hội Đức, và ngay trong những tòa nhà ấy cuộc chiến đấu đã diễn ra thật là sống mái.

Nhà quốc hội - đó là một tòa nhà rất đồ sộ, tường dày, pháo cỡ trung bình bắn không thủng. Phải cần đến pháo hạng nặng. Mái nhà cong và các kiến trúc lớn ở các tầng trên giúp kẻ địch tập trung được hỏa lực nhiều tầng vào tất cả các đường dẫn đến nó. Điều kiện chiến đấu ngay trong nhà quốc hội cũng rất gay go và phức tạp. Nó đòi hỏi không những các chiến sĩ phải dũng cảm mà còn phải rất linh hoạt, thận trọng, sáng suốt, nhanh chóng cơ động từ chỗ nấp này sang chỗ nấp kia, bắn thật trúng vào kẻ địch. Các chiến sĩ của ta đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ ấy, nhiều đồng chí đã anh dũng hy sinh.

Các cột ở cửa nhà quốc hội và các tường đều đầy chữ viết của chiến sĩ ta. Trong những câu ngắn gọn, súc tích, trong những chữ ký giản đơn của các chiến sĩ, sĩ quan và tướng lĩnh ta, đã toát lên

niềm tự hào về những con người Xô-viết, về các Lực lượng vũ trang Xô-viết, về Tổ quốc và Đảng của Lê-nin.

Chúng tôi cũng viết lên đây mấy chữ của mình, do đó các chiến sĩ có mặt ở đây liền nhận ra chúng tôi và vây quanh chúng tôi thành một vòng dày đặc. Thế là phải đứng ở đây gần một giờ nói chuyện thân mật với anh em. Họ hỏi nhiều lắm. Nào bao giờ có thể về nhà, có để bộ đội ở lại chiếm đóng nước Đức không, chúng ta có đánh nhau với Nhật Bản không, v.v...

Ngày 7-5, Tổng tư lệnh gọi điện thoại đến Béc-lanh thông báo:

- Hôm nay ở thành phố Rê-im-xơ, bọn Đức đã ký văn bản đầu hàng không điều kiện. Gánh nặng chủ yếu của chiến tranh - người nói tiếp - đè trên vai nhân dân Liên Xô chứ không phải các nước Đồng minh, vì vậy việc đầu hàng phải được ký trước Bộ Tổng tư lệnh tất cả các nước khối Liên minh chống Hít-le chứ không phải chỉ trước bộ tổng chỉ huy quân Đồng minh.

I.V. Xta-lin tiếp:

- Tôi cũng không đồng ý với việc chúng không ký văn bản đầu hàng ở Béc-lanh, trung tâm của sự xâm lược phát-xít. Chúng tôi đã thống nhất với các nước Đồng minh coi việc ký văn bản ở Rê-im-xơ chỉ là bản đầu hàng sơ bộ. Ngày mai đại diện của bộ tổng chỉ huy Đức và đại diện của bộ tổng tư lệnh quân Đồng minh sẽ đến Béc-lanh. Đồng chí được cử làm đại diện Bộ Tổng tư lệnh quân đội Liên Xô. Mai, Vu-sin-xki đến chỗ đồng chí. Khi văn

bản được ký xong xuôi, Vu-sin-xki ở lại làm phó tư lệnh phụ trách chính trị. Đồng chí được cử làm Tổng chỉ huy khu vực chiếm đóng của Liên Xô trên đất Đức đồng thời sẽ là Tổng tư lệnh Quân đội Liên Xô chiếm đóng ở đó.

Rạng sáng ngày 8-5, A.Ya. Vu-sin-xki đến Béc-lanh. Đồng chí mang đến tất cả những văn kiện cần thiết về việc Đức đầu hàng và cho biết về những đại diện bộ tổng chỉ huy Đồng minh.

Từ sáng ngày 8-5, lần lượt tới Béc-lanh đủ các phóng viên, thông tin viên các báo chí lớn nhất trên thế giới và phóng viên nhiếp ảnh. Họ tới để ghi lại giờ phút lịch sử tuyên bố nước Đức phát-xít bị tiêu diệt trên pháp lý, xác nhận sự phá sản vĩnh viễn của tất cả các kế hoạch phát-xít, các tham vọng và hành động thù địch loài người của chúng.

Trưa hôm ấy tại sân bay Tem-pen-gốp đã có đủ đại diện bộ tổng chỉ huy quân Đồng minh gồm thống chế không quân Anh Ác-tua V. Tê-đe, tư lệnh không quân chiến lược Mỹ, tướng Xpa-át và tổng tư lệnh lục quân Pháp tướng đ-lát đờ Tát-xi-nhi.

Đón họ tại sân bay có vị phó của tôi, đại tướng V.Đ. Xô-cô-lốp-xki, tổng quân quản đầu tiên thành phố Béc-lanh, thượng tướng N.E. Bée-da-rin, ủy viên Hội đồng quân sự tập đoàn quân, trung tướng Ph.E. Bô-cốp và một số đại biểu Quân đội Liên Xô. Rời sân bay, các đại diện Đồng minh đi về Các-lơ-xkhoóc nơi sẽ tiếp nhận sự đầu hàng không điều kiện của bộ chỉ huy Đức.

Từ thành phố Phlen-xbua đến sân bay này, dưới sự giám sát của các sĩ quan Anh, còn có thống chế Cây-ten, thủy sư đô đốc Phri-đê-bua và thượng tướng không quân XSum được ủy quyền của Đì-ô-nít đến ký văn bản Đức đầu hàng không điều kiện.

Tại Các-lơ-xkhoóc thuộc khu đông Béc-lanh, trong tòa nhà hai tầng của nhà ăn cũ của trường công binh Đức, người ta chuẩn bị một gian phòng làm lễ ký văn bản đầu hàng.

Đến nơi, sau khi nghỉ một lát, tất cả đại diện bộ chỉ huy quân Đồng minh đều đến chỗ tôi để thống nhất các vấn đề thủ tục của sự kiện gây chấn động này.

Chúng tôi chưa kịp vào gian buồng dành để tọa đàm thì một dòng ký giả Mỹ, Anh đã cuộn cuộn đến; ngay tại bậc đá họ đã tiến công tôi bằng bao nhiêu câu hỏi. Họ mang đến cho tôi một lá cờ hữu nghị của quân Đồng minh trên có thêu dòng chữ: Quân đội Mỹ kính chào Hồng quân.

Các ký giả vừa rời khỏi phòng họp thì chúng tôi bắt đầu thảo luận ngay một loạt vấn đề liên quan đến việc đầu hàng của bọn Hít-le.

Lúc ấy thống chế Cây-ten và những người cùng đi ngồi ở phòng khác.

Theo lời các sĩ quan của ta, Cây-ten và những người trong đoàn Đức rất ngượng. Nhìn những người xung quanh, Cây-ten nói:

- Đi qua các phố của Béc-lanh, tôi rất đỗi xúc động về mức độ bị

phá hủy.

Những người của ta ở đây trả lời hẳn:

- Ngài thống chế, thế ngài có xúc động khi theo lệnh ngài, người ta đã quét sạch hàng nghìn thành phố, làng mạc của Liên Xô và hàng triệu người của chúng tôi, trong đó có hàng nghìn trẻ con bị vùi dập dưới những đồng gạch ngói không?

Cây-ten tái mặt, ngượng ngùng nhún vai, không trả lời.

Theo quy ước trước, đúng 23 giờ 45, Tê-đe, Xpa-át và Đờ-lát Đờ Tát-xi-nhi, đại diện bộ chỉ huy Đồng minh, A.Ya. Vư-sin-xki, K.Ph. Tê-lê-ghin, V.Đ. Xô-cô-lốp-xki, v.v... tập trung trong phòng của tôi cạnh gian phòng bọn Đức sẽ ký văn bản đầu hàng không điều kiện.

Đúng 24 giờ chúng tôi vào phòng.

Mọi người ngồi vào bàn. Bàn ở cạnh tường, trên tường có quốc kỳ Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp.

Trong phòng, sau chiếc bàn dài phủ dạ xanh là các tướng lĩnh của Hồng quân mà quân đội của họ trong thời gian rất ngắn đã đánh tan quân phòng thủ Béc-lanh và đánh gục các thống chế phát-xít kiêu căng, các tên phát-xít đầu sỏ cùng toàn bộ nước Đức phát-xít. Ở đây cũng có mặt nhiều ký giả, phóng viên nhiếp ảnh Liên Xô và nước ngoài.

Tôi tuyên bố khai mạc:

- Chúng tôi, đại diện Bộ Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang

Liên Xô và bộ tổng chỉ huy quân Đồng minh được ủy quyền của các chính phủ khối Liên minh chống Hít-le chấp nhận ở bộ chỉ huy quân sự Đức sự đầu hàng không điều kiện của nước Đức.

Mời các đại diện của bộ tổng chỉ huy Đức vào phòng.

Mọi người quay nhìn về phía cửa ra vào, nơi sắp xuất hiện những kẻ đã từng tuyên bố hợm hĩnh với toàn thế giới về khả năng của mình tiêu diệt chớp nhoáng nước Pháp, nước Anh và sau đó chỉ một tháng rưỡi - hai tháng, cả Liên Xô.

Thống chế Cây-ten, cánh tay phải của Hít-le, là người đầu tiên từ từ bước qua ngưỡng cửa. Người hấn hơi cao, mặc lễ phục gọn gàng. Hấn giơ chiếc gậy thống chế lên chào đại biểu Bộ chỉ huy quân đội Liên Xô và quân Đồng minh.

Thượng tướng Stum vào tiếp theo. Người hấn vừa tầm, đôi mắt tỏ ra gian xảo nhưng bất lực. Vào cùng lúc đó là thủy sư đô đốc Phri-đê-bua, một người già trước tuổi.

Bọn Đức ngồi riêng một bàn đặt ở lối ra vào.

Thống chế Cây-ten từ từ ngồi xuống, ngẩng đầu lên nhìn chúng tôi ở bàn đoàn chủ tịch. Ngồi cạnh Cây-ten là Stum và Phri-đê-bua. Các sĩ quan tùy tùng đứng sau ghế của chúng.

Tôi hướng về phía đoàn Đức:

- Trong tay các ông đã có đủ văn bản đầu hàng không điều kiện chưa, các ông đã nghiên cứu nó chưa và có được quyền ký văn bản ấy không?

Câu hỏi của tôi được thống chế không quân Tê-đe nhắc lại bằng tiếng Anh.

- Vâng, chúng tôi đã nghiên cứu và sẵn sàng ký - thống chế Cây-ten lúng búng trả lời và giao cho tôi thư của đô đốc Đì-ô-nít.

Trong thư nói rõ: Cây-ten, Khôn Phri-đê-bua và Stum được ủy quyền ký văn bản đầu hàng không điều kiện.

Đây hoàn toàn không phải là ông Cây-ten kiêu hãnh chấp nhận sự đầu hàng của nước Pháp bị chinh phục. Bây giờ trông hấn thật thảm hại, mặc dầu hấn vẫn cố giữ một chút tư thế nào đó.

Tôi đứng dậy nói:

- Yêu cầu đoàn Đức đến gần bàn. Các ông ký vào văn bản đầu hàng không điều kiện của nước Đức.

Cây-ten đứng dậy ngay, buồn rầu nhìn chúng tôi và cúi nhìn xuống, chậm rãi lấy chiếc gậy thống chế trên bàn, thần thờ bước đến bên bàn chúng tôi. Kính một mắt của hấn rơi và mắc vào sợi dây buộc giày. Hấn then đỏ mặt.

Thượng tướng Stum, thủy sư đô đốc Khôn Phri-đê-bua và các sĩ quan Đức cũng đến cạnh bàn.

Cây-ten ngồi sát mép ghế và từ từ ký cả thủy năm bản. Stum và Phri-đê-bua cũng đều ký vào đây.

Ký xong, Cây-ten rời bàn, đeo găng tay phải và định làm lóc lên một chút tư thế nhà binh, nhưng trông cũng chẳng ra sao cả.

Hấn lạng lẽ rời chiếc bàn.

Lúc 0 giờ 43 ngày 9-5 kết thúc việc ký văn bản đầu hàng không điều kiện. Tôi tuyên bố đoàn Đức rời khỏi phòng.

Cây ten, Phri-đê-bua, Stum nghiêng người đứng lên và cúi đầu đi ra. Các sĩ quan tham mưu của chúng theo sau.

Thay mặt Bộ Tổng tư lệnh Liên Xô tôi thân mật chúc mừng mọi người có mặt nhân ngày chiến thắng này. Mọi người bắt tay chúc mừng nhau. Nhiều người vui mừng đến rớm nước mắt. Vây quanh tôi là những bạn chiến đấu: V.Đ. Xô-cô-lốp-xki, M.X. Ma-li-nin, K.Ph. Tê-lê-ghin, N.A. An-ti-pen-cô, V.Ya. Côn-pắc-chi, V.I. Cu-dơ-nét-xốp, X.I. Bốc-đa-nốp, N.E. Béc-da-rin, Ph.E. Bô-cốp, P.A. Bê-lốp, A.V. Goóc-ba-tốp, v.v...

- Các bạn thân mến - tôi nói với các bạn chiến đấu, - tôi và các bạn có một niềm vinh dự lớn. Trong trận chiến đấu cuối cùng này, nhân dân, Đảng và Chính phủ tin tưởng giao cho chúng ta nhiệm vụ đưa quân đội Xô-viết vinh quang đến tiền công chiếm Béc-lanh. Quân đội Xô-viết, trong đó có các bạn, những người cầm quân tiên đánh Béc-lanh, đã đáp lại lòng tin đó một cách xứng đáng. Tiếc rằng nhiều người trong chúng ta không còn nữa. Nhưng chắc là các đồng chí đó của chúng ta cũng rất đổi vui mừng trước thắng lợi hằng mong mỏi mà vì nó, họ đã hy sinh không chút nào quản ngại. Nhớ đến những người bạn gần gũi, những đồng chí chiến đấu không còn sống đến ngày phấn khởi này thì những người dù đã không chút sợ hãi quen nhìn thẳng

vào cái chết, dù cố nén xót thương, cũng không cảm được nước mắt.

Lúc 0 giờ 50 ngày 9-5-1945 cuộc họp chấp nhận đầu hàng không điều kiện của quân đội Đức kết thúc.

Tiếp đó là tiệc mừng trong không khí rất hào hứng.

Mở đầu bữa tiệc, tôi nâng cốc mừng chiến thắng của khối Liên minh chống Hít-le. Tiếp đó thống chế Ác-tua Tê-đe phát biểu, tướng Pháp Đờ-lát Đờ Tát-xi-nhi, rồi tướng không quân Mỹ Xpa-át lần lượt lên bày tỏ ý kiến. Ai cũng nói đến cái làm day dứt dòng họ suốt những năm nặng nề ấy. Tôi nhớ họ nói nhiều, nói một cách hân hoan và tỏ ra hết sức mong muốn mãi mãi củng cố các mối quan hệ hữu nghị giữa các khối Liên minh chống phát-xít. Các tướng Liên Xô, những người Mỹ, người Pháp, người Anh đều nói như vậy, và tất cả chúng tôi đều muốn tin rằng trong tương lai nó sẽ như vậy.

Tiệc vui kết thúc bằng một buổi ca múa. Múa nhiều hơn cả là các tướng Liên Xô. Tôi cũng không kìm lòng được. Một cái gì đó trong thời thanh niên đã dậy lên trong tôi. Tôi đã tham gia với điệu múa dân gian “Nga”. Mọi người chia tay về nhà và ra sân bay giữa tiếng nổ vang của các loại vũ khí bắn mừng chiến thắng. Súng nổ khắp các khu phố Béc-lanh và cả ngoại thành. Súng nổ lên trời, những mảnh đạn rơi xuống đất. Và sáng ngày 9-5 việc đi lại không được an toàn tuyệt đối. Nhưng, nguy hiểm

đó khác biệt bao nhiêu so với những hiểm nghèo mà chúng tôi trải qua trong những năm dài chiến tranh!

Văn bản đầu hàng không điều kiện được gửi ngay sáng hôm ấy về Đại bản doanh.

Điều đầu tiên của văn bản ghi rõ:

“1. Trước Bộ Tổng tư lệnh Hồng quân và đồng thời trước Bộ tổng chỉ huy các lực lượng viễn chinh Đồng minh, chúng tôi, ký tên dưới đây, nhân danh bộ tổng chỉ huy Đức, nhận rằng, tất cả các lực lượng vũ trang chúng tôi trên bộ, dưới biển và trên không, cũng như tất cả các lực lượng hiện đang dưới quyền bộ chỉ huy Đức chịu xin đầu hàng không điều kiện”.

Trưa đó có điện thoại báo cáo cho tôi biết rằng, tất cả văn kiện về việc đầu hàng của phát-xít Đức đều đã nhận được và đã đệ trình lên Tổng tư lệnh tối cao.

Thế là cuộc chiến tranh đẫm máu đã kết thúc. Phát-xít Đức và phe lũ bị tiêu diệt hoàn toàn.

Đối với nhân dân Liên Xô, con đường dẫn đến thắng lợi thật là gay go. Nó phải trả giá bằng hàng triệu sinh mạng. Và ngày nay mọi người trung thực trên thế giới nhìn về những ngày quá khứ đầy lo âu của Thế chiến thứ hai, với niềm thông cảm và kính trọng sâu sắc, đều nhớ đến những chiến sĩ chống phát-xít đã hy sinh để cho nhân loại được tự do, thoát khỏi ách nô lệ của bọn phát-xít.

Đảng Cộng sản và Chính phủ Liên Xô xuất phát từ nghĩa vụ quốc tế và tinh thần nhân đạo của mình, đã áp dụng mọi biện pháp kịp thời giải thích cho toàn thể chiến sĩ Xô-viết rõ, ai là thủ phạm thực sự của chiến tranh và tội ác, để mọi người không có ý nghĩ muốn trừng phạt nhân dân lao động Đức về những tội ác mà bọn phát-xít đã gây ra trên đất nước chúng ta. Đối với những người lao động Đức, người Xô-viết có một quan điểm rõ rệt: cần giúp họ nhận ra sai lầm, nhanh chóng gột sạch những tàn tích của chủ nghĩa quốc xã mà hòa mình vào gia đình chung của các dân tộc yêu chuộng tự do, và phương châm cao nhất của họ trong tương lai phải là hòa bình và dân chủ.

Ở Béc-ling và vùng ven biển còn chiến sự, nhưng Bộ chỉ huy Quân đội Liên Xô trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ đã bắt tay vào tổ chức đời sống bình thường cho nhân dân Béc-ling.

Cơ sở của việc thiết lập và hoạt động của các cơ quan quyền lực quân sự và dân sự là mệnh lệnh số 5 ngày 23-4-1945 của Hội đồng quân sự Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1. Mệnh lệnh ghi rằng:

“Toàn bộ quyền cai quản trên lãnh thổ Đức thuộc về Hồng quân do Bộ chỉ huy quân sự thực hiện thông qua các cấp chỉ huy quân quản của các thành phố và các khu vực.

Trong từng thành phố đều có chỉ huy quân quản. Cơ quan chấp

hành thì gồm người địa phương: trong các thành phố, cử thị trưởng, trong các thị trấn, các xã thì cử trưởng phố, xã trưởng chịu trách nhiệm trước chỉ huy quân quản về việc động viên, tổ chức nhân dân thi hành tất cả các mệnh lệnh và chỉ thị...”

Trên cơ sở mệnh lệnh ấy, ngày 28-4-1945, vị tư lệnh quân quản Béc-lanh, Anh hùng Liên Xô, thượng tướng N.E. Béc-da-rin công bố mệnh lệnh số 1 về việc chuyển toàn bộ chính quyền ở Béc-lanh vào tay ủy ban quân quản Liên Xô.

Trong mệnh lệnh ấy, đồng chí tuyên bố với nhân dân thành phố rằng, đảng phát-xít của Đức và các tổ chức của nó đều phải giải tán, mọi hoạt động của nó đều bị cấm.

Mệnh lệnh qui định về thái độ của nhân dân và xác định những điều cơ bản cần thiết để bình thường hóa đời sống trong Béc-lanh.

Ủy ban quân quản Trung ương đã tổ chức trong tất cả 20 khu của Béc-lanh những ủy ban quân quản khu gồm các sĩ quan của ta và trước tiên là những cán bộ chuyên môn - kinh tế và các nhân viên kỹ thuật, các kỹ sư. Trong một số tiểu khu thì xây dựng ủy ban quân quản tiểu khu.

Trong bước đầu công tác, các ủy ban quân quản Liên Xô phải giải quyết nhiều việc rất khó trong hoàn cảnh vô cùng phức tạp. Vì chiến sự đã diễn ra ngay ở Béc-lanh nên trong số 250.000 ngôi nhà của thành phố có gần 30.000 ngôi nhà bị hủy hoại hoàn

toàn, hơn 20.000 ngôi nhà bị hủy hoại một nửa, hơn 150.000 ngôi nhà bị hư hại vừa. Vận tải trong thành phố ngừng hoạt động. Ba phần tư số ga xe điện ngầm bị ngập nước, 225 chiếc cầu bị bom phát-xít phá hoại. Bãi đỗ xe và mạng điện của hệ thống xe điện thành phố hầu như hoàn toàn hư hỏng. Các phố, đặc biệt là ở giữa thành, đầy mảnh đạn, toàn bộ hệ thống phục vụ công cộng (các nhà máy điện, nhà máy nước, nhà máy hơi đốt, hệ thống cống rãnh thoát nước) ngừng hoạt động.

Công việc đầu tiên của quân đội Liên Xô đóng ở Béc-lanh là dập tắt các đám cháy, dọn vệ sinh và chôn xác chết, phá mìn còn gài lại. Cần cứu đói ngay cho nhân dân Béc-lanh, phải tổ chức cung cấp lương thực vì việc này đã bị cắt đứt trước khi Quân đội Liên Xô vào Béc-lanh. Rất nhiều trường hợp từng toán người suốt mấy tuần không được nhận lương thực.

Bộ chỉ huy Liên Xô không tài nào giải quyết hết các việc ấy mà không phải huy động đông đảo nhân dân địa phương tích cực tham gia.

Các Hội đồng quân sự, các ủy ban quân quản, các cán bộ chính trị đã động viên vào làm việc ở các cơ quan quản lý khu phố trước hết những người cộng sản Đức vừa thoát khỏi các trại tập trung, những chiến sĩ chống phát-xít và những người Đức dân chủ khác, mà giữa chúng ta với anh em đó đã có sự hiểu biết trên tình bạn bè.

Thế là người ta bắt đầu thành lập những cơ quan tự quản của Đức, cơ quan của Liên minh dân chủ chống phát-xít. Trong các cơ quan ấy có khoảng 1/3 là Đảng viên cộng sản. Họ làm việc thân ái hòa hợp với những người xã hội dân chủ và những nhà chuyên môn trung thực.

Phòng chính trị do đại tá A.I. Ê-li-da-rốp phụ trách đã hoạt động rất mạnh ở Béc-ling.

Tháng 5-1945, Hội đồng quân sự phương diện quân với mục đích bình thường hóa sinh hoạt đã ra nhiều nghị quyết quan trọng, đặc biệt là:

Ngày 11-5, quyết định số 063 về cung cấp lương thực cho nhân dân Đức ở Béc-ling. Trong đó nêu rõ tiêu chuẩn và thể thức phân phối lương thực.

Ngày 12-5, quyết định số 064 về khôi phục và bảo đảm hoạt động bình thường của ngành phục vụ công cộng ở Béc-ling.

Ngày 31-5, quyết định số 080 về cung cấp sữa cho trẻ con Đức ở Béc-ling.

Và đã ra các quyết định khác về bình thường hóa việc cung cấp thực phẩm và sinh hoạt của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động đang làm công việc khôi phục thành phố.

Viện trợ đầu tiên của Chính phủ Liên Xô đến Béc-ling là 96.000 tấn ngũ cốc, 60.000 tấn khoai tây, gần 50.000 súc vật để giết thịt, đường, mỡ, v.v...

Nhờ các biện pháp cấp tốc ấy nên đã thủ tiêu được nạn đói của nhân dân Đức.

Các cơ quan quân quản Liên Xô, các cơ quan chính trị của phương diện quân, của bộ đội phòng vệ và của các ủy ban quân quản đã tham gia đắc lực trong việc ổn định đời sống của nhân dân Đức. Những người Đức dân chủ ngày càng tích cực hoạt động xung quanh các cơ quan quân quản. Hoài nghi và lo sợ bị khủng bố mà bọn quốc xã hay đe dọa đã tiêu tan dần.

Có lần, trong khi đi quanh ven thành phố Béc-ling tôi chú ý đến một đám đông nhộn nhịp hơi lạ, trong đó thấy cả các chiến sĩ ta. Phần lớn là phụ nữ và trẻ con. Xe dừng, tôi đến gần, vì tưởng rằng những người thường dân ở đây là người Liên Xô vừa thoát khỏi các trại tập trung phát-xít. Tôi dừng lại lắng nghe. Một chiến sĩ ta, bế đứa bé trai tóc hoe vàng khoảng lên bốn nói:

- Tôi không còn vợ, mất cả con trai lẫn con gái trong khi gia đình sơ tán khỏi Cô-nô-tốp. Tất cả đều chết trong chiếc xe lửa trúng bom của bọn Đức. Chiến tranh kết thúc, thế là tôi phải sống cô đơn. Cho tôi cậu bé này đi. Có lẽ bọn SS đã giết bố mẹ nó rồi.

Có người đùa:

- Thằng bé trông cũng giống anh đấy...

Một phụ nữ đứng cạnh nói tiếng Đức:

- Tôi không cho đâu. Cháu tôi đấy, tôi sẽ nuôi nó.

Có người dịch lại, anh chàng tỏ vẻ buồn.

Tôi liền góp ý kiến:

- Anh bạn nghe tôi. Khi về Tổ quốc nhất định sẽ tìm được con trai. Bên chúng ta còn bao nhiêu là trẻ mồ côi! Còn tốt hơn nữa cơ, cậu sẽ tìm được một đứa bé cùng với cả mẹ nó.

Các chiến sĩ cười vang, và em bé Đức cũng mỉm cười. Chiến sĩ chúng ta mở ba-lô cho trẻ con và phụ nữ bánh mì, đường, đồ hộp, lương khô, cậu bé trên tay người chiến sĩ được ăn kẹo.

Người lính hôn đứa trẻ và thở dài.

Người chiến sĩ Xô-viết có tâm hồn đẹp quá, tôi nghĩ thế và bắt chặt tay anh ta.

Lúc đó tôi không đeo quân hàm, mặc áo da ngắn, nhưng mọi người vẫn nhận ra tôi. Thế là tôi bị giữ lại mất nửa giờ để trả lời khá nhiều câu hỏi của những người đứng vây quanh. Tiếc là tôi không ghi tên các chiến sĩ ấy. Chỉ nhớ được họ thuộc tập đoàn quân xung kích 5 của tướng N.E. Béc-da-rin.

Ngày 9-5, theo ủy nhiệm của Hội đồng quốc phòng, A.I. Mi-côi-an đi máy bay đến chỗ chúng tôi; đồng chí muốn xem thành phố còn lại những gì và sinh hoạt của nó giờ ra sao.

Xuống xe gần một cửa hàng lương thực đang phân phối bánh mì cho dân Đức theo phiếu của Liên Xô phát, A.I. Mi-côi-an đến gần những phụ nữ đang xếp hàng. Trông họ có vẻ kiệt sức.

- Bà thấy thế nào sau khi quân đội Liên Xô chiếm Béc-lanh? -

Mi-côi-an hỏi. - Bà nói mạnh dạn đi, đây là nguyên soái Giu-cốp,

đồng chí sẽ nghiên cứu nhu cầu của bà con ở đây và sẽ làm tất cả theo khả năng của chúng tôi.

- Đây là đồng chí A.I. Mi-côi-an, - tôi nói, - phó chủ tịch Hội đồng ủy viên nhân dân. Đồng chí đến đây theo ủy quyền của Chính phủ Liên Xô, xem nhân dân sinh hoạt ra sao, có những nhu cầu gì để viện trợ cho bà con Béc-lanh trong phạm vi có thể. Họ vây chúng tôi ngay và tranh nhau nói:

- Không bao giờ chúng tôi tin là có ông thủ trưởng Nga cấp cao như thế có thể đến xếp hàng và tìm hiểu nhu cầu của những thường dân Đức. Người ta cứ đem người Nga ra dọa chúng tôi... Một phụ nữ đứng tuổi đến gần A.I. Mi-côi-an, hỏi hệt nói:

- Phụ nữ Đức rất cảm ơn các ông đã giúp chúng tôi khỏi chết đói. Và bà quay lại cậu bé đứng cạnh:

- Chào các thủ trưởng Liên Xô đi vì các ông đã tiếp tế bánh mì và có thái độ tốt với chúng ta.

Em im lặng, nghiêng người về phía trước.

Cùng với A.I. Mi-côi-an, A.V. Khru-lép và N.A. An-ti-pen-cô, chúng tôi nghiên cứu cẩn thận khả năng của chúng ta viện trợ lương thực, thuốc men cho nhân dân Đức. Mặc dầu Liên Xô còn nhiều khó khăn lớn, chúng tôi đã tìm hết cách để viện trợ. Chúng tôi đã thấy rõ nét mặt của những người dân Béc-lanh khi họ được cung cấp bánh mì, bột, cà phê, đường, đôi khi có một ít mỡ và thịt...

Chấp hành chỉ thị của Ban chấp hành Trung ương Đảng và chính phủ Liên Xô, chúng tôi đã giúp nhân dân Đức tất cả những gì có thể làm được để nhanh chóng tổ chức sinh hoạt lao động của họ. Chúng tôi đã đem tài sản lấy được như xe vận tải, lúa giống phân phối hết, còn ngựa và nông cụ lấy trong các trang trại của bọn bá tước Đức thì giao cho những công nhân nông nghiệp để họ xây dựng các tập đoàn sản xuất.

Van-te Un-brích đến Béc-lanh. Tôi chưa hề gặp đồng chí ấy nhưng đã nghe rất nhiều về nhà lãnh đạo kiên cường và rất nguyên tắc của những người cộng sản Đức. Cùng đi với Un-brích còn có nhiều đồng chí cộng sản Đức khác. Quan tâm đầu tiên của các đồng chí là không để xảy ra cái gì đáng tiếc trong quan hệ giữa nhân dân Đức với các chiến sĩ chúng ta. Các đồng chí Đức nhấn mạnh rằng công nhân và thường dân Đức đã nhận rõ Hồng quân không phải là những người đi trả thù mà là những người đến giải phóng họ khỏi chủ nghĩa phát-xít.

Chúng tôi đề nghị Van-te Un-brích đến thăm các đơn vị Hồng quân và cử các đồng chí Đức đến nói chuyện với anh em. Đề nghị ấy được chấp nhận. Nói chuyện xong ra về, các đồng chí Đức giữ lại nhiều tình cảm tốt đẹp về các chiến sĩ chúng ta, về trình độ giác ngộ chính trị và lòng nhân đạo của anh em.

Sau khi chiếm được Béc-lanh, chúng tôi thường tiếp xúc với Vin-hem Pích, Van-te Un-brích và các đồng chí Đức khác đang

làm việc không ngừng để thanh toán hậu quả nặng nề của chiến tranh và ách thống trị của chủ nghĩa phát-xít.

Tôi được làm quen với Ôt-tô Grôt-tơ-vôn, một người lãnh đạo nổi tiếng cánh tả của Đảng Xã hội dân chủ Đức rất gần gũi với những người cộng sản. Giữa Vin-hem Pích, Van-te Un-brích và Ôt-tô Grôt-tơ-vôn đã có những cuộc hiệp thương tích cực về việc thành lập Đảng Xã hội thống nhất Đức gồm những đảng viên cộng sản và những người Xã hội dân chủ cánh tả. Sau đó một năm, ngày 21-4-1946 đã hoàn thành việc thành lập Đảng Xã hội thống nhất Đức. Cơ quan lãnh đạo của Đảng được bầu ra, công tác vận động công nhân, nông dân, trí thức lao động được triển khai rộng.

Giữa tháng 5-1945, Hội đồng quân sự phương diện quân triệu tập hội nghị gồm đại biểu các tầng lớp xã hội Đức, cán bộ công nghiệp, vận tải, y tế, các ngành phục vụ công cộng, các cơ quan văn hóa và các sĩ quan thuộc các cơ quan quân quản.

Tham gia hội nghị có Phó chủ tịch Hội đồng ủy viên nhân dân A.I. Mi-côi-an, bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đức Van-te Un-brích cùng nhiều nhà hoạt động Đảng và xã hội Đức.

Hội nghị thảo luận các vấn đề tiếp tục làm cho sinh hoạt trong thành phố, việc cung cấp cho nhân dân trở nên bình thường lại và tìm mọi cách khôi phục vận tải, các xí nghiệp phục vụ công

cộng, tổ chức sinh hoạt văn hóa ở Béc-lanh.

Ngày 14-5, tư lệnh quân quản Béc-lanh, thượng tướng N.E. Béc-da-rin đã cùng với ban giám đốc mới của sở xe điện ngầm khai mạc đường xe điện ngầm thứ nhất, và cuối tháng 5 thì khai thác 5 đường nữa, tổng cộng dài 61 km.

Ngày 19-5 làm lễ thành lập cơ quan thị chính Béc-lanh. N.E.

Béc-da-rin đọc báo cáo về chính sách của Chính phủ Xô-viết đối với Béc-lanh; bác sĩ thị trưởng Véc-ne giới thiệu với mọi người về cơ quan thị chính bao gồm những nhà hoạt động trong phong trào dân chủ chống phát-xít mà ai cũng biết.

Cả thành phố rộn ràng việc khôi phục và thu dọn gạch ngói, rác rưởi. Tham gia công việc này, bên cạnh các cán bộ chuyên môn và nhân dân Đức còn có các kỹ sư và nhiều đơn vị chuyên môn của Quân đội Liên Xô. Cuối tháng 5, những ga đường sắt chính và những bến sông trong thành phố đã hoạt động trở lại nhằm bảo đảm tiếp tế bình thường cho Béc-lanh chất đốt và lương thực.

Cùng lúc ấy 21 trạm bơm nước của thành phố đã hoạt động, 7 nhà máy hơi đốt được khôi phục để cung cấp cho thành phố 34 vạn mét khối hơi đốt trong một ngày. Các xí nghiệp và nhân dân ở các khu phố chính của Béc-lanh hầu như được bảo đảm đầy đủ hơi đốt và nước.

Trong tháng 6, xe điện của thành phố đã chở khách trên 51

đường, tổng cộng dài 498 km.

Ngày 25-5, theo lệnh của N.E. Béc-da-rin, đã tổ chức lại cảnh sát thành phố, tòa án và cơ quan công tố. Phụ trách bộ máy cảnh sát ở Béc-lanh là Pôn Mác-gráp, một người đã tích cực tham gia phong trào “Nước Đức tự do”.

Các cơ quan quân quản Béc-lanh với sự giúp đỡ của những người cộng sản và những người dân chủ Đức đã ra sức tổ chức và phát triển cơ cấu dân chủ trong thành phố.

Đài phát thanh Béc-lanh hoạt động từ ngày 13-5.

Hôm sau, các vị lãnh đạo ủy ban quân quản cùng với các giám đốc nhà hát: Gút-xtáp Gri-út-ghen, Ê-rít Lê-gan và Pôn Véc-ne đã thảo luận về những biện pháp nhằm chuẩn bị khai mạc các nhà hát ở Béc-lanh.

Giữa tháng 6 ở Béc-lanh có 120 rạp chiếu bóng mở cửa, chiếu các phim nghệ thuật và tài liệu Liên Xô. Hàng vạn người dân Béc-lanh hào hứng đến xem.

Một biện pháp rất quan trọng về chính trị và văn hóa của chính quyền Xô-viết là phát hành trong nhân dân tờ báo của các đơn vị Quân đội Liên Xô ở Đức. Tờ báo lấy tên là “Quan sát hàng ngày” và xuất bản bằng tiếng Đức. Số đầu tiên ra ngày 15-5 và nó nhanh chóng được hưởng ứng rộng rãi. Tờ báo có nhiệm vụ giải thích cho nhân dân Đức chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Chính phủ Liên Xô, kể những sự thật về Liên Xô, về sứ

mệnh quốc tế của Hồng quân. Tờ báo giải thích cặn kẽ về các biện pháp khôi phục các ngành phục vụ công cộng và nâng cao văn hóa ở Béc-lanh, bóc trần bản chất của chủ nghĩa phát-xít, kêu gọi nhân dân Đức đem hết sức mình khôi phục thật nhanh chóng sinh hoạt bình thường trong Béc-lanh.

Vài ngày sau lại phát hành tờ báo thứ hai “Béc-lin-ne Xây-tung”, cơ quan của Tòa thị chính Béc-lanh.

Trong-6, đã thống nhất các lực lượng hoạt động cho một nền văn hóa dân chủ ở Béc-lanh. Thành lập “Cun-tua-bun-đơ”, Hội liên hiệp phục hưng văn hóa dân chủ Đức.

Giữa tháng 5, theo chỉ thị của ủy ban quân quản Liên Xô và Tòa thị chính, trong nhiều khu phố đã sôi nổi mở trường học. Cuối-6 có 580 trường bắt đầu dạy 233.000 trẻ em. Đã tổ chức 88 câu lạc bộ trẻ em.

Theo mệnh lệnh số 2 của Chủ tịch ủy ban quân chính Liên Xô, trên phần đất đai do Quân đội Liên Xô chiếm đóng, các đảng chống phát-xít được phép hoạt động. Nhân dân được bảo đảm quyền gia nhập các công đoàn và các tổ chức tự do nhằm mục đích bảo đảm quyền lợi của mình.

“Biện pháp ấy của cơ quan quân sự xã hội chủ nghĩa là điều bất ngờ và ngạc nhiên đối với tuyệt đại đa số người Đức. Nó thể hiện lòng tin của chính quyền Xô-viết vào các lực lượng dân chủ của nhân dân Đức và vào chương trình của họ nhằm triệt tận gốc

chủ nghĩa phát-xít và cải tạo dân chủ nước Đức” - nhà sử học Cộng hòa dân chủ Đức Khoóc Siu-xle đã viết như vậy.

Sau đó Ôt-tô Grôt-tơ-vôn cũng nhận xét, mệnh lệnh số 2 của Chủ tịch ủy ban quân chính Liên Xô ở Đức “đã thúc đẩy mạnh mẽ đời sống chính trị trong khu vực Liên Xô chiếm đóng”. Đồng chí còn viết:

“Còn có thể tìm đâu trong lịch sử một quân đội chiếm đóng, chỉ năm tuần sau khi kết thúc chiến tranh, đã cho nhân dân nước bị chiếm đóng được phép xây dựng đảng, phát hành báo và cả tự do hội họp và phát biểu ý kiến?”.

Ngày 11-6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đức ra lời kêu gọi có tính chất cương lĩnh đối với nhân dân Đức. Đó là văn kiện đặc biệt quan trọng trong lịch sử, nó trình bày chương trình xây dựng nước Đức dân chủ chống phát-xít. Nhân dân Đức được hưởng quyền xây dựng đời sống trên nền tảng dân chủ.

Ngay những tháng đầu tiên sau khi kết thúc chiến tranh, các cơ quan dân chủ tự quản Béc-lanh, cũng như trong toàn khu vực Liên Xô chiếm đóng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đức và sự tham gia của Bộ chỉ huy quân đội Liên Xô đã tiến hành một loạt những cải cách kinh tế - xã hội. Cải cách dân chủ về ruộng đất mang lại ruộng đất cho gần một triệu người lao động Đức và chấm dứt sự tồn tại của giai cấp yun-ke[3] Phổ, một trong những chỗ dựa chính của chủ nghĩa quân phiệt và chủ

nghĩa phát-xít Đức, thủ tiêu bốn tư bản lũng đoạn kénh xù, giải tán các tổ chức liên hợp kinh doanh. Những tên quốc xã cũng bị đui ra khỏi các cương vị lãnh đạo kinh tế, xã hội, văn hóa của thành phố. Trong các nhà máy, thi hành chế độ ngày làm 8 giờ và chế độ nghỉ phép thống nhất cho mọi người lao động.

Tôi nhớ rõ là Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị đã theo dõi những chủ trương rất quan trọng ấy với sự quan tâm đặc biệt và với tinh thần hiểu biết cụ thể các điều kiện sinh hoạt của nhân dân lao động Đức. Riêng I.V. Xta-lin đã trực tiếp cho nhiều ý kiến quý báu về hướng chính của công tác ấy. Người xem xét các vấn đề dưới góc độ vì lợi ích của giai cấp công nhân quốc tế và cuộc đấu tranh để củng cố hòa bình và an ninh ở châu Âu.

Khi quân đội và bộ máy hành chính Mỹ, Anh và Pháp vào các khu tây Béc-lanh thì trong thành phố sinh hoạt căn bản đã bình thường và đủ điều kiện để tiếp tục phát triển.

Ngày 16-6-1945, ban quân quản Liên Xô và tập đoàn quân xung kích 5 gặp một việc không lành. Tư lệnh tập đoàn quân, tư lệnh quân quản Liên Xô đầu tiên của Béc-lanh, Anh hùng Liên Xô, thượng tướng Ni-cô-lai E-ra-xtô-vích Béc-da-rin đã hy sinh trong khi thừa hành nhiệm vụ.

Anh hùng Liên Xô, thượng tướng A.V. Goóc-ba-tốp được cử đến làm tư lệnh quân quản Béc-lanh và tư lệnh tập đoàn quân xung

kích 5.

Chỉ huy tập đoàn quân 3 trong chiến dịch Béc-lanh, đồng chí đã hoàn thành rực rỡ nhiệm vụ tiêu diệt quân Đức bị vây ở đông nam Béc-lanh. Phụ trách quân quản Béc-lanh, Goóc-ba-tốp tỏ ra là người có tài tổ chức và đã làm tất cả mọi việc trong phạm vi có thể để tích cực tiếp tục khôi phục sinh hoạt bình thường của nhân dân lao động Đức.

Tôi muốn biểu dương các hoạt động có kết quả của các ủy viên Hội đồng quân sự tập đoàn quân xung kích 5 trung tướng Ph.E. Bô-cốp và đại tá X.I. Tuyn-pa-nốp, những người đã hết lòng giúp đỡ các đồng chí Đức và Tòa thị chính Béc-lanh, các cơ quan tự quản địa phương và các ủy ban quân quản Liên Xô ở Béc-lanh.

Đối với Quân đội Liên Xô, chiến dịch kết thúc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại lại là chiến dịch Pra-ha. Quân đội Liên Xô còn phải tiêu diệt nốt tàn quân Đức ở Tiệp Khắc và giải phóng Tiệp Khắc khỏi ách chiếm đóng của Đức.

Ngay từ mùng 5-5, Bộ Tổng tư lệnh đã được tin về cuộc khởi nghĩa của người Séc ở Pra-ha và về những cuộc chiến đấu của quân khởi nghĩa chống quân Đức. Bộ Tổng tư lệnh ra lệnh cho các Phương diện quân U-crai-na 1, 2, 4 cấp tốc hành quân đến Pra-ha để giúp những người khởi nghĩa đánh lui quân đội của Hít-le đang đàn áp họ.

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, các phương diện quân đưa ngay bộ đội cơ động của mình đến đây. Trong đêm 8 rạng ngày 9 tháng 5, quân ta đã đến khu vực Pra-ha, và sáng sớm thì vào thành phố, được nhân dân nhiệt liệt chào mừng.

Từ lúc đó cũng chấm dứt sự chống cự có tổ chức của quân Đức ở Tiệp Khắc, Áo và miền nam nước Đức. Quân Đức vội vã rút lui về phía tây với âm mưu đầu hàng quân Mỹ. Ở đây quân đội Liên Xô đã bịt kín đường. Chúng định dùng sức mạnh của vũ khí để chuồn đi nên đã bị thiệt hại nặng nề. Bộ chỉ huy quân Mỹ vi phạm điều cam kết đồng minh của họ, không ngăn cản quân phát-xít Đức rút lui về khu vực của họ, thậm chí còn tiếp tay thêm.

Những hiện tượng như thế chúng tôi còn nhận thấy cả trên khu vực quân đội Anh. Bộ chỉ huy Liên Xô tuyên bố phản đối các ông đồng minh này, nhưng không ăn thua gì.

Sư đoàn của Vla-xốp, những tên phản bội tổ quốc hồi hải chạy về khu vực có quân Mỹ. Nhưng nó đã bị quân đoàn xe tăng 25 do thiếu tướng E.I. Phô-mi-núc chỉ huy ngăn chặn rất quyết liệt.

Bản thân Vla-xốp cũng có mặt trong sư đoàn. Có chủ trương bắt sống y để xử trí thật đích đáng về tội phản bội tổ quốc của y. Lữ đoàn trưởng lữ xe tăng 162, đại tá I.P. Mi-sen-cô được giao nhiệm vụ ấy. Và nhiệm vụ trực tiếp bắt Vla-xốp giao cho toán xe tăng dưới quyền chỉ huy của đại úy M.I. Ya-cu-sép.

Vla-xốp bị bắt trong một chiếc ô-tô tách rời đoàn xe của y. Y vờ làm lính ốm trốn dưới đồng đồ đạc và trùm chăn kín. Chính những người bảo vệ y phát hiện ra. Vla-xốp và đồng lõa bị Tòa án quân sự kết án xử tử và bị hành quyết ngay.

Thế là một nhà nước phát-xít khủng khiếp đã sụp đổ tan tành. Các lực lượng vũ trang Liên Xô và quân các nước Đồng minh được sự giúp đỡ của các lực lượng giải phóng dân tộc Pháp, Nam Tư, Ba Lan, Tiệp Khắc, v.v... đã làm tròn nhiệm vụ tiêu diệt chủ nghĩa phát-xít ở châu Âu. Cuộc xâm lăng của bọn Hít-le kéo dài gần 6 năm trời đã kết thúc. Cả loài người tiến bộ đều da diết mong thoát khỏi cuộc chiến tranh với phát xít Đức.

Tôi thấy khó, và cũng thấy không cần thiết phải nêu bật một người nào đó trong những người đã tham gia chiến dịch Béc-lanh trận chiến đấu chung kết vô cùng lớn cuối Thế chiến thứ hai. Mỗi người chiến sĩ đều chiến đấu và hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự nỗ lực chủ quan cao nhất. Nói chung, nhiệm vụ tiêu diệt quân địch trong chiến dịch, trong đợt chiến đấu hay trong một trận chiến đấu đều là công việc chung của tất cả những người tham gia.

Trong khi chỉ huy bộ đội, tôi được sự giúp đỡ của cả tập thể bộ tham mưu đầy kinh nghiệm của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 đứng đầu là tướng M.X. Ma-li-nin.

Cần nói rằng khi nào tổng kết chiến tranh, phải biểu dương thích

đáng tất cả những người làm việc trong các cơ quan tham mưu. Tôi cũng muốn lưu ý rằng, thời gian tiêu diệt đạo quân Đức ở Béc-lanh và chiếm thủ đô Đức vền vẹn có 16 ngày đêm. Đó là thời gian ngắn kỷ lục đối với một chiến dịch phức tạp có tính chiến lược như vậy.

Ngày nay có kẻ ở phương Tây định thu nhỏ những khó khăn mà Quân đội Liên Xô phải khắc phục trong các chiến dịch kết thúc năm 1945 và khi đánh chiếm Béc-lanh.

Với tư cách người tham gia chiến dịch Béc-lanh, tôi cần nói rằng, đây là một trong những chiến dịch khó nhất của chiến tranh thế giới thứ hai. Gần 1 triệu quân địch phòng thủ trên hướng chiến lược Béc-lanh đã chiến đấu rất ác liệt. Đặc biệt trên các điểm cao Dê-ê-lốp, ở ven thành và ngay trong thành phố. Quân đội Liên Xô trong chiến dịch kết thúc này đã bị tổn thất lớn, gần 30 vạn người chết và bị thương.

Qua trao đổi với Ai-xen-hao, Mông-gô-mê-ri, các sĩ quan và tướng của quân Đồng minh, tôi mới biết rằng, sau khi vượt qua sông Ranh, quân Đồng minh không phải đánh trận nào ra trò với bọn Đức cả. Các đơn vị quân Đức chỉ chống cự qua loa, sau đó, nhanh chóng rút lui và đầu hàng bọn Mỹ, Anh. Những số liệu dưới đây xác nhận thiệt hại hết sức thấp của quân Đồng minh trong các chiến dịch kết thúc.

Chẳng hạn, theo số liệu của Ph.S Pô-ghiu nêu trong cuốn sách

“Bộ tổng chỉ huy”, tập đoàn quân 1 của Pát-tôn (Mỹ) trong ngày 23-4-1945 chỉ mất có 3 người, nhưng cũng trong ngày đó đã bắt được 9 nghìn sĩ quan và lính Đức.

Đội quân 3 triệu người của Mỹ hành quân từ sông Ranh sang phía đông, đông nam và đông bắc đã tổn thất bao nhiêu? Rõ ràng, họ chỉ mất có 8.351 người, trong khi đó, tù binh Đức thì hàng trăm nghìn cả lính, sĩ quan và tướng.

Nhiều người chỉ huy quân sự phương Tây, kể cả bộ tổng chỉ huy quân Đồng minh viễn chinh ở châu Âu, vẫn cứ đưa ra những kết luận xằng bậy cho rằng, sau những đợt chiến đấu ở Ác-đen và khi quân Đồng minh tiến đến sông Ranh, bộ máy quân sự của Đức đã bị đập tan không cần thiết phải mở chiến cục mùa xuân 1945 nữa. Ngay cựu tổng thống Ai-xen-hao, năm 1965, khi trả lời phỏng vấn của một phóng viên ở Si-ca-gô tên là Ét-vác Phô-li-rít Lia-vét, đã tuyên bố:

“Nước Đức đã bị bại trận hoàn toàn sau những trận ở Ác-đen... Đến ngày 16-1 mọi việc đều kết thúc, và bất cứ người nào có lý trí đều hiểu rằng đó là kết thúc. Bất cứ chiến cục mùa xuân nào đều không cần thiết. Chiến tranh kết thúc hình như 60 hay 90 ngày trước đó”.

Nói thế không thể nào nghe được.

Mọi người đều biết, giữa tháng Giêng năm 1945, Hồng quân mở cuộc tiến công từ tuyến Tin-dít - Vác-xô-vi - Xan-đô-mia nhằm

tiêu diệt quân địch ở Đông Phổ và Ba Lan. Tiếp đó đề ra kế hoạch tiến công vào trung tâm nước Đức để chiếm Béc-lanh và tiến đến sông En-bơ, eòn các đơn vị ở phía nam thì chuẩn bị giải phóng Tiệp Khắc và Áo.

Theo kiểu nói của Ai-xen-hao thì Quân đội Liên Xô ngay từ tháng Giêng năm 1945 không cần mở chiến cục mùa xuân. Như thế có nghĩa là kết thúc chiến tranh mà không đạt một mục tiêu quân sự - chính trị cơ bản nào, và cũng không đến được đường biên giới nào của phát-xít Đức chưa nói đến việc chiếm Béc-lanh. Nói ngắn hơn, đó là làm cái điều mà Hít-le và phe lũ mơ tưởng khi chúng ngồi dưới hầm trong văn phòng để chính, có nghĩa là sẽ gây thất vọng cho tất cả những ai mong muốn những chuyển biến lớn trong thời đại chúng ta.

Việc tiêu diệt chủ nghĩa phát-xít ở châu Âu đòi hỏi các nước liên minh chống Hít-le phải động viên lực lượng vũ trang và phương tiện vật chất rất lớn. Để giải quyết các nhiệm vụ tối quan trọng ấy cần có sự hiểu biết lẫn nhau và ý chí tiêu diệt bọn phát-xít cho đến lúc chúng phải đầu hàng vô điều kiện.

Không một ai có thể bác bỏ điều này: Liên Xô phải chịu gánh nặng chủ yếu của cuộc chiến đấu chống phát-xít. Đây là cuộc chiến tranh khốc liệt, đẫm máu và gay go nhất trong tất cả các cuộc chiến tranh mà nhân dân ta phải tiến hành trong quá khứ.

Cuộc chiến tranh tàn khốc hủy hoại gần 3 năm đã diễn ra trực tiếp trên đất đai Liên Xô. Hơn 20 triệu người Liên Xô đã hy sinh trên các chiến trường, dưới những đồng tro tàn của các thành phố, làng mạc, bị bắn giết, hành hạ chết mòn trong các “trại giết người” của bọn Hít-le. Hơn 70.000 thành phố, xóm làng, thôn ấp bị phá trụi. Cả nước bị tổn hại gần 30% của cải. Xưa nay chưa hề có sự khủng bố hàng loạt vô nhân đạo nào bằng những cuộc khủng bố mà bọn chiếm đóng Đức đã gây ra trên đất nước chúng ta. Ai có thể phủ nhận điều này.

Có nước nào, dân tộc nào trong Liên minh chống phát-xít lại hy sinh nặng nề như Liên Xô, và có ai đã dùng một lực lượng lớn đến như thế để đập tan một kẻ thù đe dọa cả nhân loại hay chưa. Không có lấy một quả bom rơi trên đất Mỹ. Không một viên đạn đại bác nào bắn vào các thành phố của Mỹ. Trong suốt những năm chiến tranh nước Anh chỉ có 264.433 người bị giết[4].

Tuy nhiên, nhân dân Liên Xô biết rõ công lao của nhân dân Mỹ, Anh, của những người lính, sĩ quan, tướng đã làm hết khả năng để nhích gần đến giờ chiến thắng phát-xít Đức. Chúng ta chân thành tưởng nhớ đến những thủy thủ Anh, Mỹ đã hy sinh, những người vượt biển cả gió to, bất chấp đường dài mà mỗi hải lý là một đoạn hiểm nguy sinh tử, mang hàng đến cho chúng ta theo hiệp nghị quy định. Chúng ta đánh giá cao tinh thần anh dũng quên mình của những người tham gia kháng chiến trong nhiều

nước châu Âu.

Đối với tất cả các quân chủng của lực lượng viễn chinh Đồng minh châu Âu, cần thừa nhận một cách khách quan phẩm chất và tinh thần chiến đấu mà họ đã biểu lộ trong khi chiến đấu chống kẻ thù chung.

Không phải ngẫu nhiên, khi quân ta cùng quân Đồng minh gặp nhau trên sông En-bơ và ở các nơi khác, họ đã chân thành chúc mừng nhau vì đã chiến thắng phát-xít Đức và đều bày tỏ hy vọng giữ được tình hữu nghị sau chiến tranh.

Chiến tranh là sự thử thách nghiêm khắc và sự kiểm tra toàn diện đối với chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Liên Xô. Qua sự kiểm tra đó có thể xác nhận tính hơn hẳn và sức sống của nó.

Diễn biến của chiến tranh và sự kết thúc của nó đã chỉ rõ vai trò quyết định của đông đảo nhân dân trong chiến tranh. Người Xô-viết nào trong quân đội và đội du kích, trong nhà máy và phòng thiết kế, ở nông trường tập thể và quốc doanh cũng đều không hề tiếc sức mình, họ quyết cống hiến hết tài, lực mình để tiêu diệt quân thù.

Công nhân, nông trang viên, trí thức đã lao động trong điều kiện rất gay go, ăn không đủ no, ngủ không đầy giấc. Phụ nữ và thiếu niên làm thay chỗ những người ra tiền tuyến. Toàn bộ nền kinh tế quốc dân được xây dựng trên cơ sở mới đã chứng minh bước tiến bộ của mình. Trong những năm chiến tranh, công nghiệp của

chúng ta trong những điều kiện đấu tranh vũ trang vô cùng khó khăn chống kẻ địch mạnh, một kẻ địch đã gây cho ta thật nhiều thiệt hại nặng nề về vật chất, đã sản xuất nhiều gấp đôi số khí tài hiện đại của nước Đức Hít-le, kẻ đã có chỗ dựa là tiềm lực quân sự cả châu Âu.

Ngay trong những lúc khó khăn nhất, lúc quân thù hầu như nắm quyền khống chế, nhân dân Liên Xô vẫn không chịu bó tay, không hốt hoảng trước những đòn tiến công của quân thù.

Họ đã đoàn kết xung quanh Đảng Cộng sản, khắc phục một cách vẻ vang mọi khó khăn và giành được thắng lợi có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới.

Đảng Cộng sản Liên Xô là người thực sự cổ vũ, tổ chức chúng ta. Trong những năm dài thử thách của chiến tranh gian khổ, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh; những người con ưu tú của Đảng đã đứng hàng đầu trong cuộc đấu tranh vũ trang. Đến cuối chiến tranh, ngoài tiền tuyến có hơn 3 triệu đảng viên - hơn nửa tổng số đảng viên của Đảng (bốn chiến sĩ có một đảng viên), và đợt chiến sĩ gia nhập Đảng lớn nhất là vào những tháng gay go nhất của năm 1941-1942. Đảng viên, đoàn viên, ở ngoài tiền tuyến cũng như ở hậu phương, đều đã đi đầu trong cuộc chiến đấu anh hùng bảo vệ Tổ quốc. Nhân dân và quân đội đã nhìn thấy ở những người đảng viên, ở Đảng của Lê-nin mẫu mực của chủ nghĩa yêu nước Xô-viết cao cả và lòng trung thành với chủ

nghĩa quốc tế.

Tôi cũng muốn nêu rõ tầm quan trọng hết sức lớn của báo chí Liên Xô trong việc tuyên truyền cổ vũ, giáo dục lòng yêu nước trong những năm chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. Những đặc phóng viên, những phóng viên của các báo trung ương và địa phương, những

phóng viên nhiếp ảnh quả cảm, xông xáo, các nhân viên đài phát thanh toàn Liên Xô, tất cả đều đã hoạt động rất anh dũng ở hàng đầu ở ngoài tiền tuyến hiểm nghèo và vô cùng gay go.

Cục thông tin toàn Liên Xô có uy tín rất lớn ngay cả trên toàn thế giới; nó là nguồn tin tức xác thực nhất từ các chiến trường của cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại.

Điêm qua kết quả, chúng ta cần một lần nữa đánh giá thích đáng những nỗ lực phi thường và lòng dũng cảm của quân và dân ta đã chiến đấu bảo vệ Mát-xcơ-va trong năm 1941 gay go và khó khăn

Đế quốc đề ra cho chúng mục tiêu tiêu diệt nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, nô dịch các dân tộc ở nhiều nước khác.

Các văn kiện, chỉ thị, bản đồ, trong đó bè lũ Hít-le đã phác ghi số phận châu Âu, châu Á, châu Phi và châu Mỹ mà chúng muốn gán cho sau khi chúng tiêu diệt được Liên Xô, đến nay đã ngả màu vàng. Nhưng cũng nên nhớ lại nó mỗi khi suy nghĩ về ý

nghĩa của cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại của Liên Xô, mỗi khi suy nghĩ đến cái mà nói chung những cuồng vọng thống trị toàn cầu có thể dẫn đến.

Tính chất giai cấp không khoan nhượng, không thỏa hiệp trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát-xít và lực lượng vũ trang của nó đã ảnh hưởng có ý nghĩa quyết định đến chiến lược, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật của Quân đội Liên Xô, do Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao chỉ đạo.

Nghệ thuật quân sự Xô-viết sau khi đã khắc phục những khó khăn của thời kỳ đầu chiến tranh, trong giai đoạn thứ hai, dựa vào sự ủng hộ của toàn dân, đã giành được chủ động hoàn toàn từ tay quân thù và đã tổ chức hàng loạt chiến dịch tiến công rất to lớn có ý nghĩa chiến lược.

Để nâng cao hình thức và phương pháp tiến hành chiến tranh, Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao, Bộ Tổng tham mưu, bộ tư lệnh và tham mưu các phương diện quân, các tập đoàn quân, trong quá trình chiến tranh, đã ra sức tổng kết kinh nghiệm tiền tiến và vận dụng vào bộ đội.

Những nhân tố thắng lợi quan trọng nhất của các chiến dịch tiến công năm 1943 - 1945 là phương pháp tiến công mới của pháo binh và không quân; là việc sử dụng tập trung những binh đoàn lớn cơ giới, xe tăng, không quân hiệp đồng mưu trí với các tập

đoàn quân bộ đội hợp thành trong các chiến dịch có quy mô chiến lược; là cải tiến căn bản việc chuẩn bị chiến dịch và các phương pháp chỉ huy bộ đội.

Trong quá trình chiến tranh, đi đôi với các lực lượng lục quân, chúng ta đã nhanh chóng phát triển không quân cùng nghệ thuật chiến đấu và nghệ thuật chiến dịch của nó. Nhờ thế trong giai đoạn kết thúc, chúng ta đã hoàn toàn làm chủ trên không. Các chiến sĩ lái của ta trong thời chiến đã chiến đấu rất anh dũng. Hoạt động cùng với bộ đội mặt đất, không quân đã đánh mạnh, đánh giỏi trên khắp chiều sâu chiến thuật, chiến dịch và chiến lược. Đến cuối chiến tranh, không quân của ta đã có ưu thế về trang bị khí tài.

Các tập thể dưới sự lãnh đạo của các đồng chí sau đây đã thành công rực rỡ, chế tạo được máy bay quân sự rất tốt: A.N. Tu-pô-lép, A.I. Mi-côi-an, A.A. Bla-gôn-ra-vốp, A.A. Ác-khan-ghen-xki, N.N. Pô-li-các-pốp, A.X. Ya-cốp-lép, X.V. I-li-u-sin, X.A. La-vốt-skin, V.M. Pết-li-a-cốp, S.P. Cô-rô-lép, P.O. Xu-khôi, Gi.Ya. Cô-tin, A.N. Crư-lốp, V.Ya. Cli-mốp, M.I. Cô-skin, V.G. Gra-bin, X.G. Gô-ri-nốp, M.I. Gu-rê-vích, V.A. đéc-chi-a-rép, A.A. Mi-cu-lin, B.I. Sa-vư-rin, G.X. Spa-ghin.

Bên cạnh lục quân và không quân, hải quân của ta cũng tác chiến thắng lợi. Hàng chục binh đoàn và hàng trăm đội lính thủy đánh bộ đã hoạt động trên bộ, và khắp nơi họ đều tỏ ra dũng cảm tuyệt

vời được nhân dân hết lời ca ngợi.

Bắt đầu từ năm 1944, chiến lược quân sự Xô-viết dựa trên tiềm lực kinh tế và quân sự vô cùng to lớn của cả nước, với ưu thế về lực lượng và phương tiện, đã mở những chiến dịch tiến công với sự đồng thời tham gia của hai, ba, bốn... phương diện quân, hàng chục nghìn khẩu pháo, hàng nghìn xe tăng, súng cối phản lực và máy bay chiến đấu. Những lực lượng và phương tiện hùng hậu ấy đã giúp Bộ chỉ huy Liên Xô chọc thủng bất cứ dải phòng ngự nào của địch, đánh rất sâu, bao vây những đạo quân lớn, nhanh chóng chia cắt và tiêu diệt chúng trong một thời gian ngắn.

Nếu ở khu vực Xta-lin-grát, các Phương diện quân Tây-nam, Sông Đông, Xta-lin-grát phải mất gần hai tháng rưỡi để tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn quân của Pao-luyt, thì trong chiến dịch kết thúc Béc-lanh như đã nói trên, đạo quân chiến lược của Đức trên 40 vạn người đã bị tiêu diệt và bắt hết trong vòng 16 ngày đêm.

Trong việc chuẩn bị tất cả các chiến dịch tiến công, Quân đội Liên Xô đã hết sức chú ý tạo yếu tố bất ngờ bằng cách nguy trang cẩn thận về chiến dịch và chiến thuật, bằng chế độ biên soạn hết sức bí mật các văn kiện chiến dịch và nghiêm khắc hạn chế phổ biến trong tất cả các cấp từ Đại bản doanh tới bộ đội.

Đặc biệt chú ý tập trung kín đáo lực lượng và phương tiện trên những hướng tiến công chủ yếu và nghi binh ở các khu vực khác không dự định tiến công.

Trong thời gian chiến tranh chống phát-xít Đức, Quân đội Liên Xô đã mở nhiều chiến dịch lớn, có những chiến dịch chưa từng có trong lịch sử chiến tranh về quy mô và về cách thực hiện. Có thể nêu lên trận Xta-lin-grát, trận ở vòng cung Cuốc-xơ, trận ở Mát-xcơ-va, chiến dịch Ya-xư - Ki-si-nép, trận tiêu diệt quân Đức ở Bê-lô-ru-xi, chiến dịch Vi-xla - Ô-đe và chiến dịch kết thúc Béc-lanh.

Trong tác chiến phòng ngự chúng ta không thể quên được tinh thần ngoan cường dũng cảm của Quân đội Xô-viết trong các trận ở Lê-nin-grát, Xê-vát-xtô-pôn và Ô-đét-xa.

Tất cả các chiến dịch tiến công và phản công lớn của Quân đội Liên xô từ mùa hè 1942 đều xuyên suốt tinh thần độc đáo, kiên quyết mãnh liệt và triệt để. Các trận chiến đấu và chiến dịch diễn ra liên tục suốt bốn mùa. Không có mùa đông tuyết phủ rét buốt nào, không có ngày mưa tầm tã nào, không có lầy lội nào của mùa xuân và mùa thu có thể ngăn cản đà phát triển liên tục của các chiến dịch, mặc dầu đó là những lúc quân ta phải mang hết tâm sức ra chịu đựng.

Điểm nổi bật quan trọng nhất về chiến lược của Liên Xô trong những năm 1944 - 1945 là tinh thần đặc biệt tích cực mở các chiến dịch tiến công trên khắp mặt trận Xô - Đức với những mục đích rất kiên quyết. Nếu trong thời kỳ đầu và một phần trong thời kỳ thứ hai, Quân đội Liên Xô chỉ tiến công sau khi quân Đức

mất hết khả năng tiến công (có nghĩa là phản công), thì tất cả các chiến cục trong giai đoạn kết thúc chiến tranh rõ ràng bắt đầu ngay bằng những trận tiến công mạnh mẽ của quân ta vào trận địa phòng ngự có chuẩn bị sẵn của địch.

Chúng ta có thể cùng một lúc liên tục mở trên nhiều hướng những chiến dịch tiến công lớn trong các năm 1944 - 1945 là vì mặt trận ở đây đã thu hẹp lại và so sánh lực lượng tiếp tục chuyển biến có lợi Quân đội Liên Xô. Phương pháp tiến hành tiến công chiến lược ấy có hiệu quả đặc biệt vì nó tước được của địch khả năng tự do cơ động và làm cho chúng bị ngăn chặn khắp nơi.

Về hình thức, các chiến dịch tiến công chiến lược thật là nhiều vẻ. Nổi bật nhất là những chiến dịch bao vây và tiêu diệt địch bằng những đòn đánh vào hướng chúng đang di động hay bằng cách ép chúng xuống biển, chia cắt chúng ra để tiêu diệt gọn từng phần. Chiến dịch bao vây là hình thức chiến dịch tiến công chiến lược có hiệu quả nhất. Điều kiện thuận lợi để mở rộng chiến dịch ấy là thế hơn hẳn của quân ta đối với quân địch.

Quân đội Liên Xô, trong suốt chiến tranh, đã tác chiến ban đêm một cách rất mưu trí và táo bạo. Lối đánh này trước chiến tranh được coi là “hành động trong điều kiện đặc biệt”. Trong chiến tranh nó trở thành thông thường. Nó lại trở thành phổ biến đặc biệt rộng rãi trong năm 1943 - 1945, khi quân ta mở những chiến

cực có tính chất chiến lược hết sức lớn. Địch thường tránh hoạt động ban đêm; khi buộc phải đánh đêm, chúng bị mất chủ động và không dám cơ động.

Bắt đầu từ năm 1943, những trận đánh gặp địch đã có tác dụng lớn. Kinh nghiệm chiến tranh cho thấy, trong đánh gặp địch, chiến thắng thuộc về bên nào chuẩn bị tốt cho loại chiến đấu phức tạp này. Ở đây điều đặc biệt quan trọng cần nhớ là luôn luôn và trong mọi lúc, ngay khi bắt gặp địch, phải nhanh tay hơn địch: chiếm các tuyến có lợi, triển khai, khai hỏa, bọc sườn, công kích mãnh liệt.

Đánh gặp địch đòi hỏi chỉ huy phải táo bạo và luôn chủ động, luôn sẵn sàng chỉ huy chiến đấu một cách quả đoán, mưu trí, tích cực.

Các lực lượng du kích Liên Xô đã anh dũng hoạt động để hỗ trợ cho các chiến dịch tiến công của ta thắng lợi. Hơn 3 năm, du kích không hề cho quân thù được yên một phút, họ phá đường giao thông và trừng trị bọn chúng ở hậu địch. Quân đội Liên Xô tiến vào lãnh thổ Ba Lan, Tiệp Khắc, Ru-ma-ni, Bun-ga-ri, Nam Tư, Hung-ga-ri cũng được sự giúp đỡ to lớn của lực lượng yêu nước do các Đảng Cộng sản và Đảng xã hội ở các nước đó lãnh đạo.

Ở các tỉnh bị tạm chiếm của nước Cộng hòa liên bang Nga, theo thống kê chưa đầy đủ, các đội du kích bao gồm 260.000 người

báo thù cho nhân dân. Ở U-crai-na có 220.000, ở Bê-lô-ru-xi – 374.000. Địch buộc phải bố trí ở hậu phương chúng một lực lượng rất lớn để lập một mặt trận thứ hai nhằm chống quân du kích. Điều ấy đã tác động nghiêm trọng đến tình hình chung của bọn Đức ngoài mặt trận và cuối cùng tác động đến kết cục của chiến tranh.

Ta nên tưởng nhớ đến những nhà lãnh đạo xuất sắc các tổ chức du kích bí mật, những người chỉ huy các đội và các binh đoàn du kích đã làm hết sức mình để đánh địch, hiệp đồng mưu trí với quân chủ lực. Đó là các đồng chí: V.A. Béc-ma, P.P. Véc-si-gô-ra, X.Ya. Véc-si-nin, P.K. Pô-nô-ma-ren-cô, T.A. Stơ-rô-ca-cha, A. Ph. Phê-đô-rốp, X.X. Bê-n-chen-cô, M. Gu-xây-in Da-đê, Ph. A. Ba-ra-nốp, X. A. Cốp-pắc. E.A. Cô-dơ-lốp, V.I. Cô-dơ-lốp, X.V. Rút-nét, V.K. Xlô-nốp, A.N. Xa-bu-rốp, M. Su-ma-út-scát, Đ.N. Mết-yê-đép, M.I. Na-u-mốp, P.D. Ca-li-nin.

Các chiến sĩ biên phòng cũng lập nhiều công tích lớn đối với Tổ quốc. Họ chịu đựng trước tiên những đòn tiến công của địch. Họ làm hết sức để phá tan kế hoạch chiến tranh chớp nhoáng của Hít-le. Theo kế hoạch này thì các đội biên phòng sẽ bị quét sạch trong vòng vài giờ sau khi chúng đột nhập.

Bộ đội biên phòng đã chiến đấu ngoan cường trên biên giới với kẻ địch có ưu thế; tiếp đó họ cùng với Hồng quân chiến đấu quên mình để bảo vệ từng tấc đất của Liên Xô.

Trong chiến đấu bảo vệ Mát-xcơ-va, nhiều trung đoàn biên phòng (những đội biên phòng cũ) cùng với các đơn vị Hồng quân đã quyết tử chiến đấu trên các hướng Vô-lô-cô-lam-xcơ, Mô-gia-ích, Na-rô, Phô-min-xcơ, Ma-lô-ya-rô-xláp. Trong chiến đấu ở vòng cung Cuốc-xcơ, tập đoàn quân 70 đã lập thành tích rực rỡ. Tập đoàn quân này gồm các chiến sĩ biên phòng Viễn Đông, Trung Á và Da-bai-can.

Quân biên phòng đã hoàn thành những nhiệm vụ quan trọng ngay ở hậu địch, diệt các bộ máy hành chính của chúng, phá hủy đường giao thông. Trong chiến tranh, quân biên phòng đã bảo vệ hậu phương ở Hồng quân, đánh thắng tất cả bọn thám báo biệt kích địch thâm nhập.

Trong chiến tranh hiện đại, sự chỉ đạo đúng đắn có ý nghĩa rất lớn. Nó là một lĩnh vực rộng rãi gồm nhiều nhân tố quân sự - chính trị, tinh thần, vật chất, tâm lý, và hợp thành một bộ phận rất quan trọng của khoa học quân sự và nghệ thuật quân sự.

Những năm trước chiến tranh, khoa học quân sự Xô-viết nghiên cứu chưa đầy đủ vấn đề quan trọng ấy. Tất cả chúng tôi đành phải ra sức nắm lấy khoa học và tập chỉ huy bộ đội ngay trong chiến tranh. Trong vấn đề này, lúc đầu, Bộ chỉ huy Liên Xô ở vào tình thế không lợi so với bộ chỉ huy quân Đức. Khi tiến công Liên Xô, chúng ta đã có khá nhiều kinh nghiệm tiến hành chiến tranh.

Cùng với ưu thế chung của quân ta ngày càng tăng so với quân phát-xít Đức, nghệ thuật quản lý người và trang bị kỹ thuật quân sự cũng phát triển. Nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Hội đồng quốc phòng và Đại bản doanh cũng được nâng cao.

Theo lệ thường, hàng ngày Bộ tổng tham mưu báo cáo với Tổng tư lệnh hai, ba lần. Thường thì tổng tham mưu trưởng hay tổng tham mưu phó thứ nhất làm việc này. ngoài những bản báo cáo, cục tác chiến còn lên một bản đồ đặc biệt cho Tổng tư lệnh trong đó ghi rõ diễn biến chiến sự ở từng thời điểm.

Tổng tư lệnh biết rõ và đánh giá cao các thủ trưởng của Bộ tổng tham mưu A.M. Va-xi-lép-xki và A.I. An-tô-nốp. Người thường gọi các tướng của các cục tác chiến Bộ tổng tham mưu như V.Đ. I-va-nốp, N.A. Lô-mốp, X.M. Stê-men-cô, A.A. Gư-dơ-lốp đến đề cùng Người xem xét tỉ mỉ kế hoạch hay sự diễn biến của địch. Khi có điều gì chưa rõ, thì trực tiếp gọi điện trao đổi với các tư lệnh hay các bộ tham mưu phương diện quân.

Trong quá trình diễn biến chiến sự, đôi khi Tổng tư lệnh trao đổi bằng điện thoại với các tư lệnh tập đoàn quân, trường hợp khẩn cấp thì nói chuyện thẳng với các sư đoàn trưởng. Các tư lệnh binh đoàn cũng có lúc trao đổi trực tiếp như vậy bằng điện thoại dã chiến.

Từ mùa thu năm 1942, sau khi giải thể Bộ Tổng tư lệnh ba hướng, Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao vận dụng hình

thức chỉ huy mới - thông qua các đại diện của mình. Chế độ ấy tồn tại đến cuối chiến tranh và tỏ ra là đúng. Đại diện của Đại bản doanh được phái tới các khu vực trọng yếu để phối hợp sự nỗ lực của các phương diện quân và giúp họ tổ chức chỉ huy các chiến dịch. Đôi trường hợp họ phải trực tiếp chỉ đạo các chiến dịch của nhiều phương diện quân.

Thật ra thì chế độ chỉ huy những hoạt động chiến đấu lớn trực tiếp ngoài mặt trận thông qua các đại diện của Đại bản doanh, bên cạnh mặt ưu điểm cũng còn một số thiếu sót. Tại Bộ thường có lúc chỉ còn một mình Tổng tư lệnh, ở Bộ Tổng tham mưu thường vắng thủ trưởng.

Nội dung đặt kế hoạch chiến đấu ở khâu Đại bản doanh gồm có: định ra mục đích và hình thành các ý đồ chiến cục và chiến dịch, xác định phương hướng các mũi chủ công, bố trí binh lực và khí tài theo các hướng ấy và đề ra nhiệm vụ của các phương diện quân và cả việc bảo đảm vật chất và kỹ thuật cho chiến dịch.

Từ thời kỳ thứ hai của cuộc chiến tranh (từ chiến dịch Xta-lin-grát - trung tuần tháng 11-1942), kế hoạch các chiến cục được chuẩn bị hai, ba tháng trước khi mở màn và được dự kiến rất sâu. Chuẩn bị chiến cục mới, Đại bản doanh lúc nào cũng phổ biến cho các tư lệnh phương diện quân nhiệm vụ của họ xuất phát từ ý đồ chung của chiến cục. Các tư lệnh phương diện quân, về phần mình, căn cứ vào những chỉ thị cơ bản đã nắm được, đề đạt

lên Bộ Tổng tham mưu ý kiến của mình về kế hoạch chiến dịch của phương diện quân. Ở đây, ý kiến ấy được nghiên cứu, cân nhắc, và báo cáo lên Đại bản doanh.

Nói chung chế độ chỉ đạo về chiến lược của Liên Xô lúc đó rất thích hợp và bảo đảm bố trí lực lượng rất nhanh, làm kế hoạch chu đáo và tiến hành thắng lợi các chiến dịch có tính chất chiến lược.

Một đặc điểm của sự chỉ đạo đó là sự tập trung rất nghiêm nhưng sự tập trung này không những không tước bỏ mà tạo điều kiện cho các tư lệnh phương diện quân đề đạt ý kiến sáng tạo của mình. Trong số các đồng chí này, nhiều người là những nhà cầm quân lỗi lạc có tài thao lược.

Về nghệ thuật chỉ huy của Đức và các đối phương của chúng ta, nói chung trong Thế chiến thứ hai, tôi không thể nhất trí với ý kiến cho rằng nghệ thuật chỉ đạo chiến lược, chiến dịch và chiến thuật của quân Đức là xoàng. Hồi đầu chiến tranh, nghệ thuật ấy ở mức cao, chúng biết dựa vào và phát huy được thực lực nắm trong tay.

Trong giai đoạn hai của chiến tranh, trình độ nghệ thuật quân sự của các bên đối chiến bắt đầu ngang nhau; khi quân ta có kinh nghiệm tiến hành chiến tranh và Bộ chỉ huy Liên Xô có trong tay mình số lực lượng và phương tiện cần thiết, thì nó vượt xa bọn Đức về nghệ thuật quân sự, đặc biệt trong việc giải quyết những

nhiệm vụ chiến lược.

Trong giai đoạn 3 (từ 1944 đến 1945), khi so sánh lực lượng và phương tiện tăng vọt có lợi cho Quân đội Xô-viết, nghệ thuật quân sự Xô-viết vươn lên trình độ hoàn thiện cao. Nghệ thuật chiến lược của bọn chỉ huy Đức, từ lúc Quân đội Liên Xô phản công ở Xta-lin-grát, bắt đầu đi xuống, và đến 1945 thì sụp hẳn. Còn sự lãnh đạo quân sự - chính trị tối cao của phát-xít Đức, của Hít-le và cận thần của y, thì ngay từ đầu rõ ràng là phiêu lưu. Gây ra những cuộc xâm lược về quân sự và chính trị, chúng đã đưa nước Đức đến vực thẳm, đến tai họa cho cả nước, đặc biệt khi chúng liều lĩnh gây chiến với Liên Xô. Rõ ràng khối phát-xít không đủ sức làm điều đó

Hít-le và phe lũ không đánh giá đúng sức phòng thủ của Liên Xô và sức mạnh tiềm tàng trong lòng chế độ xã hội và Nhà nước Liên Xô, trong nền kinh tế Xô-viết và trong tinh thần yêu nước cao cả của nhân dân Liên Xô.

Giữa thán 5-1945, Tổng tư lệnh gọi tôi về Mát-xcơ-va.

Tôi không biết mục đích, hỏi cũng không tiện; đối với quân nhân càng không nên hỏi.

Về tới Mát-xcơ-va tôi đến gặp ngay A.I. An-tô-nốp ở Bộ Tổng tham mưu. Ở đó tôi mới biết rằng Hội đồng quốc phòng hiện đang nghiên cứu vấn đề thi hành những cam kết mới của ta đối với Mỹ và Anh về việc Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản.

Lúc bấy giờ ở Bộ Tổng tham mưu đang mở hết tốc lực làm kế hoạch tác chiến cho lục quân, không quân và hải quân.

Từ Bộ Tổng tham mưu, tôi dùng điện thoại báo cáo với I.V.Xta-lin rằng tôi đã về đến nơi. Tôi nhận ngay được chỉ thị có mặt ở Crem-lanh lúc 8 giờ tối. Xem ra còn thừa đủ thì giờ, tôi đến Mi-khai-in I-va-nô-vích Ca-li-nin vì đồng chí đã gọi điện thoại cho tôi ở Béc-lanh yêu cầu khi về Mát-xơ-va nhất thiết ghé lại kể cho đồng chí nghe về chiến dịch Béc-lanh.

Tôi thật lòng yêu mến Mi-khai-in I-va-nô-vích Ca-li-nin vì đồng chí giản dị và rất giàu vốn sống, vì đồng chí khéo dùng từ ngữ bình thường giải thích những hiện tượng phức tạp nhất trên đời. Mi-khai-in I-va-nô-vích hỏi phần khởi đón tiếp tôi. Đồng chí làm việc hết sức trong những năm ấy, trông người không được khỏe. Mặc dầu tuổi cao, đồng chí luôn đến thăm các đơn vị bộ đội đang chiến đấu, gặp gỡ chiến sĩ, cán bộ, dành cho họ những lời lẽ sâu sắc và nồng nhiệt.

Mi-khai-in I-va-nô-vích hỏi rất kỹ về việc đánh chiếm Béc-lanh, tình hình tổ chức đời sống của nhân dân Đức, hoạt động của Đảng Cộng sản Đức mà phần lớn Đảng viên đã bị bọn Hít-le giết hại một cách hết sức dã man.

Nói chuyện với Mi-khai-in I-va-nô-vích xong, tôi đến Tổng tư lệnh. Trong phòng, ngoài các ủy viên Hội đồng quốc phòng còn có mặt ủy viên nhân dân Hải quân. N.G. Cu-dơ-nét-xốp, A.I. An-

tô-nốp, chủ nhiệm hậu cần của Hồng quân A.V. Khru-lép, một số tướng phụ trách quân ở Bộ Tổng tham mưu.

A-lếch-xây I-nô-ken-ti-ê-vích báo cáo các phương án của Bộ Tổng tham mưu điều động bộ đội và phương tiện vật chất sang Viễn Đông và việc tập trung nó cho các phương diện quân trong tương lai. Theo dự kiến của Bộ Tổng tham mưu thì toàn bộ việc chuẩn bị tác chiến với Nhật Bản đòi hỏi thời gian là ba tháng.

Tiếp đó I.V. Xta-lin hỏi:

- Chúng ta có nên kỷ niệm Chiến thắng phát-xít Đức bằng cách tổ chức Duyệt binh Chiến thắng ở Mát-xcơ-va, và mời những anh hùng xuất sắc nhất, chiến sĩ, hạ sĩ quan, sĩ quan và tướng về dự không?

Mọi người nhiệt liệt ủng hộ gợi ý ấy và góp nhiều ý kiến thực hiện. Vấn đề ai sẽ duyệt binh chiến thắng và ai chỉ huy duyệt binh lúc ấy không bàn, nhưng mỗi người trong chúng tôi đều cho rằng đi duyệt binh phải là Tổng tư lệnh tối cao.

Thế là A.I. An-tô-nốp được phân công chuẩn bị các phương tiện cần thiết cho cuộc duyệt binh và dự thảo chỉ thị. Hôm sau tất cả tài liệu ấy đều được đệ trình I.V. Xta-lin duyệt.

Quy định mời về duyệt binh: mỗi phương diện quân sau đây cử một trung đoàn hỗn hợp: Phương diện quân Ca-rê-li, Lê-nin-grát, Pri-ban-tích, Bê-lô-ru-xi 1, 2, 3, U-crai-na 1, 2, 3, 4; trung đoàn hỗn hợp hải quân, trung đoàn hỗn hợp không quân.

Thành phần các trung đoàn bao gồm các Anh hùng Liên Xô, các đồng chí được tặng Huân chương Vê vang, những nhà thiện xạ, những chiến sĩ, hạ sĩ quan, sĩ quan có huân chương cao nhất. Chỉ huy các trung đoàn hỗn hợp của phương diện quân phải là các tư lệnh phương diện quân.

Lá cờ đỏ cắm trên nóc nhà quốc hội Đức ở Béc-ling, các lá cờ chiến đấu của quân phát-xít Đức bị Quân đội Xô-viết tước đoạt trong chiến đấu đều được mang về Liên Xô.

Cuối tháng 5 và đầu tháng 6, việc chuẩn bị duyệt binh được đẩy mạnh. Trung tuần tháng 6, tất cả các đơn vị tham gia duyệt binh đều mặt lễ phục mới và bắt đầu duyệt thử.

Ngày 12-6, Mi-khai-in I-va-nô-vích Ca-li-nin trao cho tôi Ngôi sao Anh hùng Liên Xô thứ ba.

Tôi không nhớ rõ, hình như 18 hay 19 tháng 6, Tổng tư lệnh gọi tôi đến nhà nghỉ mát.

Người hỏi tôi đã quên đi ngựa chưa. Tôi trả lời:

- Thưa không, tôi không quên.
- Thế thì được rồi, đồng chí phải duyệt binh chiến thắng. Chỉ huy duyệt binh sẽ là Rô-cô-xốp-xki.

Tôi trả lời:

- Cảm ơn đồng chí đã dành cho tôi vinh dự đó, song tôi thiết nghĩ nếu đồng chí duyệt binh thì hay hơn. Đồng chí là Tổng tư lệnh có quyền và có nhiệm vụ duyệt binh.

I.V. Xta-lin nói:

- Tôi duyệt binh thì hơi già. Đồng chí duyệt đi, vì trẻ hơn.

Đội hình duyệt binh xếp theo thứ tự theo một tuyến chung gồm các phương diện quân đã chiến đấu từ phải sang trái. Bên sườn phải bố trí trung đoàn Ca-rê-li, tiếp đó Lê-nin-grát, Pri-ban-tích 1, v.v... Sườn trái bắt đầu là U-crai-na 4, trung đoàn hỗn hợp hải quân và các đơn vị của Quân khu Mát-xcơ-va.

Mỗi trung đoàn hỗn hợp được đặc biệt chọn cách đi mà họ thích nhất. Duyệt thử tiến hành ở Sân bay Trung ương, lần thử cuối cùng thì ở Hồng trường. Trong một thời gian ngắn, tất cả các trung đoàn hỗn hợp đều được huấn luyện và chu đáo và đều có khí thế cao.

Ngày 22-6, các báo cáo đều đăng mệnh lệnh sau đây của Tổng tư lệnh:

“Để chào mừng chiến thắng nước Đức trong cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại, ngày 24-6-1945 tại Hồng trường ở Mát-xcơ-va, sẽ tổ chức duyệt binh của các đơn vị quân đội tham chiến, Hải quân và các đơn vị quân khu Mát-xcơ-va - lấy tên là Duyệt binh chiến thắng...

Tiếp nhận cuộc Duyệt binh chiến thắng là Phó Tổng tư lệnh tối cao, nguyên soái Liên Xô G.K. Giu-cốp, chỉ huy duyệt binh là nguyên soái Liên Xô K.K. Rô-cô-xốp-xki.

Tổng tư lệnh tối cao

Nguyên soái Liên Xô

Xta-lin

Mát-xcơ-va, ngày 22-6-1945”.

Đây rồi, những ngày chờ mong và không sao quên được! Nhân dân Liên Xô 4 năm chờ đợi giây phút này. Những chiến sĩ Anh hùng được Đảng của Lê-nin cổ vũ, dưới sự chỉ huy của những cán bộ nổi tiếng đã trải qua quãng đường chiến đấu bốn năm gay go kết thúc bằng những thắng lợi rực rỡ ở Béc-lanh.

Ngày 24-6-1945, tôi dậy sớm hơn ngày thường.

Tôi nhìn qua cửa sổ xem thông báo của các chiến sĩ khí tượng có đúng không. Hôm qua anh em dự báo là sáng nay trời âm u, mưa bụi. Tôi mong lúc này họ dự báo sai?

Nhưng, chán quá! Lần này dự báo thời tiết của anh em lại đúng.

Trời Mát-xcơ-va âm u và mưa bụi thật. Tôi gọi điện thoại liên lạc với tư lệnh không quân, đồng chí này nói rằng trên phần lớn các sân bay, thời tiết không cho phép bay. Có thể điều binh chiến thắng không được long trọng theo ý muốn.

Nhưng không! Người Mát-xcơ-va vẫn hớn hờ bước nhịp nhàng trong tiếng nhạc hùng tráng tiến thẳng tới Hồng trường tham gia diễu hành trong ngày lịch sử này. Những nét mặt vui tươi của họ, rừng khẩu hiệu, biểu ngữ và lời ca đẹp đẽ đã tạo nên không khí hoan hỉ bao trùm.

Những người không tham gia diễu hành ở Hồng trường đứng

chặt ních các vĩa hè. Làn sóng vui tươi và tiếng reo “hoan hô” chào mừng chiến thắng phát-xít đã kết chặt họ với những người diễu hành, với bộ đội. Sự nhất trí đó đúng là sức mạnh không gì phá vỡ được

Đúng 10 giờ kém ba phút tôi đã ngồi trên ngựa ở cổng Xpát. Tôi nghe rõ tiếng hô “Nghiêm” tiếp theo đó là những tràng vỗ tay. Chuông đồng hồ điểm 10 giờ. Hình như tim tôi đập nhanh hơn. Tôi thúc ngựa đi thẳng ra Hồng trường. Từng âm thanh hùng tráng của bản nhạc “Lấy lòng” của Glin-ca vang lên lúc này sao thân yêu đối với mỗi người Nga đến thế! Quảng trường lại im lặng như tờ, chỉ còn vang lên tiếng rành rọt của vị tư lệnh duyệt binh, nguyên soái Liên Xô K.K. Rô-cô-xốp-xki mà chắc chắn cũng hồi hộp không kém tôi. Báo cáo của đồng chí đã thu hút tôi và tôi trở lại bình tĩnh.

Những lá quân kỳ từng cổ vũ quân ta xông lên diệt thù, những gương mặt đầy dũng khí dạn dày với chiến tranh, những cặp mắt ngời sáng tự hào, những bộ quân phục mới lấp lánh huân chương và quân hàm, tất cả đã tạo nên bức tranh xúc động không sao quên được.

Tiếc rằng nhiều người con trung thành của Tổ quốc vừa ngã xuống trong chiến đấu với kẻ thù khát máu không còn sống đến

ngày hân hoan này, đến ngày thắng lợi này.

Trong khi đi chào bộ đội, tôi thấy nước mưa chảy ròng trên quân hiệu cài ở mũ kê-pi của họ, nhưng vì niềm vui đang tràn ngập, không ai để ý đến mưa ướt.

Phân khởi đặc biệt đã bao trùm lên mọi người khi những Trung đoàn Anh hùng nghiêm bước đi qua lăng Lê-nin. Đi đầu các trung đoàn này là những vị tướng, những vị nguyên soái binh chủng và nguyên soái Liên Xô đã từng lập công vẻ vang trong chiến đấu với quân Đức.

Phút giây không có gì so sánh nổi là lúc 200 chiến sĩ đã tham chiến, theo nhịp trống hùng tráng, đã đến đặt tại lăng Lê-nin 200 lá quân kỳ của phát-xít Đức.

Những kẻ mang đầu óc phục thù, những người say mê các cuộc phiêu lưu quân sự hãy nhớ lấy sự kiện này!

Duyệt binh Chiến thắng xong là tiệc chiêu đãi của Chính phủ mừng những người tham gia duyệt binh. Có mặt trong buổi chiêu đãi là các vị lãnh đạo Đảng và chính phủ, các vị trong Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao Liên Xô, các vị trong Trung ương Đảng, Chính phủ, các vị cán bộ cao cấp của Hồng quân và Hạm đội, các nhà hoạt động khoa học, công nghiệp, nông nghiệp, văn học nghệ thuật.

Trong buổi chiêu đãi, mọi người nghe nhiều bài diễn văn nhiệt liệt chào mừng đảng đã đoàn kết nhân dân Liên Xô chiến đấu

chống quân thù, đã tổ chức nên lực lượng vũ trang để tiêu diệt kẻ địch, nhiệt liệt chào mừng các lực lượng vũ trang Liên Xô đã tiêu diệt hoàn toàn phát-xít Đức, nhiệt liệt chào mừng các nhà khoa học kỹ thuật, công nghiệp, nông nghiệp và nghệ thuật đã bảo đảm mọi nhu cầu vật chất và tinh thần cho các lực lượng vũ trang ta trong chiến đấu chống kẻ địch mạnh, có kinh nghiệm và tàn bạo, nhiệt liệt chào mừng nhân dân Liên Xô vĩ đại.

Trở về vị trí công tác của mình, những người tham gia điều binh còn giữ khá lâu những cảm tưởng đẹp đẽ của cuộc điều binh trọng thể và buổi chiêu đãi ở điện Crem-lanh...

Trở về Béc-lanh, chúng tôi kiến nghị với người Mỹ, người Anh, người Pháp, tổ chức điều binh chào mừng chiến thắng phát-xít Đức ngay tại Béc-lanh. Qua một thời gian chúng tôi mới nhận được phúc đáp hưởng ứng. Cuộc điều binh gồm Quân đội Liên Xô và quân đội Đồng minh được quyết định tiến hành vào tháng 9 ở khu vực nhà quốc hội Đức và cổng Brăng-đen-bua là những nơi Quân đội Liên Xô đánh trận cuối cùng để chiếm Béc-lanh vào ngày 1 – 2 tháng 5-1945.

Các bên nhất trí là các Tổng chỉ huy Quân đội Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp ở đây đi duyệt binh.

Tham gia điều hành có tất cả các binh chủng của bộ đội mặt đất. Không quân và hải quân không được huy động vì ở khá xa Béc-lanh.

Sắp đến lúc duyệt binh rồi. Quân đội Liên Xô chuẩn bị rất chu đáo. Chúng tôi cố gắng trước hết mời tham gia điều binh những chiến sĩ, hạ sĩ quan, sĩ quan và các tướng đặc biệt xuất sắc khi đánh chiếm Béc-ling và các ổ đề kháng chủ yếu của chúng là nhà quốc hội và văn phòng để chính. Mọi việc đều được chuẩn bị theo như đã thỏa thuận với Đồng minh.

Nhưng sắp đến ngày điều binh, chúng tôi thành linh được báo, vì nhiều lý do nên các tổng chỉ huy quân Đồng minh không thể đến Béc-ling dự lễ duyệt binh chiến thắng, họ ủy quyền cho các tướng của họ tham gia.

Tôi báo cáo ngay cho I.V. Xta-ling.

Nghe báo cáo xong, Xta-ling nói:

- Chúng muốn hạ thấp ý nghĩa điều binh chiến thắng ở Béc-ling đây. Đồng chí xem, chúng nó vẫn cứ chơi cái lối ấy. Mặc xác bọn chúng, đồng chí cứ tự duyệt binh lấy, hơn nữa chúng ta có nhiều quyền hơn chúng về việc này.

Lễ điều binh của khối Liên minh chống Hít-le đã tiến hành đúng giờ quy định. Tham gia lễ này có đạo quân Liên Xô đánh chiếm Béc-ling, có quân Mỹ, Anh, Pháp vào đây chiếm đóng các khu tây của thành phố.

Đi duyệt bộ đội xong, chúng tôi đọc diễn văn nêu bật chiến công lịch sử của Quân đội Liên Xô và các lực lượng viễn chinh Đồng minh.

Bộ binh, xe tăng, pháo binh Liên Xô tiến bước trong đội hình tuyệt đẹp. Xe tăng và pháo tự hành của chúng ta đường bộ lắm. Trong số quân Đồng minh, nổi hơn cả là quân đội Anh. Tại nơi diễu binh có mặt gần 2 vạn dân Béc-lanh. Họ đều hoan chào mừng lễ tượng trưng cho tình hữu nghị của khối Liên minh chống Hít-le, chào mừng thắng lợi có ý nghĩa lịch sử của Quân đội Liên Xô ở ngay nơi mà từ đó bọn phát-xít đã gây ra nạn xâm lược đẫm máu trên khắp châu Âu.

[1] tức Hít-le – ND.

[2] Nguyên văn: đi theo bà quý - ND.

[3] địa chủ lớn ở Phổ - ND.

[4] Suru tập thống kê chiến tranh, Luân Đôn, 1945, tr. 13.

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Chương 21

BƯỚC ĐẦU CỦA HỘI ĐỒNG KIỂM SOÁT VIỆC QUẢN LÝ NƯỚC ĐỨC. HỘI NGHỊ PÔT-ĐAM

VÀO những ngày 20-5-1945, một hôm đã khuya rồi, A.N. Pô-xcrê-bur-sép gọi điện truyền đạt lệnh triệu tập tôi tới điện Crem-lanh.

Khi tới phòng làm việc của Tổng tư lệnh tối cao, ngoài Tổng tư lệnh ra, tôi thấy có V.M. Mô-lô-tốp và K.E. Vô-rô-si-lốp.

Chào hỏi xong, I.V. Xta-lin nói:

- Trong lúc chúng ta đang giải giáp tất cả binh lính và sĩ quan quân đội Đức, bắt chúng tập trung vào những trại tù binh, thì người Anh lại giữ các đơn vị quân Đức trong tình trạng hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu và hợp tác với bọn chúng. Cho đến nay, bộ tham mưu Đức, đứng đầu là những viên tư lệnh cũ vẫn được hoàn toàn tự do, và theo chỉ thị của Mông-gô-mê-ri, chúng đang tập trung các đơn vị quân Đức để chinh đồn vũ khí và các khí tài kỹ thuật.

- Tôi cho rằng, - Tổng tư lệnh tối cao tiếp tục, - người Anh muốn

giữ các đơn vị quân Đức để sử dụng chúng sau này. Mà như vậy sẽ thực sự vi phạm hiệp ước đã ký kết giữa những người đứng đầu các chính phủ, trong đó quy định phải giải tán ngay các đơn vị quân Đức.

Nhìn sang V.M. Mô-lô-tô-tốp, I.V. Xta-lin nói:

- Cần cử gấp một phái đoàn ta tới tham gia Hội đồng kiểm soát để kiên quyết đòi các nước Đồng minh phải bắt ngay tất cả các ủy viên chính phủ Đĩ-ô-nít, các tướng lĩnh và sĩ quan Đức.

- Ngày mai phái đoàn Liên Xô sẽ lên đường tới Phlen-xbua, - V.M. Mô-lô-tô-tốp trả lời.

- Hiện nay sau khi tổng thống Ru-dơ-ven chết, Séc-sin sẽ nhanh chóng thông đồng với Tơ-ru-man, - I.V. Xta-lin nhận xét.

- Các đơn vị quân Mỹ cho đến nay vẫn đóng ở Tiu-rin-ghi và xem chừng họ chưa định rút về vùng chiếm đóng của họ, - tôi nói.

- Theo những tin tức ta nắm được, người Mỹ đang theo dõi những phát minh sáng chế mới nhất và đang tìm kiếm những nhà bác học lớn người Đức, dụ dỗ họ về Mỹ. Tôi đã viết thư cho Ai-xen-hao về vấn đề ấy, và đề nghị ông ta sớm rút các đơn vị Mỹ ra khỏi Tiu-rin-ghi. Ông ta trả lời tôi là những ngày gần đây ông định đến Béc-lanh để tiếp xúc riêng với tôi.

Tôi thấy cần phải yêu cầu Ai-xen-hao thực hiện ngay hiệp ước đã ký kết về việc đóng quân trong những vùng đã quy định. Nếu

ngược lại, chúng ta sẽ giữ không cho nhân viên các nước Đồng minh vào vùng Béc-land lớn[1].

- Đúng, - I.V. Xta-lin tỏ ý tán thành. - Bây giờ, trở lại vấn đề mà tôi muốn nói với các đồng chí. Phái đoàn quân sự các nước Đồng minh thông báo cho biết, đầu-6, Ai-xen-hao, Mông-gô-mê-ri và Đờ-lát Đờ Tát-xi-nhi sẽ đến Béc-land để ký kết bản tuyên bố về việc Liên Xô, Mỹ, Anh và Pháp sẽ nắm quyền tối cao cai quản nước Đức trong thời kỳ chiếm đóng. Bản tuyên bố ấy đây, đồng chí đọc xem.

Nói xong, Tổng tư lệnh đưa cho tôi bản giấy in sẵn.

Nội dung viết như sau:

“Các chính phủ Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp giữ chính quyền tối cao nước Đức, bao gồm toàn bộ quyền hành của chính phủ Đức, của bộ tư lệnh tối cao và tất cả các chính phủ hoặc chính quyền các khu, tỉnh, thành hoặc địa phương”.

Bản tuyên bố quy định:

- Giải giáp triệt để các lực lượng vũ trang Đức bao gồm lục quân, không quân, bộ đội phòng không, hải quân, các lực SS, SA và tất cả những lực lượng khác hoặc những tổ chức hỗ trợ có vũ khí và giao vũ khí cho quân đội các nước Đồng minh;
- Bắt tất cả những tên đầu sỏ phát-xít chủ chốt và những tên nghi ngờ có trọng tội chiến tranh;
- Các nước đồng minh sẽ thi hành các biện pháp nhằm tước vũ

khí và phi quân sự hóa nước Đức tới mức cần thiết để bảo đảm hòa bình và an ninh cho mai sau.

Xem xong, tôi trao trả Tổng tư lệnh văn kiện ấy.

- Nhân việc này, - I.V. Xta-lin nói tiếp - để ra vấn đề thành lập Hội đồng kiểm soát và cai quản nước Đức gồm đại biểu của tất cả 4 nước. Chúng tôi quyết định cử đồng chí thay mặt Liên Xô tham gia vào cơ quan Tổng cai quản nước Đức. Ngoài cơ quan Tổng cai quản ra, cần tổ chức bộ máy quân chính Liên Xô. Đồng chí cần có một cấp phó phụ trách về các mặt quân sự - hành chính đó. Đồng chí muốn đề cử ai giữ chức vụ đó.

Tôi đề nghị cử tướng V.Đ. Xô-cô-lốp-xki. I.V. Xta-lin đồng ý. Sau đó, đồng chí giới thiệu với tôi những vấn đề chủ yếu về tổ chức Hội đồng kiểm soát nước Đức:

- Bên cạnh đồng chí, Mỹ sẽ cử đại tướng Đ. Ai-xen-hao, Anh sẽ cử thống chế Mông-gô-mê-ri, Pháp sẽ cử tướng Đờ-lát Đờ Tát-xi-nhi vào Hội đồng kiểm soát. Mỗi thành viên đều có thêm một cố vấn chính trị. Cố vấn chính trị của đồng chí là Vư-sin-xki, phó ủy viên thứ nhất Bộ ủy viên nhân dân ngoại giao, của Ai-xen-hao là Rô-be Méc-ti, của Mông-gô-mê-ri là Xtơ-rông. Còn ai làm cố vấn chính trị của Pháp, nay chưa rõ.

Mỗi nghị quyết của Hội đồng kiểm soát sẽ đem ra thi hành khi đã được nhất trí quyết định. Chắc là sẽ có nhiều vấn đề buộc đồng chí phải hành động một chọi với ba.

Rút tẩu thuốc và mỉm cười, I.V. Xta-lin bổ sung:

- Ô, mà chúng ta lại chưa quen chiến đấu một mình... Mục đích chủ yếu nhất của Hội đồng kiểm soát, - I.V. Xta-lin tiếp tục, - là phải nhanh chóng ổn định sinh hoạt hòa bình của nhân dân Đức, tiêu diệt triệt để chủ nghĩa phát-xít và tổ chức cho các chính quyền địa phương hoạt động. Phải chọn những người lao động, những người căm thù chủ nghĩa phát-xít đưa vào làm việc trong bộ máy chính quyền.

Bọn phát-xít đã tàn phá và cướp bóc đất nước chúng ta, vì vậy đồng chí và các đồng chí giúp việc phải ra sức nghiên cứu để nhanh chóng thực hiện hiệp ước về việc dỡ một số xí nghiệp công nghiệp chiến tranh của Đức ra làm khoản bồi thường cho ta.

Nhận chỉ thị xong tôi lên đường ngay tới Béc-lanh. Hôm sau, đại tướng Đ. Ai-xen-hao cùng với nhiều nhân viên tùy tùng, trong đó có tư lệnh không quân chiến lược Mỹ, tướng Xpa-át, đến thăm xã giao tôi.

Chúng tôi tiếp tướng Đ. Ai-xen-hao ở bộ tham mưu phương diện quân ở Ven-đen-slô-xe. A.Ya. Vư-sin-xki cùng tiếp khách với tôi. Chúng tôi hội đàm với nhau theo nghi thức con nhà binh, có thể nói là hữu nghị.

Đ. Ai-xen-hao nắm lấy tay tôi, ngó nhìn hồi lâu, xong, nói:

- Té ra ngài như vậy à!

Bắt chặt tay ông ta, qua ông ta, tôi cảm ơn quân đội các nước Đồng minh và tỏ vẻ hài lòng nhận thấy sự hợp tác giữa quân đội và nhân dân các nước chúng ta đã đem lại kết quả tốt trong những năm chiến tranh chống nước Đức Hít-le.

Thoạt đầu, cuộc hội đàm diễn ra xoay quanh những sự kiện đã qua. Đ. Ai-xen-hao thuật lại những khó khăn to lớn lúc tiến hành chiến dịch đổ bộ vượt biển La Măng-sơ vào Noóc-măng-đi, tình hình phức tạp trong việc tổ chức giao thông, chỉ huy bộ đội và nhất là lúc quân Đức bất ngờ mở cuộc phản công tại Ác-đen.

Chuyển sang công việc, ông ta nói:

- Chúng ta cần bàn bạc với nhau về nhiều vấn đề có liên quan tới việc tổ chức Hội đồng kiểm soát và bảo đảm giao thông trên bộ cho các nhân viên Mỹ, Anh, Pháp đi qua vùng kiểm soát của Liên Xô tới Béc-lanh.

- Có lẽ, cần bàn bạc chẳng riêng vấn đề giao thông trên bộ, - tôi trả lời Đ. Ai-xen-hao - mà phải giải quyết cả những vấn đề tổ chức cho không quân Mỹ và Anh bay qua vùng kiểm soát của Liên Xô tới Béc-lanh.

Thấy nói như vậy, tướng Xpa-át ngồi bật dậy, xác xược nói:

- Máy bay Mỹ đã và đang bay khắp nơi không phải hạn chế gì hết.

- Máy bay và các ngài không được tự do bay qua vùng kiểm soát của Liên Xô, - tôi trả lời Xpa-át, - các ngài chỉ được bay theo

những hành lang đã quy định.

Đ. Ai-xen-hao can thiệp vào ngay, và nói hơi bất nhã với Xpa-át:

- Tôi không ủy nhiệm ngài đặt vấn đề ở đây.

Sau đó, ông quay sang nói với tôi:

- Thừa ngài nguyên soái, hôm nay tôi đến gặp ngài với niềm mong duy nhất là được trực tiếp làm quen với ngài, còn những việc cụ thể, chúng ta sẽ giải quyết với nhau khi nào tổ chức xong Hội đồng kiểm soát.

- Tôi nghĩ rằng, chúng tôi với các ngài là những cựu chiến binh, chúng ta sẽ tìm kiếm một tiếng nói chung, và sẽ làm việc chung với nhau. - Tôi trả lời, - bây giờ tôi muốn đề nghị với ngài một vấn đề:

Ngài hãy nhanh chóng rút quân Mỹ ra khỏi Tiu-rin-ghi, vì theo hiệp ước đã ký kết giữa những người đứng đầu chính phủ các nước Đồng minh tại Hội nghị Crum thì chỉ bộ đội Liên Xô mới được quyền chiếm đóng vùng đó.

- Tôi đồng ý với ngài, và sẽ đòi cho kỳ được như vậy, - Đ. Ai-xen-hao trả lời.

Tôi không muốn hỏi ông ta là ông ta sẽ đòi ai cho kỳ được. Tôi cũng rõ là vấn đề này đụng phải đường lối chung, nói cho đúng hơn là vấp phải Séc-sin và Tơ-ru-man.

Chúng tôi mở tiệc chiêu đãi Đ. Ai-xen-hao và những người cùng đi theo ông ta ngay tại phòng làm việc của tôi, sau đó, họ đáp

máy bay về tổng hành dinh của họ ở Phrăng-cơ-phua na Mai-nơ.

Trông bề ngoài, Đ. Ai-xen-hao có vẻ tốt đối với tôi.

Mồng 5-6, Đ. Ai-xen-hao đến bộ tham mưu gặp tôi để trao huân chương cao cấp của nước Mỹ - “Huân chương Vẻ vang” cấp tổng tư lệnh.

Nhận huân chương xong, tôi gọi điện thoại ngay cho Tổng tư lệnh tối cao và báo cáo với đồng chí về việc đó.

I.V. Xta-lin nói:

- Về phía mình, chúng ta cũng cần tặng cho Ai-xen-hao và Mông-gô-mê-ri Huân chương chiến thắng, còn Đờ-lát Đờ Tát-xi-nhi thì nên tặng huân chương Xu-vô-rốp hạng I.

- Tôi có thể tuyên bố cho họ biết việc ấy.

- Tất nhiên là được.

Trong khi ký kết bản tuyên bố, lần đầu tiên tôi được trực tiếp làm quen với thống chế Mông-gô-mê-ri.

Trong thời gian chiến tranh, tôi có chú ý theo dõi những hoạt động của quân Anh do ông ta chỉ huy. Năm 1940, đạo quân viễn chinh của Anh bị thất bại nguy khốn ở vùng Doong-kéc, về sau, có Mông-gô-mê-ri chỉ huy, quân Anh đã đập nát quân đoàn Đức của tướng Rô-men ở vùng En A-la-mây. Mông-gô-mê-ri đã tỏ ra có tài chỉ huy quân Anh mở chiến dịch đổ bộ qua biển La Măng-sơ vào Noóc-măng-đi và tiến công đến tận sông Sen.

Mông-gô-mê-ri người dong dỏng cao, rất nhanh nhẹn, có tác

phong nhà binh, là một người hoạt bát và có suy nghĩ. ông ta nói dài dòng với tôi về chiến dịch ở vùng Xta-lin-grát. Theo cách hình dung của ông ta thì cả hai chiến dịch giá trị như nhau. Không hề có ý định hạ thấp công lao của quân đội Anh, song, tôi cũng buộc phải giảng giải cho ông ta biết là chiến dịch ở vùng En A-la-mây là chiến dịch cỡ tập đoàn quân. Còn chiến dịch Xta-lin-grát thì có nhiều phương diện quân tham gia. Chiến dịch đó có ý nghĩa chiến lược lớn, kết quả của nó là đã tiêu diệt một cụm cực lớn quân Đức và quân các nước chư hầu ở vùng Vôn-ga và Đông rồi tiếp sau ở Bắc Cáp-ca-dơ. Như mọi người đã biết, chiến dịch ấy tạo ra bước ngoặt cơ bản trong chiến tranh và mở đầu việc đánh đuổi quân Đức ra khỏi đất nước chúng ta.

Sau khi ký kết bản tuyên bố, Mông-gô-mê-ri quay sang tôi, nói:

- Thừa ngài nguyên soái, chúng tôi đã quyết định trong những ngày gần đây sẽ đến đóng quân tại vùng của mình ở Béc-lanh và có lẽ các ông bạn Mỹ và Pháp của chúng ta cũng muốn đồng thời với chúng tôi đến đóng quân tại vùng của họ. Vì vậy, bây giờ tôi muốn bàn bạc với ngài để xác định đường đi lại của các nhân viên chúng tôi đến Béc-lanh.
- Trước khi giải quyết vấn đề đường cho quân đội Anh và Mỹ tiến vào Béc-lanh, tôi yêu cầu tất cả các đơn vị Đồng minh phải đóng quân tại khu vực theo đúng những điều quy định trong nghị quyết của Hội nghị Crum đã. Chỉ sau đó chúng tôi mới xét đến

những vấn đề cụ thể có liên quan tới việc quân Đồng minh tiến vào Béc-lanh và nhân viên các nước Đồng minh đến ở ngay tại Béc-lanh. Trong khi quân Mỹ chưa rút khỏi Tiu-nn-ghi và quân Anh chưa rời vùng Vi-ten-béc, tôi không thể đồng ý cho phép nhân viên quân sự các nước Đồng minh đi vào Béc-lanh.

Mông-gô-mê-ri bắt đầu chống lại, nhưng Ai xen-hao lại nhúng vào ngay, nói:

- Môn-ti, anh đừng cãi nữa, nguyên soái Giu-cốp đúng. Anh cần phải sớm rút ra khỏi Vi-ten-béc, còn tôi ra khỏi Tiu-rin-ghi.

- Thôi được, - Mông-gô-mê-ri chịu, - chúng ta không tranh cãi bây giờ. Tốt nhất là nên chụp chung với nhau tám ảnh kỷ niệm buổi đầu tiên này. Tôi có mang theo máy ảnh rất tốt...

Sau khi người chụp ảnh đã “bắn hết” số phim sẵn có, tôi tuyên bố với ba tư lệnh quân đội Đồng minh về quyết định của Chính phủ Liên Xô tặng cho họ huân chương cao cấp của quân đội Liên Xô.

Trả lời câu tôi hỏi sẽ trao cho họ những huân chương ấy vào lúc nào và ở đâu, Ai-xen-hao và Mông-gô-mê-ri mời tôi đến chỗ họ ở Phrăng-cơ-phua na Mai-nơ vào ngày 10-6.

Sau khi tiễn các ông bạn sẽ là đồng nghiệp với tôi trong Hội đồng kiểm soát, tôi gọi điện báo cáo với I.V. Xta-lin, và thuật lại những ý kiến của Mông-gô-mê-ri và thái độ của Ai-xen-hao.

I.V. Xta-lin cả cười, nói:

- Nên tìm cách mời Ai-xen-hao đến Mát-xơ-va. Tôi muốn tìm hiểu ông ta.

Ngày 10-6, như đã ước hẹn, tôi đáp máy bay tới bộ tham mưu của Đ. Ai-xen-hao tại Phrăng-cơ-phua na Mai-nơ... Đội danh dự rất đông của quân đội Mỹ túc trực đón chào, gây cho tôi ấn tượng tốt về thái độ bề ngoài của họ.

Lễ trao tặng huân chương cho Ai-xen-hao và Mông-gô-mê-ri được cử hành trước. Sau đó, trao tặng tiếp những huân chương Liên Xô cho nhóm các tướng lĩnh và sĩ quan Mỹ, Anh. Sau buổi lễ đã tiến hành cuộc duyệt binh của không quân Mỹ và Anh, có máy trăm máy bay tham gia. Xong, tất cả chúng tôi được mời dự buổi lễ chiêu đãi.

Chúng tôi rời khỏi Phrăng-cơ-phua với hy vọng kiến lập được mối quan hệ hữu nghị và những hoạt động ăn ý với nhau trong công việc bốn bên cùng cai quản nước Đức.

Bộ tham mưu Ai-xen-hao đóng ở những ngôi nhà rất đồ sộ của công ty hóa học “I.G. Phác-ben-in-đu-xơ-ri”. Trong thời kỳ Phrăng-cơ-phua bị bắn phá ác liệt, thành phố đã bị không quân các nước Đồng minh biến thành đồng gạch vụn, nhưng các ngôi nhà này thì vẫn nguyên vẹn.

Cần phải nhận xét là những ngôi nhà của công ty hóa học “I.G. Phác-ben-in-đu-xơ-ri” ở ngay cả những vùng khác trong nước Đức cũng vẫn còn nguyên, mặc dầu đó là những mục tiêu rất dễ

bắn phá.

Rõ ràng là Oa-sinh-ton và Luân-đôn đã có những chỉ thị đặc biệt gửi cho bộ chỉ huy quân các nước Đồng minh về vấn đề ấy.

Cần nói là nhiều công xưởng quốc phòng khác ở Tây Đức vẫn còn được giữ nguyên. Sau này, được biết là sợi dây liên lạc tài chính của những công xưởng quốc phòng lớn nhất ấy đã kéo dài tới bốn tư bản độc quyền Mỹ và Anh.

Ít lâu sau, Mỹ và Anh đã rút quân khỏi những vùng đóng quân trái phép. Sau đó, các đơn vị chiếm đóng Mỹ, Anh, Pháp và nhân viên các cơ quan hành chính của Hội đồng kiểm soát đến Béc-lanh.

Hạ tuần tháng 6, thống chế Mông-gô-mê-ri đến thăm tôi.

Chào hỏi nhau xong, ông ta báo tin chính phủ Anh tặng thưởng cho tôi, nguyên soái K.K. Rô-cô-xốp-xki, tướng V.Đ. Xô-cô-lốp-xki và M.X. Ma-li-nin huân chương của quân đội nước Anh.

Mông-gô-mê-ri yêu cầu tôi ấn định ngày giờ và địa điểm để tổ chức lễ trao huân chương. Tôi đề nghị ông ta tự chọn lấy.

Thống chế Mông-gô-mê-ri rất lịch thiệp nói:

- Quân đội Liên Xô đã mở mặt trận tiến công ở vùng cửa Bran-đen-bua để kết thúc chiến tranh và đã cắm cờ đỏ lên nóc nhà quốc hội tại đó. Tôi đề nghị sẽ chọn nơi đó làm địa điểm trao tặng ngài huân chương của nước Anh để ghi nhớ những công lao của bộ đội Liên Xô do ngài lãnh đạo.

Đến ngày giờ đã định. K.K. Rô-cô-xốp-xki, V.Đ. Xô-cô-lốp-xki, M.X. Ma-li-nin và tôi đến cửa Bran-đen-bua. Đội danh dự của các đơn vị cận vệ Anh và một đoàn các tướng lĩnh, sĩ quan Anh long trọng chào đón chúng tôi. Lễ trao tặng cử hành gần nhà quốc hội.

Tôi được trao tặng huân chương “Ba-nha” Hạng 1, K.K. Rô-cô-xốp-xki - huân chương “Ba-nha” hạng II, V.Đ. Xô-cô-lốp-xki và M.X. Ma-li-nin - huân chương “Chiến công”

Sau lễ trao tặng, chúng tôi được mời đi duyệt đội quân danh dự. Chúng tôi đã vui lòng tham gia.

Tối đến, thống chế Mông-gô-mê-ri mở tiệc chiêu đãi trong dinh thự của ông ta, nhiều tướng lĩnh và sĩ quan của ta cũng tham dự. Tôi đề cập tới những buổi trao tặng huân chương như vậy, vì trước đây trong một số báo chí đã đưa những tin không hoàn toàn đúng về các sự kiện ấy.

Thời gian đầu, Hội đồng kiểm soát và mọi cơ quan của hội đồng làm việc không có gì va vấp đặc biệt. Hội đồng họp các phiên tùy theo sự cần thiết, nhưng thường mỗi tuần không quá một lần. Giữa những phiên họp, các vấn đề thường được sơ bộ thảo luận trong ủy ban liên hiệp và trong các tiểu ban.

Có một chi tiết hay hay. Trong quá trình Hội đồng kiểm soát làm việc, các nước phải lần lượt đăng cai việc nấu ăn cho các người dự các phiên họp. Mỹ nấu ăn một tháng, sau đến Anh, Pháp, rồi

đến Bộ Tư lệnh Liên Xô. Khi đến lượt chúng ta, số đại biểu dự họp tăng lên gấp đôi. Nguyên do vì lòng chuộng khách của người Nga biết giới thiệu những món ăn Nga ngon, và tất nhiên là có món trứng cá Nga và rượu vốt-ca nổi tiếng...

Bước đầu bắt tay vào việc, chúng tôi cảm thấy trong tất cả các ủy ban của hội đồng kiểm soát người ta đều tìm hiểu tỉ mỉ về các đại biểu Liên Xô, về chính sách và sách lược của Liên Xô, mặt mạnh và yếu của chúng ta. Chúng tôi cũng phải giữ ý tứ đối với các ông bạn đồng nghiệp phương Tây và dè chừng với những hoạt động của họ.

Phải nói rằng, các nhân viên Mỹ và Anh đã chuẩn bị chu đáo mọi mặt từ trước để đến làm việc trong Hội đồng kiểm soát. Họ đã có sẵn đủ các tài liệu tham khảo về nước Đức, về tiềm lực kinh tế và chiến tranh của nó. Họ đã có chỉ thị từ trước về chính sách kinh tế đối với nước Đức trong tương lai.

Tình hình Hội đồng kiểm soát lúc bắt đầu làm việc như thế đấy. Nhân dân và quân đội các nước Đồng minh của Liên Xô rất biết ơn các lực lượng vũ trang Liên Xô đã đánh tan nước Đức, tiêu diệt mối nguy cơ chủ nghĩa Hít-le đe dọa tất cả các dân tộc trên thế giới. Lòng khâm phục và biết ơn ấy ở ngay tướng quân đội Mỹ cũng lớn.

Quân đội Mỹ rất căm ghét bọn phát-xít. Chính trong những điều kiện đó mà các nhóm cầm quyền ở Mỹ cho rằng, nếu để lộ

những kế hoạch và ý định thực của bọn chúng ra lúc này là hơi sớm và nguy hiểm. Bọn chúng tiếp tục hợp tác với Liên Xô thì lợi hơn.

Vả lại cũng như các nhóm cầm quyền ở Anh, họ đang muốn Liên Xô sẽ tham chiến với Nhật, và nóng ruột chờ đợi Liên Xô bước vào cuộc chiến ấy. Vì vậy, tất nhiên người ta chưa muốn khơi gợi chuyện gì có thể làm cho mối quan hệ với Liên Xô trở nên xấu đi.

Chính vì vậy mà Hội đồng kiểm soát thời gian đầu làm việc tương đối êm ả.

Song, phải nói rằng, thái độ của các đại biểu Mỹ, Anh, Pháp không thành thật. Những quyết nghị của Hội nghị Crum và của Hội đồng kiểm soát được thực hiện phần diện, đơn thuần hình thức trong các vùng họ chiếm đóng, và có nhiều trường hợp họ đã tổ chức phá hoại ngầm, ví dụ như việc phi quân sự hóa nước Đức đã không được thực hiện triệt để trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, và ngay cả trong lĩnh vực quân sự.

Lúc hội đồng kiểm soát bắt đầu làm việc, Đ. Ai-xen-hao đã thỏa thuận với chúng tôi cho một toán sĩ quan Liên Xô trong phòng trinh sát của phương diện quân tới vùng Mỹ đóng quân để lấy cung những tên đầu sỏ tội phạm chiến tranh, bọn này tập trung bên vùng chiếm đóng Mỹ nhiều hơn các vùng khác.

Ở đây có Gơ-rinh, Ríp-ben-tơ-rốp, Can-ten-bru-ne, thống chế

Cây ten, thượng tướng I-ôt, và những nhân vật khác không kém phần quan trọng của đế chế đệ tam. Tuy nhiên, bọn Mỹ đã có những chỉ thị riêng, không cho các sĩ quan ta lấy cung tất cả những tên tội phạm chiến tranh mà chỉ được hỏi cung một số. Trong lúc khai báo, bọn này chối quanh như thỏ rừng, hòng đổ mọi tội lỗi trước nhân loại cho một mình Hít-le và tìm mọi cách từ chối không nhận tội về phần mình.

Những tài liệu lấy được trong lúc hỏi cung xác nhận có những vụ đàm phán lén lút giữa bọn Hít-le với các cơ quan tình báo Mỹ và Anh về việc ký kết hòa ước riêng rẽ với nhau.

Trong quá trình làm việc sau này ở Hội đồng kiểm soát, việc thỏa thuận với những đại biểu Mỹ và Anh đã trở nên khó hơn. Những đề nghị của ta nhằm thực hiện tất cả những điều kiện đã được ký kết trong bản tuyên bố về sự thất bại của nước Đức, và những điểm đã nhất trí trong hội nghị những người đứng đầu các chính phủ đều bị họ tìm mọi cách chống lại.

Ít lâu sau, chúng tôi nhận được những tin tức xác thực cho biết, trong quá trình chiến cục kết thúc chiến tranh, Sốc-sin đã gửi cho thống chế Mông-gô-mê-ri một bức điện mật như sau: “Thu thập đầy đủ vũ khí và khí tài kỹ thuật Đức và cất nó vào kho để có thể dễ dàng phân phát những trang bị ấy cho các đơn vị Đức mà chúng ta cần hợp tác, nếu như cuộc tiến công của Liên Xô vẫn tiếp tục”.

Tại phiên họp thường kỳ của Hội đồng kiểm soát, chúng tôi đã kịch liệt lên án hành động ấy, đồng thời nhấn mạnh rằng, trong lịch sử có rất ít những vụ phản trắc và bội ước kiểu như vậy đối với trách nhiệm và nghĩa vụ đồng minh.

Chúng tôi chỉ rõ rằng, Liên Xô nghiêm chỉnh thực hiện những trách nhiệm đồng minh của mình, chúng tôi nghiêm khắc lên án bộ chỉ huy và chính phủ Anh.

Mông-gô-mê-ri ra sức lảng tránh lời buộc tội của Liên Xô.

Tướng Mỹ Clây, đồng nghiệp của ông ta lặng im. Đúng là ông ta đã biết đến mật lệnh ấy của thủ tướng Anh.

Sau này, Sóc-sin khi phát biểu trước cử tri của khu vực bỏ phiếu Vút-pho đã công khai tuyên bố rằng, trong lúc hàng chục vạn quân Đức xin đầu hàng làm tù binh, thì ông ta thực ra có gửi một mật lệnh tương tự như vậy cho thống chế Mông-gô-mê-ri.

Một thời gian sau, chính Mông-gô-mê-n đã xác nhận có nhận của Sóc-sin bức điện ấy.

Trong những năm chiến tranh, như người ta biết, bọn Hít-le đã dồn hàng triệu dân Liên Xô về Đức làm các việc khổ sai trong các trại tập trung. Chúng tôi đã cố gắng đưa càng sớm càng tốt tất cả những người Liên Xô được giải phóng ở miền Đông Đức trở về Tổ quốc. Số bà con này đã bị cưỡng bức sống trong những năm dài khốc liệt vô cùng nhớ nhung Tổ quốc. Nhưng đại bộ phận các công dân Liên Xô và các chiến sĩ, sĩ quan ta bị Đức bắt

làm tù binh lại ở những vùng chiếm đóng của các nước Đồng minh.

Đương nhiên là, chúng tôi kiên quyết đòi chuyển giao họ sang vùng chiếm đóng của Liên Xô để gửi về nước. Trước hết tôi đặt vấn đề với Đ Ai-xen-hao, là người tôi hình dung có thái độ phải chăng đối với đề nghị của chúng tôi và chúng tôi đã chuyển được đại bộ phận người của ta ra khỏi vùng chiếm đóng Mỹ và sau đó ra khỏi vùng của Anh.

Nhưng về sau, chúng tôi nhận được tài liệu xác thực cho biết là đối với số đông dân Liên Xô, chiến sĩ và sĩ quan nằm trong các trại tù binh, bọn Mỹ và Anh đã ra sức hứa hẹn sẽ trả lương hậu hĩnh cùng nhiều quyền lợi khác khiến họ đồng ý ở lại phương Tây. Ở đây Mỹ, Anh và đặc biệt là những tên tay sai trong các đơn vị của tên phản quốc Vla-xốp đã tung ra những tin tức xảo trá, vu khống Liên Xô và dùng mọi cách đe dọa bắt ép. Chịu ảnh hưởng của công tác tuyên truyền chống Liên Xô, một số người đã phạm tội trước Tổ quốc, từ chối không trở về; họ đã nhận làm việc với các cơ quan tình báo Mỹ và Anh. Cũng có cả những người, trước sự cám dỗ của một “cuộc sống dễ thở”, đã tỏ ra ngả nghiêng trong khi quyết định xin về nước.

Lúc hội đàm với Ai-xen-hao cùng tướng Clây, người phó của ông ta, chúng tôi kịch liệt phản đối lời tuyên truyền chống Liên Xô đó. Ban đầu, Ai-xen-hao và Clây ra sức lấy “những mục đích

nhân đạo” để che giấu những việc làm hèn hạ ấy, nhưng sau họ buộc phải cho phép các sĩ quan ta đến gặp, nói chuyện với những người dân Liên Xô còn bị giữ trong các trại giam của Mỹ.

Được các sĩ quan Liên Xô tới nói chuyện chân thành và giảng giải các vấn đề, nhiều người đã xúc động nhận ra sự lầm lẫn của mình; thấy rõ sự tuyên truyền lừa bịp của bọn tình báo Mỹ, họ tuyên bố quyết định trở về Liên Xô và xin đến vùng chiếm đóng của Liên Xô để lên đường về Tổ quốc. Còn những người phạm tội nặng trước Tổ quốc, thực sự trở thành kẻ thù của đất nước, thì không trở về. Nói thẳng ra thì chúng tôi cũng không thương tiếc họ.

Tuy nhiên sau này, một số người đùng phải thực tiễn nặng nề nơi đất khách quê người, đã ăn năn hối hận về sự lầm đường của mình, lại xin trở về Tổ quốc.

Hồi cuối tháng 5-1945, I.V. Xta-lin, báo cho tôi biết là Ha-ri Hốp-kin, một nhân vật được tổng thống Mỹ tin cẩn muốn làm quen và hội đàm với tôi. Nhân dịp bay qua Béc-lanh, ông ta sẽ đến gặp tôi

Tôi không biết H. Hốp-kin, nhưng theo lời của I.V. Xta-lin, đây là nhân vật có tiếng tăm. ông ta đã làm nhiều việc củng cố những quan hệ có ích giữa Mỹ và Liên Xô.

Ông ta cùng với vợ, một người rất đẹp, từ ngoài sân bay đến chỗ tôi. Bà ta nhiều lắm cũng chưa đến ba mươi tuổi. Còn Hốp-kin,

tầm vóc trung bình, gầy khảnh khiu trông có vẻ mệt mỏi và ốm yếu.

A.Ya. Vư-sin-xki cũng có mặt trong buổi hội đàm.

Chúng tôi mời vợ chồng Hốp-kin uống cà-phê. Trong lúc ăn sáng, Hốp-kin nói ông ta đã tới Mát-xcơ-va gặp I.V. Xta-lin để thảo luận về cuộc hội nghị những người đứng đầu các chính phủ sắp tới.

H. Hốp-kin nói:

- Sốc-sin đòi triệu tập ở Béc-ling ngày 15-6 nhưng chúng tôi không chuẩn bị kịp theo thời hạn ấy để tham gia cuộc họp như vậy. Tổng thống chúng tôi đề nghị ấn định ngày hội nghị vào 15-7. Chúng tôi rất sung sướng là ngài Xta-lin đã đồng ý với đề nghị của chúng tôi. Tới đó sẽ có nhiều cuộc thảo luận phức tạp về tương lai nước Đức, và những nước khác ở châu Âu, còn giờ đây thì đã tập hợp được nhiều tài liệu rất mới.

A.Ya. Vư-sin-xki trả lời ông ta:

- Nếu như trong những điều kiện khó khăn của chiến tranh, các nước chúng ta đã tìm thấy tiếng nói chung trong khi tổ chức cuộc đấu tranh để tiêu diệt nước Đức phát-xít, thì cũng nên cho rằng, hiện nay những người đứng đầu các chính phủ sẽ có thể thỏa thuận với nhau về những biện pháp nhằm dứt khoát thủ tiêu chủ nghĩa phát-xít và xây dựng cuộc sống của nước Đức trên cơ sở dân chủ.

H. Hốp-kin không trả lời gì hết. Hốp một ngụm cà-phê, ông ta thở dài nói:

- Thật tiếc là tổng thống Ru-dơ-ven không sống đến ngày nay. Sống với người dễ thở hơn.

H. Hốp-kin lưu lại chỗ tôi khoảng 2 tiếng đồng hồ. Lúc chia tay, ông ta nói, bây giờ ông ta sẽ đáp máy bay đi Luân-đôn để hội đàm với Sóc-sin.

- Tôi khâm phục Sóc-sin - ông ta nói - nhưng đây là con người bảo thủ nặng. Chỉ có Phăng-clin Ru-dơ-ven mới dễ dàng nói chuyện với ông ta...

Ít lâu sau, một số các tướng lĩnh trong ủy ban an ninh quốc gia và trong Bộ ủy viên nhân dân ngoại giao đến gặp chúng tôi để chuẩn bị cho hội nghị sắp đến.

Tôi trình bày cho các đồng chí biết là ở Béc-lanh không có những điều kiện cần thiết để tiến hành hội nghị những người đứng đầu các chính phủ và đề nghị đến xem vùng Pốt-đam và Ba-ben-xbéc.

Pốt-đam cũng bị phá hoại nặng, bố trí cho các đoàn đại biểu ở đây cũng khó. Còn lại duy nhất một ngôi nhà lớn nguyên vẹn, đó là cung điện thái tử Đức nằm trong công viên Xan-xu-xi. Ở đây có đủ nhà dùng cho các phiên họp và nơi làm việc cho nhiều chuyên viên cố vấn.

Vùng Ba-ben-xbéc, ngoại thành Béc-lanh, rất thích hợp cho việc

bố trí chỗ ở của các trưởng đoàn, các bộ trưởng ngoại giao, những cố vấn và chuyên viên chủ chốt. Ba-ben-xbéc hầu như không bị phá hoại trong chiến tranh. Trước chiến tranh, bọn quan chức đứng đầu chính phủ, các tướng lĩnh, và những tên phát-xít khét tiếng khác đều sống ở Ba-ben-xbéc. Ở ven thành phố có nhiều biệt thự hai tầng, rợp cây xanh và nhiều bồn hoa.

Mát-xcơ-va chuẩn y đề nghị của chúng tôi chuẩn bị hội nghị ở Pốt-đam. Anh và Mỹ cũng đồng ý tiến hành hội nghị ở vùng đó. Chúng tôi làm gấp các mặt công tác nhằm ổn định khu vực hội nghị, các nhà ở, đường đi lại. Nhiều đội và đơn vị công trình được phái tới. Công việc kéo dài suốt 24 giờ đồng hồ liên. Đến ngày 10-7, mọi việc chuẩn bị xong, thiết bị các ngôi nhà cũng vừa kết thúc.

Cần phải đánh giá thích đáng những nỗ lực to lớn của các cán bộ hậu cần phương diện quân, chỉ trong một thời gian ngắn đã làm xong một khối lượng công việc vô cùng to lớn. Làm việc nhiều nhất là đồng chí chủ nhiệm phòng doanh trại của phương diện quân, đại tá G.D. Cô-xô-gli-át.

Trong cung điện dùng làm nơi họp, đã sửa chữa cơ bản lại 36 gian phòng và một hội trường có 3 cửa ra vào riêng. Người Mỹ chọn màu xanh da trời để quét các văn phòng của tổng thống và những người thân cận; người Anh chọn màu hồng cho Sóc-sin. Gian phòng của đoàn đại biểu Liên Xô màu trắng. Trong công

viên Xan-xu-xi xây dựng nhiều bồn hoa, trồng đến hàng vạn thứ hoa các loại, hàng trăm loại cây dùng để trang trí.

Ngày 13 và 14 tháng 7, các cố vấn và chuyên viên của đoàn Liên Xô đến.

Trong đó có Tổng tham mưu trưởng, đại tướng A.I. An-tô-nốp, ủy viên nhân dân Hải quân X.G Cu-che-rốp. Đại biểu cho Bộ ủy viên nhân dân ngoại giao là các đồng chí A.Ya. Vư-sin-xki, A.A. Grô-mi-cô, X.Đ. Cáp-ta-rát-dê, I.M. Mai-xki, Ph.T. Gu-xép, K.V. Nô-vi-cốp, X.K. Xa-ráp-kin, X.P. Cô-du-rép. Đồng đảo các đồng chí trong bộ máy ngoại giao cũng đến cùng một lúc.

Ngày 16-7, I.V. Xta-lin, V.M. Mô-lô-tốp và những người đi cùng sẽ dùng một chuyến tàu đặc biệt đến.

Trưa đó, I.V. Xta-lin có gọi điện thoại cho tôi và nói:

- Đồng chí đừng tổ chức hàng rào danh dự và nhạc binh ra đón tiếp. Chỉ cần đồng chí trực tiếp ra ga cùng với những người nào mà đồng chí thấy cần.

Tất cả chúng tôi có mặt ngoài sân ga chừng nửa tiếng trước khi tàu đến. Có đồng chí A.Ya. Vư-sin-xki, A.I. An-tô-nốp, N.G. Cu-dơ-nét-xốp, K.Ph. Tê-lê-ghin, V.Đ. Xô-cô-lốp-xki, M.X. Ma-li-nin và những cán bộ quân đội khác.

Tôi đón I.V. Xta-lin ở gần toa xe. Đồng chí với thái độ vui vẻ bước lại gần đoàn cán bộ ra đón và bắt tay chào hỏi tất cả. Quan sát bên sân ga xong, đồng chí chậm rãi ngồi vào xe. Nhưng sau

đó, đồng chí lại mở cửa xe, mời tôi ngồi một bên. Dọc đường đồng chí hỏi tôi về công việc chuẩn bị cho việc khai mạc hội nghị.

I.V. Xta-lin đi bách bộ xung quanh biệt thự dành cho đồng chí và hỏi, trước đây biệt thự này của ai. Các đồng chí trả lời, đây là biệt thự của tên tướng Liu-đen-đoóc-phơ. I.V. Xta-lin không ưa những đồ đạc thừa trong nhà. Sau khi đi bách bộ về, đồng chí yêu cầu cho dọn hết những đồ đạc thừa. Xong, đồng chí hỏi tôi, Tổng tham mưu trưởng A.I. An-tô-nốp và những cán bộ quân đội khác từ Mát-xcơ-va đến sẽ ở đâu.

Tôi trả lời:

- Ở ngay đây, tại Ba-ben-xbéc.

Ăn lót dạ xong, tôi báo cáo những vấn đề chính về các đơn vị Liên Xô đóng ở nước Đức, và thuật lại phiên họp thường kỳ của Hội đồng kiểm soát, mà như trước đây, chúng tôi vẫn gặp khó khăn, nhất là trong việc thảo luận các vấn đề với phía người Anh. Đoàn đại biểu chính phủ Anh, đứng đầu là thủ tướng Anh U. Sớc-sin, và đoàn đại biểu chính phủ Mỹ, đứng đầu là tổng thống Mỹ cùng đến ngày hôm ấy. Các bộ trưởng ngoại giao hội đàm với nhau ngay, còn thủ tướng U. Sớc-sin và tổng thống Tơ-ru-man thì đến thăm I.V. Xta-lin. Sáng ngày hôm sau, I.V. Xta-lin cũng đến thăm đáp lại.

Hội nghị Pôt-đam không chỉ là cuộc hội đàm thường kỳ giữa

những người lãnh đạo ba nước lớn, mà còn là hội nghị ăn mừng thắng lợi: nước Đức bị tiêu diệt và đầu hàng không điều kiện. Đoàn đại biểu Liên Xô đến Pôt-đam với ý định kiên quyết đạt bằng được đường lối thống nhất giữa các bên trong việc giải quyết những vấn đề sau chiến tranh, vì lợi ích hòa bình và an ninh của các dân tộc, tạo điều kiện loại trừ khả năng phục hồi chủ nghĩa quân phiệt Đức và mở lại chiến tranh xâm lược. Trong khi bàn đến những nhiệm vụ tối quan trọng ấy, các thành viên hội nghị đều phải tuân thủ những nghị quyết đã được thông qua trước đây tại hội nghị Crum giữa ba nước lớn. Một lần nữa Đoàn đại biểu Liên Xô lại đập tan được mọi sự mưu toan của các lực lượng phản động và đã đạt được việc cụ thể hóa những kế hoạch dân chủ hóa và phi quân sự hóa nước Đức, coi đó là điều kiện hết sức quan trọng đảm bảo hòa bình. Trong lúc đó, ở Pôt-đam này, tham vọng của các chính phủ Mỹ và Anh muốn lợi dụng sự thất bại của nước Đức để tăng cường thế lực của họ trong cuộc đấu tranh nhằm chiếm quyền bá chủ thế giới cũng tỏ ra mạnh mẽ hơn gấp bội so với những cuộc hội nghị lần trước. Hội nghị Pôt-đam khai mạc vào chiều ngày 17-7. Phiên họp tiến hành trong gian phòng rộng nhất của cung điện, ở chính giữa kê một chiếc bàn tròn, rất phẳng và đánh rất bóng. Một chi tiết đặc sắc là: ở Béc-lan chúng tôi không tìm đâu ra chiếc bàn tròn to đến vậy, phải cấp tốc đặt làm tại nhà máy Lú-xơ ở Mát-xcơ-va

và chở đến Pốt-đam.

Tham dự phiên họp chính thức đầu tiên, có những người đứng đầu chính phủ, các bộ trưởng và thứ trưởng thứ nhất bộ ngoại giao, các chuyên viên và cố vấn trong và ngoài quân đội. Giữa những phiên họp tiếp sau, các cố vấn và chuyên gia quân sự và dân sự gặp gỡ riêng để bàn với nhau về những vấn đề được ủy nhiệm.

Trong quá trình hội nghị, các bộ trưởng ngoại giao và cán bộ ngoại giao gánh vác trọng trách nặng nề nhất.

Họ phải nghiên cứu, phân tích và đánh giá tất cả những văn kiện của các bên, vạch ra những đề nghị của bên mình và bảo vệ những đề nghị ấy trong những cuộc hội đàm sơ bộ trước, rồi sau đó mới làm thành văn kiện cho những người đứng đầu các chính phủ.

Các cố vấn quân sự thảo luận những đề nghị chủ yếu về việc phân chia các chiến hạm hải quân và các tàu đi biển lớn của ngành hàng hải nước Đức phát-xít. Các đô đốc của ta, đứng đầu là đô đốc hải quân N.G. Cu-dơ-nét-xốp đã tiến hành những cuộc hội đàm sơ bộ với các đô đốc hải quân Anh và Mỹ về vấn đề này.

Phía Mỹ và Anh tìm mọi cách kéo dài những cuộc hội đàm ấy. Trong khi hội đàm quanh bàn tròn với G. Tơ-ru-man và U. Sốc-sin, I.V. Xta-lin buộc phải phải phát biểu nhiều ý kiến khá gay

gắt về mức độ tổn thất của các nước trong chiến tranh, và về quyền chính đáng của đất nước ta được đòi những khoản bồi thường thích đáng.

Thời gian đầu, hội nghị diễn ra rất căng. Đoàn đại biểu Liên Xô phải đương đầu với sự kéo bè kéo cánh và với lập trường đã được thảo luận với nhau từ trước của Mỹ và Anh.

Vấn đề chủ yếu trong hội nghị là vấn đề cơ cấu của những nước châu Âu sau chiến tranh, trong đó việc chính là cải tạo nước Đức trên cơ sở dân chủ.

Trước khi họp hội nghị Pốt-đam, vấn đề Đức đã được bàn luận chuẩn bị trước trong ủy ban hiệp thương châu Âu, ủy ban bồi thường quốc tế, và đã được nghiên cứu tỉ mỉ tại hội nghị Crum. Như ta được biết, vấn đề Đức được thảo luận ngay từ cuộc hội nghị ở Tê-hê-răng. Theo đường lối đã được các nước Đồng minh tuyên bố trước đây về việc nước Đức phát-xít đầu hàng không điều kiện thì các người đứng đầu chính phủ đã nhất trí với nhau trong vấn đề phi quân sự hóa và thủ tiêu những tàn tích quốc xã trong nước Đức, triệt để tước vũ khí và giải phóng các lực lượng vũ trang, tiêu diệt đảng quốc xã và mọi chi nhánh của chúng, bắt giữ và đưa ra tòa án quốc tế những tên tội phạm chiến tranh đầu sỏ và nghiêm khắc trừng trị mọi tên tội phạm chiến tranh.

Tại hội nghị Pốt-đam lại nhất trí đề ra những nguyên tắc về chính trị và kinh tế của chính sách thống nhất giữa các nước Đồng

minh đối với nước Đức trong thời kỳ các nước Đồng minh kiểm soát nước Đức. Sau hội nghị chúng tôi nhận được đoạn trích những nghị quyết trong đó có nêu:

“Chủ nghĩa quân phiệt Đức và chủ nghĩa quốc xã bị tiêu diệt tận gốc và các nước Đồng minh thỏa thuận với nhau hiện nay và trong mai sau sẽ áp dụng những biện pháp cần thiết khác để nước Đức mãi mãi không thể đe dọa những nước láng giềng và uy hiếp công cuộc bảo vệ hòa bình trên toàn thế giới”.

Văn bản hiệp nghị mà Liên Xô lấy làm căn cứ để hoạt động trong Hội đồng kiểm soát nước Đức có những nội dung sau[2]:

“A. Nguyên tắc về chính trị

1. Chiếu theo Hiệp định về bộ máy kiểm soát nước Đức, thì người nắm chính quyền tối cao nước Đức là Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết, Hợp chủng quốc Mỹ, Liên hiệp hoàng gia Anh và Cộng hòa Pháp. Mỗi bên với tư cách là ủy viên Hội đồng kiểm soát sẽ quản lý vùng chiếm đóng của mình theo chỉ thị của chính phủ mình, mặt khác sẽ cùng nhau giải quyết những vấn đề có liên quan chung đến nước Đức.

2. Trong khi thực hiện điều đó cần có một thái độ đối xử như nhau đối với nhân dân Đức trên toàn nước Đức.

3. Những mục đích chiếm đóng nước Đức mà nói riêng Hội đồng kiểm soát phải theo đúng là:

- Triệt để tước vũ khí và phi quân sự hóa nước Đức, thủ tiêu hoặc phải kiểm soát tất cả ngành công nghiệp Đức nào có thể dùng để sản xuất hàng chiến tranh;
- Tiêu diệt đảng quốc xã và những chi nhánh cùng những tổ chức dưới quyền kiểm soát của đảng đó, giải tán tất cả những cơ quan quốc xã, bảo đảm không cho chúng phục hồi dưới bất kỳ hình thức nào, ngăn ngừa bất kỳ mọi hoạt động hoặc tuyên truyền của bọn quốc xã và quân phiệt;
- Chuẩn bị cho việc cải tạo hoàn toàn đời sống chính trị của nước Đức trên cơ sở dân chủ và cho nước Đức hợp tác hòa bình với các nước khác;
- Những tên tội phạm chiến tranh và những tên tham gia xây dựng hoặc thực hiện những kế hoạch của bọn quốc xã, những tên đề xướng hoặc trực tiếp gây ra những vụ tàn sát hoặc tội ác chiến tranh đều phải bị bắt giữ và đưa ra tòa án. Những tên đầu sỏ đảng quốc xã, những đảng viên có thể lực của đảng quốc xã và những tên lãnh đạo các cơ quan và tổ chức quốc xã, và tất cả những tên khác; xét thấy nguy hiểm cho việc chiếm đóng và mục đích chiếm đóng đều phải bắt giam và quản chế;
- Tất cả các đảng viên quốc xã đã có những hoạt động thực sự và những tên khác thù địch với các nước Đồng minh đều bị triệt hồi khỏi những chức vụ xã hội hoặc bán xã hội, khỏi những cương vị chủ chốt trong những xí nghiệp tư bản quan trọng. Phải thay thế

những tên ấy bằng những người có phẩm chất chính trị, tinh thần và năng lực giúp vào sự phát triển của một nền dân chủ thực sự ở nước Đức;

- Phải kiểm soát cả nền giáo dục trong nước Đức nhằm hoàn toàn trừ bỏ những học thuyết quốc xã và quân phiệt, phải làm cho những tư tưởng dân chủ có khả năng phát triển thắng lợi.

B. Nguyên tắc về kinh tế

Để tiêu diệt tiềm lực chiến tranh của nước Đức, phải cấm và đình chỉ việc sản xuất vũ khí, trang bị, dụng cụ chiến tranh và cả việc sản xuất mọi kiểu máy bay và tàu biển. Việc sản xuất kim loại hóa chất, chế tạo máy móc và các vật dụng khác trực tiếp cần cho kinh tế thời chiến phải được kiểm soát nghiêm ngặt và hạn chế theo mức độ đã quy định cho nhu cầu hòa bình sau chiến tranh của nước Đức...

Trong một thời hạn ngắn nhất phải phân tán nền kinh tế Đức ra nhằm thủ tiêu tình trạng tập trung quá mức nhất là những hình thức các-ten, xanh-đi-ca, tờ-rót và những tổ hợp lũng đoạn khác. Trong thời kỳ chiếm đóng, nước Đức được coi là một chính thể kinh tế thống nhất. Do đó, phải xác định đường lối chung trong các ngành:

a) sản xuất và phân phối sản phẩm công nghiệp khai khoáng và công nghiệp chế biến;

b) nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp;

- c) tiền lương, giá trị và định mức;
- d) chương trình nhập cảng và xuất cảng nói chung đối với nước Đức;
- e) hệ thống tiền tệ và ngân hàng, các loại sưu thuế tập trung;
- g) bồi thường và trừ diệt tiềm lực công nghiệp chiến tranh;
- h) vận tải và giao thông.

Khi tiến hành đường lối ấy phải tùy theo mức độ cần thiết mà chiếu cố tới những điều kiện khác của các địa phương”.

Thật đáng ngạc nhiên, là chẳng bao lâu những quyết định có tính nguyên tắc được các nước lớn nhất trí thông qua trong hội nghị Pót-đam đã bị những người lãnh đạo nhà nước Mỹ và Anh xóa bỏ dễ dàng đến thế. Kết quả là, trong nước Cộng hòa Liên bang Đức đã phục hồi lại chủ nghĩa quân phiệt và bọn này dựa vào sự ủng hộ của các giới đế quốc Mỹ và Anh, lại chuẩn bị đưa Tây Đức vào con đường đi xâm lược. Để thực hiện những âm mưu phục thù, Cộng hòa Liên bang Đức đã xây dựng một quân đội rất đông đứng đầu là những tướng lĩnh Hít-le cũ.

Ở đây cũng nên nhớ lại những lời đáng chú ý mà tổng thống Mỹ Phrăng-clin Ru-dơ-ven đã phát biểu trong năm 1943:

“Sau khi lập lại hòa bình năm 1918, chúng tôi nghĩ và hy vọng rằng, chủ nghĩa quân phiệt Đức đã bị triệt tận gốc. Do ảnh hưởng của “kiểu cách suy nghĩ lệch lạc” ấy, chúng tôi đã mất 15 năm tiếp sau để thực hiện giảm quân bị, trong lúc đó bọn Đức lại kêu

gọi thăm thiết rằng, các dân tộc khác chẳng những đã cho phép chúng vũ trang, mà thậm chí còn giúp chúng dễ dàng làm nhiệm vụ ấy. Những việc làm đầy thiện chí, những ngờ ngạc của những năm trước đây thật là không phù hợp. Tôi hy vọng, chúng ta không phạm lại một lần nữa.

Không, - Ru-dơ-ven nói tiếp, - tôi cần phải biểu thị thái độ mạnh hơn nữa. Là tổng thống và tổng tư lệnh tối cao những lực lượng vũ trang Mỹ, tôi có ý định làm tất cả những gì mà con người có thể làm để khỏi tái phạm sai lầm bi thảm ấy”.

Song, sai lầm bi thảm đã phạm phải sau Thế chiến thứ nhất mà Ph. Ru-dơ-ven đã nói đến lại đang được tái phạm sau Thế chiến thứ hai...

Còn chính nước Mỹ thì sao? Các nhà lãnh đạo nhà nước và những người cầm đầu quân sự, chính trị chủ chốt của nước Mỹ hiện nay đừng tưởng rằng nhân dân các nước sẽ quên những tội ác mà họ đã gây ra ở Nam Việt Nam.

Nhưng, tôi xin phép quay trở về hội nghị Pốt-đam. Hiếu chiến hơn cả là U. Sốc-sin, tuy vậy I.V. Xta-lin với giọng nói cùng thái độ bình tĩnh đã nhanh chóng làm cho ông ta thấy được cách đặt vấn đề không đúng của mình. Có lẽ hồi ấy G. Tơ-ru-man còn chưa đủ kinh nghiệm ngoại giao, nên ông ta ít tham gia vào cuộc tranh luận chính trị gay gắt mà nhường cho U. Sốc-sin phát biểu nhiều hơn.

Một cuộc thảo luận nghiêm chỉnh đã diễn ra xung quanh vấn đề được các phái đoàn Mỹ và Anh đề xuất lần thứ hai là vấn đề phân chia nước Đức ra thành ba quốc gia: 1) nam Đức, 2) Bắc Đức, 3) Tây Đức. Lần thứ nhất họ đưa ra ở hội nghị Yan-ta, và đã bị phái đoàn Liên Xô bác bỏ. Ở Pốt-đam, người đứng đầu Chính phủ Liên Xô lại không đồng ý đặt vấn đề phân chia nước Đức.

I.V. Xta-lin nói:

- Chúng tôi bác bỏ đề nghị ấy, vì nó trái với tự nhiên: không nên phân chia nước Đức, mà phải biến nó thành một nhà nước dân chủ và yêu chuộng hòa bình.

Theo yêu cầu của phái đoàn Liên Xô, trong các nghị quyết của các nước lớn ở Pốt-đam có ghi điều khoản thành lập cơ quan hành chính trung ương của nước Đức. Tuy vậy, những cơ quan ấy vẫn không thành lập được vì có sự chống đối của các đại biểu chính quyền phương Tây, và cả việc thống nhất nước Đức trên cơ sở hòa bình và dân chủ, theo như đã quy định trong hội nghị Pốt-đam, cũng không được thực hiện.

Trong việc khôi phục kinh tế của nước Đức đã quyết nghị chủ yếu là phải phát triển công nghiệp và nông nghiệp phục vụ hòa bình. Những biện pháp nhằm tiêu diệt tiềm lực chiến tranh của Đức cũng được hội nghị đề ra.

Vấn đề bồi thường cho Liên Xô và Ba Lan được bàn cãi kịch liệt

vì G. Tô-ru-man và nhất là U. Sốc-sin không muốn dỡ những xí nghiệp kỹ nghệ nặng ở phía Tây nước Đức ra làm khoản bồi thường.

Tuy nhiên cuối cùng, họ cũng phải đồng ý cho tháo dỡ một phần thiết bị những công xưởng phục vụ chiến tranh ở vùng phía Tây nhưng thật ra họ đã đòi ghi vào đó rất nhiều điều bớt xén, loại trừ.

Đáng tiếc là quyết nghị ấy mới được thông qua trên giấy tờ, còn trong thực tế thì cũng như nhiều quyết nghị khác của Hội nghị Potsdam, các nước Đồng minh không đem ra thực hiện.

Để tìm kiếm những hình thức tổ chức mới nhằm giải quyết vấn đề Đức hội nghị đã quyết định thành lập Hội đồng các bộ trưởng ngoại giao. Thành phần hội đồng là các bộ trưởng ngoại giao Liên xô Mỹ, Anh, Pháp và Trung Hoa. Hội đồng các bộ trưởng được ủy nhiệm thảo dự án hiệp ước hòa bình đối với Ý, Ru-ma-ni, Hung-ga-ri, Phần Lan và chuẩn bị cả hiệp ước hòa bình với Đức.

Vấn đề Ba Lan và đường biên giới phía Tây Ba Lan được thảo luận khá gay gắt. Mặc dù vấn đề trên về cơ bản đã được giải quyết trước hội nghị Crum, nhưng U. Sốc-sin vẫn ra sức viện các lý lẽ hoàn toàn không xác đáng để cự tuyệt đề nghị của Liên Xô quy định biên giới phía Tây Ba Lan chạy dọc theo con sông Ô-đê và Tây Nây-xe bao gồm cả Xvi-ne-mi-un-đê và Stét-tin. Sau khi

có bản tuyên bố đúng đắn với lý lẽ xác đáng của phái đoàn Ba Lan do B. Bi-ê-rút dẫn đầu - phái đoàn này được đặc biệt mời tới hội nghị, - vấn đề đường biên giới phía Tây được giải quyết như sau:

“Cho tới khi được xác định dứt khoát trong hiệp ước hòa bình, - nghị quyết nêu - lãnh thổ Ba Lan được quy định nằm về phía đông đường kẻ dài từ biển Ban-tích, sát tây Xvi-nê-mi-un-đê và tiếp đến dọc theo sông Ô-đê và Tây Nây-xe đến biên giới Tiệp Khắc”.

Phía Anh đòi chính phủ nhân dân Ba Lan phải trả lại mọi khoản nợ mà nước Anh đã trợ cấp cho chính phủ vong quốc Ba Lan của T. Ác-si-sép-xki, là bốn năm 1939 đã chạy từ Ba Lan sang Luân-đôn. Phái đoàn Liên Xô và Ba Lan kiên quyết bác bỏ những tham vọng loại đó của nước Anh. Đồng thời đã đi tới thỏa thuận là phía Mỹ và Anh đình chỉ những quan hệ ngoại giao với cựu chính phủ Ba Lan (vong quốc) đang ở Luân Đôn.

Sau khi xem xét và giải quyết một loạt các vấn đề không kém phần quan trọng khác, hội nghị kết thúc vào ngày 2-8.

Trong quá trình hội nghị có một lần người đứng đầu phái đoàn Mỹ, tổng thống Mỹ G. Tơ-ru-man có ý định tiến công I.V. Xta-lin về mặt tâm lý nhằm thực hiện một sự đe dọa về chính trị.

Sau một phiên họp những người đứng đầu chính phủ, tôi không nhớ chính xác ngày nào, G. Tơ-ru-man đã báo cho I.V Xta-lin

biết rằng Mỹ có một loại bom có sức công phá cực lớn, nhưng không nói rõ tên là vũ khí nguyên tử.

Sau này báo chí nước ngoài có viết là, trong lúc G. Tơ-ru-man thông báo, thì U. Sớc-sin giương mắt ra nhìn nét mặt I.V Xta-lin, quan sát sự phản ứng của I.V. Xta-lin. Nhưng I.V. Xta-lin tuyệt không lộ cảm giác gì, ngó bộ như không có gì đặc biệt trong lời nói của G. Tơ-ru-man. Sớc-sin cùng nhiều tác giả Mỹ, Anh khác, sau này cho rằng, có lẽ I.V. Xta-lin không hiểu ý nghĩa của thông báo này.

Song thực ra, lúc họp xong ra về, I.V. Xta-lin có thuật lại cho V.M. Mô-lô-tốp, - lúc đó tôi cũng có mặt - câu chuyện của G. Tơ-ru-man. V.M. Mô-lô-tốp nói ngay lúc ấy: “Họ muốn nâng giá cho bản thân họ”. I.V. Xta-lin cả cười: “Mặc cho chúng nâng giá, ta sẽ bàn với Cu-sa-tốp đẩy mạnh công việc của chúng ta”.

Tôi hiểu, câu chuyện đang nói về bom nguyên tử.

Rõ ràng là hồi đó, chính phủ Mỹ có ý định dùng vũ khí nguyên tử nhằm đạt những tham vọng đế quốc chủ nghĩa của chúng trên thế mạnh trong cuộc “chiến tranh lạnh”. Ngày 5 và 8 tháng 8, điều đó đã được xác nhận. Bọn Mỹ đã ném hai quả bom nguyên tử hoàn toàn không cần thiết về quân sự xuống hai thành phố Nhật Bản đông dân cư là Na-ga-sa-ki và Hi-rô-si-ma.

Cũng giống như các tổng tư lệnh quân đội Mỹ và Anh, tôi không phải là thành viên chính thức trong đoàn đại biểu, nhưng được

tham gia nghiên cứu những vấn đề đem ra thảo luận ở Hội nghị Pốt-đam.

Tôi phải nói rằng, I.V. Xta-lin rất nghiêm khắc với từng âm mưu nhỏ nhất của các đoàn đại biểu Mỹ và Anh hùng gây thiệt hại cho Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung-ga-ri và nhân dân Đức. Những bất đồng gay gắt nhất đã xảy ra giữa đồng chí và U. Séc-sin cả trong quá trình các phiên họp và trong những cuộc thăm xã giao. Cần phải nhấn mạnh rằng, U. Séc-sin rất kiêng nể I.V. Xta-lin, và như tôi hình dung, ông ta ngại phát biểu với I.V. Xta-lin trong những cuộc tranh luận gay gắt. I.V. Xta-lin trong lúc bàn cãi với U. Séc-sin thường rất cụ thể và lô gích.

Gần trước lúc rời khỏi Pốt-đam, U. Séc-sin có mở tiệc chiêu đãi trong biệt thự của ông ta. Về phía Liên Xô, ông có mời I.V. Xta-lin, V.M. Mô-lô-tốp, Tổng tham mưu trưởng A.I. An-tô-nốp và tôi. Phía Mỹ có tổng thống G. Tơ-ru-man, quốc vụ khanh ngoại giao Giêm Biéc, tổng tham mưu trưởng, đại tướng Mác-san, phía Anh có thống chế A-lếch-xan-đơ tổng tham mưu trưởng, thống chế A-len Brúc và những người khác.

Trước hội nghị Pốt-đam, tôi gặp U. Séc-sin mới có một lần ở Mát-xcơ-va, và cũng chỉ mới thoáng qua. Tôi chưa có dịp nói chuyện với ông ta. Trong bữa tiệc chiêu đãi, ông ta chú ý nhiều đến tôi, hỏi nhiều về từng chiến dịch.

Ông ta quan tâm đến sự đánh giá của tôi đối với bộ tổng chỉ huy

Anh và ý kiến về những chiến dịch của các đơn vị viễn chinh các nước Đồng minh ở Tây Đức, ông ta hài lòng thấy tôi đánh giá cao chiến dịch đổ bộ qua biển Măng-sơ.

- Tuy nhiên, tôi làm ngài sẽ không được vừa lòng, thưa ngài Sốc-sin, - tôi nói ngay lúc ấy.

- Việc gì kia? - Sốc-sin lắng nghe.

- Tôi cho rằng, quân Đồng minh sau khi đổ bộ lên Noóc-măng-đi đã phạm phải nhiều thiếu sót nghiêm trọng. Nếu như bộ tổng chỉ huy quân Đức không mắc sai lầm trong khi đánh giá tình hình huông, thì quân Đồng minh đổ bộ xong, có thể sẽ tiến quân rất chậm.

Sốc-sin không có ý kiến đáp lại tôi về vấn đề này.

Lúc ăn tiệc, tổng thống Mỹ G. Tơ-ru-man phát biểu trước. Sau khi đánh giá sự đóng góp to lớn của Liên Xô trong việc tiêu diệt nước Đức phát-xít, G. Tơ-ru-man đề nghị nâng cốc chúc mừng Tổng tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang Liên Xô I.V. Xta-lin. Đến lượt mình, I.V. Xta-lin nâng cốc chúc mừng U. Sốc-sin, người đã gánh vác trọng trách lãnh đạo cuộc đấu tranh chống nước Đức phát-xít và đã làm tròn những nhiệm vụ to lớn của mình trong những năm chiến tranh nặng nề đối với nước Anh. Thật bất ngờ, U. Sốc-sin bỗng nâng cốc chúc mừng tôi. Tôi không biết làm thế nào, phải nâng cốc lại. Khi cảm ơn Sốc-sin đã tỏ nhã ý đối với tôi, tôi máy móc gọi ông ta là “đồng chí”. Nhận

thấy cái nhìn bắn khoăn của V.M. Mô-lô-tốp, tôi hơi bối rối. Bất chợt tôi liền nâng cốc chúc mừng các đồng chí cùng chiến đấu, các bạn đồng minh với chúng ta trong chiến tranh, các binh lính, sĩ quan và tướng lĩnh trong quân đội của khối Liên minh chống phát-xít đã hoàn thành nhiệm vụ to lớn - tiêu diệt nước Đức phát-xít.

Lúc này chúc như vậy, tôi không sai nữa.

Ngày hôm sau, lúc tôi ở chỗ I.V. Xta-lin, đồng chí và tất cả những người có mặt đã cười về chuyện tôi đã rất chóng nhận Séc-sin làm “đồng chí”.

Từ ngày 28-7, người đứng đầu đoàn đại biểu Anh là lãnh tụ Công đảng K. Át-li, được bầu làm thủ tướng nước Anh thay thế U. Séc-sin. Khác với U. Séc-sin, K. Át-li giữ mình hơn nhưng vẫn theo đường lối chính trị của U. Séc-sin, không đưa ra một sự thay đổi nào đối với đường lối của chính phủ cũ của đảng bảo thủ.

Trong thời gian hội nghị, tôi được báo cáo với I.V. Xta-lin về những vấn đề quan trọng nhất của nước Đức. Những báo cáo đó đã được đồng chí nghiên cứu và giải quyết.

Cụ thể đồng chí đã phê chuẩn quyết nghị của Hội đồng quân sự phương diện quân “về việc tổ chức đánh cá tại ven biển Ban-

tích”. Các đơn vị của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 đánh được 21.000 tấn cá trong 6 tháng cuối năm 1945.

Cần nói, đây là một nghị quyết rất quan trọng, vì rằng tổng số súc vật ở Đông Đức trong thời gian bộ đội Liên Xô tới đóng quân giảm xuống rất nhiều. Vì vậy, vấn đề đánh cá có một ý nghĩa kinh tế to lớn đối với nhân dân Đức.

Trước lúc lên đường về Mát-xcơ-va, I.V Xta-lin đã tìm hiểu căn kẽ kế hoạch gửi quân về Liên Xô và tiến trình hồi hương các công dân Liên Xô ở Đức. I.V. Xta-lin yêu cầu phải áp dụng mọi biện pháp để sớm đưa nhân dân ta trở về Tổ quốc.

Xong Hội nghị Pốt-đam, I.V. Xta-lin đáp máy bay về Mát-xcơ-va ngay sau khi ra chỉ thị cho chúng tôi đem nghị quyết của Hội nghị ra thực hiện ở Hội đồng kiểm soát nước Đức.

Để vạch ra quyết nghị phân chia hạm đội của nước Đức phát-xít, đã thành lập ra ủy ban ba bên. Đô đốc G.I. Lép-chen-cô của chúng ta được cử thay mặt Liên Xô vào ủy ban. Người Anh ủy nhiệm cho G. Mai-lơ và đô đốc Ba-râu, người Mỹ cử đô đốc Kinh.

Đô đốc G.I Lép-chen-cô đã mất nhiều thì giờ đấu tranh với các phái đoàn Đồng minh nhằm thực hiện những nghị quyết và chỉ thị của Hội nghị Pốt-đam. Nhiều lần chúng tôi đã kiên trì hội đàm về vấn đề trên với thống chế Mông-gô-mê-ri, đô đốc Ba-râu và Ai-xen-hao, chúng tôi đã yêu cầu đưa ra Hội đồng kiểm soát

thảo luận.

Cuối cùng, vấn đề được giải quyết. Liên Xô nhận được tất cả 656 chiếc tàu chiến và tàu vận tải các loại.

Mặc dù không tránh khỏi những cuộc tranh luận và những ý kiến bất đồng, nhưng nói chung trong hội nghị Pát-đam, các bên đã tỏ ra mong muốn đặt cơ sở cho sự hợp tác giữa những nước lớn có quyền quyết định nhiều việc.

Tình hình ấy có ảnh hưởng tốt tới quan hệ của các ủy viên Hội đồng kiểm soát trong thời gian hội nghị đang họp và nhất là ngay sau khi hội nghị bế mạc. Các đại biểu của Liên Xô trong Hội đồng kiểm soát cố gắng thực hiện những nghị quyết đã được hội nghị thông qua. Các đồng nghiệp của chúng tôi - người Mỹ và Anh - thời gian đầu sau hội nghị cũng làm tròn trách nhiệm như đã nêu trong các nghị quyết của hội nghị.

Song, đáng tiếc là bầu không khí chính trị ấy thay đổi rất nhanh. Mở đầu cho sự thay đổi đó trong Hội đồng kiểm soát là những sự bất đồng trong hội nghị các bộ trưởng ngoại giao họp ở Luân-đôn. Bài diễn văn chống Liên Xô của U. Séc-sin đọc tại Phun-tôn đã có ảnh hưởng lớn tới sự bất đồng ấy. Cơ quan phụ trách của Mỹ và Anh trong Hội đồng kiểm soát, như rầm rập theo một lệnh, trở nên khó tính khi thảo luận với chúng tôi và họ bắt đầu phá hoại một cách hỗn xược việc thực hiện những vấn đề có tính nguyên tắc của hiệp ước Pát-đam.

Mối quan hệ xây dựng nên từ những ngày đầu thành lập Hội đồng kiểm soát giữa tôi, Ai-xen-hao, Mông-gô-mê-ri và Cơ-ních và mối quan hệ giữa đồng chí phụ trách vấn đề hành chính của Liên Xô, V.Đ. Xô-cô-lốp-xki với Clây và Rô-béc-son, ngày càng trở nên tế nhị, ngày càng khó, nhất là khi đụng đến những vấn đề chủ yếu như: thủ tiêu tiềm lực kinh tế và chiến tranh của chủ nghĩa quân phiệt Đức, tước vũ khí các đơn vị quân đội, trừ tệt nọc chủ nghĩa phát-xít và tất cả những tổ chức của đảng quốc xã trong các vùng chiếm đóng của Mỹ và Anh. Chúng tôi cảm thấy các đồng nghiệp quân sự phương Tây đã nhận được những chỉ thị mới. Xuất phát từ đường lối thù địch với Liên Xô do các giới đế quốc Mỹ và Anh chủ trương.

Qua nhiều đợt kiểm tra, chúng tôi đã xác định rằng, người Anh vẫn tiếp tục duy trì các đơn vị quân Đức trong vùng họ chiếm đóng, bất chấp sự phản đối của chúng tôi. Hồi ấy tôi buộc phải gửi cho Hội đồng kiểm soát bức giác thư tố cáo rằng, trong vùng quân Anh chiếm đóng vẫn còn những đơn vị hoàn chỉnh của quân đội Hít-le cũ. Nội dung giác thư như sau:

“Chiếu theo nội dung bản tuyên bố về sự thất bại của nước Đức ký ngày 5-6-1945, và cả nghị quyết của Hội nghị Pôt-đam về nước Đức thì:

Tất cả những lực lượng vũ trang nước Đức hoặc những lực lượng nằm dưới sự kiểm soát của nước Đức, bất kỳ đóng quân ở

đầu, bao gồm lục quân, phòng không, hải quân, các lực lượng SS, SA và Giét-ta-pô, và cả những lực lượng khác, hoặc những tổ chức hỗ trợ có vũ trang đều phải hoàn toàn bị tước vũ khí... Tất cả những lực lượng vũ trang trên bộ, dưới biển và trên không của nước Đức, lực lượng SS, SA, SD và Giét-ta-pô cùng với tất cả những tổ chức, bộ tham mưu và mọi cơ quan khác của chúng, bao gồm bộ tổng tham mưu, đội ngũ sĩ quan, các đội dự bị, các trường quân sự, các tổ chức cựu chiến binh và mọi tổ chức vũ trang và bán vũ trang khác, cùng những câu lạc bộ và các hội phục vụ cho việc bảo vệ truyền thống quân sự ở Đức, phải giải tán hoàn toàn và triệt để, để vĩnh viễn ngăn ngừa việc phục hồi hoặc cải tổ lại chủ nghĩa quân phiệt và quốc xã Đức...

Nhưng theo tài liệu Bộ tư lệnh Liên Xô nắm được và những tài liệu của các hãng thông tấn nước ngoài thì trong vùng chiếm đóng của quân Anh vẫn còn duy trì những lực lượng vũ trang Đức, những lực lượng lục quân, hải quân và không quân. Hiện nay vẫn còn giữ lại tập đoàn quân của Miu-le-rơ đổi tên là tập đoàn quân Noóc. Tập đoàn quân ấy có bộ chỉ huy và bộ tham mưu dã chiến. Cơ quan tham mưu của nó có phòng tác chiến, phòng doanh trại phòng quân nhu, phòng sĩ quan, phòng ô-tô vận tải, phòng quân y.

Tập đoàn quân Noóc có các binh đoàn và đơn vị lục quân, không quân và phòng không, thành phần gồm 2 quân đoàn Stốc-khau-

den và Vít-khốp, quân số mỗi quân đoàn trên 10 vạn người.

Trong vùng chiếm đóng của quân Anh trên nước Đức đã thành lập ra 5 quân khu có cả bộ chỉ huy và các cơ quan phục vụ. Bộ chỉ huy các quân khu ấy đóng tại các thành phố: Kha-mo, Ít-xe-kho, Nây Min-xte Ren-xbua, Phlen-xbua, Hăm-bua.

Ngoài ra còn thành lập thêm 25 đội quân cảnh của quân khu và địa phương trong các thành phố và các nơi: Pi-ne-béc, De-ghe-béc, Liu-béc, Lau-en-béc, I-téc-den, Khéc-kéc-kia-khen, Be-rin-xtét, Ít-xe-kho, Mác-ne, Vét-téc-lan, Khan-xtét, Men-đoóc, An-béc-đoóc, v.v...

Lực lượng không quân Đức còn được giữ lại trong vùng chiếm đóng của quân Anh núp dưới danh hiệu khu hàng không II gồm có những binh đoàn phòng không (các đơn vị của sư đoàn cao xạ 16), các phi đoàn máy bay ném bom, phi đoàn tiêm kích, phi đoàn cường kích và các máy bay trinh sát gần. Khu hàng không II có bộ tham mưu giống như bộ tham mưu của tập đoàn quân không quân thời chiến.

Lực lượng vũ trang Đức trong vùng quân Anh chiếm đóng tại Đức có hơn 5 trung đoàn thông tin liên lạc và các đơn vị xe tăng, và cả một mạng lưới quân y rất phát triển. Lực lượng hải quân Đức hiện nay lấy tên là đoàn tàu đánh cá biển, có bộ tham mưu và những sư đoàn, hải đoàn làm nhiệm vụ canh gác.

Ngoài những binh đoàn, đơn vị và các cơ quan đức đã nêu ở trên,

trong tỉnh Sle-svích-gôn-stây-in có khoảng 1 triệu binh lính và sĩ quan Đức không bị bắt làm tù binh mà lại đang được huấn luyện. Tất cả những đơn vị vũ trang và các cơ quan phục vụ của lực quân, hải quân và không quân kể trên được trang bị, cung cấp theo quy chế của quân đội. Người thuộc những binh đoàn, đơn vị và cơ quan kể trên đều mang phù hiệu khác nhau và huân chương quân đội. Mọi quân nhân đi phép đều có tiền trợ cấp. Như vậy, rõ ràng là không thể lấy những đặc điểm của vùng chiếm đóng do Anh phụ trách để giải thích về sự có mặt của các bộ máy chỉ huy lực quân, hải quân và không quân cùng tất cả binh đoàn, đơn vị và cơ quan phục vụ cho nó.

Trong vùng quân Anh chiếm đóng có những lực lượng quân Đức sau đây:

- Tập đoàn quân Noóc,
- Quân đoàn Stốc-khau-den,
- Quân đoàn Vít-khốp,
- Khu hàng không II,
- Bộ chỉ huy các quân khu ở Kha-mo, Ít-xe-kho, Nây Min-xte Ren-xbua, Phlen-xbua, Hăm-bua.
- 25 đội quân cảnh của các quân khu và địa phương Đức,
- Bộ đội thông tin liên lạc,
- Các phân đội xe tăng.

Điều đó là trái với các quyết nghị của Hội nghị Pốt-đam và bản

tuyên bố về sự thất bại của nước Đức.

Bộ tư lệnh Liên Xô thấy cần thiết phải cử một phái đoàn của Hội đồng kiểm soát tới vùng chiếm đóng của quân Anh để tìm hiểu tại chỗ tình hình tước vũ khí và thủ tiêu những lực lượng vũ trang Đức”.

Khi thảo luận bức giác thư ấy trong Hội đồng kiểm soát, trước áp lực của sự thật, Mông-gô-mê-ri phải thú nhận rằng, trong vùng chiếm đóng của quân Anh có các đơn vị có tổ chức của quân Đức, đang “chờ sự giải tán, hoặc đang hoạt động dưới sự chỉ huy của ông ta.

Ông ta ra sức giải thích rằng, sở dĩ đã xảy ra tất cả những sự việc trên là do “những khó khăn về kỹ thuật” có liên quan đến việc giải tán binh lính Đức.

Ngay tại đây, chúng tôi được biết là Đ. Ai-xen-hao, tổng tư lệnh tối cao quân Đồng minh cũng đã biết tất cả những việc trên.

Về sau, trong phiên họp tháng 11-1945 của Hội đồng kiểm soát, Mông-gô-mê-ri đã nói về vấn đề đó như sau:

- Tôi sẽ lấy làm ngạc nhiên, nếu như tôi được thông báo về sự khác nhau giữa tôi và ông bạn đồng nghiệp Mỹ của tôi về cách xử sự trong vấn đề này, vì rằng, đường lối mà chúng tôi theo đuổi đã được định ra ngay từ thời gian có bộ chỉ huy hợp nhất do tướng Ai-xen-hao lãnh đạo.

Mọi việc ngày càng sáng tỏ thêm. U. Sóc-sin trong lúc thay mặt

đất nước mình ký nhận trách nhiệm nhanh chóng và vĩnh viễn triệt tận gốc chủ nghĩa quân phiệt Đức và thủ tiêu lực lượng vũ trang Đức, đã đồng thời ra những mệnh lệnh bí mật cho bộ chỉ huy quân sự của chúng giữ nguyên trang bị các đơn vị quân đội Hít-le cũ để làm cơ sở cho việc tái lập quân đội Tây Đức nhằm thực hiện những mục đích chống Liên Xô về sau này. Và té ra là, bộ tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh các nước Đồng minh và chính Ai-xen-hao đều biết toàn bộ sự việc ấy? Tôi không giấu giếm là tình hình đó đã làm tôi khó chịu và tôi đã thay đổi những ý kiến ban đầu của tôi về Đ Ai-xen-hao. Nhưng đúng là không thể có cách nào khác hơn...

Trong thời gian hội nghị Pốt-đam, I.V. Xta-lin nói với tôi mời Đ. Ai-xen-hao sang thăm Liên Xô. Tôi đề nghị mời ông ta đến Mát-xcơ-va vào dịp ngày Hội thể thao, 12-8. Ông ta nhận lời. I.V. Xta-lin lệnh gửi giấy mời chính thức đi Oa-sinh-ton. Trong giấy mời có nói, thời gian ở thăm Mát-xcơ-va, ông ta là khách của nguyên soái Giu-cốp. Như vậy có nghĩa là Ai-xen-hao được mời đến Liên Xô không phải là người hoạt động chính trị của nhà nước, mà là người hoạt động quân sự lớn của Thế chiến thứ hai. Vì ông ta là khách chính thức của tôi, nên tôi phải đi cùng với ông ta đến Mát-xcơ-va, rồi cùng đi thăm Lê-nin-grát, và cùng đáp máy bay lúc trở về Béc-lanh.

Cùng đi với Ai-xen-hao có người phó của ông ta, tướng Clây,

tướng Đa-vít, con trai của Đ. Ai-xen-hao trung úy Giôn Ai-xen-hao và hạ sĩ L. Đrai. Trong thời gian ngồi máy bay đi Mát-xcơ-va, Lê-nin-grát và trở về Béc-lanh, chúng tôi đã nói chuyện với nhau, và tôi thấy lúc ấy Ai-xen-hao cởi mở.

- Mùa hè năm 1941, - Ai-xen-hao thuật lại, - khi nước Đức phát-xít tiến công Liên Xô, còn Nhật lộ rõ những âm mưu xâm lược vùng Thái Bình Dương, thì lực lượng vũ trang Mỹ đã lên tới 1,5 triệu người.

Tháng Chạp năm 1943, Nhật tiến công vào Pia-hác-bo[3]. Đó là điều bất ngờ đối với các quan chức trong bộ máy chiến tranh và trong chính phủ Mỹ.

Theo cuộc đấu tranh đang phát triển giữa Liên Xô và Đức, chúng tôi hồi ấy khó mà xác định nổi rằng Liên Xô sẽ chịu đựng lâu dài được bao nhiêu lâu và nói chung liệu có thể chống đỡ nổi cuộc tiến công mãnh liệt của nước Đức hay không. Các giới am hiểu ở Mỹ cùng với người Anh trong thời gian ấy lo lắng rất nhiều đến những nguồn nguyên liệu ở ấn Độ, dầu hỏa ở Trung Đông, eo biển Péc-xích và nói chung, lo lắng tới miền Trung, Cận Đông. Căn cứ vào lời nói của Đ. Ai-xen-hao thấy rõ là, mối quan tâm chủ yếu của Mỹ trong năm 1942 là bảo đảm cho những lợi ích chiến tranh và kinh tế của bọn chúng, chứ không phải là việc mở mặt trận thứ hai ở châu Âu. Mỹ và Anh bắt đầu nghiên cứu trên lý thuyết kế hoạch mở mặt trận thứ hai ở châu Âu từ cuối năm

1941, nhưng cho mãi đến năm 1944 chúng vẫn chưa thông qua được những quyết nghị cụ thể nào.

- Sở dĩ chúng tôi, - lời của Đ. Ai-xen-hao, - bác bỏ yêu cầu của Anh bắt đầu tiến công vào nước Đức qua biển Địa Trung Hải là xuất phát hoàn toàn từ những tính toán thuần túy quân sự, chứ không phải do nguyên nhân nào khác.

Rõ ràng là người Mỹ rất sợ cuộc chống cự của bọn Đức ở La Măng-sơ, nhất là ở bờ biển Pháp. Chúng cũng rất hốt cái “chiến lũy Đại Tây Dương” đang được quảng cáo rùm beng của bọn Đức.

Kế hoạch tiến công qua biển Măng-sơ được thống nhất xong với người Anh trong tháng 4-1942, nhưng sau đấy, bên phía Séc-sin vẫn tiếp tục cố gắng thuyết phục Ph. Ru-đơ-ven mở cuộc tiến công qua biển Địa Trung Hải. Theo ý kiến của Đ. Ai-xen-hao, bọn họ không thể mở mặt trận thứ hai trong những năm 1942 - 1943, vì chưa sẵn sàng tham gia một chiến dịch có tính chất phối hợp chiến lược lớn như vậy. Song, thực ra điều đó không đúng sự thật.

Họ có thể mở mặt trận thứ hai vào năm 1943, nhưng họ cố ý làm chậm, nài chờ cho nước Đức và lực lượng vũ trang của nó bị tổn thất lớn hơn nữa.

- Cuộc tiến công vào Noóc-măng-đi qua biển Măng-sơ vào tháng 6-1944 mở ra trong những điều kiện thuận lợi, và chúng tôi

không gặp sức kháng cự đặc biệt nào của quân Đức tại bờ biển -
lời Đ Ai-xen-hao - đó là điều chúng tôi không ngờ. Quân Đức ở
đây không phòng ngự giống như chúng quảng cáo trên khắp thế
giới.

- Thật ra thì “chiến lũy Đại Tây Dương” ra sao?

- Toàn “chiến lũy” không có quá 3.000 khẩu pháo các cỡ. Trung
bình mỗi km có một khẩu. Các công trình xây dựng bằng bê-tông
cốt sắt có vài chiếc không thể gây trở ngại cho bộ đội chúng tôi.

Thêm nữa, nguyên tổng tham mưu trưởng quân Đức, thượng
tướng Gan-de cũng đã thú nhận những mặt yếu của “chiến lũy”.
Trong những hồi ức xuất bản năm 1949, ông ta viết: “Nước Đức
không có những phương tiện phòng ngự nào có thể chống lại
hạm đội đổ bộ hiện có của các nước Đồng minh có không quân
chi viện, mà không quân họ lại đang khống chế hoàn toàn và liên
tục bầu trời”[4].

Những khó khăn chủ yếu trong cuộc đổ bộ vào Noóc-măng-đi,
theo lời của Đ. Ai-xen-hao, không phải là sức chống cự của quân
Đức; mà là việc chở quân và cung cấp cho bộ đội vượt qua biển
Măng-sơ.

Nói thẳng ra là tôi có băn khoăn khi xem buổi chiếu cuộn phim
của Mỹ “Ngày dài nhất” vào năm 1955. Trên màn ảnh đã trình
bày một kẻ địch hoàn toàn khác hẳn với kẻ địch hồi tháng 6-
1944, lúc quân Đồng minh đổ bộ qua biển Măng-sơ, do Ai-xen-

hao kể lại.

Tất nhiên là mọi người cũng hiểu được xu hướng chính trị của bộ phim rất khéo về kỹ thuật này, nhưng cũng cần biết mức độ...

Chiến dịch đổ bộ bằng đường biển vào Noóc-măng-đi với quy mô lớn như vậy thì không cần phải phóng đại tô màu làm gì.

Khách quan mà nói - đó là một chiến dịch được chuẩn bị và tiến hành khôn khéo.

Sau khi những lực lượng chủ yếu quân viễn chinh đổ bộ xong, mãi đến tháng 7-1944, quân Đức mới điều động và tập trung được những lực lượng của chúng rút từ bờ biển Pháp về chống lại một cách quyết liệt. Nhưng lúc này, chúng đã bị lực quân và không quân ưu thế gấp nhiều lần của quân Đồng minh áp chế.

Theo ý nghĩa đầy đủ của những chiến dịch tiến công thì quân Đồng minh ở đây không phải đột phá phòng ngự sâu thành nhiều tuyến, không phải đánh những đội dự bị chiến dịch, không phải chống lại những cuộc phản kích của quân địch giống như đã xảy ra trên mặt trận Xô - Đức.

Trừ một vài chiến dịch cá biệt, còn những chiến dịch tiến công của quân Mỹ và Anh đã tiến hành đều thuộc loại chiến dịch đánh vào phòng ngự cơ động của quân địch. Theo lời của Đ. Ai-xen-hao, thì quân Đồng minh trong lúc tiến quân đã vấp phải khó khăn chủ yếu là về cung cấp vật chất, xây dựng những đường tiếp tế hậu cần qua địa hình phức tạp.

Tôi rất chú ý hỏi đến cuộc phản công của quân Đức ở Ác-đen vào cuối năm 1944, và những biện pháp phòng ngự của quân Đồng minh trong khu vực này. Phải nói là Đ. Ai-xen-hao và những người cùng đi với ông ta đặc biệt không muốn nói đến chuyện ấy. Tuy nhiên, dù họ có nói ít, ta cũng biết được mũi đột kích của quân Đức ở Ác-đen là bất ngờ đối với bộ chỉ huy tối cao và bộ tư lệnh tập đoàn 12 của tướng Brét-li.

Bộ tổng chỉ huy quân các nước Đồng minh vô cùng lo lắng về những hành động tiếp sau của quân địch tại Ác-đen. U. Sốc-sin ngày 6-1-1945 gửi cho I.V. Xta-lin bức thư riêng nói về nỗi lo lắng ấy. Ông ta thông báo, ở phía Tây đang diễn ra những trận đánh nặng nề, và quân Đồng minh bị mất quyền chủ động, đang lâm vào tình thế đáng lo ngại.

Sốc-sin và Ai-xen-hao đặt hy vọng lớn vào việc Liên Xô sẽ có phản ứng nhanh sau khi nhận được thông báo, nên đã cử thống chế không quân Tê-đe đi Mát-xcơ-va mang theo bức thư đó. Nếu chính phủ Liên Xô nhận lời và cho bộ đội Liên Xô chuyển thật nhanh sang tiến công (điều mà U. Sốc-sin và Đ. Ai-xen-hao đang trông đợi), thì Hít-le sẽ buộc phải rút những đơn vị xung kích của chúng từ mặt trận phía tây ném sang phía đông.

Như mọi người đều biết, Chính phủ Liên Xô, trung thành với nghĩa vụ đồng minh của mình, đúng một tuần lễ sau, đã triển khai cuộc tiến công cực lớn trên toàn bộ mặt trận làm rung

chuyển đến tận gốc phòng ngự của quân Đức trên tất cả các hướng chiến lược, và buộc quân Đức bị thua thiệt nặng phải rút về Ô-đê, Nây-xe, Mô-ráp-xcô, Ô-xtơ-ra, bỏ lại Viên và phần đông nam nước Áo.

Nhớ lại cuộc tiến công ấy, Đ. Ai-xen-hao nói:

- Đối với chúng tôi, đây là cuộc tiến công mong đợi từ lâu. Tất cả chúng tôi đều thấy nhẹ nhõm, nhất là khi được tin cuộc tiến công phát triển rất thắng lợi. Chúng tôi vững tin rằng quân Đức lúc này sẽ không thể nào tăng cường cho mặt trận phía tây của chúng được.

Tiếc là, từ khi có “Chiến tranh lạnh”, và nhất là sau khi các tướng lĩnh Hít-le còn sống sót đã viết những hồi ký làm tràn ngập thị trường sách, thì những ý kiến đánh giá khách quan trong thời gian sau chiến tranh đã bị xuyên tạc một cách trắng trợn.

Bọn tuyên truyền láo xược của phe chống Liên Xô, thậm chí đã tìm mọi cách thuyết lý rằng, không phải Quân đội Liên Xô đã giúp cho quân Mỹ trong những trận đánh ở vùng Ác-đen, mà là quân Mỹ đã ứng cứu cho Quân đội Liên Xô.

Chúng tôi cũng muốn nói đến tình hình viện trợ theo hiệp nghị đã thỏa thuận. Về điểm này mọi việc lúc đó đều rõ ràng. Song, trong nhiều năm sau chiến tranh, các nhà nghiên cứu lịch sử tư sản đã khẳng định rằng, hình như các trang bị, vật chất và lương thực do các nước Đồng minh cung cấp cho chúng tôi đã giữ vai

trò quyết định thắng lợi của chúng tôi.

Không phải tranh luận gì nữa, trong thời gian chiến tranh, Liên Xô thực ra có nhận được những máy móc thiết bị và vật chất quan trọng cho nền kinh tế quốc dân. Ví dụ như Mỹ và Anh có chở đến hơn 400.000 ô-tô, gửi cả các đầu máy xe lửa, nhiên liệu, khí tài thông tin. Nhưng phải chăng tất cả những thứ đó lại có thể nào giữ nổi vai trò quyết định trong quá trình chiến tranh. Tôi đã nói đến quy mô phát triển của công nghiệp Liên Xô trong những năm chiến tranh mà mọi người đều biết. Nền công nghiệp đã bảo đảm cho cả tiền tuyến lẫn hậu phương tất cả những gì cần thiết. Điều đó tưởng không cần phải nhắc lại nữa.

Còn về vũ khí, trang bị, tôi có thể nói như sau. Chúng ta nhận được của Mỹ và Anh theo hiệp nghị thỏa thuận 18.700 máy bay, 10.800 xe tăng, 9.600 đại bác. Tính theo tổng số vũ khí trang bị mà nhân Liên Xô đã cung cấp cho quân đội trong những năm chiến tranh, thì tỉ lệ theo thứ tự trên là 12; 10,4; 2 %. Đương nhiên, con số trên có một ý nghĩa nhất định, nhưng nói rằng nó đã giữ một vai trò quyết định thì không được.

Ai-xen-hao tỏ ra quan tâm nhiều đến những chiến dịch lịch sử ở Lê-nin-grát, Mát-xcơ-va, Xta-lin-grát và Béc-lanh. Ông ta hỏi, trong thời gian chiến dịch Mát-xcơ-va, riêng tôi với tư cách là tư lệnh phương diện quân thì về mặt thể chất đã phải chịu đựng gian khổ ra sao.

- Trong chiến dịch lịch sử Mát-xcơ-va - tôi trả lời, - thì người chiến sĩ cũng giống như người tư lệnh phải chịu đựng gian khổ như nhau. Trong thời kỳ chiến đấu hết sức quyết liệt từ 15-11 đến hết ngày 8-12, tôi được ngủ không quá 2 tiếng đồng hồ trong một ngày đêm, mà ngủ từng đoạn ngắn một. Muốn giữ sức khỏe và khả năng làm việc, tôi phải vận dụng kiểu rèn luyện thể dục ngoài băng lạnh từng đợt ngắn nhưng thường xuyên và phải dùng cà-phê đặc, cũng có lúc phải ra trượt tuyết đến 20 phút. Đến khi cơn khủng hoảng của trận đánh Mát-xcơ-va qua đi, tôi ngủ rất say, đến nỗi các đồng chí mãi không đánh thức nổi tôi dậy. Lúc ấy I.V. Xta-lin gọi điện thoại cho tôi hai lần. Các đồng chí trả lời: “Giu-cốp đang ngủ, chúng tôi không sao đánh thức dậy được”. Tổng tư lệnh nói “đừng đánh thức, cứ để đồng chí tự thức giấc”. Trong lúc tôi ngủ say như vậy, bộ đội địa Phương diện quân miền Tây đã tiến được 10 – 15 km. Lúc thức giấc khoan khoái biết bao...

Khi Ai-xen-hao đến Mát-xcơ-va, I.V. Xta-lin lệnh cho Tổng tham mưu trưởng A.I. An-tô-nốp giới thiệu cho ông ta toàn bộ kế hoạch và hành động của bộ đội ta ở Viễn đông.

Trong thời gian Ai-xen-hao ở thăm Mát-xcơ-va, I.V. Xta-lin nói nhiều với ông ta về những cuộc chiến đấu của bộ đội Liên Xô và các nước Đồng minh chống phát-xít Đức và Nhật. Đồng chí nhấn mạnh rằng, Thế chiến thứ hai là kết quả của đầu óc đặc biệt thiên

cận của những nhà lãnh đạo chính trị các nước đế quốc phương Tây, họ đã làm ngơ trước cuộc chiến tranh xâm lược cuồng bạo của bọn Hít-le.

- Dân tộc các nước tham chiến đã phải trả giá đắt trong chiến tranh, nhất là nhân dân Liên Xô, - I.V. Xta-lin nói. – Chúng ta có trách nhiệm phải làm tất cả để ngăn chặn một cuộc chiến tranh tương tự trong tương lai.

Tôi gặp Ai-xen-hao một lần nữa trong hội nghị những người đứng đầu chính phủ Mỹ, Anh, Pháp, Liên Xô tại Giơ-ne-vơ năm 1955. Lúc đó ông ta đã là tổng thống nước Mỹ. Chúng tôi gặp ông và chẳng những đã nói chuyện về những ngày công tác trước đây trong Hội nghị kiểm soát, mà còn nói về cả những vấn đề nóng hổi, nhất là việc chung sống giữa các nước và củng cố hòa bình giữa các dân tộc.

Ai-xen-hao tỏ ra ngoan cố bảo vệ đường lối của các giới đế quốc Mỹ.

Đại tướng Ai-xen-hao với tư cách vừa là một con người vừa là một nhà chỉ huy quân sự đã có uy tín lớn trong quân đội các nước Đồng minh mà ông ta đã lãnh đạo trong Thế chiến thứ hai. Sau này, ông ta có thể làm được nhiều việc để giảm bớt sự căng thẳng quốc tế, và trước hết, là để chấm dứt cuộc chiến tranh đẫm máu ở Việt Nam. Song tiếc thay ông ta không làm được một việc gì theo phương hướng đó, mà hơn nữa, lại là người bảo vệ đường

lỗi của các giới đế quốc.

Sau chiến tranh, loài người tiến bộ hy vọng rằng, trong tương lai, những nước chủ chốt nhất sẽ phải nghiên cứu tới bài học vừa qua, nước Đức sẽ được xây dựng lại trên cơ sở dân chủ, còn chủ nghĩa quân phiệt và phát-xít Đức sẽ bị tiêu diệt tận gốc. Nhưng điều đó mới được thực hiện trên một phần nước Đức - nước cộng hòa dân chủ Đức.

Khi những lực lượng vũ trang Liên Xô giải phóng các nước Đông Âu khỏi ách chiếm đóng phát-xít, dân tộc các nước ấy đã kiên quyết nắm lấy chính quyền nhà nước, xây dựng lại cuộc sống trên cơ sở dân chủ.

Những nước dân chủ Đông Âu nhìn thấy Liên Xô chẳng những là người giải phóng ách phát-xít cho mình, mà còn là sự bảo đảm vững chắc trong tương lai sẽ không thể có lực lượng hiếu chiến nào dám xâm phạm đến đất nước mình.

Tình huống hình thành lúc cuối chiến tranh là một thử thách nghiêm trọng đối với các đảng chính trị đang nắm chính quyền các nước phương tây, đối với những người lãnh đạo của các đảng ấy, xem nhãn quan chính trị của họ ra sao.

Vấn đề đặt ra, hoặc là đưa đất nước đi vào con đường hữu nghị giữa các dân tộc, hoặc là dẫn đất nước vào con đường thù địch với những nước khác.

Chiếu theo lời di huấn của V.I. Lê-nin, Chính phủ Liên Xô, Đảng

chúng ta đã kiên trì đường lối chung sống hòa bình giữa các nước và đã làm mọi việc để củng cố hòa bình và hợp tác.

Trở về Béc-lanh, tôi lại nhiệt tình lao vào công tác trong Hội đồng kiểm soát.

V.X. Xê mê-nốp, cố vấn chính trị của chủ tịch ủy ban quân chính Liên Xô tại Đức, hiện nay là thứ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô, đã giúp tôi rất nhiều trong khi giải quyết những vấn đề có liên quan tới công cuộc cải cách dân chủ trong vùng chiếm đóng của Liên Xô.

Trong Hội đồng kiểm soát, chúng tôi cùng nhau nghiên cứu những vấn đề thực hiện các hiệp nghị Pốt-đam, có liên quan tới nước Đức nói chung.

Các sĩ quan, tướng lĩnh và các đồng chí chúng ta đã được chính phủ cử đi công tác trong ủy ban quân chính Liên Xô do tướng V.Đ. Xô-cô-lốp-xki lãnh đạo đã làm việc rất nhiều trong Hội đồng kiểm soát. Trách nhiệm của các đồng chí ấy không chỉ hoạt động trong Hội đồng kiểm soát, mà còn là tổ chức đời sống xã hội, sản xuất và nhà nước của nhân dân Đức tại phần phía đông nước Đức.

Các tổ chức cộng sản Đức, kịp thời đoàn kết được công nhân và nhân dân tiến bộ ở Đông Đức xung quanh mình đã giữ vai trò quan trọng trong vấn đề này.

Tuân theo những mục đích nhân đạo, Chính phủ Liên Xô tiếp tục

hết sức chăm sóc đời sống của nhân dân Đức trong thời kỳ khó khăn đó. Trước hết, chúng tôi đã chú ý đến nhân dân Béc-lanh, những người đang nằm trong hoàn cảnh hết sức khó khăn.

Khi bộ đội ta chiếm Béc-lanh, số người ở đây không quá 1 triệu, nhưng cách một tuần sau đã lên tới trên 2 triệu, và đến hạ tuần tháng 5 có khoảng 3 triệu. Dân số tiếp tục phát triển bởi vì người từ những vùng khác trong nước Đức kéo đến.

Công nhân và giới trí thức kỹ thuật Đức tỏ ra rất tích cực trong việc thủ tiêu những hậu quả chiến tranh ở Béc-lanh. Ngày đêm họ ở lại trong khu vực đã định, tình nguyện hoàn thành những công việc giao cho.

Những tổ chức công tác viên gồm những người Đức chống phát-xít đã tích cực giúp đỡ ủy ban quân quản của Liên Xô. Họ tham gia vào tất cả những tổ chức bảo vệ trật tự xã hội, phân phối các thẻ lương thực trong nhân dân, kiểm soát việc cấp phát lương thực, bảo vệ nhà máy, công xưởng, những mục tiêu tối quan trọng của thành phố và các tài sản khác.

Nhân dân Liên Xô không quên những cống hiến cho cách mạng của giai cấp công nhân và giới trí thức tiến bộ ở Đức, những công lao to lớn của Đảng Cộng sản Đức và lãnh tụ của Đảng, Éc-nét Ten-ler-man là người đã hy sinh lúc cuối chiến tranh trong nhà tù phát-xít.

Đảng và chính phủ chúng ta thấy có nghĩa vụ phải giúp đỡ nhân

dân Đức trên tình anh em.

Lúc rút lui, bộ chỉ huy Đức đã bỏ lại trong những thành phố và các vùng dân cư hàng ngàn binh lính và sĩ quan bị thương. Riêng ở Béc-lanh và những vùng ven đã có hơn 20 vạn lính bị thương của quân đội Đức. Đối với những người ấy - là những kẻ thù trước đây - các cán bộ quân y của ta và Bộ Tư lệnh Liên Xô đã tỏ lòng nhân đạo cao cả, tổ chức cho họ được điều trị trong những điều kiện giống như các chiến sĩ Xô-viết.

Một hôm, nhân dịp đi ngang qua vùng Un-te Đen Lin-đen, đồng chí sĩ quan quân quản Béc-lanh chỉ cho tôi một ngôi nhà tương đối còn nguyên vẹn trong có các lính Đức bị thương. Chúng tôi quyết định ghé vào thăm.

Điều đầu tiên đập vào mắt chúng tôi là phần lớn họ đều còn trẻ, hầu hết mới 15 - 17 tuổi. Được biết đây là những lính dân vệ thuộc nhiều đội mới tổ chức ra ở Béc-lanh hồi đầu tháng 4, tôi hỏi cái gì đã buộc họ phải gia nhập những đội phòng vệ khi nước Đức đang ở trong tình trạng tuyệt vọng đó.

Bọn trẻ cúi mặt xuống, im lặng. Có một trẻ nói:

- Chúng tôi không có lối thoát nào khác là cầm lấy vũ khí và phòng thủ Béc-lanh. Ai không tình nguyện xung vào đội, sẽ bị tuyển vào bọn Giét-ta-pô, và như vậy sẽ không có điều kiện trở về...

Tiếp tục nói chuyện một lúc nữa thì tôi được biết thêm là ở đây

có một số người đã tham gia tác chiến tại gần Mát-xcơ-va vào tháng 11-1941. Tôi nói, tôi cũng có tham chiến ở Mát-xcơ-va.

Một lính bị thương phát biểu ý kiến:

- Tốt nhất là đừng nhớ lại tấn thảm kịch ấy của quân đội Đức.

Trung đoàn chúng tôi có một nghìn rưỡi tay lê, mà chỉ còn lại không đầy 120, và rồi 120 người ấy cũng phải đưa về hậu phương.

- Trung đoàn của anh chiến đấu ở đâu? - tôi hỏi.

- Ở Vô-lô-cô-lam-xcơ,- người đó trả lời.

- Thế thì, tôi với anh là những người quen biết cũ, - tôi nói.

- Thừa ngài tướng quân, làm sao biết được ngài đã chiến đấu ở đâu, trong khu vực nào? - Người lính bị thương nói.

Tôi nói, đã chỉ huy Phương diện quân miền Tây ở gần Mát-xcơ-va.

Chúng tôi hỏi họ ăn uống ra sao, và các bác sĩ Liên Xô điều trị như thế nào. Tất cả tranh nhau khen ngợi việc ăn uống và sự chăm sóc của ác nhân viên quân y Liên Xô.

Một trong số bác sĩ của ta nhận xét:

- Những người Đức đã giết hại các thương binh của ta, còn chúng tôi thì tất cả ngày đêm không ngủ phục hồi sức khỏe cho họ.

- Những người Đức bình thường không làm như vậy, - một lính Đức già đáp lại, - đó là những tên Đức phát-xít.

- Trong số các anh có bọn phát-xít không? - Tôi hỏi.

Im lặng...Tôi lại hỏi, lại im lặng. Một quân nhân tuổi chừng 55 đứng dậy, bước lại gần giường một quân nhân khác, thúc vào lưng hắn ta, nói:

- Quay lại.

Hắn ta miễn cưỡng quay lại.

- Đứng lên và báo cáo rằng mày là phát-xít!

Nói chuyện tiếp với họ, tôi biết là trong số lính ở đây còn có thêm một tên phát-xít nữa.

Khi chúng tôi rời khỏi quân y viện, họ đề nghị để các bác sĩ và hộ lý Liên Xô chăm sóc họ.

Những ngày, những tháng đầu tiên sau chiến tranh, chúng tôi thường được gặp gỡ các đồng chí lãnh đạo Đảng Cộng sản Đức, Vin-hem Pích, Van-te Un-brích và những bạn chiến đấu gần gũi của các đồng chí ấy. Các đồng chí đau lòng nói về những mất mát nặng nề của Đảng Cộng sản, của bộ phận công nhân ưu tú và tầng lớp trí thức tiên bộ. Các đồng chí quan tâm sâu sắc đến tình trạng khó khăn của những người lao động Đức.

Theo đề nghị của Đảng Cộng sản và của cá nhân các đồng chí V. Pích và V. Un-brích, Chính phủ Liên Xô đã cung cấp tiêu chuẩn lương thực ăn hàng ngày cho nhân dân Béc-lanh.

Khi nước Đức phát-xít bị đánh tan, nhân dân Liên Xô đã hành động như thế đấy.

Còn như Hít-le, chúng đã đối xử như thế nào đối với nhân dân Liên Xô?

Chuẩn bị đánh chiếm Mát-xcơ-va, Hít-le đã ban hành mệnh lệnh mà tôi muốn nhắc lại dưới đây:

“Phải vây chặt thành phố, không cho một lính Nga, một người dân Nga - đàn ông, đàn bà, hoặc trẻ em - rời khỏi thành phố.

Dùng sức mạnh đàn áp mọi mưu toan ra khỏi thành phố. Tiến hành những công tác chuẩn bị cần thiết để có thể dùng những công trình to lớn làm cho Mát-xcơ-va và vùng xung quanh chìm ngập trong biển nước..

Phải làm cho vùng Mát-xcơ-va hiện nay trở thành biển cả, và cái biển đó phải chôn vùi vĩnh viễn thủ đô của dân Nga, xóa bỏ nó trên bản đồ của thế giới văn minh”[5].

Bọn Hít-le cũng đã chuẩn bị cho Lê-nin-grát không kém hơn.

“Đối với những thành phố khác, - Hít-le nói, - phải hành động theo quy tắc: Trong khi chiếm được những thành phố ấy, pháo binh và máy bay ném bom phải bắn phá để biến chúng thành những đồng gạch vụn”[6].

Một người bình thường khó mà hiểu nổi sự tàn bạo dã man ấy.

Thực ra, trong khi chiến tranh đang diễn biến, tôi rất muốn trừng trị đích đáng tất cả bọn phát-xít vì những tàn bạo mà chúng gây ra. Nhưng, sau khi đánh tan quân địch, bộ đội ta tiến vào biên giới nước Đức, thì chúng tôi kìm được sự phẫn nộ của mình.

Những quan điểm tư tưởng của chúng ta và tình cảm quốc tế không cho phép chúng ta trả thù một cách mù quáng.

Tôi rời khỏi nước Đức lên đường về Mát-xcơ-va trong tháng 4-1946 nhận dịp được cử giữ chức Tổng tư lệnh Lục quân. Chức vụ Tổng tư lệnh bộ đội Liên Xô đóng ở Đức và chức Chủ tịch ủy ban quân chính trong vùng chiếm đóng của Liên Xô được giao cho đại tướng V.Đ. Xô-cô-lốp-xki.

Lần sau cùng tôi đến Cộng hòa dân chủ Đức vào năm 1957, và cá nhân tôi vững tin rằng, tất cả những gì nhân dân, Đảng và Chính phủ Liên Xô đã làm đều đúng, nó đã đưa đến những kết quả tốt đẹp đối với những người lao động Đức cũng như đối với sự nghiệp hợp tác giữa các dân tộc và đối với khả năng phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa.

[1] vùng do Liên Xô chiếm đóng ở Béc-ling – ND.

[2] Trình bày có rút gọn lại – TG.

[3] Tức Trân châu cảng thuộc Ha-oai - ND.

[4] Ph. Gan-de. “Hít-le là lãnh tụ”, Mi-un-khen, 1949, tr.58.

[5] Phiên tòa Nu-rem-be, 1957, t.1, tr.495.

[6] Phiên tòa Nu-rem-be, 1957, t.1, tr.495.

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Kết luận

NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH THẮNG LỢI

CHIẾN tranh Vệ quốc vĩ đại là một cuộc xung đột to lớn nhất giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa phát-xít. Đó là một cuộc chiến tranh của toàn dân chống lại kẻ thù giai cấp độc ác đã xâm phạm đến thứ quý báu nhất của nhân dân Xô-viết - thành quả cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại và chính quyền Xô-viết.

Đảng cộng sản đã động viên đất nước chúng ta, phát động nhân dân các dân tộc trong nước đứng lên, kiên quyết dùng đấu tranh vũ trang để chống lại chủ nghĩa phát-xít. Từ những ngày bắt đầu cho đến những ngày chấm dứt chiến tranh, tôi được may mắn công tác trong Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao. Tôi đã thấy Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ Liên Xô tiến hành một công tác tổ chức vĩ đại biết bao để động viên nhân dân, lực lượng vũ trang và nền kinh tế quốc dân nhằm thực hiện nhiệm vụ tiêu diệt bọn quân phiệt phát-xít Đức. Nói thẳng ra,

chúng ta không thể chiến thắng kẻ thù, nếu như chúng ta không có một Đảng dày kinh nghiệm và đầy uy tín, không thể có chế độ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa. Những lực lượng tinh thần và vật chất hùng mạnh của chế độ đó đã cho phép ta cải tổ lại trong một thời gian ngắn toàn bộ sinh hoạt của đất nước, tạo ra những điều kiện để tiêu diệt những lực lượng vũ trang của chủ nghĩa đế quốc Đức.

Sự thống nhất giữa các dân tộc và nhân dân trong các nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa, khối liên minh công nông, sự đoàn kết của tất cả những người lao động, các tầng lớp thanh niên, trí thức xung quanh khẩu hiệu, ngọn cờ của Đảng: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng!” đã nhân sức mạnh của chúng ta lên rất nhiều.

Do ảnh hưởng của lối sống Xô-viết, do có công tác giáo dục sâu rộng của Đảng, trên đất nước chúng ta đã hình thành những con người vững tin vào tính chất chính nghĩa của sự nghiệp của mình, giác ngộ sâu sắc về trách nhiệm của mỗi người trước vận mệnh của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Con người ấy bất kỳ ở đâu, - ở ngoài tiền tuyến, ở hậu phương, ở vùng sau lưng địch, ở trong các trại giam phát-xít, trong các công tác khổ sai ở nước Đức, - ở khắp mọi nơi, họ đều làm tất cả những gì tùy thuộc vào họ để nhanh chóng chiến thắng chủ nghĩa phát-xít.

“Chiến tranh đã đem lại cho chúng ta những mất mát và tàn phá không lấy gì so sánh được, - L.I. Brê-giơ-nép đã nói trong bản báo cáo nhân dịp Kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Mười vĩ đại. - Chiến tranh gây nên đau khổ cho nhân dân, và ngày nay lòng hàng triệu các bà mẹ, các phụ nữ góa, các trẻ em mồ côi còn đang đau xót. Đối với con người, không tổn thất nào đau đớn hơn là việc mất mát những người thân, những đồng chí, những bạn bè. Không cảnh tượng nào nặng nề hơn khi nhìn thấy những thành quả lao động, mà con người đã lấy sức lực, tài năng, tình yêu quê hương để xây đắp nên, bị phá hoại. Không mùi vị nào đắng cay hơn là mùi khét lẹt của đồng tro tàn. Khi người chiến sĩ Xô-viết trở về nhà, thì quê hương thân yêu được giải phóng thoát khỏi ách tàn bạo phát-xít còn đầy thương tích đạn bom và sắt thép, đang nằm trong cảnh đổ nát hoang tàn.

Nhưng không gì có thể phá vỡ được ý chí con người Xô-viết, không gì có thể cản bước đi thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Nỗi đắng cay của cảnh tượng mất mát nặng nề thật. Nhưng bên cạnh đó trong tâm hồn con người Xô-viết lại bùng lên niềm sung sướng mới - niềm vui chiến thắng. Chiến công của những người đã anh dũng hy sinh đang cổ vũ những người còn sống”.

Không cho phép một ai có thể hạ thấp ý nghĩa những thành tích trong chiến đấu và lao động của nhân dân Xô-viết trong cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại!

Tôi dành cuốn sách này cho người chiến sĩ Xô-viết. Bằng máu và mồ hôi của mình các chiến sĩ đã chiến thắng một kẻ thù mạnh. Họ biết nhìn thẳng vào hiểm nguy, tỏ ra anh hùng và dũng cảm đến cao độ. Chiến công của họ vì Tổ quốc thật vĩ đại vô cùng. Người chiến sĩ Xô-viết thật xứng đáng với lòng biết ơn đời đời của nhân loại tiến bộ.

Cán bộ các cấp, từ đồng chí thiếu úy đến đồng chí nguyên soái đều rất xuất sắc. Đó là những người yêu nước nhiệt thành, những người tổ chức đầy kinh nghiệm và gan dạ chỉ huy hàng triệu quân chiến đấu. Thật là sai lầm nếu đem tách rời các chiến sĩ và sĩ quan Xô-viết ra làm hai. Theo nguồn gốc xuất thân, trong phong cách suy nghĩ và hành động, cán bộ và chiến sĩ đều là những người con trung thành của Tổ quốc.

Tính chất vĩ đại của chiến thắng lịch sử mà Liên Xô giành được trong cuộc đấu tranh chống nước Đức phát-xít là ở chỗ nhân dân Liên Xô không chỉ bảo vệ riêng nhà nước xã hội chủ nghĩa của mình. Nhân dân Liên Xô đã quên mình đấu tranh cho sự nghiệp của giai cấp vô sản quốc tế là giải phóng các dân tộc châu Âu khỏi ách phát-xít.

Nhân dân Liên Xô không quên sự đóng góp của dân tộc các nước khác vào thắng lợi trước kẻ thù chung. Quân đội chúng ta, nhân dân chúng ta còn nhớ và đánh giá cao lòng dũng cảm và chí can trường của các chiến sĩ kháng chiến.

Liên Xô là một Nhà nước hòa bình. Những mục tiêu lớn nhỏ của nhân dân đều nhằm vào một mục đích duy nhất - xây dựng chủ nghĩa cộng sản trên đất nước chúng ta. Vì vậy, chúng ta không cần chiến tranh. Nhưng để bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân Liên Xô, chúng ta cần nghiên cứu kinh nghiệm chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, cần rút ra những kinh nghiệm giúp cho việc phòng thủ đất nước có hiệu quả hơn, cần huấn luyện và giáo dục bộ đội một cách đúng đắn.

Chiến tranh không đe dọa nổi những người biết chuẩn bị kỹ cho chiến tranh, những người biết vị trí của mình trong công cuộc phòng thủ đất nước. Tình trạng hoang mang và sợ hãi thường nảy sinh ra ở những nơi mà đất nước, bộ đội và quần chúng nhân dân không có sự chuẩn bị cần thiết cho chiến tranh, những nơi không có sự tổ chức thích đáng và sự lãnh đạo vững chắc trong những lúc thử thách hiểm nghèo.

Do có cuộc cách mạng kỹ thuật trong ngành quân sự, và có cuộc cải tổ lớn về mặt tổ chức trong quân đội và hạm đội, do chỗ hỏa lực đột kích chủ yếu ngày nay là tên lửa, nên thường nghe thấy có người nói, thời đại “chiến tranh bấm nút” đã đến và con người giữ vai trò thứ yếu trong chiến tranh. Ý kiến đó là sai lầm.

Mặc dù vũ khí tên lửa và nguyên tử có những giá trị đến như thế nào chẳng nữa, thì con người, không phụ thuộc vào quy mô, đặc điểm và phương pháp chiến tranh, đã, đang và sẽ giữ vai trò chủ

yếu trong chiến tranh. Vũ khí mới nhất, kể cả vũ khí sát thương hàng loạt không hạ thấp được vai trò của quần chúng nhân dân trong chiến tranh. Dầu thế nào, chiến tranh vẫn đòi hỏi số lớn quần chúng tham gia. Trong trường hợp này thì trực tiếp tham gia đấu tranh vũ trang, trong trường hợp khác thì tham gia sản xuất cho chiến tranh, bảo đảm mọi mặt cho cuộc đấu tranh vũ trang.

Đã lâu tôi nghĩ sẽ kết thúc những hồi ức của mình ra sao, sẽ dành những trang sách về cuối này cho ai, và viết những gì. Tôi muốn đưa ra một số kết luận nào đó (lẽ đương nhiên, những kết luận viết trong sách là những suy nghĩ riêng của người viết), tôi muốn phân tích tất cả những gì mình được chứng kiến, bản thân được tham gia, nhưng tôi đã làm công việc đó trong suốt cuốn sách rồi. Nên giờ đây, nói đến cũng chỉ là nhắc lại những gì đã viết. Nhưng tôi muốn nói lại, nói lại nhiều lần nữa một vấn đề, và không phải bằng những lời nói của mình mà bằng lời nói trung thực, tuyệt tác của Lê-nin.

“Không bao giờ có thể chiến thắng nổi một dân tộc trong đó số lớn công nhân, nông dân đã hiểu rõ, cảm thấy và nhận ra rằng họ đang bảo vệ một sự nghiệp mà thắng lợi của sự nghiệp ấy sẽ bảo đảm cho họ và con cháu họ khả năng sử dụng mọi phúc lợi của nền văn hóa, mọi sáng tạo của lao động con người”.

HẾT

Zhukov

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Phụ lục

THẮNG LỢI CỦA LIÊN XÔ VÀ SỰ BẤT LỰC CỦA NHỮNG KẺ XUYỀN TẠC LỊCH SỬ

(Bài đăng trên tập san “Người cộng sản” số 1, tháng Giêng, 1970).

ĐÃ gần đến ngày kỷ niệm lần thứ 25 thắng lợi của Liên Xô đánh bại nước Đức Hít-le trong cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. Trong khi nhớ lại những sự kiện đã trải qua và suy nghĩ về những sự kiện đó qua lăng kính của một phần tư thế kỷ kinh nghiệm sau chiến tranh, với một nguồn sức mạnh mới, người ta đang nhớ lại những biến cố kinh khủng của những năm chiến tranh.

Những năm gần đây, nhất là trong thời gian viết cuốn “Nhớ lại và suy nghĩ”, tôi đã có nhiều lần tham khảo các sách báo nói về cuộc chiến tranh vừa qua. Ngoài những sách của các tác giả Liên Xô, tôi đã đọc nhiều tác phẩm của các nhà sử học nước ngoài, kể cả những nhà sử học ở các nước tư bản. Trong khi ngẫm nghĩ về

những điều họ viết, tôi đã nảy ra những ý nghĩ mà tôi muốn trình bày cùng các bạn đọc, cố nhiên là không hề may mắn có ý định coi đó là những nhận xét và kết luận hoàn hảo.

Trong số tác phẩm của các nhà sử học tư sản, tất nhiên đôi khi cũng có những công trình nghiên cứu dựa trên cơ sở tìm hiểu các sự kiện một cách có lương tâm, điều đó chứng tỏ rằng tác giả muốn hiểu rõ chân lý. Nhưng, trong kho sử liệu tư sản lại đầy rẫy những tác phẩm có tính chất khác hẳn. Tôi thấy hình như trong khi nghiên cứu lịch sử của Thế chiến thứ hai, các nhà tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc, trước tiên là tìm cách giải đáp cho câu hỏi: Vì sao Liên Xô bị tàn phá và thiệt hại nặng nề mà lực lượng của chủ nghĩa xã hội, rớt cuộc, vẫn phát triển, trong khi đó thì thế giới tư bản nói chung bước ra khỏi chiến tranh lại bị suy yếu? Để tránh một câu trả lời duy nhất đúng, tức là thừa nhận tính hơn hẳn của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa tư bản, các nhà tư tưởng phương Tây đã cố tìm cách giải thích bằng những nhân tố thứ yếu, chẳng hạn cho rằng đó là sai lầm của cá nhân những người hoạt động chính trị và cầm quyền. Điều đó cốt để chứng minh rằng những kết quả quan trọng nhất về chính trị - xã hội của Thế chiến thứ hai như thắng lợi có ý nghĩa lịch sử thế giới của một nhà nước xã hội chủ nghĩa đã đánh bại khối phát-xít và bước đi thành công của chủ nghĩa xã hội trên thế giới sau chiến tranh, chỉ là ngẫu nhiên chứ không phải là tất yếu theo quy luật.

Đặc điểm chung của hàng loạt tác phẩm do các nhà sử học phương Tây viết về chiến tranh là xuyên tạc vai trò thực tế và công hiến quyết định của Liên Xô trong việc khôi đồng minh chống Hít-le đánh thắng nước Đức phát-xít và các nước chư hầu. Họ làm điều đó bằng mọi cách trực tiếp và gián tiếp. Một trong những phương pháp phổ biến nhất là im lặng. Vì rằng khó có thể công khai phủ nhận Liên Xô là lực lượng chủ yếu đã đánh bại chủ nghĩa phát-xít và Quân đội Xô-viết đã giúp đỡ hết sức cao cả cho nhân dân các nước bị chiếm đóng ở châu Âu. Song nếu càng ít nói đến cuộc đấu tranh của Liên Xô và trong khi đó, lại tìm mọi cách thổi phồng tầm quan trọng của các hoạt động quân sự của các lực lượng vũ trang Mỹ và Anh thì những kẻ xuyên tạc lịch sử sẽ đạt được mục đích, và thế hệ thanh niên ngày nay sẽ không phân biệt nổi thực hư.

Về mặt này, chúng ta có thể nhìn thấy rất rõ trong việc kỷ niệm lần thứ 25 cuộc đổ bộ của quân đội Mỹ - Anh vào Noóc-măng-đi và ngày mở mặt trận thứ hai chống nước Đức Hít-le (cái gọi là chiến dịch “Ô-véc-lo”). Nhân dịp đó, người ta đã tổ chức những ngày hội lớn ở Hoa Kỳ, ở Anh và đương nhiên là ở những nước Tây Âu nào mà ngày 6-6-1944 được xem là ngày giải phóng khỏi ách chiếm đóng trong 4 năm của phát xít Đức. Kỷ niệm là một cơ để cho báo chí, đài phát thanh và vô tuyến truyền hình tuyên truyền khoe khoang thành tích của quân đồng minh và đề

cao cuộc đổ bộ qua biển La Măng-sơ, coi như đó là một bước ngoặt trong quá trình Thế chiến thứ hai và là tiền đề chính của sự tiêu diệt nước Đức quốc xã.

Thực ra, cuộc đổ bộ vào Noóc-măng-đi và các cuộc tiến công sau đó của quân đội Anh - Mỹ vào Pháp và Bỉ cũng là chiến dịch có ý nghĩa lớn về chính trị và chiến lược. Nhân dân của tất cả các nước trong khối liên minh chống Hít-le đã phấn khởi chào mừng thành tích của các nước đồng minh. Nhân dân Liên Xô đã ba năm chịu đựng một mình gánh nặng chiến tranh chống Đức và chư hầu của nó, cũng đã vui mừng chào đón tin mở mặt trận thứ hai mà họ chờ đợi từ lâu. Tôi cũng còn nhớ phản ứng riêng của tôi khi được tin cuộc đổ bộ đó bắt đầu, tin đó đã gây nên trong cơ quan Bộ Tổng tư lệnh tối cao Liên Xô một cảm giác hài lòng. Nhưng, trong khi thừa nhận ý nghĩa tích cực của chiến dịch “Ô-véc-lo” và nói lên công lao của quân đội Mỹ - Anh quả cảm, chúng ta không thể nào tán thành việc đánh giá quá cao vai trò của chiến dịch này và ảnh hưởng của nó đối với diễn biến sau này cũng như đối với sự kết thúc của Thế chiến thứ hai được. Vấn đề mặt trận thứ hai là một trong những vấn đề trung tâm của chiến lược thống nhất giữa các nước đồng minh ngay sau khi nước Đức phát-xít tiến công vào Liên Xô, là một trong những vấn đề trung tâm của việc thành lập một khối liên minh chống Hít-le, đứng đầu là Liên Xô, Anh và Hoa Kỳ.

Thái độ của các giới cầm quyền các cường quốc phương Tây trong vấn đề này nói lên ước mơ của họ muốn trút tất cả gánh nặng chiến tranh sang cho Liên Xô, và đồng thời không để cho Hồng quân giải phóng các dân tộc châu Âu.

Cuộc đổ bộ lên Noóc-măng-đi đã được thực hiện 11 tháng trước lúc kết thúc chiến tranh, trong lúc mà sự kết thúc của nó đã được quyết định một cách dứt khoát rồi, nhờ có những thắng lợi của các lực lượng vũ trang Liên Xô. Chiến dịch “Ô-véc-lo” đã được bắt đầu trong những điều kiện vô cùng thuận lợi cho các nước đồng minh phương Tây. So với đối phương, họ đã có ưu thế tuyệt đối về quân số và cơ sở vật chất[1]. Ở các nước Tây Âu bị chiếm đóng, có phong trào kháng chiến mạnh mẽ, đại đa số nhân dân đang nóng lòng chờ mong được giải phóng khỏi ách phát-xít. Đặc biệt ở Pháp, Đảng Cộng sản đã lãnh đạo nhân dân chuẩn bị cho một cuộc khởi nghĩa toàn dân.

Tất cả những cái đó đã khiến cho việc thực hiện kế hoạch “Ô-véc-lo” được dễ dàng nhiều. Nhưng điều kiện cần thiết chính cho thắng lợi của chiến dịch này là ở chỗ bộ tư lệnh phát-xít Đức đã mất khả năng tăng thêm lực lượng cho chiến trường Tây Âu.

Nước Đức đã bị suy yếu vì những tổn thất nặng nề trong các trận đánh ở mặt trận phía đông. Mùa hè và mùa thu năm 1944 cả chiến trường Xô - Đức rộng lớn đang chuyển động, quân địch bị hết thất bại này đến thất bại khác và không thể rút ở đây đi một

sư đoàn nào, trong khi đó thì quân đồng minh, sau khi đã tích lũy được một lực lượng đáng kể ở bàn đạp Noóc-măng-đi, đã chuyển sang tiến công vào những ngày cuối tháng 7 và đến cuối tháng 8, đã tiến đến Pa-ri một cách dễ dàng. Ngay cả đến Séc-sin, một người chống cộng sản điên cuồng và hết sức thù ghét Liên Xô, cũng đã phải tuyên bố ở hạ nghị viện Anh ngày 28-9-1944 rằng “chính quân đội Nga đã rút ruột bộ máy chiến tranh của Đức và hiện nay đang kìm lại trên chiến trường của họ một bộ phận lực lượng địch rất lớn”.

Nói như vậy, chúng ta không hề làm giảm giá trị các hoạt động quân sự của đồng minh trong chiến dịch “Ô-véc-lo” và trong cuộc tiến công sau này của họ vào Pháp, Bỉ và Hà Lan, nhưng cũng không nên quên rằng mặt trận thứ hai ở Tây Âu đã mở quá muộn, ít ra là đã muộn đến hai năm, khi nước Đức phát-xít không những đã kiệt quệ, mà đã bị đẩy đến bên miệng hố tiêu diệt vì những cuộc chiến đấu anh dũng của Quân đội Xô-viết và những nỗ lực của toàn dân Liên Xô.

Sở dĩ tôi nói tỉ mỉ nhiều đến những nhân tố này là vì sử sách và bộ máy tuyên truyền phương Tây muốn lừa đi. Điển hình nhất của việc phốt lờ này là cuốn sách “Một ngày dài nhất” của nhà báo Mỹ Coóc-nê-li-u-xơ Rai-an, một cuốn sách khá om sòm ở phương Tây; nó đã được phổ biến rộng rãi và càng rộng rãi hơn qua một kịch bản cùng tên của cùng một tác giả.

Sách đã có kê cứu tài liệu và mô tả đúng những sự kiện riêng lẻ của cuộc đổ bộ của quân đồng minh vào Noóc-măng-di ngày 6-6-1944 - Cái ngày chiến tranh “dài nhất” đối với quân đội Anh - Mỹ. Còn về phần đánh giá tình hình chung trong lúc diễn ra cuộc đổ bộ thì Rai-an đã xuyên tạc sự thật lịch sử. Gọi năm 1944 là “năm quyết định của Thế chiến thứ hai”, trong suốt cả cuốn sách khá dày của mình, trong khi nhận định tình hình hồi đầu tháng 6 tác giả chỉ có một lần tranh thủ nhắc qua đến mặt trận Xô - Đức bằng những câu như sau:

“Đế chế thứ ba của Hít-le đang đi từ chỗ tan rã đến sụp đổ; ngày đêm hàng nghìn máy bay đồng minh đến ném bom nước Đức, quân Nga kéo vào Ba Lan, quân đồng minh đã đứng ở cửa ngõ Rôm - ở trên tất cả các chiến trường, mới đây quân phát-xít Đức còn mạnh như thế mà bây giờ bị tổn thất to lớn, đang rút lui”.

Câu này nhằm một mục tiêu rất xa. Thứ nhất là nó gọi lên cho độc giả ý nghĩ rằng việc làm cho quân Đức suy yếu và thất bại là do ba lực lượng đóng vai trò ngang nhau: các cuộc ném bom của quân đồng minh, cuộc tiến công của “các lực lượng Nga” và hoạt động của quân đội Anh - Mỹ ở Ý; kết quả là quân Đức rút lui “trên tất cả các chiến trường” (chiến trường nào!?), vì bị “tổn thất to lớn” (ở đâu?).

Thứ hai là cái ca khúc như vậy của cuốn sách dùng để làm cơ sở cho chủ đề tư tưởng của tác giả là đề cao vai trò quyết định của

cuộc đổ bộ của quân đồng minh vào Noóc-măng-đi đối với việc kết thúc chiến tranh. Ý này, tên thống chế phát-xít Rô-men cũng đã phát biểu lên trong những lời của y được trích dẫn trong bài tựa và chương cuối của cuốn sách, đoạn này mô tả cảnh buổi tối ngày 6-6 ở cơ quan tham mưu của Rô-men tại một làng Pháp bị Đức chiếm, làng Rô-sơ Hi-ông, tác giả dụng ý nêu lên: “Rồi đây làng này... sẽ được giải phóng và toàn châu Âu cũng cùng được giải phóng với nó”.

Thế là quân đội Mỹ - Anh sẽ phải giải phóng “toàn châu Âu”.

Liên Xô, như ta thấy, ở đây chẳng có tích sự gì cả. Sao vậy? Đây là do tác giả chưa nghĩ đến nơi hay là cố tình xuyên tạc lịch sử? Chắc chắn hơn cả là điều thứ hai[2].

Khi đọc sách báo nói đến những cuộc chiến đấu trên các chiến trường không phải chiến trường Xô - Đức, người đọc không thể thấy được rằng, vai trò của Liên Xô đã bị phớt lờ và công hiến của Liên Xô vào thắng lợi đã bị hạ thấp, mà có thể còn tưởng rằng đó là sự thật. Các nhà sử học phương Tây chỉ mô tả những chiến dịch của mình lại còn “thiên về” phía mình nữa? Nhưng tệ hơn cả là họ viết và giải thích về quá trình cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại của Liên Xô nói chung hoặc về những biến cố riêng biệt của cuộc chiến tranh đó.

Khi đọc về những trận đánh lớn nhỏ trong Chiến tranh giữ nước vĩ đại do tác giả phương Tây viết, điều trước tiên đập vào mắt

người ta là sự lặp lại thiếu phê phán “những sự thật không thể chối cãi” được nêu ra hồi đầu và giữa những năm 50 trong các hồi ký của các viên tướng phát-xít về hưu và những nhà ngoại giao đã phá sản.

Tất nhiên, cơ sở bằng sự kiện của việc nghiên cứu các trận đánh này nọ trong thời gian đó nay căn bản đã thay đổi, bây giờ các nhà sử học phương Tây được sử dụng số liệu nhiều hơn trước, và có thêm những tài liệu mới, v.v... Nhưng phương pháp phân tích của họ thì vẫn như xưa.

Thí dụ, chúng ta xét vấn đề bàn về giai đoạn đầu của cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại.

Những sự kiện năm 1941, trong đa số trường hợp, được các nhà sử học phương Tây đặc trưng như cuộc tiến công thắng lợi của quân đội Hít-le; còn các hoạt động của Quân đội Liên Xô thì được mô tả như là một chuỗi thất bại liên tiếp, và Bộ tư lệnh của chúng ta thì bị gán cho là bối rối và nhu nhược. Hơn nữa, họ không chú ý gì đến việc Quân đội Liên Xô trong những tuần đầu và tháng đầu của cuộc chiến tranh không phải chỉ thất bại, mà còn đã đặt được nền móng cho thắng lợi sau này; họ không nói gì đến việc các chiến sĩ Xô-viết ngay từ những giờ đầu của chiến tranh, để chống lại quân đội phát-xít Đức, đã tiến hành một cuộc kháng cự quyết liệt mà trước đó chúng chưa bao giờ gặp phải, và cuộc kháng cự đó, chẳng bao lâu sau, đã phá tan được những kế

hoạch của chúng.

Đối với những người thuộc thế hệ của tôi và đối với lịch sử, không cần thiết phải tô vẽ hoặc giấu giếm những khó khăn mà nhân dân Liên Xô phải gánh vác trong những năm 1941-1942. Song, những đòn đột kích mà trong những năm đó không nước nào chịu nổi, thì Hồng quân đã đỡ lấy, và sau đó, khi đất nước ta đã động viên được những nguồn dự trữ vật chất và lực lượng của mình thì kẻ thù liền bắt đầu ném mùi thất bại này đến thất bại khác.

Nếu như những bức tranh phiên diện mà ngày nay kẻ thù tự tưởng của chúng ta ra sức bôi rêu đó là có thật thì xin hỏi: tại sao ngay từ những tuần đầu của chiến tranh, tổng tham mưu trưởng lục quân Đức Gan-đê đã phải ghi vào nhật ký của y rằng, người Nga “chiến đấu đến người cuối cùng”, “họ chết trong các lô-cốt chứ không đầu hàng”, v.v...? Vậy tại sao ngày 20-7, Gan-đê lại than phiền là quân Đức “liên tiếp gặp các trận đánh đẫm máu” đã quá mệt mỏi, và “các cấp lãnh đạo đã sa sút tinh thần”, tại sao cuối tháng 7, y lại nhận định “tình hình tại một số khu vực trở nên hết sức gay go”? Và tại sao đầu tháng 8-1941, bộ tư lệnh lục quân địch lại đi tới kết luận về sự tan vỡ nói chung của kế hoạch giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh chống Liên Xô?

Sự thật là ở chỗ, các chiến sĩ Xô-viết đã quên mình, anh dũng bảo vệ từng tấc đất quê hương. Như mọi người rõ, ngay từ năm

1941 quân đội phát xít đã bị thất bại nặng nề ở Xmô-len-xcơ, trên hướng Ki-ép, và tháng Chạp năm 1941 chúng đã bị đánh tan ở gần Mát-xcơ-va, mà hậu quả của nó là kế hoạch chiến tranh chống Liên Xô của Hít-le bị vỡ. Còn Bộ tư lệnh tối cao Liên Xô thì không bao giờ rơi vào tình trạng bối rối, nhu nhược, trái lại đã vững vàng lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân Liên Xô.

Nếu như câu chuyện thần thoại về “sự bối rối” của Bộ tư lệnh Xô-viết là đúng thì hãy hỏi: ngay từ những tuần đầu của cuộc chiến tranh, ai đã tổ chức và lãnh đạo tiến hành một việc chưa từng có trong lịch sử là thành lập những lực lượng dự bị rất đông đảo, điều động nó ra mặt trận và triển khai nó thành nhân tố quyết định thắng lợi của chiến tranh và làm cho kế hoạch “Bác-ba-rô-xa” của Hít-le bị phá sản trước mùa đông năm 1941? Bộ tổng tham mưu Đức, trong khi vạch kế hoạch gây chiến chống Liên Xô, đã trù tính rằng, Bộ Tư lệnh Xô-viết có thể lấy thêm trong vòng nửa năm nhiều nhất là 59 binh đoàn. Nhưng thực tế thì chỉ riêng trong vòng một tháng - một tháng rưỡi mùa hè năm 1941, Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao đã điều ra mặt trận hơn 324 sư đoàn, trong đó có 74 sư đoàn được phái sang hướng Tây. Nếu không phải Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô thì ai đã tổ chức được cuộc sơ tán chưa từng có trong lịch sử cho hơn 1.500 xí nghiệp công nghiệp miền Đông. Rõ ràng là tất cả những điều đó đã có thể làm được và đó chính

là kết quả của một công tác tổ chức khổng lồ, ráo riết mà Đảng Cộng sản, Hội đồng quốc phòng, Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao và các cơ quan của chính quyền Xô-viết đã tiến hành. Công tác tổ chức đó đã dựa vào tinh thần yêu nước của quần chúng, sự trung thành quên mình của nhân dân đối với Tổ quốc và những lý tưởng của Đảng. Không có nhân tố cơ bản và quan trọng nhất ấy thì chẳng những không thể chiến thắng được kẻ thù, mà cũng không thể tiến hành được cuộc đấu tranh chống nạn xâm lược phát-xít đó.

Tinh thần anh dũng, lòng kiên trì và nhiệt tình của nhân dân Liên Xô, nghệ thuật cao của các lực lượng vũ trang Liên Xô hiển nhiên đến nỗi kẻ ghét chủ nghĩa xã hội điên cuồng nhất cũng khó có thể phủ nhận được. Song, trong khi thừa nhận cuộc đấu tranh anh dũng đó, những kẻ xuyên tạc lịch sử lại mô tả nó thế nào để gieo rắc cho người đọc mỗi nghi ngờ đối với nguồn sức mạnh và tinh thần dũng cảm của nhân dân Liên Xô, đối với những lý tưởng mà họ chiến đấu.

Năm 1969 ở Anh xuất bản cuốn sách dày cộm của Ha-ri-xơn Xôn-xbi-ri “Phong tỏa Lê-nin-grát”[3].

Sách có những dấu hiệu bề ngoài có vẻ khoa học lắm: các sự kiện và các con số đều có chỉ dẫn xuất xứ, chỉ riêng một mình bản mục lục tham khảo đã chiếm hết 14 trang in chữ nhỏ. Đáng chú ý là trong số gần 500 đề mục các tài liệu tham khảo có đến

230 cuốn sách của các tác giả Liên Xô (bằng tiếng Nga), và ngoài ra, còn có 192 bài trong các tạp chí của chúng ta.

Nhưng, đọc kỹ cuốn sách của Xôn-xbê-ri thì thấy nó là một điển hình rõ rệt về sự thiếu khách quan và đầy rẫy định kiến. Khuynh hướng chống Liên Xô biểu lộ rõ ràng rành rành.

Tác giả đã lựa chọn tỉ mỉ và rất tự nguyện mô tả lại những sự kiện và những cảnh đen tối, gian khổ và tiêu cực nhất. Làm như thế, họ đã gây cho người đọc ấn tượng là nhân dân và các chiến sĩ Lê-nin-grát đã hy sinh một cách không cần thiết và vô nghĩa; sách không nói gì đến thắng lợi và ý nghĩa của 900 ngày phòng ngự anh dũng ở thành phố Lê-nin; không đề cập gì đến tác dụng của nó đối với toàn bộ quá trình của cuộc chiến tranh.

Những sự kiện mà ai cũng biết, do ông ta nhờ các báo chí Xô-viết mà có, thì ngài Xôn-xbê-ri đã đem tặng các độc giả phương Tây như là quà của người phát hiện đầu tiên. Do đó, người chưa biết chẳng hạn, có thể nghĩ rằng cuốn sách này đã công bố trước tiên cho mọi người biết về những nỗi đau khổ mà cuộc phong tỏa đã gây ra cho nhân dân, về số người chết, v.v...

Dùng lối nói cạnh nói khoe nửa vời, Xôn-xbê-ri cố gợi ý cho độc giả rằng, hình như các nhà lãnh đạo Xô-viết không chú ý đúng mức đến việc bảo vệ Lê-nin-grát, thậm chí, còn sẵn sàng đem dâng thành phố cho địch.

Trong sách không hề lên án những tội ác của bọn Hít-le hùng

triệt hạ Lê-mn-grát đến tận gốc, bắn giết tất cả nhân dân thành phố; nguyên nhân của những tổn thất to lớn của nhân dân, ông Xôn-xbê-ri không nhìn thấy ở tội ác man rợ của bọn phát-xít, mà lại là ở những sai lầm và thiếu sót của các nhà lãnh đạo Xô-viết. Tác giả cũng không bỏ qua việc tôi tham gia và có trách nhiệm trong việc phòng thủ Lê-nin-grát bằng cách đưa ra những chuyện “giật gân” và một loạt những câu chuyện đơm đặt.

Điều đáng chú ý là báo chí tư sản Anh đã chào đón sự ra mắt cuốn sách của H. Xôn-xbê-ri bằng một dàn đồng ca gồm những bài bình luận tán dương. Cứ so sánh ý kiến của các nhà bình luận cũng thấy được rất dễ là họ cố ý tìm mọi cách làm cho người ta nghi ngờ những công trình nghiên cứu lịch sử của Liên Xô về thiên anh hùng ca Lê-nin-grát.

Ví dụ, nhà bình luận nổi tiếng của “Tạp chí người quan sát”, Ét-uốt Cren-soi cho rằng, “thật không thể giải thích được là chúng ta phải chờ đợi gần 20 năm mới thấy một ý định nghiêm túc nói lên một cách thành thật về những nỗi đau khổ và lòng kiên cường của con người” trong thành phố Lê-nin-grát bị phong tỏa, tưởng đâu như ông ta không biết rằng cuộc phòng thủ thành phố Lê-nin đã từ lâu được mô tả tỉ mỉ trong sách báo Liên Xô, cả trong sách báo về lịch sử chiến tranh cũng như các sách báo văn nghệ. Điệp khúc của ông Cren-soi lại được V.Min-lơ trong “Người bảo vệ” và B. Bôn-đơ trong “Li-xơ” ca lại; trong khi

nói tới số lượng khổng lồ những người chết, họ vờ vịt tỏ ra lấy làm tiếc rằng, trước khi cuốn sách của H. Xôn-xbê-ri xuất bản, con số thực tế về những người hy sinh hình như vẫn bị bưng bít. V. Min-lơ viết rằng: “trong 880 ngày phong tỏa Lê-nin-grát, người chết nhiều hơn đến 10 lần so với ở Hi-rô-si-ma”, nhưng ông lại bổ sung thêm rằng “nếu thế giới phương tây không biết được con số này, thì ban lãnh đạo Xô-viết phải tự trách mình, vì họ chỉ nhấn mạnh nhiều đến chủ nghĩa anh hùng (!?) và bỏ qua mất những khía cạnh khác”. B. Bôn-đơ khẳng định rằng hình như “ban lãnh đạo Xô-viết cố tình giảm bớt số tử vong vì đói, giới hạn nó bằng con số 632.253”, và “các văn nghệ sĩ nào nói lên sự thật về cuộc phong tỏa đều bị theo dõi”.

Khó mà nói được rằng đây là thông minh hay ngu xuẩn nhiều hơn. Sau chiến tranh, lên thống kê số người chết trong cuộc phong tỏa là chuyện dễ như trở bàn tay. Trong mùa đông khủng khiếp 1941-1942, trong thời kỳ bị bao vây thì ai mà không đếm được bao nhiêu người chết? Theo một thông báo chính thức thì con số người chết là 632.000 người. Nhưng về sau các sử gia Xô-viết đã xác định lại con số này và đã công bố lên một ấn phẩm mới nhất của Liên Xô - tập 5 “Phác thảo lịch sử Lê-nin-grát”. Và đây, trong tác phẩm có giá trị ấy viết: “vì các vụ bắn phá của không quân và pháo binh, 16.747 người Lê-nin-grát đã bị chết và 33.782 người bị thương...Trên 800.000 người Lê-nin-

grát đã bị chết vì đói và thiếu thốn - đó là kết quả của cuộc phong tỏa của địch”.

Vậy ông Xôn-xbê-ri đã “phát hiện” được cái gì, ai cần giấu giếm làm gì con số người chết vì tội ác của bọn phát-xít Đức? Rõ ràng những điều luận lý của Xôn-xbê-ri về con số xuyên tạc và con số thật của các tổn thất ở Lê-nin-grát thật không đáng giá một đồng xu nhỏ?

Vậy thì vì sao ông Xôn-xbê-ri và những nhà bình luận cuốn sách của ông lại không chú ý đến những con số đã công bố ấy? Họ không phủ nhận chủ nghĩa anh hùng của nhân dân Lê-nin-grát, thậm chí còn nhỏ những giọt nước mắt cá sấu trước sự hy sinh và tàn phá mà nhân dân Lê-nin-grát đã phải chịu đựng. Nhưng tất cả những cái đó chỉ cốt để bôi đen chính sách của Liên Xô và nghệ thuật quân sự của các lực lượng vũ trang ta.

Ông Cren-soi, mà tôi đã dẫn ở trên, tuyên bố rằng, cuộc phong tỏa Lê-nin-grát và những đau khổ của nhân dân là kết quả của một hỗn hợp của sự thờ ơ đầy tội lỗi và cuộc đấu tranh chính trị ác liệt. Nếu tin vào lời của các ông ấy thì người ta có thể đi đến kết luận là Hít-le và quân đội phát-xít hoàn toàn không có tội gì trong tấn thảm kịch Lê-nin-grát.

Nên chú ý là bên cạnh những bài bình luận om sòm của Chen-soi, Min-lơ, Bôn-đơ và những bài tương tự như vậy trên các báo Hoa Kỳ và Anh, đã xuất hiện những lời phê phán nghiêm túc và

khách quan hơn về cuốn sách của Xôn-xbê-ri. Ví dụ như nhà sử học Anh E. Đri P. Tay-lo và nhà văn Anh nổi tiếng Tr.P. Xnôi đã nêu ra một nhận xét không tán thành cuốn sách đó. Cả hai ông đều nhấn mạnh rằng, Xôn-xbê-ri quá chú ý tới những “sai lầm” về phía Liên Xô đến nỗi ông ta để cho những tội ác của phát-xít Đức đối với dân chúng Lê-nin-grát hoàn toàn lọt qua con mắt ông ta. Thật chẳng khó khăn gì mà không thấy được khuynh hướng bài Liên Xô trong sách của Xôn-xbê-ri. Một tạp chí mác-xít ở Anh, “Nguyệt san công nhân” in bài bình luận của thiếu tướng E.A. Bôn-tin về cuốn sách này, quả là đã đưa ra một sự phản đối đích đáng.

Các tác giả của những cuốn sách tương tự như vậy đã không đủ sức làm thay đổi những sự kiện lịch sử đã rõ như ban ngày. Sự vĩ đại của chiến công Lê-nin-grát đã như một chiếc gương phản ánh tính ưu việt của đạo đức Xô-viết, tinh thần anh dũng và kiên cường của người Xô-viết, lòng trung thành của họ đối với những lý tưởng xã hội chủ nghĩa, tính hơn hăn của nghệ thuật quân sự Xô-viết so với nghệ thuật của quân phát-xít Hít-le. Không thừa nhận định lý đó thì không thể nào hiểu nổi, cũng không thể nào giải thích nổi quá trình và kết quả của cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại của Liên xô nói chung và những trận đánh riêng lẻ của nó nói riêng, chẳng hạn như cuộc chiến đấu bảo vệ Lê-nin-grát. Gần đây, nhà xuất bản Mỹ “Hác-pơ và Roi” đã xuất bản một

cuốn sách có cái tên thật kêu “Những trận đánh lớn nhất của nguyên soái Giu-cốp”. Đó không phải là bản dịch ra tiếng Anh cuốn “Nhớ lại và suy nghĩ”, mà là một tuyển tập gồm những bài báo của tôi (hay đúng hơn là những đoạn trích trong cuốn sách chuẩn bị in) trước đây đăng trên “Tập san lịch sử chiến tranh”. Bản thân việc phát hành những bài báo nói về bốn trận đánh lớn trong cuộc chiến tranh vừa qua - ở Mát-xcơ-va, Xta-lin-grát, Cuốc-xơ và Béc-lanh - không thể không làm cho tôi phải phản đối, ít ra là trong hai trường hợp. Trường hợp thứ nhất: những đoạn trích không cho độc giả hình dung được toàn bộ cuộc chiến tranh, vì rằng trong các đoạn trích đó thiếu nhiều vấn đề thực sự quan trọng. Trường hợp thứ hai, và cũng là điều chủ yếu là chính người biên tập, ngài Xôn-xbê-ri, khi đề tựa và chú giải, do dốt nát về quân sự và thiếu lương tâm khoa học, đã trắng trợn phản lại những ý kiến của tôi, phản lại lời văn và thực chất chủ yếu trong các bài báo của tôi. Cuối cùng, hóa ra không phải là “sách của nguyên soái Giu-cốp” như nó được quảng cáo ngoài bìa, mà là một cái gì phản lại nó, hòng gieo rắc vào tâm hồn người đọc ở Mỹ một ấn tượng xuyên tạc, giả dối về lập trường của tác giả cuốn “Nhớ lại và suy nghĩ”

Có lẽ không cần phải phân tích và phê phán tất cả những điều bịa đặt ra trong lời tựa và chú giải của cuốn sách. Tác giả của lời tựa và chú giải này không những không biết gì về các sự kiện được

trình bày trong sách, ông ta chỉ nói quàng nói xiên về các biến cố mà, xin mạn phép nói, quan niệm cổ hủ của ông về động lực chiến tranh mới ở trình độ tư duy của các nhà sử học tồi của thế kỷ trước. Ông định giải thích cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại như là một quá trình lịch sử đơn giản, không phát triển trong sự tác động tương quan giữa những nhân tố kinh tế, chính trị, quân sự, mà là kết quả của ý muốn và hành động của một vài cá nhân có những thói quen độc tài. Đó là lập trường điển hình của người giải thích lịch sử bằng phương pháp duy tâm. Trong trường hợp đó, tôi đã được cái vinh dự hão làm đối tượng cho ngòi bút khôn ngoan của ngài Xôn-xbê-ri và với một sự dễ dàng khác thường, ông đã xô cho Giu-cốp va chạm với Xta-lin, với các nguyên soái Liên Xô khác, với những cấp dưới, v.v... chỉ cốt làm sao chứng minh được cái quan điểm về vai trò quyết định của “cá nhân có quyền thế”.

Tất cả những cái đó thật là ngây ngô đến buồn cười. Tôi còn có thể giải thích những chuyện xuyên tạc buồn cười đó của tác giả các bài bình luận bằng những quyền lợi con buôn của y, khi y nói đến những điều lặt vặt ít quan trọng khác. Nhưng làm trò hề trên một sự kiện lịch sử có liên quan đến chủ nghĩa anh hùng, đến hy sinh tang tóc và chiến công của một dân tộc thì thật là đê tiện và nhỏ nhen. Vì thế tôi cũng chẳng chấp nề gì những cái gọi là bình luận về cuốn “Những trận đánh lớn nhất” mà chỉ tiếc

rằng độc giả phương Tây phải đọc những bài báo của tôi trong những cái khung xấu xa như vậy.

Nhận thức của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và nhận thức duy tâm về quá trình lịch sử là cái thước đo để phân chia ranh giới giữa các nhà sử học Xô-viết một bên và tư sản một bên trong khi nghiên cứu lịch sử cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại của Liên Xô. Điều đó thể hiện trong khi giải thích những vấn đề chung về chiến tranh như nguyên nhân, đặc tính và quy luật của nó, lại cả trong khi viết về những chiến dịch riêng biệt. Tôi muốn bàn về vấn đề đó qua thí dụ về cuộc chiến đấu lớn gần Mát-xcơ-va trong những năm 1941 - 1942.

Trận đánh gần Mát-xcơ-va thu hút sự chú ý rất lớn của tất cả những người ở phương Tây nghiên cứu về lịch sử Thế chiến thứ hai. Vì rằng chiến thắng của Hồng quân ở sát thủ đô là bước ngoặt quan trọng nhất của các sự kiện chiến tranh có lợi cho Liên Xô và có ảnh hưởng hàng đầu tới toàn bộ quá trình cuộc Thế chiến. Đó là những bằng chứng mà tất cả mọi người đều rõ và ở đây không cần tới những chứng minh đặc biệt. Ngày nay, rất nhiều tài liệu, hồi ký của những người tham gia các trận đánh gần Mát-xcơ-va và nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã cho phép dư luận thế giới nhận rõ đầy đủ về vai trò nổi bật của chiến dịch gần Mát-xcơ-va trong việc đánh bại chủ nghĩa phát-xít. Song, chính vì tôi là một trong những người đã tham gia trận

đánh lũng danh gần Mát-xcơ-va, điều đó hình như mọi người đã rõ, cho nên tôi cảm thấy phần nộ về sự xuyên tạc thô bạo các khía cạnh quan trọng nhất của nó, sự xuyên tạc mà những nhà tư tưởng thù địch của chúng ta vẫn tiếp tục tiến hành không đếm xỉa gì đến thực tế. Họ đang cố tìm cách giải thích kế hoạch chiếm Mát-xcơ-va của Hít-le bị tan vỡ không phải vì các chiến sĩ Xô-viết có tinh thần anh dũng và các cán bộ chỉ huy của họ tài giỏi và quả cảm, mà vì thời tiết xấu, đường sá đi lại khó khăn và băng giá.

Vậy thử hỏi, “lý thuyết” đó bắt nguồn từ đâu? Té ra “thủy tổ” của nó là... Hít-le và Gơ-ben.

Sau khi Quân đội Liên Xô bắt đầu phản công được ít lâu, ngày 11-12-1941, Hít-le đã nói ở nghị viện Đức rằng:

“Hành quân trên những đường dài vô tận, dưới nắng gắt, bị khát giày vò và luôn luôn phải dừng lại đến tuyệt vọng vì đường xấu không thể qua được giữa khoảng từ Bạch Hải đến Hắc Hải, vì mưa và thời tiết xấu, tháng 7, tháng 8 thì nóng bức, tháng 12, tháng 1 thì bão tuyết, khổ sở vì bùn lầy, tê cóng vì băng tuyết họ chiến đấu như vậy đây... binh lính ở mặt trận phía đông”.

Dĩ nhiên thật là hài hước: chờ đợi ở Hít-le bấy nhiêu lời đánh giá tình hình khách quan đã xảy ra? Tên đầu sỏ đảng phát-xít lâm vào tình trạng khó khăn đã phải tìm mọi cách tự biện bạch cho được, và hắn đã đổ tất cả mọi lỗi cho khí hậu và thời tiết. Cũng

rất dễ hiểu nữa là chuyện bộ máy tuyên truyền của Gơ-ben liền bám ngay lấy những lời giải thích đó và nặn ra luận điệu chính thức của bọn phát xít về nguyên nhân thất bại của quân đội phát xít Đức gần Mát-xcơ-va.

Ít lâu sau khi chiến tranh kết thúc, các tướng của Hít-le bắt đầu ra sức phổ biến câu chuyện thần thoại về “tướng Băng giá và “tướng Lầy lội”. Thí dụ, giữa những năm 50, tên tướng quốc xã cũ Bliu-men-tơ-rít viết về “giai đoạn lầy lội” và “đường sá bế tắc”, đã nói là những thứ đó đã “bám riết chúng ta như bệnh dịch hạch”. Những năm 60, luận điệu đó bò lan khắp cả, hoặc bám vào hầu khắp các sách báo tư sản viết về lịch sử. Nhiều tranh ảnh “những con đường không thể vượt qua” gần Mát-xcơ-va được in trong các báo ảnh.

Và cho đến nay vẫn như vậy. Trong một tác phẩm gần đây nhất về Thế chiến thứ hai, in ở Anh do nhà viết sử đáng kính Li-den Hác-tơ biên soạn, chương nói về trận đánh gần Mát-xcơ-va có một mục chính tên là “chúng ta đã bị thời tiết chặn lại, chứ không phải người Nga”. Luận điểm đó được các tác giả khác phát triển, củng cố thêm bằng những đoạn trích hồi ký của bọn tướng Đức và cố nhiên là có những tranh ảnh được lựa chọn cẩn thận đập ngay vào mắt người đọc.

Hóa ra các nhà viết sử tư sản đi tìm các tài liệu để dẫn chứng cho quan điểm của mình về trận đánh gần Mát-xcơ-va ở... trong luận

điều tuyên truyền của bọn phát-xít Hít-le, và trong khi đó, họ không có ý định nhích ra một bước nào để thoát khỏi quan điểm lừa dối của bọn phát-xít.

Nguyên tắc cơ bản của mọi công trình nghiên cứu lịch sử và lương tâm thông thường của một người viết sử đòi hỏi phải tìm hiểu cho có thiện chí những tài liệu và kết luận của khoa học lịch sử không phải của một bên, mà bắt buộc phải của cả hai bên tham chiến. Các học giả Liên Xô, trong mấy chục năm vừa qua đã biên soạn được hàng loạt tác phẩm, trong đó họ đã thuật lại lịch sử của trận đánh gần Mát-xcơ-va, một cách khách quan, khoa học, có tài liệu làm căn cứ.

Rõ ràng là giọng lưỡi tuyên truyền của Hít-le ngày nay vẫn còn làm cho một số người viết sử phương Tây ưa thích, vì rằng đến bây giờ mà, thậm chí, họ vẫn không kinh tởm cái thứ rác rưởi ý thức hệ đó họ còn đào bới những hố rác đó để tìm kiếm những chuyện dối trá, bài Liên Xô!

Tôi không muốn tranh luận với các ngài xuyên tạc về những vấn đề quá rõ ràng của trận đánh gần Mát-xcơ-va đâu. Song tất cả những luận điệu hèn hạ ấy vẫn tiếp tục lải nhải trên báo chí phương Tây khiến cho tôi, một cựu tư lệnh Phương diện quân miền Tây trong trận đánh gần Mát-xcơ-va, phải nhắc lại một số sự kiện của những ngày ấy.

Không, không phải lấy lợi và băng giá đã chặn quân đội Hít-le

lại sau khi chúng thọc thủng phòng tuyến gần Vi-a-dơ-ma, tiến tới sát thủ đô. Không phải là thời tiết, mà là con người, những người Xô-viết! Đó là những ngày đặc biệt không bao giờ quên được, những ngày mà hoài bão duy nhất là bảo vệ Tổ quốc và lòng yêu nước vĩ đại của toàn thể nhân dân Liên Xô đã thôi thúc mọi người xông lên lập chiến công. Khi đó, mỗi người hiểu rằng tương lai của đất nước, quá trình diễn biến của chiến tranh và lịch sử đang tùy thuộc ở mình, và họ đã sẵn sàng hiến dâng cả cuộc đời để giành cho được những lý tưởng đã từng cổ vũ nhân dân ta đứng lên tiêu diệt những kẻ âm mưu giày xéo lên các lý tưởng đó. Chúng tôi, những người được Đảng tin nhiệm giao công tác chỉ huy quân đội phòng thủ Mát-xcơ-va đã biết rằng nhân dân Liên Xô không để thủ đô rơi vào tay giặc và chúng sẽ bắt đầu bị tiêu diệt khi chúng chạm tới thủ đô.

Chính vì vậy mà trong khi trận phòng ngự diễn ra ác liệt nhất, tôi đã có thể trả lời một cách tin tưởng câu I.V. Xta-lin hỏi về khả năng giữ thủ đô, tôi nói: chúng ta sẽ không để mất Mát-xcơ-va. Vì quân đội Liên Xô kháng cự hết sức ngoan cường và dũng cảm, nên đầu tháng Chạp, các tập đoàn quân phát-xít đã bị chặn lại ở khắp mọi nơi, còn bộ đội của các phương diện quân miền Tây, Ca-li-nin và Tây-nam đã chuyển sang. phản công làm cho tập đoàn quân “Trung tâm” của địch bị thất bại nghiêm trọng. Sự thật là như vậy! Sự thật đó không thể không thừa nhận được,

nếu những người viết sử tư sản không đem đôi lương tâm của nhà khoa học lấy tinh thần căm thù tận tụy phục vụ các yêu cầu của đường lối chính trị phản động. Nhưng tiếc thay, những người có lương tâm như thế không nhiều lắm.

Tôi nghĩ rằng không thể xuyên tạc mãi được. Thời gian nhất định sẽ sàng lọc những hạt giống tốt của chân lý ra khỏi cỏ dại của sự vu khống và lừa dối. Và dù mưu toan của kẻ thù tư tưởng của chúng ta rũ bóng đen xuống những biến cố vĩ đại của trận đánh gần Mát-xcơ-va, nhưng tia sáng vinh quang của nó sẽ còn mãi mãi chói lọi.

Không thể không nhắc đến rằng hiện nay ở phương Tây, người ta đang bàn luận đến một số khía cạnh của một sự kiện khác, vĩ đại nhất trong chiến tranh - trận Xta-lin-grát.

Như mọi người rõ, trận đánh đó là giai đoạn quan trọng nhất trong việc làm thay đổi hẳn chiều hướng phát triển của Thế chiến thứ hai về phía có lợi cho Liên Xô và các nước khác trong khối đồng minh chống Hít-le. Uy tín của Xta-lin-grát lớn tới mức hiện nay khó tìm thấy một kẻ thù tư tưởng ngoan cố nào lại dám cả gan - chính ra là đã có thể - hạ thấp ý nghĩa của chiến thắng lịch sử trên sông Vôn-ga. Ngày nay, mọi người đều công nhận vai trò của trận Xta-lin-grát.

Song, kẻ thù của chúng ta sẽ không trung thành với bản thân chúng, nếu chúng không cố gắng nhúng tay vào đây để xuyên tạc

vai trò của nhân dân và Quân đội Liên Xô trong chiến thắng vĩ đại này.

Những thủ đoạn hiện thời nhằm xuyên tạc lịch sử trận Xta-lin-grát chỉ hạn chế trong những mưu đồ miêu tả cuộc đại bại của quân đội phát-xít trên sông Vôn-ga là do những sai lầm của Hít-le, chứ hoàn toàn không phải do tài nghệ và lòng dũng cảm của Hồng quân.

Các tác giả Tây Đức đã nặn ra cả một hệ thống bằng chứng để chứng minh rằng trong suốt quá trình của cuộc tiến công mùa hè 1942 hầu như Hít-le đã mắc hết “sai lầm nghiêm trọng” này đến sai lầm khác. Như lời họ nói, hấn không chịu nghe theo những lời khuyên răn khôn ngoan của các tướng lĩnh, mà đã rải lực lượng ra, tiến hành “một cuộc tiến công trên những hướng tản mạn”, chính vì thế, hấn đã phá vỡ những quy luật không thể cưỡng lại được của nghệ thuật quân sự” mà các tướng người Phổ đã vạch ra; hấn đã khăng khăng cố bám lấy Xta-lin-grát trong khi không thể nào chiếm được Xta-lin-grát, từ chối không chịu kịp thời rút quân khỏi thành phố, không cho phép Pao-luyt chọc thủng vòng vây, v.v...

Thủ đoạn khác của bọn xuyên tạc là hạ thấp ý nghĩa chung về mặt chính trị và quân sự của trận đánh. Ở đây chúng làm theo hai cách.

Cách thứ nhất là ra sức ngoan cố đặt trận Xta-lin-grát ngang

hàng với các trận đánh diễn ra trong cùng thời gian đó tại các mặt trận khác của cuộc chiến tranh thế giới. Xu hướng đặc biệt tiêu biểu ở các nhà viết sử và hồi ký ở Hoa Kỳ và Anh. Trong các tác phẩm của họ, hầu như không có sự khác biệt giữa trận đánh lừng danh gần En A-la-mây và trên đảo Mít-uây, ở Xi-xi-ơ và ở Ý được tuyên bố có ý nghĩa ngang với chiến thắng của Quân đội Liên Xô trên sông Vôn-ga.

Một cách nữa là hạ thấp hậu quả của thất bại quân sự và chính trị lớn nhất này của chủ nghĩa phát-xít xuống mức độ coi nó như “một bước ngoặt tâm lý” trừu tượng nào đó. Đặt biệt làm như vậy có nhà sử học Tây Đức V. Ghe-rơ-lít-xơ, ông nói kết quả của trận Xta-lin-grát chủ yếu là “sự thiếu tin tưởng” của quân đội phát-xít đối với cấp chỉ huy quân sự của chúng.

Còn có những thủ đoạn xuyên tạc khác nữa. Thí dụ, đã đổ lỗi cho bọn đồng minh của Hít-le là đã làm cho tập đoàn quân Pao-luyt thất bại; các tác giả khác kêu ca về thời tiết xấu, dường như thời tiết đó không ảnh hưởng gì tới các hoạt động của Quân đội Liên Xô.

Cuối cùng, một nhóm sử gia nào đó của phương Tây lại nói lên quan điểm cho rằng thất bại của quân đội phát-xít trên sông Vôn-ga hoàn toàn có tính chất ngẫu nhiên.

Không cần thiết phải chứng minh rằng tất cả những “quan điểm” và “lý thuyết” đó xa rời sự thật đến mức nào. Về quy mô và hậu

quả quân sự - chính trị, việc Quân đội Xô-viết đánh tan một đạo quân hùng hậu của phát-xít trên sông Vôn-ga giữ vị trí đặc biệt trong lịch sử Thế chiến thứ hai. Thắng lợi của Hồng quân ở Xta-lin-grát, như giới sử học Liên Xô và những người viết sử tiến bộ ở nước ngoài đã chứng minh từ lâu, là sự kiện quan trọng nhất trong chiến tranh, nó đã đem lại những thay đổi lớn trong tình hình quốc tế và báo trước sự thất bại không tránh khỏi của nước Đức Hít-le. Đồng thời, trận Xta-lin-grát đã nâng cao uy tín của Liên Xô như là một lực lượng quyết định, có khả năng cứu nhân loại khỏi nguy cơ bị chủ nghĩa phát-xít nô dịch, nó chỉ cho toàn thế giới biết sức sống của chế độ xã hội chủ nghĩa, tinh thần dũng cảm và chủ nghĩa anh hùng vô song của nhân dân ta ở tiền tuyến cũng như ở hậu phương, biểu dương sự toàn thắng của nghệ thuật quân sự Xô-viết.

Những sự thật lịch sử đó đang lật nhào tất cả những thứ bịa đặt nhân tạo của những kẻ xuyên tạc lịch sử và phá hủy tất cả những điều tưởng tượng viển vông của họ.

Mọi người rõ trận Cuộc-xơ là một trong những sự kiện quyết định của cuộc chiến tranh vừa qua. Trong suốt trận đánh đó, Quân đội Liên Xô đã đánh tan 30 sư đoàn địch, trong đó có 7 sư đoàn xe tăng. Sau cuộc thất bại khủng khiếp nhất ấy, bọn Hít-le đã buộc phải chuyển sang thế phòng ngự trên khắp chiến trường Xô - Đức. Từ đó quân đội phát-xít không có lần nào chuyển

được sang tiến công mạnh mẽ chống Quân đội Liên Xô nữa. Nước Đức phát-xít đã đứng trước tai họa không tránh khỏi. Do đó ta thấy rõ vị trí nổi bật của trận Cuộc-xơ trong quá trình Thế chiến thứ hai.

Tuy nhiên càng phải lấy làm lạ là cho tới những năm gần đây các sử gia tư sản đã im lặng không nhắc tới sự kiện đó. Một số làm ra vẻ như nói chung không có trận Cuộc-xơ. Những người khác cũng có nhắc qua loa, vội vã về trận đó, trong khi họ nêu bật cuộc đổ bộ của không quân đồng minh lên Xi-xi-lơ, hòng mô tả cuộc đổ bộ đó như là một sự kiện quyết định của năm 1943.

Song, thật ra thì trong thời gian gần đây, nhận thấy các nhà sử học phương Tây quả cũng có chú ý hơn đến trận Cuộc-xơ. Một cuốn sách đã có những nhận xét khách quan và tinh táo hơn về trận đánh vĩ đại này. Thậm chí, cả H. Xôn-xbê-ri, khi nói đến trận Cuộc-xơ cũng thừa nhận: “Đó quả là trận đánh lớn trong Thế chiến thứ hai và chắc chắn là trận đánh lớn nhất bằng xe tăng. Hai bên đã ném vào trận đó hơn 6.000 xe tăng. Thất bại của quân đội Đức khủng khiếp tới mức họ không còn có thể nắm lại được thế chủ động về chiến lược trên chiến trường phía đông... Những kết quả của trận đánh đó thật là thảm hại. Người Đức bị tổn thất lớn phải lùi lại phía sau. Vài ngày sau thì người ta được biết là quân Đức bị giáng một đòn khủng khiếp đến nỗi không bao giờ có thể hồi sức hoàn toàn được nữa”.

Đáng tiếc là còn rất hiếm những lời thú nhận miễn cưỡng như vậy về quá trình đấu tranh thực tế năm 1943. Và ở đây, người ta cũng giữ lại lập trường “im lặng” như chúng tôi đã nói tới. Những chuyện thần thoại thì không thể thiếu được. Một vài sử gia nước Cộng hòa liên bang Đức chẳng hạn, muốn giấu giếm ý nghĩa thắng lợi của quân đội Liên Xô, phủ nhận nghệ thuật và lòng dũng cảm của Quân đội Liên Xô, đã vớ lấy một luận điệu cũ của Hít-le về “sự phản bội ở hậu phương”, cho đây là nguyên nhân thất bại của quân đội phát-xít Đức. “Mát-xcơ-va thắng được nhờ có gián điệp”: đó là nhan đề của một tài liệu về trận Cuốc-xcơ, do các sử gia Tây Đức viết về “Thế chiến thứ hai”[4]. Về vấn đề này có thể giải thích ra sao? Tất nhiên nhờ có công tác trinh sát rất xuất sắc mà mùa xuân năm 1943, cùng với những tin tức quan trọng khác, chúng ta đã phát hiện ra cuộc tập trung quân của Đức trước cuộc tiến công mùa hè. Sau khi phân tích các tin tức đó và thảo luận với các Tư lệnh Phương diện quân Vô-gô-ne-giơ và Trung ương, với Tổng tham mưu trưởng A.M Va-xi-lép-xki, chúng tôi đã có thể kết luận về những kế hoạch có thể có của địch, những kế hoạch chúng tôi dự đoán ấy, về sau là rất đúng. Căn cứ trên những kết luận ấy, chúng tôi đã xây dựng kế hoạch trận đánh ở Cuốc-xcơ kế hoạch đó cũng đã tỏ ra rất hợp lý. Ban đầu bộ đội Liên Xô đã tiêu hao lực lượng địch trong các trận phòng ngự, sau đó chuyển sang phản công và tiêu diệt các

cụm quân địch.

Song, công tác trinh sát tốt không thể xem là một nhân tố độc lập của chiến thắng ở vòng cung Cuốc-xơ được. Bất kỳ người nào có hiểu đôi chút về quân sự cũng biết rằng những thắng lợi quân sự phải tùy thuộc vào những điểm gì? Phải đánh giá đúng tình huống, chọn đúng hướng đột kích chủ yếu, bố trí tốt đội hình, có sự hiệp đồng chặt chẽ giữa các quân, binh chủng; quân đội phải có tinh thần và kỹ thuật cao, được đảm bảo đầy đủ về vật chất - kỹ thuật; phải lãnh đạo chỉ huy thật kiên quyết và linh hoạt, phải cơ động kịp thời và nhiều điều khác nữa mới có thể có chiến thắng. Tất cả những cái đó gộp lại tạo thành nghệ thuật tiến hành những chiến dịch hiện đại. Chỉ có nắm được nghệ thuật đó, các cán bộ và chiến sĩ ta mới lập được một chiến công hiển hách như thế ở Cuốc-xơ. Do đó thắng lợi của chúng ta đã chứng tỏ rằng chỉ huy các cấp của quân đội ta đã nắm được nghệ thuật quân sự, chúng ta đã chuẩn bị rất tỉ mỉ cho trận đánh, đã thực hiện rất kiên quyết kế hoạch trận đánh, và các chiến sĩ Quân đội Liên Xô rất dũng cảm. Việc trinh sát tiến hành tốt cũng là một trong số những nguyên nhân cần thiết, đảm bảo thắng lợi cho trận đánh lớn nhất này.

Tôi cũng không thể không nói tới một số sách viết về các sự kiện ở Cuốc-xơ cũng như về trận Xta-lin-grát, trong đó nguyên nhân chính làm cho kế hoạch của Đức phát-xít bị thất bại được giải

thích hoài là do Hít-le dốt về quân sự. Những thắng lợi của các Lực lượng vũ trang Liên Xô đã bị người ta đặt lệ thuộc trực tiếp vào cuộc đổ bộ của quân đội Mỹ lên Xi-xi-ơ.

Một tướng cũ nổi tiếng của Hít-le là G. Hen-ri-xi trong cuốn sách có nhan đề “Xi-ta-đen”[5] có viết: “Nói chung, về kết quả của chiến dịch “Xi-ta-đen” có thể nói rằng nguyên nhân chính của thất bại là vì kế hoạch tác chiến do Hít-le vạch ra”. Xa hơn nữa, tác giả lại trách quốc trưởng vì đã ra lệnh cho y tiến công các vị trí của Quân đội Xô-viết mặc dầu quốc trưởng đã biết rõ ý định của đối phương hình như là tiến công chỉ để hiệp đồng tác chiến với cuộc đổ bộ của quân các cường quốc phương Tây ở vùng Địa Trung Hải”[6].

Lạ thật, quanh đi quẩn lại chỉ có thế? Trong tất cả mọi cuộc tìm tòi nguyên nhân thất bại của Đức vẫn chỉ thấy độc một cách giải thích tầm thường và ngu xuẩn ấy, đến nỗi, ngày nay, những người ít am hiểu nhất cũng không tin được rằng, một mình Hít-le có lỗi về tất cả mọi việc. Song ngày nay mọi người đều biết cặn kẽ rằng việc vạch ra kế hoạch chiến cục mùa hè là “công trình sáng tạo” không riêng của Hít-le mà phần nhiều hơn là của toàn thể bộ máy quân sự tối cao nước Đức phát-xít. Tác giả của bản kế hoạch chiến dịch “Xi-ta-đen”, kể cho cùng, là tất cả nhóm cầm đầu quân phiệt của đế chế thứ ba, kể cả “những trụ cột” của nó như các thống chế Cây-ten, I-ôt, Cliu-ghe, Man-sten và những

người khác. Đổ tất cả lỗi cho Hít-le để chứng minh “tài nghệ quân sự thành thạo theo truyền thống” của các tướng có nghĩa là đối lập lại những bằng chứng lịch sử và sự thật.

Cũng có thể nói như thế về những âm mưu coi thắng lợi quân sự của Liên Xô trong mùa hè 1943 là phụ thuộc vào các hoạt động của đồng minh. Không hề hạ thấp ý nghĩa của cuộc đổ bộ lên Xi-xi-ơ, nhưng công bằng ra, chúng ta phải nói rằng cuộc đổ bộ đó không giúp đỡ cho chúng ta nhiều lắm. Cái nhìn ở đây là chúng ta không may mắn ràng buộc các kế hoạch của mình vào cuộc đổ bộ đó, vì rằng chúng ta không thể biết trước khi nào bọn Đức chuyển sang tiến công ở gần Cuốc-xơ.

Các sử gia tư sản không thể bỏ qua sự kiện quan trọng nhất của chiến tranh ở châu Âu là chiến dịch Béc-lanh năm 1945. Nó là kết quả chung của những cố gắng khổng lồ của các Lực lượng vũ trang Liên Xô trong giai đoạn kết thúc cuộc chiến tranh. Việc đánh bại hoàn toàn kẻ thù mà ngay tới tháng 4-1945 hãy còn tương đối mạnh và có khả năng chống cự dai dẳng trong một thời gian dài, đã đòi hỏi không những phải huy động những binh đoàn lớn của ba phương diện quân, mà còn đòi hỏi Bộ tư lệnh của ta phải có nghệ thuật cao, các chiến sĩ, sĩ quan và tướng lĩnh ta phải có tinh thần anh dũng tuyệt vời.

Điều chứng thực cho các trận đánh ác liệt nhất để chiếm Béc-lanh là trong vòng 23 ngày - từ 16-4 đến 8-5 - bộ đội của các

phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1, Bê-lô-ru-xi 2 và U-crai-na đã có 304.887 người bị chết, bị thương và mất tích, trong khi đó suốt cả năm 1945, tổn thất của quân đội Mỹ - Anh tại mặt trận phía tây là 260.000 người. Quân đội Liên Xô tiến công đã phải đánh những trận ác liệt để vượt qua một hệ thống chiến lũy mạnh gồm nhiều vành đai mà quân phòng thủ của Đức thì kéo từ tất cả các nơi về để liều chết bảo vệ thủ đô của nền đế chế.

Trong quá trình chiến dịch, Quân đội Liên Xô không những đánh tan một cụm lực lượng chiến lược lớn nhất của Đức phát-xít, mà còn lật đổ hoàn toàn chế độ phát-xít. Ông Coóc-nê-li-u-xơ Rai-an, mà chúng ta đã biết, đã dành cuốn sách mới nhất của mình “Trận đánh cuối cùng” cho chiến dịch khổng lồ này.

Cần nói rõ rằng tác giả đã khéo léo lược lặt được đủ tài liệu, tin tức ông không những chú ý đến các nguồn sách báo tài liệu rất dồi dào mà còn tìm gặp và chuyện trò với những người trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia trận Béc-lanh. Ông đã đến Liên Xô với mục đích đó và đã chuyện trò với các nguyên soái và tướng lĩnh, với các người viết sử chiến tranh và viết báo của chúng ta. Người ta đã tạo ra mọi khả năng để ông tìm hiểu hàng loạt tài liệu quân sự của Liên Xô về chiến dịch Béc-lanh. Tóm lại, ông Rai-an có đủ điều kiện để viết, nếu như một cuốn sách nói lên những thực tế khách quan. Tiếc thay, điều đó đã không xảy ra.

Coóc-nê-li-u-xơ Rai-an đã đặt cho mình một mục tiêu khác. Như

đã nói trong lời chú thích của nhà xuất bản, cuốn sách của ông nhằm giải thích “vì sao người Nga được cho phép đến Béc-lanh trước tiên” (do tôi nhấn mạnh - G. Giu-cốp). Bố cục và nội dung của cuốn sách vô tình đã đưa đến cho người đọc ý nghĩ rằng tác giả xúc động trước số phận của thủ đô để chế thứ ba nhiều hơn là trước nhiệm vụ chấm dứt chiến tranh một cách mau chóng nhất. Cũng với thái độ như vậy, nhà báo Tây Đức Ê-ri-kho Cu-bi đã xuất bản cuốn “Những người Nga ở Béc-lanh năm 1945”, hầu như cùng thời gian với cuốn sách của Rai-an. Để thu thập tài liệu cho tác phẩm của mình, Ê.Cu-bi đã đến Mát-xcơ-va, gặp các nhà viết sử Xô-viết tìm hiểu sách báo của ta. Nhưng ông chỉ quan tâm đến ý kiến cá nhân của một số tác giả Liên Xô lập luận một cách thiếu cơ sở rằng Hồng quân có thể chiếm được Béc-lanh từ hồi tháng 2-1945, nếu như không bị giữ lại vì cuộc tiến công của Phương diện quân U-crai-na 1 đang được tiến hành do sai lầm của Bộ Tổng tư lệnh tối cao[7]. Dựa vào những lập luận như vậy, Ê. Cu-bi cố sức chứng minh rằng việc trì hoãn cuộc tiến công vào Béc-lanh của Quân đội Liên Xô là vì lý do chính trị chứ không phải vì lý do quân sự và như thế là nước Đức tránh khỏi những sự tàn phá không hợp lý và khỏi phải mất mát nhiều người.

Rốt cuộc là cả hai tác giả - cả Mỹ và Tây Đức - đã dẫn độc giả đến cùng một kết luận như nhau, gây ra mối hoài nghi rằng cuộc

tiến công Béc-lanh là không cần thiết. Các tác giả đó cho rằng không tiêu diệt hoàn toàn đế chế Hít-le cũng có thể chấm dứt chiến tranh được.

Giả thuyết của các ông Rai-an và Cu-bi lại được H. Xôn-xbê-ri tóm lấy và cố sức phát triển. Trong lời ông bình luận về chương nói đến trận đánh chiếm Béc-lanh trong cuốn sách “của tôi”, có viết:

“Cuối tháng Giêng, người Nga đã chuẩn bị xong cuộc tiến công cuối cùng vào Béc-lanh. Nhưng bỗng thành linh cuộc tiến công bị tạm đình lại và để mãi đến 16-4 mới bắt đầu. Vì sao vậy? Đó là một trong những nghi vấn của những ngày cuối chiến tranh”. Ở đoạn khác, ông lại viết thêm: “Xta-lin quyết định không cho tiến tới Béc-lanh hồi tháng Hai. Người ta nghi ngờ rằng ông ta có những lý do chính trị hơn là những lý do quân sự”.

Ôi, các ngài xuyên tạc lịch sử, các ngài còn muốn đổi trắng thay đen, cố công tìm cách “chữa lại” lịch sử cho đến đâu nữa để cho vừa ý các ngài được!

Trả lời những câu hỏi về nguyên nhân tạm hoãn cuộc tiến công Béc-lanh và đả phá giả thuyết của Rai-an, Cu-bi, Xôn-xbê-ri và những chuyện bậy bạ như vậy chẳng khó khăn gì, nhưng muốn thế thì lại phải nhắc lại nội dung chương 20 của cuốn “Nhớ lại và suy nghĩ”. Vì vậy, tôi chỉ trình bày vắn tắt nội dung chính của vấn đề.

Chiếm Béc-lanh là một trong những mục tiêu quan trọng nhất của giai đoạn kết thúc chiến tranh ở châu Âu. Việc giải quyết các vấn đề lớn về quân sự và chính trị, trong đó có cả vấn đề bộ máy nhà nước của Đức sau chiến tranh, vị trí của nó trong đời sống chính trị châu Âu, đã phụ thuộc vào kết quả của chiến dịch công phá Béc-lanh.

Chính vì thế mà Bộ tổng tư lệnh tối cao, khi đặt kế hoạch cho chiến cục tiến công cuối cùng, ngay từ cuối năm 1944, đã trao nhiệm vụ cho quân đội Liên Xô trong một thời gian ngắn nhất phải chiếm được Béc-lanh. Đội hình và hướng tiến công chủ yếu của các phương diện quân từ sông Vi-xla đến sông Ô-đe, sức mạnh và nhịp độ tiến công ào ạt đã được giải quyết phù hợp với nhiệm vụ ấy.

Vai trò của Béc-lanh như thế nào, cả kẻ thù của chúng ta đang chuẩn bị phòng thủ kiên trì thủ đô của đế chế thứ ba, cũng như bộ tư lệnh quân đội Mỹ - Anh đều biết rất rõ. Tôi nhớ Sóc-sin đã tới yêu cầu gắt gao đòi tiến công Béc-lanh để chiếm được thành phố đó trước Nga, và tướng Đ. Ai-xen-hao tổng tư lệnh quân đội đồng minh cũng nhận thấy tầm quan trọng của nhiệm vụ đó.

Song, sau khi bộ đội của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 2 tiến tới sông Ô-đe và chiếm được các bàn đạp bên phía tả ngạn vào cuối tháng 2-1945, tình hình xuất hiện đã không cho phép chúng ta tiếp tục tiến công ngay được. Những trở ngại lớn trên con đường

đó một mặt là hậu phương cách xa tiền tuyến, do đó việc chuyên chở vũ khí, đạn dược cho bộ đội bị chậm trễ, khó khăn, và mặt khác là sườn bên phải kéo dài và trống trải của Phương diện quân Bê-lô-ru-xi 1 có nguy cơ bị cụm tập đoàn quân “Vi-xla” của phát-xít Đức, nằm ở Đồng Pô-mê-ra-ni phản công. Tôi chưa nói đến những nhân tố khác, kém quan trọng hơn nhưng cũng là chủ yếu, chẳng hạn như tình hình Quân đội Xô-viết đã mỗi một và cần thiết phải bổ sung thêm quân số, việc quân Đức đóng trong pháo đài Pô-dơ-nan ở sâu trong hậu phương của Phương diện Bê-lô-ru-xi 1 vẫn tiếp tục chống cự, những khó khăn về tổ chức quản lý, việc thiếu một mạng lưới sân bay được chuẩn bị để di chuyển các căn cứ không quân, v.v... Tất cả tình hình đó đã buộc Bộ Tổng tư lệnh tối cao phải thôi không tiến công Béc-lanh ngay, và tạm thời chuyển hướng tiến công chủ yếu lên phía bắc để tiêu diệt cụm quân địch đóng ở Đông Pô-mê-ra-ni, đồng thời chuyển sang làm công tác chuẩn bị có kế hoạch cho chiến dịch Béc-lanh. Như mọi người rõ, quá trình diễn biến của các sự kiện sau đó đã chứng minh sự đúng đắn và hợp lý của quyết nghị ấy. Riêng về vấn đề này tôi có nói trong bài báo của tôi “Trên hướng Béc-lanh”[8] mà Xôn-xbê-ri đã đưa vào trong cuốn “Những trận đánh lớn nhất của nguyên soái G. Giu-cốp”.

Vậy thì tại sao những kẻ xuyên tạc lịch sử lại cần phải lôi ra ánh sáng cái giả thuyết cũ rích đã bị bác bỏ về khả năng chiếm Béc-

lanh (và tiếp đó chấm dứt chiến tranh) vào tháng 2-1945? Tại sao lại cần phải ám chỉ, như Xôn-xbê-ri trong bài bình luận của ông, rằng, những “dự kiến đặc biệt” nào đó của Bộ Tổng tư lệnh tối cao đã dẫn tới sự thay đổi thành phần các tư lệnh các phương diện quân vào tháng 11-1944, tại sao lại phải bàn đến những mâu thuẫn và xích mích tương tượng giữa họ, tại sao lại phải tỏ ý nghi ngờ về những thương vong lớn không tránh khỏi của Hồng quân trong trận đánh cuối cùng của cuộc đại chiến?

Thực chất thâm độc bài xích Liên Xô của tất cả những lời bàn luận đó rõ ràng quá rồi, cần gì phải chứng minh nữa. Những cây bút hiếu chiến không từ một thủ đoạn nào để bôi nhọ sự nghiệp quân sự vinh quang trong quá khứ của Liên Xô để bắt độc giả phải nghi ngờ chính sách đầy chính nghĩa, chiến lược đúng đắn, lòng dũng cảm và nghệ thuật quân sự của các Lực lượng vũ trang Liên Xô.

Nhân việc này tôi cần phải trả lời tác giả của mấy câu chuyện hoang đường về nền nghệ thuật quân sự Xô-viết do giới sử học tư san nặn ra.

Câu chuyện hoang đường thứ nhất. Hiện nay, thường hay có những ý định đặc biệt coi nghệ thuật quân sự như là của một cá nhân. Thí dụ, H. Xôn-xbê-ri viết về một thứ “chiến lược Giu-cốp” nào đó, về một thứ “tác phong Giu-cốp” tiến hành chiến dịch, v.v...

Có thể nói gì về điều này?

Ngay trong những năm xây dựng hòa bình, Đảng Cộng sản và chính phủ Liên Xô đã chú trọng đặc biệt tới sự phát triển của nền khoa học quân sự Xô-viết do V.I. Lê-nin đặt nền móng. Trước chiến tranh, chúng ta đã có một học thuyết vững vàng về chiến lược, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật. Trong những năm chiến tranh (1941-1945), Bộ tổng tư lệnh tối cao, Bộ Tổng tham mưu, các tư lệnh và cơ quan tham mưu các cấp binh đoàn lớn của Hồng quân đã áp dụng vào thực tế các luận điểm và yêu cầu của khoa học quân sự Xô-viết đồng thời cải tiến các luận điểm và yêu cầu đó phù hợp với tiến trình cuộc đấu tranh vũ trang. Tính chất tiên tiến của chế độ xã hội chủ nghĩa chúng ta, sự lãnh đạo của Đảng, năng lực sáng tạo của phần lớn các cán bộ Xô-viết - đó chính là những nhân tố quyết định sự phát triển của nghệ thuật quân sự Xô-viết.

Trong điều kiện đó, gán ghép chiến lược quân sự Xô-viết vào tên tuổi của một người, nói đến chiến lược “của Giu-cốp”, hay của một người nào khác có nghĩa là dựa vào những quan điểm sai lầm, là không hiểu nổi và không biết gì về thực chất của nghệ thuật quân sự của chúng ta, về những phương pháp lãnh đạo chiến tranh và các chiến dịch của Bộ Tư lệnh Liên Xô, có nghĩa là rơi vào bệnh chủ quan cực đoan.

Nghệ thuật quân sự Xô-viết, trong những năm chiến tranh đã giải

quyết thắng lợi những vấn đề cơ bản thuộc về đấu tranh vũ trang, vì rằng các mục tiêu đấu tranh và các vấn đề cơ bản về phương pháp tiến hành đấu tranh vũ trang đều do chính sách sáng suốt của Đảng Cộng sản quy định. Khi trực tiếp lãnh đạo các hoạt động quân sự, Đảng dựa vào nhận thức khoa học sâu sắc về quy luật cơ bản của cuộc chiến tranh hiện đại.

Về mặt chiến lược, Hồng quân được Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao lãnh đạo, và các quyết định của Bộ Tổng tư lệnh, theo thường lệ, đều là kết quả của công trình sáng tạo tập thể. Trong việc vạch ra các quyết định đó, ngoài những thành viên của Đại bản doanh, còn có nhóm chuyên viên giữ các trọng trách trong Bộ Tổng tham mưu, các hội đồng quân sự các phương diện quân tham gia. Cố nhiên, trong chiến dịch này hay chiến dịch khác, mỗi đại diện của Bộ Tổng tư lệnh tối cao và của Bộ Tổng tham mưu vẫn giữ vai trò lớn hoặc khác nhau trong việc tham gia xây dựng các quyết định và trong quá trình thực hiện các quyết định đó.

Lẽ dĩ nhiên mỗi đại diện của Đại bản doanh và mỗi tư lệnh của phương diện quân có những phẩm chất riêng trong việc cầm quân, có “phong cách” của mình trong việc chuẩn bị và thực hiện các chiến dịch. Không ai lại có ý định phủ nhận sự thật đó cả. Tuy nhiên tình hình như thế không mâu thuẫn chút nào với nguyên tắc hoạt động sáng tạo tập thể của các cấp chỉ huy trên

trong Lực lượng vũ trang Liên Xô, nguyên tắc mà cơ quan lãnh đạo quân sự Xô-viết đã tuân theo trong những năm chiến tranh. Công tác của các thành viên Đại bản doanh và các cán bộ lãnh đạo có trọng trách của Bộ Tổng tham mưu bao giờ cũng dưới sự kiểm soát của Hội đồng quốc phòng, của Tổng tư lệnh tối cao. Tất cả những điều đó tôi đã cố gắng nói rõ trong cuốn “Nhớ lại và suy nghĩ”.

Câu chuyện hoang đường thứ hai. Nhiều tác giả tư sản đã cố nêu bằng được ý kiến cho rằng dường như Quân đội Liên Xô chủ yếu chiến đấu bằng số lượng chứ không phải bằng tài nghệ. Cũng vẫn H. Xôn-xbê-ri nhấn mạnh rằng trong tất cả các trận đánh lớn nhất, từ trận đánh gần Mát-xcơ-va, “một quân số khổng lồ, đến 20 tập đoàn quân và hơn nữa đã tham gia tác chiến”. Một số tướng quốc xã thậm chí còn tưởng tượng thấy lực lượng của ta trong trận đánh gần Mát-xcơ-va “trội hơn gấp 20 lần”.

Ngày nay, thật là dễ dàng và đơn giản, nếu muốn tính toán trên giấy tình hình so sánh lực lượng, đưa ra những lời dạy bảo thâm thúy cần phải sử dụng bao nhiêu sư đoàn để thắng trận này hay trận khác đã xảy ra cách đây một phần tư thế kỷ, phê phán ở đâu đã ném quá nhiều quân lính, còn ở đâu ít hơn số lượng dường như bây giờ nhà sử học này, hay nhà sử học nọ coi là hợp lý. Tất cả những điều đó, trên bãi chiến trường phức tạp hơn gấp bội.

Tôi hết sức kính trọng lao động của các nhà sử học, ý nói các đại

diện nghiêm chỉnh và có lương tâm của môn khoa học cổ xưa ấy. Song, theo tôi, không có cơ sở gì để kính trọng những nhà báo khôn ngoan quá mức mà không am hiểu gì cả, những người tưởng rằng có thể dễ dàng đánh tráo sự thật bằng những tin giật gân rẻ tiền, rằng sự hiểu biết hời hợt về các sự kiện có thể cho phép họ có quyền khái quát hóa và dạy bảo người khác. Song, thực ra họ nói những gì? Có lẽ, trong cuộc chiến tranh vừa qua, cần phải trao quyền chỉ huy cho ngài Xôn-xbê-ri, ông ta sẽ chỉ rõ cần phải như thế nào để đánh tan các tập đoàn quân Hít-le “bằng những lực lượng nhỏ” và, theo ông ta, “bằng chiến thuật điều luyện”.

May thay, trong những năm chiến tranh, phóng viên của tờ báo Mỹ, H. Xôn-xbê-ri, không chỉ huy quân đội...

Trong tất cả những trận đánh vĩ đại nhất của cuộc chiến tranh vừa qua, Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô đã đưa bao nhiêu bộ đội ra chiến đấu là tùy theo tình hình đòi hỏi. Bộ tư lệnh tối cao không sử dụng lực lượng quá mức đòi hỏi của một chiến dịch nhất định. Khi chuẩn bị phản công gần Mát-xcơ-va và Xta-lin-grát, Đại bản doanh và bộ tư lệnh Phương diện quân miền Tây đã hết sức tiết kiệm lực lượng trong các trận phòng ngự, tính từng trung đoàn, từng tiểu đoàn pháo binh, từng tiểu đoàn xe tăng.. Tôi ghê tởm về sự xuyên tạc mà kẻ thù tư tưởng của chúng ta, theo một kế hoạch vạch sẵn, đã nhét đầy vào các tác phẩm của

chúng. Không, Hồng quân đã chiến đấu không phải bằng số lượng mà bằng tài nghệ. Tôi chỉ cần dẫn ra một ví dụ để nêu rõ mức độ “khách quan” của các sử gia tư sản.

Trong trận đánh gần Mát-xcơ-va, khi bắt đầu cuộc phản công của chúng ta, địch có 801.000 lính và sĩ quan, 14.000 đại bác và súng cối, 1.000 xe tăng, trong khi đó, ta có 718.800 người, 7.985 đại bác và súng cối và 720 xe tăng. Về không quân ta hơn địch gần gấp đôi.

Có thể dẫn ra vô số ví dụ tương tự. Vậy thì ở đâu ra “ưu thế trội hơn 20 lần”? Ở đâu ra “20 tập đoàn quân và hơn nữa”?

Còn về tài nghệ chiến đấu thì có thể tuyên bố một cách có trách nhiệm rằng: Bộ tư lệnh Xô-viết trong những năm chiến tranh đã xây dựng được những phương pháp tiên tiến nhất để chuẩn bị và tiến hành những chiến dịch lớn về mặt chiến lược, còn các cán bộ chỉ huy các cấp đã nắm vững hoàn toàn nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật. Lòng quả cảm, chí khí anh hùng, tinh thần hy sinh quên mình của các chiến sĩ Xô-viết đã lập nên những chiến công thần kỳ trong cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại thật là đáng khâm phục vô cùng.

Tôi cho rằng không cần phải đưa ra những lý lẽ khác nữa. Chúng ta đã đánh bại chủ nghĩa phát-xít - đó là chứng cứ rành rành về tính chất tiên tiến của nghệ thuật quân sự Xô-viết. Tầm vĩ đại của chiến thắng mà nhân dân và các Lực lượng vũ trang Liên Xô

quang vinh đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Lê-nin-nít là bằng chứng không thể chối cãi được về sự bất lực của những kẻ xuyên tạc lịch sử.

Có thể tìm cách xuyên tạc lịch sử. Song không thể làm lại lịch sử không thể bác bỏ những kết quả của lịch sử. Dầu sao sự thật vẫn toàn thắng.

[1] Quân đội Mỹ - Anh tập trung để đổ bộ lên lục địa gồm có 2.876.000 người, trong lúc đó bộ tư lệnh của phát-xít Đức trên toàn chiến trường Tây Âu có 1.370.000 lính và sĩ quan. Quân của các nước đồng minh có hơn 5.000 xe tăng, mà Đức chỉ có 1.900. Các nước đồng minh còn có ưu thế rõ rệt hơn nữa về không quân: họ có 10.859 máy bay chiến đấu, trong khi đó không quân Đức chỉ có 500. Cái đó đảm bảo cho người Mỹ và người Anh hoàn toàn làm chủ trên không. Ngoài ra, các nước đồng minh có 2.400 máy bay vận tải và 900 tàu lượn để thả quân nhảy dù. Trên biển, hạm đội đồng minh gồm có hơn 6.000 tàu vận tải và tàu đổ bộ, cũng đã chiếm được ưu thế như vậy.

[2] Tiện thể xin nói là nhân dịp kỷ niệm 25 năm cuộc đổ bộ vào Noóc-măng-đi, báo chí Pháp đã tổ chức quảng cáo rùm beng cho Goóc-nê-li-u-sơ Rai-an và cuốn sách của y. Nói về ý định tiếp

tục nghiên cứu lịch sử cái “ngày dài nhất”, Rai-an không những không đính chính lập trường sai lầm của mình trong việc đánh giá ý nghĩa của cuộc đổ bộ vào Pháp, mà còn khẳng định thêm quan điểm cũ của y.

[3] ở Hoa Kỳ, sách này mang tên “900 ngày”.

[4] Thế chiến thứ hai. Tranh ảnh. Ngày tháng. Tài liệu. Gu-téc-xlô. 1968.

[5] Tên gọi chiến dịch tấn công của quân Đức ở vòng cung Cuốc-xơ. - ND.

[6] “Bình luận về khoa học quân sự” (Cộng hòa liên bang Đức 1965, số 10).

[7] Tôi đã phê phán những quan điểm sai lầm này trong cuốn “Nhớ lại và suy nghĩ” – TG.

[8] Tạp chí lịch sử chiến tranh, số 6, năm 1965